

**Vãng Sanh
Thập Nghi
Quảng Ngũ Uẩn
Chư Luận Giảng Ký
往生十疑廣五蘊
諸論講記**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

**Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá
Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký
無量壽經優婆提舍願生偈講記
Giảng thuật: Trưởng lão Đạo Nguyên
道源長老講述**

**Bút ký: Cư sĩ Thí Vượng Khôn
施旺坤敬記**

Thời gian: Tháng Tư năm Dân Quốc 61 (1972)

Địa điểm: Chí Liên Tinh Xá tại Đài Bắc

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội)**

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Hết thầy kinh Phật và các sách xiển dương Phật pháp không gì chẳng nhằm khiến cho kẻ khác hướng lành, tránh dữ, sửa lỗi, chuyển lành, hiểu rõ nhân quả ba đời, nhận biết Phật tánh vốn sẵn có, vượt khỏi biển khổ sanh tử, sanh về Cực Lạc liên bang. Người đọc ắt phải sanh tâm cảm ơn, tưởng là khó gặp gỡ. Tay sạch, bàn sạch, chú trọng lòng kính, giữ lòng thành, như đối trước Phật, trời, như gặp thầy dạy, ắt sẽ lợi ích vô biên. Nếu buông lung, chẳng kiêng dè, mặc tình khinh nhờn, và có chấp kiến giải hẹp hòi, sanh lòng hủy báng xằng bậy thì tội lỗi ngập trời, khổ báo vô tận. Kính khuyên người đời hãy nên xa lánh tội, cầu lợi ích, lìa khổ, được vui!

*(Trích từ quyển bốn của bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tam Biên
- Đề từ cho Linh Nham Tự Niệm Tụng Nghi Quy)*

Dẫn nhập

Hôm nay, tôi sẽ giảng cho quý vị bộ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ, còn gọi là Vãng Sanh Luận. Trước khi khai giảng, trước hết hãy nói rõ nhân duyên giảng bộ luận này. Năm ngoái, Chí Liên tinh xá xây dựng xong, đã thỉnh một bức tượng A Di Đà Phật từ Hương Cảng về; [giảng kinh trong dịp ấy] là do Đạo Nguyên giảng kinh Kim Cang. Vì Tịnh Độ Tông chúng ta thì phải thờ phụng Tây Phương Tam Thánh, năm nay, lại thỉnh tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và tượng Đại Thế Chí Bồ Tát từ Hương Cảng. Thỉnh tượng Tây Phương

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Tam Thánh viên mãn, đều rất trang nghiêm, họ lại muốn Đạo Nguyên giảng một bộ kinh để kết duyên với mọi người. Tôi cảm thấy mọi người đều rất bận rộn, chẳng dám phát tâm giảng kinh dài, suy nghĩ mấy lượt, năm nay tôi chọn giảng Vãng Sanh Luận. Bộ luận này rất ngắn, có thể giảng xong trong khoảng mười ngày, hy vọng mọi người đều có thể phát tâm nghe giảng đến khi viên mãn.

Năm ngoái, tôi giảng kinh Kim Cang thuộc về Bát Nhã Bộ, giảng lý Không của Bát Nhã; năm nay, giảng Vãng Sanh Luận thuộc về Hữu Bộ, là kinh điển của Tịnh Độ Tông. Một bộ giảng về Không, một bộ giảng về Hữu, có mâu thuẫn hay chẳng? Hoàn toàn chẳng mâu thuẫn! Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, thường nói là *“tám vạn bốn ngàn pháp môn”*, đại thể chia thành hai môn: Một là Không Môn, hai là Hữu Môn. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuộc về Không Tông thì Không là Chân Không. Chân Không chẳng không, tức là Diệu Hữu. Ngài giảng kinh thuộc về Hữu Môn, thì Hữu là Diệu Hữu. Diệu Hữu chẳng hữu, tức là Chân Không. Do đó, nếu quý vị nghĩ kinh luận Tịnh Độ Tông và kinh Kim Cang của Bát Nhã Tông có mâu thuẫn, đó là vì nghe Phật pháp quá ít. Quý vị phải hiểu: Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, pháp nào cũng đều viên dung vô ngại. Chân Không và Diệu Hữu vốn bất nhị! Đức Phật nói kinh điển Không Tông chính là *“Chân Không bất không”*, *“không”* có nghĩa là *“rỗng rang, chẳng có vọng nhiễm”*, mong sao sau khi đã trừ sạch pháp ô nhiễm, cái Thể của Chân Không sẽ hiện ra. *“Chân Không bất không”* tức là Diệu Hữu, chính là Hữu Môn niệm A Di Đà Phật của chúng ta. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, [sẽ thấy] kinh Kim Cang không chỉ chẳng mâu thuẫn Vãng Sanh Luận mà còn giúp chúng ta thấu hiểu Vãng Sanh Luận.

Ai này đều biết pháp môn Niệm Phật là *“vạn người tu, vạn người đến”*. Một vạn người niệm Phật thì một vạn người có thể sanh về Tây Phương, nhưng vì sao có rất nhiều người niệm Phật khi lâm chung chẳng thấy thụy tướng, dường như chẳng sanh về Tây Phương? Đây là vì chẳng trừ qua công phu *“rỗng rang, chẳng có vọng nhiễm”*. Nếu quý vị nghe kinh Không Môn trước, các pháp hư vọng ô nhiễm phiền não đều trừ sạch; sau đây, niệm A Di Đà Phật, chỉ cần niệm một câu bèn niệm đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đó, kinh điển Không Tông không chỉ chẳng trở ngại niệm Phật, mà còn giúp ích cho niệm Phật. Đây là nói theo Lý. Tu hành dụng công, ngay lập tức sẽ vận dụng đạo lý này. Chúng ta niệm Phật chẳng đạt đến nhất tâm bất loạn, chẳng đạt được công phu niệm Phật, chính là do vừa niệm Phật, vừa dấy vọng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

tưởng. Dấy vọng tưởng thì chẳng phải là chúng ta muốn dấy vọng tưởng, mà là vọng tưởng tùy ý dấy lên. Chúng ta chẳng phải là phạm phu trong hiện thời, mà từ vô thủy kiếp đến nay, đã là phạm phu. Tâm của phạm phu chính là cái tâm vọng tưởng; từ vô thủy kiếp đến nay, dấy vọng tưởng đã thành thói quen. Quý vị chẳng muốn dấy vọng tưởng, càng khiến cho vọng tưởng dấy lên. Sức mạnh của vọng tưởng rất lớn, chúng ta chẳng thể làm chủ được! Nay nghe Phật pháp, muốn niệm A Di Đà Phật, công phu niệm Phật ngăn ngừa, công phu vọng tưởng sâu đậm. Do vậy, công phu niệm Phật chẳng thể đối phó vọng tưởng. Vừa niệm Phật, vừa dấy vọng tưởng, niệm Phật chẳng đắc lực!

Làm thế nào để công phu niệm Phật đắc lực? Tĩnh tọa thì cứ tĩnh tọa, chẳng dừng vọng tưởng được. Trước hết, hãy lắng cái tâm, đừng suy tưởng nữa, đợi cho đến khi cái tâm đã tĩnh lặng rồi mới niệm A Di Đà Phật. Tâm tĩnh lặng chính là đã vận dụng đạo lý của Không Tông. Rõng không các pháp vọng tưởng ô nhiễm rồi mới niệm Phật tức là vận dụng đạo lý của Hữu Môn. Vì chẳng có vọng tưởng xen tạp vào đó, niệm một câu bèn niệm đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Niệm hai câu, bèn niệm đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, kinh điển của Không Tông không chỉ chẳng trở ngại, mà còn hỗ trợ kinh điển của Hữu Môn. Hôm nay quý vị nghe tôi nói, trở về niệm Phật thử xem, sẽ lập tức có thể đạt được công phu. Do vậy, giảng Vô Lượng Thọ Luận lần này chẳng trở ngại kinh Kim Cang đã giảng trong năm ngoái. Nay tôi bắt đầu giải thích đề mục:

1. Thích luận đề (giải thích tựa đề của bộ luận này)

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ (thứ quyển y Đông Doanh bốn, dữ Tạng nội sảo biệt)

無量壽經優婆提舍願生偈 (此卷依東瀛本，與藏內稍別)。

(*Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ* - bản này dựa theo bản của Nhật Bản, hơi khác với bản chép trong Đại Tạng Kinh)

Đại Thừa Phật giáo Trung Hoa có tám tông phái, tám tông phái ấy đều chiếu theo kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói thì mới có thể thành lập. Tịnh Độ Tông là một tông phái trong đó, kinh điển để

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

căn cứ chính là ba kinh một luận, tức Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Phật Thuyết A Di Đà Kinh, và Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ.

Bộ luận này có đề mục (tựa đề) là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ. Kinh Vô Lượng Thọ là một trong ba kinh. Vô Lượng Thọ (Amitāyus) là đức hiệu của A Di Đà Phật, tiếng Phạn là A Di Đà Phật, dịch sang tiếng Hán là Vô Lượng Quang (Amitābha), hoặc Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ tức là dịch theo ý nghĩa Vô Lượng Thọ [trong danh hiệu A Di Đà Phật]. Trong kinh A Di Đà, tức một kinh trong ba kinh Tịnh Độ, Phật Thích Ca đã giải thích A Di Đà Phật có ý nghĩa là vô lượng quang và vô lượng thọ. Kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ khá dài, thường được gọi là Đại Bản A Di Đà Kinh. Kinh văn của kinh A Di Đà khá ngắn, thường gọi là Tiểu Bản A Di Đà Kinh.

Ưu Bà Đề Xá (Upadeśa)¹ dịch sang tiếng Hán là Luận. Phật giáo nói đến Tam tạng, tức Kinh, Luật, Luận, ở đây là Luận. “*Nguyên Sanh Kệ*”: “*Nguyên sanh*” là nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Kệ là Kệ tụng (Gāthā). Kệ tụng chẳng khác thơ của Trung Hoa cho lắm, nhưng không gieo vần. Thơ của Trung Hoa chú trọng gieo vần, lại còn có số chữ nhất định trong mỗi câu, hoặc là mỗi câu năm chữ, hoặc mỗi câu bảy chữ. Kệ tụng nhằm tán tụng công đức của kinh Vô Lượng Thọ. [Thiên Thân Bồ Tát] sợ chúng ta chẳng thấu hiểu, lại soạn một bài luận để giải thích Kệ tụng.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ là đề mục được dịch dựa theo tiếng Phạn, đem chữ Ưu Bà Đề Xá trong tiếng Phạn đặt ra trước, đem từ ngữ đã dịch sang tiếng Hán là Nguyên Sanh Kệ đặt ở đằng sau. Trên thực tế, Vãng Sanh Luận thì trước là Kệ tụng, phần sau là phần luận. Nếu dựa theo văn tự Trung Hoa thì Nguyên Sanh Kệ phải đặt trước, đặt Ưu Bà Đề Xá ra đằng sau vì ngữ pháp của Ấn Độ trái ngược ngữ pháp tiếng Hán.

¹ Ưu Bà Đề Xá còn được phiên âm là Ô Bà Đề Xá, Ưu Bà Đề Xá, Ô Bà Đề Xá, hoặc Ô Bà Đề Thước, dịch sang tiếng Hán là Luận Nghị, Thuyết Nghĩa, Quảng Diễn, Chương Cú v.v... Đây là một loại thể tài (genre) trong mười hai thể tài thường dùng trong kinh sách nhà Phật (thường được biết với danh xưng Thập Nhị Bộ hoặc Thập Nhị Phần Giáo). Ưu Bà Đề Xá thường dùng để chỉ các cuộc biện định nhằm sáng tỏ giáo nghĩa giữa các vị đệ tử Phật và hàng Bồ Tát. Ở đây, Tổ Thiên Thân dùng từ ngữ này với ý nghĩa biện định nhằm sáng tỏ ý nghĩa kinh, cho nên trường lão Đạo Nguyên chỉ nói đơn giản là Luận.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Người Hoa chuộng đơn giản, đề mục của bộ luận này quá dài, đọc lên sẽ chẳng thuận miệng. Do vậy, cổ nhân đã dựa theo thói quen của người Hoa, gọi bằng một danh xưng khác là Vãng Sanh Luận, lại còn gọi là Tịnh Độ Luận. Vãng Sanh là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tịnh Độ là quốc độ thanh tịnh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cũng có thể gộp chung hai tên ấy để gọi, tức là Vãng Sanh Tịnh Độ Luận.

Bên cạnh tựa đề của bộ luận hiện thời, có một hàng chữ nhỏ: “*Thử quyển y Đông Doanh² bản, dữ Tạng nội sảo biệt*”. Đây là biện định đôi chút về văn bản. Bản chúng ta dùng trong hiện thời là phiên bản do Kim Lăng Khắc Kinh Xứ³ ấn hành. Cư sĩ Dương Nhân Sơn sang Nhật Bản, đã phục chế rất nhiều bản kinh điển thất truyền [tại Trung Hoa]. Ông ta đối chiếu, nghiên cứu, cho là văn tự trong kinh bản của Nhật Bản khá hay, bèn chiếu theo bản [do chính mình] đã thỉnh về

² Đông Doanh (東瀛) là danh xưng cổ do người Hoa gọi Nhật Bản. Không rõ nguồn gốc danh xưng này từ đâu mà có; đa số cho rằng: Theo truyền thuyết cổ của Trung Hoa, ngoài biển Đông có ba hòn đảo là nơi các vị tiên ở, có danh xưng là Doanh Châu, Bồng Lai, và Phương Trượng. Khi bị vua chúa bắt đi tìm thuốc tiên ngoài biển khơi, các đoàn tìm thuốc đã tưởng quần đảo Nhật Bản là đảo Doanh Châu trong truyền thuyết. Thuyết khác cho rằng, Doanh (瀛) chỉ có nghĩa đơn giản là “đảo”. Do Nhật Bản ở phía Đông Trung Hoa nên gọi là Đông Doanh. Một số sách cổ còn gọi Nhật Bản là Đông Dương (khác với danh xưng bán đảo Đông Dương dùng sau này để chỉ ba nước Việt, Miên, Lào).

³ Kim Lăng Khắc Kinh Xứ là cơ sở ấn loát kinh Phật do cư sĩ Dương Nhân Sơn sáng lập trong phong trào phục hưng Phật giáo tại Trung Hoa sau khi du học Nhật Bản trở về. Cụ Dương Nhân Sơn sáng lập nhà xuất bản này vào năm Đồng Trị thứ năm (1866) thuộc triều nhà Thanh tại Nam Kinh (thuộc tỉnh Giang Tô hiện thời), và giảng dạy Phật pháp tại đây suốt bốn mươi năm. Cơ sở này đã ấn hành hơn trăm vạn bộ sách, in hơn mười vạn bức hình Phật. Cụ Dương còn lập các cơ sở Kỳ Hoàn Tinh xá và Phật Học Nghiên Cứu Hội tại đây để dạy Phật pháp. Từng theo học tại đây có các nhân sĩ Phật giáo nổi tiếng thời cận đại như Thái Hư Đại Sư, Âu Dương Cán Hộ, Chương Thái Viêm, Tạ Vô Lượng, Mai Quang Hy (cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ) v.v... Năm 1922, cư sĩ Âu Dương Cán Hộ và Lữ Trường mở thêm Chi Na Nội Học Viện để chuyên nghiên cứu Pháp Tướng. Các học viên theo học có những nhân vật nổi tiếng như Lương Khải Siêu, Vương Ân Tường, Hùng Thập Lục, Thang Dụng Đồng, Hoàng Sâm Hoa, Điền Quang Liệt v.v... May mắn là dưới thời Cách Mạng Văn Hóa, cơ sở này được bảo tồn không bị phá hoại bởi Hồng Vệ Binh. Năm 1980, dưới sự vận động của hội trưởng hội Phật giáo Trung Quốc là Triệu Phác Sơ, Kim Lăng Khắc Kinh Xứ được phục hưng. Nơi này còn bảo tồn hoàn chỉnh các bản khắc kinh cũng như các bản Đại Tạng Kinh.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

để khắc ván lưu thông. Do đó, văn tự trong bộ Vãng Sanh Luận này hơi khác với phiên bản trong Trung Hoa Đại Tạng Kinh. Tiếp đó là nói đến người tạo luận.

2. Thích luận chủ (giải thích về người soạn luận)

Bà Tâu Bàn Đầu Bồ Tát tạo.

婆藪槃頭菩薩造。

Bà Tâu Bàn Đầu (Vasubandhu)⁴ dịch sang tiếng Hán là Thiên Thân (天親). Ba anh em của Ngài đều xuất gia, anh cả là Vô Trước Bồ Tát (無著, Asaṅga), vừa bắt đầu [học Phật, ngài Vô Trước] bèn học Đại Thừa. Thiên Thân Bồ Tát có trí huệ rất cao. Sau khi Ngài xuất gia bèn học pháp Tiểu Thừa rất thông thạo, liền tạo luận hoằng dương Tiểu Thừa Tông, hủy báng Đại Thừa Tông. Ngài đã soạn hơn năm trăm bộ luận Tiểu Thừa.

Vô Trước Bồ Tát thấy Thiên Thân Bồ Tát tạo tội hủy báng Đại Thừa, trong tương lai nhất định phải đọa địa ngục, xót tình ruột thịt, chẳng nỡ nhìn em trai đọa địa ngục. Ngài lại biết Thiên Thân có đại trí huệ, chẳng hoằng dương Đại Thừa thì quá đáng tiếc! Do vậy, Ngài giả

⁴ Ngài Bà Tâu Bàn Đầu (thường dịch là Thiên Thân, hoặc Thế Thân, còn phiên âm là Phật Tô Bàn Đầu, Phật Tô Bàn Độ, hay Bà Tâu Bàn Đà) sống vào thế kỷ thứ tư hoặc thứ năm. Ngài là một vị cao tăng học giả, cùng với người anh cùng cha khác mẹ là ngài Vô Trước, được coi là tổ sư sáng lập Du Già Hạnh Dục Thức Học Phái. Ngài sanh ở thành Phú Lâu Sa Phú La thuộc vương quốc Kiện Đà La (Gandhara). Thoạt đầu, Ngài xuất gia học Phật theo tông phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvativada). Sau đó, Ngài sang Kashmir để chuyên tâm học giáo nghĩa của tông phái này. Khi trở về, Ngài chuyên dạy A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma) và soạn bộ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Abhidharmakośakārikā) rất đồ sộ. Về sau, Ngài chuyển sang Đại Thừa do sự khuyến hóa của ngài Vô Trước, và biên soạn nhiều bộ luận về chủ đề Duy Thức. Bộ Duy Thức Nhị Thập Luận (Vimsatikāvijñaptimātratāsiddhi) của Ngài rất phổ biến và đóng vai trò trọng yếu trong việc nghiên cứu, học tập Duy Thức. Tác phẩm chú giải bộ luận ấy là Duy Thức Nhị Thập Luận Thích cũng nổi tiếng không kém. Những bộ luận khác do Ngài trước tác cũng là giáo điển trọng yếu của Duy Thức Tông như Duy Thức Tam Thập tụng, Nhiếp Đại Thừa Luận Thích, Tam Tánh Luận, Biện Trung Biên Luận, Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận v.v... Ngoài ra, Ngài còn soạn những bộ luận thuộc loại Tông Kinh Luận như Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Luận, Thập Địa Kinh Luận, Đại Thừa Kinh Trang Nghiêm Luận Thích, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Bà Đề Xá v.v...

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

vờ mượn có ngã bệnh, sai người đến báo với Thiên Thân: “Anh cả bị bệnh nặng, sắp mất, mong gặp mặt ông lần cuối”. Thiên Thân vội vàng quay về, thấy Vô Trước Bồ Tát rất tươi tỉnh, bèn hỏi: “Anh cả chẳng ngã bệnh, sao lại muốn em trở về?” “Thân thể ta chẳng có bệnh, thật ra, trong tâm bệnh rất nặng”. “Tâm anh mắc bệnh gì thế?” “Anh lo sàu trong tương lai em sẽ đọa địa ngục!” “Em đang hoằng dương Phật pháp, lẽ nào sẽ đọa địa ngục cho được?” “Em hoằng dương Tiểu Thừa Phật pháp, soạn năm trăm bộ luận đều nhằm hủy báng Đại Thừa Phật pháp, sao chẳng đọa địa ngục cho được?” Ngài Thiên Thân nghe nói, chẳng phục: “Phật pháp đều do đức Phật nói, hoằng dương pháp Tiểu Thừa làm sao có thể nói là hủy báng cho được?” Do vậy, hai anh em bắt đầu biện luận. Ngài Vô Trước giảng giải đạo lý Đại Thừa, kết quả là hàng phục ngài Thiên Thân. Trước kia, ngài Thiên Thân chẳng hiểu giáo lý Đại Thừa, nay giác ngộ chính mình đã hủy báng pháp Đại Thừa, tạo tội đọa địa ngục, liền hướng về Vô Trước Bồ Tát thưa: “Em dùng cái lưỡi hủy báng Đại Thừa, nay muốn cắt cụt lưỡi để tỏ lòng sám hối”. Vô Trước Bồ Tát ngay lập tức ngăn cản: “Em cắt cả ngàn cái lưỡi cũng chẳng sám hối nổi nghiệp do chính mình đã tạo. Vì em đã soạn năm trăm bộ luận Tiểu Thừa, rất nhiều người chịu ảnh hưởng không tốt. Người xem luận Tiểu Thừa, sẽ bắt chước em hủy báng Đại Thừa. Do vậy, em có cắt lưỡi cũng chẳng thể sám hối tội lỗi!” “Vậy thì em có cách nào sám hối hay không?” Vô Trước Bồ Tát bảo: “Trong quá khứ, em đã dựa vào cái lưỡi tạo tội hủy báng Đại Thừa, nay em đã hiểu rõ đạo lý Đại Thừa, lại soạn luận hoằng dương Đại Thừa. Mọi người xem luận Đại Thừa do em soạn, sẽ sanh khởi thiện căn Đại Thừa, chẳng phải là sẽ tiêu tội ư?” Từ đấy trở đi, Thiên Thân Bồ Tát lại tạo năm trăm bộ luận Đại Thừa, tính gộp chung là đã tạo một ngàn bộ luận. Ở Ấn Độ, Ngài được tôn xưng là Thiên Bộ Luận Sư (vị luận sư đã tạo một ngàn bộ luận).

Vãng Sanh Luận đang được giảng hiện thời chính là một trong số năm trăm bộ luận Đại Thừa. Thiên Thân Bồ Tát xem kinh Vô Lượng Thọ liền phát nguyện, nguyện sanh Tây Phương. Do vậy, Ngài soạn Kệ Tụng tán thán kinh Vô Lượng Thọ. Đại Thừa Phật pháp thì phải tự lợi, lợi lạc người khác, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều sanh về Tây Phương. Do vậy, Ngài làm Kệ Tụng, lại còn soạn một bài luận để giải thích thêm, khiến cho mọi người hiểu rõ công đức của kinh Vô Lượng Thọ, ai nấy đều phát nguyện sanh về Tây Phương.

Nói đến đây, chúng ta hãy nghiên cứu: Vì sao Thiên Thân Bồ Tát

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

phải phát nguyện sanh về Tây Phương? Đây chính là vấn đề căn bản trong việc học Phật pháp. Tôi vừa mới nói Phật pháp có Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa ví như một cỗ xe nhỏ, nó có thể đoạn phiền não của chính mình, thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử, chỉ có thể chuyên chở chính mình, chẳng thể chuyên chở người khác. Đại Thừa là một cỗ xe lớn, không chỉ chuyên chở chính mình, mà còn có thể chuyên chở hết thấy chúng sanh liễu sanh tử. Vì thế, bất luận Đại Thừa Phật pháp hay Tiểu Thừa Phật pháp, đều lấy liễu sanh tử làm mục đích. Nếu như quý vị hằng ngày giảng kinh, thuyết pháp, hằng ngày viết văn chương hoằng dương Phật pháp, nhưng quý vị chẳng biết nỗi khổ sanh tử, chẳng phát nguyện liễu sanh tử, [vậy là] quý vị chẳng học Phật pháp!

Các triết gia trong thế gian có thể trở thành đại triết gia, đều có thể nói ra những lý luận được công nhận, khoa học gia thuộc bất cứ môn khoa học nào đều có thể nổi danh, đều có thể nghiên cứu tìm được một loại đạo lý nào đó, nhưng chỗ khác biệt giữa học vấn cao sâu trong thế gian và Phật pháp là họ (các vị triết gia, khoa học gia) chẳng hiểu rõ đạo lý của nỗi khổ sanh tử. Những vị [nghiên cứu, giảng dạy, hoặc giáo sĩ thuộc] các tôn giáo khác biết sanh tử là khổ, nhưng chẳng biết phạm vi của nỗi khổ sanh tử to cỡ nào? Có phương pháp gì để có thể thật sự liễu sanh tử? Do vậy, cần đến Phật pháp.

Thích Ca Mâu Ni Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên độ năm vị tỳ-kheo, hoằng dương pháp Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đức Phật dạy chúng ta, chúng sanh trong lục đạo sanh tử thì có một phạm vi, [bao gồm] ba ác đạo, tức địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo, và ba thiện đạo, tức nhân đạo, A Tu La, thiên đạo. Chúng sanh gặp phải quả báo khổ, cái nhân gây ra khổ là Tập, tức là do đã dấy lên phiền não, tạo rất nhiều nghiệp, cho nên mới chiêu cảm quả khổ. Trước hết, quý vị phải biết cái nhân của khổ là Tập thì mới có thể đoạn Tập. Đoạn trừ cái nhân, thì khổ quả sẽ chẳng còn. Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc từng trải, Ngài biết Khổ, đoạn Tập, cho nên mới chứng đắc Niết Bàn. Niết Bàn dịch sang tiếng Hán là Tịch Diệt. Chúng ta ngưỡng mộ Tịch Diệt, làm như thế nào thì sẽ có thể chứng đắc Tịch Diệt? Đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu hành hòng tu Đạo, đó là “*biết Khổ đoạn Tập, hãm mộ Diệt bèn tu Đạo*”.

Chúng ta học Phật pháp, thứ nhất là trước hết phải biết Khổ. Nếu quý vị ngờ đời người rất sung sướng, quý vị chẳng học Phật pháp được! Dầu đã biết Phật pháp, cũng chẳng phát tâm tu hành. Tu hành là mong liễu sanh tử, nhất định phải biết quả báo của loài người chúng ta là khổ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

quả. Vì thế đời người được gọi là “*bát khổ giao tiên*” (八苦交煎, tám sự khổ chen nhau nung nấu). Có tám thứ khổ: Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán tăng hội khổ (khổ vì oán ghét mà cứ phải gặp gỡ), ái biệt ly khổ (khổ vì yêu thương mà bị chia lìa), cầu bất đắc khổ (khổ vì cầu chẳng được), và Ngũ Âm xí thịnh khổ (khổ vì Ngũ Âm lòng lẫy). Bốn thứ khổ sanh, lão, bệnh, tử, vừa sanh ra bèn khổ, đã già bèn có lão khổ, sanh bệnh bèn có bệnh khổ, chết đi bèn có tử khổ. Trong khoảng giữa, bèn xen tạp bốn thứ khổ:

- Khổ vì oán ghét mà phải gặp gỡ. Kẻ quý vị chán ghét cứ kháng kháng tụ hội một chỗ.

- Khổ vì yêu thương mà bị chia lìa. Người quý vị yêu thích luôn là sanh ly tử biệt!

- Khổ vì cầu chẳng được, điều quý vị mong cầu đều chẳng thể mãn nguyện.

- Khổ vì Ngũ Âm lòng lẫy. Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức là nỗi khổ nơi thân và nỗi khổ nơi tâm.

Tám thứ khổ như trên là cương yếu. Trong ấy, phân biệt ra, sẽ là vô lượng nỗi khổ. Kẻ chẳng có cơm để ăn khổ nhất, chẳng có quần áo mặc, chẳng có nhà cửa để ở rất khổ. Những thứ ấy được gọi là ba yếu tố trong đời người. Kẻ chẳng có áo, cơm, chỗ ở đương nhiên là khổ, nhưng quý vị hỏi kẻ có tiền, cơm ăn, áo mặc, nhà ở đều chẳng thành vấn đề, họ vẫn khổ! Mỗi người đều có nỗi khổ riêng, mỗi nhà đều có nỗi khổ riêng. Đó gọi là: “*Nhà nào cũng đều có một bản kinh khó niệm*”. “*Kinh khó niệm*” chính là khổ kinh; chẳng có nhà nào không khổ, [mỗi nhà hứng chịu nỗi] khổ khác nhau mà thôi!

Đời người đau khổ, khổ đến cuối cùng là tử khổ. Nếu như đã chết bèn hết chuyện thì rất đơn giản, cùng lắm là khổ sở mấy chục năm, khổ đến chết rồi thì chẳng còn khổ nữa! Kẻ chẳng hiểu rõ lý nhân quả báo ứng, có tri kiến Đoạn Diệt, cứ ngỡ người ta chết rồi là chẳng còn gì nữa. Hiểu lý nhân quả báo ứng trong Phật pháp, sẽ biết người chết rồi chẳng hề đoạn diệt; vì quá khứ quý vị đã tạo nghiệp nhân, đời này có quả báo. Đời này lại tạo nghiệp nhân mới. Tạo thiện nghiệp thì đời sau gặp thiện quả. Tạo ác nghiệp thì đời sau bị ác quả. Quý vị muốn khiến cho nó chẳng kết quả, sẽ chẳng thể được, vì đã tạo nghiệp, nhất định có quả báo. Quý vị tưởng chết rồi thì sẽ đoạn diệt ư? Chẳng thể đoạn diệt!

Hiểu đạo lý này, đời này quý vị khổ sở vài chục năm, khổ đến cuối cùng chết đi, vẫn phải sanh, sanh ra vẫn là đau khổ! Dầu đời sau quý vị sanh làm thân người, vẫn chịu khổ giống như hiện thời. Dầu quý

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Ký

vị tạo thiện nghiệp sanh lên cõi trời, hưởng xong phước báo cõi trời, vẫn phải luân hồi đọa xuống. Quý vị tạo ác nghiệp, đọa lạc trong ba ác đạo, khổ càng thảm hơn! Chẳng biết phải trải qua bao nhiêu kiếp lâu dài mới có thể thoát ly ba ác đạo. Đây chính là sanh tử luân hồi, sanh rồi tử, tử rồi sanh, luân hồi chẳng dứt. Học Phật pháp thì nhất định phải hiểu đạo lý này, quý vị mới chịu phát tâm tu hành.

Chúng ta mong liễu sanh tử, thoát luân hồi, phải tu hành, Thích Ca Mâu Ni Phật nói rất nhiều phương pháp tu hành. Trong Đại Thừa Phật giáo Trung Hoa có tám tông phái, trong đó, có một tông phái là Tịnh Độ Tông dạy phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì chỉ có cậy vào pháp môn Tịnh Độ thì mới dễ tu hành hồng liễu sanh tử.

Ấn Độ có một vị đại Bồ Tát tên là Long Thọ Bồ Tát, Ngài soạn Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (十住毗婆沙論, Daśa-bhūmika-vibhāsa-sāstra). Trong ấy, đã nói rất rõ ràng: Bồ Tát cầu A Bệ Bạt Trí (Avaivarti, bất thoái chuyển), có hai loại đạo. Một thứ là Nan Hành Đạo (難行道, đạo khó hành), thứ kia là Dị Hành Đạo (易行道, đạo dễ hành). Nan Hành Đạo là đường lối tu hành rất khó, tức là ở trong ngũ trược ác thế, nhằm thời đại chẳng có Phật, phải tu hành chẳng thoái chuyển, một mực tinh tấn thì mới có thể đoạn phiền não, liễu sanh tử, thoát luân hồi, nhưng tu hành rất khó đạt được Bất Thoái Chuyển. Long Thọ Bồ Tát nói có năm thứ Nan Hành Đạo:

1) “*Ngoại đạo tương thiện, loạn Bồ Tát pháp*” (Ngoại đạo đem những điều lành [theo tri kiến tà vạy của họ] làm loạn pháp của Bồ Tát): Chúng sanh rất khó có kẻ phát tâm mong tu hành nhằm liễu sanh tử. Chúng ta học Đại Thừa Phật pháp, muốn tu Đại Thừa Bồ Tát đạo, nhưng quý vị chẳng gặp thiện tri thức, mà gặp phải ngoại đạo. Họ nói các thứ phương pháp tu hành rất tương tự thiện pháp của Bồ Tát, quý vị cảm thấy rất cao minh, nhưng [những pháp ấy] đã thật sự nhiều loạn Bồ Tát pháp.

2) “*Thanh Văn tự lợi, chướng đại từ bi*”: Quý vị học Đại Thừa Phật pháp, phải có tâm đại từ bi, nguyện bình đẳng. Quý vị gặp một vị thầy Tiểu Thừa, ông ta nói: “Người còn chưa độ được sanh tử của chính mình, làm sao có thể độ chúng sanh được chớ? Người chẳng thể tự lợi, làm sao có thể độ kẻ khác? Hãy ngay lập tức liễu sanh tử của chính mình đi đã”. Đây chính là hàng Thanh Văn tự lợi. Bọn phàm phu chúng ta vốn có căn tánh ích kỷ, lại nghe vị thầy Tiểu Thừa nói rất hữu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

lý, [vị ấy] bảo quý vị hãy độ chính mình trước đã, thoát tam giới, liễu sanh tử, mặc kệ chúng sanh, khiến cho cái tâm đại từ bi bị chướng ngại.

3) “*Vô lại ác nhân, phá tha thắng đức*” (Kẻ ác vô lại phá hoại đức thù thắng của người khác): Quý vị tu Đại Thừa Bồ Tát đạo là công đức thù thắng, nhưng trong xã hội, bọn vô lại ác nhân rất nhiều. Chính họ chẳng tu hành, thấy quý vị đang làm công đức, họ sẽ phá hoại, khiến cho quý vị chẳng thực hiện thành công. Do thế giới Sa Bà này có rất nhiều kẻ ác, quý vị mong tu Bồ Tát đạo sẽ chẳng thành công. Đây là một thứ nạn, chính là Chúng Sanh Trược.

4) “*Điên đảo thiện quả, năng hoại phạm hạnh*” (Điên đảo thiện quả, có thể làm hư hoại phạm hạnh): “*Phạm*” (梵) có nghĩa là thanh tịnh. Quý vị tu hạnh môn của Đại Thừa Bồ Tát đừng nên chấp tướng, nhưng lũ phàm phu chúng ta kể từ vô thủy đến nay, quen thói chấp tướng. Do vì quý vị tu hành chấp tướng, hết thấy công đức Đại Thừa đã tu đều rơi vào thiện quả nhân thiên hữu lậu. Đời này, kiếp này tu hành, đời thứ hai chuyển sanh thành kẻ đại phú đại quý, đời thứ ba sẽ phải đọa lạc! Đời này, kiếp này tu hành, đời thứ hai sanh lên trời hưởng phước trời. Quý vị hưởng hết phước trời, vẫn phải đọa lạc xuống dưới. Vì thế, hữu lậu thiện quả của trời người được gọi là “*thiện quả điên đảo*”. Chúng sanh chẳng hiểu rõ đạo lý thiện quả Đại Thừa, coi quả báo nhân thiên như quả báo tốt lành, cầu còn chẳng được, chẳng biết đây là tu hành điên đảo. Sanh lên trời rồi đọa xuống, kinh Phật đã nói rất nhiều, chúng tôi chẳng nói cặn kẽ. Sanh vào nhân gian, chuyển thành người đại phú đại quý, một mai làm quan lớn, giàu sụ, nhưng quý vị chẳng tu. Do giàu có khó tu đạo, lại muốn tiếp tục tu hành sẽ chẳng dễ dàng, toàn là tạo các ác nghiệp, nhất định sẽ bị đọa lạc. Vì thế, thiện quả trong nhân gian và trên cõi trời đều là thiện quả điên đảo, sẽ phá hoại cái tâm thanh tịnh của quý vị.

5) “*Duy thị tự lực, vô tha lực trì*” (Chỉ là tự lực, chẳng có tha lực duy trì): Nếu tu hành các pháp môn khác, hoàn toàn cậy vào sức của chính mình, đoạn phiền não thì mới có thể đắc thiện quả. Chẳng có sức gia trì của Phật, Bồ Tát, hoàn toàn cậy vào sức của chính mình. Chuyện này rất khó!

Đối với năm thứ Nan Hành Đạo vừa nói trên đây, quý vị hãy nhìn xem, rất nhiều kẻ hằng ngày học Phật pháp tu hành, nhưng toàn là tu pháp ngoại đạo, hoặc pháp Tiểu Thừa; hoặc là quý vị làm một tí công đức, bị kẻ ác phá hoại. Tu hành chấp tướng như thế đó, toàn là tu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

quả nhân thiên! Giống như người đi đường bộ, phải đi từng bước một, rất tốn hơi sức. Đây là Nan Hành Đạo.

Còn có một thứ Di Hành Đạo, tức là đạo rất dễ tu hành. Quý vị chỉ cần niệm danh hiệu A Di Đà Phật, tu thiện căn làm duyên, sẽ có thể sanh sang Tây Phương. Pháp môn Tịnh Độ cạy vào tín tâm, nguyện sanh là cạy vào nguyện lực. Đã có tín tâm, đã có nguyện lực, nương theo sức mạnh của bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật, bèn có thể sanh về cõi nước thanh tịnh. Vì có sức gia trì của A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương, bèn thuộc vào loại chúng sanh Chánh Định Tu, sẽ chẳng bị thoái chuyển. Giống như chúng ta đi theo đường bộ sẽ rất chậm, quý vị ngồi thuyền theo đường thủy, chẳng tốn sức, đạt tới đích rất nhanh, tức là nương vào chiếc thuyền đại nguyện của Phật sanh về Tây Phương. Đây là pháp môn rất dễ tu hành.

Pháp môn Tịnh Độ tu hành dễ dàng. Thứ nhất, phải có tín tâm. Thứ hai, phải phát nguyện. Thứ ba, nếu niệm danh hiệu A Di Đà Phật bèn có thể sanh về Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương, sẽ chẳng thoái chuyển. Nếu muốn liễu sanh thoát tử, chỉ có tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Có người cho rằng đây là pháp môn dễ hàng ngu phu ngu phụ tu tập, quý vị phải nên tu một loại pháp môn đặc biệt cao siêu thì mới có thể phù hợp căn cơ của quý vị.

Hôm nay, giảng Vãng Sanh Luận nhằm khuyên chư vị: Trí huệ thông minh của quý vị có thể vượt trời Thiên Thân Bồ Tát hay không? Thiên Thân Bồ Tát là Thiên Bộ Luận Sư mà luôn phát nguyện vãng sanh Tây Phương. Ngay cả Ngài mà còn tu, vì lẽ nào chúng ta chẳng chịu tu? Trong phần trước, tôi đã dẫn chúng Nan Hành Đạo và Di Hành Đạo của Long Thọ Bồ Tát, cũng là không gì chẳng nhằm khuyên bảo quý vị: Trí huệ của chúng ta có thể theo kịp Long Thọ Bồ Tát hay không? Long Thọ Bồ Tát đã thay chúng ta chọn lựa rất rõ ràng, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn tu hành dễ dàng, sanh về Tây Phương sẽ chẳng thoái chuyển, vì sao chúng ta chẳng sanh về Tây Phương vậy?

3. Thích dịch sư (giải thích về người dịch)

Nguyên Ngụy Bồ Đề Lưu Chi dịch.

元魏菩提留支譯。

Nguyên Ngụy là vương triều thứ nhất ở phương Bắc vào thời

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Nam Bắc Triều⁵. Do hoàng đế họ Nguyên nên [triều đại này] gọi là Nguyên Ngụy⁶. Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci)⁷ là một vị đại pháp sư Ấn

⁵ Nam Bắc Triều là một thời kỳ kéo dài từ năm 420 khi Lưu Dụ soạn ngôi nhà Đông Tấn lập ra nhà Lưu Tống cho đến năm 589, Tùy Văn Đế (Dương Kiên) diệt nhà Trần thì mới chấm dứt. Trước đó, do nhà Tấn suy yếu, các sắc dân không phải người Hán tràn vào Trung Nguyên cát cứ, lập ra các vương triều, thôn tính lẫn nhau. Sử thường gọi là Ngũ Hồ Loạn Hoa, hay Ngũ Hồ Thập Lục Quốc. Nam Bắc Triều tiếp theo ngay thời kỳ Ngũ Hồ Thập Lục Quốc. Do các vương triều cát cứ hai bên bờ Trường Giang nên gọi là Nam Bắc Triều.

Bắc Triều gồm năm triều đại: Bắc Ngụy (do Thác Bạt Khuê sáng lập, tức Nguyên Ngụy), Đông Ngụy (do Nguyên Thiện Kiến sáng lập), Tây Ngụy (do Nguyên Bảo Cự sáng lập), Cao Tề (do Cao Dương sáng lập), và Bắc Châu (do Vũ Văn Giác sáng lập).

Nam Triều gồm năm triều đại: Lưu Tống (do Lưu Dụ sáng lập), Nam Tề (do Tiêu Đạo Thành sáng lập), Nam Lương (do Tiêu Diễn tức Lương Vũ Đế sáng lập), và Nam Trần (do Trần Bá Tiên sáng lập).

⁶ Nguyên Ngụy thường gọi là Bắc Ngụy là một triều đại do người Tiên Ty sáng lập, tồn tại từ năm 386 đến năm 534 ở miền Bắc Trung Hoa, do Thác Bạt Khuê sáng lập. Lãnh thổ của vương triều này bao gồm toàn bộ miền Hoa Bắc, truyền được mười lăm đời vua. Tiền thân của Bắc Ngụy là nước Đại của người Tiên Ty (bao gồm vùng Nội Mông và phía Bắc tỉnh Sơn Tây). Nước này bị nhà Tiền Tần thôn tính. Sau khi Phù Kiên của nhà Tiền Tần thua trận Hợp Phì, thủ lãnh Thác Bạt Khuê của nước Đại bèn thừa cơ quật khởi, lập ra nước Ngụy, rồi dần dần thống nhất Hoa Bắc, thôn tính các tiểu quốc khác. Do chịu ảnh hưởng Hán Hóa, vào năm Thái Hòa thứ tám (494), Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàng) đã xuống chiếu đổi họ Thác Bạt thành họ Nguyên. Do vậy, sử Trung Hoa thường gọi nhà Bắc Ngụy là Nguyên Ngụy. Tiên Ty là một sắc dân du mục, sống tại Mông Cổ và Bắc Trung Hoa. Họ vốn phát xuất từ sắc tộc Đông Hồ, và tách ra thành hai nhánh là Tiên Ty (Xianbei) và Ô Hoàn (Wuhuan) sau khi bị người Hung Nô đánh bại vào cuối thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Cho đến nay, nguồn gốc của danh xưng Tiên Ty vẫn còn đang bị tranh luận, đa phần cho đây là danh xưng Hán hóa của chữ Sarpi.

⁷ Phật giáo sử không chép nhiều về ngài Bồ Đề Lưu Chi, chỉ biết là Ngài là người Bắc Ấn đến kinh đô Lạc Dương của nhà Nguyên Ngụy vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) đời Ngụy Tuyên Vũ Đế (Nguyên Khác). Vua mời Sư trụ tại chùa Vĩnh Ninh dịch kinh. Về sau, Bắc Ngụy phân liệt thành Đông Ngụy và Tây Ngụy; vua Tây Ngụy mời Sư dời sang Nghiệp Thành dịch kinh suốt mười hai năm. Các tác phẩm chính của Ngài là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn Kinh, Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh, Thâm Mật Giải Thoát Kinh, Nhập Lăng Già Kinh, Đại Tát Giá Ni Kiền Tử Sở Thuyết Kinh, Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn Kinh Luận, Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, Pháp Hoa Kinh Luận, Bảo Tích Kinh Luận. Bộ Thập Địa Kinh Luận do ngài dịch chung với Lạc Na Ma Đề đã khiến các học giả Trung Hoa nồng nhiệt nghiên cứu, hình thành một tông phái gọi

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Độ. Ngài đến Trung Hoa phiên dịch bộ luận này. [Tên Ngài] dịch sang tiếng Hán là Đạo Hy (道希); đây là pháp danh đức hiệu của Ngài, [ngụ ý] Ngài có thể tu Phật đạo hy hữu. “*Dịch*” (譯) là phiên dịch. Bộ luận này được pháp sư Bồ Đề Lưu Chi phiên dịch vào thời đại Nguyên Ngụy của Trung Hoa.

Luận có hai loại, một loại gọi là Tông Kinh Luận (宗經論), Tông (宗) là “*gốc*”, [hàm nghĩa] vốn dựa theo kinh để tạo luận. Loại kia gọi là Thích Kinh Luận (釋經論), Thích (釋) là giải thích, [tức là] giải thích từng câu kinh văn một. [Những trước tác do] Bồ Tát tạo ra đều gọi là Luận. Nếu đức Phật tại thế, [những trước tác nào] được đức Phật ấn chứng thì cũng có thể gọi là Kinh. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, chẳng có đức Phật ấn chứng, nếu người nào cũng có thể soạn kinh, e rằng kinh Phật sẽ rời ren, nát bét. Vì thế, sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, những trước tác của hàng Bồ Tát được gọi là Luận. Nay chúng tôi giảng Vô Lượng Thọ Luận thuộc loại Tông Kinh Luận, vì tác phẩm này vốn dựa theo nghĩa lý của kinh Vô Lượng Thọ để tạo luận. Mọi người không biết quy củ này, mãi cho đến hiện thời, vẫn còn có những kẻ thích sửa kinh. Kinh văn đều là dựa trên Phạn bản của Ấn Độ để dịch sang tiếng Hán, có những chỗ dịch không suông sẽ cho lắm, thoạt nhìn có đôi chút trúc trắc. Hơn nữa, một bộ kinh điển không chỉ là có một bản dịch, mà có đến mấy bản dịch, đối chiếu [các bản dịch] thì không khác biệt cho lắm, bèn sửa đổi. Hễ mở ra lệ này, sẽ biến thành ai nấy đều có thể sửa kinh! Quý vị chê kinh Kim Cang dịch không hay cho lắm, bèn sửa kinh Kim Cang. Kẻ khác hiềm kinh A Di Đà dịch không hay, bèn sửa kinh A Di Đà. Như thế là sửa nát bét. Hậu quả là người học Phật đánh mất niềm tin tưởng, ngưỡng mộ đối với kinh điển, mọi người tranh luận không ngớt. Người này nói bộ kinh này là thật, do Thích Ca Mâu Ni Phật nói. Kẻ kia nói bộ kinh này là giả, là do kẻ nào đó ngụy tạo. Đây là tổn thất to lớn cho Phật giáo. Do vậy, quý vị mong phát nguyện hoằng dương Phật pháp, nếu nghĩ kinh văn dịch không đủ hay, quý vị có thể soạn Tông Kinh Luận, tức là chiếu theo ý nghĩa của kinh văn để tạo ra một bộ luận. Nếu nghĩa lý của kinh văn không rõ ràng, sáng tỏ, quý vị có thể tạo Thích Kinh Luận để giải thích thêm, khiến cho mọi người dễ dàng thấu hiểu. Như thế thì sẽ chẳng đến nỗi hỗn loạn!

là Địa Luận Tông. Chính Ngài đã dạy kinh Quán Vô Lượng Thọ cho ngài Đàm Loan, tạo ảnh hưởng sâu đậm hình thành Tịnh Độ Tông sau này.

4. Thích luận văn (giải thích chánh văn trong bộ luận)

4.1. Tổng Thuyết Phần (phần luận định tổng quát)

Bộ luận này, phần trước là Kệ Tụng, sau đó là lời luận, chia thành hai khoa lớn. Phần Kệ Tụng phía trước gọi là Tổng Thuyết Phần, nói tổng quát các thứ công đức của kinh Vô Lượng Thọ. Phần luận văn trường hàng sau đó được gọi là Giải Thích Phần, nhằm giải thích Kệ Tụng.

Kệ Tụng thuộc Tổng Thuyết Phần chia tổng cộng thành ngũ niệm môn. “*Niệm*” (念) là quán niệm, quán tưởng, tức là trong tâm suy niệm. “*Môn*” (門) là pháp môn, hạnh môn. Đức Như Lai nói kinh, Bồ Tát tạo luận, chẳng phải văn chương thế gian, mà nhằm dạy chúng ta phương pháp tu hành, tức pháp môn. Dạy chúng ta công hạnh để dụng công thì gọi là Hạnh Môn (行門). Bộ Vãng Sanh Luận này có tổng cộng năm thứ Niệm Môn, tức là năm thứ phương pháp tu hành. “*Pháp*” (法) là phương pháp, pháp tắc, Hạnh (行) là công phu. Môn (門) là thí dụ, mang ý nghĩa “thông qua để ra vào”, tức là có thể tiến vào, mà cũng có thể đi ra. Thông thường, chúng ta nói “*tiến nhập Phật môn*”, tức là nhập môn này, chính mình đạt được lợi ích; xuất môn này, có thể khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích. Vì nhập môn này, có thể tự lợi, xuất môn này, có thể lợi tha (lợi ích người khác); cho nên gọi là Pháp Môn, là Hạnh Môn.

Đệ tử học Phật, làm thế nào để có thể đạt được lợi ích “tự lợi, lợi tha”? Chính là phải Giải lẫn Hạnh đều coi trọng, phải hiểu: Kinh do đức Phật đã nói, luận do Bồ Tát đã tạo đều nhằm dạy chúng ta phương pháp tu hành, chẳng phải là văn chương thế gian, mà cũng chẳng phải là học vấn thế gian. Đệ tử Phật chẳng thể đạt được sự lợi ích “tự lợi, lợi tha”, có hạng người thiên trọng Hạnh, coi nhẹ Giải, cho rằng học Phật thì phải tu hành, chẳng nghiên cứu rành rẽ phương pháp tu hành. Kết quả là tu mù, luyện đui, chính mình chẳng nhập pháp môn, chẳng thể tự lợi. Muốn giảng cho kẻ khác nghe, giảng không nổi, tức là cũng chẳng thể lợi tha. Đây chính là “chẳng nhập môn”. Nhất định là trước hết phải cầu Giải, đã thấu hiểu rồi mới tu hành. Nếu làm như vậy chưa xuê thì vừa giải vừa hành, quyết chẳng thể “không có Giải, chỉ có Hạnh!” Kết quả là sụp hào sa hố, chính mình chẳng biết đường đến nổi sụp hố. Đây chính là căn bệnh chỉ trọng Hạnh, chẳng trọng Giải!

Có hạng người thiên trọng Giải, xem nhẹ Hạnh, biến “kinh do

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Phật thuyết, luận do Bồ Tát tạo” đều trở thành học vấn thế gian để nghiên cứu. Nghiên cứu đã hiểu rồi, chẳng tu hành. Họ cho rằng chỉ cần thông hiểu văn tự là hiểu Phật pháp, chẳng biết [kinh luận nhà Phật] chính là phương pháp để tu hành, chẳng nhằm bảo quý vị nghiên cứu học vấn. Tu hành thì phải đoạn phiền não. Quý vị xem nhẹ tu hành, cứ nghĩ kinh luận gì cũng đều hiểu, nói ra chỗ nào cũng hợp đạo, liền tự cao tự đại, bất cứ ai cũng đều bị quý vị coi thường, luôn cảm thấy kẻ khác chẳng có học vấn to bằng quý vị. Quý vị không chỉ có học vấn thế gian, mà còn có học vấn Phật giáo, tự nghĩ chính mình rất lỗi lạc. Đây chính là tăng thêm phiền não mới! Học Phật pháp vốn vì mong đoạn phiền não, kết quả là phiền não vốn sẵn có chẳng đoạn, lại tăng thêm phiền não kiên cố ngã mạn, kẻ ấy quá đáng tiếc! Vì thiên trọng Giải mà đi sai đường!

Quý vị chẳng hiểu Phật thuyết kinh, Bồ Tát tạo luận là vì muốn cho chúng ta liễu sanh thoát tử. Vãng Sanh Luận mà nay tôi đang giảng thuộc về pháp môn Tịnh Độ Tông, tức là muốn dạy chúng ta hãy niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương. Quý vị hiểu đạo lý này, sanh khởi tín tâm, phát khởi nguyện lực “*nhất định phải sanh về Tây Phương*”, niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Đây chính là tu hành. Đợi đến lúc quý vị lâm chung, Tây Phương Tam Thánh (A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát) cầm đài hoa sen đến tiếp dẫn quý vị. Nhưng nếu quý vị chẳng tu hành, hoàn toàn coi Phật pháp như học vấn để nghiên cứu, tới khi quý vị lâm chung, A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát chẳng đến tiếp dẫn quý vị. Quý vị chẳng vượt khỏi phạm vi của vua Diêm La, sẽ đến chỗ vua Diêm La, giảng cho họ nghe một đoạn kinh, vua Diêm La nghe không hiểu, vẫn muốn bắt quý vị! Bởi lẽ, quý vị chỉ biết giảng, chẳng thể liễu sanh tử! Nhất định là phải tu hành xác thực, chớ nên thiên về Giải, vẫn chẳng được!

Kệ tụng nói về năm loại pháp môn tu hành:

- 1) Lễ Bái Môn: Trước hết phải lễ Phật, đập đầu lễ bái.
- 2) Tán Thán Môn: Tán thán công đức của Phật.
- 3) Tác Nguyện Môn: “*Tác*” (作) là phát nguyện. Quý vị phải phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.
- 4) Quán Sát Môn: Quý vị dùng trí huệ để quan sát vì sao ta phải sanh về Tây Phương? Quan sát công đức nơi y báo và chánh báo của Tây Phương. Quan sát rành rẽ, tự nhiên là quý vị sẽ phát nguyện.
- 5) Hồi Hướng Môn: Tất cả công đức do quý vị đã tu đều hồi

hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kệ Tụng chia thành năm thứ pháp môn này, phần kinh văn Trường Hàng sau đó nhằm giải thích Kệ Tụng, cũng là giải thích năm loại pháp môn này. Dưới đây, dựa theo năm thứ pháp môn ấy để giải thích, nhằm dạy chúng ta năm thứ phương pháp tu hành.

4.1.1. Lễ Bái Môn (禮拜門)

(Luận) Thế Tôn ngã nhất tâm quy mạng.

(論)世尊我一心歸命。

(Luận: Thế Tôn, con nhất tâm quy mạng).

Dựa trên năm thứ Hạnh Môn, mà chia thành năm đoạn. “*Thế Tôn, ngã nhất tâm quy mạng*” là môn thứ nhất, tức Lễ Bái Môn.

Trước hết, nói về hai chữ Thế Tôn (Baghavan, Lokanatha). Thế Tôn chính là từ ngữ để gọi Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì Thiên Thân Bồ Tát là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài tạo luận, trước hết phải quy y Thích Ca Mâu Ni Phật. Cho nên trước hết gọi một tiếng Thế Tôn. Như tôi lúc mới bắt đầu giảng, vì sao trước hết phải niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lượt? Vì chúng ta đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao chúng ta có thể biết “có Tây Phương Cực Lạc thế giới, có A Di Đà Phật?” Đều là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy căn bản, đừng nên quên bằng vị thầy cội gốc.

Chữ Thế (世) trong Thế Tôn bao hàm thế gian và xuất thế gian. Hết thầy thánh nhân và phàm phu tổng cộng có mười loại lớn, gọi là “*tứ thánh lục phàm*”. Thánh nhân Phật giáo chẳng giống thánh nhân thế gian. Theo Phật giáo, thánh nhân thuộc pháp thế gian đều thuộc về phàm phu. Phàm phu có sáu đường: Thiên đạo, nhân đạo, A Tu La đạo, gọi chung là ba thiện đạo; địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo, được gọi là ba ác đạo. Gọi gộp chung là “*lục đạo phàm phu*” đều sanh tử, luân chuyển trong phạm vi tam giới. Có thể vượt thoát luân hồi, liễu thoát sanh tử, vượt ra ngoài tam giới thì mới gọi là “*thánh nhân*”. Thánh nhân trong Phật giáo bao gồm bốn loại:

1) Tiểu Thừa có hai loại thánh nhân là Thanh Văn và Duyên Giác.

2) Đại Thừa có hai loại thánh nhân là Bồ Tát và Phật.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

“*Thế Tôn*” là thánh nhân cao nhất. Phật cũng chính là Phật pháp giới cao nhất trong mười pháp giới. Gọi Ngài là Thế Tôn, tức là đáng được cõi đời tôn trọng, Tôn (尊) là tôn trọng. Không chỉ là trong tam giới, tức chúng sanh thuộc lục phàm pháp giới thế gian tôn trọng Ngài, mà tam thừa thánh nhân xuất thế gian vượt ngoài tam giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cũng đều tôn trọng Ngài. Ngài được thế gian lẫn xuất thế gian đều tôn kính, nên gọi là Thế Tôn.

Vì sao đức Phật được thế gian lẫn xuất thế gian tôn trọng? Vì đức Phật trọn đủ ba loại đức:

1) Trí Đức: Đức Phật trọn đủ hết thủy trí huệ. Không chỉ vượt trời lục đạo phàm phu, mà còn vượt trời tam thừa thánh nhân. Ngài có đức tánh đại trí huệ, cho nên được thế gian lẫn xuất thế gian đều tôn trọng.

2) Đoạn Đức: “*Đoạn*” (斷) là đoạn trừ phiền não. Phàm phu chẳng thể vượt thoát lục đạo vì có phiền não trong tam giới, tức Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Tam thừa thánh nhân có phiền não ngoài tam giới, tức Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. Đức Phật không chỉ đoạn trừ phiền não trong tam giới, mà phiền não ngoài tam giới cũng thủy đều đoạn sạch. Vì thế, chúng sanh thuộc chín pháp giới đều tôn trọng Ngài.

3) Ân Đức: Vì sao chúng sanh thuộc chín pháp giới tôn trọng đức Phật? Vì đức Phật có ân đức đối với chúng ta. Chúng ta có thể nghiên cứu kinh Phật, hiểu rõ đạo lý; đây là phẩm đức trí huệ của Phật gia bị chúng ta. Tuy chúng ta còn chưa đoạn phiền não, nhưng có thể phân biệt rành rẽ những gì là phiền não? Ít tạo ác nghiệp. Đây là đức Phật có ân huệ đối với chúng ta. Do vậy, chúng ta tôn trọng Ngài.

Vừa rồi là dựa theo ba loại đức để giải thích công đức; thật ra, đức hạnh của Phật quá nhiều. Đối với hết thủy chúng sanh, đức Phật hành bố thí, bố thí chia thành ba loại là Tài Thí, Pháp Thí, và Vô Úy Thí.

1) Tài Thí: Có đệ tử đức Phật trước khi tin Phật, cuộc sống gian nan, khốn khổ, sau khi đã tin Phật, cuộc sống chuyên biến tốt hơn. Xác thực là đức Phật đã ban cho kẻ ấy lợi ích. Đó là ân huệ Tài Thí.

2) Pháp Thí: Đức Phật thường thuyết pháp bố thí. Trước khi chúng ta học Phật, rất ngu si. Cho đến sau khi đã học Phật, trí huệ mở mang, những đạo lý trước kia chẳng hiểu nay đều đã hiểu. Trước kia chẳng phát đạo tâm tu hành, nay phát đạo tâm tu hành. Đây đều là do đức Phật gia bị chúng ta, ban ân huệ Pháp Bố Thí.

3) Vô Úy Bố Thí, chính là cứu tai cứu nạn, nhất là trong hiện

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Kỳ

thời lại còn thường gặp các thứ kiếp nạn. Kết quả là chúng ta luôn ở trong tai nạn mà được thái bình. Đây là ân huệ Vô Úy Bồ Thí do đức Phật đã ban cho chúng ta.

Mỗi người đạt được lợi ích khác nhau. Quý vị học Phật rất lâu, nhất định được hưởng ân huệ của đức Phật, cho nên tín tâm mới có thể kiên cố. Đây chính là ân đức của Phật. Vì sao chúng ta phải tin Phật? Đối với chúng ta, Phật có những điều tốt đẹp gì vậy? Vì quý vị chẳng tin Phật, quý vị chẳng biết điều tốt đẹp của Phật. Hễ quý vị tin Phật, sẽ tự nhiên biết. Đức Phật có ân đức đối với hết thảy chúng sanh, quý vị đạt được ân huệ từ Phật, sẽ thật sự biết chỗ tốt đẹp của đức Phật đối với quý vị. Tôi vừa mới nói, kinh của Phật, luận của Bồ Tát, đều nhằm dạy chúng ta phương pháp tu hành, chẳng phải là văn tự thế gian. Giảng về danh nghĩa của chữ Thế Tôn thì cũng nhằm dạy chúng ta phương pháp tu hành.

Thích Ca Mâu Ni Phật nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, đều sẽ thành Phật”*. Đây là giáo lý đặc thù nhất của Phật giáo, những tôn giáo khác trên thế giới chẳng có đạo lý này. Quý vị tin bất cứ loại tôn giáo nào, nó chỉ có thể cho quý vị làm giáo đồ, chẳng thể cho quý vị làm giáo chủ. Trong Phật giáo thì bình đẳng, Thích Ca Mâu Ni Phật nói các vị đều có Phật Tánh, chẳng khác Thích Ca Mâu Ni Phật; ai nấy đều có thể thành Phật, ai nấy đều có thể xưng là Thế Tôn. Chúng ta làm thế nào để có thể khiến cho chúng sanh gọi chúng ta là Thế Tôn? Hãy học theo đức Phật, đi theo con đường của đức Thế Tôn. Nguyên thứ tám trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát là *“thường tùy Phật học”*, tức là thường học theo Phật, sẽ tự nhiên trở thành Thế Tôn. Nay chúng ta là phàm phu thì phải học như thế nào?

1) Học theo Trí Đức của Phật: Dùng Văn, Tư, Tu để học. Chẳng có trí huệ, quý vị cầu đắc trí huệ. Nghe kinh nhiều bèn khai trí huệ thì gọi là Văn Huệ. Dùng nhiều tâm tư suy nghĩ đạo lý nhà Phật, một khi đã rỗng rang thông suốt, từ trong tâm hiểu rõ Phật lý, thì gọi là Tư Huệ. Quý vị đã hiểu rõ Phật lý, thực tiễn dụng công tu hành. Trong khi tu hành, lại khai trí huệ, thì gọi là Tu Huệ. Từ ba thứ trí huệ là Văn, Tư, Tu mà khơi gợi, mở mang trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có, trọn đủ hết thảy trí huệ thì [trí huệ của chính mình] sẽ giống như trí huệ của Phật.

2) Học theo Đoạn Đức của Phật: Quý vị đoạn hết phiền não, đoạn hết phiền não há dễ dàng ư? Nhưng quý vị chẳng đoạn, sẽ vĩnh viễn chẳng thể đoạn. Phải tùy thuộc căn cơ! Quý vị là căn cơ đốn siêu, sẽ lập tức đoạn trừ, nhưng người thuộc loại căn cơ ấy hiếm lắm! Quý vị

thuộc căn cơ [tăng tấn] từ từ, sẽ đoạn dần dần. Chẳng đoạn, quý vị sẽ vĩnh viễn làm phàm phu. Quý vị đoạn phiền não, đấng Đoạn Đức, chẳng phải là giống như đức Thế Tôn ư? Đoạn phiền não bằng cách nào? Trì giới. Tại gia có giới của hàng đệ tử tại gia, xuất gia thì có giới của đệ tử xuất gia. Đức Phật có ân đức đối với chúng ta, Ngài dạy chúng ta phải trì giới. Trì giới chính là “*phòng phi, chỉ ác*” (防非止惡, ngăn ngừa sai quấy, dứt điều ác). Trước hết, chẳng làm hết thấy các chuyện ác, không tăng thêm phiền não mới. Sau đấy, tu Định khiến cho cái tâm an định, tâm vọng tưởng chẳng dậy lên, dần dần hàng phục các phiền não cũ, khơi mở trí huệ Bát Nhã rồi sẽ đoạn trừ phiền não cũ. Dựa theo ba pháp Giới, Định, Huệ do đức Phật đã dạy, trước hết là trì giới, rồi tu Thiền Định, rồi khơi mở trí huệ Bát Nhã của chính mình, nhất định có thể đoạn hết phiền não.

3) Học theo Ân Đức của Phật: Quý vị đã có trí huệ, đoạn sạch phiền não. Do đối với chúng sanh, [quý vị] chẳng có ân đức, chẳng thể gọi là Thế Tôn. Thế Tôn là do người khác tôn trọng quý vị, gọi quý vị là Thế Tôn, chẳng phải là quý vị tự xưng là Thế Tôn. Thế Tôn là đáng có ân huệ đối với chúng sanh thế gian và xuất thế gian trong chín pháp giới, Ngài được tôn trọng là vì ân đức. Quý vị phải học theo ân đức của Phật như thế nào? Chúng sanh chẳng hiểu rõ Phật lý, quý vị học theo Trí Đức của Phật, giảng cho chúng sanh nghe, khiến cho họ hiểu rõ Phật lý. Chẳng phải là họ sẽ cảm niệm ân của quý vị ư? Học theo Đoạn Đức của Phật, quý vị dạy chúng sanh trì giới như thế nào, tu Thiền Định như thế nào? Họ đoạn trừ phiền não, chẳng phải là sẽ cảm niệm ân của quý vị ư? Do vậy, quý vị có trí huệ, đã đoạn phiền não, mà chẳng có ân đức đối với chúng sanh, vẫn chẳng thể xưng là Thế Tôn.

Vì rất nhiều nhân duyên, Phật giáo Trung Hoa hiện thời đang xuống dốc. Có một duyên khiến cho [Phật giáo Trung Hoa] suy sụp là người xuất gia đóng cửa tu hành tại chùa miếu, tại gia cư sĩ đóng cửa nhà mình tu hành, mới khiến cho Phật giáo suy vi. Hiện thời, tại Đài Loan có khá nhiều vị tại gia cư sĩ. Quý vị thấy những vị lão cư sĩ, họ chẳng phát tâm tu hành thì quý vị còn có thể thảo luận Phật pháp với họ. Hễ họ phát tâm tu hành, sợ gặp khách, quý vị muốn hỏi họ về đạo lý Phật pháp, họ sợ bị phiền nhiễu, bèn ở nhà đóng cửa tu hành trong tiểu Phật đường tại gia. Như vậy thì chẳng có ân đối với chúng sanh, chẳng thể tiếp dẫn chúng sanh. Tuy Phật giáo tốt đẹp, có liên quan gì với chúng sanh? Chúng sanh chẳng đạt được điều tốt đẹp nào từ quý vị, chẳng biết quý vị là người tốt, ngược lại còn ngỡ quý vị là kẻ xấu, là ký

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

sinh trùng ăn bám trong xã hội, tội danh gì cũng đều gán cho, muốn đả đảo đệ tử Phật, tức là đả đảo toàn thể Phật giáo. Vì thế, Phật giáo vì đóng cửa tu hành mà suy yếu!

Đại Thừa Phật pháp phải tự lợi, lợi tha, Phật có ba loại đức: Trí Đức, đức hết thảy trí huệ; Đoạn Đức, đoạn hết thảy phiền não. Hai loại đức này đều thuộc tự lợi. Ân Đức là lợi tha. Quý vị chẳng thể lợi ích hết thảy chúng sanh, lẽ đâu chúng sanh gọi quý vị là Thế Tôn cho được? Do vậy, phải chú trọng Ân Đức. Chúng ta học Phật, phải tự lợi, lợi tha, tu ba loại đức ấy, tu bao nhiêu hay bấy nhiêu. Tu viên mãn sẽ thành Phật. Phật Thích Ca được gọi là Thế Tôn, chúng ta cũng thành Thế Tôn. Trước khi thành Thế Tôn, chúng ta phải chiếu theo đường lối “tự lợi, lợi tha” của Đại Thừa để thực hiện, tu ba loại đức ấy, vừa cầu trí huệ, vừa đoạn phiền não, vừa lợi ích chúng sanh, ban ân huệ cho chúng sanh, người trong xã hội sẽ đều tôn trọng chúng ta, sẽ chẳng trông các tội danh lên đầu chúng ta.

Thiên Thân Bồ Tát tạo Vãng Sanh Luận, vì sao trước hết phải gọi một tiếng Thế Tôn? Có hai thứ ý nghĩa:

1) Một là tôn sư trọng đạo. Thiên Thân tôi học Phật pháp thì mới trở thành Bồ Tát. Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, hôm nay tôi tạo luận, chẳng thể quên bằng đức Bổn Sư của tôi, tôi phải tôn trọng vị thầy của tôi, tôi trước hết bân bạch với thầy: “Thưa thầy! Con hôm nay sẽ tạo luận”.

2) Hai là thỉnh Phật gia bị. Tôi là một Bồ Tát, còn chưa thành Phật, trí huệ chẳng trọn đủ, nhất định phải thỉnh đức Thế Tôn gia bị tôi, khiến cho Thiên Thân tôi tạo luận hay đẹp, chẳng phạm sai lầm, có thể lợi ích chúng sanh.

“*Ngã nhất tâm quy mạng*”: “*Ngã*” là Thiên Thân Bồ Tát tự xưng, có nghĩa là “*đệ tử*”. Đệ tử hôm nay mong nhất tâm quy mạng Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Nói “*Thế Tôn*” chẳng phải là nên quy mạng Phật Thích Ca ư? Vì hôm nay tôi tạo luận, dựa trên kinh Vô Lượng Thọ do Thích Ca Thế Tôn đã nói, Thích Ca Thế Tôn dạy chúng ta quy mạng A Di Đà Phật, cho nên tôi kính vâng theo mạng lệnh của Phật Thích Ca mà quy y. “*Nhất tâm*” chính là kiên thành, cung kính, chẳng có hai niệm. Nếu lúc chúng ta quy mạng, đánh lễ mà dấy lên vọng tưởng, tức là cái tâm của chính mình chẳng đủ kiên thành. Chính mình phải kiên thành, chỉ có cái tâm quy mạng, chẳng có niệm thứ hai, thì gọi là “*nhất tâm*”.

“*Quy mạng*” (歸命) là dịch nghĩa của chữ Nam-mô trong tiếng

Phạn. Nam-mô dịch sang tiếng Hán sẽ là “*quy y, quy kính, quy mạng*”. Đây là Lễ Bái Môn. Vốn là dập đầu đánh lễ, đáng nên dịch thành “*đánh lễ*”, vì sao dịch thành “*quy mạng*”? Vì ba nghiệp thân, khẩu, ý đều phải kiên thành. Lễ bái thuộc thân nghiệp. Khi thân thể lễ bái, trong tâm chẳng kiên thành, chẳng đạt được nhất tâm. Trong tâm kiên thành đến cực điểm, dùng sanh mạng của chính mình để quy y. Đây là cái tâm kiên thành không gì hơn được nữa! Khi ấy, quyết chẳng dấy vọng tưởng, sanh mạng tôn quý nhất của ta cũng chẳng cần, thay đều quy y A Di Đà Phật. Như vậy thì tự nhiên sẽ biến thành nhất tâm.

Chúng ta thường là vừa lạy Phật, vừa dấy vọng tưởng, tức là cái tâm kiên thành chẳng đủ. Nêu một trường hợp dễ hiểu, dễ thấy, chẳng hạn như quý vị tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, ấn định công khóa hằng ngày có lễ Phật, liền noi theo bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát mà lễ bốn mươi tám lạy. Hôm nay, khí trời quá nóng, công khóa do chính mình ước định, chẳng lạy tâm sẽ chẳng yên. Vừa lạy, vừa nghĩ cách trừ nhiệt! Hoặc là hôm nay quý vị đã làm công chuyện rất mệt mỏi, rã rời, nhưng chưa lạy bốn mươi tám nguyện, vẫn là rất miễn cưỡng lạy. Vì có cái tâm sợ nóng, hay mong nghỉ ngơi, bị vọng tưởng chướng ngại, lại lễ A Di Đà Phật, càng lạy, vọng tưởng càng nhiều. Đây là cái tâm kiên thành chẳng đủ! Nếu quý vị có tâm quy mạng, sanh mạng đã sớm giao cho A Di Đà Phật, chết cũng chẳng màng, còn sợ nóng nữa hay sao? Bèn hàng phục vọng tưởng sợ nóng. Tuy làm việc mệt mỏi, rã rời, nhưng sanh mạng đã sớm giao cho A Di Đà Phật, dầu chết vẫn phải lạy, tự nhiên sẽ chẳng dấy vọng tưởng.

Lại nêu một tấm gương trong kinh Địa Tạng. Mẹ của cô gái Bà La Môn lúc còn sống chẳng tin nhân quả, gièm chê, hủy báng Tam Bảo. Cô Bà La Môn vì tìm hỏi mẹ sau khi chết sẽ sanh về đâu, bèn bố thí, cúng dường chùa, tháp của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Vì cô ta chiêm lễ từ dung của đức Phật, tâm cúng dường Phật kiên thành đến tột bậc, ngay lập tức được cảm ứng. Cô ta nghe trên hư không có tiếng bảo: “Ta là Giác Hoa Định Tự Tại Vương, thấy thân tâm của con nhớ nghĩ mẹ vượt trời chúng sanh thường tình, cho nên ta đến bảo cho con biết chỗ mẹ con đã sanh về”. Cô Bà La Môn nghe đức Phật nói xong, hăng hái chẳng màng tấm thân, chỉ biết phải nên dập đầu lễ bái. “*Cử thân tự phác*” (Khấp thân tự gieo xuống) là giống như các lạt-ma lễ bái, rạp thân người xuống mà lễ, quăng thân thể xuống đất. Vì gieo thân quá mạnh, “*chi tiết giai tổn*” (tay chân đều bị tổn thương), tay chân đều nứt toác, đó là “*quy mạng đánh lễ*”. Chúng ta

thường xuyên lạy Phật, vì sao đức Phật chẳng nói gì với chúng ta? Vì chúng ta vừa lạy Phật, vừa dấy vọng tưởng, chẳng thể cùng Phật cảm ứng đạo giao.

“*Nhất tâm quy mạng*” giải thích theo cách thứ nhất thì là đem sanh mạng tôn quý nhất, duy nhất không hai của chính mình để quy y, đánh lễ. Theo cách giải thích thứ hai thì “*mạng*” là mạng lệnh hay giáo mạng của Phật. “*Nhất tâm quy mạng*” là ta chẳng có hai niệm, quy y lời dạy bảo, giáo mạng của đức Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật nói pháp môn Tịnh Độ, dạy ta tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, dạy ta phát nguyện vãng sanh Tây Phương, dạy ta trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật, ta chẳng có ý niệm thứ hai, nhất tâm quy y mạng lệnh của đức Phật, thì gọi là “*nhất tâm quy mạng*”. Cách giải thích thứ ba là “*quy mạng nhất tâm*”, nhất tâm là cái tâm chẳng có vọng tưởng, chẳng có hai niệm. Nhất tâm chính là chân tâm, tự tánh. “*Quy mạng*” là đem sanh mạng của chính mình, hồi quang phản chiếu quy vào chân tâm, tự tánh của chúng ta. Quý vị có thể hiểu loại đạo lý này, quý vị quy mạng nhất tâm sẽ có thể ngộ Tự Tánh Di Đà.

Hai cách giải thích trước chú trọng nơi sự tướng, cách giải thích thứ ba chú trọng lý tánh. Quý vị chú trọng sự tướng, không nói đến lý tánh, tức là “*cầu Phật ngoài tâm*”. Quý vị nhất tâm quy y giáo mạng của đức Phật, dùng sanh mạng kiên thành nhất, tôn quý nhất của chính mình để đánh lễ, quy y. Đức Phật dạy quý vị tu hành như thế nào, quý vị bèn tu hành như thế đó. Khi ấy, quý vị là quý vị, Phật là Phật, Phật vẫn ở ngoài tâm của quý vị. Cách giải thích thứ ba đã quy Phật vào nhất tâm của chính mình. Nhất tâm của quý vị to lớn không gì ra ngoài được, A Di Đà Phật chẳng ở ngoài nhất tâm của quý vị, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng ra ngoài nhất tâm của quý vị. Khi đó, quý vị quy y A Di Đà Phật, tức là quy y Tự Tánh Di Đà; quý vị cầu sanh Tịnh Độ chính là duy tâm Tịnh Độ. Đây chính là đạo lý “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Quý vị hiểu cách giải thích thứ ba theo lý tánh, chớ nên chấp Lý phệ Sự, vì quý vị có thể ngộ “Tự Tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ” thì vẫn là do chí tâm kiên thành, nhất tâm quy mạng giáo mạng của đức Phật mà ra. Hai cách giải thích trước là sự tướng. Chẳng thể rời khỏi sự tướng! Quý vị hãy khéo kiên thành, cung kính, dập đầu lễ bái, thì mới có một ngày hồi quang phản chiếu, ngộ Tự Tánh Di Đà.

4.1.2. Tán Thán Môn (讚歎門)

(Luận) Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai.

(論)盡十方無礙光如來。

(Luận: Tột mười phương Vô Ngại Quang Như Lai).

Tám chữ “*tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*” là môn thứ hai, tức Tán Thán Môn, tán thán công đức của A Di Đà Phật. “*Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*” [thì Vô Ngại Quang] là dịch nghĩa đức hiệu của A Di Đà Phật. Kinh A Di Đà chép: “*Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà? Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A Di Đà*” (Cớ sao đức Phật ấy hiệu là A Di Đà? Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi, chẳng bị chướng ngại, cho nên hiệu là A Di Đà). Đây là lời giải thích cho câu này. Vì A Di Đà Phật vô lượng quang minh, có thể chiếu trọn khắp các quốc độ trong mười phương, cho nên mới gọi là A Di Đà.

“*Thập phương*” là mười phương thế giới, phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, lại còn bốn góc, tức Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, lại còn phương trên và phương dưới, mỗi phương đều có vô lượng thế giới. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: “*Hư không vô biên, cố thế giới vô biên. Thế giới vô biên, cố chúng sanh vô biên*” (Do hư không vô biên nên thế giới vô biên. Do thế giới vô biên, nên chúng sanh vô biên). Đây là vũ trụ quan Phật giáo. Vũ trụ quan của Phật giáo phù hợp [vũ trụ quan của] các nhà khoa học. Hư không trong kinh Phật là hư không vô lượng vô biên, các thế giới trong hư không là vô lượng vô biên thế giới. Khoa học hiện thời đã chứng minh, xác thực thế giới là vô lượng vô biên. “*Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*” tức là quang minh của A Di Đà Phật vô lượng, chiếu trọn khắp mười phương thế giới, chẳng bị chướng ngại, không phải chỉ là chiếu thấu thế giới này, còn thế giới kia chẳng chiếu tới!

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Quang minh của A Di Đà Phật chẳng bị chướng ngại. Đã là chiếu trọn khắp mười phương thế giới, đương nhiên là sẽ chiếu thấu thế giới Sa Bà. Cớ sao chúng ta chẳng trông thấy?

Đáp: Chướng ngại chẳng ở nơi Phật, mà thuộc về phía chúng ta. Cổ nhân có nêu một thí dụ: “*Ánh mặt trời trọn khắp thiên hạ, nhưng kẻ mù chẳng thấy, chẳng phải là ánh mặt trời không trọn khắp*”. Giống như ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp địa cầu, nhưng kẻ “*sanh manh*”

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

chẳng trông thấy. “*Sanh manh*” (生盲) là người mù từ lúc lọt lòng, chưa từng thấy ánh sáng mặt trời, vậy thì có thể trách móc ánh nắng mặt trời chẳng chiếu đến kẻ ấy hay sao? Vì mắt kẻ ấy chẳng thấy, do vậy, chướng ngại thuộc về phía người sanh manh, chẳng phải do nơi mặt trời! Trong kinh Phật còn có một thí dụ: “*Dương quang biến chiếu, bất chiếu phúc bồn*” (Ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp, chẳng chiếu chậu úp), [nghĩa là] cái chậu úp xuống, ánh sáng mặt trời chẳng thể soi thấu. Đó là vì quý vị đã úp chụp cái chậu xuống đất, ánh sáng mặt trời mới chẳng chiếu thấu. Trong thí dụ về kẻ sanh manh, chính là chúng sanh chẳng có con mắt trí huệ, chẳng trông thấy quang minh của đức Phật. Chúng ta có tròng mắt là nhục nhãn của phàm phu, bị nghiệp chướng ngại, chẳng thể khai phát trí huệ được. Vì thế, Phật có quang minh mà quý vị chẳng trông thấy. “*Chẳng chiếu vào cái chậu úp*” có nghĩa là trái nghịch giác, xuôi theo trần lao. Quý vị chẳng thấy quang minh của Phật, tức là quý vị đã trái nghịch giác quang của đức Phật, thuận theo trần lao, tâm của quý vị chẳng ứng hợp tâm Phật, cho nên chẳng trông thấy quang minh.

Nói đến quang minh của Phật, giống như nói chuyện thần thoại, có chứng nghiệm. Quý vị hỏi đệ tử Phật tu hành, chỉ cần thiết thực dụng công tu hành, đã mở mắt trí huệ, sẽ đều có thể thấy quang minh của Phật. Chẳng phải là con mắt “*ngũ nhãn viên minh*” của đức Phật, mà là mắt của lũ phàm phu chúng ta, hễ quý vị khai trí huệ Phật được nhiều hay ít, sẽ đều có thể thấy quang minh của Phật. Tuy trí huệ chẳng khai tí nào, nhưng quý vị nghiêm túc, thiết thực tu hành, tâm của quý vị luôn trái nghịch trần lao, ứng hợp giác, ứng hợp với sự giác ngộ của Phật, quý vị sẽ trông thấy quang minh của Phật.

Đây là Thiên Thân Bồ Tát mong nhất tâm quy mạng đánh lễ, cho nên mới tán thán quang minh của A Di Đà Phật chiếu trọn khắp mười phương thế giới chẳng bị chướng ngại, chiếu trọn khắp mười phương thế giới chúng sanh. Vì A Di Đà Phật có đại trí huệ, cho nên mới có thể phóng đại quang minh cứu độ hết thảy chúng sanh, có ân đức đối với chúng sanh. Vì thế, chúng ta phải nên quy y Ngài.

4.1.3. Tác Nguyễn Môn (作願門)

(Luận) Nguyễn sanh An Lạc quốc.

(論)願生安樂國。

(Luận: Nguyên sanh cõi An Lạc).

“*Thế Tôn, ngã nhất tâm quy mạng*” là Lễ Bái Môn, tức môn thứ nhất. “*Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*” nhằm tán thán quang minh, trí huệ và công đức của A Di Đà Phật là Tán Thán Môn, tức môn thứ hai. “*Nguyên sanh An Lạc quốc*” là môn thứ ba, tức Tác Nguyên Môn, Tác (作) là phát nguyện. Tôi quy mạng đánh lễ Vô Ngại Quang Như Lai, tôi tán thán quang minh, trí huệ và công đức của A Di Đà Phật, tôi phát nguyện mong sanh về cõi An Lạc. Vì sao phải sanh về cõi An Lạc? Đó là một quốc gia rất bình an. Chúng ta ở trong thế giới Sa Bà, là một thế giới chẳng bình an, khổ não. Kinh Pháp Hoa nói: “*Tam giới vô an, do như hỏa trạch*” (Ba cõi chẳng yên, ví như nhà lửa). Giống như một căn nhà lớn bị hỏa hoạn; trẻ nhỏ chẳng biết, vẫn chơi đùa trong ấy. Quý vị gọi nó kiêu nào đi nữa, nó vẫn chẳng muốn đi ra. Lũ chúng sanh chúng ta ở trong thế giới Sa Bà đều là như vậy, cứ ngỡ cõi này rất an lạc, chẳng biết nơi đây là một thế giới rất nguy hiểm, rất đau khổ. Nói theo địa cầu của chúng ta, nó là Thành, Trụ, Hoại, Không. Địa cầu được thành lập thì gọi là Thành Kiếp. Hiện thời, [địa cầu] có thể an trụ, nên gọi là Trụ Kiếp. Trong tương lai, nó sẽ dần dần hư hoại, nên gọi là Hoại Kiếp. Đã hư hoại, chẳng có gì nữa, thì gọi là Không Kiếp. Trong tương lai, sẽ hư hoại như thế nào? Có tiểu tam tai và đại tam tai. Tiểu tam tai là:

- 1) *Đao binh tai*: Người giết ta, ta giết người.
- 2) *Cơ cấn tai*: Mọi người chẳng có cơm ăn, chịu nổi khổ đói kém.

3) *Dịch bệnh tai*: Mọi người đều ngã bệnh, sanh ra các bệnh dịch. Đại tam tai là hỏa tai, thủy tai, và phong tai; kết quả là quả địa cầu bị hư hoại, tới khi đó, thầy đều mắc phải tai ương. Hiện thời tiểu tam tai và đại tam tai có thể phát khởi bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào. Đao binh tai thì như quý vị thấy thế giới đại chiến lần thứ hai (đệ nhị thế chiến) đã kết thúc, thế giới đại chiến lần thứ ba luôn có cơ hội để bộc phát bất cứ lúc nào. Chúng ta xem báo chí, thấy nhân dân Việt Nam đang hứng chịu tai ương chiến tranh, chẳng phải là rất đau khổ ư? Đã có đao binh tai, chiến tranh đã chết mấy chục vạn người, khắp nơi đều đầy dẫy tử thi, nhất định sẽ phát sanh ôn dịch. Chiến tranh thì vật chất, của cải đều bị phá hoại, nhất định sẽ gặp cơ cấn tai (tai ương đói kém). Do vậy, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, cũng đều có thể phát sanh tai nạn.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Ở đây, phải chú ý: Thiên Thân Bồ Tát phát nguyện sanh về An Lạc quốc chẳng phải là đi lánh nạn! Ngài đến thân cận A Di Đà Phật nhằm học bản lãnh cứu độ chúng sanh. Vì thấy chúng sanh gặp tai, gặp nạn, chính mình mong cứu độ hết thảy chúng sanh, nhưng do trí huệ và thần thông chẳng đủ, phải sanh về Tây Phương, thân cận A Di Đà Phật, hòng đạt được trí huệ và thần thông, [có thể] phân thân trọn khắp các cõi nhiều như vi trần. Không chỉ là chúng sanh trong thế giới Sa Bà phải hộ trì, mà chúng sanh trong mười phương thế giới cũng đều phải hộ trì. Do đó, Ngài phát ra đại tâm nguyện, nguyện sanh vào An Lạc quốc.

Trong phần Kệ Tụng này, “*Thế Tôn, ngã nhất tâm quy mạng*” là môn thứ nhất, tức Lễ Bái Môn, lễ bái A Di Đà Phật. “*Tân thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*” là môn thứ hai, tức Tán Thán Môn, tán thán Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật. Ở đây là dựa theo ý nghĩa Vô Lượng Quang để tán thán quang minh của A Di Đà Phật chiếu trọn khắp mười phương thế giới, chẳng bị chướng ngại. “*Nguyện sanh An Lạc quốc*” là môn thứ ba, tức Tác Nguyện Môn, phát nguyện sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong phần Kệ Tụng này đã bao gồm ba Niệm Môn.

(Luận) Ngã y Tu Đa La, chân thật công đức tướng, thuyết nguyện kệ tổng trì, dữ Phật giáo tương ứng.

(論)我依修多羅，真實功德相，說願偈總持，與佛教相應。

(Luận: Con nương theo Khế Kinh, tướng công đức chân thật, nói nguyện kệ tổng trì, tương ứng lời Phật dạy).

Bốn câu này nhằm tiếp nối phần trước, dẫn khởi phần sau, trần thuật ý chỉ tạo luận. Trong phần Kệ Tụng trên đây đã nói: Con đánh lễ, tán thán, lại phát nguyện. Nay con muốn tạo Vãng Sanh Luận thì dựa vào kinh gì để tạo? “*Ngã y Tu Đa La*” (Con nương theo Khế Kinh). Tu Đa La (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Khế Kinh (契經). “*Khế giả hợp dã, thượng hợp chư Phật chi lý, hạ hợp chúng sanh chi cơ*” (“Khế” là phù hợp, trên là hợp với lý của chư Phật, dưới là hợp căn cơ của chúng sanh). Phía trên là khế hợp với Lý của chư Phật, phía dưới phải ứng hợp căn cơ của chúng sanh. Đức Phật nói kinh đều luôn ứng hợp với Lý của chư Phật. Lý của chư Phật chính là lý Chân Như

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Thật Tướng. Vì thế, nếu chẳng ứng hợp đạo lý Chân Như Thật Tướng, sẽ chẳng phải là kinh điển Đại Thừa do đức Phật đã nói.

Kinh điển Đại Thừa dùng Thật Tướng để ấn chứng, phù hợp lý Thật Tướng thì chính là kinh do đức Phật đã nói. Nếu không, chẳng phải là kinh Tiểu Thừa, mà là kinh của ngoại đạo. Lý Thật Tướng cao sâu, huyền diệu, nhưng đức Phật thuyết pháp “*thâm nhập, thiên xuất*” (chứng nhập sâu xa, nhưng diễn tả nông cạn), nói sao cho chúng sanh thấu hiểu. Nếu không, đức Phật nói kinh mà chúng sanh nghe chẳng hiểu, sẽ chẳng thể đạt được lợi ích. Vì thế, đức Phật nói kinh, quý vị đừng nên sợ [kinh Phật] quá cao sâu; hễ nghiên cứu, sẽ nhất định thấu hiểu. Vì kinh do đức Phật nói luôn khế hợp căn cơ của chúng sanh. Đức Phật nói kinh, có khi nói trên cõi trời, có lúc nói trong nhân gian. Kinh nói trên cõi trời phù hợp ứng hợp với căn cơ của chúng sanh trên cõi trời. Kinh nói trong nhân gian sẽ ứng hợp căn cơ của chúng sanh trong nhân gian. Chẳng có bộ kinh nào mà chúng ta chẳng thể thông hiểu. Quý vị nói “chẳng thông hiểu” là vì quý vị chẳng nghe, chẳng nghiên cứu!

“*Tu Đa La*” tức là kinh Đại Thừa do đức Thích Ca Như Lai đã nói, ở đây là nói tới kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ nói về các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Y báo là sự trang nghiêm nơi quốc độ Tây Phương Cực Lạc thế giới; chánh báo là sự trang nghiêm của A Di Đà Phật và chư đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Chân thật công đức tướng*” : Nói tổng quát thì tướng công đức trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới như kinh Vô Lượng Thọ đã nói đều được thành tựu bởi công đức chân thật. “*Chân thật*” là chẳng hư dối, chẳng trá ngụy, là tướng công đức chân thật. Tây Phương Cực Lạc thế giới là do A Di Đà Phật sau khi đã xuất gia nơi Thế Tụ Tại Vương Như Lai, đã phát nguyện muốn tạo lập một thế giới thanh tịnh trang nghiêm. Do vậy, Ngài trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu hành các thứ công đức thành tựu. Ngài luôn dựa trên Chân Như Thật Tướng để tu hành công đức, những công đức đã tu đều là công đức vô lậu. Vì thế, công đức sau khi thành tựu sẽ chẳng bị hư hoại.

“*Hữu lậu*” (有漏) và “*vô lậu*” (無漏) là danh từ chuyên môn trong Phật giáo. “*Lậu*” (漏, Āsraya) là danh xưng khác của phiền não. Chúng sanh trong tam giới đều có phiền não. Những công đức dựa trên phiền não để làm sẽ đều bị hư hoại. Vì thế, gọi là Lậu. Giống như ở

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

trong căn nhà bị dột, hoặc đồ vật bị rò rỉ. Nhà ở bị mưa dột thì gọi là “*lậu lạc*” (漏落). Nồi nấu cơm bị rỉ nước, rò rỉ đến cuối cùng chẳng còn nước, thì gọi là “*lậu thất*” (漏失, rỉ mất). Đối chiếu với công đức chúng ta đã làm trong tam giới thì chúng đều là công đức hữu lậu, đều là hư ngụy, chẳng chân thật, tức là công đức bị rò rỉ, chảy mất.

Quý vị dựa trên cái tâm phiền não, gây tạo ác nghiệp, nhất định sẽ đọa vào ba ác đạo; quý vị tạo thiện nghiệp, quả báo vẫn chẳng thoát khỏi tam giới. Quý vị làm công đức ít, đời sau, đời kế, chuyển thành một người phú quý. Quý vị làm công đức to lớn, sanh lên cõi trời hưởng phước trời, đạt được quả báo nhân thiên. Quý vị làm công đức là nhân, sanh lên cõi trời hưởng phước trời là quả. Quý vị làm bao nhiêu công đức, sẽ đáng nên hưởng bấy nhiêu quả, có hạn độ nhất định. Kinh Địa Tạng đã nói rõ ràng: “*Xả nhất đắc vạn báo*” (Xả một, được báo cả vạn). Quý vị bỏ thí một đồng tiền, có thể hưởng thụ quả báo một vạn đồng. Do đó, quý vị sanh lên cõi trời, hưởng hết phước trời sẽ đọa xuống, đó gọi là “*lậu lạc*”. Vì quý vị dùng cái tâm phàm phu hữu lậu, cho nên công đức đã làm sẽ chẳng phải là vô lượng vô biên, quý vị đạt được quả báo cũng chẳng thể là vô lượng vô biên. Vì thế, phước trời khiến cho quý vị “*xả một, đắc cả vạn*”, vẫn là có một hạn độ nhất định. Ví như quý vị làm công đức trên thế gian, đời sau, đời kế, chuyển sanh làm một người đại phú đại quý, cuộc sống hưởng quả báo tốt đẹp. Hưởng hết phước báo trong nhân gian, đời thứ ba có thể là ngay cả thân người còn chưa thể làm, lại còn phải đọa lạc trong ba ác đạo. Vì lúc quý vị đang hưởng phước phú quý, nếu bị hoàn cảnh phú quý mê hoặc, ngay cả công đức hữu lậu cũng chẳng làm, còn tạo các ác nghiệp, đời thứ ba nhất định đọa lạc. Đây chính là “*lậu lạc*”. Quý vị sanh lên cõi trời, hưởng hết phước trời, quả báo công đức đã xong, quý vị tu công đức trong nhân gian, hề hưởng hết phước báo trong nhân gian thì công đức bị mất đi, cho nên gọi là “*lậu thất*”.

Tu hành trong thế giới Sa Bà, phải là sau khi đã chứng Vô Sanh Pháp Nhãn thì công đức đã làm mới thuộc loại vô lậu, thuận theo Pháp Tánh, hợp Thật Tướng. Trong phần trước, đã có nói Nan Hành Đạo và Dị Hành Đạo, tu hành trong thế giới Sa Bà, mong chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn đã khó lại càng khó hơn! Nếu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, do được nhiệm quang minh của A Di Đà Phật, sẽ chẳng thoái chuyển. Các thứ trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do sau khi A Di Đà Phật chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, tu vô lượng A-tăng-kỳ kiếp công đức mà thành tựu. Vì Ngài đã tu công đức vô lậu

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

chân thật, [những công đức ấy] sẽ không bị đột nát, rỉ mất.

“*Thuyết nguyện kệ tổng trì*” (Nói nguyện kệ tổng trì): “*Thuyết*” là Thiên Thân Bồ Tát thuyết, tức là Ngài viết ra. “*Nguyện kệ*” là Nguyên Sanh Kệ; Ngài đã tạo Vãng Sanh An Lạc Quốc Kệ Tụng. “*Tổng*” là “*tổng nhiếp*” (總攝, thu tóm chung lại). “*Trì*” là “*nhậm trì*” (任持, gìn giữ, duy trì). Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất nhiều tướng công đức chân thật của y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ sợ chúng sanh chẳng dễ ghi nhớ. Vì thế, đệ tử con là Thiên Thân nay dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, lại nói Nguyên Sanh Kệ để thu tóm tổng quát, giữ lấy tướng công đức chân thật, khiến cho chúng sanh xem bài Kệ Tụng do con viết, sẽ chẳng quên mất, dễ dàng phát nguyện tu hành. Vì sao con phải soạn Nguyên Sanh Kệ? Chính là nhằm chọn lựa các tướng công đức trong kinh Vô Lượng Thọ để nói tổng quát.

“*Dữ Phật giáo tương ứng*” (Tương ứng với lời Phật dạy): “*Phật*” là nói tới Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Giáo*” là những ngôn giáo do Như Lai đã nói, tức là những lời thuyết pháp của đức Phật. Kệ Tụng do con là Thiên Thân đã tạo, ứng hợp với ngôn giáo do đức Phật đã nói, chẳng trái nghịch những lời dạy bảo của đức Phật.

Vừa mở đầu Phần Kệ Tụng, trước hết đã gọi “*Thế Tôn*”, tôi đã nói [danh xưng ấy] có hai thứ ý nghĩa:

1) Một là tôn sư trọng đạo. Con làm đệ tử muốn tạo Vãng Sanh Luận, dựa theo kinh Phật để tạo. Trước hết, con phải bảm cáo với thầy, giống như chúng ta làm chuyện gì, trước hết, phải hướng về cha mẹ thưa một tiếng.

2) Hai là cầu Phật gia bị, tức là muốn “*dữ Phật giáo tương ứng*”. Chỉ sợ trí huệ của con chẳng đủ, cầu đức Thế Tôn gia bị con [khiến cho] Vãng Sanh Luận do con soạn sẽ ứng hợp nghĩa lý của kinh Vô Lượng Thọ.

Còn có một thứ ý nghĩa nữa là cầu Phật ấn chứng, Vãng Sanh Luận do con soạn ra, thỉnh đức Thế Tôn chứng minh [những điều con đã viết] tương ứng với ngôn giáo do đức Phật đã nói.

“*Ngã y Tu Đa La, chân thật công đức tướng, thuyết nguyện kệ tổng trì, dữ Phật giáo tương ứng*”: Phần Kệ Tụng này nhằm thừa tiếp phần kinh văn trước đó, con muốn nhất tâm quy mạng, tán thán Vô Ngại Quang Như Lai, con nguyện sanh trong An Lạc quốc, con muốn dựa theo kinh Vô Lượng Thọ để tạo luận, dùng những phần kinh văn kế tiếp để xiển dương, phát khởi.

Trong năm Niệm Môn, phần kế tiếp thuộc môn thứ tư, tức Quán Sát Môn, [tức là] quan sát tướng công đức của y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh văn của phần Quán Sát Môn rất dài, chia thành ba đoạn lớn:

1) Quan sát sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức nơi quốc độ của đức Phật ấy.

2) Quan sát công đức thành tựu của chính đức Phật ấy.

3) Quan sát sự trang nghiêm do thành tựu bởi công đức của các vị Bồ Tát trong cõi ấy.

Tôi giảng trước về đoạn thứ nhất, tức sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức nơi quốc độ của đức Phật ấy, tức là phần quan sát y báo trang nghiêm (sự trang nghiêm nơi y báo). Y báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới bao gồm tất cả mười bảy loại trang nghiêm; dưới đây, sẽ giải thích từng điều một.

4.1.4. Quán sát môn (觀察門) (chia thành ba đoạn)

4.1.4.1. Quan sát sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức nơi quốc độ của đức Phật ấy (chia thành mười bảy tiểu đoạn)

4.1.4.1.1. Sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức thanh tịnh (tổng tướng)

(Luận) Quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo.

(論) 觀彼世界相，勝過三界道。

(Luận: Quán tướng thế giới ấy, vượt trội đạo tam giới).

Hai câu này là quan sát loại thứ nhất trong mười bảy loại trang nghiêm nơi y báo, tán thán sự trang nghiêm thanh tịnh. “*Quán bỉ thế giới tướng*” tức là quan sát tổng tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu bởi công đức thanh tịnh. Thanh tịnh như thế nào? “*Thắng quá tam giới đạo*”, chúng ta chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy so sánh đôi chút để quý vị thấu hiểu cõi ấy vượt trội tam giới lục đạo của thế giới Sa Bà.

Thế giới Sa Bà chia thành tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Lại chia cặn kẽ hơn thì là sáu đường, gồm ba thiện đạo, tức thiên đạo, nhân đạo, A Tu La đạo; ba ác đạo là địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, và súc sanh đạo. Sáu đường ấy đều thuộc vào Dục Giới, vì chúng sanh trong lục đạo đều có tâm dâm dục. Vì thế, gọi chung là Dục Giới.

Chư thiên trong sáu tầng trời của Dục Giới⁸ vẫn có tâm dâm dục. Lên cao hơn là Sắc Giới, Sắc chính là thân thể. Chúng sanh trong giới này tu công phu Thiên Định, đã hàng phục cái tâm dâm dục. Do công phu Thiên Định mà sanh lên trời, thường nói là Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên và Tứ Thiên. Dựa trên công phu sâu hay cạn mà có Tứ Thiên Thiên. Chia căn kẽ thì có mười tám tầng trời⁹, thân thể của chúng sanh trong Sắc Giới rất thanh tịnh. Lên cao hơn nữa là Vô Sắc Giới. Chúng sanh trong giới này tu Tứ Không Định, xóa sạch thân tướng, chẳng có thân thể, bên trong chỉ có một tâm tư. Tam giới đều ở trong thể giới Sa Bà, gọi là “tam giới đạo”.

Tam giới đạo bao gồm lục đạo. Ba ác đạo chẳng thể so sánh với Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì ba ác đạo chẳng có bất cứ thứ trang nghiêm gì, chỉ có đau khổ. A Tu La đạo cũng chẳng thể đem ra so sánh, vì A Tu La đạo vẫn coi như là thuộc về tứ ác đạo. Chỉ so sánh với nhân đạo và thiên đạo, tức là đem so sánh sự trang nghiêm trong nhân gian và trên cõi trời thì [cả hai cõi ấy] đều thua kém sự trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Thắng quá tam giới đạo” thật ra là vượt trội nhân đạo và thiên đạo trong thế giới Sa Bà.

“Tam giới đạo” là nói nhân thiên đạo có sự trang nghiêm, có vui sướng, nhưng chẳng thể sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì trong tam giới, tất cả sự trang nghiêm và phước báo hưởng thụ trong đường nhân thiên đều là tướng điên đảo, bất tịnh:

⁸ Dục Giới (Kāmadhātu) bao gồm sáu tầng trời, nếu tính từ dưới lên thì là Tứ Vương Thiên (Cātummahārājika), Đạo Lợi Thiên (Trāyastriṃśa), Dạ Ma Thiên (Yāma), Đâu Suất Thiên (Tushita), Hóa Lạc Thiên (Nirmāṇarati), và Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmita-vaśavartin).

⁹ Sắc Giới (Rūpadhātu) chia thành Tứ Thiên Thiên.

1. Sơ Thiên Thiên bao gồm ba tầng trời, tức Phạm Chúng Thiên (Brahmapāriṣadya), Phạm Phụ Thiên (Brahmapurohita), và Đại Phạm Thiên (Mahābrahmā).

2. Nhị Thiên Thiên bao gồm ba tầng trời, tức Thiểu Quang Thiên (Parīttābha), Vô Lượng Quang Thiên (Apramāṇasubha), và Quang Âm Thiên (Ābhāsvara)

3. Tam Thiên Thiên bao gồm Thiểu Tịnh Thiên (Parīttasubha), Vô Lượng Tịnh Thiên (Apramāṇasubha), và Biến Tịnh Thiên (Śubhakṛtsna).

4. Tứ Thiên bao gồm Vô Vân Thiên (Anabhraṅka), Phước Sanh Thiên (Punyaṅprasava), Quảng Quả Thiên (Bṛhatphala), Vô Tướng Thiên (Asaññasatta), Vô Phiền Thiên (Avṛha), Vô Nhiệt Thiên (Atapa), Thiện Kiến Thiên (Sudṛṣa), Thiện Hiện Thiên (Sudarśana), và Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaṅiṣṭha). Năm tầng trời Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh Thiên gộp chung thành Ngũ Tịnh Cư Thiên.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

1) Điên đảo: Hết thấy các pháp vô thường, nhưng họ chấp trước là thường. Hết thấy các pháp là khổ, họ chấp trước là vui. Hết thấy các pháp vô ngã, họ chấp trước là có một cái Ngã. Hết thấy các pháp bất tịnh, họ chấp trước là tịnh. Đây đều là điên đảo.

2) Bất tịnh: Tất cả các thứ trang nghiêm đều mang tánh chất ô nhiễm, họ ngỡ là thanh tịnh. Đây gọi là tướng bất tịnh, điên đảo. Chẳng hạn như bảy báu trong thế gian, tức vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, chúng ta chẳng có phước báo thì sẽ chẳng có được. Có phước báo thì đạt được. Hễ chấp trước bèn bị bảy báu xoay chuyển, khiến cho tự tánh thanh tịnh của chúng ta bị nhuốm bản. Do đó, bảy báu trong nhân gian chẳng phải là bảy báu thanh tịnh, nó sẽ ô nhiễm con người. Bảy báu trang nghiêm trên cõi trời, so với [bảy báu trong] nhân gian càng tốt, càng đẹp hơn, nhưng chúng nó ô nhiễm con người càng dữ dội hơn nữa. Quý vị sanh lên cõi trời, bất luận ai bảo quý vị tu hành, quý vị đều chẳng muốn tu hành. Vì thế, bảy báu trang nghiêm trong tam giới chẳng thể sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là tướng công đức thanh tịnh.

Mọi người đều nói Phật pháp khó hiểu. Lão pháp sư Đàm Hư bảo: *“Phật pháp rất dễ hiểu, tu hành rất dễ dàng, chứng quả cũng dễ dàng. Phật pháp chỉ có sáu chữ: Nhìn thấu, buông xuống, tự tại”*. Quý vị đối với niềm vui ngũ dục trong thế gian đều nhìn thấu, chúng đều là những thứ chẳng thanh tịnh, nhuốm bản con người. Đã nhìn thấu bèn buông xuống, thấy đều trừ bỏ chúng, quý vị sẽ đạt được tự tại. Như vậy thì Phật pháp chẳng phải là rất dễ thấu hiểu, rất dễ tu hành, rất dễ đạt được lợi ích ư? *“Nhìn thấu”* thuộc về phương diện đạo lý. *“Buông xuống”* thuộc về phương diện tu hành. *“Tự tại”* là đạt được kết quả. Quý vị có thể tự tại hay không, tùy thuộc quý vị có nhìn thấu và buông xuống hay không? Kẻ chẳng hiểu Phật pháp đương nhiên là chẳng nhìn thấu! Chúng ta hằng ngày nghe kinh, thậm chí nghiên cứu đạo lý Phật giáo rất nhiều năm, nơi đạo lý đều hiểu rõ “chớ nên dấy động tâm tham bảy báu; đối với người nhà, quyến thuộc, niềm vui ngũ dục cũng đều chẳng nên tham”, tức là đã thấy thấu suốt nơi đạo lý, nhưng trên thực tế, quý vị chẳng buông xuống, là vì quý vị không chỉ chẳng buông xuống gia sản, quyến thuộc, vàng, bạc, của cải, mà ngay cả những thứ ham mê tầm thường, vẫn chẳng thể buông xuống được!

Có một vị lão cư sĩ là một nhà đại tài chủ, đã học Phật rất nhiều năm, sống rất đăm bạc, nhưng chẳng thể buông xuống tiền tài nổi! Khi

ấy đã phát hành tiền giấy, nhưng ông ta cho rằng: Hễ ngân hàng bị đóng cửa, tiền giấy sẽ vô dụng. Vì thế, ông ta chẳng tin tưởng tiền giấy, cho rằng tiền đúc bằng bạc mới là chân thật. Tiền bằng bạc trong nhà ông ta dùng chẳng hết, số tiền còn thừa đó chất chứa lại. Ông ta làm rất nhiều cái rương nhỏ để đựng bạc. Trong phòng ông ta để mấy chục cái rương nhỏ. Vị lão cư sĩ ấy hết tuổi thọ, đáng lẽ sanh về Tây Phương, người nhà quyền thuộc rất hiếu thuận, đều giúp trợ niệm A Di Đà Phật. Đến lúc đã sắp ra đi, ông ta chẳng thể nói năng, nhưng mắt chẳng ngớt ngó những cái rương nhỏ ấy. Con cái ông ta bỗng hiểu rõ: “Chắc là cha chẳng thể buông xuống những cái rương nhỏ ấy”. Con cái ngay lập tức làm những giải niêm phong, đem ấn chương của vị lão cư sĩ ấy đóng lên, dán các giải niêm phong lên những cái rương nhỏ đó, thưa với vị lão cư sĩ: “Cha ơi! Cha phải sanh về Tây Phương nhanh lên nhé! Trên những cái rương này của cha đều viết là đã niêm phong vào tháng đó, năm đó, người nào cũng đều chẳng thể động đến được!” Vị lão cư sĩ ấy mới nhắm mắt, thở hắt ra một hơi rồi qua đời. Con cái đều rất hoan hỷ, vì con cái đều hiểu Phật pháp, do giúp cha trợ niệm, cha nhất định sanh về Tây Phương.

Chúng ta hãy nghiên cứu sâu hơn một bước nữa: Vị lão cư sĩ ấy có sanh về Tây Phương hay không? Bình thời, ông ta sống rất đạ bạc. Đây chính là thấy thấu suốt, nhưng chẳng buông xuống tiền bạc được! Nếu buông xuống, lúc bình thời [đối với số bạc] chẳng dùng đến, phải nên đem làm công đức bố thí hết, tới khi lâm chung, sẽ chẳng bị vương mắc, trở ngại, nhất định sẽ có thể sanh về Tây Phương. Khi lâm chung, ông ta chẳng thể nói năng, mắt vẫn cứ nhìn đi ngó lại những cái rương ấy. Con cái ông ta niêm phong rương, đóng ấn chương lên, ông ta mới nhắm mắt. Có thể thấy là ông ta chẳng buông tiền bạc xuống được, vương mắc đầy bụng, làm sao có thể sanh về Tây Phương cho nổi?

Đây chính là trong đường nhân thiên của thế giới Sa Bà, những thứ bảy báu ấy chẳng phải là thứ thanh tịnh, chúng nhuốm bản tự tánh của chúng ta, nhuốm bản dữ dội! Thật ra, không chỉ là tiền bạc nhuốm bản con người, mà mỗi thứ ham mê đều có thể ô nhiễm con người, khiến cho quý vị trầm trệ, khiến cho quý vị chẳng sanh về Tây Phương. Chẳng hạn như quý vị học Phật đã rất nhiều năm, điều gì cũng đều thấy thấu suốt, đáng lẽ phải ăn chay trường, cơ sao còn phạm giới uống rượu? Đây là một thứ ham mê, quý vị nghe chuyện này chẳng có gì đáng kể, kẻ uống rượu trong xã hội cả đống, nhưng đối với chuyện sanh về Tây Phương, nó trở thành vấn đề. Vì quý vị có một thứ tham đắm, còn

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

có một thứ ô nhiễm. Nếu đến khi lâm chung, hãy còn có ý niệm muốn uống hai chén rượu; như vậy là đã bị một chút ham mê gây trở ngại, chẳng sanh về Tây Phương được! Nghĩ sâu hơn chút nữa: Quý vị chỉ cần có một thứ ham mê, chẳng hạn như không cai thuốc lá được. Tới khi mạng chung, sắp sanh về Tây Phương, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, con ghiền thuốc nổi lên, [Phật và chư thánh] có thể đợi cho quý vị hút xong một điếu thuốc rồi mới sanh về Tây Phương hay không? Đây là lời nói đùa, thật ra, đúng là một vướng mắc! Vì thế, đừng nên tham cầu niềm vui ngũ dục trong thế giới Sa Bà.

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Có kẻ chẳng nương theo Phật Thích Ca và Thiên Thân Bồ Tát làm thầy, mà noi theo sự hướng dẫn của cái tâm vọng tưởng. Kẻ ấy thấy kinh Vô Lượng Thọ nói các thứ trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều do bảy báu thành tựu. Lại thấy kinh A Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng nói như vậy, bèn cho rằng: Ở trong thế giới Sa Bà, chúng ta đầy động tâm tham, sanh phiền não. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là bảy báu, chẳng phải là đã dẫn dụ chúng ta sanh tâm tham, sanh phiền não càng dữ dội hơn, làm sao có thể thành Phật cho được? Vì thế, người ta đừng nên sanh về Tây Phương. Vì hễ sanh về Tây Phương, [bảy báu] sẽ làm hại họ, dẫn khởi sanh ra tâm tham!

Đáp: Đây chính là tự ngộ chính mình thông minh, tưởng là trí huệ của chính mình cao minh hơn Phật Thích Ca và Thiên Thân Bồ Tát! Kẻ ấy chẳng hiểu Tây Phương Cực Lạc thế giới bảy báu trang nghiêm được thành tựu bởi công đức thanh tịnh, sẽ chẳng ô nhiễm con người. Bảy báu trong thế giới Sa Bà là thứ chẳng thanh tịnh, sẽ ô nhiễm con người, giống như vị lão cư sĩ tôi vừa mới nhắc đến, chẳng buông tiền bạc xuống được. Vì thế giới Sa Bà quá ít vàng ròng, ông ta mới chấp trước. Hễ chấp trước, sẽ chẳng buông xuống được, sẽ càng ngày càng tham, càng ngày càng chấp trước. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, toàn là bảy báu, đại địa toàn là vàng ròng, giống như xi-măng (cement) trong hiện tại, ai cũng chẳng đem cement bỏ vào rương khóa lại, vì cement chẳng đáng giá, chẳng phải là thứ hiếm thấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... là những vật liệu để xây dựng nhà ở, giống như gỗ, ngói ở nơi đây. Do vì bảy báu rất nhiều, không chỉ là chẳng tăng thêm tâm tham, mà còn sẽ trừ bỏ cái

tâm tham nơi thế giới Sa Bà, bởi chẳng cần phải tham. Đây là phương pháp vi diệu nhất để đoạn trừ tham phiền não.

Ba tư lương trong pháp môn Tịnh Độ là Tín, Nguyện, Hạnh. Thứ nhất là phải tin, thứ hai là phải phát nguyện, thứ ba là phải tu hành. Tín là chẳng nghi. Hễ sanh nghi hoặc, tức là chẳng tin. Nếu quý vị có nỗi nghi hoặc ấy, hôm nay nghe tôi nói, hãy nên phá trừ nghi hoặc, sanh khởi tín tâm. Tây Phương Cực Lạc thế giới bảy báu trang nghiêm sẽ chẳng dẫn khởi cái tâm tham của quý vị. Đó là diệu dụng của A Di Đà Phật, đúng là diệu pháp để trừ khử cái tâm tham của chúng ta.

Mười bảy loại trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, loại thứ nhất là tổng trang nghiêm, tức tướng thành tựu, giống như chúng ta đến giảng đường của Chí Liên tinh xá, cảm giác thật sự thanh tịnh.

4.1.4.1.2. Trang nghiêm lượng công đức thành tựu

(Luận) Cừu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế.

(論)究竟如虛空，廣大無邊際。

(Luận: Rốt ráo như hư không, rộng lớn không ngần mé).

Đây là loại thứ hai, tán thán sự trang nghiêm về lượng. Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới to cỡ nào? “*Cừu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế*” (Rốt ráo như hư không, rộng lớn không ngần mé). Thật sự giống như hư không, hư không chẳng tìm thấy ngần mé, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng tìm thấy ngần mé. Chúng sanh trong mười phương thế giới chỉ cần phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận bao nhiêu chúng sanh đều có thể sanh về. Vì quốc độ ấy chẳng có kích thước, không có cách nào tính toán nó rộng bao nhiêu cây số, cõi ấy vô lượng vô biên như hư không; chỉ cần quý vị phát nguyện sanh về đó, cõi ấy đều có thể dung nạp.

Tôi bé quan tại chùa Bảo Thông thuộc Hồng Sơn, huyện Vũ Xương (tỉnh Hồ Bắc) bên Đại Lục. Phía sau quan phòng có một cái sân nhỏ để thoáng khí. Khi tôi ở ngoài sân, thường nghe thấy bên ngoài có một người đang ca hát, chẳng biết là ai đang ca hát? Chẳng biết hát bài gì? Tường vây quanh sân chẳng cao, tôi bèn bắc ghế tìm thử, trông thấy một vị sư phụ xuất gia. Ngôi chùa ấy có một đám trâu phóng sanh giao cho vị ấy trông nom, [vị ấy] được gọi là Ngưu Đầu Sư. Ông ta dắt trâu lên núi, thả cho trâu ăn cỏ, không có chuyện gì bèn ca hát. Tôi gọi ông

ta: “Sư phụ ơi! Thầy đang hát bài gì vậy?” “Tôi hát lung tung đó mà”. “Thầy hát lung tung, sao có thể hát thành công đức gì cho được? Vì sao thầy không niệm A Di Đà Phật, trong tương lai có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liễu sanh thoát tử, chẳng uổng phí công sức xuất gia một phen? Vì sao cứ phải ca hát loạn cao cao?” Ông ta biết tôi là pháp sư bẻ quan, bèn đáp ứng: “Được rồi!”

Ngày hôm sau, tôi vẫn nghe thấy ông ta ca hát, trong tâm tôi không buông xuống được, lại bắc ghế dòm xem, tôi nói: “Nguu Đầu Sư, hôm qua tôi khuyên thầy niệm Phật, đừng nên ca hát, có sao thầy vẫn ca hát?” Hôm qua ông ta nói “được”, vì tôi là pháp sư, ông ta chẳng muốn cùng tôi biện luận. Hôm nay, tôi lại khuyên ông, ông nổi cáu: “Sanh hết về Tây Phương thì chỗ đâu mà ngồi?” (*khi ấy, thỉnh chúng cười àm lên*). Tôi lại khuyên ông ta: “Đây là do thầy tự mình phân biệt! Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, đó là do vô lượng công đức của A Di Đà Phật thành tựu, chẳng thể giống như thầy nghĩ là không dung nạp được! Thầy chẳng sanh về, làm sao biết [cõi ấy] sẽ chẳng dung nạp được? Thầy hãy thử niệm A Di Đà Phật trước xem. Thầy sanh về Tây Phương, nhất định là có chỗ ổn thỏa cho thầy. Thầy vẫn nên gắng niệm Phật đi”. Dường như ông ta chẳng muốn biện luận với tôi, bèn đáp: “Được! Được!” Ngày thứ ba, chẳng còn nghe ông ta ca hát nữa. Đại khái là ông ta vẫn chẳng chấp nhận lời tôi nói, đi qua chỗ khác để ca hát.

Ở đây, Thiên Thân Bồ Tát tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như hư không, là quốc độ được thành tựu bởi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Nhân chẳng thể nghĩ bàn, quả cũng chẳng thể nghĩ bàn, lũ phàm phu chúng ta chẳng thể suy tưởng nổi. Đây là “*rộng lớn, không ngăn mé*”. Chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về, cõi ấy đều có thể dung nạp!

4.1.4.1.3. Trang nghiêm tánh công đức thành tựu

(Luận) Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh.

(論)正道大慈悲，出世善根生。

(Luận: Chánh đạo đại từ bi, sanh thiện căn xuất thế).

Đây là loại thứ ba, tán thán tánh trang nghiêm. “*Tánh*” là tự tánh, đây là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu như thế nào? Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu bởi “*chánh đạo đại*

từ bi, xuất thế thiện căn sanh”. Do vậy, thể tánh của Tây Phương Cực Lạc thế giới là chủng tánh Đại Thừa.

Trước hết, giải thích hai chữ “*chánh đạo*”. Chẳng tà, chẳng lệch, thì gọi là Chánh Đạo. Trong phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị, thánh nhân và phàm phu chia thành tổng cộng mười pháp giới. Đạo được hành bởi lục đạo phàm phu gọi là “*tà đạo*”. Thánh nhân Tiểu Thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, tu đạo chẳng tà, nhưng thiên về tự lợi, cho nên là “*thiên đạo*” (偏道, đạo thiên vị, lệch lạc). Phật, Bồ Tát là thánh nhân Đại Thừa, tu đạo trung gian, tức là chánh đạo. Nhân là Bồ Tát, quả là Phật. “*Chánh đạo*” là chẳng tà nơi lục đạo, mà cũng chẳng lệch lạc nơi Nhị Thừa.

Đạo tu bởi lục đạo phàm phu thì chúng sanh trong ba ác đạo đã tạo ác nghiệp, phải chịu khổ. Chúng sanh trong ba thiện đạo tu hữu lậu thiện nghiệp, đối với những thiện pháp đã tu đều chấp tướng. Do vậy, thiện pháp do lục đạo phàm phu tu tập đều là tà, chẳng chánh, chẳng ra khỏi tam giới, chẳng thoát khỏi luân hồi! Hàng Nhị Thừa vượt thoát tam giới, thoát khỏi luân hồi, chỉ biết tự lợi, chẳng chịu tạo lợi ích cho chúng sanh, họ chứng đắc Thiên Không Niết Bàn, chẳng thể phát sanh công đức Diệu Hữu, chẳng thể lợi ích chúng sanh. Vì thế, họ chẳng tà, nhưng lệch lạc. Chánh đạo Đại Thừa coi lợi tha là tự lợi. Khi lợi ích chúng sanh, chính mình đã đạt được lợi ích. Chẳng hạn như hành bố thí, dùng pháp để bố thí là tốt nhất. Quý vị phát tâm giảng kinh, thuyết pháp cho chúng sanh nghe, nhất định là chính mình trước hết phải nghiên cứu, mục đích là tạo lợi ích cho người khác, trên thực tế, chính mình đã đạt được lợi ích trước. Đạo lý khẩn yếu nhất ở đây là chớ nên chấp tướng. Hễ chấp tướng, sẽ sai lầm. Chúng ta độ chúng sanh, phải phát tâm giảng kinh, thuyết pháp. Hễ quý vị chấp trước, tất cả công đức giảng kinh, hoằng pháp thanh tịnh đều biến thành công đức hữu lậu, tức là rơi vào phía tà của phàm phu. Nhưng quý vị bỗng dung phát đạo tâm, chính mình mong liễu sanh thoát tử, bèn đóng cửa tu hành, muốn xa lìa hết thấy chúng sanh, chẳng muốn lợi ích chúng sanh nữa, thì lại lệch về Nhị Thừa mất rồi! Do đó, người học Phật rất nhiều, người đạt được lợi ích nơi Đại Thừa rất ít, [bởi lẽ], suốt ngày từ sáng đến tối bận bịu gây tạo lợi ích cho chúng sanh, nhưng đều là thực hiện công đức hữu lậu của phàm phu, chẳng phải là rơi vào tà của phàm phu lục đạo, thì cũng là lệch về Nhị Thừa. Chẳng đi theo chánh đạo Đại Thừa, làm sao có thể thành Phật cho được? Vì thế, A Di Đà Phật thành tựu Tây Phương Cực Lạc thế giới, lợi ích hết thấy chúng sanh mà chẳng chấp

tướng, Ngài đi theo chánh đạo.

“Chánh đạo đại từ bi”: “Từ bi” thì Từ là có thể ban vui, Bi là có thể dẹp khổ. Ban sự vui sướng cho chúng sanh thì là từ tâm; dẹp trừ nỗi khổ não cho chúng sanh thì là bi tâm. Cái tâm ấy giống như cha mẹ thương con đau đau. Con cái chẳng vui sướng, [cha mẹ] nhất định sẽ ban cho con sự vui sướng, sẽ cho con cái ăn ngon. Thấy con cái ăn rất vui vẻ, cha mẹ cũng rất hoan hỷ. Sự vui sướng của con cái là do cha mẹ ban cho, đây gọi là Từ Tâm. Con cái sanh bệnh, cha mẹ ngay lập tức kiếm bác sĩ, cho con uống thuốc, dẹp trừ nỗi đau khổ cho con. Đó là Bi Tâm.

Nhưng cha mẹ ban vui, dẹp khổ, chẳng thể ban cho niềm vui xuất thế, chẳng thể dẹp nỗi khổ sanh tử luân hồi. Vì thế, lòng từ bi của cha mẹ chẳng phải là lòng từ bi của Phật. Lòng từ bi của Phật thì “ban vui” sẽ là ban cho niềm vui xuất thế gian, niềm vui Bồ Đề, niềm vui Niết Bàn, khiến cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Dẹp khổ thì sẽ dẹp trừ hết thảy phiền não của chúng sanh, khiến cho họ vượt thoát tam giới, thoát khỏi luân hồi. Dẹp trừ nỗi khổ Phần Đoạn sanh tử trong tam giới, dẹp trừ nỗi khổ Biến Dịch sanh tử ngoài tam giới, đây mới là lòng từ bi của Phật. Lòng từ bi của cha mẹ chỉ là đau đau yêu thương con cái của chính mình, chẳng thể đau đau yêu thương con cái của kẻ khác, chỉ có thể biểu lộ lòng từ bi theo pháp thế gian, chẳng biết pháp xuất thế gian. Do đó, lòng từ bi của cha mẹ có tâm lượng quá nhỏ, chẳng thể gọi là đại từ bi! Đại từ bi là không chỉ ban cho niềm vui thế gian, dẹp trừ nỗi khổ thế gian, mà còn phải ban cho niềm vui xuất thế gian, phải dẹp trừ sanh tử ở ngoài tam giới, lại còn chẳng phải là vì quyền thuộc của một cá nhân, mà là ban vui cho hết thảy chúng sanh, dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh. Đây mới là đại từ bi.

Theo Phật lý, từ bi sẽ do mức độ sâu hay cạn khác nhau, mà có ba loại:

1) Chúng Sanh Duyên Từ Bi (眾生緣慈悲): Tức là khuếch đại cái tâm yêu thương con cái của cha mẹ. Đối với hết thảy chúng sanh, hễ người già thì ta đều coi họ như cha mẹ của chính mình. Kẻ tuổi tác không sai khác chúng ta cho mấy, coi họ là anh chị em của ta. Kẻ trẻ tuổi hơn chúng ta, ta coi họ như con cái của chính mình. Khuếch đại cái tâm từ bi đối với người nhà quyền thuộc của chính mình, coi hết thảy chúng sanh đều là người nhà quyền thuộc của chính mình. Đây là Chúng Sanh Duyên Từ Bi, vì chúng sanh đều sanh tử luân hồi trong lục đạo. Đời này có cha mẹ, anh em trai, chị em gái của ta trong đời này.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Đời trước cũng có cha mẹ, anh em trai, chị em gái và con cái của ta trong đời trước; đời trước nữa cũng thế. Sống sống, chết chết như thế, trong cái nhìn của đức Phật, mọi người đây kia đều đã từng là người nhà, quyến thuộc. Quý vị suy nghĩ như vậy, ta muốn ban vui, hãy ban vui cho hết thảy chúng sanh. Ta muốn dẹp khổ thì dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh. Đây là Chúng Sanh Duyên Từ Bi. Đệ tử Phật sơ phát tâm đều là phàm phu, quán tưởng như vậy, dùng lòng từ bi như vậy để độ chúng sanh thì là Chúng Sanh Duyên Từ Bi.

2) Pháp Duyên Từ Bi (法緣慈悲): Hàng Nhị Thừa chúng đắc Ngã Không, Bồ Tát chúng đắc Pháp Không. Bồ Tát hiểu hết thảy các pháp đều là Không, thoát ly hết thảy các khổ, thương xót hết thảy chúng sanh, nương theo lý Pháp Không để độ chúng sanh, nhưng chẳng chấp trước tướng chúng sanh, thì gọi là Pháp Duyên Từ Bi.

3) Vô Duyên Từ Bi (無緣慈悲): Đức Phật tùy ý tự nhiên có một loại từ bi, chẳng hạn như: “*Hồng chung tại giá, hữu khẩu tắc minh*” (Hồng chung treo trên giá, hễ đánh bèn kêu). Ví như ở đại điện của chùa miếu có treo một quả hồng chung, quý vị gõ nhẹ, nó sẽ kêu khẽ, gõ mạnh bèn kêu to. Sức gõ nhỏ thì âm thanh nhỏ, sức gõ mạnh thì âm thanh to, nhưng chuông trọn chẳng động niệm, nghĩ sẽ ban cho quý vị tiếng nhỏ, hay ban cho tiếng lớn. Nó tự nhiên có thể phát ra âm thanh; đó gọi là Vô Duyên. Đức Phật là như thế đó, Ngài chẳng động niệm “ban cho quý vị một niềm vui, dẹp một nỗi khổ cho quý vị”, nhưng chỉ cần quý vị thân cận Phật, tự nhiên sẽ được lợi ích “ban vui, dẹp khổ”. Đó gọi là Vô Duyên Từ Bi.

Hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát chúng ta đều là phàm phu; chúng ta mong lợi ích chúng sanh, đó là Chúng Sanh Duyên Từ Bi, nhưng nhất định phải quán tưởng Pháp Duyên Từ Bi và Vô Duyên Từ Bi. Nay chúng ta chẳng chúng Pháp Không của Bồ Tát, mà cũng chưa thành Phật, nhất định phải hướng theo đó mà dụng công. Quý vị chẳng hiểu đạo lý Pháp Không và Vô Duyên, chỉ dùng Chúng Sanh Duyên Từ Bi, kết pháp duyên chẳng thanh tịnh với chúng sanh, sẽ sanh ra ái kiến phiền não. Như tôi vừa mới nói, “chúng ta lợi ích chúng sanh chớ nên chấp tướng”. Đây gọi là “*chánh đạo đại từ bi*”. Khi quý vị từ bi với chúng sanh, ban vui, dẹp khổ, quý vị chẳng biết đạo lý Pháp Không và Vô Duyên, hễ quý vị chấp tướng bèn dấy tâm tham ái. Chúng sanh này có duyên với quý vị, tiếp nhận sự hóa độ của quý vị, quý vị cảm thấy chúng sanh ấy tốt lắm, bèn tham ái kẻ đó, dấy lên một thứ tri kiến gọi là “*ái kiến*”, tăng thêm ái kiến phiền não. Kẻ kia chẳng nghe quý vị giáo

hóa, quý vị bèn sanh lòng ghét bỏ, căm hận. Kết quả là chẳng đáng nên tham mà lại tham, chẳng đáng nên sân mà lại sân. Quý vị chẳng quán Không, nên sanh ngu si. Chúng ta vốn lợi ích chúng sanh, tức là ban vui, dẹp khổ, kết quả là chẳng dẹp trừ phiền não của chính mình, từ ái kiến phiền não mà sanh ra sân, từ sân mà sanh ra si. Tham, sân, si phát sanh, vì độ chúng sanh mà tăng thêm những phiền não mới. Do vậy, phải từ bi, nhưng đừng nên chấp tướng, hiểu đạo lý Pháp Duyên Từ Bi thì sẽ là Pháp Không, hiểu đạo lý Vô Duyên Từ Bi thì đừng nên dấy động cái tâm duyên lự.

“*Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh*”: Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật hành Bồ Tát đạo, đây là chánh đạo, lợi ích chúng sanh, nhưng chẳng chấp tướng, chẳng lệch về phàm phu, chẳng lệch về Nhị Thừa. Đi theo chánh đạo là đạo Đại Thừa, tức là Pháp Duyên Từ và Vô Duyên Từ. Tuy Từ có thể ban vui, Bi là có thể dẹp khổ, nhưng chẳng chấp tướng; đây chính là thiện căn xuất thế. Nếu không, hễ chấp tướng, công đức sẽ biến thành hữu lậu, rơi vào pháp thế gian. Từ thiện căn xuất thế gian, sanh ra Tây Phương Cực Lạc thế giới; do đó, bản tánh của Tây Phương Cực Lạc thế giới là chánh đạo đại từ bi, là tâm thiện căn xuất thế.

4.1.4.1.4. Trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu

(Luận) Tịnh quang minh mãn túc, như kính nhật nguyệt luân.

(論)淨光明滿足，如鏡日月輪。

(Luận: Quang minh sạch trọn đủ, như gương, vàng nhật nguyệt).

Đây là loại thứ tư, tán thán sự trang nghiêm nơi hình tướng, ý nói diện mạo bên ngoài của Tây Phương Cực Lạc thế giới là như thế nào? “*Tịnh quang minh mãn túc*”: Quang minh thanh tịnh sung mãn trọn đủ, đầy khắp thế giới đều là quang minh thanh tịnh, nhưng chúng ta chẳng thấy, [cho nên] có thể dùng tỷ dụ [để dễ hình dung hơn]. “*Như kính, nhật, nguyệt luân*” (Như gương, như mặt trời, mặt trăng): “*Như*” là giống như. Quang minh thanh tịnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như gương, vàng mặt trời, vàng mặt trăng trong thế giới Sa Bà. Thật ra, gương trong thế giới Sa Bà chẳng thanh tịnh bằng sự thanh tịnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới, vàng mặt trời, mặt trăng trong thế giới Sa Bà đều chẳng bằng quang minh thanh tịnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao biết là chẳng sánh bằng? Vì trong phần trước, đã có

một câu tán thán chung: “*Quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo*” (Quán tướng thế giới ấy, vượt trội tam giới đạo). Tướng công đức thanh tịnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới vượt trội thế giới Sa Bà. Tỷ dụ này khiến cho chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn đủ quang minh thanh tịnh.

4.1.4.1.5. Trang nghiêm các thứ sự công đức thành tựu

(Luận) Bị chư trân bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm.

(論)備諸珍寶性，具足妙莊嚴。

(Luận: Đủ tánh các trân bảo, đầy đủ diệu trang nghiêm).

Đây là loại thứ năm, tán thán các thứ trang nghiêm nơi Sự. “*Bị chư trân bảo tánh*” (Đầy đủ tánh chất của các thứ trân bảo): “*Bị*” (備) là đầy đủ, “*chư*” (諸) là rất nhiều, công đức kiêu nào cũng đều có. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy các món quý báu không gì chẳng trọn đủ. Chẳng hạn như trong kinh Di Đà nói bảy báu, tức vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, chính là thuận theo những thứ mà mọi người trong thế giới Sa Bà đều biết. Thật ra, Tây Phương Cực Lạc thế giới có vô lượng món trân bảo. “*Cụ túc diệu trang nghiêm*” (Trang nghiêm màu nhiệm trọn đủ): Trân bảo là những vật phẩm trang hoàng, hết thảy các vật trang nghiêm đều do trân bảo hợp thành. Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là cỏ trên mặt đất, cây bên đường, lầu gác, ao hoa sen, thảy đều là do các món trân bảo thành tựu. “*Diệu*” (妙) là chẳng thể nghĩ bàn. Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn đủ các thứ trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn!

“*Bị chư trân bảo tánh*” (Trọn đủ tánh trân bảo): Chử Tánh (性) rất quan trọng. Có sao Tây Phương Cực Lạc thế giới có trân bảo nhiều ngàn ấy? “*Tánh*” là “vốn có”. Bản tánh của Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn đủ trân bảo, cho nên mới có thể có trân bảo nhiều ngàn ấy. Bản tánh do A Di Đà Phật chứng đắc, nơi phía chúng sanh chúng ta thì gọi là Phật Tánh, nơi hết thảy các pháp thì gọi là Pháp Tánh. Tánh được chứng đắc khi thành Phật thì gọi là Niết Bàn. Tức là Ngài đã chứng đắc diệu tánh Niết Bàn, trong ấy, tự nhiên trọn đủ vô lượng trân bảo. Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, dịch theo lối cũ (trước thời ngài Huyền Trang) là Tịch Diệt (寂滅), dịch theo lối mới là Viên Tịch (圓寂).

Tịch Diệt có nghĩa là tịch tĩnh. Không chỉ là hết thấy các pháp hữu vi là tịch tĩnh, ngay cả pháp vô vi cũng tịch tĩnh thì mới gọi là Niết Bàn. Chúng sanh từ vô thủy kiếp tới nay, một mực luân hồi trong lục đạo, lưu chuyển sanh tử. Tịch Diệt nghĩa là diệt trừ nỗi khổ sanh tử, đây là cách giải thích theo Niết Bàn chứng đắc bởi hàng Tiểu Thừa, tức là Niết Bàn chứng đắc bởi Tứ Quả A La Hán. Cho đến khi quả báo của người ấy đã tận, người ấy nhập Niết Bàn, sẽ “*hôi thân mẫn trí*” (灰身泯智). “*Hôi thân*” (Thân hóa thành tro) là chẳng còn thân thể nữa, dùng lửa tam-muội thiêu thân thể thành tro. “*Mẫn trí*”: “*Mẫn*” là “*mẫn diệt*” (泯滅, diệt mất), [“*mẫn trí*” là] trí huệ cũng chẳng còn, dùng Diệt Tận Định để diệt trừ nó, tức là từ đây trở đi, chẳng còn thọ thân hậu hữu (thân trong đời sau), chẳng còn thọ sanh trong tam giới nữa, bèn gọi là Tịch Diệt. Do Niết Bàn chứng đắc bởi hàng Tiểu Thừa có nghĩa là Tịch Diệt, hết thấy các pháp hữu vi và pháp vô vi thấy đều vắng lặng, hết thấy sanh tử đều diệt trừ. Khi ấy, bèn “*hôi thân, mẫn trí*”, trong thế giới chẳng có chúng sanh ấy nữa. Họ chứng đắc Thiên Không Niết Bàn, trọn đủ công đức thì là tịch diệt.

Đại Thừa Niết Bàn viên tịch, Viên là viên mãn, Tịch là tịch diệt. Dịch theo lối cũ [thì Niết Bàn] được dịch là Tịch Diệt, chỉ có Tịch, chẳng có ý nghĩa Viên. “*Viên Tịch, đức vô bất bị, viết Viên; chướng vô bất tận, viết Tịch*” (Viên Tịch: Không đức nào chẳng đủ là Viên, không chướng nào chẳng tận là Tịch). “*Đức vô bất bị*”: Hết thấy công đức đều viên mãn thì gọi là Viên. “*Chướng vô bất tận*”: Hết thấy các chướng ngại chia thành hai loại lớn, tức là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng thấy đều đoạn hết, thì gọi là Tịch. Như thế bèn chứng đắc Đại Thừa Niết Bàn. Niết Bàn do Đại Thừa chứng đắc trọn đủ hết thấy công đức; nói tổng quát thì có ba đức:

1) Pháp Thân Đức: Phật chứng đắc Niết Bàn, thành Pháp Thân Phật. Pháp Thân Phật tức là lấy tánh của hết thấy các pháp làm thân. Cái được Pháp Tánh thành tựu chính là Lý Thể. Hết thấy các pháp đều có một chân lý. Hết thấy các pháp là tướng sai biệt, nhưng chân lý chẳng hai! Chứng đắc chân lý duy nhất, sẽ chứng đắc bản tánh của hết thấy các pháp. Khi ấy bèn chứng đắc Pháp Thân. Đại Thừa Niết Bàn trọn đủ Pháp Thân Đức.

2) Bát Nhã Đức: Bát Nhã (Prajñā) dịch sang tiếng Hán là trí huệ. Hàng Tiểu Thừa chứng đắc trí huệ, họ nhập Niết Bàn “*mẫn diệt*” bèn chẳng còn [đến trí huệ ấy] nữa. Trong Đại Thừa Niết Bàn vốn trọn đủ trí huệ Bát Nhã, có thể như thật liễu tri tướng của hết thấy các pháp.

Đối với lý Chân Như Thật Tướng của các pháp tướng sai biệt đều thấu hiểu rõ ráo viên mãn, nên gọi là trí huệ Bát Nhã.

3) Giải Thoát Đức: Sau khi đã tự mình giải ngộ chân lý, thoát khỏi hết thảy sanh tử, thì gọi là Giải Thoát. Hàng Tiểu Thừa diệt trừ sanh tử, bèn nhập Thiên Không Niết Bàn. Hàng Đại Thừa trừ diệt sanh tử, xa lìa hết thảy các phiền não, đạt được đại tự tại thì gọi là Giải Thoát Đức.

Pháp Thân Đức, Bát Nhã Đức, và Giải Thoát Đức là ba thứ công đức trọn đủ trong Đại Niết Bàn. Mỗi loại công đức ấy đều trọn đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

1) Thường Đức: Nói theo Thể, quý vị chứng đắc bản tánh Lý Thể của Đại Niết Bàn thường trụ bất biến, tức là vĩnh hằng chẳng thay đổi, chẳng còn sanh diệt nữa. Đây là Thường. Nói theo Dụng thì tùy duyên hóa dụng, vĩnh viễn chẳng ngưng dứt. Quý vị chứng đắc Đại Niết Bàn thành Phật, trọn đủ lâu xa hết thảy các công đức, có Thường Đức tùy duyên hóa độ chẳng đoạn tuyệt.

2) Lạc Đức: Nói theo Thể, sau khi quý vị đã thành Phật, chứng đắc bản thể của Đại Niết Bàn là tịch diệt, vĩnh viễn an ổn, chẳng còn sanh diệt nữa, bèn có một loại Thiên lạc vĩnh viễn. Nói theo Dụng, vị ấy giáo hóa chúng sanh, vận dụng tự tại, việc làm thuận lòng. Quý vị có thể ứng cơ thuyết pháp, tùy loại giáo hóa hết thảy chúng sanh, hành động đều vừa lòng thỏa ý, đắc một loại pháp lạc [như thế đó].

3) Ngã Đức: Phạm phu chấp trước một cái Ngã. Ngã ắt cần có một tự thể. Ngã ắt cần phải tự mình có thể làm chủ, có thể tự tại. Phạm phu chẳng có tự thể, có gì để gọi là Ngã? Bên ngoài có một thân thể, trong là một cái tâm, hợp lại thì gọi là Ngã. Nhưng thân thể là do Địa, Thủy, Hỏa, Phong giả hợp, chẳng thể gọi là Ngã. Trong thì có tâm vọng tưởng, tức là Thọ, Tướng, Hành, Thức, bốn thứ tác dụng hợp thành, cũng chẳng có một cái Thể chân thật. Chính mình chẳng thể làm chủ, chẳng được tự tại, chẳng thể gọi là Ngã. Quý vị chứng đắc bản thể Đại Niết Bàn, là bản thể chân thật, mặc tình tự tại, có phẩm đức tự tại, nên gọi là Ngã.

4) Tịnh Đức: Nói theo Thể, bản thể của Niết Bàn giải thoát hết thảy cấu nhiễm, chẳng có pháp ô nhiễm; vì thế, bản thể là thanh tịnh. Nói theo Dụng, nó tùy duyên giáo hóa hết thảy chúng sanh, độ chúng sanh mà chẳng bị chúng sanh ô nhiễm. Do vậy, gọi là Tịnh Đức.

Đây là giải thích theo lý luận, thuộc về thuật ngữ chuyên môn, chẳng dễ hiểu cho lắm! Nêu một thí dụ về chứng đắc Lý Thể của Niết

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

Bàn là như thế nào? Chúng tôi chỉ nói về Tịnh Đức, giống như bản thể của vàng ròng trong thế gian có phẩm đức thanh tịnh, xa lìa hết thảy các ô nhiễm. Nói theo Dụng, nó tùy duyên mà chẳng bị nhiễm duyên. Dùng vàng tạo thành tượng Phật thì là tịnh duyên, nó chẳng bị nhiễm bởi tịnh duyên. Đem vàng chế thành ống nhỏ thì là nhiễm duyên, vẫn chẳng bị nhiễm duyên nhuộm bản. Nó chẳng bị nhiễm bởi tịnh duyên, mà cũng chẳng bị nhiễm bởi sở duyên; do vậy, bản thể của vàng ròng có Tịnh Đức.

Niết Bàn có đức thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật giáng hạ nhân gian, thị hiện tám tướng thành đạo. Ngài nhập thai trong bụng phụ nhân Ma Da, đó là chỗ nhơ bản nhất, nhưng Ngài chẳng bị nhuộm bản. Trong tám tướng thành đạo của Đại Thừa, có một tướng là Trụ Thai. Ở trong bụng mẹ, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng rảnh rỗi, vẫn là giống hệt như mở đạo tràng, chuyển pháp luân, độ chúng sanh, vì Niết Bàn do Ngài chứng đắc vốn có Tịnh Đức. Nói ra những công đức và diệu dụng của Phật, nhằm bảo chúng ta hãy học theo. Công đức của Phật cao vòi vọi, đều là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao mà ở trong bụng mẹ vẫn chuyển pháp luân? Trong tương lai, chúng ta thành Phật, cũng sẽ giống như vậy, chúng ta phải học theo.

Dùng Bồ Tát làm thí dụ, Lục Tổ đại sư sau khi được Ngũ Tổ truyền y bát, vì nhân duyên hoàng pháp còn chưa chín muồi, Ngài ẩn thân trong đội thợ săn suốt mười lăm năm. Thợ săn ở trên núi săn dã thú và chim chóc, là nơi chốn tạo ác nghiệp, nhưng Lục Tổ đại sư chẳng bị ô nhiễm. Đây là Ngài học theo Tịnh Đức của Phật. Thợ săn thì phải sát sanh, Lục Tổ ở trong đội thợ săn, đương nhiên là bị giao phó công việc sát sanh. Người ta bảo Ngài đi săn cọp, sói, Ngài giả vờ chẳng biết săn. Họ thấy Ngài vô dụng, sai Ngài trông lưới. Bầy chim chóc và các loài thú thì phải dùng lưới. Chim chóc đụng phải lưới, bị mắc lưới, chẳng cần Ngài đến bắt. Động vật sa vào lưới, Ngài báo cho họ biết là được rồi. Nếu chẳng có thợ săn bên cạnh, Ngài liền thả những con vật bị mắc lưới. Người ta hỏi Ngài vì sao suốt ngày chẳng có thu hoạch gì? Ngài nói: “Động vật chẳng sa vào lưới, làm sao tôi bắt nổi!” Ở trong ác nghiệp sát sanh ô nhiễm, mà Ngài chẳng bị ô nhiễm. Ăn cơm thì thợ săn đều dùng thịt làm thức ăn, Ngài không ăn thịt chúng sanh, tự mình lên núi kiếm chút rau dại. Người ta hỏi Ngài: “Vì sao không ăn thịt?” Ngài nói: “Dạ dày của tôi chẳng tốt, ăn thịt sẽ bị tiêu chảy”. Do đó, Ngài ăn rau bên cạnh thịt, vẫn chẳng bị hoàn cảnh xấu hèn nhuộm bản. Đây chính là tấm gương khéo học đức Tịch Tĩnh của

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Niết Bàn. Chúng ta học Phật chưa được, trước hết hãy học theo tổ sư, ở trong cảnh giới ô nhiễm mà chẳng bị ô nhiễm, sẽ ứng hợp với Tịnh Đức của Niết Bàn.

“*Bị chư trần bảo tánh*”: “*Tánh*” là tánh Niết Bàn. Thành Phật bèn chứng đắc hai thứ quả, một là Bồ Đề quả, hai là Niết Bàn quả. Bồ Đề quả tức là trí huệ quả; Niết Bàn quả là lý tánh quả, thật ra, vẫn là một quả! Vì sao thành Phật có hai quả? Nói theo phương diện trí huệ, Ngài trọn đủ hết thấy trí huệ, nên gọi là Bồ Đề quả. Nói theo phương diện lý tánh, Ngài chứng đắc viên mãn Lý Thể của Niết Bàn, nên gọi là Niết Bàn quả.

“*Tánh*” trong “*bị chư trần bảo tánh*” chính là nói tới Đại Niết Bàn của Phật mà A Di Đà Phật đã chứng đắc, nó trọn đủ hết thấy công đức, trọn đủ hết thấy các thứ trần bảo trang nghiêm. Nơi Lý Thể bèn trọn đủ hết thấy công đức, nên gọi là “*lý cụ*” (理具, đầy đủ về Lý). Làm thế nào để có thể chứng đắc Lý Thể của Niết Bàn? Quý vị tu hành thì gọi là Sự Tu (事修, tu nơi mặt Sự). Ai nấy đều có Phật Tánh, tức là nói theo đạo lý, chứ trên sự thật, chúng ta vẫn là phàm phu. Chẳng tu hành, hết thấy các công đức sẽ chẳng thể hiện tiền. A Di Đà Phật đối trước Thế Tự Tại Vương Phật, phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nương vào nguyện mà dẫn khởi hạnh, dẫn khởi Hạnh Môn của Bồ Tát, tu hành Lục Độ. Lục Độ triển khai rộng ra sẽ là muôn loại Hạnh Môn, tức là vô lượng Hạnh Môn, không điều thiện nào chẳng tu, tu trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Lợi ích chúng sanh, kết quả là tự lợi. Ngài tu viên mãn công đức nơi sự tướng, chứng đắc Niết Bàn, bản tánh trọn đủ các thứ trang nghiêm.

Tịnh Độ Tông của Phật giáo niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; Gia Tô Giáo cầu nguyện thượng đế, cầu sanh thiên quốc, thoát nghe thì ý nghĩa chẳng sai khác cho mấy, nhưng đạo lý khẩn yếu nhất trong ấy khác nhau. Trong lý luận của Phật giáo, bất cứ đạo lý nào cũng đều có nhân và quả. Nhân quả là tổng cương (cương lãnh tổng quát) của mười hai bộ loại trong Tam Tạng. Chẳng có nhân quả, sẽ không thể thuyết pháp được. Nhất định phải là nhân như thế nào thì mới có thể đạt được cái quả như thế ấy. Phàm phu là như thế, mà thánh nhân cũng là như thế. Vì sao phàm phu đọa vào ba ác đạo? Vì đã tạo cái nhân của ác đạo. Quý vị tạo cái nhân địa ngục, đọa vào địa ngục đạo. Tạo cái nhân ngạ quỷ, đọa vào ngạ quỷ đạo. Tạo cái nhân súc sanh, đọa vào súc sanh đạo. Vì sao quý vị chuyển sanh trong ba thiện đạo? Vì quý vị đã tạo cái nhân của ba thiện đạo. Quý vị tạo cái nhân

làm người, bèn chuyển vào nhân đạo. Quý vị tạo cái nhân A Tu La, sẽ chuyển vào thiên đạo. Quý vị tạo cái nhân A Tu La, sẽ chuyển sanh trong A Tu La đạo. Nhân như thế nào, đạt được cái quả như thế ấy. Thánh nhân Phật giáo có bốn loại; quý vị làm thế nào để trở thành hàng Tiểu Thừa, tức là làm Thanh Văn, Duyên Giác? Quý vị tu cái nhân Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên; tu đạo Tiểu Thừa, sẽ đắc quả Tiểu Thừa. Quý vị làm thế nào để thành Bồ Tát, thành Phật? Quý vị tu cái nhân Đại Thừa, sẽ đắc quả Đại Thừa. Nghiệp nhân quả báo là tổng cương của hết thảy các pháp môn trong Phật giáo. Đức Phật thành Phật, thuyết pháp vẫn là “có nhân, có quả”.

Ở Ấn Độ, có một thứ là Nhân Minh Học (因明學, Hetuvidyā), hiện thời gọi là La Tập (logic). Thuở đó, Phật giáo đã từng mở hội biện luận với ngoại đạo, có một quy tắc: Quý vị nói đạo lý gì mà trên thế gian chẳng có, sẽ không nhắc tới. Vì trong thế gian chẳng có, quý vị nói ra, làm sao có thể [khiến cho] thính chúng tin tưởng nổi? Nói theo thế gian thì có nhân, có quả, vì “trông dưa được dưa, trông đậu được đậu”. Ất cần phải có nhân, có quả thì đạo lý thế gian mới nói thông suốt được, mới tiếp tục nói ra đạo lý xuất thế gian. Nếu đạo lý thế gian nói không suông, chẳng cho phép quý vị tiếp tục nói đạo lý ấy. Thượng Đế được nói trong Gia Tô Giáo là chánh báo, thiên quốc là y báo, y báo lẫn chánh báo đều chẳng có nhân, chẳng có quả! Thượng Đế từ đâu ra? Chẳng có cái nhân! Ông ta là chân thân, quý vị chẳng được phép thắc mắc. Y báo thiên quốc do đâu mà có? Do Thượng Đế sáng tạo ra, chẳng cho phép quý vị thắc mắc. Nhưng hề biện luận thì chẳng có pháp nào trong thế gian là không có nhân mà sanh ra quả. Nói theo đạo lý thế gian chẳng suông, những gì quý vị đã nói chính là thần thoại, chẳng có sự thật! Tịnh Độ Tông có nhân, có quả, Tây Phương Cực Lạc thế giới từ đâu ra? Do A Di Đà Phật trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, đã tu Lục Độ, vạn hạnh, vô lượng công đức trang nghiêm. Chánh báo A Di Đà Phật từ đâu mà có? Quá khứ Ngài là một vị quốc vương, xuất gia trước mặt Thế TỰ Tại Vương Như Lai, tên là tỳ-kheo Pháp Tạng. Ngài phát ra bốn mươi tám đại nguyện mà tu hành, nên mới thành tựu Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chánh báo có nhân thì mới có thể kết thành quả; y báo cũng có nhân thì mới có thể kết thành quả.

Lấy pháp thế gian để sánh ví, hiện thời, [quý vị] mời tôi là Đạo Nguyên đến giảng kinh, coi như pháp sư Đạo Nguyên là pháp chủ. Pháp sư tôi đây do đâu mà có? Tôi thoát đầu xuất gia, chẳng biết giảng kinh, thuyết pháp. Tôi theo học với lão pháp sư, học vài chục năm bèn

học được, có nhân, có quả! Chí Liên tinh xá do đâu mà có? Giảng đường này của Chí Liên tinh xá là do vợ chồng Tào cư sĩ phát tâm. Nhà ông ta ở trên phố Nam Dương đối diện trạm xe Đài Bắc. Vốn là trên lầu bốn của nhà ông ta có mở giảng đường, vì chỉ có thể ngồi được ba mươi người, không gian chẳng đủ lớn. Do vậy, phát tâm dựng một cao ốc ở Trùng Khánh Nam Lộ, thiết kế thành giảng đường gồm bốn tầng lầu. Vì thế, mới có thể dung nạp hơn một trăm người, chẳng phải là từ trên trời rớt xuống, cũng chẳng phải là từ dưới đất trời lên. Đây là nói hai chữ Nhân Quả, có nhân thì mới có thể chứng quả.

Lại nói đến “*Lý cụ, Sự tu*”, lấy chuyện Chí Liên tinh xá xây giảng đường để làm tỷ dụ. Phát tâm muốn tạo giảng đường cho pháp sư giảng kinh, dựa theo sự tướng để nỗ lực tu. Kết quả, tạo thành một giảng đường. Nói “*lý cụ*” (lý sẵn đủ), tức là trong bản tánh của nó đã có đầy đủ. “*Lý cụ*” là trong đó ngầm ẩn công năng. Không chỉ là bản tánh của vợ chồng Tào cư sĩ trọn đủ giảng đường, mà mỗi cá nhân đều có. Quý vị chẳng phát tâm, quý vị có [công] năng tiềm ẩn, nhưng chưa phát lộ. Do vậy chẳng tạo giảng đường. Nếu quý vị phát tâm, cũng có thể tạo một giảng đường. Nếu quý vị phát tâm lớn, còn tạo giảng đường to hơn giảng đường của Chí Liên tinh xá. Nếu quý vị phát tâm giống như A Di Đà Phật, cũng có thể tạo ra thế giới Cực Lạc. Vì mỗi người chúng ta đều trọn đủ bản tánh Niết Bàn, nó vốn đầy đủ vô lượng vô biên công đức; đây là nói theo Lý Thể. Quý vị và tôi đều trọn đủ, nhân to cỡ nào, quả sẽ to ngàn ấy!

Đây là khuyên chư vị phát tâm, trong bản tánh của quý vị có sẵn đủ giảng đường, bất quá quý vị chẳng phát tâm nơi sự tướng; cho nên chẳng tạo ra giảng đường. Có người nói: “Tào tiên sinh có tiền, chúng tôi chẳng có tiền”. Đây chỉ là một nguyên nhân. Kẻ có tiền rất nhiều, họ chẳng tạo giảng đường, chẳng phải là hễ có tiền thì sẽ có thể tạo giảng đường. Quý vị phát tâm chánh đáng thì mới có thể tạo nên giảng đường. Lại có người nói: “Tôi đã sớm phát tâm chánh đáng. Hễ có tiền thì tôi sẽ tạo giảng đường, nhưng tôi đâu có tiền!” Điều đó cho thấy quý vị đã phát tâm mà chẳng có sức; hễ có sức thì sẽ có thể mãn nguyện. Quý vị phát tâm thì Tam Bảo sẽ gia bị quý vị, tín đồ sẽ giúp đỡ quý vị, cũng có thể tạo giảng đường giống như vậy.

Hiện thời, chúng ta thấy người nghe kinh rất nhiều, giảng đường ngồi không đủ chỗ; nhưng thành phố Đài Bắc có hơn một trăm vạn người, đây chỉ là một phần vạn. Những giảng đường giống như giảng đường của Chí Liên tinh xá có thêm mấy chục cái vẫn chẳng tính là

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Ký

nhiều! Hy vọng mọi người đều phát tâm, nhất định sẽ đều có thể mãn nguyện, vì bản tánh của quý vị vốn sẵn có. Công đức của thế giới Cực Lạc chúng ta đều trọn đủ, hưởng hồ một giảng đường ư? Quý vị chẳng có tiền, hãy liên lạc mọi người để cùng nhau làm, cũng có thể mãn nguyện của quý vị. Chư vị có thể phát tâm vì Tam Bảo mà làm chuyện này, tôi sẽ được hưởng ké [công đức] của quý vị.

Bây giờ quay lại đề tài đang giảng, A Di Đà Phật phát tâm, muốn tạo thành Tây Phương Cực Lạc thế giới, khiến cho mỗi chúng sanh đến đó sẽ an tâm tu đạo. Ngài phát tâm tu hành, đó là Sự tu (tu nơi mặt Sự). Bản tánh của Ngài trọn đủ hết thấy công đức, hết thấy trần bảo. “*Bị chư trần bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm*” ý nói: Tây Phương Cực Lạc thế giới có trần bảo nhiều ngàn ấy là do bản tánh Niết Bàn đã trọn đủ.

4.1.4.1.6. Trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu

(Luận) Vô cấu quang diễm xī, minh tịnh diệu thế gian.

(論)無垢光燄熾，明淨曜世間。

(Luận: Vô cấu quang hừng hực, sáng sạch rạng thế gian).

Đây là loại thứ sáu, tán thán sự trang nghiêm nơi diệu sắc. Các thứ trần bảo hiện ra đức tướng của chúng, đây là diệu đức chẳng thể nghĩ bàn. “*Vô cấu quang diễm xī*” (Quang minh không như chói rực sáng ngời): “*Vô cấu*” là thanh tịnh, “*quang diễm*” (光燄) là quang minh, “*xī*” (熾) là rất đông nhiều, rực rỡ. [Cả câu có ý nói] quang minh thanh tịnh của các thứ trần bảo rất nhiều, rất rực rỡ. “*Minh tịnh diệu thế gian*” (Sáng, sạch, chói rạng thế gian): Chữ “*thế gian*” [trong bài kệ này] là nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Vô Lượng Thọ dịch tên [quốc độ ấy] thành An Lạc Quốc. Quang minh thanh tịnh chiếu rạng ngời cõi An Lạc.

4.1.4.1.7. Trang nghiêm xúc công đức thành tựu

(Luận) Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuyễn tả hữu toàn, xúc giả sanh thắng lạc, quá Ca Chiên Lô Đà.

(論)寶性功德草，柔軟左右旋，觸者生勝樂，過迦旃鄰陀。

(Luận: Cỏ công đức tánh báu, mềm mại, trái phải chuyển, chạm

vào vui thù thắng, hơn Ca Chiên Lân Đà).

Đây là loại thứ bảy, tán thán sự trang nghiêm nơi Xúc (sự đụng chạm, tiếp xúc). “*Bảo tánh công đức thảo*”: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, các thứ trân bảo như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não; những thứ trân bảo ấy đều do công đức thành tựu. Nói theo lý tánh thì Niết Bàn trọn đủ công đức. Nói theo sự tướng thì là do công đức tu hành trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành tựu. Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới có cung điện, lầu, gác trang nghiêm, có hàng cây bảy báu trang nghiêm, nhất định là có cỏ trang nghiêm. Vì những thứ trang nghiêm ấy đều là những thứ phàm phu ưa thích nhất. Quý vị ưa thích món trang nghiêm nào, bèn hiện cho quý vị sự trang nghiêm ấy. Cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do trân bảo thành tựu, hoa sen do trân bảo thành tựu, cỏ cũng do trân bảo thành tựu. “*Nhu nhuyễn tả hữu toàn*” (Mềm mại, xoay về bên trái và bên phải): Cỏ công đức rất mềm mịn, xoay quanh bên trái bên phải. “*Xúc giả sanh thắng lạc*” nghĩa là: Nếu tay quý vị chạm vào cỏ, hoặc chân đạp lên cỏ, đều nảy sanh niềm vui mâu nhiệm.

“*Quá Ca Chiên Lân Đà*” (Vượt trội Ca Chiên Lân Đà): Ca Chiên Lân Đà¹⁰ là tên một loại cỏ tại Ấn Độ. Vì Trung Hoa chẳng có

¹⁰ Ca Chiên Lân Đà (Kacilindika), còn phiên âm là Ca Giá Địa, Ca Giá Lân Đề Ca, Ca Chiên Liên Đề Ca, Ca Chân Lân Đề Ca, Ca Chỉ Lật Na, Ca Lân Đề v.v... Theo Phật Học Từ Điển của Đinh Phước Bảo, đây là tên một loài chim rất đáng yêu thích, sờ vào lông nó rất êm ái. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ quyển ba mươi: “*Ca Chiên Lân Đề, hải trung chi diệu, xúc hữu đại lạc. Hữu Luân Vương xuất, thử diệu tắc hiện*” (Ca Chiên Lân Đề là một loài chim trong biển, chạm vào nó sẽ hết sức vui sướng. Khi Chuyển Luân Thánh Vương ra đời, loài chim này sẽ xuất hiện). Lông loài chim này rất mềm mịn, dệt thành áo mặc rất thoải mái. Kinh Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật Đa, quyển hai chép: “*Như Ca Chiên Lân Đề Ca nhu nhuyễn diệu phục, xúc chi duyệt ý*” (Như y phục tốt đẹp dệt từ lông Ca Chiên Lân Đề Ca, chạm vào sẽ vui sướng). Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa, quyển mười chín cũng giảng: “*Ca Chỉ Lật Na Miên, diệc danh Ca Chân Lân Đề Ca, thụ diệu danh dã, thân hữu tế nhuyễn mao, phi thường khinh hảo như cảm. Tập tích dĩ vi y hoặc vi như, Chuyển Luân Thánh Vương phương ngự thử phục dã. Hữu Vãng Sanh Luân Chủ dĩ Ca Chiên Lân Đà vi Thiên Trúc đích nhu nhuyễn thảo danh, tắc hệ ngộ giải*” (Ca Chỉ Lật Na Miên, còn gọi là Ca Chân Lân Đề Ca là tên một loài chim tốt lành. Thân nó có lông mịn nhuyễn, hết sức nhẹ, đẹp như gấm. Se bện lông nó làm thành áo hoặc thành sợi, Chuyển Luân Thánh Vương mới mặc loại y phục ấy. Vãng Sanh Luân Chủ lại coi Ca Chiên Lân Đà là tên một loài cỏ mềm mịn ở Thiên Trúc, tức là đã hiểu sai vậy). Ở đây, hòa thượng Đạo Nguyên đã dựa theo lời chú giải của

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

loại cỏ ấy, chẳng thể dịch được, nên giữ nguyên âm tiếng Phạn. Có hai cách giải thích:

1) Ca Chiên Lô Đà là một loài cỏ mềm mịn. Nếu quý vị chạm vào cỏ Ca Chiên Lô Đà, sẽ hết sức thoải mái, vui sướng. Đó là niềm vui thế gian. Cỏ công đức trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hễ quý vị chạm vào, sẽ sanh ra một loại pháp lạc thù thắng, vượt trội [niềm vui sướng do chạm vào cỏ Ca Chiên Lô Đà]. Ở đây là giải thích sự trang nghiêm của cỏ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

2) Cỏ là do bản tánh của chúng ta chiêu cảm. Các thứ trân bảo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có tánh chất nhu nhuyễn, còn tánh chất của các thứ trân bảo trong thế giới Sa Bà là cứng chắc, hoàn toàn tương phản. Vì sao trân bảo trong thế giới Sa Bà có tánh chất cứng chắc? Do quả báo của chúng sanh cảm vời. Kinh Địa Tạng đã dạy rõ ràng: “*Giáo hóa như thị cương cừong chúng sanh, linh tâm điều phục, xả tà quy chánh*” (Giáo hóa chúng sanh ương ngạnh như thế, khiến cho tâm họ điều phục, bỏ tà, trở về chánh). Vì chúng sanh trong thế giới Sa Bà có tánh chất ương ngạnh, [cho nên] cảm vời quả báo mang tánh chất cứng chắc. Vàng ròng rất kiên cố, kim cương còn cứng hơn vàng. Bảo vật trong thế giới Sa Bà có tánh chất cứng chắc là do bản tánh [ương ngạnh] của chúng ta chiêu cảm. Chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là do niệm Phật mà sanh về đó, do chúng sanh [trong cõi Cực Lạc] chẳng có phiền não, cho nên cảm vời y báo trang nghiêm đều rất nhu hòa. Hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do bảy báu thành tựu. Nếu chẳng mềm mại, làm sao hoa sen nở xòe, cụp lại cho được? Bảo vật trong thế giới Sa Bà có tánh chất cứng chắc. Quý vị dùng vàng ròng, bạc trắng làm thành hoa sen, sẽ chẳng thù thắng. Cành cây, lá cây trong thế giới Sa Bà có thể động, là vì tánh chất cứng cõi. Cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do bảy báu hợp thành, gió nhẹ thổi qua, phát ra âm thanh vi diệu, còn có thể thuyết pháp. Nếu chúng chẳng mềm mại, khi bị lay động, làm sao có thể phát ra các âm thanh vi diệu tinh tinh tang tang được?

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Tánh của chất báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã là

ngài Đàm Loan trong bộ Vãng Sanh Luận Chú, cho nên mới giảng Ca Chiên Lô Đà là một loài cỏ, thật ra, Ca Chiên Lô Đà không phải là một loài cỏ.

nhu duyên thì làm sao có thể kiến tạo cung điện, lầu, gác?

Đáp: Đây là vì nhìn theo nhà cửa trong thế giới Sa Bà, cho nên mới nảy sinh nghi vấn này, chẳng biết nhà cửa trong Tây Phương Cực Lạc thế giới và nhà cửa của thế giới Sa Bà khác nhau! Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là dựng cung điện, lầu, gác trên mặt đất vàng ròng, mà trong hư không cũng có cung điện, lầu, gác. Nếu cung điện lầu gác có trọng lượng, làm sao nó lơ lửng trên hư không? Do vậy biết chúng là do các thứ trần bảo mềm mại thành tựu. Đây là một thứ quả báo chẳng thể nghĩ bàn.

Phân Kệ Tụng này nói về Xúc công đức. Cỏ công đức rất mềm mại, chỉ cần quý vị chạm vào, sẽ sanh pháp lạc thù thắng.

4.1.4.1.8. Trang nghiêm ba thứ công đức thành tựu

4.1.4.1.8.1. Trang nghiêm thủy công đức thành tựu

(Luận) Bảo hoa thiên vạn chủng, di phủ trì lưu tuyền, vi phong động hoa diệp, giao thác quang loạn chuyển.

(論)寶華千萬種，彌覆池流泉，微風動華葉，交錯光亂轉。

(Luận: Ngàn vạn loại hoa báu, phủ kín ao, suối chảy, gió nhẹ lay cánh hoa, ánh sáng xen tạp chuyển).

Đây là loại thứ tám, tán thán ba thứ trang nghiêm: Thủy trang nghiêm, địa trang nghiêm, và hư không trang nghiêm. Trước hết, nói về điều thứ nhất, tức thủy trang nghiêm (sự trang nghiêm của nước). Trong ao hoa sen của Tây Phương Cực Lạc thế giới, có nước tám công đức. “*Bảo hoa thiên vạn chủng*” (Ngàn vạn loài hoa báu): Trong ao hoa sen có hoa sen, kinh A Di Đà chép: “*Thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang*” (Màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng). Chỉ nói bốn loại hoa sen, thật ra, hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới nhiều đến ngàn vạn chủng loại. “*Di phủ trì lưu tuyền*” (Phủ rợp kín ao, suối chảy): “*Di*” (彌) là đầy kín, “*phủ*” (覆) là che phủ. Hoa sen phủ kín trọn khắp phía trên ao và suối. “*Vi phong động hoa diệp*” [nghĩa là] gió nhẹ thổi động những cánh hoa. “*Giao thác quang loạn chuyển*” [nghĩa là] mỗi hoa sen đều tỏa ra quang minh; bốn loại hoa sen bèn có bốn loại quang minh, ngàn

vạn loài hoa báu bèn có ngàn vạn loại quang minh. Gió nhẹ thổi lay động cánh hoa, quang minh xen lẫn vào nhau, xoay tròn, hết sức trang nghiêm!

4.1.4.1.8.2. Trang nghiêm địa công đức thành tựu

(Luận) Cung điện chư lâu các, quán thập phương vô ngại, tạp thụ dị quang sắc, bảo lan biến vi nhiều.

(論) 宮殿諸樓閣，觀十方無礙，雜樹異光色，寶欄遍圍繞。

(Luận: Cung điện, các lâu, gác, quán mười phương vô ngại. Mỗi cây quang sắc khác, lan can báu vây khắp).

Đây là loại thứ hai, tức tán thán địa trang nghiêm (tán thán sự trang nghiêm trên mặt đất) [trong môn tán thán thứ tám]. “*Cung điện chư lâu các, quán thập phương vô ngại*” (Cung điện, các lâu gác; quán mười phương vô ngại): Cung, điện, lâu, gác là sự trang nghiêm trên mặt đất, đều do trân bảo thành tựu. Quý vị ở trong lâu, gác, muốn thấy mười phương thế giới, giống như xem phim ảnh trong hiện thời, nó đều có thể hiện hình ảnh cho quý vị trông thấy rõ ràng, rành rẽ, chẳng bị chướng ngại.

“*Tạp thụ dị quang sắc*” (Các loại cây có ánh sáng và màu sắc khác nhau): Đây là sự trang nghiêm của cây cối trên mặt đất. Cây cối do các chất báu xen kẽ hợp thành. Thân cây là vàng ròng, cành cây là bạc trắng, nở hoa, kết quả bằng lưu ly. Thân cây, cành cây, đơm hoa, kết quả, quang minh và màu sắc đều khác nhau.

“*Bảo lan biến vi nhiều*” (Lan can báu vây quanh trọn khắp): “*Bảo lan*” (寶欄) là lan can do bảy báu kết thành. Mỗi tòa cung điện đều do bảy báu hợp thành, có lan can vây quanh.

4.1.4.1.8.2. Trang nghiêm hư không công đức thành tựu

(Luận) Vô lượng bảo giao lạc, la võng biến hư không, chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm.

(論) 無量寶交絡，羅網遍虛空，種種鈴發響，宣吐妙法音。

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Ký

(Luận: Vô lượng báu giảng xen, lưới màn khắp hư không, các thứ linh vang tiếng, tuyên nói diệu pháp âm).

Đây là loại thứ ba, tán thán hư không trang nghiêm [trong môn tán thán thứ tám]. “*Vô lượng bảo giao lạc*” (Vô lượng chất báu giảng xen): Các sợi dây bằng bảy chất báu đan xen với nhau, tạo thành lưới màn. “*La võng biến hư không*” (Lưới màn trọn khắp hư không): Hư không được trang nghiêm trọn khắp bằng các lưới màn. “*Chủng chủng linh phát hương*” (Các thứ linh vang tiếng): Trên lưới màn treo các thứ linh báu trang nghiêm, phát ra âm thanh vi diệu. “*Tuyên thố diệu pháp âm*” (Tuyên nói pháp âm màu nhiệm): Hễ gió thổi lay động, các linh báu trên lưới màn vang ra tiếng leng keng, tinh tang, phát ra âm thanh thuyết pháp. Chúng sanh nghe tiếng, sẽ có thể dấy lên đạo tâm, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Đây là linh báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, là vật vô tình mà có thể thuyết pháp. Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thường xuyên thấy A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát thuyết pháp cho quý vị. Còn có các vị đại Bồ Tát cũng thuyết pháp cho quý vị; làm sao quý vị thoát chướng cho được? Các vị đại Bồ Tát, các vị thượng thiện nhân là hữu tình, ngay cả vô tình cũng có thể thuyết pháp. Tiếng gió lùa qua các cành cây, gió lay linh báu vang ra tiếng, không chỗ nào chẳng nói Phật pháp cho quý vị. Vì thế, quý vị chỉ có tiến bộ, chẳng có nhân duyên lui sụt.

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Vì sao vô tình có thể thuyết pháp?

Đáp: Hữu tình và vô tình có cùng một thể tánh. Trong hết thảy các pháp, [thể tánh ấy] được gọi là Pháp Tánh, nơi hữu tình thì gọi là Phật Tánh. Phật là Giác. [Pháp Tánh] là giác tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh chẳng hai, chẳng khác, chẳng phải là hai Lý Thể, chỉ có một Lý Thể! Chẳng hạn như chúng ta giác ngộ thành Phật, bản thể của hết thảy các Pháp Tánh quý vị thấy đều chúng đắc, hết thảy các Pháp Tánh cũng thuận theo đó mà biến thành giác tánh. Nói theo chánh báo và y báo, thì y báo chuyển theo chánh báo. Phật giáo cho rằng hữu tình và vô tình bình đẳng, nhưng có một sai biệt: Hữu tình có Phật Tánh. Sau khi kẻ ấy giác ngộ, sẽ dẫn dắt vô tình chuyển thành có giác tánh. Thế giới y báo,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

chẳng hạn như lâu, gác, lan can, cây cối thuộc về vô tình, những thứ vô tình ấy đều chuyển theo chánh báo. Lấy thế giới Sa Bà làm tỷ dụ, quý vị là chánh báo hữu tình có phước báo, thì nhà cửa quý vị đang ở sẽ thuận theo quý vị mà biến thành rất trang nghiêm. Quý vị là chánh báo hữu tình chẳng có phước báo, nhà cửa quý vị sẽ thuận theo quý vị mà biến thành rất luộm thuộm. Chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới là Phật, cho nên y báo là thế giới Cực Lạc đều thuận theo, chuyển biến thành cảnh giới của Phật. Chánh báo đã giác thì y báo cũng giác theo, hữu tình và vô tình cùng viên thành Chung Trí. Chung Trí là trí huệ của Phật, hữu tình và vô tình đều viên mãn Chung Trí của Phật.

Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý này, quý vị hãy xem kinh A Di Đà có nói: *“Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diệu, bạch hạc, không tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn xướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”* (Cõi ấy thường có các loại chim kỳ diệu, nhiều màu, như các thứ chim bạch hạc, chim công, chim két, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng. Những con chim ấy ngày đêm sáu thời, hót tiếng hòa nhã. Âm thanh ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như thế đó. Chúng sanh trong cõi ấy, nghe âm thanh đó, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng). Những con chim kỳ diệu nhiều màu ấy đều có thể thuyết pháp. Đây chính là lời giải thích do đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật [đã nói ra].

Hỏi: Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo, chim là súc sanh. Lẽ đâu lại có các thứ chim thuyết pháp?

Đáp: Kinh A Di Đà đã giải thích: *“Kỳ Phật quốc độ, thượng vô ác đạo chi danh, hà huống hữu thật? Thị chư chúng diệu, giai thị A Di Đà Phật, dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác”* (Cõi nước Phật ấy còn chẳng có danh xưng ác đạo, huống hồ là thật sự có. Những con chim ấy đều do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được tuyên nói, lưu thông, bèn biến hóa ra). Những con chim ấy chẳng phải là chim do quả báo trong súc sanh đạo! Chúng đều là do sức thần thông của A Di Đà biến hóa ra. Vì thế, chim có thể thuyết pháp.

Hỏi: Chim coi như là hữu tình, vì sao linh báu là vô tình mà có thể thuyết pháp?

Đáp: Đây cũng là do A Di Đà Phật biến hóa ra.

Hỏi: A Di Đà Phật, chư đại Bồ Tát thuyết pháp đủ rồi, vì sao còn

phải có những vật vô tình như linh báu thuyết pháp?

Đáp: Người sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là do niệm Phật mà sanh về. Thế nhưng các chúng sanh tuy đã sanh trong Tây Phương, vẫn là phàm phu, mỗi người có sự ưa thích riêng biệt. Có chúng sanh yêu thích chim, A Di Đà Phật bèn biến ra chim để thuyết pháp cho họ, khiến cho họ đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Có chúng sanh thích nghe tiếng linh báu, âm thanh gió lùa qua cành cây, A Di Đà Phật bèn biến thành âm thanh vô tình thuyết pháp, khiến cho kẻ ấy đạt được lợi ích nơi Phật pháp, nhằm đạt được mục đích độ chúng sanh!

Ở đây chứa đựng một đạo lý khẩn yếu nhất: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật, các vị đại Bồ Tát, và các vị thượng thiện nhân thuyết pháp, ngay cả những thứ vô tình như tiếng gió, tiếng cây [rung xào xạc], linh báu đều thuyết pháp cho quý vị. Đây là A Di Đà đã tạo trợ duyên để chúng ta đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Quý vị có cái tâm cầu pháp, gặp trợ duyên của A Di Đà Phật thì mới có thể được giúp đỡ, mới có thể nghe Phật, Bồ Tát thuyết pháp, cho đến nghe vô tình thuyết pháp. Nếu quý vị chẳng có tâm cầu pháp, dầu hữu tình và vô tình đều thuyết pháp cho quý vị, quý vị cũng chẳng thể nghe!

Chẳng hạn như Chí Liên tinh xá muốn mời pháp sư đến giảng kinh là tạo trợ duyên cho mọi người. Trong giảng đường, tận hết sức sắp đặt đầy đủ các thiết bị. Sợ ánh sáng không đủ, còn gắn thêm đèn điện. Khí trời quá nóng, ngoài quạt điện ra, còn gắn thêm máy lạnh. Kết quả là không chỉ người từ thành phố Đài Bắc đến nghe kinh, mà người thuộc huyện Đài Bắc¹¹ cũng đến nghe kinh. Đây là quý vị có tâm cầu pháp, [Chí Liên tinh xá] vừa phát tờ thông cáo là quý vị đến ngay. Quý vị chẳng có tâm cầu pháp, dầu phát tờ thông cáo, quý vị cũng sẽ chẳng đến. Vì thế, hễ có tâm cầu pháp, sẽ có thể gặp nhân duyên thuyết pháp, sẽ gặp gỡ pháp sư thuyết pháp cho quý vị, khiến cho quý vị đạt được lợi ích nơi Phật pháp.

Chỉ cần quý vị có tâm cầu pháp, ở trong thế giới Sa Bà, quý vị cũng có thể gặp vô tình thuyết pháp. Cư sĩ Tô Đông Pha đã gặp vô tình thuyết pháp. Ông ta thấy sắc núi là màu thanh tịnh, nghe âm thanh nước chảy chôn núi cao, bỗng giác ngộ, soạn một bài kệ, [trong ấy có hai câu] như sau: “*Khê thanh tận thị quảng trường thiết, sơn sắc vô phi*

¹¹ Huyện Đài Bắc hiện thời được gọi là Tân Bắc Thị là một khu hành chánh to lớn, thành phố Đài Bắc thuộc vào Tân Bắc Thị. Danh xưng Đài Bắc Huyện được thiết lập vào năm 1945.

thanh tịnh thân”. [Ý nói]: Âm thanh của tiếng suối từ trên núi chảy xuống chính là tướng lưỡi rộng dài của Phật đang thuyết pháp; sắc núi xanh biêng biếc toàn là Pháp Thân thanh tịnh của Như Lai. Vì ông ta có tâm cầu pháp, [cho nên] nhìn núi, nhìn nước, bèn có thể đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Huyện Phước Châu của tỉnh Phước Kiến có Cổ Sơn là một đạo tràng hữu danh. Có một vị cư sĩ từ Nam Dương đến Cổ Sơn du ngoạn, trèo lên núi, tại một chỗ có nước chảy, ông ta ngồi đó nghỉ ngơi, nghe tiếng nước chảy róc rách, bỗng dung khai ngộ. Nhằm báo ân con suối, ông ta bèn tạo dựng một ngôi lầu, kỷ niệm nơi ông ta nghe tiếng nước chảy tại đó mà khai ngộ. Đây là vô tình thuyết pháp.

4.1.4.1.9. Trang nghiêm vũ công đức thành tựu

(Luận) Vũ hoa y trang nghiêm, vô lượng hương phổ huân.

(論) 雨華衣莊嚴，無量香普熏。

(Luận: Mưa áo hoa trang nghiêm, vô lượng hương xông khắp).

Đây là loại thứ chín, tán thán vũ trang nghiêm. “*Vũ hoa y trang nghiêm*”: “*Vũ*” (雨) chẳng phải là tuôn nước mưa, mà là từ không trung rơi xuống hoa trời, áo trời trang nghiêm. Tuôn xuống hoa trời, áo trời để trang nghiêm Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hoa trời đương nhiên là màu sắc đẹp đẽ, áo trời cũng là màu sắc đẹp đẽ. “*Vô lượng hương phổ huân*”, [ý nói] còn có vô lượng mùi thơm xông khắp thế giới Cực Lạc.

Kinh A Di Đà chép “*thiên vũ Mạn Đà La hoa*” (trời tuôn mưa hoa Mạn Đà La) chính là mưa hoa trời để trang nghiêm. Hoa Mạn Đà La (曼陀羅, Mandarava) là Thích Ý Hoa (適意花), [ngụ ý] “phù hợp ý thích của quý vị”. Quý vị thích loại hoa gì, bèn tuôn xuống loại hoa đó, có thể mãn ý của mỗi chúng sanh. Theo kinh Vô Lượng Thọ, không chỉ là mưa hoa trời, mà còn mưa áo trời. Có hai cách giải thích chữ “*thiên y*”. Một cách giải thích [“*thiên y*”] là y phục để mặc. Chẳng cần thợ may giúp quý vị may quần áo, từ trên trời rơi xuống quần áo tự nhiên, quý vị cứ mặc vào là được rồi. Theo cách giải thích thứ hai [thì “*thiên y*”] là một thứ phẩm vật trang nghiêm. Kinh A Di Đà chép: “*Các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa*” (Ai nấy đều dùng lẵng hoa để đựng các hoa màu nhiệm). “*Y*” (衣) trong tiếng Phạn của Ấn Độ có nghĩa là vải vóc, giống như trái thảm để trang hoàng trong hiện thời. Đó là loại thảm trải tốt nhất từ cõi trời phủ lên mặt đất để trang nghiêm, màu sắc

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

đương nhiên là đẹp mắt. Bất luận là mưa hoa trời hay áo trời đều có thể vừa ý quý vị, khiến cho quý vị trông thấy, cảm thấy rất đẹp, lại còn có mùi thơm. Đây là loại thứ chín, tức vũ trang nghiêm. Hoa trời rơi xuống trang nghiêm, áo trời rơi xuống trang nghiêm, rơi trên mặt đất rất mềm mại. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đi lại, đạp lên các hoa trời, [thảm hoa ấy] có thể lún xuống bốn tấc, giở chân lên, nó lại phục hồi như cũ, giống như dùng thảm lông dày trong hiện thời vậy!

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Ngày đêm sáu thời, trong hư không tuôn xuống nhiều hoa trời và áo trời ngàn ấy, Tây Phương Cực Lạc thế giới làm sao chứa hết cho được?

Đáp: Sự trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là diệu trang nghiêm. “*Diệu*” là chẳng thể nghĩ bàn! Hoa đã rơi xuống từ trước, đợt hoa ấy bị gió cuốn đi, chẳng còn nữa. Đợt hoa sau rơi xuống lại tươi mới. Kinh Vô Lượng Thọ chép: “*Hoa rụng dĩ ngật, địa triếp khai liệt*” (Hoa rụng xong, đất liền nứt ra): Dùng chữ Liệt (裂, nứt) rất thô vụng! Chẳng cần đất phải nứt ra, nó tự nhiên chẳng còn nữa! Chẳng cần quý vị phải sanh phiền não, lo lắng hoa rơi xuống quá nhiều khiến cho Tây Phương Cực Lạc thế giới phải chứa đầy nghệt!

4.1.4.1.10. Trang nghiêm quang minh công đức thành tựu

(Luận) Phật huệ minh tịnh nhật, trừ thế si ám minh.

(論)佛慧明淨日，除世癡闇冥。

(Luận: Phật huệ nhật sáng sạch, trừ si tối cõi đời).

Đây là loại thứ mười, tán thán quang minh trang nghiêm. “*Phật huệ minh tịnh nhật*” (Trí huệ của đức Phật như vàng mặt trời sáng sạch): Quang minh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là trí huệ quang, giống như ánh sáng mặt trời. Đức Phật thành Phật, là đáng phước huệ Lương Túc Tôn, nhưng phước báo và trí huệ là một, không hai. Do vậy, trong phước báo trang nghiêm có trí huệ trang nghiêm. Đây là nói A Di Đà Phật có hết thấy các quang minh trí huệ.

“*Trừ thế si ám minh*” (Trừ sự tối tăm vì ngu si cho cõi đời): Chúng ta niệm A Di Đà Phật, được nguyện lực của A Di Đà Phật nhiếp

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

trì, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn là một phàm phu, gọi là “đời nghiệp vãng sanh”. Tuy chẳng đoạn trừ phiền não, nhưng quý vị vừa đến Tây Phương, gặp quang minh trí huệ của Phật, [quang minh ấy] sẽ có thể giúp quý vị đoạn trừ ngu si phiền não trong thế gian.

Tán thán quang minh trang nghiêm trong phần trước có hai loại. Một loại là “*tịnh quang minh mãn túc, như kính, nhật, nguyệt luân*” (quang minh thanh tịnh mãn nguyện, như gương, vàng mặt trời, mặt trăng), đây là tán thán tướng mạo của quang minh. Loại thứ hai là “*vô cấu quang diễm xí, minh tịnh diệu thế gian*” (quang minh vô cấu tỏa rực, sáng sạch chói ngời thế gian), nhằm tán thán các diệu đức hiện ra từ tướng mạo của quang minh. Ví như chúng ta trông thấy một bóng đèn điện rất sáng, bèn tán thán tướng mạo của quang minh. Lại thấy bóng đèn rất ưa nhìn, lại tán thán diệu đức của nó. “*Phật huệ minh tịnh nhật, trừ thế si ám minh*” (Trí huệ của Phật như vàng mặt trời sáng sạch, trừ sự tối tăm do ngu si của thế gian) là tán thán diệu dụng của quang minh. Quang minh rất sáng, đó là tướng mạo của nó. Quang minh rất đẹp đẽ, tức là diệu đức. Nó có thể trừ khử sự tối tăm do ngu si, tức là tán thán diệu dụng của Phật trí huệ đức. Chỉ cần quý vị trông thấy quang minh của Phật, sẽ diệt trừ toàn bộ phiền não ngu si của quý vị.

4.1.4.1.11. Trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu

(Luận) Phạm thanh ngộ thâm viễn, vi diệu văn thập phương.

(論)梵聲悟深遠，微妙聞十方。

(Luận: Tiếng phạm ngộ sâu xa, vi diệu thấu mười phương).

Đây là loại thứ mười một, tán thán sự trang nghiêm nơi âm thanh màu nhiệm. “*Phạm thanh ngộ thâm viễn*” (Tiếng Phạm [khiến cho hành giả nghe thấy] sẽ ngộ sâu xa): Trong phần trước đã nói các linh báu trên lưới màn phát âm thanh diệu pháp, đó là thuyết pháp. Ở đây chẳng phải là âm thanh thuyết pháp, mà là âm thanh trong thế giới nơi A Di Đà Phật ngự. Tây Phương Cực Lạc thế giới có kinh dịch là An Lạc Quốc, có kinh dịch là thế giới An Dưỡng. Nói chung, Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới rất thanh tịnh. “*Phạm thanh*” là âm thanh của thế giới thanh tịnh. “*Ngộ thâm viễn*”: Quý vị có thể nghe thấy âm thanh của A Di Đà Phật thuyết pháp cho quý vị nghe, vừa nghe

bền khai ngộ. Quý vị có thể nghe danh hiệu của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng có thể khiến cho quý vị ngộ đạo lý sâu xa.

“*Vi diệu văn thập phương*”: Danh hiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể lan truyền khắp mười phương thế giới. Vì A Di Đà Phật đã phát đại nguyện, nguyện cho danh hiệu thế giới của Ngài có thể nổi tiếng khắp mười phương. Do đó, danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể lan truyền khắp mười phương thế giới.

4.1.4.1.12. Trang nghiêm chủ công đức thành tựu

(Luận) Chánh Giác A Di Đà, Pháp Vương thiện trụ trì.

(論)正覺阿彌陀，法王善住持。

(Luận: Chánh Giác A Di Đà, Pháp Vương khéo trụ trì).

Đây là loại thứ mười hai, tán thán chủ trang nghiêm. Tây Phương Cực Lạc thế giới có một vị chủ nhân, “*Chánh Giác A Di Đà*”: “*Chánh Giác*”: Chẳng lệch, chẳng tà thì là Chánh. Chẳng ngu, chẳng mê hoặc thì là Giác. Lục đạo phàm phu tà chứ chẳng chánh. Thánh nhân Nhị Thừa thiên lệch, chẳng chánh. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật tu hành thành Phật, vừa chẳng phải là tà như lục đạo phàm phu, mà cũng chẳng lệch lạc như thánh nhân Nhị Thừa, nên gọi là Chánh Giác, chẳng lệch, chẳng tà, chẳng ngu, chẳng mê hoặc! Lục đạo phàm phu ngu muội vì phiền não trong tam giới, thánh nhân Nhị Thừa mê hoặc vì phiền não ngoài tam giới. Phiền não trong tam giới là Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Phiền não ngoài tam giới là Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. “*Giác*” là đã giác ngộ Kiến Hoặc và Tư Hoặc trong tam giới, mà đối với Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc ở bên ngoài tam giới vẫn giác. Vì thế, hễ giác một điều thì sẽ giác hết thảy, trọn đủ viên mãn. Đây là chủ nhân của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức A Di Đà Phật.

“*Pháp vương*”: Ngài là quốc vương của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là đấng pháp vương của Phật pháp. “*Thiện trụ trì*”: “*Trụ*” (住) là an trụ, “*trì*” (持) là gìn giữ. [“*Thiện trụ trì*”] là khéo có thể an trụ, gìn giữ thế giới Cực Lạc. Giống như một vị quốc vương sẵn có quyền lực, Ngài có thể an trụ, gìn giữ thế giới ấy. Trụ trì của Tây Phương Cực Lạc thế giới tương đương với nguyên thủ của quốc gia trong hiện tại. Nguyên thủ là người thống trị nhân dân, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới dựa trên Phật pháp để giáo hóa nhân dân,

chẳng cần dùng vũ lực để thông trị; do vậy, gọi là Pháp Vương.

Vị Pháp Vương ấy làm như thế nào để có thể khéo an trụ, gìn giữ thế giới này? Phật giáo Trung Hoa có chế độ tùng lâm; tùng lâm (叢林) là tự viện để đại chúng xuất gia cư trụ. Người nào đã khởi nguồn khai sáng tùng lâm? Thường nói là “*Mã Tổ kiến tùng lâm, Bách Trượng lập Thanh Quy*” (Ngài Mã Tổ Đạo Nhất sáng lập tùng lâm, ngài Bách Trượng Hoài Hải lập Thanh Quy). Tùng lâm do ngài Mã Tổ khởi đầu sáng lập. Sau khi tùng lâm đã kiến lập, người kiến lập quy củ [trong tùng lâm] là học trò của Mã Tổ, tức Bách Trượng đại sư. Sau khi Phật giáo Trung Hoa kiến lập chế độ tùng lâm, trong một đại tự viện có một người có thể gìn giữ đại tự viện, có thể an trụ đại chúng, [vị ấy] được gọi là Trụ Trì. Hiện thời, có người cho rằng danh xưng Trụ Trì chẳng thể biểu hiện ý nghĩa “*chủ nhân*”, bèn đổi thành Chủ Tịch, nhưng chẳng hay như chữ Trụ Trì! Tùng lâm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có tên gọi là Tịnh Độ, hết thầy chúng sanh sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật có thể an trụ, gìn giữ đại chúng.

4.1.4.1.13. Trang nghiêm quyền thuộc công đức thành tựu

(Luận) *Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh.*

(論) 如來淨華眾，正覺華化生。

(Luận: *Tịnh hoa chúng Như Lai, hoa Chánh Giác hóa sanh.*)

Đây là loại thứ mười ba, tán thán sự trang nghiêm của quyền thuộc. Có chủ nhân bèn có quyền thuộc. “*Như Lai tịnh hoa chúng*” (Hoa chúng thanh tịnh của Như Lai): A Di Đà Như Lai là chủ nhân, là Pháp Vương. Ngài có đại chúng, các vị đại Bồ Tát đều là pháp chúng thanh tịnh. Vì sao pháp chúng thanh tịnh được gọi là Hoa? “*Hoa*” biểu thị địa vị tu nhân, Phật biểu thị quả vị. Thành Phật được gọi là “*Phật quả*”. Bồ Tát vừa mới nở hoa Chánh Giác, còn chưa kết thành quả Chánh Giác, nên gọi là “*hoa chúng*”, tức Thanh Tịnh Pháp Thân đại Bồ Tát.

“*Chánh Giác hoa hóa sanh*”: Chúng sanh sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là liên hoa hóa sanh. Chúng sanh trong Dục Giới của thế giới Sa Bà có bốn phương pháp thọ sanh: Thai Sanh, Noãn Sanh, Thấp Sanh, và Hóa Sanh. Người, trâu, ngựa, dê là Thai Sanh. Gà, vịt... do trứng ấp nở ra, tức Noãn Sanh. Chúng sanh trong nước như cá,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Ký

tôm, cua v.v... là Thấp Sanh. Ve trên cây mùa Hè và muỗi là Hóa Sanh. Hai giới phía trên là Sắc Giới và Vô Sắc Giới đều là Hóa Sanh, chẳng cần phải kết hôn, cũng chẳng cần phải thai nghén, để trứng. Họ do Thiên Định mà sanh lên đó, nên gọi là Hóa Sanh.

Toàn bộ chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Hóa Sanh. Chúng sanh muốn sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định phải niệm danh hiệu của A Di Đà Phật. Tới khi quý vị lâm chung, A Di Đà Phật, Quán Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát sẽ đến tiếp dẫn quý vị. Quý vị thấy A Di Đà Phật tay cầm một cái đài hoa sen, tay phải duỗi ra, tức là muốn tiếp dẫn chúng sanh. Vì thế, Trung Hoa tạo tượng Tây Phương Tam Thánh đều là tượng đứng. Các Ngài đến phương Đông tiếp dẫn chúng sanh, biểu thị tương mạo đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh.

“Hoa hóa sanh” là hóa sanh trong hoa sen. Thông thường, chúng ta niệm bài kệ Hồi Hương: *“Nguyên sanh Tây Phương Tịnh Độ trung, cứu phẩm liên hoa vi phụ mẫu, hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh, bất thoái Bồ Tát vi bạn lữ”* (Nguyên sanh vào cõi Tây Phương, hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình, hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh, bất thoái Bồ Tát bạn lành với ta). Chúng sanh trong thế giới Sa Bà nhất định phải tìm được cha mẹ thì mới có thể đầu thai, sanh ra. Hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là cha mẹ của chúng ta. Trong đời này, quý vị đáng nên sống đến tám mươi tuổi, chín mươi tuổi, niệm Phật thành công, đến lúc quả báo đã tận, Tây Phương Tam Thánh cầm hoa sen tới tiếp dẫn quý vị. Quý vị thấy chính mình ngồi trong hoa sen, các Ngài bèn đem quý vị sang Tây Phương. Đã tới Tây Phương, hoa sen vừa nở, sẽ thấy A Di Đà Phật thuyết pháp cho quý vị. Quý vị khai đại trí huệ, bèn chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vốn là phàm phu lè tè sát đất, lập tức vượt trời, sanh vào địa vị Bồ Tát, tức là chẳng bị thoái chuyển, chẳng còn phải luân hồi, lưu chuyển sanh tử trong lục đạo nữa! Đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thường thấy Phật, nghe pháp, toàn thể thế giới đều là các vị thượng thiện nhân, cho đến các loài chim, tiếng gió, tiếng cây, tiếng nước chảy, hữu tình lẫn vô tình đều có thể thuyết pháp, [do vậy], chỉ có tiến bộ, chẳng có nhân duyên gây lui sụt. Do đó, hễ sanh về Tây Phương, tu tập trong một đời bèn có thể thành Phật. Do quý vị phát đại nguyện Bồ Đề, sanh về Tây Phương là vì muốn học bản lãnh độ chúng sanh; quý vị chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, có trí huệ, thần thông, biện tài, sẽ trở lại thế giới Sa Bà để độ chúng sanh, gọi là *“thừa nguyện tái lai”* (nuông theo nguyện mà trở

lại).

Trong phần trước, tán thán công đức của nước có câu “*bảo hoa thiên vạn chủng*” (ngàn vạn loại hoa báu), vì hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do bảy báu hợp thành, đều là hoa sen thành tựu bởi các thứ trân bảo rất mềm mại, cho nên gọi là “*bảo hoa*” (寶華, hoa báu). Vì sao ở đây gọi là “*Chánh Giác hoa*”? Vì A Di Đà Phật đã chứng đắc quả vị Phật, các hoa sen đều do thần thông của A Di Đà Phật biến hóa ra, nên gọi là Chánh Giác Hoa.

Ở đây, vẫn phải biện định đôi chút. “*Như Lai tịnh hoa chủng, Chánh Giác hoa hóa sanh*” chẳng phải là tán thán chánh báo, mà vẫn là tán thán công đức của y báo, vì những vị đại Bồ Tát ấy đều là liên hoa hóa sanh.

4.1.4.1.14. Trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu

(Luận) Ái nhạo Phật pháp vị, Thiền tam-muội vi thực.

(論)愛樂佛法味，禪三昧為食。

(Luận: Yêu thích vị Phật pháp, Thiền tam-muội làm thức ăn).

Đây là loại thứ mười bốn, tán thán sự trang nghiêm nơi thọ dụng. Chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thọ dụng như thế nào? Tức là hưởng thụ như thế nào? “*Ái nhạo Phật pháp vị*” (Yêu thích mùi vị Phật pháp): “*Nhạo*” (樂) là ưa thích. Chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thứ gì cũng đều chẳng yêu mến, chỉ ưa thích pháp vị của Phật pháp. Đây là sự hưởng thụ cao cấp. “*Thiền tam-muội vi thực*” (Thiền tam-muội dùng làm thức ăn): “*Thiền*” là Thiền lạc. “*Tam-muội*” dịch sang tiếng Hán là Chánh Định. “*Thiền tam-muội*” là Thiền Định. Chữ Thực (食) và chữ Vị (味) giống nhau, tức là quý vị nếm pháp vị Thiền lạc, đây là một thứ hưởng thụ. Thông thường, chúng ta niệm chú Cúng Dường: “*Nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh, Thiền lạc vi thực, pháp hỷ sung mãn*” (Nếu khi ăn cơm, nguyện cho chúng sanh, ăn món Thiền lạc, pháp hỷ tràn trề). Các vị đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần ăn uống, các Ngài nghe Phật pháp liền sanh khởi một loại pháp lạc. Các Ngài tĩnh tọa, nhập Thiền Định, đắc một loại pháp hỷ, chẳng cần ăn thứ gì mà vẫn chẳng đói!

Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngoại trừ “*ái nhạo Phật pháp vị*,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Thiên tam-muội vi thực”, còn có các thức ăn, nhưng chẳng cần ăn, nhìn thấy liền no. Chúng sanh đời nghiệp vãng sanh, vừa sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn muốn ăn thứ này, thứ nọ. Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất rõ ràng: “*Bỉ Phật quốc độ, chư vãng sanh giả, cụ túc như thị thanh tịnh sắc thân, chư diệu âm thanh, thân thông công đức. Sở xứ cung điện, y phục, ẩm thực, chủng diệu hoa hương, trang nghiêm chi cụ, do đệ Lục thiên tự nhiên chi vật. Nhược dục thực thời, thất bảo bát khí, tự nhiên tại tiền. Kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chân châu, như thị chư bát, tùy ý nhi chi. Bách vị ẩm thực, tự nhiên doanh mãn. Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả, đản kiến sắc, văn hương, ý dĩ vi thực, tự nhiên bảo túc, thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước. Sự dĩ hóa khứ, thời chí phục hiện*” (Những người sanh vào cõi nước Phật ấy trọn đủ sắc thân thanh tịnh, các âm thanh màu nhiệm, thân thông, công đức như thế. Cung điện để ở, quần áo, thức ăn, các thứ hoa hương màu nhiệm, vật trang nghiêm giống như những vật tự nhiên trong tầng trời thứ sáu. Nếu lúc muốn ăn, chén bát bằng bảy báu tự nhiên hiện ra trước. Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chân châu, các thứ bát như thế tùy ý hiện đến. Thức ăn trăm vị, tự nhiên đầy ắp. Tuy có những món ăn ấy, chẳng thật sự ăn, chỉ thấy sắc, ngửi mùi, bèn nghĩ là đã ăn, tự nhiên no đủ, thân tâm mềm mại, chẳng tham đắm mùi vị. Xong chuyện, những thứ ấy bèn biến mất, đến thời lại hiện ra). Quý vị muốn ăn thứ gì ư? Tùy thời đều có. Quý vị muốn dùng chén bát gì ư? Chén bát liền hiện ra trước mặt quý vị. Nhưng chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh, thân thể thanh tịnh, chẳng cần phải ăn uống để bồi bổ. Quý vị có vọng tưởng, muốn ăn món gì đó, nó liền hiện ra, mắt trông thấy màu sắc, mũi vừa ngửi mùi hương liền no, chẳng cần thật sự ăn uống! Đã ăn no, những thức ăn biến hiện ấy tự nhiên biến mất. Quý vị lại dấy vọng tưởng, muốn ăn những thứ thức ăn khác, những thứ ấy lại hiện ra trước mặt quý vị.

Chúng sanh trong thế giới Sa Bà do quả báo xen tạp khổ lạc, khổ nhiều, lạc ít. Lạc là cái nhân gây ra khổ, nổi khổ quá nhiều, vui sướng quá ít, chẳng có niềm vui sướng thật sự! Vì chẳng có sự vui sướng, bèn biến thành nỗi thống khổ! Khô theo kiểu nào? Chẳng hạn như chúng sanh trong thế giới Sa Bà tưởng ăn uống là sự hưởng thụ bậc nhất. Chỉ cần là chúng sanh, đều mong ăn chi đó. Do vì hết thấy chúng sanh đều yêu tiếc thân mạng, ắt cần phải ăn uống thì sanh mạng mới có thể tiếp tục duy trì. Bất quá quý vị đừng nên tham ăn. Như thường nói: “*Hạ*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

hầu tam thốn thành hà vật? Bất dụng tương tâm tế giáo lượng” (Xuống khỏi cổ họng ba tác thành vật gì vậy? Đừng nên bận tâm so đo chi ly). Quý vị hãy ngâm xem: Quý vị ăn thứ chi đó ngon lành, lọt vào cổ họng xuống đến dạ dày, lại tiêu hóa nơi ruột, sẽ biến thành đại tiện. Tới khi đó, đều biến thành những thứ gớm tởm. Vì thế, quý vị tham ăn, ăn càng ngon, càng cảm thấy hưởng thụ. Thật ra, vào cổ họng, đều biến thành thứ thối tha, đây chẳng phải là tội lỗi ư? Tham ăn vẫn chưa phải là tội lỗi lớn, nhưng do quý vị tham ăn, cái tâm tham sẽ phát triển. Hễ phát triển, sẽ chẳng chán đủ. Muốn ăn ngon thì phải ăn thịt chúng sanh. Có loài chúng sanh nào chẳng sợ chết, chẳng yêu mến mạng sống? Vì muốn bảo dưỡng sanh mạng của quý vị mà giết chết sanh mạng của chúng nó, đây chẳng phải là tội lỗi to lớn ư?

Sát hại mạng của chúng sanh, đương nhiên là chẳng hợp đạo lý; nhưng nếu chẳng ăn thịt chúng sanh, chẳng thể sống sót, thì xét theo tình người, vẫn còn tạm chấp nhận được. Bởi lẽ, quý vị chẳng ăn thịt chúng sanh, sẽ không thể sống nổi. Chẳng hạn như tại Mông Cổ hay Tây Tạng, ngũ cốc, các loại lương thực chẳng sanh trưởng, phải ăn thịt chúng sanh. Đó là tình huống đặc thù, còn như nội địa của chúng ta thì có gạo, bột mì, rau dưa, có gì cứ phải ăn thịt chúng sanh?

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Có kẻ ngoài những thực phẩm thông thường ra, nhất định phải ăn thịt chúng sanh, cho là những thứ ấy cần thiết để bổ dưỡng thân thể?

Đáp: Thời cổ, y dược chẳng phát triển. Nếu ai sanh bệnh, ăn uống không nổi, không dùng đôi chút thuốc bổ thì làm sao được? Hiện thời, y dược phát triển, thân thể thiếu thốn loại vitamin nào, đều có thể mua được, quý vị cần gì phải ăn thịt chúng sanh để bổ dưỡng thân thể? Thật ra, quý vị ăn thịt chúng sanh là vì cái tâm tham ăn, vì nghĩ thịt chúng sanh ăn ngon miệng. Nếu chúng ta chẳng học Phật pháp, chẳng phát tâm từ bi, tôi chẳng bàn những đạo lý này cùng quý vị. Nếu quý vị học Phật pháp, phát tâm từ bi, nhất định chẳng ăn thịt chúng sanh. Chúng ta hưởng thụ những thứ ngon lành, ăn thịt chúng sanh, chạm vào đầu lưỡi sanh ra vị ngon, ngửi đó là một loại hưởng thụ. Nếu chẳng ăn thịt chúng sanh, chẳng thể duy trì sanh mạng thì còn có thể tha thứ được, vì phải ăn để cứu tánh mạng của quý vị. Do quý vị tham ăn thịt chúng sanh, chúng sanh hứng chịu đau khổ quá lớn, quý vị đạt được sự

hương thụ quá ít. Nếu quý vị có tâm từ bi thương yêu, bảo vệ chúng sanh thì phải nên ăn chay.

Hỏi: Có kẻ tham ăn thịt chúng sanh, cho rằng thịt có hương vị rất thơm, ăn vào miệng mùi vị rất ngon?

Đáp: Thịt chúng sanh hoàn toàn chẳng phải là thật sự thơm tho. Ăn vào miệng thì hương vị cũng chẳng thật sự ngon lành! Phật giáo nói theo Lý, chẳng phải là đoán mò. Khi quý vị ăn mặn, ăn cải trắng, đậu hũ, vẫn là hương vị của cải trắng, đậu hũ. Tới khi quý vị ăn chay trường, lại ăn cải trắng, đậu hũ, hương vị vẫn chẳng thay đổi. Có thể thấy đó là chánh vị. Quý vị cảm giác đồ mặn có hương vị rất ngon, đây là một thứ cảm giác sai lầm do thói quen. Quý vị vừa ăn chay, có người đút cho quý vị một miếng đồ mặn, vừa ngửi, sẽ cảm thấy tanh hôi, nhưng vẫn ăn được. Quý vị ăn chay ba tháng, lại bảo quý vị ăn thịt, ăn vào miệng, nuốt xuống chẳng nổi! Quý vị ăn chay hơn sáu tháng, trước kia ngửi đồ mặn, cảm thấy rất thơm, nay ngửi đồ mặn, sẽ là vị tanh hôi, cảm thấy muốn ọe ra, có thể thấy đó chẳng phải là hương vị tốt đẹp. Vì thế, hiện thời quý vị ăn mặn, ngỡ là hương vị thơm ngon, [thật ra] là cái tâm tham dục của quý vị làm hại quý vị dấy lên quan niệm sai lầm!

Hỏi: Có một thứ lý luận: “Tâm tốt cần gì phải ăn chay?”

Đáp: Điều này không chỉ là mê nơi Sự, mà còn mê nơi Lý. Kẻ chẳng phát tâm ăn chay, tâm chẳng kiên cố. Thoạt nghe lý luận “tưởng như là đúng, thật ra sai bét” ấy, ngỡ là đúng, trên thực tế, đó là một thứ tà tri kiến. Thương thiên, hại lý, không gì hơn chuyện muốn đòi mạng của chúng sanh. Mạng của chúng sanh duy nhất, chẳng hai; [mỗi chúng sanh] chỉ có một cái mạng, quý vị ham muốn cái mạng tôn quý nhất của chúng nó, ăn thịt chúng nó, cứ nói là tâm quý vị tốt lành! Phải như thế nào thì mới là cái tâm xấu xa vậy nhỉ?

Hỏi: Có kẻ biết ăn chay là tốt, cũng biết ăn mặn chẳng đúng, nhưng [cảm thấy] ăn chay thì quá đáng tiếc?

Đáp: Phải biết đây là thói quen. Nay quý vị không ăn chay nổi là vì quý vị chẳng quan sát nỗi đau khổ của chúng sanh. Nếu quý vị nghĩ chúng sanh bị giết chóc rất đau khổ, sẽ chẳng nhẫn tâm ăn! Dần dần, quý vị sẽ dưỡng thành thói quen ăn chay, lại bảo quý vị ăn mặn, quý vị sẽ nuốt chẳng nổi!

Hỏi: Tôi đã sớm muốn phát tâm ăn chay, bắt quá khó tránh khỏi chuyện thù tạc trong xã hội. Chẳng uống chút rượu, chẳng ăn chút thịt, làm việc trong xã hội chẳng phải là sẽ không làm nổi ư?

Đáp: Nhất định cần phải thù tạc thì trước đó, quý vị có thể cho

đôi phương biết quý vị ăn chay. Trong mâm cỗ, bày một ít rau dưa, trong chén rượu của quý vị, hãy rót trà vào. Khi thù tạc, họ ăn thịt của họ, quý vị ăn đồ chay của chính mình, họ uống rượu của họ, quý vị uống trà của chính mình. Đây là phương tiện quyền xảo trong thù tạc, quý vị đừng biến nó thành chuyện thật. Quý vị phải nên biết: Thù tạc nhằm đôi bên đều đạt được lợi ích. Chỉ cần họ có thể đạt được lợi ích từ bản thân quý vị, quý vị chẳng bồi tiếp họ uống rượu, ăn thịt vẫn được. Do vậy, cổ nhân nói: “*Bần cư nào thị vô nhân vấn, phú tại thâm sơn hữu viễn thân*” (Nghèo giữa chợ đông, chẳng ai hỏi, giàu lánh núi sâu, có khách xa). Quý vị có chuyện thù tạc là vì hiện thời quý vị có của cải, có địa vị, mọi người bận lòng toan tính, mong tìm được lợi ích từ bản thân quý vị. Nếu quý vị nghèo túng, chẳng có địa vị, mọi người chẳng đạt được lợi ích từ trên thân quý vị, quý vị đứng giữa ngã tư cũng chẳng có ai hỏi đến. Ai còn bồi tiếp quý vị ăn thịt, uống rượu nữa u? Một khi quý vị giàu có, không chỉ là ở tại đô thị có nhiều thân thích bằng hữu, mà ở trong núi thẳm, họ hàng xa lắc xa lơ đều tìm đến thăm hỏi. Vì mọi người đều mong đạt được lợi ích từ nơi thân quý vị.

Quý vị tham ăn thịt chúng sanh, một người sát hại sanh mạng, tội lỗi vẫn chưa kể là lớn nhất, nhưng vì quý vị muốn thù tạc, thân thích bằng hữu đông đảo, mọi người đều muốn ăn thịt chúng sanh, hôm nay quý vị mời năm bảy bàn tiệc. Hãy xem đi, quý vị đã sát hại bao nhiêu sanh mạng? Đây mới là tội lỗi to lớn. Tu hành phải đoạn phiền não, phiền não do ăn uống khó đoạn nhất. Vì chẳng ăn, sẽ chẳng thể sống sót. Trước hết, đừng nên sát hại sanh mạng, quý vị hãy ăn chay, từ từ tu hành. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngay cả đồ chay cũng chẳng cần ăn, mắt nhìn, mũi ngửi, liền no nê. Lại tiến thêm bước nữa, nghe Phật pháp, pháp hỷ làm thức ăn; tỉnh tọa thì Thiền duyệt làm thức ăn, ngay cả nhìn cũng chẳng cần phải nhìn, ngửi cũng chẳng cần phải ngửi, vẫn có thể sống y hệt.

Hỏi: “*Thiền duyệt làm thức ăn, pháp hỷ ngập tràn*”, nói như vậy quá cao, chúng tôi còn chưa sanh về Tây Phương, còn chưa đạt đến cảnh giới ấy! Có thể nêu ra một trường hợp nhằm chứng tỏ cảnh giới ấy là như thế nào hay chăng?

Đáp: Nay tôi chứng minh đôi chút. Quý vị mong đến nghe Vãng Sanh Luận, ban ngày phải đi làm; nếu tan sở, về nhà ăn tối rồi mới tới đây nghe kinh, sẽ chẳng kịp thời gian. Quý vị ôm bụng đói đến nghe kinh, do có tâm ưa thích câu pháp mà đến. Nếu quý vị nghe nội dung lời giảng của tôi, cảm thấy chẳng thể nào hoan hỷ nổi, vọng tưởng đầy

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

lên, nghĩ buổi tối còn chưa ăn tối, ngồi chẳng yên, càng nghe càng đói nẫu ruột, dầu nghe pháp mà chẳng đạt được pháp hỷ. Trái lại, nếu quý vị cảm thấy tôi giảng rất hay, nghe hết sức hoan hỷ, sẽ nghĩ thầm: “Pháp sư Đạo Nguyên giảng hay quá, giảng đã quá”. Đạt được pháp hỷ, chẳng đói bụng, đến khi về nhà, quên khuấy bữa tối, vì quý vị đã dùng pháp hỷ làm thức ăn.

“*Thiền duyệt làm thức ăn*” là chẳng hạn như sáng sớm mỗi ngày quý vị có công khóa nhất định, phải tĩnh tọa một giờ hoặc nửa giờ. Tĩnh tọa xong, ăn điểm tâm rồi đi làm. Nếu hôm nay quý vị chẳng tĩnh tọa tốt đẹp, dấy vọng tưởng, vọng tưởng dẫn dắt vọng tưởng, tâm chẳng tĩnh được. Thân thể ngồi chẳng nổi, đùi đau, eo nhức, toàn thân khó chịu, cảm thấy bụng đói, vốn dự định tĩnh tọa nửa tiếng rồi mới đứng dậy ăn sáng. Khi ấy, ngồi mấy phút vẫn chẳng được, nhất định phải đứng lên ăn gì đó. Đây là quý vị chẳng đạt được Thiền duyệt. Nếu hôm nay quý vị tĩnh tọa bèn nhập Định, thông thường ngồi một tiếng đồng hồ cảm thấy thời gian rất dài. Hôm nay, cả tiếng đồng hồ mà giống như một sát-na trôi qua, toàn thân thoải mái, chẳng ăn sáng, cũng chẳng cảm thấy đói. Đây là đạt được một loại pháp hỷ trong Thiền Định, [dùng] Thiền duyệt làm thức ăn. Thế giới Sa Bà có pháp hỷ là trùng hợp mà gặp, chẳng phải là công phu dài lâu. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hằng ngày đều có pháp hỷ và Thiền duyệt. Đây là chỗ tốt đẹp do sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

4.1.4.1.15. Trang nghiêm vô chur nạn công đức thành tựu

(Luận) Vĩnh ly thân tâm não, thọ lạc thường vô gián.

(論)永離身心惱，受樂常無間。

(Luận: Mãi lìa thân tâm khổ, hưởng vui thường chẳng ngắt).

Đây là loại thứ mười lăm, tán thán sự trang nghiêm không có các nạn. “*Vĩnh ly thân tâm não*” (Vĩnh viễn xa lìa nỗi khổ não nơi thân, nơi tâm): Chịu lạnh, chịu nóng, ngã bệnh; đây là phiền não nơi thân. Bị người khác ganh tỵ, chướng ngại, tự mình sanh tham, sân, si; đây là phiền não trong tâm. Sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, những nỗi phiền não nơi thân thể và cái tâm đều xa lìa, vĩnh viễn chẳng chịu khổ, mắc nạn. “*Thọ lạc thường vô gián*” (Thường hưởng vui, chẳng gián đoạn): Lạc trong thế giới Sa Bà có gián đoạn, lạc ít, khổ nhiều.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, lạc dài lâu, trong ấy chẳng có các thứ khổ nạn. Đây là sự thành tựu công đức “không có các nạn”.

4.1.4.1.16. Trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu

(Luận) Đại Thừa thiện căn giới, đấng vô cơ hiềm danh. Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh.

(論)大乘善根界，等無譏嫌名。女人及根缺，二乘種不生。

(Luận: Cõi Đại Thừa thiện căn, trọn không tên cơ hiềm. Nữ nhân và căn khuyết, giống Nhị Thừa chẳng sanh).

Đây là loại thứ mười sáu, tán thán sự trang nghiêm của pháp môn nghĩa lý Đại Thừa. Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là tu pháp môn Đại Thừa. “*Đại Thừa thiện căn giới*” (Cõi thiện căn Đại Thừa): Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn nói đến nghĩa lý Đại Thừa, là một thế giới theo thiện căn Đại Thừa. “*Đấng vô cơ hiềm danh*” [nghĩa là] chẳng cần nói có sự thật phát sanh, ngay cả những danh xưng gây nên sự chê gièm, ghét bỏ đều chẳng nghe thấy. “*Nữ nhân*” là danh xưng ty hiềm, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nữ nhân. “*Cập căn khuyết*” (Và kẻ thiếu căn): Kẻ sáu căn chẳng đầy đủ, hoặc là mắt đui, tai điếc, hoặc thiếu một tay, một chân, sáu căn bị tàn khuyết. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có kẻ sáu căn không đầy đủ. “*Nhị Thừa chủng bất sanh*” (Chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh vào Cực Lạc): Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hàng Nhị Thừa. Quả vị cao nhất của hàng Nhị Thừa là chỉ có thể thành A La Hán, chẳng thể thành Phật quả.

Có người nghe tới đây bèn nói “*nữ nhân chẳng thể sanh về Tây Phương*” ư? Chẳng phải như vậy! Nữ nhân niệm Phật sanh về Tây Phương, sẽ biến thành nam nhân. Kẻ sáu căn không đầy đủ, niệm Phật sanh về Tây Phương, sẽ biến thành sáu căn trọn đủ. Hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại, niệm Phật sanh về Tây Phương, sẽ biến thành bậc Đại Thừa. [Vì lẽ này], Tây Phương chẳng có nữ nhân, chẳng có kẻ sáu căn không đầy đủ và hàng Nhị Thừa. Chẳng phải là nữ nhân, kẻ sáu căn chẳng trọn đủ và hàng Nhị Thừa không thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!

Kinh A Di Đà tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là bậc

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Ký

Đại A La Hán, vô lượng vô biên. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có Thanh Văn chúng. Đây là các vị Thanh Văn khi ở thế giới Sa Bà, trước đó, đã tu theo Thanh Văn Thừa, hồi Tiểu hướng Đại, niệm Phật sanh về Tây Phương, bèn dùng danh xưng vốn sẵn có của họ, vẫn gọi là Thanh Văn. Các vị ấy trước đó đã chứng đắc A La Hán, sau đây mới lại chuyển thành chúng tánh Đại Thừa.

4.1.4.1.17. Trang nghiêm công đức thành tựu thỏa mãn hết thảy những điều mong cầu

(Luận) Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc. Thị cố nguyện sanh bỉ, A Di Đà Phật quốc.

(論) 眾生所願樂，一切能滿足。是故願生彼，阿彌陀佛國。

(Luận: Điều chúng sanh mong thích, hết thảy đều thỏa mãn. Do vậy, nguyện sanh về cõi A Di Đà Phật).

Đây là loại thứ mười bảy, tán thán sự trang nghiêm “thỏa mãn hết thảy những điều mong cầu”. Trong thế giới Sa Bà, cầu điều gì cũng đều chẳng thể mãn nguyện; sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, những điều mong cầu đều có thể mãn nguyện. “*Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc*” (Những điều mong muốn, ưa thích của chúng sanh, hết thảy đều có thể thỏa mãn): Quý vị ưa thích, mong muốn gì, hết thảy đều có thể thỏa mãn nguyện của quý vị. “*Thị cố nguyện sanh bỉ, A Di Đà Phật quốc*” (Do vậy, nguyện sanh về cõi nước của A Di Đà Phật): Quan sát Tây Phương Cực Lạc thế giới có các thứ trang nghiêm, cho nên tôi là Thiên Thân mới nguyện sanh vào nước An Lạc của A Di Đà Phật.

Thiên Thân Bồ Tát dùng ba môn quan sát để quan sát hai thứ y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới; trước hết là quan sát sự trang nghiêm nơi y báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tổng cộng có mười bảy loại sự tướng trang nghiêm, trên đây đã giảng xong rồi. Nay lại quan sát chánh báo, tức là sự trang nghiêm của Phật và Bồ Tát. Trước hết, quan sát sự trang nghiêm của Phật gồm tám thứ. Đầu tiên, nói về loại thứ nhất, tức quan sát sự trang nghiêm nơi tòa hoa sen của A Di Đà Phật.

4.1.4.2. Quan sát sự trang nghiêm do công đức thành tựu của đức Phật ấy (chia thành tám đoạn)

4.1.4.2.1. Sự trang nghiêm do công đức thành tựu nơi bảo tòa

(Luận) Vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài.

(論)無量大寶王，微妙淨華臺。

(Luận: Vô lượng đại bảo vương, đài hoa tịnh, vi diệu).

Đây là loại thứ nhất, tán thán công đức của tòa hoa sen. “*Vô lượng đại bảo vương*”: Theo cách giải thích thứ nhất, “*đại bảo vương*” là chất báu Thích Ca Tỳ Lăng Già (釋迦毗楞伽, Śakrābhilagna-maṇiratna). Chất báu Thích Ca Tỳ Lăng Già to lớn chẳng thể nghĩ bàn, là vua của các thứ báu. Bảo châu to lớn, chẳng có kích thước, trang nghiêm vượt trội sự tưởng tượng của phàm phu. Dầu dùng con số trăm ngàn vạn ức [để sánh ví], vẫn chẳng thể tính toán được, nên gọi là “*vô lượng*”. Theo cách giải thích thứ hai, chẳng phải là một đại bảo vương, mà là vô lượng vô số đại bảo vương để trang nghiêm một pháp tòa.

“*Vi diệu tịnh hoa đài*” tức là đài hoa sen thanh tịnh, đều được trang nghiêm bởi vô lượng số bảo vương chẳng thể nghĩ bàn để trang nghiêm. A Di Đà Phật ngồi trên đài hoa sen, chính giữa có một đài gương sen. Đây là loại trang nghiêm thứ nhất của A Di Đà Phật. Tiếp đó, tán thán sự trang nghiêm nơi ba nghiệp thân, miệng, ý của A Di Đà Phật.

4.1.4.2.2. Trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu

(Luận) Tướng hảo quang nhất tâm, sắc tượng siêu quần sanh.

(論)相好光一尋，色像超群生。

(Luận: Tướng hảo quang một tâm, hình sắc trội muôn loài).

Đây là loại [trang nghiêm] thứ hai [nơi chánh báo của Phật]; trước hết là tán thán công đức nơi thân nghiệp của A Di Đà Phật. “*Tướng hảo quang nhất tâm*” (Quang minh nơi tướng hảo [trên thân Phật] chiếu xa một tâm): Tướng hảo trên thân thể [đức Phật] có quang minh, như Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân Phật, có ba mươi hai thứ tướng, tám mươi thứ hảo, trên thân có quang minh, [thân Ngài] cao chùng một trượng. A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, hiện

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

tướng Báo Thân Phật, thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, mỗi thứ hảo có vô lượng quang minh.

Đức Phật tỏa ra quang minh, có phóng quang và thường quang. “*Phóng quang*” (放光) là quang minh tỏa ra khi Ngài thuyết pháp độ chúng sanh. “*Thường quang*” (常光) là quang minh thường chiếu ra xa. Ở đây, [Vãng Sanh Luận] nói đến thường quang, tức là quang minh vĩnh viễn nơi thân thể của Ngài. “*Thường quang nhất tâm*”: Tại Trung Hoa, cứ sáu thước gọi là một Tâm (尋). Ở đây, chẳng thể giải thích như vậy. Vì Báo Thân Phật phải dùng vô lượng để giải thích. Quý vị thấy kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật đã miêu tả thân lượng của A Di Đà Phật [như sau]: “*Sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần*”. Ấn Độ có con sông Hằng, trong sông Hằng có rất nhiều hạt cát rất mịn. Mỗi hạt cát coi như là một do-tuần. “*Do-tuần*” (Yojana) dịch sang tiếng Hán là Dịch Trạm (驛站). Dịch (驛) là ruổi ngựa. Chánh phủ muốn truyền công văn khẩn cấp nhất, [bèn lập ra các dịch trạm, phu đưa công văn thúc ngựa chạy từ trạm này sang trạm khác sẽ đổi ngựa], khoảng cách giữa mỗi trạm chính là một do-tuần. Hiện thời, có thể nói là khoảng cách giữa hai trạm xe lửa là một do-tuần, mọi người sẽ dễ hiểu. Theo cách đo lường của Ấn Độ, tiểu do-tuần là bốn mươi dặm, trung do-tuần là sáu mươi dặm, đại do-tuần là tám mươi dặm. [Thân lượng của A Di Đà Phật] là sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa số do-tuần. Tuy có một con số, nhưng con số ấy là vô lượng.

“*Sắc tượng siêu quần sanh*”: Đây là tán thán tướng mạo nơi thân nghiệp của đức Phật đặc biệt trang nghiêm, không chỉ vượt trội lục phàm pháp giới, mà còn vượt trội tam thừa thánh nhân pháp giới, vượt trội hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới!

4.1.4.2.3. Trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu

(Luận) Như Lai vi diệu thanh, phạm hưởng văn thập phương.

(論)如來微妙聲，梵響聞十方。

(Luận: Như Lai tiếng vi diệu, âm Phạm vọng mười phương).

Đây là loại thứ ba, tán thán công đức nơi khẩu nghiệp của A Di Đà Phật. “*Như Lai vi diệu thanh*” (Âm thanh vi diệu của Như Lai): A Di Đà Phật thuyết pháp là pháp âm vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. “*Phạm hưởng*”: Phạm (梵) là thanh tịnh, Hưởng (響) là âm thanh. A Di Đà

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Phật thuyết pháp là âm thanh thanh tịnh. Quý vị nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, có thể trừ khử hết thảy ô nhiễm phiền não. “*Văn thập phương*” (Nghe thấu mười phương): Mười phương thế giới chúng sanh, chỉ cần niệm danh hiệu của A Di Đà Phật, phát nguyện sanh về Tây Phương, đều có thể trông thấy tướng của A Di Đà Phật, mà cũng có thể nghe A Di Đà Phật thuyết pháp.

Có người hỏi: “Mười phương thế giới chúng sanh đều có thể thấy, nghe. Vì sao tôi chẳng thấy tướng của A Di Đà Phật, chẳng nghe pháp âm của A Di Đà Phật?” [Đáp]: Chưong ngại không ở nơi A Di Đà Phật, mà ở chính quý vị. Nếu quý vị nhất tâm quy mạng A Di Đà Phật, dùng sanh mạng để chí tâm kiên thành lễ bái, chẳng có hai niệm. Quý vị lễ bái Phật như vậy, sẽ có thể thấy thân tướng của A Di Đà Phật. Quý vị niệm danh hiệu của Phật, có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Không chỉ là có thể thấy thân tướng của A Di Đà Phật, mà còn có thể nghe A Di Đà Phật thuyết pháp cho quý vị.

Thành Phật, chứng đắc bản tánh của hết thảy các pháp, chứng đắc Pháp Tánh Thân, gọi là Pháp Thân Phật. Bồ Tát tu hành, nơi sự tướng thì phải tu Lục Độ vạn hạnh, tu nhân hạnh trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp để trang nghiêm quả đức, tức Báo Thân Phật. Nhân quả phải tương ứng, Báo Thân Phật và Pháp Thân Phật chẳng thể nói là một, vì Báo Thân Phật từ Pháp Thân Phật hiện ra. Do đó, Báo Thân Phật chẳng phải là Pháp Thân Phật. Nhưng cũng chẳng thể nói là hai thứ, vì Pháp Thân Phật không có tướng. Chúng ta thấy tướng Ứng Thân Phật, còn gọi là Hóa Thân Phật, hoặc Ứng Hóa Thân Phật. Ứng Hóa Thân Phật chia thành ba loại: Đại Hóa Thân Phật, tiểu Hóa Thân Phật, và tùy loại Hóa Thân Phật. Đại Hóa Thân Phật giáo hóa một tam thiên thế giới. Một tam thiên thế giới có một trăm ức tiểu thế giới. Mỗi tiểu thế giới đều có tiểu Hóa Thân Phật. Đại Hóa Thân Phật giáo hóa một tam thiên đại thiên thế giới, [thân ấy] cao một ngàn trượng. Tiểu Hóa Thân Phật giáo hóa một tiểu thế giới, [thân tướng giống] như đức Phật Thích Ca thị hiện tại Ấn Độ, cao một trượng sáu thước.

Có thể thấy Phật tướng bằng cách nào? Quý vị nghiêm túc tu hành, thiện căn chín muồi, quý vị đáng nên thấy tiểu Hóa Thân Phật, bèn thấy tiểu Hóa Thân Phật; đáng nên thấy đại Hóa Thân Phật, sẽ thấy đại Hóa Thân Phật. Phật chẳng có thân nào là thấy, thân nào là không thấy! Tùy thuộc công phu tu hành của quý vị như thế nào, sẽ thấy tướng Phật bất đồng. Chúng ta chẳng đủ thiện căn, chẳng thấy đại Hóa Thân Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập Niết Bàn hơn hai ngàn năm,

chúng ta mới xuất thế, tiêu Hóa Thân Phật cũng chẳng thấy. Đức Phật thường độ chúng sanh trên thế giới, Ngài dùng tùy loại Hóa Thân để xuất hiện. Quý vị đáng nên thấy nam cư sĩ mà đặc độ, Ngài sẽ hiện thành nam cư sĩ. Quý vị đáng nên thấy nữ cư sĩ bèn đặc độ, Ngài bèn hiện thành nữ cư sĩ. Quý vị đáng nên đối trước tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni mà đặc độ, Ngài bèn hiện thành một vị tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo-ni. Quý vị thấy trong phẩm Phổ Môn, Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai Ứng Thân. Theo kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai Ứng Thân, [những thân ấy] đều gọi là “*tùy loại Hóa Thân*”.

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật thành Phật đã mười kiếp. Vì sao biết ngày Mười Bảy tháng Mười Một âm lịch là sinh nhật của A Di Đà Phật? Ngày Mười Bảy tháng Mười Một âm lịch vốn là sinh nhật của Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ. Vì sao coi sinh nhật của Thiền sư Diên Thọ là sinh nhật của đức Di Đà? Vì vào cuối thời Ngũ Đại¹², A Di Đà Phật ứng hóa làm Thiền sư Diên Thọ. Ngài được Ngô Việt Vương Tiền Thục hết sức lễ kính, tôn trọng. Ngô Việt Vương thường thiết trai cúng Tăng. Có một hôm, Ngô Việt Vương hỏi Thiền sư Diên Thọ: “Trong công án nhà Phật có nói, khi trai tăng, sẽ có Phật, Bồ Tát, A La Hán đến ứng cúng. Có sao chẳng thấy có một vị nào đến ứng cúng, có phải là vì chúng ta chẳng đủ kiên thành nên chẳng có cảm ứng?” Thiền sư Diên Thọ đáp: “Cao tăng đông lắm, đáng tiếc là chẳng có ai nhận ra! Tại Hàng Châu có một vị Trường Nhĩ hòa thượng (hòa thượng có trái tai rất dài), chính là Định Quang Phật tái lai thị hiện. Nếu bệ hạ có thể cúng dường Ngài, ắt được đại phước báo”. Ngô Việt

¹² Thời Ngũ Đại gọi đủ là thời Ngũ Đại Thập Quốc, kéo dài từ năm 907 cho đến năm 979, bắt đầu kể từ khi nhà Đường diệt vong cho đến khi nhà Tống (của Triệu Khuông Dẫn) thống nhất Trung Hoa. Mười nước trong thời kỳ này là do các thế lực quân phiệt địa phương (các phiên trấn) chiếm cứ một vùng, tự xưng đế, kiến lập vương triều. Năm triều đại chính trong giai đoạn này là Hậu Lương (do Châu Ôn sáng lập), Hậu Đường (do Lý Tồn Húc sáng lập), Hậu Tấn (do Thạch Kính Đường sáng lập), Hậu Hán (do Lưu Trí Viễn sáng lập), và Hậu Châu (do Quách Oai sáng lập). Mười nước trong giai đoạn này là Ngô (do Dương Hành Mật sáng lập), Nam Đường (do Lý Biện sáng lập), Ngô Việt (do Tiền Liêu sáng lập), Mân (do Vương Thâm Tri sáng lập), Bắc Hán (do Lưu Mân sáng lập), Tiền Thục (do Vương Kiến sáng lập), Hậu Thục (do Mạnh Tri Chương sáng lập), Kinh Nam (do Cao Quý Hưng sáng lập), Sở (do Mã Ân sáng lập), và Nam Hán (do Lưu Yêm sáng lập). Nước Ngô Việt tồn tại lâu nhất, đóng đô tại Tiền Đường (thuộc Hàng Châu), địa phận bao gồm tỉnh Chiết Giang, Đông Nam tỉnh Giang Tô, và Đông Bắc tỉnh Phước Kiến, truyền được năm đời vua.

Vương nói: “Nếu Trường Nhĩ hòa thượng là Định Quang Phật tái lai thị hiện, ta ngay lập tức trai tăng cúng dường Ngài!” Ngày hôm đó, Trường Nhĩ hòa thượng cũng đến tham dự pháp hội trai tăng, nhưng các cư sĩ thấy Ngài lôi thôi, nhếch nhác, áo ca-sa rách rưới, bần thủ, tướng mạo chẳng trang nghiêm, nói năng khật khà khật khùng, chẳng tôn trọng Ngài cho lắm. Trường Nhĩ hòa thượng cảm thấy mọi người chẳng hoan nghênh Ngài, đang chuẩn bị rời đi. Khi ấy, Ngô Việt Vương trông thấy Trường Nhĩ hòa thượng, cung kính lễ bái Ngài, nhất định muốn mời Ngài ngồi vào vị trí bậc nhất. Trường Nhĩ hòa thượng hỏi: “Sao hôm nay nhà vua đối xử lễ độ với tôi như vậy?” “Nghe nói Ngài là Định Quang Phật hiện thân” “Làm sao bệ hạ biết tôi là Định Quang Phật?” “Do Thiên sư Diên Thọ bảo trẫm”. “Di Đà lắm mồm!” Trường Nhĩ hòa thượng nói câu ấy xong, bèn ngồi ở ghế trên, đợi tới khi cơm nước chuẩn bị xong xuôi, Trường Nhĩ hòa thượng vẫn ngồi bất động, Ngài đã tọa hóa rồi!

Ngô Việt Vương nhớ lại Trường Nhĩ hòa thượng đã nói: “*Di Đà lắm mồm!*” “*Lắm mồm*” là thích nói, [câu ấy có nghĩa là] A Di Đà Phật ưa nói. Bỗng nhiên, vua ngộ ra: Thiên sư Diên Thọ nhất định là A Di Đà Phật tái lai! Nếu không, làm sao Ngài biết Trường Nhĩ hòa thượng là Định Quang Phật? Do vậy, vua ngay lập tức sang đạo tràng Vĩnh Minh Tự của Thiên sư Diên Thọ, tới khi vua đến nơi thì Thiên sư Diên Thọ cũng tọa hóa rồi!

Trường Nhĩ hòa thượng và Thiên sư Diên Thọ như vừa nói trên đây, đều là tùy loại Hóa Thân. Do vậy, chúng ta phải biết: Chẳng thấy Phật là do thiện căn của chúng ta không đủ. Chúng ta phải đối trước thiện tri thức, gieo thiện căn nơi Phật pháp, giữ lòng cung kính, tôn trọng các vị ấy như Phật, Bồ Tát. Mật Tông Tây Tạng so với Hiền Giáo của Trung Hoa thì càng tôn trọng người xuất gia. Mật Tông Tây Tạng nói đến Tứ Y, trước hết là quy y Kim Cang Thượng Sư, sau đó là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, vì Kim Cang Thượng Sư là vị sư phụ mà ta quy y trong hiện tại. Chẳng có Kim Cang Thượng Sư giảng Phật pháp, làm sao có thể biết đến Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo? Chúng ta chẳng thấy Ứng Thân Phật, chẳng thể trách Phật, chỉ trách chúng ta chẳng đủ thiện căn.

Còn có một kiến thức thông thường trong Phật giáo, mọi người cần phải biết: Phật giáo chẳng phải là tà ma ngoại đạo, mà là một loại chánh đạo, là giáo lý chánh thống để giáo hóa chúng sanh. Trước tiên, giảng giải đạo lý cho quý vị, khiến cho quý vị nấy sanh tín tâm, có thể

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Ký

khai ngộ, có thể tu hành, có thể chứng quả, dùng từ bi để giáo hóa chúng sanh. Có thần thông chẳng được phép nói ra! Vì có quy định như vậy, cho nên Phật, Bồ Tát thị hiện, chẳng được nói ra. Nay quý vị là một kẻ phàm phu, dụng công tu hành chứng thánh quả, cũng chẳng được phép nói với chúng sanh. Sắp đến lúc lâm chung, sắp ra đi, như tôi vừa mới nói, Trường Nhĩ hòa thượng là Định Quang Phật thị hiện, Thiên sư Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật thị hiện, [các Ngài] nói rồi bèn ra đi, vì đã tới lúc hóa duyên (duyên giáo hóa) đã tận. Quý vị tu hành chứng đắc quả vị, đến khi lâm chung, nói với các đệ tử rồi ra đi. Đây là chỗ cao minh của Phật, dùng chánh đạo, chánh pháp để giáo hóa chúng sanh.

Thân nghiệp, tướng hảo, quang minh của A Di Đà Phật, khâu nghiệp là phạm âm vi diệu, nay chúng ta chẳng thấy, chẳng nghe, là do nghiệp chướng của chúng ta ngăn trở. Quý vị hãy tinh tấn tu hành. Pháp môn Tịnh Độ là niệm A Di Đà Phật, quý vị có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn, chứng đắc Niệm Phật tam-muội, sẽ thường xuyên thấy Phật, thường xuyên nghe Phật thuyết pháp, giống như chuyện ăn uống thường ngày. Khi chưa đắc Niệm Phật tam-muội, quý vị dụng công tu hành trong một khoảng thời gian, bỗng dưng thấy Phật tướng, hoặc thấy Phật phóng quang; nhìn lại thì chẳng có, tức là một lần cảm ứng. Trong lần ấy, quý vị dụng công tu hành, dứt hết vọng tưởng, tương thông với đức Phật, quý vị sẽ thấy Phật, nghe đức Phật thuyết pháp cho quý vị, hoặc mộng thấy đức Phật đang thuyết pháp, đều là chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu quý vị chẳng thấy đức Phật hiện tướng, chẳng thấy Phật phóng quang, quý vị bèn nói mình trông thấy. Quý vị chẳng nghe đức Phật thuyết pháp, bèn nói quý vị đã nghe. Quý vị chẳng chứng đắc cảnh giới của bậc thánh nhân, quý vị bảo chính mình đã chứng đạt. Quý vị chẳng chứng đắc quả vị thánh nhân, mà nói là quý vị đã chứng đắc. Chưa thấy mà nói là thấy, chưa đắc mà nói là đã đắc, chưa chứng mà nói là đã chứng, tức là phạm giới đại vọng ngữ, tội lỗi rất nặng!

Thật sự trông thấy Phật tướng, Phật quang, nghe đức Phật thuyết pháp cho quý vị, chớ nên tùy tiện nói lung tung. Chỉ có cầu thiện tri thức ấn chứng cho quý vị là Phật hay là ma thì mới có thể nói! Còn có đồng tham đạo hữu, tin tưởng, ngưỡng mộ lẫn nhau, sẽ ấn chứng đạo lý. Trừ điều này ra, chẳng cho phép nói bừa bãi cùng người khác!

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Vì sao thấy Phật tướng, Phật quang, nghe âm thanh thuyết pháp của đức Phật lại chẳng thể nói với người khác?

Đáp: Có hai thứ nguyên nhân:

1) Thứ nhất là chỉ sợ khiến cho kẻ khác tạo khẩu nghiệp. Vì quý vị nói quá trực tiếp, kẻ đó chẳng phải là căn cơ [thích hợp] nghe lời quý vị nói. Quý vị nói quý vị đã thấy Phật, kẻ đó chẳng tin tưởng, sẽ hủy báng quý vị. Kẻ đó tạo khẩu nghiệp là do quý vị dẫn dụ kẻ đó gây tạo.

2) Thứ hai, quý vị tùy tiện nói, sẽ chuốc lấy ma! Quý vị hoàn toàn chẳng đạt được Niệm Phật tam-muội, chỉ là nhất thời vọng tưởng ngưng lặng, thấy Phật tướng, thấy Phật phóng quang, nhìn lại bèn chẳng có. Đây chẳng phải là công phu thật sự của chính mình, chỉ là công phu vận dụng tốt đẹp trong một lần, đạt được một chút cảnh giới. Hễ quý vị sanh lòng hoan hỷ, sẽ chiêu cảm ma tìm đến. Trong đạo tâm của quý vị có kẽ hở, ma sẽ theo kẽ hở đó mà vào. Hằng ngày quý vị kể với người khác quý vị thấy Phật, ma biết quý vị thích thấy Phật, sẽ khiến cho quý vị mỗi ngày đều thấy, kết quả là ma hiện, quý vị bèn bị ma dựa!

4.1.4.2.4. Trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu

(Luận) Đồng địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt.

(論) 同地水火風，虛空無分別。

(Luận: Như đất, nước, lửa, gió, hư không chẳng phân biệt).

Đây là loại thứ tư, tán thán sự trang nghiêm nơi tâm nghiệp của A Di Đà Phật. Tâm A Di Đà Phật là tâm vô phân biệt, giống như Ngũ Đại, tức đất, nước, lửa, gió, và hư không. Chúng ta đều biết Tứ Đại là đất, nước, lửa, gió. Phải hiểu chữ Đại (大) trong Tứ Đại (四大) như thế nào? Đại có nghĩa là “trọn khắp”, trọn khắp hết thảy các vật chất. Hết thảy vật chất đều từ bốn thứ này mà ra; vì thế, gọi là Tứ Đại, còn gọi là Tứ Đại Chung. Chung (種) có nghĩa là “có thể sanh ra”. Chúng có thể sanh ra hết thảy vạn vật, trong là căn thân, ngoài là thế giới. Bên trong có năm căn thân, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân, đều do Tứ Đại Chung tạo ra, được gọi là Nội Tứ Đại. Thế giới, núi, sông, đại địa bên ngoài cũng do Tứ Đại Chung tạo ra, được gọi là Ngoại Tứ Đại. Ở đây, kể thêm Không Đại, vì Tứ Đại Chung thành tựu hết thảy các vật chất. Nếu chẳng có hư không, hết thảy các vật chất ấy sẽ chẳng thể thành tựu. Tứ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Đại Chung và Không Đại được gọi gộp chung là Ngũ Đại. Hết thảy các vật chất đều do Ngũ Đại thành tựu.

Địa, thủy, hỏa, phong, và hư không là bản thể của hết thảy các pháp, có thể tạo ra hết thảy muôn vật, chẳng có tâm phân biệt. “*Đồng địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt*” [ý nói] tâm A Di Đà Phật giống như Địa, Thủy, Hỏa, Phong, và hư không, chẳng có phân biệt. Tâm A Di Đà Phật chẳng có phân biệt, làm sao có thể thuyết pháp độ chúng sanh? Đây là tùy ý tự nhiên. Tuy chẳng có phân biệt, cái tâm ấy có tác dụng chẳng thể nghĩ bàn, giống như Địa, Thủy, Hỏa, Phong và hư không. Ví như đại địa có thể chuyên chở vạn vật, bất luận thứ nặng hay vật nhẹ, đại địa đều có thể chuyên chở. Thủy Đại có thể chuyên chở hết thảy vạn vật, người, động vật, gỗ, thuyền v.v... đều có thể chuyên chở. Hỏa Đại: Chẳng có nhiệt độ của ánh sáng mặt trời, hết thảy vạn vật đều chẳng thể sanh tồn. Phong Đại, bất luận ban ngày hoặc ban đêm, đều có thể thổi qua đại địa, trường dưỡng hết thảy vạn vật. Hư không, có thể bao dung hết thảy vạn vật. Ngũ Đại mỗi thứ đều có công năng [chuyên biệt], tâm A Di Đà Phật cũng giống như vậy. Tuy Ngài chẳng có phân biệt, nhưng mặc sức tự nhiên bèn có thể thuyết pháp lợi ích hết thảy chúng sanh.

4.1.4.2.5. Trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu

(Luận) Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh.

(論) 天人不動眾，清淨智海生。

(Luận: Chúng trời người bất động, biển thanh tịnh trí sanh).

Đây là loại thứ năm, tán thán công đức của đại chúng. Thế giới Sa Bà chia thành lục đạo chúng sanh, Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ chia thành thiên đạo và nhân đạo, chỉ có đại chúng trời, người. Trong thế giới Sa Bà, hai giới trên chẳng có Sân, tức là Sắc Giới và Vô Sắc Giới chẳng có tâm sân hận. A Tu La thích đánh nhau với trời Đạo Lợi, bèn đánh nhau ngay trên trời Đạo Lợi, chẳng đánh tới Sắc Giới và Vô Sắc Giới Thiên. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có bốn ác đạo, chỉ có thiên đạo và nhân đạo.

Chúng sanh có ba loại là Chánh Định Tu, Tà Định Tu, và Bất Định Tu. Chúng sanh Chánh Định Tu trong thế giới Sa Bà tu pháp Đại Thừa, tu đến khi viên mãn Thập Tín, dự vào địa vị Thập Trụ thì mới chẳng còn bị thoái chuyển nữa. Chúng sanh thuộc Tà Định Tu quyết

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Ký

định là tà. Họ chẳng tin tưởng niệm Phật, làm sao có thể sanh về Tây Phương cho được? Chúng sanh thuộc Bất Định Tự có lúc tiến, có khi lùi. Họ nghe thấy pháp môn Niệm Phật, nhập chánh đạo bèn tinh tấn, nhưng ở lâu dài trong thế giới Sa Bà, có thể lại thoái chuyển, trở thành Tà Định Tự. Nhưng chúng sanh Bất Định Tự niệm Phật sanh về Tây Phương, đời nghiệp vãng sanh, sẽ đắc Bất Thoái Chuyển. Vì thế, niệm Phật sanh về Tây Phương, bất luận là thiên đạo hay nhân đạo, sẽ đều là đại chúng bất động, là thiện căn Đại Thừa kiên cố bất động, đều trở thành chúng sanh Chánh Định Tự.

“*Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh*” (Chúng trời người bất động, sanh từ biển trí huệ thanh tịnh): Đây là công đức của A Di Đà Phật, quý vị biết niệm Phật như thế nào? Do dựa theo nguyện lực của A Di Đà Phật mà niệm. Quý vị sanh về Tây Phương như thế nào? Chính là do A Di Đà Phật tiếp dẫn quý vị ra đi. Vì sao quý vị có thể hóa sanh trong hoa sen? Cũng là do A Di Đà Phật gia bị quý vị. Vì đều là từ biển trí huệ thanh tịnh của A Di Đà Phật mà sanh ra đại chúng trời, người, cho nên [những người] được sanh ra đều là thiện căn Đại Thừa, đều nhập Chánh Định Tự, chẳng thoái chuyển. Tuy vẫn tự ở đây nhằm tán thán đại chúng trời, người, nhưng thật ra là tán thán A Di Đà Phật.

4.1.4.2.6. Trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu

(Luận) Như Tu Di sơn vương, thắng diệu vô quá giả.

(論) 如須彌山王，勝妙無過者。

(Luận: Như núi chúa Tu Di, thắng diệu không chi hơn).

Đây là loại thứ sáu, tán thán công đức của bậc thượng thủ. “*Thượng thủ*” (上首) là thủ lĩnh. “*Như Tu Di sơn vương*” (Như núi chúa Tu Di): Đại chúng trời người đều giống như những quả núi, nhưng trong các quả núi, có một quả núi chúa, gọi là “*Tu Di Sơn*”. Tu Di Sơn (Sumeru) dịch sang tiếng Hán là Diệu Cao Sơn (妙高山). Thượng thủ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, giống như núi Diệu Cao trong các quả núi, hết thảy đại chúng trời người đều chẳng thể trở vượt bậc thượng thủ được.

4.1.4.2.7. Trang nghiêm chủ công đức thành tựu

(Luận) Thiên nhân trượng phu chúng, cung kính nhiều chiêm ngưỡng.

(論)天人丈夫眾，恭敬繞瞻仰。

(Luận: Chúng trượng phu trời người, cung kính, vây chiêm ngưỡng).

Đây là loại thứ bảy, tán thán công đức của bậc chủ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có A Di Đà Phật, sẽ chẳng hiển lộ sự trang nghiêm của Ngài. Phải có đại chúng trời người thì mới có thể hiển lộ sự trang nghiêm của Ngài. “*Thiên nhân trượng phu chúng*”, [ý nói] đại chúng trời người đều có tướng trượng phu. “*Cung kính nhiều chiêm ngưỡng*” (Cung kính đi vòng quanh, chiêm ngưỡng): “*Cung kính*” là lễ bái, “*nhiều*” (繞) là đi vòng quanh. Hiện thời, chúng ta niệm Phật đều phải nhiều Phật, đó là một thứ lễ tiết biểu lộ sự cung kính lễ bái. “*Chiêm ngưỡng*”: Ôm lòng cung kính ngưỡng vọng tướng mạo của đức Phật. Đây cũng là một thứ lễ tiết, biểu lộ lòng kính ngưỡng sự trang nghiêm của đấng pháp chủ A Di Đà Phật.

4.1.4.2.8. Trang nghiêm công đức thành tựu trụ trì chẳng uổng công thực hiện

(Luận) Quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả, năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải.

(論)觀佛本願力，遇無空過者，能令速滿足，功德大寶海。

(Luận: Quán sức bốn nguyện Phật, người gặp chẳng luống uổng, có thể mau thỏa nguyện, biển công đức báu lớn).

Đây là loại thứ tám, tán thán công đức “*trụ trì, chẳng uổng công thực hiện*”. Trong những phần trước là quán tòa hoa sen, quán thân nghiệp, quán khẩu nghiệp thuyết pháp, và quán tâm nghiệp của Phật. Ở đây là quan sát sức bốn nguyện của Phật. A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng đều nhằm độ chúng sanh. Chúng ta phải học theo Phật phát nguyện, vì Niệm Phật là pháp môn Đại Thừa, chẳng phải vì để chính mình liễu sanh tử, mà là do ta nhằm

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Kỳ

độ hết thấy chúng sanh liễu sanh tử bèn sanh về Tây Phương. Để độ hết thấy chúng sanh, quý vị ở trong thế giới Sa Bà độ họ là được rồi, đến Tây Phương để làm gì? Trong thế giới Sa Bà, chẳng có trí huệ, biện tài, và thần thông, bản lãnh độ chúng sanh chẳng đủ dùng! Có người nói: “Bản lãnh độ chúng sanh chẳng đủ, [vậy thì] đời sau, đời kế tiếp tục tu là được rồi, cần gì phải sanh sang Tây Phương?” Vì đời sau, đời kế, chính mình chẳng thể làm chủ được, sẽ theo nghiệp lưu chuyển, đọa trong ba ác đạo, thời gian chịu khổ rất dài, chẳng biết đến kiếp nào mới có thể thoát ra! Đời sau, đời kế, sanh làm người, bị mê khi cách âm, chẳng thể tiếp tục tu, sẽ thoái chuyển. Sanh về Tây Phương, do thường xuyên thấy Phật, nghe pháp, chỉ có tiến bộ, chẳng bị lui sụt, sẽ chẳng bị thoái chuyển. Do vậy, sanh về Tây Phương, đạt được bản lãnh độ chúng sanh, lại trở về thế giới Sa Bà độ chúng sanh, gọi là “*thừa nguyện tái lai*”, thỏa mãn Bồ Đề nguyện. Quý vị quan sát, [sẽ thấy] A Di Đà Phật thoát đầu cũng là phạm phu. Ngài do phát nguyện độ chúng sanh, nên mới thành Phật. Chúng ta học theo Ngài, cũng phải phát nguyện độ chúng sanh, học được bản lãnh độ chúng sanh, sẽ trở về độ chúng sanh.

Nếu quý vị có thể quan sát sức bốn nguyện của A Di Đà Phật, cũng sẽ học theo A Di Đà Phật phát nguyện. “*Quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả*” (Quán sức bốn nguyện Phật, kẻ đã gặp sẽ chẳng luống uổng): Quý vị gặp pháp môn Niệm Phật, gặp danh hiệu A Di Đà Phật, thấy Phật tướng của A Di Đà Phật, sẽ chẳng luống uổng, cũng có thể mãn nguyện. Pháp môn Tịnh Độ thích hợp trọn khắp ba căn, vạn người tu, vạn người về. Quý vị là bậc thượng căn, quý vị niệm Phật sanh về Tây Phương. Quý vị là hàng trung căn, cũng niệm Phật sanh về Tây Phương. Quý vị là phàm hạ căn, vẫn có thể niệm Phật sanh về Tây Phương. Chỉ cần quý vị tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. A Di Đà Phật phát nguyện độ chúng sanh, quý vị cũng phát nguyện độ chúng sanh. Niệm Phật như thế thì quý vị sẽ có thể sanh về Tây Phương, tuyệt đối chẳng khiến cho quý vị uổng công.

“*Năng linh tốc mãn túc*” [nghĩa là] có thể thỏa nguyện của quý vị rất nhanh chóng. “*Công đức đại bảo hải*” (Biển báu công đức lớn): Danh hiệu của A Di Đà Phật trọn đủ vô lượng công đức. Quý vị gặp pháp môn Tịnh Độ, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, quý vị bèn niệm danh hiệu A Di Đà Phật, giống như có được một viên Như Ý bảo châu! Quý vị có Như Ý bảo châu, mong cầu thứ gì ư? Nó sẽ ban cho quý vị thứ ấy. Như Ý bảo châu là tỷ dụ. Quý vị có thể niệm danh hiệu A Di Đà

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Phật, sẽ giống như có được Như Ý bảo châu, quý vị cầu nguyện điều gì, nó đều có thể mãn nguyện của quý vị. Vì công đức của A Di Đà Phật quá rộng, quá sâu, giống như biển cả!

Tám thứ tán thán trên đây đều nhằm tán thán công đức của A Di Đà Phật. Dưới đây là tán thán các vị Đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn loại công đức.

4.1.4.3. Quan sát công đức chánh tu hành thành tựu của các vị Bồ Tát trong cõi ấy (chia thành bốn đoạn)

4.1.4.3.1. Trang nghiêm công đức thành tựu “chẳng tu mà tu”

(Luận) An Lạc quốc thanh tịnh, thường chuyển vô cấu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì.

(論)安樂國清淨，常轉無垢輪，化佛菩薩日，如須彌住持。

(Luận: Cõi An Lạc thanh tịnh, thường chuyển vô cấu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì).

Đây là loại thứ nhất, tán thán công đức “chẳng tu mà tu”. “*An Lạc quốc thanh tịnh*”: Kinh A Di Đà dịch Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới Cực Lạc, kinh Vô Lượng Thọ dịch là An Lạc quốc. Thông thường, chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, và Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát; đây là các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Thường chuyển vô cấu luân*” (Thường xoay pháp luân vô cấu): “*Thường chuyển*” là thường chuyển pháp luân, [tức là] thường xuyên thuyết pháp. “*Vô cấu*” có nghĩa là “*thanh tịnh*”. Vì Bồ Tát chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân, trọn đủ viên mãn tịnh đức, toàn nói các pháp thanh tịnh. Thuyết pháp được gọi là “*chuyển pháp luân*”, có hai ý nghĩa:

1) Một ý nghĩa là “*chuyên chở*”. Giống như một cỗ xe lớn có thể chuyên chở chúng sanh từ trên đường sanh tử phàm phu tới chỗ kho báu Niết Bàn, tức là có thể chuyên chở quý vị đến thế giới Cực Lạc.

2) Ý nghĩa thứ hai là “*nghiên nát*”. Trên mặt đất có rác rưởi, bánh xe có thể nghiền nát, tức là có thể nghiền nát phiền não.

Bồ Tát thuyết pháp cho quý vị, một loại là có thể chở quý vị sang Tây Phương, loại thứ hai là có thể đoạn trừ phiền não của quý vị.

“*Hóa Phật, Bồ Tát nhật*” (Vàng mặt trời hóa Phật, Bồ Tát):

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

Thanh Tịnh Đại Hải Chúng của Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ chuyên pháp luân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà các Ngài có thể chuyên pháp luân trong mười phương thế giới. Chúng sanh trong mười phương thế giới cần thấy Phật để đắc độ, các Ngài liền hóa hiện Phật tướng. Đáng nên thấy Bồ Tát để đắc độ, các Ngài liền thị hiện tướng Bồ Tát, giống như ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp. “*Như Tu Di trụ trì*”: Tuy Bồ Tát phân thân ứng hóa trong mười phương thế giới, nhưng thân thể các Ngài ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng lay động như núi Tu Di.

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Vì sao Bồ Tát bất động trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mà có thể phân thân thuyết pháp trong mười phương thế giới?

Đáp: Bồ Tát là nương vào lý Pháp Không “*vô tu mà tu*” để tu hành, chẳng chấp hết thấy tướng tu hành. Sau khi Ngài đã sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Bồ Tát, thân thể trong Tây Phương bất động, có thể phân thân trọn khắp mười phương. Đây gọi là “*bất động mà phân thân*”.

4.1.4.3.2. Trang nghiêm công đức thành tựu đồng thời lợi sanh

(Luận) Vô cấu trang nghiêm quang, nhất niệm cập nhất thời, phổ chiếu chư Phật hội, lợi ích chư quần sanh.

(論)無垢莊嚴光，一念及一時，普照諸佛會，利益諸群生。

(Luận: Vô cấu trang nghiêm quang, một niệm và một thời, chiếu khắp các Phật hội, lợi ích các quần sanh).

Đây là loại thứ hai, tán thán công đức “*đồng thời lợi lạc chúng sanh*”. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật phóng quang minh, đó là quang minh trí huệ thanh tịnh. Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát tỏa quang minh, cũng là quang minh trí huệ thanh tịnh. Quang minh trí huệ thanh tịnh vô cấu, vô nhiễm thì gọi là “*vô cấu trang nghiêm quang*”.

“*Nhất niệm cập nhất thời*”: Bồ Tát trong một niệm, gọi là “*nhất niệm*”, trong một khoảng thời gian rất ngắn thì gọi là “*nhất thời*”, “*phổ*

chiếu chư Phật hội” (chiếu khắp các Phật hội). “*Chư Phật hội*” là pháp hội của mười phương thế giới chư Phật. Thế giới nào trong mười phương có Phật mở pháp hội, các vị Bồ Tát ấy sẽ đến đó. “*Lợi ích chư quần sanh*”: Bồ Tát đến lợi ích chúng sanh, giống như khi Thích Ca Mâu Ni Phật mở pháp hội trong thế giới Sa Bà, Quán Thế Âm Bồ Tát đến, Đại Thế Chí cũng đến, vì thế giới Sa Bà có kẻ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bèn đắc độ, có kẻ thấy Đại Thế Chí Bồ Tát mà đắc độ. Các Ngài đến thế giới Sa Bà nhằm lợi ích chúng sanh. Nhưng chúng sanh trong mười phương thế giới đáng nên thấy Bồ Tát của Tây Phương Cực Lạc thế giới mà đắc độ, Bồ Tát sẽ thị hiện, chẳng có trước hay sau sai khác, đồng thời thị hiện.

* Giải trừ nghi hoặc

Hỏi: Chúng ta niệm Phật phát nguyện sanh về Tây Phương, tới lúc lâm chung, A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát đến tiếp dẫn chúng ta. Giả sử số người niệm Phật ít, Phật, Bồ Tát còn tới tiếp dẫn kịp. Nếu chúng sanh trong mười phương thế giới đều niệm Phật vãng sanh, ắt cần phải tiếp dẫn từng người một, làm sao tiếp dẫn cho kịp?

Đáp: Đây là chẳng hiểu thần thông diệu dụng của Phật, Bồ Tát [cho nên ngờ vực như vậy]. Thân thể các Ngài chẳng cần dao động, mà có thể đến trọn khắp mười phương. Lại còn chẳng trước, chẳng sau, xét theo mặt thời gian, sẽ là chẳng sai khác! Báo thân của quý vị đã tận, đáng nên sanh về Tây Phương, đến lúc sẽ đi. Chúng sanh nào đáng nên sanh về Tây Phương, Phật, Bồ Tát bèn đến tiếp dẫn quý vị, giống như [trong khoảng] một niệm, hoặc một thời, chẳng có trước hay sau sai khác, đều có thể trọn khắp mười phương, chẳng bị sai sót!

Cổ nhân đã sánh ví Phật, Bồ Tát của Tây Phương Cực Lạc thế giới bất động tại Tây Phương mà có thể phân thân trọn khắp các cõi nước như số vi trần, tiếp dẫn lợi lạc hết thảy chúng sanh bằng hai câu tỷ dụ như sau: “*Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt, vạn lý vô vân vạn lý thiên*” (Ngàn sông in bóng ngàn trăng, vạn dặm không mây vạn dặm trời). Mặt trăng trên bầu trời bất động, soi bóng trong nước sông. Trong nước của ngàn con sông, trăng đều soi bóng, đồng thời, chẳng có trước, sau. Chỉ cần có nước, nước nơi ngàn con sông bèn hiện bóng, thậm chí một chậu nước nhỏ, cũng hiện bóng trăng. Đây là tỷ dụ sự bất động, cũng như sánh ví sự kịp thời.

Trời xanh chiếu khắp đại địa, chiếu khắp hết thấy chúng sanh. Quý vị chẳng trông thấy trời xanh, chẳng thể trách trời xanh không gặp gỡ quý vị. Đây là do quý vị gặp phải lúc âm u. “*Trời âm u*” ví như tự tánh thanh tịnh của chúng ta, bị phiền não che lấp. Chẳng trông thấy trời xanh là vì không trung bị mây che phủ. “*Vạn lý vô vân vạn lý thiên*” (Vạn dặm không mây, vạn dặm trời): Chỉ cần quý vị có thể nhất tâm niệm Phật, sẽ tương ứng với tâm của A Di Đà Phật.

4.1.4.3.3. Trang nghiêm bình đẳng cúng dường công đức thành tựu

(Luận) Vũ thiên nhạc, hoa y, diệu hương đẳng cúng dường, tán chư Phật công đức, vô hữu phân biệt tâm.

(論)雨天樂華衣，妙香等供養，讚諸佛功德，無有分別心。

(Luận: Mưa nhạc trời, áo hoa, hương màu thấy cúng dường, khen công đức chư Phật, chẳng có tâm phân biệt).

Đây là loại thứ ba, tán thán công đức bình đẳng cúng dường. Các vị đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đến mười phương thế giới để tham dự pháp hội của chư Phật, đến để lợi ích chúng sanh. [Các Ngài] đến những thế giới ấy để cúng dường chư Phật, sẽ mang theo các vật phẩm cúng dường, giống như trời tuôn mưa vậy.

“*Vũ thiên nhạc, hoa y*” (Mưa nhạc trời, áo hoa): “*Thiên*” có nghĩa là tự nhiên. Từ trời rơi xuống, tự nhiên có âm nhạc, hoa tươi, y phục. Vì sao có vật phẩm cúng dường nhiều ngàn ấy? Do được thành tựu bởi công đức của A Di Đà Phật. “*Diệu hương đẳng cúng dường*” (Cúng dường những thứ như hương màu nhiệm v.v...): Hương màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn. Từ trên trời rơi xuống, không chỉ là hương cúng dường, mà còn có các loại thức ăn để cúng dường. “*Tán chư Phật công đức*” (Khen ngợi công đức của chư Phật): Dâng lên vật cúng để cúng dường chư Phật, lại còn tán thán công đức của chư Phật. “*Vô hữu phân biệt tâm*” (Chẳng có tâm phân biệt): Tâm nghiệp của A Di Đà Phật lợi ích hết thấy chúng sanh, chẳng có tâm phân biệt. Những vị Pháp Thân đại sĩ ấy cúng dường mười phương chư Phật, cũng chẳng khởi tâm phân biệt, bình đẳng cúng dường.

4.1.4.3.4. Trang nghiêm kiến lập Phật pháp công đức thành tựu

(Luận) Hà đẳng thế giới vô, Phật pháp công đức bảo, ngã nguyện giai vãng sanh, thị Phật pháp như Phật.

(論)何等世界無，佛法功德寶，我願皆往生，示佛法如佛。

(Luận: Thế giới nào chẳng có, báu Phật pháp công đức, tôi đều nguyện vãng sanh, dạy Phật pháp như Phật).

Đây là loại thứ tư, tán thán công đức kiên lập Phật pháp. “Hà đẳng thế giới vô, Phật pháp công đức bảo” [có nghĩa là] thế giới nào chẳng có Phật thì Bồ Tát bèn nguyện sanh về thế giới ấy để trụ trì trang nghiêm Phật Pháp Tăng Tam Bảo, khiến cho Phật chủng nơi nơi chẳng đoạn. “Ngã nguyện giai vãng sanh” (Tôi đều nguyện vãng sanh): “Ngã” (tôi) là nói tới các vị đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tôi sẽ sanh vào thế giới chẳng có Phật, “thị Phật pháp như Phật” [nghĩa là] thị hiện thuyết pháp giống như Phật vậy.

Đối với loại công đức này, gộp cả bốn thứ công đức của Bồ Tát để nói, chúng ta hãy biện định một phen. Kinh Phật nói trong hư không có vô lượng vô biên thế giới Tịnh Độ của Phật, mười phương đều có cõi nước thanh tịnh. Quý vị mong sanh về phương Tây, sẽ sanh về phương Tây. Quý vị mong sanh về phương Đông, sẽ sanh về phương Đông. Quý vị mong sanh về phương Nam, sẽ sanh về phương Nam. Quý vị mong sanh về phương Bắc, sẽ sanh về phương Bắc, đều có thể lập nguyện vãng sanh quốc độ thanh tịnh. Vậy thì vì sao chỉ muốn sanh về Tây Phương?

Là vì dựa theo nguyện lực của Phật để so sánh, [sẽ thấy] nguyện lực của A Di Đà Phật đặc biệt thù thắng. Chúng sanh dụng công, tâm lực phải chuyên nhất. Trước hết, quý vị lập nguyện vãng sanh Tây Phương, sanh về Tây Phương hồng đức Vô Sanh Pháp Nhân, trí huệ, biện tài, thần thông thầy đều có, mười phương thế giới quý vị đều có thể đến. Tới mười phương thế giới cúng dường mười phương chư Phật, lợi ích mười phương thế giới chúng sanh. Thế giới nào chẳng có Phật, quý vị bèn sanh vào thế giới đó [để chỉ dạy Phật pháp], đều có thể vừa lòng mãn nguyện, tự do tự tại. Quý vị là chúng sanh trong thế giới Sa Bà, Hoặc nghiệp chưa đoạn, thế giới nào chẳng có Phật, quý vị có muốn đến đó, cũng chẳng đến được! Quý vị muốn cúng dường một vị Phật trong thế giới nào đó, trọn chẳng cúng dường được! Quý vị mong lợi ích chúng sanh trong một thế giới nào đó, cũng chẳng lợi ích được.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Vì thế, trước hết, hãy nhất tâm nhất ý nương cậy đại nguyện lực của A Di Đà Phật sanh về Tây Phương. Sau khi đã sanh về Tây Phương, quý vị có thân thông, đối với mười phương thế giới, quý vị thích sanh vào thế giới nào, sẽ sanh vào thế giới đó, tự do tự tại.

Sự cúng dường của chư đại Bồ Tát đều là học theo Phật. Nay chúng ta học theo A Di Đà Phật, học theo các vị đại Bồ Tát. Chúng ta dâng cúng chư Phật, bất luận đến một tự viện nào, sẽ tùy sức tùy phần cúng dường, nương theo tâm lực và tài lực của quý vị để cúng dường, đừng nên dấy lòng phân biệt. Quý vị đừng nên suy xét Phật trong tự viện nào có duyên với ta, ta cúng dường nhiều hơn một tí. Phật trong tự viện nào chẳng có duyên với ta, ta cúng dường ít một chút. Đây đều là cái tâm phân biệt của phàm phu. Vì phát tâm bình đẳng thì công đức sẽ bình đẳng. Lợi ích chúng sanh tùy duyên, tùy phận, đừng nên dấy lòng phân biệt. Chúng sanh này có duyên với ta, ta bèn giảng cho người ấy nhiều hơn đôi câu. Chúng sanh kia chẳng có duyên với ta, ta giảng cho họ ít hơn một đôi câu. Đây đều là tâm phân biệt, phải bình đẳng lợi ích chúng sanh.

Nói đến chỗ này thì Quan Sát Môn trong Ngũ Niệm Môn của phần Kệ tụng đã giảng xong. Tiếp đó là niệm môn thứ năm, tức Hồi Hướng Môn. Hồi (迴) là xoay chuyển, Hướng (向) là hướng đến.

4.1.5. Hồi Hướng Môn

(Luận) Ngã tác luận thuyết kệ, nguyện kiến Di Đà Phật, phổ cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc.

(論)我作論說偈，願見彌陀佛，普共諸眾生，往生安樂國。

(Luận: Tôi soạn luận, nói kệ, nguyện thấy Di Đà Phật, cùng khắp các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc).

“Ngã tác luận thuyết kệ” (Tôi làm luận, nói kệ): Tôi là Thiên Thân soạn Vãng Sanh Luận, trong phần đầu, viết bài Nguyên Sanh Kệ. Do công đức này, tôi “nguyện kiến A Di Đà Phật” (nguyện thấy A Di Đà Phật). Tôi chẳng cầu phước báo nhân thiên, tôi bằng lòng đem công đức của tôi hồi hướng Tây Phương, nguyện sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, đồng thời hồi hướng công đức của tôi cho hết thảy chúng sanh. “*Phổ cộng chư chúng sanh, vãng sanh An*

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Lạc quốc”: Thiên Thân tôi đây chẳng phải vì liễu sanh tử cho cá nhân tôi, mà tôi nguyện cùng hết thầy chúng sanh đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Luận) Vô Lượng Thọ Tu Đa La chương cú, ngã dĩ kệ tụng tổng thuyết cánh.

(論)無量壽修多羅章句，我以偈頌總說竟。

(Luận: Đối với ý nghĩa của kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, tôi dùng kệ tụng để nói đại ý đã xong).

Tu Đa La (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Khế Kinh, dịch đơn giản là Kinh. Vô Lượng Thọ Tu Đa La là kinh Vô Lượng Thọ. “*Chương cú*” (章句) là ý nghĩa của một chương, một đoạn kinh Vô Lượng Thọ. “*Ngã dĩ kệ tụng tổng thuyết cánh*” [ý nói] tôi là Thiên Thân đã dùng kệ tụng để nói tổng quát, đã nói xong rồi.

4.2. Phần giải thích (chia làm mười đoạn)

4.2.1. Đại ý của bài Nguyên Sanh Kệ

(Luận) Luận viết: Thử nguyện kệ minh hà nghĩa? Thị hiện quán bỉ An Lạc thế giới, kiến A Di Đà Phật, nguyện sanh bỉ quốc cố.

(論)論曰：此願偈明何義？示現觀彼安樂世界，見阿彌陀佛，願生彼國故。

(Luận: Luận rằng: “Bài Nguyên Sanh Kệ này nêu rõ những ý nghĩa nào? Nhằm chỉ rõ: Quán thế giới An Lạc, thấy A Di Đà Phật, nguyện sanh về cõi ấy).

Toàn bộ Vãng Sanh Luận chia làm hai khoa lớn, Kệ Tụng trong phần đầu là phần Tổng Thuyết, đã giải thích xong. Phần luận văn Trường Hàng kế đó là phần Giải Thích, nhằm giải thích phần Kệ Tụng trước đó. Dựa theo ý nghĩa của lời văn để chia thành các tiểu đoạn. Phần luận văn Trường Hàng chia thành mười khoa. Khoa thứ nhất là “*nguyện kệ đại ý*” (願偈大意), nêu rõ đại ý của bài kệ tụng Nguyên Sanh, tức là nêu ra tổng cương lĩnh.

“*Luận viết*” (Luận rằng), Luận (論) là nghị luận, tức là phần luận văn Trường Hàng. “*Thử nguyện kệ minh hà nghĩa*” (Bài kệ nguyện vãng sanh này nêu rõ những ý nghĩa gì): Quý vị viết bài kệ tụng nguyện

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Kỳ

sanh Tây Phương có những nghĩa lý như thế nào? Tiếp đó, bắt đầu giải thích: “*Thị hiện quán bỉ An Lạc thế giới*” (Khai thị, hiển hiện, quán thế giới An Lạc): “*Thị*” (示) là khai thị, “*hiện*” (現) là hiển hiện. Khai thị, hiển hiện bài Kệ Tụng trong phần trước để cho chúng ta quan sát cận kề y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc.

“*Kiến A Di Đà Phật*” (Thấy A Di Đà Phật): Đây là chánh báo trang nghiêm. “*Kiến*” (見) có hai cách giải thích:

1) Một là dựa theo kệ tụng, thấy tám thứ công đức của A Di Đà Phật.

2) Khi tùy văn tác quán (隨文作觀, thuận theo lời văn mà quán tưởng), sẽ có thể thấy A Di Đà Phật.

“*Nguyện sanh bỉ quốc cố*” (Do nguyện sanh vào cõi ấy): Tôi dựa theo phần Kệ Tụng trên đây, có thể quan sát các thứ trang nghiêm nơi y báo trong thế giới An Lạc, quan sát chánh báo của A Di Đà Phật, cùng với sự trang nghiêm của các vị đại Bồ Tát. Do vậy, nguyện sanh về cõi An Lạc. Quý vị có thể tùy văn tác quán, thấy A Di Đà Phật, hoặc là khi nằm mộng thấy A Di Đà Phật, hoặc là lúc nhập Định trông thấy A Di Đà Phật, quý vị càng có thể tăng thêm tín tâm, nguyện sanh về nước An Lạc. Soạn Nguyên Sanh Kệ nhằm quan sát rõ ràng y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị sẽ phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

4.2.2. Khởi quán, sanh lòng tin (chia làm hai đoạn)

4.2.2.1. Chỉ bày Ngũ Niệm Lực

(Luận) Vân hà quán? Vân hà sanh tín tâm? Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, tu ngũ niệm môn hạnh thành tựu, tất cánh đắc sanh An Lạc quốc độ, kiến bỉ A Di Đà Phật.

(論)云何觀? 云何生信心? 若善男子善女人, 修五念門行成就, 畢竟得生安樂國土, 見彼阿彌陀佛。

(Luận: Quán như thế nào? Sanh tín tâm như thế nào? Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hạnh ngũ niệm môn thành tựu, rốt ráo sẽ được sanh về cõi nước An Lạc, thấy đức A Di Đà Phật).

Khoa thứ hai là “*khởi quán, sanh lòng tin*”. Quán (觀) là quan sát, quán tưởng, là một loại công phu tu hành. “*Vân hà quán? Vân hà sanh tín tâm?*” (Quán như thế nào? Sanh tín tâm như thế nào?) Quý vị

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

soạn Nguyên Sanh Kệ, bảo chúng tôi hãy quán tưởng thế giới An Lạc hòng thấy A Di Đà Phật, vậy thì hãy nên quán tưởng như thế nào để chúng tôi có thể sanh khởi tín tâm? Tiếp đó, bèn giải thích thêm: *“Nhuộc thiện nam tử, thiện nữ nhân, tu ngũ niệm môn hạnh thành tựu”* (Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hạnh năm niệm môn thành tựu): *“Niệm”* là quán niệm. Tôi soạn bài kệ tụng này, trong ấy bao hàm năm thứ Quán Niệm Môn. Đây là một thứ công hạnh. Thành tựu công hạnh ấy, *“tất cánh đắc sanh An Lạc quốc độ, kiến bỉ A Di Đà Phật”* (rốt ráo được sanh vào cõi nước An Lạc, thấy A Di Đà Phật).

Ngũ Niệm Môn là cái nhân để sanh về Tây Phương, sanh về Tây Phương là quả. Làm thế nào để có thể sanh về Tây Phương An Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật? Nhất định phải tu năm loại niệm môn này; vì thế, năm thứ niệm môn hết sức quan trọng.

4.2.2.2. Nêu ra ngũ niệm môn

(Luận) Hà đẳng ngũ niệm môn? Nhất giả, lễ bái môn; nhị giả, tán thán môn; tam giả, tác nguyện môn; tứ giả, quan sát môn; ngũ giả, hồi hướng môn.

(論)何等五念門？一者禮拜門，二者讚歎門，三者作願門，四者觀察門，五者迴向門。

(Luận: Những gì là ngũ niệm môn? Một là lễ bái môn; hai là tán thán môn; ba là tác nguyện môn; bốn là quan sát môn; năm là hồi hướng môn).

“Hà đẳng ngũ niệm môn?”: Những gì là ngũ niệm môn? Năm niệm môn nào vậy? *“Nhất giả, lễ bái môn; nhị giả, tán thán môn; tam giả, tác nguyện môn; tứ giả, quan sát môn; ngũ giả, hồi hướng môn”* (Một là lễ bái môn; hai là tán thán môn; ba là tác nguyện môn; bốn là quan sát môn; năm là hồi hướng môn). Ở đây, nêu ra năm thứ tên gọi. Năm thứ ấy đều là công phu tu hành quán niệm, quán niệm thành tựu, sẽ là Pháp Vương. Tu quán niệm là tu quán tưởng. *“Môn”* (門) là pháp môn, tu hành một thứ công hạnh trong Phật pháp. Vì sao gọi là Môn? Có nghĩa là ra vào thông suốt. Giống như giảng đường này có một cái cửa, có thể tiến vào, có thể bước ra. Trong năm thứ niệm môn, bốn loại đầu là *“nhập môn”* (入門), tức là nhập môn An Lạc Tịnh Độ. Quý vị làm thế nào để có thể vào ở trong An Lạc Tịnh Độ? Một là lễ bái môn,

hai là tán thán môn, ba là tác nguyên môn, bốn là quan sát môn, tu bốn món quán tưởng. Món cuối cùng là hồi hướng môn, là “xuất môn”, tức là ra khỏi cửa nhằm từ bi giáo hóa. Vì sao ta phải sanh về Tây Phương? Ta vì độ chúng sanh mà sanh về đó, học hiểu bản lãnh xong, ta nhất định quay lại thế giới Sa Bà để giáo hóa hết thầy chúng sanh. Do vậy, nay trước khi ta chưa sanh về Tây Phương, hết thầy các công đức đã làm đều hồi hướng cho hết thầy chúng sanh. Đã nêu ra danh tướng của Ngũ Niệm Môn; kể đó bèn giải thích.

(Luận) Vân hà lễ bái? Thân nghiệp lễ bái A Di Đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vị sanh bỉ quốc ý cố.

(論)云何禮拜？身業禮拜阿彌陀如來應正偏知，為生彼國意故。

(Luận: Lễ bái là như thế nào? Thân nghiệp lễ bái A Di Đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri do ý nghĩa “vì sanh về cõi ấy”).

Thứ nhất, Lễ Bái Môn. “*Vân hà lễ bái?*”: Lễ bái là như thế nào? “*Thân nghiệp lễ bái A Di Đà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri*”: Dùng thân nghiệp của chúng ta để lễ bái A Di Đà Phật. Câu “*nhất tâm quy mạng*” trong phần trước (phần Kệ Tụng) chính là quy mạng A Di Đà Phật. Mỗi vị Phật đều có mười đức hiệu, biểu thị công đức của Phật vô cùng vô tận. Mỗi món trong mười món ấy lại sanh ra mười món, thành một trăm món. Mỗi món trong một trăm món lại sanh ra mười món, thành một ngàn món. Do đó, “*mười*” biểu thị “*Sự Sự vô tận*”. Căn tánh của người Hoa chuộng đơn giản, một người có tội đa ba tên gọi. Ở đây, thuận theo căn tánh của người Hoa, đại tổ sư chỉ phiên dịch ba đức hiệu: A Di Đà Như Lai, A Di Đà Ứng Cúng, và A Di Đà Chánh Biến Tri.

Vì sao gọi là Như Lai (如來, Tathāgata)? Nương vào đạo như thật để thành Chánh Giác. Một người muốn thành Phật, phải nương theo lý Chân Như Thật Tướng để tu hành, chứng đắc đạo Chân Như Thật Tướng mà thành Phật; do vậy, gọi là Như Lai. Một cách giải thích khác, “đến” giống như chư Phật, nên gọi là Như Lai. Quá khứ chư Phật đến hóa độ chúng sanh đều đến như vậy, A Di Đà Phật cũng đến như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đến như vậy, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật được gọi là Như Lai, A Di Đà Phật cũng gọi là Như Lai.

Ứng Cúng (應供, Arhat) [nghĩa là] đáng nên nhận sự cúng

dường. Đã thành Phật thì do trí huệ trọn đủ, phước báo cũng trọn đủ, đáng nên nhận sự cúng dường của chúng sanh. [Trong danh xưng] A La Hán có một thứ ý nghĩa là Ứng Cúng. Ứng Cúng của Phật và [Ứng Cúng của] A La Hán có gì khác biệt? A La Hán ứng cúng là được trời người cúng dường. Ngài đã vượt thoát ra ngoài tam giới, cao hơn lục đạo phàm phu, đại chúng trời người đều phải nên cúng dường Ngài. Phật không chỉ đáng được trời người cúng dường, lại còn được tam thừa thánh nhân, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và chư đại Bồ Tát cúng dường. Hiện thời, cư sĩ thỉnh pháp sư thọ trai, coi người xuất gia như thánh nhân để cúng dường, “thỉnh vị đại đức X... đến nhà con ứng cúng”. Người xuất gia chẳng dám đảm nhận, bèn nói: “Tôi đến nhà quý vị cần trai (趕齋, đến thọ trai)”, chẳng dám nói là Ứng Cúng. Đây là kiến thức thông thường trong Phật giáo.

Chánh Biến Tri (正偏知, Samyak-sambuddha): Dựa theo trí huệ để nói, ngoại đạo là tà tri tà kiến, chẳng phải là trí huệ chân chánh. Hàng Nhị Thừa tri kiến tuy chẳng tà, nhưng chấp trước lý Thiên Không, chẳng thể viên dung Diệu Hữu. Trí huệ của Phật chẳng lệch lạc, nên gọi là chánh trí huệ, chánh tri chánh kiến, trọn đủ hết cả trí huệ, chẳng có pháp nào không biết, lại còn là Chánh Giác. Do vậy, gọi là Chánh Biến Tri.

Trong phần Kệ Tụng trên đây, “*nhất tâm quy mạng*” là Lễ Bái Môn, lễ bái A Di Đà Như Lai để làm gì? “*Vị sanh bỉ quốc ý cố*”: Vì sanh vào cõi An Lạc; đây là tâm ý của Thiên Thân tôi.

(Luận) Vân hà tán tán? Khẩu nghiệp tán tán, xưng bỉ Như Lai danh, như bỉ Như Lai quang minh trí tướng, như bỉ danh nghĩa, dục như thật tu hành tương ứng cố.

(論)云何讚歎？口業讚歎，稱彼如來名，如彼如來光明智相，如彼名義，欲如實修行相應故。

(Luận: Tán tán là như thế nào? Khẩu nghiệp tán tán, xưng danh hiệu của đức Như Lai ấy, tương quang minh và trí huệ của đức Như Lai ấy; đúng như danh nghĩa của Ngài, vì muốn như thật tu hành tương ứng).

Thứ hai là Tán Thán Môn. “*Vân hà tán tán?*”: Tán tán như thế nào? “*Khẩu nghiệp tán tán*”: Chúng ta tán thán công đức thành tựu của A Di Đà Phật, bèn dùng khẩu nghiệp để tán thán. Trong phần Kệ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

Tụng trên đây, “*tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai*” chính là tán thán. “*Xung bỉ Như Lai danh*” (Xung niệm danh hiệu đức Phật ấy): Tán thán Vô Ngại Quang Như Lai, cũng chính là [tán thán] Vô Lượng Quang Phật, tán thán danh hiệu của Ngài. “*Như bỉ Như Lai quang minh trí tướng*” (Như quang minh, trí tướng của đức Phật ấy): A Di Đà Phật trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Vô Lượng Thọ, còn dịch là Vô Lượng Quang. Ở đây là nói đến ý nghĩa Vô Lượng Quang, tán thán quang minh của A Di Đà Như Lai vô lượng, chiếu trọn khắp mười phương thế giới chẳng bị chướng ngại. Quang minh của A Di Đà Phật từ đâu mà có? Chính là tướng trạng trí huệ của Ngài. Quang minh của Như Lai được gọi là “*trí huệ quang*”. Trí huệ của Ngài thanh tịnh, tùy ý tự nhiên có quang minh.

“*Như bỉ danh nghĩa, dục như thật tu hành tương ứng cố*” (Như danh nghĩa của đức Phật ấy, muốn tu hành như thật hòng tương ứng): Tán thán “*như thật*”, phù hợp khít khao với nghĩa lý được bao hàm trong danh hiệu Như Lai. Danh hiệu Vô Lượng Quang của A Di Đà Phật là tướng trí huệ. Tôi tán thán tướng trí huệ của Ngài, xung niệm danh hiệu A Di Đà Phật; đây là như thật tu hành, vì tương ứng với tướng quang minh trí huệ của A Di Đà Phật. Nếu dựa theo Vô Lượng Thọ để giải thích, thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng, tôi bèn tán thán Ngài có thọ mạng vô lượng. Ngẫu Ích đại sư giải thích, danh hiệu A Di Đà Phật có hai thứ vô lượng: Một là Vô Lượng Thọ, hai là Vô Lượng Quang. Thật ra, hết thảy đều vô lượng. Trí huệ của Ngài vô lượng, biện tài vô lượng, thần thông vô lượng. Vô lượng thọ, vô lượng quang, bao gồm hết thảy vô lượng công đức trong ấy.

Thật Tướng vô tướng, chẳng có tướng hư vọng, nó là Lý Thể chân thật. Nhưng Thật Tướng chẳng phải là không có tướng; nó chẳng rơi vào Đoạn Diệt Không. Sau khi quý vị thật sự chứng đắc Thật Tướng Lý Thể, hết thảy trí huệ, công đức, thảy đều thành tựu. Tướng quang minh trí huệ ấy đều là tướng Thật Tướng, nhưng quý vị nhất định phải trừ sạch tướng hư vọng thì mới có thể chứng đắc Thật Tướng. Chứng đắc Thật Tướng, đắc hết thảy trí huệ, mới có thể thấy vô lượng quang minh của Như Lai.

Đây là dựa theo danh nghĩa Vô Lượng Quang của A Di Đà Phật để tu hành, chứng đắc Thật Tướng Lý Thể rồi mới chứng đắc hết thảy trí huệ. Đã chứng đắc hết thảy trí huệ thì mới có vô lượng quang minh. Thật Tướng Lý Thể vô tướng, vô bất tướng. Quý vị tận hết sức tu hành, nhưng chớ nên chấp tướng. Hễ quý vị chấp tướng, sẽ rơi vào pháp hữu

lậu. Do vậy, quý vị hằng ngày niệm danh hiệu A Di Đà Phật, lễ bái A Di Đà Phật, tán thán A Di Đà Phật. Những điều ấy đều là tu hành, nhưng chớ nên chấp tướng. Hễ chấp tướng, sẽ chẳng tương ứng với Thật Tướng; do vậy, những gì đã tu nhất định phải ly tướng. Trong phần trước đã nói, Bồ Tát tu hành là “*chẳng tu mà tu*”, chẳng chấp trước tướng tu hành để tu thì mới có thể tương ứng với Thật Tướng.

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Bọn phàm phu chúng ta chẳng tu hành thì thôi, hễ tu hành bèn chấp tướng. “*Chẳng tu mà tu*”, há dễ dàng ư?

Đáp: Có phương tiện để thực hiện, dùng tín tâm để hàng phục hết thấy vọng tưởng. Trước hết, hãy kiến lập tín tâm, phải tin tưởng công đức của A Di Đà Phật, phải tin tưởng A Di Đà Phật phát nguyện tiếp dẫn chúng sanh. Ta tin tưởng, lễ bái A Di Đà Phật, tán thán A Di Đà Phật, nhất định có thể sanh về Tây Phương. Trước hết là có tín tâm ấy, tín tâm tương ứng với Thật Tướng, như vậy thì quý vị chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương.

Hỏi: Pháp môn Niệm Phật nếu tu hành nơi Thật Tướng, do người tương ứng với Thật Tướng rất ít, [vậy thì] người trong tương lai có thể sanh về Tây Phương cũng rất ít?

Đáp: Niệm Phật chẳng tương ứng với Thật Tướng là do ba loại nguyên nhân:

1) Do tín tâm chẳng thuần, lúc còn, lúc mất: Tín tâm chẳng thuần tịnh, chẳng nhất tâm hướng về Tây Phương, có lúc tin tưởng, có lúc chẳng tin!

2) Do tín tâm bất nhất, chẳng quyết định: Tín tâm chẳng chuyên nhất, vừa niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương, vừa xen tạp danh lợi, nhân ngã, thị phi. Đối với chuyện trong thế giới Sa Bà vẫn chẳng buông xuống được. Vì thế, cái tâm “*chán là thế giới Sa Bà, ưa cầu thế giới Cực Lạc*” nhất định phải trọn đủ thì mới có thể tương ứng với Thật Tướng.

3) Do tín tâm chẳng liên tục, xen lẫn những ý niệm khác: Tín tâm chẳng thể liên tục. Hôm nay quý vị tin tưởng, rất thuần tịnh, rất chuyên nhất, nói là đối với thế giới Sa Bà, quý vị đều buông xuống, nhưng ngày mai lại biến đổi, tín tâm chẳng thể kiên cố. Như vậy thì tới khi lâm chung, sẽ chẳng tương ứng với A Di Đà Phật.

Do vậy, người niệm Phật rất nhiều, người sanh về Tây Phương

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

rất ít, [nguyên nhân là vì] tín tâm chẳng chuyên nhất, chẳng thuần tịnh, chẳng thể liên tục.

Đệ tử Phật có hai hạng người:

1) Hạng thứ nhất, chẳng phát tâm tu hành. Dẫu đối với tu hành bèn tận lực tu, niệm Phật bèn tận lực niệm, nhưng hoàn toàn chẳng tin tưởng “*niệm A Di Đà Phật có thể liễu sanh tử, sanh về Tây Phương*”. Đây là tuy phát đạo tâm tu hành, nhưng niệm Phật ơ hờ, qua quít, chẳng phát nguyện trong tương lai sẽ chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn rồi quay lại độ chúng sanh. Vì thế, niệm Phật chẳng đắc lực, giống như chẳng tu hành.

2) Hạng thứ hai thì chân thật phát tâm tu hành, nghiêm túc niệm Phật mong sanh về Tây Phương. Lại còn muốn thừa nguyện tái lai, nhưng chẳng hiểu rõ đạo lý “*không chấp tướng*”, đối với những gì đã tu tập đều chẳng thể lìa tướng. Pháp môn tu hành rất nhiều, bất luận pháp môn nào cũng đều có thể dùng để phá chấp trước. Phân biệt đại lược, chúng ta có hai thứ chấp trước: Một thứ là Ngã Chấp, thứ kia là Pháp Chấp. Nếu quý vị là bậc thượng căn, tu tập chẳng chấp tướng, sẽ lập tức phá trừ Ngã Chấp và Pháp Chấp. Chẳng phải là căn cơ cao nhất, trước hết, hãy nên biết “*tu hành đừng nên chấp tướng*”, cứ thông thả mà hành thì cũng có thể phá trừ Ngã Chấp và Pháp Chấp. Quý vị chẳng thể đi theo con đường “*chẳng chấp tướng*” thì phiền não chấp trước vốn có đã chẳng bị phá trừ, do tu hành Phật pháp, lại tăng thêm những phiền não chấp trước mới, làm sao có thể đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp?

Ví như hàng xuất gia có giới xuất gia, kẻ tại gia có giới tại gia. Quý vị vừa mới thọ giới, tự cho là mình ghê gớm lắm, đấy là Ngã Chấp; ngỡ chính mình trì giới thanh tịnh, đấy là Pháp Chấp:

1) Một là xem thường kẻ khác. Kẻ khác chẳng thọ giới, chính mình thọ giới, ngỡ là mình cao hơn kẻ khác. Đây là dấy lòng ngã mạn.

2) Hai là hủy báng người khác. Cho rằng kẻ khác không thọ giới, chẳng hiểu giới luật! Quý vị đã thọ giới, thấy các tật xấu của người ta, trước hết là phê bình vị cư sĩ này phạm giới, vị cư sĩ kia phạm giới. Sau đó, phê bình vị xuất gia này phạm giới, vị xuất gia kia phạm giới, chỉ có quý vị không phạm giới! Hằng ngày tạo khẩu nghiệp; đấy là trì giới chấp tướng. Tu Định thì vừa mới biết tĩnh tọa, đã ngỡ chính mình công phu cao lắm, kẻ khác đều chẳng biết tĩnh tọa, chỉ có quý vị biết tĩnh tọa! Phê bình người này chẳng dụng công tu hành, tạo khẩu nghiệp hủy báng người khác. Nghe kinh thì mới vừa nghe đôi câu danh tướng, bèn

ngõ chính mình hiểu biết rất nhiều Phật lý. Do vậy bèn phê bình kẻ khác đều chẳng hiểu Phật lý, ngõ trí huệ của chính mình đặc biệt cao. Đây là tu hành chấp tướng, chẳng phá phiền não vốn có, do chấp tướng tu hành, lại tăng thêm một số phiền não mới, tạo khẩu nghiệp mới! Niệm A Di Đà Phật, tu Giới, Định, Huệ, công khóa bình thường thì mỗi ngày quý vị phải niệm ba ngàn, năm ngàn, hoặc một vạn câu Phật hiệu, [do chấp vào số lượng câu niệm Phật, cảm thấy ta niệm Phật rất siêng năng], thấy người khác đều chẳng tu hành, thậm chí hủy báng người khác! Căn bệnh này sanh do chấp tướng.

Niệm Phật thì phải tu hành nơi Thật Tướng, vì tương ứng với Thật Tướng thì sẽ tương ứng với quang minh trí tướng của A Di Đà Phật, nhất định có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Luận) Vân hà tác nguyện? Tâm thường tác nguyện, nhất tâm chuyên niệm, tất cánh vãng sanh An Lạc quốc độ, dục như thật tu hành Xa-ma-tha cố.

(論)云何作願？心常作願，一心專念，畢竟往生安樂國土，欲如實修行奢摩他故。

(Luận: Tác nguyện là như thế nào? Tâm thường phát nguyện, nhất tâm chuyên niệm, rốt cuộc vãng sanh cõi nước An Lạc, vì muốn như thật tu hành Chi).

Thứ ba là Tác Nguyện Môn. “*Vân hà tác nguyện? Tâm thường tác nguyện*” (Tác nguyện là như thế nào? Tâm thường phát nguyện). “*Tác*” (作) là phát, phát nguyện như thế nào? Ta thường phát nguyện, nguyện sanh về Tây Phương An Lạc quốc. Hãy chú ý chữ Thường. Hôm nay, quý vị phát nguyện, ngày mai quên khuấy, nguyện ấy chẳng có sức mạnh! Phải thường xuyên phát nguyện. “*Nhất tâm chuyên niệm*”: Ta phát nguyện, phải nhất tâm chuyên niệm sanh về Tây Phương, chẳng có hai niệm. Trong phần trước, tôi đã nói, Phật pháp rất dễ học, chỉ có sáu chữ: “*Nhìn thấu, buông xuống, tự tại*”. Quý vị phát nguyện sanh về Tây Phương, đối với danh lợi và niềm vui ngũ dục trong thế giới Sa Bà, hãy triệt để thấy thấu suốt, buông xuống. Quý vị không buông xuống được, sẽ sanh vọng tưởng, chẳng thể nhất tâm chuyên niệm Tây Phương A Di Đà Phật. Vì thế, nếu quý vị không buông xuống được, “*nhìn thấu*” (thấy thấu suốt) trở thành một câu Khẩu Đầu Thiên: “Ta luôn thấy thấu suốt, ta phải phát nguyện sanh về

Tây Phương”. Kết quả là thật ra chẳng buông xuống, há “thấy thấu suốt” chẳng phải là giống như nói sông hay chẳng? Vì thế, có thể buông xuống thế giới Sa Bà, bất luận danh vọng to lớn cỡ nào đi nữa, ta chẳng tham. Bất luận mỗi lợi to lớn cỡ nào đi nữa, ta chẳng tham. Bất luận niềm vui ngũ dục nào đi nữa, ta chẳng tham. Đây là nhất tâm chuyên niệm phát nguyện, chẳng có nguyện tâm thứ hai thì mới gọi là “nguyện lực thật sự”.

“*Tất cánh vãng sanh An Lạc quốc độ*” (Rốt ráo vãng sanh cõi nước An Lạc): Quyết định phải vãng sanh An Lạc quốc. Muốn vãng sanh ngay trong đời này, phải có nguyện lực kiên cố. Cổ nhân nói: “*Thử thân bất hướng kim sanh độ, cánh hướng hà sanh độ thử thân?*” (Đời này chẳng độ thân này, đời nào mới độ được thân thể này?): Đời này ta chẳng độ thoát thân thể này, phải chờ tới đời nào thì mới có thể độ thoát sanh tử? Do vậy, quyết định phải làm được trong đời này. Các vị đang hiện diện đều có thiện căn, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, đời trước đã đều niệm Phật, vì sao chẳng sanh về Tây Phương? Nguyện lực chẳng khẩn thiết! Đời này, quý vị muốn quyết định vãng sanh, nguyện lực phải khẩn thiết, nguyện lực có thể dẫn dắt quý vị. Nguyện lực của quý vị chẳng khẩn thiết, sẽ khiến cho quý vị ở lại thế giới Sa Bà. Vì thế, phát nguyện phải khẩn thiết, đời này nhất định phải sanh về An Lạc quốc, đừng nên đợi đến đời thứ hai.

“*Dục như thật tu hành Xa-ma-tha cố*” (Muốn như thật tu hành Chỉ): Xa-ma-tha (Śamatha) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là Chỉ (止). Ngưng tâm một chỗ, chẳng khởi ác, nhất định phải ngưng dứt hết thảy các ác pháp. Chúng ta ở trong thế giới Sa Bà, sẽ làm các ác nghiệp, nhất định phải tu pháp môn Xa-ma-tha, ngưng dứt các ác nghiệp, chẳng làm hết thảy các điều ác. Trong thế giới Sa Bà có thiện nghiệp và ác nghiệp. Ác nghiệp là giết, trộm, dâm, dối; thiện nghiệp là chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm, chẳng dối. Nhưng nói theo Thật Tướng Lý Thể, trong tam giới có hữu lậu thiện nghiệp chẳng rốt ráo. Vì nếu đời này quý vị làm ác nghiệp, sẽ đọa lạc vào ba ác đạo. Nếu đời này quý vị làm thiện nghiệp, đời sau chuyển sanh làm người đại phú đại quý, hoặc sanh lên trời hưởng phước trời, đời thứ hai tốt đẹp, đời thứ ba vẫn phải đọa lạc. Do vậy, tôi một lần nữa khuyên quý vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Đây là “*vô lậu thiện nghiệp*”.

Trong phần trước đã nói tín tâm của chúng ta chẳng thuần tịnh, chẳng chuyên nhất, chẳng thể liên tục, coi Phật pháp là điều kém quan trọng, coi pháp thế gian mới là khẩn yếu nhất, đặt nó vào địa vị đầu

tiên, sai lầm ở ngay chỗ này! Giảng kinh, thuyết pháp, chẳng thể lệch về pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian là Chân Đế, vẫn phải quan tâm đến Tục Đế, vì chúng ta là phàm phu trong thế gian, vẫn phải sống, phải ăn uống, mặc quần áo, ở trong nhà. Là cư sĩ tại gia thì phải nương theo người nhà, quyến thuộc. Do đó, quý vị tu hành dụng công, chẳng thể lìa khỏi pháp thế gian. Quý vị hiểu rõ những chuyện thuộc pháp thế gian chính là nghiệp hữu lậu đã làm trong đời trước, kiếp trước, [do vậy], đời này, kiếp này ở nơi đây, bắt buộc dĩ phải hứng chịu quả báo khổ nhiều, lạc ít. Trong nhân gian, thọ báo đã khổ não lắm rồi, lại đọa vào ba ác đạo, chẳng phải là càng khổ hơn ư? Do vậy, quý vị phải phát nguyện niêm Phật sanh Tây Phương, xếp liễu sanh tử thành bậc nhất, xếp chuyện nhân gian vào hàng thứ hai thì mới là chẳng điên đảo.

Đối với hết thảy các pháp thế gian, quý vị cứ nghĩ đến khi lâm chung, bèn có thể thấy thấu suốt, buông xuống. Tham danh, tham lợi, một khi quý vị một hơi không thở ra không hít vào được nữa, danh lợi có thể đi theo quý vị hay chẳng? Danh chẳng có, mà lợi cũng chẳng có! Quý vị làm quan to, danh vọng to cỡ nào, đến lúc một hơi chẳng hít vào được nữa, [danh vọng] sẽ chẳng có nữa! Quý vị có bao nhiêu sản nghiệp, bao nhiêu tiền bạc, đến khi quý vị một hơi chẳng hít vào được nữa, toàn bộ chẳng còn! Người nhà, quyến thuộc, đến khi quý vị chẳng hít vào được nữa, ai cũng chẳng thể cứu quý vị! Vì thế, hãy nghĩ đến lúc chết, thứ gì cũng đều là giả trá, quý vị cần gì cứ phải riết róng? Nhưng quả báo của chúng ta là sống ở nơi đây, chẳng thể không chăm sóc người nhà, quyến thuộc, đây là chuyện bắt buộc dĩ, bắt buộc phải nên coi nó là chân thật! Hãy coi nó là chân thật thì đã sai lầm mất rồi!

“Dục như thật tu hành Xa-ma-tha cố” (Do muốn tu hành Chỉ đúng như thật): Nếu như tu hành nơi Thật Tướng thì phải tu hành nơi Thật Tướng như thế nào? Chính là trong Thật Tướng chẳng có hết thảy các ác pháp. Nếu quý vị tu hành nơi Thật Tướng, phải dứt hết thảy các điều ác thì mới có thể ứng hợp hạnh Xa-ma-tha.

(Luận) Vân hà quan sát? Trí huệ quan sát. Chánh niệm quán bĩ, dục như thật tu hành Tỳ-bà-xá-na cố. Bĩ quan sát hữu tam chủng. Hà đẳng tam chủng? Nhất giả, quan sát bĩ Phật quốc độ trang nghiêm công đức; nhị giả, quan sát A Di Đà Phật trang nghiêm công đức; tam giả, quan sát bĩ chư Bồ Tát trang nghiêm công đức.

(論)云何觀察？智慧觀察。正念觀彼，欲如實修行毗

婆舍那故。彼觀察有三種。何等三種？一者觀察彼佛國土莊嚴功德，二者觀察阿彌陀佛莊嚴功德，三者觀察彼諸菩薩莊嚴功德。

(Luận: Quan sát như thế nào? Trí huệ quan sát. Chánh niệm quán cõi kia vì muốn như thật tu hành Quán. Sự quan sát ấy có ba loại, những gì là ba loại? Một là quan sát công đức trang nghiêm của cõi Phật ấy, hai là quan sát công đức trang nghiêm của A Di Đà Phật, ba là quan sát công đức trang nghiêm của các vị Bồ Tát trong cõi ấy).

Thứ tư là Quan Sát Môn, “*vân hà quan sát? Trí huệ quan sát*”: Quan sát như thế nào? Người học Phật pháp bèn dùng trí huệ để quan sát. Có những kẻ chẳng hiểu Phật pháp chửi chúng ta là ngu si, hằng ngày tạo khẩu nghiệp. Phật giáo không nói theo kiểu mê tín. Quý vị muốn sanh về Tây Phương, phải dùng trí huệ để quan sát xem nơi ấy có đáng để đến đó hay chẳng? Chẳng thể hồ đồ sanh về Tây Phương. Trước hết, phải dùng trí huệ để quan sát. “*Chánh niệm quán bỉ*”: Quan sát bằng trí huệ thì chẳng thể dùng tà niệm, phải dùng chánh niệm của chúng ta để quan sát. “*Dục như thật tu hành Tỳ-bà-xá-na cố*” (Vì muốn như thật tu hành Quán): Tỳ-bà-xá-na (毗婆舍那, Vipassanā) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là Quán. Trong cặp Chỉ Quán thì phải tu Quán để quan sát công đức nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Bỉ quan sát hữu tam chủng*”: Quan sát y báo và chánh báo của Tây Phương thì có ba thứ quan sát. “*Hà đẳng tam chủng? Nhất giả quan sát Tây Phương Cực Lạc thế giới y báo trang nghiêm công đức*”. Ba thứ gì vậy? Thứ nhất là quan sát công đức trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Nhị giả, quan sát A Di Đà Phật trang nghiêm công đức*”: Thứ hai, quan sát chủ nhân của Tây Phương Cực Lạc thế giới, [quan sát] tám thứ công đức trang nghiêm của A Di Đà Phật. “*Tam giả, quan sát bỉ chư Bồ Tát trang nghiêm công đức*”: Thứ ba, quan sát các thứ công đức trang nghiêm của các đại Bồ Tát.

(Luận) Vân hà hồi hướng? Bất xả nhất thiết khổ não chúng sanh, tâm thường tác nguyện hồi hướng vi thủ, đắc thành tựu đại bi tâm cố.

(論)云何迴向？不捨一切苦惱眾生，心常作願迴向為

首，得成就大悲心故。

(*Luận: Hồi hướng là như thế nào? Chẳng bỏ hết thấy chúng sanh khổ não, tâm thường phát nguyện hồi hướng làm đầu, vì để thành tựu tâm đại bi*).

Thứ năm là Hồi Hướng Môn. “*Vân hà hồi hướng?*” Hồi hướng như thế nào? “*Bất xả nhất thiết chúng sanh khổ não*” (Chẳng bỏ hết thấy chúng sanh khổ não): Vì sao phải tu hành hòng liễu sanh tử? Vì hết thấy chúng sanh chịu đựng sanh tử luân hồi quá khổ, chết chết, sống sống, thoát chìm, thoát nổi, vĩnh viễn chẳng được ngơi nghỉ. Đời này làm người đã khổ, đọa vào ba ác đạo càng khổ hơn! Dầu đời sau, đời kế, chuyển sanh làm người, vẫn là khổ sở vô cùng vô tận. Đây là lại dùng trí huệ để quan sát, hết thấy chúng sanh đều chịu khổ não ở nơi đây, ta chẳng thể một mình liễu sanh thoát tử, ta phải sanh về Tây Phương, nguyện độ hết thấy chúng sanh thoát khỏi biển khổ. Do vậy, phải thường xuyên quán niệm hết thấy chúng sanh đều là chúng sanh khổ não. “*Tâm thường tác nguyện hồi hướng vi thủ*” (Tâm thường phát nguyện hồi hướng làm đầu): Vì hết thấy chúng sanh đều đang chịu khổ não ở nơi đây, ta phát nguyện độ chúng sanh, đem các công đức đã tu đều hồi hướng cho hết thấy chúng sanh.

“*Đắc thành tựu đại bi tâm cố*” (Vì để thành tựu tâm đại bi): Pháp môn Đại Thừa coi lợi tha là tự lợi. Các công đức do ta đã tu đều mong hồi hướng cho chúng sanh, tức là nguyện cho hết thấy chúng sanh đạt được công đức của ta, đều sanh về Tây Phương. Điều này giống như chính mình bị thua thiệt, thật ra lợi tha là tự lợi, vì đã thành tựu cái tâm đại bi của chính mình.

Thoạt đầu, phát tâm đại bi, trước hết, phải quan sát nỗi khổ của chúng sanh, trông thấy chúng sanh đang chịu khổ, cái tâm đại bi của quý vị bèn phát khởi. Đã sanh khởi tâm đại bi, lại còn phải trưởng dưỡng tâm đại bi. Tâm đại bi giống như một cái mầm cây Bồ Đề vừa mới nảy sanh. Quý vị tưới nước, mầm cây mới có thể tăng trưởng thành cây to. Phải thường xuyên phát nguyện, ta phải độ hết thấy chúng sanh, tâm Bồ Đề sẽ càng dưỡng càng lớn. Vì thế, thoạt đầu tu hành, nhất định hồi hướng tất cả công đức cho hết thấy chúng sanh, đừng nên quên bằng các chúng sanh khổ não. Từ từ làm, từ từ tu, tu viên mãn, đợi đến khi dưỡng thành công, sẽ thành tựu tâm đại bi.

Pháp môn Đại Thừa như một cỗ xe lớn, có thể chuyên chở hết thấy chúng sanh từ địa vị phàm phu đến chỗ có kho báu Niết Bàn, chở

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế Giảng Kỳ

đến nơi thành Phật. Xe lớn có hai bánh xe, một là bi luân, hai là trí luân. Muốn chuyển động cỗ xe Đại Thừa, phải vận chuyển cả hai bánh xe Bi và Trí cùng lúc. Nếu như có Bi mà không có Trí, hoặc có Trí mà không có Bi, sẽ chẳng xoay chuyển xe được! Nhất định là Bi và Trí phải cùng vận dụng, cỗ xe Đại Thừa mới có thể chuyển chở hết thảy chúng sanh tới đích.

Như tu hành nơi Thật Tướng thì phải dùng trí huệ để quan sát, tức là quan sát sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải học theo A Di Đà Phật tu lục độ vạn hạnh, trang nghiêm Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng quý vị đừng nên chấp tướng. Quý vị phát tâm độ các chúng sanh khổ não, nhất định phải dùng trí huệ chẳng chấp tướng áp dụng vào tâm đại bi, dùng từ bi cứu độ các chúng sanh khổ não. Đây mới là tâm Đại Thừa.

Phàm phu hành tà đạo, Nhị Thừa hành thiên đạo (偏道, đạo lệch lạc), Phật là Chánh Giác, sở hành của Ngài là chánh đạo. Nay chúng ta đang tu pháp Đại Thừa, tu chánh đạo, nhưng Bi lẫn Trí đều phải coi trọng, chẳng thể lệch về một bên. Nếu quý vị thiên về trí huệ, hằng ngày quán Không, [do thấy] hết thảy chúng sanh là Không, chúng sanh hứng chịu khổ não, quý vị chẳng động tâm, quý vị còn có thể độ chúng sanh hay không? Như thế là lệch về trí huệ, rơi vào đạo Nhị Thừa. Nếu quý vị lệch về bi tâm, chấp tướng cứu độ chúng sanh, trông thấy chúng sanh có khổ não, họ còn chưa khó chịu, quý vị đã khó thể chịu đựng. Quý vị có Bi mà không có Trí, sẽ bị cảnh giới xoay chuyển, chẳng thể cứu độ chúng sanh. Quý vị phải phối hợp với trí huệ, tuy cứu độ chúng sanh khổ não, nhưng chẳng chấp tướng. Tuy chẳng chấp tướng, vẫn cứu độ chúng sanh như cũ. Đây mới là chánh đạo.

Phần luận văn Trường Hàng chia thành mười khoa, thứ nhất là đại ý của kệ nguyện sanh. Thứ hai là khởi quán sanh lòng tin, dạy chúng ta hãy khởi lên sự quan sát, sanh khởi tín tâm. Hai khoa trên đây đã giảng xong. Nay giảng vào khoa thứ ba, tức là thể tướng của Quán Hạnh. Quan Sát Môn là tu quán hạnh, giống như trong Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh [đức Phật đã dạy] quan sát Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm như thế nào? Tùy văn tác quán, tức là dụng công tu hành. Quan sát chia thành ba loại, trước hết là quan sát sự trang nghiêm nơi y báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

4.2.3. Thể tướng của Quán Hạnh (chia thành hai phần)

4.2.3.1. Khí thể (thể tướng của khí thể giới)

4.2.3.1.1. Thể tướng của quốc độ

(Luận) Vân hà quan sát bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức? Bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức giả, thành tựu bất khả tư nghị lực cố, như bỉ ma-ni như ý bảo tánh, tương tự tương đối pháp cố.

(論)云何觀察彼佛國土莊嚴功德？彼佛國土莊嚴功德者，成就不可思議力故。如彼摩尼如意寶性，相似相對法故。

(Luận: Quan sát công đức trang nghiêm của cõi nước Phật ấy như thế nào? Công đức trang nghiêm nơi cõi nước Phật ấy là do thành tựu sức chẳng thể nghĩ bàn, như tánh của chất báu ma-ni như ý vì pháp tương tự, tương đối).

“Vân hà quan sát bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức?” Quan sát công đức trang nghiêm của quốc độ Tây Phương Cực Lạc thế giới như thế nào? *“Bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức giả, thành tựu bất khả tư nghị lực cố”* (Công đức trang nghiêm nơi cõi nước Phật ấy là do thành tựu sức chẳng thể nghĩ bàn): Trước hết, hãy quan sát các thứ công đức trang nghiêm nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu bởi sức chẳng thể nghĩ bàn. *“Bất khả tư nghị”*: “*Tư*” (思) là tâm suy nghĩ, “*ng nghị*” (議, bàn luận) là ngôn ngữ. Chẳng phải là phàm phu chúng ta dùng tâm suy nghĩ, hay dùng ngôn ngữ mà thảo luận được, nên gọi là *“bất khả tư nghị lực”* (sức chẳng thể nghĩ bàn).

Kinh Phật nói pháp thế gian và xuất thế gian có năm thứ chẳng thể nghĩ bàn:

1) Chúng sanh số lượng bao nhiêu chẳng thể nghĩ bàn. Trong hư không, thế giới vô lượng vô biên, số lượng của chúng sanh cũng là vô lượng. Rốt cuộc có bao nhiêu chúng sanh, tâm tư của lũ phàm phu chúng ta chẳng tính đếm được, ngôn ngữ cũng chẳng thể bàn nổi.

2) Nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị tạo thiện nghiệp, nó lôi dẫn quý vị vào thiện đạo. Quý vị tạo ác nghiệp, nó lôi dẫn quý vị vào ác đạo.

3) Sức của rồng chẳng thể nghĩ bàn. Rồng là chúng sanh trong súc sanh đạo, nó có các thứ biến hóa. Sức mạnh của nó chẳng thể nghĩ bàn.

4) Sức Thiên Định chẳng thể nghĩ bàn. Vì đã nhập Thiên Định,

sẽ có sức mạnh đặc biệt.

5) Sức Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Phật có pháp lực, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn.

Hiện thời, quan sát sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có hai loại sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn:

1) Một loại là nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn. [Nghiệp lực trong Tây Phương Cực Lạc thế giới] chẳng phải là nghiệp hữu lậu tức thiện nghiệp hoặc ác nghiệp trong tam giới. Đây là nguyện lực vô lậu chẳng thể nghĩ bàn từ bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật.

2) Loại thứ hai là Phật pháp lực chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật đã thành Phật, pháp lực của Ngài chẳng thể nghĩ bàn.

“Nur bi ma-ni như ý bảo tánh” (Nur tánh chất báu ma-ni như ý): Ma-ni như ý bảo (Cintā-maṇi) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là *“như ý bảo”* vì nó có thể vừa lòng, mãn nguyện. Tây Phương Cực Lạc thế giới được trang nghiêm bởi vô lượng trân bảo, do đâu mà có? [Để dễ giảng giải, Thiên Thân Bồ Tát đã] dùng ma-ni như ý bảo châu để tỷ dụ. Chư Phật quá khứ nhập Niết Bàn, biến thân thể thành các hạt xá-lợi, lưu lại trong thế gian để cho chúng sanh gieo phước. Chúng sanh gieo phước đã hết, hạt xá-lợi biến thành Như Ý Châu, bị giấu trong cung rồng nơi biển cả. Nếu trong thế gian có Chuyển Luân Thánh Vương là người có phước báo xuất thế thông trị thiên hạ, ông ta có thể đạt được như ý bảo châu, treo như ý bảo châu trên sào cao, tùy thời cầu nguyện: “Tôi là Chuyển Luân Thánh Vương, tôi muốn tạo lợi ích cho nhân dân trong thiên hạ, hy vọng người sẽ giống như trời mưa, ban cho tôi hết thấy các thứ châu bảo mà tôi mong cầu”. Nếu chúng sanh của ông ta cầu mưa, ma-ni bảo châu sẽ ngay lập tức tuôn mưa. Nếu chúng sanh của ông ta mong mặc quần áo mới, ma-ni bảo châu sẽ giống như trời đổ mưa, tuôn xuống quần áo mới, khiến cho chúng sanh đều có thể vừa lòng, thỏa ý.

“Tương tự tương đối pháp cố”: Các thứ trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; *“tương tự”* là phỏng phất, tựa tựa như tánh chất của ma-ni bảo châu có thể xứng lòng, như nguyện, cầu gì được nấy. *“Tương đối pháp”*: Tương đối thì chẳng phải là tuyệt đối. Dùng ma-ni bảo châu để sánh ví, nhằm dạy chúng ta hiểu các thứ trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như ma-ni bảo châu, cầu gì được nấy! Ma-ni bảo châu cầu gì được nấy, đó là [mong cầu những] pháp thế gian; chứ quý vị cầu Phật pháp, nó sẽ chẳng thực hiện

được. Nó có thể nuôi sống quý vị về cuộc sống kinh tế, chẳng thể giúp quý vị liễu sanh thoát tử, chẳng thể khiến cho quý vị thành Phật, mà cũng chẳng thể thỏa mãn nguyện cứu độ chúng sanh của quý vị. Tây Phương Cực Lạc thế giới như ma-ni bảo châu, cầu gì được nấy, A Di Đà Phật thành tựu công đức trang nghiêm thanh tịnh, điều gì cũng đều có thể khiến cho quý vị xứng tâm, vừa ý.

(Luận) Quan sát bỉ Phật quốc độ trang nghiêm công đức thành tựu giả, hữu thập thất chủng ưng tri. Hà đẳng thập thất? Nhất giả, trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu. Nhị giả, trang nghiêm lượng công đức thành tựu. Tam giả, trang nghiêm tánh công đức thành tựu. Tứ giả, trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu. Ngũ giả, trang nghiêm chủng chủng sự công đức thành tựu. Lục giả, trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu. Thất giả, trang nghiêm xúc công đức thành tựu. Bát giả, trang nghiêm tam chủng công đức thành tựu. Cửu giả, trang nghiêm vũ công đức thành tựu. Thập giả, trang nghiêm quang minh công đức thành tựu. Thập nhất giả, trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu. Thập nhị giả, trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Thập tam giả, trang nghiêm quyền thuộc công đức thành tựu. Thập tứ giả, trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu. Thập ngũ giả, trang nghiêm vô chur nạn công đức thành tựu. Thập lục giả, trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu. Thập thất giả, trang nghiêm nhất thiết sở cầu mãn túc công đức thành tựu.

(論)觀察彼佛國土莊嚴功德成就者，有十七種應知。何等十七？一者莊嚴清淨功德成就，二者莊嚴量功德成就，三者莊嚴性功德成就，四者莊嚴形相功德成就，五者莊嚴種種事功德成就，六者莊嚴妙色功德成就，七者莊嚴觸功德成就，八者莊嚴三種功德成就，九者莊嚴兩功德成就，十者莊嚴光明功德成就，十一者莊嚴妙聲功德成就，十二者莊嚴主功德成就，十三者莊嚴眷屬功德成就，十四者莊嚴受用功德成就，十五者莊嚴無諸難功德成就，十六者莊嚴大義門功德成就，十七者莊嚴一切所求滿足功德成就。

(Luận: Quan sát trang nghiêm công đức thành tựu nơi cõi nước

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Phật ấy, hãy nên biết là có mười bảy thứ. Những gì là mười bảy? Một là trang nghiêm công đức thanh tịnh thành tựu. Hai là trang nghiêm lượng công đức thành tựu. Ba là trang nghiêm tánh công đức thành tựu. Bốn là trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu. Năm là trang nghiêm các thứ sự công đức thành tựu. Sáu là trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu. Bảy là trang nghiêm xúc công đức thành tựu. Tám là trang nghiêm ba thứ công đức thành tựu. Chín là trang nghiêm mưa công đức thành tựu. Mười là trang nghiêm quang minh công đức thành tựu. Mười một là trang nghiêm âm thanh mâu niệm công đức thành tựu. Mười hai là trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Mười ba là trang nghiêm quyền thuộc công đức thành tựu. Mười bốn là trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu. Mười lăm là trang nghiêm không có các nạn công đức thành tựu. Mười sáu là trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu. Mười bảy là trang nghiêm những điều mong cầu đều được thỏa mãn công đức thành tựu).

Quan sát các thứ trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là sự trang nghiêm được thành tựu bởi công đức, hãy nên biết là tổng cộng có mười bảy thứ. Kế đó, nêu bày mười bảy thứ trang nghiêm, dưới đây sẽ phân biệt giải thích.

(Luận) Trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu giả. Kệ ngôn: “Quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo” cố.

(論) 莊嚴清淨功德成就者。偈言：觀彼世界相，勝過三界道故。

(Luận: Trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu. Kệ viết: “Quán tướng thế giới ấy, vượt trội tam giới đạo”).

“*Trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu giả*” (Trang nghiêm thanh tịnh công đức thành tựu): Loại trang nghiêm thanh tịnh thứ nhất là Tổng Tướng. Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới thanh tịnh, nói đối chiếu thì thế giới Sa Bà là thế giới ô nhiễm. Tiếp đó, [lời luận] giải thích Kệ Tụng: “*Kệ ngôn: Quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo cố*” (Kệ rằng: “Quán tướng thế giới ấy, trội vượt tam giới đạo”). Quan sát tướng trạng của Tây Phương Cực Lạc thế giới, [sẽ thấy] vượt trội tam giới đạo của thế giới Sa Bà. Thế giới Sa Bà nói chung có tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Hết thấy

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

chúng sanh có lục đạo, ở trong ba ác đạo đương nhiên là khổ, chẳng thể sánh bằng thế giới Cực Lạc. A Tu La đạo coi như thuộc về ác đạo thứ tư, cũng chẳng thể sánh bằng thế giới Cực Lạc. Nhân gian và cõi trời là thiện đạo, có trang nghiêm, có thọ dụng, vẫn chẳng thể sánh bằng thế giới Cực Lạc.

Vì sao tam giới của thế giới Sa Bà chẳng thể sánh bằng thế giới Cực Lạc? Tướng tam giới của thế giới Sa Bà đều là hư vọng, Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là chân thật. Nhân đạo và thiên đạo trong thế giới Sa Bà có vui sướng, nhưng đây là một thứ vui sướng hư vọng. Lạc là Hoại Khổ, vui sướng có lúc hư hoại. Hễ hư hoại, sẽ đau khổ, nó chẳng phải là thường trụ. Sanh lên trời hưởng thụ niềm vui diệu dục, vui sướng hơn nhân gian khá nhiều, nhân gian chẳng thể nghĩ tưởng nổi, nhưng hưởng hết phước trời lại phải đọa lạc, vì sự vui ấy vẫn là giả. Do vậy, sáu tầng trời trong Dục Giới đều là hư vọng, chẳng thật. Hai giới trên, tức Sắc Giới và Vô Sắc Giới do tu Tứ Thiên Bát Định mà sanh lên đó. Tu Tứ Thiên Định, sẽ sanh vào Sắc Giới Thiên. Tu Tứ Không Định, sanh vào Vô Sắc Giới Thiên, Định ấy vẫn là tạm thời. Hễ Định tán thất, vẫn phải rơi xuống dưới. Vì thế, tam giới trong thế giới Sa Bà đều là hư vọng, chẳng thật.

Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu bởi công đức thanh tịnh của A Di Đà Phật, cho nên là an lạc chân thật. Sự vui sướng trong thế giới Sa Bà có lúc hư hoại, cho nên thế giới Sa Bà là biển khổ. Khổ có ba thứ khổ là Khổ Khổ (苦苦, Dukkha-dukkha), Hoại Khổ (壞苦, Viparinama-dukkha), và Hành Khổ (行苦, Sankhara-dukkha). Một phàm phu đã hứng chịu quả báo khổ, lại còn chẳng có cơm ăn, chẳng có quần áo để mặc, chẳng có nhà cửa để ở; áo, cơm, chỗ ở chẳng thể đầy đủ, đã khổ càng thêm khổ, gọi là Khổ Khổ. Người đại phú đại quý trong nhân gian, có kẻ tiền dùng chẳng hết, có kẻ còn làm quan lớn, loại người ấy đang “*cao cao tại thượng*” trong nhân gian, nhưng có khi bị hư hoại, đang có tiền biến thành bần cùng, quan to bị mất chức, chuyện vui đã hư mất, càng khổ sở hơn! Kẻ bần cùng rất khổ não, nhưng kẻ đã từng giàu sụ biến thành bần cùng còn khổ dữ dội hơn người bần cùng. Cho nên là Hoại Khổ. Còn có một loại người, họ cũng chẳng sướng lắm, mà cũng chẳng rất khổ, rất đời bình thường, nhưng bình thường cũng chẳng thể thường trụ. Đó gọi là Hành Khổ. Hành (行) là đời đời không ngớt. Quý vị cảm thấy cuộc sống rất bình thường, chẳng khổ mà cũng chẳng sướng, nhưng sanh mạng đời đời chẳng ngừng, tự nhiên quý vị từ trẻ khỏe thành già cả, từ già cả cho đến chết

đi, đó là Hành Khổ.

Trong Phật giáo, có sáu món thần thông. Một là Thiên Nhãn Thông (Dibba-cakkhu), hai là Thiên Nhĩ Thông (Dibba-sota), ba là Tha Tâm Thông (Ceto-pariya-ñāṇa), bốn là Thần Túc Thông (Iddhi-vidhā), năm là Túc Mạng Thông (Pubbe-nivāsanussati), sáu là Lậu Tận Thông (Āsavakkhaya). Chư thiên có năm loại [thần thông] đầu, chẳng có Lậu Tận Thông. Chư thiên có Thiên Nhãn, có thể thấy chính mình khi quả báo [trong cõi trời] đã hết, đọa xuống thấp hơn, sẽ sanh trong đường nào. Kinh Phật nói: Có một vị trời, thấy chính mình phải đọa vào bụng một con lợn sề già, chuyển sanh làm một con lợn con. Con lợn sề ấy khắp thân lở loét! Nỗi đau khổ [của vị trời ấy] còn đau khổ hơn khi chẳng được sanh lên trời. Vì thế, có người sanh lên trời, hưởng phước trời, đã hưởng hết phước trời, lại đọa lạc, có một khoảng thời gian vui sướng, qua khỏi thời gian ấy thì lại khổ sở. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật thừa nhận nhân thiên có vui sướng, nhưng lạc là Hoại Khổ.

Quan sát thêm một bước nữa, niềm vui được hưởng thụ trong cõi trời và nhân gian đều là giả trá, chẳng phải là chân lạc, vì chẳng đạt được gì! Ví như làm phàm phu trong nhân gian, niềm vui sướng lớn nhất trong đời người không gì hơn nam nữ kết hôn. Rất nhiều vị cư sĩ đang hiện diện đã kết hôn, đều là người đã từng trải. Khi quý vị chưa kết hôn, cứ ngỡ kết hôn là sự vui sướng to bậc nhất. Cho đến khi quý vị kết hôn, đạt được niềm vui sướng gì vậy? Chẳng đạt được gì, toàn là giả trá, hư ngụy, chẳng thật. Quan sát cao hơn một bước nữa, lạc là khổ nhân (cái nhân gây ra khổ). Kết hôn có nỗi khổ nào do kết hôn. Khổ nào lại còn càng ngày càng nhiều. Vì quý vị đã kết hôn, sẽ sanh con, con càng ngày càng nhiều, gánh nặng càng ngày càng nặng, phiền não càng lắm. Vì thế, lạc là khổ nhân. Đối với những niềm vui sướng khác trong thế gian, cứ lấy chuyện này mà suy, chẳng hạn như quý vị ngỡ phát tài sẽ vui sướng, nhưng sau khi đã phát tài rồi, lại khổ não do phải sử dụng tiền tài ấy [như thế nào để khỏi bị mất đi]. Cho nên so với lúc bản cùng, càng khô dữ dội hơn!

Phàm phu trong tam giới đều là tướng điên đảo, chẳng có Tứ Đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết Bàn. Tam giới là vô thường, loài người chúng ta chấp trước nó là thường. Thường nói: “*Nhân sanh bất mãn bách, thường hoài thiên tuế ưu*” (Người đời thọ chẳng đầy trăm, mà ôm ưu lự ngàn năm là thường). Người sống đến trăm tuổi rất ít, nhưng con người thường lo âu chuyện thuộc ngàn năm sau. Đây chính là ngỡ vô thường là thường. Trong tam giới đều là khổ, họ ngỡ có một

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

niềm vui. Vốn chẳng có Ngã, họ chấp trước có một cái Ngã. Trong tam giới toàn là ô nhiễm, không thanh tịnh, họ ngỡ là thanh tịnh. Đấy đều là tướng điên đảo. Tây Phương Cực Lạc thế giới là do A Di Đà Phật chứng đắc Tứ Đức “*chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh*” của Niết Bàn; cho nên nó vượt trội tam giới đạo.

Khổ tương trong tam giới của thế giới Sa Bà là luân hồi sanh tử trong lục đạo, sanh rồi tử, tử rồi sanh. Lấy ngay nhân đạo để nói, một người sống đến trăm tuổi bèn chết ngắc, vẫn chưa xong, vì quý vị lại tạo nghiệp mới, vẫn phải tiếp tục luân chuyển. Quý vị tạo thiện nghiệp, chuyên sanh trong ba thiện đạo; đã tạo ác nghiệp thì chuyển vào ba ác đạo. Quý vị chịu khổ trong ba ác đạo xong, lại chuyển sanh vào ba thiện đạo. Thọ khổ trong ba thiện đạo xong, lại chuyển vào ba ác đạo, sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh như thế đó. Chuyển tới, chuyển lui, chịu khổ vô cùng!

Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta chọn lựa dứt khoát. Chúng sanh trong ba thiện đạo có thể nghe hiểu Phật pháp, phát đạo tâm tu hành, nhưng nếu đọa vào ba ác đạo thì làm như thế nào đây? Dầu sanh lên trời, [tới khi] hưởng hết phước trời, vẫn phải đọa xuống. Vì thế, sanh tử luân hồi, chịu khổ vĩnh viễn chẳng hết, chẳng xong. Sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thoái chuyển, chỉ có tinh tấn, chẳng có lui sụt, chắc chắn sẽ thành Phật ngay trong một đời, sẽ chẳng hứng chịu nỗi khổ luân hồi. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới vượt trội tam giới đạo.

Trong phần trước là nói về Quan Sát Môn. Vãng Sanh Luận dạy chúng ta phương pháp tu hành, tức là quý vị quán tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới an lạc, thanh tịnh; thế giới Sa Bà là một thế giới khổ não, hư nguy, điên đảo, sanh tử luân hồi.

Pháp môn Tịnh Độ là hai môn Hân và Yếm, Hân (欣) là yêu chuộng, ưa thích, Yếm (厭) là chán ngán, ghét bỏ. Quý vị quan sát niềm vui trong Tây Phương Cực Lạc thế giới và nỗi khổ trong thế giới Sa Bà, so sánh giữa khổ và lạc, [nhận biết] thế giới Cực Lạc vượt trội thế giới Sa Bà, quý vị mới có thể phát tâm hoan hỷ, mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị quan sát nỗi khổ trong thế giới Sa Bà, phải nên chán ngán, ghét bỏ nó, giống như chúng ta rơi vào hầm phân, phải ngay lập tức nhảy ra, một khắc cũng chẳng thể nấn ná trong đó. Như vậy thì mới có thể lìa khỏi thế giới Sa Bà. Quý vị học Phật pháp, biết nỗi khổ sanh tử, thật sự phát Bồ Đề tâm, bằng lòng sanh về Tây Phương rồi trở về độ chúng sanh. Đấy là nhập Hân môn, ưa thích sanh vào thế giới

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

Cực Lạc. Nhưng đối với Yêm môn, quý vị chẳng đở công dốc sức, chẳng chán nhàm thế giới Sa Bà, cho nên tới khi quý vị lâm chung, chẳng buông bên này xuống được, sẽ chẳng sanh vào thế giới Cực Lạc. Vì sao chẳng sanh về? Vì sức niệm Phật là trong đời này, kiếp này mới dụng công, còn tập khí trong thế giới Sa Bà là tập khí trong nhiều đời, nhiều kiếp; sức mạnh của tập khí ấy hết sức mạnh mẽ! Sức mạnh để sanh về Tây Phương chẳng chống nổi tập khí của thế giới Sa Bà, kèm hãm khiến quý vị chẳng đi được! Do vậy, quý vị không chỉ cần phải Hân, mà còn phải Yêm, phải trọn đủ hai môn Hân và Yêm thì mới có thể vãng sanh. Phải nhất tâm quan sát thế giới Sa Bà thật sự đáng chán nhàm, thế giới Cực Lạc thật sự tốt đẹp. Hằng ngày suy tưởng như vậy thì mới có thể phát sanh một thứ sức mạnh.

Chúng ta lại quan sát các đệ tử Phật trong hiện thời, đã học Phật nhiều năm, thật sự phát tâm tu hành, niệm A Di Đà Phật mong sanh về Tây Phương. Nhưng trong hành vi thường nhật của họ, danh chẳng buông xuống được, lợi cũng chẳng buông xuống được, vì mong tranh danh đoạt lợi, bèn có nhân ngã thị phi và ganh tỵ gây chướng ngại. Họ phát đạo tâm sanh về Tây Phương, chỉ có Hân môn, chẳng thực hiện công phu Yêm môn, cho nên chẳng thấy thấu suốt chuyện trong thế giới Sa Bà, người ấy lâm chung chẳng sanh về Tây Phương! Vì thế, quý vị phải vui thích sanh về Tây Phương, đồng thời còn phải chán lìa thế giới Sa Bà.

(Luận) Trang nghiêm lượng công đức thành tựu giả, kệ ngôn:
“Cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế” cố.

(論)莊嚴量功德成就者。偈言：究竟如虛空，廣大無邊際故。

(Luận: Trang nghiêm lượng công đức thành tựu là như kệ nói:
“Rất rạo như hư không, rộng lớn không ngăn mé”).

“Trang nghiêm lượng công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ hai, Tây Phương Cực Lạc thế giới to cỡ nào, rộng cỡ nào, dài cỡ nào? “Kệ ngôn: Cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế cố” (Kệ rằng: “Rất rạo như hư không, rộng lớn không ngăn mé”): Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới Diệu Hữu, Diệu Hữu tức là Chân Không, giống như hư không; vì thế, rộng lớn chẳng có ngăn mé. Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh trong mười phương thế giới

có bao nhiêu người niệm Phật sanh về Tây Phương đều có thể sanh về đó.

Vì sao A Di Đà Phật phải phát ra những nguyện này, tạo ra các thứ trang nghiêm? Vì chúng sanh có những nỗi khổ não ấy, Ngài mới thực hiện những sự trang nghiêm ấy. Hiện thời, đối với phàm phu, chỗ ở là một vấn đề lớn. Càng tiến vào thời đại công nghiệp, đất đai càng là “*tắc đất, tắc vàng*”. Quý vị vất vả suốt cả một đời, vẫn chẳng mua nổi một căn nhà. Giá nhà chỉ tăng vùn vụt, chẳng hề giảm xuống. Dân cư càng ngày càng nhiều, nhà cửa càng ngày càng hẹp, cư trú là một nỗi khổ não to lớn. Chư vị cư sĩ mong lập một Phật đường tại gia, chẳng thể vừa lòng mãn nguyện, vì nhà đông người, hiềm rằng nhà cửa chật hẹp, làm sao có thể dành ra một căn phòng để làm Phật đường cho nổi? Nếu xuất gia, mở đạo tràng, một ngôi chùa phải tốn bao nhiêu kinh phí? Phải hóa duyên bao nhiêu? Xây một ngôi đại điện vẫn chẳng đủ dùng. A Di Đà Phật đã trông thấy cư trú là một vấn đề lớn, cho nên Ngài mới thành tựu Tây Phương Cực Lạc thế giới, cung, điện, lầu, gác đều rộng lớn, ranh giới của quốc độ cũng rộng lớn. Rộng lớn cỡ nào? Giống như hư không vô lượng vô biên. Quý vị niệm Phật sanh về đó, chắc chắn sẽ chẳng nảy sanh vấn đề về cư trú.

(Luận) Trang nghiêm tánh công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh” có.

(論)莊嚴性功德成就者。偈言：正道大慈悲，出世善根生故。

(Luận: Trang nghiêm tánh công đức thành tựu là như kệ nói: “Chánh đạo đại từ bi, sanh thiện căn xuất thế”).

“*Trang nghiêm tánh công đức thành tựu giả*” là loại trang nghiêm thứ ba. “*Kệ ngôn: Chánh đạo đại từ bi, xuất thế thiện căn sanh có*” (Kệ rằng: “Chánh đạo đại từ bi, sanh thiện căn xuất thế”): “*Tánh*” là vốn có. Bản tánh, bản thể của Tây Phương Cực Lạc thế giới là gì? Bản thể là đại từ bi, do thiện căn xuất thế sanh ra. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có các thứ thanh tịnh trang nghiêm. Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu bởi công đức vô lậu do A Di Đà Phật đã tu. Vì sao thế giới Sa Bà chẳng thanh tịnh, trang nghiêm? Vì nó là một thứ nghiệp hữu lậu. Tạo thiện nghiệp hay ác nghiệp đều là hữu lậu. Y báo trong thế giới Sa Bà dùng bụi đất làm bản thể; đại địa dựa trên

sự tích tụ của vi trần mà thành, cho nên thành tựu một thế giới ô nhiễm. Chánh báo là loài người chúng ta, lấy vô minh nghiệp làm bản thể, con người được thành tựu bởi vô minh nghiệp. Vô minh nghiệp là ô nhiễm, thân thể làm sao thanh tịnh cho nổi? Do đó, thế giới Sa Bà là một thế giới khổ não. Tây Phương Cực Lạc thế giới là do chánh đạo đại từ bi, do thiện căn xuất thế sanh ra, cho nên thanh tịnh, trang nghiêm.

(Luận) Trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Tịnh quang minh mãn túc, như kính, nhật, nguyệt luân” cố.

(論)莊嚴形相功德成就者。偈言：淨光明滿足，如鏡日月輪故。

(Luận: Trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu là như kệ nói: “Quang minh tịnh mãn nguyện, như gương, vàng nhật, nguyệt”).

“Trang nghiêm hình tướng công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ tư. “Kệ ngôn: Tịnh quang minh mãn túc, như kính nhật nguyệt luân cố” (Kệ rằng: “Quang minh thanh tịnh mãn nguyện, như gương, vàng mặt trời, mặt trăng”). Dùng bản tánh của Tây Phương Cực Lạc thế giới để tạo thành tướng mạo bên ngoài. Tướng mạo bên ngoài là tướng quang minh thanh tịnh trọn đủ. Quang minh thanh tịnh tràn trề trọn đủ, giống như tấm gương thanh tịnh, hoặc như vàng mặt trời, vàng trăng.

(Luận) Trang nghiêm chủng chủng sự công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Bị chư trân bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm” cố.

(論)莊嚴種種事功德成就者。偈言：備諸珍寶性，具足妙莊嚴故。

(Luận: Trang nghiêm các thứ sự công đức thành tựu là như kệ nói: “Đủ tánh các trân bảo, trọn đủ diệu trang nghiêm”).

“Trang nghiêm chủng chủng sự công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ năm. Nói y báo có mười bảy loại là nêu ra số mục đại lược; thật ra, các thứ trang nghiêm đều được gộp trong ấy. Có các thứ sự tướng trang nghiêm, chẳng phải là nói theo Lý tánh, mà là nói theo sự tướng. “Kệ ngôn: Bị chư trân bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm cố” (Kệ rằng: “Đủ tánh các trân bảo, trọn đủ diệu trang nghiêm”). Sự trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới là do các thứ vật quý

báu thành tựu. Các thứ vật trân quý do đâu mà có? Do A Di Đà Phật đã chứng đắc bản tánh Niết Bàn, tự nhiên bèn có các thứ quả báo trang nghiêm. Đã có tánh của các thứ trân bảo, sẽ sanh ra các thứ trân bảo, hết thấy sự trang nghiêm tự nhiên trọn đủ, lại còn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn.

(Luận) Trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Vô cấu quang diệu xí, minh tịnh diệu thể gian” cố.

(論)莊嚴妙色功德成就者。偈言：無垢光燄熾，明淨曜世間故。

(Luận: Trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu là như kệ nói: “Vô cấu quang chói rực, sáng sạch rạng thể gian”).

“Trang nghiêm diệu sắc công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ sáu. Trong phần trước là công đức hình tướng trang nghiêm, “tịnh quang minh mãn túc” (quang minh thanh tịnh mãn nguyện). Chẳng hạn như quý vị đến giảng đường mà xem, sẽ thấy quang minh thanh tịnh. Vì sao quang minh thanh tịnh? Vì có các thứ trân bảo, đại địa toàn là hoàng kim trân bảo, lầu gác cũng là trân bảo, thứ gì cũng đều là trân bảo, [quang minh thanh tịnh là do] trân bảo phóng quang. Từ các thứ trân bảo, lại xem sắc thái của chúng: Món trân bảo này trang nghiêm như thế nào? Món trân bảo kia trang nghiêm như thế nào? Những thứ trân bảo ấy thoạt nhìn đều có sắc thái kỳ diệu. “Kệ ngôn: Vô cấu quang diệu xí”, [nghĩa là] quang minh rất rực rỡ, tỏa ra những tia sáng rất đẹp đẽ. “Minh tịnh diệu thể gian” (Sáng sạch rạng ngời thể gian), tỏ lộ một loại quang minh thanh tịnh chiếu rọi thể gian, thâm nhiếp trọn khắp hết thấy chúng sanh.

(Luận) Trang nghiêm xúc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuyễn tả hữu toàn, xúc giả sanh thẳng lạc, quá Ca Chiên Lô Đà” cố.

(論)莊嚴觸功德成就者。偈言：寶性功德草，柔軟左右旋，觸者生勝樂，過迦旃鄰陀故。

(Luận: Trang nghiêm xúc công đức thành tựu là như kệ nói: “Cỏ báu tánh công đức, mềm mại, trái phải xoay, chạm vào vui thù thẳng, hơn Ca Chiên Lô Đà”).

“Trang nghiêm xúc công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ bảy. “Kệ ngôn: Bảo tánh công đức thảo” (Kệ rằng: “Cỏ báu tánh công đức”). Thấy các thứ trần bảo, nếu chạm vào, sẽ có cảm giác gì vậy? Bản tánh của các thứ trần bảo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do công đức của A Di Đà Phật thành tựu, ngay cả cỏ công đức cũng mềm mại. “Nhu nhuyễn tả hữu toàn” (Mềm mại, xoay sang trái và phải): Cỏ công đức mềm mại như thế nào? Xoay chuyển cả hai bên trái và phải. “Xúc giả sanh thắng lạc” [nghĩa là] quý vị chỉ cần tiếp xúc trần bảo, sẽ sanh ra một niềm vui sướng thù thắng. “Quá Ca Chiên Lô Đà” (Vượt trội [cảm giác] vui sướng khi chạm vào Ca Chiên Lô Đà): Ca Chiên Lô Đà là tên một loại cỏ mềm mại ở Ấn Độ. Nếu quý vị chạm vào nó, sẽ có cảm giác rất thoải mái. Đó là niềm vui sướng trong thế gian. Nếu quý vị tiếp xúc trần bảo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ sanh ra một thứ pháp lạc. Vì thế, nó vượt trội cảm giác do chạm vào cỏ Ca Chiên Lô Đà.

Tây Phương Cực Lạc thế giới có hàng cây bảy báu, hoa sen bảy báu, há có cỏ bảy báu ư? Cỏ là một thứ trang nghiêm. Các thứ trần bảo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mềm mại giống như cỏ Ca Chiên Lô Đà. Nếu nó chẳng mềm mại, chúng sanh sẽ chẳng thể sanh ra niềm vui thù thắng được. Tây Phương Cực Lạc thế giới vàng ròng làm đất. Nếu vàng ròng hết sức cứng chắc, chúng sanh đi trên mặt đất vàng ròng sẽ hết sức đau khổ. Còn nữa, nếu chúng sanh muốn tĩnh tọa, nếu chỗ ngồi là bảy báu cứng còng thì ngồi lên đó sẽ rất khó chịu. Vì thế, bảy báu mềm mại thì mới có thể sanh ra [cảm giác] hưởng thụ. Bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là do công đức nơi tâm đại từ bi nhu nhuyễn của A Di Đà Phật thành tựu.

Bảy báu trong thế giới Sa Bà cứng còng, vì chúng sanh trong thế giới Sa Bà ương bướng thành tánh. Quý vị thấy kinh Địa Tạng chép: “Các các ngục trung, hữu bách thiên chủng nghiệp đạo chi khí, vô phi thị đồng, thị thiết, thị thạch, thị hỏa, thử tứ chủng vật, chúng nghiệp hạnh cảm” (Trong mỗi ngục có trăm ngàn thứ khí cụ thuộc về nghiệp đạo, không gì chẳng phải là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, hay bằng lửa, bốn loại vật ấy do các nghiệp hạnh cảm vờ). Chúng sanh thuộc chủng tánh địa ngục, những thứ trong địa ngục đều làm bằng đồng, sắt, đá, lửa. Vì sao là do nghiệp cảm của chúng sanh tạo thành? Vì nếu họ chẳng làm ác dữ dội, sẽ chẳng đọa địa ngục. Tánh cách của hạng người ấy đặc biệt ương bướng, [cho nên] cảm vờ quả báo [như thế ấy]. Vì sao bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có tánh chất mềm mại?

Do vì cái tâm đại từ bi, tâm nhu nhuyễn của A Di Đà Phật chiêu cảm.

(Luận) Trang nghiêm tam chủng công đức thành tựu giả, hữu tam chủng sự, ưng tri, hà đẳng tam chủng? Nhất giả thủy, nhị giả địa, tam giả hư không.

(論)莊嚴三種功德成就者。有三種事，應知。何等三種？一者水，二者地，三者虛空。

(Luận: Trang nghiêm ba thứ công đức thành tựu bèn có ba loại sự, hãy nên biết. Những gì là ba thứ? Một là nước, hai là đất, ba là hư không).

“Trang nghiêm tam chủng công đức thành tựu giả, hữu tam chủng sự, ưng tri” (Trang nghiêm ba thứ công đức thành tựu. Có ba loại sự, hãy nên biết) chính là loại trang nghiêm thứ tám. Trong loại trang nghiêm này bao gồm ba loại trang nghiêm. “Hà đẳng tam chủng? Nhất giả thủy, nhị giả địa, tam giả hư không” (Những gì là ba loại? Một là nước, hai là đất, ba là hư không): Trong phần trên đã nói đến Ngũ Đại, tức đất, nước, lửa, gió, và hư không, thành tựu hết thảy vật chất nơi báo thân. Tây Phương Cực Lạc thế giới là do ba thứ nguyên tố, tức nước, đất, và hư không trang nghiêm thành tựu, chẳng có Hỏa Đại và Phong Đại. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có lửa? Vì chẳng cần dùng lửa. Loài người có quả báo của nhân loại: Thức ăn sống sít, cần dùng lửa để nấu chín. Tây Phương Cực Lạc thế giới thì bát hiện ra trước mặt, chẳng cần ăn uống, vừa ngửi mùi hương liền no. Nếu tiến hơn bước nữa, Thiên duyệt làm thức ăn, pháp hỷ ngập tràn, chẳng cần nấu chín thức ăn, cho nên chẳng cần tới lửa. Lửa trong thế giới Sa Bà còn có tác dụng chiếu sáng, chỗ tối tăm bèn dùng lửa để chiếu sáng. Trọn khắp Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là quang minh, chẳng cần lửa chiếu soi, cho nên Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có Hỏa Đại. Gió là thứ để giúp trang nghiêm: Gió nhẹ lay động hàng cây bảy báu lẫn lưới幔 bảy báu, phát ra âm thanh vi diệu. Bản thân nó chẳng phải là vật phẩm để trang nghiêm, cho nên Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có Hỏa Đại và Phong Đại, chỉ có Thủy Đại, Địa Đại, và Không Đại.

(Luận) Trang nghiêm thủy công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Bảo hoa thiên vạn chủng, di phú trì lưu tuyền, vi phong động hoa

diệp, giao thác quang loạn chuyển” cố.

(論)莊嚴水功德成就者。偈言：寶華千萬種，彌覆池流泉，微風動華葉，交錯光亂轉故。

(Luận: Trang nghiêm nước công đức thành tựu là như kệ nói: “Ngàn vạn loại hoa báu, phủ rợp ao, suối chảy, gió nhẹ lay cánh hoa, quang minh xen tạp chuyển”).

“Trang nghiêm thủy công đức thành tựu giả”: Loại trang nghiêm thứ nhất [trong ba thứ trang nghiêm] là thủy trang nghiêm. “Kệ rằng: Bảo hoa thiên vạn chủng” (Kệ rằng: “Ngàn vạn các loại hoa báu”): Trong kinh A Di Đà có bốn thứ hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng; trên thực tế, hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới nhiều đến ngàn vạn thứ, đều do bảy báu thành tựu. “Di phú trì lưu tuyên”: Ngàn vạn thứ hoa sen phủ rợp kín mặt ao sen và suối chảy. “Vi phong động hoa diệp, giao thác quang loạn chuyển cố”, nghĩa là gió nhẹ lay động cánh hoa sen, quang minh trên những đóa sen xoay tròn, đan chéo vào nhau hết sức trang nghiêm.

(Luận) Trang nghiêm địa công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Cung điện, chư lầu các, quán thập phương vô ngại. Tạp thụ dị quang sắc, bảo lan biến vi nhiều” cố.

(論)莊嚴地功德成就者。偈言：宮殿諸樓閣，觀十方無礙，雜樹異光色，寶欄遍圍繞故。

(Luận: Trang nghiêm địa công đức thành tựu là như kệ nói: “Cung, điện, các lầu gác, quán mười phương vô ngại. Cây cối quang sắc lạ, lan can báu vây khắp”).

“Trang nghiêm địa công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ hai. “Kệ ngôn: Cung điện chư lầu các, quán thập phương vô ngại” (Kệ rằng: “Cung, điện, các lầu, gác, quán mười phương vô ngại”): Cung điện, lầu, gác trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều do bảy báu tạo thành. Trong lầu gác bảy báu, có thể xem thấy mười phương thế giới chẳng bị chướng ngại, giống như chúng ta ở trong lầu gác xem phim ảnh, quý vị muốn thấy thế giới nào, sẽ trông thấy thế giới ấy.

Còn có cây cối trang nghiêm. “Tạp thụ dị quang sắc” [nghĩa là] cây cối bằng các thứ báu khác nhau, hoặc do các thứ báu xen lẫn hợp thành. Chẳng hạn như cây bằng vàng ròng, cành cây bằng bạch lưu ly,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

nở hoa bằng pha lê, kết quả bằng mã não. Xen kẽ lẫn nhau, hiện ra quang minh và màu sắc khác nhau. “*Bảo lan biến vi nhiều*” (Lan can báu vây quanh trọn khắp): Còn có lan can báu, dùng trân bảo làm thành lan can.

Kinh A Di Đà chép: “*Thất trùng lan thuần, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiều*” (Bảy tầng lan can, bảy tầng lưới mảnh, bảy tầng hàng cây, đều là bốn báu vây quanh trọn khắp). Phía ngoài mỗi tòa lầu gác có bảy tầng lan can vây quanh trọn khắp. Lầu gác, cây báu, lan can báu đều là những thứ trang nghiêm trên mặt đất; đây là trang nghiêm địa công đức.

(Luận) Trang nghiêm hư không công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Vô lượng bảo giao lạc, la võng biến hư không, chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm” có.

(論)莊嚴虛空功德成就者。偈言：無量寶交絡，羅網遍虛空，種種鈴發響，宣吐妙法音故。

(Luận: Trang nghiêm hư không công đức thành tựu là như kệ nói: “Vô lượng báu giảng xen, lưới mảnh khắp hư không, các thứ linh vang tiếng, tuyên diễn pháp âm màu”).

“*Trang nghiêm hư không công đức thành tựu giả*”: Loại thứ ba là trang nghiêm hư không. “*Kệ ngôn: Vô lượng bảo giao lạc, la võng biến hư không*” (Kệ rằng: “Vô lượng báu giảng xen, lưới mảnh khắp hư không”): Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vô lượng bảy báu giảng xen hợp thành lưới mảnh, trọn khắp hư không. “*Chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm có*” (Các thứ linh phát ra tiếng vang, tuyên nói pháp âm màu nhiệm): Trên lưới mảnh treo các thứ linh báu, phát ra âm thanh leng keng, tinh tang, đều là vô tình thuyết pháp âm thanh vi diệu.

Trong Kệ Tụng phần trước có nói: Hữu tình và vô tình trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể thuyết pháp, đều là do công đức của A Di Đà Phật thành tựu. Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là người có thể thuyết pháp, mà các loài chim thuộc loại hữu tình cũng có thể thuyết pháp. Các loài chim do đâu mà có? Do thần thông của A Di Đà Phật biến hóa ra. Linh báu là vật vô tình, có sao có thể thuyết pháp? Cũng do thần thông của A Di Đà Phật biến hóa. Chẳng có ai gõ, đánh, tự nó có thể vang ra tiếng nhạc trời, có thể diễn nói pháp âm.

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: A Di Đà Phật tự mình thuyết pháp là được rồi, vì sao còn phải có các loài chim, linh báu thuyết pháp?

Đáp: Căn cơ của chúng sanh bất đồng, có đủ loại ưa thích riêng. Có chúng sanh thích nghe tiếng chim hót, có chúng sanh thích nghe tiếng linh báu, có chúng sanh thích nghe tiếng âm nhạc. A Di Đà Phật thuận ứng căn cơ của chúng sanh, thị hiện [ứng hợp] sự ưa chuộng của họ. Chúng sanh nghe pháp âm, tự nhiên sẽ khai ngộ. Đây đều là diệu dụng ứng cơ thuyết pháp của A Di Đà Phật.

(Luận) Trang nghiêm vũ công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Vũ hoa y trang nghiêm, vô lượng hương phổ huân” cổ.

(論)莊嚴雨功德成就者。偈言：雨華衣莊嚴，無量香普熏故。

(Luận: Trang nghiêm mưa công đức thành tựu là như kệ nói: “Mưa áo hoa trang nghiêm, vô lượng hương xông khắp”).

“Trang nghiêm vũ công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ chín. “Kệ ngôn: Vũ hoa y trang nghiêm” (Kệ rằng: “Mưa áo hoa trang nghiêm”). “Vũ” (雨) là từ không trung rơi xuống. “Hoa” (華) là hoa (花)¹³. Từ không trung, tự nhiên rơi xuống hoa trời, thiên y; không chỉ là một thứ, đều là hoa khiến cho quý vị thỏa lòng, vừa ý. Quý vị thích thấy loại hoa nào, sẽ rơi xuống loại hoa đó. “Y” (衣) là một thứ trang nghiêm bằng vải, giống như thảm trong hiện thời. Từ trên trời của Tây Phương Cực Lạc thế giới rơi xuống thiên y, giống như tràng phan, lọng báu, các thứ trang nghiêm. “Vô lượng hương phổ huân cổ” (Vô lượng mùi hương xông khắp): Thiên hoa, thiên y màu sắc rất xinh đẹp, lại còn có vô lượng mùi hương xông khắp thế giới Cực Lạc. Hễ nghĩ thấy, sẽ đều sanh tâm hoan hỷ.

(Luận) Trang nghiêm quang minh công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Phật huệ minh tịnh nhât, trừ thế si ám minh” cổ.

¹³ Thời cổ, hai chữ “華” (lộng lẫy, đẹp đẽ nhất) và “花” (bông hoa) sử dụng như nhau.

(論)莊嚴光明功德成就者。偈言：佛慧明淨日，除世癡闇冥故。

(Luận: Trang nghiêm quang minh công đức thành tựu là như kệ nói: “Phật huệ nhật sáng sạch, trừ si tối thế gian”).

“Trang nghiêm quang minh công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ mười. Trong phần trước có nói công đức quang minh gồm hai loại:

1) Một loại là hình tướng quang minh. Quý vị thấy thế giới Cực Lạc một mực là quang minh.

2) Loại thứ hai là diệu sắc quang minh. Trong mỗi thứ trần bảo đều có một loại quang minh.

“Kệ ngôn: Phật huệ minh tịnh nhật” (Kệ nói: “Trí huệ của Phật như vàng mặt trời sáng sạch”); đây là diệu dụng của quang minh. Quang minh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là trí huệ quang của A Di Đà Phật, quang minh thanh tịnh giống như mặt trời. “Trừ thế si ám minh cố” (Trừ sự tối tăm do ngu si trong thế gian): Trong thế giới Sa Bà, mặt trời vừa mọc lên, hết thấy hắc ám đều bị trừ sạch. Quý vị chỉ cần trông thấy quang minh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ có thể trừ diệt phiền não ngu si của quý vị.

(Luận) Trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Phạm thanh ngô thâm viễn, vi diệu văn thập phương” cố.

(論)莊嚴妙聲功德成就者。偈言：梵聲悟深遠，微妙聞十方故。

(Luận: Trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu là như kệ nói: “Tiếng Phạm ngô sâu xa, vi diệu văn mười phương”).

“Trang nghiêm diệu thanh công đức thành tựu giả” (Trang nghiêm thành tựu công đức âm thanh vi diệu) là loại trang nghiêm thứ mười một. “Kệ ngôn: Phạm thanh”: “Phạm thanh”, Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh danh lừng lẫy, là một thứ âm thanh thanh tịnh. “Ngô thâm viễn”: Quý vị nghe thanh danh của Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể ngộ Thật Tướng Lý Thể. “Vi diệu văn thập phương cố” (Vi diệu, nghe thấu mười phương): Mười phương thế giới đều có thể nghe thấy thanh danh của Tây Phương Cực Lạc thế giới; điều này vi diệu chẳng thể nghĩ bàn.

(Luận) Trang nghiêm chủ công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Chánh giác A Di Đà, pháp vương thiện trụ trì” cổ.

(論)莊嚴主功德成就者。偈言：正覺阿彌陀，法王善住持故。

(Luận: Trang nghiêm chủ công đức thành tựu là như kệ nói: “Chánh giác A Di Đà, pháp vương khéo trụ trì”).

“Trang nghiêm chủ công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ mười hai. “Kệ ngôn: Chánh giác A Di Đà, pháp vương thiện trụ trì cổ” (Kệ rằng: “Chánh giác A Di Đà, pháp vương khéo trụ trì”): Tây Phương Cực Lạc thế giới có một đấng pháp vương, chính là Chánh Giác A Di Đà Phật, Ngài khéo có thể trụ trì thế giới Cực Lạc. Đây chẳng phải là tán thán chánh báo, mà vẫn là tán thán y báo. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp? Vì có một đấng pháp vương tốt đẹp trụ trì, cho nên Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp. Giống như trong hiện thời một đại tự viện nào đó tốt đẹp, là vì có một vị đại hòa thượng làm Trụ Trì, lãnh đạo đúng cách. Chẳng phải là tán thán chánh báo, tức [tán thán] đại hòa thượng, mà là tán thán đại tự viện tốt đẹp.

(Luận) Trang nghiêm quyền thuộc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh” cổ.

(論)莊嚴眷屬功德成就者。偈言：如來淨華眾，正覺華化生故。

(Luận: Trang nghiêm quyền thuộc công đức thành tựu là như kệ nói: “Chúng Như Lai tịnh hoa, hoa Chánh Giác hóa sanh”).

“Trang nghiêm quyền thuộc công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ mười ba. “Kệ ngôn: Như Lai tịnh hoa chúng, chánh giác hoa hóa sanh cổ” (Kệ rằng: “Hoa chúng thanh tịnh của Như Lai, hoa Chánh Giác hóa sanh”): Hễ có pháp vương, sẽ có nhân dân. Nhân dân là quyền thuộc của Ngài, đều là đại chúng thanh tịnh hóa sanh từ hoa sen Chánh Giác của A Di Đà Như Lai. Chúng ta thường niệm Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát là do ý nghĩa này. Đây là tán thán dân chúng trong quốc gia của đấng pháp vương, đây vẫn là tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Luận) Trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu giả, kệ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

ngôn: “Ái nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vị thực” cố.

(論)莊嚴受用功德成就者。偈言：愛樂佛法味，禪三昧為食故。

(Luận: Trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu là như kệ nói: “Yêu thích vị Phật pháp, Thiên tam-muội để ăn”).

“Trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ mười bốn, nói về sự hưởng thụ của chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Kệ ngôn: Ai nhạo Phật pháp vị, Thiên tam-muội vị thực cố” (Kệ rằng: “Yêu thích pháp vị của nhà Phật, dùng Thiên tam-muội làm thức ăn”). Chúng sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới yêu thích pháp vị của Phật pháp. Họ vừa nghe Phật pháp, bụng chẳng đói nữa, sanh ra một niềm hoan hỷ gọi là “pháp hỷ vị thực” (dùng niềm vui Phật pháp làm thức ăn). Tam-muội (*Samādhi*) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là Chánh Định. Thiên tam-muội là Thiên Định. Họ tu Thiên Định bên đó, hễ nhập Định bèn đạt được một niềm hân hoan, vui sướng, chẳng đói bụng, giống như đã ăn một bữa cơm, gọi là “Thiên duyệt vị thực” (dùng niềm vui Thiên Định làm thức ăn). Đây là sự hưởng thụ cao nhất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Thông thường, chúng ta niệm chú Cúng Dường: “Thiên duyệt vị thực, pháp hỷ sung mãn”. Tuy đại chúng bình phàm trong thế giới Sa Bà chẳng làm được [điều này], nhưng phải phát nguyện. Có chúng sanh hoặc là nghe một bộ kinh, nghe hoan hỷ, chẳng thấy đói bụng. Có chúng sanh tĩnh tọa, bỗng ngồi suốt [thời gian cháy hết] một cây hương, sanh ra pháp hỷ, chẳng đói bụng. Pháp hỷ cũng là một phần của Thiên duyệt, bỗng dung gặp được một lần, chẳng phải là hằng ngày tĩnh tọa đều có Thiên duyệt, công phu vẫn còn chưa đạt tới mức độ ấy.

Quả báo của loài người chúng ta là chẳng ăn uống sẽ không được, nhưng tốt nhất là đừng nên ăn thịt chúng sanh. Nếu quý vị đã ăn chay, hãy khuyên người khác [cũng ăn chay]. Người khác có chỗ hoài nghi, quý vị hãy giải thích cho người ấy. Hôm nay, tôi lại giải thích đôi chút.

* Giải trừ nghi hoặc

Hỏi: Động vật có sanh mạng, chúng ta chó nên ăn; thực vật cũng

có sanh mạng, vì sao có thể ăn?

Đáp: Lý tưởng cao nhất trong Phật giáo là “*Thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn*”. Tây Phương Cực Lạc thế giới hằng ngày dùng Thiên duyệt làm thức ăn, nhưng ở trong thế giới Sa Bà thì chẳng làm được. Chẳng ăn uống sẽ không thể sống nổi, tu hành bằng cách nào đây? Chúng ta cảm nhận nỗi thống khổ của động vật khi chúng bị giết chóc. Quý vị giết lợn, nó rống thật to. Quý vị giết gà, gà cũng kêu thảm thiết rất lớn tiếng. Chúng ta nghe chúng nó kêu thảm thiết, sao đành nhẫn tâm ăn thịt chúng nó? Khi thực vật bị giết, chúng ta chẳng cảm nhận nỗi đau khổ của chúng. Do vậy, chẳng phải là không biết thực vật cũng có sanh mạng, vì bắt đực dĩ mới ăn chúng nó!

Trong giới luật của bậc xuất gia: “*Thanh tịnh tỳ-kheo cập chư Bồ Tát, ư kỹ lộ hành, bất đạp sanh thảo, huóng dĩ thủ bạt?*” (Bậc tỳ-kheo thanh tịnh và các vị Bồ Tát đi nơi ngõ rẽ, chẳng đạp lên cỏ tươi, huóng hồ dùng tay nhổ lên?) Không cho phép quý vị cắt đứt một nhánh cỏ tươi, cỏ có mầm sống. Không chỉ là chẳng thể đoạn diệt mầm sống của nó, mà cũng chẳng được phép đạp, tiểu tiện lên cỏ tươi. Quý vị đạp lên cỏ tươi là phạm giới, vì gây trở ngại cho sanh mạng của chúng. Phật giáo nói theo đạo lý, cảnh giới cao nhất là “*hữu tình và vô tình cùng viên thành Chứng Trí, vô tình có thể thuyết pháp. Vô tình cũng có thể thành Phật giống hệt [như hữu tình]*”. Vô tình hoàn toàn chẳng phải là không có sanh mạng.

Hỏi: Chính mình phát tâm muốn ăn chay, những người khác trong gia đình chẳng ăn chay, hoàn cảnh chẳng cho phép thì làm như thế nào?

Đáp: Trước hết, hãy kiêng giết. Ăn ba thứ “*tịnh nhục*”, [tức là thịt của những con vật mà] ta không thấy [chúng nó bị] giết, chẳng nghe nó bị giết, chẳng vì ta mà nó bị giết. “*Chẳng thấy giết*” là khi chúng sanh bị giết, mắt quý vị chẳng trông thấy. “*Chẳng nghe nó bị giết*”: Khi chúng sanh bị giết, quý vị không nghe thấy. “*Vì ta mà giết*”: Chúng sanh bị giết chẳng phải là do ta mà giết. Đó là thịt bán ngoài chợ, vì mọi người mà giết. Đây là tiến bộ từ từ, tiếp cận với Phật pháp.

Hỏi: Khuyên kẻ khác quy y, có phải là cũng nên khuyên kẻ đó sau khi quy y hãy ăn chay?

Đáp: Trước hết, quý vị khuyên kẻ đó quy y là được rồi, chẳng khuyên kẻ đó ăn chay trường. Đây là phương tiện quyền xảo. Vì quý vị khuyên kẻ đó sau khi đã quy y phải ăn chay, nếu kẻ đó tính quy y, nhưng do chẳng thể ăn chay trường, sẽ chẳng dám quy y! Đức Phật

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

dạy, đối với chúng sanh phải ứng cơ thuyết pháp, phương tiện quyền xảo.

(Luận) Trang nghiêm vô chư nạn công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Vĩnh ly thân tâm não, thọ lạc thường vô gián” cố.

(論)莊嚴無諸難功德成就者。偈言：永離身心惱，受樂常無間故。

(Luận: Trang nghiêm công đức thành tựu chẳng có các nạn là như kệ nói: “Mãi lìa thân tâm não, hưởng vui chẳng gián đoạn”).

“Trang nghiêm vô chư nạn công đức thành tựu giả” (Trang nghiêm công đức thành tựu không có các nạn) là loại trang nghiêm thứ mười lăm. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật đã trang nghiêm bằng công đức “không có các nạn”. “Kệ ngôn: Vĩnh ly thân tâm não” (Kệ rằng: “Vĩnh viễn lìa khỏi các khổ não nơi thân và tâm”). Gặp phải tai nạn, thân tâm bị khổ não. Thân thể hứng chịu các nỗi khổ não như bị đói, bị khát, bị lạnh, bị nóng, hoặc là thân thể bị kẻ khác sát hại. Tâm chịu những nỗi khổ não: Lo đợc, lo mất, nhân ngã thị phi, tham, sân, si phiền não. Quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn lìa khỏi những nỗi khổ não ấy. “Thọ lạc thường vô gián cố” (Vì sẽ hưởng vui thường chẳng gián đoạn): Trong nhân gian có sự vui sướng, nhưng vui ít, khổ nhiều, chẳng phải là hưởng vui sướng thường hằng, lâu dài. Bên Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tai nạn, vĩnh viễn hưởng thụ pháp lạc xuất thế gian chẳng gián đoạn; do vậy gọi là thế giới An Lạc. Kinh A Di Đà dịch [cõi Tịnh Độ của A Di Đà Phật] là “thế giới Cực Lạc”. Cực Lạc là lạc tuyệt đối, chẳng phải là lạc do so sánh với khổ, [mà là] chẳng có một tí khổ nào! Trong kinh A Di Đà, đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật đã giải thích: “Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc” (Chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui). Chẳng giống như thế giới Sa Bà có khổ và lạc, thế giới Cực Lạc chỉ có pháp lạc; do vậy, gọi là Cực Lạc.

Theo như kinh Phật đã dạy, thế giới cứ trải qua mỗi tiêu kiếp, sẽ có tiêu tam tai phát sanh: Đao binh tai, cơ cấn tai (饑饉災, tai nạn đói kém), và ôn dịch tai. Đao binh tai thì sẽ có chiến tranh, cơ cấn tai thì chẳng có cơm ăn, ôn dịch tai sẽ phát sanh bệnh truyền nhiễm. Nếu đến lúc địa cầu đáng nên hư hoại, sẽ có đại tam tai là thủy tai, hỏa tai, và phong tai. Thế giới Sa Bà lắm tai nhiều nạn, kinh Pháp Hoa dạy: “Tam

giới vô an, do như hỏa trạch” (Ba cõi chẳng yên, ví như nhà lửa). Trong tam giới, chẳng có chỗ nào bình an, mà cũng chẳng có thời khắc nào bình an; giống như một căn nhà to đang bốc cháy, [thế mà người] ở trong ấy, vẫn cứ tưởng là rất vui sướng. Người có trí huệ sẽ ngay lập tức chạy ra còn chẳng kịp, lẽ nào mong ở trong nhà lửa ư?

Hiện thời, chiến tranh tại Việt Nam rất dữ dội. Đây là đao binh tai hiện tiền. Hai bên đánh nhau chết rất nhiều người, dân chúng kẹt trong ấy rất khổ não. Báo chí đăng tải dân chạy nạn Việt Nam có hơn một trăm vạn người. Bất luận người lớn, trẻ con, hay phụ nữ, thầy đều lánh nạn, tìm đến chỗ an toàn. Có người dân bị nạn nào mà không có gia đình, không có sự nghiệp? Hễ có chiến tranh là gia đình lẫn sự nghiệp đều bị phá nát. Có chúng sanh nào không yêu mạng sống? Chết thì chết, chạy loạn thì cứ chạy loạn, có chúng sanh nào chẳng cần ăn uống? Khi chạy loạn, kiếm đâu ra ba bữa cơm mỗi ngày? Người trong thế giới này tự mình tạo ra những nỗi khổ não, cứ muôn đánh nhau. Hễ chiến tranh thì sẽ chết rất nhiều người, chẳng có ai sản xuất những vật liệu, nhất định sẽ nảy sanh nạn đói kém. Chiến tranh chết chóc rất nhiều người, chẳng có ai thu dọn xác chết, ôn dịch nhất định sẽ lan truyền. Do vậy, trong hiện thời, tại Việt Nam, đao binh tai, cơ căn tai, và ôn dịch tai thầy đều có. Nạn lụt, nạn lửa, nạn bão trên thế giới cũng chẳng ngừng.

Chúng ta quan sát những tai nạn ấy, trông thấy chúng sanh chịu khổ não, chính mình nhanh chóng lánh nạn, sanh sang Tây Phương ư? Tây Phương chẳng phải là chỗ để lánh nạn! Phải phát khởi cái tâm từ bi. Chúng sanh đang chịu khổ trong biển khổ, ta phải nhanh chóng cứu họ, nhưng hiện thời trí huệ, thần thông, và biện tài của ta đều không đủ, ta phải sanh sang Tây Phương hòng học lấy bản lãnh cứu độ chúng sanh. Trước khi sanh về Tây Phương, phải tùy sức tùy phần hoằng dương Phật pháp. Đây là chánh đạo của chúng ta. Hiện thời, có những kẻ một tí chuyện tốt cũng chẳng làm, cứ chuyên môn niệm Phật mong sanh về Tây Phương; chuyện này chẳng phù hợp pháp môn Tịnh Độ! Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Đại Thừa. Kinh A Di Đà đã dạy rõ ràng: *“Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc”* (Chẳng do một ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về cõi ấy). Quý vị phải gieo nhiều thiện căn, vun bồi nhiều phước đức, nhân duyên, chẳng phải là tiêu cực không làm một chút chuyện tốt nào mà sẽ có thể sanh về Tây Phương! Điều ấy chẳng phù hợp bốn nguyện của A Di Đà Phật.

Đại chiến thế giới lần thứ nhất, lần thứ hai đã qua, nếu đại chiến lần thứ ba bùng nổ, toàn thể thế giới đánh nhau, dùng loại vũ khí tiên tiến nhất là bom hạch nhân (bom nguyên tử), nhất định sẽ càng có nhiều người thương vong hơn! Vì sao cứ muốn đánh nhau? Vì sao muốn phát minh vũ khí giết người? Vì họ chẳng hiểu Phật pháp, chẳng biết đạo lý nhân quả báo ứng. Chúng ta là đệ tử Phật, phải nên gánh vác trách nhiệm, hãy tận hết sức của chính mình để hoằng dương Phật pháp, cứu tế chúng sanh. Kẻ phát minh vũ khí sát nhân, nhất định là các khoa học gia, chẳng phải là Phật giáo đồ. Giả sử Phật pháp truyền khắp toàn thể thế giới, [ai nấy] đều hiểu Phật lý rồi mới nghiên cứu khoa học, sẽ tuyệt đối chẳng có ai phát minh bom hạch nhân. Một quả bom hạch nhân bùng nổ sẽ giết chết ngàn ấy người, đệ tử Phật nào sẽ phát minh loại vũ khí ấy?

Phật giáo truyền sang Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Thích Ca Mâu Ni Phật trọn chẳng đến những quốc gia ấy, toàn là do đệ tử đức Phật hoằng dương trong quá khứ. Chúng ta phải phòng theo các bậc tiền hiền, gánh vác trách nhiệm hoằng pháp, khiến cho Phật pháp được phổ biến hoằng dương toàn cầu, toàn thể mọi người trên toàn cầu đều tín ngưỡng Phật giáo, sẽ chẳng còn chiến tranh hại người. Vì thế giới Sa Bà nhiều tai lầm nạn, cho nên A Di Đà Phật đã vì chúng ta mà thành tựu Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi ấy không có các nạn.

(Luận) Trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh” cố. Tịnh Độ quả báo, ly nhị chủng cơ hiềm quá, wng tri. Nhất giả Thể, nhị giả Danh. Thể hữu tam chủng, nhất giả Nhị Thừa nhân, nhị giả nữ nhân, tam giả chư căn bất cụ nhân. Vô thứ tam quá cố, danh “ly Thể cơ hiềm”. Danh diệt tam chủng, phi dẫn vô tam thể, nãi chí bất văn Nhị Thừa, nữ nhân, chư căn bất cụ, tam chủng danh cố, danh “ly danh cơ hiềm”. Đẳng giả, bình đẳng nhất tướng cố.

(論)莊嚴大義門功德成就者。偈言：大乘善根界，等無譏嫌名，女人及根缺，二乘種不生故。淨土果報，離二種譏嫌過，應知。一者體，二者名。體有三種，一者二乘人，二者女人，三者諸根不具人，無此三過故，名離體譏嫌。名亦三種，非但無三體，乃至不聞二乘、女人、諸根

不具，三種名故，名離名譏嫌。等者，平等一相故。

(Luận: “Trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu” là như kệ nói: “Cõi Đại Thừa thiện căn, bình đẳng, không có danh xưng chê gièm, ghét bỏ, nữ nhân và thiếu căn, chúng tánh Nhị Thừa chẳng sanh”. Hãy nên biết quả báo trong cõi Tịnh Độ là khỏi hai lỗi chê gièm, ghét bỏ. Một là Thê, hai là Danh. Thê có ba loại, một là hàng Nhị Thừa, hai là nữ nhân, ba là kẻ các căn chẳng đầy đủ. Do không có ba lỗi ấy, nên gọi là “lià sự chê gièm, ghét bỏ về mặt Thê”. Danh cũng có ba thứ, không chỉ là chẳng có ba Thê, mà thậm chí chẳng nghe ba thứ danh xưng là Nhị Thừa, nữ nhân và các căn chẳng đủ, nên gọi là “lià sự gièm chê, ghét bỏ về mặt Danh”. “Đẳng” là bình đẳng nhất tướng).

“Trang nghiêm đại nghĩa môn công đức thành tựu giả” là loại trang nghiêm thứ mười sáu. “Đại nghĩa môn” là pháp môn theo nghĩa lý Đại Thừa. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có pháp môn Tiểu Thừa, hoàn toàn là pháp môn theo nghĩa lý Đại Thừa, công đức ấy đã thành tựu. “Kệ ngôn: Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh” (Kệ rằng: “Cõi thiện căn Đại Thừa, bình đẳng, không có danh xưng gièm chê, đáng chán ghét”). Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn là thế giới thiện căn Đại Thừa. “Đẳng” (等) là bình đẳng; chúng sanh bên đó đều là một tướng, chẳng có sự chê gièm, chán ghét nơi sự thật, ngay cả danh xưng gây nên sự chê gièm, chán ghét cũng chẳng nghe thấy. Những danh xưng gây nên sự chê gièm, chán ghét là gì? “Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chúng bất sanh cố” (Nữ nhân và căn thiếu, chúng tánh Nhị Thừa chẳng sanh [vào Cực Lạc]). Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nữ nhân, chẳng có người sáu căn không đầy đủ, chẳng có kẻ Nhị Thừa.

Tiếp đó, giải thích cụ thể: “Tịnh Độ quả báo, ly nhị chúng cơ hiềm quá, ưng tri” (Hãy nên biết quả báo trong Tịnh Độ là khỏi hai thứ lỗi chê gièm, ghét bỏ): Quả báo do sanh vào Tây Phương Tịnh Độ thế giới là xa lià hai thứ khuyết điểm gây nên sự chê gièm, ghét bỏ; hãy nên biết như thế! Hai thứ nào vậy? “Nhất giả Thê” (Một là Thê), [tức là xét theo] bản thể, theo sự thật; trên sự thật thì chẳng hề có. “Nhị giả Danh” (Hai là Danh), tức là xét theo danh xưng, ngay cả danh xưng cũng chẳng có.

“Thê hữu tam chúng, nhất giả Nhị Thừa nhân, nhị giả nữ nhân,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

tam giả chư căn bất cụ nhân” (Thê có ba loại, một là hàng Nhị Thừa, hai là nữ nhân, ba là kẻ các căn chẳng đầy đủ): Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hàng Nhị Thừa, chẳng có nữ nhân, mà cũng chẳng có người sáu căn chẳng đầy đủ. Các căn chẳng đầy đủ thì gọi là “*căn khuyết*” (根缺). [Chẳng hạn như] mắt mù là Nhãn Căn chẳng đủ, tai điếc là Nhĩ Căn chẳng đủ, mũi bị khuyết hãm là Ty Căn chẳng đủ, lưỡi chẳng thể nói là Thiệt Căn chẳng đủ, thân thể thiếu một cánh tay, hay thiếu một cái chân là Thân Căn chẳng đủ, tinh thần thì thần kinh không ổn là Ý Căn không đủ. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có kẻ sáu căn không đầy đủ. “*Vô thử tam quá cố, danh ly thể cơ hiềm*” (Do không có ba lỗi ấy, nên gọi là “chẳng có sự gièm chê, chán ghét về mặt Thể”): Thế giới Tịnh Độ chẳng có ba lỗi làm ấy, chẳng có những chuyện thật sự gây nên sự gièm chê, ghét bỏ.

“*Danh diệc tam chủng, phi đản vô tam thể, nãi chí bất văn Nhị Thừa, nữ nhân, chư căn bất cụ, tam chủng danh cố, danh ly danh cơ hiềm*” (Danh cũng có ba thứ, chẳng phải chỉ là không có ba Thể, mà thậm chí chẳng nghe ba loại danh xưng Nhị Thừa, nữ nhân, và các căn chẳng đủ, nên gọi là “lia sự chê gièm, ghét bỏ về mặt danh xưng”). Thế giới An Lạc không chỉ chẳng thật sự có ba thứ quả báo này về mặt Thể, mà ngay cả danh xưng của ba thứ ấy cũng đều chẳng có! “*Đẳng giả, bình đẳng nhất tướng cố*” (“Đẳng” là một tướng bình đẳng): Thế giới Sa Bà có lục đạo, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có chúng sanh thuộc về nhân đạo và thiên đạo. Nhân đạo hay thiên đạo đều là tướng đại tượng phu, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, trang nghiêm giống như Thích Ca Mâu Ni Phật.

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: “*Kệ ngôn: Nhị Thừa chủng bất sanh*” (Kệ nói: “Chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh”), [tức là] kệ tụng nói Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hàng Nhị Thừa. Bộ Vãng Sanh Luận này dựa theo kinh Vô Lượng Thọ mà soạn ra, nhưng kinh Vô Lượng Thọ nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có Thanh Văn chúng, Thanh Văn là một loại trong Nhị Thừa. Kinh A Di Đà cũng nói: “*Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri*” (Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn, đều là bậc A La Hán, chẳng thể dùng tính toán mà hòng biết được). Điều này giải thích cho sông như thế nào đây?

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

Đáp: Từ xưa, các bậc đại đức có hai cách giải thích:

1) Cách giải thích thứ nhất: Thanh Văn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ là danh tự, vì họ ở trong thế giới Sa Bà là căn tánh Nhị Thừa, tu pháp môn Nhị Thừa. Sau đây, hồi Tiểu hướng Đại, tu pháp môn Niệm Phật, sanh về Tây Phương. Vì họ là căn tánh Thanh Văn, cho nên gọi là Thanh Văn. Thật ra, tới Tây Phương thì đã biến thành đệ tử Đại Thừa.

2) Cách giải thích thứ hai: Người căn tánh Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại, sanh về Tây Phương, hoàn toàn chẳng đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, là đối nghiệp vãng sanh. Họ là căn tánh Tiểu Thừa, tu pháp Đại Thừa thì nhất thời sẽ chẳng tu nổi, A Di Đà Phật liền ứng theo căn cơ của họ, dạy họ trước hết hãy học pháp môn Tiểu Thừa, tu ba mươi bảy đạo phẩm, muốn cho họ chứng A La Hán trước đã, sau đây mới tiến thêm bước nữa là tu pháp Đại Thừa. Đây là A Di Đà Phật ứng cơ thuyết pháp, phương tiện quyền xảo. Thanh Văn là sơ học, sau đây, họ sẽ tự nhiên tu pháp Đại Thừa.

Hai cách giải thích ấy đều chẳng thể giải quyết nổi nghi hoặc ở đây! Vãng Sanh Luận nói Tây Phương thật sự chẳng có hàng Nhị Thừa, mà cũng chẳng có danh xưng Nhị Thừa, nói rất rõ ràng! Chúng ta giải trừ nổi nghi hoặc này như thế nào? Đức Phật thuyết pháp có Thật và Quyền. Thiên Thân Bồ Tát tán thán sự trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc, đã dựa theo [một sự thật là] Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật chẳng có hàng Nhị Thừa, mà cũng chẳng có danh xưng Nhị Thừa. Đây là nói theo cảnh giới chân thật. Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh Vô Lượng Thọ, nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có rất nhiều đại chúng Thanh Văn, là vì kinh Vô Lượng Thọ được nói trong thế giới Sa Bà. Đây là một kiểu nói theo phương tiện quyền xảo. Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật phải nói theo kiểu quyền xảo ấy? Vì Thích Ca Mâu Ni Phật thuở đầu thuyết pháp độ đệ tử, [các đệ tử] đều tu pháp môn Nhị Thừa. Họ chấp trước pháp môn Nhị Thừa rất mạnh mẽ, cho đến hội Pháp Hoa, hãy còn có một ngàn người lui về. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp hơn bốn mươi năm rồi mới nói kinh Pháp Hoa. Ngài nói đến phẩm Phương Tiện: *“Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết, dẫn dĩ giả danh tự, dẫn đạo u chúng sanh”* (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai cũng chẳng ba, trừ Phật nói phương tiện, chỉ dùng danh tự giả, để hướng dẫn chúng sanh). Nói rõ “chẳng có pháp Nhị Thừa, mà cũng chẳng có pháp tam thừa, chỉ có pháp Nhất Thừa”. Hàng Nhị Thừa vừa nghe bèn như mù, như câm, lại có năm

ngàn người rút lui, quý vị bèn biết là hàng Nhị Thừa chấp trước rất mạnh mẽ. Do đó, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng phương tiện quyền xảo để tiếp dẫn họ, bảo: “Tốt nhất là các vị niệm Phật sanh về Tây Phương. Cõi nước của A Di Đà Phật thanh tịnh, hàng Thanh Văn đại A La Hán giống như quý vị rất nhiều!” khiến cho họ hoan hỷ nghe, có thể niệm Phật sanh về Tây Phương. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật nói Tây Phương Cực Lạc thế giới căn bản là chẳng có hàng Thanh Văn, ai chịu phát tâm niệm Phật sanh về Tây Phương?

Đối với những chỗ kinh điển nói khác nhau, khiến cho nghi hoặc nảy sanh, chúng ta phải nghiên cứu, phải giải trừ thông suốt nỗi nghi hoặc!

(Luận) Trang nghiêm nhất thiết sở cầu mãn túc công đức thành tựu giả, kệ ngôn: “Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc” cố.

(論)莊嚴一切所求滿足功德成就者。偈言：眾生所願樂，一切能滿足故。

(Luận: Trang nghiêm công đức thành tựu hết thảy những điều mong cầu đều được thỏa mãn là như kệ nói: “Điều chúng sanh ưa muốn, hết thảy đều thỏa mãn”).

“Trang nghiêm nhất thiết sở cầu mãn túc công đức thành tựu giả” (Sự trang nghiêm do công đức thành tựu khiến cho hết thảy những điều mong cầu đều được thỏa mãn) là loại trang nghiêm thứ mười bảy. “Kệ ngôn: Chúng sanh sở nguyện nhạo, nhất thiết năng mãn túc cố” (Kệ rằng: “Điều chúng sanh ưa muốn, hết thảy đều thỏa mãn”). Đối với những điều chúng sanh mong mỏi, ưa thích, hết thảy đều có thể thỏa mãn ước nguyện của quý vị. Trong phần trên đã nói mười bảy thứ trang nghiêm, thật ra, không chỉ là mười bảy thứ! Loại cuối cùng này đã bao gồm hết thảy trang nghiêm.

Vì sao y báo và chánh báo của A Di Đà Phật trang nghiêm? Vì chúng sanh trong thế giới Sa Bà bị nung nấu trong tám món khổ, [trong các nỗi khổ], có một thứ là Cầu Bất Đắc Khổ, tức là điều mong cầu chẳng được mãn nguyện. Nói theo phía chúng sanh, có thể nghe Phật pháp, phát Bồ Đề tâm, đã rất ư là khó! Nhưng những điều họ mong cầu nơi pháp thế gian mà còn chẳng thể mãn nguyện! Họ muốn sống sót, nhưng cầu có cái ăn thì chẳng có cái ăn, cầu có áo mặc mà chẳng có áo

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

mặc, cầu có chỗ ở thì chẳng có chỗ ở, chẳng thể giải quyết vấn đề sinh sống. Hằng ngày bươn chải, nhọc nhằn vì cuộc sống, chẳng có thời gian để nghiên cứu Phật pháp, chẳng có thời gian để tu hành, mà cũng chẳng có thời gian để trên là cúng dường Tam Bảo, dưới cứu độ chúng sanh. Bồ Đề tâm mà họ đã phát trở thành nguyện suông! Vì thế, A Di Đà Phật tạo ra Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh về đó, sẽ ăn, mặc, ở, tùy ý tự nhiên, thứ gì cũng đều xứng lòng vừa ý, hết thấy những điều mong cầu đều có thể mãn nguyện.

Trong thế giới Sa Bà, chẳng dễ gì nghe được một chút Phật pháp. Đã phát Bồ Đề tâm, phải thường thân cận thiện tri thức thì mới có thể tiến, chẳng lùi. Nhà Đường là triều đại Phật giáo hưng thịnh tại Trung Hoa, có rất nhiều thiện tri thức và đồng tham đạo hữu, mọi người cùng nhau tu đạo, tự nhiên sẽ chẳng lui sụt, nhưng hiện thời tìm đâu ra đạo hữu tốt đẹp? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát là thiện tri thức của quý vị. Các vị thượng thiện nhân tụ tập một nơi, đều là đồng tham đạo hữu của quý vị, quý vị có thể thân cận bất cứ lúc nào. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nhân duyên gây thoái đạo, chỉ có nhân duyên giúp đỡ tiến bộ. Câu Bát Đắc Khổ trong Phật pháp thì hễ sanh về Tây Phương sẽ chẳng có.

4.2.3.1.2. Thị hiện tự lợi và lợi tha

(Luận) Lược thuyết bỉ A Di Đà Phật quốc độ thập thất chủng trang nghiêm công đức thành tựu, thị hiện Như Lai tự thân lợi ích đại công đức lực thành tựu, lợi ích tha công đức thành tựu cố.

(論)略說彼阿彌陀佛國土十七種莊嚴功德成就。示現如來自身利益大功德力成就，利益他功德成就故。

(Luận: Nói đại lược mười bảy thứ trang nghiêm công đức thành tựu của cõi nước A Di Đà Phật, vì thị hiện sức đại công đức thành tựu lợi ích tự thân và công đức thành tựu lợi ích người khác).

“Lược thuyết bỉ A Di Đà Phật quốc độ thập thất chủng trang nghiêm công đức thành tựu” (Nói đại lược mười bảy thứ trang nghiêm công đức thành tựu của cõi nước A Di Đà Phật): Đây là nói giản lược mười bảy thứ trang nghiêm nơi quốc độ của A Di Đà Phật, nếu nói chi tiết thì sự trang nghiêm nơi quốc độ của A Di Đà Phật sẽ là vô lượng.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

“Thị hiện Như Lai tự thân lợi ích đại công đức lực thành tựu, lợi ích tha công đức thành tựu cố” (Vì thị hiện sức đại công đức thành tựu lợi ích tự thân và công đức thành tựu lợi ích người khác): Tây Phương Cực Lạc thế giới có mười bảy thứ trang nghiêm công đức thành tựu; những thứ ấy đều là do A Di Đà Phật có sức tự lợi và đồng thời Ngài có sức lợi tha mà thành tựu.

A Di Đà Phật có thể tự lợi, mà cũng có thể lợi tha là do Ngài đối trước Thế Tụ Tại Vương Như Lai phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nương theo các nguyện ấy để tu trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thành Phật. Phật có ba thân, một là Pháp Thân, hai là Báo Thân, ba là Hóa Thân. Pháp Thân là cái Thể chân lý, là Thật Tướng Lý Thể. Ngài chứng đắc Thật Tướng Lý Thể, bèn chứng đắc Pháp Thân. Pháp Thân vô hình, vô tướng. Hiện ra tướng thì gọi là Báo Thân. Báo (報) là quả báo, báo đáp Ngài trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đã tu Lục Độ vạn hạnh, đã tu vô lượng vô biên công đức. Ngài đã thành Phật, [Báo Thân chính] là quả báo đáng phải nên hưởng thụ. Hóa Thân là như đức Phật thị hiện kim thân cao một trượng sáu tại Ấn Độ, còn có thể thuận theo căn cơ của chúng sanh mà thị hiện các loại hóa thân.

Những thứ trang nghiêm thanh tịnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do đâu mà có? Từ vô lượng trân bảo tánh trang nghiêm mà ra, chính là quả báo đáng nên hưởng thụ của A Di Đà Phật. Quả báo của Phật bao gồm chánh báo và y báo trang nghiêm. Ví như người có phước báo trong thế gian thì thân thể là chánh báo của người ấy, nhà ở của người ấy là y báo, nhất định rất trang nghiêm. Chẳng hạn như lão pháp sư Đàm Hư tu bổ chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân (Harbin), sửa chùa Bát Nhã tại Trường Xuân, sửa chùa Lăng Nghiêm tại Doanh Khẩu, sửa chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo. Ngài đến đâu bèn tu bổ đến đó. Tu bổ ngôi chùa lớn xong xuôi bèn giao cho người khác. Cuối cùng, Ngài sang Hương Cảng tỵ nạn, người ta tu bổ một ngôi tinh xá đã xây cất hoàn chỉnh giao cho Ngài. Vì Ngài có công đức và phước báo, đi đến chỗ nào cũng sẽ đều chẳng đến nỗi không có chùa để ở!

Báo Thân của đức Phật có thể chia thành hai thứ: Một là Tự Thọ Dụng Báo Thân, hai là Tha Thọ Dụng Báo Thân. Đức Phật phát nguyện lợi ích chúng sanh nên mới thành Phật. Do vậy, Ngài đạt được quả báo để chính mình hưởng thụ, gọi là Tự Thọ Dụng Báo Thân. Đồng thời, đức Phật sẽ lợi ích hết thảy chúng sanh. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là để cho chính Ngài hưởng thụ. Vì độ chúng sanh mà Ngài thành tựu thế giới Cực Lạc. Đây là Tha Thọ Dụng Báo Thân.

Chữ Tha (他, người khác) chỉ hết thầy chúng sanh. Nói theo Tây Phương Cực Lạc thế giới thì hết thầy chúng sanh đều có thể thấy Báo Thân Phật, đều có thể hưởng ké lợi ích từ nơi Báo Thân Phật. Trong nhân gian, phải là Đẳng Địa Bồ Tát thì mới có thể thấy Báo Thân. Bồ Tát chưa đẳng địa (chưa chứng đắc Sơ Địa), [thân Phật do vị Bồ Tát ấy trông thấy] chính là Hóa Thân. Vì thế, Tự Thọ Dụng Báo Thân là tự lợi, Tha Thọ Dụng Báo Thân là lợi tha.

4.2.3.1.3. Nhập Độ Nhất Nghĩa Đế

(Luận) Bỉ Vô Lượng Thọ Phật quốc độ trang nghiêm, Độ Nhất Nghĩa Đế diệu cảnh giới tướng, thập lục cú cập nhất cú, thứ đệ thuyết, ưng tri.

(論)彼無量壽佛國土莊嚴，第一義諦妙境界相，十六句及一句，次第說，應知。

(Luận: Sự trang nghiêm nơi cõi nước của Vô Lượng Thọ Phật chính là tướng cảnh giới màu nhiệm của Độ Nhất Nghĩa Đế, bao gồm mười sáu câu và một câu nói theo thứ tự, hãy nên biết [như thế]).

Mười bảy thứ trang nghiêm tổng kết lại, sẽ là công đức thành tựu hai món lợi, tức tự lợi và lợi tha của A Di Đà Phật. “*Bỉ Vô Lượng Thọ Phật quốc độ trang nghiêm, Độ Nhất Nghĩa Đế diệu cảnh giới tướng*” (Sự trang nghiêm trong quốc độ Vô Lượng Thọ Phật là tướng cảnh giới màu nhiệm Độ Nhất Nghĩa Đế). Độ Nhất Nghĩa Đế là lý chân thật, chẳng hư dối. Lý chân thật chẳng hư dối có hai loại: Một loại là Chân Đế, loại kia là Tục Đế. Nói về đạo lý thế gian thì là Tục Đế (俗諦), nói về đạo lý xuất thế gian thì gọi là Chân Đế (真諦). Độ Nhất Nghĩa Đế là Chân Đế. Tục Đế là dựa theo pháp thế gian để nói thì đạo lý ấy chẳng sai lầm. Dựa trên pháp xuất thế gian để nói, Tục Đế là hư huyền, chẳng thật! Chân Đế không phải là “*hư huyền, chẳng thật*”, mà là Độ Nhất Nghĩa Đế, là lý chân thật, chẳng dối.

Cảnh giới có mười bảy thứ trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là Tục Đế như trong thế giới Sa Bà; đó là tướng diệu cảnh giới. “*Diệu*” (妙) là chẳng thể nghĩ bàn. Mười bảy thứ trang nghiêm ấy vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, cho nên tướng diệu cảnh giới của Tây Phương Cực Lạc thế giới là Diệu Hữu. Diệu Hữu chẳng hữu, tức là Chân Không, là Độ Nhất Nghĩa Đế; nhưng Chân Không chẳng

phải là hư không, chẳng phải là Đoạn Diệt Không, nó có mười bảy thứ trang nghiêm. Vì thế, Chân Không chẳng không, tức là Diệu Hữu. Hết thấy các tướng diệu cảnh giới đều do công đức của A Di Đà Phật thành tựu. Câu này là tổng kết, nhằm bảo chúng ta: Quý vị đừng tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới có lầu gác bảy báu, có hàng cây bảy báu, các thứ trang nghiêm, mà coi chúng như là các thứ vật báu trong thế giới Sa Bà. [Thật ra, những thứ ấy] toàn là tướng cảnh giới mâu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn!

“*Thập lục cú cập nhất cú, thứ đệ thuyết, ưng tri*” (Hãy nên biết mười sáu câu và một câu là nói theo thứ tự): Mười sáu câu ở phía sau và câu đầu tiên trong phần trước, nói theo thứ tự thì câu thứ nhất là “*quán bỉ thế giới tướng, thắng quá tam giới đạo*” (quán tướng thế giới ấy, vượt trội tam giới đạo) chính là Chân Đế, tức tổng tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới là thanh tịnh trang nghiêm. Mười sáu câu kế đó là mười sáu thứ trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải dựa theo thứ tự để quán tưởng. Phải nên biết điều này.

4.2.3.2. Thế của chúng sanh

4.2.3.2.1. Quán Phật

(Luận) Vân hà quán Phật trang nghiêm công đức thành tựu? Quán Phật trang nghiêm công đức thành tựu giả, hữu bát chủng tướng, ưng tri. Hà đẳng bát chủng? Nhất giả, trang nghiêm tòa công đức thành tựu. Nhị giả, trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu. Tam giả, trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu. Tứ giả, trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu. Ngũ giả, trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu. Lục giả, trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu. Thất giả, trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Bát giả, trang nghiêm bất hư tác trụ trì công đức thành tựu.

(論)云何觀佛莊嚴功德成就？觀佛莊嚴功德成就者，有八種相，應知。何等八種？一者莊嚴座功德成就。二者莊嚴身業功德成就。三者莊嚴口業功德成就。四者莊嚴心業功德成就。五者莊嚴大眾功德成就。六者莊嚴上首功德成就。七者莊嚴主功德成就。八者莊嚴不虛作住持功德成就。

(*Luận: Quán sự trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật như thế nào? Quán sự trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật thì có tám loại tướng, hãy nên biết. Những gì là tám loại? Một là trang nghiêm tòa công đức thành tựu. Hai là trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu. Ba là trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu. Bốn là trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu. Năm là trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu. Sáu là trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu. Bảy là trang nghiêm chủ công đức thành tựu. Tám là trang nghiêm công đức thành tựu trụ trì, chẳng thực hiện uống công).*

“*Vân hà quán Phật trang nghiêm công đức thành tựu?*” (Quán sự trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật như thế nào?) Quán tướng công đức thành tựu của A Di Đà Phật như thế nào? “*Quán Phật trang nghiêm công đức thành tựu giả, hữu bát chủng tướng, ưng tri. Hà đẳng bát chủng?*” (Quán sự trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật thì có tám loại tướng, hãy nên biết). Tám loại tướng nào vậy?

- “*Nhất giả, trang nghiêm tòa công đức thành tựu*”: Loại thứ nhất là trước hết hãy quan sát sự trang nghiêm nơi tòa hoa sen của A Di Đà Phật.

- “*Nhị giả, trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu*”: Loại thứ hai là quan sát sự trang nghiêm nơi thân nghiệp của A Di Đà Như Lai.

- “*Tam giả, trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu*”: Loại thứ ba là quan sát sự trang nghiêm nơi khẩu nghiệp của A Di Đà Phật.

- “*Tứ giả, trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu*”: Loại thứ tư là quan sát sự trang nghiêm nơi tâm nghiệp của A Di Đà Phật.

- “*Ngũ giả, trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu*”: Loại thứ năm là quan sát sự trang nghiêm của đại chúng trong quốc độ A Di Đà Phật.

- “*Lục giả, trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu*”: Loại thứ sáu là quan sát sự trang nghiêm của vị thủ lãnh trong đại chúng.

- “*Thất giả, trang nghiêm chủ công đức thành tựu*”: Loại thứ bảy là quan sát sự trang nghiêm của vị chủ nhân thuyết pháp, tức A Di Đà Phật.

- “*Bát giả, trang nghiêm bất hư tác trụ trì công đức thành tựu*”: Loại thứ tám là quan sát sự trang nghiêm do duy trì chẳng hư dối. Tây

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới do A Di Đà Phật khéo duy trì. Chỉ cần quý vị gặp A Di Đà Phật, hoặc là gặp quang minh của A Di Đà Phật, quý vị sẽ có thể đạt được lợi ích, trọn chẵn khiến cho quý vị bị luống uổng! Trước hết là nêu ra từng khoa, dưới đây sẽ giải thích từng khoa một.

(Luận) Hà giả trang nghiêm tòa công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Vô lượng đại bảo vương, vi diệu tịnh hoa đài” cố.

(論)何者莊嚴座功德成就？偈言：無量大寶王，微妙淨華臺故。

(Luận: Trang nghiêm tòa công đức thành tựu là gì? Kệ rằng: “Vô lượng đại bảo vương, đài hoa sạch vi diệu”).

“Hà giả trang nghiêm tòa công đức thành tựu?” (Những gì là trang nghiêm tòa công đức thành tựu): Trang nghiêm nơi tòa hoa sen là gì? “Kệ ngôn: Vô lượng đại bảo vương”: [Nghĩa là] phần Kệ tụng ghi: Pháp tòa của A Di Đà Phật do các đại bảo vương số nhiều đến vô lượng hợp thành. “Vi diệu tịnh hoa đài cố” (Đài hoa sạch vi diệu): Muốn biết căn kẽ tướng trang nghiêm của đài hoa sen, xin hãy xem kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật:

“Dục quán bỉ Phật giả, đương khởi tưởng niệm, ư thất bảo địa thượng, tác liên hoa tướng, linh kỳ liên hoa, nhất nhất diệp thượng, tác bách bảo sắc, hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa. Mạch hữu bát vạn tứ thiên quang, liễu liễu phân minh, giai linh đặc kiến. Hoa diệp tiểu giả, tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần. Như thị liên hoa, cụ hữu bát vạn tứ thiên diệp. Nhất nhất diệp gian, hữu bách ức ma-ni châu vương, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất ma-ni châu, phóng thiên quang minh. Kỳ quang như cái, thất bảo hợp thành, biến phủ địa thượng. Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo dĩ vi kỳ đài. Thử liên hoa đài, bát vạn Kim Cang Chân Thúc Ca bảo, Phạm ma-ni bảo, diệu chân châu võng, dĩ vi hiệu sức. Ư kỳ đài thượng, tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng. Nhất nhất bảo tràng, như bách thiên vạn ức Tu Di sơn. Tràng thượng bảo mạn, như Dạ Ma thiên cung. Phục hữu ngũ bách ức vi diệu bảo châu, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất bảo châu, hữu bát vạn tứ thiên quang. Nhất nhất quang tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc. Nhất nhất kim sắc, biến kỳ bảo độ, xử xử biến hóa, các tác dị tướng. Hoặc vi kim Cang đài, hoặc tác chân châu võng, hoặc tác tạp hoa vân, ư thập phương diện, tùy ý

biến hiện, thi tác Phật sự. Thị vi Hoa Tòa Tướng, danh đệ thất Quán”

(Muốn quán đức Phật ấy, hãy nên dấy lên sự tưởng niệm: Trên đất bảy báu, hãy tưởng hoa sen sao cho trên mỗi cánh của hoa sen có màu của trăm thứ báu, có tám vạn bốn ngàn đường gân giống như nét vẽ cõi trời. Mỗi đường gân có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, rành rẽ, phân minh, sao cho đều trông thấy. Cánh hoa nhỏ thì kích thước là hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa sen như thế có tám vạn bốn ngàn cánh hoa. Trong mỗi cánh hoa, có trăm ức ma-ni châu vương để trang hoàng chói lọi. Mỗi viên ma-ni châu tỏa ra ngàn quang minh. Quang minh ấy như cái lọng, do bảy báu hợp thành, che trọn khắp mặt đất. Chất báu Thích Ca Tỳ Lăng Già làm đài sen. Đài hoa sen ấy trang hoàng bằng tám vạn chất báu Kim Cang Chân Thúc Ca, báu Phạm ma-ni và lưới chân châu đẹp đẽ. Ở trên đài, tự nhiên có bốn trụ tràng báu. Mỗi tràng báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di. Trên tràng, căng màn báu như cung trời Dạ Ma. Lại có năm trăm ức bảo châu vi diệu để trang hoàng chói lọi. Mỗi viên bảo châu có tám vạn bốn ngàn tia sáng. Mỗi tia sáng hóa thành tám vạn bốn ngàn thứ kim sắc khác nhau. Mỗi kim sắc che khắp cõi báu, nơi nơi đều biến hóa thành các tướng trạng khác lạ. Hoặc là đài kim cương, hoặc là lưới chân châu, hoặc là mây các thứ hoa khác nhau, trong khắp mười phương tùy ý biến hiện, thực hiện Phật sự. Đó là Hoa Tòa Tướng, gọi là phép Quán thứ bảy).

Chẳng có thời gian để giải thích đoạn này! Muốn tìm hiểu tình hình cặn kẽ, xin hãy đọc Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký.

(Luận) Hà giả trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Tướng hảo quang nhất tâm, sắc tượng siêu quần sanh” cổ.

(論)何者莊嚴身業功德成就。偈言：相好光一尋，色像超群生故。

(Luận: Sự trang nghiêm do công đức thành tựu nơi thân nghiệp là gì? Kệ nói: “Tướng hảo, quang một tâm, hình sắc trội muôn loài”).

“Hà giả trang nghiêm thân nghiệp công đức thành tựu?” [ý nói] sự trang nghiêm nơi thân nghiệp của A Di Đà Phật là gì? “Kệ ngôn: Tướng hảo quang nhất tâm” (Kệ rằng: “Tướng hảo, quang minh chiếu xa một tâm”): Báo Thân của A Di Đà Phật, thân có vô lượng tướng,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

mỗi tướng có vô lượng hảo, mỗi hảo có vô lượng quang minh. “*Quang*” nói ở đây chẳng phải là vô lượng quang. “*Vô lượng quang*” là tỏa ra quang minh vô lượng vô biên, chiếu trọn khắp mười phương thế giới. Ở đây là nói đến “*thường quang*” của Ngài, tức là quang minh vĩnh viễn trên thân thể Ngài. “*Một tâm*” là độ dài khi duỗi thẳng hai tay ra, cao bằng thân lượng của Ngài.

Muốn quan sát sự trang nghiêm nơi thân lượng của A Di Đà Phật, xin hãy xem kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật:

“Thứ đương cánh quán Vô Lượng Thọ Phật thân tướng quang minh. A Nan đương tri! Vô Lượng Thọ Phật, thân như bách thiên vạn ức Dạ Ma thiên Diêm Phù Đàn kim sắc. Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Mi gian bạch hào, hữu toàn uyển chuyển, như ngũ Tu Di sơn. Phật nhãn như tứ đại hải thủy, thanh bạch phân minh. Thân chư mao không, diễn xuất quang minh, như Tu Di sơn. Bỉ Phật viên quang, như bách ức tam thiên đại thiên thế giới. U viên quang trung, hữu bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật. Nhất nhất hóa Phật, diệc hữu chúng đa vô số hóa Bồ Tát, dĩ vi thị giả. Vô Lượng Thọ Phật, hữu bát vạn tứ thiên tướng. Nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. Nhất nhất hảo trung, phục bát vạn tứ thiên quang minh; nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả. Kỳ quang minh, tướng hảo, cập dữ hóa Phật, bất khả cụ thuyết. Đản đương ức tướng, linh tâm nhãn kiến. Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật. Dĩ kiến chư Phật cố, danh Niệm Phật tam-muội. Tác thị quán giả, danh quán nhất thiết Phật thân. Dĩ quán Phật thân cố, diệc kiến Phật tâm. Phật tâm giả, đại từ bi thị. Dĩ vô duyên từ, nhiếp chư chúng sanh. Tác thử quán giả, xả thân tha thế, sanh chư Phật tiền, đắc Vô Sanh Nhân. Thị cố trí giả, ưng đương hệ tâm, để quán Vô Lượng Thọ Phật. Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, từng nhất tướng hảo nhập, đản quán mi gian bạch hào, cực linh minh liễu. Kiến mi gian bạch hào tướng giả, bát vạn tứ thiên tướng hảo, tự nhiên đương hiện. Kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật. Đắc kiến vô lượng chư Phật cố, chư Phật hiện tiền thọ ký. Thị vi biến quán nhất thiết sắc thân tướng, danh đệ cửu Quán”

(Kê đến hãy lại quán thân tướng và quang minh của Vô Lượng Thọ Phật. A Nan hãy nên biết! Thân Vô Lượng Thọ Phật có màu như chất vàng Diêm Phù Đàn trong trăm ngàn vạn ức cõi trời Dạ Ma. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Tướng bạch

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

hào giữa mày cuộn tròn theo chiều phải, [to] như năm quả núi Tu Di. Mắt Phật như nước bốn biển, xanh trắng phân minh. Các lỗ chân lông trên thân tỏa quang minh như núi Tu Di. Viên quang của đức Phật ấy như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới. Ở trong viên quang, có trăm vạn ức na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật. Mỗi vị hóa Phật cũng có đông đảo vô số hóa Bồ Tát để làm thị giả. Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi hảo, lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi quang minh chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ. Quang minh, tướng hảo cùng với hóa Phật chẳng thể nói trọn; chỉ nên nhớ tưởng khiến cho tâm nhãn trông thấy. Thấy sự ấy chính là thấy mười phương hết thảy chư Phật. Do thấy chư Phật, gọi là Niệm Phật tam-muội. Quán như thế ấy gọi là “quán thân của hết thảy các vị Phật”. Do quán thân Phật, cũng thấy tâm Phật. Tâm Phật là đại từ bi, dùng Vô Duyên Từ nhiếp thủ các chúng sanh. Hành phép Quán này, xả thân sanh sang đời khác, sẽ sanh trước chư Phật, đặc Vô Sanh Nhẫn. Vì thế, người có trí hãy nên buộc tâm quán kỹ Vô Lượng Thọ Phật. Để quán Vô Lượng Thọ Phật thì hãy từ một tướng hảo mà nhập, chỉ quán tướng bạch hào giữa hai mày sao cho tốt bậc rõ rệt. Thấy tướng bạch hào giữa hai mày thì tám vạn bốn ngàn tướng hảo sẽ tự nhiên hiện ra. Thấy Vô Lượng Thọ Phật chính là thấy mười phương vô lượng chư Phật. Do được thấy vô lượng chư Phật, chư Phật hiện tiền thọ ký. Đây là quán trọn khắp hết thảy tướng sắc thân, gọi là phép Quán thứ chín”).

Muốn tìm hiểu cặn kẽ đoạn này, cũng xin hãy tìm đọc Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký.

“*Sắc tượng siêu quần sanh cổ*” (Hình sắc vượt trời các loài chúng sanh): Sắc thân và tướng mạo của A Di Đà Phật không chỉ vượt trời, người, mà còn vượt các vị đại Bồ Tát.

(Luận) Hà giả trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Như Lai vi diệu thanh, phạm hưởng văn thập phương cổ”.

(論)何者莊嚴口業功德成就?偈言:如來微妙聲,梵響聞十方故。

(Luận: Những gì là sự trang nghiêm do công đức thành tựu nơi khẩu nghiệp? Kệ rằng: “Tiếng Như Lai vi diệu, âm Phạm vọng mười

phương”).

“*Hà giả trang nghiêm khẩu nghiệp công đức thành tựu?*” [nghĩa là] những gì là sự trang nghiêm nơi khẩu nghiệp của A Di Đà Phật? “*Kệ ngôn: Như Lai vi diệu thanh, phạm hưởng văn thập phương cố*” (Kệ rằng: “Tiếng Như Lai vi diệu, âm Phạm vọng mười phương”). Âm thanh thuyết pháp của Như Lai rất vi diệu, là âm thanh thanh tịnh, có thể nghe thấu trọn khắp mười phương thế giới.

(Luận) Hà giả trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu?
Kệ ngôn: “Đồng địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt cố”. Vô phân biệt giả, vô phân biệt tâm cố.

(論)何者莊嚴心業功德成就？偈言：同地水火風虛空無分別故。無分別者，無分別心故。

(Luận: Những gì là sự trang nghiêm do công đức thành tựu nơi tâm nghiệp? Kệ rằng: “Như đất, nước, lửa, gió, hư không vô phân biệt”. Vô phân biệt là chẳng có cái tâm phân biệt).

“*Hà giả trang nghiêm tâm nghiệp công đức thành tựu?*”: Những gì là sự trang nghiêm nơi tâm nghiệp của A Di Đà Phật? “*Kệ ngôn: Đồng địa, thủy, hỏa, phong, hư không vô phân biệt cố*” (Kệ rằng: “Như đất, nước, lửa, gió, hư không vô phân biệt”). Tâm A Di Đà Phật là tâm vô phân biệt. Ngài độ chúng sanh giống như Ngũ Đại, tức đất, nước, lửa, gió, hư không, chẳng có phân biệt!

Kế đó, [Thiên Thân Bồ Tát] giải thích: “*Vô phân biệt giả, vô phân biệt tâm cố*” (“Vô phân biệt” là không có cái tâm phân biệt). Chẳng có phân biệt là vì chẳng có duyên dây lên cái tâm phân biệt. Trong phần Kệ Tụng trước, tôi đã nói đất, nước, lửa, gió, và hư không đều có thể lợi ích chúng sanh. Ý nghiệp của A Di Đà Phật giống như đất, nước, lửa, gió, và hư không, chẳng có tâm phân biệt. A Di Đà Phật thành tựu cái tâm chẳng phân biệt bằng cách nào? Ngài ra tay dụng công bèn tu hành đúng như Thật Tướng, chẳng dây lòng phân biệt, dụng công đến mức chứng đắc Căn Bản Trí. Trí ấy được gọi là Vô Phân Biệt Trí. Khi đó, Ngài thành Phật, chẳng phải là thành A La Hán, mục đích là muốn độ chúng sanh. Ngài từ Căn Bản Trí lại khởi Hậu Đắc Trí, có thể ứng cơ thuyết pháp, [tức là] gặp được chúng sanh có căn cơ như thế nào, bèn thuyết pháp như thế ấy. Chẳng có phân biệt thì

thuyết pháp bằng cách nào? Chính là từ Căn Bản Trí khởi diệu dụng (Căn Bản Trí là trí huệ căn bản, là trí huệ thành Phật. Sau khi đã đắc Căn Bản Trí bèn khởi diệu dụng thì gọi là Hậu Đắc Trí).

Chúng ta học theo cách nào? Chúng ta vẫn chưa thành Phật, còn chưa đắc Vô Phân Biệt Trí; trước hết, hãy học theo Bồ Tát như thật tu hành, [dầu] gặp gỡ, thấy hết thấy các tướng thế gian, chớ nên chấp tướng. Đây là phương pháp để thực hiện, còn phải chia theo thứ tự. Trước hết, hãy đừng chấp tướng thế gian, rồi thì chẳng chấp tướng xuất thế gian. Thiên Tông Trung Hoa vừa hạ thủ bèn bảo quý vị đừng chấp trước, hết thấy đừng nên chấp tướng thì mới có thể tinh tấn. Nhưng kẻ chẳng đủ căn cơ mà không khéo học, sẽ học điên đảo. Họ trông thấy kẻ khác tu hành liền chê trách. Quý vị thấp hương, dâng cúng, kẻ ấy sẽ bảo: “Chấp tướng làm chi chớ? Phật còn cần người thấp nhang, cung phụng hả?” Nếu quý vị lạy Phật, niệm kinh, kẻ ấy nói: “Chấp tướng làm chi chớ? Phật ở trong tâm người, lạy gì chớ?” Do vậy, chỗ nào cũng đều chẳng chấp tướng, bài bác hết sạch Phật pháp! Kẻ đó nói mình chẳng chấp trước, kết quả là uống rượu ăn thịt vung vít, học Phật pháp mà học thành đại tà kiến. Đây chẳng phải là tri kiến điên đảo ư?

Chúng ta là phàm phu lè tè sát đất, trước hết, đừng nên chấp tướng “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”. Năm thứ ấy là năm cái rễ của địa ngục! Quý vị chấp trước chúng bèn tạo nghiệp; hề tạo nghiệp, sẽ đọa địa ngục. Trước hết, đừng nên tham tài. Vì sao phàm phu đều tham tài? Chấp tướng của tài. Vì sao tham sắc? Chấp tướng của sắc. Vì sao phải tham ăn thịt chúng sanh? Chấp tướng ăn uống. Vì sao phải tham danh? Chấp tướng của danh. Vì sao phải tham ngủ? Chấp tướng của ngủ. Trước hết, hãy thực hiện từ chỗ này: Đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đừng nên tham nhiều, chỉ cần tu tốt đẹp năm thứ ấy, sẽ có thể tu hành. Trước hết, hãy phá trừ tướng của năm thứ ác pháp ấy, có thể thấy thấu suốt, buông xuống. Lại tiến thêm bước nữa, hết thấy các ác pháp đều chẳng làm. Vậy thì thiện pháp thì sao? Đối với thiện pháp và ác pháp như nhau, đều phải buông xuống. Quý vị đừng nên chấp trước thiện pháp thế gian, đừng nên cầu quả báo nhân thiên. Lại tiến hơn bước nữa, quý vị đừng nên chấp trước thiện pháp xuất thế gian, đừng nên cầu quả báo nhân thiên. Lại tiến hơn bước nữa, đừng nên chấp trước thiện pháp xuất thế gian, đừng nên cầu quả báo của hàng Tiểu Thừa, những thiện pháp đã tu thấy đều hồi hướng Phật quả Bồ Đề.

Hiện thời, chúng ta tu Tịnh Độ Tông, đừng làm các điều ác, vâng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

làm các điều lành, trên là cúng Tam Bảo, dưới cứu chúng sanh. Bất luận thiện sự lớn hay thiện sự nhỏ đều làm, tu không chấp tướng, những công đức đã tu đều hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Nếu không, hễ chấp trước, sẽ chẳng sanh về Tây Phương được, sẽ rơi vào thế giới Sa Bà, biến thành công đức hữu lậu, đạt được quả báo trời, người. Vì thế đừng nên chấp trước tướng ác pháp, mà tướng thiện pháp cũng đừng nên chấp.

Sanh về Tây Phương đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, lại trở về độ chúng sanh, tự nhiên là chẳng chấp tướng. Khi chưa sanh về Tây Phương, chúng ta là phàm phu, chẳng chấp tướng bằng cách nào? Ví như quý vị muốn hoằng dương Phật pháp hồng lợi ích chúng sanh, chớ nên chấp tướng. Hễ quý vị chấp tướng bèn sanh phiền não. Chớ nên chấp tướng thì có cần phải hoằng pháp lợi sanh hay không? Đã phát Bồ Đề tâm, đương nhiên là phải hoằng pháp lợi sanh, nhưng đừng nên chấp trước. Như thế thì sẽ tùy thuận Căn Bản Trí của Phật. Trong tương lai thành Phật bèn chứng đắc Căn Bản Trí, tức là Vô Phân Biệt Trí. Kinh Kim Cang nói: *“Ta hãy nên diệt độ hết thấy chúng sanh. Đã diệt độ hết thấy chúng sanh, nhưng chẳng có một chúng sanh thật sự diệt độ”*. Ta độ hết thấy chúng sanh đều thành Phật; thật ra, chẳng có một chúng sanh đặc độ, tức là đối với hành môn chẳng khởi tâm phân biệt.

Đức Phật chẳng khởi phân biệt, chúng ta làm như thế nào? Kinh Kim Cang dạy chúng ta: *“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* (Hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm). Quý vị hoằng pháp lợi sanh, tuyệt đối đừng nên chấp trước; nhưng đừng nên vì chẳng chấp trước mà rơi vào đoạn diệt, vẫn phải sanh tâm hoằng pháp lợi sanh. Như thế thì suốt ngày hoằng pháp lợi sanh, nhưng suốt ngày chẳng chấp trước, trong tương lai thành Phật, tâm quý vị chẳng phân biệt.

(Luận) Hà giả trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh” cố.

(論)何者莊嚴大眾功德成就？偈言：天人不動眾，清淨智海生故。

(Luận: Những gì là sự trang nghiêm nơi công đức thành tựu của đại chúng? Kệ rằng: “Chúng trời người bất động, biển trí thanh tịnh sanh”).

“Hà giả trang nghiêm đại chúng công đức thành tựu?” Những

gì là sự trang nghiêm của đại chúng? “*Kệ ngôn: Thiên nhân bất động chúng*” (Kệ rằng: “Chúng trời người bất động”). Hết thầy chúng sanh chia thành ba loại lớn:

1) Một loại là Tà Định Tụ, chắc chắn là tà, họ chẳng tin tưởng chánh pháp.

2) Một loại khác là Bất Định Tụ, có lúc tiên, có lúc thoái.

3) Một loại nữa là Chánh Định Tụ. Đã nhập Chánh Định Tụ, tuyệt đối sẽ chẳng lui sụt nữa.

Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có chúng sanh trong thiên đạo và nhân đạo, thầy đều là chúng sanh thuộc Chánh Định Tụ, là đại chúng bất động. “*Thanh tịnh trí hải sanh cố*” (Sanh từ biển trí thanh tịnh), đại chúng trời, người đều xuất sanh từ biển trí huệ thanh tịnh của A Di Đà Phật. Vì thế, đại chúng trời người được gọi là Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

(Luận) Hà giả trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Nhu Tu Di sơn vương, thắng diệu vô quá giả” cố.

(論)何者莊嚴上首功德成就？偈言：如須彌山王，勝妙無過者故。

(Luận: Những gì là sự trang nghiêm nơi công đức thành tựu của bậc thượng thủ? Kệ rằng: “Nhu núi chúa Tu Di, thắng diệu không chi hơn”).

“Hà giả trang nghiêm thượng thủ công đức thành tựu?” Những gì là sự trang nghiêm của bậc thượng thủ? “*Thượng thủ*” (上首) là đại đệ tử. “*Kệ ngôn: Nhu Tu Di sơn vương*” (Kệ rằng: “Nhu núi chúa Tu Di”). Các đại đệ tử giống như núi, bậc thượng thủ giống như vua của các quả núi. “*Thắng diệu vô quá giả cố*” (Thù thắng, nhiệm màu, không ai hơn được), giống như Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát đều là thượng thủ. Bậc thượng thủ thù thắng vi diệu, chẳng có ai vượt trội được!

(Luận) Hà giả trang nghiêm chủ công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Thiên nhân trượng phu chúng, cung kính nhiễu chiêm ngưỡng” cố.

(論)何者莊嚴主功德成就？偈言：天人丈夫眾，恭敬

繞瞻仰故。

(Luận: Những gì là trang nghiêm chủ công đức thành tựu? Kệ rằng: “Chúng trượng phu trời người, cung kính vây quanh chiêm ngưỡng”).

“Hà giả trang nghiêm chủ công đức thành tựu?” Những gì là sự trang nghiêm của bậc chủ nhân thuyết pháp? “Kệ ngôn: Thiên nhân trượng phu chúng, cung kính nhiều chiêm ngưỡng cố” (Kệ rằng: “Chúng trời người trượng phu, cung kính vây quanh chiêm ngưỡng”): Đại chúng trời người đều là trượng phu, cung kính lễ bái, vây quanh chiêm ngưỡng A Di Đà Phật. Vì thế, bậc chủ nhân thuyết pháp là A Di Đà Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn.

(Luận) Hà giả trang nghiêm bất hư tác trụ trì công đức thành tựu? Kệ ngôn: “Quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả, năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải” cố.

(論)何者莊嚴不虛作住持功德成就？偈言：觀佛本願力，遇無空過者，能令速滿足，功德大寶海故。

(Luận: Những gì là sự trang nghiêm của công đức thành tựu trụ trì chẳng uổng công thực hiện? Kệ rằng: “Quán sức bốn nguyện Phật, gặp gỡ chẳng luống uổng, có thể mau thỏa nguyện, biển công đức báu lớn”).

“Hà giả trang nghiêm bất hư tác trụ trì công đức thành tựu?” Những gì là sự trang nghiêm trụ trì chẳng uổng công thực hiện? “Kệ ngôn: Quán Phật bốn nguyện lực” (Kệ rằng: “Quán sức bốn nguyện của Phật”): Quý vị quán sức bốn nguyện của A Di Đà Phật. A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng đều độ chúng sanh. Chúng ta học theo A Di Đà Phật mà phát nguyện, cũng phải là “nguyện nào cũng đều độ chúng sanh”. “Ngộ vô không quá giả” [nghĩa là] quý vị gặp gỡ A Di Đà Phật, Phật nhất định khiến cho những điều mong cầu của quý vị được như nguyện, quý vị sẽ chẳng luống uổng, nhất định đạt được lợi ích công đức. “Năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải cố” (Biển công đức báu lớn có thể khiến cho mau mãn nguyện). Quý vị học theo A Di Đà Phật phát nguyện, nguyện nào cũng đều vì độ chúng sanh, sẽ tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. A Di Đà Phật sẽ rất nhanh chóng gia bị quý vị, những điều cầu nguyện của quý vị sẽ có thể được thỏa mãn rất nhanh chóng. Công đức

của A Di Đà Phật giống như đại như ý bảo, câu gì được nấy, rất sâu, rất rộng, giống như biển cả.

(Luận) Tức kiến bỉ Phật, vị chứng tịnh tâm Bồ Tát, tất cánh đắc chứng bình đẳng Pháp Thân. Dĩ tịnh tâm Bồ Tát, dĩ thượng địa chư Bồ Tát, tất cánh đồng đắc tịch diệt bình đẳng cố.

(論)即見彼佛，未證淨心菩薩，畢竟得證平等法身。與淨心菩薩，與上地諸菩薩，畢竟同得寂滅平等故。

(Luận: Liên thấy đức Phật ấy, hàng Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm, rốt ráo sẽ chứng bình đẳng Pháp Thân, rốt ráo cùng với bậc tịnh tâm Bồ Tát và các vị Bồ Tát đã đẳng địa cùng đắc tịch diệt bình đẳng).

Kế đó là giải thích: “Bồ Tát chưa chứng đắc tịnh tâm” và “tịnh tâm Bồ Tát” có gì khác biệt? “Tịnh tâm Bồ Tát” là Đại Thừa Bát Địa Bồ Tát. Cái tâm của bọn phàm phu chúng ta bị tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tham, sân, si nhiều loạn, ô nhiễm, tâm chẳng thanh tịnh. Đạt tới Bát Địa Bồ Tát thì cái tâm mới có thể trừ sạch lòng tham tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Hàng Bồ Tát “chưa chứng tịnh tâm” là Đại Thừa Thất Địa Bồ Tát. Cần phải học Phật pháp theo từng tầng, tu theo từng tầng. Thất Địa Bồ Tát vẫn chưa thành Phật, trí huệ và phước báo đều chẳng đầy đủ. Muốn độ chúng sanh mà trí huệ lẫn phước báo chẳng đủ! Vị ấy phải nhập tam-muội, trí huệ và phước báo gia tăng thì mới có thể lợi ích chúng sanh xứng tâm thỏa ý. Thất Địa Bồ Tát phải tác ý, tức là trong tâm dấy lên ý niệm: “Ta phải nhập tam-muội để lợi ích chúng sanh”. Chỗ sai biệt giữa Thất Địa và Bát Địa Bồ Tát là [Thất Địa Bồ Tát] phải tác ý nhiều. “Tác ý” (作意) là trong tâm suy nghĩ: “Ta phải nhập Định”. Bậc đã chứng đắc Bát Địa Bồ Tát thì đi, đứng, ngồi, nằm thường ở trong Định, chẳng cần phải sanh tâm động niệm “ta phải nhập Định” rồi mới nhập Định. Bát Địa Bồ Tát tùy ý tự nhiên, tam-muội do quả báo mà đạt được thì gọi là “báo sanh tam-muội” (報生三昧), giống như quý vị sanh lên cõi trời bèn tự nhiên có hết thảy các sự hưởng thụ. Vì thế, Bát Địa Bồ Tát chẳng cần sanh tâm động niệm mà tinh tấn. Thất Địa Bồ Tát còn phải tác ý, do chưa đắc tịnh tâm. Bát Địa Bồ Tát không cần tác ý, tự nhiên nhập tam-muội, cho nên gọi là “tịnh tâm Bồ Tát”.

Lại giảng về lời Luận, “tức kiến bỉ Phật, vị chứng tịnh tâm Bồ Tát, tất cánh đắc chứng bình đẳng Pháp Thân” (liên thấy đức Phật ấy,

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

hàng Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm rốt ráo sẽ chứng Pháp Thân bình đẳng): Quý vị chưa chứng đắc Bát Địa, chỉ cần thấy A Di Đà Phật, Ngài nhất định sẽ khiến cho quý vị chứng Bát Địa, sẽ không khiến cho quý vị bị luống công. Chưa chứng Bát Địa Bồ Tát thì còn có cái tâm để thực hiện việc nhập Định, còn có cái tâm là đối tượng để nhập Định, tức là có Năng, có Sở, tức là có sai biệt, chẳng bình đẳng. Bát Địa Bồ Tát tùy ý tự nhiên đắc tam-muội, chứng đắc Pháp Thân bình đẳng. Do vậy, tâm Ngài bình đẳng.

“*Dữ tịnh tâm Bồ Tát, dữ thượng địa chư Bồ Tát*” (Cùng với tịnh tâm Bồ Tát và bậc Bồ Tát đã đăng địa): Trước khi chứng Bát Địa thì gọi là Phần Chứng, từ Bát Địa Bồ Tát trở lên, còn có Cửu Địa Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, và Đăng Giác Bồ Tát, khi ấy đã bình đẳng chứng đắc, giống hết như các vị Bồ Tát khác đã chứng từ Bát Địa trở lên. “*Tát cánh đồng đắc tịch diệt bình đẳng*” (Rốt ráo cùng đắc tịch diệt bình đẳng), “*tịch diệt*” (寂滅) là bất sanh bất diệt, là Pháp Thân của chư Phật. “*Bình đẳng*” là vô sai biệt. Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm, chỉ cần thấy A Di Đà Phật, sẽ chứng đắc Pháp Thân bình đẳng nơi Niết Bàn của chư Phật giống y hết!

(Luận) *Lược thuyết bát cú thị hiện Như Lai tự lợi lợi tha công đức trang nghiêm thứ đệ thành tựu, ưng tri.*

(論)略說八句示現如來自利利他功德莊嚴次第成就，應知。

(**Luận:** Nói đại lược tám câu thị hiện công đức trang nghiêm tự lợi và lợi tha của Như Lai, thành tựu theo thứ tự, hãy nên biết [như thế]).

“*Lược thuyết bát cú*” (Nói đại lược tám câu): Tám câu trước đó nhằm nói giản lược rõ ràng về công đức của A Di Đà Phật. “*Thị hiện Như Lai tự lợi lợi tha công đức trang nghiêm*” (Thị hiện sự công đức trang nghiêm tự lợi và lợi tha của Như Lai), nêu rõ công đức trang nghiêm tự lợi và lợi tha của A Di Đà Phật. “*Thứ đệ thành tựu, ưng tri*” (Theo thứ tự mà thành tựu, hãy nên biết [như thế]), chính là để quán tưởng: Trước hết, phải quán tưởng tòa hoa sen, sau đó là quán thân nghiệp, lại quán khâu nghiệp, lại quán ý nghiệp. Quán tưởng theo thứ tự, quan sát thành tựu, hãy nên biết [như thế].

4.2.3.2.2. Quán Bồ Tát

(Luận) Vân hà quan sát Bồ Tát trang nghiêm công đức thành tựu? Quan sát Bồ Tát trang nghiêm công đức thành tựu giả, quán bỉ Bồ Tát hữu tứ chủng chánh tu hành công đức thành tựu, ưng tri. Hà giả vi tứ?

(論)云何觀察菩薩莊嚴功德成就？觀察菩薩莊嚴功德成就者，觀彼菩薩有四種正修行功德成就，應知。何者為四？

(Luận: Quan sát công đức trang nghiêm của Bồ Tát như thế nào? Quan sát công đức trang nghiêm của Bồ Tát là quán các vị Bồ Tát ấy có bốn công đức thành tựu tu hành chân chánh, hãy nên biết. Những gì là bốn?)

Dùng trí huệ để quan sát sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sự trang nghiêm nơi y báo chính là quốc độ Tây Phương Cực Lạc thế giới, chánh báo là đấng pháp vương A Di Đà Phật có tám thứ công đức [trong phần trên] đã nói rồi; nay lại quan sát hàng Bồ Tát có bốn thứ công đức.

“*Vân hà quan sát Bồ Tát trang nghiêm công đức thành tựu?*” [ý nói] quan sát sự trang nghiêm của hàng Bồ Tát như thế nào? “*Quan sát Bồ Tát trang nghiêm công đức thành tựu giả, quán bỉ Bồ Tát hữu tứ chủng chánh tu hành công đức thành tựu, ưng tri*” (Quan sát sự trang nghiêm do công đức thành tựu thì hãy quán các vị Bồ Tát ấy có bốn thứ công đức tu hành chân chánh thành tựu, hãy nên biết). Quan sát bốn thứ công đức thành tựu của các vị Bồ Tát ấy, phải chú ý ba chữ “*chánh tu hành*” (正修行). Công đức thành tựu là kết quả, Bồ Tát thành tựu công đức như thế nào? Chánh tu hành. “*Chánh tu hành*” là chẳng tà, chẳng thiên lệch. “*Tà*” (邪) là cảnh giới hữu lậu, đều là những thiện pháp nhân thiên, kết quả của tu tập là rơi vào tam giới. Tuy coi là chuyện tốt đẹp; thật ra, chẳng phải là chuyện tốt đẹp! Đây là tà chấp, giống như ngoại đạo tu hành chẳng thể ra khỏi tam giới, gọi là “*tà ma, ngoại đạo*”. Nhị Thừa thoát khỏi tam giới, nhưng thiên lệch, chẳng thể lợi ích chúng sanh. Bồ Tát tu hành đúng như Thật Tướng thì mới là sự tu hành chánh đáng. Trong phần sau, [bộ luận này] có giải thích: Đúng như Thật Tướng Lý Thể chẳng tu mà tu, khi tu hành chẳng chấp tướng thì mới gọi là “*chánh tu hành*”. “*Hà giả vi tứ?*”: Những gì là bốn thứ

chánh tu hành để thành tựu công đức?

(Luận) Nhất giả, u nhất Phật độ, thân bất động dao, nhi biến thập phương chủng chủng ứng hóa, như thật tu hành, thường tác Phật sự. Kệ ngôn: “An Lạc quốc thanh tịnh, thường chuyển vô cấu luân, hóa Phật, Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì” cố, khai chư chúng sanh ử nê hoa cố.

(論)一者於一佛土身不動搖，而遍十方種種應化，如實修行，常作佛事。偈言：安樂國清淨，常轉無垢輪，化佛菩薩日，如須彌住持故，開諸眾生淤泥華故。

(Luận: Một là trong một cõi Phật, thân chẳng lay động, mà ứng hóa đủ mọi thứ trọn khắp mười phương, như thật tu hành, thường làm Phật sự. Kệ rằng: “Cõi An Lạc thanh tịnh, thường chuyển vô cấu luân, hóa Phật Bồ Tát nhật, như Tu Di trụ trì”, nở hoa trong bùn lầy cho chúng sanh).

Đây là loại công đức thứ nhất của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Nhất giả u nhất Phật độ*” (Một là trong một cõi Phật): Hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ giáo hóa [chúng sanh] trong một thế giới thuộc khu vực giáo hóa của một đức Phật, [chẳng hạn] như thế giới Sa Bà là thế giới được giáo hóa bởi Thích Ca Mâu Ni Phật, Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới được giáo hóa bởi A Di Đà Phật. “*Thân bất động dao*” (Thân chẳng lay động): Bồ Tát nhập Định trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân thể chẳng lay động. “*Nhi biến thập phương chủng chủng ứng hóa*” (Mà ứng hóa đủ thứ trọn khắp mười phương): Ngài có thể phân thân trọn khắp mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, căn cơ của chúng sanh khác nhau, Ngài giáo hóa chúng sanh thích ứng với căn cơ của họ.

“*Như thật tu hành*” chính là “*chánh tu hành*”, [tức là] tu hành đúng với Thật Tướng. Thật Tướng là Chân Như Lý Thể, vì phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Chân Như Lý Thể là tướng chân thật, cho nên gọi là Thật Tướng. Nhưng Thật Tướng là pháp vô tướng, trong ấy có trọn đủ hết thảy các công đức. Đây gọi là “*Thật Tướng vô tướng, nhưng chẳng phải là không có tướng*”. “*Tu hành đúng như Thật Tướng*” là khi tu hành thì chẳng chấp tướng, tự nhiên có thể thành tựu công đức. Đó là tùy thuận Thật Tướng Lý Thể để tu, chẳng chấp tướng thì sẽ tùy thuận Thật Tướng. Vì thế, tùy thuận Thật Tướng mà tu hành

chính là “*không tu mà tu*”. Chẳng chấp trước tướng tu hành, tùy ý tự nhiên có thể trọn đủ hết thảy các công đức.

“*Như thật tu hành*” là Bồ Tát tự lợi. “*Thường tác Phật sự*” (Thường làm Phật sự) là lợi tha. Bồ Tát thường đến mười phương thế giới giáo hóa hết thảy chúng sanh. Căn cơ của chúng sanh chẳng đồng nhất, đương nhiên là phải dùng phương tiện quyền xảo, tùy thuận căn cơ của chúng sanh để giáo hóa đủ mọi cách, nhưng mục đích đều là khiến cho hết thảy chúng sanh thành Phật. Trong phần trước, tôi đã nhắc tới cách thực hiện công phu: Quý vị đừng nên chấp tướng. Trước hết là đừng chấp tướng của các ác pháp. Đầu tiên, trước hết, hãy buông xuống những thứ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Lại còn chẳng chấp tướng thiện pháp thế gian. Thiện pháp thế gian đều là pháp hữu lậu, đừng nên chấp tướng. Lại chẳng chấp trước đạo Nhị Thừa, đừng nên chấp trước Thiên Không Niết Bàn của Nhị Thừa. Tiến hơn bước nữa, hằng ngày tu pháp Đại Thừa, khi chưa đạt đến thành Phật thì sẽ chẳng ngưng dứt, nhưng chẳng chấp tướng. Tuân theo thứ tự như vậy, chẳng phải là vừa tu tập bèn nói luông tuông là “*không chấp tướng*”, nhưng chẳng tu hành, tự nhiên sẽ tạo ác nghiệp, trong tương lai nhất định sẽ đọa địa ngục. Vì thế, đừng nên chấp tướng. Trước hết, đừng nên chấp tướng của các ác pháp; sau đấy, đừng chấp tướng thiện pháp thế gian, rồi đừng chấp pháp Nhị Thừa, rồi lại chẳng chấp pháp Đại Thừa. Dựa theo thứ tự như thế mà tu hành.

Chúng ta nghe pháp Đại Thừa, vì sao chớ nên chấp trước? Vì hễ chấp tướng, sẽ chẳng tương ứng với Thật Tướng. Như thật tu hành, sẽ tương ứng, sẽ ứng hợp Thật Tướng Lý Thể. Nếu chúng ta mong thành Phật thì phải chứng đắc Thật Tướng Lý Thể. Quý vị chứng đắc pháp Thật Tướng Lý Thể, dùng pháp ấy làm thân thì gọi là Pháp Thân. Chứng đắc Pháp Thân, quý vị mới có thể thành Phật. Quý vị chẳng tương ứng, chẳng khế hợp Pháp Thân, làm sao có thể chứng đắc Thật Tướng Lý Thể cho nổi? Do vậy, tu hành quyết chớ nên chấp tướng. Nói “*chẳng chấp tướng*” nhưng trọn chẳng tu hành thì vẫn là một tên đại phạm phu, quý vị chẳng thành Phật. Quý vị tu hành chấp tướng, tu Lục Độ vạn hạnh, đều là công hạnh của Bồ Tát, kết quả là hễ chấp tướng, sẽ biến thành pháp hữu lậu, rơi vào trong tam giới. Vì thế, tu pháp môn Đại Thừa, hãy tận hết sức tu Lục Độ vạn hạnh, nhưng chẳng được chấp tướng. Đây gọi là “*như thật tu hành*”.

Nếu quý vị có thể như thật tu hành thì là đúng. Nếu quý vị chẳng như thật tu hành, tu hành chấp tướng, nay tôi lấy pháp sư làm thí dụ, hễ

chấp tướng thì:

1) Một là không tiến bộ, cứ ngỡ chính mình có thể giảng kinh, [nhưng thật ra] chẳng thể tiến bộ! Vì [vi pháp sư ấy] giảng kinh toàn là dựa theo kinh văn để hiểu nghĩa, chính mình thì căn bản là chẳng minh tâm kiến tánh, chẳng đại triệt đại ngộ. Lý Thật Tướng là như thế nào? Trước là ngộ, sau là chứng, đừng nên nói là “không chứng được”. [Nếu như] chính mình chẳng ngộ lý được, làm sao có thể chứng đắc quả vị thánh nhân cho nổi? Chúng ta đều là hạng phàm phu lè tè sát đất, nương theo đạo lý do đức Phật đã nói để giải thích; chúng ta biết bao nhiêu thì giảng bấy nhiêu, chính mình phải chú tâm cẩn thận, đừng nên giảng sai. Giảng sai còn chẳng mắc tội lỗi ư? Quý vị ngỡ [chính mình] biết giảng, không chú tâm, chẳng cẩn thận, cứ cầu thả, qua loa, vớ lấy kinh bòn bèn giảng ngay tấp lự. Giảng sai be bét mà chính mình vẫn chẳng biết. Dầu quý vị giảng cũng được lắm, nhưng chẳng thể nào giảng hay hơn nữa, vì quý vị tưởng chính mình biết giảng, chẳng thêm nghiên cứu nữa. Do vậy, chẳng thể tiến bộ.

2) Hai là tăng thêm ngã mạn. Cứ tưởng người khác chẳng biết giảng kinh, ta biết giảng kinh, [vậy là ta] cao hơn người khác. Theo quy củ trong Phật giáo, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy người nghe kinh phải nên cung kính, lễ bái, cúng dường pháp sư giảng kinh. Mọi người đều dập đầu trước quý vị, [quý vị] bèn ngỡ chính mình ghê gớm lắm, tăng thêm phiền não kiêu căng, ngã mạn. Quý vị học Phật pháp như vậy chẳng phải là điên đảo ư? Quý vị là pháp sư giảng kinh, giảng nửa ngày, phiền não kiêu căng, ngã mạn đều chẳng thể hàng phục được, làm sao có thể chứng đắc Thật Tướng cho nổi? Vì thế, nhất định phải là “nói năng đều ly tướng”. Giảng kinh là chuyện ta đáng nên phải giảng, [nhưng vì] ta chẳng thể phân thân trong mười phương thế giới thì đã hồ thẹn lắm rồi! Nói chung là phải tận hết tâm lực của ta để giảng, phải dè dặt, cẩn thận. Giảng lâu ngày, từ từ cầu tiến bộ thì mới có thể minh tâm kiến tánh, chứng được thánh vị của Bồ Tát vào một ngày nào đó.

Bồ Tát ở Tây Phương Cực Lạc thế giới bất động mà có thể phân thân trọn khắp mười phương thế giới thì đều là bậc Bồ Tát từ Bát Địa trở lên. Bồ Tát có tất cả năm mươi hai địa vị, thoát đầu là mười Tín vị, lại tiến hơn một bước là mười Trụ vị, mười Hạnh vị, và mười Hồi Hướng vị. Ba mươi địa vị ấy là Hiền vị, là hiền nhân, vẫn chưa phải là thánh nhân. Lại có các địa vị thuộc Thập Địa, tiến nhập địa vị của mười loại thánh nhân, gọi là Thập Địa Bồ Tát. Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, bốn mươi địa vị ấy vẫn chưa thấy Pháp Thân

là như thế nào. Tới khi thăng lên Sơ Địa, rộng rang phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sanh ra niềm hoan hỷ to lớn, nên gọi là Hoan Hỷ Địa. Sau đấy, phá từng phần vô minh, chứng Pháp Thân từng phần, dụng công đạt đến Bát Địa Bồ Tát, gọi là Vô Công Dụng vị (địa vị chẳng còn phải dụng công tu hành nữa). Khi ấy, sẽ tùy ý tự nhiên tiên bộ. Vị Bồ Tát ấy ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới bất động, đi, đứng, ngồi, nằm thường ở trong Định. Bồ Tát có bốn nguyện, có diệu dụng thần thông, có thể phân thân trọn khắp mười phương thế giới hòng lợi ích hết thảy chúng sanh.

“*Kệ ngôn: An Lạc quốc thanh tịnh*” (Kệ rằng: “Cõi An Lạc thanh tịnh”): Kinh Vô Lượng Thọ dịch Tây Phương Cực Lạc thế giới thành “*An Lạc quốc*”. Tổng tướng của An Lạc quốc là tướng thanh tịnh. Vì chánh báo thanh tịnh, y báo quốc độ mới thanh tịnh. “*Thường chuyển vô cấu luân*”: Những vị Bát Địa Bồ Tát ấy đều nói với chúng sanh pháp thanh tịnh. Chúng ta là pháp sư phạm phu, đều nương theo Thánh Ngôn Lượng, tức là nương theo những đạo lý do đức Phật đã nói để giải thích. Nhất định là còn chưa nghiên cứu thấu triệt Phật lý, nếu không, có sao mỗi pháp sư giảng một kiểu? Vì chúng ta là pháp sư phạm phu, đèo theo phiền não và tập khí, hễ chuyển pháp luân thanh tịnh bèn kèm theo nhiễm cấu. Trong phần trước đã nói, Thất Địa Bồ Tát phải động niệm thì mới có thể nhập tam-muội. Động niệm thì còn có Năng (chủ thể) và Sở (khách thể), trong tâm chẳng thanh tịnh; phải là chẳng động một niệm thì tâm mới thanh tịnh. Chúng ta là pháp sư phạm phu, suốt ngày từ sáng đến tối dấy lên vọng tưởng, làm sao có thể chẳng dấy động ý niệm cho được? Chẳng dấy động ý niệm, sẽ chẳng thể giảng kinh nổi! Bát Địa Bồ Tát chẳng dấy động ý niệm, tùy ý tự nhiên có thể ứng theo căn cơ để thuyết pháp. Ngài vừa nói ra pháp thanh tịnh, đã trừ bỏ phiền não vốn có của chúng sanh, [khiến cho họ] ngay lập tức đạt được lợi ích chân thật.

“*Hóa Phật, Bồ Tát nhật*” (Hóa ra vàng mặt trời Phật và Bồ Tát): “*Nhật*” là quang minh trí huệ của Bồ Tát, chiếu trọn khắp mười phương thế giới, giống như mặt trời. Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh trong mười phương thế giới đáng nên thấy thân Bồ Tát để đắc độ, Ngài bèn thị hiện thân Bồ Tát để độ kẻ ấy. Có chúng sanh đáng nên thấy thân Phật để đắc độ, Ngài bèn thị hiện, hóa ra thân Phật để độ kẻ ấy. “*Như Tu Di sơn trụ trì*” (Như núi Tu Di trụ trì): Tu Di (Sumeru) là núi Diệu Cao. Một tiểu thế giới lấy núi Tu Di làm trung tâm, [Bồ Tát

trong cõi Cực Lạc] có thể trụ trì một thế giới. Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giáo hóa chúng sanh, giống như ánh sáng mặt trời chiếu tròn khắp mười phương thế giới, nhưng các Ngài ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như núi Tu Di, an trụ bất động.

“*Khai chư chúng sanh ú nê hoa có*” (Vì nở hoa nơi bùn lầy cho chúng sanh): Nhằm lợi ích chúng sanh, Bồ Tát phân thân tròn khắp mười phương thế giới có thể làm cho chúng sanh nở hoa trí huệ từ trong phiền não, giống như từ bùn lầy nở hoa sen. Vì thế, giáo hóa chúng sanh, quý vị đừng nên sợ chúng sanh phiền não sâu dày. Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh đã chép: “*Thí như cao nguyên lục địa, bất sanh liên hoa, ty thấp ú nê, nãi sanh thử hoa*” (Ví như nơi cao nguyên, lục địa, chẳng sanh hoa sen; nơi thấp thỏi, bùn lầy bèn sanh ra hoa ấy). Có nghĩa là: Trên cao nguyên hay đầu núi, chẳng sanh ra hoa sen. Lục địa chẳng có nước, cũng chẳng sanh hoa sen. Ở chỗ trũng đọng bùn lầy, mới sanh ra hoa sen thanh tịnh. Đó gọi là “*Bồ Tát úy nhân, chúng sanh úy quả*” (Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả). Bồ Tát có trí huệ, Ngài kiêng sợ cái nhân, một tí chuyện ác tròn chẳng dám làm; vì làm cái nhân ác, trong tương lai sẽ mắc quả ác. Nhân quả là định luật thiên nhiên, chúng sanh to gan, chuyện gì cũng đều dám làm; đã tạo ra cái nhân ác, trong tương lai chắc chắn sẽ mắc ác quả. Đợi đến khi mắc phải ác quả thì họ mới sợ hãi! Do vậy, hoa sen sanh nơi bùn lầy, phiền não của chúng sanh sâu dày, từ trong nhân địa, họ dấy lên phiền não, tạo ác nghiệp, mắc quả báo, hứng chịu khổ; khi ấy, [Bồ Tát] mới lại vì họ thuyết pháp thì họ mới có thể tiếp nhận. Hễ tiếp nhận, sẽ sanh ra hoa sen nơi bùn lầy.

Có lúc Thích Ca Mâu Ni Phật cũng lên cõi trời thuyết pháp. Trên thực tế, giáo hóa chúng sanh trên cõi trời đạt được hiệu quả rất ít, vì niềm vui ngũ dục mà chư thiên hưởng thụ được gọi là “*diệu ngũ dục*”, niềm vui ngũ dục trong nhân gian chẳng thể sánh bằng. Vì chư thiên hưởng lạc quá nhiều, quý vị nói với họ khổ sở thế nào đi nữa, họ chẳng thể hiểu rõ. Do đó, đức Phật chẳng thường thuyết pháp trên cõi trời, mà thường thuyết pháp trong nhân gian; bởi lẽ, nhân gian lạc ít, khổ nhiều, dễ tiếp nhận Phật pháp. Trong nhân gian, đức Phật thường thuyết pháp tại Nam Thiệm Bộ Châu. Một tiểu thế giới có bốn đại bộ châu, Đông châu và Tây châu còn có thể tiếp nhận Phật pháp, chứ Bắc châu không tiếp nhận; vì người ở Bắc châu quá sung sướng, quý vị nói với họ về khổ, họ chẳng thông hiểu khổ là gì. Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên cảm ứng ba châu, Ngài chẳng đến Bắc Câu Lô Châu, vì nơi ấy chẳng có Phật

pháp, chẳng cần Ngài đến đó hộ pháp. Cao nguyên và lục địa chẳng sanh hoa sen, trái lại, nơi bùn lầy mới sanh ra hoa sen. Do vậy, đối với chúng sanh khổ não, đừng nên coi rẻ họ, quý vị đến giảng Phật pháp cho họ, họ mới dễ dàng tiếp nhận.

Đây là nói tới công đức của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta học theo như thế nào? Phải phát tâm độ chúng sanh bản cùng, khổ não. Nguyên nhân khiến cho Phật giáo bị suy vi rất nhiều. Trong phần trước, tôi đã nói [một nguyên nhân là do] mọi người đóng cửa tu hành, khiến cho Phật pháp bị suy đồi. Còn có một nguyên nhân nữa, chính là ai nấy đều lo độ kẻ phú quý, chẳng độ người bản cùng. Vì sao chỉ độ người phú quý? Vì Phật giáo cần có tiền; chẳng có tiền, sẽ không thể sống nổi! Người có tiền tìm đến Phật giáo sẽ có thể hộ trì, [Phật môn] mới có sức mạnh. Do đó, [nhà chùa] đãi đằng, chèo kéo kẻ hộ pháp có tiền. Người nghèo lo cho bản thân còn không xuê, cuộc sống chật vật, há có tiền để bố thí? Vì thế, gặp họ, [tăng sĩ bèn đối xử] rất lãnh đạm. Như vậy thì Phật giáo biến thành kẻ chỉ xu phụ thế lực, ham lợi lộc: Đối với người có thể lực bèn đãi đằng, chèo kéo; đối với kẻ chẳng có thể lực, bèn lạnh nhạt đối với họ, tạo thành [tình trạng] người nghèo chẳng học Phật pháp để mở mang chánh tri kiến, họ tin theo tà kiến ngoại đạo, muốn đả đảo Phật giáo.

Vậy thì chúng ta độ kẻ nghèo, chẳng cần độ phường phú quý ư? Lại sai lầm mất rồi! Chúng ta phải phương tiện thiện xảo bình đẳng độ hết thảy chúng sanh. Chúng ta độ kẻ có tài lực, mời họ tới bố thí, Phật giáo có sức mạnh kinh tế hùng hậu, sẽ giáo hóa người nghèo. Kẻ nghèo chẳng có cơm ăn, chẳng có áo mặc, mỗi ngày túi bụi từ sáng đến tối, há có thời gian để nghe quý vị giảng kinh, thuyết pháp? Quý vị thấy họ chẳng có cơm ăn, mua tặng họ chút gạo. Trời lạnh, họ không có áo mặc, mua cho họ mấy bộ quần áo. Họ ngã bệnh chẳng có tiền đi bác sĩ, hãy cho họ đôi chút tiền thuốc thang. Hành Tài Bố Thí trước đã, khiến cho họ cảm thấy tín đồ Phật giáo tốt đẹp rồi mới hành Pháp Bố Thí, giảng Phật pháp cho họ. Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh chép: “*Tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (Trước hết dùng dục để lôi kéo, sau đây khiến cho họ nhập Phật trí). Trước hết, dùng ngũ dục giống như cái lưỡi câu cá để câu họ, lôi kéo họ, sau đây mới giảng giải Phật pháp cho họ nghe. Như vậy thì người nghèo mới có thể tiếp nhận Phật pháp. Nay chúng ta phải học theo Bồ Tát, học sao cho sanh về Tây Phương, chúng đắc Bát Địa Bồ Tát, [sau đây sẽ] đến mười phương thế giới diệt trừ phiền não vô minh của hết thảy chúng sanh.

(Luận) Nhị giả bỉ ứng hóa thân, nhất thiết thời bất tiền, bất hậu, nhất tâm, nhất niệm, phóng đại quang minh, tất năng biến chí thập phương thế giới, giáo hóa chúng sanh, chủng chủng phương tiện, tu hành sở tác, diệt trừ nhất thiết chúng sanh khổ cố. Kệ ngôn: “Vô cấu trang nghiêm quang, nhất niệm cập nhất thời, phổ chiếu chư Phật hội, lợi ích chư quần sanh” cố.

(論)二者彼應化身，一切時不前不後，一心一念，放大光明，悉能遍至十方世界，教化眾生，種種方便，修行所作，滅除一切眾生苦故。偈言：無垢莊嚴光，一念及一時，普照諸佛會，利益諸群生故。

(Luận: Hai là Ứng Hóa Thân của các Ngài (các vị Bồ Tát trong Cực Lạc) trong hết thảy thời, chẳng trước, chẳng sau, nhất tâm, nhất niệm, tỏa quang minh lớn, thảy đều có thể tới khắp mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, các thứ phương tiện, các hành vi tu hành [đều nhằm] diệt trừ nỗi khổ của hết thảy chúng sanh. Kệ rằng: “Sáng trang nghiêm không như, một niệm và một thời, chiếu khắp các Phật hội, lợi ích trọn muôn loài”).

Đây là loại công đức thứ hai của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Nhị giả, bỉ Ứng Hóa Thân*” (Hai là Ứng Hóa Thân của các Ngài), Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới bất động, mà có thể hiện ra Ứng Hóa Thân Phật trong mười phương thế giới. “*Nhất thiết thời, bất tiền, bất hậu*” (Trong hết thảy thời, chẳng trước, chẳng sau), [ý nói] chẳng phải là Ứng Hóa Thân Phật đến thế giới này trước rồi mới đến một thế giới khác. “*Nhất tâm, nhất niệm*” là thời gian rất ngắn. “*Phóng đại quang minh, tất năng biến chí thập phương thế giới*” (Tỏa quang minh lớn, thảy đều có thể tới khắp mười phương thế giới): Bồ Tát tỏa ra quang minh, trong một niệm, [soi] thấu trọn khắp mười phương thế giới. “*Giáo hóa chúng sanh, chủng chủng phương tiện*” [nghĩa là] giáo hóa hết thảy chúng sanh, hành các thứ phương tiện quyền xảo. “*Tu hành sở tác*” [ý nói]: Khiến cho mười phương chúng sanh đều cùng học theo Bồ Tát mà tu hành. “*Diệt trừ nhất thiết chúng sanh khổ cố*” (Vì diệt trừ sự khổ cho hết thảy chúng sanh): Chúng sanh có khổ não thì mới cần học theo Phật, học theo Bồ Tát hòng có thể diệt trừ khổ não của hết thảy chúng sanh.

[Kế đó], giải thích kệ tụng trong phần trước: “*Kệ ngôn: Vô cấu*

trang nghiêm quang” (Kệ rằng: “Quang minh trang nghiêm vô cầu”), Bồ Tát tỏa ra quang minh trí huệ thanh tịnh. “*Nhất niệm cập nhất thời*” (Một niệm và một thời): Thời gian rất ngắn. “*Phổ chiếu chư Phật hội*” (Chiếu khắp các Phật hội): Phân thân thành vô lượng Bồ Tát, hoặc vô lượng Ứng Hóa Thân Phật. Đây là diệu dụng của trí huệ, là quang minh trí huệ chiếu trọn khắp các pháp hội của chư Phật trong mười phương. “*Lợi ích chư quần sanh cố*” (Do vì lợi ích các quần sanh): Mỗi pháp hội đều có chúng sanh, Bồ Tát đến pháp hội lợi ích rất nhiều chúng sanh, giống như trong pháp hội của Thích Ca Như Lai, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng đến dự hồng tạo lợi ích cho chúng ta.

[Bồ Tát cõi Cực Lạc] trong hết thủy thời, chẳng trước, chẳng sau, đều có thể đến khắp mười phương thế giới, chúng ta thì không được! Nhất tâm, nhất niệm, đều có thể đến khắp mười phương thế giới, chúng ta lại càng không được. Hiện thời, chúng ta học như thế nào? Hiện thời có những công cụ khoa học có thể giúp đỡ chúng ta. Chẳng hạn như điện đài vô tuyến có các dụng cụ truyền thanh, chúng ta có thể vận dụng nó để hoằng dương Phật pháp. Quý vị ở trên đài phát thanh vô tuyến, người chẳng động mà có thể phân thân trọn khắp mười phương. Âm thanh thuyết pháp của quý vị trọn khắp mọi nơi. Chẳng hạn như toàn bộ Đài Loan, có một vạn cái radio, chẳng phải là cái máy radio thứ nhất nghe trước, rồi mới đến máy thứ hai nghe, [lần lượt như thế hết cả năm nay, mãi] cho đến năm sau, cái máy thứ một vạn mới nghe được! Sóng điện vô tuyến là nhất niệm, nhất thời; chỉ sợ quý vị chẳng mở máy radio. Hễ quý vị mở lên, bèn nghe thấy âm thanh, chẳng có trước, chẳng có sau. Sóng điện vô tuyến có loại công năng ấy.

(Luận) Tam giả, bỉ u nhất thiết thế giới, vô dư chiếu chư Phật hội đại chúng, vô dư quang đại vô lượng cúng dường, cung kính tán thán chư Phật Như Lai công đức. Kệ ngôn: “Vũ thiên nhạc, hoa y, diệu hương đẳng cúng dường, tán chư Phật công đức, vô hữu phân biệt tâm” cố.

(論)三者彼於一切世界，無餘照諸佛會大眾，無餘廣大無量供養恭敬讚歎諸佛如來功德。偈言，雨天樂華衣，妙香等供養，讚諸佛功德，無有分別心故。

(Luận: Ba là các Ngài trong hết thủy các thế giới, chiếu đại chúng trong hội của chư Phật chẳng sót, vô lượng cúng dường rộng lớn, cung kính tán thán công đức của chư Phật Như Lai chẳng sót. Kệ

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

rằng: “Mưa nhạc trời, áo hoa, diệu hương để cúng dường, tán công đức chư Phật, chẳng có tâm phân biệt”).

Đây là loại công đức thứ ba của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trên là cúng chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh “vô dư”, tức là chẳng còn thừa sót. “*Tam giả bỉ u nhất thiết thế giới, vô dư chiếu chư Phật hội đại chúng*” (Ba là trong hết thảy thế giới, các Ngài chiếu đại chúng trong hội của chư Phật chẳng sót). Đây là dưới hóa độ chúng sanh chẳng thừa sót. Ý nói: Hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đối với đại chúng thuộc tất cả các thế giới của chư Phật trong mười phương hư không, thấy đều chiếu soi. “*Vô dư quảng đại vô lượng cúng dường, cung kính tán thán chư Phật Như Lai công đức*” (Vô lượng cúng dường rộng lớn, cung kính tán thán công đức của chư Phật Như Lai chẳng sót); đây là trên thì cúng dường chư Phật chẳng sót. Ngài đến mỗi pháp hội, trước hết bèn cúng dường chư Phật, dùng thân nghiệp để cung kính lễ bái, dùng khẩu nghiệp để tán thán công đức của chư Phật Như Lai.

“*Kệ ngôn: Vũ thiên nhạc, hoa y*” (Kệ rằng: “Mưa nhạc trời, áo hoa”): Bồ Tát có thần thông. Ngài đến các thế giới của chư Phật, những thứ cúng dường mang theo giống như mưa rơi xuống. “*Thiên*” (天) là tự nhiên. Tự nhiên có âm nhạc cúng dường, có hoa trời và áo trời để cúng dường. “*Diệu hương*”: Có hương trời để cúng dường. “*Đẳng cúng dường*” [nghĩa là] còn có những vật phẩm cúng dường khác nữa. “*Tán chư Phật công đức*” (Tán thán công đức của chư Phật): Thấy Phật, tán thán công đức của Phật. “*Vô hữu phân biệt tâm cố*” (Vì không có tâm phân biệt): Sau khi đã đạt đến Bát Địa Bồ Tát bèn có diệu dụng này, giống như A Di Đà Phật, Ngài (Bát Địa Bồ Tát) cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh, chẳng khởi tâm phân biệt. Ngài trên là cúng dường chư Phật, chẳng có vị Phật nào mà không cúng dường. Giáo hóa chúng sanh thì chẳng có chúng sanh nào mà không giáo hóa. Bát Địa Bồ Tát chứng đắc Pháp Thân “không gì lớn mà ra ngoài được”, cho nên Ngài phóng quang minh chiếu trọn khắp, chẳng có thế giới nào mà không chiếu thấu. Cúng dường chư Phật, chẳng có vị Phật nào không cúng dường. Giáo hóa chúng sanh, cũng chẳng có chúng sanh nào không giáo hóa. Nếu Bồ Tát có tâm phân biệt, sẽ cúng dường vị Phật này, chẳng cúng dường vị Phật kia, giáo hóa chúng sanh này, chẳng giáo hóa chúng sanh kia. Vì tâm Ngài chẳng có phân biệt, cho nên thuận theo Pháp Thân tánh, trọn khắp hết thảy chỗ, cho nên

mới có thể chẳng thừa sót.

(Luận) *Tứ giả bỉ u thập phương nhất thiết thế giới vô Tam Bảo xứ, trụ trì trang nghiêm Phật Pháp Tăng bảo công đức đại hải, biến thị linh giải như thật tu hành. Kệ ngôn: “Hà đẳng thế giới vô, Phật pháp công đức bảo, ngã nguyện giai vãng sanh, thị Phật pháp như Phật” cố.*

(論) 四者彼於十方一切世界無三寶處，住持莊嚴佛法僧寶功德大海，遍示令解如實修行。偈言：何等世界無，佛法功德寶，我願皆往生，示佛法如佛故。

(Luận: Bốn là trong hết thảy các thế giới ở mười phương, chỗ nào không có Tam Bảo, biến cả công đức Phật, Pháp, Tăng bảo trụ trì trang nghiêm, các Ngài sẽ dạy trọn khắp, khiến cho họ hiểu [Phật pháp] mà như thật tu hành. Kệ rằng: “Thế giới nào chẳng có, Phật pháp công đức bảo, tôi đều nguyện vãng sanh, dạy Phật pháp như Phật”).

Đây là loại công đức thứ tư của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Tứ giả, bỉ u thập phương nhất thiết thế giới vô Tam Bảo xứ*” (Bốn là các Ngài ở trong hết thảy các thế giới ở mười phương, chỗ nào không có Tam Bảo): Hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quan sát thế giới nào chẳng có Phật trụ thế, chẳng có Phật Bảo, chẳng có Pháp Bảo, chẳng có Tăng Bảo, trong thế giới ấy Phật Pháp Tăng Tam Bảo đều chẳng có, Ngài sẽ tới đó, thị hiện làm một vị Phật. “*Trụ trì trang nghiêm Phật Pháp Tăng bảo công đức đại hải*” (Trụ trì trang nghiêm biến cả báu công đức Phật, Pháp, Tăng): Đối với chỗ chẳng có Tam Bảo, Ngài bèn đến trụ trì Tam Bảo, trang nghiêm công đức Phật, Pháp, Tăng bảo, giống như biến cả, rất sâu, rất rộng. “*Biến thị linh giải như thật tu hành*” (Dạy trọn khắp khiến cho họ hiểu [Phật pháp] mà như thật tu hành): Khai thị khiến cho hết thảy chúng sanh đều ngộ đạo lý mà như thật tu hành, khiến cho hết thảy chúng sanh đều tu hành đúng với Thật Tướng, đều trở thành Bồ Tát.

“*Kệ ngôn: Hà đẳng thế giới vô, Phật pháp công đức bảo*” (Thế giới nào chẳng có, báu Phật pháp công đức): Mười phương thế giới trong hư không, thế giới nào chẳng có Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, “*ngã nguyện giai vãng sanh*” (tôi đều nguyện vãng sanh): Bồ Tát nguyện sanh vào thế giới chẳng có Tam Bảo, vì Ngài chứng đắc Bát

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Địa Bồ Tát, tự tại thuận theo nguyện. Ngài muốn đến thế giới nào bèn đến thế giới ấy. “*Thị Phật pháp như Phật cố*” [ý nói] Ngài đến đó thị hiện Phật pháp giống như Phật xuất thế, thị hiện tám tướng thành đạo. Đây là quy củ xuất thế của Phật.

Giống như Phật Thích Ca xuất thế trong Nam Thiệm Bộ Châu của thế giới Sa Bà:

1) Tướng thứ nhất là từ Đâu Suất Thiên giáng hạ. Bồ Tát chưa thành Phật thì gọi là Bồ Xứ Bồ Tát, tức là vị Bồ Tát về sau sẽ được bổ nhiệm thành Phật. Ngài trụ trong tầng trời thứ tư của Dục Giới, tức Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên chia thành Nội Viện và Ngoại Viện. Ngài ở trong Nội Viện của Đâu Suất Thiên, do quan sát thấy cơ duyên “*thấy Phật đắc độ*” của chúng sanh đã chín muồi, nên mới giáng hạ.

2) Tướng thứ hai là nhập thai: Phu nhân Ma Da nằm mộng, mộng thấy có một vị Bồ Tát cưỡi voi trắng từ trên trời giáng hạ, đi vào trong bụng bà ta.

3) Tướng thứ ba là trụ thai. Bồ Tát thị hiện thành Phật, giống như mọi người, cũng ở trong thai mười tháng. Nhưng Bồ Tát chẳng hứng chịu nỗi khổ ở trong thai, Ngài ở trong bụng mẹ bèn chuyên pháp luân to lớn, độ chúng sanh.

4) Tướng thứ tư là xuất thai. [Bồ Tát] ở trong thai đủ mười tháng, có một hôm, phu nhân Ma Da đến vườn hoa, tay vịn cành cây Vô Ưu (無憂, Ashoka), Phật Thích Ca từ hông phải [của mẹ] sanh ra.

5) Tướng thứ năm là xuất gia. Phật Thích Ca mười chín tuổi bèn xuất gia.

6) Tướng thứ sáu là thành đạo. Sau khi xuất gia, Phật Thích Ca bèn tham phỏng năm năm, tu khổ hạnh sáu năm, trải qua mười một năm, thành đạo lúc ba mươi tuổi.

7) Tướng thứ bảy là chuyên pháp luân. Sau khi Phật Thích Ca thành đạo bèn thuyết pháp độ chúng sanh.

8) Tướng thứ tám là nhập Niết Bàn. Phật Thích Ca thuyết pháp bốn mươi chín năm, đến tám mươi tuổi bèn nhập diệt.

Mỗi vị Phật xuất thế đều thị hiện đúng theo tám tướng thành đạo.

Tôi vừa mới nói tám tướng thành đạo theo Đại Thừa Phật giáo, [trong ấy] có tướng trụ thai, chẳng có tướng hàng ma. Vì trước khi đức Phật sắp thành đạo, ma từ cõi trời giáng xuống nhiễu loạn, đức Phật hàng phục ma rồi mới thành đạo. Tiểu Thừa Phật giáo nói tám tướng thành đạo, do thuận theo pháp thế gian, cho là ở trong bụng mẹ chẳng thể làm chuyện gì, cho nên chẳng có tướng trụ thai, bèn có tướng hàng

ma.

Phản luận văn Trường Hàng chia thành mười đoạn, đoạn thứ nhất là “*nguyện kế đại ý*” (đại ý của bài Nguyên Sanh Kế), Thiên Thân Bồ Tát nói: Ta mong sanh về quốc độ của A Di Đà Phật. Đoạn thứ hai là “*quán khởi sanh tín*”, tức là đối với cách tu quán tưởng, bèn dấy lên tín tâm. Đoạn thứ ba là “*quán hạnh thể tướng*”, trước hết dùng trí huệ để quan sát y báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, rồi lại quan sát chánh báo trang nghiêm, đến đây đã giảng xong phần “*quán hạnh thể tướng*”. Đoạn thứ tư là “*tịnh nhập nguyện tâm*”, những công đức trang nghiêm thanh tịnh ấy do đâu mà có? Đều từ trong nguyện tâm của A Di Đà Phật mà khởi.

4.2.4. Tịnh nhập nguyện tâm

(Luận) Hựu hướng thuyết quan sát trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu, thử tam chủng thành tựu nguyện tâm trang nghiêm, ung tri.

(論) 又向說觀察莊嚴佛土功德成就、莊嚴佛功德成就、莊嚴菩薩功德成就，此三種成就願心莊嚴，應知。

(Luận: Lại nữa, như trên đây đã nói quan sát sự trang nghiêm do công đức thành tựu nơi cõi Phật, sự trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật, sự trang nghiêm do công đức thành tựu của Bồ Tát, ba món thành tựu ấy trang nghiêm nguyện tâm, hãy nên biết).

“*Hướng thuyết*” (向說) là “*đã nói trong phần trước*”. Quan sát sự trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới có mười bảy loại công đức thành tựu, quan sát sự trang nghiêm của A Di Đà Phật có tám thứ công đức thành tựu, quan sát sự trang nghiêm của Bồ Tát có bốn loại công đức thành tựu, hợp chung lại bèn có quốc độ, Phật, Bồ Tát ba thứ thành tựu, đều là nguyện tâm trang nghiêm. Do đâu mà có những sự trang nghiêm này? Đều là do thuở đầu, A Di Đà Phật đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, từ nguyện tâm mà thành tựu những công đức trang nghiêm ấy, hãy nên biết.

(Luận) Lược thuyết nhập nhất pháp cú cố. Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú giả, vị chân thật trí huệ vô vi Pháp

Thân cố.

(論)略說入一法句故。一法句者，謂清淨句。清淨句者，謂真實智慧無為法身故。

(Luận: Nói đại lược thì sẽ gộp vào trong một câu pháp. Một câu pháp nghĩa là một câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh chính là “Pháp Thân chân thật trí huệ vô vi”).

“Lược thuyết nhập nhất pháp cú cố” [nghĩa là] nói gộp chung ba thứ trang nghiêm, nói giản lược thì chỉ có một pháp cú. “*Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú*” (Một câu pháp chính là một câu thanh tịnh): Thế giới thanh tịnh, A Di Đà Phật thanh tịnh, Bồ Tát cũng thanh tịnh, chính là một pháp thanh tịnh. Ba thứ trang nghiêm đều được bao gồm [trong một câu này].

“*Thanh tịnh cú giả*” (Câu thanh tịnh là...): Thanh tịnh như thế nào? “*Vị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân cố*” (Chính là Pháp Thân trí huệ vô vi chân thật): A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng đều vì độ chúng sanh. Ngài tu hành đều là như thật tu hành, kết quả là Ngài đã nương vào Chân Như Thật Tướng mà chứng đắc trí huệ chân thật. Từ trí huệ chân thật, chứng đắc Pháp Thân, gọi là Vô Vi Pháp Thân. “*Vô vi*” là “*vô sở tác vi*”, Pháp Thân là Chân Như Lý Thể, là Lý Thể giác ngộ vốn sẵn có mà ai nấy đều có, do bị vô minh phiền não phủ trùm, đáng nên dùng Văn, Tư, Tu khơi mở, phát khởi thì mới có thể chứng đắc. Chứng đắc vô vi Pháp Thân là phát hiện, trọn chẳng phải là quý vị tạo ra một Pháp Thân. Do đó, trí huệ là chân thật, trí huệ thanh tịnh; Pháp Thân là vô vi, Pháp Thân thanh tịnh. Năng chứng trí huệ (trí huệ để chứng Pháp Thân) và sở chứng Pháp Thân (Pháp Thân được chứng bởi trí huệ) đều là thanh tịnh.

(Luận) *Thử thanh tịnh hữu nhị chủng, ưng tri. Hà đẳng nhị chủng? Nhất giả khí thể gian thanh tịnh, nhị giả chúng sanh thể gian thanh tịnh.*

(論)此清淨有二種，應知。何等二種？一者器世間清淨，二者眾生世間清淨。

(Luận: Sự thanh tịnh ấy có hai loại, hãy nên biết. Những gì là hai loại? Một là khí thể gian thanh tịnh, hai là chúng sanh thể gian thanh tịnh).

“*Thử thanh tịnh hữu nhị chủng, ưng tri*” (Sự thanh tịnh ấy có hai thứ, hãy nên biết): Trong phần trước, đã gộp chung ba thứ trang nghiêm thành một câu “*pháp thanh tịnh*”. Lại đem pháp thanh tịnh tách ra thành hai loại, hãy nên biết. “*Hà đẳng nhị chủng? Nhất giả, khí thể gian thanh tịnh; nhị giả, chúng sanh thể gian thanh tịnh*” (Những gì là hai loại? Một là khí thể gian thanh tịnh, hai là chúng sanh thể gian thanh tịnh). Nêu ra danh mục của chúng.

(Luận) Khí thể gian thanh tịnh giả, như hướng thuyết thất thập chủng trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, thị danh khí thể gian thanh tịnh.

(論)器世間清淨者，如向說十七種莊嚴佛土功德成就，是名器世間清淨。

(Luận: Khí thể gian thanh tịnh là như trước đó đã nói mười bảy thứ trang nghiêm do công đức thành tựu của cõi Phật thì gọi là khí thể gian thanh tịnh).

“*Khí*” (器) là đồ vật. Chẳng hạn như tác dụng của chén trà là có thể đựng trà. Thế giới có thể dung nạp hết tất cả chúng sanh, cho nên gọi là “*khí thể gian*”. “*Khí thể gian*” chỉ quốc độ thế giới; mười bảy thứ trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là thanh tịnh.

(Luận) Chúng sanh thể gian thanh tịnh giả, như hướng thuyết bát chủng trang nghiêm Phật công đức thành tựu, tứ chủng trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu, thị danh chúng sanh thể gian thanh tịnh. Như thị nhất pháp cú, nhiếp nhị chủng thanh tịnh nghĩa, ưng tri.

(論)眾生世間清淨者，如向說八種莊嚴佛功德成就，四種莊嚴菩薩功德成就，是名眾生世間清淨。如是一法句，攝二種清淨義，應知。

(Luận: Chúng sanh thể gian thanh tịnh là như trên đây đã nói tám thứ trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật và bốn thứ trang nghiêm do công đức thành tựu của Bồ Tát thì gọi là “chúng sanh thể gian thanh tịnh”. Một pháp cú như thế gồm trọn hai loại ý nghĩa thanh tịnh, hãy nên biết [như thế]).

“*Chúng sanh thế gian thanh tịnh giả, như hương thuyết bát chủng trang nghiêm Phật công đức thành tựu, tứ chủng trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu, thị danh chúng sanh thế gian thanh tịnh*” (Chúng sanh thế gian thanh tịnh là như trên đây đã nói tám thứ trang nghiêm do công đức thành tựu của Phật và bốn thứ trang nghiêm do công đức thành tựu của Bồ Tát thì gọi là “chúng sanh thế gian thanh tịnh”): Đoạn văn này có ý nghĩa rất rõ ràng. Ở đây, có một nghi vấn: Thông thường, [từ ngữ] “*chúng sanh*” nhằm nói đến phàm phu, vì sao [trong đoạn này] lại gọi Phật, Bồ Tát là chúng sanh? Vì [trong các kinh luận] có chỗ chia thành ba loại thế gian: Thế giới được gọi là Khí Thế Gian, phàm phu là Chúng Sanh Thế Gian, và Phật, Bồ Tát gọi là Chánh Giác Thế Gian. Ở đây, [Thiên Thân Bồ Tát] đã gộp chung thành hai loại, gộp Phật, Bồ Tát vào chúng sanh. Bồ Tát chưa thành Phật, vẫn coi như chúng sanh [thì được], có sao đối với bậc đã thành Phật cũng gọi là chúng sanh? Phật được gọi là “*cứu cánh chúng sanh*”, tức là chúng sanh “*người hoàn mỹ*”, giống như người tốt nhất trong thế gian, chẳng có ai vượt trội Ngài, cho nên gọi là “*hoàn nhân*” (完人), “*hoàn*” (完) có nghĩa là “*rốt ráo*”. Chúng sanh ấy đã thành Phật, nên gọi là “*cứu cánh chúng sanh*”.

“*Như thị nhất pháp cú, nhiếp nhị chủng thanh tịnh nghĩa, ưng tri*” [nghĩa là] sự thanh tịnh như thế hàm nhiếp hai loại thanh tịnh, tức là khí thế gian thanh tịnh và chúng sanh thế gian thanh tịnh. Dem Phật, Bồ Tát dung thông với chúng sanh, tức là tách thành hai thứ là y báo và chánh báo, cho nên có thế gian là y báo thanh tịnh và Phật, Bồ Tát là chánh báo thanh tịnh. Đoạn tiếp theo đây sẽ nói về “*thiện xảo nhiếp hóa*” (善巧攝化), tức là phương tiện quyền xảo để nhiếp thủ, giáo hóa hết thảy chúng sanh.

4.2.5. Thiện xảo nhiếp hóa

(Luận) Như thị Bồ Tát Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, quảng lược tu hành, thành tựu nhu nhuyễn tâm. Như thật tri quảng lược chư pháp, như thị thành tựu xảo phương tiện hồi hướng.

(論)如是菩薩奢摩他，毗婆舍那，廣略修行，成就柔軟心。如實知廣略諸法，如是成就巧方便迴向。

(Luận: Chỉ và Quán của Bồ Tát như thế, tu hành rộng hay lược, thành tựu tâm nhu nhuyễn. Biết chư pháp rộng hay lược như thật,

thành tựu phương tiện khéo để hồi hướng như thế).

“*Như thị Bồ Tát Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na*” (Chỉ và Quán của Bồ Tát như thế): Xa-ma-tha (Śamatha) trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Chỉ. Tỳ-bà-xá-na (Vipaśyanā) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là Quán. Trong phần trước, [Thiên Thân Bồ Tát] đã dạy chúng ta dựa theo sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới để quan sát, tức là dạy chúng ta hãy do hai thứ hạnh môn Chỉ và Quán mà tu hành. Tu hành rộng và lược. “Rộng” là mười bảy thứ trang nghiêm nơi quốc độ, tám thứ trang nghiêm nơi Phật, và bốn thứ trang nghiêm nơi Bồ Tát; “lược” thì là một câu thanh tịnh. “*Quảng lược tu hành, thành tựu nhu nhuễn tâm*” (Tu hành rộng hay lược nhằm thành tựu cái tâm nhu nhuễn). “*Nhu nhuễn tâm*” là Phật tâm. Từ có thể ban vui, Bi có thể dẹp khổ, tức là đối với chúng sanh phát ra thế nguyện, nguyện ban vui cho hết thấy chúng sanh, dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. Dẫn phát tâm từ bi, đạt được tâm nhu nhuễn. Nhu nhuễn chính là đối ứng với cái tâm “*ương ngạnh đã trở thành bản tánh*” của phàm phu. Do cái tâm ương ngạnh mà nầy sanh chướng ngại, họ trông thấy chúng sanh chịu khổ, chẳng thêm nghĩ ngợi chi hết. Bồ Tát thấy chúng sanh đáng xót thương, sẽ tự nhiên là trước hết phải dẹp khổ, ban vui cho họ, cái tâm từ bi dấy lên. Làm thế nào để có thể thành tựu tâm nhu nhuễn? Trước hết, hãy quan sát sự trang nghiêm thanh tịnh nơi hai thứ y báo và chánh báo thì mới có thể hàng phục phiền não ương ngạnh, sanh khởi cái tâm nhu nhuễn. “*Như thật tri quảng lược chư pháp, như thị thành tựu xảo phương tiện hồi hướng*” (Biết như thật các pháp rộng hay lược như thế, thành tựu phương tiện khéo hồi hướng như thế): Quý vị đã thành tựu cái tâm nhu nhuễn, đã có tâm từ bi, đúng như Thật Tướng mà biết các pháp rộng hay lược, trí huệ chân thật khai phát, sẽ có thể thành tựu phương tiện khéo léo của Bồ Tát để hồi hướng công đức cho chúng sanh.

(Luận) Hà giả Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng? Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng giả, vị thuyết lễ bái đảnh ngũ chủng tu hành, sở tập nhất thiết công đức thiện căn, bất cầu tự thân trụ trì chi lạc, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố. Tác nguyện nhiếp thủ nhất thiết chúng sanh, cộng đồng sanh tử An Lạc Phật quốc, thị danh Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng thành tựu.

(論)何者菩薩巧方便迴向？菩薩巧方便迴向者，謂說

禮拜等五種修行，所集一切功德善根，不求自身住持之樂，欲拔一切眾生苦故。作願攝取一切眾生，共同生彼安樂佛國，是名菩薩巧方便迴向成就。

(Luận: Những gì là phương tiện khéo hồi hướng của Bồ Tát? Phương tiện khéo hồi hướng của Bồ Tát là nói tới năm thứ tu hành như lễ bái v.v... Hết thấy công đức thiện căn đã tu tập chẳng vì nhằm duy trì sự vui sướng cho bản thân, mà vì muốn dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. Phát nguyện nhiếp thủ hết thấy chúng sanh cùng chung sanh về cõi Phật An Lạc. Đó gọi là thành tựu phương tiện khéo hồi hướng của Bồ Tát).

“Hà giả Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng?”: Phương tiện khéo hồi hướng của Bồ Tát là gì? “Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng giả, vị thuyết lễ bái đảnh ngũ chủng tu hành, sở tập nhất thiết công đức thiện căn” (Phương tiện khéo hồi hướng của Bồ Tát tức là năm thứ tu hành như lễ bái v.v... hết thấy công đức thiện căn đã tu tập): Phương tiện quyền xảo hồi hướng của Bồ Tát giải thích ra, sẽ là Lễ Bái Môn, Tấn Thán Môn, Tác Nguyện Môn, Quan Sát Môn, và Hồi Hướng Môn. Hết thấy công đức và thiện căn do tu tập năm thứ niệm môn ấy. “Bất cầu tự thân trụ trì chi lạc, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố” (Chẳng mong duy trì sự vui sướng cho bản thân, mà vì muốn dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh): Công đức [tích lũy] do tu năm thứ niệm môn chẳng vì cầu duy trì sự hưởng thụ an lạc cho chính mình, mà là vì muốn độ chúng sanh, muốn dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. “Tác nguyện nhiếp thủ nhất thiết chúng sanh, cộng đồng sanh bỉ An Lạc Phật quốc” (Phát nguyện nhiếp thủ hết thấy chúng sanh, cùng nhau sanh về cõi Phật An Lạc ấy): Phát nguyện nhiếp thủ giáo hóa hết thấy chúng sanh, nguyện cho hết thấy chúng sanh cùng sanh về cõi An Lạc. “Thị danh Bồ Tát xảo phương tiện hồi hướng thành tựu”: Đây gọi là phương tiện thiện xảo khéo léo của Bồ Tát, hết thấy các hạnh môn đã tu tập chẳng nhằm cầu cho chính mình đạt được lợi ích, mà đều hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, nguyện cho hết thấy chúng sanh cùng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Phần luận văn chia thành mười đoạn, trên đây đã giảng năm đoạn, tiếp theo đây, sẽ giảng đoạn thứ sáu là “ly Bồ Đề chướng” (離菩提障), lìa khỏi các chướng ngại Bồ Đề). Quý vị phải phát Bồ Đề tâm, cầu Bồ Đề đạo, phải xa lìa chướng ngại Bồ Đề.

4.2.6. Ly Bồ Đề chứng

(Luận) Bồ Tát như thị thiện tri hồi hướng thành tựu, tức năng viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp. Hà đẳng tam chủng?

(論)菩薩如是善知迴向成就，即能遠離三種菩提門相違法。何等三種？

(Luận: Bồ Tát khéo biết hồi hướng thành tựu như thế, liền có thể xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn, những gì là ba?)

“*Bồ Tát như thị thiện tri hồi hướng thành tựu*” (Bồ Tát khéo biết hồi hướng thành tựu như thế): “*Thiện tri*” (善知) là có thể thông hiểu nhất. Điều Bồ Tát có thể thông hiểu nhất là đem công đức do chính mình đã tu hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, hy vọng chúng sanh cùng sanh về cõi An Lạc. “*Tức năng viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp*” (Bèn có thể xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn): “*Tương vi*” (相違, trái nghịch) chính là chứng ngại. Có ba loại pháp trái nghịch pháp môn Bồ Đề, chuyện Bồ Tát có thể hiểu biết nhất chính là hồi hướng công đức cho chúng sanh [ngõ hầu họ sẽ đạt được] thành tựu mà có thể trừ khử ba món chứng ngại ấy. Bồ Đề (Bodhi) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là Giác, hay Đạo, tức Phật đạo. Chúng ta phát tâm thì trước hết phải phát Bồ Đề tâm, tức là cái tâm mong thành Phật đạo. Ta phải phát tâm thành Phật, thành Phật chứ không phải là thành A La Hán, nhằm độ chúng sanh liễu sanh tử. Có người bảo Phật giáo là tiêu cực, đấy là do chẳng hiểu đạo lý trong Đại Thừa Phật giáo! Quý vị dụng công tu hành là vì thành tựu cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật. Đấy là một pháp môn. Do đó, quý vị phát Bồ Đề tâm là vì muốn khiến cho chúng sanh liễu sanh tử, thành Phật đạo.

Ở đây, còn phải chú ý: Quý vị mong độ chúng sanh liễu sanh tử, thành Phật đạo, nhất định phải độ chúng sanh đến cõi An Lạc. Vì chẳng độ chúng sanh đến cõi An Lạc, họ tu hành trong thế giới Sa Bà, do nhân duyên tiến bộ ít ỏi, nhân duyên gây lui sụt nhiều, chúng sanh rất khó liễu sanh tử. Vì thế, quý vị mong độ chúng sanh, khiến cho họ “*liễu sanh tử, thành Phật đạo*”, thì tốt nhất là độ họ về An Lạc quốc, vì ở bên đó sẽ chẳng còn thoái đọa, lưu chuyển sanh tử nữa! Do vậy, quý vị khuyên hết thấy chúng sanh tu pháp môn Tịnh Độ, mọi người cùng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, như vậy thì sẽ có thể độ chúng sanh.

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Trong các kinh điển Đại Thừa khác, tu Bồ Đề hạnh môn là Lục Độ vạn hạnh, còn Vãng Sanh Luận giải thích thành năm niệm môn:

- 1) Một là lễ bái A Di Đà Phật.
- 2) Hai là tán thán A Di Đà Phật.
- 3) Ba là phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.
- 4) Bốn là quan sát y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; đây là Quán Tưởng Niệm Phật.
- 5) Năm là hồi hướng. Hồi hướng hết thảy những công đức đã tu cho hết thảy chúng sanh, cùng sanh về cõi An Lạc.

Năm niệm môn này là pháp môn Bồ Đề do Thiên Thân Bồ Tát dạy chúng ta. Chúng ta nghiên cứu Vãng Sanh Luận, biết tu năm niệm môn ấy chính là pháp môn Bồ Đề, nhưng cần phải trừ khử ba thứ chướng ngại. “*Hà đẳng tam chướng?*” [nghĩa là] ba thứ chướng ngại Bồ Đề nào vậy?

(Luận) Nhất giả y trí huệ môn, bất cầu tự lạc, viễn ly ngã tâm tham trước tự thân cố.

(論) 一者依智慧門，不求自樂，遠離我心貪著自身故。

(Luận: Một là nương vào trí huệ môn, chẳng cầu sự vui sướng cho chính mình, xa lìa cái tâm tham trước bản thân của chính mình vậy).

Chấp trước có Ngã, tham đắm sự vui sướng cho chính mình, đây là chướng ngại cho sự tu tập Bồ Đề. Ta phát tâm niệm Phật, mong sanh về Tây Phương, kết quả vì sao chẳng được sanh? Vì trong tâm chấp trước cái Ngã, đây là Thân Kiến. Do vậy, Thân Kiến nguy hại nhất. Cõi thân thể là bản ngã, muốn ăn ngon, muốn mặc đẹp, ở chỗ tốt đẹp, lại còn phải rất mực vui sướng, mọi thứ đều vì thân thể của ta, như vậy thì quý vị đã chướng ngại Bồ Đề môn. Hằng ngày quý vị tu Ngũ Niệm Môn, kết quả là chính quý vị chẳng thể vãng sanh Tây Phương, chẳng độ chúng sanh được, là vì Ngã Kiến và cái tâm tham của quý vị quá nặng, mọi thứ đã làm đều nhằm mong mỗi sự vui sướng cho chính mình. Điều này trái nghịch đại nguyện Bồ Đề.

Quý vị có thể dùng trí huệ môn để quan sát, chẳng cầu sự an vui cho chính mình, chướng ngại sẽ bị trừ khử. Những đạo lý đã nói trong phần trước đều do dùng trí huệ quan sát mà ra. Thế giới Sa Bà căn bản

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

là chẳng có lạc, lạc là Hoại Khổ! Nhân gian chúng ta có niềm vui ngũ dục, nhưng lạc sự (chuyện vui sướng) chẳng lâu dài, chẳng thường hằng. Đã thế, lạc quá ít, khổ quá nhiều! Huống chi thân người khó được, một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa trong tam ác đạo, chẳng biết sẽ thọ khổ bao nhiêu đại kiếp mới có thể thoát ra. Giả như quý vị có thể sanh lên trời, hưởng hết phước trời thì vẫn phải luân hồi xuống dưới. Vì thế, chớ nên tham, mà hãy nên khéo phát Bồ Đề tâm, phát nguyện niệm Phật, phát nguyện độ chúng sanh đều cùng sanh về cõi An Lạc, ít làm chuyện tham cầu niềm vui ngũ dục. Đây là dùng trí huệ để quan sát.

Nói “lạc” là Hoại Khổ, lạc ít, khổ nhiều, nhưng vẫn là có lạc. Trong tâm ta, căn bản là chẳng có Ngã, ai đang hưởng thụ lạc vậy? Chúng sanh ngũ thân thể là Ngã, thân thể là do Tứ Đại, tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong giả hợp. Địa có tánh chất cứng chắc, Thủy là tánh thấm ướt, Hỏa là tánh nóng bức, Phong là tánh lưu động. Từ bốn thứ nguyên tố ấy kết hợp lại thành thân thể, chẳng hạn như xương xẩu trên thân chúng ta thuộc về Địa Đại, huyết dịch trên thân thuộc về Thủy Đại, hơi nóng trên thân thuộc về Hỏa Đại, thân thể có thể hoạt động chính là thuộc về Phong Đại. Thân thể là do Tứ Đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong kết hợp thành, hễ Tứ Đại phân tán, tìm đâu ra Ngã?

Có tâm thì có Ngã. Nếu chẳng có tâm, chỉ là một thân thể, ai biết thân thể là Ngã? Do dựa trên cái tâm tri giác, bèn coi tâm là Ngã. Tâm là bốn thứ tác dụng Thọ, Tưởng, Hành, Thức. “Thọ” (受) có nghĩa là “nhận lãnh, cất lấy”, có thể biết ta đang chịu khổ hay hưởng vui. Tưởng (想) có nghĩa là “giữ lấy hình tượng”. Chuyện đã qua rồi mà có thể giữ lấy cảnh tượng, giống như hình đã chụp rồi, còn có thể soi ra. “Hành” (行) có nghĩa là “tạo tác”, [tức là] chuyện còn chưa xảy ra, đã dấy lên chủ ý tính toán, lập kế hoạch trước. Thức (識) là biện định rành rẽ, có thể biết hết thấy từng người, từng vật. Ngoài bốn thứ công năng là Thọ, Tưởng, Hành, và Thức ra, tâm chẳng có bản thể tự tánh.

Thân thể là do Tứ Đại, tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong giả hợp, tâm gồm bốn pháp, tức Thọ, Tưởng, Hành, Thức giả hợp. Gộp chung lại thì có tám pháp hình thành giả Ngã. Phân tích tám pháp ấy ra, lẽ ra là có tám cái Ngã! Thật ra, pháp nào cũng chẳng phải là Ngã, chẳng tìm thấy bản thể của Ngã. Do vậy, tám pháp hợp lại thành một giả Ngã, chẳng phải là chân Ngã. Đây là dùng trí huệ để quan sát, quán nó là Không, tự nhiên sẽ chẳng dấy lên tâm tham.

Chúng ta hiểu đạo lý này, bèn quán tưởng, quán Ngã là Không. Nếu quý vị là người có căn cơ nhạy bén, nghe đến đây, sẽ ngay lập tức quán Không. Đây là tốt nhất. Nếu căn cơ chẳng đủ mức nhạy bén, cũng phải nên quan sát ở chỗ này. Đây là đức Phật phát xuất từ trí huệ mà dạy chúng ta phương pháp quan sát. Tuy quý vị chẳng thể ngay lập tức quán Ngã là Không, nhưng tâm tham có thể dần dần giảm bớt. Quý vị biết đi theo con đường ấy để dụng công tu hành, sẽ tự nhiên xa lìa sự tham đắm bản thân; trong ba thứ chướng ngại Bồ Đề, đã trừ bỏ được một thứ.

(Luận) Nhị giả, y từ bi môn, bạt nhất thiết chúng sanh khổ, viễn ly vô an chúng sanh tâm cố.

(論)二者依慈悲門，拔一切眾生苦，遠離無安眾生心故。

(Luận: Hai là nương theo từ bi môn, dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, xa lìa cái tâm chẳng an ổn chúng sanh).

“*Nhị giả, y từ bi môn*” (Hai là nương vào từ bi môn): Nương vào pháp môn từ bi, Từ là có thể ban vui, Bi là có thể dẹp khổ. “*Bạt nhất thiết chúng sanh khổ*” [nghĩa là] dẹp trừ hết thấy những nỗi khổ não của chúng sanh. Vì [nếu như] chẳng dẹp trừ khổ não cho chúng sanh, quý vị ban vui, họ sẽ chẳng thể hưởng vui sướng được. Trong phần trước đã có nói: Trẻ nhỏ sanh bệnh, quý vị trước hết hãy chữa bệnh cho nó. Nếu chẳng dẹp trừ bệnh khổ cho trẻ, quý vị cho nó ăn thứ ngon lành, cho nó mặc quần áo đẹp đẽ, nó đều chẳng thể hưởng thụ. Vì thế, nhất định phải dẹp khổ trước đã rồi mới có thể ban vui. Ở đây là dẹp khổ trước đã, sau đó mới ban vui. Phải phát tâm dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh. Cái tâm của bọn phàm phu chúng ta toàn là ban sự vui sướng cho chính mình, chẳng đoái hoài kẻ khác đau khổ. Tâm Bồ Tát khéo sao hoàn toàn tương phản, chẳng cầu vui sướng cho chính mình, thấy người khác chịu khổ, sẽ khổ sở còn hơn chính mình đang chịu khổ, muốn làm cho chúng sanh đều được an lạc. “*Viễn ly vô an chúng sanh tâm cố*” (Vì xa lìa cái tâm chẳng giúp cho chúng sanh được an vui). Tâm Bồ Tát tạo an lạc cho chúng sanh, chính là có thể trừ bỏ sự chướng ngại đối với Bồ Đề môn.

(Luận) Tam giả, y phương tiện môn, lân mãn nhất thiết chúng

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyễn Sanh Kệ Giảng Ký

sanh tâm, viễn ly cúng dường, cung kính tự thân tâm cố.

(論)三者依方便門，憐愍一切眾生心，遠離供養恭敬自身心故。

(Luận: Ba là nương vào phương tiện môn, tâm thương xót hết thấy chúng sanh, xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường thân tâm của chính mình).

“*Tam giả y phương tiện môn*” (Ba là nương theo phương tiện môn) chính là phương tiện quyền xảo hồi hướng trong phần trước. “*Lân mãn nhất thiết chúng sanh tâm*” (Tâm thương xót hết thấy chúng sanh): Ta thấy chúng sanh chịu khổ, thương xót chúng sanh không hiểu Phật pháp, chẳng biết liễu sanh tử, càng phải nên thương xót chúng sanh. “*Viễn ly cúng dường, cung kính tự thân tâm cố*” (Xa lìa sự cung kính, cúng dường thân tâm của chính mình): Nếu cúng dường chính mình thì chính là cái tâm tham dục của chúng sanh. Người khác cung kính ta, trong tâm ta rất vui sướng; đây chính là cái tâm cung kính tự thân của phàm phu. Đây là những thứ gây chướng ngại Bồ Đề môn. Phải xa lìa sự cúng dường tự thân, xa lìa chuyện cung kính tự tâm thì mới có thể trừ bỏ những thứ chướng ngại Bồ Đề môn!

(Luận) *Thị danh viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp.*

(論)是名遠離三種菩提門相違法。

(Luận: Đó gọi là xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn).

“*Thị danh viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp*” (Đó gọi là xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn): Đối với ba thứ pháp chướng ngại Bồ Đề môn đều xa lìa.

4.2.7. Thuận Bồ Đề môn

(Luận) *Bồ Tát viễn ly như thị tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp, đắc tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp mãn túc cố. Hà đẳng tam chủng?*

(論)菩薩遠離如是三種菩提門相違法，得三種隨順菩提門法滿足故。何等三種？

(Luận: Bồ Tát xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn như

vậy, sẽ được trọn đủ ba thứ pháp tùy thuận Bồ Đề môn, những gì là ba thứ?)

“*Bồ Tát viên ly như thị tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp, đặc tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp mãn túc cố*” (Bồ Tát xa lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn như vậy, sẽ được trọn đủ ba thứ pháp tùy thuận Bồ Đề môn): Trừ khử ba thứ chướng ngại trên đây, sẽ đạt được ba loại pháp tùy thuận. “*Tùy thuận*” là chẳng trái nghịch. Hãy chú ý hai chữ “*tùy thuận*”. Kẻ sơ phát tâm tu hành, phải tu hành đúng như Thật Tướng, chúng ta chẳng biết Thật Tướng ở chỗ nào ư? Phải tùy thuận Thật Tướng mà tu hành, đây là pháp môn tùy thuận. “*Hà đẳng tam chủng*” (Những gì là ba loại), ba môn tùy thuận nào vậy?

(Luận) Nhất giả, vô nhiễm thanh tịnh tâm, dĩ bất vị tự thân cầu chư lạc cố.

(論)一者無染清淨心，以不為自身求諸樂故。

(Luận: Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh, do chẳng vì bản thân mà cầu các sự vui).

“*Nhất giả, vô nhiễm thanh tịnh tâm*” (Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh), tức là đã trừ khử chướng ngại trên đây, biến thành pháp môn thanh tịnh. “*Dĩ bất vị tự thân cầu chư lạc cố*” (Do chẳng vì bản thân mà cầu các sự vui): Trong phần trước đã nói quý vị vì cầu sự vui sướng cho chính mình, đây là chướng ngại; hãy trừ bỏ cái tâm cầu vui sướng cho chính mình. Chẳng vì chính mình mà cầu vui sướng thì gọi là “*vô nhiễm thanh tịnh tâm*”. Quý vị chấp trước Ngã, muốn cầu sự vui sướng cho chính mình, đây là cái tâm ô nhiễm. Quý vị chẳng chấp trước Ngã, chẳng tham cầu sự vui sướng cho chính mình thì gọi là “*tâm vô nhiễm thanh tịnh*”.

(Luận) Nhị giả, an thanh tịnh tâm, dĩ bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố.

(論)二者安清淨心，以拔一切眾生苦故。

(Luận: Hai là cái tâm an thanh tịnh, do dẹp trừ nỗi khổ cho hết thấy chúng sanh).

“*Nhị giả, an thanh tịnh tâm*” (Hai là cái tâm an lạc thanh tịnh)

tức là cái tâm khiến cho chúng sanh đều đạt được an lạc. Chúng sanh được an lạc, trong tâm ta cảm thấy rất vui sướng. Đây là “*an thanh tịnh tâm*”. “*Dĩ bất nhất thiết chúng sanh khổ cố*” (Do dẹp trừ nỗi khổ của hết thảy chúng sanh): Ví như trẻ nhỏ sanh bệnh, tâm cha mẹ rất khổ sở, nhất định sẽ vội vã cho con đi khám bệnh, uống thuốc, dẹp trừ bệnh khổ cho trẻ. Trẻ được an vui, cha mẹ mới có thể an lạc.

(Luận) Tam giả, lạc thanh tịnh tâm, dĩ linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố, dĩ nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố.

(論)三者樂清淨心，以令一切眾生得大菩提故，以攝取眾生彼國土故。

(Luận: Ba là lạc thanh tịnh tâm, do khiến cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, do nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi nước ấy).

“*Tam giả lạc thanh tịnh tâm, dĩ linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố*” (Ba là lạc thanh tịnh tâm, do khiến cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề): Khiến cho hết thảy chúng sanh đạt được đại Bồ Đề, đây là trí huệ của Phật. Nếu ta có thể độ một chúng sanh thành Phật, ta rất sung sướng; đây là pháp lạc, là đại lạc. Cái tâm tham cầu niềm vui ngũ dục cho chính mình [như đã nói trong phần trước] chính là chướng ngại Bồ Đề. Còn ở đây là cái tâm tùy thuận Bồ Đề, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, tâm chính mình vui sướng, đó là pháp lạc thanh tịnh.

“*Dĩ nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố*” (Do nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi nước ấy): “*Nhiếp*” (攝) là nhiếp trì (攝持), muốn nhiếp trì (nắm giữ, thu tóm) chúng sanh, tức là muốn hướng dẫn chúng sanh, khiến cho họ phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì nếu chẳng làm như vậy, chúng sanh sẽ chẳng thể đắc đại Bồ Đề. Tôi vừa mới nói, tu hành trong thế giới Sa Bà, nhân duyên gây lui sụt quá nhiều, nhân duyên tạo tiến bộ quá ít. Làm cho chúng sanh tiến nhập Phật môn rất khó, đã biết sanh tử thì phải tu hành, kết quả là chẳng thể tiến bộ, làm sao có thể đạt được đại Bồ Đề? Do vậy, mong độ chúng sanh đắc đại Bồ Đề thì trước hết phải đưa họ sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi ấy là chỗ bảo đảm an toàn. Vì sao đức Phật phải nói ra pháp môn Tịnh Độ? Vì đây chính là pháp đề độ những chúng sanh đắc đại Bồ Đề. Phật giáo Đại Thừa Trung Hoa có tám tông phái, Tịnh Độ Tông chỉ là một phái trong đó. Mỗi tông phái đều có phương

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Kỳ

pháp độ chúng sanh liễu sanh tử. Ngoài Tịnh Độ Tông ra, bảy tông phái kia cũng có thể độ chúng sanh liễu sanh tử, vì sao phải tu pháp môn Tịnh Độ, phải độ chúng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vậy? Phải đặc biệt chú ý đạo lý này! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có thể nhập đạo, đều có thể liễu sanh tử, nhưng quý vị phải xem xét [căn cơ của chính mình] có tu nổi pháp môn ấy hay không? Quý vị độ chúng sanh, có dễ độ hay không? Liễu sanh tử chẳng phải là trò đùa trẻ nít. Quý vị độ chúng sanh liễu sanh tử, chẳng phải là nói sao cho bù tai, quý vị ắt cần phải quan sát nỗi khổ sanh tử của chính mình. Tâm sanh tử chẳng khẩn thiết, quý vị sẽ chẳng thể phát đạo tâm tu hành. Nếu quý vị chẳng quan sát nỗi khổ của chúng sanh, sẽ chẳng thể phát Bồ Đề tâm, độ chúng sanh liễu sanh tử.

“*Liễu sanh tử*” là quý vị có thể quan sát nỗi khổ sanh tử, sợ hãi nỗi khổ sanh tử, tâm tưởng: “Ta một hơi thở ra không hít vào được nữa, chẳng biết sẽ đọa lạc vào đường nào? Đòi sau, đòi kế, có phải là vẫn biết tu hành hay không? Nếu đòi sau, đòi kế chẳng biết tu hành, lại chẳng biết sẽ lưu chuyển đến chỗ nào? Kinh Phật dạy: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Cổ nhân nói: “*Thân này chẳng độ đời này, mai sau sẽ độ biết trong đời nào?*” Thân người khó được, đời này ta đã đạt được. Phật pháp khó nghe, đời này ta đã được nghe. Ta chẳng thể độ thoát tâm thân này trong đời này, [vậy thì] phải đợi tới đời nào thì mới độ được? Vì thế, nếu quý vị sợ hãi nỗi khổ sanh tử luân hồi, ngoài việc tu pháp môn Tịnh Độ ra, chẳng có pháp môn nào khác an toàn bằng pháp môn này, chẳng có pháp môn nào khác đáng tin cậy hơn pháp môn này!

Quán chúng sanh khổ, phát Bồ Đề tâm: Nếu quý vị chẳng quan sát chúng sanh đang hứng chịu khổ não, cái tâm Bồ Đề chẳng thể phát khởi được. Giả sử quý vị đã phát khởi cái tâm Bồ Đề, muốn độ chúng sanh liễu sanh tử, ngoài cách tu theo pháp môn Tịnh Độ ra, có thể độ chúng sanh bằng cách nào đây? Do vậy, quý vị muốn tự mình liễu sanh tử mà lìa khỏi pháp môn Tịnh Độ, sẽ chẳng dễ tu, chẳng dễ chứng. Quý vị mong độ hết thảy chúng sanh liễu sanh tử, mà lìa khỏi pháp môn Tịnh Độ thì cũng chẳng dễ độ! Đây là lý do vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật phải mở ra pháp môn Tịnh Độ. Nhất là đến thời đại Mạt Pháp, lìa khỏi pháp môn Tịnh Độ, sẽ chẳng có pháp môn thứ hai có thể giúp cho chúng ta độ chúng sanh, liễu sanh tử.

(Luận) Thị danh tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp mãn

túc, ưng tri.

(論)是名三種隨順菩提門法滿足，應知。

(Luận: Đây gọi là ba thứ pháp trọn đủ tùy thuận Bồ Đề môn, hãy nên biết).

Quý vị tùy thuận ba thứ pháp môn Bồ Đề để tu hành, trong tương lai sẽ có thể trọn đủ, hãy nên biết [như vậy].

Trên đây là đoạn thứ bảy, nói về “*thuận Bồ Đề môn*”. Đoạn thứ tám tiếp theo đây là “*danh nghĩa nhiếp đối*” (名義攝對), [tức là] dùng những danh nghĩa đã được nói trong phần trước để so sánh với những nghĩa lý được bao hàm trong ấy.

4.2.8. Danh nghĩa nhiếp đối

(Luận) *Hướng thuyết trí huệ, từ bi, phương tiện tam chủng môn, nhiếp thủ Bát Nhã, Bát Nhã nhiếp thủ phương tiện, ưng tri.*

(論)向說智慧、慈悲、方便三種門，攝取般若，般若攝取方便，應知。

(Luận: Ba môn trí huệ, từ bi và phương tiện như đã nói trên đây đã gồm thấu Bát Nhã, Bát Nhã gồm thấu phương tiện, hãy nên biết [như thế]).

“*Hướng thuyết trí huệ, từ bi, phương tiện tam chủng môn, nhiếp thủ Bát Nhã, Bát Nhã nhiếp thủ phương tiện, ưng tri*” (Ba môn trí huệ, từ bi và phương tiện như đã nói trên đây đã bao gồm Bát Nhã, Bát Nhã gồm thấu phương tiện, hãy nên biết): Trí huệ, từ bi, và phương tiện như đã nói trong phần trên, ba môn ấy gồm thấu Bát Nhã. Bát Nhã là trí huệ. Trí huệ Bát Nhã lại gồm thấu phương tiện. Văn tự rất thông thuận, nhưng có một vấn đề: Bát Nhã trong phần sau [của đoạn văn trên đây] cũng là trí huệ, [vậy thì] có gì khác với trí huệ trong phần trên [của đoạn văn ấy]?

Trí huệ môn, từ bi môn, và phương tiện môn như đã nói trong phần trên đều là các pháp môn tùy thuận, tức là tùy thuận Thật Tướng Lý Thể để tu hành, chẳng trái nghịch pháp môn Bồ Đề. Chữ Bát Nhã trong phần sau [của đoạn văn trên đây] giữ nguyên âm tiếng Phạn, chẳng dịch thành “trí huệ”, tức là cách nêu bày đặc biệt. Chữ Bát Nhã trong phần sau [của đoạn văn trên đây] chính là Căn Bản Trí do đức

Phật đã chứng đắc, còn gọi là Thật Trí, tức trí huệ chân thật.

Lại nữa, chữ “*phương tiện*” trong phần trước và “*phương tiện*” trong phần sau có gì khác biệt? Chữ “*phương tiện*” trong phần trước là nói tùy thuận theo pháp môn Bồ Đề. Chữ “*phương tiện*” trong phần sau là chứng đắc trí huệ Bát Nhã căn bản, khởi lên trí huệ phương tiện quyền xảo; phương tiện là diệu dụng để độ chúng sanh. Đây là phương tiện sau khi đã đắc trí huệ Bát Nhã, gọi là Quyền Trí, còn gọi là Hậu Đắc Trí; tức là quý vị trước hết phát tâm, nương theo trí huệ của Phật để quan sát, gọi là “*tùy thuận trí huệ*”. Nương vào lòng từ bi của Phật để dấy lòng từ bi thì gọi là “*tùy thuận từ bi*”. Nương vào phương tiện của Phật để dấy lên phương tiện thì gọi là Quyền Trí, còn gọi là Hậu Đắc Trí. Tức là trước hết quý vị phát tâm, nương vào trí huệ của Phật để quan sát, gọi là “*tùy thuận trí huệ*”; nương vào lòng từ bi của Phật để dấy lòng từ bi thì gọi là “*tùy thuận từ bi*”. Nương theo phương tiện của Phật để khởi phương tiện thì gọi là “*tùy thuận phương tiện*”. Ba thứ pháp môn tùy thuận này đều tu thành công, chứng đắc Căn Bản Trí của Phật, sẽ dấy lên Hậu Đắc Trí có phương tiện quyền xảo.

(Luận) Hướng thuyết viễn ly ngã tâm bất tham trước tự thân, viễn ly vô an chúng sanh tâm, viễn ly cúng dường, cung kính tự thân tâm. Thử tam chủng pháp viễn ly chướng Bồ Đề tâm, ưng tri.

(論) 向說遠離我心不貪著自身，遠離無安眾生心，遠離供養恭敬自身心。此三種法，遠離障菩提心，應知。

(Luận: Trên đây đã nói “xa lìa cái tâm chấp Ngã, chẳng tham đắm bản thân, xa lìa cái tâm chẳng an ổn chúng sanh, xa lìa cái tâm cúng dường, cung kính bản thân”, ba pháp ấy sẽ xa lìa những thứ ngăn chướng Bồ Đề tâm, hãy nên biết [như thế]).

“*Hướng thuyết viễn ly ngã tâm bất tham trước tự thân*”, [ý nói] trong phần trước đã nói hãy xa lìa Ngã Kiến, đừng nên tham lam chấp trước sự vui sướng của bản thân. “*Viễn ly vô an chúng sanh tâm*”, [nghĩa là] phải dẹp hết thầy nổi khổ cho chúng sanh, xa lìa cái tâm chẳng giúp cho chúng sanh được an vui. “*Viễn ly cúng dường cung kính tự thân tâm*”: Đừng nên cúng dường thân thể của chính mình, đừng nên cầu chính mình được cung kính. “*Thử tam chủng pháp, viễn ly chướng Bồ Đề tâm, ưng tri*” [nghĩa là] hãy nên biết ba loại pháp ấy chướng ngại Bồ Đề tâm, cần phải xa lìa! Vì sao phải xa lìa ba loại pháp

ấy? Vì đối với ba pháp ấy, hễ quý vị chấp trước, sẽ hình thành chướng ngại. Quý vị chấp trước một pháp là một chướng ngại. Quý vị chấp trước hai pháp, sẽ là hai chướng ngại. Quý vị chấp trước ba pháp, sẽ là ba chướng ngại. Quý vị hằng ngày nói “phải phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo”, kết quả là bị ba loại pháp ấy ngăn chướng, nhất định phải xa lìa chúng!

(Luận) Hướng thuyết vô nhiễm thanh tịnh tâm, an thanh tịnh tâm, lạc thanh tịnh tâm, thử tam chủng tâm, lược nhất xứ thành tựu diệu lạc thắng chân tâm, ưng tri.

(論) 向說無染清淨心，安清淨心，樂清淨心。此三種心，略一處成就妙樂勝真心，應知。

(Luận: Tâm vô nhiễm thanh tịnh, tâm an thanh tịnh, tâm lạc thanh tịnh như vừa nói trên đây, đối với ba thứ tâm ấy, nói đại lược thì đều quy vào một chỗ thành tựu chính là chân tâm thù thắng diệu lạc, hãy nên biết [như thế]).

“*Hướng thuyết vô nhiễm thanh tịnh tâm*” (Cái tâm vô nhiễm thanh tịnh như đã nói trên đây): Trong phần trên đã nói đến cái tâm chẳng tham cầu sự vui sướng cho bản thân, tức là sanh khởi cái tâm thanh tịnh vô nhiễm. “*An thanh tịnh tâm*” là phải phát tâm dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh. “*Lạc thanh tịnh tâm*” là có thể làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, đều sanh về cõi An Lạc.

“*Thử tam chủng tâm, lược nhất xứ thành tựu diệu lạc thắng chân tâm, ưng tri*” [nghĩa là] ba loại tâm ấy, nói giản lược bèn quy nạp vào một chỗ, chính là cái tâm tùy thuận Bồ Đề; nói gộp lại thì sẽ là “*diệu lạc thắng chân tâm*”. Thấy chúng sanh khổ sở, có thể dẹp khổ cho chúng sanh, đưa chúng sanh về cõi Tây Phương An Lạc, thấy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, chẳng phải là đạt được niềm vui sướng thế gian, mà là pháp lạc chẳng thể nghĩ bàn; cho nên gọi là “*diệu lạc*”. “*Thắng*” (勝) là rất thù thắng, thù thắng như thế nào? Sự thù thắng vượt trội tam giới, cho nên là niềm vui thù thắng, chân thật, chẳng hư ngụy. Gộp chung ba thứ tâm tùy thuận pháp môn Bồ Đề lại, sẽ là pháp lạc thù thắng và chân thật của Bồ Tát.

Trong phần trên đã nói, nay có thể chứng nghiệm: Niềm vui ngũ dục trong thế gian chẳng lâu dài, chẳng thường hằng. Đã vậy, lạc là cái nhân gây ra khổ. Vì sao người ta muốn uống rượu, ăn thịt? Do tham

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

câu vui sướng. Quý vị uống rượu, ăn thịt, hưởng thụ sự vui sướng ngăn ngại, tạm bợ. Cho tới khi quý vị ăn no, uống say, thân thể có gì vui sướng? Lạc chẳng lâu dài, chẳng thường hằng. Lạc là cái nhân gây nên khổ não. Đối với niềm vui ngũ dục trong thế gian, quý vị cứ như thế mà suy đoán, [sẽ thấy nó] chẳng thù thắng, chẳng chân thật. Nhưng niềm vui Phật pháp tức là độ chúng sanh đặc đại Bồ Đề, chính là [niềm vui] thù thắng, chân thật. Giả sử có một chúng sanh chẳng tin tưởng Phật giáo, quý vị khuyên dạy kẻ ấy tin tưởng Phật giáo, quý vị sẽ ngay lập tức hưởng thụ một niềm vui sướng. Sự vui sướng ấy rất thường hằng, lâu dài, lại còn chẳng phải là cái nhân sanh ra sự khổ. Nếu quý vị độ kẻ ấy, [khiến cho kẻ ấy] hiểu những điều tốt đẹp của Phật pháp, trong tương lai, [kẻ ấy] sẽ chuyển pháp luân rộng lớn, sẽ giúp đỡ Phật giáo rất lớn, lại còn tiếp dẫn rất nhiều chúng sanh, quý vị sẽ càng vui sướng hơn! Giả sử quý vị độ một người, tới khi lâm chung, [kẻ ấy] biết trước lúc mất, biết ngày nào sẽ về Tây Phương, lại còn tự mình nói cho quý vị biết. Tới khi đó, quý vị đến tiễn kẻ đó vãng sanh, thấy kẻ đó an tường niệm Phật ra đi; sự vui sướng ấy chẳng thể dùng bút mực để có thể hình dung được! Khi đó, quý vị bèn tin tưởng niềm vui Phật pháp là thù thắng, chân thật, mọi niềm vui ngũ dục đều chẳng sánh bằng!

Kẻ đó là nói về đoạn thứ chín, tức “*nguyện sự thành tựu*” (願事成就), [nghĩa là] những gì quý vị đã phát nguyện và hết thảy sự tướng đã tu đều có thể thành tựu.

4.2.9. Nguyện sự thành tựu

(Luận) Như thị Bồ Tát trí huệ tâm, phương tiện tâm, vô chướng tâm, thắng chân tâm, năng sanh thanh tịnh Phật quốc độ, ung tri.

(論)如是菩薩智慧心、方便心、無障心、勝真心，能生清淨佛國土，應知。

(Luận: Hãy nên biết Bồ Tát có tâm trí huệ, tâm phương tiện, tâm vô chướng, chân tâm thù thắng, có thể sanh về cõi nước thanh tịnh của Phật như vậy).

“*Như thị Bồ Tát trí huệ tâm, phương tiện tâm, vô chướng tâm, thắng chân tâm*” (Bồ Tát có tâm trí huệ, tâm phương tiện, tâm vô chướng, chân tâm thù thắng như vậy): Quý vị là hàng Bồ Tát phát

những cái tâm ấy, có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới như thế nào? Quý vị có trí huệ tâm, phương tiện tâm, vô chướng tâm, chân tâm thù thắng, bốn cái tâm ấy đã khiến cho tâm từ bi bao gồm tâm phương tiện. “*Năng sanh thanh tịnh Phật quốc độ, ưng tri*” (Có thể sanh về cõi nước Phật thanh tịnh, hãy nên biết): Quý vị có bốn loại tâm ấy, sẽ tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật, tự nhiên Phật sẽ dẫn tiếp dẫn quý vị sanh về Tây Phương.

(Luận) Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận ngũ chủng pháp môn, sở tác tùy ý tự tại thành tựu. Như hướng sở thuyết thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện trí nghiệp, tùy thuận pháp môn cố.

(論)是名菩薩摩訶薩隨順五種法門，所作隨意自在成就。如向所說身業、口業、意業、智業、方便智業，隨順法門故。

(Luận: Đó gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận năm thứ pháp môn, những gì đã làm đều tùy ý tự tại thành tựu. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện trí nghiệp như đã nói trên đây đều tùy thuận pháp môn).

“*Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận ngũ chủng pháp môn*” (Đó gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận năm thứ pháp môn): Ma Ha dịch sang tiếng Hán là Đại, [Ma Ha Tát là Đại Bồ Tát]. Một vị đại Bồ Tát tùy thuận năm thứ pháp môn như đã nói trên đây, “*sở tác tùy ý tự tại thành tựu*” (những việc đã làm sẽ tùy ý tự tại thành tựu). Bốn môn trước gọi là “*nhập môn*” (入門), [tức là các hạnh môn để] tiến nhập pháp môn Tịnh Độ. Môn sau cùng gọi là “*xuất môn*” (出門), [tức là] phát ra lòng từ bi độ hết thấy chúng sanh. Tu hành tốt đẹp năm loại pháp môn ấy, sẽ có thể thuận theo ý của quý vị, tự tại vô ngại, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Như hướng sở thuyết thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện trí nghiệp, tùy thuận pháp môn cố*” (Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, trí nghiệp, phương tiện trí nghiệp như đã nói trên đây đều tùy thuận pháp môn): Năm thứ pháp môn như đã nói trên đây:

- Thân nghiệp là Lễ Bái Môn, lễ bái A Di Đà Phật.
- Khẩu nghiệp là Tán Thán Môn, tán thán công đức của A Di Đà

Phật.

- Ý nghiệp là Tác Nguyên Môn, phát nguyện độ chúng sanh cùng sanh về Tây Phương.

- Trí nghiệp là Quan Sát Môn, quan sát y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

- Phương tiện trí nghiệp là Hồi Hướng Môn.

Năm loại nghiệp ấy đều nhằm tùy thuận pháp môn vãng sanh Tịnh Độ.

Đoạn thứ mười kể đó chính là “*lợi hành mãn túc*” (利行滿足), [tức là] tự lợi và lợi tha đều có thể viên mãn trọn đủ.

4.2.10. Lợi hành mãn túc

(Luận) Phục hữu ngũ chủng môn, tiệm thứ thành tựu ngũ chủng công đức, ưng tri. Hà giả ngũ môn? Nhất giả cận môn, nhị giả đại hội chúng môn, tam giả trạch môn, tứ giả ốc môn, ngũ giả viên lâm du hý địa môn. Thứ ngũ chủng môn, sơ tứ chủng môn, thành tựu nhập công đức; đệ ngũ môn, thành tựu xuất công đức.

(論)復有五種門，漸次成就五種功德，應知。何者五門？一者近門，二者大會眾門，三者宅門，四者屋門，五者園林遊戲地門。此五種門，初四種門，成就入功德；第五門，成就出功德。

(Luận: Lại có năm loại môn, theo thứ tự mà dần dần thành tựu năm loại công đức, hãy nên biết. Những gì là năm môn? Một là cận môn, hai là đại hội chúng môn, ba là trạch môn, bốn là ốc môn, năm là viên lâm du hý địa môn. Trong năm loại môn ấy, bốn môn đầu thành tựu “nhập công đức”, môn thứ năm thành tựu “xuất công đức”).

“*Phục hữu ngũ chủng môn, tiệm thứ thành tựu ngũ chủng công đức, ưng tri*” [nghĩa là] lại có năm thứ môn có thể tùy thuận năm loại công đức ấy, [hành giả] đáng nên biết! “*Hà giả ngũ môn?*”: Năm thứ môn nào vậy? “*Nhất giả, cận môn*”: Môn gần với Bồ Đề đạo. “*Nhị giả, đại hội chúng môn*”: Môn có thể dự vào hàng ngũ các vị Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. “*Tam giả, trạch môn*”: Tiến vào cửa chính của Phật. “*Tứ giả, ốc môn*”: Đãng đường nhập thất, vào trong nhà Phật. “*Ngũ giả, viên lâm du hý địa môn*”: Ra khỏi cửa nhà, vào vui chơi trong vườn rừng, đến độ chúng sanh. “*Thứ ngũ chủng môn, sơ tứ*

chủng môn, thành tựu nhập công đức”: Trong năm thứ môn trên đây, bốn thứ môn đầu là “*nhập Bồ Đề môn*”, tức là nhập Tịnh Độ môn. “*Đệ ngũ môn, thành tựu xuất công đức*”: Môn thứ năm là xuất Bồ Đề môn, quay lại thế giới Sa Bà hồng độ chúng sanh.

(Luận) Nhập đệ nhất môn giả, dĩ lễ bái A Di Đà Phật vị sanh bỉ quốc cố, đắc sanh An Lạc thế giới, thị danh nhập đệ nhất môn.

(論)入第一門者，以禮拜阿彌陀佛為生彼國故，得生安樂世界，是名入第一門。

(Luận: Môn thứ nhất để nhập chính là dùng lễ bái A Di Đà Phật hồng sanh về cõi ấy, được sanh về thế giới An Lạc thì gọi là “môn thứ nhất để nhập”).

“*Nhập đệ nhất môn giả*”: Môn thứ nhất để nhập là “*cận môn*” (近門), [tức là] gần với Bồ Đề đạo. Gần Bồ Đề đạo bằng cách nào? “*Dĩ lễ bái A Di Đà Phật vị sanh bỉ quốc cố, đắc sanh An Lạc thế giới, thị danh nhập đệ nhất môn*” [ý nói] quý vị mong tiến nhập Bồ Đề môn, trước hết, hãy cung kính lễ bái A Di Đà Phật hồng có thể sanh thế giới An Lạc. Vì thế, gọi là “*nhập đệ nhất môn*”.

(Luận) Nhập đệ nhị môn giả, dĩ tán thán A Di Đà Phật, tùy thuận danh nghĩa xưng Như Lai danh, y Như Lai quang minh trí tướng tu hành cố, đắc nhập đại hội chúng số, thị danh nhập đệ nhị môn.

(論)入第二門者，以讚歎阿彌陀佛，隨順名義稱如來名，依如來光明智相修行故，得入大會眾數，是名入第二門。

(Luận: Môn thứ hai để nhập là do tán thán A Di Đà Phật, tùy thuận danh nghĩa mà xưng tụng danh hiệu Như Lai, nương theo quang minh trí tướng của Như Lai để tu hành, bèn được dự vào đại chúng trong đại hội, thì gọi là “nhập đệ nhị môn”).

“*Nhập đệ nhị môn giả*”: Môn thứ hai để nhập hồng trở thành một phần tử của Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. Làm thế nào để có thể trở thành [một phần tử của] Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát? “*Dĩ tán thán A Di Đà Phật*”: Vì tán thán công đức của A Di Đà Phật.

“Tùy thuận danh nghĩa xưng Như Lai danh” (Tùy thuận danh nghĩa mà xưng tụng danh hiệu Như Lai): Hãy chú ý bốn chữ “xưng Như Lai danh”, đây chính là pháp môn Niệm Phật. “Quan sát” được nói trong phần trước chính là quán tưởng, quán niệm. “Xưng Như Lai danh” ở đây chính là niệm danh hiệu Phật, tức Trì Danh Niệm Phật: “*Nam-mô A Di Đà Phật, nam-mô A Di Đà Phật*”... “Xưng” (稱) là dùng miệng để đọc ra, “niệm” (念) là dùng tâm để nghĩ tới. “*Y Như Lai quang minh trí tướng tu hành cố*” (Do nương theo trí tướng quang minh của Như Lai để tu hành): Quý vị niệm danh hiệu Phật còn phải nương vào tướng quang minh trí huệ của Như Lai để tu hành. “*Đắc nhập đại hội chúng số, thị danh nhập đệ nhị môn*” [nghĩa là] quý vị xưng danh hiệu của Như Lai, nương theo tướng quang minh trí huệ của Như Lai để tu hành, có thể trở thành một phần tử của Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. Vì thế gọi là “*nhập đệ nhị môn*” (môn thứ hai để nhập).

(Luận) Nhập đệ tam môn giả, dĩ nhất tâm chuyên niệm tác nguyện sanh bỉ, tu Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội hạnh cố, đắc nhập Liên Hoa Tạng thế giới, thị danh nhập đệ tam môn.

(論)入第三門者，以一心專念作願生彼，修奢摩他寂靜三昧行故，得入蓮華藏世界，是名入第三門。

(Luận: Môn thứ ba để nhập là do nhất tâm chuyên niệm, phát nguyện sanh về cõi ấy, tu hạnh Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội, được vào trong thế giới Liên Hoa Tạng, đó gọi là môn thứ ba để nhập).

“*Nhập đệ tam môn giả*”: Môn thứ ba để nhập chính là Tác Nguyện Môn. “*Dĩ nhất tâm chuyên niệm tác nguyện sanh bỉ*” (Dùng nhất tâm chuyên niệm, phát nguyện sanh về cõi ấy): Nhất tâm chẳng có hai ý, tức là [một lòng một dạ] nguyện mong sanh về Tây Phương An Lạc thế giới. “*Tu Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội hạnh cố*” (Do tu hạnh Xa-ma-tha tịch tĩnh tam-muội): Xa-ma-tha dịch sang tiếng Hán là Chỉ, tức là ngưng dứt hết thảy các điều ác. Tam-muội dịch là Chánh Định, tức là nhất tâm, chẳng có hai niệm, tu pháp môn nhập Định. “*Đắc nhập Liên Hoa Tạng thế giới*”: Được sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Thị danh nhập đệ tam môn*”: Vì thế, gọi là “*môn thứ ba để nhập*”.

(Luận) Nhập đệ tứ môn giả, dĩ chuyên niệm quan sát bỉ diệp

trang nghiêm, tu Tỳ-bà-xá-na cố, đắc đạo bỉ xứ, thọ dụng chủng chủng pháp vị lạc, thị danh nhập đệ tứ môn.

(論)入第四門者，以專念觀察彼妙莊嚴，修毗婆舍那故，得到彼處，受用種種法味樂，是名入第四門。

(Luận: Môn thứ tư để nhập là do chuyên niệm, quan sát sự trang nghiêm màu nhiệm trong cõi ấy, tu Quán, đến được chỗ ấy, thọ dụng các thứ niềm vui pháp vị, thì gọi là “môn thứ tư để nhập”).

“Nhập đệ tứ môn giả, dĩ chuyên niệm quan sát bỉ diệu trang nghiêm, tu Tỳ-bà-xá-na cố” (Môn thứ tư để nhập là do chuyên niệm, quan sát sự trang nghiêm màu nhiệm trong cõi ấy mà tu Quán): “Tỳ-bà-xá-na” dịch sang tiếng Hán là Quán. Phải chuyên niệm quan sát sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Đắc đạo bỉ xứ, thọ dụng chủng chủng pháp vị lạc” (Đến được chốn ấy, thọ dụng các thứ niềm vui pháp vị): Quý vị đã quan sát tường tận, sẽ sanh về Tây Phương, hưởng thụ các thứ niềm vui pháp vị. “Thị danh nhập đệ tứ môn”: Vì thế gọi là môn thứ tư để nhập.

(Luận) Xuất đệ ngũ môn giả, dĩ đại từ bi, quan sát nhất thiết khổ não chúng sanh, thị Ứng Hóa Thân, hồi nhập sanh tử viên phiến não lâm trung, du hý thần thông, chí giáo hóa địa, dĩ bản nguyện lực hồi hướng cố, thị danh xuất đệ ngũ môn.

(論)出第五門者，以大慈悲，觀察一切苦惱眾生，示應化身，迴入生死園煩惱林中，遊戲神通，至教化地，以本願力迴向故，是名出第五門。

(Luận: Môn thứ năm để Xuất: Do đại từ bi, quan sát hết thảy chúng sanh khổ não, thị hiện Ứng Hóa Thân, trở vào vườn sanh tử, rừng phiến não mà du hý thần thông, đạt tới chỗ giáo hóa, dùng sức bản nguyện để hồi hướng, thì gọi là môn thứ năm để xuất).

“Xuất đệ ngũ môn giả” (Môn thứ năm để xuất): Bốn môn trước được gọi là Nhập, tiến nhập Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lại từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở ra thì gọi là “thừa nguyện tái lai”. Vì sao sanh về Tây Phương? Chẳng vì chính mình cầu pháp lạc, mà vì hết thảy chúng sanh cầu pháp lạc. Sau khi đã đắc pháp lạc, “dĩ đại từ bi, quan sát nhất thiết khổ não chúng sanh” (do lòng đại từ bi, quan sát hết thảy

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

chúng sanh khổ não): Thoạt đầu đã phát tâm đại từ bi, nguyện ban vui cho hết thảy chúng sanh, dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh, thì mới sanh về Tây Phương. Sau khi đã sanh về Tây Phương, đạt được pháp lạc, lại do tâm đại từ bi mà quan sát hết thảy chúng sanh khổ não đang chịu khổ trong biển khổ. Do vậy, bèn từ Tây Phương Cực Lạc thế giới, quay lại thế giới Sa Bà. “*Thị Ứng Hóa Thân*”: Thị hiện thân Ứng Hóa. Chúng sanh đáng nên do thân gì mà đắc độ, [Bồ Tát] bèn ứng hóa thân ấy, giống như phẩm Phổ Môn của Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Hồi nhập sanh tử viên*” (Trở vào vườn sanh tử): Chúng sanh trong thế giới Sa Bà đều đang lưu chuyển trong sanh tử; cho nên thế giới Sa Bà được gọi là “*sanh tử viên*” (vườn sanh tử). “*Phiền não lâm trung*” (Trong rừng phiền não): Phiền não của chúng sanh rất nhiều, giống như rừng cây, nên gọi là “*phiền não lâm*”.

“*Du hý thần thông*”: Sau khi quý vị đắc pháp lạc, đã có thần thông, lại đi trong vườn sanh tử, rừng phiền não, chẳng bị phiền não ô nhiễm. “*Chí giáo hóa địa*” (Đến chỗ giáo hóa): Quý vị đều độ hết thảy chúng sanh ra khỏi vườn sanh tử, [thoát khỏi] rừng phiền não. Đạt đến chỗ Phật giáo hóa, tức là sanh về Tây Phương. “*Dĩ bốn nguyện lực hồi hướng cố*” (Do dùng nguyện lực của chính mình để hồi hướng): Vì sao quý vị đã sanh về Tây Phương mà còn muốn quay về? Vì quý vị phát nguyện “nguyện độ chúng sanh đều sanh về Tây Phương”; do vậy, quý vị nhất định phải nương theo sức bốn nguyện, hồi hướng hết thảy chúng sanh đều thành Phật. “*Thị danh xuất đệ ngũ môn*”: Trở lại thế giới Sa Bà để hóa độ hết thảy chúng sanh, cho nên gọi là “*môn thứ năm để xuất*”.

(Luận) Bồ Tát nhập tứ chủng môn, tự lợi hạnh thành tựu, ung tri.

(論)菩薩入四種門，自利行成就，應知。

(Luận: Bốn loại môn Nhập của Bồ Tát nhằm thành tựu hạnh tự lợi, hãy nên biết).

Bốn môn trước được gọi là “*nhập môn*”. Bồ Tát nhập bốn môn ấy thì chính mình đạt được lợi ích, tức là hạnh môn tự lợi đã viên mãn đầy đủ, hãy nên biết [như vậy].

(Luận) Bồ Tát xuất đệ ngũ môn, hồi hướng lợi ích tha hạnh thành tựu, ung tri.

(論)菩薩出第五門，迴向利益他行成就，應知。

(Luận: Môn thứ năm của Bồ Tát là Xuất nhằm thành tựu hạnh hồi hướng lợi ích người khác, hãy nên biết).

Bồ Tát thoát đầu bèn phát tâm, hồi hướng hết thầy công đức tu hành cho chúng sanh. Nay đã sanh vào Tây Phương, lại quay về, nương vào công đức hồi hướng mà lợi ích hết thầy chúng sanh. Đây là hạnh môn lợi ích người khác cũng viên mãn trọn đủ, hãy nên biết.

(Luận) Bồ Tát như thị tu ngũ môn hạnh, tự lợi, lợi tha, tốc đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố.

(論)菩薩如是修五門行，自利利他，速得成就阿耨多羅三藐三菩提故。

(Luận: Bồ Tát tu năm hạnh môn như vậy, tự lợi, lợi người khác, mau chóng thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

“*Bồ Tát như thị tu ngũ môn hạnh, tự lợi lợi tha*” (Bồ Tát tu năm hạnh môn tự lợi và lợi tha như thế): Bốn môn đầu là tự lợi, một môn sau cùng là lợi tha. “*Tốc đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố*” (Mau chóng thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác): Bồ Tát có thể thành Phật rất nhanh chóng. Tiếng Phạn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch sang tiếng Hán là “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Đây là quả vị Phật. Phật chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là thành Phật.

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là gì? Chánh Giác là giác ngộ chân chánh. Phàm phu coi trọng dâm dục, mê mà chẳng giác. Ngoại đạo là kẻ cầu đạo ngoài tâm, tuy chánh nhưng chẳng giác. Do vậy, Chánh Giác vượt trội hàng phàm phu, ngoại đạo, vượt trội lục đạo. Chánh Đẳng là bình đẳng. Hàng Nhị Thừa là Chánh Giác, nhưng chẳng phải là Chánh Đẳng, vì họ chỉ có thể tự lợi, chẳng thể lợi ích người khác. Do đó, Chánh Đẳng Chánh Giác vượt trội hàng Nhị Thừa. Bồ Tát có thể tự lợi, cũng có thể lợi tha, có thể gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng chẳng thể gọi là Vô Thượng. Vì [so theo từng địa vị], Bồ Tát lại có [mức độ] Chánh Đẳng Chánh Giác cao hơn nữa, [chẳng hạn như] trên Sơ Địa còn có Nhị Địa, cho đến Thập Địa Bồ Tát thì trên đó còn có Đẳng Giác Bồ Tát. Trên Đẳng Giác Bồ Tát còn có Phật. Đến khi thành Phật thì chẳng còn có gì cao hơn nữa; cho nên Phật được gọi là Vô

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Năm thứ hạnh môn của Bồ Tát, bốn thứ hạnh môn thuộc về tự lợi được xếp ra trước, hạnh môn lợi tha được xếp đằng sau, nhưng phát nguyện chẳng giống nhau. Bồ Tát phát nguyện nhằm lợi ích chúng sanh, vì ban vui cho hết thảy chúng sanh, vì dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh, nương theo nguyện ấy để dụng công tu hành. Bốn thứ lợi ích trước đó là do cứu độ chúng sanh mà đạt được. Vì thế, đã đạt được bốn thứ lợi ích, nhất định phải trở về thế giới Sa Bà độ chúng sanh. Nếu không, sẽ chẳng mãn Bồ Đề nguyện!

Bồ Tát phát nguyện là vì muốn độ hết thảy chúng sanh thành Phật, chẳng mong chính mình sẽ thành Phật trước! Để độ hết thảy chúng sanh thành Phật, sao không làm cho chính mình thành Phật trước? Đây là pháp môn Đại Thừa, quý vị sanh về Tây Phương, chẳng phải nhằm để chính mình liễu sanh tử, mà do vì độ chúng sanh nên sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương, bốn loại pháp môn quý vị đều thành tựu viên mãn, đạt được tự lợi, lại trở về độ chúng sanh, lại đạt được công đức lợi tha. Vì thế, chúng sanh thành Phật sau quý vị, bản thân quý vị đã thành Phật trước.

Cổ nhân có một tỷ dụ, phiền não của chúng sanh giống như củi nhóm lò, Bồ Tát đoạn phiền não thành Phật giống que cời lửa. Thuở xưa, đốt củi nấu cơm, Bồ Tát dùng cái que cời lửa để gạt lửa hòng muốn cho củi sẽ cháy hết, chẳng biết là gạt tới, gạt lui [bao nhiêu lượt], đốt rụi luôn cái que cời lửa của chính mình. Bồ Tát vốn chẳng nghĩ chính mình sẽ thành Phật trước, nhưng rồi lại thành Phật trước.

Lấy chuyện giảng kinh, thuyết pháp làm tỷ dụ, ví như chúng ta thấy đệ tử Phật giáo đều chú trọng tu hành, chẳng chú trọng hiểu lý. Kết quả là Phật giáo suy vi, vì đệ tử Phật giáo trọn chẳng hiểu rõ Phật lý. Đây là sự sai lầm to lớn. Thứ tự học Phật là tín, giải, hành, chứng; giải trước, hành sau. Tu hành mà chẳng hiểu rõ Phật lý thì chính là tu mù luyện đui, đi sai đường mà vẫn chẳng biết. Quý vị phát tâm giảng kinh cho mọi người nghe, chính mình trước đó phải nghiên cứu với mục đích là để giảng cho mọi người nghe. Kết quả là quý vị thông hiểu Phật lý trước, lợi ích người khác là chuyện sau đó. Vì thế, Đại Thừa Phật pháp coi lợi tha là tự lợi.

*** Giải trừ nghi hoặc**

Hỏi: Ta phát tâm nghiên cứu Phật pháp là được rồi, cần gì phải

Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký

phát nguyện giảng cho mọi người nghe rồi mới nghiên cứu kinh Phật, coi lợi tha là tự lợi ư?

Đáp: Nếu quý vị chẳng phát nguyện giảng cho mọi người nghe, quý vị sẽ chẳng nghiên cứu thấu triệt Phật lý. Hiện thời, rất nhiều đệ tử Phật thích nghiên cứu Phật lý, bảo họ giảng cho đại chúng nghe, họ chẳng thể nào kiên nhẫn. Đây chính là vì lúc ban đầu đã chẳng phát nguyện Bồ Đề. Quý vị thấy trời nóng gắt, quý vị ngồi ở dưới [cảm thấy] nóng nực, chẳng biết tôi giảng kinh càng nóng hơn nữa, vì tôi giảng kinh phải xúc lên tinh thần. Nếu tôi giảng mà chẳng xúc lên tinh thần, quý vị sẽ đều ngủ gục hết. Tôi xúc dậy tinh thần, cho nên tôi đổ mồ hôi nhiều hơn quý vị. Vì sao toát mồ hôi nhiều quá mà vẫn có thể tiếp tục giảng? Do nguyện lực duy trì! Bởi lẽ, thoát đầu muốn làm lợi cho người khác, cho nên mới nghiên cứu Phật lý. Nghiên cứu đã thông hiểu mà chẳng giảng cho người khác nghe, chính mình sẽ chẳng được an lạc.

Vì sao tôi phải giảng Vãng Sanh Luận? Là vì muốn cho quý vị tăng thêm tín tâm. Đã có tín tâm, quý vị sẽ dấy lên giải. Đã hiểu Vãng Sanh Luận, lại xem ba kinh Tịnh Độ, tức kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, và kinh A Di Đà. Quý vị chẳng có năng lực, không sao cả! Trước hết, hãy xem kinh văn một lượt, trong tương lai, gặp người khác giảng giải, nhất định là quý vị sẽ dễ thấu hiểu, vì quý vị đã từng xem kinh văn rồi! Lão pháp sư Ấn Quang đề xướng Tịnh Độ Ngũ Kinh, [tức là] ngoài ba kinh trên đây, còn thêm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm và Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, hãy đều nên nghiên cứu.

Đã có tín tâm, đã có sự thông hiểu, phải phát tâm tu hành, phải chú trọng niệm Phật, nhưng phải phát Bồ Đề tâm, vì độ hết thảy chúng sanh liễu sanh tử mà sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hiện thời, hãy tùy phận tùy sức giáo hóa hết thảy chúng sanh, mọi người niệm Phật cùng sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương, chúng Vô Sanh Pháp Nhân, chính mình đạt được công phu Vô Sanh, rồi lại trở vào thế giới Sa Bà để độ hết thảy chúng sanh.

Vãng Sanh Luận giảng đến đây đã xong!

**Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá
Nguyên Sanh Kệ Giảng Ký chung**

(trang trống)

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

淨土十疑論講記

Đời Tùy Thiên Thai Trí Giả đại sư thuyết

Pháp sư Trí Viên giảng giải

隋天台智者大師說

智圓法師講解

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Vài nét về pháp sư Trí Viên

Pháp sư Trí Viên là dịch nghĩa tiếng Hán của danh xưng Khenpo¹⁴ Yeshe Phuntok Rinpoche (người Hoa thường phiên âm là Kham Bô Ích Tây Bành Thố Nhân Ba Thiết, Kān Bù Yì Xī Péng Cuò Rén Bō Qiè). Sư sinh năm 1971, nguyên quán ở làng Tông Khoa, huyện Nhưỡng Đường (Zamtang), châu A Bả (Ngawa), tỉnh Tứ Xuyên. Sư vốn là người Tây Tạng. Từ năm 1978 đến năm 1983, vừa theo học Tiểu Học, Sư đã dành nhiều công sức để học các văn bản truyền thống của Tây Tạng. Năm 1985, Sư xin vào trường Trung Học Văn Hóa Tây Tạng tại tỉnh Tứ Xuyên. Từ năm 1986, Sư theo học Phật pháp (Hiển Giáo và Mật Giáo) với thượng sư Pháp Vương Như Ý Bảo Tấn Mỹ Bành Thố (Jigme Phuntsok) của Lạt Dung Ngũ Minh Phật Học Viện (Larung Ngarik Nangten Loping) thuộc dòng Cổ Mật (Ninh Mã phái, Nyingmapa) tại huyện Sắc Đạt (Sertha) tỉnh Cam Túc. Sau khi được công nhận là Khenpo, Sư chuyên trách giáo vụ tại Phật Học Viện này, chú trọng bồi dưỡng Tăng tài theo hệ thống truyền thừa Phật giáo Tây Tạng suốt chín năm. Từ năm 1996, Sư vâng lệnh ngài Tấn Mỹ Bành Thố chuyên giảng pháp cho các tự viện nói tiếng Hán tại Trung Hoa.

¹⁴ Khenpo là một danh xưng cao quý trong Phật giáo Tây Tạng, gần như tương đương với danh xưng Hòa Thượng. Trong truyền thống Tây Tạng, người được mang danh xưng này phải theo học Phật học tối thiểu mười ba năm tại các Phật Học Viện lớn và đậu các kỳ sát hạch nghiêm ngặt. Để được công nhận là một Khenpo, tăng sinh phải có khả năng diễn giảng và bảo vệ các luận điểm của mình trong các cuộc tranh luận trên tối thiểu năm khoa mục chủ yếu của Đại Thừa, tức Bát Nhã, Trung Quán, Giáo Lượng, A Tỳ Đạt Ma, và Luật Tạng.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Tuy xuất thân từ Mật Tông, Sư đặc biệt yêu thích Tịnh Độ, và giảng diễn rất nhiều kinh sách Đại Thừa, đặc biệt là các kinh sách thuộc hệ thống Bát Nhã và Tịnh Độ. Điều lý thú là khi giảng về pháp môn Tịnh Độ, Sư hoàn toàn dựa theo Tịnh Độ Ngũ Kinh, chứ không hề chú trọng cách tu Tịnh Độ bằng phương tiện quán tưởng và trì chú như trong truyền thống Mật Tông Tây Tạng.

Lời mở đầu

Tịnh Độ Thập Nghi Luận được tán dương là “*Đông Độ đệ nhất Tịnh Độ luận điển*” (bộ luận bậc nhất về Tịnh Độ của Đông Độ) là do có nguyên nhân sâu xa. Trí Giả đại sư thấu hiểu thông suốt cương tông của đại đạo Tịnh Độ, biết đường lối để chúng sanh đạt được lợi ích to lớn “*vãng sanh, đạt được thành tựu*”, lợi ích do vãng sanh, và tướng đại duyên khởi của pháp môn. Do đó, Ngài dốc sức bài trừ những nỗi nghi hoặc đã tồn tại lâu dài trong lòng người từ trước đến nay. Những nỗi nghi hoặc ấy như: Có kẻ ngờ vực tiến trình theo thứ tự trên đường Bồ Đề, có kẻ ngờ vực chỗ bất đồng giữa các pháp môn theo lối thông thường [và pháp môn Tịnh Độ], có kẻ nghi hoặc giữa sự chuyên tu và phổ tu (tu theo đường lối chung, thông thường, tu phổ quát), có kẻ ngờ phàm phu có thể vãng sanh hay không, làm thế nào để vãng sanh v.v... Do bộ luận này [mà người đọc] giống như nhà tối ngàn năm bỗng được ánh nắng chiếu vào, cũng như người ngồi tàu thủy sẽ nhanh chóng đạt đến chỗ đáng tin¹⁵. Những điều ấy đều là do chính sức lực của đại sư tạo nên. Chúng ta học tập bộ luận này, sẽ phát hiện: Mỗi chỗ đều đủ sức đoạn nghi, sanh tín, trọn đủ rõ ràng những luận thuyết chánh đáng đầy sức thuyết phục. Sau khi đã phá trừ mười mối nghi, những mối nghi vốn cao ngất trong tâm đều triệt để sụp đổ; từ đó, sẽ thấy rõ đại đạo Tịnh Độ, kiến lập cơ sở tín nguyện trong tâm. Vì thế, đây là giáo điển căn bản của Tịnh Độ vậy.

¹⁵ Nguyên văn “亦如人乘上轮船迅速达到信心之地那样”.

Lược truyện Trí Giả đại sư

Đại sư có pháp danh là Trí Khải¹⁶, là tổ sư khai tông của tông Thiên Thai, được cõi đời xưng tụng là Thiên Thai Đại Sư. Họ ngoài đời là Trần, cha Ngài là Ích Dương Hầu¹⁷ dưới triều Lương, mẹ họ Từ. Khi đó, mẹ Ngài mộng thấy khói hương ngũ sắc quấn quanh vùng bụng, toan gạt bỏ đi, bỗng nghe có tiếng nói: “Nhân duyên đời trước ký thác nơi vương đạo, do phước đức tự nhiên mà đến, làm sao có thể gạt bỏ cho được?” Mẹ Ngài lại mộng thấy nuốt con chuột trắng. Đồi ba lượt [nằm mộng] như thế, bà cảm thấy rất lạ lùng, liền đi xem bói. Thầy bói bảo: “Đây là điềm rồng trắng”. Tối hôm đại sư đản sanh, trong phòng là một vầng sáng ngời, liền tiếp suốt hai đêm [như vậy], quang minh mới ắt tắt.

Mắt đại sư có hai tròng, lông mi chia thành tám màu, có trọn đủ tướng linh dị giống như bậc thánh nhân thời cổ là Đường Nghiêu và Đại Thuấn. Trong ngoài gia đình đều rất hoan hỷ, bày yến tiệc lớn để ăn mừng. Bỗng có hai vị tăng nhân gõ cửa, nói: “Lành thay! Đứa trẻ có công đức sâu nặng như vậy nhất định sẽ xuất gia”. Nói xong, biến mất. Khách khứa đến dự tiệc đều lấy làm lạ. Bà Từ nhớ lại điềm lành khi trước, bèn đặt tên cho đại sư là Vương Đạo. Lại vì sau đó, tướng quang minh hiện đầy nhà, nên gọi là Quang Đạo. Do vậy, thuở bé, đại sư có hai tên gọi là Vương Đạo và Quang Đạo.

Thuở bé, khi nằm trên giường, đại sư nhất định chấp tay; hễ ngồi dậy, nhất định sẽ ngoảnh mặt về phương Tây. Cho đến khi lớn hơn đôi chút, miệng chẳng ăn tạp loạn. Hễ trông thấy thánh tượng bèn lễ bái, gặp gỡ tăng nhân nhất định sẽ cung kính. Lúc bảy tuổi, Ngài thích đến chỗ thanh tịnh trong chốn già-lam, các tăng nhân đều kinh ngạc trước tâm ý và chí hướng của Ngài, bèn dạy truyền khẩu phẩm Phổ Môn. Họ vừa nói xong một lượt, Ngài đã có thể ghi nhớ.

Mười bảy tuổi, Ngài phát thệ làm sa-môn, mười tám tuổi xuất gia, hai mươi tuổi thọ Cụ Túc Giới, tinh thông Luật Tạng. Sư lại còn

¹⁶ Đúng ra, pháp danh của Tổ phải là Trí Nghĩ (智顛), nhưng do từ trước đến nay các sách vở thường phiên âm tên Ngài là Trí Khải, nên chúng tôi vẫn vâng theo thói quen xưa nay.

¹⁷ Cha Ngài là Trần Khởi Tổ, giỏi chữ, lại có tài quân sự. Khi Tiêu Dịch làm thứ sử Kinh Châu, ông Trần Khởi Tổ đã làm mạt khách (cố vấn). Khi Tiêu Dịch trở thành Lương Nguyên Đế, đã phong cho ông Trần làm Ích Dương Huyện Khai Quốc Hầu, nên ông Trần Khởi Tổ thường gọi là Ích Dương Hầu.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

thường thích trụ trong Thiên duyệt. Theo Pháp Hoa Kinh Truyện Ký ghi chép, sau khi tròn hai mươi ba tuổi, đại sư theo học với thiền sư Huệ Tư ở núi Đại Tô tại Quang Châu. Thiền sư Huệ Tư thường cảm thán: *“Xưa kia, trong hội Linh Sơn, chúng ta cùng nghe kinh Pháp Hoa, do túc duyên theo đuổi, nay lại tìm đến”*. Sư liền chỉ dạy Phổ Hiền Hành Pháp, tuyên nói Tứ An Lạc Xứ Hạnh. Trí Giả đại sư ở trên núi ấy tu hành Pháp Hoa tam-muội, mới trải qua ba buổi tối, tụng phẩm Dược Vương [trong kinh Pháp Hoa], tâm duyên theo khổ hạnh [của Dược Vương Bồ Tát], đến câu *“thị chân tinh tấn”* (là tinh tấn thật sự), Ngài liền sanh khởi sự giải ngộ, thấy chính mình và thiền sư Huệ Tư ở trong Tịnh Độ thất bảo trên núi Linh Thứu, cùng với tám vạn vị Bồ Tát, một vạn hai ngàn vị Thanh Văn, cùng nhau nghe đức Phật thuyết pháp. Do vậy, thiền sư Huệ Tư nói: *“Chẳng phải là người không thể cảm, chẳng phải là ta không thể biết. Đây là tiền phương tiện của Pháp Hoa tam-muội”*.

Trong phần chú thích của sách ấy (Pháp Hoa Kinh Truyện Ký) có chép: *“Đạo Tuyên luật tổ (tổ sư Nam Sơn Luật Tông là ngài Đạo Tuyên) đã từng hỏi một vị trời: ‘Thiền sư Huệ Tư đời Trần và Trí Giả đại sư đời Tùy, công đức siêu quần, thuở trước đã từng cùng nhau nghe kinh Pháp Hoa trong hội Linh Sơn, chẳng biết xưa kia các Ngài là ai? Các Ngài cũng đều nói kinh pháp xứng hợp tâm ý của đức Phật hay chăng?’ Vị trời ấy đáp: - Các vị ấy vốn đều là cổ Phật, hóa hiện làm bậc thánh nhân đến du hóa khắp nơi. Thiền sư Huệ Tư là Quán Thế Âm Bồ Tát, trong phẩm Phổ Môn có nói về công đức của Ngài. Trí Giả đại sư là Dược Vương Bồ Tát, đã xuất hiện nơi cõi đời trong thời Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Thuở ấy, Ngài đã nhanh chóng xả thân để cúng dường pháp. Phẩm Dược Vương trong kinh Pháp Hoa đã nói về sự tu hành của Ngài. Các Ngài không chỉ hoằng dương kinh pháp trong hiện thời, mà còn trong thuở lâu xa trước kia, đã giảng kinh Pháp Hoa khi đức Phật diệt độ. [Giảng dạy như vậy] suốt thời một ngàn vị Phật ra đời trong quá khứ, cho đến thời ba vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp, đều giống như hiện thời. Các Ngài khế hội rất sâu yếu chỉ trong kinh pháp của đức Phật”*.

Sau đó, đại sư lại đến núi Bạch Sa ở Tây Châu, nhập Quán giống như trên đây. Hễ xem kinh văn mà có chỗ nào nghi hoặc, liền thấy thiền sư Huệ Tư ở trong cảnh giới bí mật giải thích. Thuở ấy, thiền sư Huệ Tư thường sai Trí Giả đại sư thay mình giảng giải kinh luận, còn chính mình thì cầm càn như ý xem, nghe. Huệ Tư đại sư bảo các học

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

trò: “*Đây là ý nghi của ta, chỉ hận là nó còn thiếu định lực*” (nghĩa là trí huệ của Huệ Tư đại sư đã truyền sang tâm Trí Giả đại sư). Lại nói, sau khi học thành tài, Trí Giả đại sư từ biệt sư phụ, Huệ Tư đại sư bảo: “*Người có duyên với nước Trần, đến đó nhất định sẽ có thể tạo lợi ích*”. Huệ Tư đến Nam Nhạc trước, còn Trí Giả đại sư thì sang Kim Lăng (tức Nam Kinh).

Trí Giả đại sư tới Kim Lăng, trụ tại chùa Ngõa Quan tám năm, giảng kinh Pháp Hoa. Các vị đại đức nhà Lương, nhà Trần đều đến thưa hỏi, nghị luận. Thuở ấy, các vị vương hầu, tầng lớp cao sang đều ngưng chuyện triều chánh để tới tham dự pháp hội. Trong lúc Trí Giả đại sư khởi sự giảng phẩm Tụ cho đến cuối phần ngài Văn Thù trả lời câu hỏi [của Di Lạc Bồ Tát], bỗng dung hội Linh Sơn hiện ra trên hư không, lúc đó có dăm ba người trông thấy. Trên trời tuôn mưa diệp hoa, màu sắc trắng tinh. Hoa ấy có hơn ba mươi cánh, các cánh hoa san sát, lơ lửng trong hư không chẳng rơi xuống, cao hơn một thước, giống như cánh hoa sen vậy. Khi Ngài giảng đến phẩm Bảo Tháp, trong thính chúng có người nằm mơ thấy chùa Ngõa Quan ba lượt biến thành Tịnh Độ, phân thân của Phật Thích Ca trọn khắp tám phương. Lại có người trông thấy cảnh tượng Phổ Hiền Bồ Tát từ phương xa hiện đến. Thuở ấy, những người được lợi ích bởi mưa pháp và những sự kiện ngầm ngầm đạt được lợi ích chẳng thể tính đếm. Trong lúc đại sư giảng kinh Pháp Hoa, Ngài cảm Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi voi trắng giảng xuống thuyết pháp trước mặt. Thuở đó, đại sư dùng Ngũ Thời Bát Giáo để phán định, giải thích thấu triệt tốt cùng giáo pháp suốt một đời đức Phật.

Từ lúc ba mươi tuổi đại sư đến Nam Kinh, ở tại đó suốt tám năm. Trong khi nói năng hay im lặng, khi nghĩ tới núi rừng, sông, suối, Ngài thường mơ thấy quang cảnh vách đá muôn tầng hiểm trở, vách núi phủ mây trắng vờn quanh mặt trời, dưới đó là biển xanh bát ngát không bờ bên trong suốt, dập dềnh. Lại thấy một tăng nhân vẫy tay, đến bên đường núi, duỗi tay kéo đại sư lên núi v.v... Đại sư kể cho môn nhân nghe về giấc mộng ấy, họ đều thưa: “*Đây là núi Thiên Thai*”. Vì thế, đại sư cùng nhóm Huệ Biện v.v... hơn hai mươi người đi về phương Nam, vào núi Thiên Thai ẩn cư.

Đại sư chọn Phật Lũng để ở, hàng ma tại Hoa Đảnh. Vào tháng Chín năm ấy, đại sư tiến vào hậu sơn của Thiên Thai, trụ tại ngọn Hoa Đảnh. Có một tối, đại sư tĩnh tọa tư duy trên giường đá nơi đỉnh núi, nhằm đang lúc huân luyện hạnh Đầu Đà, bỗng dung cuồng phong cuộn

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

cuộn, sấm rền hang núi, xuất hiện hai đại ma đầu, một hung hăng, một mềm mỏng, hung mãnh tập kích đại sư. Nhưng đại sư đã thấu triệt rỗng rang Thật Tướng của các pháp, chẳng bị lay động, vẫn ngồi ngay ngắn an định. Do vậy, hai gã đại ma đầu cũng chẳng thể làm gì được, đành chịu thua, bỏ đi.

Trần Thiệu Chúa¹⁸ lại thỉnh đại sư trụ tại chùa Quang Trạch ở Kim Lăng để giảng kinh Pháp Hoa. Thái Tử nhà Tùy (về sau là Tùy Dạng Đế, tức Dương Quảng) xin thọ giới với đại sư, lại còn dâng tặng Ngài danh hiệu Trí Giả. Từ đây trở đi, Ngài được gọi là Trí Giả Đại Sư. Kế đó, tại Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, đại sư truyền thọ Ngũ Giới cho Quan Công¹⁹, tuyên nói Pháp Hoa Huyền Nghĩa và Ma Ha Chỉ Quán. Lúc năm mươi tám tuổi, Ngài trở về Thiên Thai. Lúc sáu mươi tuổi, Ngài truyền trao các loại pháp môn rồi an nhiên nhập tịch. Nhục thân được đưa vào khám thờ tại ngọn núi Tây Nam ở Phật Lũng. Vào năm Đại Nghiệp nguyên niên (605) thời Tùy Dạng Đế, mở khám ra xem, chỉ thấy giường và trống trống trơn, chẳng thấy nhục thể của đại sư đâu cả!

Suốt cuộc đời, đại sư kiến tạo ba mươi sáu ngôi chùa, khắc mười lăm bộ Đại Tạng Kinh, tạc tám mươi vạn bức tượng, thể độ một vạn bốn ngàn người, truyền pháp cho ba mươi hai người, có hơn một ngàn người đắc ngộ, [thế mà] suốt ba mươi năm chỉ có một cái nạp y (áo chằm bằng các mụn vải, tức y ca-sa).

(Tham khảo các bộ Thiên Thai Cửu Tổ Truyện, Pháp Hoa Truyện Ký, Linh Phong Tông Luận v.v...)

¹⁸ Trần Thiệu Chúa chính là Trần Hậu Chủ (tức Trần Thục Bảo) là vua cuối cùng của nhà Nam Trần thời Nam Bắc Triều. Trần Hậu Chủ là vị vua ham mê tửu sắc, giỏi văn chương, thích đạo Phật, thích nghe pháp, nhưng không nghiêm túc tu tập. Năm 589, kinh đô Kiến Khang (Nam Kinh) của nhà Trần bị rơi vào tay quân đội nhà Tùy, nhà Trần diệt vong. Ông được Tùy Văn Đế (Dương Kiên) quản thúc tại kinh thành Trường An của nhà Tùy và đối đãi tử tế cho đến khi chết.

¹⁹ Theo bộ Thiên Thai Cửu Tổ Truyện do ngài Sĩ Hành biên soạn vào đời Nam Tống, Trí Giả đại sư nhập định trên núi Ngọc Tuyền, bỗng thấy Quan Vũ (Quan Vân Trường, Quan Công) hiện ra cầu xin được truyền Tam Quy Ngũ Giới, và thể sẽ hộ trì đạo tràng của tông Thiên Thai. Do vậy, tông Thiên Thai khởi sự thờ Quan Công làm thần hộ pháp, và gọi ngài là Già Lam Bồ Tát. Từ đó, các tông phái khác cũng thờ Quan Công như vị đứng đầu các vị Già Lam Bồ Tát trong chùa.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận

淨土十疑論

1. Mối Nghi Thứ Nhất

(Luận) Đệ nhất nghi. Vấn: Chư Phật, Bồ Tát dĩ đại bi vi nghiệp, nhược dục cứu độ chúng sanh, chỉ ưng nguyện sanh tam giới, ư ngũ trước tam đồ trung cứu khổ chúng sanh, nhân hà cầu sanh Tịnh Độ, tự an kỳ sanh, xả ly chúng sanh, tắc thị vô đại từ bi, chuyên vì tự lợi, chướng Bồ Đề đạo!

(論)第一疑。問：諸佛菩薩以大悲為業。若欲救度眾生，只應願生三界，於五濁三途中救苦眾生。因何求生淨土，自安其生，舍離眾生。則是無大慈悲，專為自利，障菩提道。

(Luận: Điều nghi thứ nhất. Hỏi: Chư Phật, Bồ Tát lấy đại bi làm nghiệp. Nếu muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện sanh trong ba cõi, ở trong tam đồ ngũ trước để cứu khổ cho chúng sanh, có sao lại cầu sanh về Tịnh Độ để tự sống an nhàn, lìa bỏ chúng sanh, tức là chẳng có lòng đại từ bi, chuyên vì lợi lạc chính mình, chướng ngại đạo Bồ Đề).

[Đại sư] nêu câu hỏi: Chư Phật, Bồ Tát mang tâm đại từ bi, chuyện cần phải làm là lợi ích chúng sanh. Ngoài chuyện ấy ra, chẳng có chuyện gì khác! Muốn lợi ích chúng sanh, chỉ nên sanh trong tam giới, ở trong tam đồ ngũ trước hòng cứu khổ chúng sanh. Vì sao còn cầu sanh về Tịnh Độ để tự sống an nhàn, lìa bỏ chúng sanh? Thành ra chẳng có lòng đại từ bi, chuyên môn lo tự lợi, như vậy thì sẽ chướng ngại đạo Bồ Đề.

Có nghĩa là vốn đáng nên ở trong tam đồ thuộc uế độ ngũ trước để cứu khổ chúng sanh, người lại chạy sang Tịnh Độ, người đã đi sai phương hướng mất rồi! Làm kiểu ấy hoàn toàn chẳng đúng! Căn bản của đạo Đại Thừa là tâm đại bi, “bỏ chúng sanh, giữ lấy Tịnh Độ” tức là chuyên cầu tự lợi. Làm như vậy chính là trái nghịch tâm đại bi, sẽ chướng ngại đạo Bồ Đề. Còn có thể nói: Người làm như vậy sẽ làm chậm lại tiến trình thành đạo, hoặc là từ Đại Thừa lùi xuống Tiểu Thừa, hoặc là hành vi ích kỷ v.v...

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Nghe kiểu giả thuyết này, rất nhiều người cho rằng hết sức đúng. Đã tu Đại Thừa, phải vận dụng tâm đại bi lợi lạc chúng sanh, đương nhiên điều thích đáng duy nhất là phải ở trong uế độ, chẳng lìa khỏi các cha mẹ hữu tình, hồng tạo lợi ích cho họ, sao lại coi chuyện tự lợi là điều chủ yếu? Nghe nói kiểu này, rất nhiều người bèn vứt bỏ Tịnh Độ, cho rằng cầu sanh Tịnh Độ là trật, chướng ngại đạo Bồ Đề, hoặc trì hoãn đạo Bồ Tát, lui sụt vào Tiểu Thừa v.v...

Đối với [cách cật vấn] này, dùng tám chữ để đáp lại: “*Phân thanh giai đoạn, quyết trách nhân duyên*” (Phân định rõ ràng từng giai đoạn, để chọn lựa dứt khoát nhân duyên). Phân chia theo từng giai đoạn, Bồ Tát có hai loại: Bồ Tát đã đắc Vô Sanh Nhẫn và Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh Nhẫn. Loại trước nên lấy chuyện lợi tha làm chánh yếu; loại sau nên lấy tự lợi làm chủ yếu. Trong việc lựa chọn nhân duyên, đối với hàng tiểu Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh Nhẫn, phải xét xem: Thành tựu Vô Sanh Nhẫn trong uế độ dễ dàng? Hay thành tựu Vô Sanh Nhẫn trong Tịnh Độ dễ dàng? Sau khi đã chọn lựa, sẽ phát hiện: Ở trong Tịnh Độ, do nương cậy đức Phật, sẽ có thể nhanh chóng thành tựu Vô Sanh Nhẫn, tăng nhanh đạo Bồ Đề, có thể thật sự hoàn thành sự nghiệp đại bi lợi tha. Do vậy, phải dứt khoát, kiên quyết cầu sanh Tịnh Độ.

1.1. Phân rõ giai đoạn

(Luận) Đáp: Bồ Tát hữu nhị chủng. Nhất giả, cửu tu hành Bồ Tát đạo, đắc Vô Sanh Nhẫn giả, thật đương sở trách. Nhị giả, vị đắc dĩ hoàn, cập sơ phát tâm phạm phu. Phạm phu Bồ Tát giả, yếu tu thường bất ly Phật. Nhẫn lực thành tựu, phương kham xử tam giới nội, w ác thế trung, cứu khổ chúng sanh.

(論)答：菩薩有二種。一者，久修行菩薩道，得無生忍者，實當所責。二者，未得已還，及初發心凡夫，凡夫菩薩者，要須常不離佛。忍力成就，方堪處三界內。於惡世中，救苦眾生。

(Luận): Đáp: Bồ Tát có hai loại. Một là người đã tu hành Bồ Tát đạo từ lâu, đắc Vô Sanh Nhẫn, [đối với hạng này] thì đáng nên trách móc. Hai là từ hạng chưa đắc [Vô Sanh Nhẫn] trở xuống, và hạng phạm phu mới phát tâm, phạm phu Bồ Tát thì cần phải thường chẳng lìa Phật. Nhẫn lực đã thành tựu thì mới có thể ở trong tam giới, ở trong đời ác cứu khổ chúng sanh).

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Ở chỗ này [đại sư] nói: Chớ nên phán đoán mơ hồ tình huống của các loại Bồ Tát, trong khoảng thời gian từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, có lịch trình [tu chứng rõ ràng]. Phân định rõ ràng giai đoạn thì sẽ chẳng dùng điều yêu cầu đối với hàng Bồ Tát ở địa vị cao để phê bình hàng Bồ Tát thuộc địa vị thấp.

Giống như một người phát triển đến giai đoạn tráng niên làm sự nghiệp to lớn, cần phải có một quá trình. Chẳng thể nói “hễ là người thì phải nên vì xã hội, vì quốc gia công hiến”, dùng điều yêu cầu ấy để trách cứ bọn trẻ thơ, nhi đồng. Dựa theo giai đoạn tu học của hàng Bồ Tát thì có thể chia thành hai loại:

1) [Hàng Bồ Tát đã có] thời gian tu hành Bồ Tát đạo lâu dài, đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đối với hạng người như thế, đúng là phải quở trách: “Người đã có bản lãnh, ở trong cảnh giới khách trần sẽ chẳng bị mê mẩn, có năng lực lợi ích chúng sanh, vậy thì đương nhiên phải nên coi chuyện lợi lạc chúng sanh là chánh yếu. Thế mà người lại chạy qua Tịnh Độ, chẳng màng đến chúng sanh!” Chuyện này đáng phải quở trách; giống như một người đã qua giai đoạn thơ ấu và giai đoạn cầu học trong tuổi thiếu niên và thanh niên, đã có năng lực tạo phước cho xã hội, nhưng kẻ ấy lại lìa bỏ xã hội, chỉ cầu sự an nhàn cho riêng mình. Kẻ đó đáng bị trách móc!

2) Những kẻ kẻ từ hạng chưa đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn cho đến phạm phu sơ phát tâm, những vị phạm phu Bồ Tát ấy cần phải thường chẳng lìa khỏi Phật. Đợi cho đến sau khi đã thành tựu Pháp Nhẫn lực thì mới có năng lực ở trong tam giới, ở trong đời ác cửu khổ cho chúng sanh. Đối với loại Bồ Tát này, chẳng nên trách cứ, giống như chẳng nên trách cứ bọn nhi đồng, thiếu niên: “Sao các người không phục vụ xã hội? Vì sao vẫn muốn học hành, chẳng dốc hết sức làm chuyện lợi lạc người khác?” Quở trách kiểu ấy chẳng thích đáng!

(Luận) Cổ Trí Độ Luận vân: “Cụ phước phạm phu, hữu đại bi tâm, nguyện sanh ác thế, cứu khổ chúng sanh giả, vô hữu thị xứ”.

(論)故智度論云：「具縛凡夫，有大悲心願生惡世，救苦眾生者，無有是處。」

(Luận: Vì thế, Trí Độ Luận viết: “Phạm phu đầy đầy triển phước có tâm đại bi, nguyện sanh trong đời ác cửu khổ cho chúng sanh, chẳng có chuyện ấy”).

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Trên đây, người hỏi cảm thấy [bất bẽ như vậy] rất hữu lý. Là một người tu Đại Thừa, đương nhiên phải sanh trong thế giới ác, cứu khổ cho chúng sanh, vì ta có tâm đại bi. Ở đây, [Trí Giả đại sư] bèn dẫn lời của Long Thọ Bồ Tát trong Trí Độ Luận để lập tông (luận đề chủ yếu). Luận có nói: Một kẻ phạm phũ đầy dẫy triền phược mà nói là có tâm đại bi, phát nguyện sanh trong thế giới ác để cứu khổ chúng sanh, chẳng có tí nào đúng cả, sai lầm quá đỗi! Lập luận này khiến cho người nghe hết sức kinh động, vì nó khiến cho mọi người tin chịu. Dưới đây là nêu ra lý do.

1.2. Lựa chọn nhân duyên

Hiện thời, chẳng nói đến các vị đại Bồ Tát đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, các Ngài tự nhiên biết phải hóa thân trong các cõi nước nhiều như vi trần để lợi ích chúng sanh khổ nạn, chẳng cần chúng ta dạy dỗ! Chúng ta chủ yếu chọn lựa cho hàng phạm phũ Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh Pháp Nhãn phải nên đi theo con đường nào: Lựa chọn sanh vào Tịnh Độ, hay là sanh trong uế độ. Đối với chuyện này, [phải vận dụng] lý trí nhìn thấu suốt nhân duyên để quyết định, hoàn toàn chẳng phải là dựa theo cách nghĩ “tưởng như là đúng, nhưng thật ra sai bét” của cá nhân, hay dựa theo cảm giác, hoặc nói hùa theo! Chỉ dùng sức lý trí để nhìn vào duyên khởi, thấy được con đường nào sẽ có lợi ích, thì mới có thể chọn lựa chánh xác được! Đối với chuyện này, chia thành hai điều để phán đoán, luận định:

a) “Tu hành trong uế độ, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, hoàn thành chuyện lợi tha” là đạo khó hành.

b) “Tu hành trong Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, hoàn thành chuyện lợi tha” là đạo dễ hành.

1.2.1. “Tu hành trong uế độ, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, hoàn thành chuyện lợi tha” là đạo khó hành

(Luận) Hà dĩ cố? Ác thế giới, phiền não cường, tự vô Pháp Nhãn lực, tâm tùy cảnh chuyển, thanh sắc sở phược, tự đọa tam đồ, y năng cứu chúng sanh? Giả linh đắc sanh nhân trung, thánh đạo nan đắc. Hoặc nhân Thí, Giới, tu phước, đắc sanh nhân trung, đắc tác quốc vương, đại thần, phú quý tự tại. Túng ngộ thiện tri thức, bất khẳng tín dụng, tham mê, phóng dật, quảng tạo chúng tội. Thừa thử

ác nghiệp, nhất nhập tam đồ, kinh vô lượng kiếp. Tù địa ngục xuất, thọ bản tiện thân, nhược bất phùng thiện tri thức, hoàn đọa địa ngục. Như thử luân hồi, chỉ u kim nhật, nhân nhân giai như thị. Thử danh Nan Hành Đạo dã!

(論)何以故？惡世界煩惱強，自無忍力心隨境轉，聲色所縛自墮三塗，焉能救眾生？假令得生人中，聖道難得。或因施戒修福得生人中，得作國王大臣富貴自在。縱遇善知識，不肯信用。貪迷放逸廣造眾罪，乘此惡業一入三塗經無量劫。從地獄出受貧賤身，若不逢善知識還墮地獄。如此輪迴至於今日，人人皆如是。此名難行道也。

(Luận: Vì sao vậy? Trong thế giới ác, phiền não mạnh mẽ, bản thân chẳng có Nhân lực, tâm bị chuyển theo cảnh, bị thanh sắc trói buộc, tự đọa vào tam đồ, há có thể cứu chúng sanh nổi u? Giả sử được sanh trong loài người, sẽ khó đắc thánh đạo. Hoặc do tu phước Thí, Giới, được sanh trong loài người, được làm quốc vương hay đại thân, phú quý tự tại. Dẫu gặp thiện tri thức, chẳng chịu tin tưởng, tu tập, tham, mê, buông lung, rộng tạo các tội. Nương theo ác nghiệp ấy, hễ vào trong tam đồ, sẽ trải qua vô lượng kiếp. Từ địa ngục thoát ra, chịu thân nghèo hèn, nếu chẳng gặp thiện tri thức, vẫn đọa vào địa ngục. Luân hồi như thế đó, cho đến ngày nay, ai vậy đều là như vậy. Đấy gọi là đạo khó hành vậy!)

Ở đây, hiện thị tình hình sai lầm quá đỗi [khi chọn sai đường lối], đích xác là chẳng có điều gì là đúng. Chẳng chọn lựa nhân duyên tốt đẹp, chọn sai đường lối, sẽ dẫn đến “*một điều sai, sẽ là trăm sai, ngàn sai, vạn sai*”, lưu chuyển trong luân hồi vô số kiếp, mãi cho đến ngày hôm nay, vẫn chẳng cứu nổi một người nào thoát khỏi luân hồi. Chính mình còn bị trăm luân vô số kiếp, vẫn là phàm phu. Từ đây, sẽ thấy cách nhìn ấy (quan niệm “*người tu Đại Thừa phải ở trong uế độ đoạn phiền não, cứu độ chúng sanh*”) chẳng đúng tí nào. Cách nói ấy là cao giọng nói lớn lối, chẳng thiết thực, hại người khác chẳng cần!

Đoạn này đã chứng thực chúng sanh phàm phu có bi nguyện sanh trong thế giới ác để cứu chúng sanh thì chẳng có lẽ ấy! [Đoạn này cũng] chứng thực phương pháp [chọn lựa đường lối tu tập thích đáng] là phải nhìn từ trước về sau, [phải cân nhắc] đời này, đời sau, đời thứ ba sẽ phát triển như thế nào, con đường ấy có đi thông suốt hay là

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

không, sẽ là ta lẫn người đều cùng được lợi, hay là ta lẫn người đều bị tổn hại? Ất cần phải thấy rõ ràng! Sau đấy, sẽ phát hiện đi theo đường này chẳng đúng chút nào; do vậy, hoàn toàn tỉnh ngộ, nỗ lực cầu vãng sanh.

Để chứng thực con đường này, phải xét theo nhân duyên, trừ nhân duyên trong và ngoài ra, chẳng có sức mạnh nào khác chi phồi! Trong là phiền não mạnh mẽ, ngoài là thế giới xấu ác, [chính mình] lại chẳng có Vô Sanh Nhân Lực, chắc chắn là tâm sẽ bị cảnh chuyển, bị thanh sắc trói buộc, rơi vào tam đồ, chính mình còn chẳng thể tự cứu, há còn có thể cứu chúng sanh nữa ư?

Từ câu “*giả linh đắc sanh nhân trung*” (giả sử được sanh trong loài người) trở đi là nói tới trạng huống “*tam thế oan*”. Loại thứ nhất là “*khó đắc thánh đạo*”. Từ vô thủy tới nay, chúng ta đã tạo nghiệp quá loạn, đời này có thể gặp Phật pháp, đời sau rất khó gặp lại, giống như trong tối tăm chỉ có tia chớp lóe sáng trong sát-na, đôi khi thiện căn phát hiện; sau đó, lại hãm trong các thứ tập khí xấu hèn! Trong thức điền của chúng ta có chủng tử ngộ thánh đạo, mà cũng có chủng tử lệch khỏi thánh đạo, tỷ lệ của loại tập khí sau hết sức to lớn. Do vậy, dầu chuyển sanh sang kiếp khác, làm thân người, vẫn dễ dàng bị mê mất. Căn bản là chẳng tin tưởng Phật pháp, tạo tội nghiệp, hoặc lọt vào hàng ngoại đạo.

Loại tình huống thứ hai là vì sức phước đức thế gian to lớn, bèn làm quốc vương, đại thần, phú quý tự tại, nhưng do tâm kiêu mạn to lớn, dầu gặp gỡ thiện tri thức, vẫn chẳng nghe theo lời dạy bảo, chỉ thuận theo cách nghĩ của chính mình. Toàn là tạo tội nghiệp như vậy, cho nên đời thứ ba đã đọa trong đường ác, mà “*tam đồ nhất phục ngũ thiên kiếp*” (vừa lọt vào tam đồ bèn là năm ngàn kiếp), hết sức lâu dài! Lại xem sau đó, giả sử vô lượng kiếp sau, từ địa ngục thoát ra, khi đó, hứng chịu tám thân nghèo hèn, chẳng gặp gỡ thiện tri thức, lại phải đọa địa ngục.

Giống như thế đó, một niệm sai lầm, chọn sai đường, đúng là từ vô lượng kiếp này lại sang vô lượng kiếp khác. Cuối cùng, đại sư nói: “*Như thị luân hồi, chí u kim nhật, nhân nhân giai như thị*” (Luân hồi như thế, cho đến ngày nay, ai nấy đều là như vậy). Cũng tức là người tu hành trong đời này thì đời trước đã đều từng tu tập, lịch trình về cơ bản đều là như thế đó. Từ chuyện này, có thể thấy: Từ quá khứ lâu xa cho đến nay, thích ở trong uế độ, chẳng có ngày ngoi đầu thoát ra! Do vậy, nhìn vào con đường đã đi trong quá khứ, sẽ phát hiện [con đường này]

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

khá khó đi, cho đến nay vẫn luôn luôn chẳng thành công, vẫn là phạm phu Hoặc nghiệp sâu nặng! Nếu vẫn đi theo con đường này, sẽ có thể đoán trước tình huống trong tương lai cũng chẳng khác biệt cho mấy! Như vậy, đương nhiên là đạo khó hành!

Điều khó khăn ở đây là bất cứ lúc nào cũng có thể đọa lạc, chẳng đọa lạc trong một đời thì sẽ đọa lạc trong hai đời! Ngay cả chính mình còn đọa trong đường ác, làm sao có thể cứu chúng sanh cho được? Hiện thời, hãy suy xét sâu xa, vì sao bị đọa lạc? [Nguyên do là vì] chẳng có Vô Sanh Nhân Lực, phiền não mạnh mẽ dường ấy, ở trong một thế giới ác trước ngàn ấy, hề tiếp xúc cảnh giới, sẽ phát sanh tham, sân. Ví như cảnh đẹp ý vừa xuất hiện, sẽ chẳng thể trụ trong Vô Sanh, ngay lập tức dấy lòng tham. Cảnh chẳng đẹp ý vừa hiện tiền, chẳng có cách nào trụ trong tánh Không, kết quả là nổi sân. Phát sanh tham, sân rất nhanh chóng như thế đó, căn bản là chẳng nắm chắc, hề một nghiệp hiện hành, đã đủ khiến cho chính mình đọa lạc trong đường ác!

Có kẻ hỏi: “Thật như vậy ư?” Thường là các vị sơ phát tâm Bồ Tát đạo lực chẳng đủ, loại chuyện như thế này quá nhiều! Ví như tôn giả Kỳ Dạ Đa, chín mươi một kiếp trước là con của vị trưởng giả. Thuở ấy, Ngài chán bỏ ngũ dục, rất muốn xuất gia. Nếu Ngài xuất gia, nhất định sẽ có thể đoạn phiền não, chứng đắc thánh quả, nhưng cha mẹ Ngài chẳng cho phép, ép Ngài lập gia đình. Sau khi Ngài cưới vợ, đã sanh con, vẫn muốn xuất gia; ngay lúc ấy, cha mẹ Ngài gọi đứa cháu ấy ôm chặt lấy Ngài kêu: “Cha ơi! Cha lìa bỏ con, sau này ai nuôi con? Nếu cha nhất quyết ra đi, giết con rồi hãy đi!” Ngài thấy vậy, mềm lòng, chẳng nỡ lòng ra đi, bảo: “Vì con, cha không xuất gia nữa!” Do vậy, trong lúc ấy, dấy lòng ái, sẽ chẳng thể xuất ly; sau đây, một mực trôi lăn trong sáu đường! Có thể thấy là hết sức khó khăn!

Lại nói, dầu đã phát Bồ Đề tâm, vẫn rất khó hoàn thành. Như tôn giả Xá Lợi Phất trong quá khứ gặp nhân duyên có người xin mắt. Người đó muốn xin mắt, [Ngài đã móc mắt] trao cho, đối phương ghét con mắt như bản, quăng phịch xuống đất, xéo lên. Kết quả là tôn giả không có cách nào chịu đựng nổi, trong sáu mươi kiếp lui xuống Tiểu Thừa. Ngoài ra, kinh Tăng Hộ Nhân Duyên có nói, vào thời Phật Ca Diếp, rất nhiều vị tu hành trái nghịch nhân quả, lập tức đọa vào địa ngục, mãi cho đến khi Phật Thích Ca xuất thế, họ vẫn còn chịu khổ trong địa ngục. Thuở ấy, họ cũng là một phen hảo tâm xuất gia tu hành, nhưng phạm phu chẳng có cách nào nắm chắc tự tâm, hề làm loạn nhân quả sẽ bị đọa lạc. Trong kinh Hiền Ngu cũng kể rất nhiều câu chuyện

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

trương tự, họ đều là vì lâm loạn nhân quả trước thời đức Phật mà đọa lạc.

Cận đại, cũng có rất nhiều chuyện thuộc về phương diện này. Chẳng hạn như ông Tăng ở núi Nhạn Đãng chuyển sanh làm Tần Cối. Do đời trước tu đạo mà chẳng cầu sanh Tịnh Độ, đời thứ hai sống trong cõi đời, được đại phú quý. Vì trong tâm ngầm chứa rất nhiều chủng tử phiền não, dễ gặp phải cảnh duyên tương ứng, sẽ dễ dàng dấy lòng gian trá, hư ngụy, ghen tỵ v.v... Kết quả là do tạo đại ác nghiệp mà đọa lạc. Lại nữa, vị ni sư tụng kinh Pháp Hoa, đời sau chuyển thành ca kỹ. Bà ta đời trước thường tụng kinh Pháp Hoa, nhưng do làm người, đã tạo nghiệp rất phức tạp, cho nên chuyển thế phải trôi lăn trong chốn gió bụi!

Chúng ta hãy khảo sát chính mình, hiện thời đang thuở ngũ trước hết sức lừng lẫy, lại chẳng có sức chứng tánh Không, miệng bàn những điều cao xa hết sức dễ dàng, nhưng vừa gặp cảnh giới, phiền não sẽ lập tức hiện hành. Tốc độ quá nhanh chóng, chẳng có cách nào không chế. Hơn nữa, dễ phiền não xuất hiện, sẽ là mấy giờ, mấy ngày, mấy tháng luôn hăm trong ấy, cho thấy nghiệp lực mạnh mẽ [cỡ nào]! Thêm nữa, lòng ngã mạn của con người hết sức lớn, hết sức tà! Chúng ta chỉ cần nghiên cứu sâu xa cơ chế Tập Đế, sẽ phát hiện sức mạnh của tánh tà đặc biệt mạnh mẽ. Chẳng hạn như tham sắc, tham tài, tham danh, tham địa vị v.v... đều là bả sanh, sức mạnh [của lòng tham ấy] đặc biệt to lớn! Vô Sanh Nhẫn thì như thế nào? So sánh giữa hai đẳng, cái nào có sức mạnh lớn hơn? [Quý vị sẽ] phát hiện cái sau chỉ là nói suông, chứ cái trước có sức mạnh hết sức to lớn. Dễ gặp cảnh, nó sẽ nhanh chóng, mạnh mẽ hiện hành. Nó đã thâm nhập cốt tủy, chẳng cần nghĩ tới, vừa xuất hiện nó bèn hiện diện. Đây là do nguyên nhân gì vậy? Tập khí nhiều đời như dầu dính vào mặt, khó thể trừ bỏ, đã quen thuộc đến mức tùy ý dấy lên. Ví như nhìn thấy kẻ khác phái, nếu như cảnh duyên khá mạnh mẽ, những kẻ phạm phu tục tử chẳng có ai không bị vây hãm, đọa lạc. Tuy tạm thời tránh né hoàn cảnh để tu hành, nhưng vì chẳng thành tựu đạo lực, đời sau do sức phước đức tu tập Giới và Thí, sẽ chuyển sanh thành quan to, bậc phú hào v.v... Khi ấy, thuận theo lòng ham muốn tự tại, sẽ phát triển đến mức độ hết sức đáng sợ! Tận tình hưởng thụ thanh sắc ngũ dục, giống hết những kẻ đọa lạc trong lịch sử. Khi đó, nếu cảnh duyên sắc đẹp đặc biệt to lớn, ai có thể giữ vững? Hoặc là kẻ ở trong tình cảnh quyền thế rất cao, có ai mà chẳng vì thuận theo sự khoái ý nhất thời của chính mình để rồi chịu tội muôn đời?

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Cần nhắc nhiều phương diện như thế, sẽ phát hiện xác suất đọa lạc hết sức cao. Một đời chẳng đọa, khó tránh hai đời sẽ chẳng đọa. Hễ đọa lạc, sẽ là vô số kiếp chẳng thoát ra được. Có thể thấy rằng: Chọn lựa ở trong thời ác trược để thành tựu Vô Sanh Nhân Lực hồng độ chúng sanh sẽ hết sức khó khăn! Ngay cả chính mình còn khó tránh khỏi đọa lạc, còn cứu chúng sanh bằng cách nào nữa? Do đó, con đường này rất hung hiểm.

1.2.2. “Tu hành trong Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Nhân, hoàn thành chuyện lợi tha” là đạo dễ hành

Phần này lại thông qua [các luận điểm] chánh diện và phản diện để chỉ rõ, hồng [người đọc] nhận rõ sự thù thắng của con đường này. Trước hết, nhờ vào bốn thí dụ để chỉ rõ: Nếu chẳng sanh về Tịnh Độ, chỉ cậy vào bi nguyện, tức là một loại xung động đơn giản, kết quả sẽ hoàn toàn trái ngược. Không chỉ là cả mình lẫn người đều chẳng thể được lợi, mà ngược lại, cả mình lẫn người đều bị tổn hại! Kế đó, xét từ chánh diện, chỉ rõ đường lối để vãng sanh Tịnh Độ thành công. Khi chúng ta nhìn vào một, hai, ba lộ trình, sau khi đã phát hiện đây là con đường chỉ tiến chứ không lùi, nhanh chóng hoàn thành Phật đạo, sẽ biết nó là đạo dễ hành.

1.2.2.1. Trước hết, dùng thí dụ tương phản để chỉ rõ

(Luận) Cô Duy Ma kinh vân: “Tự tật bất năng cứu, nhi năng cứu chư tật nhân?” Hựu Trí Độ Luận vân: “Thí như nhị nhân các hữu thân quyến vị thủy sở nịch. Nhất nhân tình cấp, trực nhập thủy cứu, vị vô phương tiện lực cố, bị thử câu một. Nhất nhân hữu phương tiện, vãng thủ thuyền phiệt, thừa chi cứu tiếp, tất giai đắc thoát thủy nịch chi nạn. Tân phát ý Bồ Tát, diệc phục như thị. Như thị vị đắc Nhân lực, bất năng cứu chúng sanh. Vị thử, thường tu cận Phật, đắc Vô Sanh Nhân dĩ, phương năng cứu chúng sanh, như đắc thuyền giả”. Hựu Luận vân: “Thí như anh nhi, bất đắc ly mẫu. Nhược dã ly mẫu, hoặc đọa khanh tỉnh, khát nhữ nhi tử. Hựu như điểu tử, xí vũ vị thành, chỉ đắc y thụ truyền chi, bất năng viễn khứ. Xí vũ thành tựu, phương năng phi không, tự tại vô ngại”.

(論) 故維摩經云：「自疾不能救，而能救諸疾人？」

又智度論云：「譬如二人各有親眷為水所溺，一人情急直入水救，為無方便力故彼此俱沒。一人有方便，往取船筏乘之救接，悉皆得脫水溺之難，新發意菩薩亦復如是，如是未得忍力，不能救眾生。為此常須近佛，得無生忍已，方能救眾生，如得船者。」又論云：「譬如嬰兒不得離母，若也離母，或墮坑井渴乳而死。又如鳥子翅羽未成，只得依樹傳枝不能遠去。翅翮成就，方能飛空自在無礙。」

(Luận: Vì thế, kinh Duy Ma chép: “Chẳng thể cứu bệnh của chính mình mà có thể cứu những người khác mắc bệnh ư?” Lại nữa, Trí Độ Luận viết: “Ví như hai người, mỗi người đều có thân quyến bị nước nhấn chìm. Một kẻ do tình thế cấp bách, bèn nhảy thẳng xuống nước cứu, do chẳng có sức phương tiện, đôi bên đều chết. Một người có phương tiện, đi lấy thuyền, bè, bơi thuyền ra cứu vớt, thấy đều được thoát khỏi nạn chết chìm. Bồ Tát mới phát tâm cũng giống như thế. Nếu chưa đắc Nhân lực, sẽ chẳng thể cứu chúng sanh. Vì lẽ này, cần phải thường thân cận Phật. Đã đắc Vô Sanh Nhân thì mới có thể cứu chúng sanh như đã có thuyền”. Luận lại viết: “Ví như trẻ thơ, chẳng được lia mẹ. Nếu như lia mẹ, có thể rơi xuống hầm, xuống giếng, khát sữa mà chết. Lại như chim non, cánh chưa mọc lông vũ, chỉ được nương theo cây chuyền cành, chẳng thể đi xa. Cánh đã mọc lông vũ đầy đủ thì mới có thể bay lên không trung, tự tại vô ngại”).

Ý nguyện của chúng ta thường chẳng phù hợp với tình huống thực tế. Do vậy, phải dùng trí huệ để điều khiển từ bi, tín tâm cũng phải dùng trí huệ để nhiếp trì. Nếu không, sẽ rơi vào hai loại lỗi lầm to lớn: Một là do từ bi mà nẩy sanh tai họa; hai là do tự tin mà thành cuồng vọng. Hai thí dụ đầu, tức thí dụ về bệnh và thí dụ về cứu nạn, nêu rõ: Nếu chẳng có trí huệ, sẽ có trạng huống “từ bi nẩy sanh họa hại”. Sau đó, thí dụ về trẻ con và chim non, phô rõ lỗi lầm to lớn do chẳng dùng trí huệ để nhiếp trì, do tự tin mà trở thành lỗi lầm cuồng vọng to lớn!

Đầu tiên, hãy xem “từ bi nẩy sanh họa hại” là như thế nào! Thứ nhất là thí dụ về bệnh. Đây là nói đến một loại hành vi từ bi mù quáng, cho rằng thiên hạ có rất nhiều người hứng chịu quá nhiều bệnh khổ, ta nhất định phải cứu họ. Thế nhưng chẳng thể phán đoán trạng huống của

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

chính mình, ngay cả thân thể chính mình mắc bệnh tật giống hệt mà không có cách nào chữa lành, làm sao có thể chữa trị bệnh khổ của thiên hạ? Đây là ngu si. Nếu vẫn ương ngạnh mà làm, đương nhiên sẽ khó tránh khỏi xuất hiện lỗi họa những kẻ chẳng hiểu biết mà làm nghề y, lang băm giết chết người, chẳng thể trị lành người nào, mà ngược lại, còn khiến cho cả đồng người bệnh tình nguy ngập hơn!

Thứ hai là thí dụ về cứu nạn. Có hai người đều có thân quyền bị chìm xuống nước. Trong ấy, có một người bản thân chẳng có sức phương tiện, khi trông thấy người khác bị nước nhấn chìm, bèn nghĩ “ta phải liều dốc sức, chẳng màng bản thân”, nhất định phải cứu người ấy lên, [mặc dù] ngay cả chính mình không biết bơi cũng chẳng biết! Loại xúc động mù quáng ấy khiến cho mình lẫn người đều bị chết chìm, chẳng cứu được ai; ngược lại, đều vùi thân trong nước. Một người khác tuy có lòng từ bi, nhưng người ấy nghĩ “mù quáng nhảy xuống thì không chỉ chẳng cứu được người, mà còn có thể vùi thân mình luôn”. Sau đây bèn nghĩ: “Ta trước hết hãy tìm một chiếc thuyền rồi chèo ra”. Do có sức phương tiện ấy, có thể thực hiện tâm nguyện từ bi, không chỉ là chính mình chẳng chết chìm, mà còn có thể cứu ngàn vạn người! Do nguyên nhân này, phạm phu ắt cần phải sanh về Tịnh Độ trước hồng thường thân cận Phật. Đã đắc Vô Sanh Nhẫn Lực rồi, sẽ quay lại cứu chúng sanh.

Hai thí dụ kế tiếp đã chỉ rõ “lòng tự tin cuồng vọng sẽ hủy diệt chính mình”. Thí dụ thứ ba là thí dụ về trẻ thơ. Trẻ con tự nghĩ chính mình phải độc lập, chẳng cần dựa dẫm mẹ. Nó tự cậy năng lực của chính mình quá cao. Trên thực tế, chẳng có mẹ chăm bẵm, cho ăn, che chở, tất nhiên là nó sẽ sảy hầm, té giếng mà chết rất nhanh, hoặc vì thiếu sữa mà chết. Đây là lỗi lầm do cuồng vọng.

Thứ tư là thí dụ về chim non. Chim non cứ ngỡ nay ta ắt phải bay lượn trên trời cao thì mới có thể chứng minh năng lực của ta. Nào có biết trước hết phải trải qua giai đoạn nương theo cây chùy nhánh để cánh dần dần mọc lông vũ, chẳng thể mù quáng tung mình lên không trung, nhất định sẽ rớt phịch xuống mà chết tót! Điều này nhằm nói rõ Sơ Phát Tâm Bồ Tát trước hết chớ nên lìa Phật, chớ nên lìa Tịnh Độ, đã được trưởng dưỡng, tràn đầy sức mạnh, sau đây mới có thể tự tại vô ngại phổ độ chúng sanh. Nếu chẳng biết năng lực tự thân cỡ nào, cứ phô trương cậy vào lòng tự tin để làm bừa, tất nhiên là sanh mạng sẽ bị kết thúc sớm. Đây đều là do chẳng lựa chọn bằng lý trí.

(Luận) Phàm phu vô lực, duy đắc chuyên niệm A Di Đà Phật, sử thành tam-muội. Dĩ nghiệp thành cố, lâm chung liễm niệm đắc sanh, quyết định bất nghi. Kiến Di Đà Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn dĩ, hoàn lai tam giới, thừa Vô Sanh Nhẫn thuyền, cứu khổ chúng sanh, quảng thí Phật sự, nhậm ý tự tại. Cổ Luận vân: “Du hý địa ngục hành giả, sanh bỉ quốc đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ, hoàn nhập sanh tử quốc, giáo hóa địa ngục thọ khổ chúng sanh”. Dĩ thị nhân duyên, cầu sanh Tịnh Độ, nguyện thức kỳ giáo. Cổ Thập Trụ Bà Sa luận danh Dị Hành Đạo dã.

(論)凡夫無力，唯得專念阿彌陀佛使成三昧。以業成故，臨終斂念得生決定不疑。見彌陀佛證無生忍已，還來三界乘無生忍船救苦眾生，廣施佛事任意自在。故論云：「遊戲地獄，行者生彼國，得無生忍已，還入生死國，教化地獄受苦眾生。」以是因緣求生淨土，願識其教。故十住婆沙論名易行道也。

(Luận: Phàm phu không có sức, chỉ nên chuyên niệm A Di Đà Phật khiến cho thành tam-muội. Do nghiệp đã thành, lâm chung thâu liễm ý niệm, được sanh về cõi ấy, chắc chắn chẳng nghi. Thấy A Di Đà Phật, đã chứng Vô Sanh Nhẫn, trở lại tam giới, ngồi thuyền Vô Sanh Nhẫn cứu khổ chúng sanh, thực hiện rộng rãi các Phật sự, tùy ý tự tại. Vì thế, Luận viết: “Hành giả dạo chơi trong địa ngục, sanh về cõi ấy, đắc Vô Sanh Nhẫn rồi bèn trở vào cõi này, giáo hóa chúng sanh đang chịu khổ trong địa ngục”. Do nhân duyên này, cầu sanh Tịnh Độ, nguyện hiểu biết giáo ấy. Vì thế, Thập Trụ Bà Sa Luận gọi [pháp môn này] là đạo dễ hành”).

Đây là chỉ bày con đường thứ hai theo phương diện thuận. Bản thân phàm phu chẳng có sức lực, ắt cần phải chuyên nhất mong cầu nương cậy A Di Đà Phật vãng sanh Tịnh Độ. Con đường này như thế nào? Phải nhìn vào đường lối trong nhiều đời:

- Đời thứ nhất niệm Phật, lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh.

- Đời thứ hai gặp Phật đắc Nhẫn.

- Đời thứ ba sanh vào tam giới cứu độ chúng sanh, tùy ý tự tại. “Đời thứ ba” [như đã nói ở đây] chỉ là cách biểu đạt quyền biến thiện xảo, trên thực tế, chẳng phải là giống như phàm phu có luân hồi thọ

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

sanh, chẳng qua chỉ là tùy thuận nguyện lực của chính mình, bỏ tuổi thọ trong Tịnh Độ để tùy ý tự tại vào trong thế gian hồng cứu khổ chúng sanh. Có thể thấy: Đi theo con đường này sẽ thông suốt, có thể hoàn thành sự nghiệp tâm đại bi lợi tha. Do vậy, sẽ nhanh chóng thành đạo Bồ Đề.

Bộ Luận này đã chỉ bày con đường như sau: Chúng ta là sơ phát tâm phàm phu, chẳng có năng lực bơi thuyền trong biển sanh tử để cứu chúng sanh, giống như đứa trẻ vừa mới sanh ra, chẳng có năng lực làm những sự nghiệp giống như người đã trưởng thành. Vì thế, trước hết, nó phải nương cậy một bà mẹ, bà mẹ ấy chính là A Di Đà Phật, phải nương nhờ một hoàn cảnh hết sức tốt đẹp, hoàn cảnh ấy chính là thế giới Cực Lạc. Ở bên đó, được bà mẹ A Di Đà Phật và các vị huynh trưởng là Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát nuôi nấng, bảo vệ, và thường tắm gội trong đức thủy (nước tám công đức), gió nhẹ, quang minh v.v... Đã được tư nhuận, vun bồi trong hoàn cảnh ấy, khai phát bản tâm, trừ khử Hoặc nghiệp; do vậy, sẽ dần dần đạt thành Vô Sanh Nhẫn Lực. Sau khi đã đạt được thành tựu thù thắng, có thể vào trong vườn rừng để chơi đùa, tức là vào trong tam giới mà tự tại lợi ích chúng sanh. Đường lối là như thế đó. Do vậy bèn nói, nay chúng ta là phàm phu chẳng có sức mạnh, [phương cách] duy nhất là phải chuyên niệm A Di Đà Phật, thành tựu Niệm Phật tam-muội, nhất tâm trụ nơi niệm Phật. Do vì tịnh nghiệp đã thành tựu, lâm chung thâm nhiếp ý niệm, bèn sanh vào Tịnh Độ, quyết định chẳng nghi hoặc. Đây là bước đầu tiên, tức *“thấy Phật, vãng sanh”*.

Bước thứ hai là sau khi đã sanh trong Tịnh Độ, thấy A Di Đà Phật, được Phật gia bị liên ngộ Vô Sanh, đạt được đại thành tựu.

Bước thứ ba, sau khi đã chứng đắc Vô Sanh Nhẫn, do thuở ban đầu đã có bi nguyện muốn vào trong thế giới khổ sở để độ chúng sanh, lúc ấy mới có thể sanh trong tam giới, ở trong tam đồ ngũ trược cứu khổ chúng sanh, thậm chí giống như Địa Tạng Bồ Tát vào trong địa ngục độ chúng sanh. Bất luận trong cảnh giới nào, đều chẳng bị thanh sắc trói buộc, tâm chẳng bị cảnh chuyển, sẽ chẳng bị mê mất nhất linh chân tánh, như vậy thì sẽ thật sự thực hiện hạnh nguyện Phổ Hiền. Đó gọi là *“ta đã vãng sanh cõi ấy, hiện tiền thành tựu đại nguyện này, hết thấy đều viên mãn hoàn toàn, lợi lạc hết thấy chúng sanh giới”*, và cũng được *“đức Như Lai ấy thọ ký rồi, hóa thân vô số trăm câu-chi, trí lực rộng lớn trọn khắp mười phương, lợi lạc trọn khắp hết thấy chúng sanh giới”* v.v... Vào trong biển sanh tử, nhiếp trì hết thấy chúng sanh,

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

khiến cho họ phát Bồ Đề tâm, đều đặt yên họ nơi diệu đạo Vô Thượng Bồ Đề. Đây là hoàn thành sự nghiệp phổ độ chúng sanh của Đại Thừa.

Vì dễ nhanh chóng thành tựu con đường đại đạo này, nhanh chóng thành tựu viên mãn tâm nguyện phổ độ chúng sanh, phải cầu sanh về Tịnh Độ. Con đường này rất dễ đạt thành, thực hiện dễ dàng, sẽ đạt tới viên mãn. Nó cũng là đạo Nhất Thừa thành Phật, cũng là đạo thành Phật nhanh chóng do được sức bi nguyện của Phật Di Đà nhiếp trì. Vì thế, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận²⁰ gọi [con đường này] là “*đạo dễ hành*”.

1.2.2.2. Tổng kết

Nói theo phía Sơ Phát Tâm Bồ Tát thì “*quyết định cầu sanh Tịnh Độ*” xác định là con đường mười phần sáng suốt. Quan sát từ cả hai phương diện chánh diện và phản diện, nếu lựa chọn sanh trong uế độ, sẽ trở thành “*đạo khó hành*”. Xét theo tình huống phổ biến, nó sẽ là một tuyệt lộ, hết sức nguy hiểm, hễ đọa lạc, sẽ là vô lượng kiếp, [kẻ khăng khăng đi theo con đường ấy] thuộc loại chẳng biết lượng sức. Đây là vì lòng từ bi không được nhiếp trì bởi lý trí, đánh giá cao năng lực của chính mình, chọn lựa một cách khinh suất. Rất nhiều người do điều này mà chướng ngại sanh mạng trụ đạo, không chỉ là chẳng thể cứu nổi chúng sanh, mà đâm ra lại bị sức tội nghiệp của chính mình kéo vào đường ác, hoặc phạm làm lỗi “*lang băm hại người*”. Ngược lại, nếu lựa chọn sanh vào Tịnh Độ, đây là con đường Nhất Thừa, viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn, tốt bậc thù thắng, do nương cậy vào nguyện lực đã thành tựu từ vô lượng kiếp của A Di Đà Phật. Nói theo phía phàm phu trong hiện tiền, đây là sự lựa chọn hết sức lý trí. Hiểu rõ đường lối, biết sức lực của chính mình, biết lòng từ bi của Phật, biết sự thù thắng của Tịnh Độ, chỉ cần có tín nguyện, đi theo con đường này, chắc chắn sẽ thành tựu nhanh chóng, đến cuối cùng, sẽ hoàn thành nguyện lực đại bi.

²⁰ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (Daśabhūmika-vibhāsa-sāstra), còn gọi là Thập Trụ Luận, do ngài Long Thọ trước tác để chú giải phẩm Thập Trụ của kinh Hoa Nghiêm (tuy dịch là Thập Trụ, nhưng nội dung thật sự là địa vị Thập Địa). Tông Hoa Nghiêm tin rằng: Sau khi đem kinh Hoa Nghiêm từ long cung về, Long Thọ Bồ Tát đã viết Đại Bát Tư Nghi Luận để chú giải bộ kinh ấy gồm mười vạn bài tụng, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận chỉ là một phẩm trong bộ luận ấy. Bộ luận này được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán vào đời Diêu Tần gồm mười sáu quyển.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Sau khi đã thấy như vậy, sẽ biết: Mỗi vị Sơ Phát Tâm Bồ Tát kiến lập bi nguyện, sau khi đã thông hiểu đường lối, đều phải nên đến Tịnh Độ thân cận Phật, vì phải tụ tập hết sức nhiều nhân duyên thì mới có thể nhanh chóng thành tựu Vô Sanh Nhân Lực hồng thực hiện bi nguyện. Nhân duyên chẳng tụ tập, sẽ hết sức khó khăn. Dầu có tâm nguyện, nhưng do sức phiền não của bản thân, sức nhân duyên bên ngoài, cùng với các loại nghiệp lực rắc rối, phức tạp lôi kéo, ngăn trở, sẽ trì hoãn tiến trình, khiến cho vô số kiếp đều chẳng thể thực hiện. Nhưng đi theo con đường vắng sanh Tịnh Độ này, do có Phật lực nhiếp trì, các phương diện đều chuẩn bị tốt đẹp cho quý vị, sẽ tốt cùng thuận tiện. Vì thế, sau khi sanh về Tịnh Độ, nhân duyên để hoàn thành Vô Sanh Nhân Lực hết sức có ưu thế, hết sức thù thắng. Nhìn từ các nhân tố như cái thân đạt được, thầy bạn để nương cậy, hoàn cảnh cư trụ, nghe pháp môn, cho đến thọ mạng vô lượng, toàn là viên mãn, đáng gọi là thân viên mãn, thầy viên mãn, bạn viên mãn, pháp viên mãn, thời viên mãn v.v... Nói chung, chẳng có tí nào thoái chuyển, toàn là nhân duyên tăng tấn, trong khoảng sát-na có thể tích tập vô số tư lương, nghe pháp gì cũng đều có thể khai phát vô số thiện căn Bồ Đề. Cũng giống như thế, đối với duyên cơ hồng có thể nhanh chóng thành tựu viên mãn Vô Sanh Nhân Lực, ắt cần phải noi theo đại duyên khởi này!

Trong kinh Hoa Nghiêm, trước hết, Phổ Hiền Bồ Tát đối trước Hoa Nghiêm hải chúng tuyên nói mười đại nguyện vương, nhưng đối với phàm phu mà nói, điều này hết sức xa xôi, chẳng có một con đường tắt thù thắng, nhiệm mầu, sẽ khó thể hoàn thành được, nhưng Tịnh Độ của A Di Đà Phật chính là nơi chốn đại duyên khởi để hoàn thành nhanh chóng. Vì thế, Phổ Hiền Bồ Tát suất lãnh hải chúng nhất trí dẫn về thế giới Cực Lạc, vì [ở nơi đó] sẽ dễ dàng hoàn thành Phổ Hiền nguyện hải, mà Phổ Hiền nguyện hải sẽ được thực hiện trong các cõi nước hóa hiện nhiều như vi trần, dùng phương thức trọn khắp, chẳng gián đoạn, thường hằng, hồng lợi ích hết thảy các hữu tình. Đã thấy chỗ quy kết cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là Tây Phương Tịnh Độ, phải nên biết đây là con đường tắt cùng nhau phải đi của hết thảy các hành giả Bồ Đề. Cũng giống như vậy, thấy mọi người đi theo con đường khác, chẳng đi theo đường lối như thế này (tức con đường cầu sanh Tịnh Độ hồng thân cận Phật), tự tâm bèn chốt lại: “Vì để hoàn thành thế nguyện đại bi, trước hết, phải vắng sanh Tây Phương Tịnh Độ!”

2. Mười Nghi Thứ Hai

(Luận) Đề nghị nghi. Vân: *Chư pháp thể Không, bản lai vô sanh, bình đẳng tịch diệt, kim nãi xả thủ, cầu bỉ, sanh Tây Phương Di Đà Tịnh Độ, khởi bất quai lý tai? Hựu kinh vân: “Nhược cầu Tịnh Độ, tiên tịnh kỳ tâm, tâm tịnh cố tức Phật độ tịnh”, thử vân hà thông?*

(論) 第二疑。問：諸法體空，本來無生，平等寂滅。今乃捨此，求彼生西方彌陀淨土，豈不乖理哉？又經云：「若求淨土，先淨其心，心淨故即佛土淨。」此云何通？

(Luận: Mối nghi thứ hai. Hỏi: *Bản thể của các pháp là Không, vốn vô sanh, bình đẳng tịch diệt, nay bỏ cõi này, cầu cõi kia, sanh về Tây Phương Di Đà Tịnh Độ, há chẳng phải là trái lý ư? Kinh còn dạy: “Nếu cầu Tịnh Độ, trước hết hãy thanh tịnh cái tâm, do tâm tịnh thì cõi Phật sẽ tịnh”, điều này nói sao cho thông đây?)*

Ở đây, nêu ra hai vấn đề:

- Thứ nhất, cầu sanh Tây Phương có trái nghịch lý “các pháp vô sanh” hay không?

- Thứ hai, làm sao để nói dung thông giữa cầu sanh Tây Phương và “do tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”?

Cụ thể là nêu ra câu hỏi như thế này: Các pháp bình đẳng tịch diệt, trong Thật Tướng chẳng có sanh, người vãng sanh, và chỗ để sanh về! Nay liền bỏ phương này, cầu phương kia, sanh về Tây Phương Di Đà Tịnh Độ, chẳng phải là đã trái nghịch lý Vô Sanh hay sao? Hơn nữa, kinh Duy Ma Cật còn dạy: Muốn cầu cõi nước thanh tịnh, trước hết phải làm sao cho cái tâm của chính mình thanh tịnh. Hễ cái tâm tịnh thì cõi nước bèn tịnh. Làm thế nào để có thể dung thông cách nói kiểu ấy với chuyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ?

2.1. Tổng đáp

(Luận) Đáp: *Thích hữu nhị nghĩa. Nhất giả tổng đáp, nhị giả biệt đáp. Tổng đáp giả, nhữ nhược ngôn cầu sanh Tây Phương Di Đà Tịnh Độ, tắc thị xả thủ cầu bỉ, bất trúng lý giả! Nhữ chấp trụ thủ, bất cầu Tây Phương, tắc thị xả bỉ trước thủ, thử hoàn thành bệnh, bất trúng lý dã. Hựu chuyển kế vân: “Ngã diệt bất cầu sanh bỉ, diệt bất cầu sanh thử giả”, tắc Đoạn Diệt Kiến. Cổ Kim Cang Bát Nhã kinh vân: “Tu Bồ Đề, nhữ nhược tác thị niệm, phát A Nậu Bồ Đề*

giả, thuyết chư pháp đoạn diệt tướng, mạc tác thị niệm, hà dĩ có? Phát Bồ Đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng”.

(論)答：釋有二義，一者總答，二者別答。總答者，汝若言求生西方彌陀淨土，則是捨此求彼，不中理者。汝執住此，不求西方，則是捨彼著此，此還成病，不中理也。又轉計云，我亦不求生彼，亦不求生此者，則斷滅見。故金剛般若經云：「須菩提，汝若作是念，發阿耨菩提者，說諸法斷滅相。莫作是念，何以故？發菩提心者，於法不說斷滅相。」

(Luận: Đáp: Giải thích bằng hai nghĩa. Một là đáp chung, hai là đáp riêng. Đáp chung là nếu ông nói: “Cầu sanh Tây Phương Di Đà Tịnh Độ chính là bỏ cõi này, cầu cõi kia, chẳng trúng lý”. [Vậy là] ông chấp trước trụ trong cõi này, chẳng cầu Tây Phương, tức là bỏ cõi kia, chấp cõi này, đây vẫn là thành bệnh, chẳng trúng lý. Nếu lại chuyển sang nói: “Ta cũng chẳng cầu sanh cõi kia, mà cũng chẳng cầu sanh cõi này”, tức là kiến giải Đoạn Diệt. Vì thế, kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Này Tu Bồ Đề! Nếu ông nghĩ như thế này, phát A Nậu Bồ Đề (phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), nói tướng đoạn diệt của các pháp, đừng nghĩ như thế, có sao vậy? Phát Bồ Đề tâm thì đối với các pháp, chẳng nói đến tướng đoạn diệt”).

Phân giải thích có hai bộ phận là tổng đáp và biệt đáp. Tổng đáp là trả lời chung cho hai nghi vấn, biệt đáp là phân biệt trả lời từng điều một.

Trước hết là tổng đáp, dùng cùng một lý để phá. Nếu quý vị nói cầu sanh Tây Phương Di Đà Tịnh Độ là “bỏ phương này, cầu phương kia”, [tức là] thật sự có phương này để bỏ, thật sự có phương kia để cầu sanh về. Nếu [quý vị cho rằng] mong sanh về phương kia là chẳng phù hợp lý vô sanh tịch diệt; vậy thì quý vị chấp trước ở lại phương này, chẳng cầu sanh phương kia, cũng là thấy hai nơi đều thật sự có! Ta chẳng ưa thích phương kia, nên sẽ không đến đó; ta ưa thích phương này liền ở nơi đây. Đây chẳng phải là “bỏ phương kia, chấp phương này”, do Pháp Chấp mà thấy “có sanh” ư? Đều chẳng phù hợp diệu lý như nhau!

Nếu đôi cách nói: “Ta cũng chẳng cầu sanh phương kia, mà cũng chẳng cầu sanh phương này”. Đây cũng là cho rằng: Phương kia lẫn

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

phương này đều chẳng thể cầu sanh; hễ cầu sanh, sẽ trái nghịch lý Vô Sanh. Cho nên chẳng cầu sanh cả hai nơi. Như thế thì sẽ đọa vào Đoạn Kiến. Quý vị lại dấy lên Pháp Chấp, cho rằng phương này lẫn phương kia đều chẳng thể cầu sanh, nhất định phải giữ chặt Vô Sanh! Như thế là khăng khăng chấp chặt nơi Vô, sẽ là Đoạn Diệt Kiến.

Hơn nữa, đã là phương này lẫn phương kia đều chẳng thể sanh, vậy thì quý vị ngồi ở nơi đây sẽ chẳng thể động đậy! Nếu đi về phương Đông, tức là xả Tây, hướng về Đông. Nếu đi về phương Tây, tức là bỏ Đông, hướng về Tây, đều trở thành “*có sanh*”, có đến, có đi, dấy đều chẳng phải là trái nghịch Vô Sanh đó sao? Do lẽ này, quý vị hẳn là chẳng nên động đậy mảy may, hoặc là đáng nên biến thành hư không! Nhưng thân thể quý vị hằng ngày đều đổi cũ thay mới, ruột và dạ dày co bóp, trái tim đập đều, lại còn phải đi đông, đi tây v.v... Những điều ấy há chẳng phải đều là trái phạm lý Vô Sanh ư? Chuyện gì cũng đều chẳng thể làm ư? Cũng giống như vậy, quý vị đã từ bên Hữu rơi vào bên Vô, mà cứ tưởng trụ nơi bên Vô bất động thì mới phù hợp Vô Sanh. Đây gọi là “*rơi vào Đoạn Kiến*”.

Do đó, kinh Kim Cang chép: “*Tu Bồ Đề! Nếu như ông suy nghĩ như thế này, phát A Nậu Bồ Đề (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), nói tướng đoạn diệt của các pháp, đừng nghĩ như thế! Vì duyên có nào? Phát Bồ Đề tâm là đối với các pháp chẳng nói đến tướng đoạn diệt, mà cũng chẳng thể dùng hai món Đoạn Kiến và Thường Kiến để quán Như Lai*”. Ý của đức Thế Tôn là đừng dùng tướng để quán, đây chỉ là một cách nói ngăn chặn. Lại phải biết, hết thầy Như Lai đều trọn đủ tướng hảo và công đức, đây là cách nói biểu lộ. Nếu chẳng lãnh hội như vậy, sẽ đọa vào Đoạn Diệt Kiến. Do vậy, phải biết: Nói đến tướng thì muôn pháp sâm la, trong thực tế, chẳng có gì để đắc. Nói theo Tánh thì tịch diệt như nhau, chẳng trở ngại tùy duyên dấy lên tác dụng, chẳng phải là đoạn diệt! Phải nên lãnh hội như thế đó!

2.2. Biệt đáp

(Luận) Nhị, biệt đáp giả.

(論)二別答者。

(Luận: Thứ hai là biệt đáp).

Phân biệt giải thích hai nghi vấn trên đây. Thứ nhất, do Sanh chính là Vô Sanh, hoàn toàn chẳng phải là ở ngoài Sanh bèn có Vô

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Sanh; do vậy, sanh về Tịnh Độ chẳng trái nghịch lý Vô Sanh. Tiếp đó, [đại sư] dùng chánh lý và thánh giáo để nói rõ.

2.2.1. Biện định bất sanh bất diệt

(Luận) Phù bất sanh bất diệt giả, ư sanh duyên trung, chư pháp hòa hợp, bất thủ tự tánh. Cầu ư sanh thể, diệt bất khả đắc. Thử sanh sanh thời, vô sở tùng lai, cố danh bất sanh. Bất diệt giả, chư pháp tán thời, bất thủ tự tánh, ngôn ngã tán diệt. Thử tán diệt thời, khứ vô sở chí, cố ngôn bất diệt. Phi vị nhân duyên sanh ngoại, biệt hữu bất sanh bất diệt, diệt phi bất cầu sanh Tịnh Độ, hoán tác Vô Sanh!

(論)夫不生不滅者，於生緣中，諸法和合，不守自性。求於生體，亦不可得。此生生時，無所從來，故名不生。不滅者，諸法散時，不守自性，言我散滅。此散滅時，去無所至，故言不滅。非謂因緣生外，別有不生不滅。亦非不求生淨土，喚作無生。

(Luận: Phàm bất sanh bất diệt là trong các sanh duyên (các duyên tạo thành sự sanh), các pháp hòa hợp, chẳng giữ lấy tự tánh. Cầu tìm cái bản thể của Sanh cũng chẳng thể được. Khi cái sanh ấy mà sanh, nó chẳng từ đâu đến, nên gọi là “bất sanh”. “Bất diệt” là khi các pháp phân tán, chẳng giữ lấy tự tánh, nói là cái Ngã tan tác, diệt mất. Trong khi tán diệt ấy, nó chẳng đi đến nơi đâu, vì thế, nói là “bất diệt”. Chẳng phải là ngoài “nhân duyên sanh” mà riêng có bất sanh bất diệt, cũng chẳng phải là “không cầu sanh Tịnh Độ” thì mới gọi là Vô Sanh!)

Nói “bất sanh bất diệt” là nói: Trong khá nhiều các nhân duyên có thể sanh ra cái quả, các pháp hòa hợp, chẳng giữ lấy tự tánh, bỗng dựng hiện ra quả pháp (pháp là cái quả của các nhân duyên trên đây), nhưng tìm kiếm thể tánh của Sanh thì cũng chẳng thể được. Cái Sanh ấy, lúc nó sanh thì chẳng có gì từ đâu đến, nên gọi là “bất sanh”. Nếu chẳng quan sát, bèn ngỡ là có chuyện gì đó được sanh; trên thực tế, lúc suy cầu, sẽ chẳng tìm được [pháp nào là] sanh, nên bảo “Sanh chính là Vô Sanh”.

Có thể xét theo phương diện Lý “có nhiều nhân duyên” để nhận

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

định điểm này. Ví như hễ nói đến sanh, nhất định là có một pháp thật sự đưa đến, vậy thì nó đưa đến như thế nào? Nó chỉ do một nhân duyên từ trong các nhân duyên có thể sanh [ra cái quả] mà có, hay là do các nhân duyên hòa hợp với nhau mà sanh ra nó? Nếu xét riêng từng nhân duyên, mỗi nhân duyên đều chẳng thể sanh ra cái quả. Đã là mỗi nhân duyên đều chẳng thể sanh ra quả, [vậy thì] nhiều duyên hợp lại cũng chẳng thể thấy có một cái quả thật sự xuất hiện từ đó. Giống như mỗi hạt cát đều chẳng có cách nào sanh ra dầu, vậy thì gộp các hạt cát lại, cũng sẽ chẳng thể ép ra dầu được. Cũng vậy, trên thực tế, chẳng có một quả pháp thật sự từ nơi nào đó đưa đến, do đó, [tạm đặt cho một giả danh là] Vô Sanh. Hoặc nhìn theo phương diện Lý “*liạ tứ tánh mà sanh*” để xem xét thì tự sanh (do chính nó sanh ra), tha sanh (do pháp khác sanh ra), cộng sanh (do các pháp cùng nhau kết hợp mà sanh), vô nhân sanh (không có nhân mà sanh ra) đều chẳng thành lập, lại chẳng có phương thức thứ năm nào khác! Do xét theo cách này, sẽ chẳng thể lập ra cái Sanh được. Hoặc là do quan sát như vậy, mỗi quan hệ giữa cái Sanh ấy và quả pháp là như thế nào? Là cùng một Thể, hay là có một cái Thể nào khác? Nếu là cái Thể nào khác, vậy là cái Sanh ấy ở ngoài quả pháp, làm sao có thể nói là cái quả ấy có sanh cho được? Nếu là một Thể, cái được gọi là Sanh ấy “đang sanh”, chẳng phải là “đã sanh”. Đang sanh thì sẽ không có quả, làm sao có thể thành lập “do sự Sanh ấy mà sanh ra cái quả này” cho được? Nhìn từ hai bên, [cách lý giải nào] cũng đều chẳng thể thành lập. Dựa trên những điều này, sẽ phát hiện: Khi chẳng quan sát bèn nói là có sự kiện Sanh, xét theo thực tế, chẳng thể thành lập Sanh được! Đó gọi là “*Sanh chính là Vô Sanh*”.

Thêm nữa, “*bát diệt*” là nói các pháp khi tán diệt, chẳng có pháp nào giữ lấy một tự tánh nhất định, chẳng phải là nói ta đang tán diệt một pháp nào đó. Trong khi tán diệt, trọn chẳng phải là có một pháp thật sự nào đó đi đến nơi đâu, cho nên nói là “*bát diệt*”. Cũng tức là nếu thừa nhận thật sự có Diệt, ắt cần phải có một pháp thật sự diệt mất; nhưng khi duyên tán, nó sẽ bỗng nhiên chẳng có, trọn chẳng phải là có một pháp thật sự đi về đâu. Do vậy, chẳng có Diệt. Hoặc là nói “*Diệt là phát sanh nơi quả pháp*”, nếu thật sự có Diệt, vậy thì Diệt và quả pháp có mối quan hệ như thế nào? Là một Thể, hay khác Thể? Nếu khác Thể, vậy thì quả pháp ở ngoài Diệt, bàn đến Diệt chi nữa? Nếu bảo là một Thể, Diệt có nghĩa là “chẳng có”, quả pháp là pháp Hữu, làm sao có thể nói là một Thể cho được? Nói chung, chẳng thể kiến lập Diệt, mà cũng chẳng có Diệt thật sự. Do vậy, khi không quan sát bèn nói

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

“lúc duyên tán, bèn diệt mất”, truy tìm nơi thực tế thì chẳng có Diệt! Vì thế, nói “*Diệt chính là Vô Diệt*”.

Còn có thể quan sát như thế này, dùng hai sát-na để làm thí dụ. Sát-na trước thuộc về nhân, sát-na ngay sau đó thuộc về quả. Sát-na trước chẳng có quả pháp, chẳng thể nói là “có sanh”; trong sát-na sau, quả pháp đã có, vẫn chẳng thể kiến lập Sanh, vì Sanh là đang sanh, chẳng phải là đã sanh! Lại xét tới Diệt, trong sát-na trước thì có, trong sát-na sau thì không. Nếu trong sát-na trước, nó là đang có, sẽ chẳng thể nói là Diệt. Nếu trong sát-na sau, nó đã không có, vẫn chẳng thể nói là Diệt, rốt cuộc vẫn chẳng thể kiến lập Diệt! Vì thế, sanh diệt là giả lập khi không quan sát, chứ trên thực tế, sẽ chẳng tìm được!

Như vậy bèn biết: Hoàn toàn chẳng phải là ở ngoài “nhân duyên sanh” mà có một cái bất sanh bất diệt. Ta cũng hiểu rõ: Chẳng phải là quyết định không cầu sanh về Tịnh Độ, ngòi bất động tại đó mới duy nhất là Vô Sanh! Nói cách khác, ở trong cõi tục mà chẳng quan sát, bèn an lập chuyện cầu sanh Tịnh Độ. Trong chân thật, chẳng tìm thấy Sanh, điều này được diễn tả là “*Sanh chính là Vô Sanh*”. Vì thế, sanh về Tịnh Độ chẳng hề trái nghịch lý Vô Sanh!

(Luận) Vị thứ, Trung Luận kệ vân: “Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệt danh vi giả danh, diệt danh Trung Đạo nghĩa”. Hựu vân: “Chư pháp bất tự sanh, diệt bất tùng tha sanh, bất cộng, bất vô nhân. Thị cố tri vô sanh”. Hựu Duy Ma kinh vân: “Tuy tri chư Phật quốc, cập dữ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chư quần sanh”. Hựu vân: “Thí như hữu nhân tạo lập cung thất, nhược y không địa, tùy ý vô ngại. Nhược y hư không, chung bất năng thành. Chư Phật thuyết pháp, thường y Nhị Đế, bất hoại giả danh, nhi thuyết chư pháp Thật Tướng”.

(論)為此中論偈云：「因緣所生法，我說即是空，亦名為假名，亦名中道義。」又云：「諸法不自生，亦不從他生，不共不無因，是故知無生。」又維摩經云：「雖知諸佛國及與眾生空，而常修淨土教化諸群生。」又云：「譬如有人，造立宮室。若依空地，隨意無礙。若依虛空，終不能成。諸佛說法，常依二諦。不壞假名，而說諸法實相。」

(Luận: Do vậy, Trung Luận có bài kệ rằng: “Pháp sanh bởi

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

nhân duyên, ta nói chính là Không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung Đạo”. Lại nói: “Các pháp chẳng tự sanh, chẳng từ pháp khác sanh, chẳng cùng, chẳng không nhân. Vì thế, biết vô sanh”. Kinh Duy Ma Cật lại nói: “Tuy biết các cõi Phật cùng với chúng sanh đều là Không, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các quần sanh”. Lại nói: “Ví như có người tạo dựng cung điện, nếu dựa vào chỗ đất trống, sẽ tùy ý vô ngại. Nếu dựa trên hư không, trọn chẳng thể thành công được. Chư Phật thuyết pháp thường dựa trên Nhị Đế, chẳng hoại giả danh mà nói Thật Tướng của các pháp”).

Do nguyên nhân này, Trung Luận²¹ nói: “Pháp sanh bởi nhân duyên, trên thực tế là rỗng không, chẳng có tự tánh” v.v... Lại nói: “Các pháp chẳng phải là tự sanh, tha sanh, cộng sanh, vô nhân sanh. Do vậy biết các pháp sanh chính là vô sanh”. Thêm nữa, kinh Duy Ma Cật nói: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh là Không, nhưng thường tu Tịnh Độ, thường giáo hóa các quần sanh”. Lại nói: “Giống như người xây dựng cung điện, nếu xây nơi đất trống, sẽ có thể tùy ý vô ngại; nếu xây trên hư không, sẽ trọn chẳng thể xây thành công. Chư Phật thuyết pháp thường dựa trên Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế), chẳng hoại giả danh mà nói Thật Tướng của các pháp. Vì thế, đối ứng với Sanh trong thế tục mà nói là Vô Sanh”.

Trên đây, đã dẫn thánh giáo để chứng minh, đức Phật thuyết pháp nhằm vào pháp sanh bởi nhân duyên, hoặc là từ Sanh mà nói Vô Sanh, nói Không. Tuy nói Chân Đế vô tướng, tức là nói “cõi Phật và chúng sanh là Không, nhưng Tục Đế rành rành, nghiệm nhiên vẫn thường tu Tịnh Độ, giáo hóa quần sanh, trọn chẳng phé bỏ sự tướng”. Do vậy, chẳng phải là “liạ khỏi Sanh mà nói Vô Sanh”, [chẳng phải là] rời khỏi sự tướng để nói lý tánh.

²¹ Trung Luận (Mūlamadhyamakakārikā) còn gọi là Trung Quán Luận, Trung Quán Tụng, hay Trung Quán Căn Bản Luận, là một trước tác quan trọng nhất của ngài Long Thọ, được coi là giáo điển căn bản của học phái Trung Quán. Tam Luận Tông của Phật giáo Trung Hoa đã được sáng lập dựa theo các giáo nghĩa trong Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận và Bách Luận. Trung Luận được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán, có khá nhiều bản chú giải. Trong Hán Tạng, tối thiểu là có bảy bản dịch các tác phẩm chú giải bộ luận này như bản chú giải của các vị Thanh Mục, Vô Trước, An Huệ v.v...

2.2.2. Xét theo chuyện cầu sanh Tịnh Độ, liễu đạt “Sanh chính là Vô Sanh”. Đây chính là “do tâm tịnh mà cõi Phật tịnh”

(Luận) Trí giả xí nhiên cầu sanh Tịnh Độ, đạt sanh thể bất khả đắc, tức thị chân Vô Sanh. Thử vị “tâm tịnh cố, tức Phật độ tịnh”.

(論)智者熾然求生淨土，達生體不可得，即是真無生，此謂心淨故即佛土淨。

(Luận: Bậc trí nồng nhiệt cầu sanh Tịnh Độ, liễu đạt “thể tánh của Sanh trọn chẳng thể được” chính là Vô Sanh thật sự. Điều này được nói là “do tâm tịnh, cho nên cõi Phật tịnh”).

Bậc trí háo hức cầu sanh Tịnh Độ, liễu đạt ngay trong đó chẳng có Sanh. Vì thế, chẳng chấp tướng Sanh. Do vậy, tâm rộng rang, thanh tịnh, sẽ có thể vãng sanh Tịnh Độ với phẩm vị cao. Đây gọi là “do tâm tịnh, cho nên cõi Phật tịnh”.

Chữ Tịnh ở đây nhằm nói người ấy chẳng đắm chấp “thật sự có Sanh”. Từ tầng bậc tịnh này mà có công năng lực dụng Bát Nhã, đạt được quả vị cao, xuất hiện Tịnh Độ càng vi diệu hơn. Đó chính là “do tâm tịnh mà cõi Phật tịnh”, hoàn toàn chẳng phải là rời lìa chuyện sanh về Tịnh Độ thì mới có thể “do tâm tịnh cho nên cõi Phật tịnh”.

(Luận) Ngu giả vị Sanh sở phục, văn Sanh tức tác Sanh giải, văn Vô Sanh tức tác Vô Sanh giải, bất tri Sanh giả tức thị Vô Sanh, Vô Sanh tức thị Sanh. Bất đạt thử lý, hoạnh tương thị phi, sân tha cầu sanh Tịnh Độ, kỷ hứa ngộ tai! Thử tắc thị báng pháp tội nhân, tà kiến ngoại đạo dã.

(論)愚者為生所縛，聞生即作生解，聞無生即作無生解。不知生者即是無生，無生即是生，不達此理，橫相是非。瞋他求生淨土，幾許誤哉。此則是謗法罪人，邪見外道也。

(Luận: Kẻ ngu bị trói buộc bởi Sanh, nghe nói Sanh bèn hiểu là [thật sự có] Sanh, nghe nói Vô Sanh bèn hiểu là Vô Sanh, chẳng biết “Sanh chính là Vô Sanh, Vô Sanh chính là Sanh”. Chẳng thông đạt lý này, ngang bướng nảy sanh thị phi, bực tức với kẻ cầu sanh Tịnh Độ, sai lầm lắm thay! Đây chính là tội nhân báng pháp, tà kiến ngoại đạo vậy).

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

“Kẻ ngu” là kẻ chẳng thấu đạt diệu lý, chẳng thể hiểu sự lý viên dung “*Sanh chính là Vô Sanh*”. Kẻ ấy bị hý luận về Sanh ràng buộc, vừa nghe nói Sanh liền tưởng là thật sự có pháp để sanh; vừa nghe nói đến Vô Sanh, bèn nghĩ “giống như hư không, cái gì cũng chẳng có”, chẳng chấp thuận “có điều gì để thực hiện”, rơi vào bên Đoạn. Kẻ ấy chẳng biết “*Sanh chính là Vô Sanh, Vô Sanh chính là Sanh*”. Vì chẳng liễu đạt diệu lý Trung Đạo, sanh khởi cái tâm thị phi vô lý, cho rằng nếu đã nói đến Vô Sanh thì sanh [về Tịnh Độ] chẳng đúng, sanh tâm sân khúe đối với người cầu sanh Tịnh Độ, sai lầm lắm thay! Như vậy thì sẽ trở thành tội nhân báng pháp, trở thành ngoại đạo tà kiến.

3. Mối Nghi Thứ Ba

(Luận) Đệ tam nghi. Vấn: Thập phương chư Phật nhất thiết Tịnh Độ, Pháp Tánh bình đẳng, công đức diệc đẳng. Hành giả phổ niệm nhất thiết công đức, sanh nhất thiết Tịnh Độ. Kim nãi thiên cầu nhất Phật Tịnh Độ, dĩ bình đẳng tánh quai, vân hà sanh Tịnh Độ?

(論)第三疑。問：十方諸佛，一切淨土，法性平等，功德亦等。行者普念一切功德，生一切淨土。今乃偏求一佛淨土，與平等性乖。云何生淨土？

(Luận: Điều nghi thứ ba. Hỏi: Hết thấy các Tịnh Độ của mười phương chư Phật Pháp Tánh bình đẳng, công đức cũng bình đẳng, hành giả niệm trọn khắp hết thấy các công đức, sanh vào hết thấy các Tịnh Độ. Nay lại riêng cầu Tịnh Độ của một vị Phật, trái nghịch tánh bình đẳng, làm sao sanh về Tịnh Độ cho được?)

Nêu lên câu hỏi: Hết thấy các Tịnh Độ của mười phương chư Phật Pháp Tánh bình đẳng, công đức cũng bình đẳng, hành giả lẽ ra phải dùng cái tâm rộng lớn để niệm trọn khắp hết thấy các công đức, sanh vào hết thấy Tịnh Độ, nay lại khăng khăng chỉ cầu sanh vào Tịnh Độ của một vị Phật, trái nghịch tánh bình đẳng, làm sao còn có thể sanh về Tịnh Độ được nữa?

Đối phương chất vấn, nghi ngờ: Pháp Tánh vốn bình đẳng, vậy thì phải bình đẳng niệm, sanh trong trọn khắp các cõi; nay lại thiên vị cầu một vị Phật, thiên vị sanh vào một cõi Tịnh Độ, [đấy chính là] trái nghịch tánh bình đẳng, làm sao có thể sanh về Tịnh Độ cho nổi? Bởi lẽ, đã trái nghịch Pháp Tánh!

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Trả lời: Đối với vấn đề này, chẳng thể mơ hồ, xí xóa được. Phải biết, Phật có ba thân là Pháp, Báo, Hóa; cõi có ba loại là Pháp, Báo, Ứng. Phàm phu muốn nhập môn bình đẳng, niệm hết thấy Phật, sanh vào hết thấy cõi, lại phải có lịch trình của riêng họ (quá trình tu tập từng bước một), phải có phương tiện tiếp dẫn. Chẳng thể trách móc phàm phu: “Vì sao người chẳng thể ngay lập tức niệm hết thấy Phật, sanh vào hết thấy các cõi?” Do vậy, hiện thời phải xem xét: Có thể thuận lợi dẫn dắt hết thấy chúng sanh vào Tịnh Độ hay không, cuối cùng, sẽ hết sức nhanh chóng đạt đến “*niệm hết thấy Phật, sanh vào hết thấy cõi*” hay chẳng? Đây là điều chúng ta phải chú ý. Vì thế nói: Thiên vị niệm một vị Phật, thiên vị cầu một cõi, đúng là phương tiện nhanh chóng để vào Tịnh Độ, mà cũng sẽ là rốt ráo được thấy hết thấy Phật, sanh vào hết thấy các cõi. Vì thế, [kinh văn] hướng dẫn chúng ta riêng cầu Tịnh Độ của một vị Phật.

“*Riêng niệm một vị Phật*” ở đây phải dựa trên sự nhận thức về hiệu quả ứng hợp căn cơ và xác suất thành tựu. Trước hết, cần biết chúng sanh trong cõi này lắm kẻ trược loạn, do tâm loạn sẽ khó đạt được tam-muội (những điều duyên theo quá nhiều sẽ gây nên động loạn, chẳng có cách nào Định được). Do cái tâm chẳng thể Định, sẽ chẳng thể hiện trọn khắp hình bóng. Vì thế, nói theo kẻ bình phàm trong cõi này, nếu niệm trọn khắp hết thấy các vị Phật, sanh vào hết thấy các cõi, chuyện ấy hết sức khó khăn, chẳng ứng hợp căn cơ! Kế đó, phải biết: Do vì căn tánh chậm lụt, kém cõi, nếu dạy họ chỉ giữ lấy một đối tượng để duyên theo, dụng công liên tục chẳng gián đoạn, sẽ có thể thành tựu tam-muội. Sau khi tam-muội đã thành, sẽ có thể thấy hết thấy các vị Phật. Đây là điều trọng yếu!

Giống như mặt trời có thể tỏa nhiệt, nếu làm cho ánh sáng mặt trời tụ lại một điểm, nó sẽ rất nhanh chóng đạt đến điểm cháy, sanh ra lửa. Nếu ánh sáng chẳng tụ lại, vậy thì vĩnh viễn chẳng đạt được tí lửa nào! Ở đây, đích xác là vấn đề hữu hiệu. Hễ tụ tập [ánh sáng mặt trời], trong một giờ là có thể đốt cháy. Chẳng tụ tập, mười giờ, một trăm giờ, một ngàn giờ, một vạn giờ, một ức giờ v.v... vẫn chẳng có cách nào đốt cháy; có thể thấy tầm quan trọng của việc ứng hợp căn cơ. Nếu pháp chẳng ứng hợp căn cơ, chẳng thích hợp với họ, họ sẽ chẳng tu nổi. Vậy thì mười ngày tu không nổi, trăm ngày chẳng tu nổi, ngàn ngày chẳng nổi, suốt một đời chẳng tu nổi, mười đời chẳng tu nổi, trăm đời chẳng tu nổi v.v... sẽ khó thể thành tựu! Nếu họ giữ lấy một [đối tượng], dốc hết năng lượng nội tâm ở nơi ấy, tâm thuần nhất liên tục, sẽ liên kết với

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

A Di Đà Phật ngày càng chặt chẽ, càng ngày càng tương ứng, càng ngày càng được gia bị. Như vậy thì qua một khoảng thời gian khó khăn, sẽ bắt đầu thuận thực, bắt đầu thân cận, bắt đầu càng tu càng khá. Trong đời này, dùng thời gian hữu hạn để tập trung vận dụng nơi một điểm, chắc chắn sẽ là một trăm căn cơ thì một trăm người vãng sanh, một ngàn căn cơ sẽ là một ngàn người vãng sanh. Xác suất thành công là một trăm phần trăm. Nếu chẳng làm như vậy, để cho cái tâm tán loạn, căn tánh của họ chậm lụt, kém cỏi, tâm lại tạp loạn, lâu ngày chày tháng sẽ nẩy sanh rất nhiều tác dụng phụ, dẫn đến chuyện tu lâu ngày mà chẳng thành tựu!

Thuốc phải đúng bệnh, pháp phải thích ứng căn cơ. Có thể tưởng tượng, nếu có kẻ trọn đủ tín nguyện, chiếu theo đường lối “*một mực chuyên niệm*” để hành, chuyên tương ứng với A Di Đà Phật, như vậy thì sẽ dần dần thâm nhập, chắc chắn là “*một trăm người tu, một trăm người thành công*”. Một khi đã tương ứng với A Di Đà Phật, chắc chắn sẽ được biển nguyện của đức Phật nhiếp thọ, chắc chắn là một trăm người tu thì một trăm người thành Phật, đạo lý là như thế đó. Phật Thích Ca hoàn toàn trông thấy căn tánh của chúng sanh trong thế giới này phổ biến như thế ấy, cho nên Ngài khuyên dạy: Trước hết, hãy chuyên niệm một vị Phật, khởi đầu bằng vị hữu duyên nhất là A Di Đà Phật. Như thế thì chắc chắn sẽ giải thoát ngay trong đời này. Khi đã sanh sang Tịnh Độ, liền dự vào địa vị Bất Thoái Chuyển, sau đó, nhanh chóng thành tựu viên mãn hạnh nguyện Phổ Hiền rồi thành Phật. Lộ trình này hết sức trọng yếu; vì thế, đức Thế Tôn khuyên bảo mọi người chuyên niệm một vị Phật, chuyên sanh về một Tịnh Độ.

Dưới đây, chia thành hai điều để biện luận và trình bày:

a) Một đặng là thuận tiện, bởi [dốc tâm] nơi một pháp sẽ dễ thành tựu tam-muội, dễ sanh về Tịnh Độ của Phật.

b) Một đặng là rốt ráo, bởi “*một chính là hết thầy*”.

3.1. Một đặng là thuận tiện, bởi [dốc tâm] nơi một pháp sẽ dễ thành tựu tam-muội, dễ sanh về Tịnh Độ của Phật

(Luận) Đáp: Nhất thiết chư Phật độ, thật giai bình đẳng, dẫn chúng sanh căn độn, trược loạn giả đa. Nhược bất chuyên hệ nhất tâm, nhất cảnh, tam-muội nan thành. Chuyên niệm A Di Đà Phật, tức thị Nhất Tướng tam-muội. Dĩ tâm chuyên chí, đắc sanh bỉ quốc. Như Tùy Nguyện Vãng Sanh Kinh vân: “Phổ Quảng Bồ Tát vấn

Phật: ‘Thập phương tất hữu Tịnh Độ, Thế Tôn hà cố thiên tán Tây Phương Di Đà Tịnh Độ, chuyên khiến vãng sanh?’ **Phật cáo Phổ Quang:** - Diêm Phù Đề chúng sanh, tâm đa trước loạn, vị thử thiên tán Tây Phương nhất Phật Tịnh Độ, sử chư chúng sanh chuyên tâm nhất cảnh, tức dị đắc vãng sanh. Nhược tổng niệm nhất thiết Phật giả, niệm Phật cảnh khoan, tức tâm tản mạn, tam-muội nan thành, cố bất đắc vãng sanh”.

(論)答：一切諸佛土，實皆平等。但眾生根鈍，濁亂者多，若不專繫一心一境，三昧難成。專念阿彌陀佛，即是一相三昧。以心專至，得生彼國。如隨願往生經云：「普廣菩薩問佛：「十方悉有淨土，世尊何故偏贊西方彌陀淨土，專遣往生？」佛告普廣：「閻浮提眾生，心多濁亂，為此偏贊西方一佛淨土。使諸眾生，專心一境，即易得往生。若總念一切佛者，念佛境寬，則心散漫，三昧難成，故不得往生。」」

(Luận: Đáp: - Hết thầy các cõi Phật đều thật sự bình đẳng, nhưng chúng sanh căn cơ chậm lụt, trước loạn thì nhiều. Nếu chẳng chuyên buộc ý nơi một tâm, một cảnh, tam-muội sẽ khó thành. Chuyên niệm A Di Đà Phật chính là Nhất Tướng tam-muội, do tâm chuyên chí, sẽ được sanh về cõi ấy. Như trong kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh²² đã chép: “Phổ Quang Bồ Tát hỏi đức Phật: ‘Mười phương đều có Tịnh Độ, vì sao đức Thế Tôn riêng khen ngợi Tây Phương Di Đà Tịnh Độ, chuyên dạy vãng sanh [về đó]?’ Đức Phật bảo ngài Phổ Quang: - Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề tâm phần nhiều ô trước, tán loạn. Do vậy, phải riêng ca ngợi một Phật Tịnh Độ ở phương Tây, khiến cho các chúng sanh chuyên tâm nơi một cảnh, sẽ dễ được vãng sanh. Nếu niệm chung hết thầy các đức Phật, do cảnh niệm Phật rộng rãi, tâm sẽ tản mạn, tam-muội khó thành. Vì thế, chẳng được vãng sanh”).

²² Tùy Nguyên Vãng Sanh Kinh là tên gọi tắt của bộ kinh Phật Thuyết Quán Đảnh Tùy Nguyên Vãng Sanh Thập Phương Tịnh Độ Kinh, tức là quyển thứ mười một của Phật Thuyết Quán Đảnh Kinh do ngài Thi Lê Mật Đa La dịch vào thời Đông Tấn. Kinh nói đến danh hiệu các vị Phật và Tịnh Độ của các Ngài, khuyên đại chúng hãy phát nguyện vãng sanh.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Ở đây, [đại sư] chỉ ra: Hết thấy các cõi Phật, thực tế đều bình đẳng, nhưng hiện thời, điều cần phải chú trọng là làm thế nào để khiến cho chúng sanh chúng nhập cảnh bình đẳng ấy, vậy thì nhất định phải lập bày một pháp môn khế hợp căn tánh của chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Nếu pháp môn có thể khế cơ, dễ thành công, đáng phải nên đề xướng [pháp môn ấy]. Nếu pháp môn chẳng khế cơ, chẳng dễ thành công, sẽ chẳng đề xướng nó. Như vậy, rốt cuộc phải nên lập bày pháp nào, hoàn toàn tùy thuộc căn tánh của chúng sanh.

Chúng sanh trong cõi [Sa Bà] này căn cơ chậm lụt, kém cõi, trong tâm phần nhiều là trạng huống chẳng thanh tịnh, tạp loạn. Đối ứng với loại chúng sanh này, nếu chẳng đề xướng chuyên môn buộc tâm chỉ duyên theo một cảnh, sẽ khó thể thành tựu tam-muội. Nhưng chuyên niệm A Di Đà Phật là Nhất Tướng tam-muội, vì tâm chuyên chú nơi một đức Phật, sẽ có thể sanh về cõi ấy. Trong kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh, đức Phật cũng dạy bảo như vậy. Phổ Quảng Bồ Tát cũng nhắc tới vấn đề này: Mười phương đều có cõi Phật, vì sao đức Thế Tôn riêng khen ngợi Di Đà Tịnh Độ, dạy chúng sanh chuyên môn duyên niệm và vãng sanh? Đức Phật bảo Phổ Quảng: Có quan hệ với căn tánh của chúng sanh trong Diêm Phù Đề! Tâm họ hết sức chẳng thanh tịnh, tạp loạn, do như vậy [đức Phật] bèn tất yếu riêng ca ngợi một cõi Tây Phương Tịnh Độ, khiến cho các chúng sanh chuyên tâm nơi một cảnh, sẽ dễ vãng sanh. Tuy cũng có pháp môn niệm trọn khắp hết thấy các đức Phật, nhưng cảnh giới niệm Phật [trong pháp môn ấy] rộng lớn, tâm chúng sanh tán loạn. Do vậy, khó thể thành tựu tam-muội, sẽ chẳng thể vãng sanh.

Tóm lại, đức Thế Tôn quan sát căn tánh phổ biến của chúng sanh trong cõi này, nếu đề xướng pháp môn phổ niệm, xác suất thành công sẽ rất nhỏ, dầu có mà cũng như không, vì chẳng sanh về Tịnh Độ. Nếu đề xướng pháp môn chuyên niệm, sẽ khế hợp căn cơ của chúng sanh, trăm người tu, trăm kẻ vãng sanh, ngàn người tu, ngàn kẻ vãng sanh. Hơn nữa, nhìn vào lúc lâm chung, phàm phu chấp tướng sẽ do phương hướng [xác định] bởi tín nguyện trong tâm để quyết định thọ sanh ở nơi đâu. Chúng sanh lúc lâm chung chẳng có cách nào duyên theo vị Phật này hay vị Phật kia. Nếu cứ làm như vậy, nói theo phía các phàm phu bình phàm, chỉ sợ chẳng sanh vào Tịnh Độ. Thế nhưng, duyên niệm nơi một vị Phật A Di Đà, chỉ cần cái tâm chuyên chú vào đó, ứng hợp với nguyện lực của đức Phật, ngay khi ấy, sẽ có thể vãng sanh. Vì thế, đức Thế Tôn đề cao pháp môn “*chuyên niệm một vị Phật, sanh về một Tịnh*

Độ”.

3.2. Một đàng là rốt ráo, bởi “một chính là hết thảy”

Phải biết Phật có ba thân, cõi có ba cõi. Một vị Phật Di Đà, một cõi Tây Phương vốn là Pháp Thân Phật, là Pháp Tánh Độ (cõi được kiến lập bởi Pháp Tánh). Do “*một chính là hết thảy*”, do đường tắt này bèn có thể thông đến chỗ rốt ráo, cũng có nghĩa là “*niệm một vị Phật chính là niệm hết thảy chư Phật, sanh vào một cõi chính là sanh trong hết thảy các cõi*”. Xác định rành rẽ điều này, sẽ biết “*do phương tiện mà đạt đến rốt ráo, do một môn mà thành phổ môn (trọn khắp các môn)*”. Từ chỗ này sẽ thấy, do con đường này bèn có thể chứng nhập tánh bình đẳng, đạt tới mục đích “*niệm hết thảy Phật, sanh trong hết thảy cõi*”; do vậy, phải nên đề xướng. Dưới đây là sự chứng thực về đạo lý ấy.

(Luận) Hựu cầu nhất Phật công đức, dữ nhất thiết Phật công đức vô dị, dĩ đồng nhất Phật Pháp Tánh cố. Vị thử, niệm A Di Đà Phật, tức niệm nhất thiết Phật; sanh nhất Tịnh Độ, tức sanh nhất thiết Tịnh Độ. Cổ Hoa Nghiêm kinh vân: “Nhất thiết chư Phật thân, tức thị nhất Phật thân. Nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên”. Hựu vân: “Thí như tịnh mãn nguyệt, phổ ứng nhất thiết thủy. Ảnh tượng tuy vô lượng, bốn nguyệt vị tăng nhị. Như thị vô ngại trí, thành tựu Đẳng Chánh Giác. Ứng hiện nhất thiết sát, Phật thân vô hữu nhị”. Trí giả dĩ thí dụ đắc giải. Trí giả nhược năng đạt nhất thiết nguyệt ảnh tức nhất nguyệt ảnh, nhất nguyệt ảnh tức nhất thiết nguyệt ảnh. Nguyệt ảnh vô nhị cố, nhất Phật tức nhất thiết Phật, nhất thiết Phật tức nhất Phật. Pháp Thân vô nhị cố, xí nhiên niệm nhất Phật thời, tức thị niệm nhất thiết Phật dã.

(論)又求一佛功德，與一切佛功德無異，以同一佛法性故。為此念阿彌陀佛，即念一切佛。生一淨土，即生一切淨土。故華嚴經云：「一切諸佛身，即是一佛身。一心一智慧，力無畏亦然。」又云：「譬如淨滿月，普應一切水。影像雖無量，本月未曾二。如是無礙智，成就等正覺。應現一切剎，佛身無有二。」智者以譬喻得解，智者若能達一切月影即一月影，一月影即一切月影。月影無二

故，一佛即一切佛，一切佛即一佛。法身無二故，熾然念一佛時，即是念一切佛也。

(Luận: Lại nữa, câu công đức của một vị Phật chẳng khác câu công đức của hết thấy các vị Phật, do cùng một Pháp Tánh. Do vậy, niệm A Di Đà Phật chính là niệm hết thấy Phật, sanh vào một Tịnh Độ chính là sanh vào hết thấy Tịnh Độ. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm chép: “Thân hết thấy chư Phật, chính là một Phật thân. Một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế”. Lại nói: “Vị như trăng tròn sạch, hiện khắp hết thấy chỗ có nước, tuy hình bóng vô lượng, vàng trắng chẳng hề hai. Trí vô ngại cũng thế, thành tựu Đẳng Chánh Giác, ứng hiện hết thấy cõi, thân Phật chẳng có hai”. Kẻ trí nhờ vào thí dụ mà hiểu. Nếu kẻ trí có thể thông đạt hết thấy bóng trăng chính là bóng của một vàng trắng, bóng của một vàng trắng là hết thấy bóng trăng, bởi lẽ bóng trăng chẳng hai. Một vị Phật chính là hết thấy các vị Phật, hết thấy các vị Phật chính là một vị Phật, vì Pháp Thân chẳng hai. Khi hăng hái niệm một vị Phật chính là niệm hết thấy các vị Phật).

Hơn nữa, câu công đức của một vị Phật chẳng khác [câu] công đức của hết thấy các vị Phật. Do duyên có gì? Vì duyên có chư Phật đều có cùng một Pháp Tánh. Phật Phật đạo đồng, Lý Thể và công đức đều bình đẳng. Do đó, niệm A Di Đà Phật là niệm hết thấy Phật, sanh Tây Phương Tịnh Độ là sanh vào hết thấy các cõi. Cũng vì vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thấy chư Phật đều có cùng một Pháp Thân, cùng một trí huệ, cùng một công đức”. Kinh còn nói: Ví như vàng trắng viên mãn, thanh tịnh, hiện khắp trong hết thấy các dòng nước, tuy có vô lượng hình bóng, nhưng chẳng có hai vàng trắng gốc. Trí vô ngại thành tựu Đẳng Chánh Giác, từ Pháp Thân ứng theo cơ nghi của chúng sanh mà hiện trọn khắp trong hết thấy cõi nước, nhưng thân Phật vốn có trọn chẳng có hai!

Bậc trí sẽ từ thí dụ này mà lý giải, cũng có nghĩa là bậc trí có thể liễu đạt bóng trăng trong hết thấy ngàn muôn dòng sông chính là bóng của một vàng trắng, bóng dáng của một vàng trắng chính là bóng trăng [soi] trong hết thấy sông ngòi; bởi lẽ, vàng trắng chẳng hai. Chẳng thể nói vàng trắng gốc nơi bóng trăng trong một dòng nước ít hơn một chút, vàng trắng gốc nơi bóng trăng trong ngàn sông ngòi sẽ nhiều hơn một chút. Điều này biểu đạt bóng của một vàng trắng chính là hết thấy các bóng trăng. Cũng tức là nói theo cái nguyên gốc (vàng trắng thật

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

sự, Pháp Thân của Phật) thì không hai. Công đức của Phật Di Đà chẳng ít, công đức của chư Phật chẳng nhiều! Pháp Giới Tạng Thân của A Di Đà Phật vốn là như vậy, trọn chẳng phải là ít hơn hết thấy Phật, mà hết thấy Phật cũng chẳng nhiều hơn A Di Đà Phật. Do vậy bèn liễu giải: Do Pháp thân chẳng hai, niệm một vị A Di Đà Phật chính là niệm hết thấy Phật. Do bốn cõi viên dung, sanh vào một cõi của Tây Phương Tịnh Độ chính là sanh vào hết thấy các cõi. Đây là từ một pháp chuyên môn nhằm dẫn dắt phàm phu dễ thấy Phật, dễ sanh vào cõi tịnh, rốt cuộc là sẽ chắc chắn thấy hết thấy Phật, sanh trong hết thấy cõi, vì bản thể chẳng hai vậy.

Nói rõ ràng hơn thì hình bóng của thân Phật chỉ là do vọng thức biến hiện. Sở dĩ nói là “vọng” vì trong chân thật sẽ chẳng có [hình bóng ấy], nhưng do chúng sanh có sức tập khí hòa hợp với bi nguyện của chư Phật, nay quý vị trông thấy hình bóng [thân Phật sai khác], nhưng trong chân thật thì chỉ có Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật, thuần túy là Pháp Thân đang khởi tác dụng. Trong chân thật đã không có các hình bóng ấy, những thứ ấy đều là thân Phật bất nhị. Vì thế, đừng nên đối với chuyện này mà dấy lên cách nhìn [so đo] hơn kém, [bởi lẽ], hết thấy các vị Phật đã hiện ra, trên thực tế đều là lực dụng của Pháp Thân, chẳng sai khác. Đã là lực dụng của Pháp Thân, tức toàn là do Pháp Thân khởi tác dụng. Hiểu được điều này, sẽ biết “*một chính là hết thấy, hết thấy đều là Pháp Thân, hết thấy đều chẳng hai*”.

Điều then chốt là phải nhìn vào bốn nhân (thân Phật thật sự, Pháp Thân), đừng nên nhìn vào những hình bóng hiện hiện bởi vọng thức, [để rồi so đo] rốt cuộc là “một” thì tốt hơn, hay “nhiều” thì tốt hơn. Nếu so đo nơi vọng thức, đây là “một”, kia là “nhiều”, dường như “nhiều” sẽ hay hơn một! Nhưng phải biết: Phía sau của cái “một” này và phía sau của cái “nhiều” kia, đều vốn là cùng một thứ. Giống như một vị A Di Đà Phật hóa hiện vô số vị A Di Đà Phật, đều là do cùng một Pháp Thân Phật khởi tác dụng, chẳng phải là hai cái Thể khởi lên tác dụng! Phía sau của sắc thân A Di Đà Phật mà quý vị trông thấy trước mặt chẳng phải là Pháp Thân Phật hay sao? Phía sau của bao nhiêu hình tượng thân Phật chẳng phải là cùng một Pháp Thân hay sao? Các thân ấy vốn chẳng hai! Cái thật sự tương ứng chính là một Pháp Thân Phật, do vậy gọi là “*niệm một vị Phật chính là niệm hết thấy các vị Phật*”.

Cuối cùng, chúng ta phải nắm vững trọng điểm “*do chuyên mà phổ*” (từ chuyên nhất niệm một vị Phật mà thành niệm trọn khắp các vị

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Phật). Đương nhiên là người hỏi [cật vấn như thế] chẳng sai, phải niệm hết thấy các đức²³, phải sanh vào hết thấy cõi, chẳng thể thiên lệch nơi một điều nào, vì tâm tánh của chúng ta trọn khắp, bình đẳng. Hơn nữa, hết thấy chư Phật đều ở trong tâm, hết thấy các đức đều ở trong tâm; nhưng cần phải phân định giai đoạn rõ ràng! Thực tế ấy chính là nội hàm (nội dung được chứa đựng) trong đại hạnh Phổ Hiền, nó trọn khắp, vô tận, viên mãn. Vì thế, bất cứ nguyện nào cũng đều nói “*tận pháp giới hư không giới*”, “*niệm niệm tương tục vô hữu gián đoạn*” (niệm nào cũng đều liên tục, chẳng gián đoạn), cũng đều là vào trọn khắp hết thấy các cõi, niệm trọn khắp hết thấy các vị Phật, tu trọn khắp hết thấy các hạnh, không gì chẳng viên mãn trọn khắp. Sau khi đã hiển lộ rõ rệt pháp giới tâm, do xứng hợp với pháp giới tâm mà xuất hiện đại hạnh như thế đó, nhưng phải phân định rõ rệt từng giai đoạn: Chuyện này chẳng phải là phạm phu mà hồng tu được, chênh lệch quá xa! Nếu xét theo trạng huống tu hành trước mắt của chúng ta, chỉ sợ vô số kiếp cũng khó thể đạt được! Phổ Hiền Bồ Tát thống nhiếp, dẫn dắt Hoa Tạng hải chúng đều cùng về thế giới Cực Lạc chính là con đường tắt để thực hiện biển nguyện của Phổ Hiền. Đây chính là đạo trọng yếu để chúng nhập thế giới Hoa Tạng, phát sanh đại hạnh của Phổ Hiền.

Thông qua con đường này, ai nấy đều có thể thành tựu viên mãn hạnh nguyện Phổ Hiền. Do vậy, đây chính là lộ trình “*từ chuyên đến phổ*”. “*Chuyên*” là chuyên niệm một vị A Di Đà Phật, chuyên sanh về một cõi Tây Phương. “*Phổ*” là hễ đến nơi đó, sẽ được thuận duyên hết sức tốt đẹp gia bị, sẽ nhanh chóng khai phát bản tánh. Hễ trí Văn Thù được khai phát, sẽ nhanh chóng tiêu trừ tập khí vọng chấp (chấp trước hư vọng), pháp giới chân tâm sẽ hiện tiền. Đương nhiên là cuối cùng sẽ giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, hết thấy các vị Phật đều ở trong pháp giới tâm, đương nhiên là cúng trọn khắp hết thấy các vị Phật, niệm trọn khắp hết thấy đức, hành trọn khắp hết thấy thiện. Đây là đạo lý tự nhiên. Do vậy, trước hết phải mong cầu chuyên, sau đây sẽ đạt đến phổ. Đây là đường tắt, tránh khỏi vô số ngõ rẽ, vô số đường vòng, vô số dò dẫm mù mờ và thoái chuyển hồng có thể nhanh chóng thành tựu.

Tiếp đó, lại dùng thánh giáo để chứng minh điều này. Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm nói: “*Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thử đại nguyện*” (Tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu

²³ Mỗi danh hiệu Phật là tên gọi của một đức hạnh; do vậy, niệm danh hiệu hết thấy các vị Phật chính là nghĩ tưởng hết thấy các đức hạnh của tự tâm.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

đại nguyện này). Lại nói: “*Trí lực quảng đại biến thập phương, phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới*” (Trí lực rộng lớn trọn mười phương, lợi khắp hết thảy chúng sanh giới), hạnh trọn khắp hết thảy, hạnh bình đẳng hoàn toàn được thực hiện. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “*Buộc tâm nơi một vị Phật, chuyên xưng danh hiệu của Ngài, như thế thì sẽ có thể niệm nào cũng liên tục nơi một vị Phật, sẽ có thể trong một niệm mà thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, vì công đức niệm một vị Phật và công đức do niệm vô lượng Phật chẳng hai*”. Đã thế, còn nói so sánh: Phật pháp do ngài A Nan được nghe vẫn thuộc vào số lượng hữu hạn. Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội, đối với các pháp môn trong các kinh, đều phân biệt liễu tri từng thứ một, ngày đêm tuyên nói, trí huệ biện tài trọn chẳng ngưng dứt. Đa văn biện tài của ngài A Nan chẳng bằng một phần trăm ngàn [sự đa văn biện tài của người đã đắc Nhất Hạnh tam-muội]. Có thể thấy là do thâm nhập một môn, cuối cùng sẽ có thể thấy vô lượng Phật, đắc Nhất Hạnh tam-muội, có thể biết trọn khắp vô lượng pháp. Đây cũng là một chứng cứ rõ rệt cho chuyện “*từ chuyên mà đạt tới phổ*”.

Hơn nữa, từ Di Đà nguyện hải, sẽ có thể biết [tánh chánh xác của đường lối “*từ chuyên đến phổ*”]. Chẳng hạn như trong nguyện thứ bốn mươi lăm [của A Di Đà Phật] có nói: “*Các vị Bồ Tát ở phương khác nghe danh hiệu của ta đều có thể đắc Phổ Đẳng tam-muội. An trụ trong tam-muội này, mãi cho đến khi thành Phật, sẽ thường thấy vô lượng chẳng thể nghĩ bàn hết thảy chư Phật*”. Đây cũng là do chuyên mà đạt đến phổ, có thể thấy vô lượng Phật. Lại còn nói đến cảnh giới thành tựu Thần Túc Thông: “*Trời, người trong nước chẳng đắc Thần Túc, trong khoảng một niệm tối thiểu là chẳng thể vượt qua trăm ngàn ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác*”. Có thể thấy là hễ sanh về Tịnh Độ, liền được Phật gia bị, trong khoảng một niệm, tối thiểu sẽ vượt qua trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật, có thể thừa sự, cúng dường vô lượng Phật.

Tương tự như thế, một mai khai phát bốn tánh, do vì chân tâm trọn khắp, tự nhiên sẽ có thể phát sanh hạnh Phổ Hiền, lại còn sẽ dần dần viên mãn. Tất nhiên rốt cuộc là niệm khắp hết thảy các vị Phật, cúng khắp hết thảy chư Phật, tu trọn khắp hết thảy đức, sẽ thực hiện biến hạnh Phổ Hiền như thế đó.

4. Môi Nghi Thứ Tư

(Luận) Đệ tứ nghi. Vấn: Đẳng thị niệm cầu sanh nhất Phật Tịnh Độ, hà bất thập phương Phật độ trung, tùy niệm nhất Phật Tịnh Độ, tùy đắc vãng sanh, hà tu thiên niệm Tây Phương Di Đà Phật da?

(論)第四疑。問：等是念求生一佛淨土，何不十方佛土中，隨念一佛淨土隨得往生，何須偏念西方彌陀佛耶？

(Luận: Điều nghi thứ tư. Hỏi: Đã đều là niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ của một vị Phật, sao chẳng từ trong các cõi Phật ở mười phương, tùy ý niệm Tịnh Độ của một vị Phật để tùy ý được sanh [về cõi đó], sao cứ khăng khăng niệm Phật Di Đà ở Tây Phương vậy?)

Kế đó, lại nêu câu hỏi: Cùng niệm Phật, cầu sanh về Tịnh Độ của một vị Phật giống hệt như nhau, vì sao chẳng tùy tiện niệm Tịnh Độ của một vị Phật trong trong mười phương cõi Phật để tùy ý vãng sanh, có gì cứ nhất định phải khăng khăng niệm A Di Đà Phật vậy? Có nghĩa là mười phương đều có cõi Phật thanh tịnh, chúng ta tùy tiện chọn một cõi Phật để vãng sanh là được rồi, vì sao cứ khăng khăng chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới, khăng khăng niệm A Di Đà Phật vậy?

Trả lời: Ở đây có khá nhiều nhân duyên, dùng năm nguyên nhân để nói rõ:

- a) Do nghe lời đức Phật dạy bảo.
- b) Do bi nguyện nhiếp thọ chúng sanh của Phật Di Đà.
- c) Do chư Phật đã chứng thực.
- d) Do Phật Di Đà đặc biệt có duyên với cõi này.
- e) Do các cõi Phật khác đều chẳng bằng cõi Phật Di Đà là nơi được kinh luận ân cần dặn dò, khuyến nhủ vãng sanh.

(Luận) Đáp: Phàm phu vô trí, bất cảm tự chuyên, chuyên dụng Phật ngữ, cố năng thiên niệm A Di Đà Phật.

(論)答：凡夫無智，不敢自專。專用佛語，故能偏念阿彌陀佛。

(Luận: Đáp: Phàm phu vô trí, chẳng dám tự chuyên, chuyên nương theo lời Phật; vì thế, đặc biệt niệm A Di Đà Phật).

Trả lời: Phàm phu chẳng có trí huệ như Phật, tự mình phán đoán thường không chính xác, chẳng thích đáng. Vì thế, chẳng dám dùng ý thức của chính mình để quyết định, cần phải nhất tâm nghe theo lời đức Phật chỉ dạy. Do trong kinh, đức Phật đã chỉ dạy duyên cớ, chúng ta có

thể xác định “cần phải đặc biệt niệm A Di Đà Phật”.

4.1. Do nghe lời đức Phật dạy bảo

(Luận) Vân hà dụng Phật ngữ? Thích Ca đại sư nhất đại thuyết pháp, xú xú thánh giáo, duy khuyến chúng sanh, chuyên tâm thiên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Kinh, Vãng Sanh Luận đẳng, sở thập dư bộ kinh luận văn đẳng, ân cần chỉ thọ, khuyến sanh Tây Phương, cố thiên niệm dã.

(論)云何用佛語？釋迦大師一代說法，處處聖教，唯勸眾生，專心偏念阿彌陀佛，求生西方極樂世界。如無量壽經、觀經、往生論等，數十餘部經論文等，殷勤指授，勸生西方，故偏念也。

(Luận: Vì sao vâng theo lời Phật? Thích Ca đại sư một đời thuyết pháp, trong mọi thánh giáo, chỉ khuyên chúng sanh chuyên tâm riêng niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh, Vãng Sanh Luận v.v... hơn mấy chục bộ kinh, luận đều ân cần chỉ dạy, khuyên sanh Tây Phương. Vì thế, riêng niệm [A Di Đà Phật]).

Vì sao dựa theo lời chỉ dạy do chính miệng đức Phật đã nói mà lựa chọn riêng niệm A Di Đà Phật? Đây là vì thấy Phật Thích Ca là bậc đại đạo sư của chúng sanh trong giai đoạn này, suốt một đời Ngài thuyết pháp, mọi nơi mọi chốn trong thánh giáo chỉ một mục khuyến bảo chúng sanh chuyên tâm riêng niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Như trong kinh Vô Lượng Thọ, Quán Kinh, Vãng Sanh Luận v.v... hơn mấy chục bộ kinh, luận đều ân cần chỉ bảo, truyền dạy, khuyến bảo pháp môn vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng biết vì sao phải hành như vậy, nhưng do đức Phật dùng Nhất Thiết Chúng Trí thấy như vậy, đã xếp đặt cho chúng ta như vậy, cho nên chúng ta tin tưởng lời đức Phật dạy bảo. Vì lẽ đó, [chúng ta] riêng niệm A Di Đà Phật.

4.2. Do bi nguyện nhiếp thọ chúng sanh vãng sanh của Phật Di Đà

(Luận) Hựu A Di Đà Phật biệt hữu đại bi tứ thập bát nguyện,

tiếp dẫn chúng sanh. Hựu Quán Kinh vân: “A Di Đà Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng, nhất nhất tướng hữu bát vạn tứ thiên hảo, nhất nhất hảo phóng bát vạn tứ thiên quang minh, biến chiếu pháp giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả. Nhược hữu niệm giả, cơ cảm tương ứng, quyết định đắc sanh”.

(論)又阿彌陀佛別有大悲四十八願，接引眾生。又觀經云：「阿彌陀佛有八萬四千相，一一相有八萬四千好。一一好放八萬四千光明，遍照法界。念佛眾生，攝取不捨。若有念者，機感相應，決定得生。」

(Luận: Lại nữa, A Di Đà Phật có riêng bốn mươi tám nguyện đại bi tiếp dẫn chúng sanh. Lại nữa, Quán Kinh nói: “A Di Đà Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn hảo, mỗi một hảo tỏa ra tám vạn bốn ngàn quang minh, chiếu trọn khắp chúng sanh niệm Phật trong pháp giới, nhiếp thủ chẳng bỏ. Nếu có kẻ niệm Ngài, cơ cảm tương ứng, chắc chắn sẽ được vãng sanh”).

Lại nữa, nói theo bốn nguyện của A Di Đà Phật, Ngài đặc biệt do lòng đại bi mà phát khởi bốn mươi tám nguyện để tiếp dẫn chúng sanh. Quán Kinh cũng nói: A Di Đà Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn hảo, mỗi một hảo tỏa ra tám vạn bốn ngàn quang minh. Quang minh ấy chiếu trọn khắp cả một khu vực to lớn là pháp giới, chiếu đến chúng sanh niệm Phật, một mực nhiếp thủ chẳng bỏ. Chỉ cần niệm A Di Đà Phật, cơ cảm của chính mình hễ tương ứng với bi nguyện của Phật thì sẽ chắc chắn được vãng sanh.

Nguyện của A Di Đà Phật chân thật, chẳng hư giả, chiếu vào tâm ta. Do vậy, chúng ta riêng niệm A Di Đà Phật, quyết định vãng sanh thế giới Cực Lạc. Bi nguyện của A Di Đà Phật chẳng có nguyện nào hư dối, ta tin tưởng điều này, lại tin tưởng sự chỉ dạy của Phật Thích Ca, cho nên riêng niệm A Di Đà Phật.

4.3. Vì chư Phật đã chứng thực

(Luận) Hựu A Di Đà Kinh, Đại Vô Lượng Thọ Kinh, Cổ Âm Vương Đà La Ni Kinh đẳng vân: “Thích Ca Phật thuyết kinh thời, giai hữu thập phương hàng sa chư Phật, thư kỳ thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, chứng thành nhất thiết chúng sanh niệm A Di Đà Phật, thừa Phật đại bi bốn nguyện lực cố, quyết định đắc

sanh Cực Lạc thế giới”.

(論)又阿彌陀經、大無量壽經、鼓音王陀羅尼經等云：「釋迦佛說經時，皆有十方恒沙諸佛，舒其舌相，遍覆三千大千世界，證成一切眾生念阿彌陀佛，乘佛大悲本願力故，決定得生極樂世界。」

(Luận: Lại nữa, kinh A Di Đà, kinh Đại Vô Lượng Thọ, kinh Cổ Âm Vương Đà La Ni v.v... đều nói: “Khi đức Phật Thích Ca thuyết pháp, đều có chư Phật nhiều như cát sông Hằng trong mười phương thế giới che khắp tam thiên đại thiên thế giới, chứng thực hết thấy chúng sanh niệm A Di Đà Phật, nương vào sức bốn nguyện đại bi của Phật, quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc”).

Lại nữa, mười phương hằng hà sa số chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài cùng chứng minh điều này: Niệm A Di Đà Phật, sanh vào quốc độ của Ngài, chắc chắn là sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Ta tin tưởng mười phương chư Phật chẳng nói lời dối gạt. Do vậy, nghe đức Phật dạy riêng niệm A Di Đà Phật thì [tin tưởng lời đức Phật dạy] chắc chắn là đúng. Trong các kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Cổ Âm Vương Đà La Ni v.v... đều nói: Khi đức Phật nói những kinh ấy, đều có chư Phật trong mười phương thế giới nhiều như số cát sông Hằng cùng nhau hiện tướng lưỡi rộng dài, bao trùm trọn khắp phạm vi tam thiên đại thiên thế giới, chứng thực hết thấy chúng sanh niệm A Di Đà Phật, do nương vào sức bốn nguyện đại bi của A Di Đà Phật, sẽ chắc chắn có thể sanh vào thế giới Cực Lạc.

Người đời đều biết, hề nói dối thì lưỡi sẽ ngắn, thè ra, ngay cả chót mũi cũng chẳng chạm tới, nhưng chư Phật thè lưỡi che khắp tam thiên đại thiên thế giới, làm sao có chút vọng ngữ nào cho được? Các Ngài muốn chứng minh: Dùng pháp môn đơn giản, dễ dàng như thế này, sẽ có thể đạt được lợi ích tốt cùng thù thắng. Tuy chúng ta là nhục nhân phàm thai, chẳng thấy duyên khởi, sức Pháp Tánh v.v... của chuyện hiem hoi, lạ lùng này, thật sự là quá sâu, quá mâu nhiệm, quá hết sức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chúng ta tin tưởng chư Phật chẳng nói dối gạt người khác, đặc biệt tin tưởng Thánh Ngôn Lượng, tin lời đức Phật chỉ dạy, chỉ cần riêng niệm A Di Đà Phật, nhất định sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, chúng ta riêng niệm A Di Đà Phật, chẳng có mảy may do dự!

4.4. Do Phật Di Đà đặc biệt hữu duyên với cõi này

(Luận) Đương tri A Di Đà Phật dữ thử thế giới, thiên hữu nhân duyên. Hà dĩ đắc tri? Vô Lượng Thọ kinh vân: “Mạt thế pháp diệt chi thời, đặc trụ thử kinh bách niên tại thế, tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh bỉ quốc”. Cố tri A Di Đà Phật, dữ thử thế giới cực ác chúng sanh, thiên hữu nhân duyên.

(論)當知阿彌陀佛與此世界，偏有因緣。何以得知？無量壽經云：「末世法滅之時，特駐此經，百年在世，接引眾生往生彼國。」故知阿彌陀佛與此世界極惡眾生，偏有因緣。

(Luận: Hãy nên biết A Di Đà Phật và thế giới này riêng có nhân duyên, vì sao biết? Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Thời Mạt khi pháp diệt, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm trên cõi đời để tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh cõi ấy”. Vì thế, biết A Di Đà Phật và chúng sanh cực ác trong thế giới này riêng có nhân duyên).

Phải biết A Di Đà Phật có nhân duyên đặc biệt với chúng sanh trong thế giới này. Vì sao biết? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật Thích Ca đã nói: “Trong đời Mạt, khi pháp diệt, đức Phật đặc biệt dùng sức từ bi lưu lại kinh này một trăm năm trên cõi đời hồng tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh cõi nước của A Di Đà Phật”. Do vậy biết: A Di Đà Phật có nhân duyên đặc biệt với chúng sanh cực ác trong thế giới này, cũng vì vậy mà chúng sanh có thể nương cậy Ngài. Dầu thế giới trước ác cách mấy, thậm chí tới thời kỳ Phật pháp bị diệt mất, pháp này vẫn có thể độ sanh. Bởi lẽ đó, Phật Thích Ca dùng sức từ bi đặc biệt lưu pháp này lại trụ thế một trăm năm.

Chúng sanh trong cõi này và A Di Đà Phật đặc biệt hữu duyên, đặc biệt dễ dàng dùng pháp môn Di Đà để đắc độ. Tới khi những pháp môn khác đều chẳng thể cứu, chúng sanh chỉ cần nhất tâm niệm A Di Đà Phật thì sẽ có thể được tiếp dẫn sang Tây Phương quốc độ. Nếu chẳng có duyên, lại ở trong thời kỳ trước ác như vậy, lẽ nào có thể vượt thoát luân hồi cho được? Chỉ vì hết sức hữu duyên, tâm chúng sanh bèn hướng về nơi đó, giống như con nhớ mẹ. Mẹ con có thiên tánh tương quan, do được Phật lực nhiếp trì mà sanh về thế giới Cực Lạc. Giống như trên cõi đời, hễ có duyên bèn thành mẹ con. Do hữu duyên bèn nhất tâm niệm “mẹ ơi”, cầu mẹ đến giúp đỡ, chẳng cầu ai khác! Duyên

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

phận mỏng manh sẽ chẳng quan tâm tới, hoặc là chẳng dấy lên tác dụng thân thiết. Nếu duyên rất sâu, rất gần, sẽ có thể lập tức khởi tác dụng, nhất định sẽ kéo chúng sanh ra khỏi luân hồi.

4.5. Vì các cõi Phật khác đều chẳng bằng cõi Phật Di Đà là nơi được kinh luận luôn ân cần dặn dò, khuyên nhủ vãng sanh

(Luận) Kỳ dư chư Phật, nhất thiết Tịnh Độ, tuy nhất kinh, lưỡng kinh lược khuyên vãng sanh, bất như Di Đà Phật quốc, xứ xứ kinh luận, ân cần đĩnh ninh, khuyên vãng sanh dã.

(論)其餘諸佛，一切淨土，雖一經兩經，略勸往生。不如彌陀佛國，處處經論，殷勤叮嚀，勸往生也。

(Luận: Hết thấy các Tịnh Độ của những vị Phật khác tuy được một hai kinh đại lược khuyên vãng sanh, chẳng bằng cõi của đức Phật Di Đà, kinh luận nào cũng đều ân cần căn dặn, khuyên nhủ vãng sanh).

Thích Ca Mâu Ni Phật quán chiếu toàn thể thế giới Sa Bà, [nhận thấy] phàm phu trong đời Mạt trước ác càng cần phải trông cậy A Di Đà Phật cứu độ. Vì thế, trong các kinh, đức Phật Thích Ca luôn ân cần căn dặn, khuyên lơn chúng sanh vãng sanh Di Đà Phật quốc. Chẳng như những cõi Phật khác chỉ được khuyên bảo vãng sanh đại lược trong một hai bộ kinh. Chúng ta phải thấy dụng ý của đức Phật ở nơi đâu!

*** Nêu bày điều tâm yếu**

Bản thể của Phật Di Đà và hết thấy chư Phật chẳng hai, lại do Ngài có duyên với chúng ta nhất, cho nên đặc biệt niệm A Di Đà Phật.

Từ hai câu hỏi như thế trở đi, chúng ta thấy rõ chân tướng của duyên khởi. Ở đây, phải nêu ra một câu hỏi: Hết thấy các Tịnh Độ của chư Phật đều rất thù thắng, vì sao đối với các Tịnh Độ khác, đức Phật chỉ nói đơn giản trong một hai bộ kinh? Nhưng đối với Di Đà Tịnh Độ, sao lại trong các kinh nhiều ngàn ấy Ngài luôn ân cần căn dặn, khuyên dạy vãng sanh?

Phật Thích Ca trông thấy đại duyên khởi ở chỗ nào, có những chúng sanh hữu duyên với Tịnh Độ của các vị Phật ấy, muốn sanh về đó. Vì thế, đức Phật cũng nhắc đến, nhưng những cõi ấy hoàn toàn chẳng mang tánh chất phổ biến. Do đó, Ngài chỉ nói trong một hai bộ

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

kinh là được rồi. Nhưng pháp môn Tây Phương Tịnh Độ khác hẳn, nó và các chúng sanh trong giáo pháp suốt một đời đức Phật có mối quan hệ đặc biệt to lớn, chủ yếu là hai điều:

1) Trong thế giới Sa Bà, mãi cho đến lúc Phật pháp diệt mất, có hết sức nhiều chúng sanh hữu duyên với A Di Đà Phật, giống như người trong thế gian lập gia đình, hoặc là người với người sống chung với nhau, có duyên thì mới có thể ở chung một chỗ được. Lại giống như sư phụ trong quá khứ, thâm nhận đồ đệ đều phải xem xét nhân duyên. Vị ấy chẳng có tâm riêng tư, nếu duyên phận [của trò] với thầy chẳng sâu, thầy sẽ chỉ dạy quý vị: “Người hữu duyên với vị sư phụ ở nơi nào đó, người hãy tới đó”. Hữu duyên thì sẽ có thể đắc độ, thành công hết sức dễ dàng. Vì thế, đức Phật cũng phải xem xét cái duyên. Từ điều này, có thể thấy: Phần đông chúng sanh trong thế giới Sa Bà có duyên cùng A Di Đà Phật.

2) Chúng sanh trong cõi này chẳng tương ứng với các Tịnh Độ khác, chỉ có Tịnh Độ của A Di Đà Phật là dễ sanh về nhất. Một mai đã tin nhận, chân tâm mong mỏi được vãng sanh, cậy vào phép Trì Danh đơn giản là đã có thể sanh về đó. Từ lúc đức Phật xuất thế cho đến một trăm năm trước khi Phật pháp hoàn toàn diệt mất, trong khoảng thời gian dài như vậy, chúng sanh nhiều ngàn ấy thấy đều trông cậy A Di Đà Phật mà giải thoát, mà thành Phật. Chuyện này khá trọng đại. Do vậy, trong kinh đức Phật mới ân cần căn dặn, đặc biệt nhấn mạnh, trong ấy có duyên có đại duyên khởi rất lớn.

Chúng ta không có trí huệ, chẳng biết nhân duyên bao đời nhiều kiếp và mối quan hệ với A Di Đà Phật, chính mình cần phải cậy vào pháp môn nào hữu duyên, phải đi theo con đường nào để được độ thoát, nhưng Phật Thích Ca đã biết hoàn toàn. Chúng ta chỉ cần tin sâu lời đức Phật chỉ dạy, nhất tâm nhất ý niệm A Di Đà Phật, nhất tâm nhất ý cầu sanh về thế giới Cực Lạc, như vậy thì chắc chắn sẽ ở chung với Phật. Quyết định giống như lãng tử đã phiêu bạt nhiều đời, rốt cuộc tìm được mẹ, tìm được quê nhà, tìm được con đường của chính mình. Sau khi đã nhận định như vậy, bèn nhất tâm nhất ý niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Phải lãnh hội giống như thế đó!

Những kẻ bình phàm thường cho rằng phổ niệm đặc biệt thù thắng, nhưng qua chọn lựa như vậy, sẽ thấy vẫn là chuyên niệm tốt hơn. [Chuyên niệm] khế cơ, xác suất thành công cao, cuối cùng lại còn có thể đạt tới phổ niệm. Như thế thì sẽ chọn lựa chuyên niệm một vị Phật. Hơn nữa, trong chuyên niệm, lại chọn vị tốt nhất là A Di Đà Phật,

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Ngài và chúng ta hữu duyên nhất, đặc biệt dễ thành công! Do điều này bèn biết, pháp môn Tịnh Độ đặc biệt tốt đẹp, do Phật Thích Ca đã chọn lựa chắc chắn cho chúng ta, chẳng phải do là chủ trương của người nào khác. Đức Phật trụ thế tám mươi năm rồi ra đi rất nhanh, nhưng Ngài đã sắp xếp tốt đẹp ngàn thu muôn đời cho con người. Nếu chẳng nói ra một pháp có thể nhiếp trọn khắp đại chúng, thực hiện dễ dàng, lại đặc biệt tốt bậc thù thắng, người đời sau biết làm như thế nào đây? Cậy vào ai để được độ thoát? Đã chẳng thấy Phật, lại chẳng có duyên y chỉ, làm sao có thể ngay trong đời này vượt thoát luân hồi, hoàn thành chuyển thành Phật cho được? Gần như là chẳng thể nào được!

Phật Thích Ca lòng Từ sâu xa, tâm Bi to lớn, hoàn toàn thấy duyên khởi, thấy chiếc bè Từ khiến cho chúng sanh đắc độ là pháp môn Di Đà. Vì thế, trong rất nhiều kinh giáo, đức Phật đều đặc biệt chỉ bày Tây Phương Tịnh Độ. Có thể nói là đây là chuyện được căn dặn đi, căn dặn lại, ủy thác, giao phó trọng yếu nhất, có thể suy ra mà biết tầm quan trọng của chuyện này. Sau khi đã hiểu rõ như vậy, chúng ta sẽ nhất tâm nhất ý chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Cực Lạc Tịnh Độ, chẳng còn có cách nghĩ nào khác!

5. Mối Nghi Thứ Năm

(Luận) Đệ ngũ nghi. Vấn: Cụ phược phàm phu, ác nghiệp hậu trọng, nhất thiết phiền não nhất hào vị đoạn, Tây Phương Tịnh Độ xuất quá tam giới, cụ phược phàm phu vân hà đắc sanh?

(論)第五疑。問：具縛凡夫惡業厚重，一切煩惱一毫未斷，西方淨土出過三界，具縛凡夫云何得生？

(Luận: Mối nghi thứ năm. Hỏi: Phàm phu đầy đầy triền phược, ác nghiệp sâu nặng, hết thấy phiền não chưa đoạn mảy may, Tây Phương Tịnh Độ vượt khỏi tam giới, phàm phu đầy đầy triền phược làm sao sanh về đó cho được?)

Nêu câu hỏi: Phàm phu đầy đầy triền phược, ác nghiệp rất sâu nặng, hết thấy phiền não chưa đoạn mảy may nào, nhưng Tây Phương Tịnh Độ là cõi thánh vượt khỏi tam giới, phàm phu đầy đầy triền phược làm sao có thể sanh về đó cho được?

Đây là nêu ra nghi ngờ chất vấn [về vấn đề] nhân và quả chẳng phù hợp: Chỉ cần có Hoặc Nghiệp chùng bằng mảy tóc, sẽ thọ sanh

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

trong tam giới, chẳng có cách nào sanh vào Tịnh Độ ở ngoài tam giới được. Hiện thời, ác nghiệp sâu dày đường ấy, phiền não chẳng đoạn tí nào, làm sao có thể sanh về cõi Tịnh Độ ở ngoài tam giới cho được? Đơn giản là chuyện viên vông!

Khi giải trừ [nghi vấn] này, trước hết sẽ chỉ ra, nhận thức của quý vị đối với luật nhân quả hãy còn rất hẹp hòi. Luật nhân quả không chỉ giới hạn trong nhân quả thuộc về tự lực, mà còn có nhân quả do tha lực thêm vào đó. Hơn nữa, xét theo tha lực, Phật lực đã đạt tới mức tối cao vô thượng. Nếu chỉ nói theo tự lực, đương nhiên là nhân quả chẳng phù hợp, nhưng nói theo [phương diện được] tha lực thêm vào, sẽ hết sức hợp lý. Giống như kẻ mù tịt về kiến thức khoa học, chỉ cậy vào sức mình mà toan phát minh máy bay, computer v.v... làm các chuyện thuộc về khoa học kỹ thuật, đương nhiên là nhân quả chẳng phù hợp. Kẻ đó ngay cả định luật vật lý đơn giản còn chẳng hiểu, làm sao có thể nắm vững nguyên lý khoa học phức tạp, tiến tới phát minh, khai phá cho được? Thế nhưng, dựa vào tha lực làm Tăng Thượng Duyên, kẻ mù tịt về kiến thức khoa học cũng có thể ngồi phi cơ bay lên trời xanh, có thể nghe điện thoại vượt ngoài biển thẳm và đại dương, có thể dùng computer tốc độ cao để tính toán, hoàn toàn có thể lý giải được. Cũng giống như thế, phàm phu đầy dẫy triền phược có thể phối hợp sức tín nguyện với sức oai thần của Phật mà có thể vãng sanh Tịnh Độ.

Đối với nghi vấn này, [Trí Giả đại sư] đã chia thành ba đoạn để giải thích:

a) Trong tình hình như vậy, chỉ cậy vào tự lực sẽ chẳng thể vãng sanh, kiêm nhờ vào tha lực thì sẽ có thể vãng sanh.

b) Dựa theo luận Tỳ Bà Sa để nhận định Nan Hành Đạo và Di Hành Đạo.

c) Dùng thí dụ để chứng thực.

5.1. Trong tình hình như vậy, chỉ cậy vào tự lực sẽ chẳng thể vãng sanh, kiêm nhờ vào tha lực thì sẽ có thể vãng sanh

Đối với tình hình như thế này, phải chia ra hai loại tình huống là tự lực và tha lực. Chỉ cậy vào tự lực, sẽ chẳng thể sanh về Tịnh Độ; cậy thêm tha lực thì sẽ có thể sanh về Tịnh Độ.

(Luận) Đáp: Hữu nhị chủng duyên, nhất giả tự lực, nhị giả tha lực. Tự lực giả, thử thế giới tu đạo, thật vị đắc sanh Tịnh Độ. Thị

cổ, Anh Lạc kinh vân: “Thử tòng cụ phược phạm phu vị thức Tam Bảo, bất tri thiện ác nhân chi dữ quả. Sơ phát Bồ Đề tâm, dĩ tín vi bản. Trụ tại Phật gia, dĩ giới vi bản, thọ Bồ Tát giới, thân thân tương tục, giới hạnh bất khuyết, kinh nhất kiếp, nhị kiếp, tam kiếp, thử chí Sơ Phát Tâm Trụ. Như thị tu hành Thập Tín, Thập Ba La Mật đẳng, vô lượng hạnh nguyện, tương tục vô gián, mãn nhất vạn kiếp, phương thử chí đệ lục Chánh Tâm Trụ. Nhược cánh tăng tấn chí đệ thất Bất Thoái Trụ, tức chủng tánh vị”. Thử ước tự lực, tốt vị đắc sanh Tịnh Độ.

(論)答：有二種緣，一者自力，二者他力。自力者，此世界修道，實未得生淨土。是故瓔珞經云：「始從具縛凡夫，未識三寶，不知善惡因之與果，初發菩提心。以信為本住在佛家，以戒為本受菩薩戒。身身相續戒行不闕，經一劫二劫三劫，始至初發心住。如是修行十信十波羅蜜等無量行願，相續無間滿一萬劫，方始至第六正心住。若更增進，至第七不退住，即種性位。」此約自力，卒未得生淨土。

(Luận: Đáp: Có hai thứ duyên, một là tự lực, hai là tha lực. Tự lực là tu đạo trong thế giới này thì quả thật chưa thể sanh về Tịnh Độ được! Do đó, kinh Anh Lạc nói: “Thoạt đầu từ địa vị phạm phu đầy đầy triền phược, chưa hiểu biết Tam Bảo, chẳng biết nhân và quả thiện ác, mới phát Bồ Đề tâm, lấy tín làm gốc, trụ trong nhà Phật, lấy giới làm gốc, thọ giới Bồ Tát, đời này liên tiếp sang đời kia, giới hạnh chẳng khuyết, trải qua một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, mới đạt đến Sơ Phát Tâm Trụ. Tu hành Thập Tín, Thập Ba La Mật v.v... vô lượng hạnh nguyện như thế liên tục, chẳng gián đoạn, trọn đủ một vạn kiếp thì mới đạt đến địa vị thứ sáu là Chánh Tâm Trụ. Nếu tăng tấn hơn, đạt tới địa vị thứ bảy là Bất Thoái Trụ, tức địa vị thuộc vào chủng tánh”. Đây là xét theo tự lực, rốt cuộc chưa sanh về Tịnh Độ được).

Nhân duyên thành tựu Tịnh Độ có hai loại là tự lực và tha lực. Xét theo tự lực, tu đạo trong thế giới này, [chúng sanh] ở mức độ này chẳng thể nào sanh về Tịnh Độ. Vì thế, kinh Anh Lạc đã miêu tả cụ thể tiến trình tu đạo. Tịnh Độ là quả vị xuất tam giới đặc biệt cao, nhưng phạm phu do thuộc tình trạng trọn đủ triền phược (phiền não), cạy vào

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

sức của chính mình để phát triển từng bước, sẽ là một quá trình phải tốn thời gian rất lâu dài, đạt tới trình độ tu chứng đặc biệt cao mới vượt thoát tam giới, sanh vào Tịnh Độ. Nói cụ thể, sẽ là như thế này:

Một phàm phu đầy đủ phiền não triền phược, thoát đầu từ chẳng nhận biết Tam Bảo, chẳng biết thiện ác, nhân quả, sau khi gặp gỡ thiện duyên, bắt đầu quy y, tin nhân quả. Đây là phàm phu khởi sự nhập đạo. Nhưng phải biết: Trong tâm thật sự kiến lập [niềm tin để] quy y và [thấu hiểu] nhân quả, đặc biệt khó khăn! Phải là sau khi [đã kiến lập tín tâm và sự hiểu biết] như vậy thì mới có thể phát Bồ Đề tâm, dùng tín tâm làm căn bản, mà cũng là đã chân thật phát khởi đạo tâm, tiến nhập Đại Thừa đạo. Sau đó, thọ Bồ Tát giới làm căn bản, trụ trong nhà Phật, từ đời này tiếp nối sang đời khác, giới hạnh chẳng khuyết, trải qua một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, mới đạt tới địa vị Sơ Phát Tâm Trụ. Quá trình chuyển từ cái tâm phàm phu thành cái tâm của bậc Sơ Phát Tâm Trụ rất lâu dài. Sau đây, tu tập Thập Tín, Thập Ba La Mật v.v... vô lượng hạnh nguyện, liên tục, chẳng gián đoạn, trọn hết một vạn kiếp, mới đạt tới địa vị thứ sáu là Chánh Tâm Trụ. Lại tăng tấn đến địa vị thứ bảy là Bất Thoái Trụ. Tới đây mới được coi là “*chủng tánh vị*” (địa vị thuộc vào chủng tánh Phật). Có thể thấy rằng, xét theo phương diện cậy vào tự lực, rốt cuộc chẳng thể do trạng huống kém cỏi như thế mà sanh vào Tịnh Độ được! Nhìn từ trạng huống trước mắt của phàm phu, ác nghiệp rất nặng, chẳng đoạn một mảy phiền não, thậm chí còn chưa thể đề nên [phiền não] nổi. Trong tình huống này, tất nhiên là sẽ tiếp tục luân hồi, ngay cả thân người còn khó thể giữ được, làm sao có thể sanh về Tịnh Độ cho nổi?

Xem tiếp, tuy chưa đoạn một mảy phiền não, nhưng nếu cậy thêm tha lực, tức nguyện lực đại bi của A Di Đà Phật, sẽ có thể ngay trong một đời vượt khỏi khổ luân, sanh vào Tịnh Độ ở ngoài tam giới.

(Luận) Tha lực giả, nhược tín A Di Đà Phật đại bi nguyện lực, nhiếp thủ niệm Phật chúng sanh, tức năng phát Bồ Đề tâm, hành Niệm Phật tam-muội, yếm ly tam giới thân, khởi hành Thí, Giới, tu phước, w nhất nhất hạnh trung, hồi nguyện sanh bỉ Di Đà Tịnh Độ, thừa Phật nguyện lực, cơ cảm tương ứng, tức đắc vãng sanh.

(論)他力者，若信阿彌陀佛大悲願力攝取念佛眾生，即能發菩提心行念佛三昧，厭離三界身。起行施戒修福，於一一行中，回願生彼彌陀淨土，乘佛願力機感相應即得

往生。

(Luận: Tha lực là nếu tin vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, liền có thể phát Bồ Đề tâm, hành Niệm Phật tam-muội, chán lìa cái thân trong tam giới, thực hành Thí, Giới, tu phước, trong mỗi một hạnh, đều hồi hướng nguyện sanh về cõi Di Đà Tịnh Độ kia, nương vào nguyện lực của Phật, cơ cảm tương ứng, liền được vãng sanh).

Xét theo trạng huống của tha lực, dầu là phàm phu đầy đầy triển phước, nhưng do có đủ nội hàm Tín, Nguyện, Hạnh, tương ứng với Phật lực, thì sẽ được vãng sanh. Nói đến Tín thì chủ yếu là tin tưởng vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật có thể nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật. Vì thế, một dạ gieo mình vào biển nguyện của Phật Di Đà. “Nguyện” là tùy sức phát tâm xuất ly, Bồ Đề tâm dẫn về Tịnh Độ. Cũng là phát khởi cái tâm “*ta muốn thành Phật*”, chán lìa cái thân trong tam giới, mong sanh về Tịnh Độ ở ngoài tam giới. Đối với mỗi loại thiện hạnh đã hành như Thí, Giới, tu tam phước, đều hồi hướng nguyện vãng sanh Di Đà Tịnh Độ. Đây là nội dung của Nguyện. Hành Niệm Phật tam-muội, vì để vãng sanh thành Phật mà nhất tâm niệm A Di Đà Phật. Đã có nội hàm ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, sẽ có thể cảm ứng Phật, được Phật lực nhiếp trì, bèn sanh vào thế giới Cực Lạc. Đây là tình hình nơi tha lực.

5.2. Dựa theo luận Tỳ Bà Sa để nhận định Nan Hành Đạo và Dị Hành Đạo

(Luận) Thị cố Thập Trụ Bà Sa Luận vân: “U thử thế giới tu đạo, hữu nhị chủng, nhất giả Nan Hành Đạo, nhị giả Dị Hành Đạo. Nan Hành giả, tại u ngũ trước ác thế, u vô Phật thời cầu A Bệ Bạt Trí, thậm nan khả đắc. Thử nan vô số trần sa, thuyết bất khả tận. Lực trần hữu ngũ”.

(論)是故十住婆沙論云：「於此世界修道有二種，一者難行道，二者易行道。難行者，在於五濁惡世，於無佛時，求阿耨跋致甚難可得。此難無數塵沙說不可盡，略陳有五。」

(Luận: Do vậy, Thập Trụ Bà Sa Luận viết: “Tu đạo trong thế giới này có hai loại, một là đạo khó hành, hai là đạo dễ hành. Khó

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

hành là ở trong đời ác ngũ trược, nhằm lúc không có Phật mà cầu Bất Thoái Chuyển, rất khó thể đạt được. Sự khó khăn này [dẫu sánh ví nhiều] như vô số bụi cát, vẫn chẳng thể nói trọn hết được. Trần thuật đại lược thì có năm điều”).

Như trong phần trên đã nói, có hai phương thức tu hành là chỉ cậy vào tự lực và [tha lực] cậy thêm Phật lực! Vì thế, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận có nói: Tu đạo trong thế giới này hòng đạt Bất Thoái Chuyển thì có hai loại là Nan Hành Đạo và Dị Hành Đạo. “*Nan hành*” (Khó hành) là nói trong đời ác ngũ trược, nhằm thời kỳ không có Phật, cầu Bất Thoái Chuyển đặc biệt khó thể thành tựu. Những chỗ khó khăn nhiều lắm, dẫu dùng số lượng lớn như vô số trần sa [để sánh ví] vẫn chẳng thể nói trọn hết được. Nếu với mỗi điều đều nêu căn cứ sự khó khăn này, sự khó khăn nọ, đúng là ngàn muôn nỗi khó khăn, có vô số khó khăn. Ở đây, trần thuật giản yếu năm chỗ khó khăn:

(Luận) Nhất giả, ngoại đạo tương thiện, loạn Bồ Tát pháp.

(論)一者外道相善，亂菩薩法。

(Luận: Một là ngoại đạo đem những “điều lành” làm loạn pháp Bồ Tát).

Một là trong chánh pháp của đức Phật, Tiểu Thừa có ba pháp ấn là Vô Thường, Vô Ngã, Tịch Diệt, Đại Thừa có một pháp ấn là Thật Tướng, một mực tu hành, ắt đều đạt được thánh quả. Ngoại đạo chẳng vậy, mê hoặc, tà kiến. Những điều họ nói là tương tự thiện, chẳng phải là thiện chân thật, dùng tà loạn chánh. Ai chẳng thể phân biệt, biện định, sẽ trở thành nhân duyên chướng đạo rất sâu, phá hoại Bồ Tát pháp của người ta.

(Luận) Nhị giả, vô lại ác nhân, phá tha thắng đức.

(論)二者無賴惡人，破他勝德。

(Luận: Hai là kẻ ác vô lại phá hoại đức thù thắng của người khác).

Hai là trong đời ô trược, kẻ ác trông thấy người tu đạo sẽ chẳng giúp cho họ thành tựu, mà ngược ngao tuyên nói những lời gièm chê, báng bỗ, phá hoại, hủy báng, [đấy] cũng là [người tu đạo] bị kẻ ác

nhiều loạn.

(Luận) Tam giả, điên đảo thiện quả, năng hoại phạm hạnh.

(論)三者顛倒善果，能壞梵行。

(Luận: Ba là điên đảo thiện quả có thể phá hoại phạm hạnh).

Chữ “*thiện quả*” chỉ quả báo nhân thiên, hoàn toàn chẳng phải là vô lậu thiện. Tạm thời hưởng vui, rồi cuộc rơi vào khổ thì gọi là “*điên đảo*”. Trong thế gian này, thường có những kẻ chấp lấy phước báo nhân thiên, phá hồng pháp hạnh xuất thế tiến hướng Niết Bàn tịch tĩnh!

(Luận) Tứ giả, Thanh Văn tự lợi, chướng ngại đại từ.

(論)四者聲聞自利，障於大慈。

(Luận: Bốn là Thanh Văn do tự lợi mà chướng ngại lòng đại từ).

Thường bị rơi vào tự lợi, đây chính là sự tác ý chủ yếu của hàng Tiểu Thừa, chướng ngại tâm đại từ bị đẩy khởi.

(Luận) Ngũ giả, duy hữu tự lực, vô tha lực trì.

(論)五者唯有自力，無他力持。

(Luận: Năm là chỉ có tự lực, chẳng có tha lực nhiếp trì).

Dầu tiên nhập hạnh Đại Thừa, nhưng vì khuyết thiếu tha lực, chỉ cậy vào tự lực, lại có rất nhiều chỗ khó khăn, chính mình chẳng thể làm chủ, có thể đi vào ngõ rẽ, chẳng có sức giúp đỡ, khó thể khai phát v.v...

(Luận) Thí như bả nhân bộ hành, nhất nhật bất quá số lý, cực đại tâm khổ, vị tự lực dã.

(論)譬如跛人步行，一日不過數里，極大辛苦，謂自力也。

(Luận: Ví như người thọt chân đi bộ, một ngày bất quá được vài dặm, tội cùng khó nhọc, đó là nói đến tự lực vậy).

Cũng giống như vậy, sẽ gặp phải ngoại đạo chướng, phàm phu chướng, Tiểu Thừa chướng, duy tự lực chướng (chướng ngại do chỉ cậy vào tự lực). Giống như một người thọt chân tập tễnh muốn đi đường rất

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

xa, một ngày chẳng đi được mấy dặm, đặc biệt vất vả. Đó gọi là “*tự lực*”.

(Luận) *Dị Hành Đạo* giả, vị tín Phật ngữ, giáo Niệm Phật tam-muội, nguyện sanh Tịnh Độ, thừa Di Đà Phật nguyện lực nhiếp trì, quyết định vãng sanh bất nghi dã. Như nhân thủy lộ hành, tạ thuyền lực cố, tu du tức chí thiên lý, vị “*tha lực*” dã. Thí như liệt phu tùng Chuyển Luân Vương, nhất nhật nhất dạ, châu hành Tứ Thiên Hạ, phi thị tự lực, Chuyển Luân Vương lực dã.

(論)易行道者，謂信佛語，教念佛三昧，願生淨土。乘彌陀佛願力攝持，決定往生不疑也。如人水路行，藉船力故須臾即至千里，謂他力也。譬如劣夫從轉輪王，一日一夜周行四天下，非是自力，轉輪王力也。

(Luận: *Đạo dễ hành tức là tin tưởng lời đức Phật dạy Niệm Phật tam-muội, nguyện sanh về Tịnh Độ, nương vào nguyện lực của Phật Di Đà nhiếp trì, quyết định vãng sanh, chẳng ngờ chi. Như người đi đường thủy, nhờ vào sức thuyền, nên trong khoảnh khắc có thể đến ngàn dặm, đấy gọi là “tha lực”. Ví như kẻ kém cỏi, do theo Chuyển Luân Vương, trong một ngày một đêm có thể đi trọn khắp Tứ Thiên Hạ, chẳng phải là tự lực, mà là do sức của Chuyển Luân Vương.*

“*Dị Hành Đạo*” là nói tới chuyện tin nhận pháp môn Niệm Phật tam-muội do đức Phật đã dạy, nguyện sanh về Tịnh Độ, nương vào nguyện lực của A Di Đà Phật nhiếp trì, quyết định vãng sanh, chẳng ngờ chi nữa! Trong đó, “*tin lời Phật*” là nói đã trọn đủ Tín, “*nguyện sanh*” là trọn đủ Nguyện, “*thừa Di Đà Phật nguyện lực nhiếp trì*” chính là sức tín nguyện kết hợp với Phật lực, “*quyết định vãng sanh*” là nói tới cái quả sanh vào Tịnh Độ. Đây là chỉ dạy rành rẽ hành tướng của *Dị Hành Đạo*: Bản thân chỉ cần có đủ tín nguyện, do Phật lực gia bị, chắc chắn sẽ đạt được cái quả sanh về cõi Tịnh Độ thù thắng nhiệm màu, có thể thấy chỗ sai khác vời vợi so với Nan Hành Đạo. Giống như người theo đường thủy, do mượn dùng sức thuyền, cho nên trong giây lát có thể đi được ngàn dặm. Đấy là *tha lực*.

Dùng thí dụ để nói thì ví như có một người hết sức gầy gò, yếu ớt, chẳng có một tí năng lực gì, nhưng người ấy đi theo Chuyển Luân Vương, vì Ngài có đủ đức tướng tín, nguyện v.v... Người ấy bằng lòng quy phục, theo hầu Chuyển Luân Vương. Chuyển Luân Vương do lòng

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

từ bi có thể dẫn người ấy theo. Nếu người ấy đã không tin, lại chẳng nguyện, dầu có năng lực to lớn như chư thiên, Chuyển Luân Vương cũng chẳng dẫn người ấy theo. Nếu năng lực nhỏ yếu, chỉ cần có lòng tín thuận, có đức phát nguyện, mong muốn, sẽ được Chuyển Luân Vương nhiếp thọ, được dẫn lên Luân Bảo, trong một ngày, một đêm, có thể dạo trọn khắp Tứ Thiên Hạ. Đây chẳng phải là sức mình, mà là do sức của Chuyển Luân Vương. Điều này hiển thị tướng trạng của tha lực.

5.3. Dùng thí dụ để chứng thực

(Luận) Nhược ngôn hữu lậu phàm phu bất đắc sanh Tịnh Độ giả, diệt khả hữu lậu phàm phu ưng bất đắc kiến Phật thân. Nhiên Niệm Phật tam-muội, tịnh vô lậu thiện căn sở khởi. Hữu lậu phàm phu, tùy phần đắc kiến Phật thân thô tướng dã, Bồ Tát kiến vi tế tướng, Tịnh Độ diệt nhĩ, tuy thị vô lậu thiện căn sở khởi, hữu lậu phàm phu phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, cầu sanh Tịnh Độ, thường niệm Phật cố, phục diệt phiền não, đắc sanh Tịnh Độ, tùy phần đắc kiến thô tướng, Bồ Tát kiến vi diệu tướng, thử hà sở nghi? Cố Hoa Nghiêm kinh thuyết: “Nhất thiết chư Phật sát, bình đẳng phổ nghiêm tịnh, chúng sanh nghiệp hạnh dị, sở kiến các bất đồng”, tức kỳ nghĩa dã.

(論)若言有漏凡夫不得生淨土者，亦可有漏凡夫應不得見佛身。然念佛三昧並無漏善根所起，有漏凡夫隨分得見佛身粗相也，菩薩見微細相。淨土亦爾，雖是無漏善根所起，有漏凡夫發無上菩提心，求生淨土，常念佛故伏滅煩惱，得生淨土，隨分得見粗相，菩薩見微妙相，此何所疑？故華嚴經說：「一切諸佛刹，平等普嚴淨，眾生業行異，所見各不同。」即其義也。

(Luận: Nếu nói phàm phu hữu lậu chẳng được sanh vào Tịnh Độ, lẽ ra phàm phu hữu lậu cũng sẽ chẳng trông thấy thân Phật. Nhưng Niệm Phật tam-muội hoàn toàn do vô lậu thiện căn dậy lên. Phàm phu hữu lậu tùy phần được thấy thô tướng nơi thân Phật, Bồ Tát thấy tướng vi tế. Tịnh Độ cũng thế, tuy do vô lậu thiện căn dậy khởi, nhưng phàm phu hữu lậu phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, cầu sanh Tịnh Độ, do thường niệm Phật, chế phục, diệt trừ phiền não, được sanh về Tịnh Độ, tùy

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

phân được thấy thô tướng, Bồ Tát thấy tướng vi diệu, chuyện này có gì đáng nghi? Do đó, kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết các cõi Phật bình đẳng, trang nghiêm, thanh tịnh trọn khắp, do nghiệp hạnh của chúng sanh sai khác mà mỗi người thấy mỗi khác”, chính là nói về ý nghĩa này vậy).

Đây là dùng chánh báo để suy ra y báo. Nếu nói phàm phu hữu lậu chẳng thể sanh vào Tịnh Độ, vậy thì nói theo cùng một lý, lẽ ra phàm phu hữu lậu cũng sẽ chẳng thể thấy thân Phật! Thế nhưng, tuy Niệm Phật tam-muội do thiện căn vô lậu đầy khởi, nhưng phàm phu hữu lậu có thể tùy phần trông thấy thô tướng nơi thân Phật, còn Bồ Tát có thể thấy tế tướng nơi thân Phật. Cùng một lý mà suy, tuy Tịnh Độ do thiện căn vô lậu đầy khởi, nhưng phàm phu hữu lậu phát tâm Vô Thượng Bồ Đề cầu sanh Tịnh Độ, do thường niệm Phật, có thể chế phục, diệt trừ phiền não, được sanh về Tịnh Độ, sẽ tùy phần thấy thô tướng của Tịnh Độ, Bồ Tát thấy tướng vi tế; chuyện này có gì đáng để hoài nghi? Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Hết thấy các cõi Phật bình đẳng, thanh tịnh, trang nghiêm, chúng sanh do nghiệp hạnh khác biệt mà mỗi người thấy khác nhau”*. Phàm phu vãng sanh thấy thô tướng, Bồ Tát vãng sanh sẽ thấy tế tướng. Do được Phật lực gia bị, hữu lậu phàm phu cũng có thể sanh về Tịnh Độ.

Tóm lại, nếu chỉ nhìn theo tự lực, phàm phu đầy đầy triền phược sẽ chẳng thể sanh về Tịnh Độ ở ngoài tam giới vì chưa đoạn Hoặc nghiệp. Nhưng do pháp môn này kiêm cậy vào tha lực, do thần lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn, kẻ có đủ tín nguyện niệm Phật chắc chắn sẽ có thể vãng sanh.

6. Mối Nghi Thứ Sáu

(Luận) Đệ lục nghi. Vấn: Thiết linh cụ phược phàm phu, đắc sanh bỉ quốc, tà kiến, tam độc đẳng thường khởi, vân hà đắc sanh bỉ quốc, tức đắc Bất Thoái, siêu quá tam giới?

(論)第六疑。問：設令具縛凡夫得生彼國，邪見三毒等常起，云何得生彼國，即得不退，超過三界？

(Luận: Mối nghi thứ sáu. Hỏi: Giả sử phàm phu đầy đầy triền phược được sanh về cõi ấy, nhưng tà kiến, Tam Độc v.v... thường dậy lên, lẽ nào sanh về cõi ấy liền đắc Bất Thoái, vượt trở tam giới?)

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Đôi phương lại nêu câu hỏi: Dầu cho thần lực của Phật có thể nhiếp trì phàm phu đầy đầy triển phược sanh về Tịnh Độ, cũng chỉ là thay đổi nơi chốn. Tục ngữ có câu: “*Giang sơn dễ đổi, bốn tánh khó dời*”. Rốt cuộc kẻ ấy chẳng đoạn phiền não, hề gặp cảnh duyên, tà kiến, Tam Độc v.v... sẽ thường hiện hành. Lẽ nào hề sanh về cõi ấy, sẽ đắc Bất Thoái Chuyển, vượt thoát tam giới ư? Đây vẫn là chuyện khó thể khiến cho kẻ khác tin tưởng nổi!

Điều này bộc lộ người ấy vẫn chẳng nhận biết đặc điểm của pháp môn Tha Lực. Kinh Anh Lạc nói [phải mắt] một vạn kiếp mới đắc Bất Thoái, mà ở đây thì cứ sanh về Tịnh Độ, sẽ liền đắc Bất Thoái, khiến cho người ta chẳng thể không hoài nghi. Họ cảm thấy thành quả quá lớn, quá thần tốc! Có thể nào như vậy hay chăng? Vì sao vừa đến đó bèn đắc Bất Thoái? Chẳng phải là vẫn thường đầy khởi tà kiến, phiền não v.v... đầy sao? Hễ chúng đầy lên, sẽ rơi vào trong cái nhân của tam giới, tất nhiên sẽ phải thọ cái quả tam giới! Lẽ đâu nói là “*vượt khỏi tam giới*” cho được? Hễ chúng đầy lên, sẽ lui sụt vào luân hồi, lui sụt xuống Tiểu Thừa v.v... lẽ nào nói là Bất Thoái cho được? Đây là nổi nghi hoặc của họ!

Trả lời: Đây là vì chẳng nhận biết thấu triệt sự sai khác giữa hai thế giới, cho nên mới có nổi ngờ vực này! Tuy cùng là chúng sanh có chủng tử phiền não, nhưng sống trong những thế giới khác nhau, sẽ có trạng huống thoái chuyển và chẳng thoái chuyển khác biệt rành rành. Dùng thí dụ nông cạn, rõ thấy để nói, khi chúng ta ở gần bậc thầy trọn đủ đức hạnh, sẽ phát hiện [chính mình] chẳng phát tác ác niệm, thiện niệm dễ tăng tấn. Khi ở gần bậc thầy tà ác, sẽ phát hiện [chính mình] tăng trưởng phiền não, thiện niệm diệt mất. Đây là tác dụng của Tăng Thượng Duyên. Do lý này có thể suy ra, Thoái Chuyển hay Bất Thoái không chỉ do bản thân của cái nhân [gây nên Bất Thoái], mà còn phụ thuộc Tăng Thượng Duyên bên ngoài. Nếu một thế giới đã đạt đến mức triệt để chẳng có duyên gây thoái chuyển, trọn khắp mọi lúc luôn luôn là Tăng Thượng Duyên cho điều thiện, dầu là kẻ có thể thoái chuyển, cũng sẽ chẳng xuất hiện hiện tượng thoái chuyển; bởi lẽ, nhân và duyên [gây thoái chuyển] chẳng đầy đủ! Nếu một thế giới đầy ắp các duyên gây thoái chuyển, [các duyên ấy] luôn luôn chẳng gián đoạn, dầu cho có các thiện căn, cũng khó thể giữ cho chẳng lui sụt, sẽ nhận biết [người tu hành trong thế giới ấy] thường là “*một tiến, chín lùi*”, tu đạo cực khó đạt tới địa vị Bất Thoái Chuyển.

Dùng lý lẽ như vậy để quan sát, chọn lựa, sẽ có thể xác nhận: Tu

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

đạo trong uế độ do có khá nhiều duyên gây thoái chuyển, đúng như kinh Anh Lạc đã nói: “*Kẻ tự lực [tu tập] phải trải qua một vạn kiếp thì mới có thể đạt đến địa vị Bất Thoái Chuyển*”. Nhưng thế giới Cực Lạc do được Phật lực gia bị, trọn khắp toàn là tịnh duyên, hoặc Tăng Thượng Duyên cho điều thiện. Vì thế, hễ vãng sanh, sẽ đạt đến địa vị Bất Thoái Chuyển. Đối với chuyện này, [Trí Giả đại sư] đã chia thành hai đoạn để thuyết minh:

- 1) Vãng sanh cõi ấy do có năm nhân duyên mà Bất Thoái.
- 2) Do Bất Thoái dài lâu, [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] đều đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

6.1. Vãng sanh cõi ấy do có năm nhân duyên mà Bất Thoái

(Luận) Đáp: Đắc sanh bỉ quốc, hữu ngũ nhân duyên Bất Thoái. Vân hà vi ngũ? Nhất giả, A Di Đà Phật đại bi nguyện lực nhiếp trì, cố đắc Bất Thoái. Nhị giả, Phật quang thường chiếu, cố Bồ Đề tâm thường tăng tấn Bất Thoái. Tam giả, thủy, điều, thụ lâm, phong thanh, nhạc hưởng, giai thuyết Khổ, Không, văn giả thường khởi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm, cố Bất Thoái. Tứ giả, bỉ quốc thuần chư Bồ Tát dĩ vi lương hữu, vô ác duyên cảnh, ngoại vô thân, quý, ma, tà, nội vô Tam Độc đẳng, phiền não tất cánh bất khởi, cố Bất Thoái. Ngũ giả, sanh bỉ quốc tức thọ mạng vĩnh kiếp, cộng Bồ Tát, Phật tề đẳng, cố Bất Thoái dã.

(論)答：得生彼國，有五因緣不退。云何為五？一者阿彌陀佛大悲願力攝持，故得不退。二者佛光常照，故菩提心常增進不退。三者水鳥樹林，風聲樂響，皆說苦空。聞者常起念佛念法念僧之心，故不退。四者彼國純諸菩薩以為良友，無惡緣境。外無神鬼魔邪，內無三毒等。煩惱畢竟不起，故不退。五者生彼國即壽命永劫，共菩薩佛齊等，故不退也。

(Luận): Đáp: Được sanh vào cõi ấy, bèn có năm nhân duyên Bất Thoái. Những gì là năm? Một là được nguyện lực đại bi của A Di Đà Phật nhiếp trì, cho nên được Bất Thoái. Hai là Phật quang thường chiếu; vì thế, Bồ Đề tâm thường tăng tấn, chẳng thoái chuyển. Ba là nước, chim, rừng cây, tiếng gió, tiếng nhạc đều nói Khổ, Không, kẻ nghe thấy thường dậy lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Vì thế,

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Bất Thoái. Bốn là cõi nước ấy thuần là các Bồ Tát làm bạn lành, chẳng có cảnh duyên ác. Ngoài thì chẳng có thần, quỷ, ma, tà, trong thì chẳng có Tam Độc v.v... phiền não rốt ráo chẳng dậy lên, vì thế Bất Thoái. Năm là sanh vào cõi ấy, thọ mạng sẽ là muôn kiếp dài lâu, bằng với Phật, Bồ Tát, cho nên Bất Thoái).

Trong năm nhân duyên [vừa kể trên đây], bốn thứ đầu là Biệt, điều thứ năm là Tổng. Ở đây, nếu quan sát cảnh duyên theo các phương diện chủ và bạn, y báo và chánh báo v.v... sẽ phát hiện toàn là các nhân duyên để tăng tấn. Vì thế, chẳng thoái chuyển. Ba điều đầu là nói do được Phật nhiếp trì cho nên chẳng thoái chuyển, điều thứ tư nhằm nói do được Bồ Tát nhiếp trì, cho nên chẳng thoái chuyển. Đại bi nguyện lực của Phật một mực nhiếp trì cái tâm của người vãng sanh, khiến cho họ chẳng thoái chuyển. Đã thế, do Phật quang thường chiếu, cho nên Bồ Đề tâm tăng tấn Bất Thoái. Thêm nữa, do thần lực của Phật mà biến hiện nước, chim, rừng cây, tiếng gió, tiếng nhạc đều luôn tuyên nói các pháp như Khổ, Không v.v... Người nghe thấy sẽ dậy lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, một mực noi theo pháp đạo, chẳng thoái chuyển. Lại nữa, tiếp xúc các đạo hữu đều là Bồ Tát, chẳng có ác duyên, đều là nhân duyên tăng thượng pháp, chẳng thể khởi phiền não; cho nên chẳng thoái chuyển. Hoặc là nói theo hai phương diện là y báo và chánh báo thì: Trông thấy tướng thanh tịnh của các vị Phật, Bồ Tát, nghe âm thanh thanh tịnh gia trì, cho nên chẳng thoái chuyển. Trong khí thể giới²⁴, các thứ quang minh, nước, hương, hoa v.v... hiển thấy, nghe, nhớ nghĩ, tiếp xúc, sẽ đều tăng thượng thiện căn Bồ Đề. Do vậy, chẳng thoái chuyển. Điều thứ năm là Tổng: Do sanh vào thế giới Cực Lạc, sống lâu tới vô lượng kiếp giống như chư Phật, Bồ Tát, những nhân duyên tăng thượng trên đây niệm nào cũng đều chẳng gián đoạn, lại có thể giữ liên tục trong vô lượng kiếp, đương nhiên là [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] quyết định chẳng thoái chuyển.

Nói chung, trong quốc độ Cực Lạc, quan sát theo hai phương diện Thời và Xứ. Đối với Xứ (處, nơi chốn) thì có chữ Biền (遍, trọn khắp), trọn khắp tất cả đều là Tăng Thượng Duyên cho Pháp. Đối với Thời thì có chữ Hằng (恒, thường hằng), niệm nào cũng không ngừng tăng thượng. Chẳng hạn như nói về âm thanh, trong bản dịch đời Đường của kinh A Di Đà (bản dịch của ngài Huyền Trang) có nói:

²⁴ Khí thể giới tức là các vật chất hoặc sắc pháp trong một thế giới.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Nghe âm thanh vi diệu của âm nhạc trong cõi nước, các ác phiền não thấy đều tiêu diệt, vô lượng thiện pháp lần lượt tăng trưởng, mau chóng chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Lại nói tới quang minh, sắc, hương v.v... của hoa sen màu nhiệm, khiến cho người trông thấy sẽ khoan khoái, vui vẻ, chẳng tham đắm, tăng trưởng vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Nghe các loài chim chóc do đức Phật hóa hiện thuyết pháp, sẽ có thể dùng vô lượng công đức do niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng huân tu thân mình. Nghe các âm thanh phát ra do gió thổi khua động lưới mảnh và cây báu... đều đầy lòng nghĩ nhớ vô lượng công đức của Tam Bảo.

Suy từ sự việc giống như thế, bèn phát hiện: Trọn khắp cõi ấy là Tăng Thượng Duyên tăng trưởng đạo tâm. Đã thế, trong khoảng thời gian [từ lúc vãng sanh] cho đến lúc thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, thọ mạng chẳng gián đoạn, một mực xuất hiện các tướng Tăng Thượng. Do vậy gọi là “*đạt đến địa vị Bất Thoái Chuyển*”. Do vậy, sẽ thấy tánh chất tốt bậc thù thắng của đạo này. Do vì ứng hợp với Phật lực của A Di Đà Phật, chỉ cần vãng sanh, trong vòng mấy năm ngắn ngủi, sẽ đạt được thành quả của việc tu hành vạn kiếp mà chỉ cậy vào tự lực trong uế độ, tốc độ hết sức mau chóng! Do vậy có thể biết: Pháp môn Tịnh Độ là Đốn Giáo, những pháp môn khác như kinh Anh Lạc [đã dạy] là Tiệm Giáo, chẳng thể nói đánh đồng như nhau được!

Nói thêm đôi chút về nguyên nhân khiến cho phiền não rớt cuộc chẳng thể dấy lên được. Giống như cái kiềng ba chân, hễ khuyết một chân, nó sẽ chẳng đứng vững được. Trong Câu Xá Luận có nói: Ba thứ là chủng tử phiền não, cảnh để duyên theo và suy nghĩ phi lý cùng hòa hợp thì phiền não mới dấy lên. Hễ thiếu một điều, phiền não sẽ chẳng thể dấy lên được. Dầu phàm phu vãng sanh còn có chủng tử phiền não, nhưng trong cõi ấy chẳng có cảnh duyên dẫn khởi các phiền não sanh xuất. Hơn nữa, đối với trụ xứ, niệm nào cũng đều là suy nghĩ về pháp, phù hợp Chân Đế Vô Ngã, chẳng thể sanh khởi phiền não nữa. Hoặc như Du Già Sư Địa Luận đã nói, phiền não có sáu cái nhân, ba điều trên đây (chủng tử phiền não, cảnh sở duyên, suy nghĩ phi lý) chính là cơ sở, còn có [ba cái nhân nữa là] ôi tạp (猥雜, tạp loạn rối ren), ngôn giáo, và quán tập (慣習, huân tập thành thói quen). Cũng tức là gặp phải những vị thầy ác, ngôn luận ác, chính mình không ngừng huân tập thành thói quen, sẽ dẫn tới sanh khởi phiền não. Nhưng trong thế giới Cực Lạc chẳng có thầy ác và ngôn luận ác. Đến đó, cũng sẽ chẳng có Quán Tập phiền não, mà là Túc Diệt Phiền Não. Đây là dùng Lý để

chứng thực.

6.2. Do Bất Thoái dài lâu nên người trong cõi Cực Lạc đều đắc Vô Sanh Pháp Nhân

(Luận) Tại thử ác thế, nhật nguyệt đoản xúc, kinh A-tăng-kỳ kiếp, phục bất khởi phiền não, trường thời tu đạo, vân hà bất đắc Vô Sanh Nhân dã? Thử lý hiển nhiên, bất tu nghi dã.

(論)在此惡世日月短促。經阿僧祇劫復不起煩惱，長時修道，云何不得無生忍也？此理顯然，不須疑也。

(Luận: Trong đời ác này, năm tháng ngắn ngủi. [Còn trong cõi Cực Lạc, thọ mạng] trải qua A-tăng-kỳ kiếp, chẳng dậy lên phiền não, tu đạo lâu ngày, lẽ nào chẳng đắc Vô Sanh Nhân ư? Lý này hiển nhiên, chẳng cần ngờ nữa!)

Ở đây, [đại sư] dùng phương thức so sánh theo từng cặp để hiển lộ sự thù thắng của thế giới Cực Lạc. Trong thế giới ác này của chúng ta, đời người ngắn ngủi, chớp mắt đã sang đời sau, thường gặp nỗi khó khăn khiến [hành giả] chẳng thể tiếp tục tu đạo. Đời này rất khó khăn mới tu hành được đôi chút, chuyển sang đời sau lại quên sạch bách, phải làm lại từ đầu, hoặc là lại bị thoái đạo. Còn trong thế giới Cực Lạc, do thọ mạng đạt đến A-tăng-kỳ kiếp, trong lúc ấy, lại chẳng dậy lên phiền não, tu đạo lâu ngày; như vậy thì lẽ nào chẳng đắc Vô Sanh Pháp Nhân? Đạo lý này hết sức rõ ràng, chẳng cần phải hoài nghi nữa!

Cũng dùng ba cái nhân để chứng thực:

1) Do bất cứ thời hay xứ nào cũng đều là duyên Bất Thoái, cho nên chẳng có bất cứ lui sụt nào.

2) Do bất cứ thời hay xứ nào cũng đều trọn đủ Tăng Thượng Duyên, cho nên luôn tiến bộ.

3) Sự liên tục ấy kéo dài tới vô lượng kiếp. Do như vậy, chỉ có tiến, chẳng lùi. Niệm nào cũng đều liên tục, lẽ nào chẳng đắc Vô Sanh Pháp Nhân? Chắc chắn [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] đều đạt đến Vô Sanh Pháp Nhân, đều đạt tới thành Phật. Do vậy, hễ vãng sanh thì sẽ là một trăm phần trăm được giải thoát, một trăm phần trăm dự vào địa vị Bất Thoái, một trăm phần trăm viên mãn Phổ Hiền hạnh nguyện, một trăm phần trăm đều cùng thành Phật. Cũng vì vậy, cõi Phật ấy xuất hiện vô số Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát. Đây là kết quả của Nhất Thừa đại bi

nguyện hải.

7. Mỗi Nghi Thứ Bảy

(Luận) Đệ thất nghi. Vấn: - Di Lạc Bồ Tát, nhất sanh bổ xứ, tức đắc thành Phật. Thượng phẩm Thập Thiện, đắc sanh bỉ xứ, kiến Di Lạc Bồ Tát, tùy tùng hạ sanh tam hội chi trung, tự nhiên nhi đắc thánh quả, hà tu cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ da?

(論)第七疑。問：彌勒菩薩一生補處即得成佛，上品十善得生彼處見彌勒菩薩。隨從下生三會之中，自然而得聖果。何須求生西方淨土耶？

(Luận: Mỗi nghi thứ bảy. Hỏi: - Di Lạc Bồ Tát nhất sanh bổ xứ liền được thành Phật. Bậc thượng phẩm Thập Thiện được sanh về chỗ ấy (Nội Viện cung trời Đâu Suất), gặp Di Lạc Bồ Tát, theo Ngài hạ sanh, trong ba hội tự nhiên đắc thánh quả, cần gì phải cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ?)

Trong phần trước đã nói phàm phu cạy vào Phật lực có thể cao thăng Tịnh Độ, lại còn đắc Bất Thoái; vì thế, mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ở đây lại có nghi vấn: Vì sao nhất định phải chọn lấy Tây Phương? Di Lạc Bồ Tát là bậc Nhất Sanh Bổ Xứ Bồ Tát, sắp thành Phật; người Thượng Phẩm Thập Thiện có thể sanh vào Nội Viện của trời Đâu Suất gặp Di Lạc Bồ Tát, theo Di Lạc Bồ Tát hạ sanh nhân gian. Trong ba hội Long Hoa, tự nhiên chúng đắc thánh quả. Do sanh vào Đâu Suất Nội Viện và đắc thánh quả đều là chuyện phàm phu có thể thực hiện thành công, lẽ nào ắt cần phải cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ nữa?

Trả lời: Sanh lên Đâu Suất hay là sanh về Cực Lạc tùy thuộc căn khí của cá nhân như thế nào. Trong lịch sử, vào thời cổ có những vị như Huyền Trang, Đạo Tuyên v.v... cận đại thì có Thái Hư, Hư Vân v.v... các Ngài đều lên đến Đâu Suất Nội Viện. Nhưng nói theo phía bọn phàm phu chúng ta, phải suy lường điếm then chốt, đối với hai phương diện trọng yếu là vãng sanh và chúng quả Bất Thoái, hãy lựa chọn con đường nào có xác suất thành công cao hơn? Đây là nói theo phương diện tương ứng căn cơ. Sau khi đã cân nhắc như trong phần sau, chúng ta sẽ nhận định chính mình phải nên sanh về Tây Phương Tịnh Độ.

(Luận) Đáp: - *Câu sanh Đâu Suất, diệc viết “văn đạo, kiến Phật”, thể dục tương tự, nhược tế tỷ giáo, đại hữu ưu liệt, thả luận nhị chủng.*

(論)答: 求生兜率，亦曰聞道見佛，勢欲相似。若細比較大有優劣，且論二種。

(Luận: Đáp: - *Câu sanh Đâu Suất thì cũng là nói đến chuyện “nghe đạo, thấy Phật”, tình thế gần như tương tự [như tu Di Đà Tịnh Độ], nhưng nếu so sánh cận kề, sẽ có sự hơn kém to lớn. Hãy luận theo hai điều sau đây).*

Trả lời: Câu sanh Đâu Suất cũng là nói đến chuyện nghe pháp và thấy đức Bồ Xứ Phật, thoát nhìn thì tương tự như vãng sanh Tây Phương. Nhưng so sánh cận kề, hai đẳng sẽ có ưu khuyết khá lớn. Vẫn là nói theo căn tánh của chúng ta thì có hai điều sai biệt to lớn:

1) Vãng sanh Tây Phương có xác suất thành công cao, do có phương tiện đặc biệt của Phật nhiếp thọ.

2) Vãng sanh Tây Phương thì toàn bộ đều đắc Bất Thoái Chuyển, được thành thánh quả. Do lẽ này mà câu sanh Tây Phương.

7.1. Vãng sanh Tây Phương có xác suất thành công cao, do có phương tiện đặc biệt của Phật nhiếp thọ

(Luận) Nhất giả, tủng trì Thập Thiện, khủng bất đắc sanh. Hà dĩ đắc tri? Di Lặc Thượng Sanh Kinh vân: “Hành chúng tam-muội, thâm nhập Chánh Định, phương thì đắc sanh”, cánh vô phương tiện tiếp dẫn chi nghĩa. Bất như A Di Đà Phật bốn nguyện lực, quang minh lực, dẫn hữu niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả.

(論)一者縱持十善恐不得生，何以得知？彌勒上生經云：「行眾三昧，深入正定，方始得生。」更無方便接引之義。不如阿彌陀佛本願力、光明力，但有念佛眾生，攝取不捨。

(Luận: Một là dẫu trì Thập Thiện, sợ chẳng được sanh [lên trời Đâu Suất]. Vì sao mà biết? Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Hành các tam-muội, thâm nhập Chánh Định thì mới được sanh”, tức là không có ý nghĩa “phương tiện tiếp dẫn”. Chẳng như sức bốn nguyện và sức quang minh của A Di Đà Phật [gia trì], chỉ cần có chúng sanh niệm

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Phật, Ngài sẽ nhiếp giữ, chẳng buông bỏ).

Vì sao nói “vãng sanh Tây Phương dễ dàng hơn, xác suất thành công càng cao hơn”? Có thể thông qua sự cân nhắc trên thực tế và thí dụ để chứng thực điều này. Trước hết, hãy xem tình hình vãng sanh Đâu Suất. Dẫu hành trì Thập Thiện, chỉ sợ chẳng nhất định có thể sanh về đó. Do đâu mà thấy được [điều này]? Di Lặc Thượng Sanh Kinh²⁵ nói: “*Tu hành các thứ tam-muội, thâm nhập Chánh Định thì mới có thể sanh về*”, có nghĩa là: Trừ những điều kiện trên đây ra, chẳng còn có phương tiện tiếp dẫn nào khác! Chẳng như pháp môn Di Đà, do sức bản nguyện và sức quang minh của A Di Đà Phật, chỉ cần có người niệm Phật, Phật liền nhiếp thủ chẳng bỏ, có phương tiện thù thắng tột bậc!

Cũng có nghĩa là điều kiện để vãng sanh Tây Phương chẳng cao! Chỉ cần niệm A Di Đà Phật, dẫu chẳng đắc các thứ tam-muội, vẫn không sao cả! Đã được quang minh của Phật nhiếp thọ, đây là do sức bản nguyện của Phật quyết định. Ngài đã thành tựu vô lượng quang, chiếu trọn khắp vô-uơng-số thế giới để nhiếp thủ chẳng bỏ chúng sanh niệm Phật. Do sức công đức của đại nguyện và đại hạnh từ vô lượng kiếp đến nay, Ngài thành tựu quang minh, quang minh là phổ biến, sẽ có thể chiếu thấu chúng ta. Đã vậy, yêu cầu của Phật là chỉ cần chúng sanh tin tưởng, niệm Ngài, bèn được Ngài nhiếp thọ. Xét theo hàm nghĩa của sự nhiếp thọ, chúng sanh hết sức dễ dàng được A Di Đà Phật nhiếp thọ.

(Luận) Hựu Thích Ca Phật thuyết cứu phẩm giáo môn phương tiện tiếp dẫn, ân cần phát khiến sanh bỉ Tịnh Độ. Dẫn chúng sanh năng niệm Di Đà Phật giả, cơ cảm tương ứng, tất đắc sanh dã. Như

²⁵ Di Lặc Thượng Sanh Kinh có tên gọi đầy đủ là Di Lặc Bồ Tát Thượng Sanh Đâu Suất Thiên Kinh, do ngài Thư Cừ Lương Thanh dịch sang tiếng Hán dưới thời Lưu Tống. Kinh thuật tình huống khi Di Lặc Bồ Tát mạng chung trong nhân gian, sẽ sanh lên trời Đâu Suất, ngự trong Nội Viện Tịnh Độ thuyết pháp, sự thù thắng nơi cung Đâu Suất, dạy về pháp Thập Niệm, cũng như các phương pháp tu hành để sanh lên Nội Viện trời Đâu Suất. Bản kinh này có khá nhiều bản chú sớ, như Di Lặc Kinh Du Ý do ngài Cát Tạng soạn vào đời Tùy, Di Lặc Thượng Sanh Kinh Tông Yếu do ngài Thích Nguyên Hiệu soạn, Quán Di Lặc Thượng Sanh Đâu Suất Thiên Kinh Tán của ngài Khuy Cơ, Tam Di Lặc Kinh Sớ của ngài Cảnh Hưng, Di Lặc Thượng Sanh Kinh Thụy Ứng Sao Khoa của ngài Thủ Thiên v.v...

thế gian mộ nhân năng thọ mộ giả, cơ hội tương đầu, tất thành kỳ sự.

(論)又釋迦佛說九品教門方便接引，殷勤發遣生彼淨土。但眾生能念彌陀佛者，機感相應必得生也。如世間慕人能受慕者，機會相投必成其事。

(Luận: Hơn nữa, Phật Thích Ca nói giáo môn cửu phẩm, [lập ra] phương tiện tiếp dẫn, ân cần khơi gợi, đưa [chúng sanh] sanh về cõi Tịnh Độ ấy. Chỉ cần chúng sanh có thể niệm A Di Đà Phật, cơ cảm tương ứng, tất được vãng sanh. Như trong thế gian tuyển mộ người, người được tuyển mộ mà phù hợp cơ hội, tất sẽ thành công trong chuyện ấy).

Lại xét theo góc độ vãng sanh, trong Quán Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói giáo môn chín phẩm, có các thứ hạnh môn từ hạ hạ cho đến thượng thượng. Từ đó có thể thấy, nhân sĩ thuộc các tầng lớp cao hay thấp đều có thể được nhiếp thọ bởi biển nguyện của A Di Đà Phật, cho đến kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, chỉ cần hồi tâm niệm Phật, đều được Phật nhiếp thọ, có thể thấy được ý nghĩa thuận lợi tốt bậc [của pháp môn này]. Vì thế, Phật Thích Ca ân cần tiễn đưa chúng sanh sang thế giới Cực Lạc, vì vãng sanh dễ dàng, xác suất thành công cao, cũng tức là chúng sanh chỉ cần có đủ tín nguyện, niệm A Di Đà Phật thì sẽ cơ cảm tương ứng, chắc chắn có thể vãng sanh. Nói theo phương diện dễ dàng thì sẽ giống như việc chiêu mộ người trong thế gian, ai bằng lòng chấp nhận chiêu mộ, sẽ có thể đạt được các lợi ích ấy. Nếu có tín tâm, bằng lòng tiếp nhận sự tuyển mộ, thì cơ hội giữa đôi bên (tức người tuyển mộ và kẻ chấp nhận được tuyển mộ) sẽ ứng hợp, sẽ nhất định có thể thành tựu việc này!

Ví như nhà từ thiện tổ chức đại hội Vô Già Bồ Thí, chỉ cần kẻ nào bằng lòng đến nhận, nhất định sẽ ban cho người ấy các thứ cần dùng. Cũng giống như vậy, chỉ cần có tín tâm đối với A Di Đà Phật, bằng lòng đến thế giới Cực Lạc, nhất định sẽ thành tựu chuyện ấy, đạt được điều mong muốn. Điều kiện đã được hạ xuống đến mức độ thấp nhất. Có thể khẳng định điều này! Nói theo phía các hạng phàm phu đầy dẫy triền phược, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ dễ dàng nhất, xác suất thành công cao nhất. Do đó, chúng ta chọn lựa cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

7.2. Vãng sanh Tây Phương thì toàn bộ đều đắc Bất Thoái Chuyển, được thành thánh quả. Do lẽ này mà cầu sanh Tây Phương

Điều này phải dựa trên sự sai biệt sau khi vãng sanh hai cõi để phán đoán. Từ đó, sẽ quyết định con đường của chính mình.

(Luận) Nhị giả, Đâu Suất thiên cung thị Dục Giới, thoái vị giả đa. Vô hữu thủy, điều, thụ lâm, phong thanh, nhạc hưởng, chúng sanh văn giả, tất niệm Phật phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não. Hựu hữu nữ nhân, giai trưởng chư thiên ái trước ngũ dục chi tâm. Hựu thiên nữ vi diệu, chư thiên đam ngoạn, bất năng tự miễn. Bất như Di Đà Tịnh Độ, thủy, điều, thụ lâm, phong thanh, nhạc hưởng, chúng sanh văn giả, giai sanh niệm Phật, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não. Hựu vô nữ nhân, Nhị Thừa chi tâm, thuần nhất Đại Thừa thanh tịnh lương bạn. Vị thử, phiền não ác nghiệp tất cánh bất khởi, toại chí Vô Sanh chi vị. Như thử tỷ giáo, ưu liệt hiển nhiên, hà tu trí nghi dã.

(論)二者兜率天宮是欲界，退位者多。無有水鳥樹林風聲樂響，眾生聞者，悉念佛發菩提心伏滅煩惱，又有女人皆長諸天愛著五欲之心。又天女微妙諸天耽玩不能自勉，不如彌陀淨土水鳥樹林風聲樂響，眾生聞者，皆生念佛發菩提心伏滅煩惱。又無女人二乘之心，純一大乘清淨良伴。為此煩惱惡業畢竟不起，遂至無生之位。如此比較，優劣顯然，何須致疑也。

(Luận: Hai là cung trời Đâu Suất là Dục Giới, kẻ thoái thất địa vị đông đảo. Chẳng có nước, chim, rừng cây, tiếng gió, tiếng nhạc khiến cho chúng sanh nghe thấy đều niệm Phật, phát Bồ Đề tâm, chế phục, diệt trừ phiền não. [Đâu Suất] lại có nữ nhân, đều khiến cho cái tâm yêu đắm ngũ dục của chư thiên tăng trưởng. Hơn nữa, thiên nữ vi diệu, chư thiên đắm đuối, chẳng thể tự gắng sức được. Chẳng như Tịnh Độ của Phật Di Đà, nước, chim, rừng cây, tiếng gió, tiếng nhạc khiến cho chúng sanh nghe thấy, đều sanh lòng niệm Phật, phát Bồ Đề tâm, chế phục, diệt trừ phiền não. Lại chẳng có nữ nhân và cái tâm Nhị Thừa, thuần là bạn bè tốt lành Đại Thừa thanh tịnh. Vì lẽ này, phiền não ác nghiệp rốt cuộc chẳng khởi, bèn đạt tới địa vị Vô Sanh. So sánh như thế, [sẽ thấy] sự hơn kém [giữa Cực Lạc và Đâu Suất] rành rành,

chẳng cần phải nghi ngờ nữa!)

Trước hết, hãy nhìn theo tỷ lệ đặc Bất Thoái. Cung trời Đâu Suất là Dục Giới, kẻ lui sụt địa vị rất nhiều. Nơi đó chẳng có nước, chim, rừng cây, tiếng gió, tiếng nhạc lan truyền pháp âm vi diệu, chúng sanh hề nghe thấy [những âm thanh ấy] đều có thể niệm Phật, phát Bồ Đề tâm, chế phục, diệt trừ phiền não, chẳng được hưởng loại gia bị này! [Đâu Suất] lại có nữ nhân khiến cho cái tâm yêu chấp ngũ dục của chư thiên tăng trưởng. Hơn nữa, hình tướng đẹp đẽ, âm thanh v.v... của thiên nữ đều rất vi diệu, chư thiên đắm đuối yêu mến, chẳng thể tự kích lệ chính mình tu hành. Những chuyện này đều đã nói rõ: Sanh về trời Đâu Suất sẽ dễ bị mê trong ngũ dục, thoái chuyển Bồ Đề.

Lại xem [tình hình] vãng sanh Tây Phương. Trong Tịnh Độ của Phật Di Đà, nước, chim, rừng cây, tiếng gió, tiếng nhạc đều lan truyền pháp âm vi diệu, chúng sanh vừa nghe thấy đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, phát Bồ Đề tâm, chế phục, diệt trừ phiền não. Lại chẳng có nữ nhân và cái tâm Nhị Thừa, thuần nhất là bầu bạn Đại Thừa thanh tịnh. Do có những trợ duyên ấy duy trì, dùi dắc, phiền não ác nghiệp rất ráo chẳng thể dậy lên. Vì thế, có thể đạt tới địa vị Vô Sanh. So sánh như thế, [liền biết] vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ sẽ là một trăm phần trăm Bất Thoái. Lại còn hề sanh đến đó, liền đặc Bất Thoái. Hai đẳng sai khác rất rõ ràng, có gì đáng để hoài nghi nữa chẳng? Do vậy, nói theo phía chúng ta, hãy nên chọn lựa vãng sanh thế giới Cực Lạc.

(Luận) Như Thích Ca Phật tại thế chi thời, đại hữu chúng sanh kiến Phật bất đắc thánh quả giả, như hằng sa. Di Lạc xuất thế diệc nhĩ, đại hữu bất đắc thánh quả giả, vị như Di Đà Tịnh Độ, dân sanh bỉ quốc dĩ, tất đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, vị hữu nhất nhân thoái lạc tam giới, vị sanh tử nghiệp phục dã.

(論)如釋迦佛在世之時，大有眾生見佛不得聖果者如恒沙。彌勒出世亦爾，大有不得聖果者。未如彌陀淨土，但生彼國已，悉得無生法忍，未有一人退落三界，為生死業縛也。

(Luận: Như thuở Phật Thích Ca tại thế, có rất nhiều chúng sanh tuy thấy Phật mà chẳng đắc thánh quả, số ấy nhiều như cát sông Hằng. Phật Di Lạc xuất thế cũng vậy, có rất nhiều người chẳng đắc thánh

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

quả. Chẳng bằng Tịnh Độ Di Đà, chỉ sanh về cõi ấy, thấy đều đắc Vô Sanh Pháp Nhân, chẳng có người nào lui sụt, rơi vào tam giới, bị nghiệp sanh tử trói buộc).

Kể đó, xét theo phương diện chúng quả, cũng có sự hơn kém khác biệt. Như thuở Phật Thích Ca tại thế, có rất nhiều chúng sanh gặp đức Phật mà chẳng đắc thánh quả, số lượng nhiều như cát sông Hằng. Phật Di Lạc xuất thế cũng giống như vậy, có rất nhiều người chẳng đắc thánh quả. Chẳng như Tịnh Độ Di Đà, chỉ cần sanh về cõi ấy, toàn bộ đều đắc Vô Sanh Pháp Nhân, chẳng có một ai thoái thất, đọa lạc tam giới, bị nghiệp sanh tử trói buộc. Sanh về Di Đà Tịnh Độ, xác suất chúng quả là một trăm phần trăm! Vì thế, chọn lựa vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Dưới đây, lại dùng trường hợp thực tế để chứng minh điều này.

(Luận) Hựu văn Tây Quốc Truyện vân: “Hữu tam Bồ Tát, nhất danh Vô Trước, nhị danh Thế Thân, tam danh Sư Tử Giác. Thử tam nhân kế chí đồng sanh Đâu Suất, nguyện kiến Di Lạc. Nhược tiên vong giả, đắc kiến Di Lạc, thế lai tương báo. Sư Tử Giác tiên vong, nhất khứ sở niên bất lai. Hậu Thế Thân vô thường, lâm chung chí thời, Vô Trước ngữ vân: ‘Nhữ kiến Di Lạc, tức lai tương báo’. Thế Thân khứ dĩ, tam niên thử lai. Vô Trước vân viết: ‘Hà ý như hứa đa thời thử lai?’ Thế Thân báo vân: ‘Chí bỉ thiên trung, thánh Di Lạc Bồ Tát nhất tòa thuyết pháp, toàn nhiên tức lai tương báo, vị bỉ thiên nhật trường, cố thử xứ dĩ kinh tam niên’. Hựu vân: ‘Sư Tử Giác kim tại hà xứ?’ Thế Thân báo vân: ‘Sư Tử Giác vị thọ thiên lạc, ngữ dục tự ngu, tại ngoại quyền thuộc, tùng khứ dĩ lai, tổng bất kiến Di Lạc’. Chư tiểu Bồ Tát sanh bỉ, thượng trước ngữ dục, hà hưởng phạm phu? Vị thử nguyện sanh Tây Phương, định đắc Bất Thoái, bất cầu sanh Đâu Suất dã”.

(論)又聞西國傳云：「有三菩薩，一名無著，二名世親，三名師子覺。此三人契志同生兜率願見彌勒，若先亡者得見彌勒誓來相報。師子覺前亡，一去數年不來，後世親無常，臨終之時無著語云：「汝見彌勒即來相報。」世親去已三年始來。無著問曰：「何意如許多時始來？」世親報云：「至彼天中，聽彌勒菩薩一坐說法，旋繞即來相報。」

為彼天日長，故此處已經三年。」又問：「師子覺今在何處？」世親報云：「師子覺為受天樂，五欲自娛在外眷屬，從去已來總不見彌勒。」諸小菩薩生彼尚著五欲，何況凡夫？為此願生西方定得不退，不求生兜率也。」

(Luận: Lại nghe bộ Tây Quốc Truyện chép rằng: “Có ba vị Bồ Tát, vị thứ nhất tên là Vô Trước, vị thứ hai tên là Thế Thân, vị thứ ba tên là Sư Tử Giác. Ba người ấy đồng lòng nguyện cùng sanh lên Đâu Suất, nguyện thấy Di Lặc. Nếu người nào mất trước, được thấy đức Di Lặc, thế sẽ trở lại báo tin. Sư Tử Giác chết trước, chết đã mấy năm, chẳng thấy trở lại. Về sau, Thế Thân vô thường; khi lâm chung, Vô Trước bảo rằng: ‘Ông thấy đức Di Lặc thì trở lại báo tin ngay!’ Thế Thân mất rồi, ba năm sau mới quay lại. Vô Trước hỏi: ‘Vì sao lâu như vậy mới trở lại?’ Thế Thân đáp: ‘Tôi đến cõi trời ấy, nghe Di Lặc Bồ Tát nói xong một bài pháp, đi nhiều Ngài một vòng rồi trở về báo tin ngay. Do ngày trên cõi trời ấy dài, cho nên trong xứ này đã trải qua ba năm’. Lại hỏi: ‘Sư Tử Giác nay đang ở chỗ nào?’ Thế Thân đáp: ‘Sư Tử Giác đang hưởng sự vui trên cõi trời, tự vui sướng trong ngũ dục, còn ở chỗ quyền thuộc bên ngoài, từ lúc mất đi cho đến nay, ông ta chưa hề gặp đức Di Lặc’. Các vị tiểu Bồ Tát sanh lên đó, còn đăm đuối ngũ dục, hướng hồ phạm phu? Vì lẽ này, nguyện sanh về Tây Phương, chắc chắn đắc Bất Thoái, chẳng cầu sanh Đâu Suất).

Lại nghe trong bộ Tây Quốc Truyện có chép: Có ba vị Bồ Tát là Vô Trước, Thế Thân, và Sư Tử Giác cùng lập chí nguyện, cùng sanh Đâu Suất, nguyện thấy Di Lặc Bồ Tát. Họ ước định nếu ai chết trước, gặp ngài Di Lặc, sẽ trở lại báo tin. Sư Tử Giác chết đầu tiên, mất đã mấy năm mà chẳng thấy trở lại. Sau đó, Thế Thân thị hiện vô thường; lúc lâm chung, Vô Trước dặn dò: “Ông gặp Di Lặc Bồ Tát sẽ trở lại báo tin nhé”. Thế Thân mất rồi, ba năm sau mới trở lại báo tin. Vô Trước hỏi: “Không ngờ phải lâu như vậy ông mới trở lại”. Thế Thân trả lời: “Tôi tới cõi trời đó, nghe Di Lặc Bồ Tát giảng xong một thời pháp, đi nhiều Ngài rồi trở về báo tin ngay. Do thời gian trên cõi trời ấy rất dài, cho nên trong nhân gian đã là ba năm”. Vô Trước lại hỏi: “Sư Tử Giác nay đang ở đâu?” Thế Thân trả lời: “Sư Tử Giác đang hưởng thụ thiên lạc, ông ta đang vui đăm trong ngũ dục, còn ở trong các vị quyền thuộc tại ngoại viện. Từ lúc ông ta mất cho đến nay, vẫn chưa hề thấy Di Lặc Bồ Tát”. Như vậy thì hàng tiểu Bồ Tát sanh lên Đâu Suất còn

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

đắm đuối ngũ dục, hưởng hồ phàm phu? Thấy rõ ràng tình hình này, bèn phát nguyện sanh về Tây Phương. Như thế thì chắc chắn sẽ đạt được địa vị Bất Thoái Chuyển, chẳng cần cầu [vãng sanh] Đâu Suất.

8. Mối Nghi Thứ Tám

(Luận) Đệ bát nghi. Vấn: - Chúng sanh vô thủy dĩ lai, tạo vô lượng nghiệp. Kim sanh nhất kỳ bất phùng thiện tri thức, hựu phục tác nhất thiết tội nghiệp, vô ác bất tạo. Vân hà lâm chung thập niệm thành tựu, tức đắc vãng sanh, xuất quá tam giới? Kết nghiệp chi sự, vân hà khả thông?

(論)第八疑。問：眾生無始已來，造無量業。今生一期不逢善知識，又復作一切罪業。無惡不造，云何臨終十念成就，即得往生出過三界？結業之事云何可通？

(Luận: Mối nghi thứ tám. Hỏi: - Chúng sanh từ vô thủy đến nay đã tạo vô lượng nghiệp. Suốt cả đời này, chẳng gặp thiện tri thức, lại còn tạo hết thảy tội nghiệp, không điều ác nào chẳng tạo. Lẽ nào lâm chung mười niệm thành tựu liền được vãng sanh, vượt khỏi tam giới? Đối với các nghiệp đã kết, làm sao nói cho suông được?)

Ở đây là nghi ngờ, chất vấn: Vì sao kẻ suốt đời tạo ác do mười niệm vãng sanh bèn vượt thoát tam giới? Nhân quả chẳng tương ứng! Cũng giống như vậy, chúng sanh từ vô thủy đến nay đã tạo vô lượng nghiệp; đời này, trong khi chẳng gặp gỡ thiện tri thức, lại tạo hết thảy tội nghiệp, không chuyện ác nào chẳng làm, tội nghiệp rất nặng, đáng phải theo nghiệp nặng mà chuyển sanh vào trong các đường sanh tử cực ác! Lẽ nào lâm chung trọn đủ mười niệm “A Di Đà Phật” sẽ vượt thoát tam giới, vãng sanh Tịnh Độ? Định luật “thuận theo nghiệp mà kết thành cái quả [sẽ sanh trong đường nào]” làm sao dung thông cho được? Khi lâm chung, tùy theo nghiệp nặng hay nhẹ để quyết định chốn thọ sanh trong đời kế tiếp; đã là tội nghiệp nặng nề, mười niệm niệm Phật nhẹ bẫng, làm sao có thể ngay lập tức sanh về Tịnh Độ, vượt thoát tam giới cho được? Nhân quả chẳng phù hợp quá mức!

Đối với nghi vấn ấy, bèn trả lời như thế này:

1) Suốt đời tạo ác hoàn toàn chẳng thể phán định sức tức thiện [của kẻ ác ấy] yếu kém. Trái lại, do khi lâm chung, gặp thiện tri thức, mười niệm bèn thành tựu, cho thấy sức tức thiện mạnh mẽ.

2) Chẳng quyết định coi vô thí ác nghiệp là nặng, xem mười niệm lâm chung là nhẹ.

8.1. Suốt đời tạo ác hoàn toàn chẳng thể phán định sức tức thiện [của kẻ ác ấy] yếu kém. Trái lại, do khi lâm chung, gặp thiện tri thức, mười niệm bèn thành tựu cho thấy sức tức thiện mạnh mẽ

(Luận) Đáp: - Chúng sanh vô thí dĩ lai, thiện ác nghiệp chủng đa thiếu cường nhược tịnh bất đắc tri. Đản năng lâm chung ngộ thiện tri thức, thập niệm thành tựu giả, giai thị tức thiện nghiệp cường, thí đắc ngộ thiện tri thức, thập niệm thành tựu. Nhược ác nghiệp đa giả, thiện tri thức thượng bất khả phùng, hà khả luận thập niệm thành tựu?

(論)答：眾生無始以來，善惡業種多少強弱並不得知，但能臨終遇善知識十念成就者，皆是宿善業強，始得遇善知識十念成就。若惡業多者，善知識尚不可逢，何可論十念成就？

(Luận: Đáp: - Chúng sanh từ vô thí đến nay, nghiệp chủng thiện, ác, nhiều, ít, mạnh, yếu, hoàn toàn chẳng biết. Chỉ là kẻ có thể khi lâm chung gặp thiện tri thức, mười niệm thành tựu thì đều là do có tức thiện nghiệp mạnh mẽ, cho nên mới được gặp gỡ thiện tri thức, mười niệm thành tựu. Nếu là kẻ ác nghiệp nhiều, thiện tri thức còn chẳng thể gặp, há có thể bàn đến chuyện mười niệm thành tựu chi nữa?)

Chúng sanh từ vô thí tới nay, tình huống nhân duyên đặc biệt phức tạp! Nghiệp chủng thiện ác tích tập trong tâm mỗi loại nhiều hay ít, mạnh hay yếu, cũng chẳng có cách nào dựa theo biểu hiện nhất thời để luận đoán cho được! Một chúng sanh tạo tác rất nhiều ác nghiệp trong đời này, trong tâm điền của người ấy, nghiệp chủng thiện ác mỗi thứ nhiều hay ít, mạnh hay yếu, chúng ta chẳng có Túc Mạng Thông và Vi Tế Trí, cho nên hoàn toàn chẳng biết. Nhưng dùng cái quả để suy ra cái nhân, khi hạng người này lâm chung có thể gặp gỡ thiện tri thức, lại còn vừa được khuyên bảo bèn phát tâm dũng mãnh, bén nhảy, mười niệm bèn thành tựu, vượt khỏi tam giới. Đây là biểu hiện của sức tức thiện nghiệp mạnh mẽ! Vì thế mới gặp thiện tri thức, lại còn mười niệm thành tựu. Nếu ác nghiệp nhiều, còn chẳng gặp được thiện tri thức, huống hồ mười niệm thành tựu ư?

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Loại người này đều là hạng căn tánh mạnh mẽ, nhạy bén, bất quá đời này vì tập khí vọng động, lập tức mê hoặc, một mực tạo ác, nhưng thiện căn của người ấy rất sâu, hề gặp thiện tri thức bèn có thể hoàn toàn tỉnh ngộ, có thể chuyển biến rất nhanh, tâm có thể dấy khởi [ý nguyện vượt thoát tam giới, cầu sanh Tịnh Độ], hiển nhiên là thiện chủng tử từ đời trước mạnh mẽ. Nếu không, do căn tánh chậm lụt, kém cỏi, sẽ chẳng thể dấy khởi cái tâm. Dẫu được thiện tri thức khuyên lơn, vẫn chẳng có cách nào niệm được! Giả sử có niệm thì vẫn chẳng có cách nào dừng mãi, bén nhạy. Trong cửa ải lâm chung khẩn yếu, thế mà có thể [thành tựu] dễ dàng như vậy, thật sự là bậc đại trượng phu! Hạng người này thuộc loại người có thiện chủng đời trước mạnh mẽ!

8.2. Chẳng quyết định coi vô thí ác nghiệp là nặng, xem mười niệm lâm chung là nhẹ

[Phần này được] chia thành hai phần:

1. Dùng đạo lý để chứng thực.
2. Dùng thí dụ và thánh giáo để chứng thực.

8.2.1. Dùng đạo lý để chứng thực

(Luận) Hựu như dĩ vô thí dĩ lai ác nghiệp vi trọng, lâm chung thập niệm vi khinh giả, kim dĩ đạo lý tam chủng giáo lượng khinh trọng bất định, bất tại thời tiết cửu cận, đa thiếu. Vân hà vi tam? Nhất giả tại tâm, nhị giả tại duyên, tam giả tại quyết định.

(論)又汝以無始已來惡業為重，臨終十念為輕者。今以道理三種校量輕重不定，不在時節久近多少。云何為三？一者在心，二者在緣，三者在決定。

(Luận: Lại vì ông coi ác nghiệp từ vô thí đến nay là nặng, mười niệm lúc lâm chung là nhẹ, nay dùng ba loại đạo lý để so sánh nhẹ nặng không nhất định, chẳng do thời gian lâu hay mau, ít hay nhiều. Nhưng gì là ba? Một là tại tâm, hai là tại duyên, ba là tại quyết định).

Quý vị lại cho rằng ác nghiệp đã tạo nhiều ngàn ấy từ vô thí tới nay là nặng, lâm chung mười niệm niệm Phật là nhẹ, chuyện này không nhất định! Lý do của quý vị là thời gian từ vô thí đến nay đặc biệt dài, số lượng ác nghiệp đã tạo đặc biệt nhiều, còn thời gian mười niệm khi

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

lâm chung đặc biệt ngắn ngủi, số lượng đặc biệt ít ỏi, [tức là] dùng thời gian lâu hay mau, số lượng nhiều hay ít để luận đoán nghiệp nặng hay nhẹ; thế nhưng điều này không nhất định. Do nguyên nhân nào? Vì nghiệp lực là tại tâm, tại duyên, tại quyết định. Nay dùng ba cái nhân ấy để cân nhắc, [sẽ thấy] mười niệm khi lâm chung chưa chắc đã là nhẹ.

(Luận) Tại tâm giả, tạo tội chi thời, tùng tự hư vọng điên đảo sanh. Niệm Phật giả, tùng thiện tri thức, văn thuyết A Di Đà Phật chân thật công đức danh hiệu sanh. Nhất hư, nhất thật, khởi đắc tương tỷ? Thí như vạn niên ám thất, nhật quang tạm chí, nhi ám đốn diệt, khởi dĩ cứu lai chi ám bất hằng diệt da?

(論)在心者，造罪之時，從自虛妄顛倒生。念佛者，從善知識聞說阿彌陀佛真實功德名號生。一虛一實豈得相比？譬如萬年暗室，日光暫至而暗頓滅，豈以久來之暗不肯滅耶？

(Luận: Tại tâm: Khi tạo tội là từ hư vọng, điên đảo mà sanh. Niệm Phật thì là từ thiện tri thức nghe nói danh hiệu công đức chân thật của A Di Đà Phật mà sanh. Một đằng hư, một đằng thật, há so sánh được ư? Ví như nhà tối ngàn năm, ánh nắng mặt trời vừa tạm chiếu vào, tối tăm nhanh chóng diệt mất, há vì tối tăm đã lâu mà chẳng chịu diệt ư?)

Trước hết, hãy nhìn vào trạng huống của nội tâm khi tạo nghiệp. Khi tạo tội là từ sự điên đảo hư vọng của chính mình mà sanh. Ví như chấp trước có ta, có sự vui sướng, vì để ta đạt được sự vui sướng mà chẳng nề hà thủ đoạn, tạo các ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v... Đây là từ chấp trước điên đảo, mê hoặc, phân biệt hư vọng mà sanh. Từ vô thi kiếp cho đến nay, chúng sanh một mực hãm trong trạng thái mê hoặc, điên đảo, giống như đang mơ một giấc mộng điên đảo. Nay đến lúc lâm chung, bỗng từ thiện tri thức được nghe danh hiệu công đức chân thật của A Di Đà Phật, ngay khi đó, người ấy khởi tâm giác ngộ. Giống như nhà tối ngàn năm, bỗng dung xuất hiện ánh đèn sáng, chẳng vì tối tăm ngàn năm, nay quang minh trong sát-na sẽ chẳng thể phá trừ tối tăm! Dầu u tối một ngàn năm, chỉ cần ánh đèn hiển hiện trong sát-na, sẽ ngay lập tức phá tan sự tối tăm chôn chứa cả ngàn năm. Hoặc là ngủ say cả ngàn năm, bỗng dung thức giấc, sẽ nhanh chóng diệt trừ giấc mê

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

mộng cả ngàn năm! Giống như thế đó, lẽ nào cái tâm giác ngộ chẳng thể diệt trừ sự tối tăm si ám ư?

(Luận) Tại duyên giả, tạo tội chi thời, tùng hư vọng si ám tâm, duyên hư vọng cảnh giới điên đảo sanh. Niệm Phật chi tâm, tùng văn Phật thanh tịnh chân thật công đức danh hiệu, duyên Vô Thượng Bồ Đề tâm sanh. Nhất chân, nhất nguyện, khởi đắc tương tỷ? Thí như hữu nhân bị độc tiễn trúng, tiễn thâm, độc sấm, thương cơ, phá cốt, nhất văn Diệt Trừ dược cổ, tức tiễn xuất, độc trừ, khởi dĩ tiễn thâm độc sấm nhi bất khăng xuất dã?

(論)在緣者，造罪之時，從虛妄癡暗心，緣虛妄境界顛倒生。念佛之心，從聞佛清淨真實功德名號，緣無上菩提心生。一真一偽豈得相比？譬如有人被毒箭中，箭深毒滲傷肌破骨。一聞滅除藥鼓，即箭出毒除，豈以箭深毒滲而不肯出也？

(Luận: Tại duyên là khi tạo tội, từ cái tâm si mê, tối tăm, hư vọng, duyên theo cảnh giới hư vọng điên đảo mà sanh. Cái tâm niệm Phật do nghe danh hiệu có công đức chân thật thanh tịnh của Phật, duyên theo tâm Vô Thượng Bồ Đề mà sanh. Một đấng chân, một đấng nguyện, há so sánh được ư? Ví như có người bị trúng tên độc, mũi tên cắm sâu, chất độc thấm dẫm, hư thịt, vỡ xương, vừa nghe tiếng trống thuốc Diệt Trừ, mũi tên liền rơi ra, chất độc trừ diệt, há vì tên cắm sâu, chất độc thấm dẫm mà mũi tên chẳng chịu rời ra ư?)

Lại xem sự sai biệt giữa tạo nghiệp và sở duyên của hai bên. Sở duyên có sức tác dụng. Khi tạo tội, bên trong là cái tâm hư vọng, điên đảo, si ám, bên ngoài thì duyên theo cảnh giới hư vọng, sanh khởi tâm thức tạo tác điên đảo. Còn cái tâm niệm Phật là do nghe danh hiệu có công đức thanh tịnh chân thật của Phật, dùng vạn đức hồng danh làm sở duyên mà sanh. Nhưng vạn đức hồng danh chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề của Phật, mà cũng là cái tâm quang minh vô thượng, hóa thành tướng biểu thị là danh hiệu. Ngẫu Ích đại sư nói: “Danh hiệu Di Đà lấy pháp giới làm Thể. Quang thì theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ thì theo chiều dọc tột cùng ba đời. Ngang và dọc thấu triệt lẫn nhau chính là Pháp Giới Thể. Nêu lên cái Thể này làm thành danh hiệu Di Đà. Vì thế, danh hiệu Di Đà chính là Bản Giác lý tánh

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

của chúng sanh". Sở duyên là "nam-mô A Di Đà Phật", là tâm Vô Thượng Bồ Đề, là chân thật. Một đấng chân, một đấng ngay, làm sao có thể so sánh cho được?

Giống như có người bị trúng tên độc, tên xuyên thấu thịt xương, trúng độc rất sâu, nhưng vừa được nghe âm thanh của cái trống thuốc Diệt Trừ, ngay lập tức, mũi tên rút ra, chất độc trừ diệt. Lẽ đâu vì mũi tên cắm sâu, trúng độc nghiêm trọng, mà chẳng thể trừ khử ư? Điều này cho thấy cái trống thuốc Diệt Trừ có sức nhỏ tên, trừ độc. Người trúng độc duyên theo âm thanh đặc biệt ấy bèn có thể nhỏ tên, trừ độc. Cũng giống như vậy, tuy hành giả từ vô thủy đến nay duyên theo cảnh giới điên đảo, dấy lên rất nhiều nghiệp chướng độc tố, nhưng vừa nghe danh hiệu chân thật Vô Thượng Bồ Đề tâm của Như Lai, ngay lập tức có thể dẹp trừ, khiến cho tâm [người ấy] thoát khỏi tội chướng. Đây là sự khác biệt nơi sở duyên.

(Luận) Tại quyết định giả, tạo tội chi thời, dĩ hữu gián tâm, hữu hậu tâm dã, niệm Phật chi thời, dĩ vô gián tâm, vô hậu tâm, toại tức xả mạng, thiện tâm mãnh lợi, thị dĩ tức sanh.

(論) 在決定者，造罪之時。以有間心有後心也。念佛之時，以無間心無後心，遂即捨命，善心猛利是以即生。

(Luận: Tại quyết định là khi tạo tội thì dùng cái tâm hữu gián, tâm hữu hậu. Khi niệm Phật, sử dụng cái tâm vô gián, tâm vô hậu, liền xả mạng, thiện tâm mạnh mẽ, nhạy bén, do vậy liền sanh).

Thứ ba, nhìn theo xu thế quyết định. Lúc bình thường tạo tội, có cái tâm hữu gián, tức là có những cái tâm trái nghịch v.v... gây gián đoạn. Chẳng hạn như sau khi đã tạo [ác nghiệp] bèn hối hận, hoặc là do dự trong khi tạo, có hậu tâm, [tức là] khởi tâm sẽ tiếp tục tạo [cái nghiệp ấy] trong mai sau. Còn lâm chung mười niệm niệm Phật thì chẳng có các tâm khác gây gián đoạn, mà cũng chẳng có tâm tiếp tục tạo tác hành vi ấy trong mai sau. Trong khi ấy, [chỉ là] một niệm tâm mạnh mẽ, nhạy bén niệm Phật hồng vãng sanh, biểu lộ xu thế quyết định vậy.

8.2.2. Dùng thí dụ và thánh giáo để chứng thực

(Luận) Thí như thập vi chi sách, thiên phu bất chế. Đồng tử

huy kiếm, tu du lưỡng phân. Hựu như thiên niên tích sài, dĩ nhất đẩu hỏa phần, thiểu thời tức tận.

(*Luận*) 譬如十圍之索千夫不制，童子揮劍須臾兩分。又如千年積柴，以一豆火焚，少時即盡。

(*Luận*: Ví như sợi dây thừng to mười vòng ôm, ngàn người đàn ông chẳng thể bứt đứt được. Đứa trẻ vung gươm, khoảnh khắc thừng bèn đứt làm đôi. Lại như củi tích tụ ngàn năm, dùng một đốm lửa bé tí để đốt, trong một thời gian ngắn đã cháy sạch).

Một là thí dụ về đứa bé trai phá vòng vây, tức là dây thừng to mười vòng ôm, ngàn người đều chẳng có cách nào bứt đứt được. Đứa bé trai vung lưỡi đao bén, trong giây lát, thừng đã bị đứt thành hai đoạn. “*Dây thừng*” ví như ác nghiệp đã tạo từ vô thủy, “*to mười vòng ôm*” chỉ số lượng nhiều, “*ngàn người chẳng thể bứt đứt được*” là nói phàm phu chẳng thể chế phục. “*Đồng tử*” (Bé trai) là sánh ví hành giả sơ phát tâm niệm Phật. “*Vung gươm*” là nói mười niệm niệm Phật thành tựu. “*Khoảnh khắc đứt làm đôi*”: Trong khoảng co duỗi cánh tay, bèn xả cõi này, sanh sang cõi kia. Có nghĩa là đồng tử phát tâm dũng mãnh, nhay bén, cầm đao bén, tức là trì niệm danh hiệu Di Đà, cho nên trong nháy mắt có thể thoát khỏi nghiệp chướng, tập khí, một đao chặt đứt phăng nghiệp chướng và tập khí từ quá khứ, ngay lập tức bỏ phương này, sanh sang phương kia.

Hai là thí dụ một đốm lửa đốt rụi củi chất ngàn năm. “*Ngàn năm*” ý nói từ vô thủy đến nay. “*Củi tích tụ*” là nói chất chứa rất nhiều phiền não. “*Lửa*” là sánh ví trí huệ. “*Một đốm lửa*” nhằm nói rất ít. Trong khi đó, nghe thiện hữu (thiện tri thức) tuyên nói pháp môn Di Đà, khởi lòng tin tưởng sâu xa, dùng đốm lửa tâm trí huệ trong khoảng thời gian ngắn ngủi bèn nhanh chóng đốt rụi phiền não để vãng sanh. Điều này cũng cho thấy: Do sức quyết định trong khi ấy mà có thể từ đó vượt thoát.

(*Luận*) *Hựu như hữu nhân, nhất sanh dĩ lai, tu Thập Thiện nghiệp, ưng đắc sanh thiên, lâm chung chi thời, khởi nhất niệm quyết định tà kiến, tức đọa A Tỳ địa ngục. Ác nghiệp hư vọng, dĩ mãnh lợi cố, thượng năng bài nhất sanh chi thiện nghiệp, linh đọa ác đạo. Khởi huống lâm chung mãnh tâm niệm Phật, chân thật, vô gián thiện nghiệp, bất năng bài vô thủy ác nghiệp, đắc sanh Tịnh Độ,*

vô hữu thị xứ!

(論)又如有人一生已來，修十善業應得生天。臨終之時起一念決定邪見，即墮阿鼻地獄。惡業虛妄以猛利故，尚能排一生之善業令墮惡道。豈況臨終猛心念佛，真實無間善業，不能排無始惡業，得生淨土，無有是處。

(Luận: Lại như có người suốt đời tu Thập Thiện nghiệp, đáng được sanh lên trời, khi lâm chung, dấy lên một niệm quyết định tà kiến, liền đọa vào địa ngục A Tỳ. Ác nghiệp hư vọng, do mạnh mẽ, sắc bén, mà còn có thể gạt phăng thiện nghiệp suốt một đời, khiến cho người ấy đọa vào ác đạo. Huống chi thiện nghiệp khi lâm chung, tâm dũng mãnh niệm Phật, chân thật, chẳng gián đoạn, mà lại chẳng thể dẹp trừ ác nghiệp từ vô thủy, khiến cho người ấy được sanh về Tịnh Độ, chẳng thể nào có chuyện đó!)

Kế đó, lại dùng ác nghiệp để suy luận tình hình của thiện nghiệp. Ví như có người suốt một đời này tu rất nhiều nghiệp Thập Thiện, hẳn là sẽ sanh lên trời, nhưng lúc lâm chung, dấy lên một niệm quyết định tà kiến, ngay lập tức đọa vào địa ngục A Tỳ. Ác nghiệp hư vọng, nhưng vì nó dũng mãnh, nhạy bén, còn có thể gạt phăng thiện nghiệp suốt cả một đời, khiến cho người ấy đọa vào ác đạo. Huống hồ lâm chung, tâm dũng mãnh niệm Phật, đây là thiện nghiệp chân thật, chẳng gián đoạn, lẽ nào chẳng thể dẹp phăng các ác nghiệp từ vô thủy, được sanh vào Tịnh Độ ư? Kiểu cật vấn ấy chẳng thể thành lập được!

(Luận) Hựu vân: “*Nhất niệm niệm Phật, diệt bát thập ức kiếp sanh tử chi tội*”, *vị niệm Phật thời, tâm mãnh lợi cố, phục diệt ác nghiệp, quyết định đắc sanh, bất tu nghi dã.*

(論)又云，一念念佛，滅八十億劫生死之罪。為念佛時心猛利故，伏滅惡業決定得生，不須疑也。

(Luận: Lại nói: “*Một niệm niệm Phật diệt tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp*”, vì khi niệm Phật, do cái tâm mạnh mẽ, sắc bén bèn chế phục, diệt trừ ác nghiệp, quyết định được vãng sanh, chớ nên nghi ngờ).

Trong kinh lại nói: “*Một niệm niệm Phật diệt tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp*”. Bởi lẽ, khi niệm Phật, do cái tâm dũng mãnh, nhạy

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

bén, bèn có thể chế phục, diệt trừ ác nghiệp phiền não. Do đó, chớ nên hoài nghi, quyết định có thể vãng sanh.

Trên đây đã dùng ba lý do là “*tâm, duyên, quyết định*” cùng với các thí dụ tương cận cũng như kinh giáo để chứng minh kẻ ác nghịch khi lâm chung chí tâm mười niệm sẽ quyết định có thể vãng sanh.

8.3. Đừng tin vào những kiến giải quái lạ

(Luận) Thượng cổ tương truyền, phán thập niệm thành tựu, tác Biệt Thời Ý giả, thử định bất khả. Hà dĩ đắc tri? Nhiếp Luận vân: “Do duy phát nguyện cố, toàn vô hữu hạnh”. Tạp Tập Luận vân: “Nhược nguyện sanh An Lạc quốc độ, tức đắc vãng sanh. Nhược văn Vô Cầu Phật danh, tức đắc A Nậu Bồ Đề giả”, tịnh thị biệt thời chi nhân, toàn vô hữu hạnh. Nhược tương lâm chung vô gián thập niệm mãnh lợi thiện hạnh thị Biệt Thời Ý giả, kỷ hứa ngộ tai! Nguyện chư hành giả thâm tư thử lý, tự lao kỳ tâm, mạc tín dị kiến, tự đọa hãm dã.

(論)上古相傳判十念成就，作別時意者，此定不可。何以得知？攝論云：「由唯發願故，全無有行。」雜集論云：「若願生安樂國土即得往生，若聞無垢佛名即得阿耨菩提者。」並是別時之因，全無有行。若將臨終，無間十念猛利善行是別時意者，幾許誤哉。願諸行者深思此理，自牢其心莫信異見，自墮陷也。

(Luận: Từ thuở xưa đã truyền tụng, phán định mười niệm thành tựu là Biệt Thời Ý²⁶, điều này nhất quyết không thể nói như vậy được.

²⁶ Theo Phật Quang Sơn Đại Tự Điển, Biệt Thời Ý (Kālāntarābhiprāya) là một trong bốn loại ý thú. Biệt Thời Ý có nghĩa là cách nói theo một ý nghĩa đặc biệt, còn có nghĩa là “nói theo một thời điểm đặc biệt”. Chẳng hạn như kinh nói “niệm danh hiệu Đa Bảo Phật, chắc chắn chẳng bị thoái đọa nơi Vô Thượng Bồ Đề”, hoặc “chỉ cần phát nguyện, sẽ liền có thể sanh về Cực Lạc”. Đây là cách nói đặc biệt để khuyến khích cô vũ những kẻ lười nhác tu hành không chịu phát nguyện vãng sanh. Nhiếp Đại Thừa Luận quyển sáu viết: “Do tụng trì danh hiệu Đa Bảo Phật mà có thể đắc thượng phẩm công đức. Ý Phật là muốn hiển thị thượng phẩm công đức nơi hạnh nông cạn vì muốn [khiến cho người nghe] sẽ bỏ thói lười nhác, siêng năng tu đạo, chứ chẳng phải là chỉ niệm danh hiệu Phật [Đa Bảo] sẽ lập tức chẳng thoái đọa, quyết định đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ví như do một đồng tiền vàng mà buôn bán kiếm được một ngàn đồng tiền vàng, chẳng phải do một ngày mà sẽ đạt được [món

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Do đâu mà biết? Nhiếp Luận nói: “Do chỉ phát nguyện, hoàn toàn chẳng có Hạnh”. Tạp Tập Luận²⁷ chép: “Nếu nguyện sanh về cõi nước An Lạc, sẽ liền được sanh về. Nếu nghe danh hiệu Vô Cấu Phật, sẽ liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, [những điều vừa nói đó] đều là cái nhân của biệt thời, do hoàn toàn chẳng có hành. Nếu nghĩ thiện hạnh mười niệm mạnh mẽ bèn nhay chẳng gián đoạn là Biệt Thời Ý thì sai lầm lắm thay! Nguyện các hành giả suy nghĩ sâu xa lý này, tự kiên định cái tâm của chính mình, đừng tin theo những kiến giải quái lạ, để rồi tự đọa lạc vậy).

Từ thượng cổ đã lưu truyền thuyết phán định mười niệm Phật thành tựu là ý thú Biệt Thời! Nói như vậy chẳng đúng! Vì sao biết? Vì tình huống được Nhiếp Luận và Tạp Tập Luận phán định là Biệt Thời

tiền đó], mà là do sẽ đạt được một ngàn đồng trong lúc khác. Ý của Như Lai cũng vậy. Một đồng tiền vàng này là cái nhân của một ngàn đồng, tụng trì danh hiệu Phật cũng thế, đó là cái nhân để chẳng thoái đọa Bồ Đề”. Có kẻ do hiểu lầm ý luận muốn nhấn mạnh sự hành trì để thành tựu cái nhân, bèn lập luận “không thể vãng sanh trong đời này, tu hành trong đời này chỉ tạo cái nhân để được vãng sanh trong đời mai sau”.

Theo đa số các giảng sư, ở đây, tổ Trí Giả dùng chữ “Biệt Thời Ý” theo một ý nghĩa chuyên biệt đối với sự hành trì: Có kẻ thấy kinh văn nói mười niệm thành tựu sẽ được vãng sanh, bèn tưởng là sự thành tựu khi lâm chung chẳng cần do hành trì trong thường nhật, cứ chờ đến khi lâm chung, do niệm Phật mười niệm bèn có thể vãng sanh.

²⁷ Nhiếp Luận là tên gọi tắt của bộ Nhiếp Đại Thừa Luận (Mahāyāna-samgraha) do Vô Trước Bồ Tát biên soạn để chú thích phẩm Nhiếp Đại Thừa trong bộ A Tỳ Đạt Ma Đại Thừa Kinh. Bộ luận này được coi là giáo điển trọng yếu của Duy Thức, có ba bản dịch: 1) Bản do ngài Phật Đà Phiến Đa dịch vào đời Bắc Ngụy, 2) Bản do ngài Chân Đế dịch vào đời Trần, và 3) Bản do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Bộ Nhiếp Đại Thừa Luận được chú giải bởi Thế Thân Bồ Tát và cũng lần lượt được dịch sang tiếng Hán ba lần. Ngài Huyền Trang còn dịch một bản chú thích khác mang tên Nhiếp Đại Thừa Luận Vô Tánh Thích do ngài Vô Tánh biên soạn. Vào thời cổ, Nhiếp Luận được nghiên cứu mạnh mẽ, hình thành một tông phái gọi là Nhiếp Luận Tông, tôn ngài Chân Đế làm tổ sư. Về sau, tông này bị hội nhập vào Duy Thức Pháp Tướng Tông.

Tạp Tập Luận (còn gọi là Đối Pháp Luận) là tên gọi tắt của bộ Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tạp Tập Luận (Mahāyānābhidharma-samuccaya) do An Huệ Bồ Tát soạn, ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán vào năm Vĩnh Huy thứ ba (652) đời Đường Cao Tông thành mười sáu quyển. Sách này nhằm chú thích bộ Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tạp Luận của ngài Vô Trước. Sách này vốn do đệ tử của ngài Vô Trước là Sư Tử Giác biên soạn, ngài An Huệ đã chỉnh lý, tăng bổ, diễn giải thêm mà thành.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Ý chính là như thế này: Nếu chỉ phát nguyện mà chẳng hành chút nào, đó là ý thú Biệt Thời. Hoặc là như phát nguyện sanh về cõi An Lạc liền có thể vãng sanh, nghe danh hiệu của Vô Cấu Phật sẽ đắc Vô Thượng Bồ Đề, do những điều đó đều là tạo cái nhân để cảm cái quả trong lúc khác, chẳng có chút hạnh thật sự nào. Đây là nói theo kiểu Biệt Thời Ý. Nhưng nếu phán định thiện hạnh mười niệm mạnh mẽ nhảy bén không gián đoạn khi lâm chung là Biệt Thời Ý thì đã hiểu lầm rất lớn. Bởi lẽ, lâm chung đã có thiện hạnh mười niệm nhảy bén, dũng mãnh, chẳng gián đoạn; đây chính là Hạnh. Đã có Nguyện và Hạnh, lẽ đâu chẳng thể vãng sanh? Nguyện các hành giả hãy suy nghĩ sâu xa ý nghĩa này, kiên định tín tâm của chính mình, đừng tin theo những cách nói khác để rồi thoái thất tín tâm, chẳng còn cầu sanh [Cực Lạc] nữa, sẽ bị đọa lạc trong luân hồi, chẳng đạt được lợi ích vãng sanh to lớn.

9. Mối Nghi Thứ Chín

(Luận) Đệ cửu nghi. Vấn: - Tây Phương khứ thử thập vạn ức Phật sát, phàm phu liệt nhược, vân hà khả đáo? Hựu Vãng Sanh Luận vân: “Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh”. Ký hữu thử giáo, đương tri nữ nhân cập dĩ căn khuyết giả, định tất bất đắc vãng sanh.

(論)第九疑。問：西方去此十萬億佛剎，凡夫劣弱云何可到？又往生論云：「女人及根缺，二乘種不生。」既有此教，當知女人及以根缺者，定必不得往生。

(Luận: Mối nghi thứ chín. Hỏi: - Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi Phật, phàm phu hèn yếu, làm sao có thể đến đó được? Vãng Sanh Luận lại nói: “Nữ nhân và kẻ căn khuyết, giống Nhị Thừa chẳng sanh”. Đã có lời dạy ấy, hãy nên biết là nữ nhân và kẻ căn khuyết nhất định sẽ chẳng thể vãng sanh).

Ở đây, nêu ra hai nghi vấn lớn:

1) Tây Phương cách cõi này mười vạn ức Phật sát, xa xôi dường ấy, năng lực của phàm phu rất yếu, làm sao có thể đến đó cho được?

2) Đã là như Vãng Sanh Luận nói “nữ nhân, căn khuyết, và chủng tánh Nhị Thừa chẳng thể sanh về đó”, đây chẳng phải là nữ nhân và người căn khuyết quyết định chẳng thể sanh về Tây Phương Tịnh Độ ư?

Đây là nỗi nghi hoặc rất lớn, dưới đây, sẽ giải trừ từng điều một.

9.1. Chẳng cần lo ngại Tây Phương xa xôi, phàm phu chẳng thể đến được

Phần này lại thông qua giáo, lý, và tỷ dụ để chứng minh.

(Luận) Đáp: - Vị đối phàm phu nhục nhãn sanh tử tâm lượng thuyết nhĩ, Tây Phương khứ thử thập vạn ức Phật sát, dẫn sử chúng sanh Tịnh Độ nghiệp thành giả, lâm chung tại Định chỉ tâm, tức thị Tịnh Độ thọ sanh chỉ tâm. Động niệm tức thị sanh Tịnh Độ thời. Vị thử, Quán Kinh vân: “Di Đà Phật quốc, khứ thử bất viễn”.

(論)答：為對凡夫肉眼生死心量說爾，西方去此十萬億佛剎。但使眾生淨土業成者，臨終在定之心，即是淨土受生之心，動念即是生淨土時。為此觀經云：「彌陀佛國去此不遠。」

(Luận: Đáp: - Vị đối ứng với tâm lượng sanh tử của hàng phàm phu nhục nhãn mà nói như thế này: “Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi Phật”, chỉ nhằm khiến cho những chúng sanh đã thành tựu nghiệp Tịnh Độ khi lâm chung, cái tâm tại Định chính là cái tâm thọ sanh Tịnh Độ. Hễ động niệm bèn là lúc sanh vào Tịnh Độ. Do lẽ này, Quán Kinh nói: “Cõi Phật Di Đà cách đây chẳng xa”).

Trả lời: Trước hết, phải hiểu kinh nói “Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi Phật” là nhắm vào hàng phàm phu nhục nhãn, tâm lượng sanh tử mà nói. Ví như chúng ta cách mặt trăng trước mặt bao xa? Cách xa cung trời Tam Thập Tam Thiên cỡ nào? Cứ tính dần lên như thế đó, [sẽ thấy] cách thế giới Cực Lạc khoảng chừng mười vạn ức cõi Phật. Nhưng phải xác định rõ ràng: Giả sử chúng sanh Tịnh nghiệp chín muồi, lâm chung sẽ có Phật từ bi gia hựu, ngay trong lúc đó, nhất tâm bất loạn ở trong Định, đây là cái tâm thọ sanh Tịnh Độ. Cảnh giới này hoàn toàn chẳng giống hiện tại, lúc đó, [hành nhân Tịnh Độ] đang ở trong thời khắc tâm thức ly thể đặc thù, lại được Phật lực đặc biệt gia bị, thuộc vào trạng huống “cái tâm đang ở trong Định”. Do đó, trong khoảng một niệm, liền sanh về Tịnh Độ. Do duyên có này, Quán Kinh nói: “Cõi nước của Phật Di Đà cách đây chẳng xa”.

Lại cần phải biết: Chân tâm của chúng ta trọn khắp hết thấy mọi

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

noi, Di Đà Phật quốc ở ngay trong chân tâm. Khi nhân duyên hòa hợp, sẽ có thể tức thời sanh vào Tịnh Độ trong tâm, chẳng cần lo lắng xa xôi! Lại phải nghĩ, A Di Đà Phật là pháp giới tâm, vào trọn khắp tâm tướng của hết thảy chúng sanh. Khi chúng ta lâm chung niệm Phật, Phật quang đã nhiếp thọ, tự tâm và Phật tâm hòa hợp, ngay khi đó liền có thể sanh vào Tịnh Độ. Điều này giống như tín hiệu do đài truyền hình phát ra trọn khắp lãnh vực không gian rộng lớn, chỉ cần vặn đúng băng tần tương ứng, ngay lập tức sẽ có thể xuất hiện âm thanh và hình ảnh. Cũng giống như vậy, quang minh và nguyện lực của Phật trọn khắp Vô Ương Số thế giới, lúc lâm chung, cái tâm niệm Phật của chúng ta được Phật nhiếp thọ, ngay khi ấy, duyên khởi hòa hợp, bèn được tâm Phật nhiếp thọ, do như vậy bèn có thể sanh về Tịnh Độ, chẳng cần lo lắng không đến Tịnh Độ được!

Tiếp đó, lại dùng phương thức so sánh để bảo chúng ta: Nhất định có thể tới [Tịnh Độ].

(Luận) Hựu nghiệp lực bất khả tư nghị, nhất niệm tức đắc sanh bỉ, bất tu sầu viễn. Hựu như nhân mộng, thân tuy tại sàng, nhi tâm ý thức, biến chí tha phương nhất thiết thế giới, như bình sanh bất dị dã. Sanh Tịnh Độ diệt nhĩ, động niệm tức chí, bất tu nghi dã.

(論)又業力不可思議，一念即得生彼，不須愁遠。又如人夢，身雖在床，而心意識遍至他方，一切世界如平生不異也。生淨土亦爾，動念即至，不須疑也。

(Luận:) Lại nữa, nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn, một niệm liền được sanh về đó, chẳng cần phải lo xa xôi. Lại như người nằm mộng, thân tuy ở trên giường, nhưng tâm ý thức đến trọn khắp hết thảy các thế giới ở phương khác, chẳng khác gì lúc bình thường. Sanh về Tịnh Độ cũng thế, vừa động niệm bèn tới, chẳng cần nghi ngờ nữa).

Hơn nữa, nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn! Ví như trong một niệm liền sanh vào địa ngục, hoặc trong một niệm liền sanh lên cung trời. Cũng giống như vậy, trong một niệm có thể sanh về Tây Phương, chẳng cần lo rầu xa xôi. Lại giống như người nằm mộng, thân thể tuy ở trên giường, mà tâm ý thức có thể đến trọn khắp hết thảy các thế giới ở phương khác. Ban ngày chẳng đến xa được như vậy, nhưng trong mộng, thuộc vào cảnh giới đặc thù, đích xác là trong một niệm có thể đến thế giới ở phương khác. Trong lịch sử, có rất nhiều trường hợp để

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

chứng minh. Hoặc là khi tu hành có thành tựu, có thể tùy ý đến thế giới ở phương khác, trong một niệm liền đến. Vì vậy, nói là xa hay gần, nhanh hay chậm v.v... đều là nói theo trạng thái tương ứng khi đó, chẳng thể do khoảng cách ban ngày xa xôi, do trong một giờ chẳng đi được bao xa, mà suy đoán trong mộng [khoảng cách] cũng xa chừng ấy, trong một giờ sẽ chẳng đi được bao xa [giống như khi ta đi trong ban ngày]. [Nêu suy đoán] như vậy, quá mực cười! Hoặc là chẳng thể dùng trạng huống bình thường để suy đoán tình huống trong Thiên Định, hoặc tình huống được gia bị đặc thù v.v... Phải nghĩ như thế này: Ở trong mộng, một niệm tâm có thể đến xa như thế, căn bản là tốc độ mà nhục thân có thể đi được vào ban ngày chẳng thể nào sánh bằng [tốc độ và khoảng cách] trong mộng được! Cũng như vậy, đến khi lâm chung, trong một sát-na tâm thức ly thể, lại có Phật lực gia bị khiến cho tâm chẳng loạn, trong trạng huống ấy, trong một niệm bèn có thể sanh về Tịnh Độ, chẳng cần hoài nghi!

Tiếp đó, giải trừ nỗi nghi hoặc thứ hai. Điều này lại cần phải hiểu ý nghĩa bao hàm trong giáo chứng do Vãng Sanh Luận đã nói: Chẳng phải là nói “ba loại người ấy chẳng thể sanh về Tịnh Độ”, mà có ý nói, “sau khi vãng sanh, sẽ chẳng có ba loại tình huống ấy”.

(Luận) “Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh”
giả, dẫn luận sanh bỉ quốc vô nữ nhân, cập vô manh, lung, âm, á
nhân, bất đạo thử gian nữ nhân, căn khuyết nhân bất đắc sanh bỉ.
Nhược như thử thuyết giả, ngu si toàn bất thức kinh ý, tức như Vi
Đề phu nhân, thị thỉnh sanh Tịnh Độ chủ, cập ngũ bách thị nữ, Phật
thọ ký tất đắc vãng sanh bỉ quốc.

(論)女人及根缺，二乘種不生者，但論生彼國，無女人及無盲聾喑啞人，不道此間女人根缺人不得生彼。若如此說者，愚癡全不識經意。即如韋提女人，是請生淨土主，及五百侍女，佛授記悉得往生彼國。

(Luận: “Nữ nhân và căn khuyết, chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh” chỉ là luận định “đã sanh trong cõi ấy (cõi Cực Lạc), sẽ không có nữ nhân và không có kẻ mù, điếc, ngọng, câm”, chẳng phải là nói “nữ nhân và kẻ tàn tật trong cõi này (Sa Bà) chẳng thể sanh về cõi đó”. Nếu kẻ nào nói như vậy (nữ nhân và kẻ tàn tật chẳng thể vãng sanh Cực Lạc), chính là kẻ ngu si, hoàn toàn chẳng hiểu ý kinh. [Bởi lẽ], như phu nhân Vi Đề Hy là người đứng đầu cầu thỉnh [pháp môn]

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

sanh về Tịnh Độ, và năm trăm thị nữ đều được đức Phật thọ ký sẽ sanh về cõi ấy).

Nói chung, câu này trong Vãng Sanh Luận nhằm nói: Sau khi đã sanh về Phật quốc, sẽ chẳng có nữ nhân, chẳng có kẻ mù, điếc, ngọng, câm, hoàn toàn chẳng phải là nói “nữ nhân và kẻ tàn tật trong thế giới Sa Bà chẳng thể vãng sanh thế giới Cực Lạc”. Nếu nói như vậy (tức nói “nữ nhân và kẻ tàn tật trong thế giới Sa Bà chẳng thể vãng sanh thế giới Cực Lạc”) rất ngu si, căn bản là chẳng lý giải ý nghĩa của kinh. Một chứng cứ phản bác [cách hiểu sai lầm ấy]: Chẳng hạn như phu nhân Vi Đề Hy là người chủ chốt thỉnh cầu [đức Phật dạy cách] sanh về Tịnh Độ. Đức Phật thọ ký bà ta và năm trăm thị nữ đều vãng sanh cõi ấy, đây chẳng phải là một trường hợp chứng minh nữ nhân có thể sanh về cõi ấy hay sao? Kinh Pháp Hoa nói: Năm trăm năm sau khi đức Như Lai diệt độ, có người nữ nào nghe được bộ kinh ấy, tu hành đúng như lời dạy, khi cô ta mạng chung, sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát sẽ vây quanh chỗ cô ta ở, [cô ta] sẽ sanh trong hoa sen, ngự trên tòa báu. Do điều này bèn biết: Nữ nhân trong cõi này có thể sanh sang Tây Phương.

(Luận) Đản thử xứ nữ nhân, cập manh, lung, âm, á nhân, tâm niệm Di Đà Phật, tất sanh bỉ quốc dĩ, cánh bất thọ nữ thân, diệc bất thọ căn khuyết thân. Nhị Thừa nhân đản hồi tâm nguyện sanh Tịnh Độ, chí bỉ cánh vô Nhị Thừa chấp tâm. Vị thử cố vân: “Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh”. Phi vị thử xứ nữ nhân cập căn khuyết nhân bất đắc sanh dã. Cố Vô Lượng Thọ kinh tứ thập bát nguyện vân: “Thiết ngã đắc Phật, thập phương thế giới nhất thiết nữ nhân, xưng ngã danh hiệu, yếm ố nữ thân, xả mạng chi hậu, cánh thọ nữ thân giả, bất thủ Chánh Giác”. Huống sanh bỉ quốc, cánh thọ nữ thân? Căn khuyết giả diệc nhĩ.

(論)但此處女人及盲聾喑啞人，心念彌陀佛悉生彼國已，更不受女身，亦不受根缺身。二乘人但回心願生淨土，至彼更無二乘執心。為此故云：「女人及根缺，二乘種不生。」非謂此處，女人及根缺人不得生也。故無量壽經四十八願云：「設我得佛，十方世界一切女人，稱我名號厭惡女身，捨命之後更受女身者，不取正覺。」況生彼

國更受女身？根缺者亦爾。

(Luận: Nhưng nữ nhân và kẻ mù, điếc, ngọng, câm trong cõi này tâm niệm A Di Đà Phật, đều sanh về cõi ấy rồi, sẽ chẳng còn thọ thân nữ nữa, mà cũng chẳng thọ thân tàn tật. Hàng Nhị Thừa chỉ hỏi tâm nguyện sanh về Tịnh Độ, sanh về cõi đó, sẽ chẳng còn cái tâm chấp trước của hàng Nhị Thừa. Vì vậy bèn nói: “Nữ nhân và căn khuyết, giống Nhị Thừa chẳng sanh”, chẳng phải là nói kẻ nữ và người tàn tật trong cõi này chẳng được vãng sanh [Cực Lạc]. Do vậy, phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ có chép: “Nếu tôi thành Phật, hết thấy người nữ trong mười phương thế giới xưng danh hiệu của tôi, chán ghét thân nữ, sau khi xả mạng, lại thọ thân nữ thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Huống hồ sanh về cõi ấy lại thọ thân nữ nữa ư? Kẻ căn khuyết cũng giống như vậy).

Nói “không có ba loại người ấy” là nói nữ nhân và người căn khuyết (tàn tật) trong cõi này niệm Phật, sau khi đã sanh về cõi ấy, sẽ chẳng còn thọ thân nữ, mà là thân trượng phu, chẳng còn thọ thân căn khuyết, mà là sáu căn trọn đủ, hết sức thù thắng. Hàng Nhị Thừa hỏi tâm, nguyện sanh về Tịnh Độ, đến đó, sẽ chẳng còn có tâm chấp trước của Nhị Thừa nữa, sẽ chẳng chấp Nhị Thừa là rốt ráo, hoặc vẫn khư khư chẳng bỏ ý niệm thấp hèn “chỉ cầu một mình ta giải thoát [là đủ]”. Vì thế mới nói: Đã tới cõi đó, sẽ chẳng còn có hiện tượng nữ nhân, kẻ thiếu căn, và chủng tánh Nhị Thừa, hoàn toàn chẳng phải là nói “nữ nhân và người căn khuyết trong cõi này chẳng thể vãng sanh phương ấy”.

Phần bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ cũng nói: “Nếu tôi thành Phật, hết thấy nữ nhân trong mười phương thế giới xưng danh hiệu Phật, chán ghét thân nữ. Sau khi đã xả mạng mà vẫn phải thọ thân nữ, tôi sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Ngay như xưng danh hiệu Phật, sau khi xả mạng mà còn chẳng thọ nữ thân, huống hồ là sanh về cõi ấy, làm sao có thể thọ thân nữ cho được? Hơn nữa, làm sao có thể thọ thân căn khuyết cho nổi? Nói chung, chẳng phải là nói “xét theo cái nhân, ba loại người ấy chẳng vãng sanh”, mà là nói theo cái quả, tức là sau khi đã vãng sanh, sẽ chẳng có ba thứ hiện tượng ấy!

10. Mười Nghi Thứ Mười

(Luận) Đệ thập nghi. Vấn: - Kim dục quyết định cầu sanh Tây Phương giả, vị tri tác hà hạnh nghiệp, dĩ hà vi chủng tử, đắc sanh bỉ quốc? Hựu phàm phu tục nhân giai hữu thê tử, vị tri bất đoạn dâm dục, đắc sanh bỉ phủ?

(論)第十疑。問：今欲決定求生西方者，未知作何行業，以何為種子，得生彼國？又凡夫俗人皆有妻子，未知不斷淫欲得生彼否？

(Luận: Mối nghi thứ mười. Hỏi: - Nay kẻ quyết định muốn cầu sanh Tây Phương, chưa biết phải làm hạnh nghiệp gì, dùng gì để làm chủng tử để được sanh về cõi ấy? Lại nữa, phàm phu tục nhân đều có vợ con, chưa biết chẳng đoạn dâm dục thì có thể sanh về cõi ấy hay chẳng?)

Câu hỏi được nêu ra là “sau khi đã liễu giải sự thù thắng của vãng sanh Tây Phương, nay tôi muốn quyết định cầu sanh Tây Phương, chẳng biết phải làm hạnh nghiệp gì, dùng gì để làm chủng tử, hòng có thể đạt thành diệu quả vãng sanh cõi ấy? Hơn nữa, phàm phu tục nhân đều có vợ con, chẳng biết kẻ không đoạn dâm dục thì có thể sanh về cõi nước Cực Lạc hay chẳng?”

Ở đây, nêu lên hai vấn đề:

1) Hạnh nghiệp để quyết định thành tựu vãng sanh là gì? Hoặc là chủng tử có thể thành tựu cái quả ấy là gì? Người hỏi biết “đề cầu cái quả, ắt cần phải viên mãn cái nhân”. Hễ nhân đã viên mãn, quả sẽ tự nhiên thành; không có nhân, sẽ trọn chẳng có quả. Điều này thuộc về phương diện thật tu, nơi tự tâm cần phải đi theo con đường như thế nào? Tu tập hạnh nghiệp gì thì sẽ có thể cảm được cái quả thù thắng như vậy? Hoặc là gieo chủng tử gì để vun bồi nó (cái nhân ấy) hòng có thể vãng sanh? Câu hỏi này đã đề cập tới vấn đề duyên khởi rất trọng yếu hòng thành tựu vãng sanh.

2) Tục nhân tại gia có vợ, chẳng đoạn dâm dục, cũng chẳng tránh khỏi lo âu chính mình có thể vãng sanh hay không? Hoặc là phải nên nỗ lực như thế nào thì mới có thể tương ứng với Tây Phương hòng được vãng sanh?

Dưới đây chia làm [hai phần là] lược đáp (đáp đại lược) và tế đáp (đáp cận kề) để giảng rõ. Trước hết là lược đáp.

(Luận) Đáp: Dục quyết định sanh Tây Phương giả, cụ hữu nhị

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

chủng hạnh, định đắc sanh bỉ. Nhất giả yếm ly hạnh, nhị giả hân nguyện hạnh.

(論)答：欲決定生西方者，具有二種行，定得生彼。一者厭離行，二者欣願行。

(Luận: Đáp: Muốn quyết định sanh về Tây Phương thì trọn đủ hai loại hạnh, chắc chắn sẽ sanh về cõi đó. Một là hạnh chán lìa, hai là hạnh ưa thích, nguyện sanh về đó).

Trả lời: Nếu muốn quyết định được vãng sanh Tây Phương, hễ trọn đủ hai thứ hạnh, chắc chắn có thể vãng sanh. Một là hạnh chán lìa, hai là hạnh ưa thích, nguyện sanh sang đó.

Chư pháp đều mang tánh chất duyên khởi. Duyên khởi lại ở nơi tâm, điều then chốt trong tâm là ham muốn. Do vậy, ở đây nói: Vãng sanh Tây Phương là quả, nhân duyên của nó phát triển thành hạnh tương ứng với Tây Phương là hạnh chán lìa và hạnh ưa thích, nguyện sanh. Trong ấy, có bao hàm xuất ly tâm và Bồ Đề tâm. Chán lìa phương này (Sa Bà) là tâm xuất ly. Biết Tịnh Độ thù thắng, xét theo phương diện tự lợi thì là do được giải thoát mà mong sanh về Tây Phương; đây là nội dung của tâm xuất ly. Vì để mau chóng đạt được thành tựu hồng độ chúng sanh mà mong sanh về Tây Phương; đây là nội dung của Bồ Đề tâm.

“Chán” (Yếm) là tiêu cực muốn bỏ phương này, “ưa thích” (Hân) là tích cực muốn giữ lấy phương kia. Hai đằng tách ra và hợp lại chính là tướng trạng đầy đủ của nguyện Tịnh Độ. Từ đây, phát triển thành các loại tịnh hạnh, tức là Hạnh. Đã có Nguyện, đương nhiên là nhiếp trì hết thảy thiện căn đều hồi hướng sanh về Tây Phương, thẳng tiến về Tây Phương, khi đã tích tụ đến một mức độ nhất định, chắc chắn sẽ vãng sanh Tây Phương. Vì thế, phải biết: Duyên khởi để vãng sanh Tây Phương ở nơi Nguyện. Tín và Hạnh cũng được bao gồm trong Nguyện, vì có Nguyện thiết tha, tất nhiên sẽ có Tín chân thật và Hạnh thiết thực.

Kế đó, sẽ giải thích cặn kẽ hai phân Yếm và Hân này.

10.1. Yếm Ly Hạnh

(Luận) *Ngôn Yếm Ly Hạnh giả, phạm phu vô thí dĩ lai, vị ngũ dục triển phược, luân hồi ngũ đạo, bị thọ chúng khổ, bất khởi tâm*

yếm ly ngũ dục, vị hữu xuất kỳ. Vị thử, thường quán thử thân nùng huyết thử niệu, nhất thiết ác lộ, bất tịnh, xú uế. Cổ Niết Bàn Kinh vân: “Như thị thân thành, ngu si La Sát, chỉ trụ kỳ trung. Thùy hữu trí giả, đương nhạo thử thân?”

(論)言厭離行者，凡夫無始已來為五欲纏縛，輪迴五道備受眾苦，不起心厭離五欲未有出期。為此常觀此身膿血屎尿，一切惡露不淨臭穢。故涅槃經云：「如是身城，愚癡羅刹止住其中，誰有智者當樂此身？」

(Luận: Nói Yếm Ly Hạnh là vì phạm phu từ vô thủy đến nay bị ngũ dục trói buộc, luân hồi trong năm đường, chịu đủ mọi nỗi khổ, chẳng dấy tâm chán lìa ngũ dục, sẽ chẳng có thuở nào thoát khỏi. Vì lẽ này mà thường quán thân này máu mủ, phân, tiểu, hết thấy các thứ xấu ác bộc lộ, bất tịnh, hôi thối, bản thủ. Do đó, kinh Niết Bàn nói: “Thân thành như thế, La Sát ngu si ở trong ấy, có bậc trí nào sẽ yêu thích cái thân này?”)

Nói Yếm Ly Hạnh là phải thấy phạm phu từ vô thủy tới nay, luôn bị sự tham muốn ngũ dục Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc trói buộc. Do vậy, dấy lên các thứ phiền não, huân tập các loại nghiệp, bị nghiệp lực lôi kéo mà luân hồi chẳng ngớt trong năm đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, nhân, thiên, chịu đủ các thứ các dạng khổ. Nếu chẳng dấy lên cái tâm chán lìa ngũ dục, vẫn tham đắm nó, do chẳng đoạn cái nhân, sẽ chẳng đoạn được nỗi khổ sanh tử luân hồi. Vì vậy, chẳng có thuở vượt thoát sanh tử. Sau khi đã biết lỗi hại của tham dục, phải thường quán cái thân này có thể tách bất tịnh. Bên trong là hết thấy các thứ xấu ác bày ra như máu, mủ, phân, tiểu v.v... Hễ lộ ra, sẽ khiến cho người khác trông thấy bèn ghê tởm, chẳng thể chịu đựng nỗi tướng xú uế bất tịnh.

Trong quá khứ, cứ nghĩ cái thân là bảo bối; hiện thời, sau khi đã thấy nó bất tịnh, bèn nghĩ: “Thân thể này như một thành thị, quỷ la-sát ngu si đang ở trong ấy, có người trí huệ nào sẽ ưa thích thân thể như vậy?” Giống như trong kinh Niết Bàn đã nói; từ đó, trong tâm chẳng còn muốn bận lòng nhiều về tấm thân này, chẳng còn muốn làm nô lệ cho nó, vì nó mà lo toan các thứ ngũ dục, thực hiện các thứ che chở [tám thân] nữa. Cội nguồn của lòng tham chính là vì quý tiếc, yêu mến, bảo vệ thân thể. Một khi đã phát hiện chỗ chẳng đáng yêu đắm của nó, sẽ cảm thấy thân thể giống như nhà xí này có hai bữa ăn để duy trì

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

mạng sống, có quần áo để che thân là được rồi. Như vậy thì mới thoát khỏi nỗi tham ngũ dục vì cái thân.

Phần này lại chia thành hai phần:

- 1) Lý thú.
- 2) Thật tu.

10.1.1. Lý thú

Nếu nhìn từ phương diện lý thú, [sẽ thấy] phàm phu suốt ngày vì cái Ta riêng tư (tư ngã) mà tìm cầu Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, dấy lên vô số phiền não, tạo trọn hết các nghiệp, ở trong luân hồi chịu khổ trong vô số đời. Vì thế, nhất định phải lìa ngũ dục. Tham đắm ngũ trần sẽ phải chịu khổ không ngừng, đúng là đại tai nạn. Nhãn Thức tham đắm Sắc pháp, giống như con thiêu thân chết cháy trong ngọn lửa đèn. Nhĩ Thức tham đắm âm thanh hay đẹp, giống như dã thú nghe tiếng đàn tỳ bà mà bị thợ săn giết chết. Ty Thức tham đắm hương trần, giống như ong mật tham đắm mùi thơm của hoa mà bị nhốt chết trong lòng bông hoa. Thiệt Thức tham đắm mỹ vị, giống như con cá bị móc sắt móc trúng. Thân Thức tham đắm xúc trần, giống như con voi to bị hãm trong bùn lầy. Đây chính là căn bản của vô số mê loạn hiển hiện trong luân hồi, là cội nguồn của vô số nỗi khổ. Cũng giống như thế, tâm tham đắm ngũ dục, bị tham dục trói buộc chính là cái gốc của các khổ. “*Chư khổ sở nhân, tham dục vi bản*” (Cái nhân của các nỗi khổ đều lấy tham dục làm gốc) chính là ý nghĩa này.

Sau đó, nghĩ tưởng: Chỉ có xa rời sự tham đắm đối với ngũ dục thì mới có thể từ khổ thoát ra. Vậy thì phải buông xuống ngũ dục bằng cách nào? Phải nghĩ, tham hưởng thụ thanh, sắc; tham kẻ khác phái, tham phim ảnh và TV, tham món ăn ngon, tham y phục đẹp đẽ, tham xe hơi v.v... tham bất cứ những món Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc nào cũng đều là vì thân thể! Yêu quý, bảo vệ thân thể nhất, cho rằng trên cõi đời, nó cần được bảo vệ, đáng tôn trọng, cung phụng nhất chính là nó. Hiện thời, nhất định phải thấy rõ ràng bản tướng của thân thể. Khi phát hiện nó giống như một cái nhà xí di động ô uế, là chỗ căn bản để phát xuất nỗi khổ lớn nhất, sẽ còn vì nó mà tham lam nữa hay chẳng? Chẳng cần thiết, khi ấy, sẽ dấy lòng chán lìa, chẳng còn muốn làm chuyện gì vì nó nữa.

Ví như ở cùng một bệnh viện, ẵm làm đứa trẻ, ngỡ đứa con của oán gia là con đẻ của chính mình, lãnh về nhà, mấy chục năm ngâm

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

đăng nuốt cay, độc lòng dưỡng dục, coi nó như tâm can bảo bối. Bỗng có một ngày, kẻ khác nói cho người ấy biết chân tướng: “Đây là con của kẻ oán gia”. Do vậy mới biết trước kia đã phí công, từ đây về sau, cũng chẳng còn dây lòng làm gì cho nó nữa. Đây là dây lòng chán lìa. Cũng giống như vậy, một khi đã phát hiện thân thể là một thứ chất chứa cả đồng ô uế như vậy, còn muốn vì nó làm gì nữa chẳng? Đã thế, nó là nguồn gốc của muôn nỗi khổ, là khí cụ của muôn nỗi khổ, là cỗ máy chế tạo nỗi khổ chẳng có gì lớn hơn nữa, là đồ đựng để tuôn ra nỗi khổ, còn muốn vì nó làm gì nữa hay chẳng? Ngay lập tức cảm nhận đây là cái thân luân hồi, khổ não, hoạn nạn, phải lìa bỏ, chớ nên bảo vệ nó nữa, vì nó mà tham, vì nó mà cầu, tạo trọn hết các nghiệp, chuốc lấy nỗi khổ to lớn dằng dặc trong đời sau; khi ấy, sẽ sanh lòng nhàm lìa. Vì thế, điều trọng yếu là phải thấy cái thân yếu quý nhất của chính mình là bất tịnh, thể tánh của nó là khổ.

Nói tách ra thì có hai loại là bất tịnh và khổ, nói gộp chung thì là một chữ Khổ. Thấy nó chỉ có khổ, chẳng có lạc, bèn chỉ mong hết sức nhanh chóng thoát khỏi, mà cũng chẳng mong vì nó làm gì nữa! Như vậy thì sẽ có thể từ thân thể mà phát sanh ý nguyện lìa khỏi sự tham đắm ngũ dục. Chán bỏ cái thân này, tức là chán bỏ Sa Bà từ nguồn cội. Sau đó, lại mong thay đổi cái thân này, cầu đạt được cái thân thanh tịnh nơi Tịnh Độ. Đây là tu phương pháp chán lìa.

(Luận) Hựu kinh vân: “Thử thân chúng khổ sở tập, nhất thiết giai bất tịnh. Ách phược ung sang đẳng, căn bản vô nghĩa lợi, thượng chí chư thiên thân giai diệc như thị”.

(論)又經云：「此身眾苦所集，一切皆不淨，扼縛癡瘡等根本無義利，上至諸天身皆亦如是。」

(Luận: Kinh lại nói: “Thân này là các khổ nhóm họp, hết thảy đều bất tịnh. Là cái ách, là trói buộc, là ung nhọt, ghẻ v.v... căn bản là chẳng có nghĩa lợi, trên là cho đến thân của chư thiên cũng đều giống như vậy”).

[Đoạn này] chia thành năm phần:

- 1) Thân này là chỗ các khổ nhóm họp.
- 2) Ý nghĩa được bao hàm trong các thí dụ như cái ách, trói buộc v.v...
- 3) Ý nghĩa được bao hàm trong các thí dụ như ung nhọt, ghẻ v.v...

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

4) Ý nghĩa được bao hàm trong “*căn bản vô nghĩa lợi*”.

5) Ý nghĩa được bao hàm trong “*trên là cho đến thân của chư thiên cũng đều giống như vậy*”.

10.1.1.1. Thân này là chỗ các khổ nhóm họp

Đối tượng để quan sát chính là cái thân Ngũ Thủ Uẩn²⁸, hoặc tương tục (tiếp nối), không chỉ là nhục thân. Cái thân Ngũ Thủ Uẩn ấy chính là chỗ vô lượng các điều khổ tụ tập. Trong ấy bao hàm hai ý nghĩa:

1) Là chỗ tạo tác các điều khổ, được gọi là “*khổ khí*” (苦器), mang ý nghĩa cỗ máy [tạo tác các nỗi khổ].

2) Là vật dụng sanh ra các nỗi khổ, mang ý nghĩa đồ đựng.

“*Vật dụng sanh ra các nỗi khổ*” lại có năm điều:

a. Vật dụng tạo thành các nỗi khổ trong mai sau.

b. Vật dụng xuất sanh các nỗi khổ.

c. Vật dụng Khổ Khổ.

d. Vật dụng Hoại Khổ.

e. Có tánh chất của Hành Khổ.

10.1.1.1.1. [Thân Ngũ Thủ Uẩn là] vật dụng tạo thành các nỗi khổ trong mai sau

Do nương vào các Uẩn đã nhận lãnh, sẽ có thể dẫn đến các nỗi khổ từ đời sau trở đi. Hiện thời, đã thành Ngũ Thủ Uẩn, có năm loại pháp là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; do đầy bèn khởi Hoại, tạo nghiệp, có thể dẫn đến các nỗi khổ từ đời sau trở đi. Hoại là do trong A Lại Da Thức chứa đựng các thứ chủng tử khổ trong đời quá khứ, nếu trong đời này chẳng cảm lấy quả khổ thì trong tương lai cũng sẽ đời đời xuất sanh các nỗi khổ.

10.1.1.1.2. [Thân Ngũ Thủ Uẩn là] vật dụng sanh ra các nỗi khổ

²⁸ Ngũ Thủ Uẩn (Pabcupadanakkhandha) là năm sự chấp thủ (chấp trước, nắm giữ) đối với Ngũ Uẩn. Chẳng hạn như trong Tương Ưng Bộ Kinh, đức Phật đã dạy: “*Này chư tỳ-kheo! Tất cả sắc trong quá khứ, hiện tại, vị lai, trong, ngoài, thô, tế, kém cõi, thù thắng, xa, gần, đều gọi là Sắc Uẩn. Chấp giữ lấy nó thì gọi là Sắc Thủ Uẩn*”.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Đã thành tựu Ngũ Thủ Uẩn, đây chính là chỗ nương tựa của các nỗi khổ “lão, bệnh, tử, suy, yêu thương mà phải chia lìa, ganh ghét mà phải gặp gỡ, cầu chẳng được” v.v... Trước mắt đã tạo thành các uẩn thể²⁹; trong tương lai, sẽ không ngừng nảy sinh các thứ khổ não trong một kỳ sanh tử (một đời người). Nó chính là vật dụng to lớn để phát sanh các nỗi khổ.

10.1.1.1.3. [Thân Ngũ Thủ Uẩn là] vật dụng của Khổ Khổ và Hoại Khổ

Chủng tử của hai thứ Khổ Khổ và Hoại Khổ theo sát chẳng rời trong uẩn thể. Vì thế, lúc gặp duyên, chúng nó sẽ từ đó mà không ngừng sanh ra Khổ Khổ và Hoại Khổ.

10.1.1.1.4. Có tánh chất của Hành Khổ

Ngũ Thủ Uẩn đã được tạo thành từ lúc tối sơ sẽ biến thành tự tánh của Hành Khổ. Từ đây trở đi, hết thấy các Hành đều thuận theo sức của Hoặc Nghiệp trong đời trước mà tự tại chuyển biến, đây chính là Hành Khổ. Cũng là do lúc ban đầu, một niệm mê mất, cho là có Ngã, có Ngã Sở (những thứ mà ta sở hữu), do như vậy mà khởi Hoặc (dấy lên phiền não) tạo nghiệp, sanh ra tự tánh của Ngũ Thủ Uẩn. Từ đây một mực chẳng tránh khỏi trạng huống để mặc cho sức Hoặc nghiệp tự tại xoay chuyển, một mực đều là tự tánh đối đãi, chẳng quay trở lại. Vì thế, gọi là “*Hành Khổ tánh*”. Giống như Hoàng Hà từ chỗ phát nguyên (chỗ bắt nguồn) bèn bắt đầu chảy thành dòng, từ đó cuộn cuộn bất tuyệt tuôn xuống vùng hạ lưu, chưa hề bị cắt đứt. Chỉ có bậc đã đạt được địa vị thánh, dùng Vô Ngã Không Huệ để cắt đứt nó thì mới bắt đầu đi ngược dòng. Trước khi xuất hiện đối trị, một mực luôn đời đối. Cũng là từ một niệm tưởng lầm “có Ngã”, sau đây, do sức mạnh của Ngã Chấp mà khởi Hoặc tạo nghiệp, chưa hề ngưng nghỉ. Do vậy, khi cái quả xuất hiện, nghiêm nhiên vẫn do sức mạnh ấy dẫn khởi các Uẩn sau đó. Liên tục chẳng ngừng trong mỗi sát-na như thế, trước khi bị cắt đứt, nó sẽ tạo thành Hành Khổ tánh.

²⁹ Uẩn Thể (蘊體) có nghĩa là các pháp được thành bởi rất nhiều các nhân duyên tụ hợp, Uẩn có nghĩa là “tích tụ”. Do vậy, Uẩn Thể bao gồm các pháp hữu vi trong và ngoài thân tâm.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Nói chung, Thủ Uẩn là năm loại vật dụng để tạo khổ, nên nói là “*chúng khổ sở tập*” (các khổ nhóm họp).

Lại xét theo phương diện bất tịnh. Từ một niệm lầm loạn, sau đây, sẽ đánh mất sự thanh tịnh, hoàn toàn thuộc vào trạng thái của kẻ điên cuồng, ngỡ cái chẳng có là có, ngỡ cái có là chẳng có. Do sức mạnh của sự chấp trước Ngã và Ngã Sở mà không ngừng đẩy lên các suy nghĩ lầm loạn và chấp trước lầm loạn. Trong lúc bị cái Ngã riêng tư và lòng ham muốn riêng tư sai khiến, đã đẩy lên các loại phiền não và nghiệp, những thứ ấy đều là sự tập nhiễm nơi cái nhân. Quả báo xuất hiện từ sức mê loạn ấy làm sao có tự tánh thanh tịnh cho được? Vì thế, cái quả được gọi là “*sanh tập nhiễm*”. Nói chung, trạng huống từ nhân cho đến quả đều là tập nhiễm, điều này được gọi là “*hết thấy đều bất tịnh*”. Do nơi nhân, chỉ có thể phát sanh phiền não tập nhiễm và nghiệp tập nhiễm, cho nên bất tịnh; nơi quả thì luân hồi, sanh trong tam giới, nên gọi là “*sanh bất tịnh*”. Hoặc nhìn từ hai phương diện thân và tâm, thân người do ba mươi sáu vật bất tịnh hợp thành, thuần túy bất tịnh. Trong tâm, không gì chẳng phải là chấp trước cái Ngã riêng tư, đẩy khởi các loại phiền não tham, sân, si... cũng như phát khởi các hành động cầu lợi cho chính mình. Đây chính là trạng thái phiền não và nghiệp đều bất tịnh.

10.1.1.2. Ý nghĩa bao hàm trong thí dụ về cái ách và sự trói buộc

“*Ách phược*” (扼縛) là giống như cái ách cày đê trên cổ con trâu, một mực lôi con trâu tiến về trước. Đây là hình dung uẩn thân (thân do Ngũ Uẩn hợp thành) một mực tùy ý xoay chuyển theo sức của Hoặc nghiệp, là trạng thái khổ sở chẳng có mảy may tự tại.

Ví như kẻ tù tội bị giam giữ trong ngục tù, bất cứ hành vi gì cũng đều chẳng được tự tại, phải chịu trừng phạt, bị sai khiến làm lao dịch v.v... Cái thân Ngũ Uẩn của chúng ta bị sức Hoặc nghiệp khống chế, một mực ở trong tình trạng sanh tử khổ sở. Nhìn theo phương diện đại lược thì là không ngừng thọ thân trong tam giới, sanh rồi chết, chết rồi lại sanh, chẳng có cách nào thoát khỏi trạng huống sanh tử. Xét tỉ mỉ, một mực thuộc trong sự đời đời của các Uẩn; ở trong ấy, sẽ xuất hiện các nỗi khổ sanh, lão, bệnh, chết, yêu thương mà phải chia lìa, oán ghét mà phải tụ hội, cầu chẳng được v.v..., gặp phải những cảnh giới hợp ý, chẳng hợp ý, trung dung (không vừa lòng, không trái ý) v.v... không ngừng đẩy lên tham, sân, si. Nói chung, trạng huống nơi cái nhân là

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

trong các Uẩn đều có chủng tử phiền não theo sát, cho nên chẳng ngừng hiện hành phiền não, tạo tác cái nhân của sự khổ. Trọng huống nơi quả là do cái thân Ngũ Uẩn bị các chủng tử khổ theo sát nút, không ngừng xuất hiện các thứ khổ. Tất cả các hành vi đều do sức Hoặc nghiệp khống chế, tất cả quả báo đều do sức Hoặc nghiệp tạo tác, hoàn toàn là trạng huống tự tại xoay chuyển bởi nó (sức Hoặc nghiệp).

Giống như một thốt ngựa bị dây cương khống chế, bị roi quật, chỉ có thể không ngừng tiến về trước, luôn bị người khác tùy ý xoay chuyển. Lại giống như tù nhân hứng chịu hình phạt, thồ đá đi về phía trước, chẳng có mảy may thông dong, thành thời nào! Lại như chiếc thuyền nhỏ trôi giạt theo gió trong biển cả, sóng gió hung tợn, gập rút, mạnh mẽ, chẳng ngừng một sát-na nào. Thuyền không ngừng bị sóng gió xô đẩy, chẳng được tự tại tí nào. Lại giống như một chiếc xe hơi loại nhỏ bị hư hỏng, một mực chạy như điên, cuối cùng lao xuống vách núi. Cũng là do bị sức Hoặc nghiệp chi phối, Uẩn thân chẳng thể không tiến về trước; sau khi tạm thời an ổn, nhất định sẽ lao xuống vách núi. Đây là kiếp sống luân hồi, luôn không ngừng tiến về trước, cuối cùng rơi khỏi vách núi! Trạng huống của sức Hoặc nghiệp giống như chiếc xe một mực chạy nhanh, bỗng xuất hiện trạng huống hiểm ác, nhân duyên tụ tập bèn rơi xuống vách núi, xe hủy, người chết. Đã thế, chẳng phải là rơi xuống vách núi một lần, đã rơi xuống vách núi rồi lại xuất hiện một chiếc xe chạy tiến về trước, sau đó lại dừng xe, lại bị hủy hoại. Lại xuất hiện một chiếc xe khác v.v... Cứ như thế chẳng hết, chẳng xong, một mực ở trong tình trạng bị khống chế. Vào thời cô, chỉ có thể dùng hình tượng cái ách cày của con trâu để thí dụ, ngày nay thì có đủ các loại, các dạng thí dụ. Nói chung là chính mình chẳng tự tại, hết thấy đều là trạng huống mặc tình xoay chuyển theo thứ khác, toàn là trạng thái khổ sở. Do như vậy bèn liễu giải, trạng huống Ngũ Thủ Uẩn liên tục quả thật khó lòng chịu đựng. Đó chính là bệnh trạng lớn nhất trên cõi đời.

Trên đây là nói đến sự tuân hoàn do không ngừng bị sức Hoặc nghiệp hãm trong nỗi khổ, rơi vào trong sự kiềm chế của sự khổ, chẳng có cách nào thoát ra, nên gọi là “*ách phược*”. Đây cũng là hình dung Hành Khổ, thuộc vào trạng huống một mực bị sức Hoặc nghiệp tự tại xoay chuyển. Phải từ trong ấy mà tỉnh ngộ: Chúng ta từ vô thủy cho đến đời này bèn ngưng dứt, đã trải qua thời kiếp lâu dài chẳng thấy bờ mé, một mực thuộc trong Hành Khổ bị sức Hoặc nghiệp tự tại xoay chuyển, chẳng tự tại. Đây là cội nguồn phát sanh hết thấy các nỗi khổ sanh tử.

Tĩnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Trong ấy có nỗi hoạn nạn cực đại là sanh tử, chẳng giống như nỗi khổ sanh tử trong một khoảng thời gian ngắn ngủi trong các tình hình thông thường như ta thường nói; nó được gọi là Sanh Tử Khổ Hải (biển khổ sanh tử). Nếu chẳng tìm được phương pháp để giải trừ, đối trị, sẽ chịu khổ vô hạn giống hệt như vậy. Nếu chẳng thể dùng tự lực để giải trừ cơ chế vận hành này, sẽ vẫn bị nó lôi kéo đi theo hướng duyên khởi ấy. Đương nhiên là vận mạng thuận khổ, chẳng lạc, chớ nên mong mỗi sẽ có thể đạt được sự an lạc chân thật trong ấy!

Chúng ta ắt cần phải tỉnh táo nhận biết điều này thì vận mạng mới có thể phát sanh chuyển biến. Phương hướng để tiên hành, phương hướng để nỗ lực sẽ biến thành “phải giải trừ Ngũ Thủ Uẩn”, chẳng phải là mong mỗi đạt được an lạc nơi uẩn thể. Đây chỉ là vọng tưởng của kẻ si mà thôi! Một phen quyết đoán này sẽ khiến cho chúng ta phát sanh cái tâm chán lìa, mà cũng là mong thoát lìa nỗi khổ liên tục do Ngũ Thủ Uẩn.

10.1.1.3. Ý nghĩa bao hàm trong thí dụ về ung nhọt, ghẻ độc

Khi ghẻ nhọt chạm phải nước nóng, sự cảm nhận khổ sở kịch liệt sẽ không chế gát gao thân tâm, đau đớn không có cách nào chịu đựng nổi! Đây là thí dụ về trạng thái Khổ Khổ. Nếu chạm vào nước lạnh, sẽ chẳng bị nỗi đau đớn kịch liệt bức bách, cảm thấy thoải mái, vui sướng. Trên thực tế, chỉ là sự cảm nhận sai lầm khi Khổ Thọ được giảm nhẹ. Đây là thí dụ về Hoại Khổ. Nhân duyên hòa hợp bèn tạm thời xuất hiện cảm nhận sai lầm là nỗi đau khổ giảm nhẹ. Hễ nhân duyên tan tác, lại bị hãm vào nỗi khổ. Nó có tánh chất diệt hoại, chẳng phải là sự an lạc chân thật. Hơn nữa, khi ghẻ nhọt chưa chạm vào nước nóng hay nước lạnh, cảm giác rất bình lặng; trên thực tế, sự tồn tại của vi trùng chẳng giảm bớt mảy may, căn bản là chẳng giải trừ. Chỉ cần góc bệnh còn ẩn tàng, hễ gặp duyên, nó sẽ hiện hành Khổ Khổ và Hoại Khổ chẳng gián đoạn. Do vậy, hiện ra trạng thái tợ hồ bình lặng, thực tế là trạng thái chờ đợi sự khổ bùng phát. Đây là thí dụ về Hành Khổ, từ đầu đến cuối đều thuộc trong trạng thái của cái nhân gây khổ, đương nhiên là tánh Khổ.

Nay quan sát thân Ngũ Thủ Uẩn của ta và người khác, phải xác nhận nó đích xác giống như ung nhọt, ghẻ lở. Có thể phóng đại ung nhọt, ghẻ lở to một khoảng thước bảy, nặng hơn một trăm cân, đại khái là to bằng một người, phía ngoài bọc bằng một tầng da mỏng lét, bên

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

trong là cơ chế phát sanh sự khổ. Nó bao gồm trạng huống của một đồng lớn té bào nung mù về mặt sinh lý, cùng với các thứ chủng tử phiền não và các thứ chủng tử khổ nơi tâm lý bám theo sát nút. Do vậy bèn biết: Trạng huống của nó là một lớp da bên ngoài bọc lấy các thứ khổ nhân độc tố, một mực dùng A Lại Da Thức làm cơ chế huân tập, cất giữ chủng tử, thuận theo sức duyên khởi mà hiển hiện chẳng dứt, khó thể suy lường được!

Một mai nhân duyên của sự khổ chín muồi, nơi ung nhọt sẽ phát sanh nổi khổ to lớn hết sức kịch liệt đối với thân tâm. Khi đó, hết sức khó thể chịu đựng, nổi khổ kìm kẹp chính mình, chẳng có cách nào thoát khỏi. Có lúc các nhân duyên của phước nghiệp chín muồi, sẽ cảm thấy có những cảm giác vui sướng, tức Lạc Thọ, nổi thống khổ giảm bớt, khiến cho người ta có cảm giác sai lầm là đang vui sướng. Nhưng đột nhiên lại giống như ghê nhọt chạm phải nước nóng, phát sanh Khổ Thọ (cảm nhận sự đau khổ) dữ dội. Có lúc cảm thấy rất bình thản, chẳng khổ, chẳng vui, cảm thấy như thế đó. Nhưng điều này cũng chẳng an ổn, vì chủng tử phiền não và chủng tử khổ trong khối ung nhọt to lớn chẳng giải trừ tí nào, chúng vẫn không ngừng tiếp nối, đang chờ đợi nhân duyên. Khi bỗng dưng gặp phải cảnh vừa ý hay trái ý, sẽ lại phát sanh tham, sân, lại bắt đầu một loạt khổ nhân mới. Hoặc là khi gặp gỡ các nhân duyên, thân thể lập tức ngã bệnh, xuất hiện sự suy lão, khó coi, hoặc là tử vong v.v... sự khổ nạn to lớn bám chặt nơi tự tâm, chẳng có cách nào thoát khỏi. Đó là trạng huống của Khổ Thọ. Hoặc là bỗng dưng gặp các nỗi khổ như yêu thương mà phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, chiến tranh, ôn dịch, nạn đói v.v... từng đợt khổ sở, ưu sầu đưa tới, cảm thấy sống một ngày bằng cả năm, khi nào mới có thể thoát khỏi? Có khi lại ngênh đón mùa Xuân, ánh nắng tươi sáng, hoan ca, nói cười v.v... dường như có đôi chút vui sướng. Trong đời người, thường có tình trạng này, thật ra là Hoại Khổ. Vì mỗi điều đều là giả tướng do nhân duyên duy trì, hễ nhân duyên qua rồi, sẽ lại rất tịch mịch, rất bất đắc dĩ, chẳng có ý nghĩa gì, lại hãm trong ưu tư, khổ sở. Hoặc là một khi thành công, hạnh phúc, tình yêu v.v... trong quá khứ tan biến, những nỗi ưu tư, khổ sở dữ dội khó thể chịu đựng sẽ không chế chính mình. Vì thế, những điều khoái lạc trong quá khứ đều là Hoại Khổ. Đây là trạng huống trong nhân gian.

Lại nói đến chuyện lên trời hưởng lạc, bất quá cũng chỉ là giảm chậm nỗi đau khổ trong một thời gian khá dài, chẳng bị bức bách, sầu não dữ dội cho lắm! Ngay trong lúc họ đắc ý vênh vang, tung bưng

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

hường lạc, bỗng dung nhân duyên thay đổi, quang cảnh [đắc ý, khoái lạc] một thời ngay lập tức chẳng còn nữa, xuất hiện nỗi khổ suy diệt to đùng. Khi ấy, hết sức sợ hãi, sắp từ thiên giới đọa xuống, tình huống ngày càng âm đạm, thê lương, toàn bộ các loại thọ dụng ngay lập tức chẳng còn nữa, hết sức khó chịu đựng, sau đấy, rơi vèo xuống hạ giới! Đáng thương nhất là trở thành củi mới trong địa ngục Vô Gian, ghê độc phát tác kịch liệt, các chủng tử địa ngục trong ấy hiện hành, không ngừng bị lửa mạnh thống khổ thiêu đốt triền miên vô số năm tháng không bờ bến, sống những ngày tháng tối tăm, thê thảm chẳng nở nhìn. Cho tới khi đỡ hơn đôi chút, sanh vào súc sanh đạo, hoặc làm người, nỗi khổ cùng cực giảm nhẹ đôi chút, nhưng rồi lại rất nhanh chóng đọa xuống. Cũng giống như vậy, do vì chẳng giải trừ Tập Đế, các chủng tử do Ngã Chấp đã huân tập thành sẽ không ngừng hiện hành; sau đấy, lại huân tập thành chủng tử khác, chúng nó lại hiện hành, một mực trôi lăn trong Hoại nghiệp khổ! Uẩn cũng là diễn biến theo từng giai đoạn, là một thứ trạng huống khổ sở to lớn dường ấy!

Sau khi đã lý giải như vậy, sẽ biết bản thân ta là một thứ ung nhọt to, một mực chẳng chữa lành! Nó không ngừng biến đổi, đổi mới đủ vẻ, xuất hiện các nỗi khổ chẳng cùng cực trong sáu đường. Đây chính là chỗ phát sanh sự chán ghét. Một khi đã hiểu rõ Hành Khổ và Ngũ Thủ Uẩn Khổ, sẽ có thể phát sanh lòng chán lìa triệt để.

10.1.1.4. Ý nghĩa bao hàm trong “căn bản vô nghĩa lợi”

Từ một niệm vô minh, sau khi đã trở thành Ngũ Thủ Uẩn, nó là tự tánh của Hành Khổ, trở thành căn bản để phát sanh vô lượng Khổ Khổ và Hoại Khổ. Nó thuần là khổ nhân (cái nhân tạo ra khổ), thuần là dụng cụ xuất sanh khổ, tạo ra khổ. Vì thế, cũng chẳng có một tí nghĩa lợi nào. Nói cách khác, nếu có thể đạt được một chút an lạc chân thật trong ấy, vậy thì có thể định nghĩa nó còn có nghĩa lợi chân thật, nhưng một tí an lạc chân thật cũng chẳng đạt được. Vì thế, nó lại giống như biển khổ thuần túy, lại giống như một nhà xí thuần túy ô ứ, hoặc vùng đất của la-sát, nên gọi là “*chốn khổ nạn vĩnh viễn*”. Từ đây, có thể thấy là căn bản chẳng có nghĩa lợi! Mong cầu thật nghĩa trong ấy thì đúng là kẻ si nói mớ, mong mọi những thứ tốt đẹp sẽ xuất hiện trong ấy thì hoàn toàn là suy tưởng điên đảo, rốt cuộc chẳng thể thực hiện được! Từ trong ấy, chúng ta phải thấy thấu suốt triệt để, phát sanh cái tâm chán lìa triệt để.

10.1.1.5. Ý nghĩa bao hàm trong câu “trên là cho đến thân chư thiên cũng đều như thế”

Nhìn theo trạng huống toàn thể của luân hồi, [sẽ thấy] Ngũ Thủ Uẩn tiếp nối chẳng ngừng. Ngay như lên đến thiên giới, trạng huống này cũng chẳng biến đổi, chỉ là trong toàn thể quá trình lưu chuyển, nó sẽ ngưng nghỉ tạm thời một khoảng thời gian đó thôi. [Khi giai đoạn ngưng nghỉ ấy] qua đi, sẽ lại phát sanh Khổ Khổ. Bởi lẽ, thăng thiên chỉ là do sức mạnh của phước nghiệp khiến cho Khổ Khổ tạm thời ngưng dứt, chẳng phát tác dữ dội trong một khoảng thời gian, nhưng về căn bản là chẳng lành bệnh! Nhìn từ phía Ngũ Thủ Uẩn đã hình thành, họ (chư thiên) một mực mang bệnh của Ngũ Thủ Uẩn, chưa hề lành bệnh. Ngã Chấp và phiền não trong ấy chẳng đoạn mảy may, luôn luôn là trạng thái chủng tử phiền não và chủng tử khổ một mực theo đuổi. Do vậy, chắc chắn là sẽ có hậu uẩn (thân Ngũ Thủ Uẩn trong đời kế tiếp). Tình trạng bệnh tật ấy chẳng tiêu trừ chút nào, chắc chắn là sẽ diễn biến thành nỗi khổ vô cùng vô tận.

Thân của chư thiên giống như tạm thời ngủ say một khoảng thời gian trước khi đọa lạc. Khi sức nhân duyên duy trì [cái thân ấy] tiêu tan, nói theo chư thiên trong Dục Giới, sẽ nhanh chóng xuất hiện “*suy tướng*”³⁰. Đó là nỗi khổ to lớn hết sức khó chịu đựng được, sau đây sẽ đọa lạc. Nhìn từ Sắc Giới Thiên trở lên, họ sẽ nhanh chóng xuất Định. Do chẳng có Định lực, sẽ đọa lạc xuống cõi dưới. Đó là trạng thái của ghê độc [âm i], chỉ là tạm thời dùng nước lạnh xoa lên chốc lát, do thực hiện sự bảo vệ rất tốt, cho nên nó tạm thời chẳng phát tác. Ngày nào đó,

³⁰ Khi chư thiên sắp chết, sẽ có năm đại suy tướng hiện ra:

- 1) Xiêm áo dơ bẩn.
- 2) Hoa trên đỉnh đầu bị héo.
- 3) Thân thể hôi hám.
- 4) Nách rịn mồ hôi.
- 5) Chẳng thích tòa ngồi của mình.

Ngoài ra còn năm tiêu suy tướng là:

- 1) Y phục và vật trang nghiêm phát ra tiếng khiến chính mình chán ghét.
- 2) Quang minh nơi thân bỗng nhiên mờ tối, yếu ớt.
- 3) Khi tắm gội, nước dính vào thân.
- 4) Chấp vào cánh giới.
- 5) Mắt nháy lia lịa.

Có năm tiêu suy tướng thì không đến nỗi chắc chắn chết, nhưng khi đại suy tướng hiện ra, vị trời ấy chắc chắn sẽ chết.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

lìa khỏi sự bảo vệ, chạm phải nước nóng, Khổ Thọ sẽ ngay lập tức bộc phát. Từ đây có thể thấy: Thân trời và thân địa ngục cũng đều ở trong tình trạng bệnh khổ như nhau; bất quá, thân trời thuộc lúc [bệnh tình] chẳng phát tác, còn thân địa ngục nhằm lúc nó phát tác kịch liệt! Nhưng khi thân trời qua đi, sẽ là thân địa ngục, vì rốt cuộc [bệnh khổ] sẽ phát tác, lại còn phát tác rất mạnh. Do đó, nhìn từ toàn thể quá trình diễn biến, có thể nói là thân trời và thân địa ngục đều đáng sợ như nhau! Giống như thấy một người mang chứng bệnh ung thư đang phát tác dữ dội, cảm thấy người ấy hết sức đáng thương, nhưng một người khác có cùng bệnh chứng giống y hệt, tuy chưa phát bệnh, nhưng quan sát từ cơ chế duyên khởi, [sẽ biết là] chẳng mấy chốc, [người đó] cũng rơi vào tình trạng đó. Hai kẻ ấy giống nhau, bất quá sớm hay trễ một bước đó thôi!

Chúng ta phải có tầm nhìn dài lâu, nhìn thấy cơ chế tạo tác Tam Khổ của Ngũ Thủ Uẩn; một khi đã thấy rõ toàn thể quá trình phát triển của nó, sẽ biết thân trời và thân địa ngục giống nhau. Vì sao nói như vậy? Thân địa ngục tạm thời đọa lạc vào chỗ khổ sở nhất, khi đã qua rồi, sẽ có thể quay lại làm người, làm trời, nhưng chỉ cần chẳng xuất hiện cách đối trị bằng Vô Ngã Không Huệ, vấn đề sẽ chẳng giải quyết. Có thể thấy thân địa ngục tạm thời phát tác dữ dội, nhưng trong nhiều kiếp sau, lại có thể trở về thành thân người, thân trời. Thăng thiên mấy vạn năm, thậm chí bao nhiêu kiếp, sau đó lại đọa lạc, rồi lại thăng lên... Nhìn vào toàn thể quá trình, [sẽ thấy] là họ tạm thời đọa xuống, [thời gian đọa lạc] qua đi, sẽ có thể thăng lên trở lại. Họ hiện thời đang ở trong tình trạng Khổ Khổ, sau đó, sẽ lại xuất hiện trạng thái Hoại Khổ và Hành Khổ. Thân trời hiện thời thuộc trạng thái Hoại Khổ hoặc Hành Khổ, nhưng chắc chắn là bao nhiêu năm hoặc bao nhiêu kiếp mai sau, sẽ rơi vào trạng thái Khổ Khổ. Nhìn vào toàn thể trạng huống, bất quá là tạm thời một đấng ở chân sóng, một đấng ở đỉnh sóng, chứ nhìn vào toàn thể trạng thái của sóng luân hồi, sẽ thấy chẳng khác biệt! Vận mạng luân hồi của chư thiên và vận mạng luân hồi của chúng sanh trong địa ngục, nhìn vào trạng thái trong tương lai, đều là như nhau!

Chúng ta đừng nên ảo tưởng trong đoàn tàu khổ sở ấy sẽ có trạng thái tốt đẹp đáng nói! Chỉ cần không vãng sanh Tịnh Độ, rơi vào trong luân hồi, bất luận tạm thời là trạng huống gì đi nữa, nhìn theo toàn thể, sẽ thấy đều là dòng luân hồi khổ sở! Xét theo từng giai đoạn nhỏ, chúng ta cảm thấy hiện thời tốt đẹp lắm, có hạnh phúc, vui sướng, nhưng bậc trí thấu triệt nỗi khổ thủ uẩn, sẽ thấy giống như Tứ Bách

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Luận đã nói, “*bậc trí quán cõi trời như địa ngục*”, cùng một kiểu, một dạng như nhau! Ví như nhìn vào người trên địa cầu, nhìn theo từng giai đoạn nhỏ, bèn có các loại trạng thái sang, hèn, cao, thấp, nghèo, giàu, khổ, vui v.v... Nhưng nhìn vào trạng huống luân hồi chung của mỗi hữu tình, sẽ phát hiện “*đều khổ như nhau!*” Bất cứ hữu tình nào cũng đã đều vô số lần làm thiên vương, Chuyển Luân Vương, cũng đã vô số lần vào địa ngục, trạng huống y hệt như nhau! Đây là trông thấy toàn thể tam hữu (tam giới) hoàn toàn thuộc vào trạng huống tam khổ (Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ) tiếp nối chẳng ngừng, toàn là trạng huống luân hồi. Từ đó, sẽ có thể phát khởi cái tâm ghét trọn khắp tam hữu, tâm ghét trọn khắp luân hồi.

10.1.2. Thật tu

Chia thành hai phần:

- 1) Khổ quán, bất tịnh quán v.v...
- 2) Phát nguyện.

10.1.2.1. Khổ Quán, Bất Tịnh Quán...

(Luận) Hành giả nhược hành, nhược tọa, nhược thù, nhược giác, thường quán thử thân, duy khổ vô lạc, thâm sanh yếm ly.

(論)行者若行若坐，若睡若覺，常觀此身唯苦無樂深生厭離。

(Luận: Hành giả đi, ngồi, ngủ, thức, thường quán thân này chỉ là khổ, chẳng lạc, sanh lòng chán lìa sâu xa).

“*Thử thân*” (Thân này) chỉ Ngũ Thủ Uẩn. Sau khi đã liễu giải lý thú “*khổ, vô lạc*”, phải thường xuyên quán hạnh, cũng tức là trong khi đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ nghe, tỉnh giấc v.v... trong hết thảy các thời điểm và vị trí, trong hết thảy oai nghi, đều phải quan sát tánh của Ngũ Thủ Uẩn thuần là khổ, là cội nguồn của đại hoạn (tai ương to lớn), là cội nguồn của vô lượng khổ. Hãy nên quan sát nó chính là pháp đáng chán ghét nhất trên cõi đời, phát khởi lòng chán ghét đối với tự tánh của Khổ Uẩn, tức là có đầy đủ lòng chán ghét. Trong kinh luận, chư Phật, Bồ Tát ở đã dạy rõ ràng: Tâm chán lìa hoặc tâm xuất ly là đối với tự tánh của Thủ Uẩn, sẽ phát sanh lòng chán, lo. Liễu tri rành rẽ, xác

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Kỳ

đáng nó chính là cội nguồn của nỗi khổ sanh tử to lớn. Chúng ta thường nói “*yếm hoạn thử thân*” (chán ngán, lo ngại cái thân này), “*yếm ly sanh tử*” (chán lìa sanh tử), “*tùng luân hồi trung giải thoát*” (giải thoát khỏi luân hồi) v.v... đều nhằm nói lên ý này.

Chúng sanh do một niệm mê mất mà nầy sanh Ngã Kiến, hình thành tự tánh của Thủ Uẩn. Từ đây, niệm nào cũng tiếp nối, từ đầu đến cuối, không có cách nào thoát khỏi trạng huống bị nghiệp lực tự do xoay chuyển, một mực đều là khổ nhân (cái nhân gây ra khổ), trạng thái khổ, không ngừng hứng chịu cuộc sống luân hồi chẳng hết, chẳng xong, phát triển thành biển khổ không ngần mé. Đã thấu triệt lý thú trên đây, sẽ biết ghê độc ở ngay nơi đây, luân hồi ở ngay nơi đây, thân chính mình vương phải căn bệnh lớn nhất tên là “*Ngũ Thủ Uẩn bệnh*”, [chính mình] cũng là tù nhân đáng thương nhất. Hề nghĩ đến thể tánh của thân thể này, bèn sanh lòng chán lìa rất lớn, mong nhanh chóng giải quyết vấn đề này. Nếu không, khổ sở, ương hoạn sẽ vô biên!

Giống như thế đó, đã hiểu đạo lý trên đây rồi, lại tác quán, có thể nghĩ tưởng: Cái thân này là căn bệnh lớn nhất, trong ấy, chứa đầy chủng tử phiền não, chủng tử khổ. Hề gặp duyên, chúng nó sẽ dậy lên hiện hành, lại có thể chiêu cảm cuộc sống luân hồi kế tiếp. Giống như một gã tù nhân, biết chính mình đang ở trong trại tập trung của tam giới, bị phán xử chịu hành hình luân hồi không kỳ hạn, vào những lúc cố định hay bất ngờ, sẽ gặp phải các nỗi khổ lớn, nhỏ, dài, ngắn v.v... đủ hình, đủ vẻ! Gã ấy nhất tâm suy tưởng: “Một mực là thuần khổ chẳng vui như thế, đến khi nào ta mới có thể vượt thoát?” Cũng giống như vậy, một lòng mong vượt thoát.

Khi ấy, đối với hết thảy, chẳng có một tí tâm ưa thích nào, chẳng ôm ấp bất cứ ảo tưởng nào, biết ngoài khổ ra thì vẫn là khổ! Tạm thời ăn một bữa ngon lành, sau đấy lại bị roi da hầu hạ. Tạm thời ngủ một giấc, sau đấy, lại bị đánh đấm. Đây là thọ báo vô cùng vô tận, vĩnh viễn chịu khổ không ngần hạn. Sự vui tạm thời chỉ bất quá cho quý vị được giảm bớt [nỗi thống khổ], đến lần sau, sẽ càng khổ hơn. Tạm thời lìa bỏ cũng chẳng phải là sự an ổn chân thật, mà là nghênh tiếp một trận khổ của lần sau. Sau khi đã liễu giải như vậy, thời thời khắc khắc đều phải quan sát “chỉ có khổ, chẳng vui”, sanh lòng chán ghét đối với toàn thể cuộc sống luân hồi, sanh lòng chán ghét đối với hết thảy các pháp trong luân hồi.

Giống như trong một câu chuyện, trong quá khứ ở phương Bắc

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

của Tây Tạng, Tán-ba (糌粑, zanba)³¹ rất hiếm quý, rất khó có để ăn, người dân nơi đó đa số ăn củ cải³² để sống sót. Trẻ nhỏ bắt luận ăn củ cải tươi hay củ cải khô, đều nói: “Lại là củ cải, lại củ cải nữa!” Giống như vậy, pháp luân hồi thuần khổ chẳng vui, phải luôn luôn nhắc nhở chính mình: “Lại là pháp sanh tử, lại là pháp sanh tử. Khi nào ta sẽ có thể từ trong lao ngục tam giới thoát ra, sanh vào chỗ an lạc thanh tịnh?” Nhất tâm mong cầu giải thoát khỏi Ngũ Thủ Uẩn như vậy, thì gọi là Xuất Ly Tâm, bắt đầu mong thoát lìa luân hồi, chẳng phải là mong cầu điều gì trong ấy. Có cái tâm ấy, lại phối hợp với giáo pháp Tịnh Độ, biết A Di Đà Phật từ vô lượng kiếp tới nay, do đại nguyện và đại hạnh, đã thành tựu cõi Tịnh Độ ở ngoài tam giới, dùng phương tiện đơn giản và dễ dàng tốt bậc để tiếp dẫn chúng sanh về đó, hòng tránh khỏi nỗi ưu hoạn sanh tử to lớn. Do vậy, nhất tâm sanh về thế giới Cực Lạc.

(Luận) Túng sử thê phòng bất năng đốn đoạn, tiệm tiệm sanh yếm, tác thất chủng Bất Tịnh Quán.

(論)縱使妻房不能頓斷，漸漸生厭作七種不淨觀。

(Luận: Dầu chẳng thể đoạn ngay chuyện ân ái, hãy dần dần sanh lòng ghét bỏ, hành bảy thứ Bất Tịnh Quán).

Ái dục giữa vợ chồng cũng là một mối hệ lụy rất lớn, trói buộc con người trong biển khổ Sa Bà. Nói theo nguyên tắc, dầu chẳng thể nhanh chóng dứt bỏ chuyện ân ái giữa vợ chồng, cũng phải dần dần

³¹ Zanba chính là thực phẩm thường ăn hằng ngày ở Tây Tạng. Đây là bột của một loại lúa đại mạch thường gọi là Thanh Khỏa Mạch (Barley) rang lên, nghiền nát. Khi ăn, họ trộn bột lúa mạch rang với nước và bơ thành một món bột sền sệt, có thể nắn thành nhiều hình dáng khác nhau cho đẹp mắt, hay chỉ đơn giản trộn bột lúa mạch rang với trà có pha bơ và một chút muối rồi bốc ăn. Trong các tự viện, họ thường làm những khối torma để dâng cúng, tức là dùng bột lúa mạch rang hòa với nước và bơ, có thể cho thêm chút mật hay đường (hoặc không có), đắp thành một khối có hình nón, sau đó dùng bơ pha màu, nặn thành những hình thù đẹp đẽ, hoa lá, chim, cá, chư Phật, Bồ Tát để gắn trên những khối bột ấy.

³² Nguyên văn là “*mạn thanh*” (蔓菁, Turnip), có tên khoa học là Brassica Rapa Var, còn gọi là Đại Đầu Thái, Kết Đầu Thái, Viên Căn, Bàn Thái, hoặc Cáp La Cổ, có nguồn gốc từ vùng Lưỡng Hà (Mesopotamia) của Trung Đông. Đây là một loại rau có củ tròn to, vỏ ngoài hồng sậm, hay xanh, có nhiều chủng loại. Tại Trung Hoa, mạn thanh thường dùng để nuôi ngựa, hoặc muối khô để ăn với cơm. Có vùng do lương thực khan hiếm, người ta thường ăn nó thay cơm khi mùa màng đói kém. Trung Y tin là nó có tác dụng bổ gan, sáng mắt, trị các loại mụn nhọt.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

sanh lòng chán nhàm, hãy hành bảy thứ Bất Tịnh Quán. Yêu hay ghét đều dựa trên cách nhìn! Nếu nghĩ thân thể của đối phương rất khả ái, rất thanh tịnh, sẽ sanh lòng yêu mến. Thấy mọi phương diện đều là bất tịnh, sẽ sanh lòng chán nhàm. Vì thế, Bất Tịnh Quán là nhân, sanh lòng chán ngán là quả. Từ các thứ quán duyên, sẽ sanh lòng chán nhàm. Tùy thuộc nhiều lần tập quen, tâm chán nhàm cũng sẽ dần dần tăng trưởng. Do vậy, có thể dần dần thoát ly dâm dục, hướng về cõi nước hoa sen tịnh khiết.

Do chẳng thấy rõ cội nguồn của thân thể đối phương, hoàn cảnh sanh nở, quá trình trước và sau của sự thành tựu thân thể, tử vong v.v... làm tưởng thân thể của đối phương rất đáng yêu, bị sức mạnh của sự tác ý (suy nghĩ, dấy lên ý niệm) phi lý che chắn, sẽ chẳng thấy đó là ô uế. Nay lại thấy các thứ bất tịnh nơi đối phương thì gọi là “*tác Bất Tịnh Quán*”. Nói chung là quán thân thể của đối phương bất tịnh.

(Luận) Nhất giả, quán thử dâm dục thân tùng tham ái phiền não sanh, tức thị chủng tử bất tịnh.

(論)一者觀此淫欲身從貪愛煩惱生，即是種子不淨。

(Luận: Một là quán cái thân dâm dục này sanh từ phiền não tham ái, tức là chủng tử bất tịnh).

Nếu chẳng liễu giải nguồn cội của thân thể đối phương, sẽ nghĩ đây là thân thể thiên nhiên thuần khiết. Hoặc là về căn bản, do bị ngăn che bởi cái tâm chẳng nghĩ ngợi, cứ nghĩ nó (thân thể của đối phương) đẹp đẽ, tốt lành mà không ngừng sanh tham. Nay hãy một lần nữa quan sát thân thể này từ đâu mà có. Ví như đối phương là nữ, sẽ thấy thân thể của cô ta do dâm dục mà sanh, do phiền não tham ái mà có. Cũng tức là trong giai đoạn Trung Âm, trông thấy cha mẹ ăn nằm, đối với cha sanh lòng tham dục, muốn giao hội với ông ta, bài xích mẹ. Do một niệm tâm ấy, bèn vào trong thai mẹ, trở thành nữ nhân. Nhìn như vậy, cô ta là do cái tâm tham ái ô uế mà có! Đây là “*chủng tử bất tịnh*” hoặc “*nhân bất tịnh*”.

(Luận) Nhị giả, phụ mẫu giao hội chi thời, xích bạch hòa hợp, tức thị thọ sanh bất tịnh.

(論)二者父母交會之時赤白和合，即是受生不淨。

(Luận: Hai là khi phụ mẫu giao hội, trắng đỏ hòa hợp, tức là thọ

sanh bất tịnh).

Thứ hai, quan sát hoàn cảnh khi đối phương nhập thai như thế nào? Trong lúc cha mẹ đang gần gũi, tinh và huyết hòa hợp, nghiệp thức nhập vào tinh huyết. Từ đây thai nghén, sanh ra thân thể. Đây là chỗ nương vào, hoặc là hoàn cảnh thọ sanh bất tịnh. Ví như giò bọ thọ sanh trong phân nhơ, [chúng nó] thai nghén sanh nở trong ấy. Nghĩ đến những thứ thọ sanh trong tinh huyết ô uế đường ấy, sẽ biết chỗ để nương vào hòng thọ sanh rất bất tịnh!

(Luận) Tam giả, mẫu thai trung tại sanh tạng hạ, cư thực tạng thượng, tức thị trụ xứ bất tịnh.

(論)三者母胎中在生藏下居熟藏上，即是住處不淨。

(Luận: Ba là ở trong thai mẹ, ở dưới sanh tạng, ở trên thực tạng, tức là trụ xứ bất tịnh).

Thứ ba, quan sát hoàn cảnh trụ thai của đối phương sau khi đã thọ sanh, nghĩ [đối phương] được sanh nở từ hoàn cảnh ô uế. Cũng tức là ở trong thai mẹ thì ở dưới “sanh tạng” tức là phía dưới bao tử, ở trên “thực tạng”, tức là phía trên ruột. Trụ xứ hết sức ô uế, tối tăm, chật hẹp, chẳng thấy một chút ánh sáng nào. Hơn nữa, thường xuyên bị chèn ép. Mẹ hoạt động đôi chút, ví như đi lại, xoay eo, nằm ngủ, lật người v.v... sẽ đều khiến cho thai nhi chịu khổ dữ dội. Hơn nữa, bên trong thân mẹ hết sức hôi thối, bần thỉu. Dùng thân lợn để thí dụ, khi giết heo, mổ phanh bụng nó ra, ngay lập tức phát ra mùi hôi thối khó ngửi, khiến cho người ta nghe mùi phát ói. Trụ xứ bất tịnh như thế đó!

(Luận) Tứ giả, tại mẫu thai thời, duy thực mẫu huyết, tức thị thực đạm bất tịnh.

(論)四者在母胎時唯食母血，即是食啖不淨。

(Luận: Bốn là khi ở trong thai mẹ, chỉ ăn máu mẹ, tức là ăn uống bất tịnh).

Thứ tư, quan sát những thức ăn mà đối phương thọ dụng khi ở trong thai. Khi đó, do cuống rốn [của thai nhi] nối liền với thân mẹ, nó ăn kinh huyết của mẹ, rất chẳng thanh tịnh.

(Luận) Ngũ giả, nhật nguyệt mãn túc, đầu hướng sản môn, nùng huyết câu xuất, xú uế lang tạ, tức thị sơ sanh bất tịnh.

(論)五者日月滿足頭向產門，膿血俱出臭穢狼藉，即是初生不淨。

(Luận: Năm là ngày tháng trọn đủ, đầu hướng đến sản môn, máu mủ cùng tủa ra, hôi thối, ô uế hỗn độn, tức là sơ sanh bất tịnh).

Thứ năm, ở trong thai đã đủ ngày đủ tháng, do gió nghiệp thổi vào, đầu [thai nhi] tự nhiên quay ngược xuống, hướng đến cửa mình [cửa mẹ]. Từ xương chậu [cửa mẹ, đứa trẻ] thoát ra, bị sức ép mạnh mẽ, giống như nổi khô trong địa ngục Chúng Hợp. Thân thể mang theo máu, nhót v.v... ô uế hỗn độn. Khi đối phương ra khỏi thai là tình hình bất tịnh như thế đó!

(Luận) Lục giả, bạc bì phủ thượng, kỳ nội nùng huyết biến nhất thiết xú, tức thị cử thể bất tịnh.

(論)六者薄皮覆上，其內膿血遍一切處，即是舉體不淨。

(Luận: Sáu là da mỏng che lên trên, trong đó máu mủ trọn khắp hết thấy các chỗ, tức là khắp thân bất tịnh).

Thứ sáu, bắt đầu từ lúc sanh ra làm một đứa trẻ; sau đó, dần dần trưởng thành, thiếu niên, thanh niên, trung niên, lão niên... Trong toàn thể quá trình từng trải ấy, có một cái thân thể, thể tánh của nó như thế nào? Chỉ là một tấm da mỏng phủ trùm lên trên; hễ xé ra, trong ấy sẽ là máu mủ trọn khắp hết thấy các chỗ, hoặc là có thể trông thấy trạng huống của Tứ Đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Chẳng hạn, xương xâu, bắp thịt, tim, gan, tỳ, phổi v.v... các nội tạng thuộc về Địa Đại. Mồ hôi, nước tiểu, các chất lỏng trong cơ thể v.v... thuộc về Thủy Đại. Các thứ co bóp, chuyển động v.v... thuộc về Phong Đại. Lại có nhiệt độ thân thể, nhiệt lực v.v... những món ấy thuộc về Hỏa Đại. Nói chung, phải thấy [cái thân của ta] chỉ là Tứ Đại hòa hợp, chẳng có vật gì thanh tịnh. Hoặc là quan sát trạng huống của ba mươi sáu loại vật bất tịnh, hoàn toàn là tình hình bất tịnh. Nếu lột lớp da ấy ra, đặt lên trên thớt, mỗi thứ đều bày ra, có ai cảm thấy nó là thanh tịnh, sanh lòng luyến ái chẳng bỏ nổi ư? Hiện thời, không thứ gì chẳng phải là bọc trong một lớp da mà thôi! Người hiện thời khéo hóa trang, càng làm cho người khác chẳng

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

thấy rõ chân tướng, nhưng thực tế vẫn là bất tịnh y hết!

Từ đây sẽ thấy, trong khoảng từ lúc mới đến nhân gian cho tới khi tử vong, thân thể đối phương mà chính mình yêu mến đó thuộc về trạng huống “toàn thể bất tịnh”. Từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, chẳng có được một tí vật thanh tịnh nào! Cái thân thể vốn trước đó được coi là thuần khiết nhất, xinh đẹp nhất trong cõi đời chỉ là [cách nhìn] điên đảo đến cực điểm, chỉ là sự suy nghĩ phi lý, do tập khí dâm dục huyền tưởng mà ra. Hiện thời, phải nên thấy đối phương chỉ là vật huyền hóa khắp thân bất tịnh.

(Luận) Thất giả, nãi chí tử hậu bành trương, lạn hoại, cốt nhục tung hoành, hồ lang thực đạm, tức thị cứu cánh bất tịnh.

(論)七者乃至死後膨脹爛壞，骨肉縱橫狐狼食啖，即是究竟不淨。

(Luận: Bảy là cho đến sau khi chết, trương phình, nứt nẻ, hư hoại, xương thịt vung vãi, cáo, sói ăn nuốt, tức là rốt ráo bất tịnh).

Thứ bảy là quan sát kết cục cuối cùng. Sau khi đã chết, thân thể biến thành sắc đỏ bầm, trương phình, hư nát, hư hoại, hư nát từng tầng một như vậy. Cuối cùng, xương xẩu chia lìa, từng miếng thịt vung vãi ngoài đồng, bị cáo, sói ăn nuốt. Trông thấy rốt cuộc bất tịnh như vậy, cuối cùng triệt để bộc lộ bản tướng bất tịnh.

(Luận) Tự thân ký nhĩ, tha thân diệc nhiên. Sở ái cảnh giới nam nữ thân đẳng, thâm sanh yếm ly, thường quán bất tịnh. Nhược năng như thử quán thân bất tịnh chi giả, dâm dục phiền não, tiêm tiêm diệt thiểu.

(論)自身既爾他身亦然，所愛境界男女身等，深生厭離常觀不淨。若能如此觀身不淨之者，淫欲煩惱漸漸減少。

(Luận: Thân của chính mình là như thế, thân người khác cũng thế. Đối với cảnh giới yêu mến như thân nam nữ v.v... sanh tâm chán lìa sâu xa, thường quán bất tịnh. Nếu có thể quán thân bất tịnh như thế, phiền não dâm dục sẽ dần dần diệt trừ hoặc giảm bớt).

Thân thể của chính mình là như thế, thân thể của đối phương

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

cũng giống như vậy. Đối với cảnh giới yêu mến, tức thân thể nam nữ v.v... thường quán trạng huống bất tịnh, sẽ sanh khởi lòng chán lìa rất sâu! Nếu có thể quán thân bất tịnh như vậy, phiền não dâm dục sẽ dần dần giảm bớt, có thể thoát khỏi đó, nhất tâm sẽ tương ứng với nhân duyên hóa sanh trong hoa sen thanh tịnh, dùng cái tâm vô nhiễm thanh tịnh để cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Luận) Hựu tác thập tướng đẳng quán, quảng như kinh thuyết.

(論)又作十想等觀，廣如經說。

(Luận: Lại quán mười thứ tướng v.v... như kinh đã nói chi tiết).

Thêm nữa là quán mười thứ tướng, cách quán chi tiết thì như trong kinh đã dạy.

Thập tướng: Một là vô thường tướng, hai là khổ tướng, ba là vô ngã tướng, bốn là thực bất tịnh tướng (tướng ăn những thứ bất tịnh), năm là thế gian bất khả lạc tướng (tướng thế gian chẳng đáng vui), sáu là tử tướng (suy tướng cái chết, hoặc tướng như chính mình đã chết), bảy là bất tịnh tướng, tám là đoạn tướng, chín là ly tướng, mười là tận tướng. Chữ Đẳng là nói đến [những phép tướng khác] như cửu tướng v.v... Cửu tướng thì một là tướng [xác chết] trương phình, hai là tướng hư hoại, ba là tướng máu vậy tràn lan, bốn là tướng nung mủ, nát rữa, năm là tướng xanh bầm, sáu là tướng [xác chết bị chim thú] ăn nuốt, bảy là tướng [thịt, xương], da tan tác, tám là tướng [da thịt rữa nát hết, chỉ còn lại] xương, chín là tướng bị đốt trụi. Những phép quán tướng này đều khiến cho người ta thoát lìa dâm dục, trong tâm dần dần thanh tịnh. Nguyên lý của chúng là do quán bất tịnh bèn sanh chán ghét. Do vậy, sẽ thoát khỏi đó.

10.1.2.2. Phát nguyện

(Luận) Hựu phát nguyện, nguyện ngã vĩnh ly tam giới tạp thực, xú uế nùng huyết bất tịnh, đàm hoang ngũ dục nam nữ đẳng thân, nguyện đắc Tịnh Độ pháp tánh sanh thân. Thủ vị yếm ly hạnh.

(論)又發願，願我永離三界雜食，臭穢膿血不淨，耽荒五欲男女等身，願得淨土法性生身。此謂厭離行。

(Luận: Lại phát nguyện, nguyện ta sẽ vĩnh viễn lìa khỏi những

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

thứ thức ăn tạp loạn trong tam giới, hôi thối, máu mủ bất tịnh, tham đắm ngũ dục bừa bãi với thân nam nữ v.v..., nguyện đạt được tám thân sanh bởi Pháp Tánh trong Tịnh Độ. Đây gọi là hạnh chán lìa).

Trong phần trên, đã quán cái thân Ngũ Thủ Uẩn chỉ có khổ, không có lạc. Nó là nguồn gốc của hết thảy các nỗi khổ sở, ương hoạn, là cội gốc của hết thảy nỗi khổ sanh tử, đối với nó mười phần chán ghét. Tiếp đó, nếu chẳng vãng sanh Tịnh Độ, chỉ là bi quan uổng công, vẫn chẳng có ý nghĩa chi hết. Biết vãng sanh Di Đà Tịnh Độ liền có thể vượt thoát Khổ Uẩn ngay trong một đời, bèn nhất tâm mong cầu được tám thân sanh bởi Pháp Tánh trong Tịnh Độ. Đây là hạnh chán lìa.

Điều then chốt ở đây chính là tu nguyện. Trong phần trước là đã đạt được thắng giải (kiến giải thù thắng), lại còn thường xuyên quan sát, đương nhiên là cái tâm chán lìa sẽ mạnh mẽ, sắc bén, thường hằng. Sau đây, phải phát nguyện, dùng sự ham muốn mạnh mẽ, nguyện xả uẩn thân (cái thân do Ngũ Thủ kết thành) sanh tử để đạt lấy tám thân sanh bởi Pháp Tánh của Tịnh Độ. Phải đạt tới mức [dùng mãnh phát nguyện đầu] một vạn con trâu cũng chẳng lôi lại được. Loại duyên khởi này tương ứng khít khao với bi nguyện nhiếp thủ chúng sanh thoát khỏi nỗi khổ thủ uẩn của đức Di Đà. Do vậy, có thể cảm thông với tâm Phật mà được vãng sanh.

Nói “vĩnh ly” (vĩnh viễn lìa khỏi) tức là nghĩ đây là kiếp sống cuối cùng, từ nay về sau, vĩnh viễn thoát ly Ngũ Thủ Uẩn. Từ chữ “tam giới” trở đi là giải thích trạng huống của thân thể này. Do quan sát như trong phần trên đã nói, bèn liễu giải: Phạm vi là tam giới, do thủ uẩn liên tục bèn trải qua khắp các chỗ sanh trong Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Từ những nơi đó, xuất hiện thân địa ngục, thân ngạ quỷ, thân bàng sanh, thân Tu La, thân người, thân trời. Các thứ trạng huống nơi các thân trong lục đạo đều là các mắt xích trong thủ uẩn, là một thứ biến hóa trong căn bệnh sanh tử không ngơi, không dứt. Hết thảy các thân ấy đều là Khổ Uẩn, chẳng cần những thứ ấy nữa, triệt để chán lìa! “Tạp thực” bao gồm đoạn thực, xúc thực, tư thực, và thức thực³³ v.v... những thứ thọ dụng ấy nuôi sống cái thân này.

³³ Đoạn thực là ăn bằng cách cắn nhỏ, nhai, nuốt, tức là cách ăn thông thường của các động vật trên thế gian này.

Xúc thực là do ăn bằng cách dùng sáu căn để tiếp xúc, sanh cảm thọ vui sướng, chẳng hạn như quý thần ngửi mùi của thức ăn; hoặc như khi xem diễn tuồng, xem các chương trình biểu diễn sẽ hào hứng quên cả đói khát.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

“*Xú uế nùng huyết bất tịnh*” (Máu mủ hôi thối, dơ bẩn, bất tịnh): Ví như thân thể con người là do ba mươi sáu món vật bất tịnh hợp thành, chẳng phải là pháp thanh tịnh. “*Đam hoang ngũ dục*” là nói thân này đặc biệt ích kỷ. Vì để thỏa mãn dục vọng của nó mà thọ dụng Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, quá mức, tham lam chẳng chán! Nói “*nam nữ*” nhằm biểu thị giới tính khác biệt. Những điều này nhằm miêu tả, trần thuật phạm vi, thể tánh, dục vọng và giới tính sai biệt v.v... nơi cái thân Ngũ Thủ Uẩn.

Nói chung, xét theo nỗi khổ chung hoặc hình thái khổ sở chung của Ngũ Thủ Uẩn thì tất cả hình thái và tất cả trạng thái ăn uống, trạng thái thể tánh, trạng thái tham dục, trạng thái giới tính sai khác v.v... trong lục đạo, đối với hết thảy những thứ ấy, nhất loạt chán lìa, cũng chẳng cần đến chúng nữa. Trong phần trước đã nói, từ một niệm Ngã Kiến khởi Hoặc, bèn trở thành tự tánh Hành Khổ, đều là cái thân do sức Hoặc nghiệp xuất hiện. Do vậy gọi là Thủ Uẩn. “*Thu*” (Năm giữ) có nghĩa là phiền não. [Thân Ngũ Thủ Uẩn] là cái thân do phiền não dẫn khởi, chẳng có bất cứ lạc tánh nào, còn cái thân Tịnh Độ được gọi là “*Pháp Tánh sanh thân*” (thân sanh bởi Pháp Tánh), thoát ly ba khổ. Sức oai thần to lớn chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật hợp với sức thiện căn và sức tín nguyện của hành giả, sẽ hiện thành Pháp Tánh sanh thân. Nó là cái thân thanh tịnh xuất hiện bởi sức Pháp Tánh, chẳng còn xoay chuyển trong vòng khổ sở, chỉ lạc, không khổ, quá thù thắng!

Chúng ta chỉ cậy vào tự lực mà muốn đoạn Hoặc chứng Chân sẽ hết sức khó khăn, nhưng cậy thêm Phật lực, bèn có thể vãng sanh Tịnh Độ ngay trong đời này. Hễ vãng sanh, sẽ triệt để cắt đứt sự liên tục của Thủ Uẩn. Do đạo lý này, nên gọi là “*vĩnh ly chư khổ*” (vĩnh viễn lìa các nỗi khổ). Từ trạng huống “chỉ khổ, không vui” liên tục, biến thành trạng huống “chỉ vui, không khổ” liên tục. Đã có thể nhận biết chắc chắn rất cận kề, vậy thì tất nhiên là [ý nguyện dũng mãnh] cầu sanh Tịnh Độ sẽ tất nhiên là “*một vạn con trâu không kéo lại nổi*”, nhất tâm mong đạt được thân Tịnh Độ. Do điều này, có thể đạt đến địa vị Bất Thoái Chuyển, rốt ráo thành Phật trong một đời, chẳng trải qua đời thứ hai, nhanh chóng thành tựu Vô Sanh Pháp Nhẫn, niệm nào cũng tăng

Tư thực là ăn bằng cách suy tưởng, hoặc bằng tưởng tượng, chẳng hạn nghĩ đến trái mơ chua bèn chảy nước miếng, hoặc thấy người cắn trái chua bèn cảm thấy ê răng. Thức thực chỉ lực thức, tức là do thể lực của đoạn thực, xúc thực, và tư thực tạo thành cái quả, chấp trì sanh mạng bất hoại, vì thế gọi là Thực. Chúng sanh trong địa ngục và Vô Sắc Giới duy trì sanh mạng bằng Thức Thực.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

tân trên Bồ Đề đạo, nhanh chóng thành tựu viên mãn phước trí tư lương, hoàn thành Bồ Đề đại đạo, quá thù thắng! Có loại tâm này, nhất định mong thoát lìa trạng huống Thủ Uẩn, giữ lấy thân Tịnh Độ; đây gọi là Yêm Ly Hạnh.

10.2. Hân Nguyên hạnh

(Luận) Nhị minh Hân Nguyên hạnh giả, phục hữu nhị chủng: Nhất giả, tiên minh cầu vãng sanh chi ý; nhị giả, quán bỉ Tịnh Độ trang nghiêm đẳng sự, hân tâm nguyện cầu.

(論) 二明欣願行者，復有二種，一者先明求往生之意，二者觀彼淨土莊嚴等事欣心願求。

(Luận: Hai là nói về hạnh Hân Nguyên, lại có hai loại: Một là trước hết nói rõ ý vãng sanh, hai là quán các sự trang nghiêm trong Tịnh Độ, tâm vui thích nguyện cầu).

Thứ hai, nêu rõ cách thực hiện hạnh Hân Nguyên. Ở đây, lại còn phải hiểu rõ thứ tự khai thông duyên khởi trong tâm, biết phải tiến hành từng cấp, từng bậc như thế nào. Trước hết, hiểu đích xác, rành rẽ dụng ý của việc cầu vãng sanh, cũng tức là vì để nhanh chóng hoàn thành Bồ Đề đạo, thực hiện nguyện vọng phổ độ chúng sanh, mà cần phải dùng cầu sanh về thế giới Cực Lạc làm môn “đường tắt”. Trong ấy, có sự suy xét, dụng tâm, hoặc ý đồ hết sức sâu xa. Nói cách khác, vì sao phải ưa thích mong cầu thế giới Cực Lạc? Nhất định phải thấy lộ trình nơi nghĩa lý to lớn. Chẳng hiểu rõ đạo lý, lòng tin sẽ không sâu đậm, nguyện sẽ chẳng thiết tha, hạnh sẽ chẳng chuyên ròng. Một khi đã hiểu rõ để chọn lựa đạo lý, biết nó là tuyến đường thành Phật nhanh chóng tốt bậc thù thắng, hiểu lý hết sức rõ ràng, xác đáng như vậy, tín tâm sẽ sâu đậm. Tín tâm đã sâu đậm thì nguyện sẽ hết sức thiết tha, sẽ có căn bản ưa thích, mong cầu. Sau đó, do cái tâm ưa thích mong cầu thúc giục, sẽ bắt đầu tiến nhập Tịnh Độ quán hạnh, hạnh sẽ hết sức chuyên, nhất tâm tương ứng với Cực Lạc Tịnh Độ và A Di Đà Phật. Như thế thì sẽ xuất hiện điều thứ hai, “quán bỉ Tịnh Độ trang nghiêm đẳng sự, hân tâm nguyện cầu” (quán những sự trang nghiêm trong Tịnh Độ, tâm ưa thích nguyện cầu).

Thông qua hạng mục thứ nhất để xác lập lộ trình, kiến lập chí nguyện; sau đây sẽ bất biến, hoàn toàn gieo mình vào Tịnh Độ quán

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

hạnh. Do vậy, một mực duyên theo các sự trang nghiêm trong Tịnh Độ để quán tưởng, tư duy, ức niệm. Do sự duyên khởi của tâm lại dẫn về Tịnh Độ, lại khiến cho nó (tín tâm) đã sâu lại càng sâu hơn, đã thuần lại càng thuần hơn, đã kiên cố lại kiên cố hơn, tiếp thông và tương ứng với biển nguyện của A Di Đà Phật. [Đã hiểu lý rồi thì] nguyện sẽ hoàn toàn chẳng giống với [nguyện của] kẻ chẳng hiểu lý trước đó, [nguyện của kẻ chẳng hiểu lý sẽ] hời hợt, qua loa, người khác nói sao thì ta cũng ừ hử làm vậy, làm theo hình thức bề ngoài v.v... có sự khác biệt cả một ngàn lần, một vạn lần v.v... Vì đã hiểu rõ lý, có lòng tin sâu sắc và nguyện thiết tha, sức tín nguyện sẽ nhiếp trì cái tâm toàn diện dững mãnh gieo trồn vào [pháp môn Tịnh Độ], tâm chuyên ròng quán hạnh, đương nhiên là quyết định vãng sanh.

Do đây bèn biết: Sự tu hành được kiên lập sau khi đã đạt được kiến giải thù thắng, sẽ khác biệt một trời một vực với sự tu hành mang tánh cách hình tướng khi chưa đạt được kiến giải thù thắng. Có duyên khởi thiết thực, thâm nhập phát triển, thì mới quyết định được vãng sanh. Nếu không, tuy chẳng dám nói “tuyệt đối không thể vãng sanh”, nhưng do nhân duyên dày hay mỏng, cạn hay sâu, mạnh hay yếu v.v... mà sẽ có sự khác biệt cực đại.

Dưới đây, chia làm hai khoa mục để giải thích:

- 1) Nói rõ ý nghĩa to lớn của việc cầu vãng sanh.
- 2) Quán những sự trang nghiêm của Tịnh Độ, tâm ưa thích nguyện cầu.

10.2.1. Nói rõ ý nghĩa to lớn của việc cầu vãng sanh

Chia thành hai phần: Nói đại lược và nói chi tiết. Nói đại lược và nói chi tiết đều là cùng một ý nghĩa, đều nhằm nói “*cầu sanh Tịnh Độ hòng thành Bồ Đề để độ chúng sanh*”. Nói chi tiết là dựa theo chuyện lìa khỏi ba môn chương ngại Bồ Đề để đạt được ba môn thuận Bồ Đề trong Vãng Sanh Luận, hòng thấy được đường nẻo tiến nhập Đại Thừa đạo. Trước hết là tu Bồ Đề tâm, sau đó bèn thấy rằng: Chỉ có vãng sanh Tịnh Độ thì mới có thể nhanh chóng đạt thành đại dụng của sức bi trí, tự tại vô ngại nhiếp thủ trồn khắp chúng sanh trở về pháp giới thanh tịnh. Do nguyên nhân ấy, nhất tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc.

10.2.1.1. Nói đại lược

(Luận) Minh vãng sanh ý giả, sở dĩ cầu sanh Tịnh Độ, vị dục cứu bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố. Tức tự tư thân, ngã kim vô lực, nhược tại ác thế, phiền não cảnh cường, tự vị nghiệp phược luân nịch tam đồ, động kinh kiếp số. Như thử luân chuyển, vô thử dĩ lai, vị tăng hưu tức, hà thời năng đắc cứu khổ chúng sanh? Vị thử cầu sanh Tịnh Độ, thân cận chư Phật. Nhược chúng Vô Sanh Nhân, phương năng ư ác thế trung cứu khổ chúng sanh.

(論)明往生意者，所以求生淨土，為欲救拔一切眾生苦故。即自思忖，我今無力，若在惡世煩惱境強，自為業縛淪溺三塗動經劫數，如此輪轉無始已來未曾休息，何時能得救苦眾生？為此求生淨土親近諸佛，若證無生忍，方能於惡世中救苦眾生。

(Luận: Hiểu rõ ý nghĩa vãng sanh: Sở dĩ cầu sanh Tịnh Độ là vì muốn cứu vớt, dẹp trừ nỗi khổ của hết thảy chúng sanh, bèn tự suy nghĩ, nay ta không có sức. Nếu ở trong đời ác, cảnh phiền não mạnh mẽ, chính mình bị nghiệp trôi buộc, chìm đắm luân lạc trong tam đồ trải bao kiếp số. Trôi lặn như thế từ vô thủy đến nay chưa từng ngưng dứt, bao giờ mới có thể cứu khổ chúng sanh? Vì lẽ này bèn cầu sanh Tịnh Độ, thân cận chư Phật. Nếu chúng Vô Sanh Nhân thì mới có thể ở trong đời ác cứu khổ chúng sanh).

Trước hết, xác định rõ ràng ý nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc của chính mình. Sở dĩ cầu sanh Cực Lạc Tịnh Độ là vì muốn cứu giúp, dẹp trừ nỗi khổ nạn của hết thảy chúng sanh. Trước đó đã tư duy nỗi khổ Ngũ Thủ Uẩn của chính mình, nhưng hết thảy chúng sanh đều có nỗi khổ ấy, [hành nhân Tịnh Độ bèn] có tâm tưởng suy từ mình mà nghĩ đến người khác. Chính mình đã mong thoát khỏi đại khổ hải, vậy thì hết thảy cha mẹ, chúng sanh cũng đều nên thoát khỏi đại khổ hải. Vì lẽ này, chính mình nguyện gánh vác trọng trách đối với sự nghiệp to tát này. Từ sự suy nghĩ sâu xa ấy, lại trông thấy sự thù thắng của thế giới Cực Lạc, cho nên nhất tâm vui thích, mong cầu vãng sanh.

Nói cụ thể, chính mình hãy cân nhắc kỹ lưỡng hai con đường:

- Một đường là thọ sanh trong uế độ nhằm thời ô trược để thành tựu viên mãn đại nguyện này.

- Một đường khác là cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ để thành tựu viên mãn đại nguyện này.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Phải xem xác suất thành công của hai con đường ấy như thế nào. Đương nhiên là phải chọn con đường nào có xác suất thành công cao, thành tựu nhanh chóng, ngõ hầu nhanh chóng thực hiện nguyện vọng. Cân nhắc khách quan: Hiện thời, chúng ta chẳng có năng lực; giả sử sanh trong thế giới ác, các cảnh duyên dẫn khởi các phiền não tham, sân, si, mạn v.v... càng ngày càng mạnh, nhưng chính mình chẳng có Vô Sanh Nhân Lực, ở trong cảnh giới như vậy, sẽ không có cách nào chống chọi, sẽ rất nhanh chóng khởi Hoặc tạo nghiệp. Tới lúc lâm chung, bị nghiệp buộc ràng, quá nửa sẽ luân lạc trong tam đồ. Hễ đọa lạc, sẽ là nhiều kiếp khó thể vượt thoát. Luân chuyển như thế từ vô thi cho đến ngày nay, từ đầu đến cuối chẳng hề ngưng ngớt. Do đó, cậy vào tự lực, sẽ rất khó vượt thoát dòng khổ! Chính mình còn chẳng thể vượt qua, làm sao có thể cứu độ chúng sanh đau khổ cho nổi? Có thể thấy là đi theo con đường này, cơ bản là chẳng có cách nào thực hiện đại nguyện độ sanh. Xét theo tình hình thông thường, vô số kiếp sau mới có thể thực hiện được.

Một con đường khác là nếu cầu sanh Tây Phương, trọn đủ tín nguyện để niệm Phật, ngay trong đời này sẽ có thể sanh về Tịnh Độ thù thắng nhiệm mầu, đạt được Pháp Tánh sanh thân, sẽ ngay lập tức cắt đứt dòng khổ, đạt lên địa vị Bất Thoái Chuyển, nhanh chóng đạt được Vô Sanh Nhân Lực, có thể rất nhanh chóng quay về thế giới Sa Bà độ chúng sanh. Đây là con đường có thể viên thành trong hai đời. Đời này chẳng đầy mấy chục năm sẽ được vãng sanh, đời thứ hai bèn ở trong Tịnh Độ thành Phật ngay trong một đời, xác suất thành công là một trăm phần trăm, tốc độ là hai đời bèn thành Phật. Do vậy, con đường này hết sức thù thắng, vì cậy vào sức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Sau khi đã cân nhắc như vậy, vì thực hiện đại nguyện cứu độ hết thảy chúng sanh, chúng ta phải chọn lựa con đường tắt để nhanh chóng thành tựu Vô Sanh Nhân Lực, tức là pháp môn Tịnh Độ tự tha nhị lực hợp tu. Do vậy, nhất tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Thông qua việc cân nhắc hai con đường ấy, xác nhận vì hoàn thành bi nguyện phổ độ chúng sanh, bèn mong muốn đến Tây Phương Tịnh Độ hết sức mau chóng, đích thân thấy A Di Đà Phật, đạt được Vô Sanh Nhân Lực. Đây là đường lối kết hợp với Tịnh Độ nơi cái tâm hồng dẫn phát Bồ Đề tâm.

(Luận) Cổ Vãng Sanh Luận vân: “Ngôn phát Bồ Đề tâm giả, chánh thị nguyện tác Phật tâm. Nguyện tác Phật tâm giả, tắc thị độ

chúng sanh tâm. Độ chúng sanh tâm giả, tắc thị nhiếp chúng sanh sanh Phật quốc tâm”.

(論)故往生論云：「言發菩提心者，正是願作佛心。願作佛心者，則是度眾生心。度眾生心者，則是攝眾生佛國心。」

(Luận: Do đó, Vãng Sanh Luận viết: “Nói phát Bồ Đề tâm chính là cái tâm nguyện làm Phật. Cái tâm nguyện làm Phật chính là cái tâm độ chúng sanh. Cái tâm độ chúng sanh chính là cái tâm thu nhiếp chúng sanh về cõi Phật”).

Do duyên cơ ấy, trong Vãng Sanh Luận có nói: “Phát Bồ Đề tâm” được nói trong Tịnh Độ chính là cái tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật chính là cái tâm mong thực hiện “độ hết thấy chúng sanh”. Cái tâm muốn thực hiện “độ hết thấy chúng sanh” chính là nguyện nhiếp hết thấy chúng sanh về cõi Phật.

Phải thấy chính mình cũng là một chúng sanh, độ chúng sanh cũng là phải nhiếp cái tâm của chính mình sanh về Phật quốc. Nói cách khác, chúng ta mong cầu Bồ Đề là nguyện làm Phật. Nguyện làm Phật thì trước hết phải độ chúng sanh nơi chính mình, triệt để trừ hết thấy những tướng rối loạn xuất hiện bởi sức vô minh, như thế chính là độ chúng sanh nơi chính mình. Vậy thì độ như thế nào? Phải là sanh về cõi Phật, được Phật lực gia bị khai phát bản tánh; từ đây trở đi, chẳng còn bị sức Hoặc nghiệp xoay chuyển. Đó gọi là Bất Thoái. Sau đây, có thể dần dần khai phát tâm tánh, hiển hiện vị Phật vốn sẵn có nơi tự tánh. Để thực hiện điều này, chúng ta phải sanh về cõi Phật, dùng sức đại giác của Phật khiến cho tâm tánh của ta mở mang thông sáng, trụ nơi sự sáng suốt vốn có trong tự tánh, chẳng bị mê mất.

Sau đây bèn từ mình mà nghĩ đến người khác: Ta đã sanh về cõi Phật, nhưng hết thấy chúng sanh cũng đều ở trong tình cảnh giống hệt. Do vậy, phải nhiếp thọ hết thấy chúng sanh cùng sanh về cõi Phật. Đây chính là ý nghĩa được bao hàm trong Bồ Đề tâm của Tịnh Độ. Điều này chẳng có gì khác hơn là kết hợp Bồ Đề tâm với chuyện vãng sanh Tịnh Độ, khiến cho ta và người khác nhanh chóng thành tựu viên mãn hai thứ lợi (tự lợi và lợi tha), thành tựu Phật quả. Bởi lẽ, Bồ Đề tâm chung khắp [cho mọi pháp môn] và cầu sanh Tịnh Độ chẳng phải là hai chuyện! Cầu sanh Tịnh Độ hòng làm Phật để độ chúng sanh; vì để làm Phật độ chúng sanh mà dùng Tịnh Độ làm con đường tắt. Đây chính là

liều giải ý nghĩa được bao hàm trong Bồ Đề tâm của Tịnh Độ.

10.2.1.2. Nói chi tiết

(Luận) Hựu nguyện sanh Tịnh Độ, tu cụ nhị hạnh. Nhất giả, tất tu viễn ly tam chủng chương Bồ Đề môn pháp. Nhị giả, tu đắc tam chủng thuận Bồ Đề môn pháp.

(論)又願生淨土須具二行，一者必須遠離三種障菩提門法。二者須得三種順菩提門法。

(Luận: Lại nữa, nguyện sanh về Tịnh Độ, cần phải có đủ hai hạnh: Một là ắt cần phải viễn ly ba loại pháp chương ngại Bồ Đề môn; hai là ắt phải đạt được ba loại pháp thuận Bồ Đề môn).

Tiếp đó, phải hiểu rõ nguyện sanh về Tây Phương Tịnh Độ thì phải tu hành nơi hai phương diện Đại Thừa: Một là ắt phải xa lìa ba loại pháp chương ngại Bồ Đề môn, hai là ắt phải đạt được ba loại pháp thuận Bồ Đề môn. Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ là pháp môn dễ nhanh chóng thành tựu Phật đạo. Trước hết, phải bài trừ ba loại pháp chương ngại Bồ Đề môn; sau đó, sẽ có thể đạt được ba loại pháp thuận Bồ Đề môn. Cái nhân đã trọn đủ viên mãn thì sẽ có thể vãng sanh. Sau đó, nhanh chóng thành tựu Phật đạo. Do vậy, phải đặc biệt chú ý kiến lập nhân địa.

[Để giảng rõ ý này], chia thành hai phần:

1) Chỉ rõ cái nhân của Bồ Đề cần phải từ nơi ba phần “bi, trí, lực” mà phát tâm thanh tịnh.

2) Chỉ rõ vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ thì sẽ có thể nhanh chóng viên mãn đại dụng của “bi, trí, lực”.

“Bi, trí, lực” tương ứng với trí huệ môn, từ bi môn, và phương tiện môn được nói trong luận (Vãng Sanh Luận).

10.2.1.2.1. Chỉ rõ cái nhân của Bồ Đề cần phải từ nơi ba phần “bi, trí, lực” mà phát tâm thanh tịnh

(Luận) Hà giả vi (viễn ly) tam chủng chương Bồ Đề pháp? Nhất giả, y trí huệ môn, bất cầu tự lực, viễn ly ngã tâm tham trước tự thân cố. Nhị giả, y từ bi môn, bạt nhất thiết chúng sanh khổ, viễn ly vô an chúng sanh tâm cố. Tam giả, y phương tiện môn, đương lân

mãn nhất thiết chúng sanh, dục dữ kỳ lạc, viễn ly cung kính cúng dường tự thân tâm cô.

(論)何者為(遠離)三種障菩提法？一者依智慧門，不求自樂，遠離我心貪著自身故。二者依慈悲門，拔一切眾生苦，遠離無安眾生心故。三者依方便門，當憐愍一切眾生欲與其樂，遠離恭敬供養自身心故。

(Luận: Những gì là (xa lìa) ba loại pháp chướng ngại Bồ Đề? Một là nương vào trí huệ môn, vì chẳng cầu tự vui sướng, xa lìa cái tâm tham đắm tự thân của ta. Hai là nương vào từ bi môn, dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, xa lìa cái tâm chẳng làm cho chúng sanh an ổn. Ba là nương theo phương tiện môn, hãy nên thương xót hết thấy chúng sanh, vì muốn ban vui cho họ, xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường thân tâm của chính mình).

Chia thành ba điểm để nói rõ: Một là phải xa lìa ba loại pháp chướng ngại Bồ Đề nào? Hai, vì sao phải xa lìa ba loại pháp ấy? Ba là nương theo đường nẻo nào để xa lìa?

Phải xa lìa ba pháp:

1) Tâm ta tham đắm thân thể của chính mình, tức là vì cái tâm chấp Ngã mà tham đắm tự thân, vì chính mình mà tìm cầu sự yên vui.

2) Cái tâm chẳng an ổn chúng sanh, tức là chẳng có tâm kéo chúng sanh ra khỏi biển khổ, an lập họ nơi Vô Thượng Bồ Đề tâm.

3) Cái tâm cung kính, cúng dường tự thân, tức coi mình là chánh yếu, hết thấy các phương tiện đều nhằm phục vụ, cung kính, cúng dường lớn nhất cho chính mình!

Vì sao phải xa lìa các pháp chướng ngại Bồ Đề môn ấy? Bản tánh và lực dụng của chúng trái nghịch Bồ Đề. Do vậy, ắt cần phải xa lìa. Chúng ta mong cầu sanh về Tịnh Độ hồng thành tựu Bồ Đề, [như vậy thì] nơi cái nhân, phải xa lìa những duyên khởi trái nghịch. Nếu không, sẽ xa rời Tịnh Độ càng ngày càng xa, sẽ lìa khỏi chuyện “*phản bốn quy nguyên*” (trở lại nguồn cội) càng ngày càng xa. Hết thấy sự tu hành đều phải thuận theo tánh mà tu, Tịnh Độ do tự tâm thanh tịnh hiển hiện, cuối cùng sẽ chứng nhập Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Vì vậy, trong hiện thời, ắt cần phải xa lìa các pháp gây chướng ngại Bồ Đề môn.

Nói cụ thể, nếu do cái tâm ta tham đắm tự thân, sẽ một mực vì tư dục (ham muốn riêng tư) mà tìm cầu khoái lạc cho chính mình. Điều đó

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

hoàn toàn tương phản với bản tánh Vô Ngã, chỉ trở thành càng đi càng xa, phát triển thành dòng khổ sanh tử càng ngày càng thô. Vì thế, ắt phải xa lìa nó thì mới có thể tương ứng với Tịnh Độ. Nói theo thể tánh, liễu tri Vô Ngã tức là phù hợp Thật Tướng, là trở về. Chẳng biết Vô Ngã, cứ tham chấp Ngã, thì chính là xa lìa Bồ Đề. Nhìn theo lực dụng, do tư dụng mà thấy chính mình đáng trọng, coi thường chẳng đoái hoài hết thấy chúng sanh, cũng chẳng thấy nỗi khổ của chúng sanh, chẳng có cái tâm an lập chúng sanh. Như thế thì sẽ chướng ngại sự hiển phát của tâm từ bi. Hơn nữa, do lấy cái Ngã riêng tư làm trung tâm, chỉ mưu cầu lợi lạc cho chính mình, chẳng thể thương xót hết thấy chúng sanh, sẽ chướng ngại sự khai phát lực dụng của Bồ Đề, sẽ chẳng thể dùng trí và bi để phát khởi vô lượng sự nghiệp lợi ích chúng sanh. Nói chung, ba loại pháp chướng ngại Bồ Đề môn đã ngăn chướng thể tánh, từ bi, và lực dụng của Bồ Đề. Vì vậy, phải xa lìa chúng.

Do đó bèn hiểu rõ, tu Đại Thừa Tịnh Độ, chỗ then chốt gồm có ba điều: Thứ nhất là xa lìa cái tâm tham trước tự thân của ta, thứ hai là xa lìa cái tâm chẳng an ổn chúng sanh, thứ ba là xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường tự thân. Đây là chỗ cần phải nỗ lực. Phải như thế nào để đạt thành hiệu quả thật sự? Ất cần dùng đường lối hữu hiệu để tiến nhập.

Nói phân biệt thì:

1) Thứ nhất là nương vào sự tu tập đường lối Vô Ngã Không Huệ để thấy chẳng có Ngã, quán sát nơi Uẩn chẳng có tư ngã (cái tôi riêng tư) hòng có thể đạt được. Cầu sự vui cho chính mình hoàn toàn là hành động ngu xuẩn, chỉ là do bị sự ngu mê đối với chân thật nghĩa sai khiến bèn khởi Hoặc tạo nghiệp đó thôi. Phải nhìn từ duyên khởi để thấy đây chính là thứ gây suy tôn, là cội nguồn của khổ não. Nếu vẫn tham đắm, vì chính mình mà cầu vui sướng, chắc chắn nó sẽ phát triển thành nỗi khổ luân hồi to lớn. Chỉ cần dấy lên một niệm tâm riêng tư chẳng hợp thiên lý, sẽ bị trừng phạt, chẳng có cách nào trở lại. Thấy được chỗ này càng sâu xa, càng thấu triệt càng hay! Chẳng hạn như do sự tham danh, từ đó bèn có cái tâm riêng tư chẳng hợp thiên lý. Sau đây, sẽ tranh giành, so đo, ganh ghét, kiêu mạn v.v... cả một đồng vọng đồng đều xuất hiện. Càng tu tập càng sâu như thế, chắc chắn sẽ đọa lạc. Hoặc là do tham mỗi lợi riêng tư, thâm dần chất độc từng chút một, chắc chắn sẽ thọ khổ báo. Do vậy bèn phát hiện: Cầu sự vui sướng cho chính mình là hại chính mình, ngã ái chấp chính là cội nguồn suy tôn. Thông qua điều này, sẽ tự nhiên xa lìa cái tâm tham đắm tự thân của ta.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Nói chung, để thực hiện điều thứ nhất thì dùng trí huệ làm đường neo. Trước tiên là quán chiếu Vô Ngã; kế đó, phát hiện Ngã Chấp là nguồn cội của vạn nỗi khổ. Hết thấy các hành vi như vì ta mà cầu lạc, cầu danh, cầu công lao v.v... toàn bộ rốt cuộc đều thuộc vào suy tôn. Nếu nhận định hết sức quyết đoán ở chỗ này, phương hướng trong tâm sẽ ngay lập tức xoay chuyển: Hễ thấy cái tâm lại tham đắm tự thân thì sẽ thấy sự tham đắm ấy là chất độc, biết nó hết sức nguy hiểm, ngay lập tức xa lìa. Như thế thì sau khi đã phát sanh chánh kiến, đối với dục sẽ khác hẳn, chẳng còn vì tự thân cầu điều gì, lúc nào cũng gạt bỏ cái Ngã, giải trừ tập khí chấp ngã, tham ngã, sẽ bắt đầu làm ngược lại.

2) Thứ hai, phải dứt sức xa lìa cái tâm chẳng an ổn chúng sanh. Vì thế, phải nương theo đường lối từ bi, cứu vớt, dẹp trừ sự khổ của hết thấy chúng sanh. Phương hướng nỗ lực là thông qua pháp tu nhằm hiển lộ lòng từ bi trong tự tâm. Chẳng hạn như tư duy hết thấy hữu tình đều là mẹ, có ân đức to tát đối với ta; vì thế, phải báo ân. Kế đó, do nghĩ đến nỗi khổ mà phát sanh bi tâm, cũng chính là noi theo đường lối trong cái tâm yếm ly ở phần trên, toàn bộ đều suy nghĩ vì hữu tình. Thấy các hữu tình đều giống hệt như chính mình, gặp phải nỗi khổ sanh tử to lớn vô biên. Lại nghĩ họ đều là mẹ, chẳng thể ngồi xem, chẳng đoái hoài. Nếu không, sẽ mang gánh nặng phụ ân bội nghĩa quá to. Sau khi dấy lòng bất nhẫn như vậy, sẽ vì các hữu tình “mẹ” mà dứt sức suy xét. Giả sử chỉ đặt họ trong quả vị thuộc đường lành, tức là chẳng an bài tốt đẹp. Bởi lẽ, dầu hưởng đại phú quý trong tam hữu (tam giới), tự tánh [của sự hưởng thụ ấy] vẫn là khổ, cuối cùng sẽ đều đọa lạc. Nếu an bài họ nơi quả vị tịch diệt thuộc Tiểu Thừa, vẫn là chẳng an bài tốt đẹp, vì chẳng hiển phát vô lượng công đức của tự tánh, trọn chẳng phải là rốt ráo. Chỉ có dẹp trừ, cứu vớt nỗi khổ sanh tử thô tháp cùng với nỗi khổ đời đời, biến hóa vi tế của hết thấy hữu tình thì mới có thể làm cho họ đạt đến nơi an ổn nhất. Cũng giống như vậy, thông qua tu tâm để phát triển lòng từ bi. Tâm từ bi tăng mạnh, sẽ xa lìa phẩm chất trái nghịch, tức là cái tâm chẳng tạo an ổn cho chúng sanh.

3) Thứ ba, dứt sức xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường tự thân. Điều này lại phải dựa theo đường lối “*hành phương tiện*”. Do thương xót hữu tình thiếu khuyết an lạc mà bình đẳng dấy khởi, tâm tư lẫn trí xảo đều vận dụng để mưu cầu an vui cho chúng sanh. Thông qua chuyện một dạ lập bày phương cách ban cho chúng sanh an vui trong hiện tiền và an lạc rốt ráo mà xa lìa thói quen mang cái tâm “cung kính, cúng dường tự thân”, thoát lìa những phẩm tánh trái nghịch Bồ Đề.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Nói trắng ra là làm ngược lại. Ai nấy đều có trí lực thiện xảo, sẽ hành phương tiện. Trong quá khứ, đã từng ngộ tự thân chính là một thứ cần được yêu mến, bảo vệ nhất. Vì thế, tất cả tài trí, tâm tư, kỹ xảo v.v... đều vận dụng để cung kính, cúng dường tự thân. Hiện thời, trước hết phải thấy [cách nghĩ ấy] là sai, các Uẩn chỉ là hiện tượng làm loạn, trong ấy chẳng có Ngã, thế mà yêu mến, bảo vệ tự thân, cung kính cúng dường tự thân như thế đó. Thật ra là tổn hại chính mình, tăng cường pháp khổ. Hãy nên thấy Ngã Ái Chấp là cội rễ của hết thảy suy tổn, Tha Ái Chấp là cội nguồn của hết thảy lợi lạc, hành vi sẽ đảo ngược lại!

Kế đó, trước hết phải xác định rõ ràng trong quá khứ chính mình đã cung kính, cúng dường tự thân như thế nào, sử dụng phương tiện môn sai lầm như thế nào. Sau đấy, suy xét đề chuyển biên từ chỗ nào, đem hết thảy lực dụng mưu cầu an lạc cho hết thảy chúng sanh. Như vậy thì sẽ chuyển đổi thành công, xa lìa những thứ trái nghịch Bồ Đề, có thể thuận lợi khai phát Bồ Đề. Do vậy, [điều này] hết sức then chốt.

Trong quá khứ, đã coi thân tâm hoặc Ngũ Uẩn của chính mình là đối tượng yêu mến nhất, dùng hết thảy các phương tiện để cung kính, cúng dường, tô điểm, hết sức yêu quý nó, thậm chí đối với một tấm áo, một miếng ăn, đều hết sức dụng tâm, chú trọng tinh tế. Lại còn ban cho cái thân Ngũ Uẩn của chính mình các thứ địa vị, danh dự khiến cho nó chói rạng lóa mắt, để cho nó được an nhàn hưởng lạc, chẳng để cho nó phải chịu khổ chút nào! Do vọng tâm ái chấp tự ngã thôi thúc, dùng các loại phương pháp hòng thỏa mãn dục cầu riêng tư của ta. Chẳng hạn như yêu thích vẻ đẹp, liền tìm đủ mọi cách hòng thông thạo kỹ xảo trang điểm, mua sắm các thứ mỹ phẩm, tô vẽ đủ mọi kiểu, hòng khiến cho mọi người phải dồn mắt vào mình. Vì cơm áo, sinh hoạt thoải mái mà cũng thâm gom tin tức, trừ tính, mưu toan, so sánh, nghĩ bày phương cách để chính mình được no đủ. Vì để chính mình được hiển hách, tôn quý, vinh hiển, được kẻ khác hâm mộ sự thành tựu và phú quý của chính mình, bèn cũng sử dụng trọn hết các loại phương pháp. Giống như vậy, vì thỏa mãn chính mình mà vận dụng tâm tư thủ đoạn, tức là đã vận dụng phương tiện môn sai lầm, vận dụng tài trí sai chỗ mất rồi!

Hiện thời, phải thấy điều đó hoàn toàn tương phản với phương hướng hiện chứng Bồ Đề. Làm như vậy, sẽ khiến cho tình kết nơi cái Ngã riêng tư càng ngày càng nặng, tăng sâu hơn cảm nhận sai lầm đối với tự ngã, cho là thật sự có một cái Ngã, càng ngày càng chẳng buông xuống được! Ví như một người nữ, hằng ngày đều trang điểm rất tỉ mỉ, muốn cho hình tượng của cô ta đặc biệt to lớn, điều ấy sẽ khiến cho

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

cảm nhận sai lầm về cái Ngã riêng tư càng ngày càng to, hết sức khó buông xuống. Nếu cứ một mực như thế, sẽ được gọi là “*thị dục thâm giả, thiên cơ thiên*” (tư dục ham muốn càng sâu thì cơ hội trở về bản tánh chân thật càng cạn). “*Thị dục*” (嗜欲) chính là tư dục đắm chấp tự ngã, nó ngày càng sâu đậm, “*thiên cơ*” sẽ ngày càng nông cạn, tức là càng ngày càng khó trở về bản tánh và khó ngộ được tự tánh! Vì thế, đây là một đường neo mê mờ hết sức đáng sợ, chớ nên tăng cường nó. Hết càng tăng cường, sẽ càng bị hãm sâu hơn, càng chẳng hiểu rõ, đến nỗi đã bị hãm lại càng lún sâu hơn, vô số kiếp đều chẳng thể xoay chuyển được. Giống như vậy đó, vì cái Ngã riêng tư mà mưu lợi chẳng tiếc trả giá hết thầy, vận dụng các thứ xảo tâm, xảo trí, suy tính phương pháp để duy trì thể diện, danh dự cho nó, ban cho nó địa vị, dùng các phương pháp để nuông chiều, bảo vệ nó, tức là đã có cái nhân đọa lạc. Sức tập khí kiên cố ấy sẽ khiến cho chính mình trong bao kiếp lâu xa khó thể chuyển mình. Nay phải thấy đó chính là một phương hướng cực kỳ điên đảo, chân và giả chẳng thể cùng tồn tại. Chấp giả thì sẽ chôn vùi chân. Ngã và vô ngã chẳng thể cùng tồn tại, hết có chấp cái Ngã riêng tư thì sẽ chẳng thể hành trì vô ngã, chẳng thấy trọn khắp bản tánh. Vì thế, hết thầy đều phải làm ngược lại!

Làm thế nào để đẩy lùi cái tâm điên đảo ấy? Phải đổi lòng ích kỷ thành thương xót, suy từ ta mà nghĩ đến kẻ khác: Chúng sanh và chính mình thiếu khuyết an lạc hết như nhau, sau khi niệm tâm thương xót đã đầy, tâm lượng bắt đầu lớn hơn, bèn có thể hành Đại Thừa. Tâm lượng biến thành lớn, đối với duyên khởi, sẽ dễ dàng quay trở lại. Nếu một mực lẫn lộn nơi cái Ngã riêng tư, chẳng thoát ra được, sẽ rất khó khai phát thiện tâm, chẳng cần nói đến chuyện “*hiện chứng Bồ Đề*”, ngay cả Đại Thừa môn cũng chẳng tiến nhập được!

Hiện thời, chuyện phải dốc sức làm là phải thay đổi toàn bộ tâm thái và hành vi của cái tâm “mưu cầu lợi ích cho chính mình”, thay đổi phương hướng, thay đổi đối tượng, tận lực vận dụng [tâm trí và thể lực] vào việc lợi ích hết thầy chúng sanh. Nguyên tắc là phát xuất từ Tha Ái Chấp (chấp trước yêu thương người khác), làm nhiều chuyện lợi tha, hành nhiều phương tiện; đây chính là vận dụng hết sức xảo diệu để xoay chuyển phương hướng của cái tâm. Trong quá khứ, một mực nghĩ tới chính mình, nay bèn nghĩ tới người khác. Trong quá khứ, cứ một mực nấu cho mình một bữa ăn ngon, tự mình trang điểm, nay đem toàn bộ tâm tư xảo kế đổi thành lợi ích chúng sanh. Nghĩ đến những nghĩa lợi mà chúng sanh đang khuyết thiếu tạm thời cũng như rót ráo, ta sẽ vì

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

họ mà mưu cầu như thế nào? Thậm chí một tấm áo, một bữa cơm, đều nghĩ lợi ích chúng sanh, hồi thí cho chúng sanh, cho đến nhất cử nhất động đều phải toan tính làm như thế nào để lợi ích chúng sanh. Như vậy thì sẽ dựa vào đường nẻo hành phương tiện mà dần dần có thể xa lìa cái tâm cung kính cúng dường tự thân. Chuyển biến từng bước như thế đó, chuyển tập tánh [ích kỷ] thành lợi tha, sẽ dần dần xa lìa chướng ngại “lúc nào cũng nghĩ cho chính mình”.

(Luận) Nhược năng viễn tam chủng Bồ Đề chướng, tắc đắc tam chủng thuận Bồ Đề pháp.

(論)若能遠三種菩提障，則得三種順菩提法。

(Luận: Nếu có thể xa lìa ba thứ chướng Bồ Đề, sẽ đạt được ba loại pháp thuận Bồ Đề).

Nếu có thể xa lìa ba loại chướng ngại thành tựu Bồ Đề đạo quả [như vừa nói] trong phần trên, sẽ đạt được ba loại diệu pháp tùy thuận Bồ Đề đạo quả; tức là xa lìa tâm tham đắm tự thân của ta, sẽ đạt được cái tâm thanh tịnh vô nhiễm, xa lìa cái tâm chằng an ổn chúng sanh, sẽ đạt tới cái tâm an ổn thanh tịnh, xa lìa cái tâm cung kính cúng dường tự thân, sẽ đạt tới tâm lạc thanh tịnh.

Ba loại chướng ngại đều là từ Ngã Chấp và ích kỷ mà xuất hiện cái tâm tạp nhiễm, từ chấp trước điên đảo mà phát triển thành tâm thái lầm loạn. Vì thế, sẽ chướng ngại Bồ Đề. Xa lìa chúng nó thì sẽ có thể khôi phục cái vốn sẵn có, xuất hiện tâm thanh tịnh. Đây là tùy thuận Bồ Đề, gọi là “*thuận Bồ Đề pháp*”. Nói chung, “*ly Bồ Đề chướng*” là xa lìa cái tâm tạp nhiễm có nguồn cội là Ngã Chấp để thành tựu cái tâm thanh tịnh. Xa lìa ba thứ chướng ngại Bồ Đề là xa lìa ba thứ tâm tạp nhiễm, đắc ba loại pháp thuận Bồ Đề là đắc ba loại tâm thanh tịnh.

Tiếp đó, [Trí Giả đại sư] giải thích danh xưng của diệu pháp “ba loại thanh tịnh tâm”, nguyên nhân để thành tựu pháp ấy, và vì sao các pháp này là thuận Bồ Đề môn.

(Luận) Nhất giả, vô nhiễm thanh tịnh tâm, bất vị tự thân cầu chư lạc cố. Bồ Đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ, nhược vị tự thân cầu lạc, tức nhiễm thân tâm chướng Bồ Đề môn. Thị cố, vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ Đề môn.

(論)一者無染清淨心，不為自身求諸樂故。菩提是無

染清淨處，若為自身求樂，即染身心障菩提門，是故無染清淨心，是順菩提門。

(Luận: Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh, do chẳng vì tự thân mà cầu các điều lạc. Bồ Đề là chỗ vô nhiễm thanh tịnh, nếu vì tự thân mà cầu lạc, tức là nhuốm nhơ thân tâm, chướng ngại Bồ Đề môn. Vì thế, tâm thanh tịnh vô nhiễm tức là thuận Bồ Đề môn).

Thứ nhất, sau khi xa lìa cái tâm tham đắm tự thân của chính mình, sẽ đạt được cái tâm thanh tịnh vô nhiễm, lìa phiền não. Vì sao có thể đạt được cái tâm thanh tịnh vô nhiễm? Do sức mạnh trí huệ quyết đoán thấy vốn là Vô Ngã, do duyên theo cái Ngã riêng tư mà dấy khởi tư dục cầu vui sướng, sẽ chỉ chuốc vơi nỗi khổ luân hồi to lớn. Do vậy, chẳng còn cầu yên vui cho riêng bản thân, mà cũng sẽ thoát khỏi trạng huống “chuyện gì cũng đều vì Ngã ái chấp, bị tư dục sai khiến bèn khởi Hoặc tạo nghiệp”, đạt được tâm cảnh thanh tịnh vô nhiễm. Đây là diệu pháp bậc nhất hòng đạt được cái tâm.

Vì sao nó là thuận Bồ Đề môn? Điều này lại phải quan sát theo chiều thuận và nghịch từ phương diện nhân quả có phù hợp hay không, cũng tức là quan sát Bồ Đề nơi cái quả của những gì đã làm có trạng huống như thế nào, nhưng xét theo cái nhân và tâm thái trước khi thực hiện, chỉ có hai loại là thuận tùng và trái nghịch. Nhìn theo phía trái nghịch, [hãy quan sát những gì đã làm đã] trái nghịch Bồ Đề, ngăn che Bồ Đề như thế nào. Nhìn theo phía thuận thì [những hành vi đã làm] tùy thuận Bồ Đề, khai phát Bồ Đề như thế nào. Sau khi đã nhận thức chắc chắn, sẽ biết: Tâm vô nhiễm thanh tịnh là thuận Bồ Đề môn, mong thành tựu cái quả đại Bồ Đề thì phải trụ trong loại tâm thái này. Nếu không, sẽ xa lìa Bồ Đề, chướng ngại, ngăn che Bồ Đề. Bậc trí sẽ thấu đạt sâu xa lý duyên khởi, nắm vững nguyên tắc bất biến, sẽ có sự quyết đoán trong hành trì, sẽ lại nhiều lượt huân tu, tùy thuận từ nơi ấy, cho đến hoàn toàn đi theo phương hướng thuận tánh, khai phát Bồ Đề. Cuối cùng, chắc chắn sẽ hiển lộ triệt để Bồ Đề, do khế hợp duyên khởi của chánh đạo.

Trong Bồ Đề chẳng có cái Ngã riêng tư, cũng chẳng có cái Tha (người khác) đối đãi với Ngã. Do vậy, chẳng thể vì cái Ngã riêng tư mà làm gì, cầu gì! Điều này được gọi là “vô nhiễm thanh tịnh xứ”, trạng huống có may mắn Ngã Chấp, phiền não, vì cái Ngã riêng tư mà tạo tác đều chẳng có. Kế đó, nhìn từ địa vị tu nhân, nếu cho là có cái Ngã riêng

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

tư, có cái Ngã đáng yêu mến, bảo vệ nhất, vì Ngã mà cầu lạc, chẳng hạn như cầu dục vọng giữa nam và nữ v.v... sẽ phát hiện: Ngay lập tức, thân tâm thuộc vào trạng thái nhuốm bẩn. Hoặc là vì cái Ngã riêng tư mà cầu danh vị, tôn vinh, quyền lực v.v... cũng có thể thấy ngay lập tức là cái tâm chẳng thanh tịnh. Suy ra tương tự, hễ vì cái Ngã riêng tư mà cầu lạc, cái đặng khởi³⁴ trước hết chính là chẳng thanh tịnh, dần dần phát triển thành càng ngày càng chẳng thanh tịnh. Giống như Hoàng Hà khởi đầu bằng một dòng nước đục nhỏ nhoi, dần dần phát triển thành sóng bủa tận trời, sẽ xuất hiện các phiền não như tham, sân, si, mạn, ghen ghét v.v... ngày càng mạnh mẽ, cùng với các nghiệp giết, trộm, dâm, dối v.v... thân tâm hoàn toàn thuộc trong trạng thái ô nhiễm. Giả sử trạng thái ô nhiễm ấy tùy thuận Bồ Đề, nói theo lẽ tương đồng, cái tâm ô nhiễm dấy lên càng nhiều, tạo tác ô nhiễm phát triển ngày càng mạnh mẽ, sẽ càng gắn với Bồ Đề. Hiển nhiên là [giả thiết ấy] chẳng thể thành lập, [bởi lẽ], trạng huống ô nhiễm càng nặng, càng thô, sẽ lìa Bồ Đề càng xa, càng khó quay trở lại. Do vậy, có thể đoán định, nó là trái nghịch Bồ Đề môn, hay chướng ngại Bồ Đề môn.

Trái lại, giả sử dùng vô ngã chánh kiến để nhiếp trì, thấy chẳng có cái Ngã riêng tư để có thể đạt được. Dùng duyên khởi chánh kiến để nhiếp trì, sẽ thấy tư ngã và tư dục là cội nguồn của hết thảy các nỗi khổ. Do vậy, buông Ngã xuống, chẳng còn vì Ngã mà lại tính toán, cầu lấy điều gì! Khi ấy, thân tâm sẽ chẳng bị nhuốm bẩn. Cũng có nghĩa là: Chẳng thấy có tư ngã, sẽ chẳng còn vì tư ngã mà suy tính, đối với những lúc bị quả trách, tán thưởng, hay danh lợi ngay trước mặt v.v... đều chẳng bị ảnh hưởng! Tình huống kiểu này là tùy thuận Bồ Đề, có thể trở về Chân Như. Có thể thấy rằng: Chấp trước đối với tư ngã càng nhỏ, sẽ càng dễ quay về, càng tùy thuận Bồ Đề. Khi ngay cả may mắn chấp trước tư ngã còn chẳng có, sẽ có thể tiến nhập tâm thái đạm bạc như tịch, bình đẳng, dần dần chứng đắc pháp giới bình đẳng tánh, trở về Chân Như. Nhận biết chắc chắn cả hai mặt thuận và nghịch như vậy, bèn biết: Nơi duyên khởi, cái tâm vô nhiễm thanh tịnh chắc chắn là thuận Bồ Đề môn. Tu hành như thế, chắc chắn sẽ đạt đến Bồ Đề quả địa.

³⁴ “Đặng khởi” là một thuật ngữ chuyên biệt, có nghĩa là cùng lúc phát khởi. Chẳng hạn do một thiện pháp, tự tánh thiện trong tâm vương, tâm sở và các điều thiện tương ứng sẽ phát khởi trong cùng một lúc.

(Luận) Nhị giả, an thanh tịnh tâm, vị bạt chúng sanh khổ cố. Bồ Đề tâm thị an ổn nhất thiết chúng sanh thanh tịnh xứ. Nhược bất tác tâm bạt nhất thiết chúng sanh, linh ly sanh tử khổ, tức vi Bồ Đề môn. Thị cố an thanh tịnh tâm thị thuận Bồ Đề môn.

(論)二者安清淨心，為拔眾生苦故。菩提心是安隱一切眾生清淨處，若不作心拔一切眾生，令離生死苦，即違菩提門。是故安清淨心，是順菩提門。

(Luận: Hai là an thanh tịnh tâm vì dẹp khổ cho chúng sanh. Bồ Đề tâm là chỗ thanh tịnh an ổn hết thảy chúng sanh. Nếu chẳng khởi tâm dẹp trừ cho hết thảy chúng sanh, khiến cho họ lìa nỗi khổ sanh tử, thì sẽ trái nghịch Bồ Đề môn. Vì thế, an thanh tịnh tâm là thuận theo Bồ Đề môn).

Thứ hai là xa lìa trạng thái tạp nhiễm “không có cái tâm khiến cho chúng sanh an ổn”, hòng đạt tới cái tâm thanh tịnh an ổn chúng sanh. Vì sao sẽ đạt được cái tâm an ổn thanh tịnh? Vì tâm thái đã chuyển, vì lập nguyện dẹp trừ, cứu giúp nỗi khổ của chúng sanh. Trong quá khứ đã bị trần cấu ích kỷ che chắn, chướng ngại nghiêm trọng, hoàn toàn là cái tâm tạp nhiễm ích kỷ, trơ lì, chẳng lập nguyện mong an lập chúng sanh. Nay xa lìa điều đó, sẽ hiện ra cái tâm an ổn thanh tịnh.

Vì sao nó là thuận Bồ Đề môn? Điều này lại phải từ nhân quả mà quan sát chúng có thuận với nhau hay không. Bồ Đề tâm nơi cái quả là chỗ thanh tịnh để an ổn hết thảy chúng sanh. Bồ Đề tâm ở đây là nói đến cái tâm giác ngộ sau khi bỏ tánh hiển lộ thấu triệt, hoàn toàn giác ngộ, nó trở thành chỗ thanh tịnh để hết thảy chúng sanh đạt được an ổn. Bồ Đề của Phật giống như một cái cây to cành lá xum xuê, nó tỏa bóng mát rất lớn, chúng sanh đều có thể hóng mát, được an vui dưới gốc cây to. Nay hãy xét xem trạng thái nơi cái nhân có tương ứng với trạng thái nơi cái quả hay không? Nếu chẳng phát tâm cứu vớt hết thảy chúng sanh, khiến cho họ đều thoát ly nỗi khổ sanh tử, chỉ lo toan cho lợi ích của riêng mình, chẳng che chở, rợp bóng toàn thể chúng sanh giới, do trạng thái ấy, rốt cuộc sẽ làm sao mà trở thành cội đại thụ trong pháp giới phủ rợp, che chở hết thảy chúng sanh cho được? Chẳng thể nào! Chỉ có trong lúc tu nhân đã xuất hiện cái tâm an ổn thanh tịnh, thí xả toàn bộ công đức và phước đức của chính mình cho chúng sanh, ngõ hầu chúng sanh sẽ được thanh lương vì khổ đã dẹp trừ. Cứ như vậy mà không ngừng khai phát, tăng trưởng tâm đại bi; rốt cuộc, tâm đại bi mới

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

có thể che phủ trọn khắp toàn thể pháp giới, khiến cho hết thảy chúng sanh đều được thanh lương. Nếu chỉ vì riêng một mình cá nhân ta, chẳng phát tâm cứu vớt, dẹp trừ nỗi khổ cho chúng sanh, mà nếu do trạng thái ấy vẫn có thể thành tựu Bồ Đề, vậy thì lẽ ra kẻ càng ô mòng ích kỷ, sẽ thành Phật càng nhanh chóng hơn; còn cái tâm ích kỷ càng nhỏ, sẽ càng chẳng thể hiển phát đức hạnh của tâm đại bi, rời lìa đại Bồ Đề càng xa!

Ngược lại, nếu xuất hiện cái tâm an ổn thanh tịnh, xa lìa tâm thái nhỏ bé ích kỷ, làm điều gì cũng lấy pháp giới chúng sanh làm chánh yếu, muốn cứu vớt, dẹp trừ nỗi khổ cho chúng sanh, lập nguyện và hồi hướng như vậy, hiện tiền đang ở trong trạng thái thanh tịnh, tương ứng với tâm đại bi được hiển lộ, phát khởi trọn khắp. Tu như vậy, cái tâm chẳng an ổn chúng sanh, hoặc tâm thái ích kỷ tạp nhiễm nhỏ hẹp sẽ dần dần chẳng còn. Tập tánh hễ chuyển biến, sẽ biến thành trạng hướng khai phát đại bi. Do nó tương ứng với tâm đại bi trọn khắp nơi quả vị, sẽ tùy thuận đường nẻo khai phát Bồ Đề đại bi. Vì thế gọi là “*thuận Bồ Đề môn*”. Do xa lìa chướng ngại từ cái tâm chẳng an ổn chúng sanh, sẽ đạt được cái tâm thanh tịnh an ổn. Đây là cảnh giới “*tiên đên, hướng theo quả vị Bồ Đề, đại bi trọn khắp, có thể an ổn hết thảy chúng sanh*”. Có thể thấy là phương hướng này hoàn toàn đúng.

(Luận) Tam giả, lạc thanh tịnh tâm, dục linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề Niết Bàn cố. Bồ Đề Niết Bàn thị tất cánh thường lạc xứ. Nhược bất tác tâm linh nhất thiết chúng sanh đắc tất cánh thường lạc, tức giá Bồ Đề môn.

(論)三者樂清淨心，欲令一切眾生得大菩提涅槃故。菩提涅槃是畢竟常樂處，若不作心令一切眾生得畢竟常樂，即遮菩提門。

(Luận: Ba là lạc thanh tịnh tâm, vì muốn cho hết thảy chúng sanh đạt được đại Bồ Đề Niết Bàn. Bồ Đề Niết Bàn là chỗ thường lạc rốt ráo. Nếu chẳng khởi tâm làm cho hết thảy chúng sanh đạt được thường lạc rốt ráo, tức là ngăn che Bồ Đề môn).

Thứ ba là xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường chính mình, sẽ đạt được lạc thanh tịnh tâm. Vì sao sẽ đạt được lạc thanh tịnh tâm? Vì muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều đắc đại Bồ Đề Niết Bàn, đây mới là sự an lạc rốt ráo nhất. Cái tâm khi ấy sẽ phát triển lớn nhất. Lúc

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

mang giữ cái tâm cung kính, cúng dường chính mình thì chính là lúc ở trong tạp nhiễm, đặc biệt nhỏ nhen ích kỷ, có thể thấy rõ rệt là trạng thái trong lúc đó đã che lấp tâm lượng thanh tịnh. Ngược lại, phát tâm khiến cho hết thảy chúng sanh đều đắc đại Bồ Đề Niết Bàn, tâm lượng ấy đã phát ra to lớn nhất, ứng hợp bản tánh. Chuyện gì cũng đều chẳng vì chính mình, mà vì hết thảy chúng sanh. Không chỉ là làm cho họ đạt được niềm vui tạm thời trong cõi trời người, hoặc niềm vui chẳng rốt ráo của Tiểu Thừa, mà là khiến cho họ đạt được niềm vui Vô Thượng Đại Bồ Đề Niết Bàn, chẳng có cái tâm nào to lớn hơn cái tâm ấy! Khi đó, các trạng thái hữu hạn, ích kỷ, hẹp hòi đều bị tiêu trừ. Do vậy, gọi nó là *“lạc thanh tịnh tâm”*. Niềm vui ấy lấy chuyện chúng sanh đạt được niềm vui rốt ráo làm chủ, chỉ cần coi trọng điều này, cái tâm sẽ thoát lìa [sự chấp trước] riêng tư cho chính mình, tức là trạng thái “cung kính, cúng dường tự thân”, ngay lập tức thuộc trong tâm lượng vô tư, xứng hợp tâm lượng pháp giới, ngay khi ấy sẽ là trạng thái thanh tịnh, cho nên gọi là *“lạc thanh tịnh tâm”*.

Vì sao nó là thuận Bồ Đề môn? Vẫn phải quan sát từ phương diện duyên khởi thuận và nghịch. Trạng huống của cái quả Vô Thượng Bồ Đề là như thế nào? Chẳng có làm lỗi, ương họa thô thiển nơi Khô và Tập, cũng như lỗi lầm, ương họa chuyển dời, biến đổi vi tế, ngay cả chuyển dời, ngay cả biến đổi trong một sát-na cũng đều chẳng có. Vì thế là chỗ rốt ráo thường lạc. Trong khi chúng đắc quả đại Bồ Đề, tự nhiên sẽ trở thành chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh được thọ dụng sự an lạc. Lực dụng Bồ Đề đại bi bèn dẫn khởi hạnh lợi tha, chắc chắn sẽ khiến cho chúng sanh đạt được thường lạc rốt ráo, vì chúng sanh và chính mình có cùng một Thể, chẳng thể có một tí tư tâm nào, một tí hạn cuộc nào! Do đó, bất cứ ai thành tựu vô thượng giác đạo sẽ đều nhất định an trí hết thảy chúng sanh hữu duyên nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như lúc chính mình đã giải thoát khỏi nỗi lo âu sanh tử to lớn của Ngũ Thủ Uẩn, chúng nhập pháp giới, chẳng có phân biệt chấp trước ta hay người. Do vậy, đối đãi người khác như chính mình, đối với bất cứ một chúng sanh nào cũng đều có thể dùng phương tiện lực dụng để cứu vớt họa hoạn Ngũ Thủ Uẩn của người ấy, dứt diệt rốt ráo nỗi khổ sanh tử của họ. Nói cao hơn một bước nữa, chính mình xa lìa nỗi khổ chuyển dời, biến đổi vi tế, chẳng có Biến Dịch sanh tử, dùng lực dụng của lòng Đồng Thể Từ Bi, đối với bất cứ chúng sanh nào cũng đều có thể cứu giúp nỗi khổ vì bị chuyển dời, biến đổi của kẻ ấy, khiến

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

cho họ đều thoát lìa Biên Dịch sanh tử. Cũng giống như vậy, do Bồ Đề là chôn thường lạc rốt ráo, khi chúng đắc Bồ Đề, sẽ xuất hiện Đồng Thể Đại Bi, đôi đũa pháp giới chúng sanh chẳng có chút tâm thiên vị, lọt lọt, xa cách nào. Do đó, quyết định sẽ dùng lực dụng phương tiện khiến cho chúng sanh đạt được thường lạc rốt ráo.

Lại nhìn vào trạng thái của cái nhân. Nếu rơi vào tâm thái “cung kính, cúng dường tự thân”, vậy thì sẽ chẳng thể phát tâm làm cho hết thấy chúng sanh đều đạt được thường lạc rốt ráo, mà cũng là từ trong pháp giới vốn sẵn bình đẳng bèn từ Không sanh ra Có, xuất hiện cái Ngã riêng tư. Sau đây, rất coi trọng cái Ngã riêng tư, thấy các thứ khác đều chẳng liên quan gì với mình. Khi ấy, trọng điểm nơi hành vi sẽ là toàn bộ đều xoay quanh thân tâm của chính mình. Vì để cho nó đạt được danh lợi, dục lạc v.v... mà hành các thứ phương tiện, lúc nào cũng lấy tự ngã làm trung tâm, phục vụ cho tự ngã. Đương nhiên là sẽ trái lìa trạng huống “*tự và tha có cùng một Thể, nguyện vì chúng sanh đều đạt được thường lạc rốt ráo mà làm hết thấy các phương tiện*”. Cứ phát triển như vậy, chỉ có thể khiến cho chấp trước ngày càng nặng hơn, lìa đại Bồ Đề tâm ngày càng xa hơn! Giả sử nó tùy thuận đại Bồ Đề, vậy thì đáng phải nên tôn trọng, cung kính tự ngã, càng vì tự ngã mà mưu cầu lợi lộc riêng tư, sẽ càng tiếp cận đại Bồ Đề. Nhưng làm như vậy, kết quả chỉ là khiến cho cái tâm ích kỷ của ta ngày càng nặng hơn, tâm càng ngày càng bế tắc hơn, phát sanh các thứ làm lỗi như tham dục, keo kiệt v.v... Khi tự ngã chẳng được thỏa mãn, sẽ sanh ra các phiền não như ghen ghét, sân khuê v.v... Do tư dục làm gốc mà xuất hiện các thứ tà phương tiện lực dụng, sẽ đẩy con người chìm sâu hơn trong luân hồi, lìa đại Bồ Đề ngày càng xa hơn. Do vậy, thấy rõ điều này chính là pháp ngăn che Bồ Đề môn.

Trái lại, khi chính mình xuất hiện cái tâm an ổn thanh tịnh, chẳng còn coi tự ngã là trung tâm, sẽ làm cho hết thấy chúng sanh đạt được đại lạc Bồ Đề rốt ráo. Khi ấy, suy nghĩ, phát nguyện v.v... sẽ ngay lập tức thuận hợp Bồ Đề, phát triển dần dần, càng ngày càng phù hợp bốn tánh. Tu thuận tánh như vậy, sẽ tiêu trừ lực dụng điên đảo của chuyện vì tự ngã mà hành phương tiện. Khi khai phát đến mức triệt để, sẽ hoàn thành lực dụng trọn khắp nơi cái quả đại Bồ Đề. Có thể thấy nó là thuận Bồ Đề môn.

Nói chung, do trí huệ môn, từ bi môn, và phương tiện môn mà xa lìa ba món trái nghịch, thành tựu ba món tùy thuận, trụ trong tâm thanh tịnh mà tu tấn dần dần, rốt cuộc sẽ có thể đạt được quả đại Bồ Đề. Đó

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

cũng là sức trí bi khai phát viên mãn, xuất hiện đại trí, đại bi, đại lực Bồ Đề tâm viên mãn trọn vẹn. Đây gọi là “*thành tựu Bồ Đề*”.

Trên đây là nói rõ về sự nhập môn Bồ Đề đạo. Chúng ta muốn chứng viên mãn quả đại Bồ Đề, trước hết, nhân địa phải chánh đáng, cũng tức là trừ khử tam chướng, phát tam tâm, xa lìa sự tham trước tự thân trong cái tâm của ta, phát khởi tâm vô nhiễm thanh tịnh, xa lìa cái tâm chẳng an ổn chúng sanh để phát khởi cái tâm thanh tịnh an ổn chúng sanh, xa lìa cái tâm cung kính cúng dường tự thân để phát khởi cái tâm lạc thanh tịnh. Ba cái tâm ấy nói phân biệt thì sẽ thuộc về bi, trí, lực, ở nơi nhân vị (địa vị tu nhân), đã tương thuận với đại Bồ Đề quả. Khi bi, trí, lực phát triển đến mức rốt ráo thì sẽ thành Phật, vì chẳng có chút Ngã Chấp nào, trở về trí chiếu sẵn có, lại còn hiển phát đại bi, nguyện an lập hết thấy chúng sanh, lại xuất hiện lực dụng, chỉ vì chúng sanh mà tạo lợi lạc. Cũng giống như vậy, đã có ba cái nhân tương ứng; sau đó, sẽ dần dần hiển lộ, khai phát, đạt đến mức triệt để thì sẽ thành Phật. Nếu chuyển theo hướng trái nghịch, do vì duyên khởi chẳng thuận, chỉ có thể thuận theo sanh tử!

Nhận thức như vậy để nhập môn; sau đây, điều then chốt là phải làm như thế nào hòng gìn giữ cái nhân như vậy, cũng như khiến cho nó nhanh chóng viên thành. Đây mới là vấn đề nơi đạo, dùng vấn đề này để suy xét [phải nên] sanh về Tịnh Độ, hay sanh vào uế độ. Cuối cùng, [nhận biết đích xác]: Phát nguyện sanh về Tịnh Độ sẽ có thể mau chóng viên thành. Do cái tâm ấy mà ưa thích, mong cầu vãng sanh Tịnh Độ.

10.2.1.2.2. Nói rõ vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ sẽ có thể nhanh chóng viên mãn đại dụng của trí, bi, lực

(Luận) Thử Bồ Đề nhân hà nhi đắc? Yếu nhân sanh Tịnh Độ, thường bất ly Phật, đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ, v sanh tử quốc trung, cứu khổ chúng sanh. Bi trí nội dung Định nhi thường dụng, tự tại vô ngại, tức Bồ Đề tâm. Thử thị nguyện sanh chi ý.

(論)此菩提因何而得？要因生淨土常不離佛，得無生忍已，於生死國中救苦眾生。悲智內融定而常用自在無礙，即菩提心。此是願生之意。

(Luận: Do đâu mà đắc Bồ Đề? Phải do sanh về Tịnh Độ, thường chẳng lìa Phật, đã đắc Vô Sanh Nhẫn, ở trong cõi sanh tử, cứu khổ chúng sanh. Bi và trí dung hội bên trong, Định mà thường dụng, tự tại

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

vô ngại, tức là Bồ Đề tâm. Đây là ý nguyện sanh).

Đại Bồ Đề quả với “bi, trí, lực” viên mãn như vậy là do từ đường lối nào mà đạt được? Nếu còn có sanh, thì chỉ có hai loại sanh: Hoặc là sanh vào uế độ, hoặc là sanh vào Tịnh Độ. Hãy cân nhắc hai đường lối ấy, đường nào sẽ có thể nhanh chóng thành tựu viên mãn đại Bồ Đề? Nếu sanh vào uế độ, giống như trong phần trên đã nói, trong cõi này, duyên gây thoái chuyển quá nhiều, tự tâm gặp phải cảnh duyên tạp nhiễm, sẽ rất dễ dàng dẫn phát phiền não Ngũ Chấp. Như thế thì sẽ bị nghiệp ràng buộc, hãm trong tam đồ, rất khó thoát ra. Tự thân còn khó giữ toàn vẹn, làm sao có thể độ chúng sanh cho được? Giống như dòng nước chảy xiết đổ ào xuống, bản thân ta còn chẳng có sức từ đó thoát ra, ít có ai chẳng bị cuốn trôi! Suy xét nỗi hiểm nạn ấy, sẽ nghĩ: “Có cần phải sanh về Tịnh Độ hay chẳng?” Hễ vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ, sẽ đạt Bất Thoái Chuyển. [Do được] đại nguyện và đại hạnh từ vô lượng kiếp cho tới nay của A Di Đà Phật làm Tăng Thượng Duyên, trong cõi ấy, chẳng có bất cứ duyên gây thoái chuyển nào, niệm nào cũng đều có thể tăng tấn Bồ Đề đạo, thường chẳng lìa Phật, được Phật gia bị che chở, dưỡng dục. Do đó, sẽ nhanh chóng khai phát bốn tánh, lại còn dần dần tăng tấn, đạt được sức Vô Sanh Nhẫn. Khi đó, sẽ vào các cõi sanh tử cứu khổ chúng sanh. Đó gọi là “*bi trí nội dung*” (bi và trí dung hội bên trong), “*Định nhi thường dụng*” (tuy Định mà thường phát khởi Dụng), “*tự tại vô ngại*”, đại dụng của ba phần “*bi, trí, lực*” hoàn toàn hiển lộ.

Khi đó, ở trong đời trước lợi lạc chúng sanh, tuy ở trong thế gian mà chẳng bị thế gian bó buộc, tuy ở trong trần cảnh mà chẳng mê mất nhất linh chân tánh. Đó gọi là “*tự tại vô ngại*”. “*Bi trí nội dung*” tức là bên trong có Bi và Trí, Bi khởi tác dụng, chẳng trụ trong Niết Bàn, chẳng giống Tiểu Thừa. Trí khởi tác dụng mà chẳng trụ trong sanh tử, chẳng giống như phàm phu. Hai phần Trí và Bi viên dung trong tâm, chẳng phải dùng riêng một phần nào. Vì Trí và Bi ở bên trong [nội tâm] đồng thời khởi tác dụng, bên ngoài bèn phát xuất phương tiện lực dụng hết sức to lớn, nên gọi là “*Định nhi thường dụng*”. “*Định*” biểu thị Chân Tế bất động, chẳng hề mê mất tí nào! “*Thường dụng*” là Tịch mà thường Chiếu, thường ứng với các loại duyên và các loại căn cơ mà phát khởi diệu dụng. Do phương tiện lực dụng luôn có thể phù hợp khít khao với căn cơ được hóa độ, dẫn dắt họ tiến nhập Phật pháp, đặt yên họ nơi đạo an lạc trong hiện tiền và rốt ráo. Giống như Quán Thế Âm

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Bồ Tát gặp căn cơ gì bèn nói pháp ấy; do vậy, Ngài đã thực hiện phù hợp khít khao. Đó là khởi diệu dụng. Cũng giống như vậy, đại dụng của “trí, bi, lực” phát lộ, lại dần dần tăng tấn đến mức viên mãn, toàn thể Bồ Đề tâm phát lộ rõ rệt, như thế thì sẽ thành Phật.

Cái gọi là “Bồ Đề tâm” chính là cái tâm viên dung ba phần đại trí, đại bi, và đại lực. Nơi nhân địa thì sẽ thuận theo như vậy mà phát tâm, một mực cho đến khi thành Phật đều là tu cái tâm Bồ Đề này. Cuối cùng, [cái tâm ấy] mở mang hiển lộ hoàn toàn thì là thành Phật. Do vắng sanh Tịnh Độ có Phật lực trụ trì, cho nên có thể nhanh chóng khai phát bản tánh mà thành đạo. Đại dụng của bi, trí, lực đạt tới viên mãn, cho nên chọn lựa con đường này hòng thành tựu đại Bồ Đề. Đây là ý nghĩa sâu xa của việc nhất tâm ưa thích mong cầu vắng sanh thế giới Cực Lạc.

10.2.2. Quán những sự trang nghiêm trong Tịnh Độ, tâm tâm nguyện cầu

(Luận) Nhị, minh hân tâm nguyện cầu giả, hy tâm khởi tưởng duyên Di Đà Phật, nhược Pháp Thân, nhược Báo Thân đẳng. Kim sắc quang minh, bát vạn tứ thiên tướng, nhất nhất tướng trung bát vạn tứ thiên hảo, nhất nhất hảo phóng bát vạn tứ thiên quang minh. Thường chiếu pháp giới, nhiếp thủ niệm Phật chúng sanh. Hựu quán bỉ Tịnh Độ thất bảo trang nghiêm diệu lạc đẳng, bị như Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Kinh Thập Lục Quán đẳng, thường hành Niệm Phật tam-muội, cập Thí, Giới, Tu đẳng nhất thiết thiện hạnh, tất dĩ hồi thí nhất thiết chúng sanh, đồng sanh bỉ quốc, quyết định đắc sanh. Thử vị Hân Tâm Nguyện Môn dã.

(論)二、明欣心願求者，希心起想緣彌陀佛，若法身若報身等。金色光明八萬四千相，一一相中八萬四千好，一一好放八萬四千光明，常照法界攝取念佛眾生。又觀彼淨土七寶莊嚴妙樂等，備如無量壽經觀經十六觀等。常行念佛三昧，及施戒修等一切善行，悉已回施一切眾生，同生彼國，決定得生。此謂欣願門也。

(Luận: Thứ hai, nói về cái tâm ưa thích, nguyện cầu thì tâm mong mỏi, khởi tưởng duyên theo Phật Di Đà, hoặc là Pháp Thân, hoặc là Báo Thân v.v... Quang minh sắc vàng, tám vạn bốn ngàn

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

tướng, trong mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn hảo, trong mỗi một hảo tỏa ra tám vạn bốn ngàn quang minh, thường chiếu pháp giới, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật. Lại quán Tịnh Độ trang nghiêm bằng bảy báu, các sự vui màu nhiệm v.v... nói chi tiết thì như kinh Vô Lượng Thọ, mười sáu phép Quán trong Quán Kinh v.v... thường hành Niệm Phật tam-muội, Thí, Giới, Tu v.v... hết thấy các thiện hạnh, đều dùng để thí cho hết thấy chúng sanh cùng sanh về cõi ấy, quyết định được sanh về. Đó gọi là Hân Nguyện Môn).

Thứ hai, thuyết minh chuyện dùng cái tâm vui thích để nguyện cầu vãng sanh. Trong phần trước là nói về ý nghĩa của việc nguyện sanh, khiến cho chúng ta thấy được nghĩa lý to lớn ở chỗ nào. Do vậy, sẽ phát khởi cái tâm hân cầu (欣求, vui thích mong cầu). Nói “nguyện cầu” (愿求) chính là cái tâm mong cầu một lòng duyên niệm Pháp Thân hay Báo Thân của A Di Đà Phật, hoặc là [duyên niệm] quang minh, tướng hảo của Ngài, thường chiếu pháp giới, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật v.v... cũng như niệm Tịnh Độ, thường hành Niệm Phật tam-muội, hết thấy các thiện hạnh đều hồi hướng cho hết thấy chúng sanh cùng sanh về cõi nước Cực Lạc. Đây là Hạnh môn. Từ pháp Yêm và Hân trong phần trước đã đạt được kiến giải thù thắng; tiếp đó, dùng cái tâm mong cầu để niệm Phật, niệm Tịnh Độ v.v... Điều này gọi là Hân Nguyện Hạnh.

Nói chung, Hân Nguyện Hạnh là sau khi ba món Tín, Nguyện, Hạnh đã dung hợp trong tâm, bèn phát khởi tu hành. Quá trình thúc đẩy trong giai đoạn trước khá cặn kẽ và lâu dài. Một khi đã dấy lên kiến giải thù thắng, bèn có nguyện tâm, trải qua sự phát triển dần dần, sẽ biến thành cái tâm ưa thích trọn đủ. Dưới sự thôi thúc của cái tâm ấy, [hành nhân] sẽ một mực niệm Phật, niệm Tịnh Độ, đó gọi là Hân Nguyện Hạnh. Có cái tâm bao hàm trọn đủ như vậy, sẽ có thể tương ứng với biển nguyện của đức Di Đà, và cũng sẽ quyết định vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đây là do Tín, Nguyện, Hạnh mà đạt được sự chắc chắn vãng sanh.

Ngoài ra, chớ nên chấp chết cứng vào thứ tự của Tín, Nguyện, Hạnh. Tuy là do Tín khởi Nguyện, từ Nguyện khởi Hạnh, nhưng cũng phải biết: Trong quá trình quán Phật, hoặc quán Tịnh Độ, có thể tăng thượng Tín và Nguyện cao hơn một bậc nữa, cũng có nghĩa là Hạnh có thể hỗ trợ Tín và Nguyện. Ví như quán Pháp Thân, hay quán Báo Thân của Phật, quán đất, nước, gió, âm thanh v.v... các sự trang nghiêm nơi

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

y báo của Tịnh Độ, những điều ấy đều thuộc về Hạnh môn. Duyên niệm công đức của Phật, công đức của Bồ Tát, công đức của quốc độ v.v... như thế đó, sẽ tăng tấn cái tâm ưa thích cao hơn một bậc, khiến cho tâm nguyện vãng sanh ngày càng thiết tha, kiên giải thù thắng đối với A Di Đà Phật, đối với Cực Lạc Tịnh Độ ngày càng sâu đậm. Đây là Hạnh có thể tăng thượng Tín và Nguyện, phải nên liễu giải dung thông như vậy.

Tiếp đó, lại giải thích. “*Niệm Phật*” tức là đặc biệt mong cầu vãng sanh, dùng nhất tâm nương cậy chắc chắn vào A Di Đà Phật, dùng cái tâm mong mỏi, nguyện cầu đề duyên theo Pháp Thân, Báo Thân, hoặc công đức v.v... của A Di Đà Phật. Sau khi đã có cái tâm mong cầu, ước nguyện, tự nhiên sẽ hướng theo A Di Đà Phật. Sau đây, chiếu theo trình độ của chính mình mà niệm Pháp Thân Phật, hay niệm Báo Thân Phật. Nếu hai đẳng đều chẳng tu được, vậy thì niệm đại bi quang minh, công đức trang nghiêm, hoặc danh hiệu của Phật v.v... những điều ấy đều có thể làm được. Nói chung, chọn lựa một phương pháp “liên lạc” với A Di Đà Phật, khiến cho cái tâm của chính mình ứng hợp Phật tâm. Sự “liên lạc” như vậy ngày càng chặt chẽ, sẽ được Phật quang nhiếp thọ, tiếp dẫn. Đạt tới một trình độ nhất định, giống như cá đã mắc câu, chắc chắn chẳng thoát ra được, liền được thọ ký ngay trong đời này, gần như cũng có thể biết trước thời gian vãng sanh, hoặc là trong mộng sẽ có điềm báo, trông thấy các thứ tướng hảo v.v...

Giống như vậy, sau khi đã kiến lập tín nguyện căn bản, hãy nhất tâm tương ứng với A Di Đà Phật. Đã làm tốt công việc trước đó, biết thế giới Sa Bà chỉ có khổ, chẳng có vui, cho nên chẳng còn lưu luyến nữa, nguyện thoát ly thân trong uế độ để đạt được thân trong Tịnh Độ. Lại biết: Để nhanh chóng thành tựu đại Bồ Đề, cách duy nhất là nương cậy A Di Đà Phật. Sau đó, phải làm sao để một dạ tương ứng với A Di Đà Phật. Tương ứng bằng cách nào? Niệm Pháp Thân của Phật, niệm tướng hảo của Phật, niệm danh hiệu của Phật v.v... Xét theo tình hình hiện thời, phương pháp thích hợp trọn khắp đại chúng là niệm danh hiệu Phật. Đương nhiên là cũng có thể tùy theo căn tánh của cá nhân mà lựa chọn những phương pháp khác để ứng hợp với A Di Đà Phật. Ở đây, [lời luận] có nói từ sắc thân, tướng hảo của đức Phật tỏa ra vô lượng quang minh, thường nhiếp trì chúng sanh niệm Phật. Đây là nói rõ: Chúng ta niệm Phật bèn có thể được Phật nhiếp thọ.

Kê đó, phải tưởng sự trang nghiêm trong quốc độ của Phật Di Đà, chiếu theo Tịnh Độ Tam Kinh để quán. Trong Vãng Sanh Luận có

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

nói đến sự trang nghiêm của Phật, sự trang nghiêm của Bồ Tát, sự trang nghiêm của quốc độ v.v... gồm hai mươi chín môn. Hãy dựa theo đó để quan sát, ức niệm từng điều, khiến cho cái tâm trụ nơi tịnh tướng (tướng thanh tịnh) của thế giới Cực Lạc. Vì hết thấy đều là “*duy tâm sở hiện*”, do tâm tưởng mà thành, tự tâm tác ý huân tu như vậy, sẽ giống như đang ở trong cõi Cực Lạc. Quán lâu dài như vậy, cho tới khi thuần thục, tuy thân ở trong thế giới Sa Bà, tâm đã là khách quý của cõi Cực Lạc! Cũng như vậy, một khi đã xác lập mục tiêu, lựa chọn con đường Tịnh Độ để thành Phật; sau đó, chủ yếu là vận dụng hết tâm tư hướng về Tịnh Độ, duyên tưởng Tịnh Độ, phát nguyện v.v... hết thấy đều xoay quanh điều căn bản này. Đây chính là pháp tu căn bản của hành giả Tịnh nghiệp.

Hơn nữa, trong lúc bình thời, sẽ tùy duyên bố thí, trì giới, tu Định v.v... hết thấy các thiện căn to nhỏ đều hành để hồi hướng Đại Thừa Tịnh Độ, đều thí cho hết thấy chúng sanh trong pháp giới để họ cùng được sanh về quốc độ Cực Lạc. Cũng như vậy, ước nguyện mong muốn đã tuân theo phương hướng duyên khởi quyết định là sanh về thế giới Cực Lạc, như thế thì khi mạng chung, chắc chắn sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ không đến nơi khác! Đây là diệu môn “*quyết định được vãng sanh*”.

Trên đây là nói về Hân Nguyện Hạnh. Hai thứ Yêm Ly Hạnh và Hân Nguyện Hạnh đã bao trùm nội dung của Tín Nguyện Hạnh trong Tịnh Độ, mà cũng bao trùm hàm nghĩa của tâm xuất ly, tâm Bồ Đề và vô nhị huệ của Tịnh Độ.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận

Phụ Lục 1

Đường Ngũ Đài sơn Trúc Lâm tự Pháp Chiếu truyện

(唐五台山竹林寺法照傳 - truyện về ngài Pháp Chiếu chùa Trúc Lâm, núi Ngũ Đài vào đời Đường)

Pháp Chiếu đại sư là một vị tăng sống vào đời Đường, năm sanh, năm mất, và quê quán đều không rõ. Sư là người sáng lập Ngũ Hội Niệm Phật, thường được gọi là Ngũ Hội pháp sư, thụy hiệu là Đại Ngộ hòa thượng. Sư biên soạn các bộ Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Tụng Kinh Quán Hạnh Nghi, Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lược Pháp Sư

Nghi Tán v.v... được lưu truyền cho tới nay. Người đời sau tôn Ngài làm vị tổ thứ tư của Liên Tông.

Đại sư từng có một sự trải nghiệm như thế này:

1. Nhiều lần trông thấy cảnh bí mật tại núi Ngũ Đài

(Truyện) Thích Pháp Chiếu, bất tri hà hứa nhân dã. Đại Lịch nhị niên, thê chỉ Hành Châu Vân Phong tự, cần tu bất giải. Ư tăng đường nội chúc bát trung, hốt đồ ngũ thái tường vân, vân nội hiện sơn tự. Tự chi Đông Bắc ngũ thập lý dĩ lai, hữu sơn. Sơn hạ hữu涧.涧北有石門。入可五裏, 有寺, 金榜題雲: 大聖竹林寺。

(傳)釋法照，不知何許人也。大曆二年，棲止衡州雲峰寺，勤修不懈。於僧堂內粥鉢中，忽睹五彩祥雲，雲內現山寺。寺之東北五十里已來，有山。山下有澗。澗北有石門。入可五裏，有寺，金榜題雲：大聖竹林寺。

Tăng nhân Pháp Chiếu chẳng biết là người nơi nào. Năm Đại Lịch thứ hai (767)³⁶, Sư trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, tu hành siêng năng, chẳng biếng nhác. Một hôm, Sư thọ trai trong Tăng đường, trong bát cháo đang ăn, bỗng thấy mây lành năm màu. Trong mây lành, hiển hiện một ngôi sơn tự. Cách chùa khoảng năm mươi dặm về phía Đông Bắc, có một quả núi. Dưới chân núi có một khe nước. Phía Bắc khe nước có cửa đá, vào trong đó khoảng năm dặm, lại có một ngôi chùa, biển đề chữ vàng ghi Đại Thánh Trúc Lâm Tự.

(Truyện) Tuy mục kích phân minh, nhi tâm hoài vẫn hoạch. Tha nhật trai thời, hoàn w bát trung, ngũ sắc vân nội, hiện kỳ Ngũ Đài chư tự, tận thị kim địa, vô hữu sơn lâm uế ác, thuần thị trì, đài, lâu, quán, chúng bảo trang nghiêm. Văn Thủ nhất vạn thánh chúng nhi xử kỳ trung. Hựu hiện chư Phật tịnh quốc, thực tất phương diệt。

(傳)雖目擊分明，而心懷隕獲。他日齋時，還於鉢中五色雲內，現其五台諸寺。盡是金地，無有山林穢惡，純

³⁵ Do pháp sư Trí Viên dùng Bạch Thoại để giải thích ý nghĩa của chánh văn, chúng tôi không dịch nghĩa phần chánh văn.

³⁶ Đại Lịch là niên hiệu của Đường Đại Tông (Lý Dục) từ năm 766 đến năm 779.

是池台樓觀，衆寶莊嚴。文殊一萬聖衆而處其中。又現諸佛淨國。食畢方滅。

Tuy ngài Pháp Chiếu mắt thấy hết sức rõ ràng, nhưng trong lòng vẫn cảm thấy băn khoăn, chẳng biết đó là nơi đâu. Lại một hôm khác, trong khi thọ trai, trong bát lại thấy giữa đám mây lạnh năm màu, hiện ra nhiều ngôi chùa thuộc thánh cảnh Ngũ Đài, trong ấy đều là dùng vàng ròng làm đất, là chỗ chẳng có núi, rừng, cây cối v.v... các thứ dơ bẩn, xấu ác, thuần túy là ao, đài, lầu, điện, lại dùng các thứ báu để trang nghiêm; đúng là tịnh độ vi diệu. Đức tôn thánh Văn Thù cầm đầu một vạn vị thánh nhân an trụ trong ấy. Lại hiển hiện các cõi nước thanh tịnh của chư Phật. Đến khi Sư dùng cơm xong, [cảnh tượng ấy] mới biến mất.

(Truyện) Tâm nghi vị quyết, quy viện vân Tăng: “Hoàn hữu tăng du Ngũ Đài sơn dĩ phủ?” Thời hữu Gia Diên, Đàm Huy nhị sư ngôn tăng đảo, ngôn dữ bát nội sở kiến, nhất giai phù hợp, nhiên thượng vị đắc Đài sơn tiêu tức.

(傳)心疑未決，歸院問僧：「還有曾遊五台山已否？」時有嘉延曇暉二師言曾到。言與鉢內所見，一皆符合，然尚未得台山消息。

Pháp Chiếu đại sư trong tâm nghi hoặc, chẳng quyết đoán được. Do vậy, Ngài trở về chùa, hỏi tăng chúng: “Có ai đã từng đến chơi núi Ngũ Đài hay không?” Lúc ấy, có hai vị sư là Gia Diên và Đàm Huy nói họ đã từng đến đó. Họ bàn luận tình cảnh hoàn toàn phù hợp với cảnh tượng đại sư đã trông thấy trong bát, nhưng họ còn chưa có tin tức núi Ngũ Đài có liên quan đến Văn Thù Bồ Tát.

(Truyện) Ký tứ niên Hạ, w Hành Châu Hồ Đông tự nội hữu cao lâu đài, cửu tuần khởi ngũ hội niệm Phật đạo tràng. Lục nguyệt nhị nhật Vị thời, dao kiến tường vân di phủ đài tự. Vân trung hữu chư lâu các, các trung hữu sở Phạm tăng, các trường trượng hừa, chấp tích hành đạo. Hành Châu cử quách hàm kiến Di Đà Phật, dữ Văn Thù, Phổ Hiền, nhất vạn Bồ Tát, câu tại thử hội, kỳ thân cao đại. Kiến chi giả giai thâm khắp huyết thiết lễ, chí Dâu phương diệt.

(傳)暨四年夏，於衡州湖東寺內有高樓台，九旬起五會念佛道場。六月二日未時，遙見祥雲彌覆台寺。雲中有諸樓閣，閣中有數梵僧，各長丈許，執錫行道。衡州舉郭咸見彌陀佛，與文殊普賢，一萬菩薩，俱在此會，其身高大。見之者皆深泣血設禮，至酉方滅。

Đến mùa Hạ năm Đại Lịch thứ tư (769), trong chùa Hồ Đông ở Hành Châu có một ngôi lầu rất cao, ngài Pháp Chiếu lập đạo tràng ngũ hội niệm Phật trong chín mươi ngày tức ba tháng [tại đó]. Tới ngày mùng Hai tháng Sáu, vào giờ Mùi, trông thấy ở đằng xa có mây lành phủ kín toàn bộ đài cao lẫn ngôi chùa. Trong mây xuất hiện nhiều lầu gác, trong mỗi gác đều có mây vị Phạm tăng, mỗi vị thân cao khoảng hơn một trượng, cầm tích trượng đi kinh hành. Khắp cả thành Hành Châu, ai nấy đều thấy A Di Đà Phật, và Văn Thù, Phổ Hiền, một vạn vị Bồ Tát đều ở trong hội của đạo tràng ấy. Thân hình của các Ngài đều rất cao lớn. Người trông thấy đều rất hết sức cảm động, khóc chảy cả máu mắt, cung kính lễ bái. Cho đến giờ Dậu, [cảnh tượng ấy] mới biến mất.

2. Gặp duyên để cất bước lên đường

(Truyện) Chiếu kỳ nhật vãn, ư đạo tràng ngoại, ngộ nhất lão nhân cáo Chiếu vân: “Sư tiên phát nguyện vãng Kim Sắc thế giới, phụng cận đại thánh, kim hà bất khứ?” Chiếu quái nhi đáp viết: “Thời nan, lộ gian, hà khả vãng dã?” Lão nhân ngôn: “Đản cức khứ, đạo lộ cố vô lưu nạn”.

(傳)照其日晚，於道場外，遇一老人告照云：「師先發願往金色世界，奉觀大聖，今何不去。」照怪而答曰：「時難路艱，何可往也？」老人言：「但亟去，道路固無留難。」

Đêm hôm đó, ở ngoài đạo tràng, ngài Pháp Chiếu gặp một cụ già. Cụ bảo Sư: “Khi trước thầy đã phát nguyện đến thế giới Kim Sắc ở Ngũ Đài Sơn để yết kiến, thân cận Văn Thù đại thánh, hiện thời vì sao không đi?” Ngài Pháp Chiếu hết sức kinh ngạc, đáp: “Hiện tại thời

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

cuộc chẳng thái bình, đường sá rất gian nan, làm sao có thể đi được?”
Cụ già nói: “Chỉ cần quan tâm đi cho nhanh, đường sá sẽ chẳng có chướng nạn”.

(Truyện) Ngôn ngữ bất kiến, Chiêu kinh nhập đạo tràng, trùng phát thành nguyện, Hạ mãn ước vãng tiền, nhậm thị hỏa tụ băng hà, chung vô thoái nục.

(傳)言訖不見。照驚入道場，重發誠願，夏滿約往前，任是火聚冰河，終無退衄。

Cụ già nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Ngài Pháp Chiêu rất ngạc nhiên, lại vào đạo tràng, một lần nữa lại phát khởi thệ nguyện chí thành: Đợi cho khóa [an cư] kết Hạ viên mãn, sẽ nhất định lên đường, dầu trên đường có lửa mạnh, hoặc là nước sông bị đóng băng, trọn chẳng lui bước!

(Truyện) Chí bát nguyệt thập tam nhật, w Nam Nhạc dữ đồng chí sở nhân, huệ nhiên khăng lai, quả vô trở ngại. Tác ngũ niên tứ nguyệt ngũ nhật đáo Ngũ Đài huyện, dao kiến Phật Quang Tự Nam, sở đạo bạch quang. Lục nhật đáo Phật Quang Tự, quả như bát trung sở kiến, lược vô sai thoát.

(傳)至八月十三日，於南嶽與同志數人，惠然肯來，果無沮礙。則五年四月五日到五台縣，遙見佛光寺南，數道白光。六日到佛光寺，果如鉢中所見，略無差脫。

Tới ngày Mười Ba tháng Tám, Sư ở Nam Nhạc cùng vài vị có cùng chí hướng, thuận lợi, an ổn lên đường, quả nhiên chẳng bị trở ngại. Đến ngày mùng Năm tháng Tư năm Đại Lịch thứ năm (770), tới địa phận huyện Ngũ Đài, từ xa trông thấy phía Nam chùa Phật Quang có mấy tia sáng màu trắng. Ngày mùng Sáu, đến chùa Phật Quang, quả nhiên đúng như [cảnh tượng Sư] đã trông thấy trong bát, chẳng sai khác mảy may.

3. Vào cảnh huyền diệu của chùa Trúc Lâm

(Truyện) Kỳ dạ tứ canh, kiến nhất đạo quang, tùng Bắc sơn hạ

lai xạ Chiếu, Chiếu mang nhập đường nội, nãi vấn chúng vân: “Thử hà tường dã, cát hung yên tại?”

(傳)其夜四更，見一道光，從北山下來射照。照忙入堂內，乃問衆云：「此何祥也，吉凶焉在？」

Ngay vào canh Tư đêm hôm ấy, thấy có một tia sáng từ rặng núi phía Bắc xẹt đến, chiếu vào thân ngài Pháp Chiếu. Pháp Chiếu lập tức tiến vào nội đường, hỏi đại chúng: “Đây là điềm lành gì? Tốt hay xấu?”

(Truyện) Hữu tăng đáp ngôn: “Thử đại thánh bất tư nghi quang, thường đáp hữu duyên”.

(傳)有僧答言：「此大聖不思議光，常答有緣。」

Có vị tăng nhân trả lời: “Đây chính là quang minh chẳng thể nghi bàn của Văn Thù đại thánh, thường hồi ứng người hữu duyên”.

(Truyện) Chiếu văn dĩ, tức cụ oai nghi, tâm quang chí tự Đông Bắc ngũ thập lý gian, quả hữu sơn, sơn hạ hữu giản, giản Bắc hữu nhất thạch môn, kiến nhị thanh y, khả niên bát cửu tuế, nhan mạo đoan chánh, lập ư môn thủ. Nhất xưng Thiện Tài, nhị viết Nan Đà, tương kiến hoan hỷ, vấn tán, thiết lễ, dẫn Chiếu nhập môn.

(傳)照聞已，即具威儀，尋光至寺東北五十里間，果有山，山下有澗，澗北有一石門。見二青衣，可年八九歲，顏貌端正，立于門首。一稱善財，二曰難陀，相見歡喜，問訊設禮，引照入門。

Lúc bấy giờ, ngài Pháp Chiếu nghe xong, lập tức chỉnh đốn, gìn giữ oai nghi, dò theo quang minh đi đến chỗ cách chùa khoảng năm mươi dặm về phía Đông Bắc, quả nhiên có một quả núi. Dưới chân núi có một khe nước, phía Bắc khe nước có một cánh cửa bằng đá. Suông trông thấy hai bé trai mặc áo xanh, khoảng tám chín tuổi, tướng mạo đoan chánh, đứng trước cửa. Một người tự xưng là Thiện Tài, người kia xưng tên là Nan Đà. Ngài Pháp Chiếu trông thấy họ, đôi bên đều hết sức hoan hỷ, vái chào lẫn nhau. Sau đó, hai bé trai dẫn ngài Pháp Chiếu vào cửa.

(Truyện) Hướng Bắc hành ngũ lý dĩ lai, kiến nhất kim môn lâu. Tiệm chí môn sở, nãi thị nhất tự, tự tiền hữu đại kim bảng đề viết: Đại Thánh Trúc Lâm Tự, nhất như bát trung sở kiến giả.

(傳)向北行五里已來，見一金門樓。漸至門所，乃是一寺，寺前有大金榜題曰：大聖竹林寺，一如鉢中所見者。

Ngài Pháp Chiếu theo sự dẫn dắt của hai bé trai, đi khoảng năm dặm, thấy một tòa lâu có cửa bằng vàng, dần dần đến bên cửa thì ra [tòa lâu ấy] là một ngôi chùa. Trước chùa, có tấm biển đề trên cổng rất to, ghi chữ kim sắc: “*Đại Thánh Trúc Lâm Tự*”. Hoàn toàn giống hệt như cảnh đã thấy trong bát thuở đầu.

(Truyện) Phương viên khả nhị thập lý, nhất bách nhị thập viện, giai hữu bảo tháp trang nghiêm, kỳ địa thuần thị hoàng kim, lưu cừ hoa thụ, sung mãn kỳ trung.

(傳)方圓可二十里，一百二十院，皆有寶塔莊嚴。其地純是黃金，流渠華樹，充滿其中。

Trong phạm vi chùng hai mươi dặm của chùa, có một trăm hai mươi tòa nhà, mỗi tòa đều có tháp báu để trang nghiêm. Mặt đất thuần là do vàng ròng lót thành. Suối chảy, cây hoa đầy ắp trong ngôi chùa ấy.

(Truyện) Chiếu nhập tự, chí giảng đường trung, kiến Văn Thù tại Tây, Phổ Hiền tại Đông, các cứ sư tử chi tòa, thuyết pháp chi âm, lịch lịch khả thính.

(傳)照入寺，至講堂中，見文殊在西，普賢在東，各據師子之座，說法之音，曆曆可聽。

Ngài Pháp Chiếu tiến vào tự viện, đi vào trong giảng đường, trông thấy Văn Thù đại thánh ở phía Tây, Phổ Hiền đại thánh ở phía Đông, mỗi vị đều tự ngồi trên tòa sư tử. Có thể nghe thấy rành mạch âm thanh thuyết pháp của các vị ấy.

(Truyện) Văn Thù tả hữu Bồ Tát vạn đư. Phổ Hiền diệc vô số

Bồ Tát vì nhiều. Chiều chí nhị hiền tiên, tác lễ, vấn ngôn: “Mạt đại phàm phu, khứ thánh thời dao, tri thức chuyển liệt, cầu chương vuơu thâm, Phật tánh vô do hiển hiện. Phật pháp hạo hãn, vị thâm tu hành u hà pháp môn, tối vi kỳ yếu? Duy nguyện đại thánh, đoạn ngã nghi vãng”.

(傳)文殊左右菩薩萬余。普賢亦無數菩薩圍繞。照至二賢前作禮問言：「末代凡夫，去聖時遙，知識轉劣，垢障尤深，佛性無由顯現。佛法浩瀚，未審修行於何法門，最為其要？唯願大聖，斷我疑網。」

Chung quanh Văn Thù đại thánh có hơn một vạn vị Bồ Tát, Phổ Hiền đại thánh cũng được vô số Bồ Tát vây quanh. Ngài Pháp Chiếu tới trước hai vị đại Bồ Tát làm lễ, hỏi: “Phàm phu trong đời Mạt, cách thời đại của bậc cổ thánh rất lâu xa, kiến thức cũng dần dần trở thành thấp hèn, cầu chương đặc biệt sâu nặng, Phật Tánh không do đâu mà mở mang, hiển lộ được! Phật pháp mênh mông, chẳng có bờ bên, chẳng biết tu hành loại pháp môn nào sẽ là thiết yếu nhất? Kính mong đại thánh đoạn trừ lưới nghi cho con”.

(Truyện) Văn Thù báo ngôn: “Nhữ kim niệm Phật, kim chánh thị thời. Chư tu hành môn, vô quá niệm Phật, cúng dường Tam Bảo, phước huệ song tu, thử chí nhị môn, tối vi kính yếu”.

(傳)文殊報言：「汝今念佛，今正是時。諸修行門，無過念佛。供養三寶，福慧雙修。此之二門，最為徑要。」

Văn Thù đại thánh trả lời: “Ông hiện thời niệm Phật thì nay là đúng lúc. Các loại pháp môn tu hành, không pháp nào hơn được niệm Phật và cúng dường Tam Bảo. Hãy nương theo hai môn ấy để phước huệ song tu. Hai môn Niệm Phật và cúng dường là trọng yếu, màu nhiệm, nhanh chóng nhất”.

(Truyện) “Sở dĩ giả hà? Ngã u quá khứ kiếp trung, nhân quán Phật cổ, nhân niệm Phật cổ, nhân cúng dường cổ, kim đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Thị cổ, nhất thiết chư pháp, Bát Nhã Ba La Mật, thậm thâm Thiền Định, nãi chí chư Phật, giai tùng niệm Phật nhi

sanh. Cố tri niệm Phật, chư pháp chi vương, như đương thường niệm Vô Thượng Pháp Vương, linh vô hưu tức”.

(傳)「所以者何？我於過去劫中，因觀佛故，因念佛故，因供養故，今得一切種智。是故一切諸法，般若波羅蜜，甚深禪定，乃至諸佛，皆從念佛而生。故知念佛，諸法之王。汝當常念無上法王，令無休息。」

“Vì sao nói pháp này thắng thường, nhanh chóng, trọng yếu, màu nhiệm nhất? Ta lấy sự tu chứng của chính mình để làm chứng. Trong vô số kiếp quá khứ, ta chính vì quán Phật, niệm Phật, cúng dường Tam Bảo mà nay đạt được Nhất Thiết Chúng Trí (nó là chánh nhân diệu đạo để thành tựu Chúng Trí, vì niệm Phật sẽ khai phát bản tánh, do cúng dường mà viên thành Phật đạo). Vì thế, pháp yếu của hết thầy chư Phật, Bát Nhã Ba La Mật, Thiền Định rất sâu, cho đến Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Do vậy có thể biết, Niệm Phật là vua trong hết thầy các pháp. Ông phải thường niệm đấng Vô Thượng Pháp Vương, đừng để cho tâm niệm bị gián đoạn”.

(Truyện) Chiêu hựu vấn: “Đương vân hà niệm?” Văn Thù ngôn: “Thử thế giới Tây, hữu A Di Đà Phật, bỉ Phật nguyện lực bất khả tư nghị. Như đương kế niệm, linh vô gián đoạn. Mạng chung chi hậu, quyết định vãng sanh, vĩnh bất thoái chuyển”.

(傳)照又問：「當云何念？」文殊言：「此世界西，有阿彌陀佛，彼佛願力不可思議。汝當繼念，令無間斷。命終之後，決定往生，永不退轉。」

Ngài Pháp Chiêu lại hỏi: “Vậy thì phải nên niệm Phật như thế nào?” Văn Thù đại thánh trả lời: “Phương Tây của thế giới này có A Di Đà Phật, nguyện lực của đức Phật ấy chẳng thể nghĩ bàn, ông hãy nên niệm Phật sao cho tịnh niệm tiếp nối, khiến cho đừng bị gián đoạn. Sau khi mạng chung, chắc chắn vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển”.

(Truyện) Thuyết thị ngữ dĩ, thời nhị đại thánh, các thư kim thủ ma Chiêu dẫn, vị thọ ký biệt: “Nhữ dĩ niệm Phật cố, bất cửu chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nhược thiện nam nữ đẳng, nguyện

tật thành Phật giả, vô quá niệm Phật, tắc năng tốc chứng Vô Thượng Bồ Đề”. Ngữ dĩ, thời nhị đại thánh hõ thuyết già-đà, Chiếu văn dĩ, hoan hỷ dũng được, nghi vãng tất trừ.

(傳)說是語已，時二大聖，各舒金手摩照頂，為授記荊：「汝以念佛故，不久證無上正等菩提。若善男女等，願疾成佛者，無過念佛，則能速證無上菩提。」語已，時二大聖，互說伽陀。照聞已，歡喜踴躍，疑網悉除。

Sau khi nói như vậy, khi đó, hai vị đại thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đỉnh đầu ngài Pháp Chiếu, thọ ký cho Sư: “Ông do duyên có niệm Phật, chẳng lâu sau sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân mong thành tựu Phật đạo nhanh chóng, chẳng có pháp nào thù thắng hơn pháp môn Niệm Phật. Do niệm Phật sẽ có thể nhanh chóng chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề”. Nói như thế rồi, hai vị đại thánh cùng nhau lần lượt nói kệ tụng. Ngài Pháp Chiếu nghe xong, vui mừng, hớn hở, lưới nghi đều trừ sạch!

(Truyện) Hựu cánh tác lễ, lễ dĩ hiệp chuông. Văn Thù ngôn: “Nhữ khả vãng nghệ chư Bồ Tát viện, thứ đệ tuần lễ”.

(傳)又更作禮。禮已合掌。文殊言：「汝可往詣諸菩薩院，次第巡禮。」

Ngài Pháp Chiếu lại làm lễ lần nữa. Lễ bái xong bèn chấp tay. Văn Thù đại thánh nói: “Ông có thể đến thăm biệt viện của các vị Bồ Tát, theo thứ tự mà tham phỏng, lễ bái”.

(Truyện) Thọ giáo dĩ, thứ đệ chiêm lễ, toại chí thất bảo quả viên, kỳ quả tài thực, kỳ đại như oản, tiện thủ thực chi. Thực dĩ, thân ý thái nhiên.

(傳)授教已，次第瞻禮。遂至七寶果園，其果才熟，其大如碗。便取食之。食已，身意泰然。

Sau khi ngài Pháp Chiếu được đức Văn Thù dạy bảo, bèn theo thứ tự đến chiêm ngưỡng, lễ bái biệt viện của các vị Bồ Tát. Sau đó, Sư đến vườn quả bảy báu. Diệu quả trong vườn mới chín muồi, to như cái

chén, Ngài bèn hái ăn. Ăn xong, thâm tâm an nhiên.

(Truyện) Tạo đại thánh tiền, tác lễ từ thoái, hoàn kiến nhị thanh y, tổng chí môn ngoại. Lễ dĩ, cử đầu toại thất sở tại, bội tăng bi cảm, nãi lập thạch ký, chí kim tồn yên.

(傳)造大聖前，作禮辭退。還見二青衣，送至門外。禮已，舉頭遂失所在。倍增悲感。乃立石記，至今存焉。

Sau đây, ngài Pháp Chiếu đến trước mặt đại thánh, làm lễ từ biệt. Lại trông thấy hai bé trai áo xanh như trước, họ dẫn ngài Pháp Chiếu ra ngoài cửa. Lễ bái xong, vừa ngẩng đầu lên, cảnh tượng trước đó đã hoàn toàn tiêu mất. Ngay khi ấy, ngài Pháp Chiếu ly biệt thánh địa và chư thánh, trong lòng cảm thấy bi thương khôn ngần, bèn khắc và dựng bia đá nơi đó để ghi lại chuyện này. Mãi cho đến hiện thời, [tấm bia ấy] vẫn còn.

4. Nơi hang Kim Cang, lại trông thấy thánh cảnh

(Truyện) Phục chí tứ nguyệt bát nhật, ư Hoa Nghiêm Tự Tây lâu hạ an chỉ, kịp thập tam nhật, Chiếu dữ ngũ thập dư Tăng, đồng vãng Kim Cang quật, đáo Vô Trước kiến đại thánh xứ, kiến tâm lễ tam thập ngũ Phật danh.

(傳)復至四月八日，於華嚴寺西樓下安止。泊十三日，照與五十餘僧，同往金剛窟。到無著見大聖處，虔心禮三十五佛名。

Lại đến ngày mùng Tám tháng Tư, Pháp Chiếu đại sư dừng chân an cư ở dưới lầu Tây của chùa Hoa Nghiêm. Đến ngày Mười Ba, ngài Pháp Chiếu cùng hơn năm mươi vị tăng nhân cùng đến hang Kim Cang, đến chỗ Vô Trước đại thánh từng thấy Văn Thù đại thánh, Sư thành kính lễ bái [danh hiệu của] ba mươi lăm vị Phật.

(Truyện) Chiếu lễ tài thập biến, hốt kiến kỳ xứ quảng bác nghiêm tịnh, lưu ly cung điện, Văn Thù, Phổ Hiền, nhất vạn Bồ Tát, cập Phật Đà Ba Lợi, cư tại nhất xứ. Chiếu kiến dĩ, duy tự khánh hỷ, tùy chúng quy tự.

(傳)照禮才十遍，忽見其處廣博嚴淨，琉璃宮殿，文殊普賢一萬菩薩，及佛陀波利，居在一處。照見已，惟自慶喜，隨眾歸寺。

Ngài Pháp Chiếu mới lễ bái mười lượt, bỗng thấy chỗ chính mình đang ở rộng rãi, trang nghiêm, thanh tịnh, có cung điện lưu ly, Văn Thù, Phổ Hiền, và một vị Bồ Tát, cùng với tôn giả Phật Đà Ba Lợi³⁷ cư trú tại đó. Ngài Pháp Chiếu thấy rồi, vui mừng, tự cảm thấy may mắn sâu xa. Sau đó, Ngài theo đại chúng trở về tự viện.

(Truyện) Kỳ dạ tam canh, ở Hoa Nghiêm viện Tây lâu thượng, hốt kiến tự Đông sơn bán hữu ngũ bách thánh đăng, kỳ đại phương xích dư. Chiếu chú ngôn: “Thỉnh phân bách đăng quy nhất bản”, tiện phân như nguyện: “Trùng vị phân vi thiên cự”. Ngôn ngật, tiện phân thiên số. Hàng hàng tương đối, biến ở sơn bán.

(傳)其夜三更，於華嚴院西樓上，忽見寺東山半有五百聖燈，其大方尺余。照咒言：「請分百燈歸一畔，」便

³⁷ Phật Đà Ba Lợi (Buddhapāla, Giác Hộ) là một vị tỳ-kheo người xứ Kế Tân. Đây là một vị Tăng dịch kinh nổi tiếng đời Đường. Ngài có tín tâm kiên cố, thệ nguyện vì Phật pháp sẵn sàng hy sinh tánh mạng. Ngài đến chiêm bái trọn khắp các thánh tích, và tham học với các bậc thiện tri thức. Nghe nói Văn Thù Bồ Tát giáng tích tại Ngũ Đài, Sư đã đến kiến thành lễ bái tại Ngũ Đài Sơn. Đến đó, Sư gặp một cụ già hỏi có mang Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh đến hay không. Nếu không, cần phải mang kinh đến đây để lợi ích chúng sanh. Nói xong, cụ già biến mất. Sư hiểu đó là đại thánh Văn Thù điếm hóa, bèn trở về Kế Tân mang kinh đến Trung Hoa. Ngồi thuyền theo đường biển sang Trung Hoa, tàu gặp mấy lần sóng gió, tưởng sẽ chìm, Sư chỉ chuyên chú giữ sao cho kinh sách khỏi ướt, cuối cùng thoát nạn. Năm Vĩnh Thuần thứ hai (636), Sư đến Trường An, dâng kinh sách lên Đường Cao Tông, và hợp sức với các vị Địa Bà Ha La và Đổ Hành Khải dịch Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh sang tiếng Hán. Kinh dịch xong, vua đọc thấy oai thần của đà-la-ni quá linh dị, nổi lòng tham, giữ kín bản dịch trong cung, không cho lưu truyền. Ba lượt cầu thỉnh, Đường Cao Tông mới trả lại bản tiếng Phạn. Sau đó, ngài Phật Đà Ba Lợi lên Ngũ Đài, tìm đến chùa Tây Minh, thỉnh hòa thượng Thuận Trinh giúp sức dịch kinh lại lần nữa. Tại Ngũ Đài, Ngài từng thấy Văn Thù Bồ Tát trong hang Kim Cang. Sư mừng rỡ đánh lễ, tính đứng lên gọi tăng chúng trong chùa đến chiêm bái thì ngẩng đầu lên chẳng thấy đâu nữa! Ngài ngộ rằng sứ mạng của mình đã hoàn thành, bèn ngồi tĩnh tọa trong hang núi tại đó mà thị tịch.

分如願。「重謂分為千炬，」言訖便分千數。行行相對，遍於山半。

Đến canh ba của đêm hôm ấy, trên lầu Tây của Hoa Nghiêm Viện, bỗng thấy nửa sườn núi ở phía Đông của chùa có năm trăm ngọn đèn thánh, kích thước khoảng hơn một thước. Ngài Pháp Chiếu chú nguyện nói: “Xin chia thành một trăm ngọn đèn về phía bên kia”. Đèn bên chia thành một trăm ngọn đúng như lời nguyện. Ngài lại nói: “Chia làm một ngàn bó đuốc”. Nói xong, bên chia thành một ngàn bó đuốc, sắp thành từng hàng chỉnh tề, đầy khắp nửa sườn núi.

(Truyện) Hựu cánh độc nghệ Kim Cang Quật sở, nguyện kiến đại thánh, tam canh tận đáo, kiến Phạm tăng, xưng thị Phật Đà Ba Lợi, dẫn chi nhập thánh tự. Ngữ tại Giác Hộ Truyện.

(傳)又更獨詣金剛窟所，願見大聖。三更盡到，見梵僧，稱是佛陀波利，引之入聖寺。語在覺護傳。

Ngài Pháp Chiếu lại một mình đi đến hang Kim Cang, nguyện có thể gặp các vị đại thánh. Hết canh ba, Ngài tới hang Kim Cang, trông thấy một vị Phạm tăng tự xưng là Phật Đà Ba Lợi, dẫn Ngài bước vào Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Những lời nói khi ấy đều được chép trong Giác Hộ Truyện (truyện ngài Phật Đà Ba Lợi).

5. Di tăng khuyến thỉnh truyền bá

(Truyện) Chí thập nhị nguyệt sơ, toại ư Hoa Nghiêm Tự Hoa Nghiêm Viện, nhập Niệm Phật đạo tràng, tuyệt tạp yếu kỳ, thệ sanh Tịnh Độ. Chí ư thất nhật sơ dạ, chánh niệm Phật thời, hựu kiến nhất Phạm tăng nhập hồ đạo tràng, cáo vân: “Nhữ sở kiến Đài sơn cảnh giới, hà cố bất thuyết?” Ngôn ngật bất kiến.

(傳)至十二月初，遂於華嚴寺華嚴院，入念佛道場，絕粒要期，誓生淨土。至於七日初夜，正念佛時，又見一梵僧入乎道場，告云：「汝所見台山境界，何故不說？」言訖不見。

Đến đầu tháng Mười Hai, Sư lại ở Hoa Nghiêm Viện thuộc chùa Hoa Nghiêm, tiến nhập đạo tràng Niệm Phật, tuyệt thực, ấn định kỳ hạn, thê sanh về Tịnh Độ. Tới đêm hôm mồng Bảy, đang trong lúc niệm Phật, Sư lại thấy một vị Phạm tăng tiến vào đạo tràng, bảo Sư: “Vì sao ông chẳng nói cho người khác biết cảnh giới ông đã trông thấy tại núi Ngũ Đài?” Nói xong, chẳng trông thấy đâu nữa!

(Truyện) Chiêu nghi thử Tăng, diệc nghi bất thuyết. Dục nhật Thân thời, chánh niệm tụng thứ, hựu kiến nhất Phạm tăng, niên khả bát thập, nữ ngữ Chiêu viết: “Sư sở kiến Đài sơn linh dị, hồ bất lưu bố, phổ thị chúng sanh, linh sử kiến văn, phát Bồ Đề tâm, hoạch đại lợi lạc hồ?” Chiêu viết: “Thật vô tâm bí tế thánh đạo, khùng sanh nghi báng cố, sở dĩ bất thuyết”.

(傳)照疑此僧，亦擬不說。翌日申時，正念誦次，又見一梵僧，年可八十。乃語照曰：「師所見台山靈異，胡不流布，普示眾生，令使見聞，發菩提心，獲大利樂乎？」照曰：「實無心秘蔽聖道，恐生疑謗故，所以不說。」

Ngài Pháp Chiêu ôm lòng hoài nghi vị Tăng ấy, vẫn không chịu kể lại trọn vẹn. Giờ Thân ngày hôm sau, đang trong lúc niệm tụng, lại thấy một vị Phạm tăng tuổi đã cao, khoảng tám mươi, nói với ngài Pháp Chiêu: “Vì sao pháp sư không lưu truyền cảnh giới linh dị do chính mình trông thấy tại Ngũ Đài Sơn hòng dạy trọn khắp chúng sanh, khiến cho người thấy kẻ nghe cùng phát Bồ Đề tâm, đạt được lợi lạc rộng lớn vậy?” Ngài Pháp Chiêu đáp: “Tôi cũng chẳng ôm lòng giấu giếm thánh đạo, chỉ vì sợ người khác sanh lòng nghi hoặc, gièm báng, cho nên mới không nói”.

(Truyện) Tăng vân: “Đại thánh Văn Thù, hiện tại thử sơn, thượng chiêu nhân báng, huống như sở kiến cảnh giới, dẫn sử chúng sanh kiến văn chi giả, phát Bồ Đề tâm, tác độc cố duyên nhĩ”. Chiêu văn tư ngữ, tiện tùy ức niệm lục chi.

(傳)僧云：「大聖文殊，現在此山，尚招人謗，況汝所見境界。但使眾生見聞之者，發菩提心，作毒鼓緣耳。」照聞斯語，便隨憶念錄之。

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Tăng nhân nói: “Đại thánh Văn Thù hiện đang ngự trong núi này, còn bị người khác nghi ngờ, phỉ báng, huống hồ cảnh giới mà ông đã trông thấy ư? Chỉ cần khiến cho những chúng sanh thấy nghe chuyện này cùng phát tâm Bồ Đề, tạo thành nhân duyên cái trông bôi thuốc độc là được rồi” (“Đồ độc cổ” (涂毒鼓, trống bôi thuốc độc) là trong quá khứ, Ấn Độ có một cái trống lớn, trên mặt trống bôi một tầng chất độc. Khi chiến đấu, hễ đánh lên, toàn bộ những kẻ nghe tiếng trống ấy đều mất mạng. Điều này biểu thị: Do nghe chuyện như vậy, sẽ đều kết duyên thù thắng vô thượng, rút cuộc phát Bồ Đề tâm, đạt được giải thoát). Ngài Pháp Chiếu nghe lời nói ấy, bèn chiếu theo những điều mình còn nhớ để ghi chép lại.

6. Sự chứng nghiệm trông thấy của những người khác

(Truyện) Thời Giang Đông Thích Huệ Tùng, dĩ Đại Lịch lục niên chánh nguyệt nội, dữ Hoa Nghiêm Tự Sùng Huy, Minh Khiêm đẳng, tam thập dư nhân, tùy Chiêu chí Kim Cang Quật sở, thân thị Bát Nhã Viện lập thạch tiêu ký. Ứ thời đồ chúng, thành tâm chiêm ngưỡng, bi hỷ vị dĩ, toại văn chung thanh. Kỳ âm nhã lượng, tiết giải phân minh, chúng giai văn chi, kinh dị vu thậm, nghiệm hồ sở kiến bất hư. Cổ thư ư ốc bích, phổ sử kiến văn, đồng phát thắng tâm, cộng kỳ Phật huệ.

(傳)時江東釋慧從，以大曆六年正月內，與華嚴寺崇暉明謙等三十餘人，隨照至金剛窟所，親示般若院立石標記。於時徒眾，誠心瞻仰，悲喜未已，遂聞鐘聲。其音雅亮，節解分明。眾皆聞之，驚異尤甚，驗乎所見不虛。故書於屋壁，普使見聞，同發勝心，共期佛慧。

Lúc ấy, tăng nhân Thích Huệ Tùng tại Giang Đông vào tháng Giêng năm Đại Lịch thứ sáu (771), cùng với các vị Sùng Huy, Minh Khiêm v.v... thuộc chùa Hoa Nghiêm hơn ba mươi người theo ngài Pháp Chiếu đến chỗ hang Kim Cang. Đích thân [ngài Pháp Chiếu] chỉ bày nơi chốn của Bát Nhã Viện, và chỗ lập bia đá để ghi dấu. Lúc đó, đồ chúng thành tâm chiêm ngưỡng, buồn vui chẳng ngớt. Ngay khi ấy, [mọi người] nghe tiếng chuông, âm thanh thanh nhã, du dương, tiết tấu rõ ràng. Mọi người đều nghe thấy, đặc biệt kinh dị, họ cũng nghiệm

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

chúng cảnh giới do ngài Pháp Chiếu đã thấy là chân thật, chẳng hư giả. Vì thế, họ đem kinh nghiệm này viết lên tường nhà, khiến cho hết thảy những người thấy nghe đều cùng phát Bồ Đề tâm thù thắng, cùng nhau mong cầu chứng đắc trí huệ của Phật.

7. Dựng chùa kỷ niệm và các tượng lành khác

(Truyện) Tự hậu, Chiếu hựu y sở kiến hóa Trúc Lâm Tự đề ngạch xứ, kiến tự nhất khu, trang nghiêm tinh lệ, tiện hiệu Trúc Lâm yên. Hựu Đại Lịch thập nhị niên cửu nguyệt thập tam nhật, Chiếu dĩ đệ tử bát nhân, ư Đông Đài đồ bạch quang sở tứ. Thứ hữu dị vân ái dĩ, vân khai kiến ngũ sắc thông thân quang, quang nội hữu viên quang hồng sắc, Văn Thù thừa thanh mao sư tử, chúng giai minh kiến, nãi phi vi hạ tuyết, cập ngũ sắc viên quang, biến vu sơn cốc.

(傳)自后照又依所見化竹林寺題額處，建寺一區，莊嚴精麗，便號竹林焉。又大曆十二年九月十三日，照與弟子八人，於東台睹白光數四。次有異雲叢礙，雲開見五色通身光，光內有圓光紅色，文殊乘青毛師子，眾皆明見，乃霏微下雪，及五色圓光，遍于山谷。

Sau đây, ngài Pháp Chiếu lại dựa theo chỗ có tám biển đề Trúc Lâm Tự hóa hiện như chính mình đã trông thấy, dựng một ngôi chùa tại đó, trang nghiêm, tinh diệu, hoa lệ, đặt tên là Trúc Lâm Tự. Lại vào ngày Mười Ba tháng Chín năm Đại Lịch mười hai (777), ngài Pháp Chiếu và tám người đệ tử bốn lần trông thấy quang minh màu trắng tại Đông Đài. Tiếp đó, có mây lành lạ thường lượn lờ bốn phía. Sau khi mây tản ra, [mọi người] trông thấy quang minh ngũ sắc trong ngoài thấu suốt. Trong quang minh có viên quang màu đỏ, Văn Thù đại thánh cưỡi sư tử lông xanh hiện thân trong ấy. Mọi người đều trông thấy rất rõ ràng. Kế đó, trời đổ tuyết li ti, viên quang năm màu chiếu trọn khắp sơn cốc.

(Truyện) Kỳ đồng kiến đệ tử Thuần Nhất, Duy Tú, Quy Chánh, Trí Viễn, sa-di Duy Anh, ư-bà-tắc Trương Hy Tuấn đặng. Chiếu hậu đốc cùng kỳ tâm, tu luyện vô khoáng, bất tri kỳ chung. Giảng

Châu bình duyên Vương Sĩ Chiêm, thuật Thánh Tự ký vân (Cao Tăng Truyện tam tập Cảm Thông thiên)

(傳)其同見弟子純一、惟秀、歸政、智遠、沙彌惟英、優婆塞張希俊等。照後篤鞏其心，修煉無曠，不知其終。絳州兵掾王士詹，述聖寺記云（高僧傳三集感通篇）。

Những đệ tử cùng trông thấy cảnh tượng lúc đó có Thuần Nhất, Duy Tú, Quy Chánh, Trí Viễn, cùng với sa-di Duy Anh, cư sĩ Trương Hy Tuấn v.v... Từ đó trở đi, ngài Pháp Chiếu kiên định cái tâm, tu hành chưa hề trễ tràng, bỏ phế. Về sau, chẳng biết kết cục của Ngài như thế nào. Viên phó quan [coi việc binh] ở Giáng Châu là Vương Sĩ Chiêm đã viết bản Thánh Tự Ký nói rõ chuyện này (chuyện này trích từ thiên Cảm Thông của quyển ba bộ Cao Tăng Truyện).

Văn Thù Bồ Tát khai thị pháp môn tu hành, không gì hơn niệm Phật và cúng dường Tam Bảo, tức phước huệ song tu. Hai môn Niệm Phật và cúng dường chính là đường lối trọng yếu nhất. Trong Mộng Du Tập, Hám Sơn đại sư có một đoạn giải thích, xiển dương, trần thuật nghĩa lý trọng yếu trong đó.

Đại sư nói: - Tu trí huệ bằng quán tâm, tu phước đức bằng vạn hạnh. Quán tâm thì lấy Niệm Phật làm bậc nhất, vạn hạnh lấy cúng dường làm điều trọng yếu bậc nhất. Hai môn này là Tổng Trì. Trong thường nhật, hết thảy khởi tâm động niệm của chúng ta đều là vọng tưởng, là căn bản của sanh tử, cho nên chuốc lấy khổ quả. Nay chuyển cái tâm vọng tưởng thành niệm Phật, vậy thì niệm nào cũng đều trở thành cái nhân Tịnh Độ, là lạc quả. Nếu niệm tâm này tiếp nối niệm tâm khác, niệm Phật chẳng gián đoạn, như vậy thì vọng tưởng tiêu diệt, tâm quang phát lộ, trí huệ hiện tiền, có thể thành tựu Phật, Pháp, Tăng. Sở dĩ chúng sanh bần cùng, chẳng có phước huệ, là vì đời đời kiếp kiếp chưa hề có một niệm cúng dường Tam Bảo hòng cầu phước đức, chỉ là làm một cái thân sanh tử khổ sở, niệm nào cũng đều tham đắm niềm vui ngũ dục, tạo thành căn bản bồi đắp nỗi khổ. Nay chuyển cái tâm tham đắm bản thân thành cúng dường Tam Bảo, dùng sanh mạng hữu hạn, tùy tâm lượng sức để cúng dường mười phương, dầu chỉ cúng một nén hương, một đóa hoa, hạt gạo, một cân rau v.v... đều có thể đạt được phước đức vô cùng. Dùng điều này để cảm vờ Phật quả, Hoa

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Tạng trang nghiêm, tạo thành Tự Thọ Dụng trong tương lai. Liả bỏ hai môn Niệm Phật và cúng dường, sẽ chẳng có diệu hạnh để thành Phật.

Từ chỗ này, chúng ta có thể thấu hiểu ý nghĩa bao hàm trong lời dạy của Văn Thù Bồ Tát.

Phụ lục 2

Đường Lạc Dương Võng Cực Tự Huệ Nhật Truyền

(唐洛陽罔極寺慧日傳 - truyền của ngài Huệ Nhật chùa Võng Cực ở Lạc Dương vào đời Đường)

(Truyện) Thích Huệ Nhật, tục tánh Tân thị, Đông Lai nhân dã. Trung Tông triều đắc độ, cập đăng Cụ Túc.

(傳)釋慧日，俗姓辛氏，東萊人也。中宗朝得度，及登具足。

Thích Huệ Nhật, họ ngoài đời là Tân, người xứ Đông Lai, được đắc độ làm Tăng vào đời Đường Trung Tông. Sau khi xuất gia, Ngài liền đăng đàn, thọ Cụ Túc Giới.

(Truyện) Hậu ngộ Nghĩa Tịnh Tam Tạng, tạo Nhất Thừa chi cực, cung nghệ Trúc Càn, tâm hằng tiệp mộ, Nhật toại thệ du Tây Vực.

(傳)后遇義淨三藏，造一乘之極，躬詣竺乾，心恆羨慕，日遂誓游西域。

Về sau, Ngài lại gặp ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng, cho nên có bản lãnh tột bậc sâu đậm nơi Nhất Thừa Phật pháp. Đối với chuyện ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng đích thân sang Thiên Trúc Tây Ấn Độ [câu pháp], trong tâm ngài Huệ Nhật thường hâm mộ. Do vậy, Ngài phát thệ sẽ du học Tây Vực.

(Truyện) Thử giả, phẩm bạc độ hải, tự kinh tam tải, Đông Nam hải trung chư quốc Côn Luân, Phật Thệ, Sư Tử Châu đẳng kinh quá lược biến. Nãi đạt Thiên Trúc, lễ yết thánh tích, tâm cầu Phạn bản, phỏng thiện tri thức, nhất thập tam niên, tư bảm pháp huân, tư dục lợi nhân, chấn tích hoàn hương, độc ảnh cô chinh. Tuyết Lãnh, Hồ Hương, hựu thiệp tứ tải.

(傳)始者泛舶渡海，自經三載，東南海中諸國崑崙佛誓師子洲等，經過略遍。乃達天竺，禮謁聖跡，尋求梵本，訪善知識，一十三年，咨稟法訓。思欲利人，振錫還鄉，獨影孤征。雪嶺胡鄉，又涉四載。

Thoạt đầu, Ngài sang Ấn Độ bằng cách ngồi thuyền theo đường biển, trải qua ba năm. Các nước ở trong Đông Hải và Nam Hải như Côn Luân³⁸, Phật Thệ, Sư Tử Châu v.v... cơ bản là Ngài đều đi qua rồi mới đến Ấn Độ. Đã đến nơi, bèn triều bái các thánh tích nơi đức Phật dẫn sanh, thành đạo, nhập Niết Bàn v.v... tìm kiếm kinh bản bằng tiếng Phạn, tham phỏng bậc thiện tri thức. Suốt mười ba năm tìm hỏi, nhận lãnh các pháp yếu. Do trong tâm Ngài mong lợi lạc chúng sanh, bèn chống tích trượng quay về Đông Độ, một mình đi đường xa xôi, theo đường bộ đi qua Tuyết Lãnh, Hồ Hương³⁹, lại trải qua bốn năm như vậy.

(Truyện) Ký kinh đa khổ, thâm yếm Diêm Phù, hà quốc, hà phương, hữu lạc vô khổ? Hà pháp, hà hạnh, năng tốc kiến Phật? Biển vẫn Thiên Trúc Tam Tạng học giả, sở thuyết giai tán Tịnh Độ. Phục hợp kim khẩu, cực u tốc tât, thị nhất sanh lộ, tận thử báo thân, tât đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới, thân đắc phụng sự A Di Đà Phật.

(傳)既經多苦，深厭閻浮。何國何方，有樂無苦？何法何行，能速見佛？遍問天竺三藏學者，所說皆贊淨土。復合金口，極於速疾，是一生路，盡此報身，必得往生極樂世界，親得奉事阿彌陀佛。

³⁸ Côn Luân là danh từ dịch nghĩa từ chữ Dvipala trong tiếng Phạn, còn gọi là Quạt Luân Quốc, Cốt Luân Quốc, là danh xưng phiếm chỉ các đảo quốc và bán đảo tại vùng Nam Hải (Ấn Độ Dương và Nam Thái Bình Dương). Nói chung là các xứ Java, Sumatra, đôi khi còn hiểu rộng là các xứ Miến Điện, Mã Lai v.v... Không rõ danh xưng Côn Luân phát xuất từ đâu, nhưng theo cách giải thích thông thường thì trong tiếng địa phương, vị quan to được gọi là Côn Luân, nên vùng này được gọi là Côn Luân Châu. Phật Thệ là kinh đô của Lâm Ấp (vương quốc Champa cổ), dịch từ chữ Kandapurpura. Sư Tử Châu là dịch từ chữ Simhaladvipa (đảo Sư Tử), nay là Sri Lanka.

³⁹ Tuyết Lãnh là vùng đất ở chân núi Tuyết Sơn (Hy Mã Lạp Sơn), Hồ Hương là danh từ phiếm chỉ các nước thuộc vùng Tây Vực (giữa Trung Hoa và Ấn Độ).

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Vì đã từng trên đường trải qua rất nhiều nổi nhọc nhằn, Sư chán nhàm sâu xa thế giới Diêm Phù Đề, trong tâm suy nghĩ: “Quốc độ nào, nơi chốn nào chỉ vui không khổ? Tu loại pháp hạnh nào thì sẽ có thể mau chóng thấy Phật?” Sư liền đem vấn đề này hỏi các bậc học giả Tam Tạng của Ấn Độ, họ đều trả lời bằng cách tán thán Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ. Câu trả lời của họ hoàn toàn phù hợp với những điều mà kim khẩu của đức Phật Thích Ca đã truyền dạy. Pháp môn Niệm Phật là con đường tốt bậc nhất nhanh chóng thành tựu trong một đời. Đời này, vào lúc chung cục của cái thân Ngũ Uẩn này, nhất định sẽ có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, đích thân có thể phụng sự A Di Đà Phật (khi đó, các vị Tam Tạng học giả của Ấn Độ trả lời pháp sư Huệ Nhật đều nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có lạc, chẳng có khổ, tu hạnh niệm Phật sẽ có thể mau chóng thấy Phật).

(Truyện) Văn dĩ dẫn thọ, tiếm chí Bắc Ấn Độ, Kiện Đà La quốc, vương thành Đông Bắc, hữu nhất đại sơn, sơn hữu Quán Âm tượng, hữu chí thành kỳ thỉnh, đa đắc現身.

(傳)聞已頂受，漸至北印度，健馱羅國，王城東北，有一大山。山有觀音像，有志誠祈請，多得現身。

Pháp sư Huệ Nhật nghe xong, đánh lễ thọ trì. Sau đấy, dần dần đi đến nước Kiện Đà La (Gandhāra) ở Bắc Ấn Độ. Khi đó, Đông Bắc của vương thành có một quả núi lớn. Trên núi có thánh tượng Quán Âm, hễ ai nhất tâm chí thành cầu thỉnh, rất nhiều người đều cảm đức Quán Âm hiện thân.

(Truyện) Nhật toại thất nhật khẩu đầu, hựu đoạn thực, tất mạng vi kỳ. Chí thất nhật dạ thả vị vương, Quán Âm không trung hiện tử kim sắc tướng, trường nhất trượng dư, tọa bảo liên hoa, thùy hữu thủ ma Nhật dẫn viết: “Nhữ dục truyền pháp tự lợi, lợi tha, Tây Phương Tịnh Độ, Cực Lạc thế giới, Di Đà Phật quốc, khuyến linh niệm Phật tụng kinh, hồi nguyện vãng sanh. Đáo bỉ quốc dĩ, kiến Phật cập ngã, đắc đại lợi ích. Nhữ tự đương tri Tịnh Độ pháp môn, thắng quá chư hạnh”. Thuyết dĩ hốt diệt.

(傳)日遂七日叩頭，又斷食，畢命為期。至七日夜且未央，觀音空中現紫金色相，長一丈余，坐寶蓮華，垂右手摩日頂曰：「汝欲傳法自利利他，西方淨土，極樂世

界，彌陀佛國，勸令念佛誦經，回願往生。到彼國已，見佛及我，得大利益。汝自當知淨土法門，勝過諸行。」說已忽滅。

Do vậy, ngài Huệ Nhật trong bảy ngày đánh lễ và nhịn ăn, lấy hết mạng làm hạn (dầu sanh mạng đoạn tuyệt vẫn chẳng ngưng dứt giữa chừng, một mực đánh lễ cầu nguyện). Cho đến đêm ngày thứ bảy, vào lúc đêm còn chưa tàn, đức Quán Âm hiện thân tướng màu vàng tía trong hư không, cao hơn một trượng, ngồi trên hoa sen báu, duỗi tay phải xoa đỉnh đầu ngài Huệ Nhật, bảo: “*Ông mong truyền pháp để tự lợi, lợi tha, phải biết ở phương Tây có Tịnh Độ tên là thế giới Cực Lạc, là quốc độ của A Di Đà Phật. Ông hãy nên khuyên dạy chúng sanh niệm Phật, tụng kinh, đem hết thầy thiện căn hồi hướng, nguyện vãng sanh Tây Phương. Sau khi đã đến nước ấy, sẽ thấy A Di Đà Phật và Quán Âm ta, đạt được lợi ích to lớn. Khi đó, chính ông sẽ tự biết pháp môn Tịnh Độ vượt trội các pháp tu hành khác*”. Nói xong, Ngài bỗng ầm mất.

(Truyện) Nhật đoạn thực ký khổ, văn thử cường tráng.

(傳)日斷食既困，聞此強壯。

Trước đó, ngài Huệ Nhật đã nhịn ăn bảy ngày, thân tâm đặc biệt hư nhược, mỗi một, nay vừa nghe pháp ngữ của đức Quán Âm, thân tâm ngay lập tức mạnh mẽ.

(Truyện) Cập dăng lãnh Đông quy, kế hành thất thập dư quốc, tổng nhất thập bát niên. Khai Nguyên thất niên, phương đạt Trường An. Tiến đế Phật chân dung, phạm giáp đẳng, khai ngộ đế tâm, tứ hiệu viết Tì Mẫn Tam Tạng.

(傳)及登嶺東歸，計行七十餘國，總一十八年。開元七年，方達長安。進帝佛真容梵夾等，開悟帝心，賜號曰慈愍三藏。

Lại nói, ngài Huệ Nhật vượt Thông Lĩnh (Pamir), trở về Đông Độ, tổng cộng đi qua hơn bảy mươi quốc gia, trước sau trải qua mười

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

tám năm. Tới năm Khai Nguyên thứ bảy (719)⁴⁰ mới tới Trường An, hướng về hoàng đế dâng lên hình vẽ chân dung đức Phật và kinh điển bằng tiếng Phạn v.v... và thuyết pháp khiến cho tâm hoàng đế mở mang, sáng suốt, giác ngộ. Hoàng đế ban cho Ngài danh hiệu là Từ Mẫu Tam Tạng.

(Truyện) Sanh thường cần tu Tịnh Độ chi nghiệp, trước Vãng Sanh Tịnh Độ Tập hành u thế. Kỳ đạo dữ Thiện Đạo, Thiếu Khang, dị thời đồng hóa dã.

(傳)生常勤修淨土之業，著往生淨土集行於世。其道與善導少康，異時同化也。

Huệ Nhật đại sư suốt đời luôn chuyên ròng siêng năng tu pháp nghiệp Tịnh Độ. Ngài có soạn bộ Vãng Sanh Tịnh Độ Tập lưu hành trong cõi đời. Ngài xiển dương pháp đạo Tịnh Độ, có thể nói là cùng với các vị Thiện Đạo đại sư, Thiếu Khang đại sư khác thời mà cùng dùng pháp môn Niệm Phật để giáo hóa chúng sanh quy hướng Tịnh Độ giống như nhau.

Phụ lục 3

Tông Trách Thiên Sư Liên Hoa Thắng Hội Lục Văn

(宗蹟禪師蓮華勝會錄文 - bài văn về tập sách Liên Hoa Thắng Hội Lục của thiên sư Tông Trách)

*** Giới thiệu đại lược về tác giả**

Thiên sư Tông Trách là bậc đại đức thời Tống, người xứ Tương Dương. Cha Ngài mất sớm, mẹ là Trần Thị. Đại sư được cậu nuôi nấng khôn lớn. Tuổi thiếu niên học Nho, thông đạt rộng rãi các sách vở thế gian. Lúc hai mươi chín tuổi, Sư xin xuất gia với thiên sư Trường Lưu Tú ở Chân Châu, thấu hiểu sâu xa tâm yếu của Thiên Tông. Trong niên

⁴⁰ Khai Nguyên là niên hiệu thứ hai của Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng, Lý Long Cơ) từ năm 713 đến năm 741. Đường Huyền Tông sử dụng ba niên hiệu là Tiên Thiên, Khai Nguyên, và Thiên Bảo.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

hiệu Nguyên Hựu⁴¹, Sư trụ tại chùa Trường Lư, đón mẹ về cho ở trong một căn phòng nơi phía Đông của phương trượng, khuyên mẹ xuất gia trì niệm A Di Đà Phật, trước sau trải qua bảy năm. Khi mẹ Ngài lâm chung, chẳng có bệnh tật, niệm A Di Đà Phật vãng sanh, ngài Tông Trách nghĩ rằng: Để chính mình trọn hết lòng báo ân mẹ, hãy phỏng theo khuôn phép thơm thảo của Lư Sơn Huệ Viễn đại sư mà kiến lập Liên Hoa Thắng Hội, khuyên khắp tăng tục tu tập Tây Phương diệu quán. Kế đó, chuyên trì danh hiệu Phật, hồi hướng, phát nguyện để mong cùng sanh về Tịnh Độ. Ngài tự mình viết bài văn đề xướng suất, hướng dẫn [đại chúng]. Đây chính là bài Liên Hoa Thắng Hội Lục Văn này.

*** Ý nghĩa chánh yếu của bài văn này**

Bài văn này nhằm dẫn dắt hết thảy những bậc hữu chí vào biển cả Tịnh Độ. Do vậy, phải trừ khử những nỗi nghi hoặc của mọi người, khiến cho mọi người thấy rõ con đường mang nghĩa lý to lớn này, phù hợp Thật Tế Lý Thể, duyên khởi, đại dụng, có thể thành tựu Phật đạo nhanh chóng. Do vậy, trước hết là trừ khử nỗi nghi hoặc của đại chúng cho rằng “*sanh về Tịnh Độ là trái nghịch lý Vô Sanh*”, chỉ rõ chấp Có hay chấp Không chính là [chấp vào] hai bên Thường và Đoạn, “*vô niệm mà niệm, vô sanh mà sanh*”, khế hợp diệu thể Trung Đạo, cũng là nơi Thật Tế lý địa chẳng nhiễm mây trần, chẳng thấy có Phật để có thể niệm, có cõi để có thể sanh về, nhưng “*trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp*”, chẳng ngại nồng nhiệt niệm Phật, nồng nhiệt cầu sanh. Hơn nữa, chính là vì nhân tâm của chính mình ứng hợp với bi nguyện nơi quả Phật, cảm ứng đạo giao; do vậy, chẳng vãng mà vãng, không sanh mà sanh!

Kế đó, phải trừ khử nỗi nghi hoặc của đại chúng cho rằng “*có ua, có ghét tức là trái nghịch tánh bình đẳng*”. Vì thế, phải nêu bày thâm tâm của đấng Đạo Sư hai cõi. Đức Thích Ca dùng Chiết môn (môn chiết phục) dẫn chúng sanh lìa khỏi nhà lửa, đức Di Đà dùng Nhiếp môn nhiếp thọ chúng sanh trở về Lạc quốc. Nhưng tâm ý của bậc Đạo Sư hai cõi không chỉ giới hạn ở chỗ khiến cho chúng sanh

⁴¹ Nguyên Hựu là niên hiệu đầu tiên của Tống Triết Tông (Triệu Hú) từ năm 1086 đến năm 1094. Tống Triết Tông sử dụng ba niên hiệu là Nguyên Hựu, Thiệu Thánh và Nguyên Phù.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

sanh lòng ưa chán, mà là sau khi do ưa chán bèn đạt tới cõi nước tốt nhất trọn đủ thuận duyên để thành đạo, sẽ khế hợp, chứng đắc Vô Sanh Không Tánh tại đó, đạt được Vô Sanh Pháp Nhân. Cuối cùng, trừ bỏ hai bên ưa và ghét, đạt tới bình đẳng tánh địa. Nêu bày chỗ then chốt to lớn trong giáo pháp của bậc Đạo Sư hai cõi như thế đó.

Tiếp đó, Sư bảo cho chúng ta biết, nơi địa vị hiện tiền, đương nhiên là có ưa, chán. Chúng sanh hễ thân ở trong quốc độ Sa Bà đều hướng tới thuận duyên để tu pháp, chẳng hạn như đạo tràng tốt đẹp, bậc thầy hướng dẫn tốt đẹp, quyến thuộc đồng bạn tốt đẹp, lại còn có thể chẳng gặp duyên gây thoái thất, được trường thọ, ngũ hầu tăng tấn dài lâu nơi pháp tu v.v... Đã có loại nguyện ưa thích ấy, thế mà thế giới Cực Lạc trọn đủ các thuận duyên nơi thầy, bạn, cảnh v.v... Lại còn đạt được vô lượng thọ, dẫu trong một sát-na cũng chẳng thoái chuyển. Vì thế, càng nên cầu sanh [Tịnh Độ]. Hơn nữa, chẳng đạt tới địa vị của bậc thánh mà mong độ sanh trong thế giới này, chính là biểu hiện của sự phán đoán sai lầm về giai đoạn. Sau khi đã phân định giai đoạn rõ ràng, sẽ biết bước đầu tiên là phải vãng sanh Tịnh Độ, bước thứ hai là thành Phật trong Tịnh Độ. Sau đó, quay trở vào mười phương rộng độ chúng sanh. Sau khi đã thấy rõ sự mê hoặc nơi bản thân và sự tất yếu của vãng sanh như vậy, sẽ thấy phải nên sanh lòng tin phát nguyện, một dạ tiến hướng Tịnh Độ.

Sau đây, phải liễu giải: Sau khi đã vãng sanh, sẽ có trình độ như thế nào, cũng chính là quyết định đạt tới địa vị Bất Thoái Chuyển, nhanh chóng khai phát tâm tánh, viên thành hạnh nguyện Phổ Hiền, đích xác là chẳng thể nghĩ bàn.

Cũng giống như vậy, sau khi đã thấy rõ ràng toàn thể lộ trình của nghĩa lý to lớn, tâm mọi người bèn nhất trí, nguyện nhất trí, mục tiêu nhất trí. Vì thế, hãy nên kết thành đồng minh, nhất tâm quán Phật, niệm Phật để cầu sanh Tịnh Độ. Từ trên cơ sở này, sẽ hiệu triệu mọi người kết thành Liên Hoa Thắng Hội.

Cuối cùng, nhắc đến hai vị Đại Sĩ là Phổ Hiền và Phổ Huệ đã âm thầm tán trợ đại pháp hội. Do đó, biết đây là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, cho nên cảm vời Phổ Hiền Bồ Tát và Phổ Huệ Bồ Tát đến tham gia. Điều này cũng khiến cho những người tu trì càng có tín tâm, biết con đường này hết sức thù thắng.

*** Phân đoạn giải thích**

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Bài văn trừ danh này có ý nghĩa trọng yếu rất sâu rộng, chúng ta chia thành sáu đoạn để lãnh hội:

- Một là Tịnh Độ diệu đạo.
- Hai là thâm tâm của hai đức Phật.
- Ba là phá Hoặc, nguyện sanh.
- Bốn là tiền trình của Tịnh Độ.
- Năm là quyết chí cùng vãng sanh.
- Sáu là Bồ Tát ngàm tán trợ.

1. Tịnh Độ diệu đạo

(Văn) Phù dĩ niệm vi niệm, dĩ sanh vi sanh giả, thường kiến chi sở thất dã. Dĩ vô niệm vi vô niệm, dĩ vô sanh vi vô sanh giả, tà kiến chi sở hoặc dã. Niệm nhi vô niệm, sanh nhi vô sanh giả, Đệ Nhất Nghĩa Đế dã.

(文)夫以念為念，以生為生者，常見之所失也。以無念為無念，以無生為無生者，邪見之所惑也。念而無念，生而無生者，第一義諦也。

(Văn: Hễ coi niệm là niệm, coi sanh là sanh thì phạm lỗi về Thường Kiến. Nếu coi vô niệm là vô niệm, coi vô sanh là vô sanh thì là sai lầm về Tà Kiến. Niệm mà vô niệm, sanh mà vô sanh thì chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế).

Trước hết, chỉ rõ sự khác biệt giữa Thường Kiến, Đoạn Kiến, và Đệ Nhất Nghĩa Đế. Cho rằng niệm là thật sự có một cái để niệm, sanh là có một cái sanh chân thật, đây là sự sai lầm thuộc về Thường Kiến. Nghĩ vô niệm là hoàn toàn dứt bật, vô sanh cũng là hoàn toàn chẳng có, đây là sự mê hoặc thuộc về Đoạn Kiến. Ngay trong lúc đang niệm mà thực tế chẳng có niệm để có thể đạt được, chính ngay trong lúc đang sanh mà thực tế chẳng có cái gì sanh để đạt được, thì là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Đối với bất cứ một pháp nào, nếu cho rằng có riêng một thể tánh của pháp ấy để có thể đạt được thì chính là rơi vào Thường Kiến. Nếu cho rằng thứ gì cũng chẳng có, giống như “lông rùa, sừng thỏ”, tức là rơi vào Đoạn Kiến. Trên thực tế, người đời cho rằng có niệm hoặc sanh sẽ chẳng rơi vào Đoạn, nhưng hoàn toàn chẳng giống như người đời cho rằng “như vậy thì sẽ có thể đạt được một cái sanh hay là niệm”,

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

trên thực tế, sẽ chẳng tìm được. Khi đã hiện chứng, cũng chẳng có một tướng như vậy để có thể đạt được. Vì thế gọi là “*niệm mà vô niệm*”, “*sanh mà vô sanh*”, Không và Hữu là bất nhị. Đây là Đệ Nhất Nghĩa Đê.

(Văn) Thị dĩ Thật Tế lý địa, bất thọ nhất trần, tắc thượng vô chư Phật chi khả niệm, hạ vô Tịnh Độ chi khả sanh. Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp, tắc tổng nhiếp chư căn, cái hữu Niệm Phật tam-muội, hoàn nguyên yếu thuật, thị khai vãng sanh nhất môn.

(文)是以實際理地，不受一塵，則上無諸佛之可念，下無淨土之可生。佛事門中，不舍一法，則總攝諸根，蓋有念佛三昧，還源要術，示開往生一門。

(Văn: Do vậy, nơi Thật Tế lý địa, chẳng nhiễm mảy trần, nên trên là chẳng có chư Phật để có thể niệm, dưới là chẳng có Tịnh Độ để có thể sanh. Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp, nên nhiếp trọn các căn, bởi lẽ, có Niệm Phật tam-muội là thuật trọng yếu để trở về nguồn, [do vậy], chỉ bày, mở ra một môn vãng sanh).

Do đạo lý này bèn biết: Nơi Thật Tế lý địa, chẳng nhiễm mảy trần, chẳng có bất cứ khách trần nào, hoặc chẳng có trần cấu hý luận thuộc về bốn bên⁴², vốn sẵn thanh tịnh. Do vậy, nói theo phía trên, thì chẳng có chư Phật để có thể niệm, chẳng có tướng Phật để có thể đạt được. Dưới thì chẳng có Tịnh Độ để có thể sanh về, mà cũng chẳng có một cái tướng Tịnh Độ thực thể để có thể sanh về! Trong Không Như Lai Tạng, hết thấy trần cấu đều chẳng thể được, hết thấy tướng đều chẳng thể được, vốn là lặng trong, thanh tịnh. Thế nhưng, trong phương diện Phật sự, chẳng bỏ một pháp, hết thấy đều là diệu dụng của Phật Tánh. Nó có thể trọn đủ, có thể chiếu, có thể hiển hiện vô biên duyên khởi. Trong ấy, sẽ nhiếp trọn các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, khiến cho tịnh niệm niệm Phật liên tục, đạt được tam-muội. Có phương pháp trọng yếu và nhiệm mầu như thế để trở về cội nguồn sẵn có, cho nên bèn chỉ bày, mở ra một môn mầu nhiệm vãng sanh Tịnh Độ này.

⁴² Ý nói chẳng có những khái niệm thuộc về Tứ Cú, tức là có, không, vừa có vừa không, và chẳng có chẳng không.

(Văn) *Sở dĩ chung nhật niệm Phật, nhi bất quai u vô niệm. Xí nhiên vãng sanh, nhi bất quai u Vô Sanh. Cố năng phạm thánh các trụ tự vị, nhi cảm ứng đạo giao. Đông, Tây bất tương vãng lai, nhi thần thiên tịnh sát. Thử bất khả đắc nhi trí cật dã.*

(文)所以終日念佛，而不乖於無念。熾然往生，而不乖於無生。故能凡聖各住自位，而感應道交。東西不相往來，而神遷淨刹。此不可得而致詰也。

(Văn: *Vì thế, suốt ngày niệm Phật mà chẳng trái nghịch Vô Niệm. Hăm hở vãng sanh mà chẳng trái nghịch Vô Sanh. Vì thế, phạm thánh đều có thể trụ nơi địa vị của chính mình mà cảm ứng đạo giao. Đông và Tây chẳng qua lại mà thần thức đã dời sang cõi tịnh. Chẳng thể cật vấn chuyện này được).*

Do vì Chân Không và Diệu Hữu vốn bất nhị, hoặc là do Không Tánh và duyên khởi bất nhị; cho nên suốt ngày niệm Phật mà chẳng trái nghịch vô niệm. Ngay trong khi đang niệm, thực tế là vô niệm. Ngay trong lúc vô niệm, chẳng trở ngại niệm Phật. Hai đằng chẳng mâu thuẫn. Cũng giống như vậy, dầu có vãng sanh, vẫn chẳng trái nghịch lý Vô Sanh. Vì thế, bậc thánh và phạm phu ai nấy ở yên nơi địa vị của chính mình, mà cảm ứng đạo giao. Phạm nhân thuộc địa vị phạm nhân, do lòng thành bèn có thể cảm; thánh thuộc địa vị thánh, do đại bi nguyện mà có thể ứng. Phạm tâm và thánh tâm chẳng ngăn cách, chỉ cần duyên khởi tương ứng, thì sẽ tự nhiên thông thấu và cảm ứng lẫn nhau.

Hơn nữa, trong Thật Tế, chẳng có các tướng từ Đông đi về Tây v.v... nhưng duyên khởi chẳng mất, ngay trong khi nhân duyên hội hợp, tâm thức đã thuộc trong cõi Cực Lạc. Nếu tìm kiếm nơi Thật Tế, có một tung tích như vậy hay chẳng? Đích xác là chẳng tìm thấy! Vì nó là Pháp Tánh Không, chẳng có nhân tướng lẫn pháp tướng để có thể đạt được, chẳng tìm thấy một thực thể từ bên Đông đi sang bên Tây! Nhưng khi duyên khởi hội hợp, tự nhiên xuất hiện uẩn thân thanh tịnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, xuất hiện cõi nước thanh tịnh, sự thọ dụng thanh tịnh v.v...

“Thử bất khả đắc nhi trí cật dã” [nghĩa là] vì diệu lý vốn là như vậy, cho nên chẳng thể có chỗ nào để bác bỏ hay nghi ngờ được nữa!

(Văn) *Cố kinh vân: “Nhược nhân văn thuyết A Di Đà Phật,*

chấp trì danh hiệu, nãi chí thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”.

(文)故經云：「若人聞說阿彌陀佛，執持名號，乃至是人終時，心不顛倒，即得往生阿彌陀佛極樂國土。」

(Văn: Vì thế, kinh nói: “Nếu có người nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, cho đến khi người ấy lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”).

Đây là nói: “Trong phương diện Phật sự, chẳng bỏ một pháp Niệm Phật, một pháp vãng sanh Tịnh Độ”, quyết định có duyên khởi lực dụng như vậy. Chính người ấy nghe nói và tin nhận A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu của đức Phật từ một ngày cho đến bảy ngày v.v... lúc người ấy mạng chung, sẽ tự nhiên tâm chẳng điên đảo, tương ứng với Phật. Cho nên sẽ sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật.

Chuyện này chỉ rõ: Tuy vô sanh, nhưng chẳng trở ngại vãng sanh, chẳng trở ngại hiển hiện Tịnh Độ, cũng như do ở trong Tịnh Độ, được Phật gia bị, bèn nhanh chóng trở về cõi nguồn sẵn có mà thành Phật. Vì thế, chẳng cần rơi vào Đoạn Không Kiến, mà cũng chẳng cần rơi vào Thường Hữu Kiến. Pháp môn rất vi diệu, tuy chẳng thấy có một pháp để có thể đạt được, nhưng chẳng trở ngại cầu sanh Tịnh Độ, kiến lập Tịnh Độ. Tuy chẳng thấy có Phật tướng và chúng sanh tướng để có thể đạt được, nhưng chẳng trở ngại tâm chúng sanh và tâm Phật tương ứng. Các thứ vọng tướng (tướng hư vọng) tuy chẳng thể đạt được, nhưng lực dụng của duyên khởi chẳng mất, các thứ tánh chất vi diệu và hợp lý của pháp môn này đều chẳng bị phá. Sau khi đã hiểu rõ như vậy, sẽ có thể kiên định cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

2. Thâm tâm của hai đức Phật

(Văn) *Phù Như Lai Thế Tôn, tuy phân Chiết Nhiếp nhị môn, hiện cư tịnh uế lưỡng độ. Nhiên bốn thánh chí ý, khởi trực dĩ Sa Bà quốc độ, khâu, lãng, khanh, khảm, ngũ thú tạp cư, thổ, thạch chur sơn, uế ác sung mãn, dĩ thị vi khả yếm. Cực Lạc thế giới, hoàng kim vi địa, hàng thụ sâm không, lâu tủng thất trần, hoa phu tứ sắc, dĩ thị vi khả hân. Cái dĩ sơ tâm nhập đạo, Nhãn lực vị thuần, tu thác tịnh duyên, dĩ vi tăng thượng.*

(文)夫如來世尊，雖分折攝二門，現居淨穢兩土。然

本聖之意，豈直以娑婆國土，丘陵坑坎，五趣雜居，土石諸山，穢惡充滿，以是為可厭。極樂世界，黃金為地，行樹參空，樓聳七珍，華敷四色，以是為可忻。蓋以初心入道，忍力未淳，須托淨緣，以為增上。

(Văn: Đức Như Lai Thế Tôn tuy chia thành hai môn là Chiết và Nhiếp, thị hiện ở trong hai cõi tịnh và uế, nhưng thánh ý vốn há có phải là thẳng thừng vì cõi nước Sa Bà, gò, đống, hầm, hố, năm loài chung sống lẫn lộn, các quả núi bằng đất hay đá, xấu dở đầy dẫy mà cho đó là đáng chán; thế giới Cực Lạc vàng ròng làm đất, các hàng cây chen chúc chọc trời, lầu cao chót vót bằng bảy thứ quý báu, hoa khoe bốn màu mà coi đó là đáng ưa. Bởi lẽ, sơ tâm nhập đạo, Nhân lực chưa thuần, cần phải nương cậy tịnh duyên để làm Tăng Thượng [Duyên]).

Tuy hai vị Phật Thích Ca và Di Đà chia thành hai môn Chiết và Nhiếp, thị hiện ở tại hai cõi tịnh và uế để nhiếp hóa chúng sanh (Phật Thích Ca dùng Chiết môn để nhiếp thọ chúng sanh xuất ly uế độ, Phật Di Đà dùng Nhiếp môn để nhiếp thọ chúng sanh ưa thích, cầu sanh Tịnh Độ. Một Chiết và một Nhiếp như thế, dẫn dắt chúng sanh tới Tịnh Độ thành Phật), nhưng bản ý của hai vị thánh há có phải chỉ là khiến cho chúng sanh sanh tâm ưa chán mà đã coi là triệt để ư?

Chư Phật có cùng một bản hoài, chính là đều muốn khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, khiến cho chân tâm Nhất Chân pháp giới Như Lai tạng thanh tịnh của chúng sanh hiện tiền. Trong ấy, hết thảy trần cấu đều chẳng thể được, chẳng có chỗ đáng ghét, hằng sa công đức trong tự tánh vốn sẵn trọn đủ, chẳng cần hướng ra ngoài để ưa thích, giữ lấy. Do đó, dụng ý của Phật hoàn toàn chẳng phải là khiến cho chúng sanh chỉ dùng ở chỗ giữ lấy tướng. Cũng có nghĩa là há có phải do thế giới Sa Bà đầy dẫy đồi, gò, hầm, hố, trời người, bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục, năm đường chung sống lẫn lộn, mà coi đây là đáng chán ghét; do thế giới Cực Lạc vàng ròng làm đất, các hàng cây chen chúc chọc trời, lầu gác dùng bảy báu để hợp thành, hoa sen nở thành bốn màu sắc đẹp đẽ xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... do có trọn đủ các công đức trang nghiêm mà coi là đáng ưa thích, như thế là “bỏ cõi này, lấy cõi kia” mất rồi! Tâm ý rốt ráo của Phật là muốn dẫn dắt, nhiếp thọ chúng sanh trở về chỗ vốn sẵn có, đây là tánh đại bình đẳng, há có “Hai” để có thể được ư? Há có một cái đáng ghét và một cái đáng ưa ư?

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Đã là như thế, có sao bậc Đạo Sư hai cõi lại dùng hai môn Chiết và Nhiếp để dẫn chúng sanh về Cực Lạc Tịnh Độ? Đây là vì kẻ sơ phát tâm còn chưa thuần thực sức Vô Sanh Nhân, có sự ưa chán rất thô, có phiền não rất thô! Khi đã đạt tới sức Vô Sanh Nhân thuần thực, lúc ấy, hết thấy đều vô sanh, đều là Đại Không Tánh một vị, há riêng có hai thứ ư? Nhưng trước khi đạt đến mức độ ấy, sẽ có vấn đề rất lớn! Nếu chẳng chọn lựa duyên khởi tốt đẹp, đang ở địa vị thấp lè tè mà cứ cao giọng bàn luận “*hết thấy đều bình đẳng*”, từ thực tế, sẽ phát hiện ưa chán bùng bùng. Duyên theo cảnh hợp ý, sẽ đẩy lên tham dục rất lớn; duyên theo cảnh chẳng hợp ý, sẽ đẩy lên sân khuê mạnh mẽ. Vì thế, sẽ hãm sâu trong luân hồi, chẳng có cách nào vượt thoát, tạo thành hoạn nạn sanh tử từ vô lượng kiếp này sang vô lượng kiếp khác! Vì thế, dưới tình huống ấy, ắt cần phải cắt đứt nhiễm duyên, đạt tới chỗ đầy ấp tịnh duyên, các thứ cảnh tướng đều nhiếp trì tự tâm đi theo phương hướng trở về nguồn, hướng đến khế hội Pháp Tánh. Từ trong tịnh duyên như thế thì mới có thể nhanh chóng giải thoát thành Phật. Nhìn như vậy, vãng sanh Cực Lạc là một chọn lựa đặc biệt tốt đẹp.

(Văn) Hà tắc? Sa Bà quốc độ, Thích Ca dĩ diệt, Di Lạc vị sanh. Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật hiện tại thuyết pháp, Sa Bà quốc độ Quán Âm, Thế Chí đồ ngưỡng gia danh. Cực Lạc thế giới bỉ nhị thượng nhân, thân vi thắng hữu. Sa Bà quốc độ, chư ma cạnh tác, não loạn hành nhân. Cực Lạc thế giới, đại quang minh trung, quyết vô ma sự. Sa Bà quốc độ, tà thanh nhiễu loạn, nữ sắc yêu dâm. Cực Lạc thế giới, thủy, điều, thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, chánh báo thanh tịnh, thật vô nữ nhân. Nhiên tắc tu hành duyên cụ, vô nhược Tây Phương. Thiển tín chi nhân hoạnh sanh nghi báng.

(文)何則？娑婆國土，釋迦已滅，彌勒未生。極樂世界，阿彌陀佛，現在說法。娑婆國土，觀音勢至，徒仰嘉名。極樂世界，彼二上人，親為勝友。娑婆國土，諸魔競作，惱亂行人。極樂世界，大光明中，決無魔事。娑婆國土，邪聲擾亂，女色妖淫。極樂世界，水鳥樹林，鹹宣妙法，正報清淨，實無女人。然則修行緣具，無若西方。淺信之人，橫生疑謗。

(Văn: Vì sao vậy? Cõi nước Sa Bà, Thích Ca đã diệt, Di Lạc chưa sanh. Thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật nay đang thuyết pháp. Cõi

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

nước Sa Bà chỉ ngưỡng mộ suông danh hiệu tốt lành của Quán Âm và Thế Chí. Thế giới Cực Lạc, hai vị thượng nhân ấy đích thân làm bạn thù thắng. Cõi nước Sa Bà các ma đua nhau làm chuyện náo loạn người tu hành. Thế giới Cực Lạc ở trong đại quang minh, chắc chắn không có ma sự. Cõi nước Sa Bà, tà thanh nhiễu loạn, nữ sắc yêu mị, dâm tà. Thế giới Cực Lạc nước, chim, rìng cây đều tuyên nói pháp mầu, chánh báo thanh tịnh, thật sự chẳng có nữ nhân. Vậy thì duyên tu hành đầy đủ, không đâu bằng Tây Phương. Kẻ có lòng tin nồng cạn, xằng bậy sanh lòng nghi báng).

Vì sao nói thế giới Cực Lạc là cõi Phật tốt bậc thù thắng viên mãn, tràn ngập tịnh duyên tăng thượng ắt cần phải trước hết dẫn dắt chúng sanh vãng sanh [về đó]? Có thể quan sát từ phương diện chánh báo là Phật và Bồ Tát, phương diện y báo là các loại sắc, thanh v.v... sẽ có thể phát hiện sự sai khác tốt bậc giữa hai cõi.

Trước hết, hãy nhìn vào chánh báo thì bậc đạo sư là Phật và những vị trợ tá của Ngài là các vị Bồ Tát. Trong cõi nước Sa Bà, đức Phật thứ tư trong Hiền Kiếp là Phật Thích Ca làm đạo sư, nhưng Ngài trụ thế chỉ tám mươi năm bèn nhập diệt, chẳng còn xuất hiện nữa. Vị Phật thứ năm là Phật Di Lặc còn chưa giáng sanh, trong giai đoạn trung gian chẳng có Phật xuất thế. Trong cõi nước Cực Lạc, A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp, hễ vãng sanh thì sẽ có thể đích thân ở dưới tòa của Phật mà y chỉ đức Phật. Trong cõi nước Sa Bà, chúng ta chỉ nghe danh hiệu tốt lành của Quán Âm và Thế Chí, chẳng có cách nào trực tiếp thân cận. Đã đến thế giới Cực Lạc, sẽ có thể được hai vị đại thượng nhân trở thành bạn thù thắng.

Trong cõi nước Sa Bà, các loài tà ma đua nhau quấy nhiễu, khiến cho hành nhân (người tu hành) chẳng có cách nào trụ nơi pháp đạo. Hơn nữa, lúc nào cũng bị tà duyên dụ dỗ, thường xuyên phát sanh các loại ma sự, dấy lên các loại tâm ma. [Do vậy], một bộ phận rất lớn [người tu hành] tự mình trở thành quyến thuộc của ma, hoặc là rơi vào tà kiến giải, tà niệm, hành vi tà vạy v.v... tự nhiên bị ma đồng hóa. Vì sức mạnh của ma giới đặc biệt hùng lẫm, cho nên hành nhân khó thể chẳng bị ảnh hưởng, tiêm nhiễm, đồng hóa v.v... Nhưng thế giới Cực Lạc là một lãnh vực đại quang minh, Phật quang phổ chiếu, nhiếp trì hành nhân chẳng lui sụt Bồ Đề tâm, niệm nào cũng tăng tấn đạo lực, phát khởi vô lượng hạnh nguyện v.v... Do đó, thế giới Cực Lạc tuyệt đối chẳng gặp ma sự, vì đó là quốc độ chánh pháp.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Phải biết, pháp nào chẳng tương ứng với chánh đạo Niết Bàn thì sẽ thuộc vào lãnh vực của ma. Ví như cổ xúy bốn thứ kiến giải điên đảo về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, do điều này nhiếp trì mà phát sanh các loại quan niệm tà vạy, cách làm tà vạy, khuynh hướng tà vạy. Nhưng trong thế giới Cực Lạc là quốc độ thống nhất của đấng Pháp Vương A Di Đà Phật, chỗ nào cũng đều tuyên dương chánh pháp, nhiếp trì tâm người trừ khử chấp trước về cái tư ngã (cái Tôi riêng tư), nó là cội nguồn của muôn nỗi hoạn nạn. Hơn nữa, trong cõi ấy, đầy đầy chánh pháp thanh tịnh, nơi nào cũng đều khiến cho người ta niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tuyên nói Vô Thường, Khô, Không, Vô Ngã, như thế thì sẽ không rơi vào Khổ Tập. Lại còn tuyên nói pháp Không Tánh, pháp hạnh nguyện của Bồ Tát v.v... thường xuyên huân tập diệu pháp Đại Thừa sâu rộng, phát khởi chí nguyện Bồ Đề, tương ứng với pháp Vô Ngã Không Huệ. Sau đấy, khai phát bốn tánh, hạnh nguyện Phổ Hiền hiện tiền, lại còn đến mười phương cõi nước thân cận chư Phật v.v... luôn luôn dùng chánh pháp huân tâm. Vì thế, trọn chẳng có ma sự nào để có thể được.

Lại nhìn vào ngũ trần của quốc độ, đặc biệt là Sắc Trần và Thanh Trần. Cõi nước Sa Bà tà thanh nhiều loạn, nữ sắc yêu dâm. *“Tà thanh”* là các loại tà ngôn luận, từ trong tâm của tà ma, tà đảng truyền ra, dẫn dắt lòng người chuyên theo tà nhân duyên thì đều là tà âm thanh. Chẳng hạn như các loại thanh điệu cổ xúy tự ngã, tôn sùng cạnh tranh v.v... đều làm cho người khác trúng độc sâu đậm, hoặc là những âm thanh yêu mị, dâm dật, cuồng điên, kêu gọi v.v... dẫn dụ lòng người hướng theo phương diện tà. Nói *“nữ sắc yêu dâm”* nghĩa là càng đến thời Mạt, nữ nhân càng có hình tướng dụ dỗ, chẳng hạn như có những nữ nhân ăn mặc hở hang v.v... hết sức bất chánh. Đây đều là biểu hiện của tà ma. Trong thế giới Cực Lạc, nước, chim, rừng cây đều tuyên diễn diệu pháp, chánh báo thanh tịnh, không có nữ nhân. Nơi nơi chốn chốn đều nghe thấy pháp âm, lại chẳng có dâm dục là căn bản to lớn của sanh tử. Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Nếu có dâm dục mà mong tu đạo thành tựu thì giống như nấu cát thành cơm, chẳng có lẽ ấy”*. Như trong kinh lại nói: *“Nếu con người có loại phiền não thứ hai giống như dâm dục thì sẽ chẳng có cách nào đắc độ”*. Thế giới Sa Bà vào thời Mạt đầy đầy duyên nhiễm ô dâm dục, hết sức khó chứng đạo. A Di Đà Phật đã sớm thấy điều này; vì thế, nhân dân trong nước [Cực Lạc] thuần là tướng đại trượng phu, như vậy thì sẽ chẳng dấy lên dâm dục. Kế đó, trong nước đầy ắp chánh pháp, sẽ chẳng bị tà pháp huân

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Kỳ

nhiệm. Do vậy, sẽ chẳng có duyên gây thoái thất, trọn đủ nhân duyên chứng đạo. Vì thế, niệm nào cũng thẳng tấn trên đường Bồ Đề, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi!

Do duyên có này, bậc Đạo Sư hai cõi dùng hai môn Chiết và Nhiếp, khiến cho chúng sanh vừa thấy cõi sanh tử thuần túy là khổ, chẳng có chuyện vui nào, vừa thấy cõi Cực Lạc thuần túy là vui, chẳng có một chuyện khổ nào! Một đàng gần như toàn là tăng cường sức mạnh luân hồi, tiếp tục hãm đọa, vô số hằng sa kiếp đều chẳng thể trèo lên được! Một đàng toàn là nhân duyên nhiếp trì cái tâm trở về, hướng theo pháp. Vì thế, có thể hoàn thành Phật đạo trong một đời. Một đàng là Hoặc nghiệp khổ tràn ngập, một đàng là trí, bi, lực, khai phát mạnh mẽ. Do vậy, đương nhiên phải dùng hai môn Chiết và Nhiếp, khiến cho chúng sanh dấy lên cái tâm ưa chán, tiến hướng về thế giới Cực Lạc. Nhưng bậc Đạo Sư hai cõi trọn chẳng phải chỉ khiến cho chúng sanh trụ nơi mức độ có cái tâm ưa chán, mà là dùng ưa chán làm phương tiện thù thắng nhiệm màu hồng chuyển phàm thành thánh. Vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ dần dần thoát lìa trần cấu, hiện kiến bản tánh. Một khi thấy bản tánh, ngay lập tức các tướng dứt diệt, ngay khi ấy, sẽ tự nhiên biết vốn chẳng có tịnh hay uế để có thể đạt được, chẳng cần phải dấy lòng ưa chán nơi tướng. Đương nhiên, đó là chuyện thuộc về quả vị rất cao. Cũng giống như vậy, từ “có ưa chán” mà chứng “không ưa chán”, đạt đến Thật Tế lý địa, chứng nhập Đại Không Tánh, đạt được trí Văn Thù. Hơn nữa, trong phương diện Phật sự, chẳng bỏ một pháp, sẽ hưng khởi Phổ Hiền hạnh. Do đó, viên thành Phật quả. Phải nên thấy rõ con đường thù thắng này!

Nhưng kẻ có lòng tin nông cạn đối với pháp môn thù thắng, nhiệm màu này, vô cơ dấy lên các thứ hoài nghi và phỉ báng. Vì kiến thức quá nhỏ bé, còn tự cho mình là đúng, chẳng thấy chỗ nghĩa lý to lớn, liền phỉ báng pháp môn này chẳng khế hợp Vô Sanh, chướng ngại thành Phật, chẳng khế hợp tánh bình đẳng, chẳng nên dấy lòng ưa chán. Hoặc bảo đây là “*câu pháp ngoài tâm*”, “*câu Tịnh Độ ngoài tâm*” v.v... Vấn đề then chốt nhất là cái tâm bài xích “*ưa, ghét*”. Vì thế, trong phần sau, [thiền sư Tông Trách] đã nói thẳng thừng: Hễ thuộc địa vị phàm phu, chẳng thể thiếu khuyết sự ưa chán. Cái tâm hướng đạo thật sự đã bao hàm sự ưa chán. Nếu đối với chỗ thiện cận đã có ưa chán, sao lại không dấy lòng ưa chán đối với chỗ sâu xa? Đối với cảnh khá thù thắng đều có sự ưa chán, vì sao đối với cảnh tội bậc thù thắng lại chẳng dấy lòng ưa chán? Những điều như thế sẽ đánh tan nổi nghi

hoặc trong tâm mọi người.

3. Phá Hoặc nguyện sanh

(Văn) Thiết thường luận chi, thử phương chi nhân, vô bất yếm tục xá chi huyên phiến, mộ Lan Nhã chi tịch tĩnh. Cố hữu xả gia, xuất gia, tặc ân cần tán thán. Nhi Sa Bà chúng khổ, hà chỉ tục xá nhi huyên phiến, Cực Lạc ưu du, khởi trực Lan Nhã chi tịch tĩnh? Tri xuất gia vi mỹ, nhi bất nguyện vãng sanh, kỳ Hoặc nhất dã.

(文)竊嘗論之，此方之人，無不厭俗舍之喧煩，慕蘭若之寂靜，故有舍家出家，則殷勤贊歎。而娑婆衆苦，何止俗舍之喧煩。極樂優遊，豈直蘭若之寂靜？知出家為美，而不願往生，其惑一也。

(Văn: Trộm luận định rằng: Người ở phương này không ai chẳng chán nhà trong cõi tục ồn ào, phiến toái, hâm mộ sự tịch tĩnh của chốn Lan Nhã. Vì thế, hễ có người bỏ nhà xuất gia, [ai nấy] đều ân cần tán thán. Nhưng các nỗi khổ trong Sa Bà, nào có phải chỉ là sự ồn ào, phiến toái nơi nhà thế tục, cuộc sống an nhàn trong Cực Lạc há chỉ là sự tịch tĩnh của Lan Nhã? Đã biết xuất gia tốt đẹp mà chẳng nguyện vãng sanh thì là điều mê hoặc thứ nhất vậy).

Vì sao nói “chỗ đủ duyên để tu hành không đâu bằng Tây Phương, hãy nên vãng sanh”? Đây cũng là theo sự hướng dẫn của tâm lý. Nếu đã có cái tâm bỏ huyên náo, thích tĩnh lặng, vậy thì hãy nên thúc đẩy nó đến cực hạn. Hãy thấu hiểu như thế này: Loài người trong thế giới này, đối với hoàn cảnh ồn ào, hỗn tạp, sẽ đều sanh lòng chán ghét, mong mỏi, hâm mộ chốn Lan Nhã tịch tĩnh. Trong khi thân tâm mỗi mệt, trăm việc quấy nhiễu, luôn mong đến chỗ vắng lặng, chốn núi rừng thanh tịnh, rời xa chuyện thế tục quấy nhiễu. Do vậy, hễ có người có thể bỏ nhà xuất gia, mọi người đều ân cần tán thán: “Người ấy ra khỏi nhà lửa, ở nơi vắng lặng, nhất tâm y pháp tu trì, tốt quá!” Chuyện này giống như có cái chụp đèn che chỡ, ngọn đèn dầu có thể tiếp tục chiếu sáng, chẳng bị thổi tắt. Cũng giống như vậy, ở nơi phong cảnh vắng lặng, tâm thủy lắng đọng, có thể hiển lộ pháp nghĩa vi diệu, có thể sanh lòng từ bi, có thể chiếu sáng, có thể ngộ cái tâm, có thể bảo đảm, có thể một mực hướng đến thanh tịnh, phát triển nơi quang minh. Mọi người đều cảm thấy cuộc sống nhất tâm nương vào tĩnh lặng như vậy

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

đề nương theo pháp tu trì chính là cuộc sống tốt đẹp khôn ngần!

Hiện thời, hãy phóng đại lý tưởng ấy một ngàn lần, một vạn lần, một ức lần. Biển cả khô sớ Sa Bà há có phải chỉ là sự ồn ào, hỗn tạp, phiền não trong một cảnh sống nhỏ bé như một gia đình, một đơn vị v.v... ư? Trong các sát hải (biển các quốc độ) mười phương, các thế giới thuộc loại ngũ trược tốt bậc đông đảo, chúng là nơi nghiệp lực tụ hội rộn ràng, hỗn tạp nhất. Chuyện phiền lòng trong ấy hết chuyện này đến chuyện khác, các thứ duyên trong lẫn ngoài quấy nhiễu, chuyện khô não vẩn vít, buộc ràng, chẳng có cách nào vượt qua! Đương nhiên không chỉ là sự phiền loạn của một tiểu gia đình, tiểu đơn vị, hoặc cảnh sống nhỏ nhoi, nhưng thế giới Cực Lạc cũng chẳng phải chỉ là ưu du tự tại giống như núi rừng thanh tịnh, hay chôn danh sơn, sông cả. Sự khoáng khoáng ở cõi kia không bờ bên, chỗ nào cũng đều thanh lương, tịch tĩnh, quang minh, sắc, thanh, hương, vị, xúc, không gì chẳng gia bị khiến cho đạo nghiệp nơi tự tâm tăng thượng. Một tí tà thanh, tà sắc quấy nhiễu cũng chẳng có! Chôn tĩnh lặng như thế đúng là quá thù thắng! Trong thế giới Sa Bà này, chúng ta gộp chung toàn bộ những chỗ tĩnh lặng, hoàn cảnh yên vui lại, vẫn chẳng sánh bằng một phần trong vô số phần của thế giới Cực Lạc!

Sau khi đã quan sát đối chiếu, so sánh như vậy, chúng ta hãy suy nghĩ: Đã biết xuất gia là tốt đẹp, thế mà chẳng nguyện vãng sanh Cực Lạc. Đây là điều mê hoặc thứ nhất. Từ chỗ này, phải thấy được sự ưu việt, thù thắng nơi hoàn cảnh, không chỉ là thù thắng vượt trội hoàn cảnh cư trụ tịch tĩnh nhỏ nhoi trong thế giới này vô số lần, mà các cõi đồng cư thanh tịnh trong mười phương cũng đều chẳng sánh bằng được. Đây chính là kết quả được trang nghiêm bởi đại nguyện và đại hạnh từ vô số kiếp đến nay của A Di Đà Phật. Bất cứ chỗ nào [trong cõi Cực Lạc] cũng đều thanh tịnh, đầy ắp các duyên thù thắng thanh tịnh, đương nhiên là chúng ta phải mong cầu vãng sanh.

(Văn) Vạn lý tân cần, viễn cầu tri thức giả, cái dĩ phát minh đại sự, quyết trạch tử sanh. Nhi Di Đà Thế Tôn, sắc tâm nghiệp thắng, nguyện lực hồng thâm, nhất diễn viên âm, vô bất minh khế. Nguyện tham tri thức, nhi bất dục kiến Phật, kỳ Hoặc nhị dã.

(文)萬里辛勤，遠求知識者，蓋以發明大事，決擇死生。而彌陀世尊，色心業勝，願力洪深，一演圓音，無不明契。願參知識，而不欲見佛，其惑二也。

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

(Văn: Muốn dẫm nhọc nhằn để đến nơi xa cầu bậc tri thức nhằm thấu tỏ đại sự, chọn lựa dứt khoát chuyện tử sanh. Thế nhưng đức Di Đà Thế Tôn sắc, tâm, nghiệp đều thù thắng, nguyện lực mênh mông, sâu thẳm, do một âm thanh mà diễn bày viên mãn, không gì chẳng khéo hợp lẽ sáng suốt. Nguyện tham học với bậc tri thức mà chẳng muốn thấy Phật, đây là điều mê hoặc thứ hai vậy).

Lại nhìn theo phương diện nương cậy vào thầy. Nói theo hoàn cảnh nơi địa cầu, chúng ta nghe nói nơi nào có bậc thiện tri thức đắc đạo, sẽ chẳng ngại đường xa vạn dặm mà lê gót tìm cầu, nay thì cũng là ngồi xe hơi, xe lửa, máy bay v.v... đến đó tham phỏng bậc thiện tri thức, nhằm khiến cho bản thân sáng tỏ, chọn lựa dứt khoát [giải pháp cho] chuyện tử sanh. Trên cõi đời, chẳng có chuyện gì trọng đại hơn chuyện này. Chúng ta do một niệm mê mất chân tâm Như Lai tạng thanh tịnh, do vậy mà từ tế đến thô, phát triển thành dòng nghiệp sanh tử vô cùng vô tận, một mực chẳng biết quay về quê cũ, chẳng thể an trụ nơi bản tánh. Vì thế, chuyện lớn nhất trên cõi đời là ngộ rõ chuyện này. Nếu ở chỗ nào có vị sư phụ đắc đạo, sẽ rất mong mỏi đến đó y chỉ. Trong pháp giới, bậc thiện tri thức lớn nhất là A Di Đà Phật, Ngài đã cao chứng Phật quả, trí, bi, lực, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng người nào có thể thù thắng vượt trội Ngài được! A Di Đà Phật sắc tâm nghiệp thù thắng, tức là Ngài hiện ra sắc thân lần trí huệ thù thắng, xuất hiện sự nghiệp lợi sanh tốt bậc thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, nguyện lực sâu rộng như biển, năng lực thuyết pháp chẳng thể sánh kịp. Từ một âm thanh, có thể diễn ra vô lượng âm, hữu tình tùy theo từng loài đều được giải ngộ. Cũng giống như thế, chúng ta bằng lòng tham phỏng bậc thiện tri thức mà chẳng muốn gặp A Di Đà Phật. Đây là điều mê hoặc thứ hai.

Thiện tri thức chỉ có hành giả [thuộc các địa vị] Tư Lương Đạo, Gia Hạnh Đạo, cho đến Kiến Đạo, Tu Đạo. Vị thiện tri thức cao nhất đương nhiên là Phật. Giống như phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: Chiếu theo công đức để cân nhắc, địa vị dưới sẽ chẳng biết chỗ giữ chân, đặt chân của địa vị trên. Nhất Địa (Sơ Địa) có một ngàn hai trăm loại công đức, Nhị Địa có mười hai ngàn loại công đức v.v... Lần lượt tăng cao hơn trăm, ngàn vạn, mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn lần v.v... như vậy, chỉ có lượng công đức của Phật là pháp giới lượng, chẳng có cách nào nghĩ bàn, dưới là cho tới một lỗ chân lông, một quang minh, cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Chúng sanh hễ sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ được A Di Đà Phật nhiếp trì, luôn luôn được Phật lực gia bị. Vì thế nói: “*Chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*”. Sức oai thần của Phật chẳng thể nghĩ bàn, chỉ cần chính mình có tín tâm, chắc chắn sẽ nhanh chóng khai ngộ thành tựu. Phải nên biết, hễ y chỉ một vị sư phụ hữu duyên, sẽ có thể khai ngộ rất nhanh chóng. Lại còn do sư phụ nhiếp trì mà có thể nhanh chóng thành đạo. Nhưng A Di Đà Phật là vị sư phụ có địa vị cao bậc nhất trong pháp giới, nếu y chỉ Ngài, sẽ được Phật xoa đầu, phóng quang một lượt v.v... đều có thể nhanh chóng đăng địa, hoặc là được nghe một âm thanh thuyết pháp của Phật, sẽ ngay lập tức thông hiểu v.v... Nói chung, sức gia trì của Phật cực kỳ chẳng thể nghĩ bàn. Trong Vãng Sanh Luận Chú, Đàm Loan đại sư đã viết: - Nói “*từ Nhất Địa thăng lên Nhị Địa*”, thăng tấn theo từng bậc như thế, chỉ là một loại tình huống. Ngoài ra, còn có chuyện đốn siêu, tức là như trong Ban Châu Tán, Thiện Đạo đại sư đã viết: “*Hạnh nguyện Thập Địa tự nhiên thành*”, thù thắng dường ấy! Đó là do được Phật lực gia bị; cho nên chúng ta phải ưa thích mong cầu vãng sanh.

Giống như thế đó, nếu chúng ta bằng lòng tham phỏng bậc thiện tri thức trong nhân gian, có sao chẳng muốn y chỉ A Di Đà Phật là đáng thù thắng khôn sánh? Đây là sự mê hoặc rất lớn. Xưa nay, rất nhiều người sau khi khai ngộ bèn câu sanh về thế giới Cực Lạc, đạt tới mức độ một vạn con trâu cũng chẳng kéo lại được! Vì họ đã hiểu rõ, được Phật lực gia bị, nhiếp trì, có thể nhanh chóng khai phát bản tánh, viên thành đại đạo. Đây là do Phật lực thù thắng vậy, vì đã bái A Di Đà Phật làm thầy, chúng ta phải nhất tâm câu sanh về thế giới Cực Lạc.

(Văn) Tùng lâm quảng chúng, giai nhạo thế tri. Thiếu chúng đạo tràng, bất dục y phụ. Nhi Cực Lạc thế giới, Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ. Kỳ dục thân cận tùng lâm, nhi bất mộ thanh tịnh hải chúng, kỳ Hoặc tam dã.

(文)叢林廣衆，皆樂棲遲。少衆道場，不欲依附。而極樂世界，一生補處，其數甚多，諸上善人，俱會一處。既欲親近叢林，而不慕清淨海衆，其惑三也。

(Văn: Chón tùng lâm đông đảo, [ai này] đều thích cư trụ nơi đó. Đạo tràng ít người, chẳng muốn nương tựa. Nhưng thế giới Cực Lạc, bậc Nhất Sanh Bồ Xứ số lượng rất nhiều, các bậc thượng thiện nhân đều cùng nhóm họp một chỗ. Đã muốn thân cận tùng lâm, nhưng chẳng

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

hâm mộ hải chúng thanh tịnh, đây là điều mê hoặc thứ ba).

Lại nhìn theo phương diện pháp chúng thanh tịnh. Chúng ta đều thích trụ trong đại tùng lâm, vì đại chúng ở trong ấy đông đảo, đây kia sách tấn, khích lệ lẫn nhau, chính mình chẳng thể biếng nhác, bê trễ, hoặc âm thầm làm chuyện ác v.v... Do sức dìu dắt của đại chúng, sẽ có thể thuận lợi tấn tu. Đạo tràng đơn lẻ, hoặc ít người, người ta đều chẳng muốn nương tựa, vì dễ bị đọa lạc. Nhưng trong thế giới Cực Lạc, có những vị Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát nhiều ngàn ấy, các vị thượng thiện nhân đều nhóm họp một chỗ, thánh nhân nhiều như biển, như cát, dùng con số A-tăng-kỳ còn chẳng thể tính toán nổi. Ngay cả những vị thuộc địa vị cao như ngài Di Lạc Bồ Tát cũng nhiều đến nỗi chẳng thể tính rõ con số được!

Hãy suy nghĩ, trong thế giới này, muốn gặp thánh nhân, rất khó gặp gỡ. Muốn tu hành trong đạo tràng thanh tịnh, hết sức khó khăn. Nhất là trong thời Mạt, tìm một đạo tràng tốt đẹp hết sức khó khăn! Bạn pháp có đức hạnh cũng chẳng thấy nhiều. Nhưng thế giới Cực Lạc là đại tùng lâm chẳng sánh bằng. Ở bên ấy, mọi người kiến giải và hành trì đều nhất trí, niệm nào cũng đều tụng tán Bồ Đề đạo. Hàng đại Bồ Tát đông ngàn ấy, các vị thượng thiện nhân đều cùng tụng tán nơi pháp, chính mình cũng sẽ được sức trợ duyên rất lớn thúc đẩy mà tăng tấn. Giống như một giọt nước hòa vào biển cả, sẽ sâu rộng giống như biển. Một cây kim đặt trong chỗ có đại từ trường, sẽ nhanh chóng bị từ hóa [trở thành nam châm]. Cũng giống như thế, một hữu tình có đủ Phật Tánh được nung luyện trong lò luyện to lớn là quốc độ Cực Lạc, sẽ bị nung đúc thành Phật, Bồ Tát. Chúng ta đều cảm nhận: Mầm cây này nhất định phải được gieo xuống chỗ cây cối có thể mọc xum xuê tốt nhất, đương nhiên là phải đến thế giới Cực Lạc; đây là tùng lâm lớn nhất. Cũng giống như vậy, chúng ta mong thân cận chốn đại tùng lâm, thế mà chẳng ưa thích, hâm mộ Thanh Tịnh Đại Hải Chúng trong thế giới Cực Lạc. Đây là điều mê hoặc lớn thứ ba.

Phải mong đến được một đạo tràng có pháp chúng thanh tịnh càng nhiều hơn, sức gia trì càng lớn hơn, niệm kinh luôn hết sức hữ lực, nghe pháp cũng đặc biệt có khí phận, tu đạo thì đôi bên đều có sức giúp nhau tăng thượng. Trong thế giới Cực Lạc, vô số các vị đại Bồ Tát cùng nhau tu hành, đương nhiên là duyên khởi tốt bậc thù thắng. Chẳng trách Phổ Hiền Bồ Tát khuyên dạy Hoa Tạng hải chúng nhất trí dẫn về Cực Lạc, chính vì ở bên ấy có sức trợ duyên cực lớn, sau khi đã tiến

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

nhập, tất nhiên sẽ được gia bị mà nhanh chóng viên thành đại đạo. Tất cả những trường đại học, viện nghiên cứu, đoàn thể học thuật, đoàn thể đạo đức v.v... thuần túy nhất, ưu tú nhất trong thế giới này cũng đều chẳng sánh bằng một phần trong vô số phần của thế giới Cực Lạc. Gộp chung tất cả các đoàn thể Phật giáo cũng chẳng sánh bằng một phần trong vô số phần của thế giới Cực Lạc. Vậy thì vì sao chúng ta chẳng cầu sanh vào đoàn thể tột bậc thù thắng chẳng thể nghĩ bàn ấy? Chúng ta hết sức mong cầu, ngưỡng mộ, tán thán đại tùng lâm trong thế giới này, [thế mà] đối với hải chúng thanh tịnh trong thế giới Cực Lạc vượt trội thù thắng nơi này vô số lần, lại ngược ngạo chê gièm, hạ thấp, sanh lòng ghét bỏ, chẳng muốn về đó. Đúng là chuyện rất điên đảo. Đây là nổi mê hoặc thứ ba.

(Văn) Thử phương chi nhân, thượng thọ bất quá bách tuế. Nhi đồng si, lão mạo, tật bệnh tương như, hôn trầm, thù miên, thường cư đại bán. Bồ Tát do hôn cách ẩm, Thanh Văn thượng muội xuất thai, tắc xích bích thốn âm, thập táng kỳ cứu, nhi vị dăng Bất Thoái, khả vi hàn tâm. Tây Phương chi nhân, thọ mạng vô lượng, nhất thác liên bao, cánh vô tử khổ, tương tục vô gián, trực chí Bồ Đề. Sở dĩ, tiện hoạch A Duy Việt Trí, Phật giai quyết định khả kỳ. Lưu chuyển Sa Bà xúc cảnh, nhi mê vu Tịnh Độ trường niên, kỳ Hoặc tứ dã.

(文)此方之人，上壽不過百歲。而童癡老耄，疾病相仍，昏沈睡眠，常居大半。菩薩猶昏隔陰，聲聞尚昧出胎。則尺璧寸陰，十喪其九。而未登不退，可為寒心。西方之人，壽命無量，一托蓮苞，更無死苦，相續無間，直至菩提。所以便獲阿惟越致，佛階決定可期。流轉娑婆促景，而迷于淨土長年，其惑四也。

(Văn: Người phương này thượng thọ chẳng qua trăm tuổi, nhưng tuổi thơ ngây ngô, tuổi già lụm cùm, tật bệnh vắn vương, hôn trầm, ngủ mê, thường chiếm quá nửa. Bồ Tát còn mê khi cách ẩm, Thanh Văn vẫn mê muội thuở lọt lòng, cho nên thời gian ngắn ngủi [của một kiếp người] mười phần đã bị chôn vùi mất chín mà vẫn chẳng dự lên địa vị Bất Thoái, đáng nguyền lạnh cõi lòng! Người trong Tây Phương thọ mạng vô lượng, hề gởi thân nơi búp sen, sẽ chẳng có nổi khổ chết chóc, liên tục chẳng gián đoạn, mãi cho tới khi đạt đến Bồ Đề.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Vì thế, sẽ đạt được A Duy Việt Trí, địa vị Phật chắc chắn sẽ có thuở đạt được. Lưu chuyển trong Sa Bà tiếp xúc trần cảnh, mê mất Tịnh Độ lâu năm, đây là điều mê hoặc thứ tư).

Lại nhìn vào thọ lượng. Thọ mạng của người phương này rất ngắn, tối đa chẳng vượt quá một trăm năm. Bé dại ấu trĩ, tuổi già suy tàn, trong lúc đó, bệnh tật không ngừng đánh úp. Lại còn hôn trầm và ngủ nghê, thời gian trong một đời người bị tiêu hao quá nửa. Ngay như hàng Bồ Tát còn bị mê khi cách âm, hàng Thanh Văn còn bị mê muội thuở lọt lòng. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi tạm bợ như vậy, mười phần đã bị chôn vùi mất chín phần, thời gian tu đạo ít ỏi, chớp mắt đã sang đời sau. Nhưng trước khi dự vào địa vị Bất Thoái thì sẽ rất khó tiếp tục, chẳng dễ gì sống trọn một đời người, vừa tu được một tí, lại thoái đạo, đúng là khiến cho người ta lạnh buốt tâm lòng. Nhưng trong Tây Phương Tịnh Độ, nhân dân thọ mạng vô lượng. Một khi đã gởi thân trong búp sen, sẽ triệt để chẳng có nỗi khổ chết chóc, sẽ tiếp tục không ngừng tăng tấn trên đường đạo, mãi cho tới khi đạt được Bồ Đề mới thôi. Do vậy, hễ sanh về Tây Phương, sẽ đạt được Bất Thoái Chuyển, quyết định đăng nhập Phật địa. Như vậy thì lưu chuyển trong thời gian ngắn ngủi nơi nhân gian của cõi Sa Bà, trọn chẳng phát hiện sự trường sanh thật sự nơi Tịnh Độ; đây là điều mê hoặc thứ tư.

Thời Mạt, thọ mạng trong Sa Bà ngắn ngủi, tu chẳng được bao nhiêu pháp, lại chẳng thể bất thoái. Cực Lạc Tịnh Độ thọ mạng vô lượng, lại còn niệm nào cũng đều chẳng thoái chuyển, hai bên khác biệt vời vợi. Đã mong tu tập, vậy thì hãy nên chọn lựa chỗ có thời gian tu đạo lâu dài, lại còn có ít duyên gây thoái chuyển. Trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng dài lâu vô lượng kiếp, duyên gây thoái thất gần như ít ỏi đến mức zero. Chỗ nào cũng đều tràn ngập thuận duyên, đều có sức mạnh tăng tấn. Chẳng hạn như chúng ta suy nghĩ: Ở đâu làm một chút Phật sự thì sẽ có thể tăng thêm tuổi thọ? Chỗ nào hoàn cảnh tốt đẹp nhất, chẳng có duyên gây thoái chuyển? Nếu đã mong cầu, hâm mộ điều này, trong thế gian này sẽ khó thể mãn nguyện, nhưng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có thể đạt thành điều này. Hễ gởi thân trong búp sen, thời gian tu pháp sẽ là vô lượng kiếp, niệm nào cũng đều chẳng lui sụt, không ngừng tăng tấn trên đường Bồ Đề. Có sao chẳng cầu vãng sanh?

(Văn) Nhược nãi vị cư Bất Thoái, quả chứng Vô Sanh, tại dục

vô dục, cư trần bất trần, phương năng hưng Vô Duyên Từ, vận Đồng Thể Bi, hồi nhập trần lao, hòa quang ngũ trước. Kỳ hữu thiện văn đơn huệ, hoặc dữ thiếu thiện tương ứng, tiện vị vĩnh xuất tứ lưu, cao siêu Thập Địa, để ha Tịnh Độ, đam luyến Sa Bà, yếm mục không quy, uyển nhiên lưu lãng, tịnh kiên ngu ru mã, tiếp vũ Nê Lê, bất tri tự thị hà nhân, nghĩ tở Đại Quyền Bồ Tát, kỳ Hoặc ngũ dã.

(文)若乃位居不退，果證無生，在欲無欲，居塵不塵，方能興無緣慈，運同體悲，回入塵勞，和光五濁。其有淺聞單慧，或與少善相應，便謂永出四流，高超十地，詆訶淨土，耽戀娑婆，掩目空歸，宛然流浪，並肩牛馬，接武泥犁。不知自是何人，擬比大權菩薩，其惑五也。

(*Văn: Nếu thuộc vào địa vị Bất Thoái, chứng quả Vô Sanh, ở trong cảnh dục mà chẳng ham muốn, sống trong cõi trần mà chẳng nhiễm trần, thì mới có thể đầy lòng Từ vô duyên, vận lòng Bi đồng thể, trở vào trần lao, hòa quang đồng trần trong ngũ trước. Nếu có kẻ nghe ít, huệ kém, hoặc là tương ứng đôi chút điều thiện, liền cho rằng mình đã vĩnh viễn thoát khỏi bốn dòng, vượt cao lên Thập Địa, chê trách Tịnh Độ, đam luyến Sa Bà, nhắm mắt, trắng tay mà về, nghiêm nhiên trôi lăn, sánh vai cùng trâu ngựa, tiếp cận Nê Lê, chẳng biết chính mình là hạng người như thế nào, toan muốn sánh bằng bậc Đại Quyền Bồ Tát. Đây là điều mê hoặc thứ năm vậy).*

Nếu đã đạt tới địa vị Bất Thoái Chuyển địa, chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, ở trong dục mà chẳng khởi dục tưởng, ở trong trần mà chẳng nhiễm trần cấu, thì mới có thể đầy lòng Từ vô duyên, vận lòng Bi đồng thể, trở vào cõi thế gian trần lao, hòa quang đồng trần trong đời ác ngũ trước. Nếu chỉ là kẻ nghe ít, huệ kém, hoặc là tương ứng với đôi chút thiện hạnh, liền nghĩ ta đã vĩnh viễn vượt khỏi bốn dòng nước mạnh “sanh, lão, bệnh, tử”, đạt tới cảnh giới Thập Địa cao siêu. Từ đây trở đi, bèn quả trách Tịnh Độ, mê luyến đắm đuối thế giới Sa Bà, cho đến lúc cuối cùng, hai mắt nhắm tịt, hai tay rỗng tuếch mà về, nghiêm nhiên vẫn trôi lăn trong cõi sanh tử, làm bạn bè cùng trâu ngựa, gắn liền với địa ngục. Chẳng biết chính mình là thân phận gì, được mấy cân, mấy lượng, cứ ngỡ có thể sánh bằng bậc Đại Quyền Bồ Tát. Đây là điều mê hoặc thứ năm.

(Văn) Cổ kinh vân, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Tắc bất tín chư Phật thành ngôn, bất nguyện vãng sanh Tịnh Độ, khởi bất thậm mê tai!

(文)故經雲，應當發願，願生彼國。則不信諸佛誠言，不願往生淨土，豈不甚迷哉。

(Văn: Vì thế, kinh nói hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy, thế mà chẳng tin lời chân thành của chư Phật, chẳng nguyện vãng sanh Tịnh Độ, há chẳng phải là rất mê ư!)

Căn cứ trên năm lượt so sánh bèn biết: Chúng ta tu đạo mong y chỉ chỗ tĩnh lặng, [chỗ có] sư trưởng, đại chúng đông đảo, mong thọ mạng lâu dài, tu đạo chẳng thoái chuyển v.v... Tây Phương Cực Lạc thế giới là chọn lựa hàng đầu. Đến đó, sẽ có trợ duyên tu hành viên mãn nhất, bao gồm bốn sư, pháp chúng, hoàn cảnh, thọ mạng, pháp duyên v.v... chẳng có chút gì tán thất, toàn thể đều có thể tăng tấn đạo hạnh. Vì vậy, sẽ nhanh chóng thành đạo. Bởi lẽ đó, trong kinh, đức Phật đã cực lực khuyên dạy kẻ hữu duyên: “Các người phải nên phát nguyện, nguyện sanh trong quốc độ Cực Lạc tốt bậc mâu nhiệm thù thắng ấy”. Đã là như vậy mà chẳng tin lời chân thành của chư Phật, chẳng nguyện vãng sanh Tịnh Độ, há chẳng phải là kẻ quá mê hoặc ư? Dường như chẳng trông thấy một tí nghĩa lý to lớn nào, căn bản là giống như kẻ chẳng thể chọn lựa dứt khoát tiền trình được!

4. Tịnh Độ tiền trình

Nếu chúng ta chân thành tin tưởng lời chỉ dạy chân thật của Phật Thích Ca, tin tưởng lời khuyến tín do mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài thốt lời thành thật, tin tưởng đại nguyện chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, do tin nhận lời Phật như vậy, bèn sanh về Tịnh Độ, sẽ đạt được lợi ích như thế nào? Điều này lại cần phải mở rộng tâm nhìn, căn cứ trên kinh giáo để tiến thêm một bước hòng thấy được đường lối này, để sau đây, sẽ phát sanh vô lượng vô biên lợi ích thù thắng nơi cái quả. Do vậy, sẽ tràn đầy tín tâm, kiên định chẳng dời, hướng đến Tây Phương Phật quốc.

(Văn) Nhược phù tín Phật ngôn nhi sanh Tịnh Độ, tắc giới hệ chi sở bất năng câu, kiếp ba chi sở bất năng hại, tạ nhân gian chi bất

khổ, vô thiên thượng chi ngũ suy, thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thật!

(文)若夫信佛言而生淨土，則界系之所不能拘，劫波之所不能害。謝人間之八苦，無天上之五衰，尚無惡道之名，何況有實。

(Văn: Nếu chúng ta tin lời Phật, sanh về Tịnh Độ, những thứ ràng buộc trong tam giới chẳng thể câu thúc, kiếp số chẳng thể làm hại, già biệt tám nỗi khổ trong nhân gian, chẳng có tướng ngũ suy trên cõi trời, còn chẳng có danh xưng ác đạo, hưởng hồ thật sự có!)

Nếu chúng ta tin nhận lời Phật mà được sanh về Tịnh Độ, vậy thì hết thấy các nỗi khổ trong tam giới đều có thể nhanh chóng tiêu mất, vượt thoát dòng khổ, phạm vi của tam giới đều chẳng thể câu thúc, ngăn ngại, thời gian kiếp số chẳng thể làm hại, đã cắt đứt dòng sanh tử, vượt thoát tam giới, chẳng thuộc trong thời kiếp. Như thế thì sẽ cáo biệt tám nỗi khổ lớn trong nhân gian, tức là sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương mà phải chia lìa, oán ghét mà phải gặp gỡ, cầu chẳng được, Ngũ Uẩn lũng lầy, mà cũng chẳng có nỗi đại khổ ngũ suy trên cõi trời, tức là mảo hoa khô héo, ánh sáng nơi thân ảm đạm, dưới nách tươm mồ hôi, chẳng thích tòa ngòai của chính mình, thiên nữ xa lánh v.v... Còn chẳng có tên gọi của ba đường ác, tức địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh; hưởng hồ thật sự có những chuyện khổ nạn như nóng lạnh, đói khát, bị kẻ khác sai bảo v.v... ư?

Cũng tức là triệt để từ dòng khổ mà thoát ra, ngay cả tư hào Khổ Khổ, Hoại Khổ và Hành Khổ đều chẳng có. Đã muốn chuyển thành uẩn thể thanh tịnh trong cõi Phật ở ngoài tam giới, hóa hiện trong hoa sen, thân thanh hư, thể vô cực, chỉ hưởng thụ sự vui vô lậu, khiến cho trạng huống “dòng khổ không ngừng tiếp tục, chẳng có cách nào kết thúc” biến thành chuyện dần dần khai phát niềm đại lạc trong bốn tánh.

(Văn) **Duy hiển Nhất Thừa chi pháp, quyết định vô tam. Quy y Nhất Thế Tam Bảo, phụng sự thập phương Như Lai. Phật quang chiếu thể, vạn Hoặc tiềm tiêu. Pháp vị tư thân, Lục Thông cụ túc. Tam thập thất phẩm trợ đạo pháp, ứng niệm viên thành. Tam thập nhị ứng tùy loại thân, biến trần sát độ. Châu toàn ngũ thú, phổ bị chư căn. Bất động nhất tâm, biến hành tam-muội. Sái định thủy u tam thiên, dẫn chúng sanh u hỏa trạch, tự lợi, lợi tha, giai tất viên**

mãn.

(文)唯顯一乘之法，決定無三。歸依一體三寶，奉事十方如來。佛光照體，萬惑潛消。法味資神，六通具足。三十七品助道法，應念圓成。三十二應隨類身，遍塵刹土。周旋五趣，普被諸根。不動一心，遍行三昧。灑定水於三千，引衆生於火宅。自利利他，皆悉圓滿。

(Văn: Chỉ hiển lộ pháp Nhất Thừa, chắc chắn không có ba thừa. Quy y Nhất Thể Tam Bảo, phụng sự mười phương Như Lai. Phật quang chiếu vào thân, muôn Hoặc chướng ngầm tiêu. Pháp vị bồi bổ tâm thân, Lục Thông trọn đủ. Ba mươi bảy phẩm Trợ Đạo Pháp ứng theo ý niệm mà thành tựu trọn vẹn. Ba mươi hai loại thân tùy theo căn cơ mà ứng hiện, trọn khắp các cõi nước số nhiều như vi trần. Ứng hợp trọn khắp năm đường, thích hợp trọn khắp các căn. Nhất tâm bất động, hành trọn các tam-muội. Rưới nước Định trong tam thiên đại thiên, dẫn dắt chúng sanh nơi nhà lửa, tự lợi, lợi người, thấy đều viên mãn).

Hễ sanh về Tịnh Độ, sẽ chẳng còn có mảy may ý niệm chấp Ngã và Ngã Sở, cũng như phát sanh các phiền não tham, sân, si, mạn v.v..., cũng sẽ chẳng phát sanh nghiệp hữu lậu và kết sanh liên tục trong tam giới, tiêu sạch các làm loạn Khổ Tập điên đảo. Chỉ trụ trong pháp, tâm lấy Vô Ngã Huệ làm căn bản, phát khởi vô lượng diệu hạnh, khế hợp Thể và Dụng của Tự Tánh. Do đó, hiển hiện duy nhất pháp Nhất Thừa. Nói “*Nhất Thừa*” là nói tự tâm vốn trọn đủ Thể, Tướng, Dụng, vốn là Phật, hoặc là Như Lai Tạng có đủ cả ba phương diện Không, Bất Không, và Không Bất Không. Nói nó là Không, tức là trong ấy chẳng có bất cứ một tướng hư vọng nào để có thể đạt được. Nói nó là Bất Không, tức là nói tự tánh có hằng hà sa số công đức. Nói Không Bất Không là nói giác chiếu và tịch tĩnh nơi tự tâm vốn bất nhị. Cũng giống như vậy, quyết định chẳng có cái được gọi là “*Tam Thừa rốt ráo*”, hết thấy đều cùng nhập Nhất Thừa diệu đạo, quyết định thành Phật. Cũng có nghĩa là thế giới Cực Lạc có tịnh duyên thù thắng, được Phật lực gia bị, tâm tánh vốn sẵn có sẽ khai phát, sẽ ngay lập tức thấy “chính mình là Phật, ai nấy đều là Phật”, chẳng có tí gì khác biệt!

Cũng giống như vậy, quy y Nhất Thể Tam Bảo, phụng sự mười phương Như Lai. Nói đến Nhất Thể Tam Bảo thì tự thể vốn tự giác chiếu là Phật Bảo, tánh của tự thể vốn là lia, đó là Pháp Bảo, tự thể vốn

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

chẳng hai thì là Tăng Bảo. Cũng chính là tự tánh chiếu thì là Phật, tự tánh tịch thì là Pháp, tự tánh tịch chiếu bất nhị là Tăng. Phật có nghĩa là giác ngộ. Tự tánh có sự giác chiếu viên mãn, chiếu trọn khắp hết thấy các pháp trong mười phương ba đời, hoặc nó chính là Pháp Giới Trí. “*Tự tánh tịch*” là nói hết thấy những tướng hư vọng trong đó như sanh, diệt, tăng, giảm v.v... đều chẳng thể được, chẳng có bất cứ tướng nào thuộc về Tứ Biên (có, không, vừa có vừa không, chẳng có chẳng không), vốn tự tịch tĩnh. “*Tịch Chiếu bất nhị*” tức là trong khi đang Tịch bèn viên chiếu (chiếu trọn vẹn), ngay trong lúc đang viên chiếu thì tịch tĩnh. Tịch và Chiếu trọn chẳng phải là hai thứ tách biệt. Giống như vậy, do đã khai phát tâm tánh, đương nhiên là y chỉ Nhất Thể Tam Bảo, sẽ chẳng quên mất, mê hoặc. Trên thực tế là một mực ở trong trí Văn Thù.

“*Phụng sự thập phương Như Lai*” nghĩa là phát ra đại hạnh, có thể phân thân trong các cõi có số lượng nhiều như vi trần, giống như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói: Đối với chư Phật Như Lai có số lượng nhiều như số cực vi trần trong các cõi Phật tốt cùng pháp giới, hư không giới, đều phân thân đến trước mỗi vị Phật, hiện ra trước Phật, để thực hiện các thứ phụng sự, cúng dường v.v... Như vậy thì sẽ phát sanh đại dụng, đại dụng ấy được gọi là Phổ Hiền Đại Hạnh.

Cũng giống như vậy, đã tới thể giới Cực Lạc, quang minh của Phật chiếu vào thân, vào tâm, các loại mê hoặc sẽ ngấm ngấm tiêu mất. Nơi nơi chốn chốn đều ngửi thấy pháp vị bồi bổ tâm thần, trọn đủ sáu món thần thông là Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Thần Túc, Túc Mạng, và Lưu Tận. Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Chi, Bát Thánh Đạo v.v... ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ứng theo ý niệm mà viên thành, vừa nghĩ tới bèn có thể thành tựu viên mãn. Sau đó, sẽ giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, hóa hiện thân trời, thân người, thân tỳ-kheo, thân Phật, thân Bồ Tát, thân Thanh Văn v.v... ba mươi hai loại thân tùy theo từng loại [chúng sanh], có thể thị hiện trọn khắp các cõi nước số nhiều như vi trần. Sau đó, từ trong năm đường trời, người, bàng sanh, ngạ quỷ, và địa ngục mà thị hiện khắp chốn, thích hợp trọn khắp hết thấy các căn cơ. Nhất tâm chưa hề dao động, bèn có thể hành trọn khắp vô số tam-muội.

Chúng sanh đều ở trong si mê nhiệt não, tâm cuồng loạn tội bậc, chẳng hiểu rõ bản tánh, một mực hướng ra ngoài rong ruổi. Khi ấy, sẽ có thể vì họ mà tuyên thuyết diệu pháp. “*Sái định thủy ư tam thiên*” (Rưới nước Định trong tam thiên đại thiên thế giới): Trong phạm vi của

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

tam thiên đại thiên thế giới, dùng định thủy của Phật pháp để rưới cái tâm của chúng sanh, tâm họ liền an định. Sau đó, cứu vớt họ thoát khỏi nhà lửa. Như vậy thì sau khi đã tới Tây Phương, tự lợi lẫn lợi tha đều có thể đạt đến viên mãn.

(Văn) Nhiên tắc duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, cái giải thoát chi yếu môn, nãi tu hành chi tiệp kính. Thị dĩ liễu nghĩa Đại Thừa, vô bất chỉ quy Tịnh Độ. Tiền hiền hậu thánh, tự tha giai nguyện vãng sanh. Phàm dĩ dục đắc độ nhân, tiên tu tự độ, cố dã.

(文)然則唯心淨土，自性彌陀，蓋解脫之要門，乃修行之捷徑。是以了義大乘，無不指歸淨土。前賢後聖，自他皆願往生。凡以欲得度人，先須自度，故也。

(Văn: Vậy thì “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà” chính là môn trọng yếu để giải thoát, là đường tắt trong tu hành. Vì thế, liễu nghĩa Đại Thừa, không pháp nào chẳng nói về Tịnh Độ. Tiền hiền, hậu thánh, ta lẫn người đều nguyện vãng sanh. Phàm muốn độ người khác, cần phải tự độ trước đã, đó là lẽ cố nhiên).

Giống như vậy, nói “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà” tức là trong bản tánh Nhất Chân hiện ra Tịnh Độ, hiện ra Di Đà, trên thực tế, chẳng thoát ly tâm tánh. Bản tánh của chúng ta trọn đủ công năng có thể Chiếu; khi nhân duyên tụ hội, sẽ hiện ra Di Đà Tịnh Độ. Trên thực tế, Tự và Tha chẳng hai, toàn thể Tha chính là Tự, đều do tự tánh hiện. Vì thế nói “toàn Sự tức Lý, toàn vọng tức chân, toàn Tha tức Tự, toàn thể chúng sanh tức là Phật” v.v... Đây là một môn trọng yếu to lớn trong giải thoát, là đường tắt nhất trong tu hành. Do vậy, giáo pháp Đại Thừa liễu nghĩa không gì chẳng dẫn dắt về Tịnh Độ. Các bậc thánh hiền từ xưa tới nay, tự hành, hóa độ người khác đều nguyện vãng sanh. Do duyên cớ nào? Chính là vì hễ mong độ người khác thì phải tự độ trước đã!

Cũng chính là: Vì để thực hiện vô lượng đại nguyện Bồ Đề rộng lớn, trước hết, chính mình nhất định phải thành tựu thì mới có sức mạnh như vậy được! Nhằm để chính mình thành Phật thì trước hết phải sanh trong Tịnh Độ. Bởi lẽ, bên đó trọn đủ thuận duyên để tu pháp, do được Phật lực hộ trì, bảo bọc, dưỡng dục, chắc chắn sẽ thuận lợi thành đạo. Điều then chốt là cõi Tịnh Độ trang nghiêm được thành tựu bởi đại nguyện và đại hạnh của A Di Đà Phật từ bao nhiêu kiếp chính là đạo

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

tràng tốt nhất để tu hành. Ở nơi đó, sẽ thành đạo một trăm phần trăm, lại còn hiện tiền thành tựu viên mãn đại nguyện Phổ Hiền. Do cõi ấy là chốn tụ tập vô số trợ duyên để tu đạo, là chỗ được gia bị bởi trí huệ và bi tâm chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Do vậy, nghĩ tưởng Phật là vô thượng, trí, bi, lực của Phật chẳng thể nghĩ bàn, ta có duyên với Phật, lại còn đặc biệt ứng hợp căn cơ trong thế giới Sa Bà, cho nên có thể vãng sanh ngay trong đời này. Vì thế, coi thế giới Cực Lạc là chọn lựa hàng đầu. Thấy rõ đường lối như vậy, sẽ một dạ trở về thế giới Cực Lạc. Từ xưa đến nay, vô số bậc thánh hiền do đã thấy rõ con đường nghĩa lý to lớn này, cho nên quyết chí hướng đến Tịnh Độ.

5. Quyết chí đồng sanh

(Văn) Ô hô, nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu. Nhất thất nhân thân, vạn kiếp thâm hối. Cố suất đại hải chúng, các niệm Di Đà Phật, bách thanh, thiên thanh, nãi chí vạn thanh, hồi hướng đồng duyên, nguyện sanh bỉ quốc. Thiết ký Liên Trì Thắng Hội, kim địa pháp minh. Ý hỗ tương tư, tất hài tư nguyện. Thao châu thuận thủy, cánh gia lỗ trạo chi công, tức thập vạn chi dao, khả bất lao nhi chí dã.

(文)嗚呼，人無遠慮，必有近憂。一失人身，萬劫深悔。故率大海衆，各念彌陀佛。百聲千聲，乃至萬聲，回向同緣，願生彼國。竊冀蓮池勝會，金地法明。綺互相資，必諧斯願。操舟順水，更加櫓棹之功，則十萬之遙，可不勞而至也。

(Văn: Than ôi! Kẻ không lo xa, ắt có buồn gần. Hễ mất thân người, muôn kiếp hối hận sâu xa. Vì thế, suất lãnh đại hải chúng, ai nấy đều niệm Phật Di Đà, trăm câu, ngàn câu, cho đến vạn câu, hồi hướng những người cùng duyên, nguyện sanh về cõi ấy. Trộm mong hội thù thắng nơi ao sen, đất vàng, pháp rạng rỡ, giúp đỡ lẫn nhau, ắt cùng đạt nguyện ấy. Bơi thuyền thuận nước, lại thêm công sức chèo chống, ắt đường xa vạn dặm có thể chẳng nhọc sức mà đạt đến vậy).

Than ôi! Kẻ chẳng lo lắng đến con đường Bồ Đề xa xôi, con đường tương ứng với biên nguyện của đức Di Đà, chắc chắn sẽ rất nhanh chóng gặp nỗi ưu hoạn to lớn giáng xuống. Tử vong sẽ đưa đến rất mau lẹ; nếu chẳng chọn lựa con đường này, hễ mất thân người, sẽ

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

muôn kiếp khó có lại được, sẽ biến thành nổi hồi hận to tát tội bậc. Phải biết: Đây là chuyện lớn nhất trong hết thảy các chuyện, là tiền trình lớn nhất trong hết thảy các tiền trình, là lợi ích lớn nhất trong hết thảy các lợi ích, là an lạc lớn nhất trong hết thảy các sự an lạc, là phương tiện lớn nhất trong hết thảy các phương tiện. Phải nên lý giải như thế thì mới có thể phát khởi nguyện tâm kiên quyết, nhất tâm tương ứng biên nguyện của Phật Di Đà, nương vào nguyện lực của đức Di Đà gia bị, liền vượt thoát nổi khổ ngay trong đời này, cao đăng Tịnh Độ, dự vào địa vị Bất Thoái, viên thành hạnh nguyện Phổ Hiền; đây mới là con đường quang minh. Có lo lắng, suy xét sâu xa như vậy thì những mối lo gần lo xa đều nhất loạt giải quyết, sự vui gần vui xa mới một đường viên thành!

Do vậy, tôi suất lãnh đại hải chúng, ai nấy đều tự niệm A Di Đà Phật trăm câu, ngàn câu, cho đến vạn câu, hồi hướng do duyên phận chung của chúng ta, sẽ sanh về thế giới Cực Lạc. Trong tâm chúng ta đều mong mỗi trong tương lai sẽ có thể ở trong Liên Trì Hải Hội, đến chỗ đất vàng nơi thế giới Cực Lạc, ở trong quang minh của pháp. Chúng ta giúp đỡ lẫn nhau, nhất định sẽ thành tựu viên mãn nguyện này. Do thuận duyên một lèo trọn đủ, đã lên chiếc thuyền đại nguyện của A Di Đà Phật, lại có Thích Ca Như Lai dẫn dắt, mười phương chư Phật hộ niệm, cộng thêm chúng ta cùng nắm tay nhau phát khởi tín nguyện chân thành, niệm A Di Đà Phật, những sức mạnh đó hợp chung lại, như thế thì mười vạn ức cõi nước xa xôi cũng có thể đạt tới chẳng nhọc nhằn, chẳng cần phải tốn rất nhiều công sức vất vả mà vẫn có thể đạt tới.

“*Bát lao*” (Chẳng nhọc nhằn) là nói so sánh với các pháp môn giải thoát sanh tử khác, hoàn toàn chẳng phải là không cần tốn chút vất vả nào. Nếu muốn lên cõi Tịnh Độ, vượt thoát vòng khổ sở ngay trong đời này, thì so ra pháp môn Di Đà nguyện hải sẽ dễ dàng nhất. Chỉ cần trong một đời nỗ lực mấy chục năm, phàm phu tu tín, tu nguyện, tu hạnh, sẽ chắc chắn có thể hoàn thành.

6. Bồ Tát ngàm tán trợ

(Văn) Nguyên Hựu tứ niên Đông, Tông Trách dạ mộng nhất nam tử, ô cân bạch y, khả tam thập hứa, phong mạo thanh mỹ, cử thổ nhàn nhã, áp vị Tông Trách viết: “Dục nhập công Di Đà hội, cáo thư nhất danh”. Tông Trách nãi thủ Liên Hoa Thắng Hội Lực, bình

bút, vẫn viết: “Công hà danh?” Bạch y giả vân: “Danh Phổ Huệ”. Tông Trách thư dĩ, bạch y giả vân: “Gia huynh diệc tăng thượng danh”. Tông Trách vẫn viết: “Lệnh huynh hà danh?” Bạch y vân: “Gia huynh danh Phổ Hiền”. Bạch y giả toại ẫn.

(文)元祐四年冬，宗蹟夜夢一男子，烏巾白衣，可三十許，風貌清美，舉措閑雅，揖謂宗蹟曰：「欲入公彌陀會，告書一名。」宗蹟乃取蓮華勝會錄，秉筆問曰：「公何名？」白衣者云：「名普慧。」宗蹟書已，白衣者云：「家兄亦曾上名。」宗蹟問曰：「令兄何名？」白衣云：「家兄名普賢。」白衣者遂隱。

(Văn: Mùa Đông năm Nguyên Hựu thứ tư, Tông Trách đêm mộng thấy một người đàn ông, khăn đen, áo trắng, trạc ba mươi tuổi, phong thái, dung mạo thanh cao, đẹp đẽ, cử chỉ nhàn nhã, chấp tay, thưa với Tông Trách: “Muốn dự vào hội Di Đà của ông, xin ghi một tên”. Tông Trách bèn lấy sổ Liên Hoa Thắng Hội, cầm bút, hỏi: “Ông tên gì?” Người áo trắng đáp: “Tên là Phổ Huệ”. Tông Trách ghi xong, người áo trắng nói: “Gia huynh cũng đã từng ghi danh”. Tông Trách hỏi: “Lệnh huynh tên gì?” Người áo trắng đáp: “Gia huynh tên Phổ Hiền”, người áo trắng bèn biến mất).

Vào mùa Đông năm Nguyên Hựu thứ tư (1089), ngài Tông Trách ban đêm nằm mộng, thấy một người đàn ông khăn đen, áo trắng, cỡ ba mươi tuổi, phong thái, dung mạo thanh tao, đẹp đẽ, cử chỉ nhàn nhã, chấp tay thưa với ngài Tông Trách: “Tôi muốn gia nhập hội Di Đà do ông đã lập, muốn ghi danh một chỗ”. Ngài Tông Trách liền lấy sổ Liên Hoa Thắng Hội ra, cầm bút, hỏi: “Ngài tên gọi là gì?” Người áo trắng đáp: “Tôi tên là Phổ Huệ”. Sau khi ngài Tông Trách viết xong, người áo trắng nói: “Anh tôi cũng đã từng ghi danh”. Ngài Tông Trách hỏi: “Lệnh huynh tên gì vậy?” Người áo trắng nói: “Anh tôi tên là Phổ Hiền.” Nói xong, người áo trắng biến mất.

(Văn) Tông Trách giác nhi tuân chư kỳ túc, giai vân Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm, hữu nhị đại Bồ Tát danh. Tông Trách dĩ vi Phật tử hành Phật sự, trợ Phật dương hóa, tất hữu hiện thánh u tán, nhiên dự thử hội giả, diệc khởi tiểu duyên? Phổ Hiền biến danh dịch hiệu, bất tri thùỳ hà? Kim tiện dĩ nhị đại Bồ Tát vi thủ vân.

(文)宗蹟覺而詢諸耆宿，皆云華嚴離世間品，有二大菩薩名。宗蹟以為佛子行佛事，助佛揚化，必有賢聖幽贊。然預此會者，亦豈小緣。普賢變名易號，不知誰何。今更以二大菩薩為首云。

(Văn: Tông Trách tỉnh giác, thưa hỏi các bậc kỳ túc, họ đều nói trong phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị đại Bồ Tát ấy. Tông Trách cho rằng Phật tử làm Phật sự, giúp Phật tuyên dương, giáo hóa, ắt có thánh hiền ngấm ngấm tán trợ, vậy thì người dự vào hội này, há có phải là duyên nhỏ bé ư? Ngài Phổ Hiền thay tên đổi hiệu [để ghi danh tham dự], chẳng biết là ai, nay bèn để tên hai vị đại Bồ Tát đứng đầu số).

Ngài Tông Trách tỉnh giác, hỏi các bậc tiên bối. Họ đều nói trong phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị đại Bồ Tát ấy. Ngài Tông Trách cho rằng: “Phật tử làm Phật sự, giúp Phật tuyên dương, giáo hóa, nhất định sẽ có bậc thánh hiền ngấm ngấm tán trợ. Nhưng bậc đại Bồ Tát tham dự pháp hội lần này, vậy thì niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ làm sao là nhân duyên nhỏ nhất cho được?” Phổ Hiền Bồ Tát thay đổi tên gọi, chẳng biết là trước đó, Ngài đã dùng tên gì để ghi danh vào Liên Hoa Thắng Hội Lục, nhưng bất quản như thế nào, nay bèn ghi tên hai vị đại Bồ Tát Phổ Hiền và Phổ Huệ làm bậc thượng thủ của Liên Hoa Thắng Hội Lục lần này.

Phụ lục 4

Đại Trí luật sư Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi Tự

(大智律師淨業禮懺儀序 - lời tựa cho nghi thức Tịnh Nghiệp Lễ Sám của Đại Trí luật sư)

Đại Trí luật sư tức là đại luật sư Linh Chi Nguyên Chiêu đời Tống. Ngài là Tổ Sư của Nam Sơn Tông⁴³, người xứ Du Hàng. Thoạt

⁴³ Nam Sơn Tông là tông phái tu tập, nghiên cứu Luật Tứ Phần được thành lập vào đời Đường, còn gọi là Nam Sơn Luật, Tứ Phần Tông, hoặc Nam Sơn Giáo. Tông này do ngài Đạo Tuyên Luật Sư ở Chung Nam Sơn sáng lập. Giới luật nhà Phật rất nhiều, nhưng truyền vào Trung Hoa, chủ yếu là bốn bộ luật, tức Thập tụng Luật, Tứ Phần Luật, Tăng Kỳ Luật, và Ngũ Phần Luật. Năm Hoàng Sơ thứ ba (222) đời Tào Ngụy, sa-môn Đàm Ma Ca La đến Lạc Dương, nhận biết Đông Độ thiếu sự truyền thừa nghiêm túc về Luật học, bèn phát tâm hoằng truyền Luật Tông. Ngài

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

đầu, Ngài y chỉ luật sư Đông Tàng Huệ Giám chuyên học giới luật. Sau đấy, lại theo pháp sư Thần Ngô để nghe giảng về Thiên Thai Giáo Quán. Pháp sư Thần Ngô khuyến khích Ngài nghiên cứu, thấu hiểu sâu xa diệu nghĩa kinh Pháp Hoa, coi đó là việc trọng yếu căn bản. Về sau, Ngài lại thọ Bồ Tát Giới từ pháp sư Quảng Từ, lúc đó, giới quang phát hiện, bèn nghiên cứu rộng khắp tông Nam Sơn. Ngài thường chống tích trượng, cầm bình bát, khát thực nơi đường phố. Về già, Ngài trụ trì chùa Linh Chi ba mươi năm, truyền giới độ Tăng đến sáu mươi hội, một dạ chuyên chí Tịnh nghiệp. Ngài thường nói: “*Sống thì hoằng dương khuôn phép của Luật, chết về An Dưỡng, bình sinh tôi đạt được chỉ có hai pháp môn*”. Tức là nói: Suốt đời ta chỉ đạt được hai pháp môn này, khi sống thì hoằng dương khuôn phép giới luật, khi mất bèn về thế giới Cực Lạc.

Sư từng biên soạn Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi và cũng viết bài tựa này. Tới mùa Thu năm Chánh Hòa thứ sáu (1116)⁴⁴ đời Tống, luật sư Nguyên Chiêu bảo đệ tử phúng tụng Quán Kinh và Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, ngài xếp bằng qua đời. Những người bắt cá ở Tây Hồ đều nghe trên hư không có tiếng thiên nhạc vang rền.

(Tự) Nguyên Chiêu, tự hạ đàn lai, tiện tri học Luật. Đản bảm tánh dung bực, vi hành bất tiểu, hậu ngộ Thiên Thai Thần Ngô pháp

dịch bộ Tăng Kỳ Giới Tâm, và truyền pháp Yết Ma. Tuy thế, kinh điển về Luật Tông vẫn chưa được truyền thừa đầy đủ. Đến thời Diêu Tần, ngài Cru Ma La Thập dịch Thập Tụng Luật, khiến cho Đông Độ dậy lên phong trào nghiên cứu Luật học mạnh mẽ. Sau đó, các bộ Tứ Phần Luật, Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Ngũ Phần Luật, Tỳ Ni Mâu Luận, Ma Đắc Lạc Già Luận, Thiện Kiến Luận, Tát Bà Đa Luận, Minh Liễu Luận v.v... lần lượt được dịch sang Hán văn, Trung Hoa mới có luận điển khá hoàn bị. Trước đời Đường, Thập Tụng Luật thịnh hành, đến đời Đường, Tứ Phần Luật được nghiên cứu mạnh mẽ. Các luật sư Trung Hoa dùng tư tưởng Đại Thừa để giải thích giới luật Tiểu Thừa, khiến cho hứng thú nghiên cứu Luật càng tăng mạnh. Ngài Đạo Tuyên viết rất nhiều tác phẩm chú giải Luật như Tứ Phần Luật San Phiến Bồ Khuyết Hành Sự Sao, Tứ Phần Luật Hàm Chú Giới Bồn Sớ, Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ, Tứ Phần Luật Tỳ Kheo Ni Sao, Tứ Phần Luật Thập Tỳ Ni Nghĩa Sao v.v... Ba bộ đầu tiên được gọi chung là Tam Đại Bộ, được coi là giáo điển căn bản để nghiên cứu Luật học. Nhất là bộ Hành Sự Sao được coi là kim chỉ nam cho việc nghiên cứu, hành trì Luật Tông.

⁴⁴ Chánh Hòa là niên hiệu của Tống Huy Tông (Triệu Cát) từ năm 1111 đến năm 1118. Tống Huy Tông dùng sáu niên hiệu là Kiến Trung Tĩnh Quốc, Sùng Ninh, Đại Quan, Chánh Hòa, Trọng Hòa, và Tuyên Hòa.

su, khổ khẩu đề hồi, thí tri cải tích, toại nãi thâm cầu Tổ giáo, bác cứu Phật thừa, nhi u Phật, Tổ vi ngôn, bạc hữu sở lãnh.

(序)元照，自下壇來，便知學律。但稟性庸薄，為行不肖。后遇天台神悟法師，苦口提誨，始知改跡。遂乃深求祖教，博究佛乘。而於佛祖微言，薄有所領。

(Tự: Nguyên Chiêu từ sau khi thọ giới, liền biết học Luật, nhưng bầm tánh vụng về, hời hợt, hành vi chẳng nên thân. Về sau, gặp pháp sư Thần Ngộ của tông Thiên Thai rất miệng nhắc nhở, dạy dỗ, mới biết sửa đổi hành vi. Do vậy bèn tìm cầu sâu xa lời giáo huấn của Tổ, nghiên cứu sâu rộng Phật thừa, nhưng đối với những lời lẽ vi nhiệm của Phật, Tổ, lãnh ngộ quá ít ỏi).

Đại Trí luật sư nói: - Nguyên Chiêu tôi kể từ khi ra khỏi giới đàn, đã biết học Luật, nhưng do bầm tánh vụng về, ngu tối, hời hợt, kém cỏi, hành vi có rất nhiều chỗ chẳng đúng pháp. Về sau, gặp pháp sư Thần Ngộ của tông Thiên Thai, được Ngài rất miệng buốt lòng nhắc nhở, dạy dỗ, mới biết thay đổi cách làm. Vì thế, học rộng nghiên cứu sâu xa giáo pháp rất sâu của Phật, Tổ, nhưng đối với ngôn giáo vi diệu của Phật, Tổ chỉ mới lãnh hội đôi chút.

(Tự) *Thiết tự tư viết: Sơ tâm văn học, ninh vô túc thiện, dẫn bất ngộ lương đạo, tác ác vô số, hư táng nhất sanh, thọ khổ trường kiếp. Ư thị, phát đại thệ nguyện, thường sanh Sa Bà ngũ trước ác thế, thông đạt Phật lý, tác đại đạo sư, đề dụ quần sanh, linh nhập Phật đạo.*

(序)竊自思曰：初心晚學，寧無夙善。但不遇良導，作惡無恥，虛喪一生，受苦長劫。於是發大誓願，常生娑婆五濁惡世，通達佛理，作大導師，提誘群生，令入佛道。

(Tự: Tự trộm nghĩ rằng: - Kể sơ tâm học muộn, há chẳng có thiện căn từ đời trước ư? Nhưng vì chẳng gặp bậc hướng dẫn tốt lành, bèn làm ác chẳng biết thẹn, chôn vùi luống uổng một đời, chịu khổ bao kiếp dài lâu. Do vậy, phát đại thệ nguyện, thường sanh trong đời ác ngũ trước của cõi Sa Bà, thông đạt Phật lý, làm bậc đại đạo sư để nhắc nhở, khuyên dụ quần sanh, khiến cho họ nhập Phật đạo).

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Tôi trộm nghĩ: - Học nhân sơ phát tâm thuộc hàng hậu bối, lẽ nào chẳng có thiện căn từ đời trước? Chỉ là do chẳng gặp bậc đạo sư tốt đẹp, kết quả là tạo ác chẳng hổ thẹn, nghiêm nhiên sống luống uổng một đời, do sức ác nghiệp phải chịu khổ trong nhiều kiếp lâu dài. Do vậy, phát đại thệ nguyện: Nguyện tôi thường sanh trong đời ác ngũ trược của thế giới Sa Bà, thông đạt Phật lý, làm bậc đại đạo sư dắt dìu, hướng dẫn chúng sanh, khiến cho họ nhập Phật đạo.

(Tự) Phục kiến Cao Tăng Truyện, Huệ Bồ pháp sư vân: “Phương thổ tuy tịnh, phi ngô sở nguyện. Nhược sử thập nhị kiếp liên hoa trung thọ lạc, hà như tam đồ cực khổ xử, cứu chúng sanh dã”. Do thị kiên trì sở kiến, lịch thiệp tuế niên, ư Tịnh Độ môn, lược vô quy hướng. Kiến tu Tịnh nghiệp, phục sanh khinh báng.

(序)復見高僧傳慧布法師云：「方土雖淨，非吾所願。若使十二劫蓮華中受樂，何如三途極苦處救眾生也。」由是堅持所見，歷涉歲年。於淨土門，略無歸向。見修淨業，復生輕謗。

(Tự: Lại đọc Cao Tăng Truyện, thấy pháp sư Huệ Bồ nói: “Cõi Tây Phương tuy thanh tịnh, chẳng phải là ước nguyện của ta. Giả sử hưởng lạc mười hai kiếp trong hoa sen, sao bằng ở trong tam đồ, là chỗ khổ sở tột cùng để cứu chúng sanh”. Do vậy, chấp chặt kiến giải trải qua nhiều năm, đối với pháp môn Tịnh Độ coi thường, trọn chẳng quy hướng, thấy người tu Tịnh nghiệp lại sanh lòng khinh thường, báng bô).

Sau đó, tôi lại đọc Cao Tăng Truyện, thấy pháp sư Huệ Bồ nói: “Tây Phương sát độ (cõi nước Cực Lạc) tuy thanh tịnh, nhưng chẳng phải là điều ta mong muốn. Giả sử mười hai kiếp hưởng lạc trong hoa sen, sao bằng ở trong tam đồ khổ sở tột bậc để cứu khổ chúng sanh?” Do vậy, tôi chấp chặt kiến giải của chính mình trải qua rất nhiều năm tháng, đối với pháp môn Tịnh Độ chẳng có một tí tâm quy hướng nào. Trông thấy kẻ khác tu Tịnh nghiệp còn sanh tâm coi rẻ, phi báng!

(Tự) Hậu tao trọng bệnh, sắc lực nuy luy, thần thức mê mang, mạc tri thú hướng. Ký nhi bệnh sai, đốn giác tiền phi, bi khắp cảm thương, thâm tự khắc trách, chí tuy hồng đại, lực vị kham nhậm.

(序)后遭重病，色力痿羸，神識迷茫，莫知趣向。既而病差，頓覺前非。悲泣感傷，深自克責。志雖洪大，力未堪任。

(Tự: Về sau bị bệnh nặng, sắc thân, sức lực suy yếu, tinh thần mê muội, chẳng biết tiến hướng về đâu. Đến khi khỏi bệnh, nhanh chóng biết trước kia đã sai, buồn khóc cảm thương, tự trách sâu xa, chí tuy to rộng, sức chưa kham nổi).

Sau đây, tôi bị bệnh nặng một trận, sắc thân suy nhược, tinh thần uể oải, thần chí chẳng rõ ràng, chẳng biết phương hướng cho tiền đồ (tương lai), nghĩ đến tiền đồ mai sau chẳng có mấy may gì ổn thỏa, trong tâm rỗng tuếch. Chẳng lâu sau, bệnh lành, ngay lập tức, tôi giác ngộ những sai trái trong quá khứ, khóc thảm sâu thương, quả trách chính mình sâu xa. Tuy có chí nguyện to lớn, nhưng chẳng có năng lực để kham độ chúng sanh trong cõi đời ô trược. Đúng là không biết lượng sức!

(Tự) Nhưng lãn Thiên Thai Thập Nghi Luận: “Sơ tâm Bồ Tát, vị đắc Vô Sanh Nhân, yếu tu thường bất ly Phật”. Hựu dẫn Trí Độ Luận vân: “Cụ phược phạm phu, hữu đại bi tâm, nguyện sanh ác thế, cứu khổ chúng sanh, vô hữu thị xứ. Thí như anh nhi, bất đắc ly mẫu. Hựu như nhược vũ, chỉ khả truyền chi”.

(序)仍覽天台十疑論：「初心菩薩，未得無生忍，要須常不離佛。」又引智度論云：「具縛凡夫，有大悲心，願生惡世，救苦眾生，無有是處。譬如嬰兒，不得離母。又如弱羽，只可傳枝。」

(Tự: Do xem tác phẩm Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai, [thấy nói]: “Sơ tâm Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh Nhân, cần phải thường chẳng lìa Phật”. Ngài (Thiên Thai Trí Giả đại sư) lại trích dẫn Trí Độ Luận như sau: “Phạm phu đầy dẫy triền phược, có tâm đại bi, nguyện sanh trong đời ác để cứu khổ chúng sanh, chẳng có lẽ ấy. Ví như trẻ thơ, chẳng được lìa mẹ. Lại như [chim non] lông vũ yếu ớt, chỉ có thể chuyền cành”).

Tôi lại đọc Tịnh Độ Thập Nghi Luận do Thiên Thai Trí Giả đại sư soạn. Trong ấy có nói: “Sơ Phát Tâm Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Pháp Nhân, cần phải thường chẳng lìa Phật”. Bộ luận ấy còn trích dẫn Trí Độ Luận như sau: Một gã phàm phu có phiền não, bị nghiệp lực trói buộc, mà bảo là có tâm đại bi, muốn sanh trong cõi đời trước ác để cứu độ chúng sanh khổ nạn, chẳng có lẽ ấy! Giống như trẻ thơ chẳng thể rời mẹ, chim non chỉ có thể hoạt động gần đầu cành. Đối chiếu với bản thân, cảm thấy đích xác là như thế!

(Tự) Tự thị tận khí bình sanh sở học, chuyên tâm Tịnh Độ giáo môn, nhị thập dư niên, vị thường tạm xả. Nghiên tường lý giáo, phi quát cổ kim, đốn thích quân nghi, dũ gia thâm tín.

(序)自是盡棄平生所學，專尋淨土教門。二十余年，未嘗暫舍。研詳理教，披括古今，頓釋群疑，愈加深信。

(Tự: Từ đây, bỏ sạch những điều từng học trước kia, chuyên tìm cầu giáo môn Tịnh Độ. Hơn hai mươi năm, chưa từng tạm bỏ, nghiên cứu tường tận giáo lý, lật xem trọn khắp [các trước tác, chú, sớ] xưa nay, nhanh chóng tháo gỡ mọi nỗi nghi, càng thêm tin tưởng sâu xa).

Sau khi tôi gặp phải trận bệnh nặng này và kiểm điểm chính mình, bèn thay đổi đường lối, phương hướng, buông xuống toàn bộ sở học trước kia, chuyên môn tìm cầu giáo môn Tịnh Độ. Hơn hai mươi năm, chưa từng tạm bỏ. Đối với diệu lý Tịnh Độ và kinh giáo, bèn nghiên cứu tường tận, xem rộng rãi khắp các trước tác của các vị đại đức xưa nay, thâm nhập biển giáo, bỗng tháo gỡ đủ mọi nỗi nghi hoặc trong quá khứ. Đối với đại đạo hành môn này, càng thêm tin tưởng sâu xa, chẳng nghi, cảm thấy chính mình nhất định phải đi theo con đường này.

Trên đây là tình hình thâm nhập Giải môn đối với Tịnh Độ.

(Tự) Phục kiến Thiện Đạo hòa thượng chuyên tạp nhị tu. Nhược chuyên tu giả, bách tức bách sanh. Nhược tạp tu giả, vạn thiên nhất nhị. Tâm thức tán loạn, quán hạnh nan thành.

(序)復見善導和尚專雜二修。若專修者，百即百生。若雜修者，萬千一二。心識散亂，觀行難成。

(Tự: Lại thấy trong bài luận định về hai cách tu chuyên và tạp của hòa thượng Thiện Đạo [có nói]: Nếu chuyên tu thì trăm người tu, trăm người vãng sanh. Nếu là tạp tu thì ngàn vạn người tu, chỉ được một hai người vãng sanh. Do tâm thức tán loạn, quán hạnh khó thành!)

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Sau đây, tôi lại thấy trong bài Vãng Sanh Lễ Tán của hòa thượng Thiện Đạo đặc biệt khai thị về hai cách tu chuyên và tạp. Nếu chuyên tu thì trăm người tu, trăm người vãng sanh. Nếu tạp tu, trong ngàn vạn người, chẳng có đến một hai người vãng sanh! Tỷ lệ hết sức nhỏ! Là vì tâm thức tán loạn, rất khó thành tựu quán hạnh. Sau khi tôi được Thiện Đạo đại sư chỉ dạy, bèn tiến nhập con đường nhất tâm chuyên trì danh hiệu Di Đà. Đây là nhân duyên khiến cho tôi thâm nhập hạnh môn.

(Tự) Nhất chí chuyên trì tứ tự danh hiệu, kỷ sanh đào thệ, kim thử tri quy. Nhung dĩ sở tu, triển chuyển hóa đạo, tận vị lai tế, hồng tán hà cùng? Phương tiện đa môn, dĩ tín đắc nhập. Như Đại Thế Chí, dĩ niệm Phật tâm, hoạch ngộ Viên Thông, nhập tam-ma-địa.

(序)一志專持四字名號，幾生逃逝，今始知歸。仍以所修，展轉化導。盡未來際，洪贊何窮。方便多門，以信得入。如大勢至，以念佛心，獲悟圓通，入三摩地。

(Tự: Một dạ chuyên trì bốn chữ danh hiệu. Mấy đời bỏ trốn, nay mới biết về. Vẫn dùng những điều chính mình tu tập để lần lượt giáo hóa, hướng dẫn người khác cho đến tận cùng đời vị lai, đâu tán dương rộng rãi, há có thể cùng tận ư? Phương tiện có nhiều môn, do lòng tin mà được vào; như ngài Đại Thế Chí dùng cái tâm niệm Phật mà đắc ngộ Viên Thông, nhập tam-ma-địa).

Từ đây trở đi, tôi một mực chuyên dốc lòng chấp trì danh hiệu bốn chữ “A Di Đà Phật”, cảm thán từ nhiều kiếp tới nay đã giống như trong Đại Thế Chí Viên Thông Chương đã chép: “*Như tử đào thệ, bất tri quy*” (Như con bỏ trốn, chẳng biết trở về), nay mới bắt đầu biết quy túc. Lại còn đem pháp do chính mình tu tập để lần lượt giáo hóa, hướng dẫn chúng sanh. Đối với công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn Di Đà nguyện hải, dẫn đến tận cùng đời vị lai tán thán rộng lớn nhất, vẫn chẳng nói xong (điều này biểu thị Ngài đã phát lòng tin sâu xa, biết từ nay phải nhất tâm nương cậy từ mẫu Di Đà). Tôi biết để chứng nhập bản tánh thì có rất nhiều môn phương tiện, những môn ấy đều phải do tín tâm mới nhập được, nhưng diệu môn Tịnh Độ đương nhiên là phải tin vào A Di Đà Phật, nghĩ nhớ bi trí nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, nhất tâm nương cậy, niệm nào cũng đều tương ứng với Phật. Giống như trong Đại Thế Chí Viên Thông Chương đã nói: “*Ngã bốn nhân địa, dĩ Niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhẫn.*

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Kim ư thử giới, nhiếp niệm Phật nhân quy ư Tịnh Độ. Phật vấn viên thông, ngã vô tuyền trạch, đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc tam-ma-địa, tư vi đệ nhất” (Nhân địa của con là dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhân. Nay ở trong cõi này, nhiếp thọ người niệm Phật trở về Tịnh Độ. Đức Phật hỏi pháp Viên Thông, con không chọn lựa. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa; đây là bậc nhất). Ở đây, đại sư nói chính mình nhất tâm quay về, tiến nhập môn Tịnh Độ, và quá trình chuyển biến để tương ứng với Phật Di Đà, xác định hạnh môn, nhất tâm thâm nhập từ chỗ này.

Trên đây là nói về quá trình thâm nhập Giải môn và Hạnh môn của đại sư.

(Tự) Phục tự tư niệm, dĩ tiền sở tạo vô lượng tội nghiệp, bất tín Tịnh Độ, báng pháp, hủy nhân. Nghiệp nhân ký thành, khổ quả tất khắc. Túng bách thiên kiếp, sở tác bất vong, nghiệp tánh tuy không, quả báo bất thất, nội hoài tâm si, hiểu tịch cũng hoàng. Ư thị, cung đối thánh tiền, thổ lộ can đảm, ngũ thể đầu địa, khổ đảo sám hối. Nhưng phát đại nguyện, phổ nhiếp chúng sanh, đồng tu niệm Phật, tận sanh Tịnh Độ.

(序)復自思念，已前所造無量罪業，不信淨土，謗法毀人。業因既成，苦果必克。縱百千劫，所作不亡。業性雖空，果報不失。內懷慚恥，曉夕兢惶。於是躬對聖前，吐露肝膽，五體投地，苦倒懺悔。仍發大願，普攝眾生，同修念佛，盡生淨土。

(Tự: Lại tự suy nghĩ: Trước kia đã tạo vô lượng tội nghiệp, chẳng tin Tịnh Độ, báng pháp, hủy gièm người khác. Nghiệp nhân đã thành, ắt gánh chịu quả khổ. Dầu trăm ngàn kiếp, những gì đã làm vẫn chẳng mất, nghiệp tánh tuy là không, quả báo chẳng mất. Ôm lòng hồ thẹn, sáng tối lo lắng, sợ sệt. Do vậy, rạp mình đối trước chư thánh, thổ lộ gan mật, năm vóc gieo xuống đất, siêng khổ cầu xin sám hối, lại còn phát đại nguyện nhiếp trọn chúng sanh, đồng tu niệm Phật, đều sanh hết về Tịnh Độ).

Đại sư lại nói chính mình phát tâm sám hối, sửa đổi cách suy nghĩ trước kia. Ngài tự suy nghĩ: Vô lượng tội nghiệp ta đã tạo trước kia, như chẳng tin Tịnh Độ, báng pháp, khinh hủy người khác tu Tịnh

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

nghiệp. Tội nghiệp đã hình thành, khổ quả báo ứng chắc chắn đưa đến. Đó gọi là “*giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong*” (giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã làm chẳng mất). Thể tánh của nghiệp tuy là Không, quả báo chẳng mất mát mấy may! Trong lòng ôm nổi hổ thẹn, từ sáng đến tối dè dặt, sợ hãi, kinh hoảng. Do vậy, Ngài đích thân đối trước thánh tượng, phơi bày nội tâm, thốt lời thành thật, năm vóc gieo xuống đất làm lễ, kiệt lực tỏ bày sám hối, và còn phát khởi đại nguyện: Nguyện nhiếp hóa trọn khắp hết thảy chúng sanh cùng tu niệm Phật, cùng sanh Tịnh Độ. Giống như vậy, Ngài hoàn toàn sửa đổi, trong dĩ vãng đã khinh rẻ, gièm báng Tịnh Độ, trọn chẳng hướng về, [hiện thời] chuyển thành một dạ hướng về, cùng phát đại nguyện nhiếp trọn khắp hết thảy chúng sanh hữu duyên cùng sanh Tịnh Độ.

Trên đây là Đại Trí luật sư đã trình bày quá trình quy hướng Tịnh Độ của chính mình.

Chúng ta học đoạn này, phải thấy rõ quá trình biến hóa trong nội tâm của Đại Trí luật sư, có thể chia thành hai đoạn:

Đoạn đầu thì phải thấy Ngài đã phát nguyện ở trong uế độ độ sanh, cũng như dấy khởi lòng khinh rẻ, báng bô Tịnh Độ như thế nào? Ngài phát tâm chẳng phải là ngẫu nhiên, mà là do chính mình đã có sự cảm nhận thiết thực, suy từ mình mà nghĩ đến người khác, bèn lập thế nguyện ở trong uế độ cứu vớt chúng sanh đang bị khổ nạn. Thường nói là “*tăng vi lãng tử thiên lân khách*” (từng là kẻ lãng tử nên riêng thương xót [những người cùng cảnh ngộ]), [nghĩa là] trước kia, Ngài cũng là kẻ bị lạc đường. Sau đó, gặp gỡ một vị thầy tốt, khiến cho Ngài phát sanh chuyển biến rất lớn. Xưa kia, Ngài thọ giới xong, chỉ biết học Luật, trọn chẳng học Giáo. Nhưng trước khi mở con mắt giáo pháp, người ta [ở trong tình cảnh] rất nguy hiểm, chẳng biết đi theo Bồ Đề đạo như thế nào? Tập khí ác từ vô thủy tới nay cũng nhiều, đến nỗi hành vi có khi chẳng ra gì, rất nhiều chỗ chẳng phù hợp pháp đạo. Sau đấy, lại gặp gỡ minh sư, được vị thầy khổ sở, thiết tha chỉ dạy Ngài, cảnh tỉnh Ngài nhất định phải học Giáo. Sau đấy, Ngài đổ công dốc sức, miệt mài học rộng, nghiên cứu sâu xa giáo pháp rất sâu, đối với những lời vi diệu của Phật, Tổ kẻ như đã có một số lãnh hội.

Khi đó, Ngài cảm thấy chuyện này quá quan trọng, bèn nghĩ: Chúng sanh trên cõi đời này đều giống như ta. Người học Phật trong hiện thời đương nhiên là đều có thiện căn trong đời trước, nhưng trong ấy thiện ác xen tạp, có tập khí tốt, mà cũng có tập khí xấu. Điều then chốt là có gặp được một vị thầy tốt lành hay không? Nếu chẳng gặp

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

một vị thầy tốt lành, cứ trông cậy vào cảm giác của chính mình, đi theo tập tánh, quá nguy hiểm! Căn bản là chẳng thấy rõ đường lối. Học Phật pháp hoàn toàn phải nương cậy thiện tri thức. Nếu không, sẽ tu tập chẳng thông suốt. Ngài suy nghĩ: Trước khi gặp được bậc minh sư, kẻ bình phàm đều là hao phí một đời, lại còn tạo ác chẳng hổ thẹn. Tự cho là chính mình đang tu hành, thật ra là không ngừng tạo ác! Nhưng tạo ác nơi Phật pháp sẽ hết sức nặng nề, sẽ phải chịu nỗi khổ vô lượng đời thọ sanh trong đường ác. Quá đáng sợ! Khi ấy, Ngài do bi tâm mà chẳng nở lòng, nghĩ tới sự tạo ngộ của chính mình, lại nghĩ chúng sanh cũng giống như ta. Trong tình hình ấy, nếu chẳng có người phát nguyện ở trong uế độ để độ chúng sanh, vậy thì những chúng sanh đáng thương kia sẽ ra sao? Vì thế, suy nghĩ: Trong tương lai, ta nhất định phải tinh thông Phật pháp, làm bậc đại đạo sư trong đời ác ngũ trược, tận tâm tận lực dìu dắt chúng sanh, giúp đỡ họ, dẫn đường cho họ, đều đặt yên họ trên đường Bồ Đề, khiến cho họ nhanh chóng giải thoát thành Phật. Ngài có kiến giải thù thắng như vậy. Đây chính là do sự cảm nhận thiết thân, sanh khởi thiện căn, bèn phát khởi bi nguyện.

Sau đó, Ngài lại thấy trong Cao Tăng Truyện có một vị pháp sư là Huệ Bồ nói: *“Dẫu là kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, hễ sanh về Tịnh Độ liền có thể hưởng niềm vui như trên cung trời suốt mười hai kiếp trong hoa sen, ta cảm thấy vẫn chẳng bằng trực tiếp ở trong ba đường ác cứu độ chúng sanh”*. Ngài thấy lời ấy, hết sức đồng tình, kiên định đại nguyện tu hành trong uế độ hòng trực tiếp cứu tế những kẻ khổ nạn. Sự phân biệt của phàm phu rất lạ lùng, luôn lệch lạc. Một khi đã thiên về uế độ, bèn có tâm khinh rẻ những kẻ khác đang tu Tịnh Độ, lại còn phỉ báng. Đối với pháp môn Tịnh Độ, chẳng có mấy may cái tâm quy hướng. Đây cũng là kinh nghiệm của chính Ngài trong giai đoạn đầu.

Chúng ta phải thấy lịch trình tâm tư của Đại Trí luật sư trong giai đoạn đầu. Cũng là từ kiến giải thù thắng mà phát khởi nguyện dục (ước nguyện). Do nguyện dục sai khiến cái tâm nỗ lực tiến theo phương hướng đã phát nguyện. Tâm Ngài hướng về phía mong tu hành trong uế độ. Độ sanh thì trong ấy có bi, có lợi tha, có hành động. Hoặc là nói: Ngài do kiến giải thù thắng sai khiến mà lập nguyện, nguyện ấy hết sức kiên định, chẳng có cách nào xoay chuyển. Sau đây, nhất tâm nỗ lực tại đó. Nhưng do đi theo cái tâm phân biệt, đi theo uế độ hay đi theo Tịnh Độ, rành rành là hai con đường bất đồng. Xét theo phía Tịnh Độ, tâm Ngài chẳng có mấy may năng lượng gieo vào, lại còn hết sức bài xích, khinh miệt, hủy báng. Đối với uế độ, tâm một mực dốc hết năng lượng,

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

phát khởi tinh tấn. Như thế thì sẽ thấy được một đoạn lịch trình nơi tâm lộ của Ngài.

Chúng ta hãy suy nghĩ: Đại Trí luật sư phát tâm chẳng tốt đẹp ư? Ngài nầy sanh lầm lỗi ở chỗ nào? Đối với chúng sanh khổ nạn, Ngài có tâm đồng tình thiết thân, một dạ muốn cứu độ, lại còn phát tâm làm bậc đại đạo sư dìu dắt chúng sanh, hòng đặt yên họ nơi vô thượng Phật đạo. Bi tâm và Bồ Đề tâm như vậy chẳng tốt lành ư? Trên đời có mấy ai phát khởi được cái tâm ấy? Kẻ chỉ cầu chính mình liễu sanh tử, một mình ta được giải thoát, có phát khởi được cái tâm ấy hay chăng? Kẻ chỉ nghĩ tự mình hưởng vui, chẳng nguyện ở trong khổ nạn độ chúng sanh, có tâm lượng ấy hay không? Chúng ta phải nên lễ kính cái tâm này, nó hết sức thù thắng, khó có. Nếu là thù thắng, khó có như vậy, có sao về sau Ngài lại thay đổi phương hướng? Nếu chẳng có vấn đề, vì sao phải thay đổi? Chúng ta tiếp tục quan sát đoạn sau, vị cao tăng này do nhân duyên gì mà biết chỗ sai lầm của chính mình, từ đó bèn thay đổi phương hướng.

Sở dĩ Ngài phát sanh sự chuyển biến to lớn như vậy là vì khi xuất hiện sự khảo nghiệm to lớn, Ngài chẳng vượt qua được, chẳng vượt ải nổi! Chuyện này khiến cho Ngài cảm thấy chính mình không xong. Lúc đó, Ngài bị bệnh nặng một trận, đặc biệt nguy cấp, cảm giác mình sẽ chết. Ví như một gã phàm phu khi nhận được thư chẩn đoán bệnh ung thư, kẻ đó liền lập tức ngã gục, hết sức kinh hoàng, tinh thần suy sụp, có mấy ngày mà đã biến đổi chẳng thành hình người. Trong lúc đại sư mắc bệnh nặng, toàn thể thân tâm đều bị co cụm lại, yếu ớt vô lực, chẳng biết làm như thế nào để vượt qua. Sau khi đã hết bệnh, Ngài mới giác ngộ chính mình chưa được! Do căn bệnh xảy đến, mới phát hiện Ngã Chấp của con người to cỡ nào, chẳng thể coi [nhẹ] Ngã Chấp là không được, chẳng vượt qua được, chẳng biết sẽ đi về đâu, tiền đồ mờ mịt, hết sức hoảng sợ, [điều này] chứng tỏ chính mình chẳng có đạo lực. Khi ấy Ngài mới cảm nhận, nguyện trong quá khứ tuy bi tráng, nhưng năng lực kém cõi quá xa. Chính mình đang đắm chìm trong sóng mồi sanh tử, còn mong cứu người khác sao nổi? Nguyện tuy lớn, trên thực tế là chẳng có năng lực để hoàn thành.

Sau đây, Ngài xem Tịnh Độ Thập Nghi Luận, phát hiện các vị tổ sư Bồ Tát đều dạy như thế này: “*Sơ Phát Tâm Bồ Tát trước khi đắc Vô Sanh Nhân Lực, ắt cần phải thường chẳng rời Phật*”. Hơn nữa, trong Đại Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát nói: “*Phàm phu đầy đầy triền phược, có bi tâm nguyện sanh trong đời ác để cứu khổ chúng sanh,*

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

chẳng có lẽ ấy!” Ngài nói thí dụ rất rõ ràng: Trẻ thơ chẳng thể rời mẹ, chim non chỉ có thể hoạt động ở đầu cành. Thật ra, đây là một đạo lý rất đơn giản, nguyện có thể rất lớn, nhưng trong ấy có quá trình trưởng thành [dần dần], chẳng thể nào có chuyện trẻ thơ cứu người, chim non bay lên trời cao. Khi ấy, Ngài do trí huệ mà quan sát thấy điểm này, liền thay đổi phương hướng. Nếu chẳng sửa đổi ngay khi đó; sau đây, sẽ rất nguy hiểm. Dựa theo tỷ lệ lớn để xem, rất khó thực hiện điều đã nguyện, thậm chí tội tệ đến mức có thể đọa vào ác thú (đường ác).

Chúng ta phải hấp thụ giáo huấn từ chỗ này, cũng tức là tâm nguyện muốn cứu chúng sanh nhất định phải do trí huệ điều khiển. Nếu chẳng dùng trí huệ để lựa chọn đúng lý, phán đoán sai lầm, cảm thấy “chúng sanh khổ sở như vậy, làm sao có thể lo toan sự giải thoát cho chính mình?” Do vậy bèn trực tiếp xông vào sóng gió độ chúng sanh, kết quả là sẽ rất nhanh chóng bị chìm đắm, chẳng có chút sức tự tại nào. Chẳng cần nói là độ chúng sanh, ngay cả bản thân còn khó thể giữ gìn nổi! Chuyện này rất rõ ràng. Có thể tưởng tượng, Ngài đã trải qua trận bệnh nặng ấy chính là một cơn sóng gió sanh tử khá lớn; ngay lúc đó, phát hiện chính mình hoàn toàn bị cuốn bay. Tuy nói “*các pháp đều là không, bệnh cũng là rỗng không*”, nhưng khi ấy, ngay cả một tí sức Vô Sanh Nhẫn cũng không có. Chính mình chẳng thể làm chủ được, tiền đồ mờ mịt, hết sức đáng sợ! Người ta lúc ở nơi cửa ải sống chết, nếu chẳng đắc đạo, hoặc tuy khai ngộ mà chẳng đạt tới mức thuận thực tự tại, vẫn hết sức hoảng sợ, chẳng thể chịu đựng nổi. Chuyện này hết sức khó khăn. Dưới tình huống ấy, làm sao có thể cầu thả vượt qua được? Dùng trí huệ để cân nhắc, căn bản là chẳng thể đạt tới địa vị “*vào trong tam đồ, nẻo ác để cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử*”.

Thật ra, hễ suy nghĩ cẩn thận, sẽ hiểu rõ. Ví như hàng Bồ Tát cần phải cắt xả thịt nơi thân để bố thí chúng sanh, nhưng [chuyện này] chẳng phải là người mới vừa phát tâm mà đã làm được. Chờ tu chúng đến địa vị cao, cắt thịt nơi thân sẽ giống như cắt lá rau, khi đó, đương nhiên là có thể làm như vậy hòng lợi ích chúng sanh. Nếu kẻ sơ phát tâm cắt thịt nơi thân, do cắt thịt sẽ sanh ra nỗi đau khổ to lớn; khi ấy, tất nhiên sẽ dấy lên sân tâm. Không chỉ là chẳng thể lợi ích chúng sanh, mà ngược lại còn bị đọa lạc. Đây là một trường hợp rõ ràng. Lúc ấy, Đại Trí luật sư phát hiện chính mình đã chọn lựa quá qua loa, trí huệ quá thô thiển, còn chưa đạt đến địa vị [trương xứng], chẳng suy xét toàn diện hành trình trên đường đạo, cách thực hiện v.v... Phải biết: Chỉ có thành tựu Vô Sanh Nhẫn Lực thì mới có thể vào đời ác tự tại độ sanh.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

Trước hết, ắt cần phải luyện thành đạo lực ấy, nhưng điều này lại cần phải trải qua một quá trình tăng trưởng dần dần. Vậy thì luyện ở nơi đâu? Chọn lựa sống trong uế độ, hay là sống trong Tịnh Độ? Chuyện này cần phải quan sát nhân duyên. Nói theo phía người sơ phát tâm, phải nên chọn lựa vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, ở nơi nào để có thể ngay trong hiện tiền thường xuyên nương cậy Phật chẳng rời, hòng nhanh chóng thành tựu Vô Sanh Nhân Lực.

Sau đó, Ngài hoàn toàn biến đổi phương hướng và trọng điểm của sự nỗ lực. Trong quá khứ, Ngài đã học các loại pháp, nhưng coi rẻ pháp Tịnh Độ, vì chính mình chẳng đến Tịnh Độ, bèn cảm thấy chẳng bắt buộc phải học giáo pháp Tịnh Độ. Hiện thời, đã biết chỉ có cách đến Tịnh Độ trước hòng đắc Vô Sanh Nhân Lực, thì mới có thể thành tựu viên mãn đại nguyện “trở vào Sa Bà độ chúng sanh”, từ “một bước vào thẳng” biến thành “hai bước để vào”. Có thể hoàn thành đại nguyện độ sanh hay không, điều then chốt là có vãng sanh hay không? Hễ vãng sanh thì hết thấy đều có thể thực hiện. Chẳng vãng sanh thì đều chẳng có cách nào thực hiện. Như vậy thì Tịnh Độ trở thành chỗ quy hướng để lợi tha. Do vậy, trong đời này, trọng điểm lớn nhất là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì lẽ này, tu học pháp môn Tịnh Độ trở thành trọng điểm trong các trọng điểm. Cũng giống như vậy, thông qua sự chọn lựa bằng trí huệ, kiến giải thù thắng đã chuyên biến. Sau đó là Nguyện hoặc ước mong, phương hướng để tinh tấn đều hoàn toàn khác hẳn dĩ vãng! Từ đây trở đi, Ngài chuyên tìm cầu giáo môn Tịnh Độ, mà hơn hai mươi năm chẳng tạm thời buông bỏ. Do vậy bèn xuất hiện “*một môn thâm nhập*” trong pháp Tịnh Độ, có nội dung Chuyên và Hằng.

Đại sư lại nói về cách thực hiện cụ thể và hiệu quả phát sanh. Cách làm là “*tường nghiên lý giáo, phi quát cổ kim*” (nghiên cứu tường tận giáo pháp về mặt Lý, xem các kinh sách trọn khắp xưa nay); hiệu quả là “*đốn thích quần nghi, dữ gia thâm tín*” (nhanh chóng cởi gỡ các mối nghi, càng thêm tin sâu xa). Đây là con đường chân thật để thâm nhập Giải môn. Cũng tức là nghiên cứu cặn kẽ diệu lý, thánh giáo về Tịnh Độ, đọc toàn diện các trước thuật của bậc đại đức trong Tịnh Độ. Nhìn từ chỗ này, bậc đại đức như vậy mà cần phải mất hơn hai mươi năm, duyệt đọc, nghiên cứu hết sức tường tận Tịnh Độ giáo. Hằng ngày chẳng lìa bỏ học tập, rốt cuộc mới kết thành một thứ tâm yếu như thế đó. Do ngày càng hiểu rõ lý, bèn phát khởi tín tâm hết sức sâu xa. Đã phát sanh thâm tín, trên thực tế là đạt được kiến giải thù thắng, hoặc là

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

lý giải hết sức mạnh mẽ. Do đã phát sanh kiến giải thù thắng, từ đây bền nhất tâm nhất ý tu pháp môn màu nhiệm này, từ đầu đến cuối hoàn thành Phật đạo. Do vậy, nói theo phía hành giả Tịnh Độ, kiến giải thù thắng thật sự là mạng căn, là cột chống chính giữa của việc tu Tịnh nghiệp. Nó là then chốt của lòng tin sâu xa, giống hệt như lời khai thị của U Khê đại sư: “*Quảng học tổ giáo*” (Học rộng rãi các giáo huấn của chư tổ).

Một khi những nổi nghi kết chặt trong nội tâm được tháo gỡ, sự chuyên biến thành tín tâm sẽ xuất hiện. Do vậy, đường lối để sanh lòng tin là phải phá trừ vô tri, tà giải, và nghi hoặc. Nếu trong tâm có rất nhiều thứ chằng liểu giải, thuộc vào trạng huống vô tri, vậy thì phải thông qua xem đọc, nghe giảng v.v... rộng rãi, hòng sanh ra sự liễu giải để phá trừ.

Hơn nữa, trong tâm có sự lý giải chẳng chánh xác, có cách nhìn lệch lạc, coi thường Tịnh Độ, thấy Tịnh Độ là thấp kém, thấy Tịnh Độ là “chẳng liễu nghĩa, chẳng viên đốn” v.v... Đây đều gọi là “*tà giải*”. Sau khi đã lãnh hội hết sức thâm nhập, sẽ phát hiện đây là pháp môn tột cùng chẳng thể nghĩ bàn, giống như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Pháp môn Tịnh Độ là vô thượng liễu nghĩa trong các pháp liễu nghĩa, là viên đốn tối cực trong các pháp viên đốn, là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện*”. Nếu có sự lý giải như vậy, đương nhiên là “*một vạn con trâu chẳng kéo lại được*”. Đối với pháp này bền tôn trọng, tin tưởng, trông cậy, ưa thích, khát ngưỡng; đó là căn bản để phát sanh tín nguyện. Lại nói, nghi hoặc là do trong tâm có rất nhiều do dự về nước cờ [sẽ đi trong khi chơi cờ], cứ nghĩ “*làm như thế này ư? Làm như thế kia ư?*” v.v... Những điều ấy đều phải thông qua sự giải nghi phá Hoặc để trừ khử vậy.

Thuận theo những vấn đề ấy được giải quyết không ngừng, tín tâm sẽ không ngừng tăng trưởng. Giống như chúng ta học Tịnh Độ Hoặc Vấn, hoặc Tịnh Độ Thập Nghi Luận v.v... sẽ phát hiện: Sau khi đã học cặn kẽ xong, tín tâm đã được tăng trưởng rất nhiều. Nhưng chuyện này hoàn toàn chẳng phải là một lần đã xong chuyện. Đại sư đã trải qua hơn hai mươi năm nỗ lực, mới phát hiện tín tâm chân thật đã xuất hiện, lại còn hết sức sâu đậm. Chúng ta nhất định phải chú ý duyên khởi của con đường này. Đích xác là hiểu lý thì sẽ tin sâu, tin sâu thì nguyện sẽ thiết tha, nguyện thiết tha thì hạnh sẽ chuyên, hạnh đã chuyên thì công sẽ thuận. Công thuận thì nghiệp tịnh, nghiệp tịnh liền chướng tiêu, chướng tiêu thì trí rạng, nhất định sẽ xuất hiện một con

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

đường lớn kang trang như thế ấy.

Do những điều trên đây bèn thấy, sau khi đại sư chuyên học Tịnh Độ, trước tiên là kiên trì bèn chí nơi Giải môn, khế hợp chẳng xa, nỗ lực hết sức cụ thể, Ngài đã tạo thành khuôn phép cho chúng ta. Nơi Hạnh môn, Ngài chủ yếu được Thiện Đạo đại sư chỉ điểm, phù hợp Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, thật sự hiểu rõ con đường phải đi, nhất tâm tương ứng với Phật Di Đà. Đây là sự định đoạt quyết đoán dựa theo Hạnh Môn. Từ đây, đại sư nhất tâm chuyên trì danh hiệu Di Đà, đi theo con đường chuyên tu Tịnh Độ. Trong quá khứ, đã vì thiên chấp mà quá khích, bài xích cự tuyệt Tịnh Độ lâu ngày, coi rẻ, phỉ báng người khác tu Tịnh nghiệp. Hiện thời, dừng mãnh sám hối, sợ hãi nghiệp quả, biết đây là đại đạo để quần sanh quy ngưỡng, vô số chúng sanh đều phải do nguyện lực của Phật Di Đà nhiếp trì mà đạt đến thành tựu vãng sanh Tịnh Độ, giải thoát thành Phật. Đây là đại sự trọng yếu khôn sánh như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: *“Phổ nguyện trăm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”* (Nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm, mau sanh về cõi Vô Lượng Quang). Đại sư hoàn toàn hồi cải, từ đây trở đi, phát đại nguyện tâm, mong nhiếp thủ trọn khắp hết thảy chúng sanh hữu duyên cùng sanh về thế giới Cực Lạc. Từ chỗ này, có thể thấy là tâm thái của Ngài đã hoàn toàn chuyển biến.

Nói chung, trên đây là nói đến con đường tiêu chuẩn của những vị Di Đà sứ giả, cũng tức là phải thâm nhập lâu dài, theo Giải môn và Hạnh môn mà tiến nhập, tự hành lần hóa tha đều lấy Tịnh Độ làm chỗ quy hướng, nhiếp thủ trọn khắp hết thảy chúng sanh hữu duyên dần bước trên đại đạo Tịnh Độ tốt bậc thù thắng này!

(Tự) Dục thường tu tập, tu lập quỹ nghi. Cố tập chư văn, bố thành thử pháp. Tùng thí chí mật, đệ liệt thập môn, tịnh chuẩn thánh ngôn, hàm tuân cổ thức, sự tùng giản yếu, pháp tại tinh chuyên. Sở quý tự bị tu trì, khởi cảm di chư tiên đạt, hậu hiền phi lã, tri ngã chí yên.

(序)欲常修習，須立軌儀。故集諸文，布成此法。從始至末，第列十門。並準聖言，鹹遵古式。事從簡要，法在精專。所貴自備修持，豈敢貽諸先達。後賢披覽，知我志焉。

(Tự: Muốn thường tu tập, cần phải lập ra nghi thức. Vì thế, tập

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

hợp các kinh văn, sắp xếp thành pháp này. Từ đầu đến cuối, kể theo thứ tự gồm mười môn, hoàn toàn chuẩn theo thánh ngôn, đều tuân theo cách thức xưa, sự thì cốt sao đơn giản, trọng yếu, pháp cốt chuyên ròng. Điều đáng quý là để tự tu trì, há dám dâng lên các vị tiên đạt, các hậu hiền xem đọc sẽ biết chí của tôi).

Vì thường xuyên tu tập pháp Tịnh Độ, cần phải lập ra nghi thức. Do vậy, tôi tập hợp những câu văn trong kinh luận, biên soạn thành sám pháp này. Từ đầu cho đến cuối, theo thứ tự xếp thành mười môn, đều là lấy thánh ngôn làm chuẩn mực, hoàn toàn tuân theo khuôn phép của cổ đức. Sự tướng thì tận hết sức sao cho đơn giản, rõ ràng, ngắn gọn, trọng yếu, pháp môn thì quý ở chuyên ròng, thuần nhất. Chủ yếu là để cho chính mình tu trì, sao dám viết cho các vị tiên bối đại đức xem? Hy vọng những vị hiền giả đời sau đọc bài văn này, có thể biết tâm ý chí hướng của tôi.

Ngưỡng mong bản chuyển ngữ thô lậu, không lượng sức mình này sẽ phần nào giúp ích cho các hành giả Tịnh Độ căn cơ thiển lậu như mặt nhân. Nếu có chút công đức nào xin đều hồi hướng cho sư trưởng, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, thân quyến, pháp lữ, oán thân trái chủ và mười phương pháp giới hữu tình chúng sanh đều cùng vãng sanh Cực Lạc.

Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký chung

(trang trống)

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

大乘廣五蘊論釋要

Thích Tịnh Chiếu biên soạn

釋淨照編寫

Thời gian: 11 tháng Tám năm 2015

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận do An Huệ Bồ Tát⁴⁵ biên soạn để giải thích đại lược bộ Đại Thừa Ngũ Uẩn Luận do Thiên Thân Bồ Tát trước tác, khiến cho ý nghĩa càng được rõ ràng hơn. Vào đời Đường, một vị Tam Tạng pháp sư ở Trung Ấn Độ là Địa Bà Ha La⁴⁶ đã dịch bộ luận này sang tiếng Hán. Phần chánh văn của bộ luận này được trích từ tập ba mươi một của Đại Chánh Tạng, từ cột⁴⁷ cuối của trang 850 đến cột giữa trang 855 (Đại Chánh 31, 850c-855b).

Trước hết là sẽ “*khoa phán*” bộ luận này, tức là chia nội dung của bộ luận thành các tiểu đoạn, sau mỗi phần sẽ giải thích những ý nghĩa đơn giản, cốt yếu.

⁴⁵ An Huệ Bồ Tát (Sthiramati) người Nam Ấn Độ, sống vào thế kỷ thứ sáu, là một trong mười vị đại luận sư của Pháp Tướng Duy Thức. Ngài tinh thông Nhân Minh, giỏi biện luận. Ngài chủ trương Tự Chứng Phần là thật sự có, cho rằng Tướng Phần và Kiến Phần là về tình thì có, nhưng theo Lý thì không. Những trước tác chủ yếu của Ngài là Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Tập Luận, Đại Thừa Trung Quán Luận Thích, Câu Xá Thật Nghĩa Thích, Duy Thức Tam Thập Tụng Thích Luận...

⁴⁶ Địa Bà Ha La (Divākara, 613-687), dịch nghĩa là Nhật Chiếu, là người Trung Ấn Độ. Sư xuất thân từ dòng dõi Bà La Môn, xuất gia từ bé, từng theo học tại Phật Học Viện Na Lan Đà, là bạn học của ngài Huyền Trang vào thuở ấy. Khi biết ngài Huyền Trang học xong sẽ trở về Trung Hoa, Ngài cũng phát chí nguyện sang phương Đông hoằng pháp. Năm Nghi Phụng nguyên niên (676) đời Đường Cao Tông, Ngài đến kinh đô Trường An. Năm Vĩnh Long nguyên niên (680), vua Đường truyền Ngài trụ tích tại chùa Hoằng Phước để dịch kinh. Trước sau, Sư được dịch hơn mười tám bộ kinh. Về sau, Sư định trở về quê nhà thăm mẹ, nhưng đột nhiên ngã bệnh, bèn viên tịch, và được nhập bảo tháp tại chùa Hương Sơn ở Lạc Dương. Dịch phẩm nổi tiếng nhất của Ngài là bộ Đại Thừa Mật Nghiêm Kinh, Đại Thừa Hiển Thức Kinh (thuộc hệ thống Bảo Tích), Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni, Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận...

⁴⁷ Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, mỗi trang được chia thành ba ô nhỏ, mỗi ô đó được gọi là một lan (một cột).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận khoa phán (chia thành ba phần)

1. Ngũ Uẩn (chia thành hai đoạn)

1.1. Nội dung bao hàm trong Ngũ Uẩn (chia thành hai đoạn)

1.1.1. Nêu chung danh xưng Ngũ Uẩn

(Luận) Phật Thuyết Ngũ Uẩn, vị Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn.

(論)佛說五蘊。謂色蘊。受蘊。想蘊。行蘊。識蘊。

(Luận: Đức Phật nói Ngũ Uẩn là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, và Thức Uẩn).

Ngũ Uẩn là một pháp tướng cơ bản nhất trong Phật pháp. Ngũ Uẩn bao gồm Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, và Thức Uẩn. Cách phân loại và thứ tự trong Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận không giống bộ luận này. Thứ tự trong [Bách Pháp Minh Môn Luận] là Tâm Pháp, Tâm Sở Hữu Pháp, Sắc Pháp, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, và Vô Vi Pháp.

1.1.2. Giải thích riêng biệt từng điều trong Ngũ Uẩn (chia thành năm đoạn)

1.1.2.1. Sắc Uẩn (chia thành ba đoạn)

(Luận) Vân hà Sắc Uẩn? Vị tứ đại chủng, cập đại chủng sở tạo Sắc.

(論)云何色蘊？謂四大種及大種所造色。

(Luận: Như thế nào là Sắc Uẩn? Tức là bốn đại chủng và những Sắc được tạo bởi các đại chủng).

Sắc Uẩn có thể chia thành hai loại lớn:

(1) Năng Tạo Sắc (cái có thể tạo ra Sắc), tức là tứ đại chủng (Địa, Thủy, Hỏa, Phong).

(2) Sở Tạo Sắc, tức là những sắc chất được tạo thành bởi tứ đại chủng.

1.1.2.1.1. Tứ đại chủng

(Luận) Vân hà tứ đại chủng? Vị địa giới, thủy giới, hỏa giới,

phong giới. Thử phục vân hà? Vị Địa, kiên tánh, Thủy, thấp tánh, Hỏa, noãn tánh, Phong, khinh tánh. Giới giả, năng trì tự tánh, sở tạo Sắc cố.

(論)云何四大種？謂地界。水界。火界。風界。此復云何？謂地堅性。水濕性。火煖性。風輕性。界者。能持自性所造色故。

(Luận: Như thế nào là tứ đại chủng? Chính là địa giới, thủy giới, hỏa giới, và phong giới. Những thứ ấy lại như thế nào? Tức là Địa có tánh cứng, Thủy có tánh ướt, Hỏa có tánh nóng, Phong có tánh nhẹ. “Giới” là có thể gìn giữ tự tánh và gìn giữ những Sắc được tạo bởi chúng).

“Tứ đại chủng” là gì? Chính là bốn giới, tức “địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới”, cũng chính là Tứ Đại: Địa Đại, Thủy Đại, Hỏa Đại, và Phong Đại.

Vì sao gọi là “Đại”? Vì Tứ Đại tồn tại phổ biến, không đâu chẳng có. Chỉ cần có vật chất, sẽ có Tứ Đại. Rời khỏi Tứ Đại, sẽ chẳng có vật chất; do vậy gọi là Đại.

“Giới” (界) có nghĩa là “đặc tánh, tức tánh chất đặc biệt”, cũng có nghĩa là “nguyên nhân, nhân duyên”. Vì nương vào Tứ Đại, tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong, sẽ có thể tạo thành Sắc. Vì thế, Tứ Đại cũng gọi là Tứ Giới.

Chữ Chủng (種) trong Tứ Đại Chủng cũng có nghĩa là Nhân, như chủng tử (hạt giống) trong thế giới. Nương theo chủng tử, sẽ có thể sanh khởi quả hạt v.v... Vì thế, Tứ Đại còn gọi là Tứ Đại Chủng.

Tứ Đại chẳng phải là “đất đai, nước trong, lửa cháy, gió mát” như chúng ta thường thấy, mà là nhân tố cơ sở vi tế nhất trong vật chất; hết thảy vật chất đều phải nương vào Tứ Đại để tồn tại. Vì sao Tứ Đại được gọi là Địa, Thủy, Hỏa, Phong? Đây chính là từ ý nghĩa thông thường của Địa, Thủy, Hỏa, Phong mà dẫn đến [cách gọi như thế].

“Thử phục vân hà? Vị Địa, kiên tánh, Thủy, thấp tánh, Hỏa, noãn tánh, Phong, khinh tánh” (Những thứ ấy lại như thế nào? Tức là Địa có tánh cứng, Thủy tánh ướt, Hỏa tánh nóng, Phong tánh nhẹ). Chữ Noãn (煖) là dạng viết khác của chữ Noãn (暖, nóng). “Tánh” (性) là đặc tánh, tức tánh chất đặc thù. Do có đặc tánh của một loại pháp, cho nên chúng tỏ loại pháp ấy tồn tại. Chẳng hạn như một vật thể có tánh cứng chắc thì có thể biết vật thể ấy có Địa Giới.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Đặc tánh của Địa Giới là tánh cứng. Vật chất có “tánh cứng”, thường được thể hiện dưới hình thái “*cố thể*” (chất rắn), như sắt, đồng v.v... Tuy đều có đủ cả bốn giới, nhưng Địa Giới rõ rệt nhất.

Đặc tánh của Thủy Giới là tánh ướt. Vật thể có tánh ướt, thường thể hiện dưới hình thái “*dịch thể*” (chất lỏng), như nước, máu v.v... Tuy đều có đủ bốn giới, nhưng Thủy Giới rõ rệt nhất.

Tánh chất của Hỏa Giới là tánh nóng. Vật thể có tánh nóng thường thể hiện thành nhiệt độ của vật chất, như nhiệt độ cao của lò lửa. Tuy có đủ bốn giới, nhưng Hỏa Giới rõ rệt nhất. Ngược lại, băng có nhiệt độ thấp, tuy có đủ bốn giới, nhưng Hỏa Giới chẳng rõ rệt.

Tánh chất của Phong Giới là tánh chuyển động nhẹ nhàng. Vật chất có tánh chuyển động nhẹ nhàng, thường thể hiện thành hình thái “*chất khí*”. Như khinh khí (hydrogen), không khí v.v... tuy đều có đủ bốn giới, nhưng Phong Giới rõ rệt nhất.

Hơn nữa, Địa Giới có đặc tánh kiên cố, có tác dụng gánh vác, chịu đựng, chống đỡ. Nó có thể nâng đỡ vật nặng, như cái bàn có thể đặt sách lên đó.

Thủy Giới có đặc tánh thấm ướt, có tác dụng ngưng tụ, như một khối đất cát, nhào trộn với nước, nó sẽ kết dính lại.

Hỏa Giới có đặc tánh tỏa nhiệt. Hỏa Giới càng rõ rệt, sẽ càng có tác dụng gây ra biến đổi vì nhiệt (như tiêu hóa, phân hóa). Chẳng hạn như bao tử có thể tiêu hóa thức ăn chính là tác dụng của sự biến đổi vì nhiệt. Nếu Hỏa Giới của bao tử quá yếu, sẽ tiêu hóa không tốt.

Đặc tánh của Phong Giới là tánh chất chuyển động nhẹ nhàng, nó có tác dụng thúc đẩy. Do có tác dụng thúc đẩy của Phong Giới, huyết dịch của chúng ta mới có thể tuần hoàn, và cũng có tác dụng bài tiết của đại tiểu tiện.

“*Giới giả, năng trì tự tánh, sở tạo Sắc cố*” (Giới là có thể gìn giữ tự tánh và Sắc được tạo bởi [tứ đại chủng]). Giới có hai thứ ý nghĩa:

1. Năng trì tự tánh, [nghĩa là] có thể duy trì đặc tánh của một tự pháp. Chẳng hạn như Địa Giới có thể duy trì đặc tánh kiên cố.

2. Năng trì sở tạo Sắc (có thể duy trì các Sắc được tạo ra): Các Sắc do nương vào Tứ Đại mà sanh khởi, tạo thành. Tứ Đại lại còn duy trì các Sắc đã được tạo ra.

1.1.2.1.2. Sắc do Tứ Đại tạo ra (chia thành bốn đoạn)

1.1.2.1.2.1. Luận định tổng quát

(Luận) Vân hà Tứ Đại sở tạo Sắc? Vị Nhân Căn, Nhĩ Căn, Tỳ Căn, Thiệt Căn, Thân Căn, Sắc, Thanh, Hương, Vị, cập Xúc nhất phần, Vô Biểu Sắc đẳng. Tạo giả, nhân nghĩa. Căn giả, tối thắng tự tại nghĩa, chủ nghĩa, tăng thượng nghĩa. Thị vi Căn nghĩa. Sở ngôn chủ nghĩa, dữ thù vi chủ? Vị tức Nhân Căn dữ Nhân Thức vi chủ, sanh Nhân Thức cố. Như thị nãi chí Thân Căn dữ Thân Thức vi chủ, sanh Thân Thức cố.

(論)云何四大所造色？謂眼根。耳根。鼻根。舌根。身根。色聲香味。及觸一分。無表色等。造者因義。根者最勝自在義。主義。增上義。是為根義。所言主義。與誰為主？謂即眼根。與眼識為主。生眼識故。如是乃至身根。與身識為主。生身識故。

(Luận: Những gì là Sắc được tạo bởi Tứ Đại? Chính là Nhân Căn, Nhĩ Căn, Tỳ Căn, Thiệt Căn, Thân Căn, Sắc, Thanh, Hương, Vị, và một phần Xúc, Vô Biểu Sắc v.v... “Tạo” có nghĩa là làm cái nhân. “Căn” có nghĩa là “tối thắng tự tại, làm chủ, tăng thượng”. Đây là ý nghĩa của Căn. Nói Căn có nghĩa là Chủ, thì là Chủ của ai? Chính là Nhân Căn là chủ của Nhân Thức, vì nó sanh ra Nhân Thức. Như thế cho đến Thân Căn là chủ của Thân Thức, vì nó sanh ra Thân Thức).

“Vân hà Tứ Đại sở tạo Sắc?” (Những gì là Sắc do Tứ Đại tạo ra?): Sở Tạo Sắc bao gồm mười một loại, chính là Nhân, Nhĩ, Tỳ, Thiệt, Thân (Ngũ Căn), và Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc tức Ngũ Trần (Ngũ Cảnh), lại còn có Vô Biểu Sắc v.v...

Xúc gồm hai phần: Một phần là Sở Tạo Sắc, phần kia là Tứ Đại. Do Tứ Đại là Năng Tạo Sắc, nên “một phần Xúc” trong đoạn văn trên đây là nói tới Xúc thuộc về Sở Tạo Sắc.

“Vô Biểu Sắc đẳng” là nói về Vô Biểu Sắc, và Sắc được sanh bởi Tam-ma-địa.

“Tạo giả, nhân nghĩa” [tức là] Tạo có ý nghĩa là [làm cái] Nhân. Có Tứ Đại thì mới có Sắc được tạo ra bởi chúng. Sở Tạo Sắc phải nương theo Tứ Đại thì mới hiện hữu. Do vậy, Tứ Đại được gọi là Năng Tạo Sắc (cái có thể tạo ra Sắc).

“Căn giả, tối thắng tự tại nghĩa, chủ nghĩa, tăng thượng nghĩa” (Căn có nghĩa là tự tại tối thắng nhất, là chủ, là tăng thượng). “Tối thắng tự tại nghĩa”: Có ý nghĩa thù thắng, tự tại nhất. Ngũ Căn trong

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Sắc Pháp là Nhãn Căn, Nhĩ Căn, Ty Căn, Thiệt Căn, và Thân Căn. Những thứ được nhận biết bởi Ngũ Thức (thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm nhận) là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, chúng được gọi là Ngũ Cảnh. Ngũ Căn và Ngũ Cảnh hòa hợp, sanh ra Ngũ Thức. Tác dụng của Thức là tác dụng nhận biết, phân biệt. Nếu Nhãn Căn và Sắc Cảnh hòa hợp, sẽ có Nhãn Thức sanh khởi. Giả sử mắt (Nhãn Căn) có bệnh, Nhãn Thức sẽ chẳng thể sanh khởi, tức là chẳng thể thấy hình dạng và màu sắc của vật thể bên ngoài. Cũng giống như vậy, chẳng có Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân Căn thì Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân Thức chẳng thể sanh khởi. Nếu có những loài côn trùng không có mắt (Nhãn Căn), chúng sẽ chẳng thể nhận biết màu sắc đỏ, trắng v.v... Vì Căn có địa vị và ý nghĩa trọng yếu, nên Căn là “*tối thắng tự tại nghĩa*”.

“*Chủ nghĩa*” tức là “có ý nghĩa chủ yếu”. Trong sự nhận biết, Căn giữ điều kiện chủ yếu. “*Sở ngôn chủ nghĩa, dĩ thùy vi chủ? Vị tức Nhãn Căn dĩ Nhãn Thức vi chủ, sanh Nhãn Thức cố. Như thị nãi chí Thân Căn dĩ Thân Thức vi chủ, sanh Thân Thức cố*” (Nói đến ý nghĩa Chủ thì nó làm chủ với ai? Chính là Nhãn Căn là chủ của Nhãn Thức, do nó sanh ra Nhãn Thức. Như thế cho đến Thân Căn là chủ của Thân Thức, vì nó sanh ra Thân Thức): Nếu có Nhãn Căn thì mới có thể sanh khởi Nhãn Thức. Nhãn Căn là điều kiện chủ yếu để sanh khởi Nhãn Thức. Cho đến có Thân Căn thì mới có thể sanh khởi Thân Thức. Thân Căn là điều kiện chủ yếu để sanh khởi Thân Thức.

“*Tăng thượng nghĩa*”: “*Tăng thượng*” là có thể giúp đỡ pháp khác. Vì trong sự nhận thức, Căn có thể giúp đỡ tác dụng nhận biết. Vì thế, Căn có ý nghĩa tăng thượng.

Vì sao sáu Thức nương theo Căn để đặt tên, bèn gọi là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức, mà chẳng dựa theo Cảnh để đặt tên thành Sắc Thức, Thanh Thức, Hương Thức, Vị Thức, Xúc Thức, và Pháp Thức? Vì Căn có năm thứ ý nghĩa, cho nên sáu Thức được đặt tên dựa theo Căn, mà gọi là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Năm thứ ý nghĩa là như Thành Duy Thức Luận đã nói: “*Tùy căn lập danh, cụ ngũ nghĩa cố. Ngũ vị y, phát, thuộc, trợ, như căn*” (Dựa theo Căn để đặt tên là vì có năm ý nghĩa. Năm ý nghĩa là nương cậy, phát khởi, phụ thuộc, giúp đỡ, giống như Căn). Trong bộ Thành Duy Thức Luận Thuật Ký, đệ tử của Huyền Trang đại sư là ngài Khuy Cơ đã giải thích tường tận.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Pháp sư Tông Mật đời Đường có giải thích ý nghĩa giản yếu⁴⁸.

Nói chung, sáu Căn giữ lấy sáu cảnh, sanh ra sáu Thức như sau:

- Nhãn Căn tiếp nhận Sắc Cảnh, sanh ra Nhãn Thức (Nhãn Thức thấy Sắc Cảnh).

- Nhĩ Căn tiếp nhận Thanh Cảnh, sanh ra Nhĩ Thức (Nhĩ Thức nghe Thanh Cảnh).

- Ty Căn tiếp nhận Hương Cảnh, sanh ra Ty Thức (Ty Thức ngửi Hương Cảnh).

- Thiệt Căn tiếp nhận Vị Cảnh, sanh ra Thiệt Thức (Thiệt Thức nếm Vị Cảnh).

- Thân Căn tiếp nhận Xúc Cảnh, sanh ra Thân Thức (Thân Thức cảm nhận Xúc Cảnh).

- Ý Căn tiếp nhận Pháp Cảnh, sanh ra Nhãn Thức (Nhãn Thức thấy Sắc Cảnh).

1.1.2.1.2.2. Giải thích riêng biệt từng điều (chia thành ba đoạn)

1.1.2.1.2.2.1. Ngũ Căn (chia thành năm đoạn)

1.1.2.1.2.2.1.1. Nhãn Căn

(Luận) Vân hà Nhãn Căn? Vị dĩ Sắc vi cảnh, tịnh sắc vi tánh, vị w nhãn trung, nhất phân tịnh sắc, như tịnh đề hồ. Thử tánh hữu cố, Nhãn Thức đắc sanh, vô tức bất sanh.

(論)云何眼根？謂以色爲境。淨色爲性。謂於眼中。一分淨色如淨醍醐。此性有故。眼識得生。無即不生。

⁴⁸ Trong Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa Kinh Lược Sớ có viết: “Do có năm nghĩa, nên dựa theo căn mà đặt tên:

1) Do Thức nương theo Căn, chứ không phải do từ Sắc cảnh mà chắc chắn sanh ra Thức, như kẻ mù chẳng thấy gì [dẫu Sắc cảnh vẫn hiện hữu].

2) Thức được phát sanh từ Căn: Do Căn đối khác, Thức ắt đối khác theo. Như Nhãn Căn bị tổn hoại, sẽ thấy xanh là vàng, chẳng phải là khi Sắc bị hoại mà Thức hoại theo.

3) Thức phụ thuộc vào Căn: Do chủng tử của Thức thuận theo Căn mà sanh, chẳng phải là Thức tùy thuộc chủng tử của Sắc.

4) Thức giúp cho Căn: Do Căn hợp với Thức, những gì được nhận lãnh bởi Thức sẽ khiến cho Căn bị tổn giảm hay tăng thêm, chứ không phải là do cảnh giới.

5) Thức giống như Căn: Hai pháp Căn và Thức đều có những tình kiến (những kiến chấp, kiến giải do tình cảm), chẳng phải là Sắc pháp, thì chắc chắn là hữu tình.

Căn do có năm nghĩa thù thắng, nên nói là Thức nương theo Căn”.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

(Luận: Nhãn Căn là như thế nào? Chính là lấy Sắc làm Cảnh, tịnh sắc làm tánh. Tức là một phần tịnh sắc trong mắt [thì gọi là Nhãn Căn] như đề hồ tinh sạch. Hễ có tánh ấy thì Nhãn Thức sẽ được sanh ra. Nếu không, [Nhãn Thức] sẽ chẳng sanh).

Nhãn Căn là gì? Cảnh giới được tiếp nhận bởi Nhãn Căn thì gọi là Sắc Cảnh, tức là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn v.v... Nhãn Căn là “*tịnh sắc vi tánh*” (lấy tịnh sắc làm tánh), là một thứ sắc pháp thanh tịnh (trong suốt), là một phần sắc thanh tịnh nơi trong mắt.

“*Như tịnh đề hồ*”: Nhãn Căn được sánh ví như đề hồ (醍醐). Người Ấn Độ dùng sữa bò chung luyện thành Lạc, Lạc lại được chung luyện thành Sanh Tô, Sanh Tô lại được chung luyện thành Thục Tô, Thục Tô lại được chung luyện, sẽ luyện thành Đề Hồ, sạch sẽ nhất, trở thành loại chất dầu chẳng có tí tạp chất nào, thì gọi là “*tịnh đề hồ*”.

“*Thử tánh hữu cố, Nhãn Thức đắc sanh, vô tức bất sanh*” (Do có tánh ấy mà Nhãn Thức được sanh ra. Nếu không có, nó sẽ chẳng sanh): Nhãn Căn có sắc thanh tịnh thì Nhãn Thức mới có thể sanh khởi. Chẳng có Nhãn Căn, dầu có trong mắt ([danh từ Duy Thức gọi nó là] Phù Căn Trần), nhưng Nhãn Thức chẳng thể sanh khởi. Như Du Già Sư Địa Luận quyển một nói: “*Nhãn là do Tứ Đại Chung tạo ra, Nhãn Thức nương tựa tịnh sắc*”. Cũng giống như vậy, chẳng có Nhĩ Căn, tuy có tai, nhưng chẳng nghe được âm thanh. Chẳng có Tỵ Căn, tuy có mũi, nhưng chẳng ngửi thấy mùi thơm. Chẳng có Thiệt Căn, tuy có lưỡi, nhưng chẳng nếm được mùi vị. Có người do một bộ vị nào đó trên thân thể bị hư hoại, đói mà chẳng có cảm giác đói; lạnh, nóng, đau đớn cũng chẳng có cảm giác. Bốn căn trước như Nhãn Căn v.v... có thể hư hoại toàn bộ, nhưng Thân Căn chẳng thể hư hoại toàn bộ. Nếu Thân Căn hư hoại toàn bộ, người ta sẽ chết.

1.1.2.1.2.2.1.2. Nhĩ Căn

(Luận) Vân hà Nhĩ Căn? Vị dĩ Thanh vi cảnh, tịnh sắc vi tánh. Vị u nhĩ trung, nhất phần tịnh sắc. Thử tánh hữu cố, Nhĩ Thức đắc sanh, vô tức bất sanh.

(論)云何耳根？謂以聲爲境。淨色爲性。謂於耳中。一分淨色。此性有故。耳識得生。無即不生。

(Luận: Nhĩ Căn là như thế nào? Chính là dùng Thanh làm cảnh,

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

tịnh sắc làm tánh. Nghĩa là trong tai có một phần tịnh sắc. Do có tánh ấy, Nhĩ Thức được sanh ra; nếu không có, sẽ chẳng sanh).

1.1.2.1.2.2.1.3. Tỵ Căn

(Luận) Vân hà Tỵ Căn? Vị dĩ Hương vi cảnh, tịnh sắc vi tánh. Vị ư tỵ trung, nhất phần tịnh sắc. Thử tánh hữu cố, Tỵ Thức đắc sanh, vô tức bất sanh.

(論)云何鼻根？謂以香爲境。淨色爲性。謂於鼻中。一分淨色。此性有故。鼻識得生。無即不生。

(Luận: Tỵ Căn là như thế nào? Chính là dùng Hương làm cảnh, tịnh sắc làm tánh. Nghĩa là trong mũi có một phần tịnh sắc. Do có tánh ấy, Tỵ Thức được sanh ra; nếu không có, sẽ chẳng sanh).

1.1.2.1.2.2.1.4. Thiệt Căn

(Luận) Vân hà Thiệt Căn? Vị dĩ Vị vi cảnh, tịnh sắc vi tánh. Vị ư thiệt thượng, châu biến tịnh sắc. Hữu thuyết, thử ư thiệt thượng, hữu thiếu bất biến, như nhất mao đoan. Thử tánh hữu cố, Thiệt Thức đắc sanh, vô tức bất sanh.

(論)云何舌根？謂以味爲境。淨色爲性。謂於舌上。周遍淨色。有說。此於舌上。有少不遍。如一毛端。此性有故。舌識得生。無即不生。

(Luận: Thiệt Căn là như thế nào? Chính là dùng Vị làm cảnh, tịnh sắc làm tánh. Nghĩa là trên lưỡi, tịnh sắc trọn khắp. Có thuyết nói: Ở trên lưỡi, có khuyết một chỗ [tịnh sắc] chẳng trọn khắp, [chỗ ấy to bằng] một đầu lông. Do có tánh ấy, Thiệt Thức được sanh ra; nếu không có, sẽ chẳng sanh).

1.1.2.1.2.2.1.5. Thân Căn

(Luận) Vân hà Thân Căn? Vị dĩ Xúc vi cảnh, tịnh sắc vi tánh. Vị ư thân trung, châu biến tịnh sắc. Thử tánh hữu cố, Thân Thức đắc sanh, vô tức bất sanh.

(論)云何身根？謂以觸爲境。淨色爲性。謂於身中。周遍淨色。此性有故。身識得生。無即不生。

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

(Luận: Thân Căn là như thế nào? Chính là dùng Xúc làm cảnh, tịnh sắc làm tánh. Nghĩa là trong thân, tịnh sắc trọn khắp. Do có tánh ấy, Thân Thức được sanh ra; nếu không có, sẽ chẳng sanh).

Nhĩ Căn lấy Thanh làm cảnh, Ty Căn lấy Hương làm cảnh, Thiệt Căn lấy Vị làm cảnh, Thân Căn lấy Xúc làm cảnh, đạo lý đều giống như Nhãn Căn. Trong ấy, Thiệt Căn khác biệt đôi chút.

“Vân hà Thiệt Căn? Vị dĩ Vị vi cảnh, tịnh sắc vi tánh. Vị ư thiệt thượng, châu biến tịnh sắc” (Thiệt Căn là như thế nào? Chính là lấy Vị làm cảnh, tịnh sắc làm tánh. Tức là ở trên lưỡi, tịnh sắc trọn khắp): Theo học thuyết Duy Thức, Thiệt Căn trọn khắp nơi cái lưỡi. Vì thế nói là *“châu biến tịnh sắc”* (tịnh sắc trọn khắp).

“Hữu thuyết, thử ư thiệt thượng, hữu thiếu bất biến, như nhất mao đao”: [Ý nói] có một số nhà y học Ấn Độ vào thời cổ đã cho rằng nơi lưỡi có một chỗ rất nhỏ, giống như bằng đầu sợi lông, chẳng có Thiệt Căn. Nếu chỗ ấy tiếp xúc Vị cảnh, cũng chẳng thể sanh khởi Thiệt Thức để nhận biết chua, ngọt v.v...

Vì Căn quá quan trọng, cho nên kinh Phật thường nói *“thủ hộ lục căn (mật hộ môn căn)”*. Không chỉ là chẳng thể tổn hoại năm Căn trước, mà khi sáu Căn tiếp xúc sáu cảnh, sẽ sanh khởi sáu Thức, còn phải gìn giữ chánh niệm, chánh tri, thì mới có thể chẳng đồng thời sanh khởi phiền não. Nếu không, khi sáu Căn tiếp xúc sáu cảnh, sanh ra sáu Thức, sẽ đánh mất ý niệm, chẳng chánh tri, sẽ đồng thời sanh khởi phiền não.

Nói chung, sáu căn là điều kiện chủ yếu để sanh khởi sáu Thức. Trong tu hành, *“mật hộ môn căn”* (bảo vệ nghiêm mật sáu căn), chẳng để phiền não sanh khởi, có thể là do hai ý nghĩa:

1) Sáu căn chẳng tiếp xúc sáu cảnh [nếu những cảnh ấy] có thể dẫn khởi phiền não sanh ra, [do chẳng tiếp xúc] nên sẽ chẳng sanh khởi sáu Thức tương ứng với phiền não.

2) Khi sáu căn tiếp xúc với sáu cảnh [mà sáu cảnh ấy] dễ dàng dẫn khởi phiền não nảy sanh, [hành giả] bèn có thể gìn giữ chánh niệm, chánh tri, sẽ sanh khởi sáu Thức chẳng tương ứng với phiền não.

1.1.2.1.2.2.2. Ngũ Cảnh (chia làm năm đoạn)

1.1.2.1.2.2.2.1. Sắc

(Luận) Vân hà Sắc? Vị Nhãn chi cảnh, hiển sắc, hình sắc, cập

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

biểu sắc đẳng. Hiển sắc hữu tứ chủng, vị thanh, hoàng, xích, bạch. Hình sắc vị trường, đoản đẳng.

(論)云何色？謂眼之境。顯色。形色。及表色等。顯色有四種。謂青黃赤白。形色。謂長短等。

(Luận: Sắc là như thế nào? Sắc chính là cảnh của Nhãn, [bao gồm các loại] hiển sắc, hình sắc, và biểu sắc v.v... Hiển sắc có bốn loại là xanh, vàng, đỏ, trắng. Hình sắc là dài, ngắn v.v...)

Cái được thấy bởi Nhãn Thức là Sắc, chia đại lược thì gồm ba loại: Hiển Sắc, Hình Sắc, và Biểu Sắc.

1) Hiển Sắc (顯色) tức là sắc xanh, vàng, đỏ, trắng; đây là những sắc rất rõ rệt. Màu đen thật ra chẳng phải là một màu. Đó là do vật thể hấp thụ ánh sáng chiếu đến, nhưng không phản chiếu ánh sáng, cho nên thấy không có màu sắc gì. Màu trắng là màu do phản chiếu các tia sáng đỏ, xanh lá cây, xanh dương hỗn hợp lại. Tham khảo Vật Lý Học, vật thể phản chiếu tia sáng, sóng ánh sáng phản chiếu [từ các vật thể] chạm vào Nhãn Căn, sẽ sanh ra Nhãn Thức. Do vì độ dài của sóng (tần suất) [ánh sáng] khác nhau, kết hợp với Ý Thức đồng thời sanh khởi bởi Nhãn Thức mà [chúng ta] nhận biết khái niệm màu sắc khác nhau. Phạm vi có thể nhận biết độ dài của sóng ánh sáng nơi Nhãn Thức của chúng ta đại khái là từ 390nm (nanometer) tức từ ngoại tuyến cho đến 770nm (hồng ngoại tuyến). Một nanometer bằng 10^{-9} mét.

2) Hình Sắc (形色) là hình thái có thể thấy bởi Nhãn Thức, như dài, ngắn, cao, thấp, vuông, tròn v.v... đều là những hình thái mà Nhãn Thức trông thấy. Do Nhãn Thức cùng sanh khởi với Ý Thức, cho nên mới phân biệt rõ ràng những khái niệm dài, ngắn v.v...

3) Biểu Sắc (表色) như tay duỗi, co v.v... Biểu (表) có nghĩa là “*biểu hiện*”. Thân nghiệp là hành vi nơi thân thể, đó là Biểu Sắc nơi thân. Ngữ nghiệp là hành vi ngôn ngữ, đó là Biểu Sắc của Ngữ. Chủ yếu là do sự tạo tác vì cái tâm suy nghĩ tương ứng với Ý Thức. Ở đây [lời luận] nhằm nói đến Sắc Cảnh, tức là nói đến Biểu Sắc nơi Thân.

1.1.2.1.2.2.2. Thanh

(Luận) *Vân hà Thanh? Vị nhĩ chi cảnh, chấp thọ đại chủng nhân thanh, phi chấp thọ đại chủng nhân thanh, câu đại chủng nhân thanh. Chư tâm, tâm pháp, thị năng chấp thọ. Xuẩn động chi*

loại, thị sở chấp thọ. Chấp thọ đại chủng nhân thanh giả, như thủ tương kích, ngữ ngôn đẳng thanh. Phi chấp thọ đại chủng nhân thanh giả, như phong lâm, sử thủy đẳng thanh. Câu đại chủng nhân thanh giả, như thủ kích cổ đẳng thanh.

(論)云何聲？謂耳之境，執受大種因聲、非執受大種因聲、俱大種因聲。諸心、心法，是能執受；蠢動之類，是所執受。執受大種因聲者，如手相擊、語言等聲。非執受大種因聲者，如風林、駛水等聲。俱大種因聲者，如手擊鼓等聲。

(*Luận: Thanh là như thế nào? Chính là nói đến cái cảnh của tai. [Thanh được chia thành ba loại] là chấp thọ đại chủng nhân thanh (tiếng do sự cảm nhận chấp giữ, nhận lấy các nội đại chủng), phi chấp thọ đại chủng nhân thanh (tiếng do chẳng chấp giữ, nhận lấy các ngoại đại chủng), và câu đại chủng nhân thanh (tiếng do chấp giữ nội và ngoại Tứ Đại). Các tâm và tâm pháp (tác dụng tâm lý của tâm) là chủ thể chấp giữ, tiếp nhận. Các loài ngộ ngoạ, cử động là đối tượng tiếp nhận. “Chấp thọ đại chủng nhân thanh” là âm thanh như tay đập vào nhau, hoặc tiếng nói năng v.v... “Phi chấp thọ đại chủng nhân thanh” là âm thanh như gió thổi qua rừng cây, tiếng nước chảy xiết v.v... “Câu đại chủng nhân thanh” là như tiếng phát ra do tay đánh vào trống v.v...)*

Âm thanh là cảnh giới được tiếp nhận bởi Nhĩ Căn, tức là cảnh giới được nghe thấy bởi Nhĩ Thức. Âm thanh chia thành ba loại lớn: Một là chấp thọ đại chủng nhân thanh, hai là phi chấp thọ đại chủng nhân thanh, ba là câu đại chủng nhân thanh.

1) **Chấp thọ đại chủng nhân thanh:** “Chấp thọ” (執受) là sự cảm nhận sanh ra do chấp giữ nội Tứ Đại. “Đại chủng” chính là Tứ Đại, [Tứ Đại] có thể chia thành nội Tứ Đại và ngoại Tứ Đại. Những vật chất ở bên ngoài như núi, sông, đại địa v.v... chính là những Sắc được tạo thành bởi ngoại Tứ Đại. Những vật chất như xương xẩu, máu, dịch thể v.v... trong thân là Sắc được tạo thành bởi nội Tứ Đại. “Chấp thọ đại chủng” là nói đến nội Tứ Đại. Âm thanh do đâu mà có? Hễ có hai vật thể chạm vào nhau thì mới phát ra âm thanh. Nếu cả hai vật thể ấy đều là Sắc được tạo ra bởi hữu tình nội Tứ Đại thì gọi là “chấp thọ đại chủng nhân thanh”.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“Chư tâm, tâm pháp, thị năng chấp thọ. Xuân động chi loại, thị sở chấp thọ” (Các tâm và tâm pháp (tác dụng tâm lý của tâm) là chủ thể chấp giữ, tiếp nhận. Các loại ngộ ngoạ, cử động là đối tượng tiếp nhận): Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức, sáu Thức ấy được gọi là Tâm (trong Duy Thức Học, [ngoài sáu Thức], còn có Mạt Na Thức và A Lại Da Thức). “Tâm pháp” hoặc còn gọi là Tâm Sở Pháp chính là các thứ hoạt động tâm lý tương ứng với Tâm, như Tham, Sân, Si, Tín, Tàm (hổ thẹn) v.v... Tâm và Tâm Sở Pháp được gọi là Năng Chấp Thọ (chủ thể chấp lấy, tiếp nhận), chúng có thể chấp giữ, tiếp nhận hoạt động thuộc về phương diện sinh lý của hữu tình (các hoạt động vật lý của sinh vật), nảy sinh sự cảm nhận. Loại ngộ ngoạ, cử động (xuân động chi loại) chính là hữu tình, như người, trâu, kiến v.v... Thân thể của hữu tình (sắc được tạo bởi Nội Tứ Đại) là Sở Chấp Thọ (đối tượng bị chấp thọ). Vì do có Tâm và Tâm Sở Pháp chấp thọ nó, cho nên mới có sự cảm nhận.

“Chấp thọ đại chủng nhân thanh giả, như thủ tương kích, ngữ ngôn đẳng thanh” (Chấp thọ đại chủng nhân thanh là như tiếng do tay vỗ vào nhau, hoặc tiếng nói năng v.v...): Âm thanh do hai tay đập vào nhau, hoặc do nói năng phát ra, chính là những âm thanh dựa trên thân thể của hữu tình mà phát ra. Đây là “chấp thọ đại chủng nhân thanh”.

2) **Phi chấp thọ đại chủng nhân thanh**: Tức là những âm thanh phát ra mà không có Tâm và Tâm Sở Pháp chấp thọ, “như phong lâm, sử thủy đẳng thanh”, [tức là] âm thanh do gió lùa qua rừng cây, hoặc nước chảy xiết cũng chính là âm thanh do vật chất (vật vô tình) phát ra.

3) **Câu đại chủng nhân thanh**: “Như thủ kích cổ đẳng thanh”, ý nói âm thanh do tay thúc trống phát ra. Tay là sở chấp thọ (cái được Tâm và Tâm Sở chấp nhận, giữ lấy), trống là phi chấp thọ (chẳng được tâm và Tâm Sở chấp giữ, tiếp nhận). Đây chính là “câu đại chủng nhân thanh”.

1.1.2.1.2.2.2.3. Hương

(Luận) Vân hà hương? Vị tỵ chi cảnh, hảo hương, ác hương, bình đẳng hương. Hảo hương giả, vị dữ tỵ hợp thời, u Uẩn tương tục, hữu sở thuận ích. Ác hương giả, vị dữ tỵ hợp thời, u Uẩn tương tục, hữu sở vi tổn. Bình đẳng hương giả, vị dữ tỵ hợp thời, vô sở tổn ích.

(論)云何香？謂鼻之境，好香、惡香、平等香。好香

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

者，謂與鼻合時，於蘊相續，有所順益；惡香者，謂與鼻合時，於蘊相續，有所違損；平等香者，謂與鼻合時，無所損益。

(Luận: Hương là như thế nào? Chính là cảnh của mũi, [chia thành ba loại] là hảo hương, ác hương, và bình đẳng hương. Hảo hương là khi nó tiếp xúc với mũi, sẽ tùy thuận, tăng ích cho sự liên tục của Uẩn. Ác hương là khi nó tiếp xúc với mũi, sẽ gây tổn hại cho sự liên tục của Uẩn. Bình đẳng hương là khi nó tiếp xúc với mũi, chẳng có tổn hại hay tăng ích).

Hương là cảnh giới được tiếp nhận bởi Ty Căn (mũi), tức là cảnh giới được ngửi bởi Ty Thức. Hương chia thành ba loại, một là hảo hương, hai là ác hương, ba là bình đẳng hương.

1) Hảo hương: “*Dữ ty hợp thời, u Uẩn tương tục, hữu sở thuận ích*” [nghĩa là] Ty Căn tiếp xúc mùi hương, sẽ sanh ra Ty Thức. Nó có lợi ích phù hợp với thân tâm Ngũ Uẩn thì là “*hảo hương*”. Như khi có người sanh bệnh, cho hít dưỡng khí (oxygen) từ bình oxygen, bệnh trạng chuyển biến tốt hơn. Dưỡng khí chính là hảo hương.

“*U Uẩn tương tục*”: Thân tâm Ngũ Uẩn sanh diệt biến hóa trong từng sát-na, liên tục chẳng dứt. “*Tương tục*” có khi là tên gọi khác của Hữu Tình (chúng sanh), vì tiền Ngũ Uẩn của hữu tình đã diệt mất thì Ngũ Uẩn sau đó lại nối tiếp sanh khởi.

2) Ác hương: “*Dữ ty hợp thời, u Uẩn tương tục, hữu sở vi tổn*”, [ý nói] những chất khí trái nghịch, gây tổn hại cho Ngũ Uẩn thì là “*ác khí*”. Như Ty Thức ngửi phải chất khí thải từ xe hơi thoát ra sẽ có hại cho thân thể. Khí thải ấy được gọi là ác khí.

3) Bình đẳng hương: Ty Thức ngửi không khí, đối với thân thể, chẳng có tổn hại, mà cũng chẳng lợi ích. Không khí chính là bình đẳng hương.

1.1.2.1.2.2.2.4. Vị

(Luận) Vân hà Vị? Vị thiệt chi cảnh. Cam, thố, hàm, tân, khổ, đạm đẳng.

(論)云何味？謂舌之境，甘、醋、鹹、辛、苦、淡等。

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

(Luận: Vị là như thế nào? Chính là cảnh của lưỡi: Ngọt, chua, mặn, cay, đắng, nhạt v.v...)

Vị là cảnh giới được chấp giữ bởi Thiệt Căn, tức là cảnh giới được nắm bởi Thiệt Thức. Vị có thể chia thành sáu loại (lục vị): Ngọt, chua, mặn, cay, đắng, nhạt.

1.1.2.1.2.2.2.5. Một phần Xúc

(Luận) Vân hà Xúc nhất phần? Vị thân chi cảnh, trừ đại chủng, vị hoạt tánh, sáp tánh, trọng tánh, khinh tánh, lãnh, cơ, khát đắng. Hoạt vị tế nhuyễn, sáp vị thô cứng, trọng vị khả xướng, khinh vị phản thị. Noãn dục vi lãnh, Xúc thị lãnh nhân. Thử tức ư nhân, lập kỳ quả xung. Như thuyết chư Phật xuất thế lạc, diễn thuyết chánh pháp lạc, chúng Tăng hòa hợp lạc, đồng tu tinh tấn lạc, tinh tấn cần khổ, tuy thị lạc nhân, tức thuyết vi lạc. Thử diệc như thị, dục thực vi cơ, dục ẩm vi khát, thuyết diệc như thị. Dĩ thuyết thất chủng tạo Xúc, cập tiền Tứ Đại, thập nhất chủng đẳng.

(論)云何觸一分？謂身之境，除大種。謂滑性、澀性、重性、輕性、冷、飢、渴等。滑謂細軟。澀謂麤強。重謂可稱，輕謂反是。煖欲為冷；觸是冷因，此即於因立其果稱；如說諸佛出世樂，演說正法樂，眾僧和合樂，同修精進樂，精進勤苦，雖是樂因，即說為樂，此亦如是。欲食為飢，欲飲為渴，說亦如是。已說七種造觸，及前四大，十一種等。

(Luận: “Xúc một phần” là như thế nào? Chính là cảnh của thân, trừ đại chủng ra. Tức là tánh trơn, tánh rít, tánh nặng, tánh nhẹ, lạnh, đói, khát v.v... “Trơn” là nói mềm mịn, “rít” là thô ráp. “Nặng” là có thể cân, nhẹ thì trái lại. “Ẩm” là [khi tiếp xúc nó] sẽ mong lạnh, tức sự tiếp xúc ấy là cái nhân gây ra lạnh. Đây chính là từ nơi cái nhân mà dùng danh xưng của cái quả để gọi. Như nói niềm vui do chư Phật xuất thế, niềm vui do diễn thuyết chánh pháp, niềm vui do chúng Tăng hòa hợp, niềm vui đồng tu tinh tấn. Tinh tấn siêng khổ, tuy là cái nhân gây ra lạc, liền gọi nó là lạc. Điều này (một phần Xúc) cũng giống như thế. Muốn ăn thì là đói, muốn uống thì là khát, cũng nói giống như vậy. Bảy thứ tạo ra Xúc đã nói ấy cùng với Tứ Đại trong phần trước hợp

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

thành mười một thứ).

“*Xúc nhất phần*”: Xúc bao gồm hai loại, một là Năng Tạo Xúc (chủ thể tạo ra Xúc), hai là Sở Tạo Xúc (Xúc được tạo thành). Năng Tạo Xúc là Tứ Đại. Sở Tạo Xúc, tức là cảnh nơi thân. Ở đây chỉ nói tới Sở Tạo Xúc, cho nên gọi là “*Xúc nhất phần*” (một phần Xúc). Xúc là cảnh giới được chấp giữ bởi Thân Căn, tức là cảnh giới được cảm nhận bởi Thân Thức. Đối với Sở Tạo Xúc, luận này chỉ nói tới bảy loại, “*vị hoạt tánh, sáp tánh, trọng tánh, khinh tánh, lãnh, cơ, khát đẳng*” (tức là tánh trơn, tánh rít, tánh nặng, tánh nhẹ, lạnh, đói, khát v.v...) Nơi sự thật, còn có rất nhiều; vì thế, thêm vào chữ Đẳng (等, vân vân), như cứng, mềm v.v...

“*Hoạt*” (滑) là trơn tru. Khi chúng ta chạm vào nó, cảm thấy mềm mại, trơn tru, vì trong ấy có Xúc Trần khiến cho ta có cảm giác mềm mại, trơn tru. Xúc Trần ấy được gọi là Hoạt.

“*Sáp*” (澀) là thô ráp. Khi chúng ta chạm vào nó, sẽ cảm thấy thô ráp, vì trong ấy có Xúc Trần khiến cho ta có cảm giác thô ráp. Xúc Trần ấy được gọi là Sáp.

“*Trọng vị khả xưng, khinh vị phản thị*” (Nặng là có thể cân, nhẹ thì ngược lại): “*Khả xưng*” (可稱) tức là có thể đo lường. Khi cân đo nó thì là nặng. Vì trong ấy có Xúc Trần khiến cho ta có cảm giác có thể cân đo trọng lượng của nó được, Xúc Trần ấy được gọi là Trọng. [Cảm giác] ngược lại khi cân đong nó thì là Khinh (nhẹ). Vì trong ấy có Xúc Trần khiến cho ta có cảm giác nó có trọng lượng nhẹ bằng, Xúc Trần ấy được gọi là Khinh (nhẹ).

Thân Thức chỉ phân biệt Xúc Trần “*trơn, rít, nặng, nhẹ*”, nhưng những danh từ khái niệm “*trơn, rít, nặng, nhẹ*” là do Ý Thức biện định.

“*Noãn dục vi lãnh, Xúc thị lãnh nhân, thử tức ư nhân lập kỳ quả xung*” (Ấm là chạm vào cảm thấy muốn được lạnh. Xúc là cái nhân gây ra cảm giác lạnh; đây chính là từ nơi nhân mà đặt cho nó danh xưng của cái quả), “*noãn dục vi lãnh*” (ấm là [chạm vào] bèn muốn được lạnh): Khi tiếp xúc vật chi đó, bèn có ý tưởng muốn được hưởng sự ấm áp, thì gọi là cảm giác lạnh. Vì trong ấy có Xúc Trần khiến cho ta cảm thấy lạnh, Xúc Trần ấy được gọi là Lãnh (冷). “*Noãn*” (煖, ấm) là đặc tánh nói theo Hỏa Đại, Hỏa Đại rõ rệt thì nhiệt độ khá cao. “*Lãnh*” cũng là dựa theo đặc tánh của Hỏa Đại mà nói. Hỏa Đại chẳng rõ rệt thì nhiệt độ khá thấp.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“*U nhân lập kỳ quả xung*” (Đôi với cái nhân mà đặt cho nó danh xưng từ cái quả): Cảm giác lạnh là một kết quả, Xúc Trần gây nên cảm giác lạnh chính là cái nhân của cảm giác lạnh. Do vì chúng ta chạm vào Xúc Trần (là cái nhân), mới cảm thấy lạnh (đó là quả). Gọi Xúc Trần ấy là lạnh, chính là “*u nhân lập kỳ quả danh*” [nghĩa là] ở nơi cái nhân mà đặt cho nó tên gọi của cái quả.

Ngôn ngữ thế gian cũng có trường hợp đôi với cái quả mà nói đến danh xưng của cái nhân. Chẳng hạn như chúng ta vào tiệm ăn dùng cơm, nói “*ăn hết ba trăm đồng*”. Những thứ ta ăn là thức ăn, có sao nói là ăn hết ba trăm đồng? Chính là do ta dùng ba trăm đồng (cái nhân) để mua đồ ăn, cho nên đôi với những món đã ăn (quả) mà nói là “*ăn hết ba trăm đồng*” (nhân). Đây là từ nơi cái quả mà dùng danh xưng của cái nhân.

“*Chư Phật xuất thế lạc, diễn thuyết chánh pháp lạc, chúng Tăng hòa hợp lạc, đồng tu tinh tấn lạc, tinh tấn cần khổ, tuy thị lạc nhân, tức thuyết vi lạc, thử diệt như thị*”, [ý nói] chư Phật xuất thế là chuyện vui sướng, diễn thuyết chánh pháp là chuyện vui sướng, chúng Tăng hòa hợp là chuyện vui sướng, điều này có thể lý giải. Thật ra, tinh tấn tu hành chưa chắc đã là vui sướng. Có lúc cảm thấy rất khổ não, mệt mỏi. Vì sao nói là “*đồng tu tinh tấn lạc*”? Vì tinh tấn tu hành (đó là cái nhân) có thể đoạn trừ phiền não, chứng đắc tịch diệt lạc (quả). Vì thế nói tinh tấn tu hành là vui sướng, cũng là “*ở nơi cái nhân mà đặt cho danh xưng của cái quả*”.

“*Thử diệt như thị*” (Đôi với điều này, cũng giống như thế): “*Thử*” chính là nói tới “*Xúc nhất phần*”, vì Xúc Trần gây nên cảm giác lạnh là nhân, cảm giác lạnh là quả. Vì thế, gọi Xúc Trần ấy là lạnh, cũng là “*ở nơi cái nhân mà đặt cho danh xưng của cái quả*”.

“*Dục thực vi cơ, dục ẩm vi khát, thuyết diệt như thị*”, [ý nói] về mặt sinh lý, có cảm giác muốn ăn hoặc muốn uống là do tiếp xúc Xúc Trần, gây nên cảm giác đói hoặc khát, cho nên gọi Xúc Trần ấy là Đói hoặc Khát, cũng chính là “*ở nơi nhân mà dùng danh xưng của cái quả để đặt tên*”.

Thân Thức chỉ nhận biết rõ ràng cảm giác “lạnh, đói, khát” do Xúc Trần gây nên, nhưng những khái niệm danh từ như “lạnh, đói, khát” là do Ý Thức nhận biết.

“*Dĩ thuyết thất chủng tạo Xúc, cập tiền Tứ Đại, thập nhất chủng đặng*” [ý nói] Xúc chia thành hai loại, một là Năng Tạo Xúc, tức Tứ Đại, và hai là Sở Tạo Xúc bao gồm bảy loại. Gộp chung hai thứ ấy (Tứ

Đại và bảy loại Xúc), sẽ là mười một loại.

1.1.2.1.2.2.3. Vô Biểu Sắc đẳng

(Luận) Vân hà Vô Biểu Sắc đẳng? Vị hữu biểu nghiệp, Tam-ma-địa sở sanh vô kiến vô đối Sắc đẳng. Hữu biểu nghiệp giả, vị thân, ngữ biểu, thử thông thiện, bất thiện, vô ký tánh. Sở sanh Sắc giả, vị tức tùng bỉ thiện, bất thiện biểu sở sanh chi Sắc, thử bất khả hiển thị. Cố danh Vô Biểu. Tam-ma-địa sở sanh Sắc giả, vị tứ Tình Lự sở sanh Sắc đẳng. Thử Vô Biểu Sắc, thị sở tạo tánh, danh Thiện Luật Nghi, Bất Thiện Luật Nghi đẳng, diệc danh Nghiệp, diệc danh Chủng Tử. Như thị chư Sắc, lược vi tam chủng: Nhất giả, khả kiến hữu đối; nhị giả, bất khả kiến hữu đối; tam giả, bất khả kiến vô đối. Thị trung, khả kiến hữu đối giả, vị Hiển Sắc đẳng. Bất khả kiến hữu đối giả, vị Nhãn Căn đẳng. Bất khả kiến vô đối giả, vị Vô Biểu Sắc đẳng.

(論)云何無表色等？謂有表業、三摩地所生無見無對色等。有表業者，謂身、語表，此通善、不善、無記性。所生色者，謂即從彼善、不善表所生之色。此不可顯示，故名無表。三摩地所生色者，謂四靜慮所生色等。此無表色是所造性，名善律儀、不善律儀等，亦名業，亦名種子。如是諸色，略為三種：一者，可見有對。二者，不可見有對。三者，不可見無對。是中，可見有對者，謂顯色等；不可見有對者，謂眼根等；不可見無對者，謂無表色等。

(Luận: Vô Biểu Sắc là như thế nào? Chính là nói đến vô kiến vô đối Sắc (Sắc chẳng thể thấy, chẳng bị ngăn ngại) được sanh bởi hữu biểu nghiệp, hoặc được sanh bởi Tam-ma-địa. “Hữu biểu nghiệp” là nói tới nghiệp biểu hiện nơi thân và ngữ, nghiệp này bao gồm tánh thiện, bất thiện, và tánh vô ký (không thiện, không ác). “Sắc được sanh” (sở sanh Sắc) chính là Sắc được sanh bởi các [nghiệp] biểu hiện thiện và bất thiện đó. Loại Sắc này chẳng thể hiển thị. Vì thế, gọi là Vô Biểu. Sắc được sanh bởi Tam-ma-địa chính là các Sắc được sanh từ bốn thứ Tình Lự. Vô Biểu Sắc tùy theo tánh chất [của chủ thể như nghiệp hoặc Tam-ma-địa] sanh ra nó mà gọi là Thiện Luật Nghi, hoặc

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Bất Thiện Luật Nghi v.v... còn gọi là Nghiệp, cũng gọi là Chủng Tử. Các Sắc như thế, chia đại lược thành ba loại: Một là có thể thấy, có ngăn ngại; hai là chẳng thể thấy, có ngăn ngại; ba là chẳng thể thấy, chẳng ngăn ngại. Trong ấy, cái “có thể thấy, có ngăn ngại” thì là Hiện Sắc v.v... “Chẳng thể thấy và có ngăn ngại” thì là Nhân Căn v.v... “Chẳng thể thấy và chẳng bị ngăn ngại” thì là Vô Biểu Sắc v.v...)

“Vân hà Vô Biểu Sắc đẳng? Vị hữu biểu nghiệp, Tam-ma-địa sở sanh vô kiến vô đối Sắc đẳng” (Vô Biểu Sắc là như thế nào? Chính là những Sắc có thể thấy và bị ngăn ngại, những Sắc ấy được sanh bởi các nghiệp thể hiện qua thân và ngữ nghiệp, hoặc được sanh bởi Chánh Định), [nghĩa là] ở đây, nói đại lược thì có hai loại: Một là Vô Kiến Vô Đối Sắc được sanh bởi Hữu Biểu Nghiệp (Vô Biểu Sắc), hai là Vô Kiến Vô Đối Sắc sanh bởi Tam-ma-địa (tức Định Cảnh Sắc, Sắc ở trong cảnh giới của Định). Đây là Sắc được sanh bởi cảnh giới trong tu Định.

Thật ra, còn có những thứ khác nữa, như Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Tập Luận, quyển một, chép: “Các Sắc được gộp trong Pháp Xứ thì đại lược có năm thứ, tức là Cự Lược Sắc, Cự Huýnh Sắc, Thọ Sở Dẫn Sắc, Biến Kế Sở Khởi Sắc, và Tụ Tánh Sở Sanh Sắc. Cự Lược Sắc chính là Cự Vi Sắc. Cự Huýnh Sắc là do bởi loại Sắc này mà lìa khỏi các Sắc gây nên những chướng ngại về Xúc khác. Thọ Sở Dẫn Sắc chính là Vô Biểu Sắc. Biến Kế Sở Chấp Sắc là Ảnh Tượng Sắc. Tụ Tại Sở Sanh Sắc là Sắc nơi cảnh giới do hành Giải Thoát Tĩnh Lự (tu Thiền Định của Phật giáo) [mà hành nhân có thể trông thấy]”.

Sắc pháp có thể chia thành hai loại: Một là Hữu Kiến Sắc, hai là Vô Kiến Sắc. Xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... là những thứ trông thấy bởi Nhân Thức, nên gọi là Hữu Kiến Sắc (Sắc có thể trông thấy). Nhĩ Thức nghe âm thanh, Tỵ Thức ngửi mùi thơm, Thiệt Thức nếm ngọt, chua, đắng, cay v.v... Thân Thức cảm nhận trơn, rít, nặng, nhẹ v.v... Do Nhân Thức chẳng trông thấy những thứ ấy, nên gọi là Vô Kiến Sắc.

Sắc pháp lại có thể chia thành hai loại: Một là Hữu Đối Sắc, hai là Vô Đối Sắc. Đối là “đối ngại” (對礙, ngăn ngại). Hai món vật chất đụng nhau, sanh ra một thứ chướng ngại. Âm thanh là có đối ngại; nó đụng phải tường vách, bèn có chướng ngại; sóng âm thanh chẳng thể xuyên qua. Phía sau tường vách sẽ chẳng nghe được âm thanh. Mùi thơm là có đối ngại, đụng phải tường vách bèn có chướng ngại, mùi thơm chẳng thể xuyên qua. Mùi vị và xúc cảnh càng rõ rệt hơn! Gặp phải chướng ngại, Thiệt Thức sẽ chẳng nếm được mùi vị, Thân Thức sẽ

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

chẳng cảm nhận Xúc cảnh.

“*Hữu biểu nghiệp sở sanh vô kiến vô đối Sắc*” [ý nói] Sắc sanh bởi Hữu Biểu Nghiệp (nghiệp biểu hiện qua thân và ngữ) thì gọi là Vô Biểu Sắc (Vô Biểu Nghiệp), tức là Sắc pháp mà Nhãn Thức chẳng trông thấy; do nó chẳng bị ngăn ngại, cho nên gọi là Vô Kiến Vô Đối Sắc.

Nói theo Duy Thức Học, nghiệp có thể hiện hiện ra ngoài thì gọi là Hữu Biểu Nghiệp, như thân biểu nghiệp, ngữ biểu nghiệp (nghiệp biểu hiện nơi thân thể, nghiệp biểu hiện nơi lời nói). Hữu Biểu Nghiệp diệt mất trong từng sát-na, bèn sanh ra một thứ sức mạnh ngấm ngấm, tiềm tàng trong A Lại Da Thức (Thức thứ tám), gọi là Nghiệp Lực (chủng tử của nghiệp), còn gọi là Vô Biểu Nghiệp. Vì Vô Biểu Nghiệp được dẫn dắt, sanh khởi từ các nghiệp biểu hiện nơi thân và ngữ, nó sẽ sanh khởi từ Sắc pháp; cho nên Vô Biểu Nghiệp còn gọi là Vô Biểu Sắc.

Hữu Biểu Nghiệp là Thân Biểu Nghiệp (nghiệp biểu hiện nơi thân) và Ngữ Biểu Nghiệp (nghiệp biểu hiện nơi lời ăn tiếng nói), tức là các hành vi nơi thân thể và ngôn ngữ, biểu hiện ra ngoài. Thật ra, Thân Biểu Nghiệp và Ngữ Biểu Nghiệp đều được dẫn khởi, phát xuất từ hành vi nơi tâm thức (ý nghiệp). Vì ý nghiệp bao gồm tánh thiện, tánh ác, tánh vô ký (không thiện, không ác), cho nên Thân Biểu Nghiệp và Ngữ Biểu Nghiệp cũng bao gồm tánh thiện, tánh ác, tánh vô ký. Ví như đối với Thân Biểu Nghiệp, tâm cung kính lễ Phật là tánh thiện, sân tâm đánh người khác là tánh ác, tâm bình đẳng vô ký đi đường là tánh vô ký.

“*Sở sanh Sắc giả, vị tức từng bỉ thiện, bất thiện biểu sở sanh chi Sắc*”: [Nghĩa là] Vô Biểu Sắc được sanh bởi Hữu Biểu Nghiệp, tức là sanh từ Hữu Biểu Nghiệp có tánh thiện hay tánh ác, chứ không sanh từ Hữu Biểu Nghiệp có tánh vô ký. Vô Biểu Nghiệp được huân tập bởi Thân Biểu Nghiệp và Ngữ Biểu Nghiệp mang tánh thiện thì trong tương lai, nó cũng sẽ sanh khởi hiện hành thành một pháp có tánh thiện. Ngược lại, Vô Biểu Nghiệp được huân tập bởi Thân Biểu Nghiệp và Ngữ Biểu Nghiệp mang tánh ác, trong tương lai, nó sẽ sanh khởi hiện hành thành một pháp cũng mang tánh ác. Nghiệp lực được huân tập bởi thân nghiệp và ngữ nghiệp thiện hay ác, trong tương lai, khi nhân duyên đã chín muồi, sẽ chiêu cảm quả báo sanh tử. Thiện nghiệp chiêu cảm lạc báo, ác nghiệp chiêu cảm khổ báo. Tuy chẳng trông thấy nghiệp lực, nhưng nó tồn tại. Trước khi chiêu cảm quả báo sanh tử, nó

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

sẽ chẳng diệt mất, như kinh Đại Bảo Tích đã dạy: “*Giả sử kinh bách kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ*” (Giả sử trải trăm kiếp, nghiệp đã làm chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, vẫn tự thọ quả báo).

“*Thử bất khả hiển thị, cố danh Vô Biểu*”, [nghĩa là] do loại sắc này chẳng thể hiển thị được, cho nên gọi là Vô Biểu Sắc.

“*Tam-ma-địa sở sanh Sắc giả, vị tứ Tĩnh Lự sở sanh Sắc đẳng*” (Sắc được sanh bởi Tam-ma-địa là nói đến những Sắc được sanh bởi bốn thứ Tĩnh Lự): Tam-ma-địa (tiếng Phạn là Samādhi) chính là Đẳng Trì, tức là giữ cho cái tâm bình đẳng, tâm chẳng hôn trầm, chẳng lao chao, chuyên chú nơi một cảnh, cũng gọi là Định. Nói thông thường, Định bao gồm Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định. Sắc Giới Định là Tứ Tĩnh Lự (Tứ Thiền). Vô Sắc Giới Định là Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Sắc sanh bởi Tam-ma-địa chính là Sắc sanh bởi Tứ Tĩnh Lự và Sắc sanh bởi Vô Sắc Giới Định. Nhân Thức chẳng thể trông thấy [các Sắc ấy] mà chúng cũng chẳng bị ngăn ngại, cho nên gọi là Vô Kiến Vô Đối Sắc.

“*Thử Vô Biểu Sắc, thị sở tạo tánh, danh Thiện Luật Nghi, Bất Thiện Luật Nghi đẳng, diệc danh nghiệp, diệc danh chủng tử*”, [ý nói] Vô Biểu Sắc là do Thân và Ngũ Biểu Nghiệp tạo ra, [do tánh chất của nghiệp ấy là thiện hay ác] mà còn gọi là Thiện Luật Nghi, hay Bất Thiện Luật Nghi v.v... [Vô Biểu Sắc] còn gọi là Nghiệp (nghiệp lực), Chủng Tử (nghiệp chủng tử). Nghiệp chủng tử ở trong A Lại Da Thức, trong tương lai, khi nhân duyên chín muồi, sẽ có thể chiêu cảm quả báo.

“*Thiện Luật Nghi*” chính là khi nội tâm thanh tịnh, thành khẩn thọ giới, sẽ đạt được giới thể thanh tịnh (Thiện Luật Nghi), có sức mạnh tiềm tàng ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác. Giả sử khi thọ giới, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thành khẩn, sẽ chẳng đạt được giới thể thanh tịnh, cũng chẳng có sức mạnh tiềm tàng ngăn ngừa sai trái, dứt trừ điều ác.

“*Bất Thiện Luật Nghi*” là sức mạnh tiềm tàng nầy sanh bởi ác nghiệp do thói quen. Có những kẻ lấy việc giết lợn làm nghề nghiệp suốt đời, đó chính là Bất Thiện Luật Nghi. Cũng giống như vậy, coi sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối v.v... là nghề nghiệp, đều là Bất Thiện Luật Nghi. Nếu chỉ đôi khi làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối v.v... thì đấy chỉ là ác nghiệp, chẳng phải là Bất Thiện Luật Nghi.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Nói chung, Sắc pháp chia thành ba loại:

1) Khả Kiến Hữu Đối Sắc: Như Sắc cảnh thuộc loại Hiền Sắc v.v... tức là mắt có thể trông thấy, nó lại còn bị ngăn ngại.

2) Bất Khả Kiến Hữu Đối Sắc: Như Tứ Đại, Ngũ Căn (Nhãn Căn v.v...), Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp thì Nhãn Thức đều chẳng thể trông thấy, nhưng chúng có ngăn ngại.

3) Bất Khả Kiến Đối Sắc: Như Vô Biểu Sắc, hoặc Sắc sanh bởi Tam-ma-địa thì Nhãn Thức chẳng thể trông thấy, lại còn chẳng bị chướng ngại.

1.1.2.2. Thọ Uẩn

(Luận) Vân hà Thọ Uẩn? Thọ hữu tam chủng, vị Lạc Thọ, Khổ Thọ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ. Lạc Thọ giả, vị thử diệt thời, hữu hòa hợp dục. Khổ Thọ giả, vị thử sanh thời, hữu quai ly dục. Bất Khổ Bất Lạc Thọ giả, vị vô nhị dục. Vô nhị dục giả, vị vô hòa hợp cập quai ly dục. Thọ, vị Thức chi lãnh nạp.

(論)云何受蘊？受有三種，謂樂受、苦受、不苦不樂受。樂受者，謂此滅時，有和合欲。苦受者，謂此生時，有乖離欲。不苦不樂受者，謂無二欲。無二欲者，謂無和合及乖離欲。受，謂識之領納。

(Luận: Thọ Uẩn là như thế nào? Thọ có ba loại, tức là Lạc Thọ, Khổ Thọ, và Bất Khổ Bất Lạc Thọ. Lạc Thọ là khi nó diệt, sẽ có mong muốn được hòa hợp. Khổ Thọ là khi nó sanh ra, sẽ có mong muốn xa lìa, chống đối nó. Bất Khổ Bất Lạc Thọ là [những cảm thọ] không có hai loại dục ấy. “Không có hai loại dục ấy” chính là mong muốn hòa hợp và chống trái. Thọ là nói về sự tiếp nhận, dung nạp của Thức).

Thọ Uẩn, “Thọ có ba loại: Khổ Thọ, Lạc Thọ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ (Xả Thọ)”.

“Lạc Thọ giả, vị thử diệt thời, hữu hòa hợp dục”, [ý nói] giả sử có một loại cảm nhận bị diệt mất, ta bèn mong mỗi vẫn có thể hòa hợp với sự cảm nhận ấy, thì sự cảm nhận ấy được gọi là Lạc Thọ.

“Khổ Thọ giả, vị thử sanh thời, hữu quai ly dục”, [nghĩa là] giả sử có một loại cảm nhận vừa sanh khởi, ta bèn mong mỗi sẽ nhanh chóng rời lìa nó. Sự cảm nhận ấy được gọi là Khổ Thọ.

“Bất Khổ Bất Lạc Thọ giả, vị vô nhị dục. Vô nhị dục giả, vị vô

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

hòa hợp cập quai ly dục”, [nghĩa là] giả sử có một loại cảm nhận khi nó bị diệt mất hay sanh khởi, ta chẳng có ham muốn được hòa hợp, hay ham muốn chống trái, xa lìa nó, thì sự cảm nhận ấy được gọi là Bất Khổ Bất Lạc Thọ.

“*Thọ, vị Thức chi lãnh nạp*”: Sự cảm nhận (Thọ) chính là tác dụng tiếp nhận cảnh giới của tâm thức.

Thọ Tâm Sở chẳng có hình tượng cụ thể, chẳng thể nhận biết bởi năm Thức trước, chỉ có Ý Thức là có thể hiểu rành, nhận rõ. Thể tánh của Tâm Sở vi tế; do vậy, dùng tác dụng trực tiếp để hiển thị thể tánh ([thường nói là] “*dùng Dụng để hiển Thể*”). Hễ có tác dụng nhận lãnh cảnh giới thì có thể biết là có Thọ Tâm Sở. Tâm Sở, ngoại trừ tác dụng trực tiếp (Thân Tác Dụng), còn có tác dụng gián tiếp (Sơ Tác Dụng), tức là nó có thể ảnh hưởng hay dẫn đến sự sanh khởi những tác dụng khác. Chẳng hạn như Thành Duy Thức Luận có nói: “*Thọ, vị lãnh nạp thuận, nghịch, câu phi cảnh tướng vi tánh; khởi ái vị nghiệp*” (Thọ có tánh chất là nhận lãnh cảnh tướng thuận, nghịch, hoặc chẳng thuận chẳng nghịch; nghiệp dụng của nó là sanh khởi Ái). [Có nghĩa là] thể tánh của Thọ là nhận lãnh cảnh thuận thảo, cảnh trái nghịch, cảnh chẳng thuận thảo mà cũng chẳng trái nghịch (cảnh trung dung). [Nói tới] nghiệp dụng của Thọ là nói tới tác dụng gián tiếp của Thọ. Nói theo phía phàm phu, thì Thọ có thể sanh khởi các phiền não tham ái, sân hận, ngu si v.v...

Hơn nữa, Thọ lại có thể chia hai loại là Thân Thọ và Tâm Thọ. Thân Thọ chính là Thọ tương ứng với năm Thức trước, chia thành ba loại là Khổ Thọ, Lạc Thọ, và Bất Khổ Bất Lạc Thọ (Xả Thọ). Tâm Thọ là Thọ tương ứng với Ý Thức, chia thành ba loại: Ưu Thọ, Hỷ Thọ, và Bất Ưu Bất Hỷ Thọ (Xả Thọ).

Năm thức trước, tức Nhân Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, và Thân Thức, chỉ nhận biết cảnh giới Ngũ Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc) trong hiện tại. Ý Thức có thể nhận biết cảnh giới sáu trần trong quá khứ, hiện tại, vị lai, bao gồm pháp hữu vi và pháp vô vi.

Thân Thọ và sinh lý (Ngũ Căn) có mối quan hệ, như tay chạm vào lửa, chẳng cần phân biệt là lửa hay không, ngay lập tức sẽ cảm thấy đau đớn. Tâm Thọ có mối quan hệ với sự nghĩ nhớ, phân biệt của Ý Thức. Như nghĩ nhớ tai nạn trong quá khứ, hoặc lo âu tai nạn trong tương lai, sẽ sanh ra Ưu Thọ (cảm giác lo buồn). Nếu nghĩ nhớ chuyện vui sướng trong quá khứ, hoặc yêu thích ngưỡng mộ sự vui sướng trong vị lai, sẽ sanh ra Hỷ Thọ (cảm giác vui sướng).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thọ Tâm Sở bao gồm các tánh thiện, ác, và vô ký. Ba thứ Thọ (Khổ Thọ, Lạc Thọ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ) của Thân Thọ tương ứng với Thiện Tâm Sở, hoặc Hỷ Thọ, Xả Thọ của Tâm Thọ là những Thọ có tánh thiện, còn ba thứ Thọ tương ứng với các Tâm Sở phiền não thì là Thọ có tánh ác. Ba thứ Thọ nếu chẳng thể quy kết rạch ròi là tánh thiện hay ác thì là Thọ có tánh chất vô ký.

Do cảm nhận thông thường của con người tương ứng với phiền não, cho nên là Thọ có tánh ác. Chẳng hạn như do có Lạc Thọ và Hỷ Thọ, bèn sanh khởi lòng tham ái; do có Khổ Thọ và Ưu Thọ, bèn sanh lòng sân hận.

Học tập Phật pháp thì Ý Thức phải quán chiếu sự cảm nhận (Thọ) là vô thường, vô ngã, chẳng chấp trước cảm nhận là thật thể thường hằng, tồn tại duy nhất. Khi nầy sanh Lạc Thọ và Hỷ Thọ, hãy ngay lập tức biết nó là vô thường, vô ngã, ngay lập tức chẳng sanh khởi tham đắm. Khi nầy sanh Khổ Thọ, hãy ngay lập tức biết đây là vô thường, vô ngã, ngay lập tức chẳng sanh khởi lòng sân hận. Lạc Thọ, Hỷ Thọ và Khổ Thọ tương ứng với chánh kiến đều là Thọ có đặc tánh thiện. Ưu Thọ tương ứng với phiền não, cho nên nó là Thọ mang tánh ác.

Người tu Định dần dần lìa Ưu, lìa Khổ, lìa Hỷ, lìa Lạc, cuối cùng là Xả Thọ bình lặng nhất. Nhập Diệt Thọ Tương Định, Ý Thức chẳng sanh khởi, Thọ Tâm Sở cũng chẳng sanh khởi. Nương theo Thiên chi trong Tứ Thiên, sẽ có thể biết rõ mối quan hệ giữa Thiên Định và sự cảm nhận.

Thiên chi của Sơ Thiên gồm Tàm, Tư, Hỷ, Lạc, tâm nhất cảnh tánh (tâm có tánh chất duyên theo một cảnh).

Thiên chi của Đệ Nhị Thiên gồm Nội Đăng Tịnh, Hỷ, Lạc, tâm nhất cảnh tánh.

Thiên chi của Đệ Tam Thiên gồm chánh niệm, chánh tri, hành xả, lạc, tâm nhất cảnh tánh.

Thiên chi của Đệ Tứ Thiên gồm hành xả thanh tịnh, niệm thanh tịnh, thọ xả, tâm nhất cảnh tánh.

1.1.2.3. Tướng Uẩn

(Luận) Vân hà Tướng Uẩn? Vị năng tăng thắng thủ chư cảnh tướng. “Tăng thắng thủ” giả, vị thắng lực năng thủ, như đại lực giả, thuyết danh thắng lực.

(論)云何想蘊？謂能增勝取諸境相。增勝取者，謂勝力能取。如大力者，說名勝力。

(Luận: Tướng Uẩn là như thế nào? Chính là có thể tăng thêm sự chấp giữ vượt trội các cảnh tướng thù thắng. “Tăng thêm sự chấp giữ vượt trội” có nghĩa là do có sức mạnh mẽ bèn có thể giữ lấy, như người có sức rất mạnh thì gọi là “thắng lực”).

Tướng Uẩn là Tướng Tâm Sở, “*năng tăng thắng, thủ chư cảnh tướng*”, [nghĩa là] có một loại sức lực rất mạnh mẽ để duyên theo, giữ lấy các cảnh tướng, giống như kẻ rất khỏe, có sức to lớn có thể nắm giữ thứ gì đó.

Tướng Tâm Sở có tác dụng duyên theo, giữ lấy cảnh tướng; đây là tác dụng trực tiếp của Tướng, chính là khởi đầu cho tác dụng nhận thức chánh xác hoặc sai lầm. Cảnh tướng [được Tướng] duyên theo, chấp lấy cũng gọi là Ảnh Tượng (ảnh tượng), tức là hết thấy những thứ được gọi là “*khái niệm*”. Chúng có thể chia thành khái niệm cụ thể và khái niệm trừu tượng. Như khái niệm về “nhà cửa” là khái niệm cụ thể, khái niệm “tử bi” là khái niệm trừu tượng. Tiến thêm bước nữa, nhằm biểu lộ, diễn đạt khái niệm cảm tình và tư tưởng, bèn lập ra văn tự và ngôn ngữ để diễn tả, giải thích. Đây là tác dụng gián tiếp của Tướng. Như Thành Duy Thức Luận có nói: “*Tướng là đối với cảnh bèn có tánh chất giữ lấy hình tượng, lập bày các thứ danh tự, ngôn ngữ; đây là nghiệp*”.

Khi sáu Thức nhận biết cảnh giới, Tướng tương ứng với sáu Thức sẽ duyên theo, giữ lấy hình bóng của cảnh giới. Như Nhãn Thức thấy quả cầu đỏ, Tướng sẽ duyên theo, giữ lấy hình ảnh của quả cầu đỏ, giống như máy chụp hình, Ý Thức mới có khái niệm đỏ, trắng v.v... hoặc khái niệm “tốt, xấu” v.v...

Trên phương diện tu hành, Tướng rất quan trọng. Rất nhiều phương pháp tu hành được gọi là Tướng, như Bất Tịnh Quán cũng gọi là Bất Tịnh Tướng, có Thanh Ú Tướng (tướng [xác chết] xanh âm, sung phù), Nùng Lạn Tướng (tướng [xác chết] tươm mỡ, nứt nẻ)... Tu học Bất Tịnh Quán, trước hết phải thấy hình dạng của xác chết (Biến Tác Tướng), giữ lấy hình ảnh đó (Thủ Tướng, nắm giữ tướng), liên tục chuyên chú nơi hình ảnh khiến cho hình ảnh được hiện tiền rõ ràng (Tự Tướng). Tiến thêm bước nữa là thành tựu Sơ Thiền. Trong quá trình “*tu Chỉ để thành tựu Thiền Định*”, tác dụng của Tướng Tâm Sở là

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

duyên theo, giữ lấy hình ảnh. Tác dụng của Định Tâm Sở là chuyên chú nơi hình tượng. Sức chuyên chú của Định càng mạnh, sức mạnh của Tưởng cũng càng mạnh, hình ảnh sẽ càng hiển hiện rõ ràng.

Như tu các phép Địa, Thủy, Hỏa, Phong trọn khắp, bèn duyên theo, giữ lấy Địa tướng thanh tịnh v.v... cũng đều là khởi đầu từ Tưởng duyên theo, giữ lấy hình ảnh. Cao hơn bước nữa là thành tựu từ Sơ Thiên cho đến Tứ Thiên.

Vì sao đức Phật nói Ngũ Uẩn, đặc biệt lập ra Thọ Uẩn và Tưởng Uẩn? Vì trong sự nhận thức hoặc tu hành, Thọ và Tưởng đều có ý nghĩa trọng yếu đặc thù. Chúng cũng là căn bản của Ái Tránh (tranh chấp do yêu thích, đả trước) và Kiến Tránh (tranh chấp do chấp vào kiến giải). Vì thế, đặc biệt lập ra Thọ Uẩn và Tưởng Uẩn.

1.1.2.4. Hành Uẩn (chia làm hai đoạn)

1.1.2.4.1. Luận định chung

(Luận) Vân hà Hành Uẩn? Vị trừ Thọ, Tưởng, chư dư tâm pháp, cập tâm bất tương ứng hành. Vân hà dư tâm pháp? Vị dữ tâm tương ứng chư hành, xúc, tác ý, tư, dục, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa, huệ, tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, xả, bất hại, tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi (phân, hận, phú, nã, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại), vô tầm, vô quý, hôn trầm, điệu cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri, ác tác, thù miên, tầm, tứ. Thị chư tâm pháp, ngũ thị Biến Hành, thử biến nhất thiết thiện, bất thiện, vô ký tâm, cố danh Biến Hành. Ngũ thị Biệt Cảnh, thử ngũ, nhất nhất w sai biệt cảnh, triển chuyển quyết định, tánh bất tương ly. Thị trung hữu nhất, tất hữu nhất thiết. Thập nhất vi thiện, lục vi phiền nã. Dư thị tùy phiền nã. Tứ vi bất định. Thử bất định tứ, phi chánh, tùy phiền nã, dĩ thông thiện cập vô ký tánh cố. Xúc đẳng thể tánh cập nghiệp, ung đương giải thích.

(論)云何行蘊？謂除受想。諸餘心法。及心不相應行。云何餘心法？謂與心相應諸行。觸。作意。思。欲。勝解。念。三摩地。慧。信。慚。愧。無貪。無瞋。無癡。精進。輕安。不放逸。捨。不害。貪。瞋。慢。無明。見。疑。(忿。恨。覆。惱。嫉。慳。誑。諂。憍。

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

害)無慚・無愧・昏沈・掉舉・不信・懈怠・放逸・失念・散亂・不正知・惡作・睡眠・尋伺。是諸心法。五是遍行。此遍一切善不善無記心故名遍行。五是別境。此五一一。於差別境。展轉決定。性不相離。是中有一。必有一切。十一為善。六為煩惱。餘是隨煩惱。四為不定。此不定四。非正隨煩惱以通善及無記性故。觸等體性及業。應當解釋。

(Luận: Hành Uẩn là như thế nào? Nghĩa là ngoại trừ Thọ và Tưởng, các tâm pháp khác và tâm bất tương ứng hành [sẽ thuộc về Hành Uẩn]. “Các tâm pháp khác” là như thế nào? Chính là các Hành tương ứng với tâm: Xúc, tác ý, tư, dực, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa, huệ, tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, xả, bất hại, tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi (phẫn, hận, phú, nã, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại), vô tầm, vô quý, hôn trầm, điều cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri, ác tác, thù miên, tầm, tư. Trong các tâm pháp ấy, năm món là Biến Hành. Các tâm pháp [thuộc Biến Hành] trọn khắp hết thấy các tâm thiện, bất thiện, và vô ký, cho nên gọi là Biến Hành. Năm món là Biệt Cảnh. Năm món ấy, mỗi món có cảnh sai biệt, lần lượt quyết định, tánh chẳng rời lìa. Trong ấy, hề có một thứ, ắt sẽ có hết thấy. Mười một món là thiện, sáu món là phiền não. Những món còn lại là tùy phiền não, bốn món là bất định. Bốn món bất định ấy, chẳng phải là chánh hay tùy phiền não, vì tánh của chúng bao gồm cả thiện và vô ký. Thế tánh và nghiệp của các món như Xúc v.v... hãy nên giải thích [như sau đây].

Đôi chiếu với Đại Thừa Ngũ Uẩn Luận, phân luận văn trong Đại Chánh Tạng thiếu mười món Tiểu Tùy Phiền Não từ Phẫn cho tới Hại; do vậy, ghi bỏ khuyết vào phần trong ngoặc. Hành Uẩn có hai loại lớn: Một là Tương Ứng Hành (tương ứng với tâm), hai là Bất Tương Ứng Hành (chẳng tương ứng với tâm). Hành có hai loại ý nghĩa:

1) Tạo tác, tức là các hoạt động do tâm lý dẫn khởi mà làm các thứ sự nghiệp.

2) Lưu động: Biểu thị sự sanh diệt, biến hóa, có đổi dời.

Hành trong Phật pháp hiểu theo nghĩa rộng nhất sẽ là hết thấy các pháp hữu vi, như Hành trong câu “*chư hành vô thường*”. Hành trong Hành Uẩn có phạm vi khá hẹp nhỏ. Trong hết thấy các pháp hữu

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

vi, ngoại trừ Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, và Thức Uẩn, thì các pháp hữu vi còn lại đều gộp trong Hành Uẩn.

A. Tương Ứng Hành là Tâm Sở Pháp. Chữ Tâm Pháp được dùng trong bộ luận này sẽ được gọi là Tâm Sở, hoặc Tâm Sở Pháp, hoặc Tâm Sở Hữu Pháp trong các bộ luận khác. Chúng chính là các thứ tác dụng tâm lý do nương vào Tâm Vương mà sanh khởi. Trong Hành Uẩn của bộ luận này, có bốn mươi chín món Tâm Sở Pháp, cộng thêm Thọ và Tưởng, tổng cộng là năm mươi một món Tâm Sở Pháp. Chúng lại được chia thành sáu loại: Biến Hành gồm năm món, Biệt Cảnh gồm năm món, Thiện gồm mười một món, Phiền Não gồm sáu món, Tùy Phiền Não có hai mươi món, Bất Định có bốn món. Cách phân loại và số lượng [các Tâm Sở trong mỗi loại] giống như Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận.

Tâm Sở và Tâm Vương⁴⁹ có mối quan hệ mật thiết. Do ba nghĩa mà lập ra danh xưng Tâm Sở:

1) Luôn dựa vào tâm để sanh khởi: Tâm Sở trọn chẳng thể riêng một mình nó sanh khởi, nhất định phải nương vào Tâm Vương thì mới có thể sanh khởi.

2) Tương ứng với tâm: [Tâm Sở] đồng thời sanh khởi và diệt mất với Tâm Vương, lại còn duyên theo cảnh giới giống nhau v.v...

3) Dính lú, phụ thuộc cái tâm: Tâm Sở phụ thuộc Tâm Vương. Tâm Vương ví như quốc vương, Tâm Sở ví như bầy tôi của quốc vương.

A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận cho rằng Tâm Sở tương ứng với cái Tâm do có năm nghĩa:

1) Cái để nương vào giống nhau: Tâm Sở và Tâm Vương cùng dựa vào một Căn. Như Tâm Sở và Nhãn Thức cùng nương vào Nhãn Căn.

2) Cái để duyên theo giống nhau: Tâm Sở và Tâm Vương cùng duyên một cảnh.

3) Hành tướng giống nhau: Hành tướng của Tâm Sở và Tâm Vương giống nhau. Vì Duy Thức Học cho rằng Tâm Sở và Tâm Vương mỗi món tự biến hiện hình ảnh thuộc về Tướng Phần⁵⁰. Do vậy, chủ

⁴⁹ Tâm Vương chính là tám Thức từ Nhãn Thức cho đến A Lại Da Thức.

⁵⁰ Tướng Phần: Tướng Phần là một trong bốn phần vị trong tác dụng nhận biết của Tâm và Tâm Sở. Đó chính là hình tướng của khách thể (đối tượng được nhận thức bởi tâm), bao gồm cả bản chất và ảnh tượng (hình ảnh của một vật, một pháp được

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

trương: Hành tướng của Tâm Sở và Tâm Vương là “*trương tự*”, như khi Nhãn Thức và Tâm Sở cùng duyên theo một bức tranh sơn dầu, Tâm Vương chỉ duyên theo, giữ lấy Tổng Tướng, còn Tâm Sở thì duyên theo, giữ lấy cả Tổng Tướng lẫn Biệt Tướng.

4) Thời giống nhau: Tâm Vương và Tâm Sở sanh diệt cùng một lúc, chẳng có trước hay sau.

5) Sự giống nhau: Sự có nghĩa là thể tánh. Khá nhiều Tâm Sở và Tâm Vương tương ứng [với mỗi Tâm Sở ấy], thể tánh của Tâm Vương là một cái, còn khá nhiều Tâm Sở mỗi món cũng có một thể tánh riêng. Như các Tâm Sở tương ứng với Nhãn Thức thì thể tánh của Nhãn Thức là một cái, thể tánh của các Tâm Sở như Xúc, Tác Ý v.v... cũng là mỗi thứ có một cái [thể tánh riêng biệt].

B. Bất Tương Ứng Hành: Có những pháp hữu vi chẳng tương ứng với Tâm, lại còn chẳng nhất định dựa theo Tâm Pháp và Tâm Sở Pháp để giả lập ([các bộ số luận thường dùng từ ngữ] “*thi thiết an lập*” (施設安立) [để diễn tả điều này]), cũng có pháp nương theo Sắc pháp để giả lập thì gọi Bất Tương Ứng Hành. Chẳng hạn như danh tự (thường gọi là Danh Thân). Pháp hữu vi đều có thể có danh tự, những vật chất như cái bàn v.v... có danh tự, con người cũng có danh tự, tác dụng tâm lý cũng có danh tự. Sắc Pháp và Tâm Pháp diệt mất, danh tự vẫn tồn tại. Do nó (danh tự) chẳng tương ứng với cái tâm, bèn thuộc loại Bất Tương Ứng Hành.

Luận này nói Tâm Bất Tương Ứng Hành gồm mười bốn loại, còn Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận nói thành hai mươi bốn loại.

“*Vân hà dư tâm pháp? Vị dĩ tâm tương ứng chư Hành*” (Những tâm pháp khác là gì? Chính là các Hành tương ứng với tâm): Các tâm pháp khác, trừ Thọ và Tưởng ra, bốn mươi chín món Tâm Sở kia tương ứng với cái tâm, đều thuộc về Hành Uẩn.

Năm mươi một món Tâm Sở, chia thành sáu loại:

1) ***Biến Hành Tâm Sở:*** Biến Hành (遍行) là đầy lên hiện hữu trọn khắp. “*Thị chư tâm pháp, ngũ thị Biến Hành*” (Trong các tâm pháp ấy, có năm món là Biến Hành): Có năm Tâm Sở thuộc loại Biến

in dấu trong tâm thức). Chẳng hạn như khi ta ngắm bông hoa thì bông hoa ấy chính là Tướng Phần của Nhãn Thức (sự nhận biết sanh ra do mắt, tức là Nhãn Thức được sanh khởi do Nhãn Căn tiếp xúc với cảnh (Sắc Trần). Sắc Trần ở đây là bông hoa). Hình ảnh của bông hoa ấy in dấu trong tâm thức sẽ là Tướng Phần của Ý Thức.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Hành Tâm Sở, chính là Thọ, Tưởng, Xúc, Tác Ý và Tư. “*Thử biến nhất thiết thiện, bất thiện, vô ký tâm, cố danh Biến Hành*” (Các món ấy trọn khắp hết thấy các tâm thiện, bất thiện, vô ký, nên gọi là Biến Hành). Năm món Tâm Sở ấy trọn khắp “*tứ nhất thiết*”, cho nên gọi là Biến Hành. “*Tứ nhất thiết*” tức là:

a) Nhất thiết tánh (hết thấy tánh): Bao gồm ba tánh thiện, ác, và vô ký.

b) Nhất thiết địa (hết thấy địa vị): Trọn khắp tam giới, cửu địa. Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Cửu địa là Ngũ Thú Tạp Cư Địa, Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, Định Sanh Hỷ Lạc Địa, Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, Xả Niệm Thanh Tịnh Địa, Không Vô Biên Xứ Địa, Thức Vô Biên Xứ Địa, Vô Sở Hữu Xứ Địa, và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Địa⁵¹.

c) Nhất thiết thời (hết thấy thời): Chung khắp các địa vị hữu lậu, và địa vị vô lậu, [sẽ đều là] sáu Thức sanh, sáu Thức diệt bất luận thời gian nào.

d) Nhất thiết tâm: [Biến Hành Tâm Sở tồn tại] nơi tám thức, và cũng tương ứng với các Tâm Sở.

2) ***Biệt Cảnh Tâm Sở***: “*Ngũ thị Biệt Cảnh. Thử ngũ, nhất nhất v sai biệt cảnh, triển chuyển quyết định, tánh bất tương ly. Thị trung hữu nhất, tất hữu nhất thiết*” (Năm món là Biệt Cảnh. Năm món ấy, mỗi món trong cảnh sai khác, lần lượt quyết định, tánh chẳng trái lìa. Hễ trong ấy có một món, ắt có hết thấy các món): Dục, Thắng Giải, Niệm, Tam-ma-địa, Huệ, năm món Tâm Sở ấy là Biệt Cảnh Tâm Sở, do chúng duyên theo các cảnh giới khác biệt. Cảnh được duyên của Dục chính là chuyện đáng yêu thích (cảnh được yêu thích). Cảnh được duyên bởi Thắng Giải là cảnh quyết định. Cảnh được duyên bởi Niệm là cảnh đã từng quen thuộc (tăng tập cảnh). Cảnh để duyên của Tam-ma-địa và Huệ là sự được quán (Sở Quán Cảnh). Theo như luận này nói: Hễ có một Tâm Sở [thuộc Biệt Cảnh], sẽ có bốn món Tâm Sở khác [của Biệt Cảnh Tâm Sở], món này và món kia chẳng tách lìa. Nói theo Thành Duy Thức Luận, năm món Tâm Sở ấy có lúc sanh khởi toàn bộ, có lúc sanh khởi hoặc bốn món, hoặc ba món, hoặc hai món, hoặc một món. Có khi toàn bộ chẳng sanh khởi.

⁵¹ Ngũ Thú Tạp Cư Địa (năm đường sống chung lẫn lộn, tức là trời, người, A Tu La, ngạ quỷ, súc sanh), hiểu theo nghĩa hẹp thì chính là Dục Giới, các địa còn lại tương ứng với trình độ tu chứng Tứ Thiên Bát Định.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

3) ***Thiện Tâm Sở***: “*Thập nhất vi thiện*” (Mười một món là Thiện Tâm Sở). Mười một món Tâm Sở như Tín, Tàm, Quý v.v... là Thiện Tâm Sở. “*Thiện*” tức là pháp phù hợp chánh lý, có thể thuận thảo, lợi ích cả ta lẫn người, đời này và đời khác.

4) ***Căn Bản Phiền Nã Tâm Sở***: “*Lục vi phiền nã*” (Sáu món là phiền nã). Sáu món Tâm Sở như Tham, Sân v.v... là Căn Bản Phiền Nã. Phiền Nã là tác dụng tâm lý gây nên phiền phức, nã loạn thân tâm, khiến cho thân tâm chẳng tịch tĩnh, như đứng ngồi chẳng yên, ăn chẳng nổi, ngủ chẳng được!

5) ***Tùy Phiền Nã Tâm Sở***: “*Dư thị Tùy Phiền Nã*” (Những món còn lại là Tùy Phiền Nã). Hai mươi Tâm Sở như Phẫn, Hận v.v... là Tùy Phiền Nã, tức là những phiền nã thuận theo Căn Bản Phiền Nã mà sanh khởi,

6) ***Bất Định Tâm Sở***: “*Tứ vi Bất Định*” (Bốn món là Bất Định). Bốn món Tâm Sở như Ác Tác, Thùy Miên, Tâm, và Tứ là Bất Định Tâm Sở. “*Thử Bất Định tứ, phi chánh, tùy phiền nã, dĩ thông thiện cập vô ký tánh cố*” (Bốn món Bất Định ấy chẳng phải là chánh phiền nã, hay tùy phiền nã, do có tánh thiện lẫn tánh vô ký): Bất Định Tâm Sở chỉ bao gồm hết thảy các tánh. Do vậy, chúng chẳng phải là Biến Hành Tâm Sở, chẳng phải là Biệt Cảnh Tâm Sở, chẳng phải là Thiện Tâm Sở, chẳng phải là Căn Bản Phiền Nã (chánh phiền nã), cũng chẳng phải là Tùy Phiền Nã. Vì thế, lập riêng [một danh xưng] là Bất Định Tâm Sở.

“*Xúc đẳng thể tánh cập nghiệp, ưng đương giải thích*” (Thể tánh và nghiệp của những món Tâm Sở như Xúc v.v... hãy nên giải thích): Thể tánh và nghiệp dụng của bốn mươi chín Tâm Sở từ Xúc cho đến Tứ hãy nên giải thích. Vì sao cần phải biết thể tánh và nghiệp dụng của những Tâm Sở ấy? Hiểu rõ thể tánh và nghiệp dụng của Tâm Sở, sẽ có thể nhận biết Tâm Sở của chính mình. Tiến hơn bước nữa là chế phục, diệt trừ những Tâm Sở bất thiện, tăng trưởng Thiện Tâm Sở.

1.1.2.4.2. Giải thích riêng biệt từng điều một (chia làm hai phần)

1.1.2.4.2.1. Tâm Sở Pháp (chia thành sáu phần)

1.1.2.4.2.1.1. Biến Hành Tâm Sở (chia thành ba phần)

1.1.2.4.2.1.1.1. Xúc

(Luận) Vân hà Xúc? Vị tam hòa hợp, phân biệt vi tánh. Tam hòa, vị Nhãn, Sắc, Thức như thị đẳng. Thử chư hòa hợp, tâm, tâm

pháp sanh, cố danh vi Xúc, dữ Thọ sở y vi nghiệp.

(論)云何觸？謂三和合。分別為性。三和。謂眼色識。如是等。此諸和合心心法生故名為觸。與受所依為業。

(Luận: Xúc là như thế nào? Chính là ba thứ hòa hợp, có tánh chất phân biệt. Ba thứ hòa hợp chính là Nhãn, Sắc và Thức như thế đó. Các thứ ấy hòa hợp, tâm và tâm pháp bèn sanh, nên gọi là Xúc, có nghiệp dụng là làm chỗ nương tựa cho Thọ).

“Vấn hà Xúc? Vị tam hòa hợp, phân biệt vi tánh”, [nghĩa là] Xúc dùng ba thứ hòa hợp, có thể tánh phân biệt. “Tam hòa, vị Nhãn, Sắc, Thức như thị đẳng. Thứ chư hòa hợp, tâm, tâm pháp sanh, cố danh vi Xúc” [ý nói]: Như Nhãn Căn giữ lấy Sắc cảnh, Nhãn Thức bèn sanh khởi. Ba thứ Nhãn Căn, Sắc cảnh và Nhãn Thức hòa hợp, cũng có những Tâm Sở tương ứng với Nhãn Thức. Cũng giống như vậy Nhĩ Căn giữ lấy Thanh cảnh, sanh khởi Nhĩ Thức... Ý Căn giữ lấy Pháp cảnh, sanh khởi Ý Thức. Ý Căn, Pháp cảnh và Ý Thức ba thứ hòa hợp, cũng có những Tâm Sở tương ứng với Ý Thức.

“Phân biệt vi tánh” (Có thể tánh phân biệt): “Phân biệt” là tiếp nhận từ ba thứ Căn, Cảnh và Thức hòa hợp mà sanh khởi công dụng của Tâm và Tâm Sở. Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Xúc Tâm Sở như sau: “Xúc, vị tam hòa, phân biệt, biến dị, linh tâm, tâm sở xúc cảnh vi tánh. Thọ, Tướng, Tư đẳng, sở y vi nghiệp” (Xúc là ba thứ hòa hợp, phân biệt, đối khác. Nó có tánh chất khiến cho tâm và Tâm Sở tiếp xúc cảnh. Nghiệp dụng của nó là làm chỗ nương tựa cho Thọ, Tướng, Tư v.v...) “Biến dị” (Đối khác) tức là ba thứ hòa hợp sanh ra tâm và Tâm Sở, so với khi chúng chưa hòa hợp thì có sự đối khác, chẳng giống nhau.

Sáu căn tiếp nhận sáu cảnh, sanh ra sáu Thức (Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức). Do vậy, Xúc cũng có thể chia thành sáu loại: Xúc tương ứng với Nhãn Thức, Xúc tương ứng với Nhĩ Thức, Xúc tương ứng với Ty Thức, Xúc tương ứng với Thiệt Thức, Xúc tương ứng với Thân Thức, và Xúc tương ứng với Ý Thức.

“Dữ Thọ sở y vi nghiệp” (Có nghiệp dụng làm chỗ nương tựa cho Thọ): Nghiệp dụng của Xúc là làm chỗ nương tựa cho sự hoạt động của Thọ, tức là Thọ nương vào Xúc mà sanh khởi. Đây là nói theo mối quan hệ chủ yếu, như trong Thập Nhị Duyên Khởi đã có nói: “Xúc

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ”. Thật ra, còn có những Tâm Sở khác nương vào Xúc để sanh khởi. Vì thế, Thành Duy Thức Luận nói: “*Có nghiệp dụng làm chỗ nương dựa cho Thọ, Tướng, Tư v.v...*”

Xúc lại có thể chia thành ba loại lớn: Một là hợp ý Xúc, hai là chẳng hợp ý Xúc, ba là chẳng hợp ý, chẳng không hợp ý Xúc. “*Hợp ý Xúc*” là Xúc thuận hợp với sinh lý (Ngũ Căn) và Ý Thức. Thọ nương vào hợp ý Xúc mà sanh khởi sẽ là Lạc Thọ và Hỷ Thọ. Cũng giống như vậy, Thọ do nương vào “*chẳng hợp ý Xúc*” mà sanh khởi Khổ Thọ và Ưu Thọ. Thọ do nương vào “*chẳng hợp ý, chẳng không hợp ý Xúc*” mà sanh khởi thì là Xả Thọ.

Có những người trong lúc Khổ Thọ và Ưu Thọ sanh khởi, bèn sanh khởi lòng chán ghét, sân hận; nếu tăng mạnh hơn, sẽ trở thành phá hoại, hủy diệt chính mình, cũng như những hữu tình hoặc vật dụng khác. Trong lúc Lạc Thọ và Hỷ Thọ sanh khởi, bèn sanh khởi cái tâm tham đắm, lại tăng mạnh sâu đậm hơn sự đắm nhiễm đối với chính mình, các hữu tình, hoặc vật phẩm khác.

Xúc và Thọ là Biến Hành Tâm Sở, đồng thời sanh diệt. Tu học Phật pháp, có lúc chú trọng nói: Quán chiếu Thọ là vô thường, vô ngã, có chánh niệm, chánh tri, sẽ chẳng chấp trước Lạc Thọ, Khổ Thọ mà sanh khởi các phiền não như tham ái hay sân hận v.v... Có lúc chú trọng nói: Quán chiếu Xúc là vô thường, vô ngã. Hễ có chánh niệm, chánh tri, cũng sẽ chẳng chấp trước hợp ý Xúc, chẳng hợp ý Xúc để rồi sanh khởi các phiền não tham ái, sân hận v.v... Xúc sanh khởi đồng thời với trí huệ thì gọi là “*minh tương ứng Xúc*” (Xúc tương ứng với sự sáng suốt). Trong cuộc sống thường ngày, bậc thánh giả A La Hán do trong lúc sáu món Xúc sanh khởi, bèn có vô lậu trí huệ, cho nên chẳng sanh khởi các phiền não tham ái, sân hận v.v... Ngược lại, phàm phu là “*Xúc tương ứng với vô minh*”, duyên theo hữu lậu Thọ, hữu lậu Thọ duyên các phiền não như Ái v.v... [Vì thế], tiếp tục luân hồi trong sanh tử.

1.1.2.4.2.1.1.2. Tác Ý

(Luận) Vân hà Tác Ý? Vị linh tâm phát ngộ vi tánh, linh tâm, tâm pháp hiện hành cảnh động, thị ức niệm nghĩa, nhậm trì phan duyên tâm vi nghiệp.

(論)云何作意？謂令心發悟為性。令心心法現前警動

◦ 是憶念義任持攀緣心為業。

(*Luận*: Tác Ý là như thế nào? Chính là có tánh chất khiến cho tâm phát khởi sự giác ngộ, khiến cho tâm và tâm pháp hiện tiền cảnh giác, phát động. Đó là ý nghĩa “ức niệm”. [*Tác Ý*] có nghiệp dụng duy trì cái tâm phan duyên).

Thề tánh của Tác Ý là “*linh tâm phát ngộ*”, tức là cảnh giác, phát động Tâm và Tâm Sở, khiến cho Tâm và Tâm Sở giác ngộ, buộc chặt ý niệm nơi cảnh giới. “*Úc niệm*” ở đây không phải là nhớ lại những chuyện trước kia, mà là buộc chặt ý niệm nơi cảnh giới.

Có thể nói Tác Ý là “*chú ý*”, nhưng chẳng phải là chuyên chú nhất tâm. Như ưa thích một vật phẩm nào đó, sẽ đặc biệt chú ý nó, tâm sẽ bị nó thu hút, hấp dẫn. Như tiếng pháo nổ quá to, cảnh giới rất rõ rệt, tâm sẽ bị tiếng pháo nổ lôi cuốn. Thiên Đại Học trong sách Lễ Ký có nói: “*Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn*” (Tâm chẳng chú ý thì nhìn mà chẳng thấy, nghe mà chẳng hiểu). Chẳng chú ý tới Sắc cảnh hiện tiền hoặc Thanh cảnh hiện tiền, sẽ chẳng sanh khởi Nhãn Thức hoặc Nhĩ Thức, mà cũng chẳng thấy Sắc cảnh, hoặc nghe thấy Thanh cảnh. Như khi nhà khoa học chuyên tâm làm thí nghiệm, sẽ chẳng chú ý chuyện bên cạnh mình, cũng chẳng biết bên cạnh mình đã phát sanh chuyện gì. Như khi dùng bữa, quá chuyên tâm vào TV, sẽ là “*ăn mà chẳng biết vị*”.

Nghiệp dụng của Tác Ý là “*nhậm trì phan duyên tâm*” (duy trì cái tâm phan duyên), có thể nhiếp trì cảnh giới được phan duyên (nắm níu) bởi tâm và Tâm Sở. “*Nhậm trì*” (任持) có nghĩa là có thể đảm nhận sự nhiếp trì. “*Phan duyên*” (攀緣) là tác dụng nắm níu cảnh giới (đối tượng) của Tâm và Tâm Sở. Tâm và Tâm Sở là năng duyên (chủ thể để duyên)⁵², cảnh giới được phan duyên thì là sở duyên (đối tượng được duyên).

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Tác Ý Tâm Sở như sau: “*Tác Ý, vị năng cảnh tâm vi tánh, u sở duyên cảnh dẫn tâm vi nghiệp*” (Tác Ý có nghĩa lấy cái tâm có thể cảnh giác làm tánh, có

⁵² Chữ “duyên” ở đây được dùng theo nghĩa tiếp xúc, tương tác. Chẳng hạn như khi Nhãn Căn nhìn bông hoa thì Duy Thức học thường nói là Nhãn Căn duyên theo cái bông hoa ấy. Cái gì có tác dụng nhìn bông hoa? Chính là Nhãn Căn. Nhãn Căn làm chủ thể “duyên” theo bông hoa, nên gọi là Năng Duyên. Bông hoa là đối tượng của Nhãn Thức, nên gọi là Sở Duyên.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

nghiệp dụng đối với cảnh được duyên bèn dần khởi cái tâm). [Ý nói] Tác Ý có thể đánh động, thúc đẩy Tâm và Tâm Sở. Tiến hơn bước nữa, Tác Ý có thể lôi kéo Tâm và Tâm Sở phan duyên cái cảnh được duyên. Tác Ý giống như người đặc biệt dễ đánh thức. Đang ngủ vào ban đêm, hễ có chút xao động gì đó, người ấy ngay lập tức tỉnh giấc, lại còn đánh thức người khác để cùng nhau xử lý tình huống.

Nói theo phía tu hành, Tác Ý mang tánh chất thiện mà sanh khởi thì cũng có thể dẫn dắt những thiện Tâm Sở khác sanh khởi. Như thế nào thì mới có thể khiến cho Tác Ý mang tánh chất thiện sanh khởi? Du Già Sư Địa Luận đã nói bốn thứ lực khiến cho Tác Ý sanh khởi:

1. Do dục lực: Đối với cảnh được duyên, tâm có sự yêu chuộng (ước mong). Đối với điều ấy, cái tâm thường dễ sanh khởi Tác Ý.

2. Do niệm lực: Đối với cảnh được duyên, đã từng ghi nhớ sâu đậm. Khi duyên lấy cảnh tượng hết sức quen thuộc, đối với điều ấy, cái tâm thường dễ sanh khởi sự Tác Ý.

3. Do cảnh giới lực: Cảnh giới hết sức rộng lớn, đặc biệt rõ rệt. Đối với cảnh giới ấy, tột bậc yêu chuộng. Khi cảnh giới ấy hiển hiện trước mặt, tâm sẽ hết sức dễ sanh khởi sự Tác Ý đối với cảnh giới ấy.

4. Do sở tập lực (sức mạnh của sự quen thuộc do đã từng làm nhiều lần): Đối với cảnh được duyên, do đã từng huân tập hết sức nhiều lần, [cảnh ấy] đã trở thành hết sức quen thuộc. Đối với chuyện ấy, tâm thường dễ dàng sanh khởi Tác Ý.

Vì thế, tu hành mà nếu nắm vững bốn thứ lực ấy, Tác Ý mang tánh chất thiện sẽ thường sanh khởi rất dễ dàng.

1.1.2.4.2.1.1.3. Tư

(Luận) Vân hà Tư? Vị u công đức, quá thất, cập dĩ câu phi, linh tâm tạo tác ý nghiệp vi tánh. Thử tánh nhược hữu, thức phan duyên dụng, tức hiện tại tiền, do như từ thạch dẫn thiết linh động, năng thôi thiện, bất thiện, vô ký tâm vi nghiệp.

(論)云何思？謂於功德過失。及以俱非。令心造作意業為性。此性若有。識攀緣用。即現在前。猶如磁石引鐵令動。能推善不善無記心為業。

(Luận: Tư là như thế nào? Chính là đối với công đức, làm lỗi, hay đều chẳng phải (tức là chẳng phải là công đức, mà cũng chẳng phải làm lỗi), nó có tánh chất khiến cho cái tâm tạo tác ý nghiệp. Nếu

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

có tánh ấy, Thức nắm níu Dụng, sẽ bèn hiện tiền, giống như đá nam châm hút sắt khiến cho sắt chuyển động, có nghiệp dụng có thể phát động cái tâm thiện, bất thiện, và vô ký).

Thể tánh của Tư Tâm Sở là “*ư công đức, quá thất, cập dĩ câu phi, linh tâm tạo tác ý nghiệp*” [nghĩa là] khiến cho Tâm và Tâm Sở đối ứng với cảnh giới công đức hay lỗi lầm, cũng như đối với “*câu phi*” (đều là Không, tức là chẳng có công đức, mà cũng chẳng có lầm lỗi) bèn sanh khởi hành vi Ý Thức (ý nghiệp) có tánh chất thiện, ác, hay vô ký. Nghiệp có nghĩa là “*tạo tác, thực hiện*”. Nghiệp có thể chia thành ba loại: Thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp (hành vi nơi thân thể, ngôn ngữ, và ý thức). Đã có ý nghiệp thì mới thúc đẩy thân nghiệp và khẩu nghiệp. Chẳng có ý nghiệp, thân và khẩu sẽ chẳng chủ động tạo nghiệp.

Khi Tư Tâm Sở tiếp xúc cảnh giới, nó sẽ chủ động chọn lựa hành động thích ứng với cảnh giới. Chẳng hạn như có người tán thán hoặc phê bình kẻ nào đó, kẻ đó sẽ chủ động chọn lựa hành động để đáp trả, hoặc là cảm tạ đối phương, hoặc là khinh thường đối phương, hoặc chẳng thèm quan tâm đối phương.

Tư Tâm Sở có cả ba tánh:

- 1) Tư mang tánh chất thiện, sẽ tạo tác thiện pháp công đức.
- 2) Tư mang tánh chất ác, sẽ tạo tác ác pháp lầm lỗi.
- 3) Tư mang tánh chất vô ký, sẽ tạo tác pháp vô ký câu phi (chẳng phải là công đức mà cũng chẳng phải là lầm lỗi).

“Thử tánh nhược hữ, Thức phan duyên Dụng, tức hiện tại tiền, do như từ thạch dẫn thiết linh động” [nghĩa là] hễ có Tư Tâm Sở, tác dụng tâm thức duyên theo cảnh giới sẽ ngay lập tức hiện tiền, giống như đá nam châm hút sắt, khiến cho sắt bị lay động.

“Năng thôi thiện, bất thiện, vô ký tâm vi nghiệp” (Có nghiệp dụng thúc đẩy cái tâm thiện, bất thiện, hay vô ký): Nghiệp dụng của Tư Tâm Sở có thể thúc đẩy thiện tâm tạo tác thiện nghiệp, hoặc thúc đẩy cái tâm bất thiện tạo tác nghiệp bất thiện, hoặc thúc đẩy cái tâm vô ký tạo tác nghiệp vô ký.

Thành Duy Thức Luận đã nói rõ về Tư Tâm Sở như sau: *“Tu vị linh tâm tạo tác vi tánh, ư thiện phẩm đẳng dịch tâm vi nghiệp”* (Tư có tánh chất khiến cho cái tâm tạo tác, có nghiệp dụng sai sử cái tâm tạo tác nơi các điều thiện v.v...), [ý nói]: Thể tánh của Tư Tâm Sở là khiến cho cái tâm và Tâm Sở tạo tác. Nghiệp dụng của nó là sai khiến tâm và

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Tâm Sở tạo tác thân, ngữ, ý nghiệp thuộc ba tánh (thiện, ác, vô ký). Tu Tâm Sở là Biến Hành Tâm Sở, bất cứ lúc nào có tâm thức thì sẽ có Tu. Dựa theo các tình huống khác nhau, sẽ đặt ra ba loại danh xưng khác nhau:

1) Thẩm Lự Tư (審慮思): Tức là Tư khi nội tâm trừ tính, cân nhắc chuyên này nên làm, hay không nên làm.

2) Quyết Định Tư (決定思): Tức là Tư sau khi đã suy tính kỹ càng, bèn đạt được một quyết định.

3) Động Phát Thắng Tư (動發勝思): Tức là Tư sau khi quyết định, bèn đồng thời phát khởi thân nghiệp và ngữ nghiệp.

1.1.2.4.2.1.2. Biệt Cảnh Tâm Sở (chia làm năm phần)

1.1.2.4.2.1.2.1. Dục

(Luận) Vân hà Dục? Vị u khả ái nhạo sự, hy vọng vi tánh. Ái nhạo sự giả, sở vị khả ái kiến, văn đẳng sự. Thị nguyện nhạo hy cầu chi nghĩa, năng dữ Tinh Tấn sở y vi nghiệp.

(論)云何欲？謂於可愛樂事。希望為性。愛樂事者。所謂可愛見聞等事。是願樂希求之義能與精進所依為業。

(Luận: Dục là như thế nào? Có nghĩa là đối với sự đáng yêu mến, bèn có tánh chất mong mỏi. “Sự đáng yêu mến” là nói tới những chuyện thấy nghe đáng yêu mến v.v... mang ý nghĩa “vui thích, mong cầu”. Nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ cho Tinh Tấn).

Thê tánh của Dục là “*u khả ái nhạo sự, hy vọng vi tánh*”, tức là đối với chuyện đáng yêu, đáng ưa, bèn hy vọng sẽ đạt được.

“*Ái nhạo sự giả, sở vị khả ái kiến, văn đẳng sự*” (“Sự đáng yêu thích” chính là nói những chuyện thấy nghe bèn [cảm thấy] đáng yêu). Chuyện đáng yêu thích là những thứ lục trần (sáu thứ cảnh giới) tốt đẹp như cảnh sắc, âm thanh, mùi hương, vị, chất liệu, quan niệm tốt đẹp v.v... Vì sao thêm chữ Đẳng (等)? Tác dụng nhận biết rành rẽ của Nhãn Thức gọi là Kiến (thấy), tác dụng nhận biết rành rẽ của Nhĩ Thức được gọi là Văn (nghe). Do vậy chữ Đẳng là nói đến “(ngửi, nếm) hay, biết”, tức là tác dụng nhận biết rành rẽ của Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức.

“*Thị nguyện nhạo hy cầu chi nghĩa*” (Có nghĩa là vui thích, mong muốn): Đây là giải thích chữ “*hy vọng*”. Đối với cảnh giới đáng

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

yêu, bèn sanh khởi nguyện vọng yêu thích, hy vọng trong tương lai sẽ có thể đạt được [nguyện ấy].

Dục Tâm Sở bao gồm tánh thiện, tánh ác, và tánh vô ký. Chẳng hạn như hy vọng trong tương lai sẽ liễu sanh thoát tử, hoặc viên thành Phật đạo. Đây là Dục có tánh chất thiện (thiện pháp dục, chánh nguyện). Hy vọng trong tương lai sẽ trở thành vua cờ bạc, đây là Dục mang tánh chất ác, tương ứng với phiền não. Hy vọng trong tương lai sẽ trở thành nghệ sĩ dương cầm mà nếu chẳng thể phân định rành rẽ là tánh thiện hay tánh ác, đây là Dục mang tánh chất vô ký. “*Dục vi nhất thiết pháp bản*” (Dục là cái gốc của hết thảy các pháp). Dục tâm đối ứng với thiện sự, ác sự, và vô ký sự đều rất quan trọng. Vì có Dục Tâm Sở thì mới có thể nỗ lực đạt thành nguyện vọng.

Nghiệp dụng của Dục là “*năng dữ tinh tấn sở y vi nghiệp*”, [ý nói] nó có thể dẫn khởi sự tinh tấn. Vì tinh tấn là thiện pháp, cho nên điều này là nói về nghiệp dụng của thiện pháp Dục.

Thành Duy Thức Luận đã nói về Dục Tâm Sở như sau: “*Vân hà vi Dục? Ư sở nhạo cảnh, hy vọng vi tánh, cần y vi nghiệp*” (Dục là như thế nào? Đối với cảnh vui thích thì có tánh chất mong mỏi, nghiệp dụng [của Dục] là làm chỗ nương dựa cho sự siêng năng). Thê tánh của Dục là đối với các cảnh giới yêu thích, sẽ mong mỏi đạt được trong tương lai. Nghiệp dụng của Dục là làm chỗ nương tựa cho sự siêng năng [năng, cố] gắng, phấn chấn.

“*Tín vi Dục y, Dục vi Cần (tinh tấn) y*” (Dục nương tựa vào Tín, Cần (Tinh Tấn) nương tựa Dục). Nói theo nghĩa rộng, tín thuận và siêng năng phấn chấn có cả ba tánh. Tín thuận là cái để dục nguyện (mong mỏi, ước ao) nương vào. Dục nguyện là cái để sự siêng năng phấn chấn nương vào. Nói theo thiện tánh, Tịnh Tín là chỗ nương tựa của Chánh Nguyện, Chánh Nguyện là chỗ nương tựa của Tinh Tấn. Tinh Tấn nương cậy Chánh Nguyện thì mới có thể sanh khởi. Chánh Nguyện nương vào Tịnh Tín thì mới có thể sanh khởi. Nói theo tánh ác, thì chẳng hạn có người tín thuận, cho rằng “làm vua cờ bạc rất vĩ đại”, sẽ phát nguyện trong tương lai trở thành vua cờ bạc, sẽ siêng năng mạnh mẽ luyện tập kỹ xảo cờ bạc. Siêng năng mạnh mẽ làm chuyện ác thì chẳng phải là tinh tấn, mà là giải đãi. Nói theo tánh vô ký, thì có người tín thuận, cho rằng “nghệ sĩ dương cầm rất vĩ đại”, sẽ phát nguyện trong tương lai trở thành nghệ sĩ dương cầm, sẽ siêng năng mạnh mẽ luyện tập ngón đàn dương cầm.

Nếu nghiên cứu sâu hơn nữa, [sẽ thấy] Thắng Giải là chỗ nương

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

tựa của Tín Thuận. Thắng Giải cũng có cả ba tánh. Lại dùng pháp môn Tịnh Độ để làm thí dụ. Đối với Sự và Lý của pháp môn Tịnh Độ mà có sự thấu hiểu sâu đậm (thiện tánh thắng giải), chẳng hoài nghi, sẽ dẫn đến sanh khởi tín tâm chân thật (Tín), sẽ dẫn khởi chánh nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc (đó là Dục (ham muốn, mong ước) mang tánh chất thiện, chán nhàm Sa Bà, ưa cầu Cực Lạc). Vì để thỏa mãn chánh nguyện, sẽ siêng năng, sốt sắng tu hành pháp môn Tịnh Độ (đấy là Tinh Tấn). Do điều này có thể suy luận: Chẳng tinh tấn tu hành pháp môn Tịnh Độ, tức là biểu thị [kẻ ấy] chẳng có chánh nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc! Vì sao chẳng có chánh nguyện? Vì chẳng có tịnh tín (lòng tin thanh tịnh) đối với pháp môn Tịnh Độ. Vì sao chẳng có tịnh tín? Vì chẳng có thắng giải đối với pháp môn Tịnh Độ.

Lại nêu lên một thí dụ để mọi người có thể lãnh hội sâu đậm: Người nào đó mắc bệnh nghiêm trọng, nghe nói bác sĩ nọ chuyên môn chữa trị chứng bệnh ấy. Nêu kẻ đó lý giải sâu xa y thuật của vị bác sĩ đó, chẳng hoài nghi, hết sức tin tưởng (tức là thắng giải, tín thuận), kẻ ấy sẽ hy vọng được vị bác sĩ đó trị bệnh (Dục), mà cũng sẽ ngay lập tức tìm kiếm vị bác sĩ ấy, thật thà uống thuốc theo đúng sự chỉ dạy của viên bác sĩ (đấy là siêng năng, sốt sắng).

1.1.2.4.2.1.2.2. Thắng Giải

(Luận) Vân hà Thắng Giải? Vị u quyết định cảnh, như sở liễu tri, ẩn khả vi tánh. Quyết định cảnh giả, vị u Ngũ Uẩn đẳng, như Nhật Thân thuyết: “Sắc như tụ mật, Thọ như thủy bào, Tưởng như dương viêm, Hành như ba tiêu, Thức như huyễn cảnh”. Như thị quyết định, hoặc như chư pháp sở trụ tự tướng, vị tức như thị nhi sanh quyết định. Ngôn quyết định giả, tức ẩn trì nghĩa. Dư vô dẫn chuyển vi nghiệp, thử tăng thắng cố, dư sở bất năng dẫn.

(論)云何勝解？謂於決定境。如所了知。印可為性。決定境者。謂於五蘊等。如日親說。色如聚沫。受如水泡。想如陽炎。行如芭蕉。識如幻境。如是決定。或如諸法所住自相。謂即如是而生決定。言決定者即印持義。餘無引轉為業。此增勝故。餘所不能引。

(Luận: Thắng Giải là như thế nào? Chính là có tánh chất đối với cảnh quyết định, bền hiểu biết đúng mực mà chấp thuận. “Cảnh quyết

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

định” là nói tới Ngũ Uẩn v.v... như Phật Thích Ca đã nói: “Sắc như bọt nước đọng, Thọ như bong bóng nước, Tưởng như ảo ảnh khi trời nắng gắt, Hành như cây chuối, Thức như huyễn cảnh”. Quyết định như thế, hoặc là đối với tự tướng mà các pháp đang an trụ bèn do như vậy mà sanh lòng quyết định. Nói “quyết định” tức là theo ý nghĩa “án khả, kiên trì”, chẳng bị những nghiệp khác lôi kéo, xoay chuyển. Do [Thắng Giải] là tăng thắng, những pháp khác chẳng thể dẫn dụ nó được).

Thê tánh của Thắng Giải “*ư quyết định cảnh, như sở liễu tri, án khả vi tánh*” [tức là] đối với cảnh được duyên, đối với sự việc và đạo lý mà người ấy đã lý giải, bèn thông hiểu kiên quyết, xác định, ấn chứng, chấp nhận, chẳng hoài nghi, chẳng mê hoặc. Nghiệp dụng của Thắng Giải “*du vô dẫn chuyển vi nghiệp*”, [tức là] những thứ kiến giải khác chẳng thể lôi kéo, chuyển biến nó. Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh Thắng Giải Tâm Sở cũng giống như thế.

“*Ngôn quyết định giả, tức án trì nghĩa*” [ý nói] quyết định là án khả (dứt khoát chấp nhận), kiên trì. “*Quyết định cảnh*” chính là cảnh giới đã ấn chứng, chấp nhận bởi sự thấu hiểu kiên quyết, xác định.

Thắng Giải có cả ba tánh chất thiện, ác, và vô ký. Đối với Sự và Lý chánh xác, bèn có sự lý giải sâu đậm, chẳng có nghi hoặc, thì là Thắng Giải có tánh chất thiện. Đối với sự lý điên đảo, bèn lý giải sâu đậm, chẳng có nghi hoặc, thì là Thắng Giải mang tánh chất ác. Đối với hết thảy những đạo lý chẳng dính dáng đến đạo đức bèn lý giải sâu đậm, chẳng có nghi hoặc, thì là Thắng Giải có tánh chất vô ký.

“*U Ngũ Uẩn đẳng, như Nhật Thân thuyết*” (Đối với các thứ như Ngũ Uẩn v.v... thì như Phật Thích Ca đã nói): Tức là [nói đến] sự thuyết minh của Thích Ca Mâu Ni Phật đối với Ngũ Uẩn, Thập Nhị Xứ, và Thập Bát Giới. “*Nhật Thân*” tức là thân thuộc của Nhật tộc (dòng họ mặt trời), ở đây là nói tới Thích Ca Mâu Ni Phật. Theo truyền thuyết, thị tộc Thích Ca thuộc về Nhật tộc.

“*Sắc như tụ mật, Thọ như thủy bào, Tưởng như dương viêm, Hành như ba tiêu, Thức như huyễn cảnh*” là như kinh Tạp A Hàm đã nói [các tỷ dụ]. “*Sắc như tụ mật*”: Sắc Uẩn như bọt nước tích tụ lại, phá hoại dễ dàng, biểu thị Sắc Uẩn là vô thường. “*Thọ như thủy bào*”: Thọ Uẩn như bong bóng nước. Khi trời mưa, trên mặt đất nổi bong bóng, cũng dễ bị phá hoại, biểu thị Thọ Uẩn là vô thường. “*Tưởng như dương viêm (diệm)*”: “*Dương viêm*” (陽炎, có khi viết là dương diệm,

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

陽燄) là hơi nước từ trên đường sá bốc lên, nhìn từ xa giống như hồ nước gợn sóng lăn tăn, thật ra chẳng có nước. Dương Viêm còn được dịch là Lộc Ái (鹿愛, nai yêu mến): Nai khát nước, trông thấy Dương Viêm tưởng là nước, nó chạy tới muốn uống nước, nhưng chẳng có nước. Điều này biểu thị Tướng Uẩn chẳng chân thật, vô ngã. “*Hành như ba tiêu*”: Lộ cây chuối từng tầng một, chính giữa rỗng tuếch, chẳng có cái lõi thật sự. Điều này biểu thị Hành Uẩn chẳng chân thật, vô ngã. “*Thức như huyền cảnh*”: Huyền cảnh là như nhà ảo thuật cầm một chiếc khăn tay, biến nó thành một con bò câu, đại chúng cho rằng bò câu thật sự từ không mà thành có. Thật ra, trước đó, họ đã ẩn giấu chim bò câu, dùng cách thức “mà mắt” khiến cho khán giả ngỡ bò câu thật sự được biến ra. Điều này biểu thị Thức Uẩn chẳng chân thật, vô ngã. “*Như thị quyết định*” (Quyết định như thế): Giống như đức Phật đã giảng rõ về Ngũ Uẩn, phải kiên quyết thông hiểu, xác định “*Ngũ Uẩn sanh diệt trong từng sát-na, là hư vọng, chẳng chân thật, là vô thường, là vô ngã*”.

“*Hoặc như chư pháp sở trụ tự tướng, vị tức như thị nhi sanh quyết định*”: (Hoặc là đối với tự tướng mà các pháp đang an trụ, bèn do như vậy mà sanh quyết định): [Ý nói] hoặc là giống như đối với tự tướng mà các pháp đang an trụ, bèn sanh khởi sự thông hiểu kiên quyết, xác định. Như tự tướng của Địa Đại (đặc tánh của tự pháp) là tánh cứng, chẳng giống các pháp khác. Mỗi pháp đều có tự tướng riêng của nó, chẳng thể lẫn lộn được!

Vì sao có Thắng Giải thì những kiến giải khác chẳng thể lôi kéo, chuyển biến? “*Dĩ tăng thắng cố, dư sở bất năng dẫn*” (Do nó tăng mạnh, những thứ khác chẳng thể dẫn dắt nó): Vì sức của Thắng Giải rất mạnh, cho nên những kiến giải khác chẳng thể lôi kéo, chuyển biến. Học tập Phật pháp, hễ đã có Thắng Giải chánh xác, đối với bất luận đạo lý nào do người khác hay ngoại đạo nói, hoặc họ dùng nhiều cách uy hiếp, hay dùng lợi lộc để dẫn dụ, vẫn chẳng thể chuyển biến kiến giải xác định của chính mình.

1.1.2.4.2.1.2.3. Niệm

(Luận) Vân hà Niệm? Vị u quán tập sự, tâm bất vong thất, minh ký vi tánh. Quán tập sự giả, vị tăng sở tập hành, dữ bất tán loạn sở y vi nghiệp.

(論)云何念？謂於慣習事。心不忘失。明記為性。慣習事者。謂曾所習行。與不散亂所依為業。

(Luận: Niệm là như thế nào? Tánh của nó là đối với chuyện đã quen thực hiện, tâm chẳng quên mất, ghi nhớ rõ ràng. “Chuyện đã quen thực hiện” là chuyện đã từng quen làm. [Niệm Tâm Sở] có nghiệp dụng làm chỗ nương tựa cho Bất Tán Loạn).

Thê tánh của Niệm “*ư quán tập sự, tâm bất vong thất, minh ký vi tánh*”, [tức là] đối với những chuyện đã từng trải trước kia, sẽ có thể nhớ rõ ràng, chẳng quên mất. Nghiệp dụng của Niệm là “*dữ Bất Tán Loạn sở y vi nghiệp*”, [tức là] làm chỗ nương cậy cho Bất Tán Loạn.

“*Quán tập sự giả, vị tăng sở tập hành*” (“Chuyện đã từng tập quen” là những gì đã từng quen làm): Tức là chuyện đã từng được huân tập, trải qua, như đã thấy, đã nói, đã nghe, đã nghĩ, đã từng làm.

Thành Duy Thức Luận nói: “*Vân hà vi Niệm? Ư tăng tập cảnh, linh tâm minh ký bất vong vi tánh, Định y vi nghiệp*” (Thê nào là Niệm? Nó có tánh chất đối với cảnh đã từng tập quen, sẽ khiến cho tâm ‘nhớ rõ chẳng thể quên’. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho Định). “*Tăng tập cảnh*” là chuyện đã từng quen thuộc. Định là tâm chuyên chú nơi một cảnh, cũng chính là chẳng tán loạn. Giữ cho Niệm liên tục chẳng ngưng dứt nơi một cảnh, niệm lực càng mạnh, tâm sẽ chẳng bị tán loạn, sẽ đạt được Dục Giới Định, Vị Chí Định⁵³, cho tới Sắc Giới Định, Vô Sắc Giới Định.

Khi lần đầu tiên trông thấy một sản phẩm mới, sẽ chẳng có Niệm. Chuyện đã từng có kinh nghiệm thì mới ghi nhớ nó, sẽ có Niệm. Sức của Niệm Tâm mạnh thì sức ký ức (trí nhớ) sẽ mạnh, có thể nhớ lại rõ ràng những chuyện đã từng trải rất lâu trước kia. Ngược lại, sức của Niệm Tâm yếu ớt thì sức ký ức yếu ớt, chẳng thể nhớ lại rõ ràng chuyện đã từng trải qua rất lâu trước kia, thậm chí chẳng nhớ chuyện đã từng trải vào ngày hôm qua.

⁵³ Vị Chí Định (Anāgāmya-samādhī): Còn gọi là Vị Đáo Định, tức là đối với Tứ Thiên Định thuộc Sắc Giới, hành giả đã đắc Dục Giới Định, đã đạt tới mức độ cao hơn Dục Giới Định, nhưng chưa đạt tới Căn Bản Định của Sơ Thiên thì gọi là Vị Chí Định. Nói rộng hơn, đối với mỗi loại Thiên Định trong Tứ Sắc Giới và Vô Sắc Giới, khi chưa đạt đến một loại Thiên nào, nhưng đã thuộc vào trình độ Thiên Định rất gần với môn Định ấy thì gọi là Vị Chí Định.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Theo Duy Thức Học, chuyện đã trải qua lần đầu sẽ huân tập thành chủng tử (Niệm chủng tử), chứa đựng trong Thức thứ tám. Nhân duyên chín muồi, Niệm chủng tử sẽ sanh khởi, hiện hành, sẽ có thể nhớ lại chuyện ấy.

Niệm Tâm Sở có cả ba tánh thiện, ác, và vô ký. Niệm tương ứng với các thiện Tâm Sở như Tín v.v... thì là Niệm có tánh thiện. Niệm tương ứng với các phiền não Tâm Sở như Tham v.v... thì là Niệm có tánh ác. Những niệm khác thì là Niệm có tánh chất vô ký.

Tu học Phật pháp, chủ yếu là tu học Giới, Định, Huệ. Đã từng thọ trì giới pháp, phải liễu giải chánh xác (chánh tri), phải luôn ghi nhớ (chánh niệm). Nếu chẳng ghi nhớ (thất niệm), sẽ dễ dàng hồ đồ vi phạm giới pháp (vì chẳng chánh tri mà phạm giới). Tu Định và tu Huệ, càng cần phải có chánh niệm. Đối với cảnh được duyên trong tu Định, giữ cho sự ức niệm liên tục thì tâm mới chẳng bị tán loạn, có sức chuyên chú mạnh mẽ. Tiên hơn bước nữa là xuất Định tu Quán, quan sát Ngũ Uẩn là “vô thường, khổ, vô ngã”, thành tựu vô lậu huệ, chứng đắc chân lý.

1.1.2.4.2.1.2.4. Tam-ma-địa

(Luận) Vân hà Tam-ma-địa? Vị u sở quán Sự, tâm nhất cảnh tánh. Sở quán Sự giả, vị Ngũ Uẩn đẳng, cập vô thường, khổ, không, vô ngã đẳng. Tâm nhất cảnh giả, thị chuyên chú nghĩa. Dữ trí sở y vi nghiệp, do tâm định cố, như thật liễu tri.

(論)云何三摩地？謂於所觀事。心一境性。所觀事者。謂五蘊等。及無常苦空無我等。心一境者。是專注意。與智所依為業。由心定故。如實了知。

(Luận: Tam-ma-địa là như thế nào? Chính là đối với Sự được quán, tâm có tánh chất một cảnh. Những Sự được quán là như Ngũ Uẩn v.v... và vô thường, khổ, không, vô ngã v.v... “Tâm nhất cảnh” có nghĩa là chuyên chú. Nghiệp dụng của [Tam-ma-địa] là làm chỗ nương tựa cho trí, vì tâm đã định thì sẽ biết rành rẽ, đúng như thật).

Tam-ma-địa còn gọi là Chánh Định. Thê tánh của Định “*u sở quán Sự, tâm nhất cảnh tánh*” nghĩa là đối với Sự được quán, tâm chuyên chú nơi cảnh giới tương đồng (tương tự). Nghiệp dụng của Định “*dữ trí sở y vi nghiệp*”, tức là nó có tác dụng làm chỗ nương tựa

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

cho trí huệ. Thành Duy Thức Luận đối với Định Tâm Sở cũng nói giống như vậy.

Định nương vào Niệm, Huệ nương vào Định. Có trí huệ thật sự thì mới có thể đoạn phiền não, liễu thoát sanh tử (giải thoát). Như Ngũ Căn, tức là Tín Căn, Tinh Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn và Huệ Căn [trong ba mươi bảy phẩm thánh đạo] cũng tuân theo thứ tự như thế. Có Định sẽ có thể giúp cho Huệ, giống như một ngọn đèn dầu, chẳng bị gió thổi dập chờn (Định), độ sáng của ánh đèn sẽ sáng tỏ, trông thấy sự vật rõ ràng (Huệ). Ngược lại, [đèn dầu] bị gió thổi dập chờn (tán loạn), độ sáng sẽ yếu ớt, chẳng thấy rõ sự vật (vô minh).

Tam-ma-địa (tiếng Phạn là Samādhi, tiếng Pali cũng giống như vậy), hoặc còn dịch là Tam-muội, có nghĩa là Đăng Trì, tức là tâm bình đẳng, chẳng lao chao, chẳng hôn trầm, liên tục gìn giữ trạng thái cân bằng ấy.

Kẻ sơ học tu Định, chẳng phải là tâm trôi hụp lao xao, suy Đông nghĩ Tây, suy nghĩ lung tung (điệu cử, ác tác), thì cũng là tâm trầm trệ, yếu ớt, chẳng thể duyên trụ rõ ràng nơi cảnh giới được duyên (tức là hôn trầm nhẹ), cho đến tâm cảnh là một bầu tâm tối (hôn trầm nặng nề, ngủ mê). Để thành tựu Thiền Định, cần phải tu pháp đối trị. Khi điệu cử (vọng niệm lao xao), có thể quan sát, nhận biết mà tu Chỉ tướng, ngưng dứt vọng tưởng, an trụ nơi cảnh được duyên, hòng hàng phục, diệt trừ điệu cử, như tu An Na Bát Na Niệm (tiếng Phạn là Ānāpānasmṛti, dịch nghĩa là Xuất Nhập Tức Niệm)⁵⁴. Khi hôn trầm, có thể quan sát, tu Cử tướng⁵⁵, khiến cho tâm lực tăng cường, hàng phục, diệt trừ hôn trầm, như tu Lục Tỳ Niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên). Khi chẳng điệu cử, chẳng hôn trầm, hãy tu Xả tướng (hành Xả), chẳng còn gia công dụng hạnh, duy trì liên tục trạng thái cân bằng ấy.

Ở đây, Định Tâm Sở áp dụng chung cho Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Sắc Giới Định là từ Sơ Thiền cho đến Tứ Thiền. Vô Sắc Giới Định là Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Những loại Định này là các loại Định có sức chuyên chú rất mạnh. Dục Giới Định chỉ là

⁵⁴ Đây là cách tu Chỉ bằng cách theo dõi hơi thở hít vào, thở ra để duy trì chánh niệm, thường gọi là Sở Tức Quán. Phép tu này còn được gọi là An Na Bát Na Quán, A Na Ba Na, Nhập Xuất Tức Quán, và An Ban Thủ Ý.

⁵⁵ “Cử tướng” ở đây có nghĩa là những phép tu khiến cho cái tâm phần chân, không trầm trệ.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

muốn an trụ nơi cảnh được duyên thì sẽ có thể an trụ, hoàn toàn chẳng phải là một mực an trụ nơi cảnh giới tương đồng (tương tự). Chẳng hạn như khi tu Quán, hoặc là [đã đạt tới địa vị] Kiên Đạo, quán chiếu hành tướng của Tứ Đế, tuy cảnh được duyên biến hóa vô thường, cảnh được duyên trong sát-na trước chẳng giống cảnh được duyên trong sát-na sau, nhưng [hành nhân] có thể an trụ mà quán sát cảnh được duyên hiện tiền. Do vậy, cũng là có Định Tâm Sở; đây là Dục Giới Định.

Loại Định Tâm Sở này có cả ba tánh, như kẻ trộm vật chuyên chú mở két sắt thì là Định có tánh ác. Người tu hành chuyên chú tụng kinh, hoặc tu Bất Tịnh Quán v.v... thì là Định có tánh chất thiện. Nhân viên ngân hàng chuyên chú đếm tiền là Định có tánh chất vô ký.

“*Sở quán Sự*” là gì? Tức là những sự được quan sát, duyên chấp theo, bao gồm “*Ngũ Uẩn đẳng, cập vô thường, khổ, không, vô ngã đẳng*”, tức là Ngũ Uẩn, hoặc là Thập Nhị Xứ (nội lục xứ, ngoại lục xứ)⁵⁶, hoặc là Thập Bát Giới (nội lục xứ, ngoại lục xứ, lục thức), cùng với pháp hữu vi, hoặc đạo lý cộng tướng (tướng trạng chung) của hết thảy các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã v.v...

Vì sao đối với Định Tâm Sở phải quan sát những đạo lý ấy? Chú trọng chuyên chú quan sát cảnh được duyên là tác dụng của Định Tâm Sở. Chú trọng chọn lựa quan sát cảnh được duyên là tác dụng của Huệ Tâm Sở. Như trong phần trên đã nói, năm món Biệt Cảnh Tâm Sở có lúc toàn bộ sanh khởi, có lúc sanh khởi bốn, ba, hai, hoặc một món, có lúc toàn bộ chẳng sanh khởi. Do vậy, Định và Huệ thì có lúc Định và Huệ cùng khởi, có lúc có Định mà chẳng có Huệ, có lúc chẳng có Định mà có Huệ, có lúc Định và Huệ đều chẳng sanh khởi.

Tự tướng và cộng tướng là gì? “*Tự tướng*” cũng có thể gọi là “*tự tánh*”, là đặc tánh cá biệt, [hay còn gọi] là đặc tánh của tự pháp. Chẳng hạn như tự tướng của Địa là tánh cứng, tự tướng của Thức là nhận biết rõ rệt. “*Cộng tướng*” là đặc tánh chung, là nguyên tắc phổ biến, như “*các hành vô thường*”, “*hết thảy các pháp hữu vi đều là vô thường*”. Sách, bàn là vô thường, người, dê v.v... cũng là vô thường.

Học tập Phật pháp phải liễu giải tự tướng và cộng tướng của mỗi pháp. Chẳng hạn như liễu giải tự tướng và cộng tướng của Ngũ Uẩn. Đối với tự tướng của Ngũ Uẩn như luận này đã thuyết minh về Ngũ

⁵⁶ Nội lục xứ chính là những gì thuộc về bên trong, tức sáu căn. Còn sáu trần là những pháp ở ngoài, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp thì được gọi là ngoại lục xứ.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Uẩn, sau khi đã liễu giải nghĩa lý, phải quan sát trong cuộc sống hằng ngày, Giải và Hành cùng vận dụng. Chỉ liễu giải tự tướng của Ngũ Uẩn, sẽ chẳng thể đoạn trừ phiền não, liễu thoát sanh tử! Lại còn phải liễu giải cộng tướng của Ngũ Uẩn thì mới có thể đoạn trừ phiền não, liễu thoát sanh tử. Từ quan sát sự tướng mà chứng đắc cộng tướng “*vô thường, khổ, không, vô ngã*”. “*Sự đãi Lý thành, Lý do Sự hiển*”, tức là sự tướng nương vào đạo lý mà thành tựu, đạo lý do quan sát sự tướng mà hiển hiện.

Giải thích ý nghĩa đại lược, trọng yếu của Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã như sau:

1) Các Hành vô thường: Các pháp hữu vi đều sanh diệt trong từng sát-na, biến hóa vô thường. Vô thường là cộng tướng (tướng trạng chung) của pháp hữu vi, như các thí dụ “*bọt, sương, chớp*” trong kinh Kim Cang và “*Sắc như bọt nước động, Thọ như bong bóng nước*” [trong kinh Tạp A Hàm] đều là những tỷ dụ về ý nghĩa vô thường.

2) Hữu lậu đều là khổ: Các pháp hữu lậu đều có tánh chất bức bách, như thân tâm của phàm phu là pháp hữu lậu vì cảm nhận sự bức bách của già, bệnh, chết v.v... mà sanh khởi rất nhiều ưu bi khổ não. Khổ có thể chia thành ba loại là Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ.

a) Khổ Khổ: Các sự thống khổ, có tánh chất bức bách.

b) Hoại Khổ: Chuyện vui sướng sẽ biến đổi, hư hoại, tiêu diệt. Do vậy, nó cũng có tánh chất bức bách. Chuyện vui sướng như thân thể khỏe mạnh, giàu có, cao quý, dung mạo xinh đẹp, gia đình hòa hợp v.v... Phật pháp chẳng phủ nhận chuyện vui sướng, nhưng những chuyện ấy chẳng vĩnh cửu, sẽ biến đổi, hư hoại, tiêu diệt.

c) Hành Khổ: Cảnh giới Xả Thọ chẳng khổ chẳng lạc cũng sẽ bị biến hóa; do vậy, nó cũng có tánh chất bức bách. Như tu đến Đệ Tứ Thiên cho đến tu được Phi Tướng Phi Phi Tướng Định, chỉ có Xả Thọ. Tuy rất tĩnh lặng, nhưng vẫn là biến hóa vô thường. Nếu chẳng giải thoát sanh tử, thì có thể sẽ bị đọa trong các đường khổ như địa ngục v.v... Khổ là cộng tướng của các pháp hữu lậu. A La Hán đoạn hết phiền não trong tam giới, thành tựu pháp vô lậu, trong đời hiện tại, Ngài có thể có Khổ Thọ về mặt thân xác, nhưng trong tâm chẳng có Ưu Thọ. Do vậy, [Khổ Thọ] chẳng có tánh chất bức bách [đối với bậc A La Hán].

3) Các pháp đều là Không, các pháp đều vô ngã: “*Không*” có khá nhiều ý nghĩa, ở đây chỉ nói đến ý nghĩa “*vô ngã sở*”, là vì đã gộp chung Không và Vô Ngã để nói. Ngoại đạo ở Ấn Độ chủ trương Ngã là

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

một thứ vĩnh viễn bất biến: Sau khi con người chết đi, Ngã lại chuyển sang đời sau, vĩnh viễn tồn tại. Ngã còn có các tên gọi khác như “*nhân, chúng sanh, thọ giả*” v.v... Lại như Cơ Đốc Giáo nói Thượng Đế ban linh hồn cho mỗi người, linh hồn bất diệt. Con người chết đi, linh hồn ấy sẽ đọa vào địa ngục, hay lên thiên đường. Các tín ngưỡng dân gian cũng cho rằng con người sau khi chết, linh hồn bất diệt.

Ngã có ý nghĩa “*độc nhất, tồn tại thường hằng*”, nơi ý chí thì có ý nghĩa “*chủ tể*”, [tức là] tự mình làm chủ, có thể tự do chi phối người, sự, vật khác. Thật ra, khi quan sát Ngũ Uẩn, sẽ chẳng tìm được Ngã, chẳng có một chủ tể độc nhất, tồn tại thường hằng. Vì thế, “*Ngũ Uẩn vô ngã*”.

Phật pháp chủ trương Ngũ Uẩn vô ngã, tuy chủ trương trong Ngũ Uẩn chẳng có một chủ thể sanh mạng bất biến (vô ngã), nhưng thừa nhận thể tánh, tác dụng v.v... của Ngũ Uẩn, và mối quan hệ nhân quả đời trước, đời sau, nghiệp thiện ác trong đời trước, đời sau, sẽ ảnh hưởng đến quả báo trong đời sau.

Ngã Sở như tay của ta. Cái tay ấy thuộc về ta. Phàm phu dẫu chẳng hiểu Ngã rốt cuộc là gì, luôn cho rằng “*tay là của ta*”. Hễ có Ngã, bèn có Ngã Sở (cái thuộc về ta); chẳng có Ngã, sẽ không có Ngã Sở (vô ngã sở, Không).

Hết thấy các pháp vô ngã, “*hết thấy các pháp*” bao gồm pháp hữu vi và pháp vô vi. Không chỉ pháp hữu vi là vô ngã, mà pháp vô vi (Niết Bàn) cũng là vô ngã, vì pháp vô vi chẳng lìa khỏi pháp hữu vi để tồn tại độc nhất được! Không và Vô Ngã là cộng tướng (tướng trạng chung) của hết thấy các pháp.

Liễu giải thấu triệt thân, tâm, thế giới là “*vô thường, khổ, vô ngã*” (đó là thấy thấu suốt), sẽ chẳng chấp trước thân, tâm, thế giới là “*có thật, có tánh*” (đấy là buông xuống), sẽ được tự tại. Thấy thấu suốt, sẽ có thể buông xuống; buông xuống, sẽ chẳng vướng mắc, tự do tự tại. “*Buông xuống*” chẳng phải là thiện sự gì cũng đều không làm, mà là không chấp trước tự ngã, danh lợi v.v... là có thật, có tánh. Do vậy, chẳng bị bất cứ pháp nào ràng buộc, sẽ có thể tích cực nỗ lực đoạn hết thấy các ác pháp, tu hết thấy các thiện pháp, như kinh Kim Cang dạy: “*Do vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, mà tu hết thấy các thiện pháp, bèn đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”.

“*Tâm nhất cảnh giả, thị chuyên chú nghĩa*” (Tâm nhất cảnh có nghĩa là “*chuyên chú*”): Tâm sanh diệt trong từng sát-na, liên tục duyên theo, chấp lấy cảnh giới tương đồng (tương tự), tức là ý nghĩa “*chuyên*”

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

chú”, giống như giọt nước rơi xuống, mỗi giọt đều rơi xuống cùng một chỗ như nhau.

“*Do tâm định cố, như thật liễu tri*” (Do tâm đã Định, bèn biết rõ đúng như thật): Tâm đắc Định, lại xuất Định tu Quán, có thể dẫn khởi Chánh Trí, như thật liễu tri Chân Đế. Tuy chỉ có Thiên Định, chẳng tán tu Quán, sẽ chẳng thể phát khởi Chánh Trí, như ngoại đạo có Định nhưng chẳng có Chánh Trí. Thế nhưng, Thiên Định giúp đỡ tu Quán, phát khởi Chánh Trí, đoạn Hoặc, chứng Chân, liễu thoát sanh tử.

1.1.2.4.2.1.2.5. Huệ

(Luận) Vân hà Huệ? Vị tức u bỉ, trạch pháp vi tánh. Hoặc như Lý sở dẫn, hoặc bất như Lý sở dẫn, hoặc câu phi sở dẫn. Tức u bỉ giả, vị sở quán sự. Trạch pháp giả, vị u chư pháp tự tướng, cộng tướng, do Huệ giản trạch, đắc quyết định cố. Như Lý sở dẫn giả, vị Phật đệ tử. Bất như Lý sở dẫn giả, vị chư ngoại đạo. Câu phi sở dẫn giả, vị dư chúng sanh. Đoạn nghi vi nghiệp, Huệ năng giản trạch, u chư pháp trung, đắc quyết định cố.

(論)云何慧？謂即於彼擇法為性。或如理所引。或不如理所引。或俱非所引。即於彼者。謂所觀事。擇法者。謂於諸法自相共相由慧簡擇。得決定故。如理所引者。謂佛弟子。不如理所引者。謂諸外道。俱非所引者。謂餘眾生。斷疑為業。慧能簡擇。於諸法中。得決定故。

(Luận: Huệ là như thế nào? Chính là ở trong ấy, nó có tánh chất chọn lựa pháp. Hoặc là dẫn khởi đúng Lý, hoặc dẫn khởi chẳng đúng Lý, hoặc là đều chẳng phải dẫn khởi (chẳng phải là dẫn khởi đúng Lý, mà cũng chẳng phải là dẫn khởi không đúng Lý). “Chính là ở trong ấy” là nói đến sự đang được quán. “Chọn lựa pháp” nghĩa là đối với tự tướng và cộng tướng của các pháp, bèn dùng Huệ để chọn lựa, phân biệt, hòng đạt được quyết định. Dẫn khởi đúng như Lý thì là đệ tử Phật. Dẫn khởi chẳng đúng Lý là các ngoại đạo. “Đều chẳng dẫn khởi” chính là các chúng sanh khác. Nghiệp dụng của Huệ là đoạn nghi, vì Huệ có thể chọn lựa, tách biệt, đề từ trong các pháp mà đạt được quyết định).

Thê tánh của Huệ “*tức u bỉ, trạch pháp vi tánh*”, [nghĩa là] đối

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

với chuyện được quán, nó bèn chọn lựa dứt khoát. Nghiệp dụng của Huệ là “*đoạn nghi vi nghiệp*”, tức là nó có thể đoạn trừ nghi hoặc. Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Huệ Tâm Sở cũng giống như thế.

Sự được quán đã giải thích trong phần nói về Tam-ma-địa, “*trạch pháp*” là chọn lựa pháp. Nội dung để chọn lựa là “*chư pháp tự tướng, cộng tướng*” (tự tướng và cộng tướng của các pháp), như chọn lựa tự tướng của Ngũ Uẩn và “*vô thường, khổ, không, vô ngã*”. Chọn lựa vô thường, không chỉ là quan sát hiện tượng vô thường nơi Ngũ Uẩn, mà còn phải quan sát vì sao Ngũ Uẩn là vô thường để kiến lập Vô Thường Quán, nhằm phủ định sự sai lầm của Thường Kiến.

Phàm phu chẳng thể liễu giải Ngũ Uẩn là “*vô thường, khổ, không, vô ngã*”, vì những thứ ấy ô nhiễm Ngũ Uẩn, cho nên họ sanh khởi phiền não, tạo tác nghiệp hữu lậu, lưu chuyển sanh tử. Ngược lại, liễu giải Ngũ Uẩn là “*vô thường, khổ, không, vô ngã*”, sẽ có thể đoạn trừ phiền não, giải thoát sanh tử.

Ở đây, Huệ Tâm Sở có cả ba tánh:

1) Huệ “*nư Lý dẫn khởi*” là trí huệ được dẫn khởi từ cách tư duy và quan sát hợp lý (phù hợp đạo lý), sẽ là Huệ có tánh chất thiện, như Huệ của phàm phu hoặc các vị thánh nhân đệ tử của đức Phật. Trong Thất Bồ Đề Phần, cũng có Trạch Pháp Giác Chi, tức là Huệ có tánh chất thiện. Bát Nhã (Prajñā) dịch nghĩa là Huệ, cũng nhằm nói đến Huệ có tánh chất thiện.

2) Bất như lý sở dẫn Huệ là Huệ dẫn khởi từ sự tư duy chẳng hợp lý, là Huệ có tánh chất ác, như Huệ của các loại ngoại đạo.

3) Câu phi sở dẫn Huệ là Huệ dẫn khởi chẳng phải từ như lý, mà cũng chẳng phải từ sự chẳng đúng lý, là Huệ có tánh chất vô ký, như Huệ của các chúng sanh. Ở đây, hợp lý hay chẳng hợp lý là nói dựa theo đạo lý “*vô thường, khổ, không, vô ngã*” để nói. Những loại Huệ chẳng liên quan đến những đạo lý ấy thì gọi là câu phi sở dẫn Huệ.

Nói theo Huệ có tánh thiện thì thứ tự tu học Huệ sẽ là: Huệ do Văn tạo thành, Huệ do Tư tạo thành, Huệ do Tu tạo thành, và chứng Huệ. Vì sao trí huệ có thể đoạn trừ nghi hoặc? Là vì đối với Sự và Lý, Huệ chọn lựa, phán đoán, đạt được quyết định, đương nhiên là đối với Sự và Lý bèn chẳng nghi hoặc. Dùng Huệ có tánh chất thiện để làm thí dụ, khi hành giả chứng Sơ Quả (Chánh Trí), sẽ đoạn trừ ba loại phiền não chủ yếu (Tam Kết) tức Ngã Kiến, Nghi, và Giới Cấm Thủ. Trong Tam Kết có Nghi. Kinh Tạp A Hàm đã nói rõ chứng Sơ Quả là “*kiến*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

pháp, đắc pháp, tri pháp, nhập pháp, độ các nghi hoặc, chẳng do ai khác độ, đạt được vô sở úy (chẳng sợ hãi) nơi chánh pháp”. “Độ các nghi hoặc” là đối với sanh tử luân hồi và đạo lý vô ngã, có sự liễu ngộ thâm nhập, trọn chẳng nghi hoặc mảy may.

1.1.2.4.2.1.3. Thiện Tâm Sở (chia thành mười một đoạn)

1.1.2.4.2.1.3.1. Tín

(Luận) Vân hà Tín? Vị u nghiệp, quả, chư Đê, bảo đẳng, thâm chánh phù thuận, tâm tịnh vi tánh. U nghiệp giả, vị phước, phi phước, bất động nghiệp. U quả giả, vị Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán quả. U Đê giả, vị Khổ, Tập, Diệt, Đạo Đê. U bảo đẳng, vị Phật, Pháp, Tăng Bảo. U như thị nghiệp, quả đẳng, cực tương phù thuận, diệt danh thanh tịnh, cập hy cầu nghĩa. Dĩ Dục sở y vi nghiệp.

(論)云何信？謂於業果諸諦寶等。深正符順。心淨為性。於業者。謂福。非福。不動業。於果者。謂須陀洹。斯陀含。阿那含。阿羅漢果。於諦者。謂苦集滅道諦。於寶者。謂佛法僧寶。於如是業果等。極相符順。亦名清淨。及希求義。與欲所依為業。

(Luận: Tín là như thế nào? Nghĩa là đối với nghiệp, quả, các Đê, Bảo v.v... có tánh chất phù hợp, thuận từng sâu xa, tâm thanh tịnh. “Đối với nghiệp” là nói đến các nghiệp “phước, chẳng phải là phước, bất động”. “Đối với quả” là nói đến các quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, và A La Hán. “Đối với Đê” là Khổ, Tập, Diệt, Đạo Đê. “Đối với Bảo” là nói đến Phật, Pháp, Tăng Bảo. Trong các nghiệp, quả v.v... như thế, tốt bậc phù hợp, thuận từng, cũng gọi là nghĩa lý thanh tịnh và mong cầu. Tín có nghiệp dụng làm chỗ nương tựa cho Dục).

Thẻ tánh của Tín, “*u nghiệp, quả, chư Đê, Bảo đẳng, thâm chánh phù thuận, tâm tịnh vi tánh*” (đối với nghiệp, quả, các Đê, Bảo v.v... có tánh chất phù hợp, thuận từng sâu xa, tâm thanh tịnh). Đối với nghiệp, quả, Tứ Đê, Tam Bảo v.v... bèn lý giải sâu xa chánh xác, phù hợp, thuận từng, chẳng hoài nghi, nội tâm sẽ thanh tịnh. Nghiệp dụng của Tín là “*dĩ dục sở y vi nghiệp*”, tức là nó là chỗ nương tựa cho

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“chánh pháp Dục”.

Lại giải thích ý nghĩa đại lược, cốt yếu về “*nghiệp, quả, Tứ Đế, Tam Bảo*”:

1) Nghiệp: Nghiệp chia thành ba loại, “*phước, phi phước, bất động nghiệp*”. “*Phước nghiệp*” là thiện nghiệp, như chẳng sát sanh, bỏ thí, từ bi v.v... Trong tương lai, nghiệp lực chín muồi, sẽ có thể chiêu cảm quả báo trong loài người hoặc Dục Giới Thiên. “*Phi phước nghiệp*” là tội nghiệp (ác nghiệp), như sát sanh, trộm cắp, sân khuể v.v... mười bất thiện nghiệp. Trong tương lai, khi nghiệp lực chín muồi, sẽ có thể chiêu cảm quả báo địa ngục, súc sanh, và ngạ quỷ. “*Bất động nghiệp*” là nghiệp từ Sơ Thiên Định trở lên, vì sức nó mạnh mẽ, chẳng dễ biến đổi, cho nên gọi là “*bất động nghiệp*”. Nếu đắc Sơ Thiên Định, trong tương lai, nghiệp lực chín muồi, có thể sanh lên Sơ Thiên Thiên, cho đến đắc Phi Tướng Phi Phi Tướng Định. Trong tương lai, nghiệp lực chín muồi, có thể sanh vào cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng.

Tin vào nghiệp là lý giải chánh xác sâu đậm Sự và Lý của nghiệp, tin hiểu “*tạo tác cái nhân của thiện nghiệp, trong tương lai nghiệp lực chín muồi, sẽ cảm lạc quả. Tạo tác cái nhân của ác nghiệp, trong tương lai nghiệp lực chín muồi, sẽ cảm khổ quả*”, phù hợp thuận theo, chẳng hoài nghi, nội tâm sẽ thanh tịnh.

2) Quả tức là bốn thứ quả vị của thánh giả Thanh Văn Thừa: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, và A La Hán. Tu hành Bát Chánh Đạo, đoạn Hoặc, chứng Chân, thì là bậc thánh. Do đoạn Hoặc khác nhau mà chia thành bốn thứ quả vị.

a) Tu Đà Hoàn quả: Tu Đà Hoàn là phiên âm của chữ Phạn Śrotāpanna, dịch nghĩa là Dự Lưu. Người mới chứng thánh quả, dự vào pháp lưu (dòng pháp) của thánh đạo. Nếu chẳng thể tinh tấn tu thánh đạo thêm nữa, tối đa là bảy lần qua lại sanh tử trong đường trời người của Dục Giới, sẽ có thể chứng đắc quả A La Hán. Phiền não chủ yếu phải đoạn là Tam Kết, tức Ngã Kiến, Giới Cấm Thủ, và Nghi.

b) Tư Đà Hàm quả: Tư Đà Hàm là phiên âm của chữ Phạn Sakṛdāgāmin, dịch nghĩa là Nhất Lai. Nếu chẳng thể tinh tấn tu thánh đạo hơn nữa, tối đa là sanh tử một lần nữa trong cõi người hay trời thuộc Dục Giới, sẽ có thể chứng đắc quả A La Hán. Phiền não chủ yếu phải đoạn là Tam Kết, cũng như khiến cho sức mạnh của tham, sân, si rất mỏng yếu.

c) A Na Hàm quả: A Na Hàm là phiên âm Anāgāmin, dịch nghĩa

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

là Bất Hoàn, hay Bất Lai. Đã đoạn hết chín phẩm Hoặc trong Dục Giới. Nếu trong đời hiện tại chẳng chứng đắc quả A La Hán, cũng chẳng còn thọ sanh trong Dục Giới, mà sẽ có thể sanh trong Sắc Giới hoặc Vô Sắc Giới, chứng đắc quả A La Hán. Phiền não chủ yếu phải đoạn là năm phần Kết (Kết Sử) thuộc loại Hạ, tức Thân Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến, Nghi, Dục Tham, và Sân.

d) A La Hán quả: A La Hán là phiên âm của chữ Phạn Arhat, dịch nghĩa là Ứng Cúng, Sát Tặc, Bất Sanh v.v... Do chứng đắc quả vị tối cao, đáng được trời người cúng dường, cho nên gọi là Ứng Cúng. Đoạn hết giặc phiền não Kiến Tư (Kiến Hoặc và Tư Hoặc), cho nên gọi là Sát Tặc (giết giặc). Đời này, sau khi chết, sẽ triệt để giải thoát sự sanh tử trong tam giới, chẳng còn sanh trong tam giới. Do vậy, gọi là Bất Sanh. Phiền não chủ yếu phải đoạn là năm Kết thuộc phần Thượng, tức Sắc Tham, Vô Sắc Tham, Điều Cử, Mạn, và Vô Minh.

Tin vào quả là lý giải chánh xác sâu xa sự lý của “Tứ Quả thánh giả”: Phạm phu tinh tấn tu hành Bát Chánh Đạo, có thể trở thành bậc thánh, phù hợp, thuận tòng, chẳng có hoài nghi, nội tâm sẽ thanh tịnh. Ngược lại, có kẻ hoài nghi, chẳng tin tưởng là đích xác có bốn thánh quả. Thật ra, thánh nhân thuộc Tứ Quả chính là Tăng Bảo, cho nên kẻ chẳng tin xác thực là có thánh nhân thuộc Tứ Quả thì cũng chẳng thể tin tưởng xác thực có Tăng Bảo.

3) Tứ Đế: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, và Đạo Đế. Đây là đạo lý chân thật được chứng tri bởi bậc thánh, còn gọi là Tứ Thánh Đế.

a) Khổ Đế: Khổ là có tánh chất bức bách. Pháp thế gian chẳng triệt để, chẳng có tánh chất vĩnh cửu, mà có tánh chất bức bách. Đây mới là ý nghĩa chân thật của Khổ. Phân loại Khổ thì trong Phật pháp nói đến Tam Khổ, Bát Khổ, vô lượng các khổ v.v... Tam Khổ là Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ như trong phần trên đã nói. Bát Khổ là sanh, lão, bệnh, tử, oán tắng hội (oán ghét mà cứ phải gặp gỡ), ái biệt ly (yêu thương mà phải chia lìa), cầu bất đắc (mong cầu mà chẳng đạt được), và ngũ ấm xí thịnh khổ. Giải thích đơn giản, cốt yếu về tám khổ thì Sanh Khổ là nói về thai sanh. Khi ở trong thai mẹ, hoặc lúc lọt lòng, đều cảm nhận rất nhiều nỗi đau khổ. Lại nữa, Sanh Khổ là những nỗi khổ khác trong cư trụ. Lão Khổ là khi già cả, tóc bạc, mặt nhăn, thở phì phò, tinh thần suy nhược, răng lung lay, ăn uống chẳng biết mùi vị v.v... Sự cảm nhận những nỗi đau khổ ấy chẳng thể nói trọn hết trong một lời được! Bệnh Khổ: Nguyên nhân sanh bệnh có rất nhiều thứ, nói thông thường sẽ là “*Tứ Đại chẳng điều hòa*”. Nỗi đau khổ do bệnh nhẹ

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

còn dễ chịu đựng được, chứ nổi đau khổ do bệnh nặng hoặc bệnh lâu ngày, sẽ rất khó chịu đựng. Vì thế, tục ngữ có câu: “*Anh hùng cũng sợ bệnh gây phiền*”. Như đau răng hoặc nổi đau khổ vì sỏi thận chỉ có người đã từng trải qua mới có thể thấu hiểu mùi vị của nổi đau khổ ấy. Tử Khổ: Vì cái tâm tử vong chỉ trong một sát-na, người bình phàm chẳng thể hay biết. Do vậy, nói về nổi đau khổ phải hứng chịu khi cận kề cái chết, cô đức đã tỷ dụ: “*Phong đao giải thể, sanh quy thoát xác*” (Đao gió xẻ thân, rùa bị bóc mai trong khi còn sống), hoặc là nổi đau khổ vì hoảng sợ thân sau sẽ đọa lạc trong đường ác. Oán Tắng Hội Khổ là nổi khổ não khi oán địch, cừu gia gặp gỡ, trong tâm phần nộ, ưu não. Ái Biệt Ly Khổ là nổi khổ não do thân thuộc, bạn bè yêu mến bị sanh ly tử biệt, nội tâm bi thương, ưu sầu. Cầu Bất Đắc Khổ là nổi khổ não do chúng sanh mong mỏi đạt được lạc quả, nhưng chẳng thể vừa lòng thỏa ý, trong tâm bị tham đắm trói buộc. Ngũ Ấm Xí Thịnh Khổ là nổi khổ não do chúng sanh chấp giữ Ngũ Ấm (Ngũ Uẩn), nội tâm nhiệt não, giống như lửa mạnh cháy hừng hực nung đốt thân tâm.

b) Tập Đế, còn gọi là Khổ Tập Đế, Tập là có tánh chất chiêu cảm. Do các phiền não tham, sân, si v.v... sai khiến mà xằng bậy tạo nghiệp hữu lậu; nương theo nghiệp hữu lậu bèn chiêu cảm quả báo trong tam giới. Nói cách khác, cái nhân xa của khổ quả sanh tử là các phiền não như tham v.v... Cái nhân gần là nghiệp hữu lậu. Nói theo nghĩa rộng, nhân duyên của sanh tử là nghiệp và phiền não, nhưng nghiệp hữu lậu chiêu cảm quả báo trong tam giới phải có phiền não làm trợ duyên. Phiền não có tác dụng tạo tác nghiệp hữu lậu và nhuận sanh⁵⁷. Nếu diệt hết phiền não, nghiệp hữu lậu sẽ chẳng thể chiêu cảm quả báo trong tam giới. Lại suy xét cội nguồn sâu xa, [sẽ thấy]: Do vô minh sanh khởi Ngã Kiến, lại sanh khởi các phiền não tham, sân v.v... Do vậy, vô minh và Ngã Kiến là căn bản của sanh tử. Đoạn trừ vô minh và Ngã Kiến, sẽ giải thoát sanh tử. Có thuyết cho rằng Tập Đế là Ái, Ái là sức mạnh trọng yếu gây nên sự trói buộc của sanh tử. Ái không chỉ là sự yêu mến dâm dục nam nữ, mà còn có sự yêu mến, chấp trước chính mình như Ngã Ái, Tự Thể Ái, và yêu mến mê mị những thứ mình sở hữu như Ngã Sở Ái, Cảnh Giới Ái. Triệt để đoạn trừ Tự Thể Ái, Cảnh Giới Ái, sẽ giải thoát sanh tử.

⁵⁷ “Nhuận sanh” hiểu theo nghĩa hẹp là những thứ vọng tưởng, hay nghiệp lực dẫn đến sự tiếp tục sanh tử luân hồi trong đời sau.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

c) Diệt Đế: Còn gọi là Khổ Diệt Đế. “*Diệt*” là có đặc tánh có thể chứng, tức là cảnh giới do chính mình đích thân chứng nghiệm, đoạn hết các phiền não như vô minh v.v... Nghiệp hữu lậu trong đời trước chẳng thể chiêu cảm quả báo trong tam giới thì chính là giải thoát sanh tử.

d) Đạo Đế: Còn gọi là Khổ Diệt Đạo Đế. Đạo có đặc tánh “có thể tu”, tức là phương pháp tu hành hòng đạt tới Diệt Đế. Diệt trừ phiền não như thế nào? Phiền não là duyên sanh pháp (pháp sanh bởi các duyên). Tu Bát Chánh Đạo v.v... hòng ly tán các duyên của phiền não, phiền não sẽ diệt mất. Phương pháp tu hành nói rộng thì là ba mươi bảy đạo phẩm, nói đại lược thì là Bát Chánh Đạo, hoặc Tam Học. Ba mươi bảy đạo phẩm chính là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, và Bát Chánh Đạo, gồm bảy loại đức mục. Bát Chánh Đạo là Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, và Chánh Định. Tam Học tức là Giới Học, Định Học, và Huệ Học.

Liễu giải Sự và Lý của Tứ Đế, nói theo sự tu chứng, phải “*biết Khổ, đoạn Tập, (hâm mộ Diệt) tu Đạo, chứng Diệt*”, thấu hiểu sâu đậm sự khổ não bức bách của khổ quả sanh tử (biết Khổ) thì mới có thể mong cầu lý tưởng diệt trừ khổ quả (hâm mộ Diệt), sanh khởi chí nguyện chán lìa khổ quả (tâm chán lìa). Vì để diệt trừ khổ quả bèn tìm hiểu sâu xa nguyên nhân của khổ quả. Liễu giải nguyên nhân căn bản của khổ quả là sau khi đã có các phiền não như vô minh v.v... thì phải nên đoạn trừ phiền não (đoạn Tập). Vì để đoạn trừ phiền não, phải nên tu Bát Chánh Đạo (tu Đạo). Thật sự đoạn trừ phiền não, sẽ chứng đắc chân lý (chứng Diệt), giải thoát sanh tử.

Tứ Đế có hai tầng nhân quả: Khổ Đế là quả thế gian, Tập Đế là nhân thế gian; Diệt Đế là quả xuất thế gian, Đạo Đế là nhân xuất thế gian.

Tin tưởng Tứ Đế chính là lý giải chánh xác sâu xa Sự và Lý Tứ Đế, phù hợp thuận tòng, chẳng có hoài nghi, nội tâm sẽ thanh tịnh.

3) Bảo chính là Tam Bảo, tức Phật Bảo, Pháp Bảo, và Tăng Bảo. Nói theo Hóa Thế Tam Bảo (Tam Bảo hóa độ thế gian) thì lấy Pháp Bảo làm cốt lõi. Nói theo nghĩa rộng, các sự lý Tứ Đế, Thập Nhị Duyên Khởi (Thập Nhị Nhân Duyên) v.v... chính là Pháp Bảo. Nói theo nghĩa rốt ráo, Diệt Đế chính là chánh pháp căn bản nhất. Người giác ngộ tu hành Phật pháp mà thấu hiểu rốt ráo viên mãn thì là Phật Bảo. Còn bậc thánh Sơ Quả theo đức Phật xuất gia, nương theo pháp tu hành, chứng

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

ngộ chân lý rốt ráo cho đến bậc A La Hán, hoặc hàng thánh vị Bồ Tát chính là Tăng Bảo.

Tin vào Tam Bảo là lý giải chánh xác sâu sắc ý nghĩa của Tam Bảo, phù hợp, thuận tòng, chẳng có hoài nghi, nội tâm sẽ thanh tịnh.

“U như thị nghiệp, quả đặng, cực đương phù thuận, diệt danh thanh tịnh cập hy cầu nghĩa”: [Ý nói] đối với sự lý “nghiệp, quả, Tứ Đế, Tam Bảo”, lý giải chánh giác sâu sắc, phù hợp thuận tòng, chẳng có hoài nghi, nội tâm sẽ thanh tịnh. Đã có chánh tín, sẽ tiến cao hơn bước nữa là hy vọng đạt được lý tưởng (Dục (lòng mong muốn ấy) mang tánh chất thiện, chánh nguyện). Nếu đã có chánh tín đối với Tứ Đế, tiến thêm bước nữa là sanh khởi Chánh Nguyện, mong cầu chứng đắc Diệt Đế, giải thoát sanh tử. Chánh Nguyện chính là Dục Tâm Sở có tánh chất thiện, là động cơ để tu hành. Dùng Diệt Đế làm cảnh sở duyên cho Chánh Nguyện. Đây chính là mục tiêu tu hành.

Như kinh Hoa Nghiêm nói, Chánh Tín là cội nguồn của hết thảy tu hành, là mẹ gốc của hết thảy công đức. Đại Trí Độ Luận lại nói: *“Tín như tay. Như người có tay, vào trong núi báu, tự tại nhặt lấy của báu. Có Tín thì cũng giống như thế, vào trong núi báu vô lậu căn, lực, giác, đạo, Thiên Định của Phật pháp mà tự tại nhặt lấy”*. Có tay chánh tín thì mới có thể lấy được công đức quý báu. Vì thế, tu học Phật pháp, kiến lập chánh tín là chuyện hết sức quan trọng.

Đối với Tín, Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh như sau: *“Vân hà vi Tín? Ư Thật, Đức, Năng, thâm nhẫn, nhạo, dục, tâm tịnh vi tánh, đối trị bất tín, nhạo thiện vi nghiệp”* (Những gì là Tín? Nó có tánh chất đối với Thật, Đức, Năng, nhẫn sâu xa, ưa thích, mong muốn, cái tâm thanh tịnh. Nghiệp dụng là đối trị Bất Tín, ưa thích điều thiện). Thể tánh của Tín là đối với Thật, Đức, Năng, bèn có thể tiếp nhận sâu xa, ưa thích, mong cầu, chẳng có phiền não hoài nghi nào, khiến cho cái tâm thanh tịnh. Nghiệp dụng của Tín là có thể đối trị bất tín, ưa chuộng tu thiện. Bất Tín có nghĩa là tùy thuận phiền não. Lại dựa theo Thành Duy Thức Luận để giải thích cận kề: Đối với sự lý chân thật của các pháp (tức “Thật” trong Thành Duy Thức Luận), liễu giải chánh xác sâu đậm, điều này có ý nghĩa giống như sự tin hiểu *“nghiệp, quả, Tứ Đế”* trong luận này. Đối với công đức thanh tịnh chân thật của Tam Bảo, hết sức hâm mộ, ưa chuộng. Điều này có ý nghĩa tương đồng với tín giải Tam Bảo được nói trong luận này. Đối với hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, tin tưởng sâu sắc [các thiện pháp ấy sẽ] khiến cho hành giả đạt được lạc quả, cho đến thành tựu thánh đạo. Lại

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

cũng tin tưởng sâu sắc chính mình có thể thành tựu, sanh khởi Chánh Nguyên, nỗ lực tu thiện pháp thế gian và xuất thế gian. “*Nhẫn*” là Thắng Giải Tâm Sở, là cái nhân của Tín, “*lạc, dục*” là Dục Tâm Sở, là cái quả của Tín. Ước theo thiện pháp để nói, [sẽ là]: nương theo Thắng Giải chánh xác để sanh khởi chánh tín; nương theo chánh tín để sanh khởi thiện pháp dục; nương theo thiện pháp dục để sanh khởi tinh tấn; nương theo tinh tấn mà tu hành Định Huệ chẳng buông lung, nương theo Định Huệ để thành tựu viên mãn hết thảy công đức.

1.1.2.4.2.1.3.2. Tàm

(Luận) Vân hà Tàm? Vị tự tăng thượng cập pháp tăng thượng, ư sở tác tội, tu sĩ vi tánh. Tội, vị quá thất, trí giả sở yếm hoạn cố. Tu sĩ giả, vị bất tác chúng tội. Phòng tức ác hạnh sở y vi nghiệp.

(論)云何慚？謂自增上。及法增上。於所作罪。羞恥為性。罪謂過失。智者所厭患故。羞恥者。謂不作眾罪。防息惡行。所依為業。

(Luận: Tàm là như thế nào? Tức là tự tăng thượng (tăng tấn mạnh mẽ cho chính mình) và pháp tăng thượng (tăng tấn mạnh mẽ nơi pháp). Thể tánh của nó là hổ thẹn đối với các tội đã tạo. “Tội” tức là làm lỗi, là thứ mà bậc trí chán ghét, lo sầu. “Hổ thẹn” là chẳng tạo các tội. Nghiệp dụng của Tàm là làm chỗ nương tựa cho việc ngăn ngừa, dứt trừ các ác hạnh).

Thể tánh của Tàm là “*tự tăng thượng cập pháp tăng thượng, ư sở tác tội, tu sĩ vi tánh*” (tăng tấn mạnh mẽ cho chính mình và tăng tấn mạnh mẽ nơi pháp. Thể tánh của nó là hổ thẹn đối với các tội đã tạo). Vì tôn trọng phẩm cách, thân phận của chính mình, và tôn trọng sức tăng thượng của chánh pháp, cho nên đối với tội nghiệp mà chính mình đã từng làm, đang làm, hoặc sẽ làm, bèn cảm thấy hổ thẹn. Nghiệp dụng của Tàm là “*phòng tức ác hạnh sở y vi nghiệp*” (có nghiệp dụng làm chỗ nương tựa để ngăn ngừa, dứt trừ ác hạnh), [tức là] Tàm có thể ngăn ngừa, dứt trừ ác nghiệp.

“*Tự tăng thượng*” là gì? “*Tăng thượng*” (増上) là tăng tấn mạnh mẽ. Do tôn trọng sức tăng thượng nơi phẩm cách và thân phận của chính mình, cảm thấy phải nên làm thiện sự thì mới phù hợp với thân phận và phẩm cách của chính mình, mới có tôn nghiêm, mới được

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

người khác khen ngợi. Đây chẳng phải là kiêu mạn, ngạo nghễ, mà là có thể dẫn khởi sanh ra Tàm. Lại còn suy xét cẩn kẽ, biết làm chuyện ác sẽ tổn hại, hủy diệt thân phận và phẩm cách của chính mình. Vì thế, đối với chuyện ác, sẽ cảm thấy xấu hổ, chẳng dám làm chuyện ác.

“*Pháp tăng thượng*” là gì? Nương vào sức tăng thượng tôn trọng chân lý thế gian và xuất thế gian, sẽ sách tấn, cổ vũ chính mình làm những thiện sự phù hợp chân lý. Như tôn trọng Phật pháp, sẽ có thể cảnh tỉnh, sách tấn chính mình chẳng nên làm chuyện ác trái nghịch Phật pháp, khích lệ chính mình làm các thiện sự phù hợp Phật pháp, như do tôn trọng đạo đức, pháp luật của thế gian, sẽ chẳng làm những chuyện trái nghịch.

Nếu đệ tử Phật tại gia hay xuất gia có thể thường xuyên suy xét cẩn kẽ: “Ta làm chuyện này có xứng đáng với thân phận và phẩm cách của ta hay chẳng? Có phù hợp Phật pháp hay chẳng?”, như thế thì sẽ có thể dẫn khởi, sanh ra Tàm, ngăn ngừa, dứt diệt ác nghiệp.

“*Tội, vị quá thất, trí giả sở yếm hoạn cố*” (Tội là lỗi lầm, chính là điều mà bậc trí chán ghét, lo sầu): Tội là ác nghiệp, là làm lỗi. Tạo các hành vi ác nơi thân thể, ngôn ngữ, và tư tưởng, sẽ bị bậc trí trong thế gian và xuất thế gian quở trách.

“*Tu sĩ giả, vị bất tác chúng tội*” (“Hỗ thẹn” là chẳng làm các tội): Đối với chuyện làm điều ác mà có thể cảm thấy hổ thẹn, sẽ chẳng dám làm chuyện ác. Đối với chuyện ác đã làm, sẽ cảm thấy hổ thẹn. Tuy vẫn chưa phải là thật sự sửa lỗi, hướng thiện, nhưng đã sanh ra sức mạnh, sẽ dần dần sửa lỗi, hướng thiện.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Tàm như sau: “*Vân hà vi Tàm? Y tỵ, pháp lực, sùng trọng hiền thiện vi tánh; đối trị Vô Tàm, chỉ tức ác hạnh vi nghiệp*” (Tàm là như thế nào? Nương vào tỵ lực và pháp lực, có tánh chất đề cao, tôn trọng hiền thiện. Nó có nghiệp dụng đối trị “không hổ thẹn”, dứt bật ác hạnh), [ý nói] thể tánh của Tàm nương vào sức tăng thượng chính mình và sức tăng thượng pháp; [do vậy], sùng kính bậc hiền lương, tôn trọng thiện pháp. Nghiệp dụng của Tàm là có thể đối trị Vô Tàm, ngăn ngừa, dứt diệt các ác hạnh. Ý nghĩa của Vô Tàm sẽ được nói rõ trong phần Tùy Phiền Não.

1.1.2.4.2.1.3.3. Quý

(Luận) Vân hà Quý? Vị tha tăng thượng, ư sở tác tội, tu sĩ vi tánh. Tha tăng thượng giả, vị bố úy, trách phạt, cập nghị luận đẳng.

Sở hữu tội thất, tu sĩ u tha. Nghiệp như Tàm thuyết.

(論)云何愧？謂他增上。於所作罪。羞恥為性。他增上者謂怖畏責罰。及議論等。所有罪失。羞恥於他。業如慚說。

(*Luận: Quý là như thế nào? Ý nói có tánh chất do nương vào sức tăng thượng của người khác mà hổ thẹn đối với tội đã làm. “Sức tăng thượng của người khác” chính là sợ hãi [người khác] trách phạt và bàn tán v.v... Đối với tất cả tội lỗi [đã trót làm], bèn xấu hổ với người khác. Nghiệp dụng [của Quý] như đã nói trong [phần luận định về] Tàm).*

Thế tánh của Quý, “*tha tăng thượng, u sở tác tội, tu sĩ vi tánh*” (có tánh chất do vì sự tăng thượng của người khác mà hổ thẹn đối với tội đã làm): Nương vào sức tăng thượng của sự chánh đáng và dư luận trong thế gian, đối với tội nghiệp do chính mình đã làm, bèn cảm thấy hổ thẹn. Nghiệp dụng của Quý “*như Tàm sở thuyết*” (như đã nói trong phần [luận định về] Tàm), tức là nó có thể ngăn ngừa, dứt diệt ác nghiệp.

“*Tha tăng thượng*” còn gọi là “*thế gian tăng thượng*”, như dư luận trong xã hội chính là ngôn luận biểu lộ quan niệm chung trong xã hội. Nếu phù hợp các chuẩn tắc về chánh nghĩa, thì sự phê bình, chỉ trích của dư luận v.v... sẽ có tác dụng tăng thượng “*uớc chế chuyện làm ác, khích lệ thiện hạnh*” đối với dân chúng. Ngược lại, nếu dư luận xã hội là nói nhăng, nói cuội, rối loạn từng phèo, chẳng phù hợp các chuẩn tắc về chánh nghĩa, sẽ ngược lại có phản tác dụng “*khích lệ ác hạnh, uớc chế thiện hạnh*”!

“*Tha tăng thượng giả, vị bố úy, trách phạt, cập nghị luận đấng, sở hữu quá thất, tu sĩ u tha*”, [ý nói] “*tha tăng thượng*” là nỗi sợ hãi bị đại chúng coi thường, quở trách, trừng phạt, và sự phê bình, chỉ trích của dư luận. Do vậy, đối với chuyện làm điều ác, sẽ cảm thấy hổ thẹn, chẳng dám làm chuyện ác.

Khá nhiều chuẩn tắc đạo đức đối với sự việc trong thế gian chính là chuẩn tắc dựa trên phong tục tập quán tốt lành của xã hội. Trong pháp luật, chẳng có văn bản chế định cụ thể, nhưng trong phong tục tập quán xã hội thì cho rằng đó là những chuyện chẳng nên làm. Giả sử trót phạm, sẽ bị đại chúng và dư luận trách phạt, phê bình.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Quý như sau: “*Vân hà*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

vi Quý? Ý thế gian lực, kinh cự bạo ác vi tánh. Đối trị Vô Quý, chỉ tức ác hạnh vi nghiệp” (Quý là như thế nào? Có tánh chất nương vào sức thế gian để nhẹ nhàng cự tuyệt sự bạo ác. Quý có nghiệp dụng đối trị Vô Quý, ngưng dứt ác hạnh), [ý nói] thế tánh của Quý là nương vào sức tăng thượng của thế gian để xa lìa kẻ hung bạo, cự tuyệt ác pháp. Nghiệp dụng của Quý là có thể đối trị Vô Quý, ngăn ngừa, dứt diệt ác hạnh. Ý nghĩa của Vô Quý sẽ được nói rõ trong phần Tùy Phiền Não.

1.1.2.4.2.1.3.4. Vô Tham

(Luận) Vân hà Vô Tham? Vị Tham đối trị, linh thâm yếm hoạn, vô trước vi tánh. Vị u chư Hữu, cập Hữu tư cụ, nhiễm trước vi Tham, bỉ chi đối trị, thuyết vi Vô Tham. Thử tức u Hữu cập Hữu tư cụ, vô nhiễm trước nghĩa. Biến tri sanh tử chư quá thất cố, danh vi yếm hoạn. Ác hạnh bất khởi sở y vi nghiệp.

(論)云何無貪？謂貪對治。令深厭患。無著為性。謂於諸有。及有資具。染著為貪。彼之對治。說為無貪。此即於有。及有資具。無染著義。遍知生死諸過失故。名為厭患。惡行不起。所依為業。

(Luận: Vô Tham là như thế nào? Tức là có tánh chất đối trị Tham, khiến cho chán lo sâu xa, không chấp trước. Ý nói: Đối với các Hữu và những thứ cần dùng cho cuộc sống trong các Hữu, vì đắm nhiễm mà tham. Để đối trị điều này, bèn nói Vô Tham. Đây chính là ý nghĩa “vô nhiễm” đối với các Hữu và những thứ cần dùng cho cuộc sống trong các Hữu. Do biết trọn khắp làm lỗi của sanh tử, nên gọi là “yếm hoạn” (chán ngán vì họa hoạn). Nghiệp dụng của nó là làm chỗ nương tựa khiến cho ác hạnh chẳng dấy lên).

Vô Tham, Vô Sân, và Vô Si được gọi là “tam thiện căn”, là căn bản của hết thảy các thiện pháp. Ngược lại, Tham, Sân, Si được gọi là “tam bất thiện căn”, là căn bản của hết thảy các pháp bất thiện (ác pháp).

Vô Tham là “Tham đối trị” (nhằm đối trị Tham), chẳng phải là “không có Tham”, mà là có thể đối trị lòng Tham, có thể hàng phục lòng Tham, cho đến trừ diệt Tham. “Chẳng có Tham” là tiêu cực, [bởi lẽ] hữu tình chẳng có Tham, sẽ có thể có các phiền não như Sân v.v...

Thế tánh của Vô Tham là “linh thâm yếm hoạn, vô trước vi

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

tánh” (có tánh chất khiến cho [người tu tập] chán lo [tham đắm] sâu xa, chẳng chấp trước). Quan sát trọn khắp lỗi ác của sanh tử trong tam giới, có thể đối với y báo và chánh báo trong tam giới mà sanh lòng chán lìa sâu đậm, chẳng sanh lòng đắm nhiễm. Nghiệp dụng của Vô Tham là “*ác hạnh bất khởi sở y vi nghiệp*” (nghiệp dụng là Vô Tham làm chỗ nương tựa để chẳng dây khởi ác hạnh), tức là khiến cho ác hạnh chẳng thể sanh khởi. Ác hạnh bao gồm các ác hạnh nơi thân, ngữ, ý. Như trong mười bất thiện nghiệp, ác hạnh nơi thân là sát sanh, trộm cắp, và tà dâm; ác hạnh nơi ngữ là nói dối, nói đòi chiều, ác khẩu, và nói thêu dệt. Ác hạnh nơi ý là tham dục, sân khuê, và tà kiến.

Thê tánh của Tham là “*ư chư Hữu, cập Hữu tư cụ, nhiễm trước*”, nghĩa là sanh khởi lòng nhiễm đắm đối với các Hữu và những vật dụng thuộc các Hữu. “*Chư Hữu*” chính là Dục Hữu, Sắc Hữu, và Vô Sắc Hữu (Tam Hữu), cũng là thân tâm của hữu tình trong tam giới. Hữu tình trong Dục Giới bao gồm địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A Tu La, người, và chư thiên trong Dục Giới. Hữu tình trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới chính là chư thiên thuộc Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới. “*Tư cụ trong các Hữu*” chính là các thứ vật dụng, vật chất giúp cho hữu tình sanh tồn. Chẳng hạn như nhân loại có thể tiếp tục sanh tồn thì cần phải có những thứ hỗ trợ như y phục, thức ăn v.v... “*Khi thế giới*” như núi, sông, đại địa, cỏ cây, rừng rậm v.v... cũng là những “*tư cụ*” để nhân loại nương tựa.

“*Bỉ chi đối trị, thuyết vi Vô Tham*” (Để đối trị điều ấy, bèn nói Vô Tham): Thiện pháp để đối trị Tham chính là Vô Tham. “*Thử tức ư Hữu cập Hữu tư cụ, vô nhiễm trước nghĩa*” [nghĩa là] Vô Tham chính là chẳng đắm nhiễm các Hữu và những thứ giúp cho cuộc sống trong các Hữu. Ý nghĩa của Tham sẽ lại được nói rõ trong phần Căn Bản Phiền Não.

“*Biến tri sanh tử chư quá thất cố, danh vi yếm hoạn*” (Biết trọn khắp các lầm lỗi của sanh tử, nên gọi là chán ngán, sầu lo): “*Biến tri*” (遍知) là biết rõ thấu triệt, trọn khắp. Biết rõ thấu triệt các thứ lầm lỗi và họa hoạn của quả báo sanh tử, bèn sanh khởi tác dụng tâm lý chán lìa. Có trí huệ để phán đoán dứt khoát lỗi lầm nơi cảnh giới thì mới có thể chán lìa cảnh giới. Vì thế, tác dụng tâm lý chán lìa ở đây thuộc về trí huệ và một phần Vô Tham. Quan sát bản chất của sự sanh tử trong thế gian là vô thường, khổ, vô ngã, có các thứ lầm lỗi, họa hoạn, [đề ròi] sanh khởi tác dụng tâm lý chán lìa, thì mới có thể chẳng tham luyến, chấp trước thân tâm, danh lợi, ngũ dục v.v...

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Vô Tham như sau: “*Vân hà Vô Tham? Ư Hữu, Hữu cụ, vô trước vi tánh; đối trị tham trước, tác thiện vi nghiệp*” (Vô Tham là như thế nào? Đối với các Hữu và các vật dụng cần thiết cho cuộc sống trong các Hữu, có tánh chất không chấp trước. Nghiệp dụng của nó là đối trị tham đắm, làm lành). Tánh của Vô Tham là đối với Tam Hữu và các thứ cần dùng cho cuộc sống trong Tam Hữu, hoặc nguyên nhân của Tam Hữu, chẳng có tâm tham đắm, ái nhiễm. Nghiệp dụng của Vô Tham là nó có thể đối trị lòng tham đắm, tu tập thiện nghiệp. Thành Duy Thức Luận Thuật Ký giải thích “*Hữu cụ*” (有具) là “*cái nhân để có thể sanh trong Tam Hữu*”. Lại còn nói “*trung hữu, nghiệp, Hoặc, Niết Bàn*” đều thuộc về Hữu Cụ (các thứ cần dùng cho sự sinh tồn trong Tam Hữu). “*Hữu*” (有) là sự tồn tại của hữu tình. Nói theo Duy Thức Học, có những hữu tình trong đời này sau khi tử vong ([Duy Thức Học gọi giai đoạn này là] Tử Hữu), trước khi đầu thai vào lục đạo trong đời sau (Sanh Hữu), phải trải qua trạng thái của sanh mạng Trung Hữu (Trung Âm Thân). Vì chúng sanh khởi Hoặc, tạo nghiệp, sẽ chiêu cảm quả báo trong Tam Hữu. Cho nên nghiệp và Hoặc là nguyên nhân của Tam Hữu. Vì chúng sanh chấp trước Niết Bàn, có thể dẫn khởi Tham v.v... cho nên Niết Bàn cũng là một nguyên nhân của Tam Hữu.

1.1.2.4.2.1.3.5. Vô Sân

(Luận) Vân hà Vô Sân? Vị Sân đối trị, dĩ Từ vi tánh, vị u chúng sanh, bất tổn hại nghĩa. Nghiệp như Vô Tham thuyết.

(論)云何無瞋？謂瞋對治。以慈為性。謂於眾生。不損害義。業如無貪說。

(Luận: Vô Sân là như thế nào? Chính là đối trị Sân, lấy Từ làm tánh. Tức là có ý nghĩa chẳng tổn hại chúng sanh. Nghiệp dụng của Vô Sân giống như đã nói trong phần Vô Tham).

Vô Sân là “*Sân đối trị*” (nhằm đối trị Sân), chẳng phải là “*không có Sân*”, mà là có thể đối trị Sân, có thể hàng phục Sân, cho đến diệt trừ Sân. “*Chẳng có Sân*” là tiêu cực; [bởi lẽ], hữu tình chẳng có Sân thì vẫn có thể là có các phiền não như Tham v.v... Hơn nữa, hữu tình thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới “*tuy chẳng có Sân*” nhưng có các phiền não như Sắc Tham, Vô Sắc Tham v.v... Ý nghĩa của Sân sẽ được nói

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

rõ trong phần Căn Bản Phiền Não.

Thê tánh của Vô Sân “*dĩ Từ vi tánh, vị u chúng sanh, bất tổn hại nghĩa*”, tức là “*từ mẫn chúng sanh*” thì có nghĩa là “chẳng tổn hại chúng sanh”. Nghiệp dụng của Vô Sân, “*ngiệp như Vô Tham thuyết*” (ngiệp dụng của nó giống như đã nói trong phần Vô Tham), [tức là] khiến cho ác hạnh chẳng thể sanh khởi.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Vô Sân như sau: “*Vân hà Vô Sân? Ư Khổ, Khổ cụ, vô khuể vi tánh; đối trị sân khuể, tác thiện vi nghiệp*” (Vô Sân là như thế nào? Đối với Khổ, Khổ Cụ, có tánh chất không nóng giận. Nghiệp dụng của nó là đối trị sân khuể, làm lành), [ý nói] thê tánh của Vô Sân là đối với Tam Khổ và những thứ tư cụ (những thứ giúp cho sự tăng trưởng hoặc tồn tại) của Tam Khổ, hoặc là nguyên nhân của Tam Khổ, sẽ chẳng có sân khuể. Thành Duy Thức Luận Thuật Ký giải thích Khổ chính là Tam Khổ, tức Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ. Lại giải thích Khổ Cụ là “*hết thấy những gì có thể sanh ra khổ thì đều là Khổ Cụ*”, tức là những thứ có thể giúp cho Tam Khổ phát sanh, hoặc là nguyên nhân sanh ra Tam Khổ. Nghiệp dụng của Vô Sân là có thể đối trị sân khuể, tu tập thiện nghiệp.

Thật ra, đối trị Sân dễ hơn đối trị Tham, vì Dục Giới mới có Sân. Sắc Giới và Vô Sắc Giới tuy không có Sân, nhưng Sân vẫn chẳng đoạn hết. Nếu chẳng thể tiến hơn bước nữa hòng đoạn Hoặc chúng Chân, trong tương lai, luân hồi vào Dục Giới, vẫn có thể sanh khởi Sân. Đối trị Sân như thế nào? Chủ yếu là tu Từ Tâm Quán, từ mẫn chúng sanh, đây chính là thê tánh của Vô Sân.

1.1.2.4.2.1.3.6. Vô Si

(Luận) Vân hà Vô Si? Vị Si đối trị, như thật chánh hạnh vi tánh. Như thật giả, lược vị Tứ Thánh Đế, quảng vị Thập Nhị Duyên Khởi, u bỉ gia hạnh, thị Chánh Tri nghĩa, nghiệp diệt như Vô Tham thuyết.

(論)云何無癡？謂癡對治。如實正行為性。如實者。略謂四聖諦。廣謂十二緣起。於彼加行。是正知義。業亦如無貪說。

(Luận: Vô Si là như thế nào? Chính là có tánh chất đối trị Si, là chánh hạnh như thật. “Như thật” thì nói đại lược sẽ là Tứ Thánh Đế, nói rộng rãi thì là Thập Nhị Duyên Khởi. Gia công dụng hạnh nơi đó

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

thì là ý nghĩa Chánh Tri. Nghiệp dụng của Vô Si cũng giống như đã nói trong phần Vô Tham).

Vô Si là “*đối trị Si*”, chẳng phải là “*không có Si*”, mà là có thể đối trị Si, có thể hàng phục Si, cho đến trừ diệt Si. “*Không có Si*” là tiêu cực, [bởi lẽ] hữu tình chẳng có Si thì có thể là do chỉ vì thiếu khuyết nhân duyên, trong một sát-na kế tiếp, nhân duyên tụ hội, sẽ sanh khởi các phiền não như Si v.v... Ý nghĩa của Si sẽ được nói rõ trong phần Căn Bản Phiền Não.

Thê tánh của Vô Si “*như thật chánh hạnh vi tánh*” (có tánh chất chánh hạnh như thật), tức là liễu giải Sự Lý chánh xác. Nghiệp dụng của Vô Si, “*ngiệp diệt như Vô Tham thuyết*” (ngiệp dụng giống như đã nói trong phần Vô Tham), [tức là] khiến cho ác hạnh chẳng thể sanh khởi.

“*Như thật giả, lược vị Tứ Thánh Đế, quảng vị Thập Nhị Duyên Khởi, u bỉ gia hạnh, thị Chánh Tri nghĩa*” (Như Thật: Nói đại lược thì là Tứ Thánh Đế, nói rộng rãi thì là Thập Nhị Duyên Khởi. Gia công dụng hạnh nơi ấy thì là ý nghĩa Chánh Tri): “*Như thật*” là như cùng một chân lý sự thật ấy. Nghĩa đại lược là Sự và Lý của Tứ Thánh Đế; nghĩa rộng rãi là Sự và Lý của Thập Nhị Duyên Khởi. “*Chánh hạnh*” là đối với Sự và Lý của Tứ Thánh Đế và Thập Nhị Duyên Khởi, bèn gia công dụng hạnh, liễu giải sâu sắc. Đây chính là ý nghĩa Chánh Tri.

Hết thấy Sự Lý hết sức sâu rộng, nói đơn giản, cốt yếu thì:

1) Nói theo nghĩa đại lược, sẽ là Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, và Đạo Đế. Vì bậc thánh nhân thông đạt Tứ Đế, cho nên Tứ Đế còn được gọi là Tứ Thánh Đế. Tuy phạm phu thân tâm khổ não, sanh khởi vô lượng phiền não, tạo tác vô lượng nghiệp hữu lậu, nhưng chẳng thể như thật thông đạt. Nói theo sự tu chứng, sẽ là “*biết Khổ, đoạn Tập, (hâm mộ Diệt), tu Đạo, chứng Diệt*”.

2) Nói theo nghĩa rộng rãi thì là Thập Nhị Duyên Khởi, tức “*Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Xứ, Lục Xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão, Tử, dấy lên sâu than, khổ, ưu não*”. Đây là luật Lưu Chuyển⁵⁸ của Thập Nhị

⁵⁸ Lưu Chuyển là sanh khởi theo chiều thuận, tức là từ Vô Minh mà có Hành, từ Hành mà có Thức v.v... Hoàn Diệt thì từ lần lượt diệt trừ từ chi cuối cùng của Thập Nhị Duyên Khởi cho đến khởi đầu của nó là Vô Minh.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Duyên Khởi, và “*Vô Minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc diệt thì Lục Nhập Xứ diệt, Lục Nhập Xứ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão, Tử, ưu, bi, khổ não diệt*”. Đây là luật Hoàn Diệt của Thập Nhị Duyên Khởi.

Thật ra, Tứ Đế và Thập Nhị Duyên Khởi tương thông. Liễu giải Tứ Đế, cũng sẽ liễu giải Duyên Khởi. Luật Lưu Chuyển của Thập Nhị Duyên Khởi tương thông với Khổ Đế và Tập Đế. Luật Hoàn Diệt của Thập Nhị Duyên Khởi tương thông với Diệt Đế và Đạo Đế.

Một trong những mục tiêu học tập Phật pháp là giải thoát sanh tử. Nếu có thể liễu giải chánh xác Sự Lý của Tứ Đế và Thập Nhị Duyên Khởi, dẫu chẳng liễu giải học vấn thế gian như Vật Lý Học, Toán Học, Y Học v.v... cũng có thể giải thoát sanh tử, trở thành bậc thánh. Nếu lại có thể khéo léo vận dụng học vấn thế gian, sẽ hữu dụng rất lớn trong việc giáo hóa chúng sanh. Ngược lại, nếu chẳng thể liễu giải chánh xác sự lý của Tứ Đế và Thập Nhị Duyên Khởi, dẫu hết sức liễu giải học vấn thế gian, cũng vẫn là sanh tử luân hồi.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Vô Si như sau: “*Vân hà Vô Si? Ư chư Sự Lý, minh giải vi tánh; đối trị ngu si, tác thiện vi nghiệp*” (Vô Si là như thế nào? Có tánh chất hiểu rõ các Sự Lý; Nó có nghiệp dụng đối trị ngu si, làm lành). [Nghĩa là] thể tánh của Vô Si chủ yếu là liễu giải chánh xác Sự Lý của Tứ Đế và Thập Nhị Duyên Khởi. Nghiệp dụng của Vô Si là đối trị ngu si và tu tập thiện nghiệp.

1.1.2.4.2.1.3.7. Tinh Tấn

(Luận) Vân hà Tinh Tấn? Vị giải đãi đối trị, thiện phẩm hiện tiền, cần dũng vi tánh. Vị nhược bị giáp, nhược gia hạnh, nhược vô khiếp nhược, nhược bất thoái chuyển, nhược vô hỷ túc, thị như thử nghĩa, viên mãn thành tựu thiện pháp vi nghiệp.

(論)云何精進？謂懈怠對治。善品現前。勤勇為性。謂若被甲。若加行。若無怯弱。若不退轉。若無喜足。是如此義。圓滿成就。善法為業。

(Luận: Tinh Tấn là như thế nào? Chính là đối trị giải đãi, thiện phẩm hiện tiền, siêng năng, dũng mãnh làm tánh, tức là hoặc mặc giáp, hoặc gia hạnh, hoặc chẳng sợ hãi, yếu đuối, hoặc chẳng thoái chuyển,

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

hoặc chẳng vui mừng cho là đủ. Do có các nghĩa như vậy mà viên mãn thành tựu thiện pháp, đó là nghiệp dụng [của Tinh Tấn].

Thê tánh của Tinh Tấn là có thể đối trị giải đãi, “*thiện phạm hiện tiền, dũng cần vi tánh*” (có tánh chất [khiến cho] các điều thiện hiện tiền, siêng năng, dũng mãnh). Vì liễu sanh tử mà dấy lên các thiện pháp như Vô Tham, Vô Sân, Vô Si v.v... và siêng năng, dũng mãnh chế phục, diệt trừ các ác pháp như Tham, Sân, Si v.v... Nghiệp dụng của Tinh Tấn là “*viên mãn thành tựu thiện pháp vi nghiệp*”, tức là [có nghiệp dụng] thành tựu viên mãn thiện pháp. Ý nghĩa của Giải Đãi sẽ được nói rõ trong phần Tùy Phiền Não.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Tinh Tấn như sau: “*Cần, vi Tinh Tấn. U thiện ác phạm, tu đoạn sự trung, dũng hãn vi tánh, đối trị giải đãi, mãn thiện vi nghiệp*” (Siêng năng là Tinh Tấn. Trong sự tu tập các thiện phạm và đoạn trừ ác phạm, có tánh chất dũng mãnh, tinh thuần. Nghiệp dụng của [Tinh Tấn] là đối trị giải đãi, trọn vẹn điều thiện). Thê tánh của Tinh Tấn là siêng năng, sốt sắng, dũng mãnh tu thiện, đoạn ác. Nghiệp dụng của Tinh Tấn là có thể đối trị giải đãi, thành tựu viên mãn thiện pháp. Như tu Định đặc Sơ Thiên thì là “*mãn thiện*”, không nhất định phải là chứng đắc thánh quả. Lại giải thích ý nghĩa của chữ “*dũng hãn*”. “*Dũng*” (勇) biểu thị sự thắng tấn. Thiện pháp niệm nào cũng đều cao trời, cho đến tiến lên, trở thành bậc thánh. Đây là loại trừ các pháp tạp nhiễm, tức là loại trừ ác pháp và hữu phú vô ký pháp (有覆無記法)⁵⁹. “*Hãn*” (悍) biểu thị sự tinh thuần, loại trừ bốn pháp vô phú vô ký⁶⁰. Vì hết thấy các pháp có thể chia thành bốn loại: Thiện pháp, bất thiện pháp (ác pháp), hữu phú vô ký pháp, và vô phú vô ký pháp. Do vậy, [từ ngữ] “*dũng hãn*” nhằm hiển thị sự tinh tấn chỉ bao gồm thiện tánh.

Trong quá trình nỗ lực đoạn ác, tu thiện, dựa trên sự sai biệt của tướng trạng, có thể chia đại lược [Tinh Tấn] thành năm loại: “*Vị nhược*

⁵⁹ Hữu phú vô ký (Nivrtāvyākṛta), còn gọi là hữu phú tâm, hoặc hữu phú. Do tánh chất của các pháp này là ô nhiễm, có thể ngăn chướng thánh đạo, ngăn lấp chân tâm, nên gọi là Hữu Phú (Phú là ngăn che). Tuy nó khiến cho tâm bất tịnh, nhưng thế lực của nó rất yếu ớt, mơ hồ, chẳng thể tạo thành cái quả trong đời sau, tức là chẳng thiện, chẳng ác, nên gọi là Hữu Phú Vô Ký.

⁶⁰ Theo Hiền Dương Thánh Giáo Luận quyển 18: “*Vô phú vô ký tâm, chia thành bốn loại, tức là Dị Thục Sanh Tâm, Oai Nghi Lộ Tâm, Công Xảo Xứ Tâm, và Biến Hóa Tâm*”.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

bị giáp, nhược gia hạnh, nhược vô khiếp nhược, nhược bất thoái chuyển, nhược vô hỷ túc”, tức là năm loại Tinh Tấn: Bị Giáp Tinh Tấn, Gia Hạnh Tinh Tấn, Vô Khiếp Nhược Tinh Tấn, Bất Thoái Chuyển Tinh Tấn, và Vô Hỷ Túc Tinh Tấn. Theo A Tỳ Đạt Ma Tập Dị Môn Túc Luận, năm loại Tinh Tấn [vừa nêu trên đây] nhằm thuyết minh [các loại Tinh Tấn] trong kinh Phòng Chư Lậu Ký Biệt, tức là “*hữu thê, hữu cần, dũng hãn, kiên mãnh, bất xả thiện ách*”⁶¹. Đối chiếu để xem, kinh Phòng Chư Lậu Ký Biệt ắt phải có mối liên quan mật thiết với kinh Lậu Tận trong kinh Trung A Hàm.

Ý nghĩa của năm thứ Tinh Tấn:

1) Bị Giáp Tinh Tấn (tinh tấn như mặc áo giáp): Tu học Phật pháp, trước hết là kiên lập tín tâm kiên định, phát khởi chánh nguyện cao tột, như tư duy thiện pháp, công đức của lạc quả, và lỗi lầm, họa hoạn của ác pháp và khổ quả, hòng tăng cường tín nguyện đoạn ác và tu thiện.

2) Gia Hạnh Tinh Tấn (tinh tấn bằng cách gia công dụng hạnh): Tiếp tục siêng năng, phấn chấn, dũng mãnh gia hạnh dụng công, như nỗ lực trì giới, tu Định, tu Huệ, tu Lục Độ v.v...

3) Vô Khiếp Nhược Tinh Tấn (tinh tấn chẳng hèn yếu): Khi tu hành, lúc gặp phải chướng ngại, chẳng sợ hãi, chẳng kinh khiếp, có thể dũng cảm đối diện, bài trừ chướng ngại ổn thỏa.

4) Bất Thoái Chuyển Tinh Tấn (tinh tấn chẳng lui sụt): Khi tu hành, có thể chịu đựng các nỗi khổ như nóng, lạnh v.v... Gặp phải thử thách, cho đến gặp nguy hiểm về sanh mạng, vẫn chẳng thoái thất đạo tâm. Như lúc trì giới, đã phạm phải giới nhỏ bèn sám hối, lại tiếp tục trì giới. Khi tu Định, thân tâm chẳng an ổn, sẽ điều chỉnh thân tâm cho thích nghi, sau đây tiếp tục tu Định.

5) Vô Hỷ Túc Tinh Tấn (tinh tấn, chẳng vì đạt được chút ít mà đã vui mừng cho là đủ rồi): Khi tu hành, thành tựu cảnh giới tốt đẹp bậc thấp, như trì giới, thân tâm thanh tịnh, tu Định đắc Sơ Thiên v.v... Tu trí huệ đạt được Huệ thành tựu bởi Văn, Huệ thành tựu bởi Tư, Huệ thành tựu bởi Tu, hoặc chứng đắc Sơ Quả v.v... đừng nên vì đó mà hoan hỷ, cho là đủ, chẳng tấn tu nữa, hoặc lui sụt. Hãy nên lấy “đạt tới

⁶¹ Theo Thành Duy Thức Luận Tục Thuyên do ngài Minh Dục biên soạn dưới đời Minh: “*Do bảo vệ điều thiện, ngăn trở điều ác, nên gọi là Hữu Thê. Gia công dụng hạnh lại tu kỹ càng, ân cần, nên gọi là Hữu Cần. Không nhường bước, dũng mãnh tăng tấn tốt bậc, nên gọi là Dũng Hãn. Chẳng thoái thất, trực tiếp tiến nhập, không khuất phục, nên gọi là Kiên Mãnh. Trí huệ có thừa, nên gọi là Bất Xả Thiện Ách*”.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

liều thoát sanh tử”, hoặc “thành tựu Phật quả” làm mục tiêu rõ ràng thì mới hoan hỷ, thỏa mãn.

Tu học Phật pháp chính là đánh nhau với ma quân phiền não. Do vậy, có thể dùng năm loại tình huống trong chiến đấu để tỷ dụ năm thứ Tinh Tấn.

1) Trước kia, khi giao chiến với địch quân, điều trước hết phải đội mũ sắt, mặc áo giáp, để ngăn ngừa bị đao gươm đâm chém, hoặc mũi tên xuyên thấu, và cũng phải chuẩn bị đao, gươm, cung tên, cũng phải kiến lập tín nguyện kiên định. Tình huống này ví như Bị Giáp Tinh Tấn.

2) Điều khẩn yếu tiếp theo là phải luyện tập kỹ năng tác chiến, phải dũng cảm tiến đến trước quân địch v.v... Tình huống này ví như Gia Hạnh Tinh Tấn.

3) Phát hiện quân địch, giao chiến với chúng, chẳng sợ hãi, chẳng kinh khiếp. Tình huống này ví như Vô Khiếp Nhược Tinh Tấn.

4) Khi giao chiến, gặp phải thử thách, cho đến bị thương, vẫn chẳng lùi bước. Tình huống này ví như Bất Thoái Chuyển Tinh Tấn.

5) Khi giao chiến, đạt được thắng lợi nhỏ nhất, chớ nên hoan hỷ cho là đủ, phải đạt được thắng lợi hoàn toàn thì mới có thể hoan hỷ, thỏa mãn. Tình huống này ví như Bất Hỷ Túc Tinh Tấn.

Kinh Tạp A Hàm nói: Tinh Tấn chính là Tinh Tấn Căn trong Ngũ Căn, nội dung của nó là: *“Pháp ác bất thiện đã sanh thì khiến cho nó đoạn dứt, tăng trưởng phương tiện, nhiếp tâm, tăng tấn. Pháp ác bất thiện chưa sanh thì chẳng để cho nó dấy lên, tăng trưởng phương tiện, nhiếp tâm, tăng tấn. Thiện pháp chưa sanh thì phải làm cho nó dấy lên, tăng trưởng phương tiện, nhiếp tâm, tăng tấn. Thiện pháp đã sanh thì phải giữ cho nó đừng mất đi, tăng trưởng, phương tiện, nhiếp tâm, tăng tấn”*. Hơn nữa, nội dung của Tứ Chánh Cần trong ba mươi bảy Bồ Đề Phần có nội dung tương đồng với Tinh Tấn Căn. Lại nữa, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận đã có thí dụ thiện xảo về Tứ Chánh Cần⁶².

Tư duy như thế nào thì mới có thể dẫn phát, sanh khởi Tinh Tấn? Đại Trí Độ Luận nói: *“Bồ Tát có ba thứ tư duy: Nếu ta chẳng làm, sẽ chẳng đạt được quả báo. Nếu ta chẳng tự làm, sẽ chẳng do ai khác mà có. Nếu ta làm thì sẽ trọn chẳng mất đi. Tư duy như thế, ắt sẽ tinh tấn.*

⁶² Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, quyển 15, có đoạn: *“Đoạn dứt ác pháp đã sanh ví như trừ rắn độc; đoạn trừ ác pháp chưa sanh ví như ngăn lấp dòng chảy trước khi nó hình thành; tăng trưởng thiện pháp ví như tưới tắm cho mầm cây sanh quả ngọt. Đối với thiện sự chưa sanh khởi thì [kiên nhẫn] như dùi gõ lấy lửa”*.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Vì Phật đạo mà siêng tu chuyên ròng, chẳng buông lung”. Đây chính là giống như nói: “Ai ăn cơm người ấy no, sanh tử của ai, người ấy tự giải quyết”. Tu học Phật pháp, chính mình phải tự tinh tấn tu học, chẳng ai khác có thể thay thế. Hơn nữa, tạo tác thiện nghiệp, sức thiện nghiệp nhất định chẳng bị mất đi, nhân duyên tụ họp, sẽ cảm quả báo phước lạc!

1.1.2.4.2.1.3.8. Khinh An

(Luận) Vân hà Khinh An? Vị thô trọng đối trị, thân tâm điều dưỡng, kham năng vi tánh, vị năng khí xả thập bất thiện hạnh, trừ chướng vi nghiệp. Do thử lực cố, trừ nhất thiết chướng, chuyển xả thô trọng.

(論)云何輕安？謂麤重對治。身心調暢。堪能為性。謂能棄捨十不善行。除障為業。由此力故。除一切障。轉捨麤重。

(Luận: Khinh An là như thế nào? Chính là đối trị sự thô tháp, nặng nề, có tánh chất có thể làm cho thân tâm điều hòa, thông thuận, có thể kham [đoạn ác, tu thiện]. Tức là có nghiệp dụng có thể vứt bỏ mười hạnh bất thiện, trừ chướng. Do sức ấy, trừ hết thảy các chướng, chuyển bỏ thô nặng).

Khinh An: Là bỏ thô nặng là Khinh (nhẹ nhàng). Thân tâm điều hòa, thông thuận là An. Khinh An là pháp thuộc Sắc Giới Định trở lên, có thể đối trị “thô trọng”, [tức là] tiêu trừ chướng ngại, khổ não nơi thân tâm, khiến cho thân tâm an hòa, bình lặng, thoải mái.

Thế tánh của Khinh An là “thân tâm điều dưỡng, kham năng vi tánh”, [ý nói] thân lẫn tâm đều rất điều hòa, thoải mái, có thể đảm nhiệm mạnh mẽ chuyện đoạn ác, tu thiện, tức là “năng khí xả thập bất thiện hạnh” (có thể vứt bỏ mười hạnh bất thiện) v.v... Nghiệp dụng của Khinh An là “trừ chướng vi nghiệp. Do thử lực cố, trừ nhất thiết chướng, chuyển xả thô trọng” (có nghiệp dụng trừ chướng. Do sức ấy, trừ hết thảy các chướng, chuyển bỏ thô, nặng), [nghĩa là] có thể tiêu trừ hết thảy chướng ngại nơi thân và tâm, chuyển bỏ thô nặng, đạt được Khinh An. Như từ thân tâm Dục Giới chuyển thành thân tâm thuộc Sắc Giới. Mười hạnh bất thiện là chướng ngại cho sự tu Định, là pháp thuộc về Dục Giới. Thật ra, tu Định phải điều phục mười hạnh bất thiện, hoặc

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

điều phục Ngũ Cái, tức “*tham, sân, điều cử ác tác, hôn trầm thùy miên, nghi*” thì mới dẫn khởi phát sanh Khinh An. Sau khi đã dẫn phát Khinh An, thân tâm an hòa, bình lặng, thoải mái. Lại còn có thể đảm nhiệm dễ dàng chuyện điều phục mười hạnh bất thiện và Ngũ Cái.

Khinh An có thể chia thành thân Khinh An và tâm Khinh An. Trong tạng luận Bắc Truyền, Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ⁶³ chủ trương: Thân Khinh An là sự Khinh An tương ứng với năm Thức trước (Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v...); tâm Khinh An là sự Khinh An tương ứng với Thức thứ sáu. Luận Nam Truyền nói: “*Tướng trạng đặc trưng của thân Khinh An là khiến cho Tâm Sở bình lặng. Tướng trạng đặc trưng của tâm Khinh An là khiến cho Tâm Vương bình lặng*”. Ở đây, [chúng tôi giảng giải] chiếu theo chủ trương của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Nếu nghiên cứu thâm nhập, [sẽ thấy] Khinh An là pháp từ Sắc Giới Định trở lên, vì sao có thể tương ứng với năm Thức trước? Có giáo nghĩa chủ trương: Vì là điều thiện dẫn khởi bởi Định, cũng có sự điều hòa, thanh thản, cho nên năm Thức cũng tương ứng với Khinh An. Hơn nữa, Khinh An có thể chia thành Vô Lậu Khinh An và Hữu Lậu Khinh An. Vô Lậu Khinh An là Khinh An tương ứng với Vô Lậu Trí, trừ bỏ Hữu Lậu thô nặng. Vì thô nặng có cả ba tánh, cho nên thiện pháp hữu lậu trong Dục Giới cũng có thể là thô nặng. Hữu Lậu Khinh An là tạm thời hàng phục sự thô nặng của phiền não.

“Thô nặng” có hai loại:

- Một là chủng tử của Phiền Não Chương và Sở Tri Chương, vì tánh của chúng [khiến cho chúng sanh] chẳng thể chịu đựng được, nên gọi là “thô nặng”.

- Hai là chủng tử của hai thứ chương ấy dẫn khởi khiến cho thân tâm hôn trầm, tối tăm, nặng nề, chẳng thể an hòa, mang tánh chất chẳng thể chịu đựng được, nên cũng gọi là “thô nặng”.

⁶³ Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivādin), hay gọi tắt là Nhất Thiết Hữu Bộ, là một bộ phái Phật giáo thời sơ khởi, tách ra từ Thượng Tọa Bộ (Sthaviravādin), chủ trương mọi sự đều có, đều tồn tại. Quan điểm của bộ phái này có thể coi như nằm giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tác phẩm quan trọng nhất của bộ phái này là bộ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận do ngài Thế Thân biên soạn và Đại Tỳ Bà Sa Luận do ngài Thế Hữu biên soạn. Họ chủ trương các pháp hữu vi được chia làm bốn loại là Sắc pháp, tâm pháp, tâm sở hữu pháp (các hoạt động tâm lý) và tâm bất tương ứng hành pháp. Họ cho rằng các pháp hữu vi không từ đâu sanh ra, chúng luôn tồn tại, chỉ đổi từ trạng thái tiềm tàng sang hiện hữu.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“Thô nặng” và Ngũ Uẩn là “*chẳng một, chẳng khác*”. “Thô nặng” chẳng phải là Ngũ Uẩn, mà cũng chẳng tồn tại độc lập lìa khỏi Ngũ Uẩn được. “Thô nặng” được nói ở đây chính là loại thứ hai.

Đối ứng với thân Khinh An và tâm Khinh An, thô nặng cũng có thể chia thành thân thô nặng và tâm thô nặng. Nguyên nhân nào sanh khởi thân thô nặng và tâm thô nặng? Làm thế nào để dứt trừ thân thô nặng và tâm thô nặng? Nếu vì thân thể quá mệt mỏi, dẫn phát thân tâm thô nặng, thì hãy thay đổi tư thế của thân thể, hoặc nghỉ ngơi, sự thô nặng nơi thân tâm sẽ chấm dứt. Nhưng điều này chẳng phải là biểu lộ sự Khinh An nơi thân tâm, vì Khinh An là pháp thuộc về thượng giới. Nếu vì tìm cầu, xét đoán quá mức, vọng tưởng toi bời, dẫn đến sự thô nặng nơi thân tâm, hãy tu Chỉ, tâm chuyên chú nơi một cảnh, sự thô nặng nơi thân tâm sẽ chấm dứt. Nếu vì tâm lực kém cỏi mà hôn trầm, buồn ngủ vẩn vít, quấy nhiễu, dẫn đến sự thô nặng nơi thân tâm, hãy tu duy pháp nghĩa, hoặc tư duy công đức của Tam Bảo v.v... sự thô nặng nơi thân tâm sẽ chấm dứt. Nếu vì chẳng hàng phục hoặc đoạn trừ phiền não, mà chưa thể xả lìa sự thô nặng nơi thân tâm, hãy nên tiếp tục siêng tu Bát Chánh Đạo, hàng phục phiền não, cho đến đoạn trừ phiền não, sự thô nặng nơi thân tâm sẽ tạm thời ngưng dứt hoặc rốt ráo lìa bỏ.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Khinh An như sau: “*An vị Khinh An, viễn ly thô trọng, điều sửng thân tâm, kham nhậm vi tánh. Đối trị hôn trầm, chuyển y vi nghiệp. Vị thử phục trừ năng chướng Định pháp, linh sở y chỉ chuyển an thích cố*” (An là nói tới sự yên vui nhẹ nhàng, xa lìa sự thô nặng, khiến cho thân tâm điều hòa, thoải mái, có tánh kham nhậm⁶⁴. Nghiệp dụng của nó là đối trị hôn trầm, chuyển y (chuyển đổi sự nương cậy vào các pháp gây nên thô nặng nơi thân và tâm), tức là chế phục, trừ khử các pháp có thể gây chướng ngại cho Định, khiến cho cảnh mà ta nương tựa vào sẽ chuyển thành an vui, thích nghi). Ý nghĩa về thể tánh của Khinh An [như đã nói trong Thành Duy Thức Luận] tương đồng với luận này. “*Xa lìa thô nặng*” chính là hàng phục, diệt trừ các pháp gây chướng ngại cho Định. Hữu Lậu Khinh An là hàng phục pháp gây chướng ngại cho Định. Vô Lậu Khinh An là diệt trừ pháp gây chướng ngại cho Định. Nghiệp dụng của Khinh An [theo Thành Duy Thức Luận] là “*đối trị hôn trầm,*

⁶⁴ “*Kham nhậm*” ở đây có thể hiểu là có khả năng hoạt động bình thường, chẳng hạn như Nhân Căn có tác dụng thấy sắc pháp. Tác dụng ấy hoạt động đúng lẽ khiến cho mắt thấy các sắc đúng mực thì gọi là “*kham nhậm*” (có thể đảm nhiệm công năng của nó).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

chuyển y vi nghiệp” (có nghiệp dụng đối trị hôn trầm, chuyển đổi sự nương cậy vào pháp thô nặng trong thân tâm), còn luận này thì là “trừ hết thấy các chướng, chuyển bỏ thô nặng”. Trừ hết thấy các chướng là nói theo thông chướng (chướng ngại tổng quát). Đối trị hôn trầm chính là nói theo biệt chướng (chướng ngại riêng biệt), vì hôn trầm “khiến cho cái tâm đối với cảnh chẳng có tánh chất kham nhận”. Do vậy, đây là chướng ngại chủ yếu cho Khinh An. “Chuyển y” (轉依) là chuyển bỏ chỗ nương cậy của sự thô nặng nơi thân tâm, chuyển biến thân tâm thành an hòa, bình lặng, thoải mái, nhưng đây chẳng phải là ý nghĩa “chuyển y” hòng thành tựu Phật quả. Ý nghĩa của Hôn Trầm sẽ được nói rõ trong phần Tùy Phiền Não.

1.1.2.4.2.1.3.9. Bất Phóng Dật

(Luận) Vân hà Bất Phóng Dật? Vị phóng dật đối trị, y chỉ Vô Tham nãi chí Tinh Tấn, xả chư bất thiện, tu bỉ đối trị chư thiện pháp cố. Vị tham, sân, si, cập dĩ giải đãi, danh vi Phóng Dật. Đối trị bỉ cố, thị Bất Phóng Dật. Vị y Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn tứ pháp, đối trị bất thiện pháp, tu tập thiện pháp cố. Thế, xuất thế gian chánh hạnh sở y vi nghiệp.

(論)云何不放逸？謂放逸對治。依止無貪。乃至精進。捨諸不善。修彼對治諸善法故。謂貪瞋癡。及以懈怠。名為放逸。對治彼故。是不放逸。謂依無貪。無瞋。無癡。精進四法。對治不善法。修習善法故。世出世間正行所依為業。

(Luận: Bất Phóng Dật là như thế nào? Chính là để đối trị Phóng Dật (buông lung). Nương cậy từ Vô Tham cho đến Tinh Tấn để bỏ các điều bất thiện. Tu các pháp thiện pháp để đối trị điều ấy, có nghĩa là tham, sân, si cùng với giải đãi được gọi là Phóng Dật. Cái để đối trị điều ấy chính là Bất Phóng Dật, tức là nương vào bốn pháp Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn để đối trị pháp bất thiện, tu tập thiện pháp. Nghiệp dụng của nó làm chỗ nương tựa cho các chánh hạnh thế gian và xuất thế gian).

Thế tánh của Bất Phóng Dật là pháp giả hữu, tức là nương cậy vào bốn pháp Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn mà giả lập. “Đối trị

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

bất thiện pháp, tu tập thiện pháp”. Như Vô Tham đối trị Tham, Vô Sân đối trị Sân, Vô Si đối trị Si, Tinh Tấn đối trị Giải Đãi. Nghiệp dụng của Bất Phóng Dật là “*thế, xuất thế gian chánh hạnh sở y vi nghiệp*” (có nghiệp dụng làm chỗ nương tựa cho các chánh hạnh thế gian và xuất thế gian), nó có thể thành tựu các chánh hạnh thế gian và xuất thế gian. Thiện pháp thế gian như cứu tế kẻ bần cùng, thương xót, giúp đỡ cô nhi v.v... Thiện pháp xuất thế gian như tu hành đạo giải thoát, đạt đến mục tiêu giải thoát sanh tử, hoặc tu hành Bồ Tát đạo, nhằm đạt đến mục tiêu thành Phật đạo viên mãn.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Bất Phóng Dật như sau: “*Bất Phóng Dật giả, Tinh Tấn, tam căn, u sở đoạn tu, phòng tu vi tánh; đối trị Phóng Dật, thành mãn nhất thiết thế, xuất thế gian thiện sự vi nghiệp*” (Bất Phóng Dật là Tinh Tấn ba căn, đối với sự tu tập nhằm đoạn trừ, nó có tánh chất tu tập để ngăn ngừa. Nghiệp dụng của nó là đối trị Phóng Dật, thành tựu viên mãn hết thảy các thiện sự thế gian và xuất thế gian). Thể tánh của Bất Phóng Dật là nương vào Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn, ngăn ngừa các ác pháp đáng nên đoạn trừ, tu hành các thiện pháp đáng nên tu. Nghiệp dụng của Bất Phóng Dật là có thể đối trị Phóng Dật, thành tựu viên mãn hết thảy các thiện sự thế gian và xuất thế gian. Ý nghĩa của Phóng Dật sẽ được nói rõ trong phần Tùy Phiền Não.

Vì sao Bất Phóng Dật nương cậy bốn pháp Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, và Tinh Tấn, mà chẳng nương theo sáu thứ Thiện Tâm Sở như Tín v.v...? Vì Vô Tham, Vô Sân, Vô Si là ba thiện căn, là căn bản của hết thảy các thiện pháp. Tinh Tấn là sách tấn trọn khắp hãy đoạn ác tu thiện, thế lực và tác dụng của nó mạnh mẽ, vượt trội. Sáu thứ Thiện Tâm Sở như Tín v.v... chẳng phải là thiện căn và sách tấn trọn khắp, thế lực và tác dụng của chúng nó yếu ớt, cho nên chẳng phải là pháp đề y chỉ của Bất Phóng Dật.

Kinh Tạp A Hàm nói: “*Chúng chúng thiện pháp, giai y Bất Phóng Dật vi bản*” (Các thứ thiện pháp, đều dựa trên Bất Phóng Dật làm gốc). Du Già Sư Địa Luận lại nói năm thứ Bất Phóng Dật, biểu thị: Muốn đạt được tài vật và danh dự thế gian, đều cần đến Bất Phóng Dật, hưởng hồ tu học Phật pháp! Hơn nữa, đức Phật cũng y chỉ Bất Phóng Dật mà thành tựu Phật quả. Do vậy có thể thấy rằng: Bất luận tu thiện pháp thế gian, hoặc tu thiện pháp xuất thế gian, Bất Phóng Dật đều rất trọng yếu.

Đại Trí Độ Luận dùng thí dụ “đi xa” để nói rõ sự sai biệt và mỗi

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

quan hệ giữa Dục, Tinh Tấn, và Bất Phóng Dật. Dục là động cơ (motivation) đi xa, Tinh Tấn là bắt đầu đi xa, chẳng ngưng nghỉ. Bất Phóng Dật là không ngừng sách tấn, khích lệ chính mình đạt tới mục đích của chuyến đi xa, chẳng bị những chuyện khác làm chậm trễ, ngăn trở. Mỗi quan hệ giữa ba thứ ấy là nương theo Dục mà tinh tấn, nương theo Tinh Tấn bèn Bất Phóng Dật, nương vào Bất Phóng Dật mà sanh khởi các thiện pháp, cho đến thành tựu Phật đạo.

1.1.2.4.2.1.3.10. Xả

(Luận) Vân hà Xả? Vị y như thị Vô Tham, Vô Sân, nãi chí Tinh Tấn, hoạch đắc tâm bình đẳng tánh, tâm chánh trực tánh, tâm vô công dụng tánh. Hựu phục do thử, ly chư tạp nhiễm pháp, an trụ thanh tịnh pháp. Vị y Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn tánh cố, hoặc thời viễn ly hôn trầm, điều cử chư quá thất cố, sơ đắc tâm bình đẳng. Hoặc thời nhậm vận vô miên lệ cố, thứ đắc tâm chánh trực, hoặc thời viễn ly chư tạp nhiễm cố, tối hậu hoạch đắc tâm vô công dụng, nghiệp như Bất Phóng Dật thuyết.

(論)云何捨？謂依如是無貪。無瞋。乃至精進。獲得心平等性。心正直性。心無功用性。又復由此。離諸雜染法。安住清淨法。謂依無貪。無瞋無癡。精進性故。或時遠離昏沈掉舉諸過失故。初得心平等。或時任運無勉勵故。次得心正直。或時遠離諸雜染故。最後獲得心無功用。業如不放逸說。

(Luận: Xả là như thế nào? Tức là nương vào Vô Tham, Vô Sân, cho đến Tinh Tấn như thế mà đạt được tâm bình đẳng tánh, tâm chánh trực tánh, tâm vô công dụng tánh. Lại còn do điều này mà lìa khỏi các pháp tạp nhiễm, an trụ nơi pháp thanh tịnh. Tức là do nương vào tánh của Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn, mà có lúc xa lìa các làm lỗi như hôn trầm, điều cử v.v... thoạt đầu đã đạt được cái tâm bình đẳng. Hoặc có lúc tùy ý chẳng cần phải đốc thúc, khích lệ, kế đó là đạt được cái tâm chánh trực. Hoặc có lúc vì xa lìa các tạp nhiễm mà cuối cùng đạt được tâm vô công dụng. Nghiệp dụng của nó thì như đã nói trong phần Bất Phóng Dật).

Xả thuộc về Hành Uẩn. Vì để phân biệt với Xả Thọ trong Thọ

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Uẩn, nên lại gọi là Hành Xả. Thể tánh của Hành Xả là pháp giả hữu, “*y như thị Vô Tham, Vô Sân, nãi chí Tinh Tấn, hoạch đắc tâm bình đẳng tánh, tâm chánh trực tánh, tâm vô công dụng tánh*”, tức là nương vào bốn pháp Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, và Tinh Tấn, mà có thể đạt được tâm bình đẳng tánh, tâm chánh trực tánh, tâm vô công dụng tánh. Nghiệp dụng của Hành Xả là “*ngiệp như Bất Phóng Dật thuyết*” (ngiệp dụng như trong phần Bất Phóng Dật đã nói), [tức là] có thể thành tựu chánh hạnh thế gian và xuất thế gian.

“*Tâm bình đẳng tánh, tâm chất trực tánh, tâm vô công dụng tánh*” của Hành Xả thì trong phần Xả Giác Chi của Thất Giác Chi, và Xả trong “*xả niệm thanh tịnh*” của Đệ Tứ Thiên, và Xả Vô Lượng Tâm trong Tứ Vô Lượng tâm cũng đều có nhắc đến.

Tâm bình đẳng tánh “*y Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn tánh cố, hoặc thời viễn ly hôn trầm, điều cử chur quá thất cố, sơ đắc tâm bình đẳng*” (do nương vào tánh Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, và Tinh Tấn, mà có lúc xa lìa các lầm lỗi hôn trầm, điều cử, thoát đầu đạt được cái tâm bình đẳng). Tâm của mọi người bất bình đẳng, nếu chẳng phải là hướng thượng, suy nghĩ loạn xạ, sẽ là hướng xuống dưới mà chìm đắm, uể oải, chẳng phấn chấn. Ngược lại, tâm an trụ nơi Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, nỗ lực đoạn ác, tu thiện, “*ly chur tạp nhiễm pháp, an trụ thanh tịnh pháp*”, (lìa các pháp tạp nhiễm, ở yên trong pháp thanh tịnh), khiến cho cái tâm chẳng lao chao, chẳng hôn trầm, tâm bèn bình đẳng. Nhưng có lúc vẫn có hôn trầm, điều cử, chẳng thể liên tục duy trì trạng thái tâm bình đẳng.

Tâm “chánh trực tánh”: “*Hoặc thời nhậm vận vô miễn lệ cố, thứ đắc tâm chánh trực*” [ý nói]: Liên tục an trụ nơi ba thiện căn, nỗ lực đoạn ác, tu thiện, vì xa lìa pháp tạp nhiễm, mà gia công dụng hạnh. Công phu đã luyện thuần, sẽ có thể tùy ý thuận theo thói quen, tự nhiên mà hành xử, giống như đã tập quen bèn trở thành tự nhiên, chẳng cần phải gắng sức nữa mà có thể duy trì liên tục trạng thái tâm bình đẳng.

Tâm vô công dụng tánh, “*hoặc thời viễn ly chur tạp nhiễm cố, tối hậu hoạch đắc tâm vô công dụng*” (hoặc có lúc do xa lìa các tạp nhiễm, cuối cùng đạt được tâm vô công dụng): Liên tục an trụ trong ba thiện căn, nỗ lực đoạn ác tu thiện, công phu càng thuần thực, chẳng cần phải cố ý gia công dụng hạnh, mà có thể xa lìa các pháp tạp nhiễm vi tế, chẳng phải lo âu, khiếp sợ, liên tục gìn giữ trạng thái tâm bình đẳng.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Hành Xả như sau: “*Vân hà Hành Xả? Tinh Tấn, tam căn, linh tâm bình đẳng, chánh trực, vô*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

công dụng trụ vi tánh, đối trị điều cử, tĩnh trụ vi nghiệp” (Hành Xả là như thế nào? Ba căn như Tinh Tấn có tánh chất khiến cho cái tâm bình đẳng, chánh trực, vô công dụng trụ. Nó có nghiệp dụng đối trị điều cử, trụ nơi tịch tĩnh). Ý nghĩa về thể tánh của Hành Xả [trong bộ luận ấy] tương đồng với bộ luận này. Nghiệp dụng của Hành Xả là nhằm đối trị điều cử, an trụ tịch tĩnh. Thật ra, Hành Xả có thể đối trị hết thảy các pháp gây chướng ngại, vì điều cử là *“tùy ức niệm hỷ lạc đẳng sự, tâm bất tịch tĩnh vi tánh”* (có đặc tánh do nhớ nghĩ chuyện mừng, vui v.v... mà tâm chẳng tịch tĩnh); đây là chướng ngại chánh yếu trong việc an trụ nơi tịch tĩnh. Vì thế, ước theo sự chướng ngại chủ yếu mà nói là *“đối trị điều cử”*. Ý nghĩa của điều cử sẽ được nói rõ trong phần Tùy Phiền Não.

Dựa theo quá trình tu Định mà thuyết minh ba giai đoạn sơ, trung, hậu của Hành Xả:

1) Bắt đầu tu Định, khéo léo điều phục điều cử và hôn trầm, tâm chuyên chú nơi một cảnh, đạt đến trạng thái bình đẳng “chẳng hôn trầm, chẳng điều cử”, nhưng chẳng thể một mực duy trì liên tục. Đây là giai đoạn *“tâm bình đẳng tánh”*.

2) Có khi còn có pháp tạp nhiễm vi tế khiến cho tâm lao chao, hôn trầm. Do vậy, phải gia công dụng hạnh tu Định thì mới có thể duy trì liên tục trạng thái bình đẳng của cái tâm. Đây là giai đoạn *“tâm chánh trực tánh”*.

3) Khi tu Định đến mức thuần thực, chẳng cần phải cố ý gia công dụng hạnh, tự nhiên sẽ chuyên chú một cảnh, liên tục duy trì trạng thái bình đẳng của cái tâm. Đây là giai đoạn *“tâm vô công dụng tánh”*.

Ví như quá trình luyện tập cưỡi ngựa, cũng có ba giai đoạn:

1) Bắt đầu luyện tập cưỡi ngựa, ngựa tùy ý chạy lung tung. Khi ngựa chạy lệch sang bên trái, người cưỡi ngựa phải kéo nó sang bên phải. Khi nó chạy lệch sang bên phải, người cưỡi ngựa phải kéo nó sang bên trái. Dần dà, ngựa sẽ chẳng chạy lệch sang bên trái hay bên phải nữa, nó sẽ chạy chính giữa con đường.

2) Có lúc người cưỡi ngựa chẳng chuyên chú, ngựa vẫn có thể chạy lệch sang trái, hay chạy lệch sang phải, [người cưỡi ngựa] phải cố ý gia công dụng hạnh. Sau khi nỗ lực luyện tập, ngựa sẽ có thể liên tục duy trì trạng thái chạy giữa đường.

3) Khi luyện tập đến mức thuần thực, chẳng cần phải cố ý gia công dụng hạnh, ngựa sẽ liên tục chạy chính giữa con đường.

1.1.2.4.2.1.3.11. Bất Hại

(Luận) Vân hà Bất Hại? Vị Hại đối trị, dĩ Bi vi tánh. Vị do Bi cố, bất hại quần sanh, thị vô sân phân, bất tổn não vi nghiệp.

(論)云何不害？謂害對治。以悲為性。謂由悲故。不害群生。是無瞋分。不損惱為業。

(Luận: Bất Hại là như thế nào? Tức là đối trị Hại, có tánh chất của lòng Bi, nghĩa là do lòng Bi mà chẳng hại quần sanh, tức là chẳng có lòng sân. Nghiệp dụng là chẳng tổn thương, chẳng khiến cho người khác phiền não).

Thể tánh của Bất Hại là pháp giả hữu, tức là một phần của Vô Sân, có thể đối trị Hại. “*Dĩ Bi vi tánh*” (Lấy lòng Bi làm tánh) tức là bi mẫn chúng sanh, chẳng làm tổn thương, gây hại cho chúng sanh. Nghiệp dụng của Bất Hại là “*bất tổn não vi nghiệp*”, tức là chẳng tổn hại, não loạn chúng sanh. Ý nghĩa của Hại sẽ được nói rõ trong phần Tùy Phiền Não.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh Bất Hại như sau: “*Vân hà Bất Hại? Ư chư hữu tình, bất vi tổn não, vô sân vi tánh, năng đối trị Hại, bi mẫn vi nghiệp*” (Bất Hại là như thế nào? Có tánh chất đối với các hữu tình, chẳng làm tổn thương, não hại, chẳng sân. Có nghiệp dụng là bi mẫn). Ý nghĩa Bất Hại [trong bộ luận ấy] tương đồng với luận này.

Bất Hại đã là một phần của Vô Sân, vì sao còn phải đặt riêng thành một pháp? Nương theo Vô Sân, đối với hữu tình, chẳng làm chuyện tổn thương, não hại, nên bèn lập ra Bất Hại. Vô Sân là đối ứng với lòng Sân “đoạn trừ sanh mạng của hữu tình”. Bất Hại nhằm đối ứng với sự gây hại gây tổn thương, não hại hữu tình. Vô Sân là ban sự an vui cho hữu tình, tức là Từ. Bất Hại là trừ khổ não cho hữu tình, tức là Bi. Đây là tướng trạng sai biệt về phần thô giữa Vô Sân và Bất Hại. Do đối với chuyện lợi lạc hữu tình, Từ và Bi có công dụng thù thắng. Vì thế, nhằm hiển thị hành tướng sai biệt của Từ và Bi mà lập riêng một món là Bất Hại.

1.1.2.4.2.1.4. Căn Bản Phiền Não Tâm Sở (chia làm bảy phần)

1.1.2.4.2.1.4.1. Tham

(Luận) Vân hà Tham? Vị ư Ngũ Thủ Uẩn, nhiễm ái, đam trước vi tánh. Vị thử triển phược, luân hồi tam giới, sanh Khổ vi nghiệp. Do ái lực cố, sanh Ngũ Thủ Uẩn.

(論)云何貪？謂於五取蘊。染愛耽著為性。謂此纏縛。輪迴三界。生苦為業。由愛力故。生五取蘊。

(Luận: Tham là như thế nào? Chính là đối với Ngũ Thủ Uẩn, có tánh chất nhiễm ái, đắm chấp. Nghĩa là do sự trói buộc ấy mà luân hồi trong tam giới. [Tham] có nghiệp dụng sanh ra Khổ. Do vì sức ái mà sanh ra Ngũ Thủ Uẩn).

Vì sao những thứ như Tham v.v... được gọi là phiền não? Vì những thứ như Tham v.v... khiến cho tâm phiền rộn, não loạn. Phiền não là căn bản của sự lưu chuyển trong sanh tử. Vì thế, tu học Phật pháp mà muốn giải thoát sanh tử, phải đoạn trừ phiền não. Tục ngữ nói: “*Tri kỷ, tri bỉ, bách chiến, bách thắng*” (Biết người, biết ta, trăm trận trăm thắng). Muốn chiến thắng ma quân phiền não thì phải biết thể tánh và nghiệp dụng của phiền não. Nếu không, phiền não sanh khởi, chính mình chẳng biết địch nhân là ai, còn lầm tưởng nó là bằng hữu!

Trong phiền não, có sáu món Căn Bản Phiền Não, tức là căn bản của hết thảy các phiền não, chính là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, và Bất Chánh Kiến. Bất Chánh Kiến lại bao gồm năm thứ Kiến; do vậy, gọi là “*thập chủng Căn Bản Phiền Não*” (mười loại Căn Bản Phiền Não).

Điều kiện để sanh khởi phiền não, chủ yếu có ba loại:

- 1) Chủng tử của phiền não là Nhân Duyên.
- 2) Cảnh giới của phiền não là Sở Duyên Duyên⁶⁵.
- 3) Tư duy chẳng đúng lý là Tăng Thượng Duyên.

Hàng phục hoặc diệt trừ phiền não, chủ yếu là chuyển những tư duy chẳng đúng lý thành tư duy đúng lý. Tư duy “*các hành vô thường, hữu lậu đều khổ, các pháp vô ngã*”, hoặc “*quán thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã*” thì là tư duy đúng lý. Kế đó, phải xa lìa những cảnh nếu duyên theo sẽ dễ sanh khởi phiền não. Kế đó, phải xa lìa những cảnh được duyên [nếu những cảnh ấy] dễ

⁶⁵ Sở Duyên Duyên (Ālambana-pratyaya) còn gọi là Tác Duyên Duyên, nói đơn giản là những pháp làm duyên cho sở duyên. “*Sở duyên*” (đối tượng được duyên theo) chính là đối tượng của Tâm và Tâm Sở (tác dụng tâm lý). Nếu đối tượng của tâm và tác dụng của tâm (Tâm Sở) trở thành nguyên nhân, khi kết thành quả thì đối tượng của Tâm và Tâm Sở được gọi là Sở Duyên Duyên.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

dàng sanh khởi phiền não, trước hết là có thể xa lìa cảnh sở duyên thuộc Ngũ Câu Ý Thức⁶⁶ (Ảnh Tượng Tướng Phần), tức là Ngũ Căn như Nhãn Căn v.v... chẳng duyên chấp những cảnh dễ sanh khởi phiền não (Bản Chất Tướng Phần) thuộc Ngũ Cảnh như Sắc cảnh v.v... Tiến hơn bước nữa là có thể xa lìa cảnh được duyên bởi Độc Đầu Ý Thức⁶⁷, tức là Ý Căn chẳng duyên chấp những pháp cảnh dễ sanh khởi phiền não.

Thê tánh của Tham “*ư Ngũ Thủ Uẩn, ái nhiễm, đằm trước vi tánh*” (có tánh chất ái nhiễm, đằm chấp đối với Ngũ Thủ Uẩn), [nghĩa là] chủ yếu đối với Ngũ Thủ Uẩn của chính mình hoặc của những hữu tình khác mà ái nhiễm hoặc đằm chấp. Nói rộng hơn, sẽ bao gồm cả sự ái nhiễm, đằm chấp với vô tình (Sắc pháp). Nghiệp dụng của Tham là “*sanh khổ vi nghiệp*” (có nghiệp dụng sanh ra Khổ), tức là “*do ái lực có, sanh Ngũ Thủ Uẩn*” (do sức của Ái mà sanh ra Ngũ Thủ Uẩn). Do vì tham ái mà tạo nghiệp hữu lậu. Lại do tham ái làm trợ duyên, bồi đắp thêm nghiệp lực mà sanh khởi khổ quả Ngũ Thủ Uẩn cho đời sau.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh Tham như sau: “*Vân hà vi Tham? Ư Hữu, Hữu cụ, nhiễm trước vi tánh. Năng chướng Vô Tham, sanh khổ vi nghiệp*” (Tham là như thế nào? Có tánh chất đằm nhiễm đối với Hữu và những thứ cần dùng cho cuộc sống trong các Hữu. Nó có nghiệp dụng chướng ngại Vô Tham, sanh ra khổ). Thê tánh của Tham là đối với Tam Hữu (tam giới) và những thứ cần dùng cho cuộc sống trong Tam Hữu bèn ái nhiễm, đằm chấp. Nghiệp dụng của Tham là có thể chướng ngại Vô Tham, sanh khởi khổ quả.

Ngũ Thủ Uẩn là gì? Ngũ Uẩn là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, và Thức Uẩn. “*Thủ*” (取) là nắm giữ; đó là tên gọi khác của

⁶⁶ Ngũ Câu Ý Thức là Ý Thức được sanh khởi đồng thời với năm thức trước. Tức là khi Căn tiếp xúc Cảnh, sẽ sanh ra Thức. Khi Thức ấy sanh khởi, Ý Thức cũng đồng thời sanh khởi. Chẳng hạn khi Nhãn Căn thấy một bông hoa (Sắc cảnh) sẽ sanh ra Nhãn Thức; lúc đó, Ý Thức cũng đồng thời sanh khởi với Nhãn Thức. Do vậy, ta sẽ biết đó là hoa gì, ta đã từng trông thấy hay chưa, cánh hoa có hình dạng như thế nào v.v... Ngũ Câu Ý Thức có tác dụng giúp Ngũ Thức nhận biết cảnh rõ ràng hơn.

⁶⁷ Độc Đầu Ý Thức nghĩa là Ý Thức sanh khởi độc lập, không cùng sanh với các Thức trước (Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v...). Pháp Tướng Tông chia Ý Thức thành Minh Liễu (hiểu biết rõ ràng), Định Trung (ý thức ở trong định), Độc Tán và Mộng Trung (ý thức khi nằm mộng). Trong ấy, Định Trung, Độc Tán (ý thức do suy nghĩ trong khi tỉnh thức, vì đối tượng của sự suy nghĩ tán mạn nên gọi là Độc Tán), và Mộng Trung Ý Thức do chẳng cùng sanh khởi với các Thức trước, chỉ khởi lên một mình, nên gọi là Độc Đầu Ý Thức.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

phiền não. Chúng sanh chấp giữ Ngũ Uẩn trong đời hiện tại, sanh khởi phiền não, tạo nghiệp hữu lậu, chiêu cảm Ngũ Uẩn cho đời sau. Ngũ Uẩn của bậc thánh nhân đã chứng đắc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, vẫn gọi là Ngũ Thủ Uẩn. Thánh giả A La Hán đoạn trừ Kiến Hoặc và Tư Hoặc, sẽ chẳng chấp giữ Ngũ Uẩn. Vì thế, Ngũ Uẩn của các Ngài chẳng gọi là Ngũ Thủ Uẩn.

“Ái nhiễm” là chúng sanh yêu đắm Ngũ Thủ Uẩn của chính mình, tội bậc khó lìa bỏ, giống như vải trắng sau khi đã nhuộm màu, sẽ cực khó loại bỏ [màu đã nhuộm] được. “Đắm chấp” tức là chúng sanh đắm luyến, dính chặt Ngũ Thủ Uẩn, nắm chặt chẳng bỏ!

Hữu tình trong Dục Giới thường đắm nhiễm Ngũ Cảnh, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc vi diệu, hoặc đắm nhiễm tiền tài, quyền lực địa vị, hoặc đắm nhiễm tình dục nam nữ, ăn uống, ngủ nghỉ v.v... Những thứ tham ái ấy còn dễ xa lìa, diệt trừ. Tham ái đắm nhiễm Ngũ Thủ Uẩn của chính mình cực khó xa lìa, diệt trừ.

“Vị thử triền phược, luân hồi tam giới” (Ý nói do sự trói buộc ấy mà luân hồi trong tam giới). Chúng sanh vì bị tham ái trói buộc, mà sanh tử luân hồi trong tam giới. Tham ái giống như sợi dây thừng trói buộc chúng sanh trong tam giới. Chúng sanh hoặc là do làm thiện nghiệp mà sanh lên cõi trời, cõi người, hoặc do tạo ác nghiệp mà đọa lạc trong địa ngục v.v... Chẳng triệt để đoạn trừ tham ái, sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới.

Chẳng phải là hễ có tiềm lực (sức mạnh ngầm ngầm) của Tham (tức là chủng tử của Tham) thì sẽ nhất định bị đọa lạc trong ác đạo. Như có những kẻ vì tham danh dự, hoặc vì tiềm lực phước lạc trong đời mai sau mà nỗ lực làm thiện sự bố thí. Trong tình huống ấy, tuy chẳng chứng nghiệm chân lý mà đoạn trừ tham ái, Thức thứ bảy vẫn có đặc tánh hữu phú vô ký, tương ứng với Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Ái, và Ngã Mạn; nhưng khi bố thí, do sáu Thức trước tương ứng với Thiện Tâm Sở (như Vô Tham v.v...); cho nên là thiện nghiệp bố thí. Nếu nhằm lúc lâm chung, nhân duyên đã chín muồi, sẽ chiêu cảm quả báo trong đường trời, người.

Tham chính là Ái. Kinh Tạp A Hàm nói nội dung của Tập Đế là Tam Ái⁶⁸. Du Già Sư Địa Luận nói nội dung của Tập Đế là Tứ Ái. Tứ

⁶⁸ Kinh Tạp A Hàm, quyển 14 chép: “*Vân hà Khổ Tập như thật tri? Đương lai hữu ái, hỷ tham ái, bi bỉ lạc trước, thị danh Khổ Tập*” (Làm thế nào biết Khổ Tập đúng như thật? Trong tương lai sẽ có ái, hỷ tham ái và đắm nhiễm yêu thích cảnh giới hỷ lạc trong tương lai).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Ái chính là Ái, Hậu Hữu Ái, Tham Hỷ Câu Hành Ái, và Bĩ Bĩ Hỷ Lạc Ái. Hai thứ trước là Tự Thể Ái (yêu mến thân tâm của chính mình), hai thứ sau là Cảnh Giới Ái (yêu mến cảnh giới). Tự Thể Ái là tham đắm tự thể của hữu tình do Ngũ Uẩn hòa hợp, lại còn gọi là Ngã Ái. Cảnh Giới Ái là mê đắm các thứ vật chất giúp cho sự sanh tồn của hữu tình, lại còn gọi là Tư Cụ Ái, hoặc Ngã Sở Ái.

Tự Thể Ái và Cảnh Giới Ái chú trọng từ hiện tại cho đến vị lai, khai triển thành bốn thứ Ái. Ý nghĩa của Tứ Ái như sau:

- 1) Ái là đắm nhiễm tự thể đã có trong hiện tại.
- 2) Hậu Hữu Ái là đắm nhiễm tự thể sẽ có trong vị lai.
- 3) Tham Hỷ Câu Hành Ái là đắm nhiễm cảnh giới đã đạt được trong hiện tại.
- 4) Bĩ Bĩ Hỷ Lạc Ái là đắm nhiễm cảnh giới mà ta hy vọng sẽ đạt được trong vị lai.

Tập Để là Ái, chính là nguyên nhân của khổ quả sanh tử. Vì thế, muốn giải thoát sanh tử thì phải đoạn trừ Tham Ái. Đoạn trừ Tham Ái như thế nào? Quán chiếu Ngũ Uẩn là “vô thường, khổ, vô ngã”, sẽ có thể triệt để đoạn trừ Tham Ái, giải thoát sanh tử.

1.1.2.4.2.1.4.2. Sân

(Luận) Vân hà Sân? Vị ư quần sanh, tổn hại vi tánh. Trụ bất an ổn, cập ác hạnh sở y vi nghiệp. Bất an ổn giả, vị tổn hại tha, tự trụ khổ cố.

(論)云何瞋？謂於群生。損害為性。住不安隱。及惡行所依為業。不安隱者。謂損害他。自住苦故。

(Luận: Sân là như thế nào? Chính là đối với quần sanh, có tánh chất tổn hại. Nó có nghiệp dụng là trụ trong chẳng an ổn và là chỗ y cứ của ác hạnh. “Chẳng an ổn” là tổn thương, não hại người khác, tự ở trong khổ).

Thê tánh của Sân là “*ư quần sanh, tổn hại vi tánh*”, [ý nói thê tánh của Sân là] tổn hại chúng sanh. Nghiệp dụng của Sân là “*trụ bất an ổn, cập ác hạnh sở y vi nghiệp*”, [ý nói] thân tâm trụ nơi chẳng an ổn, và gây tạo các thứ ác hạnh, như mười bất thiện nghiệp v.v... Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Sân như sau: “*Vân hà vi Sân? Ư Khổ, khổ cụ, tăng khuể vi tánh, năng chương Vô Sân, bất an ổn tánh,*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

ác hạnh sở y vi nghiệp” (Sân là như thế nào? Đối với Khổ, khổ cụ, có tánh chất ghen ghét, nóng giận. Nghiệp dụng của nó là có thể chướng ngại Vô Sân, có tánh chất chẳng an ổn, là chỗ nương tựa của ác hạnh). [Có nghĩa là] thể tánh của Sân là đối với Tam Khổ, cùng những thứ trợ giúp dẫn khởi Tam Khổ phát sanh, hoặc nguyên nhân gây nên Tam Khổ, bèn ôm lòng ghen ghét. Nghiệp dụng của nó giống như luận này đã nói. Tội lỗi của Sân rất nghiêm trọng, giữa người và người với nhau bèn gây hại, tổn thương lẫn nhau, cho đến sự tàn sát giữa các quốc gia với nhau, nổi cừ hận giữa các dân tộc, đều là từ Sân phát triển thành.

“Bất an ổn giả, vị tổn hại tha, tự trụ khổ cố” (“Chẳng an ổn” là tổn thương, não hại người khác, tự ở trong khổ): Đã có Sân, thân tâm bị phiền nhiễu, não loạn, sẽ sử dụng các thứ phương pháp làm tổn thương, gây hại cho chúng sanh, thậm chí tước đoạt sanh mạng của chúng sanh. Khi tổn hại chúng sanh, chính mình cũng bị khổ não.

Trong khi Sân sanh khởi, sẽ đối với người, sự, vật gây nên nổi khổ não bèn bài xích, tổn hại, hoặc thậm chí hủy diệt. Oán hận đủ dạng đủ cách, bạo lực, chiến tranh v.v... đều từ Sân mà ra. Do vậy, tội lỗi của Sân rất nghiêm trọng. Như kinh Phật Di Giáo đã dạy: *“Sân khuể chi hại, năng phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn, kim thể, hậu thể nhân bất hỷ kiến. Đương tri sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phòng hộ, vô linh đắc nhập, kiếp công đức tặc, vô quá sân khuể”* (Cái hại của nóng giận là nó có thể phá các pháp lành, hủy hoại tiếng tăm tốt đẹp, đời này, đời sau, người ta chẳng thích thấy [kẻ sân hận]. Hãy nên biết sân tâm còn hơn lửa dữ, hãy nên thường ngăn ngừa, chẳng để nó xâm nhập. Giặc cướp đoạt công đức không gì hơn sân khuể). Cổ đức đã dùng câu *“một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở”*, hoặc *“lửa sân đốt trụ rường công đức”* để cảnh tỉnh, răn nhắc hành giả phải an nhẫn cảnh trái nghịch, đừng nên sân hận.

1.1.2.4.2.1.4.3. Mạn (chia làm hai đoạn)

1.1.2.4.2.1.4.3.1. Nêu chung

(Luận) Vân hà Mạn? Mạn hữu thất chủng, vị Mạn, Quá Mạn, Quá Quá Mạn, Ngã Mạn, Tăng Thượng Mạn, Ty Mạn, Tà Mạn.

(論)云何慢? 慢有七種。謂慢・過慢・過過慢・我慢・增上慢・卑慢・邪慢。

(Luận: Mạn là như thế nào? Mạn có bảy thứ, tức là Mạn, Quá

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Mạn, Quá Quá Hạn, Ngũ Hạn, Tăng Thượng Hạn, Ty Hạn, Tà Hạn).

Mạn có thể chia thành bảy loại là Hạn, Quá Hạn, Quá Quá Hạn, Ngũ Hạn, Tăng Thượng Hạn, Ty Hạn, và Tà Hạn. Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Hạn như sau: “*Vân hà vi Hạn? Thị kỹ, u tha cao cử vi tánh, năng chướng Bất Hạn, sanh khổ vi nghiệp*” (Hạn là như thế nào? Có tánh chất cậy mình, nâng mình cao hơn người khác; có nghiệp dụng chướng ngại Bất Hạn, sanh ra khổ). Thể tánh của Hạn là cậy vào ưu thế tiền của, quyền lực, địa vị, học thức v.v... của chính mình, đối với các hữu tình khác, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương. Nghiệp dụng của Hạn là có thể chướng ngại Bất Hạn, sanh khởi khổ quả. Nếu đối với chánh pháp và hiền thánh, tâm chẳng khiêm hạ, cứ cao ngạo, khinh rẻ, sẽ đọa lạc trong đường ác, hứng chịu sự khổ cùng cực.

Trong tình huống thông thường, khi Hạn sanh khởi, sẽ tương ứng với sáu Thức trước, có xung đột với người khác v.v... Đây là tạo tác ác nghiệp. Khi sức ác nghiệp nhân duyên chín muồi, sẽ đọa lạc trong ác đạo. Tình huống đặc thù là vì có sức mạnh tiềm tàng của Ngũ Hạn (chủng tử Hạn), mà muốn vượt trội sự nghiệp từ thiện do người khác đã làm, bèn nỗ lực làm chuyện từ thiện. Trong tình huống này, tuy chẳng đoạn trừ Ngũ Hạn, Thức thứ bảy là hữu phú vô ký tánh, tương ứng với Ngũ Si, Ngũ Kiến, Ngũ Ái, Ngũ Hạn, nhưng do sáu Thức trước tương ứng với Thiện Tâm Sở, nên đây là tạo tác thiện nghiệp. Nếu vào lúc lâm chung, nhân duyên của thiện nghiệp lực chín muồi, sẽ chiêu cảm quả báo trong đường trời, người.

1.1.2.4.2.1.4.3.2. Giải thích riêng biệt từng điều (chia làm bảy đoạn)

1.1.2.4.2.1.4.3.2.1. Hạn

(Luận) Vân hà Hạn? Vị u liệt, kế kỹ thắng, hoặc u đẳng, kế kỹ đẳng, như thị tâm cao cử vi tánh.

(論)云何慢? 謂於劣。計己勝。或於等。計己等。如是心高舉為性。

(Luận: Hạn là như thế nào? Đối với kẻ kém hơn bèn cho là mình vượt trội, đối với kẻ bằng mình bèn cho là họ sánh bằng mình, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thứ nhất là Mạn: “*U liệt, kế dĩ thắng, hoặc u đẳng, kế dĩ đẳng, như thị tâm cao cử vi tánh*” (Đối với kẻ kém hơn bèn cho là mình vượt trội, đối với kẻ bằng mình bèn cho là họ bằng mình, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó). Nếu thể lực, của cải v.v... của chính mình vượt trội kẻ khác thì gọi là “*thắng*” (勝), hoặc bằng với người khác thì gọi là “*đẳng*”. Chẳng bằng người khác thì là “*liệt*” (劣). “*U liệt, kế dĩ thắng*” nghĩa là đối với kẻ có thể lực v.v... chẳng bằng ta, ta so đo cho là mình vượt trội kẻ khác. “*U đẳng, kế dĩ đẳng*”: Đối với kẻ có thể lực v.v... bằng với ta, ta so đo chính mình bằng họ. Trong hai tình huống ấy, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương thì gọi là Mạn.

1.1.2.4.2.1.4.3.2.2. Quá Mạn

(Luận) Vân hà Quá Mạn? Vị u đẳng, kế kỹ thắng, hoặc u thắng, kế kỹ đẳng, như thị tâm cao cử vi tánh.

(論)云何過慢? 謂於等。計己勝。或於勝。計己等。如是心高舉為性。

(Luận: Quá Mạn là như thế nào? Nghĩa là đối với kẻ bằng mình, bèn cho là ta vượt trội, hoặc đối với kẻ hơn mình, bèn cho là họ bằng ta, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó).

Thứ hai là Quá Mạn, “*u đẳng, kế kỹ thắng, hoặc u thắng, kế kỹ đẳng, như thị tâm cao cử vi tánh*” (đối với kẻ bằng mình bèn cho là ta vượt trội, hoặc đối với kẻ hơn mình bèn cho là họ bằng ta, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó). “*U đẳng, kế kỹ thắng*”: Đối với kẻ có thể lực v.v... bằng ta, ta so đo, cho là chính mình vượt trội kẻ đó. “*U thắng kế kỹ đẳng*”: Đối với người có thể lực v.v... vượt trội mình, ta so đo, cho rằng chính mình sánh bằng kẻ đó. Trong tình huống ấy, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương, thì là Quá Mạn.

1.1.2.4.2.1.4.3.2.3. Quá Quá Mạn

(Luận) Vân hà Quá Quá Mạn? Vị u thắng kế kỹ thắng, như thị tâm cao cử vi tánh.

(論)云何過過慢? 謂於勝。計己勝。如是心高舉為性。

(Luận: Quá Quá Mạn là như thế nào? Nghĩa là đối với kẻ vượt

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

trôi mình bèn cho là ta vượt trôi họ, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó).

Thứ ba là Quá Quá Mạn, “*u thắng, kế kỹ thắng, như thị tâm cao cử vi tánh*” (đối với kẻ vượt trôi mình bèn cho là ta vượt trôi kẻ đó, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó). “*U thắng, kế kỹ thắng*” [nghĩa là] đối với kẻ có thể lực v.v... vượt trôi ta, ta so đo, cho là chính mình vượt trôi người ta. Trong tình huống ấy, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương, thì là Quá Quá Mạn.

1.1.2.4.2.1.4.3.2.4. Ngã Mạn

(Luận) Vân hà Ngã Mạn? Vị u Ngũ Thủ Uẩn, tùy kế vi Ngã, hoặc vi Ngã Sở, như thị tâm cao cử vi tánh.

(論)云何我慢？謂於五取蘊。隨計為我。或為我所。如是心高舉為性。

(Luận: Ngã Mạn là như thế nào? Nghĩa là đối với Ngũ Thủ Uẩn bèn tùy tiện so đo, cho nó là Ngã, hoặc là Ngã Sở. Cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó).

Thứ tư là Ngã Mạn, “*u Ngũ Thủ Uẩn, tùy kế vi Ngã, hoặc vi Ngã Sở, như thị tâm cao cử vi tánh*” (đối với Ngũ Thủ Uẩn bèn tùy cơ so đo, cho là Ngã, hoặc là Ngã Sở, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó). Cái căn bản nhất của Mạn chính là đả chấp Ngã. “*Tùy*” (隨) là tùy cơ, “*kế*” (計) là so đo, chấp trước. Đối với Ngũ Thủ Uẩn, tùy ý chấp trước một thứ Uẩn là Ngã, như chấp trước Sắc v.v... là Ngã, hoặc là trong Ngũ Uẩn, tùy ý chấp trước một thứ Uẩn là Ngã Sở, như chấp trước Sắc v.v... là Ngã Sở. Trong tình huống ấy, vì Ngã mà sanh khởi Mạn, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương, thì gọi là Ngã Mạn.

Ngã và Ngã Sở có gì khác nhau? Ngã là một thật thể thường hằng, tồn tại độc nhất, cái thuộc về Ngã thì gọi là Ngã Sở. Như kẻ bình phàm cho rằng mắt, tai, mũi, tay, chân, hoặc cảm nhận, quan niệm, ý chí, chủ thể nhận thức v.v... là Ngã. Các nhà triết học hoặc các nhà tôn giáo sau khi tư duy sâu xa, đã hiểu rõ Ngã có ý nghĩa là “*thường hằng, chẳng có biến hóa*”, nhưng thật ra, Ngũ Uẩn có biến hóa. Vì thế, họ xác nhận mắt v.v... chẳng phải là Ngã. Do vậy, bèn chuyển biến thành chấp trước: Rời khỏi Ngũ Uẩn, ở bên ngoài có một cái Ngã, còn mắt

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

v.v... là Ngã Sở (thuộc về sự sở hữu của Ngã), như mắt của ta cho đến nhận thức của ta! Giả sử tay là ta, khi tay bị chặt đứt, Ngã cũng nên bị diệt mất, nhưng mọi người đầu tay bị chặt đứt, vẫn cứ chấp trước là có Ngã, có thể thấy tay chẳng phải là Ngã!

Ngoại đạo tại Ấn Độ có rất nhiều chủng loại, có đủ dạng đủ kiểu chấp trước, có kẻ chấp trước toàn bộ Ngũ Uẩn hợp lại là Ngã, hoặc chấp trước một thứ Uẩn là Ngã. Những điều ấy chính là “*tức Uẩn kế Ngã*” (chấp Uẩn là Ngã). Ngoài ra, có kẻ cho rằng có Ngã ở ngoài, lìa khỏi Ngũ Uẩn, Ngũ Uẩn thuộc về Ngã sở hữu; đây là “*ly Uẩn kế Ngã*” (chấp Ngã lìa khỏi Uẩn).

1.1.2.4.2.1.4.3.2.5. Tăng Thượng Mạn

(Luận) Vân hà Tăng Thượng Mạn? Vị vị đắc tăng thượng thù thắng sở chứng chi pháp, vị ngã dĩ đắc. Như thị tâm cao cử vi tánh. Tăng thượng thù thắng sở chứng pháp giả, vị chư thánh quả, cập Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề đẳng. U bỉ vị đắc, vị ngã dĩ đắc, nhi tự căng cứ.

(論)云何增上慢？謂未得增上殊勝所證之法。謂我已得。如是心高舉為性。增上殊勝所證法者。謂諸聖果。及三摩地。三摩鉢底等。於彼未得。謂我已得。而自矜倨。

(Luận: Tăng Thượng Mạn là như thế nào? Nghĩa là chưa chứng đắc pháp thù thắng tăng thượng mà nói là ta đã đắc. Cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó. “Pháp tăng thượng thù thắng được chứng” chính là các thánh quả, và Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề v.v... Chưa đắc những pháp ấy mà nói là ta đã đắc, để rồi tự khoe khoang).

Thứ năm là Tăng Thượng Mạn. “*Vị đắc tăng thượng thù thắng sở chứng chi pháp, vị ngã dĩ đắc. Như thị tâm cao cử vi tánh*” (Chưa chứng đắc pháp thù thắng tăng thượng mà nói là ta đã đắc. Cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó). “*Tăng thượng thù thắng sở chứng chi pháp*” là nói đến “*chư thánh quả, cập Tam-ma-địa (Samādhi), Tam-ma-bát-đề (Samāpatti) đẳng*” (các thánh quả và Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề v.v...) như Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, Duyên Giác, Địa thượng Bồ Tát (hàng Bồ Tát đã chứng đắc từ Sơ Địa trở lên), Phật quả, và Đẳng Trì, Đẳng Chí v.v... Chử Đẳng (等) là nói [các pháp thù

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

thắng] bao gồm cả thân thông, công đức thù thắng như quán trí v.v... Những công đức ấy rất đặc thù, ưu thắng, vượt trội các công đức của kẻ bình phàm. Chính mình chẳng chứng đắc những pháp thù thắng ấy, lại ngộ nhận là đã chứng đắc, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương, thì là Tăng Thượng Mạn.

Tam-ma-địa dịch là Đẳng Trì, [nghĩa là] giữ cho cái tâm bình đẳng, chẳng trôi hụp, chẳng điệu cử (lao chao), chẳng hôn trầm, chẳng hướng ra ngoài tán loạn, chẳng rút vào trong uể oải. Tam-ma-bát-đề dịch nghĩa là Đẳng Chí, [nghĩa là] tâm có thể hướng đến cảnh giới bình đẳng, sẽ có các thứ công đức dấy lên hiện hành.

Kẻ Tăng Thượng Mạn vì chính mình chẳng biết thứ tự và địa vị tu chứng, cho nên lầm tưởng là đã chứng đắc cảnh giới thù thắng. Đây chẳng phải là cố ý dối gạt người khác. Nếu cố ý dối gạt người khác, sẽ phạm trọng tội đại vọng ngữ.

1.1.2.4.2.1.4.3.2.6. Ty Mạn

(Luận) Vân hà Ty Mạn? Vị u đa phần thù thắng, kế kỹ thiếu phần hạ liệt, như thị tâm cao cử vi tánh.

(論)云何卑慢？謂於多分殊勝。計己少分下劣。如是心高舉為性。

(Luận: Ty Mạn là như thế nào? Nghĩa là đối với nhiều phần thù thắng, so đo chính mình có chút phần kém hèn. Cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó).

Thứ sáu là Ty Mạn, “*u đa phần thù thắng, kế kỹ thiếu phần hạ liệt, như thị tâm cao cử vi tánh*” (đối với nhiều phần thù thắng, so đo chính mình có chút phần kém hèn. Cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó). Ý nói: Đối với pháp đặc thù ưu thế rộng lớn của người khác, tự so đo chính mình chỉ có chút phần thấp thỏi, kém cõi hơn. Trong tình huống ấy, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương, đó là Ty Mạn. Như thi cử trong trường học, người khác được chín mươi điểm, ta chỉ được năm mươi điểm, tự biết mình thua kém kẻ khác, nhưng nội tâm vẫn hống hách, ngạo mạn, suy bì: “*Tao chỉ thua mà mấy phần mà thôi!*” hoặc so đo: “*Mày chỉ gặp hèn mà thôi, có gì là hay ho!*”

1.1.2.4.2.1.4.3.2.7. Tà Mạn

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

(Luận) Vân hà Tà Mạn? Vị thật vô đức, kế kỹ hữu đức, như thị tâm cao cử vi tánh, bất sanh kính trọng sở y vi nghiệp, vị u tôn giả, cập hữu đức giả, nhi khởi cú ngạo, bất sanh sùng trọng.

(論)云何邪慢？謂實無德。計己有德。如是心高舉為性。不生敬重所依為業。謂於尊者。及有德者。而起倨傲。不生崇重。

(Luận: Tà Mạn là như thế nào? Nghĩa là [chính mình] thật sự chẳng có đức, mà cho là chính mình có đức. Cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó. Nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ cho việc chẳng sanh lòng kính trọng, tức là đối với bậc đáng tôn trọng, và bậc hữu đức, mà lại dấy lòng ngạo nghễ, chẳng sanh tâm tôn trọng).

Thứ bảy là Tà Mạn, “*thật vô đức, kế kỹ hữu đức, như thị tâm cao cử vi tánh*” (thật sự chẳng có đức, mà ngỡ chính mình có đức, cái tâm có tánh chất cao ngạo như thế đó). Chính mình căn bản là chẳng có công đức, mà so đo cho rằng chính mình có công đức, nội tâm cao ngạo, khinh rẻ đối phương, đó là Tà Mạn. “Đức” là công đức thiện pháp, như tịnh giới, Thiền Định, thần thông, quán trí, thánh quả v.v... các thứ công đức.

Nói tông hợp nghiệp dụng của bảy loại Mạn thì là “*bất sanh kính trọng sở y*” (chúng là cơ sở khiến [cho phạm phu] chẳng sanh lòng kính trọng), “*u tôn giả, cập hữu đức giả, nhi khởi cú ngạo, bất sanh sùng trọng*” (đối với bậc đáng tôn trọng, và bậc hữu đức, mà lại dấy lòng ngạo nghễ, chẳng sanh tâm tôn trọng). Nội tâm của chính mình cao ngạo, ngạo nghễ, tự đại, chẳng thể tôn sùng, cung kính, tôn trọng thánh giả và những vị có đức. “*Tôn giả*” là thánh giả, “*hữu đức giả*” là những vị tu hành có công đức tịnh giới, Thiền Định, thần thông, quán trí v.v...

1.1.2.4.2.1.4.4. Vô Minh

(Luận) Vân hà Vô Minh? Vị u nghiệp, quả, Đế, Bảo, vô trí vi tánh. Thử hữu nhị chủng: Nhất giả, câu sanh, nhị giả, phân biệt. Hựu Dục Giới tham, sân, cập dĩ vô minh, vi tam bất thiện căn. Vị tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn. Thử phục câu sanh, bất câu sanh, phân biệt sở khởi. Câu sanh giả, vị cảm thú đẳng. Bất câu sanh giả, vị tham tương ứng đẳng. Phân biệt giả, vị

chư Kiến tương ứng, dữ hư vọng quyết định, Nghi phiền não sở y vi nghiệp.

(論)云何無明？謂於業果諦寶。無智為性。此有二種。一者俱生。二者分別。又欲界貪瞋。及以無明。為三不善根。謂貪不善根。瞋不善根。癡不善根。此復俱生。不俱生。分別所起。俱生者。謂禽獸等。不俱生者。謂貪相應等。分別者。謂諸見相應與虛妄決定。疑煩惱所依為業。

(Luận: Vô Minh là như thế nào? Chính là có tánh chất vô trí đối với nghiệp, quả, Đé, Bảo. Điều này có hai loại: Một là có từ khi sanh ra (bẩm sanh), hai là phân biệt. Lại trong Dục Giới, tham, sân, cùng với vô minh là ba thứ bất thiện căn, tức là Tham bất thiện căn, Sân bất thiện căn, Si bất thiện căn. Những thứ này lại còn [chia thành ba loại] là có từ khi mới sanh, chẳng phải là có từ khi mới sanh, và do phân biệt mà dậy lên. “Có từ khi mới sanh ra” là nói đến loài cầm thú v.v... “Chẳng phải là có từ khi mới được sanh ra” là nói đến [Vô Minh] tương ứng với Tham v.v... “Phân biệt” là do tương ứng với các Kiến, được quyết định bởi hư vọng. Nghiệp dụng của Vô Minh là làm chỗ nương tựa cho Nghi).

Vô Minh chính là Si, còn gọi là ngu si, chẳng phải là không có Minh. Nó là một loại sức mạnh có thể chướng ngại Minh (sáng suốt). Ngược lại, Minh là Vô Si, nó có một loại sức mạnh có thể đối trị Vô Minh. Thể tánh của Vô Minh, “*ư nghiệp, quả, Đé, Bảo, vô trí vi tánh*”, tức là đối với Sự và Lý của bốn thứ nghiệp, quả, Đé, Bảo mà chẳng hiểu rõ chánh xác, kiến giải điên đảo. “*Nghiệp*” là thiện nghiệp, ác nghiệp v.v... “*Quả*” là lạc quả, khổ quả do thiện nghiệp, ác nghiệp chiêu cảm, hoặc là các bậc thánh Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả. “*Đé*” là Tứ Đé, tức Khổ Đé, Tập Đé, Diệt Đé, và Đạo Đé. “*Bảo*” là Tam Bảo, tức Phật Bảo, Pháp Bảo, và Tăng Bảo. Nghiệp dụng của Vô Minh là “*dữ hư vọng quyết định, Nghi phiền não sở y vi nghiệp*” (nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ cho những quyết định hư vọng và Nghi phiền não), tức là chỗ y cứ để tạo tác hư vọng phân biệt, quyết định sai lầm, cũng như là chỗ y cứ của Nghi. Do vì có Vô Minh, mà chẳng hiểu rõ các Sự Lý, sẽ hoài nghi, chẳng thể quyết định được!

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Si như sau: “*Vân hà vi*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Si? Ư chư Sự Lý, mê ám vi tánh, năng chướng Vô Si, nhất thiết tạp nhiễm sở y vi nghiệp” (Si là như thế nào? Có tánh chất mê ám đối với các Sự, Lý. Nghiệp dụng của nó là có thể chướng ngại Vô Si, có nghiệp dụng làm chỗ y cứ cho hết thảy các tạp nhiễm). Tánh của Si là mê hoặc, chẳng hiểu rõ Sự Lý. Nghiệp dụng của Si là có thể chướng ngại Vô Si, là chỗ y cứ để tạo tác hết thảy các tạp nhiễm. Tạp nhiễm có ba loại: Phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, và sanh tạp nhiễm. Do đối với Vô Minh mà sanh khởi các phiền não như Si, Tà Kiến, Tham v.v... hoặc Tùy Phiền Não (đó là phiền não tạp nhiễm), tạo tác nghiệp hữu lậu (nghiệp tạp nhiễm). Nhân duyên chín muồi, sẽ có thể chiêu cảm quả báo trong đời sau (đó là sanh tạp nhiễm).

Vô Minh có thể chia đại lược thành hai loại: Một là Câu Sanh Vô Minh, hai là Phân Biệt Vô Minh.

1) Câu Sanh Vô Minh là Vô Minh có sẵn từ lúc mới sanh ra. Khi vừa sanh ra, bèn đồng thời có Vô Minh, ví như các thứ động vật (súc sanh) cá, nhện, rết v.v... cũng có Câu Sanh Vô Minh.

2) Phân Biệt Vô Minh, còn gọi là Phân Biệt Khởi Vô Minh, tức là từ phân biệt hư vọng mà sanh khởi Vô Minh. Như qua sự phân biệt, suy lường, mà làm lạc chấp trước Sắc Uẩn v.v... là Ngã. Đây chính là dựa trên Phân Biệt Vô Minh mà sanh khởi Phân Biệt Ngã Kiến. Nhân loại thì ngoài Câu Sanh Vô Minh ra, còn vì tác dụng phân biệt đặc biệt mạnh mẽ, cho nên Phân Biệt Vô Minh vượt trội súc sanh.

Tham, Sân và Vô Minh là ba loại bất thiện căn trong Dục Giới, tức Tham, Sân, Si Bất Thiện Căn, là căn bản của hết thảy các điều bất thiện. Đối với phiền não của chúng sanh trong Dục Giới thì có sáu loại Căn Bản Phiền Não, hai mươi loại Tùy Phiền Não, lại có thể quy nạp thành ba loại lớn là Tham Loại, Sân Loại, và Si Loại.

Vô Minh trong Dục Giới lại có thể chia thành ba loại: Một là Câu Sanh, hai là Bất Câu Sanh, ba là Phân Biệt Sở Khởi (do phân biệt mà dậy lên).

1) Chúng sanh từ lúc mới sanh ra đã có Câu Sanh Vô Minh. Trời, người, phi cầm thú (chim bay thú chạy), cho đến địa ngục, súc sanh, ngã quỷ v.v... đều có. Thứ này chung cho các chúng sanh trong tam giới.

2) Bất Câu Sanh Vô Minh là Vô Minh tương ứng với Tham, hoặc Vô Minh tương ứng với Sân. Chúng sanh trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới chẳng có Sân. Tham và Sân là Bất Câu Sanh, [bởi lẽ] có Tham mà chẳng có Sân, hoặc có Sân mà chẳng có Tham.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

3) Phân Biệt Vô Minh là Vô Minh tương ứng với các Kiến. Điều này cũng chung cho các chúng sanh trong tam giới.

1.1.2.4.2.1.4.5. Kiến (chia thành hai phần)

1.1.2.4.2.1.4.5.1. Nêu chung

(Luận) Vân hà Kiến? Kiến hữu ngũ chủng, vị Tát Ca Da Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ.

(論)云何見？見有五種。謂薩迦耶見・邊執見・邪見・見取・戒取。

(Luận: Kiến là như thế nào? Kiến có năm thứ, tức là Tát Ca Da Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, và Giới Thủ).

Kiến (見), nói theo nghĩa rộng, chính là Huệ Tâm Sở, bao gồm tánh thiện, tánh ác, và tánh vô ký. Kiến được nói ở đây chính là Huệ có tánh chất ác, hoặc là có tánh chất hữu phú vô ký. Lại còn gọi là Ác Kiến, hoặc Bất Chánh Kiến, có thể chia thành năm loại: Tát Ca Da Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, và Giới Cẩm Thủ.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Ác Kiến như sau: “*Vân hà Ác Kiến? Ư chư Đế Lý, điền đảo suy độ, nhiễm huệ vi tánh; năng chướng thiện kiến, chiêu khổ vi nghiệp*” (Ác Kiến là như thế nào? Đối với các đế lý, điền đảo suy lường, có tánh chất nhuộm bản huệ. Nghiệp dụng của nó là có thể chướng ngại thiện kiến, chiêu cảm khổ). Thể tánh của Ác Kiến là đối với đạo lý Tứ Đế bèn điền đảo suy lường, đấy là Huệ đã bị ô nhiễm. Nghiệp dụng của Ác Kiến là có thể chướng ngại thiện kiến (chánh kiến), chiêu cảm khổ quả.

1.1.2.4.2.1.4.5.2. Giải thích từng điều riêng biệt (chia làm năm phần)

1.1.2.4.2.1.4.5.2.1. Tát Ca Da Kiến

(Luận) Vân hà Tát Ca Da Kiến? Vị u Ngũ Thủ Uẩn, tùy chấp vi Ngã, hoặc vi Ngã Sở, nhiễm huệ vi tánh. Tát, vị bại hoại nghĩa. Ca Da, vị hòa hợp, tích tụ nghĩa. Tức u thứ trung, kiến nhất, kiến thường, dị uẩn hữu Ngã, Uẩn vi Ngã Sở đẳng. Hà cố phục như thị thuyết? Vị Tát giả, phá thường tướng. Ca Da phá nhất tướng. Vô thường tích tập, thị trung Vô Ngã cập Ngã Sở cố. Nhiễm huệ giả, vị phiền não câu. Nhất thiết kiến phẩm sở y vi nghiệp.

(論)云何薩迦耶見？謂於五取蘊。隨執為我。或為我所。染慧為性。薩謂敗壞義。迦耶謂和合積聚義。即於此中。見一見常。異蘊有我蘊。為我所等。何故復如是說？謂薩者破常想。迦耶破一想。無常積集。是中無我及我所故。染慧者。謂煩惱俱。一切見品所依為業。

(Luận: Tát Ca Da Kiến là như thế nào? Tức là đối với Ngũ Thủ Uẩn, bèn chấp một Uẩn nào đó là Ngã hoặc Ngã Sở. Tánh chất của [kiến chấp này] là ô nhiễm huệ. Tát nghĩa là “bại hoại”. Ca Da nghĩa là “hòa hợp, tích tụ”. Tức là ở trong ấy, thấy là một, thấy là thường, hoặc [cho rằng] là ngoài Ngũ Uẩn sẽ có Ngã Uẩn, Uẩn là Ngã Sở v.v... Vì sao lại nói như vậy? Ý nói: Tát là phá thường tưởng. Ca Da là phá nhất tưởng. “Vô thường tích tập” tức là trong ấy không có Ngã và Ngã Sở. “Ô nhiễm huệ” vì nó chung đưng phiền não. Nó có nghiệp dụng làm chỗ nương tựa cho hết thảy các Kiến).

Một là Tát Ca Da Kiến (tiếng Phạn là Satkāya-dṛṣṭi), dịch nghĩa là Hoại Thân Kiến. Tát (tiếng Phạn là Sat) có nghĩa là bại hoại, hoặc vô thường. Ca Da (tiếng Phạn là Kāya), có nghĩa là Hòa Hợp, Tích Tụ (thân). Kiến là kiến giải lâm lạc sâu đậm.

Thế tánh của Tát Ca Da Kiến là “*ư Ngũ Thủ Uẩn, tùy chấp vi Ngã, hoặc vi Ngã Sở, nhiễm huệ vi tánh*”, “*nhiễm huệ giả, vi phiền não câu*” (đối với Ngũ Thủ Uẩn, chấp một Uẩn nào đó là Ngã hoặc Ngã Sở, có tánh chất làm ô nhiễm huệ. “Ô nhiễm huệ” là chung đưng với phiền não). Trong Ngũ Thủ Uẩn, tùy ý so đo chấp trước [một Uẩn nào đó] là Ngã ([điều này được gọi là] Tức Uẩn Kế Ngã, tức chấp trước Uẩn là Ngã), hoặc [chấp trước] là Ngã Sở (đó gọi là Ly Uẩn Kế Ngã, tức là chấp có một cái Ngã tách biệt ở ngoài Ngũ Uẩn). Vì thế, Tát Ca Da Kiến còn gọi là Ngã Kiến. Nó là huệ bị ô nhiễm bởi các loại phiền não khác đồng thời sanh khởi. Nghiệp dụng của Tát Ca Da Kiến là “*nhất thiết Kiến phảm sở y vi nghiệp*” (nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ cho hết thảy các Kiến), vì Ngã Kiến có thể sanh khởi hết thảy kiến giải bất chánh. Do vậy, Ngã Kiến là chỗ y cứ của hết thảy các loại kiến giải bất chánh. “*Phảm*” (品) là loại. Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Tát Ca Da Kiến có ý nghĩa tương đồng với luận này.

“*Tức ư Ngũ Thủ Uẩn, kiến nhất, kiến thường, dị Uẩn hữu Ngã, Uẩn vi Ngã Sở đẳng*” (Tức là đối với Ngũ Thủ Uẩn, thấy là một, thấy

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

là thường, Uẩn khác có Ngã, Uẩn là Ngã Sở v.v...). Đây là giải thích thể tánh của Tát Ca Da Kiến. Ngã có ý nghĩa là một thật thể “có tánh chất độc nhất, có tánh chất thường hằng”. Xét theo ý chí thì Ngã có ý nghĩa là “có tánh chất làm chủ tể”. Chẳng hạn như cha mẹ có Ngã Kiến mạnh mẽ, sẽ khá kiểm soát, điều khiển chuyện ăn uống, trang phục, học vấn, nghề nghiệp, hôn nhân v.v... của con cái. Tuy hữu tình là một thể do Ngũ Uẩn hòa hợp, là một thứ tích tụ, nhưng nó có tánh chất thống nhất. Vì thế, nó có tánh chất “*trương tự độc nhất*” (dường như là độc nhất, chẳng phải là thật sự độc nhất). Do vậy, phàm phu so đo chấp trước cái thể Ngũ Uẩn hòa hợp là độc nhất. Tuy Ngũ Uẩn sanh diệt trong từng sát-na, biến hóa vô thường, nhưng nó có tánh chất liên tục. Do vậy, nó có tánh chất trương tự thường hằng. Vì thế, phàm phu so đo chấp trước Ngũ Uẩn là thường hằng. Đây là “*tức Uẩn kế Ngã*” (chấp trước Ngũ Uẩn là Ngã).

Thật ra, quan sát kỹ càng Ngũ Uẩn, sẽ có thể biết Ngũ Uẩn là tích tụ, biến hóa, trái nghịch với ý nghĩa của Ngã! Vì thế, “*tức Uẩn kế Ngã*” là sai lầm. Bởi đó, có những kẻ liền chuyển thành chấp trước “*liạ ngoài Ngũ Uẩn có một cái Ngã*”. Đây gọi là “*dị Uẩn hữu Ngã*” (có một cái Ngã khác với các Uẩn), hoặc “*ly Uẩn kế Ngã*” (chấp trước Ngã rời ngoài Ngũ Uẩn), lại còn chấp trì Sắc Uẩn v.v... thuộc vào Ngã. Như thân thể của ta, sự cảm nhận của ta, khái niệm của ta, ý chí của ta, nhận thức của ta, nhưng liạ ngoài Ngũ Uẩn có một cái Ngã, chúng ta chẳng có cách nào chứng minh Ngã tồn tại, cũng chẳng có cách nào nhận thức Ngã. Do vậy, có thể nói “Ngã chỉ là một khái niệm phát xuất từ vọng tưởng của chúng sanh” mà thôi!

Tại vườn Lộc dã, đức Thế Tôn đã bảo năm vị tỳ-kheo: “*Sắc (thân thể) chẳng phải là Ngã*”⁶⁹. Vì sao? Vì Ngã có ý nghĩa “*chủ tể, tự*

⁶⁹ Trong kinh Phật Thuyết Ngũ Uẩn Giai Không có chép: “Đức Thế Tôn bảo năm vị bát-sô rằng: - Các ông nên biết, Sắc chẳng phải là Ngã. Nếu nó là Ngã, Sắc đáng lẽ chẳng bệnh, và hứng chịu khổ não, ta muốn Sắc như thế này, ta chẳng muốn Sắc như thế nọ. Đã chẳng phải là thuận theo lòng mong muốn như thế, do vậy, hãy nên biết: Sắc chẳng phải là Ngã. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như vậy. Hơn nữa, này các bát-sô! Ý các ông như thế nào? Sắc là thường, hay là vô thường? Thưa rằng: “Bạch đại đức, Sắc là vô thường”. Đức Phật dạy: “Sắc đã là vô thường, đây chính là khổ, hoặc là Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ. Nhưng các đệ tử Thanh Văn đa văn của ta, có chấp trước Ngã hay không? [Có chấp trước] Sắc tức là Ngã, Ngã có các Sắc, Sắc thuộc về Ngã, Ngã ở trong Sắc hay không?” “Thưa không! Đức Thế Tôn”. Hãy nên biết, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thường và vô thường cũng lại giống như vậy”.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

tại”. Nếu Sắc là Ngã, Sắc chẳng nên sanh bệnh và cảm nhận khổ não, phải tùy thuận ý nguyện của ta. Trên sự thật, Sắc (thân thể) có thể sanh bệnh và cảm nhận khổ não, chẳng tùy thuận ý nguyện của ta. Do vậy, “Sắc chẳng phải là Ngã”. Từ quan sát “vô thường cố Khổ, Khổ cố vô ngã” (do vô thường nên khổ, do khổ nên vô ngã), chớ nên so đo, chấp trước “Sắc chính là Ngã, Ngã có các Sắc (Sắc ở trong Ngã), Sắc thuộc về Ngã, Ngã ở trong Sắc”. Cùng một lý, có thể suy ra mà biết Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng là như vậy, cho đến chẳng nên so đo, chấp trước “Thức chính là Ngã, Ngã có các Thức (Thức ở trong Ngã), Thức thuộc về Ngã, Ngã ở trong Thức”.

Tổng hợp “tức Uẩn kế Ngã” và “ly Uẩn kế Ngã”, mối quan hệ giữa Sắc Uẩn và Ngã gồm bốn câu, tức là “Sắc là Ngã, Ngã có các Sắc, Sắc thuộc về Ngã, Ngã ở trong Sắc”. Thọ, Tưởng, Hành, và Thức Uẩn cũng là như vậy. Do vậy mối quan hệ giữa Ngũ Uẩn và Ngã bao gồm hai mươi câu. So đo, chấp trước Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Ngã, năm thứ so đo, chấp trước ấy chính là Ngã Kiên. Đây chính là “tức Uẩn kế Ngã” (từ ngay nơi các Uẩn mà chấp là Ngã). Mười lăm món kế chấp, so đo kia chính là Ngã Sở Kiến, chấp trước so đo Ngũ Uẩn là “tương ứng Ngã Sở, tùy chuyển Ngã Sở, chẳng lìa Ngã Sở”. Ba thứ Ngã Sở Kiến ấy là chỗ nương cậy của Ngã Kiên trong “ly Uẩn kế Ngã” (chấp trước tách rời ngoài các Uẩn có một cái Ngã riêng biệt).

1) Tương ứng Ngã Sở: Vì Ngã và Sắc tương ứng, cho nên chấp trước “Ngã có các Sắc”.

2) Tùy chuyển Ngã Sở (chuyển biến theo Ngã Sở): Vì Sắc thuận theo sức tự tại của Ngã mà chuyển biến. Vì thế, so đo, chấp trước “Sắc thuộc về Ngã”.

3) Bất ly Ngã Sở (chẳng lìa Ngã Sở): Vì Ngã thuộc vào trong Biến Thể Tùy Hành của Sắc, cho nên chấp trước “Ngã trong Sắc”. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng là như vậy.

“Hà cố phục như thị thuyết? Vị Tát giả, phá thường tướng. Ca Da phá nhất tướng. Vô thường, tích tập, thị trung vô ngã cập Ngã Sở cố” (Vì sao lại nói như thế? Tát là phá cái Tướng về thường hằng, Ca Da là phá cái Tướng về một. Do vô thường tụ tập, trong ấy không có Ngã và Ngã Sở), [ý nói]: Vì sao so đo, chấp trước Ngũ Thủ Uẩn là Ngã, gọi nó là Tát Ca Da Kiến? Vì hữu tình so đo, chấp trước Ngũ Thủ Uẩn là cái Ngã có tánh thường hằng, tánh độc nhất, cho nên bậc trí rất thiện xảo, lập ra danh tướng Tát Ca Da Kiến. Tát có nghĩa là “bại hoại” (vô thường), có thể phá trừ cái Tướng về thường hằng. Ca Da có nghĩa là

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“*tích tập*”, có thể phá trừ “*độc nhất tướng*”. Tuy Tát Ca Da Kiến chính là Ngã Kiến, nhưng nhìn từ ý nghĩa của danh tướng; thật ra, nó đã hiển thị [tác dụng] phá trừ Ngã Kiến. Vì thế, Phật pháp nói: “*Ngũ Uẩn vô Ngã*”. Chẳng có Ngã Kiến, thì cũng chẳng có gì thuộc về Ngã Sở Kiến.

Thân tâm của chúng sanh là một tướng toàn thể do Ngũ Uẩn hòa hợp, tích tập. Kinh Kim Cang gọi cái tướng toàn thể ấy là “*nhất hiệp tướng*” (một tướng kết hợp). Nhất hiệp tướng chỉ là giả danh, chẳng phải là một cái Ngã thật thể thường hằng, độc nhất, nhưng phạm phu chấp trước “*nhất hiệp tướng*” là một cái Ngã thật thể thường hằng, độc nhất. Nói theo Ngũ Uẩn của chúng sanh thì Như Lai đã nói: “*Nhất hiệp tướng tức phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng*” (Một hiệp tướng chẳng phải là một hiệp tướng, thì gọi là một hiệp tướng); đó là xiển minh “*Ngũ Uẩn vô ngã*”.

Tát Ca Da Kiến có thể nói là căn bản của sanh tử. Thánh giả Sơ Quả của Thanh Văn Thừa đoạn phiền não chủ yếu là Tam Kết, tức là Tát Ca Da Kiến, Giới Cấm Thủ, và Nghi. Sơ Quả đoạn trừ Tát Ca Da Kiến, dầu chẳng đặc biệt tinh tấn tu hành, tối đa là bảy lần sanh tử trong đường trời, người của Dục Giới, sẽ chứng đắc A La Hán, giải thoát sanh tử. Ví như đoạn trừ rễ của một cội đại thụ, dầu chẳng đặc biệt trải qua sự hun khô của ánh nắng mặt trời, lá cây cũng sẽ dần dần khô héo.

1.1.2.4.2.1.4.5.2.2. Biên Chấp Kiến

(Luận) Vân hà Biên Chấp Kiến? Vị Tát Ca Da Kiến tăng thượng lực cố, tức ư sở thủ, hoặc chấp vi thường, hoặc chấp vi đoạn, nhiệm huệ vi tánh. Thường biên giả, vị chấp Ngã tự tại, vi biến, thường đẳng. Đoạn biên giả, vị chấp hữu tác giả, trọng phu đẳng, bỉ tử dĩ bất phục sanh, như bình ký phá, cánh vô thịnh dụng, chương Trung Đạo, xuất ly vi nghiệp.

(論)云何邊執見？謂薩迦耶見增上力故。即於所取。或執為常。或執為斷。染慧為性。常邊者。謂執我自在。為遍常等。斷邊者。謂執有作者丈夫等彼死已不復生。如瓶既破更無盛用。障中道出離為業。

(Luận: Biên Chấp Kiến là như thế nào? Tức là do sức tăng thượng của Tát Ca Da Kiến, bèn đối với cái đã chấp thủ (chấp trước, nắm giữ), mà chấp là Thường, hoặc chấp là Đoạn, nó có tánh chất ô

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

nhiễm huệ. “Bên Thường” tức là chấp Ngã là tự tại, trọn khắp, thường hằng v.v... “Bên Đoạn” tức là chấp có ‘tác giả, trượng phu’ v.v... cho rằng hễ chết đi sẽ chẳng còn sanh nữa, như cái bình đã vỡ, chẳng còn có công dụng chứa đựng. Nghiệp dụng của [Biên Chấp Kiến] là chướng ngại Trung Đạo và xuất ly).

Biên Chấp Kiến, còn gọi đơn giản là Biên Kiến. Trong cách dùng từ của Phật pháp, Biên (邊) có nghĩa là “không chánh xác, thiên chấp”. Tương phản với nó, hễ là chánh xác, khế hợp Trung Đạo, thì gọi là Trung. Chẳng hạn như thiên chấp một thể thân tâm hòa hợp là thường hằng, hoặc đoạn diệt. Do có hai thứ kiến giải cực đoan, sai lầm ấy, nên gọi là Nhị Biên (hai bên), tức là chẳng khế hợp chánh lý, chẳng khế hợp Trung Đạo.

Thê tánh của Biên Chấp Kiến, “*Tát Ca Da Kiến tăng thượng lực cố, tức u sở thủ, hoặc chấp vi thường, hoặc chấp vi đoạn, nhiễm huệ vi tánh*” (do sức tăng thượng của Ngã Kiến bèn đối với cái đã nắm giữ bèn chấp là thường, hoặc chấp là đoạn, có tánh chất nhuộm bản Huệ), tức là [Biên Chấp Kiến] nương theo sức tăng thượng của Tát Ca Da Kiến mà sanh khởi, đối với Ngũ Thủ Uẩn đã được chấp trước bởi Tát Ca Da Kiến mà hoặc là chấp trước “*thường hằng*” (Thường Kiến), hoặc là chấp trước đoạn diệt (Đoạn Kiến). Những thứ ấy đều là huệ bị nhiễm ô. Nghiệp dụng của Biên Chấp Kiến là “*chướng Trung Đạo, xuất ly vi nghiệp*”, [nghĩa là] có thể chướng ngại [hành giả] khế nhập Trung Đạo, chướng ngại xuất ly sanh tử. Vì chấp trước Ngũ Thủ Uẩn là thường hằng, hoặc đoạn diệt, tức là kiến giải cực đoan, sai lầm. Do vậy, tất nhiên là nó sẽ chướng ngại khế nhập Trung Đạo, chẳng thể đoạn trừ phiền não mà xuất ly sanh tử được! Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Biên Chấp Kiến có ý nghĩa tương đồng với luận này.

Thường Kiến là gì? “*Thường Biên giả, vị chấp Ngã tự tại, vị biến, thường đẳng*”, [ý nói] Thường Kiến là chấp trước Ngũ Thủ Uẩn là thật thể thường hằng, tự tại, tuyệt đối tự do, trọn khắp mười phương, không đâu chẳng tồn tại, là thường hằng, chẳng biến hóa v.v...

Ngã trong tiếng Ấn Độ (tiếng Phạn) là Ātman, phiên âm là A Đắc Man, có ý nghĩa là “*tự tại*” (tự do tuyệt đối). Nói theo không gian, Ngã trọn khắp mười phương, không đâu chẳng tồn tại. Do vậy gọi là Biên (遍, trọn khắp). Nói theo thời gian, sẽ là thường hằng, chẳng biến hóa. Vì thế, gọi là Thường.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Chẳng hạn như Ấn Độ giáo chấp trước sanh mạng thể của hữu tình là một thật thể thường hằng, chẳng biến đổi. Đó gọi là Ngã Kiến. Trong tương lai, sau khi hữu tình tử vong, Ngũ Uẩn diệt mất, tuy hữu tình tiếp tục luân hồi trong năm đường, hoặc thăng lên làm trời, người, hoặc trầm luân trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhưng Ngã trong đời trước, đời này, và đời sau đều là tương đồng, chẳng biến đổi. Đó gọi là Thường Kiến.

Kinh Tạp A Hàm quyển mười (kinh số 272) có nói: “*Tam Kiến giả, hà đẳng vi tam? (1) Hữu nhất chủng kiến, như thị như thị thuyết: Mạng tác thị thân. (2) Phục hữu như thị kiến: Mạng dị thân dị. (3) Hựu tác thị thuyết: Sắc (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) thị Ngã, vô nhị, vô dị, trường tồn bất biến*” (Tam Kiến: Những gì là ba? (1) Có một loại Kiến là nói như thế này: Mạng chính là Thân. (2) Lại có Kiến như thế này: Mạng khác, thân khác. (3) Lại nói như thế này: Sắc (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) là Ngã, không hai, không khác, trường tồn bất biến). Thân, bao gồm thân thể và những tác dụng tâm lý nương vào thân thể mà sanh khởi; Mạng là tự thể của hữu tình. Loại Kiến thứ ba chính là kiến giải của Ấn Độ giáo. Họ chủ trương Mạng là tự thể của hữu tình, là thật thể tồn tại thường hằng, tức là Ngã, đồng nhất với Phạm (bản thể của vũ trụ).

Trong thời đại của đức Thích Tôn, có những tôn giáo mới hoặc học phái tại Ấn Độ ở phương Đông đều kiến lập Nhị Nguyên Luận, chủ trương “Mạng và thế giới vật chất mỗi thứ có thật thể khác nhau”. Đó là loại Kiến thứ hai “*mạng khác, thân khác*”. Hữu tình sau khi tử vong, thân đã hoại diệt, nhưng Mạng vẫn thường luôn tồn tại. Đây cũng là Thường Kiến. Có một số những kẻ theo Thuận Thế Luận, chủ trương Mạng (Ngã) là thân. Đây là loại Kiến thứ nhất: “*Mạng chính là Thân*”. Sau khi hữu tình tử vong, thân đã hoại diệt, Ngã cũng đoạn diệt, chẳng có lưu chuyển sanh tử trong đời sau; đây là Đoạn Kiến. Ba loại Kiến ấy trong cuộc sống hiện thực đều là chấp trước “*tự thể của hữu tình là Mạng*”, chỉ là trong suy luận về mối quan hệ giữa Mạng và thân, đối với nơi kiến giải có những điều bất đồng mà thôi!

Phật pháp cho rằng hữu tình tức là sanh mạng thể do thân và tâm hòa hợp, chẳng có “*mạng giả*” tồn tại độc nhất tách rời khỏi thân và tâm. [Phật pháp] phủ định cả ba loại bất chánh kiến ấy (ba loại bất chánh kiến vừa nói trong đoạn trước, tức: “*Mạng là thân; thân khác mạng khác*” v.v...), đề xướng hữu tình luận Vô Ngã. Hữu tình sanh khởi phiền não, tạo tác nghiệp hữu lậu; do vậy, chiêu cảm quả báo

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

trong đời sau. Trong sanh tử luân hồi có nghiệp, có báo, nhân quả liên tục, chẳng phải là hữu tình sau khi tử vong sẽ là hết thảy hoàn toàn hoại diệt, cũng chẳng phải là có Mạng giả (Ngã, tác giả) đang sanh tử luân hồi.

Đoạn Kiến là gì? “*Đoạn Biên giả, vị chấp hữu tác giả, trượng phu đẳng, bỉ tử dĩ bất phục sanh, như bình ký phá, cánh vô thịnh dụng*”, [ý nói]: Đoạn Kiến là chấp trước “*tác giả, trượng phu*” v.v... [cũng như chấp trước] sau khi tử vong, Ngũ Thủ Uẩn sẽ hoàn toàn hoại diệt, chẳng còn xuất sanh trong đời sau nữa, giống như cái bình đã bị vỡ nát, chẳng còn có tác dụng chứa đựng thứ gì nữa!

“*Tác giả, trượng phu đẳng*” (Tác giả, trượng phu v.v...) đều là tên gọi khác của chủ thể hữu tình (Ngã). Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật nhắc đến mười sáu danh tướng⁷⁰. Chân tay của Ngã có thể làm việc, thì gọi là “*tác giả*”. “*Trượng phu*” còn gọi là “*sĩ phu*”, tức là tên gọi khác của Nhân (người). Ngã thực hiện pháp của loài người thì gọi là Nhân. Ý nghĩa của [những danh xưng như] Chúng Sanh, Thọ Giả v.v... thì trong Đại Trí Độ Luận đã giải thích.

1.1.2.4.2.1.4.5.2.3. Tà Kiến

(Luận) Vân hà Tà Kiến? Vị báng nhân, quả, hoặc báng tác dụng, hoặc hoại thiện sự, nhiễm huệ vi tánh. Báng nhân giả, nhân vị nghiệp, phiền não tánh, hợp hữu ngũ chi. Phiền não hữu tam chủng, vị Vô Minh, Ái, Thủ. Nghiệp hữu nhị chủng, vị Hành cập Hữu. Hữu giả, vị y A Lại Da Thức chư nghiệp chủng tử, thử diệt danh Nghiệp. Như Thế Tôn thuyết: “A Nan! Nhược nghiệp năng dĩ vị lai quả, bỉ diệt danh Hữu”. Như thị đẳng, thử báng danh vi báng nhân. Báng quả giả, quả hữu thất chi, vị Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sanh, Lão Tử. Thử báng vi báng quả. Hoặc phục báng vô thiện hạnh, ác hạnh, danh vi báng nhân. Báng vô thiện hạnh, ác hạnh quả báo, danh vi báng quả. Báng vô thử thể, tha thể, vô phụ, vô mẫu, vô hóa sanh chúng sanh, thử báng vi báng tác dụng. Vị từng thử thể vãng tha thể tác dụng, chủng tử nhậm trì tác dụng, kết sanh tương

⁷⁰ Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật quyển 13: “*Này Xá Lợi Phất! Như Ngã chỉ có danh tự, chúng sanh, thọ giả (壽者), mạng giả, sanh giả, dưỡng dục, chúng số, nhân giả, tác giả, sử tác giả, thọ giả (受者), sử thọ giả, tri giả, kiến giả, hết thảy đều chẳng thể được*”.

tục tác dụng đấng, báng vô thế gian A La Hán đấng, vi hoại thiện sự, đoạn thiện căn vi nghiệp, bất thiện căn kiên cố sở y vi nghiệp, hựu sanh bất thiện, bất sanh thiện vi nghiệp.

(論)云何邪見？謂謗因果。或謗作用。或壞善事。染慧為性。謗因者。因謂業煩惱性。合有五支。煩惱有三種。謂無明愛取。業有二種謂行及有。有者。謂依阿賴耶識諸業種子此亦名業。如世尊說。「阿難。若業能與未來果彼亦名有。」如是等。此謗名為謗因。謗果者。果有七支。謂識名色六處觸受生老死。此謗為謗果。或復謗無善行惡行。名為謗因。謗無善行惡行果報。名為謗果。謗無此世他世。無父無母。無化生眾生。此謗為謗作用。謂從此世往他世作用。種子任持作用。結生相續作用等。謗無世間阿羅漢等。為壞善事。斷善根為業。不善根堅固所依為業。又生不善。不生善為業。

(Luận: Tà Kiến là như thế nào? Chính là báng nhân, báng quả, hoặc báng tác dụng, hoặc phá hoại thiện sự, có tánh chất làm ô nhiễm huệ. “Báng nhân” thì “nhân” là nghiệp, có tánh chất phiền não, góp lại thành năm chi. Phiền não có ba thứ, tức Vô Minh, Ái và Thủ. Nghiệp có hai loại, tức là Hành và Hữu. Hữu chính là chủng tử của các nghiệp nương vào A Lại Da Thức, những thứ này cũng được gọi là Nghiệp. Như đức Thế Tôn đã nói: “Này A Nan! Nếu nghiệp có thể tạo thành cái quả trong vị lai thì nó cũng gọi là Hữu”. [Hủy báng] những điều như thế đó, loại hủy báng này gọi là “báng nhân”. “Báng quả” thì quả có bảy chi, tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sanh, Lão Tử. Loại báng này là “báng quả”. Hoặc lại báng bỏ chẳng có thiện hạnh hay ác hạnh, thì gọi là “báng nhân”. Báng chẳng có quả báo của thiện hạnh hay ác hạnh thì gọi là “báng quả”. Báng chẳng có đời này, đời khác, không cha, không mẹ, không có chúng sanh hóa sanh, báng kiêu ấy chính là “báng tác dụng”. Tức là [hủy báng] tác dụng từ đời này sang đời khác, tác dụng duy trì của chủng tử, tác dụng kết sanh liên tục v.v... Báng bỏ chẳng có bậc A La Hán trong thế gian v.v... phá hoại thiện sự, đoạn thiện căn là nghiệp dụng của Tà Kiến, làm chỗ nương tựa cho bất thiện căn kiên cố chính là nghiệp dụng của Tà Kiến, lại còn “sanh ra điều bất thiện, chẳng sanh ra điều thiện” là nghiệp dụng của Tà Kiến).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Tà Kiến, nói theo nghĩa rộng, sẽ bao gồm hết thảy những kiến giải chẳng chánh xác. Nói theo nghĩa hẹp, chủ yếu là nói tới các kiến giải chẳng chánh đáng “*báng nhân quả*”, “*báng tác dụng*”, và “*phá hoại thiện sự*”.

Thê tánh của Tà Kiến, “*báng nhân, quả, hoặc báng tác dụng, hoặc hoại thiện sự, nhiễm huệ vi tánh*” (báng nhân, quả, tác dụng, hoặc làm hư thiện sự, có tánh chất ô nhiễm huệ): Phỉ báng nghiệp nhân, quả báo, hoặc phỉ báng “*tùng thử thê vãng tha thê tác dụng, chủng tử nhậm trì tác dụng, kết sanh tương tục tác dụng đẳng*” (tác dụng từ đời này sang đời khác, tác dụng duy trì của chủng tử, tác dụng liên tục kết tạo sự sống v.v...), hoặc phỉ báng “*vô thê gian A La Hán đẳng*” (chẳng có bậc A La Hán trong thế gian v.v...), đây là Huệ ô nhiễm. Nghiệp dụng của Tà Kiến là “*đoạn thiện căn vi nghiệp, bất thiện căn kiên cố sở y vi nghiệp, hựu sanh bất thiện, bất sanh thiện vi nghiệp*” (nghiệp dụng là đoạn thiện căn, nghiệp dụng là làm chỗ y cứ kiên cố cho bất thiện căn, lại còn có nghiệp dụng sanh ra bất thiện, chẳng sanh điều thiện). Đại lược là có ba thứ nghiệp dụng:

1) Đoạn hết thiện căn Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, sẽ càng khó sanh khởi thiện pháp.

2) Khiến cho bất thiện căn Tham Sân, Si càng kiên cường, cứng chắc hơn, sẽ càng khó điều phục, diệt trừ pháp bất thiện.

3) Khiến cho pháp bất thiện sanh khởi, sẽ chẳng sanh khởi thiện pháp.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Tà Kiến như sau: “*Tà Kiến là nói báng nhân, quả, tác dụng, sự thật, và các tà chấp khác chẳng thuộc Tứ Kiến, như tăng thượng duyên, danh nghĩa biến v.v...*”. “*Báng nhân, quả, tác dụng, sự thật*” tức là như luận này nói “*báng nhân quả, hoặc báng tác dụng, hoặc hoại thiện sự*”, còn bao gồm các thứ tà chấp khác chẳng thuộc vào Tát Ca Da Kiến, Biên Chấp Kiến, Kiến Thủ, và Giới Cấm Thủ như Tăng Thượng Duyên, kể cả các duyên khác chẳng phải là Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên⁷¹.

⁷¹ Nhân duyên: Các yếu tố giúp cho cái nhân kết thành quả thì gọi là Duyên. Trong Tứ Duyên, Nhân Duyên chính là nói đến Duyên, tức là những yếu tố trực tiếp giúp cho cái nhân kết thành quả.

Đẳng Vô Gián Duyên là các pháp lần lượt làm nhân duyên cho nhau, pháp trước làm nhân cho pháp sau, pháp sau làm duyên cho pháp trước, tuần tự làm nhân duyên cho nhau mà sanh khởi liên tục, thì gọi là Đẳng Vô Gián Duyên.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“*Danh Nghĩa Biến*” có nghĩa là:

1) Danh xưng của Tà Kiến rộng lớn. Bất chánh thì gọi là Tà. Do vậy, [Tà Kiến] thâm nhiếp hết thấy bất chánh kiến.

2) Ý nghĩa Tà Kiến trọn khắp. Do vậy, thâm nhiếp hết thấy các tà giải.

Ý nghĩa của “*báng nhân*” là “*báng nhân giả, nhân vị nghiệp, phiền não tánh, hàm hữu ngũ chi, phiền não hữu tam chủng, vị Vô Minh, Ái, Thủ. Nghiệp hữu nhị chủng, vị Hành cập Hữu. Hữu giả, vị y A Lại Da Thức chư nghiệp chủng tử, thử diệt danh Nghiệp. Như Thế Tôn thuyết: - A Nan! Nhược nghiệp năng dữ vị lai quả, bĩ diệt danh Hữu. Như thị đẳng, thử báng danh vi báng nhân*” (báng nhân thì nhân là nghiệp, có tánh chất phiền não, bao gồm năm chi. Phiền não có ba loại, tức Vô Minh, Ái, và Thủ. Nghiệp có hai loại là Hành và Hữu. “*Hữu*” là nương vào chủng tử của hết thấy các nghiệp trong A Lại Da Thức; điều này cũng gọi là Nghiệp. Như đức Thế Tôn nói: “*Này A Nan! Nếu nghiệp có thể tạo ra cái quả trong vị lai, nó cũng gọi là Hữu*”. Như thế đó, báng bỏ những điều này thì gọi là “*báng nhân*”). Nhân là “*ngiệp, phiền não*”, là cái nhân chiêu cảm quả báo, tức là Vô Minh, Ái và Thủ trong Thập Nhị Duyên Khởi (Thập Nhị Nhân Duyên). Ba thứ ấy đều thuộc về phiền não, cùng với Hành và Hữu, hai điều ấy thuộc về nghiệp. Hủy báng, phủ nhận Vô Minh, Ái Thủ, Hành, Hữu, thì gọi là “*báng nhân*”.

Nói theo Duy Thức Học, Hữu là chủng tử của các nghiệp trong A Lại Da Thức của các hữu tình, cũng gọi là Nghiệp. Như đức Thế Tôn đã bảo ngài A Nan: “*Giả sử nghiệp có thể chiêu cảm quả báo trong vị lai, thì cũng gọi là Hữu*”. Chẳng hạn như hữu tình tạo tác các thiện nghiệp như bố thí, trì giới v.v... sẽ huân tập các chủng tử của thiện nghiệp, chứa đựng trong A Lại Da Thức. Trong tương lai, nhân duyên chín muồi, sẽ chiêu cảm quả báo trong đường người hoặc trời. Ngược lại, hữu tình tạo tác ác nghiệp như sát sanh, trộm cắp v.v... sẽ huân tập chủng tử của ác nghiệp, chứa đựng trong A Lại Da Thức. Trong tương lai, nhân duyên chín muồi, [do những chủng tử ấy], sẽ chiêu cảm quả báo trong địa ngục, hoặc ngạ quỷ, hoặc súc sanh!

Sở Duyên Duyên đã chú thích trong phần trước.

Tăng Thượng Duyên là những duyên giúp cho cái nhân kết thành quả nhanh chóng. Nói chi tiết thì thuận duyên giúp cho quả sanh trưởng nhanh chóng, còn nghịch duyên (tuy cũng gọi là Tăng Thượng Duyên) sẽ đối kháng sự sanh trưởng của cái nhân.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Ý nghĩa của “*báng quả*”: “*Báng quả giả, quả hữu thất chi, vị Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sanh, Lão Tử, thử báng vi báng quả*” [ý nói] cái quả nương theo phiền não, do nghiệp sanh ra, có bảy chi là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sanh, Lão Tử. Hủy báng, phủ nhận bảy chi ấy thì gọi là “*báng quả*”.

“*Báng nhân, báng quả*” còn có một cách giải thích khác, “*hoặc phục báng vô thiện hạnh, ác hạnh, danh vi báng nhân. Báng vô thiện hạnh, ác hạnh quả báo, danh vi báng quả*” [ý nói] hủy báng, phủ nhận “*thiện hạnh, ác hạnh*” thì gọi là “*báng nhân*”. Hủy báng, phủ nhận “*thiện hạnh, ác hạnh quả báo*” thì gọi là “*báng quả*”. Hãy tham khảo phần nói về Tà Kiến trong Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Tập Luận.

Ý nghĩa của “*báng tác dụng*” là “*báng vô thử thế, tha thế, vô phụ, vô mẫu, vô hóa sanh chúng sanh, thử báng vi báng tác dụng*” (báng không có đời này, đời khác, không cha, không mẹ, không có chúng sanh hóa sanh. Báng kiểu ấy thì gọi là báng tác dụng), chia thành ba loại:

1) Hủy báng “*báng vô thử thế, tha thế*” (báng bỏ không có đời này, đời khác), phủ nhận “*tùng thử thế vãng tha thế tác dụng*” (tác dụng từ đời này chuyển qua đời khác), tức là phủ báng, phủ nhận tác dụng chúng sanh từ đời này chuyển sanh sang đời sau.

2) Báng “*vô phụ, vô mẫu*” là hủy báng, phủ nhận “*tác dụng duy trì của chúng tử*”, tức là hủy báng, phủ nhận “*A Lại Da Thức của chúng sanh gìn giữ tinh và trứng tiếp nhận từ sự giao hợp của cha và mẹ, [cũng như] tác dụng do mẹ hoài thai mà sanh mạng được gìn giữ liên tục*”.

3) Báng “*vô hóa sanh chúng sanh*”, tức là hủy báng, phủ nhận “*tác dụng kết sanh liên tục*”, tức hủy báng, phủ nhận “*Trung Âm Thân (Trung Hữu) của chúng sanh hóa sanh*”. Nói theo Duy Thức Học, có những chúng sanh sau khi tử vong (Tử Hữu), trước khi đầu thai sanh vào lục đạo (Sanh Hữu), sẽ trải qua trạng thái sanh mạng Trung Âm Thân. Trung Âm Thân chính là hóa sanh do nghiệp lực, có tác dụng nối liền giữa đời hiện tại và đời sau.

“*Hoại thiện sự*” có nghĩa là “*báng vô thế gian A La Hán đẳng*” tức là hủy báng, phủ nhận “*trong thế gian có bậc A La Hán*” v.v...

1.1.2.4.2.1.4.5.2.4. Kiến Thủ

(Luận) Vân hà Kiến Thủ? Vị ư Tam Kiến cập sở y Uẩn, tùy kế

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

vi tối, vi thượng, vi thắng, vi cực, nhiễm huệ vi tánh. Tam Kiến giả, vị Tát Ca Da, Biên Chấp, Tà Kiến. Sở y Uẩn giả, tức bỉ chư kiến sở y chi Uẩn. Nghiệp như Tà Kiến thuyết.

(論)云何見取？謂於三見。及所依蘊。隨計為最為上為勝為極。染慧為性。三見者。謂薩迦耶。邊執。邪見。所依蘊者。即彼諸見所依之蘊。業如邪見說。

(Luận: Kiến Thủ là như thế nào? Chính là cho rằng Tam Kiến và Uẩn đề [Tam Kiến] nương vào là tối hảo, là thượng, là tốt bậc, có tánh chất làm ô nhiễm huệ. Tam Kiến là Tát Ca Da, Biên Chấp, và Tà Kiến. “Uẩn đề nương vào” chính là Uẩn mà mỗi Kiến nương vào [để dấy lên kiến chấp]. Nghiệp dụng của nó giống như trong phần Tà Kiến đã nói).

Thẻ tánh của Kiến Thủ “*ư Tam Kiến cập sở y Uẩn, tùy kế vi tối, vi thượng, vi thắng, vi cực, nhiễm huệ vi tánh. Tam Kiến giả, vị Tát Ca Da, Biên Chấp, Tà Kiến. Sở y Uẩn giả, tức bỉ chư Kiến sở y chi Uẩn*” (đối với Tam Kiến và các Uẩn đề [Tam Kiến] nương vào, cho rằng đó là tối hảo, là thượng, là tốt bậc, có tánh chất làm ô nhiễm huệ. Tam Kiến là Tát Ca Da, Biên Chấp, và Tà Kiến. Các Uẩn đề chúng nương vào chính là các Uẩn làm chỗ nương tựa cho các Kiến), tức là ba thứ kiến chấp Tát Ca Da, Biên Chấp, và Tà Kiến, cùng với Ngũ Uẩn mà ba thứ kiến chấp đã nương vào [để sanh khởi]. [Đối với những thứ ấy] bèn tùy ý chấp trước, so đo là tốt nhất, tối thượng, ưu thắng, tốt bậc, cho đến bài xích, phi báng kiến giải của kẻ khác, đây là huệ bị ô nhiễm. Nghiệp dụng của Kiến Thủ “*ngiệp như Tà Kiến thuyết*”, tức là nghiệp dụng của [Kiến Thủ] giống như Tà Kiến, tức là “*đoạn thiện căn vi nghiệp, bất thiện căn kiên cố sở y vi nghiệp, hựu sanh bất thiện, bất sanh thiện vi nghiệp*” (có nghiệp dụng đoạn thiện căn, có nghiệp dụng làm nơi nương tựa hồng kiên cố bất thiện căn, lại có nghiệp dụng sanh điều bất thiện, chẳng sanh điều thiện).

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Kiến Thủ như sau: “*Kiến Thủ, vị ư chư Kiến cập sở y Uẩn, chấp vi tối thắng, năng đắc thanh tịnh, nhất thiết kiến tranh sở y vi nghiệp*” (Kiến Thủ nghĩa là đối với các Kiến và Uẩn đề [các Kiến ấy] nương vào, chấp chúng là tối thắng, có thể đạt được thanh tịnh. Nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ trong hét thầy các tranh chấp về kiến giải), [ý nói] thẻ tánh của Kiến Thủ là đối với các Kiến (phạm vi càng rộng lớn hơn Tam Kiến) và Ngũ Uẩn

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

mà các Kiến nương vào [để sanh khởi chấp trước], liền so đo, chấp trước là ưu thắng nhất, có thể đạt được thanh tịnh. Nghiệp dụng của Kiến Thủ là làm chỗ y cứ cho hết thảy những tranh chấp về kiến giải.

Theo Phật pháp, hữu tình tranh luận giữa đôi bên với nhau, chủ yếu là có hai loại:

1) Ái tranh: Tức là vì tham ái, danh lợi v.v... Do vậy, đôi bên tranh luận với nhau.

2) Kiến tranh: Vì so đo, chấp trước kiến giải của chính mình là chánh xác nhất, ưu thắng nhất, cho nên đôi bên tranh luận với nhau.

Phàm phu và ngoại đạo đều có Kiến Thủ, cho nên tranh luận với nhau, nói: “Kiến giải của ta là tốt nhất, cao nhất, ưu thắng, có thể đạt được thanh tịnh, là chánh xác”. Đây là Kiến Tranh (見諍, tranh chấp về kiến giải). Do các loại kiến giải của các tôn giáo gia, triết học gia bất đồng, sẽ thường tranh luận, như tranh luận giữa những kẻ theo Thường Kiến Luận và Đoạn Kiến Luận, tranh luận giữa những kẻ theo Nhất Nguyên Luận, Nhị Nguyên Luận, Đa Nguyên Luận v.v...

Thật ra, Sự Lý trong thế gian luôn có tánh chất đối đãi, đối với chủng tộc bất đồng, thời đại bất đồng, các khu vực bất đồng, sẽ có sự phán đoán bất đồng về giá trị. Vì vậy, chớ nên so đo, chấp trước kiến giải của chính mình là chánh xác nhất, ưu thắng nhất, để rồi tranh luận hoặc đấu tranh cùng người khác. [Tranh luận thì] hãy nên khách quan, suy xét kiến giải của người khác theo quan niệm rộng rãi, tôn trọng, thấu hiểu lẫn nhau, trao đổi thuận thảo với nhau, hòa thuận, vui vẻ tạo lợi ích cho nhau.

Nói theo chân lý rốt ráo, chân lý có đặc tánh siêu việt đối đãi, do vậy nói chân lý là “*tâm hành xú diệt, ngôn ngữ dứt bật*”. Suy xét theo đặc tánh khái niệm, thì ngôn ngữ lẫn văn tự đều có tánh chất đối đãi. Do vậy, nhằm để giáo hóa chúng sanh, bậc thánh từ bi tuyên nói cảnh giới tự nội chứng, là đã có tánh chất đối đãi, vì cần phải thuận theo các đối tượng có căn cơ bất đồng mà thiện xảo lập bày các giáo pháp bất đồng, hoặc vận dụng phương thức biểu đạt bất đồng v.v... Do điều này, dầu là các học phái bất đồng trong Phật giáo, cũng đừng nên chấp trước, so đo học thuyết của chính mình là chánh xác nhất, ưu thắng nhất. Trong khi các bậc thánh giáo hóa người khác, nhưng người ta chẳng tin hiểu, bậc thánh cũng sẽ chẳng sanh khởi phiền não mà tranh luận. Chẳng hạn như ngoại đạo tại Ấn Độ vì các thứ nghị luận điên đảo, đã hướng đến đức Thế Tôn cất vấn. Đức Thế Tôn cho rằng những thứ nghị luận ấy đều là pháp tranh luận, là hý luận điên đảo, chẳng lợi ích

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

cho việc tu hành, bèn im lặng, không trả lời. Giống như có kẻ cật vấn: “Sùng thờ là dài hay ngắn?” Cật vấn kiểu đó chính là chấp trước sùng thờ tồn tại cho nên mới nêu ra câu hỏi, chính là hý luận điên đảo. Sùng thờ vốn chẳng tồn tại, có sao lại cật vấn: “Nó là dài hay ngắn” cơ chứ?

1.1.2.4.2.1.4.5.2.5. Giới Cấm Thủ

(Luận) Vân hà Giới Cấm Thủ? Vị ư Giới, Cấm, cập sở y Uẩn, tùy kế vi thanh tịnh, vi giải thoát, vi xuất ly, nhiễm huệ vi tánh. Giới giả, vị dĩ ác kiến vi tiên, ly thất chủng ác. Cấm giả, vị ngu, cầu đẳng cấm, cập tự bạt phát, chấp tam chi trượng, Tăng-khư Định Huệ đẳng. Thủ phi giải thoát chi nhân. Hựu kế Đại Tự Tại, hoặc kế Thế Chủ, cập nhập thủy, hỏa đẳng. Thủ phi sanh thiên chi nhân. Như thị đẳng, bỉ kế vi nhân. Sở y Uẩn giả, vị tức Giới, Cấm sở y chi Uẩn. Thanh tịnh giả, vị tức thuyết thủ vô gián phương tiện, dĩ vi thanh tịnh. Giải thoát giả, vị tức dĩ thủ giải thoát phiền não. Xuất ly giả, vị tức dĩ thủ xuất ly sanh tử. Thị như thủ nghĩa, năng dĩ vô quả đường lao, bì khổ sở y vi nghiệp. Vô quả đường lao giả, vị thủ bất năng hoạch xuất khổ nghĩa.

(論)云何戒禁取？謂於戒禁。及所依蘊。隨計為清淨，為解脫。為出離。染慧為性。戒者。謂以惡見為先。離七種惡。禁者。謂牛狗等禁。及自拔髮。執三支杖，僧佉定慧等。此非解脫之因。又計大自在，或計世主。及入水火等。此非生天之因。如是等。彼計為因。所依蘊者。謂即戒禁所依之蘊。清淨者。謂即說此無間方便。以為清淨。解脫者。謂即以此解脫煩惱。出離者。謂即以此出離生死。是如此義。能與無果唐勞。疲苦所依為業。無果唐勞者。謂此不能獲出苦義。

(Luận: Giới Cấm Thủ là như thế nào? Chính là đối với Giới, Cấm, và các Uẩn để chúng nương vào, bèn tùy ý chấp trước, cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly, có tánh chất ô nhiễm huệ. Giới có nghĩa là do ác kiến làm đầu, là bảy thứ ác. “Cấm” là nói tới các điều giới cấm trâu, chó v.v... cùng tự tay vặt tóc, cầm gậy ba nhánh, Tăng-khư Định Huệ v.v... Những thứ ấy chẳng phải là cái nhân của sự giải thoát. Lại còn là chấp trước Đại Tự Tại, hoặc chấp vào Thế Chủ, và

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

vào trong nước, lửa v.v... Đây chẳng phải là cái nhân để sanh lên trời. Đối với những điều như vậy, kẻ đó chấp trước là nhân. “Uẩn để nương vào” chính là các Uẩn để Giới và Cấm y cứ. “Thanh tịnh” chính là đối với những điều này bèn nói là phương tiện không gián đoạn, ngõ là thanh tịnh. “Giải thoát” là cho rằng do những điều ấy, sẽ giải thoát phiền não. “Xuất ly” là cho rằng do những điều ấy, sẽ rời lìa sanh tử. Các nghĩa như thế ấy chẳng đem lại cái quả, chỉ uổng công. Nghiệp dụng của nó làm chỗ y cứ cho sự mệt mỏi, khổ sở. “Chẳng đem lại cái quả, chỉ uổng công” nghĩa là do những điều này, sẽ chẳng thể thoát khổ được).

Thê tánh của Giới Cấm Thủ “*ư Giới, Cấm, cập sở y Uẩn, tùy kế vi thanh tịnh, vi giải thoát, vi xuất ly, nhiệm huệ vi tánh*”, tức là đối với Giới, Cấm, và các Uẩn để chúng nương vào, bèn tùy ý chấp trước, ngõ chúng là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Đây chính là Huệ bị ô nhiễm. Nghiệp dụng của Giới Cấm là “*dữ vô quả đường lao, bì khổ sở y vi nghiệp*”, tức là thực hiện chúng thì sẽ “chẳng đạt được cái quả, uổng công toi”. “*Vô quả đường lao giả, vị thử bất năng hoạch xuất khổ nghĩa*” (Không có quả, uổng công toi, có nghĩa là do những điều ấy chẳng thể thoát khổ được): “*Đường lao*” (唐勞) là nhọc nhằn, vất vả, mà chẳng có mảy may kết quả tốt đẹp gì. Ngoại đạo tuy nhọc nhằn, mệt mỏi tu hành các thứ Giới, Cấm v.v... nhưng họ chẳng thể đoạn trừ phiền não, chẳng thể đạt được “*xuất ly khổ não*”. Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Giới Cấm Thủ có ý nghĩa tương đồng với luận này.

So đo, chấp trước Giới có nghĩa là “*dĩ ác kiến vi tiên, ly thất chủng ác*”, tức là do bị dẫn dắt bởi ác kiến sai lầm, điên đảo, mà lìa bỏ bảy thứ ác hạnh, tức là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, chẳng nói thêu dệt. Thật ra, nếu như cơ sở để trì giới là kiến giải đã sai lầm, điên đảo, thì trì giới kiểu đó cũng là sai lầm, điên đảo. Như kinh Tạp A Hàm nói: “*Chư ác bất thiện pháp sanh, nhất thiết giai dĩ vô minh vi căn bản... Bất như thật tri cố, khởi ư tà kiến. Khởi ư tà kiến dĩ, năng khởi tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định*” (Sanh ra pháp ác bất thiện, hết thảy đều lấy vô minh làm căn bản... Do chẳng biết đúng như thật, dấy lên tà kiến. Đã dấy lên tà kiến, sẽ có thể dấy lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định).

So đo, chấp trước Cấm có nghĩa là “*nguru, cấu đẳng cấm, cập tự*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

bạt phát, chấp tam chi trượng, Tăng-khur Định Huệ đấng, thử phi giải thoát chi nhân. Hựu kế Đại Tự Tại, cập kế Thế Chủ, cập nhập thủy, hỏa đấng, thử phi sanh thiên chi nhân. Như thị đấng, bỉ kế vi nhân”, [tức là] so đo, chấp trước những cấm chế của trâu, chó v.v... và tự vật tóc, cầm gậy ba nhánh, Tăng-khur Định Huệ v.v... là cái nhân giải thoát. Lại so đo, chấp trước Đại Tự Tại, hoặc Thế Chủ, và vào trong nước, lửa v.v... là cái nhân để sanh lên trời. Chấp trước những thứ cấm chế thì gọi là “*phi đạo kế đạo*” (chẳng phải là đạo mà tưởng là đạo), hoặc “*phi nhân kế nhân*” (chẳng phải là nhân mà coi là nhân).

Có ngoại đạo chấp trước “*cấm chế của trâu, chó v.v...*” là nguyên nhân của sự giải thoát. Vì ngoại đạo có thần thông, thấy trâu hoặc chó chết rồi sanh lên cõi trời, họ chẳng biết nguyên nhân thật sự. Do vậy, so đo, chấp trước phương thức sống của trâu, chó chính là nguyên nhân sanh thiên! Do vậy, họ trì giới của trâu, hay trì giới của chó, chẳng ăn thịt trâu hay thịt chó, học tập phương thức sống của trâu hay chó!

Có ngoại đạo so đo chấp trước “*tự vật tóc*” là nguyên nhân giải thoát. Khổ hạnh ngoại đạo chấp trước: Đã chịu hết thống khổ, sẽ được giải thoát. Do vậy, họ dùng các thứ phương pháp khiến cho thân tâm của chính mình khổ não, như tự mình vật trụi tóc v.v...

Có ngoại đạo chấp trước “*trì tam chi trượng*” (cầm gậy ba nhánh) là nguyên nhân giải thoát. “*Tam chi trượng*” là dùng ba cây côn thẳng, khi sử dụng, bèn chụm một đầu của ba cây côn ấy tựa vào nhau, dùng dây buộc chặt; sau đấy, tách [đầu còn lại] của ba cây côn ấy ra, hình thành một cái giá ba chân, có thể đặt vững trên mặt đất. Hàng Bà La Môn của Ấn Độ đi tham học vấn đạo, phiêu bạt vô định, vì để tuân thủ giới cấm “*gìn giữ khiết tịnh*”, họ luôn giặt theo trượng ba nhánh bên mình. Sau khi đại tiện, bèn bày giá ba chân ra; sau đấy, treo bình nước ở giữa giá, có thể thông dong rửa mình, rửa tay kỹ lưỡng.

Số Luận ngoại đạo chấp trước Tăng-khur Định Huệ là nguyên nhân giải thoát. Tăng-khur là phiên âm của tiếng Phạn Sāṃkhya, dịch nghĩa là Số Luận. Số Luận ngoại đạo cũng tu Định, tu Huệ, lại còn chấp trước Định và Huệ của họ là phương pháp giải thoát.

“*Đấng*”: Ngoại đạo Ấn Độ còn có rất nhiều “*cấm chế*”, như có kẻ chấp trước chẳng ăn thực phẩm đã được nấu chín, hay nướng. Phái Kỳ Na giáo (Jain) thì chấp trước lửa thề.

Có ngoại đạo chấp trước tín ngưỡng Đại Tự Tại là nguyên nhân

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

sinh thiên. Đại Tự Tại chính là Đại Tự Tại Thiên⁷², được ngoại đạo Ấn Độ tín ngưỡng là vị thần tối cao. Trong số những kẻ tín ngưỡng Đại Tự Tại Thiên, lại có một phái gọi là Biến Hành ngoại đạo, họ cho rằng dựa vào sự hòa hợp giữa nam và nữ, cũng có thể sinh thiên, đạt được sự giải thoát thanh tịnh.

Có ngoại đạo chấp trước tín ngưỡng Thế Chủ (vị chủ tể của thế gian) là nguyên nhân sinh thiên. Có thuyết cho rằng Thế Chủ là Đại Phạm Thiên Vương. Có thuyết khác lại cho rằng Thế Chủ chính là Đại Tự Tại Thiên.

Có ngoại đạo cho rằng “vào trong nước, lửa v.v...” chính là nguyên nhân sinh thiên. Như chấp trước mỗi ngày đều phải vào tắm trong sông Hằng ba lần hòng thanh tịnh tam nghiệp. Hoặc chấp trước vào lửa để bị thiêu chết hòng được sinh thiên.

Thật ra, những điều cấm mà ngoại đạo chấp trước ấy chẳng phải là nguyên nhân và phương pháp để thật sự được giải thoát hay sinh thiên.

“Y sở Uẩn giả, vị tức Giới, Cấm sở y chi Uẩn. Thanh tịnh giả, vị tức thuyết thử vô gián phương tiện, dĩ vi thanh tịnh. Giải thoát giả, vị tức dĩ thử giải thoát phiền não. Xuất ly giả, vị tức dĩ thử xuất ly sanh tử” (Uẩn để nương vào chính là Uẩn để Giới, Cấm nương cậy. “Thanh tịnh” chính là nói những phương tiện chẳng gián đoạn ấy, ngõ đó là thanh tịnh. “Giải thoát” là cho rằng nhờ vào những giới cấm ấy sẽ giải thoát phiền não. “Xuất ly” là do những giới cấm sẽ lià khỏi sanh tử): Uẩn để nương vào tức là Ngũ Uẩn để Giới, Cấm y cứ. “Thanh tịnh”: [Ý nói] ngoại đạo chấp trước: Tu trì những phương pháp Giới, Cấm ấy, sẽ ngay lập tức có thể đạt được thanh tịnh. “Giải thoát” tức là ngoại đạo chấp trước [tu tập] những phương pháp ấy sẽ có thể giải thoát phiền não. “Xuất ly” tức là ngoại đạo chấp trước: Do những phương pháp ấy, sẽ có thể xuất ly sanh tử.

1.1.2.4.2.1.4.5.2.6. Nghi

(Luận) Vân hà Nghi? Vị u Đế, Bảo đẳng, vi hữu? Vi vô? Do dự vi tánh. Bất sanh thiện pháp sở y vi nghiệp.

⁷² Đại Tự Tại Thiên (Maheśvara), còn được phiên âm là Ma Hê Thủ La Thiên, hoặc Y Xá Na Thiên (Īśvara), hay Thương Yết La Thiên (Shankara), chính là thần Shiva (Tháp Bà). Vị thiên vương này ngự trên Sắc Cứu Cánh Thiên, là vị trời cao nhất trong Sắc Giới.

(論)云何疑？謂於諦寶等。為有？為無？猶預為性。不生善法。所依為業。

(Luận: Nghi là như thế nào? Chính là đối với Tứ Đế, Tam Bảo v.v... [mà ngờ vực] là có hay là không? Có tánh chất do dự. Nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ để sanh ra pháp bất thiện).

Thể tánh của Nghi là “*ư Đế, Bảo đẳng, vi hữu, vi vô, do dự vi tánh*” (đối với Tứ Đế, Tam Bảo mà hoài nghi là có hay không, có tánh chất do dự): Hoài nghi sự lý “*thiện nghiệp nhân, đắc thiện quả. Ác nghiệp nhân, đắc khổ quả*” (do cái nhân là nghiệp lành sẽ đạt được quả lành; do cái nhân là nghiệp ác, sẽ đạt được quả khổ) có đúng hay không? Hoài nghi “*tứ quả thánh giả*” là có hay không? Hoài nghi Tứ Đế là đúng hay không đúng? Hoài nghi công đức thanh tịnh của Tam Bảo là có hay không? Vì những nỗi hoài nghi ấy mà chần chừ chẳng quyết đoán được. Nghiệp dụng của Nghi là “*bất sanh thiện pháp sở y vi nghiệp*”, tức là làm chỗ y cứ để chẳng sanh khởi thiện pháp.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Nghi như sau: “*Vân hà vi Nghi? Ư chư đế lý, do dự vi tánh, năng chướng Bất Nghi, thiện phẩm vi nghiệp*” (Nghi là như thế nào? Có tánh chất do dự đối với các lý chân thật. Nó có nghiệp dụng là có thể chướng ngại Bất Nghi và các điều thiện). Thể tánh của Nghi là hoài nghi Sự Lý Tứ Đế là có hay không? Là đúng hay sai? Vì những nỗi hoài nghi ấy mà chần chừ chẳng thể quyết đoán được. Nghiệp dụng của Nghi là có thể chướng ngại Bất Nghi và các thứ thiện pháp.

“*Do dự*” (猶預) là chữ có âm láy, dùng âm thanh để diễn tả ý nghĩa, nhưng không có chữ ấy, có thể viết là do dự (由豫), du dự (游預), do dữ (猶與), do dự (猶預)...

Sơ Quả thánh giả đoạn trừ Tam Kết, tức Ngã Kiến, Giới Cấm Thủ, và Nghi. Đoạn trừ Nghi, tức là Sơ Quả đối với chân lý Tứ Đế, công đức của Tam Bảo v.v... đã lãnh hội chánh xác, sâu sắc, đoạn trừ nghi hoặc đối với Phật, Pháp, Tăng, Giới, còn gọi là Tứ Bất Hoại Tín (bốn niềm tin chẳng thể hư hoại được).

Du Già Sư Địa Luận nói Nghi dựa vào sáu sự mà sanh khởi:

1) Nghe ngóng Sự Lý chẳng chánh xác bèn hoài nghi Sự Lý chánh xác.

2) Trông thấy tà hạnh của sư trưởng, sẽ hoài nghi giáo pháp của sư trưởng.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

3) Trông thấy Sự Lý mà chính mình tin nhận có khác biệt, bèn hoài nghi loại Sự Lý nào mới là chánh xác.

4) Chính mình ngu muội, chẳng thể chọn lựa Sự Lý dứt khoát, bèn hoài nghi Sự Lý.

5) Trí huệ của chính mình chẳng sâu, sẽ hoài nghi pháp tánh rất sâu.

6) Trí huệ của chính mình chẳng rộng, sẽ hoài nghi giáo pháp rộng lớn.

1.1.2.4.2.1.4.5.2.6. Tiểu kết

(Luận) Chư phiền não trung, hậu Tam Kiến cập Nghi, duy phân biệt khởi, dư thông Câu Sanh cập Phân Biệt khởi.

(論)諸煩惱中。後三見及疑。唯分別起。餘通俱生。及分別起。

(Luận: Trong các phiền não, ba kiến sau và Nghi chỉ do phân biệt mà dấy lên, những thứ khác đều do Câu Sanh và Phân Biệt mà dấy lên).

Trong mười thứ phiền não, Tà Kiến, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ [là ba thứ kiến chấp] thuộc phần sau, và Nghi chỉ từ phân biệt mà sanh khởi. Những thứ khác như Tham, Sân, Si, Mạn, Tát Ca Da Kiến, Biên Chấp Kiến, hoặc là do Câu Sanh (bẩm sanh) mà có, hoặc là từ phân biệt mà sanh khởi.

Nói theo Duy Thức Học, phiền não có thể chia thành hai loại lớn: Một là Câu Sanh phiền não, và hai là Phân Biệt Khởi phiền não.

1) Câu Sanh phiền não là phiền não có từ lúc mới được sanh ra, tánh chất vi tế, khá khó đoạn trừ. Tu đạo mới có thể đoạn loại Hoặc này. Do vậy, [Câu Sanh phiền não] lại còn gọi là Tu Hoặc (hay Tư Hoặc).

2) Phân Biệt Khởi phiền não là chịu ảnh hưởng từ tà giáo, tà sư v.v... ở bên ngoài, hoặc do sự phân biệt hư vọng của chính mình mà sanh khởi phiền não, tánh chất thô, rõ, khá dễ đoạn trừ. Kiến Đạo sẽ có thể đoạn loại Hoặc này; vì vậy, chúng còn được gọi là Kiến Hoặc.

1.1.2.4.2.1.5. Tùy Phiền Não Tâm Sở (chia thành ba phần)

1.1.2.4.2.1.5.1. Tiểu Tùy Phiền Não Tâm Sở (chia thành mười phần)

1.1.2.4.2.1.5.1.1. Phần

(Luận) Vân hà Phần? Vị y hiện tiền bất nhiều ích sự, tâm phần vi tánh, năng dữ bạo ác, chấp trì tiền trọng sở y vi nghiệp.

(論)云何忿? 謂依現前不饒益事。心憤為性。能與暴惡。執持鞭杖。所依為業。

(Luận: Phần là như thế nào? Chính là do vì chuyện chẳng lợi ích trong hiện tiền mà tâm có tánh chất giận dữ. Nghiệp dụng của nó là làm chỗ nương tựa cho hành vi gây tạo bạo ác [đối với người khác], cầm nắm roi gậy).

Tùy Phiền Nã là phần vị sai biệt của Căn Bản Phiền Nã, hoặc là Đẳng Lưu Tánh⁷³ của Căn Bản Phiền Nã, tùy thuộc Căn Bản Phiền Nã mà sanh khởi. Phần vị⁷⁴ sai biệt của Căn Bản Phiền Nã, tức là mười Tiểu Tùy Tâm Sở như Phần v.v... cùng với Thất Niệm, Bất Chánh Tri, và Phóng Dật, tổng cộng là mười ba Tâm Sở. Đẳng Lưu Tánh của Căn Bản Phiền Nã là Vô Tâm, Vô Quý, Điều Cử, Hôn Trầm, Tán Loạn, Bất Tín, và Giải Đãi, bao gồm bảy món Tâm Sở. Tuy mỗi món có thể tánh sai khác, nhưng đều là Đẳng Lưu Tánh của Căn Bản Phiền Nã.

Tùy Phiền Nã chia thành ba loại:

- Tiểu Tùy Phiền Nã, gồm mười Tâm Sở như Phần v.v... Mỗi món sanh khởi khác nhau. Hễ có một món trong số ấy, sẽ chẳng có món thứ hai nào khác [đồng thời sanh khởi]. Phạm vi hoạt động của chúng rất nhỏ hẹp.

- Trung Tùy Phiền Nã, gồm hai Tâm Sở là Vô Tâm và Vô Quý, chúng đồng thời sanh khởi (luôn sanh khởi cùng lúc), trọn khắp các Tâm Sở có tánh chất bất thiện (Tâm Sở mang tánh chất ác). Phạm vi hoạt động của chúng khá rộng lớn.

⁷³ Đẳng Lưu Tánh (等流性): Theo Phật Quang Sơn Tự Điển, Đẳng là giống như nhau, Lưu là loại, là lưu xuất (tuôn chảy ra, phát xuất). Gọi là Đẳng Lưu Tánh tức là pháp đang nói có cùng một tánh chất với pháp đã nói. Chẳng hạn như Vô Tâm được coi là pháp đẳng lưu của Tham. Hơn nữa, luận theo thứ tự thời gian trước sau, pháp nào có sau sẽ được gọi là Đẳng Lưu Quả.

⁷⁴ Trong phần sau, pháp sư Tịnh Chiếu đã giảng “phần vị” là bộ phận, hay nói cách khác, Phần Vị là một phần nào đó.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

- Đại Tỳ Phiền Nã, gồm tám món Tâm Sở như Hôn Trầm v.v... Chúng có thể cùng lúc sanh khởi, trọn khắp các tâm ô nhiễm (tức là Tâm và Tâm Sở có tánh chất ác, hoặc có tánh chất hữu phú vô ký), phạm vi hoạt động càng rộng lớn hơn.

Thể tánh của Phẫn dùng một phần Sân làm thể tánh, “*y hiện tiền bất nhiêu ích sự, tâm phẫn vi tánh*”, tức là đối với chuyện chẳng lợi ích trong hiện tiền, nội tâm sẽ tức tối, nổi giận đùng đùng. “*Chuyện chẳng lợi ích*” là như bị kẻ khác chửi mắng hoặc đánh đập v.v... Nghiệp dụng của Phẫn là “*năng dữ bạo ác, chấp trì tiên trượng sở y vi nghiệp*”, tức là nó có thể dẫn khởi sự bạo ác, bèn cầm nắm roi, gây để làm chuyện bạo hành đối phương. Nếu nói theo hiện thời thì càng tàn bạo hơn nữa, hoặc là dùng dao chém giết, hoặc dùng súng bắn giết. Kẻ ôm lòng Phẫn, đại đa số sẽ phát sanh hành vi biểu lộ sự bạo ác nơi thân nghiệp. Đây là nói theo điều chủ yếu, đương nhiên là cũng có thể phát khởi lời nói bạo ác. Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Phẫn đại để tương đồng với luận này.

1.1.2.4.2.1.5.1.2. Hận

(Luận) Vân hà Hận? Vị Phẫn vi tiên, kết oán bất xả vi tánh, năng dữ bất nhẫn sở y vi nghiệp.

(論)云何恨？謂忿為先。結怨不捨為性。能與不忍。所依為業。

(Luận: Hận là như thế nào? Chính là do trước đó đã có Phẫn, bèn có tánh chất kết oán chẳng bỏ được, nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ cho chẳng nhẫn nại).

Thể tánh của Hận là dùng một phần Sân làm thể tánh, “*Phẫn vi tiên, kết oán bất xả vi tánh*”, tức Hận [sẽ sanh khởi] sau khi đã có Phẫn, tâm ôm lòng hận, chẳng thể buông bỏ, kết thành oán cừ. Nghiệp dụng của Hận là “*dữ bất nhẫn sở y vi nghiệp*” (có nghiệp dụng làm chỗ y cứ cho Bất Nhẫn), tức là nó sẽ tạo thành cơ sở khiến cho [đương sự] chẳng thể chịu đựng chuyện chẳng lợi ích một lần nữa! Nếu lần sau gặp phải chuyện chẳng lợi ích, sẽ dẫn khởi tác dụng tâm lý bạo ác càng mạnh mẽ hơn, càng bạo hành đối phương tàn khốc hơn!

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh thể tánh của Hận giống như luận này, còn nghiệp dụng [của Hận theo luận ấy] thì là có thể

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

chương ngại Bất Hận: Do ôm lòng Hận, sẽ sanh ra sự nhiệt não. Tuy Phần cũng có thể sanh ra nhiệt não, nhưng nhẹ ít hơn. Vì thế, chỉ nói “do ôm lòng Hận mà sanh ra nhiệt não”.

Dùng thí dụ để nói về sự sai khác giữa Hận và Phần, thì Phần như lửa đốt vỏ cây. Dầu ngọn lửa thoát nhìn rất dữ dội, nhưng nhiệt độ chẳng cao. Khi ngọn lửa đã tắt, chẳng còn hơi nóng sót lại. Hận là oán khí nồng đậm, như lửa hầm than. Tuy thoát nhìn ngọn lửa liu riu, nhưng nhiệt độ rất cao. Ngọn lửa tắt rồi, nhiệt lượng sót lại vẫn rất cao!

1.1.2.4.2.1.5.1.3. Phú

(Luận) Vân hà Phú? Vị u quá thất, ẩn tàng vi tánh. Vị tàng ẩn tội cố, tha chánh giáo hồi thời, bất năng phát lộ, thị Si chi phần, năng dữ truy hồi, bất an ổn trụ sở y vi nghiệp.

(論)云何覆？謂於過失。隱藏為性謂藏隱罪故。他正教誨時。不能發露。是癡之分。能與追悔。不安隱住。所依為業。

(Luận: Phú là như thế nào? Chính là có tánh chất giấu diếm tội lỗi. Tức là vì giấu diếm tội, cho nên trong khi được người khác dạy sám hối, sẽ chẳng thể tỏ lộ. Nó là một phần của Si, có nghiệp dụng làm chỗ y cứ cho chuyện nghĩ lại bèn hối hận, ở trong trạng thái chẳng an ổn).

Thề tánh của Phú là “*u quá thất, ẩn tàng vi tánh*”, tức là che giấu lỗi lầm của chính mình. Nghiệp dụng của nó là “*năng dữ truy hồi, bất an ổn trụ sở y vi nghiệp*”, tức là có thể khiến cho [người ấy] nhớ lại [những chuyện đã trót làm] mà áo não, hối hận, chẳng thể an ổn được!

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Phú như sau: “*Vân hà vi Phú? Ư tự tác tội, khùng thất lợi dự, ẩn tàng vi tánh. Năng chương Bất Phú, hồi não vi nghiệp*” (Phú là như thế nào? Có tánh chất đối với tội do chính mình đã làm, vì sợ bị mất lợi lạc, tiếng tăm, cho nên giấu giếm. Nghiệp dụng của nó là có thể chương ngại Bất Phú (không che giấu tội lỗi), [khiến cho kẻ giấu tội] hối hận, áo não). Thề tánh của Phú là đối với tội nghiệp do chính mình đã tạo tác, sợ hãi [những tội nghiệp ấy bị phơi bày ra], sẽ mất đi lợi dưỡng và danh dự, cho nên giấu nhẹm tội lỗi của chính mình. Nghiệp dụng của nó là có thể chương ngại Bất Phú, [gây nên] bút rút, áo não, hối hận. Bất Phú là chẳng giấu diếm, chẳng che đậy, mà đem tội lỗi đối trước Phật, hoặc đối trước một

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

người, hoặc là đối trước đại chúng phơi bày sám hối, thỉnh cầu khoan thứ, chấp thuận cho [kẻ trót phạm tội] hối cải.

Quy chế trong Phật pháp là đã phạm giới khinh hoặc giới trọng, phải do chính mình chọn lựa, thừa nhận bản thân đã làm sai, chân thành sám hối. Sám hối là tự mình nói ra tội lỗi của chính mình, thỉnh cầu tha thứ; sau đây, chẳng còn tạo tội nghiệp nữa! “*Hữu tội đương sám hối, sám hối tắc thanh tịnh*” (Có tội hãy nên sám hối, sám hối bèn thanh tịnh). Có tội nghiệp, hãy nên sám hối, sám hối bèn thanh tịnh. Giống như y phục đã bị bẩn, giặt sạch rồi, sẽ lại sạch sẽ. Sau khi tự mình sám hối, người khác sẽ chẳng được phép nói tội lỗi của chính mình nữa. Nếu không, người khác sẽ phạm giới.

Ngược lại, giấu diếm tội lỗi của chính mình, chẳng phát lộ sám hối, tức là chẳng nghiêm túc phản tỉnh sửa lỗi, tội lỗi sẽ càng ngày càng nặng nề, sẽ chẳng có cách nào phục hồi sự thanh tịnh. Có lúc nghĩ lại, sẽ áo não, hối hận chẳng ngơi, thân tâm khô não, chẳng thể an ổn. Giống như đem phân bỏ trong thùng, đậy nắp lại, mấy ngày sau lại mở nắp ra, mùi hôi thối sẽ khó lòng chịu nổi!

“*Ẩn tàng tội cố, tha chánh giáo hối thời, bất năng phát lộ*”, [nghĩa là] vì giấu giếm tội lỗi của chính mình, cho nên người khác thật sự muốn dạy bảo, chỉ dạy kẻ đó hòng kẻ đó khi sám hối sẽ được thanh tịnh, nhưng kẻ đó chẳng chịu phát lộ sám hối.

Luận này nói Phú là một phần của Si, tức là dùng một phần Si làm thể tánh. Vì chẳng hiểu rõ đạo lý của nghiệp quả, chẳng sợ hãi khổ quả trong vị lai, cho nên mới giấu diếm tội lỗi của chính mình. Có giáo nghĩa cho rằng: Phú dùng một phần Tham và Si làm thể tánh. Ngoài Si ra, có lúc cũng vì tham đắm lợi dưỡng và danh dự, sợ chúng sẽ bị mất đi, cho nên mới giấu giếm tội lỗi của chính mình.

1.1.2.4.2.1.5.1.4. Não

(Luận) Vân hà Não? Vị phát bạo ác ngôn, lăng phạm vi tánh. Phẫn, Hận vi tiên, tâm khởi tổn hại. Bạo ác ngôn giả, vị thiết hại thô quánh, năng dữ ưu khổ, bất an ổn trụ sở y vi nghiệp. Hựu năng phát sanh phi phước vi nghiệp, khởi ác danh xưng vi nghiệp.

(論)云何惱？謂發暴惡言。陵犯為性。忿恨為先。心起損害。暴惡言者。謂切害麤。能與憂苦。不安隱住。所依為業。又能發生非福為業。起惡名稱為業。

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

(Luận: Nã là như thế nào? Tức là có tánh chất thốt ra lời bạo ác, lãng nhục, xúc phạm. Do trước đó đã có Phần và Hận, tâm bèn dấy lòng tổn hại. “Lời bạo ác” là nói lời tổn thương, thô lỗ, hung bạo. Nghiệp dụng là nó làm chỗ y cứ để tạo ra sự ưu sầu, khổ sở, chẳng thể an ổn. Nó còn có nghiệp dụng phát sanh chuyện chẳng phải là phước, có nghiệp dụng tạo nên tiếng tăm xấu xa).

Thể tánh của Nã là lấy một phần Sân làm thể tánh. “*Phát bạo ác ngôn, lãng phạm vi tánh*”, tức là phát khởi ngữ nghiệp rất thô bạo, rất hung hăng, độc địa, khinh miệt, xâm phạm người khác. Đây là nói nhấn mạnh, đương nhiên cũng có thể là thân nghiệp rất hung hãn, bạo tàn, dữ dội, khinh miệt, xâm phạm người khác. Nghiệp dụng của Nã là “*năng dữ ưu khổ, bất năng an ổn trụ sở y vi nghiệp. Hựu năng phát sanh phi phước vi nghiệp, khởi ác danh xưng vi nghiệp*”, [có nghĩa là] khiến cho thân tâm của người khác và chính mình ưu bi, khổ não, chẳng được an ổn, có thể phát sanh tội ác nơi thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp, có thể dẫn đến tiếng tăm xấu xa.

“*Phần, Hận vi tiên, tâm khởi tổn hại*” [nghĩa là] Nã dùng Phần và Hận làm điều kiện tiên khởi, dẫn khởi tác dụng tâm lý muốn tổn hại đối phương. Biểu hiện ra hành vi bên ngoài sẽ là ngữ nghiệp hoặc thân nghiệp thô bạo, độc ác. Tác dụng của Nã càng mạnh hơn so với Phần và Hận. Vì tình tự phần nộ và oán hận tích lũy, áp ủ, cho nên nếu gặp phải cảnh trái nghịch, sẽ bùng nổ mạnh mẽ nhất, tạo thành sự tổn thương, tai hại nghiêm trọng.

“*Bạo ác ngôn giả, vị thiết hại thô quánh*” [có nghĩa là] ngữ nghiệp thô bạo, hung ác, chính là lời lẽ gây đau đớn, thô lỗ. “*Thiết hại*” (切害) là lời lẽ tàn độc hết sức gây tổn thương người khác, giống như dùng đao bén cắt xẻ, tổn thương người khác. Ngữ nghiệp “*thô quánh*” là chữ bới hung bạo, chẳng màng lý lẽ, trọn chẳng có mảy may hợp lý nào.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Nã như sau: “*Vân hà vi Nã? Phần, Hận vi tiên, truy xúc bạo nhiệt, ngạn lệ vi tánh; năng chương Bất Nã, thư thích vi nghiệp*” (Nã là như thế nào? Nó có tánh chất là: Do trước đó đã có Phần và Hận, nay nhớ lại chuyện cũ, đụng phải chuyện trái nghịch [trong hiện thời], bèn hung bạo, nóng nảy. Nghiệp dụng của nó là có thể chương ngại Bất Nã, ăn nói hung hãn, tàn độc, gây tổn thương). “*Truy xúc bạo nhiệt, ngạn lệ*” là nhớ lại những chuyện chẳng vui sướng trong quá khứ (tức là cảnh được duyên

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

bởi Phẫn và Hận), lại va chạm nghịch duyên trong hiện tiền; do vậy, như lửa đốt tâm, sanh khởi một thứ nhiệt não hung bạo, tâm thái độc ác, ngang ngược, hung tợn. “*Thư*” (蛆, giòi) là ấu trùng của ruồi nhặng, ở đây dùng để tỷ dụ lời thô tiếng ác. “*Thích*” (螫) là các loại rắn, ong, bọ cạp có nọc độc dùng răng hoặc kim, móc [ở đuôi] để cắn, chích nhân loại hoặc động vật. “*Thư thích*” là tỷ dụ ngôn ngữ hung bạo, tàn độc, hủy báng, hãm hại, tổn thương người khác.

So sánh giữa Não với Phẫn và Hận:

1) Điểm tương đồng là Phẫn, Hận, và Não đều dùng một phần Sân làm thể tánh, đều là pháp giả hữu.

2) Điểm dị biệt: Nói theo phương diện khởi Hoặc, thì Phẫn duyên theo cảnh trái nghịch trong hiện tiền mà đột ngột bộc phát sự tức giận dữ dội. Hận thì duyên theo cảnh trái nghịch trong quá khứ, nhiều lượt tìm tòi, suy nghĩ, kết oán chẳng bỏ. Não là nhớ lại những cảnh trái nghịch trong quá khứ, lại do va chạm cảnh trái nghịch trong hiện tiền, oán cũ cừ mới chồng chất vào nhau, thân tâm nóng nảy, bức bối. Nói theo phương diện phát khởi thành nghiệp thì Phẫn chủ yếu là phát khởi thân nghiệp, Hận chủ yếu là phát khởi ý nghiệp, còn Não chủ yếu là phát khởi ngữ nghiệp.

1.1.2.4.2.1.5.1.5. Tật

(Luận) Vân hà Tật? Vị u tha thịnh sự, tâm đồ vi tánh, vị danh lợi cố, u tha thịnh sự, bất kham nhẫn nại, đồ kỳ tâm sanh, tự trụ ưu khổ sở y vi nghiệp.

(論)云何嫉？謂於他盛事。心妬為性。為名利故。於他盛事。不堪忍耐。妬忌心生。自住憂苦。所依為業。

(Luận: Tật là như thế nào? Tức là có tánh chất đối với chuyện tốt đẹp của người khác, tâm bèn đồ kỳ. Vì danh lợi mà đối với chuyện tốt đẹp của người khác, chẳng thể chịu đựng được, sanh tâm ganh ghét. Nghiệp dụng của nó là làm chỗ y cứ để tự mình ở trong sự ưu tư, khổ não).

Thể tánh của Tật là dùng một phần Sân làm thể tánh. “*U tha thịnh sự, tâm đồ vi tánh*”, tức là đối với chuyện ưu thắng (trỗi vượt, cao trỗi) của người khác, hoặc là [thấy kẻ khác] tài sản rất dư dật, hoặc tiếng tăm rất cao, hoặc dung mạo trang nghiêm v.v... bèn sanh khởi

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

lòng ganh ghét. Nghiệp dụng của Tật là “*tự trụ ưu khổ sở y vi nghiệp*”, [tức là] khiến cho thân tâm của chính mình ưu sầu, khổ não, vì cảm thấy người khác cướp đoạt hoặc trở ngại sự vinh diệu của chính mình, cho nên tức tối, căm phẫn, ưu sầu, khổ não.

Vì sao sanh tâm ghen ghét đối với chuyện ưu thắng của kẻ khác? “*Vị danh lợi cố, ư tha thịnh sự, bất kham nhẫn nại, tất đồ tâm sanh*”, [tức là] vì tham đắm danh dự, lợi dưỡng, cho nên đối với chuyện ưu thắng của người khác, chẳng thể chịu nổi sự vinh diệu của người khác, bèn sanh lòng ghen ghét. Người khác đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, cung kính v.v..., kẻ đó bèn cho là vì người khác chiêm đoạt hoặc gây trở ngại cho tiếng tăm, lợi dưỡng, sự cung kính v.v... của chính mình. Vì thế, từ sự tham đắm danh lợi v.v... mà chuyển biến thành sanh khởi lòng ghen ghét khi người khác đạt được danh lợi v.v... Thật ra, kẻ ngạo mạn trông thấy học thức, sự nghiệp v.v... của người khác cao trội hơn mình, cũng rất dễ từ lòng ngạo mạn chuyển biến thành sanh khởi lòng ghen ghét.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Tật như sau: “*Vân hà vi Tật? Tuân tự danh lợi, bất nại tha vinh, đồ kỳ vi tánh, năng chướng Bất Tật, ưu thích vi nghiệp*” (Tật là như thế nào? Mù quáng theo đuổi danh lợi cho chính mình, chẳng chịu nổi người khác vinh hiển, có tánh chất ghen ghét. Nghiệp dụng là có thể chướng ngại Bất Tật, gây nên ưu sầu, lo lắng). “*Tuân*” (殉) là dùng người hoặc vật dụng bồi táng (陪葬, chôn theo người chết), [dùng chữ này] để tỷ dụ [kẻ đó] vì đạt đến một mục đích nào đó mà hy sinh tánh mạng, mà cũng có ý nghĩa là “tham cầu”. “*Tuân tự danh lợi*” là tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình, cho đến sẵn lòng vì tiếng tăm, lợi dưỡng mà chết. “*Bất nại tha vinh*”: Đối với chuyện người khác đạt được vinh diệu tốt đẹp, trong tâm chẳng thể chịu đựng nổi, đúng như câu nói: “*Kiến tha vinh quý, nguyện tha lưu biếm*” (Thấy kẻ khác vinh hiển, sang quý, mong cho kẻ đó bị lưu đày, biếm trích). Trông thấy kẻ khác vinh hoa, phú quý, mong mỗi người khác bị biếm trích, tổn hại, bị giáng chức, hoặc bị đuổi về vườn! “*Kiến tha phú hữu, nguyện tha phá tán*”, tức là trông thấy kẻ khác có tiền, mong mỗi họ bị khuynh gia bại sản.

Nghiệp dụng của Tật là có thể chướng ngại Bất Tật. Bất Tật là trông thấy người khác đạt được chuyện vinh diệu, tốt đẹp, không chỉ là sẽ chẳng ghen ghét, mà còn vui vẻ theo, tức là tùy hỷ công đức và phước báo của họ. Thật ra, trông thấy công đức và phước báo của người khác, càng phải nên hăng hái phát khởi chí nguyện phông theo

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

họ, nỗ lực học tập để thành tựu công đức và phước báo càng thù thắng hơn. Nói theo nguyên Vô Thượng Bồ Đề, chúng sanh đạt được công đức và phước báo thù thắng, há chẳng khế hợp nguyên Vô Thượng Bồ Đề ư? “*Ưu thích*” (憂感, ưu sầu, lo lắng), là vì tâm lượng hẹp hòi, ích kỷ, cho nên trông thấy người khác có chuyện tốt đẹp, vinh diệu, sẽ giống như dao bén cắm vào tim, trong tâm thường bị ưu bi, khổ não, nhân nhó, cau có.

1.1.2.4.2.1.5.1.6. Xan

(Luận) Vân hà Xan? Vị Thí tương vi, tâm lận vi tánh, vị u tài đẵng, sanh lận tích cố, bất năng huệ thí, như thị vi Xan. Tâm thiên chấp trước lợi dưỡng, chúng cụ, thị Tham chi phần, dữ Vô Yếm Túc sở y vi nghiệp. Vô Yếm Túc giả, do xan lận cố, phi sở dụng vật, do hằng tích tụ.

(論)云何慳? 謂施相違。心慳為性。謂於財等。生慳惜故。不能惠施。如是為慳。心偏執著利養眾具。是貪之分。與無厭足。所依為業。無厭足者。由慳慳故。非所用物。猶恒積聚。

(Luận: Xan là như thế nào? Chính là có tánh chất trái nghịch Thí. Tâm keo kiệt nghĩa là đối với những thứ như tài v.v... do sanh lòng keo tiếc, chẳng thể bố thí rộng rãi. Như thế thì là Xan. Tâm khăng khăng chấp trước lợi dưỡng và các vật dụng. Xan là một phần của Tham, có nghiệp dụng làm chỗ y cứ của Vô Yếm Túc (không chán đủ). Vô Yếm Túc là do tham tiếc, đối với những vật chẳng dùng mà vẫn luôn chất chứa).

Thê tánh của Xan là dùng một phần Tham làm thê tánh. “*Thí tương vi, tâm lận vi tánh*” tức là tương phản với Bồ Thí, nội tâm keo kiệt, tiếc nuối. Vì sao như thế? “*U tài đẵng, sanh lận tích cố, bất năng huệ thí, như thị vi Xan*” (Vì đối với những thứ như tài v.v... sanh lòng keo tiếc, chẳng thể bố thí rộng rãi. Như thế là Xan): Vì tham luyến tài vật, học vấn v.v... của chính mình, cho nên nội tâm keo tiếc, chẳng chịu bố thí rộng rãi tài vật cho người khác, mà cũng chẳng chịu dạy bảo người khác. Lại vì sao chẳng thể bố thí rộng rãi tài vật v.v...? “*Tâm thiên chấp trước lợi dưỡng, chúng cụ*”, [tức là] trong tâm khăng khăng chấp trước tham luyến lợi dưỡng và các thứ cần dùng cho cuộc sống,

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

cho nên chẳng thể bỏ thí rộng rãi tài vật v.v... “*Lợi dưỡng*” là nói đến những thứ vật chất có lợi ích. Những vật chất ấy có thể bồi bổ hoặc duy trì sanh mạng. “*Chúng cụ*” (眾具, các vật dụng): Thọ dụng lợi dưỡng, cần đến các thứ vật dụng giúp đỡ, như để ăn các thực phẩm, trước hết cần phải chế biến thức ăn, tức là cần đến các vật dụng như nồi v.v...

Nghiệp dụng của Xan là “*dữ Vô Yém Túc sở y vi nghiệp*” (có nghiệp dụng làm chỗ nương tựa cho Chẳng Chán Đủ). Vì keo kiệt, cho nên muốn đạt được của cải v.v... càng nhiều hơn, trong tâm chẳng thỏa mãn. “*Vô Yém Túc giả, do xan lận cố, phi sở dụng vật, do hằng tích tụ*” (Chẳng chán đủ là vì do keo kiệt, đối với những vật chẳng dùng đến, vẫn cứ luôn chất chứa): Kẻ Vô Yém Túc vì tham lam, keo kiệt, cho nên đối với những món tài vật v.v... chẳng bỏ được để thí rộng rãi cho người khác. Dầu là những vật dụng chẳng cần đến, vẫn cứ vĩnh viễn chất chứa trong nhà hoặc trong kho.

Thành Duy Thức Luận đã thuyết minh về Xan như sau: “*Vân hà vi Xan? Đam trước tài, pháp, bất năng huệ xả. Bí lận vi tánh, năng chướng Bất Xan, bỉ súc vi nghiệp*” (Xan là như thế nào? Đắm chấp tài, pháp, chẳng thể bỏ thí rộng rãi, có tánh chất giấu giếm, keo kiệt. Nó có nghiệp dụng ngăn chướng Bất Xan, tích góp tệ hại). Thể tánh của Xan là đắm chấp tiền tài (bao gồm y phục, thực phẩm, đồ trái nầm, thuốc men v.v... những thứ cần dùng cho cuộc sống), giáo pháp (bao gồm Phật pháp lẫn học vấn thế gian), chẳng chịu thực hiện Tài Thí và Pháp Thí, giấu kín tiền tài và giáo pháp, keo kiệt chẳng thể hoan hỷ xả được. Nghiệp dụng của Xan có thể chướng ngại Bất Xan, tích góp riết róng. “*Bất Xan*” thì không chỉ chẳng tham đắm tiền tài và giáo pháp, lại còn khảng khái bỏ thí cho người khác. “*Bỉ súc*” (鄙畜) là hạng người ấy dầu tiền tài dư dật, học thức uyên bác, đáng tiếc là tâm lượng hẹp hòi, chua chát, keo tham, riết róng, chẳng chịu thí xả cho người khác.

Dựa trên [các yếu tố] chính mình cần thiết hay không, cũng như có bỏ thí cho người khác hay không, có thể chia đại lược mọi người thành bốn loại:

1) Chính mình cần thiết, bỏ thí cho người khác: Có những người tuy bản cùng, nhưng chuộng thiện thích thí.

2) Chính mình cần thiết, chẳng bỏ thí cho người khác: Người ta thường là đối với những vật cần dùng cơ bản cho cuộc sống, sẽ không chịu bỏ thí cho người khác. Đây là lẽ thường tình. Hoặc là sách vở mà chính mình thường xem đọc, có thể là chẳng bỏ thí cho người khác, nhưng tài lực cho phép thì sẽ mua sách vở mới bỏ thí cho người ta.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

3) Chính mình chẳng cần dùng, bố thí cho người khác: Những vật mình chẳng cần dùng, để đó vô ích, bố thí cho người khác thì có thể đạt được phước lạc, lẽ nào chẳng vui vẻ làm ư?

4) Chính mình chẳng cần dùng, chẳng bố thí cho người khác: Đây là kẻ keo kiệt thành tánh. Chẳng hạn như có rất nhiều thực phẩm, chính mình chẳng ăn, thà để cho chúng nó hư nát, cũng chẳng chịu thí cho người khác.

1.1.2.4.2.1.5.1.7. Cuồng

(Luận) Vân hà Cuồng? Vị kiểu vọng ư tha, trá hiện bất thật công đức vi tánh; thị Tham chi phần, năng dữ tà mạng sở y vi nghiệp.

(論)云何誑？謂矯妄於他。詐現不實功德為性。是貪之分。能與邪命。所依為業。

(Luận: Cuồng là như thế nào? Tức là có tánh giả dối, hư vọng đối với người khác, giả vờ phô bày công đức chẳng thật. Cuồng là một phần của Tham, nghiệp dụng là có thể làm chỗ y cứ cho tà mạng).

Thê tánh của Cuồng là “kiểu vọng ư tha, trá hiện bất thật công đức vi tánh”, tức là đối với người khác bèn dối gạt, hư ngụy, phô trương ra vẻ, hư ngụy biểu hiện có công đức thù thắng, thật ra chẳng có công đức. Nghiệp dụng của Cuồng là “năng dữ tà mạng sở y vi nghiệp”, tức là có thể làm chỗ y cứ cho cuộc sống kinh tế chẳng chánh đáng! Luận này nói: Cuồng thuộc về một phần Tham, vì tham đắm lợi danh, cho nên dối gạt người khác. Có một nghĩa lý khác là Cuồng dùng một phần của Tham và Si làm thê tánh, vì sao vậy? Dối [gạt] hiện có [công] đức là vì tham đắm danh dự, lợi dưỡng, và ngu muội đối với Đế Lý.

Tà Mạng là dùng sinh hoạt kinh tế không chánh đáng để duy trì sanh mạng. Đệ tử Phật tại gia làm những chuyện chẳng chánh đáng để duy trì sanh mạng như làm đồ tể, lường gạt, bán rượu v.v... thì là Tà Mạng. Ngược lại, dùng những nghề nghiệp chánh đáng để duy trì sanh mạng thì là Chánh Mạng. Đệ tử Phật xuất gia, giả vờ có công đức, dối gạt kẻ khác, mưu chiếm danh lợi để duy trì cuộc sống kinh tế thì là Tà Mạng. Tu hành đúng pháp, tiếp nhận sự cúng dường của tín thí để duy trì cuộc sống kinh tế thì là Chánh Mạng.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Cuồng như sau: “*Vân hà vi Cuồng? Vị hoạch lợi dự, nguy trá vi tánh, năng chướng Bất Cuồng, tà mạng vi nghiệp*” (Cuồng là như thế nào? Vì đạt được lợi lộc, tiếng tăm, bèn giả vờ làm ra vẻ có đức, mang tánh chất trá nguy. Nghiệp dụng của Cuồng là có thể chướng ngại Bất Cuồng, tà mạng). Ý nghĩa đại để tương đồng với bộ luận này (Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận). Trong ấy, Nguy Trá là dùng những dáng vẻ lạ lùng, đặc biệt, quái dị, hoặc ngôn hạnh dối trá, bịa đặt để mê hoặc, gạt gẫm kẻ khác. Bất Cuồng là chú trọng sự thật, căn cứ trên sự thật, thật thà, chẳng dối gạt, chẳng có hành vi giả trá.

1.1.2.4.2.1.5.1.8. Siểm

(Luận) Vân hà Siểm? Vị kiểu thiết phương tiện, ẩn kỹ quá ác, tâm khúc vi tánh. Vị u danh lợi, hữu sở kế trước, thị Tham, Si phần, chướng chánh giáo hồi vi nghiệp. Phục do hữu tội, bất tự như thật phát lộ quy sám, bất nhậm giáo thọ.

(論)云何詔? 謂矯設方便。隱己過惡。心曲為性。謂於名利。有所計著。是貪癡分。障正教誨為業。復由有罪。不自如實發露歸懺。不任教授。

(Luận: Siểm là như thế nào? Chính là giả vờ bày ra phương tiện hòng ẩn giấu lỗi ác của chính mình, tâm có tánh chất cong vạy. Vì danh lợi mà có so đo, tính toán. Siểm thuộc một phần của Tham và Si, có nghiệp dụng chướng ngại sự răn dạy chánh đáng. Lại do có tội, mà chẳng tự mình như thật phơi bày sám hối, chẳng tiếp nhận dạy dỗ.

Thề tánh của Siểm là “*kiểu thiết phương tiện, ẩn kỹ quá ác, tâm khúc vi tánh*” (giả dối bày phương tiện, ẩn giấu lỗi ác của chính mình, tâm có tánh chất cong vạy), tức là sau khi kẻ đó phạm sai lầm, bèn hư nguy lập bày đủ mọi phương pháp để giấu giếm, che đậy tội lỗi, ác hạnh của chính mình, trong tâm cong vạy, chẳng ngay thẳng. Vì sao nội tâm siểm khúc? “*U danh lợi, hữu sở kế trước*” [nghĩa là] vì chấp trước, so đo, tham đắm tiếng tăm, lợi dưỡng, cho nên che đậy lỗi lầm của chính mình. Do đó, Siểm dùng một phần Tham và Si làm thể tánh giống như Cuồng. Nghiệp dụng của Siểm là “*chướng ngại chánh giáo hồi vi nghiệp*”, tức là chướng ngại sự chỉ dạy, răn bảo chánh đáng của sư trưởng. “*Phục do hữu tội, bất tự như thật phát lộ quy sám, bất nhậm*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

giáo thọ”, [ý nói] vì kẻ đó có tội lỗi, không chỉ là chẳng chịu thành thật phơi bày, quy y sám hối, mà còn dùng các thứ phương pháp để che đậy, cho nên chẳng thể bằng lòng tiếp nhận sự dạy bảo của sư trưởng.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Siểm như sau: “*Vân hà vi Siểm? Vị vông tha cố, kiêu thiết dị nghị, hiểm khúc vi tánh; năng chướng Bất Siểm, giáo hối vi nghiệp*” (Siểm là như thế nào? Vì lừa gạt người khác mà vờ vĩnh bày ra nghi thái khác lạ, có tánh chất nham hiểm, quanh co. Siểm có nghiệp dụng có thể chướng ngại Bất Siểm và giáo huấn). Ý nghĩa của lời giảng ấy đại để giống như luận này. Trong ấy, “*vông tha*” (罔他) là dối trá, gạt gẫm người khác. “*Hiểm khúc*” (險曲) là âm hiểm, tà vạy (chẳng chân thật, chẳng chánh trực). Do vậy, Siểm là vì mưu cầu tư lợi và danh dự cho chính mình, nội tâm chẳng chân thật, chẳng chánh trực. Do vậy, bịa chuyện hay [bày vẽ] hình dạng hư giả để gạt gẫm đối phương, lại còn biểu lộ một đồng nghi thái lễ tiết lạ lùng, đặc biệt, hoặc kẻ vai cười mơn (ôm vai cúi đầu, bày ra vẻ cười cợt lấy lòng), hoặc là điệu bộ của kẻ tôì đòi (hành vi khúm núm như phùng tôì tó) để đón ý, bợ đỡ đối phương.

So sánh giữa Phú và Siểm, Phú thuận tụy là đối với chính mình, ẩn giấu tội lỗi của chính mình, chẳng chịu sám hối. Siểm thì không chỉ là ẩn giấu tội lỗi của chính mình, mà còn nghĩ đủ mọi biện pháp để che đậy tội lỗi, lừa gạt người khác.

1.1.2.4.2.1.5.1.9. Kiêu

(Luận) Vân hà Kiêu? Vị w thịnh sự, nhiễm trước cứ ngạo, năng tận vi tánh. Thịnh sự giả, vị hữu lậu thịnh sự. Nhiễm trước cứ ngạo giả, vị w nhiễm ái, duyệt dự căng thị, thị Tham chi phần. Năng tận giả, vị thử năng tận chư thiện căn cố.

(論)云何憍? 謂於盛事。染著倨傲。能盡為性。盛事者。謂有漏盛事。染著倨傲者。謂於染愛。悅豫矜恃。是貪之分。能盡者。謂此能盡諸善根故。

(Luận: Kiêu là như thế nào? Chính là có tánh chất đối với chuyện tốt lành bèn đắm nhiễm, ngạo nghệ, có thể chấm dứt [các thiện căn]. “Chuyện tốt lành” là nói đến chuyện tốt lành thuộc loại hữu lậu, “Đắm nhiễm, ngạo nghệ” nghĩa là đối với sự nhiễm ái bèn vui thích, phách lối, hợm mình. Kiêu là một phần của Tham. “Có thể chấm dứt” là nói món phiền não này có thể chấm dứt các thiện căn).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thê tánh của Kiêu là “*ư thịnh sự, nhiệm trước cứ ngạo, năng tận vi tánh*”, tức là đối với chuyện tốt đẹp thuộc loại hữu lậu, như thân thể khỏe mạnh, dung mạo xinh đẹp, học thức rộng rãi, giàu có, quyền uy cao tốt v.v... bèn sanh khởi tâm lý nhiệm đắm, cao ngạo. Điều này có thể khiến cho các thứ thiện căn, công đức của chính mình sẽ dần dần tiêu mất, diệt sạch. “*Nhiệm trước cứ ngạo giả, vị ư nhiệm ái, duyệt dư, căng thị*”, [nghĩa là] đối với chuyện tốt lành của chính mình bèn sanh khởi lòng tham ái, đắm chấp, nội tâm vui sướng, kiêu ngạo, tự cao, tự đại. Do vậy, Kiêu là một phần của Tham.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Kiêu như sau: “*Vân hà vi Kiêu? Ư tự thịnh sự, thâm sanh nhiệm trước, túy ngạo vi tánh; năng chướng Bất Kiêu, nhiệm y vi nghiệp*” (Kiêu là như thế nào? Đối với chuyện tốt lành của chính mình, sanh lòng đắm nhiễm sâu xa, có tánh chất say sưa ngạo mạn. Nghiệp dụng của nó là có thể chướng ngại Bất Kiêu, gây nhiễm đắm). Thê tánh của Kiêu là đối với chuyện tốt lành thuộc về hữu lậu của chính mình mà sanh khởi lòng đắm nhiễm sâu đậm, bèn ngu muội, mê loạn, kiêu ngạo, tự đại. Nghiệp dụng của Kiêu là có thể chướng ngại Bất Kiêu, có thể sanh trưởng hết thảy các pháp tạp nhiễm.

Do chủng loại của các chuyện tốt lành hữu lậu hết sức nhiều, Du Già Sư Địa Luận chủ yếu đối với bảy chuyện tốt lành hữu lậu, mà lập ra “*bảy loại Kiêu*”: “*Vô bệnh Kiêu, thiếu niên Kiêu, trường thọ Kiêu, tộc tánh Kiêu, sắc lực Kiêu, phú quý Kiêu, đa văn Kiêu*” (Kiêu ngạo vì không bị bệnh tật, kiêu ngạo vì trẻ tuổi, kiêu ngạo vì sống lâu, kiêu ngạo vì dòng họ cao quý, kiêu ngạo vì có sức mạnh, kiêu ngạo vì giàu có, kiêu ngạo vì học rộng nghe nhiều). Trong ấy, tộc tánh Kiêu là chẳng hạn như tại Ấn Độ có bốn chủng tánh (Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá, và Thủ-đà-la) sai biệt. Vì xuất sanh thuộc chủng tánh cao quý như Bà-la-môn và Sát-đế-lợi mà sanh khởi Kiêu. Đó gọi là “*tộc tánh Kiêu*”.

So sánh giữa Mạn và Kiêu, Mạn là so sánh chuyện tốt lành hữu lậu của chính mình với người khác, do vì vượt trội kẻ khác mà nội tâm cao ngạo. Kiêu là nhiễm đắm chuyện tốt lành hữu lậu của chính mình, nội tâm vui sướng, chẳng so đo với người khác.

1.1.2.4.2.1.5.1.10. Hại

(Luận) Vân hà Hại? Vị ư chúng sanh, tổn nã vi tánh. Thị Sân chi phần. Tổn nã giả, vị gia tiên, trượng đẳng, tức thử sở y vi

ngiệp.

(論)云何害？謂於眾生。損惱為性。是瞋之分。損惱者。謂加鞭杖等。即此所依為業。

(Luận: Hại là như thế nào? Chính là có tánh chất tổn thương, gây phiền não cho chúng sanh. Nó là một phần của Sân. “Tổn não” là dùng roi, gậy v.v... đánh đập, đẩy là chỗ y cứ cho nghiệp dụng của nó).

Thê tánh của Hại là tổn hại, bức bách, gây khổ não cho chúng sanh; nó là một phần của Sân. Phương pháp gây tổn hại, khiến chúng sanh khổ não là dùng roi, côn gỗ, đao gươm, súng v.v... Nghiệp dụng của Hại là làm chỗ y cứ cho việc dùng các phương pháp như roi v.v... bức bách tổn hại chúng sanh, Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Hại đại để giống như luận này.

Tiêu Tùy Phiền Não là phần vị sai biệt của Căn Bản Phiền Não. Nói theo chánh nghĩa của Thành Duy Thức Luận, Phẫn, Hận, Não, Tật, và Hại là nương theo một phần của Sân mà giả lập, Phú, Cuồng, và Siểm là nương theo phần vị của hai pháp Tham và Si mà giả lập, Xan và Kiêu là nương theo phần vị của Tham mà giả lập.

1.1.2.4.2.1.5.2. Trung Tùy Phiền Não Tâm Sở (chia thành hai đoạn)

1.1.2.4.2.1.5.2.1. Vô Tàm

(Luận) *Vân hà Vô Tàm? Vị sở tác tội, bất tự tu si vi tánh. Nhất thiết phiền não cập tùy phiền não trợ bạn vi nghiệp.*

(論)云何無慚？謂所作罪。不自羞恥為性。一切煩惱。及隨煩惱。助伴為業。

(Luận: Vô Tàm là như thế nào? Nghĩa là đối với tội đã tạo, có tánh chất chẳng tự hổ thẹn. Nghiệp dụng của nó là phụ trợ hết thảy các phiền não và tùy phiền não).

Thê tánh của Vô Tàm là “sở tác tội, bất tự tu si vi tánh”, tức là đối với tội nghiệp đã tạo, đối diện với chính mình, sẽ chẳng cảm thấy xấu hổ. Nghiệp dụng của Vô Tàm là “nhất thiết phiền não cập tùy phiền não trợ bạn vi nghiệp”, [nghĩa là] nó sẽ phụ trợ hết thảy Căn Bản Phiền Não và Tùy Phiền Não.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh Vô Tàm như sau: “Vân hà Vô Tàm? Bất cố tự, pháp, khinh cự hiện thiện vi tánh; năng chướng

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

ngại Tàm, sanh trưởng ác hạnh vi nghiệp” (Vô Tàm là như thế nào? Có tánh chất chẳng đoái hoài chính mình và pháp, coi thường, cự tuyệt bậc hiền thiện. Nghiệp dụng của Vô Tàm là có thể chướng ngại Tàm, sanh trưởng ác hạnh). Thể tánh của Vô Tàm là chẳng tôn trọng, chẳng đoái hoài phẩm cách của chính mình lẫn chân lý thế gian và xuất thế gian, khinh rẻ người hiền lương, cự tuyệt thiện pháp. Nghiệp dụng của Vô Tàm là có thể chướng ngại Tàm, sanh trưởng ác hạnh.

1.1.2.4.2.1.5.2.2. Vô Quý

(Luận) Vân hà Vô Quý? Vị sở tác tội, bất tu tha vi tánh, nghiệp như Vô Tàm thuyết.

(論)云何無愧？謂所作罪。不羞他為性。業如無慚說。

(Luận: Vô Quý là như thế nào? Chính là có tánh chất đối với tội đã làm, chẳng xấu hổ với người khác, nghiệp dụng như đã nói trong phần Vô Tàm).

Thể tánh của Vô Quý là “*sở tác tội, bất tu tha vi tánh*”, nghĩa là đối với tội nghiệp đã làm, đối diện với kẻ khác, sẽ chẳng cảm thấy xấu hổ. Nghiệp dụng của Vô Quý giống như Vô Tàm.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Vô Quý như sau: “*Vân hà Vô Quý? Bất cố thế gian, sùng trọng bạo ác vi tánh, năng chướng ngại Quý, sanh trưởng ác hạnh vi nghiệp*” (Vô Quý là như thế nào? Có tánh chất chẳng đoái hoài thế gian, coi trọng, đề cao bạo ác. Nghiệp dụng là có thể chướng ngại Quý, sanh trưởng ác hạnh). Thể tánh của Vô Quý là chẳng tôn trọng, chẳng đoái hoài hay lo lắng bị dư luận thế gian phê bình, chỉ trích. [Kẻ Vô Quý] là kẻ sùng kính sự bạo ác, tôn trọng ác pháp. Nghiệp dụng của Vô Quý là có thể chướng ngại Quý, sanh trưởng ác hạnh.

Nói theo kinh Tạp A Hàm, có hai thứ pháp thanh tịnh là Tàm và Quý, có thể thủ hộ thế gian. Giả sử thế gian chẳng có Tàm và Quý, ở đây là nói hai thứ pháp tạp nhiễm Vô Tàm và Vô Quý, thế gian sẽ chẳng biết cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, họ hàng, sư trưởng, trật tự tôn ty, diên đảo, hỗn loạn, giống như súc sanh vậy!

1.1.2.4.2.1.5.3. Đại Tùy Phiền Não Tâm Sở (chia làm tám đoạn)

1.1.2.4.2.1.5.3.1. Hôn Trầm

(Luận) Vân hà Hôn Trầm? Vị tâm bất điều sưong, vô sở kham nhậm, mông muội vi tánh; thị Si chi phần, dữ nhất thiết phiền não cập tùy phiền não sở y vi nghiệp.

(論)云何昏沈？謂心不調暢。無所堪任。蒙昧為性。是癡之分。與一切煩惱。及隨煩惱。所依為業。

(Luận: Hôn Trầm là như thế nào? Chính là tâm chẳng điều hòa, thoải mái, có tánh chất chẳng thể đảm đương tu thiện đoạn ác, tối tăm. Nó là một phần của Si. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho hết thảy phiền não và tùy phiền não).

Thể tánh của Hôn Trầm là “tâm bất điều sưong, vô sở kham nhậm, mông muội vi tánh”, [nghĩa là] trong tâm chẳng điều hòa, thoải mái, chẳng có năng lực đảm đương tu thiện, đoạn ác (lời Luận nói là “chẳng thể kham nhậm”), tối tăm ngu muội, mê mờ, hồ đồ, chẳng hiểu rõ Sự Lý. Nghiệp dụng của Hôn Trầm là “dữ nhất thiết phiền não cập tùy phiền não sở y vi nghiệp”, [tức là Hôn Trầm] dẫn khởi hết thảy Căn Bản Phiền Não và Tùy Phiền Não.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Hôn Trầm như sau: “*Vân hà Hôn Trầm? Linh tâm ư cảnh, vô kham nhậm vi tánh, năng chướng Khinh An, Tỳ-bát-xá-na vi nghiệp*” (Hôn Trầm là như thế nào? Có tánh chất khiến cho tâm đối với cảnh sẽ chẳng thể đảm đương tu thiện, đoạn ác, có nghiệp dụng là chướng ngại Khinh An và Tỳ-bát-xá-na). Thể tánh của Hôn Trầm là đối với cảnh được quán, nội tâm mơ hồ, vô tri, chẳng thể đảm đương tác dụng quán chiếu hoặc đoạn ác tu thiện được! Như khi tu học Trì Danh Niệm Phật, nội tâm hôn trầm, chẳng có cách nào chuyên chú nơi phẩm đức của Phật. Nghiệp dụng của Hôn Trầm là có thể chướng ngại Khinh An và Tỳ-bát-xá-na (tiếng Phạn là Vipāśyanā, dịch nghĩa là Quán). Như khi tu học Vô Thường Quán, do vì Hôn Trầm, cho nên nội tâm chẳng có cách nào chọn lựa dứt khoát nghĩa lý vô thường. Đây là nói nhấn mạnh, chứ thật ra, Hôn Trầm cũng có thể chướng ngại Xa-ma-tha (tiếng Phạn là Śamatha, dịch nghĩa là Chỉ). Vì Hôn Trầm, tâm lực yếu đuối, mỏng manh, cho nên nội tâm tất nhiên chẳng thể kham chuyên chú một cảnh được!

Luận này nói: Hôn Trầm thuộc về một phần Si, có nghĩa là: Hôn Trầm có thể tánh của riêng mình. Hôn Trầm và Si có gì khác biệt?

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thành Duy Thức Luận nói: “*Thử dữ Si tướng hữu sai biệt giả, vị Si ư cảnh mê ám vi tướng, chánh chướng Vô Si, nhi phi mông trọng. Hôn Trầm ư cảnh mông trọng vi tướng, chánh chướng Khinh An, nhi phi mê ám*” (Pháp này và Si tướng có sai biệt như sau: Si có tướng trạng là mê ám đối với cảnh, thật sự chướng ngại Vô Si, chẳng phải gây ra mờ mịt, trầm trệ. Hôn Trầm có tướng trạng đối với cảnh bèn mờ mịt, trầm trệ, thật sự chướng ngại Khinh An, chẳng phải là mê muội, tối tăm). “*Mông trọng*” (蒙重) là khiến cho thân lẫn tâm chẳng thể điều hòa, thoải mái, chẳng thể đảm nhiệm công năng đoạn trừ ác pháp, tu tập thiện pháp. Do vậy có thể biết rằng: Hôn Trầm và Si có sai biệt, như vị cư sĩ nọ lúc thông thường hiểu rõ đạo lý “*các Hành vô thường*”; đây là Vô Si. Hiện thời, vì mệt mỏi mà hôn trầm, cho nên mới chẳng hiểu rõ đạo lý “*các Hành vô thường*”. Hàng phàm phu thường chẳng hiểu rõ đạo lý “*các Hành vô thường*”. Đây là Si, dấu hiện thời tinh thần rất tốt, chẳng hôn trầm, vẫn chẳng hiểu rõ đạo lý “*các Hành vô thường*”.

Du Già Sư Địa Luận nói: “*Trong quá trình tu Chỉ để chứng đắc các môn Tĩnh Lự, Đăng Chí v.v... có năm loại pháp chướng ngại. Vì năm loại pháp chướng ngại ấy sẽ che lấp thiện tâm, cho nên lại gọi là Ngũ Cái (五蓋, năm thứ che đậy): Một là Tham Dục Cái; hai là Sân Khuể Cái; ba là Hôn Trầm Thùy Miên Cái; bốn là Điều Cử Ác Tác Cái; năm là Nghi Cái*”. Những món phiền não khác cũng có thể che lấp thiện tâm, vì sao đức Như Lai chỉ nói năm thứ pháp chướng ngại ấy là Ngũ Cái? Vì sức che đậy của năm thứ pháp chướng ngại ấy đặc biệt mạnh mẽ, có thể chướng ngại Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến. Do đó, đức Như Lai chỉ nói năm thứ pháp chướng ngại ấy là Ngũ Cái. Như trong A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận có nói: “*Các thứ phiền não đều có nghĩa Cái (che đậy), cơ sao đức Như Lai chỉ nói năm món này? Chỉ có năm món này là có thể ngăn chướng Ngũ Uẩn mạnh mẽ nhất, tức là Tham Khuể Cái có thể chướng Giới Uẩn, Hôn Trầm Thùy Miên Cái có thể chướng ngại Huệ Uẩn, Điều Cử Ác Tác Cái có thể chướng ngại Định Uẩn. Do chẳng có Định và Huệ, cho nên nghi ngờ Tứ Đế. Do nghi nên khiến cho Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến đều chẳng thể dậy lên. Vì thế, chỉ có năm món này được xếp thành Cái*”.

Hôn Trầm cùng với Thùy Miên (ngủ mê) đều có thể tánh khác biệt. Vì sao hai món ấy được gộp chung thành một Cái? Du Già Sư Địa Luận nói: “*Sanh khởi phiền não, làm hư hoại, đoạn dứt các gia hạnh; đây là tánh chất của Hôn Trầm. Tâm tội bậc tối tăm, qua loa; đây là*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

tánh chất của Thùy Miên. Vì vậy, hai món này được gộp chung lại, gọi là một Cái. Hơn nữa, hôn muội (mờ mịt, tối tăm) có tánh chất chẳng thể đảm đương công năng [quán chiếu, đoạn ác, tu thiện], thì gọi là Hôn Trâm. Cái tâm Hôn Trâm tốt bậc qua quýt thì gọi là Thùy Miên. Do vậy, khi Hôn Trâm sanh ra các thứ phiền não và Tùy Phiền Não, chẳng có các cận duyên khác, giống như kẻ đang ngủ vậy. Các phiền não và tùy phiền não khác hoặc là đáng nên sanh ra, hoặc chẳng nên sanh ra. Nếu sanh ra hôn trâm, mờ mịt, Thùy Miên nhất định sẽ sanh khởi”. Nếu thật sự có Hôn Trâm nhẹ, ít, mà chẳng đối trị, sẽ có thể chuyển biến thành Hôn Trâm cực nặng, nhất định sẽ tiến thêm bước nữa là sanh ra Thùy Miên (ngủ gục), cho đến ngủ say, Ý Thức tạm thời chẳng có tác dụng. Do vậy, gộp chung Hôn Trâm và Thùy Miên, lập ra một món Cái. Thể tánh và nghiệp dụng của Thùy Miên sẽ lại được nói tường tận, rõ ràng trong phần Bất Định Tâm Sở.

A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận lại nói: “Vì sao trong hai món Cái là Hôn Miên (Hôn Trâm và Thùy Miên) và Diệu Hối (Điệu Cử và Hậu Hối tức Ác Tác), mỗi món trong đó có thể tánh khác nhau, lại gộp chung thành một? Do Thực, Trị, và Dụng giống nhau, cho nên gộp lại, lập thành một món. Thực là nói tới cái để ăn, còn gọi là Tư Lương. Trị là có thể đối trị, cũng gọi là Phi Thực (chẳng ăn). Dụng là nói tới Sự Dụng (tác dụng về mặt Sự), còn gọi là Công Năng. Do trong kinh này nói như thế đó. Hôn (Hôn Trâm) và Miên (Thùy Miên) tuy là hai, nhưng Thực và Phi Thực giống nhau. Những gì gọi là Hôn Miên Cái Thực? Tức là năm loại pháp: Một là mơ màng, hai là chẳng vui sướng, ba là tằn thân, bốn là thực bất bình tánh, năm là tâm muội liệt tánh⁷⁵. Những gì là Phi Thực của món Cái này? Chính là nói đến quang minh tướng. Hai loại như thế, Sự và Dụng cũng như nhau, có nghĩa là đều khiến cho tâm tánh chìm xuống, tối tăm”.

⁷⁵ Đoạn này có nhiều cách chú giải khác biệt, có nhiều cách chú giải quá cao, chúng tôi không lãnh hội được. Do vậy, xin mạn phép chọn lời chú giải đơn giản nhất của cư sĩ Quán Huy trong bộ Câu Xá Luận Bạch Thoại Thiền Giải như sau: “Câu Xá Luận nói Thực là cái để ăn (lương thực), phải hiểu theo ý nghĩa là Tăng Ích. Hôn Miên Cái Thực tức là những thứ sẽ tăng cường Hôn Trâm và Thùy Miên. Tằn Thân là cảm thấy hơi thở thoát ra từ lỗ mũi rất khó khăn, nặng nề. ‘Thực bất bình tánh’ là cảm giác khó chịu do ăn quá no, hay say rượu. ‘Tâm muội liệt tánh’ là thấy, nghe, hay, biết mơ hồ, chao đảo. Phi Thực tức là đối trị. Do vậy ‘Phi Thực của món Cái này’ có nghĩa là dùng pháp nào để đối trị”.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Vì nguyên nhân khiến cho Hôn Trầm và Thùy Miên sanh khởi, phương pháp đối trị và công dụng của chúng giống nhau, cho nên gộp chung Hôn Trầm và Thùy Miên, lập thành một món Cái. Trong ấy, nói đến nguyên nhân khiến cho Hôn Trầm và Thùy Miên sanh khởi thì có nhiều thứ, hoặc là tướng hắc ám tư duy chẳng đúng lý, hoặc tâm chẳng ưa thích pháp môn tu hành, hoặc do ngũ nghệ chẳng đủ mà ngũ gục, hoặc là ăn quá no, hoặc ăn những món ăn chẳng thích hợp do chiêm xào quá nhiều dầu mỡ v.v..., hoặc ăn quá ít, chẳng đủ dinh dưỡng, hoặc gây mòn, mệt mỏi, hoặc tâm lực yếu ớt v.v... Thân thể quá mệt mỏi, hoặc ngũ chẳng đủ, cũng sẽ bị Hôn Trầm. Tuy chẳng phải là ác pháp, nhưng Hôn Trầm có thể chướng ngại Định, Huệ, hãy nên đối trị ôn hòa. Trong ấy (trong đoạn trích dẫn trên đây), phương pháp đối trị chỉ nói đến “*quang minh tướng*”, chủ yếu là đối trị “*tướng hắc ám do tư duy chẳng đúng lý*”. Nói rộng rãi, còn có những phương pháp đối trị khác, hoặc là tư duy công đức của pháp môn tu hành mà sanh khởi tâm vui thích, hoặc điều tiết sự ăn uống, hoặc nghỉ ngơi thích đáng hồng tiêu trừ mệt mỏi, khiến cho tinh thần no đủ, hoặc rèn luyện thân thể, tăng cường tâm lực, khiến cho thân tâm mạnh mẽ v.v...

Vì Hôn Trầm Thùy Miên Cái hết sức khó nhận biết, rất khó đối trị, cho nên có thể tham khảo phẩm Trường Thọ Vương trong kinh Trường Lão Thượng Tôn Thùy Miên thuộc Trung A Hàm Kinh.

1.1.2.4.2.1.5.3.2. Điều Cử

(Luận) Vân hà Điều Cử? Vị tùy ức niệm hỷ lạc đẳng sự, tâm bất tịch tĩnh vi tánh. Ứng tri ức niệm tiên sở du hý, hoan tiếu đẳng sự, tâm bất tịch tĩnh, thị Tham chi phần, chướng Xa-ma-tha vi nghiệp.

(論)云何掉舉？謂隨憶念喜樂等事。心不寂靜為性。應知憶念先所遊戲歡笑等事。心不寂靜。是貪之分。障奢摩他為業。

(Luận: Điều Cử là như thế nào? Nghĩa là có tánh chất do nghĩ nhớ các chuyện vui sướng v.v... mà tâm chẳng tịch tĩnh. Hãy nên biết nghĩ nhớ những chuyện như vui chơi, vui cười trước đó v.v... mà tâm chẳng tịch tĩnh. Nó có một phần của Tham, có nghiệp dụng chướng ngại Xa-ma-tha).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thê tánh của Diệu Cử, “*tùy ức niệm hỷ lạc đẳng sự, tâm bất tịch tĩnh vi tánh*”, [ý nói] thuận theo sự nghĩ nhớ những chuyện như hoan hỷ, vui sướng v.v... Chẳng hạn như nghĩ nhớ những chốn đã từng đến vui chơi, những chuyện vui cười trong quá khứ v.v... suy nghĩ lung tung, tâm chẳng bình lặng. Nghiệp dụng của Diệu Cử là chướng ngại Xa-ma-tha. Luận này nói Diệu Cử có một phần thuộc về Tham, có nghĩa là: Diệu Cử có thê tánh riêng biệt của chính mình, trọn khắp các tâm ô nhiễm, là thật pháp, chẳng phải là giả pháp, chẳng phải là một phần của Tham! Biệt tướng của Diệu Cử là “*hiêu động*” (驚動, bằng nhặng, nhặng xỉ), tức là làm duyên chẳng tĩnh lặng cho các pháp cùng sanh khởi. Nói theo chỗ chánh yếu, Diệu Cử chướng ngại tu Chỉ, nhưng trên thực tế, Diệu Cử cũng chướng ngại tu Quán. Nội tâm trời hụp, lãng xãng, chẳng thể tĩnh lặng, sẽ không thể phân định Sự Lý của sở duyên rõ ràng, chánh xác được. Thành Duy Thức Luận thuyết minh Diệu Cử đại để giống như luận này.

Diệu Cử và Ác Tác mỗi món có thê tánh riêng biệt, vì sao gộp chung hai món để lập thành một món Cái? Du Già Sư Địa Luận nói: Vì Diệu Cử và Ác Tác có cảnh giới được duyên giống nhau, đều là “*thân thuộc tâm tư, quốc độ tâm tư, hoặc tùy ức niệm tích sở kinh lịch hỷ tiếu hoan ngu sở hành chi sự*” (nghĩ ngợi về thân thuộc, nghĩ ngợi về cõi nước, hoặc nghĩ nhớ đến những chuyện vui cười, sướng vui đã từng trải qua khi xưa). Do vậy, gộp chung hai món ấy, lập thành một Cái. Hơn nữa, dấu cho cảnh giới được duyên chẳng tương đồng, nhưng vì Diệu Cử khiến cho nội tâm xáo động, trời hụp, Ác Tác khiến cho nội tâm lo âu, tham luyến, nhớ lại rồi áo não, hối hận, đều là những thứ suy nghĩ, tìm tòi xáo động, chẳng bình lặng trong nội tâm. Nghiệp dụng của hai món ấy tương tự, cho nên gọi gộp chung thành một Cái. Thê tánh và nghiệp dụng của Ác Tác sẽ lại được nói cặn kẽ trong phần Bất Định Tâm Sở.

A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận lại nói: “*Diệu và Hối tuy là hai [pháp khác nhau], nhưng Thực (những duyên khiến cho nó tăng trưởng) và Phi Thực (phương pháp để đối trị) giống nhau. Những gì gọi là Diệu Hối Cái Thực (những pháp khiến cho Diệu Hối Cái sanh khởi, tăng trưởng)? Chính là bốn thứ pháp. Một là thân lý tư (nghĩ đến người thân), hai là quốc độ tư, ba là bất tử tâm (tìm tòi lẽ bất tử), bốn là thuận theo ý niệm, dựa theo các chuyện giỡn cười, vui sướng, phụng sự v.v... đã từng trải qua khi trước. Những gì gọi là Phi Thực (cách đối trị) của món Cái này? Chính là Xa-ma-tha. Sự Dụng (tác dụng) của hai*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

pháp này cũng giống nhau, tức là đều có thể khiến cho tâm chẳng tịch tĩnh”. Vì nguyên nhân sanh khởi của Điều Cử và Ác Tác (luận Câu Xá gọi [nguyên nhân sanh khởi ấy] là Thực), phương pháp đối trị ([luận Câu Xá gọi cách đối trị là] Phi Thực), cũng như công dụng [của hai món Tâm Sở này] đều tương đồng, cho nên gộp chung Điều Cử và Ác Tác hợp thành một Cái. Đối với nguyên nhân sanh khởi Điều Cử, ở đây chú trọng nói tới cảnh được duyên, [tức là] hoặc là nghĩ tới thân hữu, hoặc nghĩ ngợi về quê nhà, hoặc nghĩ ngợi chính mình còn trẻ trung, chẳng nên xuất gia, hoặc nhớ nghĩ những chuyện vui sướng trong quá khứ v.v...

Phương pháp để đối trị Điều Cử là tu Chỉ. Tâm giữ sao cho liên tục chuyên chú nơi cảnh giới tương đồng. Chẳng hạn như khi tu học niệm Phật, nếu Điều Cử yếu mỏng sanh khởi, tâm hãy đặc biệt tác ý chuyên chú nơi tượng Phật hoặc Phật đức (công đức, đức hạnh của Phật), Điều Cử sẽ bị tiêu mất. Nếu sức của Điều Cử lớn mạnh, chẳng thể niệm Phật, có thể tạm thời thay đổi cảnh được duyên, như tư duy những lỗi hại của những vọng tưởng hoặc những điều nghĩ ngợi ấy rồi sanh tâm nhàm lìa, hoặc tu Tử Tướng, Bất Tịnh Quán v.v... Sau khi đã hàng phục Điều Cử, sẽ lại tiếp tục niệm Phật. Tuy nghĩ đến thân hữu v.v... chẳng phải là ác pháp, nhưng những thứ nghĩ ngợi ấy có thể khiến cho nội tâm lao chao, chướng ngại tu học Chỉ, Quán. Do vậy, phải nên đối trị thỏa đáng món phiền não này!

1.1.2.4.2.1.5.3.3. Bất Tín

(Luận) Vân hà Bất Tín? Vị Tín sở trị. Ư nghiệp, quả đẳng, bất chánh tín thuận, tâm bất thanh tịnh vi tánh. Năng dữ Giải Đãi sở y vi nghiệp.

(論)云何不信？謂信所治。於業果等。不正信順。心不清淨為性。能與懈怠。所依為業。

(Luận: Bất Tín là như thế nào? Chính là pháp được đối trị bởi Tín. Đối với nghiệp, quả v.v... [Bất Tín] lại có tánh chất chẳng tín thuận đúng lẽ, tâm chẳng thanh tịnh. Nghiệp dụng là có thể làm chỗ y cứ cho Giải Đãi).

Thể tánh của Bất Tín, “*Tín sở trị, ư nghiệp, quả đẳng, bất chánh tín thuận, tâm bất thanh tịnh vi tánh*”, nghĩa là: [Bất Tín] chính là điều

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

được đối trị bởi Tín. Đối với nghiệp, quả, Tứ Đê, Tam Bảo v.v... do chẳng liễu giải chánh xác, phù hợp, thuận tùng, trong tâm có đủ mọi nỗi hoài nghi, cho nên chẳng thanh tịnh. Nghiệp dụng của Bất Tín là “*năng dữ Giải Đãi sở y vi nghiệp*” (có nghiệp dụng làm chỗ y cứ cho Giải Đãi), [tức là] có thể sanh khởi Giải Đãi. Ý nghĩa của “*nghiệp, quả, Tứ Đê, Tam Bảo*” như đã nói rõ trong phần Tín Thiện Tâm Sở. Tín có thể đối trị Bất Tín; ngược lại, Bất Tín có thể chướng ngại Tín. Tuy do Bất Tín chẳng nhất định sẽ làm chuyện ác, có thể chỉ là hữu phú vô ký tánh, nhưng nó có thể chướng ngại các thiện pháp như Tín v.v... sanh khởi. Do điều này, hãy nên tăng cường đối trị [Bất Tín] hồng hàng phục, diệt trừ nó.

Bất Tín tức là chẳng thể lý giải chánh xác sâu đậm Sự Lý “*tạo tác cái nhân thiện, khi nghiệp lực chín muồi, sẽ cảm lạc quả; tạo tác nghiệp nhân ác, khi nghiệp lực chín muồi, sẽ cảm khổ quả*”, Sự Lý của bậc thánh nhân Tứ Quả, Sự Lý của Tứ Thánh Đê, và Sự Lý của Tam Bảo. Đối với những Sự Lý ấy, chẳng thể thuận tùng, phù hợp, có rất nhiều hoài nghi, nội tâm sẽ chẳng thanh tịnh, đục ngòm, ô uế.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh Bất Tín như sau: “*Vân hà Bất Tín? Ư Thật, Đức, Năng, bất nhân, lạc, dục, tâm uế vi tánh, năng chướng tịnh tín, nọa y vi nghiệp*” [có nghĩa là] thể tánh của Bất Tín là đối với Thật, Đức, Năng, chẳng thể chịu đựng được, do các phiền não như ưa thích, mong muốn, ôm lòng hoài nghi v.v... khiến cho cái tâm đục ngòm, ô uế. Ý nghĩa của Thật, Đức, Năng đã được nói rõ trong phần luận về Tín Thiện Tâm Sở. Nghiệp dụng của Bất Tín là có thể chướng ngại Tịnh Tín, làm chỗ y cứ cho lười nhác, tức là có thể sanh khởi Giải Đãi.

Trong phần Tín của Thiện Tâm Sở có nói: “*Nhãn*” là Thắng Giải tâm sở, là cái nhân của Tín. “*Lạc, Dục*” là Dục Tâm Sở, là cái quả của Tín. Nội tâm thanh tịnh chính là thể tánh của Tín. Vì Thắng Giải và Dục Tâm Sở bao gồm tánh thiện, tánh ác, và tánh vô ký, cho nên Thắng Giải Tâm Sở có tánh ác và tánh vô ký chính là cái nhân của Bất Tín. Dục Tâm Sở có tánh ác và tánh vô ký là cái quả của Bất Tín. Nội tâm đục ngòm, ô uế chính là thể tánh của Bất Tín. Chẳng hạn như nếu Thắng Giải đối với Sự Lý của các tôn giáo tà ác mà chẳng hoài nghi, sẽ tín thuận những loại tôn giáo ấy (“*tín thuận*” ở đây có cả ba tánh), nhưng đối với Phật pháp, sẽ nầy sanh rất nhiều hoài nghi. Vì thế, nội tâm đục ngòm, ô uế. Nương cậy Bất Tín có tánh ác thì sẽ sanh khởi Dục nguyện có tánh ác. Nương cậy Dục nguyện có tánh ác, sẽ sanh

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

khởi Giải Đãi có tánh ác, sẽ nỗ lực dứt thiện, làm ác, cho đến tạo tác ác nghiệp cực nặng, bèn đọa lạc vào địa ngục Vô Gián.

1.1.2.4.2.1.5.3.4. Giải Đãi

(Luận) Vân hà Giải Đãi? Vị Tinh Tấn sở trị, u chư thiện phẩm, tâm bất dũng tấn vi tánh, năng chướng cần tu chúng thiện vi nghiệp.

(論)云何懈怠？謂精進所治。於諸善品。心不勇進為性。能障勤修眾善為業。

(Luận: Giải Đãi là như thế nào? Chính là điều bị đối trị bởi Tinh Tấn. Nó có tánh chất chẳng dũng mãnh, chẳng tinh tấn đối với các điều thiện. Nghiệp dụng là có thể chướng ngại việc siêng tu các điều thiện).

Thể tánh của Giải Đãi là “*Tinh Tấn sở trị, u chư thiện phẩm, tâm bất dũng tấn vi tánh*”, nghĩa là nó chính là pháp bị đối trị bởi Tinh Tấn. Đối với các thiện pháp, tâm chẳng siêng năng, chẳng phấn chấn dũng mãnh, chẳng thẳng tấn. Nghiệp dụng của Giải Đãi là “*năng chướng cần tu chúng thiện vi nghiệp*”, [nghĩa là nó] có thể chướng ngại việc siêng năng, dũng mãnh tu học các thứ thiện pháp.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Giải Đãi như sau: “*Vân hà Giải Đãi? U thiện ác phẩm, tu đoạn sự trung, lãn nọa vi tánh, năng chướng Tinh Tấn, tăng nhiễm vi nghiệp*” (Giải Đãi là như thế nào? Đối với các thiện phẩm và ác phẩm, trong chuyện tu chúng và đoạn trừ, nó có tánh chất lười nhác. Nghiệp dụng là có thể chướng ngại Tinh Tấn, tăng trưởng pháp tạp nhiễm). Thể tánh của Giải Đãi là đối với việc đoạn trừ ác pháp và tu học thiện pháp, bèn lười nhác, tán loạn, biếng trễ. Nghiệp dụng của Giải Đãi là có thể chướng ngại Tinh Tấn, tăng trưởng pháp tạp nhiễm. Tinh Tấn có thể đối trị Giải Đãi; ngược lại, Giải Đãi có thể chướng ngại Tinh Tấn. Giải Đãi có cả tánh ác lẫn tánh hữu phú vô ký. Tuy Giải Đãi có tánh hữu phú vô ký chẳng phải là làm chuyện ác, nhưng nó có thể chướng ngại các thiện pháp như Tinh Tấn v.v... sanh khởi. Do vậy, phải nên ra sức đối trị thứ này, hàng phục, diệt trừ nó. Như Hiền Dương Thánh Giáo Luận đã nói: Vì tham cầu sự vui sướng do dựa, nắm, mà tham đắm ngủ nghề. Hoặc vì khinh miệt chính mình mà sợ hãi sự thẳng tấn. Vì thế, đối với chuyện “đoạn ác, tu

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

thiện”, tâm chẳng siêng gắng, hăng hái, như thế chính là Giải Đãi. Tinh Tấn chỉ có tánh thiện; vì thế, dầu siêng năng, phẩn chấn làm chuyện có tánh chất vô phú vô ký, sẽ chẳng phải là Tinh Tấn, mà đâm ra còn chướng ngại chuyện tu học thiện pháp. Như tốn quá nhiều thời gian để luyện tập kỹ xảo điêu khắc, cũng sẽ chướng ngại tu tập Chỉ, Quán. Vì thế, khi tinh tấn tu học Chỉ, Quán, cũng nên tạm thời lìa bỏ [những chuyện không liên quan đến việc tu học].

1.1.2.4.2.1.5.3.5. Phóng Dật

(Luận) Vân hà Phóng Dật? Vị y Tham, Sân, Si, Giải Đãi cố, u chư phiền não, tâm bất phòng hộ. U chư thiện phẩm, bất năng tu tập vi tánh. Bất thiện tăng trưởng, thiện pháp thoái thất sở y vi nghiệp.

(論)云何放逸？謂依貪瞋癡懈怠故。於諸煩惱。心不防護。於諸善品。不能修習為性。不善增長。善法退失。所依為業。

(Luận: Phóng Dật là như thế nào? Tức là thể tánh của nó là do nương vào Tham, Sân, Si, và Giải Đãi, cho nên đối với các phiền não, tâm chẳng ngăn ngừa, đối với các thiện phẩm, chẳng thể tu tập. Nghiệp dụng là làm chỗ nương tựa để tăng trưởng điều bất thiện, thoái thất thiện pháp).

Thể tánh của Phóng Dật, “*u chư phiền não, tâm bất phòng hộ. U chư thiện phẩm, bất năng tu tập vi tánh*”, [nghĩa là] chẳng thể cẩn thận ngăn ngừa các ác pháp do phiền não sanh khởi, mà cũng chẳng thể nỗ lực tu hành các thứ thiện pháp. Phóng Dật do nương vào phần vị của bốn pháp Tham, Sân, Si, và Giải Đãi mà giả lập. Nó là giả pháp. Nghiệp dụng của Phóng Dật là “*bất thiện tăng trưởng, thiện pháp thoái thất sở y vi nghiệp*”, [tức là] nó khiến cho pháp bất thiện tăng trưởng, khiến cho thiện pháp thoái thất, thậm chí khiến cho hết thảy các thiện pháp đều diệt sạch.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Phóng Dật đại để giống như luận này⁷⁶. Trong ấy, “*tung dăng*” (縱蕩) tức là khiến cho thân tâm

⁷⁶ Thành Duy Thức Luận quyển sáu chép: “*Vân hà Phóng Dật? U nhiễm tịnh phẩm, bất năng phòng tu, tung dăng vi tánh, chướng Bất Phóng Dật, tăng ác, tổn thiện sở y vi nghiệp*” (Phóng Dật là như thế nào? Đối với pháp nhiễm tịnh, chẳng

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

phóng túng, buông thả, giống như kẻ chăn trâu bỏ mặc cho trâu chạy lung tung, nó sẽ xâm phạm nông sản trong ruộng.

Các phiền não như Mạn, Nghi v.v... cũng chẳng phải là pháp ô nhiễm không thể ngăn ngừa. Tu học pháp thanh tịnh, vì sao chẳng căn cứ trên Mạn, Nghi v.v... [để ngăn ngừa, đối trị] mà lập ra Phóng Dật? Vì so sánh giữa Mạn, Nghi với bốn pháp Tham, Sân, Si, Giải Đãi thì thể lực và tác dụng [của Mạn, Nghi] nhỏ nhoi, kém cỏi, bốn pháp Tham, Sân, Si, và Giải Đãi có thể chướng ngại Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn. Thể lực và tác dụng của chúng mạnh mẽ, vượt trội. Vì thế, dựa theo bốn pháp ấy mà lập ra Phóng Dật.

1.1.2.4.2.1.5.3.6. Thất Niệm

(Luận) Vân hà Thất Niệm? Vị nhiễm ô nhiễm, u chư thiện pháp, bất năng minh ký vi tánh. Nhiễm ô nhiễm giả, vị phiền não câu. U thiện bất minh ký giả, vị u chánh giáo thọ, bất năng ức trì nghĩa, năng dữ tán loạn sở y vi nghiệp.

(論)云何失念？謂染污念。於諸善法。不能明記為性。染污念者。謂煩惱俱。於善不明記者。謂於正教授。不能憶持義能與散亂所依為業。

(Luận: Thất Niệm là như thế nào? Chính là ý niệm ô nhiễm, đối với các thiện pháp, có tánh chất chẳng thể nhớ rõ. “Ý niệm ô nhiễm” nghĩa là nó đồng thời sanh khởi với phiền não. “Chẳng nhớ rõ điều thiện” nghĩa là đối với sự dạy bảo chánh đáng, chẳng thể nhớ, giữ. Nghiệp dụng của nó làm chỗ y cứ cho Tán Loạn).

Thể tánh của Thất Niệm “*u chư thiện pháp, bất năng minh ký vi tánh*”, [nghĩa là] đối với các thứ thiện pháp, chẳng thể ghi nhớ rõ ràng, như đối với những dạy bảo chánh đáng của thiện tri thức bèn chẳng thể nhớ, giữ. Nghiệp dụng của Thất Niệm là “*năng dữ Tán Loạn sở y vi nghiệp*”, [tức là] có thể làm chỗ y cứ cho Tán Loạn. Ý nghĩa của Tán Loạn sẽ được thuyết minh tường tận trong phần sau. Thành Duy Thức Luận thuyết minh Thất Niệm đại để tương đồng với luận này.

thể ngăn ngừa, tu tập, có tánh chất phóng túng, buông thả, có nghiệp dụng làm chỗ y cứ cho sự chướng ngại Bất Phóng Dật, tăng thêm ác, tổn hoại thiện).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Luận này nói: Thất Niệm là “*nhiêm ô niệm*”, tức là Niệm sanh khởi đồng thời với phiền não, tức là Niệm thuộc ác tánh, hoặc hữu phú vô ký tánh, tức là dựa theo phần vị của Niệm để giả lập, cho nên là giả pháp. Dựa theo chánh nghĩa trong Thành Duy Thức Luận: Thất Niệm dựa trên phần vị của hai pháp Niệm và Si mà giả lập. Như đối với chuyện ác hoặc chuyện ô nhiễm, bèn ghi nhớ rất rõ rệt, nhưng đối với chuyện thiện thì ghi nhớ rất mơ hồ. Tuy có sức ký ức, nhưng chẳng hiểu rõ ràng Sự Lý. Thất Niệm có tánh chất hữu phú vô ký thì tuy chẳng phải là ác pháp, nhưng nó có thể chướng ngại thiện pháp sanh khởi. Do vậy, phải nên ra sức đối trị để hàng phục, diệt trừ nó. Như khi niệm Phật, chẳng nghĩ nhớ công đức của Phật, mà lại bị vọng tưởng gián đoạn, nghĩ nhớ những chuyện hoan lạc ô nhiễm trong quá khứ, cho nên chẳng thể thành tựu các công đức nơi Định, Huệ v.v... Tu học Phật pháp, phải nên hàng phục, diệt trừ Thất Niệm, luôn luôn gìn giữ chánh niệm hiện tiền, cho đến khi lâm chung, vẫn có thể gìn giữ chánh niệm hiện tiền.

1.1.2.4.2.1.5.3.7. Tán Loạn

(Luận) Vân hà Tán Loạn? Vị Tham, Sân, Si phân, linh tâm, tâm pháp lưu tán vi tánh, năng chướng ly dục vi nghiệp.

(論)云何散亂？謂貪瞋癡分。令心心法流散為性。能障離欲為業。

(Luận: Tán Loạn là như thế nào? Tức là một phần thuộc về Tham, Sân, Si, có tánh chất khiến cho tâm và tâm pháp rã rời, tan tác, nghiệp dụng là có thể chướng ngại Ly Dục).

Thể tánh của Tán Loạn “*linh tâm, tâm pháp lưu tán vi tánh*”, [tức là] khiến cho Tâm Thức và Tâm Sở Pháp tương ứng [với những Tâm Sở ấy] bị dời đổi, tan tác, suy nghĩ loạn xạ, chẳng thể chuyên chú nơi cảnh được quán. Nghiệp dụng của Tán Loạn là “*năng chướng Ly Dục vi nghiệp*”, tức là có thể chướng ngại Ly Dục.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh Tán Loạn như sau: “*Vân hà Tán Loạn? Ư chư sở duyên, linh tâm lưu đãng vi tánh, năng chướng Chánh Định, ác huệ sở y vi nghiệp*” (Tán Loạn là như thế nào? Đối với các điều được duyên, nó có tánh chất khiến cho cái tâm trôi nổi, nghiệp dụng là có thể chướng ngại Chánh Định, làm chướng y cứ cho Ác Huệ).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thê tánh của Tán Loạn là nội tâm đối với các thứ cảnh giới được duyên nơi Lục Trần bèn rong ruổi, buông lung. Nghiệp dụng của Tán Loạn là nó có thể chướng ngại Chánh Định, làm chỗ y cứ để sanh khởi Ác Huệ. Do vậy, có thể biết: Ly Dục là Chánh Định, tu Chỉ để lìa Ngũ Dục, lìa Ngũ Cái, có thể chứng đắc các món Định căn bản như Vị Chí Định cho đến Sơ Thiên trở lên. Như trong kinh Phân Biệt Quán Pháp của kinh Trung A Hàm có nói đến “*tâm trụ nội*” (tâm trụ vào trong), tức là Chánh Định, mà cũng là thành tựu Tứ Sắc Giới Định (Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên) và Tứ Vô Sắc Giới Định (Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định). Chứng đắc Sơ Thiên tức là “*lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu Sơ Thiên*”. Tu Chỉ thì tâm liên tục chuyên chú nơi một cảnh, tức là sức chuyên chú càng ngày càng mạnh, lìa bỏ Ngũ Dục của Dục Giới và các thứ pháp bất thiện, tức là: Do lìa Ngũ Dục mà sanh hỷ lạc, đắc Sơ Thiên, bèn có năm Thiên Chi là Tầm (Giác), Tứ (Quán), Hỷ, Lạc, và tâm nhất cảnh tánh, cho đến chứng đắc “*độ Nhất Thiết Vô Sở Hữu Xứ, chẳng phải là có tướng mà cũng chẳng phải là không có tướng, thành tựu Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Định*”. Chánh Kiến nương vào Chánh Định, nhưng Tán Loạn chướng ngại Chánh Định, nghĩa là chẳng có Chánh Định; do vậy, [hễ tán loạn] thì sẽ chẳng có Chánh Kiến, dễ sanh khởi Tà Kiến. Vì vậy, nói: Tán Loạn là chỗ y cứ của Ác Huệ (Tà Kiến).

Luận này nói: Tán Loạn dựa vào phần vị của ba pháp Tham, Sân, Si mà giả lập, tức [Tán Loạn] là giả pháp. Theo chánh nghĩa của Thành Duy Thức Luận thì Tán Loạn có thể tánh riêng biệt của chính nó. Biệt tướng của Tán Loạn là “*táo nhiễu*” (躁擾, xáo động, nhiễu loạn), vì trong nội tâm duyên theo các thứ cảnh giới sáu trần mà rong ruổi, khuấy động. Bởi lẽ đó, [nội tâm] lảng xãng, chẳng tịch tĩnh, nhiễu loạn, chẳng an định. Vì thế mà nói cách khác là “*chướng ngại Chánh Định*”. Tán Loạn rất khó đối trị, chỉ có tu Chỉ mà đắc Định thì mới có thể hàng phục, diệt trừ nó. Đối với Tán Loạn, Đại Trí Độ Luận lại có thí dụ hay khéo như sau: “*Nếu cầu những chuyện gần gũi trong thế gian mà chẳng thể chuyên tâm thì sự nghiệp chẳng thành, huống hồ Phật đạo rất sâu mà chẳng dùng Thiên Định ư? Thiên Định gọi là ‘nhiếp các loạn tâm’. Loạn tâm nhẹ bẫng, bông bênh, còn nhẹ hơn lông hồng, phiêu giạt không ngừng, bay nhanh hơn gió mạnh, chẳng thể ngăn dứt. Nó lảng xãng hơn khi, vừa tạm hiện bèn diệt mất còn nhanh hơn tia*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

chớp xẹt. Tâm tướng như thế chẳng thể ngăn cấm. Nếu muốn chế phục chẳng dùng Thiên, sẽ chẳng thể Định được". Tán Loạn khiến cho cái tâm phập phều, xáo động, giống như chiếc lông hồng cực nhẹ, chao đảo rất nhanh theo gió. Tán Loạn khiến cho cái tâm lao chao chẳng ngừng, tốc độ lao chao nhanh hơn gió mạnh. Tán Loạn khiến cho cái tâm hết sức xáo động, nhiễu loạn, chẳng thể ngăn cấm, còn khó hơn ngăn cấm con khi dừng loi chơi. Tán Loạn khiến cho cái tâm đối với cảnh giới chuyển biến nhanh chóng, còn nhanh chóng hơn tia chớp [xuất hiện] trong thoáng chốc.

Tác dụng của Điều Cử và Tán Loạn có gì khác biệt? Điều Cử là khiến cho cái tâm dễ thấu hiểu, dẫn cho cái tâm thay đổi nghĩa tướng (tướng trạng của nghĩa lý) đang được liễu giải. Tán Loạn khiến cho cái tâm dễ ghi nhớ [hình bóng của sáu trần] dẫn cho cái tâm thay đổi cảnh tướng được ghi nhớ. Tuy là trong cùng một sát-na, nghĩa tướng được liễu giải và cảnh giới được ghi nhớ chẳng thay đổi, nhưng nói theo sự liên tục của cái tâm, trong sát-na kế tiếp, nếu tâm thay đổi nghĩa tướng được liễu giải thì gọi là Điều Cử, còn nếu tâm thay đổi cảnh được ghi nhớ thì gọi là Tán Loạn.

Dùng ngay thí dụ [trong Trí Độ Luận] vừa được trích dẫn trên đây để thuyết minh thì con khi đang ở trên cùng một cái cây, nó trèo lên, tuột xuống thì ví như Điều Cử. Con khi từ cây này chuyển sang cây khác thì ví như Tán Loạn. Lại như lúc ngắm nghĩa, thường thức tranh sơn dầu. Đối với cùng một bức tranh sơn dầu, lúc trước là suy tưởng màu sắc, lúc sau bèn suy xét hình thái [của bức tranh], điều này ví như Điều Cử. Lúc trước thì xem bức tranh A, lúc sau xem bức tranh B, điều này ví như Tán Loạn. Do vậy có thể biết, Tán Loạn càng lãng xãng, nhiễu loạn hơn Điều Cử.

1.1.2.4.2.1.5.3.8. Bất Chánh Tri

(Luận) Vân hà Bất Chánh Tri? Vị phiền não tương ứng Huệ, năng khởi bất chánh thân, ngữ, ý hạnh vi tánh. Vi phạm luật hạnh sở y vi nghiệp. Vị u khứ, lai đẳng, bất chánh quan sát cố, nhi bất năng tri ưng tác, bất ưng tác, trí phạm luật nghi.

(論)云何不正知？謂煩惱相應慧。能起不正身語意行為性。違犯律行所依為業。謂於去來等。不正觀察故。而不能知應作不應作。致犯律儀。

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

(Luận: Bất Chánh Tri là như thế nào? Chính là do Huệ tương ứng với phiền não, cho nên nó có tánh chất có thể dấy lên các hạnh bất chánh nơi thân, ngữ, ý. Nó có nghiệp dụng làm chỗ y cứ để trái phạm luật hạnh. Tức là đối với đi, đến v.v... do chẳng quan sát chánh đáng, cho nên chẳng biết điều gì nên làm, điều gì chẳng nên làm, đến nỗi vi phạm luật nghi).

Thể tánh của Bất Chánh Tri là “*năng khởi bất chánh thân, ngữ, ý hạnh vi tánh*”, [tức là] có thể sanh khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp, và ý nghiệp không chánh đáng. Nghiệp dụng của Bất Chánh Tri là “*vi phạm luật hạnh sở y vi nghiệp*”, [nghĩa là] Bất Chánh Tri là chỗ y cứ của các hành vi trái phạm giới luật. Luật hạnh còn gọi là Luật Nghi, hoặc Giới Luật. Vì “*ư khứ, lai đẳng, bất chánh quan sát cố, nhi bất năng tri ưng tác, bất ưng tác*” (đối với đến, đi v.v... do chẳng quan sát chánh đáng, cho nên chẳng thể biết điều đáng nên làm, điều chẳng nên làm). Do vậy dẫn đến chuyện vi phạm Luật Nghi. Trái lại, đối với đi, đến v.v... nếu quan sát chánh xác, sẽ có thể biết chánh xác chuyện gì đáng nên làm, chuyện gì đừng nên làm, sẽ chẳng vi phạm Luật Nghi.

Đối với “*khứ, lai đẳng*” (đi, đến v.v...), Du Già Sư Địa Luận đã giải thích trong phần “*chánh tri nhi trụ*” (trụ nơi thấy biết chánh đáng) như sau: “*Hoặc đi khởi, hoặc trở lại, hoặc nhìn, hoặc ngắm, hoặc co, hoặc duỗi, cầm nắm y tăng-già-chi (áo ca-sa)⁷⁷ và y bát, hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nuốt, hoặc ném, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm. Trong khi tỉnh ngủ, hoặc nói năng, hoặc im lặng, khi giải lao, ngủ nghệ*”, chín loại tình huống phải trụ trong chánh tri. [Chánh tri được] biểu lộ trong bất cứ hoạt động hằng ngày nào cũng đều phải quan sát chánh xác, hòng có thể biết “*điều gì nên làm, điều gì chớ nên làm*”. Đối với chuyện đáng nên làm, lại còn là chuyện thích đáng để làm, bèn

⁷⁷ Tăng Già Chi (Saṃghāṭi) còn phiên âm là Tăng-già-trí, hoặc Tăng-già-tri, hoặc Tăng-già-lê, chính là đại y trong tam y của một vị Tăng, dịch nghĩa là Phúc Y (tức y may thành nhiều lớp). Do có nhiều điều (các mảnh may ghép lại), nên còn gọi là Tạp Toái Y. Y này mặc khi đi khất thực, hoặc thuyết pháp, chia thành ba loại: Y chín điều, mười một điều, mười ba điều, mỗi điều gồm một miếng ngắn, hai miếng dài may ghép lại thì gọi là Hạ Phẩm. Y mười lăm điều, mười bảy điều, mỗi điều gồm ba miếng dài một miếng ngắn thì là Trung Phẩm. Y gồm hai mươi một điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều gồm bốn miếng dài một miếng ngắn cho mỗi điều thì gọi là Thượng Phẩm.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

sốt sáng làm. Đối với chuyện chớ nên làm, hoặc là chuyện chẳng thích hợp để làm, bèn đừng làm. Đây là phụng trì tịnh giới.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Bất Chánh Tri như sau: *“Vân hà Bất Chánh Tri? Ư sở quán cảnh, mậu giải vi tánh, năng chướng Chánh Tri, hủy phạm vi nghiệp”* (Bất Chánh Tri là như thế nào? Đối với cảnh được quán, có tánh chất hiểu biết sai lầm. Nghiệp dụng là có thể chướng ngại Chánh Tri và hủy phạm). Tánh của Bất Chánh Tri là đối với cảnh được quán sát, hiểu biết sai lầm, tà vạy. Nghiệp dụng của Bất Chánh Tri là có thể chướng ngại Chánh Tri, tạo tác ác nghiệp, hủy phạm Luật Nghi.

Luận này nói: Bất Chánh Tri là Huệ bị nhiễm ô, là Huệ tương ứng với phiền não. Đây là dựa theo phần vị của Huệ mà giả lập, nó là giả pháp. Căn cứ theo chánh nghĩa trong Thành Duy Thức Luận thì Bất Chánh Tri dựa trên phần vị của hai pháp Huệ và Si để giả lập. Chữ Mậu (謬) trong Mậu Giải (謬解) có nghĩa là *“sai lầm”*, biểu thị tác dụng của Si. Chữ Giải (解) [ở đây phải hiểu] là tà giải, biểu thị tác dụng của *“Huệ bị nhiễm ô”*.

Sau khi đã thuyết minh đại lược những điều trọng yếu về thể tánh và nghiệp dụng của tám Đại Tùy Phiền Não, lại tổng kết để biện minh về giả pháp và thật pháp: Năm pháp Hôn Trảm, Điều Cử, Bất Tín, Giải Đãi, và Tán Loạn thuộc về thật pháp, mỗi pháp đều có thể tánh riêng biệt của chính nó. Phóng Dật là dựa trên phần vị của bốn pháp Tham, Sân, Si, và Giải Đãi mà giả lập. Thất Niệm dựa trên phần vị của hai pháp Niệm và Si để giả lập. Bất Chánh Tri là dựa trên phần vị của hai pháp Huệ và Si để giả lập. Ba món này đều là giả pháp.

1.1.2.4.2.1.6. Bất Định Tâm Sở (chia thành bốn phần)

1.1.2.4.2.1.6.1. Ác Tác

(Luận) Vân hà Ác Tác? Vị tâm biến hối vi tánh, vị ố sở tác, cố danh Ác Tác. Thử Ác Tác thể, phi tức biến hối, do tiên ố sở tác, hậu khởi truy hối cố. Thử tức dĩ quả tòng nhân vi mục, cố danh Ác Tác. Thí như lục xúc xú, thuyết vi tiên nghiệp. Thử hữu nhị vị, vị thiện, bất thiện. Ư nhị vị trung, phục các hữu nhị. Nhược thiện vị trung, tiên bất tác thiện, hậu khởi hối tâm. Bĩ nhân thị thiện, hối diệt thị thiện. Nhược tiên tác ác, hậu khởi hối tâm, nhân bĩ bất thiện, hối tức thị thiện. Nhược bất thiện vị, tiên bất tác ác, hậu khởi hối tâm, bĩ nhân bất thiện, hối diệt bất thiện. Nhược tiên tác thiện, hậu khởi hối

tâm, bỉ nhân thị thiện, hồi thị bất thiện.

(論)云何惡作？謂心變悔為性。謂惡所作故名惡作。此惡作體非即變悔。由先惡所作。後起追悔故。此即以果從因為目。故名惡作。譬如六觸處說為先業。此有二位。謂善不善。於二位中。復各有二。若善位中。先不作善。後起悔心。彼因是善。悔亦是善。若先作惡。後起悔心。彼因不善。悔即是善。若不善位。先不作惡。後起悔心。彼因不善。悔亦不善。若先作善。後起悔心。彼因是善。悔是不善。

(Luận: Ác Tác⁷⁸ là như thế nào? Tức là có tánh chất do cái tâm biến đổi hối hận, nghĩa là do ghét những điều đã làm nên gọi là Ác Tác. Xét theo thể tánh của Ác Tác, chẳng phải là ngay lập tức [cái tâm] biến đổi mà hối hận, mà là do trước đó ghét những điều đã làm, sau đấy bèn nghĩ lại, hối hận. Tâm Sở này được đặt tên bằng cách từ quả mà truy ngược lại cái nhân, cho nên gọi là Ác Tác. Ví như từ sáu căn (Lục Xúc Xứ) mà gọi là “tiên nghiệp” (nghiệp trước). Trong ấy (trong Ác Tác), có hai loại, tức là thiện và bất thiện. Trong hai loại ấy, mỗi loại lại có hai loại. Nếu thuộc loại thiện mà trước đó chẳng làm lành, sau đấy, dấy lòng hối hận, thì điều ấy có cái nhân là thiện, mà tâm hối hận cũng là thiện. Nếu trước đó làm ác, sau đấy khởi tâm hối hận thì cái nhân là bất thiện, hối hận chính là thiện. Nếu thuộc loại bất thiện, trước hết chẳng làm lành, sau đấy khởi tâm hối hận [vì sao chính mình lại chẳng làm chuyện ác đó], cái nhân là bất thiện, hối hận cũng là bất thiện. Nếu trước hết làm lành, sau đấy khởi tâm hối hận, thì cái nhân là thiện, hối hận là bất thiện).

Bất Định Tâm Sở gồm có bốn món. Do đối với ba tánh, tức tánh thiện, tánh ác, và tánh vô ký, [bốn món Tâm Sở này] chẳng có quyết định (tức là chẳng thể nói dứt khoát là thiện, ác, hay vô ký, mà phải xét theo tùy trường hợp). Chúng chỉ tương ứng với Ý Thức, chẳng trọn khắp tám Thức. Ác Tác và Thùy Miên chỉ có trong Dục Giới, “Tâm” thì chỉ có từ Dục Giới cho đến Sơ Thiên của Sắc Giới, “Tứ” thì chỉ

⁷⁸ Theo cách giải thích này, đáng lẽ phải đọc là Ó Tác (ghét những chuyện đã làm), nhưng do sách vở trước nay thường ghi là Ác Tác, nên chúng tôi vẫn giữ nguyên cách đọc này.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

trong Dục Giới cho đến các tầng Thiên trung gian của Sắc Giới mới có, chẳng trọn khắp tam giới cửu địa, cho nên gọi là Bất Định Tâm Sở.

Thể tánh của Ác Tác, “*tâm biến hối vi tánh*”, [ý nói] do nhớ lại những chuyện chính mình đã làm, hoặc chưa làm trong quá khứ, bất luận là chuyện lành hay chuyện ác, do chính mình chán ghét, gớm tởm nó, nội tâm biến thành áo não, hối hận. Luận này chẳng nói rõ nghiệp dụng của Ác Tác.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Ác Tác như sau: “*Hối, vị Ác Tác, ố sở tác nghiệp, truy hối vi tánh, chướng Chỉ vi nghiệp*” (Hối hận là Ác Tác, ghét những nghiệp đã làm, có tánh chất nghĩ lại mà hối hận, có nghiệp dụng chướng ngại Chỉ). Thể tánh của Ác Tác là chán ghét những hành vi đã làm hoặc chưa làm trong quá khứ, do nhớ lại mà áo não, hối hận. Nghiệp dụng của Ác Tác là chướng ngại việc tu Chỉ. Thật ra, nó cũng có thể chướng ngại tu Quán. Do vì nhớ lại rồi áo não, hối hận khuấy động, trở ngại sự an bình trong nội tâm, dẫn đến chuyện chẳng thể nhập Định, mà cũng chẳng thể hiểu rõ, chọn lựa quán cảnh. Nó có nghiệp dụng giống như Điều Cử. Do vậy, Ác Tác và Điều Cử hợp thành một Cái, là một món trong Ngũ Cái (tức Điều Cử Ác Tác Cái). Nguyên nhân sanh khởi Ác Tác, phương pháp đối trị và công dụng giống như đã nói trong phần Điều Cử.

“*Vị ố sở tác, cố danh Ác Tác. Thử Ác Tác thể, phi tức biến hối, do tiên ố sở tác, hậu khởi truy hối cố*” (Ý nói ghét những việc đã làm. Thể của pháp Ác Tác này chẳng phải là ngay lập tức biến đổi, hối hận, mà là do trước đó đã chán ghét những chuyện đã làm, sau đấy dấy lòng nhớ lại, hối hận), [nghĩa là] do chính mình đã chán ghét những chuyện đã làm, hoặc chưa làm trước kia, cho nên gọi là Ác Tác. Tuy chán ghét những chuyện đã làm hoặc chưa làm trước kia (Ác Tác), đây vẫn chưa phải là cái tâm biến đổi rồi hối hận, mà là vì trước đó đã chán ghét những chuyện đã làm hay chưa làm, sau đấy dẫn khởi nội tâm biến thành áo não, hối hận.

Thật ra, nếu đã nói về tác dụng tâm lý của cái tâm biến thành hối hận, vì sao chẳng gọi nó là Biến Hối, mà gọi là Ác Tác? “*Thử tức dĩ quả tòng nhân vi mục, cố danh Ác Tác. Thí như lục xúc xứ, thuyết vi tiên nghiệp*”, [ý nói]: Đặt ra danh xưng Ác Tác, chính là vì từ cái quả truy ngược về cái nhân mà đặt tên. Do Ác Tác dẫn khởi sự nhớ lại rồi hối hận, Ác Tác là nhân, Biến Hối là quả. Ví như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn (Lục Căn còn gọi là Lục Xúc. Do vì nương vào Căn mà sanh khởi Lục Xúc (sáu sự tiếp xúc giữa Căn và Trần), nên Lục Căn

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

còn gọi là Lục Xúc Xứ), tức là từ nghiệp lực trong quá khứ mà cảm thành quả báo, như sanh trong nhân gian thì có Lục Căn của con người. Nghiệp lực trong quá khứ là nhân, sáu căn là quả. Vì thế, gọi Lục Xúc Xứ là “*tiên nghiệp*”, đây là “*từ cái quả truy về cái nhân mà đặt tên*”.

Ác Tác có đủ cả ba tánh, tức tánh thiện, tánh ác (tánh bất thiện), và tánh vô ký. Nói theo Ác Tác có tánh thiện thì có hai loại:

1) “*Nhược thiện vị trung, tiên bất tác thiện, hậu khởi hồi tâm, bỉ nhân thị thiện, hồi diệt thị thiện*” (Nếu thuộc loại thiện, trước đó đã chẳng làm lành, sau đây lòng hồi hận, cái nhân lành, hồi hận cũng là lành): Ý nói, chẳng hạn như trong quá khứ đáng nên làm thiện sự Bồ Thí, nhưng chẳng làm, do sau đó, ghét bỏ mà áo não, hồi hận: “*Vì sao trước kia chẳng làm chuyện bồ thí?*” Cái nhân của sự áo não, hồi hận là thiện sự bồ thí, mà áo não, hồi hận cũng có tánh chất thiện.

2) “*Nhược tiên tác ác, hậu khởi hồi tâm, bỉ nhân bất thiện, hồi tức thị thiện*” (Nếu trước kia đã làm ác, sau đây lòng hồi hận, cái nhân là bất thiện, hồi hận chính là thiện): Chẳng hạn như trong quá khứ làm chuyện ác vọng ngữ, do đã làm rồi bèn chán ghét, sanh lòng áo não, hồi hận: “*Vì sao trước kia lại nói dối cơ chứ?*” Cái nhân của sự áo não, hồi hận là nói chuyện ác vọng ngữ, nhưng áo não, hồi hận có tánh thiện. Do vậy, trong quá khứ đã chẳng làm chuyện thiện mà sau đó lại áo não, hồi hận thì là tánh thiện. Trong quá khứ đã làm chuyện ác, sau đó lại áo não, hồi hận thì cũng là tánh thiện.

Nói theo Ác Tác có tánh ác (tánh bất thiện) thì cũng có hai loại:

1) “*Nhược bất thiện vị, tiên bất tác ác, hậu khởi hồi tâm, bỉ nhân bất thiện, hồi diệt bất thiện*” (Nếu xét theo loại bất thiện, trước đó chẳng làm ác, sau đây tâm hồi hận, cái nhân là bất thiện, mà hồi hận cũng là bất thiện): Chẳng hạn như trong quá khứ chớ nên làm chuyện ác trộm cắp, chẳng làm, nhưng sau đó, chán ghét, bèn áo não, hồi hận: “*Vì sao thuở trước chẳng trộm cắp cơ chứ?*” Cái nhân của sự áo não, hồi hận là chuyện ác trộm cắp; áo não, hồi hận cũng mang tánh ác.

2) “*Nhược tiên tác thiện, hậu khởi hồi tâm, bỉ nhân thị thiện, hồi thị bất thiện*” (Nếu trước đó đã làm lành, sau đây lòng hồi hận, cái nhân là thiện, hồi hận là bất thiện): Chẳng hạn như trong quá khứ thọ giới; sau đó, lại chán ghét, sanh lòng áo não, hồi hận: “*Vì sao mà trước kia lại thọ giới cơ chứ?*” Cái nhân của lòng áo não, hồi hận là thiện sự thọ giới, nhưng áo não, hồi hận là ác tánh. Vì thế, quá khứ chẳng làm chuyện ác, sau đây, áo não, hồi hận thì là tánh ác. Quá khứ đã làm thiện sự, nhưng sau đó lại áo não, hồi hận thì áo não, hồi hận cũng là tánh ác.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Xét theo Ác Tác có tánh vô ký để nói thì quá khứ đã làm, hoặc chưa làm chuyện vô ký; sau đây, áo não, hối hận thì là tánh vô ký. Chẳng hạn như áo não, hối hận: “Vì sao buổi sáng chẳng uống một tách cà phê cho tỉnh táo nhỉ?” Hoặc áo não, hối hận: “Vì sao tốn nhiều thời gian ngần ấy để chơi video game cơ chứ?”

Pháp hữu vi thì nhân duyên tụ hợp bèn sanh khởi, nhân duyên ly tán bèn diệt mất. Pháp quá khứ, pháp hiện tại, và pháp vị lai đều chẳng có một thật thể độc nhất, thường hằng để có thể bị chấp thủ (nắm giữ). Vì thế, kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật nói: “*Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được*”. Do vậy, chuyện quá khứ bất luận đã làm, hay chưa làm, đều chẳng có thật thể. Chuyện đã qua rồi bèn uổng công tự nhiều loạn, áo não, hối hận, lại có ích gì hay không? Vì sao chẳng nắm vững hiện tại, phấn chấn tinh thần, chinh đốn sức lực, tinh tấn tu hành, thoát khỏi thế giới tối tăm của sự tự trách, áo não, hối hận, tiến hướng theo tương lai quang minh?

1.1.2.4.2.1.6.2. Thùy Miên

(Luận) Vân hà Thùy Miên? Vị bất tự tại chuyển, muội lược vi tánh. Bất tự tại giả, vị linh tâm đẳng bất tự tại chuyển, thị Si chi phần. Hựu thử tự tánh bất tự tại cố, linh tâm, tâm pháp cực thành muội lược. Thử thiện, bất thiện, cập vô ký tánh, năng dữ quá thất sở y vi nghiệp.

(論)云何睡眠？謂不自在轉。昧略為性。不自在者。謂令心等不自在轉。是癡之分。又此自性不自在故。令心心法極成昧略。此善不善。及無記性。能與過失。所依為業。

(Luận: Thùy Miên là như thế nào? Chính là chẳng hoạt động tự tại, có tánh chất tối tăm, qua loa. “Chẳng tự tại” là khiến cho tâm v.v... chẳng hoạt động tự tại. Thùy Miên là một phần của Si. Hơn nữa, do tự tánh của Tâm Sở này là chẳng tự tại, khiến cho tâm và tâm pháp tội bậc tối tăm, sơ sài. Món Tâm Sở này có tánh chất thiện, bất thiện, và vô ký, có nghiệp dụng làm chỗ y cứ cho lầm lỗi.

Thế tánh của Thùy Miên là “*bất tự tại chuyển, muội lược vi tánh*”, nghĩa là khiến cho thân tâm của chính mình chẳng thể làm chủ hòng hoạt động tự tại, nội tâm và Tâm Sở hết sức tối tăm, qua loa.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Nghiệp dụng của Thùy Miên là “*năng dữ quá thất sở y vi nghiệp*” (nghiệp dụng là có thể làm chỗ y cứ cho làm lỗi), tức là có thể dẫn khởi các thứ lầm lỗi. Dầu là Thùy Miên có tánh chất thiện hay tánh chất vô ký, cũng sẽ dẫn khởi lầm lỗi. Chẳng hạn như vì Thùy Miên mà thức dậy quá trễ, bỏ lỡ công khóa tu hành, hoặc là sáu giờ ngày mai phải đáp xe lửa, vì ngủ say, thức dậy quá trễ, trễ giờ, chẳng lên xe lửa được.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Thùy Miên như sau: “*Miên vị thùy miên, linh thân bất tự tại, muội lược vi tánh; chướng Quán vi nghiệp*” (Miên là ngủ nghê, khiến cho thân chẳng tự tại, có tánh chất tối tăm, qua quít, có nghiệp dụng gây chướng ngại cho Quán). Thể tánh của Thùy Miên là như luận này đã nói, nghiệp dụng của Thùy Miên là chướng ngại tu Quán. Thật ra, nó cũng có thể chướng ngại tu Chi. Vì nội tâm tối tăm, qua quít, lược dụng yếu ớt, chẳng thể hiểu rõ hòng chọn lựa quyết đoán đối với cảnh được quán, mà cũng chẳng thể chuyên chú nơi cảnh được quán. Nó có nghiệp dụng giống như Hôn Trầm. Do vậy, Hôn Trầm và Thùy Miên được gộp chung thành một Cái, là một món trong Ngũ Cái. Nguyên nhân sanh khởi Thùy Miên, phương pháp đối trị và công dụng như trong phần thuyết minh về Hôn Trầm.

Liên quan đến nguyên nhân sanh khởi Thùy Miên, ngoài ba thứ nguyên nhân⁷⁹ được nói trong Di Giáo Kinh Luận, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Tập Luận nói: “*Thùy nhân duyên giả, vị luy sáu bì quỵện thân phần trầm trọng, tư duy ám tướng, xả chư sở tác, tăng số thủ thời quán tập Thùy Miên; hoặc tha chú thuật thân lược sở dẫn; hoặc nhân động phiến, lương phong xuy đặng*” nghĩa là: Vì thân thể quá gây yếu, quá mệt mỏi, hoặc vì suy nghĩ những thứ tối tăm, hoặc là do vứt bỏ những thiện pháp đáng nên làm, hoặc là do đã từng có thói quen ngủ gật khi tĩnh tọa, hoặc là do người khác dùng thần lực của chú thuật lôi dẫn, hoặc là do gió mát nhẹ thổi qua, quá thoải mái, cho nên sanh khởi Thùy Miên.

Thùy Miên ở đây là Tâm Sở tương ứng với Ý Thức, hoàn toàn chẳng phải là Thùy Miên (ngủ say) trong Ngũ Vô Tâm Vị⁸⁰. Do vì nội tâm hết sức tối tăm, yếu ớt, cho nên thân thể chẳng thể hoạt động tự tại;

⁷⁹ Di Giáo Kinh Luận viết: “*Trong ấy có ba thứ khiến cho Thùy Miên dấy lên: Một là từ ăn uống mà ra, hai là từ thời tiết mà ra, và ba là từ tâm dấy lên*”.

⁸⁰ Ngũ Vô Tâm Vị là năm địa vị mà Tâm Sở chẳng dấy lên hoạt động, cho nên gọi là Vô Tâm, chính là khi ở trong Vô Tướng Thiên, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, ngủ mê, và bất tỉnh.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Ý Thức chỉ hướng theo Pháp Trần được duyên trong tâm mà hoạt động (thường gọi là Nhất Môn Chuyển, hoặc Nội Môn Chuyển). Chẳng hướng ra ngoài duyên theo Ngũ Trần Sắc, Thanh v.v... để chuyển khởi (tâm thức hoạt động), nhưng nhận biết rất rõ cảnh giới được duyên. “*Muội*” (昧) nhằm vạch rõ không phải đang ở trong Định, tuy Ý Thức trong Định cũng chỉ hướng theo nội duyên Pháp Trần mà chuyển khởi, nhưng [Ý Thức trong Định] nhận biết cảnh giới được duyên rõ ràng. “*Lược*” (畧) nhằm vạch rõ không phải là đang trong lúc tỉnh táo, vì lực dụng của ý thức trong khi tỉnh ngủ hết sức mạnh mẽ, vượt trội, có thể duyên theo Lục Trần rành rẽ. “*Vạch rõ*” có nghĩa là chọn ra để loại bỏ, phân biệt rạch ròi.

Luận này nói Thùy Miên dựa trên phần vị của Si để giả lập, nó là giả pháp, có giáo nghĩa cho rằng: Ác Tác cũng nương theo phần vị của Si mà giả lập, là giả pháp. Căn cứ theo chánh nghĩa của Thành Duy Thức Luận thì Ác Tác và Thùy Miên mỗi món có thể tánh khác biệt. Chẳng hạn như khi tỉnh táo, có thể hiểu rõ Sự Lý Tứ Đế (Vô Si), nhưng khi nằm mộng (Thùy Miên Tâm Sở), do tâm lực yếu ớt, cho nên chẳng hiểu rõ Sự Lý Tứ Đế. Do vậy, có thể biết: Thùy Miên Tâm Sở chẳng phải là nương theo phần vị của Si để giả lập!

Thùy Miên bao gồm tánh thiện, tánh ác, và tánh vô ký. Thùy Miên thuộc tánh thiện là như nằm mộng thấy chính mình cung kính lễ Phật. Thùy Miên có tánh ác là như mộng thấy chính mình tức giận, chửi mắng người khác. Thùy Miên có tánh vô ký là như mộng thấy chính mình đang tập luyện tại thao trường.

Liên quan đến chủng loại của Mộng, Đại Trí Độ Luận nói: “*Mộng hữu ngũ chủng, nhược thân trung bất điều, nhược nhiệt khí đa, tắc đa mộng kiến hỏa, kiến hoàng, kiến xích. Nhược lãnh khí đa, tắc đa kiến thủy, kiến bạch. Nhược phong khí đa, tắc đa kiến phi, kiến hắc. Nhược phục sở văn kiến sự, đa tư duy niệm cố, tắc mộng kiến. Hoặc thiên dữ mộng, dục linh tri vị lai sự cố*”. Nghĩa là [mộng có năm loại], có lúc sinh lý chẳng điều hòa, không thông thuận, cho nên mới nằm mộng, nếu là Hỏa Đại tăng mạnh, sẽ mộng thấy lửa, [thấy màu vàng, màu đỏ] v.v... Thủy Đại tăng mạnh, sẽ mộng thấy nước, [thấy màu trắng] v.v... Như trẻ nhỏ do Thủy Đại tăng mạnh, sẽ mộng thấy đến bờ biển vọc nước; tỉnh giấc thì đã đái dầm. Phong Đại tăng mạnh, sẽ mộng thấy bay lượn trên không, [thấy màu đen]. Hoặc có lúc trong tâm suy nghĩ rất nhiều, cho nên mới nằm mộng, như ban ngày nghĩ gì, đêm mộng thấy điều đó. Có lúc do chúng hữu tình trên cõi trời muốn cho

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

người nằm mộng biết chuyện vị lai, cho nên khiến cho người nằm mộng mơ thấy.

1.1.2.4.2.1.6.3. Tâm

(Luận) Vân hà Tâm? Vị Tư, Huệ sai biệt, ý ngôn tâm cầu, linh tâm thô tướng phân biệt vi tánh. Ý ngôn giả, vị thị Ý Thức. Thị trung hoặc y Tư, hoặc y Huệ nhi khởi. Phân biệt thô tướng giả, vị tầm cầu bình, y, xa thặng đẳng chi thô tướng. Lạc xúc, khổ xúc đẳng sở y vi nghiệp.

(論)云何尋？謂思慧差別。意言尋求。令心麤相分別為性。意言者。謂是意識。是中或依思。或依慧而起。分別麤相者。謂尋求瓶衣車乘等之麤相。樂觸苦觸等所依為業。

(Luận: Tâm là như thế nào? Tức là đối với Tư và Huệ sai khác, ý ngôn tìm cầu, có tánh chất khiến cho cái tâm phân biệt thô tướng. “Ý ngôn” là nói đến Ý Thức. Trong ấy, hoặc dựa theo Tư hay dựa theo Huệ mà sanh khởi. “Phân biệt thô tướng” là tìm cầu những thô tướng của bình, áo, xe cộ v.v... Nghiệp dụng của nó là chỗ nương tựa cho lạc xúc, khổ xúc v.v...)

1.1.2.4.2.1.6.4. Tứ

(Luận) Vân hà Tứ? Vị Tư, Huệ sai biệt, ý ngôn tứ sát, linh tâm tế tướng phân biệt vi tánh. Tế tướng giả, vị u bình, y đẳng, phân biệt tế tướng thành bất thành đẳng sai biệt chi nghĩa.

(論)云何伺？謂思慧差別。意言伺察。令心細相分別為性。細相者。謂於瓶衣等。分別細相成不成等差別之義。

(Luận: Tứ là như thế nào? Chính là Ý Thức xét nét sự khác biệt giữa Tư và Huệ, khiến cho cái tâm có tánh chất phân biệt tướng vi tế. “Tế tướng” là đối với bình, áo v.v... mà phân biệt ý nghĩa sai biệt nơi tế tướng thành tựu hay chẳng thành tựu).

Thê tánh của Tâm, “Tư, Huệ sai biệt, ý ngôn tâm cầu, linh tâm thô tướng phân biệt vi tánh” (đối với sự sai biệt giữa Tư và Huệ, ý thức

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

tìm cầu, khiến cho cái tâm có tánh phân biệt thô tướng), tức là [Tâm được] giả lập trên phần vị của Huệ và Tư. Đối với cảnh giới được duyên, Ý Thức bèn suy nghĩ tìm tòi, suy cầu, phân biệt... nơi thô tướng (tướng trạng hoặc đặc trưng thô thấp, dễ thấy). Nghiệp dụng của Tâm là “*lạc xúc, khổ xúc đẳng sở y vi nghiệp*”, tức là làm chỗ nương tựa cho lạc xúc, khổ xúc, bất khổ bất lạc xúc (xả xúc). Chẳng hạn như khi chúng ta tìm tòi suy nghĩ, suy xét Sự Lý thì do sự hoạt động của Tư và Huệ khá gấp rút, nhanh chóng, sẽ sanh khởi Khổ Xúc chẳng thoải mái. Hoặc do hoạt động của Tư và Huệ khá thông thả, sẽ sanh khởi Lạc Xúc thoải mái, hoặc hoạt động của Tư và Huệ chẳng thông thả, chẳng gấp rút, sẽ sanh khởi Xả Xúc.

Thê tánh của Tứ, “*Tư, Huệ sai biệt, ý ngôn tứ sát, linh tâm tế tướng phân biệt vi tánh*”, [nghĩa là Tứ] cũng là giả lập từ phần vị của Tư và Huệ, Ý Thức bèn tìm tòi, tra xét, phân biệt tế tướng (tướng trạng hoặc đặc trưng vi tế) của cảnh giới được duyên. Nghiệp dụng của Tứ giống như Tâm.

“*Ý ngôn*” có nghĩa là gì? Ý Ngôn chính là Ý Thức. Do vì cảnh giới được duyên bởi Ý Thức phần lớn là danh tự, hoặc những khái niệm được diễn tả bằng ngôn ngữ; cho nên gọi Ý Thức là Ý Ngôn. Sách Thành Duy Thức Luận Thuật Ký còn dựa trên ba phương diện là Dụ (thí dụ), Cảnh, và Quả để giải thích “*Ý Ngôn tức Ý Thức*”.

Năm Thức là Nhân Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, và Thân Thức, chính là sự biết rõ, phân biệt bằng trực giác, là sự nhận biết chẳng dựa theo danh tướng, ngôn từ, khái niệm. Vì thế, Tâm và Tứ chẳng tương ứng với năm Thức trước, chỉ tương ứng với Thức thứ sáu, tức Ý Thức.

Vì hành tướng của Tâm và Tứ rất tương tự, bởi lẽ, chúng dựa trên sự phân biệt thô tướng và phân biệt tế tướng để kiến lập. Phân biệt thô tướng và phân biệt tế tướng có gì khác biệt? Chẳng hạn như tìm cầu phân biệt kích thước, hình dạng, chất liệu v.v... là những tướng trạng thô rõ của cái bình hoa thì gọi là “*phân biệt thô tướng*”. Tỉ mỉ xem xét hoa vãn, độ sáng v.v... là những tướng trạng vi tế nơi bình hoa thì gọi là “*tế tướng phân biệt*”. Suy luận tương tự như vậy, đối với Sự Lý nơi y phục, xe cộ v.v... [sẽ thấy chúng] đều có sự sai biệt giữa phân biệt về tế tướng và phân biệt về thô tướng. Trong ấy, “*phân biệt tế tướng thành, bất thành đẳng sai biệt*” có nghĩa là: Chẳng hạn như tỉ mỉ xem xét coi độ sáng nơi tướng trạng vi tế của cái bình hoa là thành tựu hay không thành tựu v.v...

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Thành Duy Thức Luận thuyết minh về Tâm và Tứ như sau: “*Tâm, vị tâm cầu, linh tâm thông cứ, u ý ngôn cảnh, thô chuyển vi tánh. Tứ, vị tứ sát, linh tâm thông cứ, u ý ngôn cảnh, tế chuyển vi tánh. Thử nhị, câu dĩ an, bất an trụ thân tâm phần vị sở y vi nghiệp*” (Tâm là tìm cầu, khiến cho cái tâm bận bịu, đối với cảnh của Ý Thức thì có tánh chất hướng đến thô tướng. Tứ là xem xét tỉ mỉ, khiến cho cái tâm bận bịu, đối với cảnh của Ý Thức thì chú trọng tế tướng. Hai món này đều có nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho sự an trụ hay chẳng an trụ của thân tâm). Thê tánh của Tâm là khiến cho Ý Thức và Tâm Sở cấp bách, bận bịu đối với cảnh của Ý Ngôn (cảnh sở duyên của Ý Thức), tạo thành sự tìm tòi suy nghĩ, suy cầu v.v... nơi thô tướng. Thê tánh của Tứ là khiến cho Ý Thức và Tâm Sở cấp bách, bận bịu đối với “*ý ngôn cảnh*” (cảnh sở duyên của Ý Thức) mà tìm tòi tỉ mỉ, xem xét v.v... nơi tế tướng. Nghiệp dụng của Tâm và Tứ đều là làm chỗ y cứ cho phần vị an trụ hoặc chẳng an trụ thân tâm. “*Dĩ an, bất an trụ thân tâm phần vị sở y*” (làm chỗ y cứ cho phần vị an trụ hoặc chẳng an trụ của thân tâm) tức là như luận này đã nói: “*Lạc xúc, khổ xúc đẳng sở y vi nghiệp*” (Có nghiệp dụng làm chỗ y cứ cho Lạc Xúc, Khổ Xúc v.v...) Theo cách giải nói của Hàn Thanh Tịnh⁸¹, Tâm và Tứ trong Dục Giới (chẳng phải là địa vị Tam Ma Hý Đa) khiến cho thân tâm chẳng an trụ. Tâm và Tứ của Sơ Thiên trong Sắc Giới (Tam Ma Hý Đa, tiếng Phạn là Samahita, dịch nghĩa là Đẳng Dẫn, có nghĩa là nương theo Định lực dẫn khởi mà sanh ra sự an hòa, bình đẳng v.v...) khiến cho thân tâm an trụ. Ngoài ra, theo như Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giải đã giải thích, tác dụng của Huệ là chọn lựa rạch ròi, phân biệt, có tánh gấp rút. Tác dụng của Tư (思) là suy lường, tạo tác, có tác dụng thông thả, từ từ.

⁸¹ Hàn Thanh Tịnh tức là cư sĩ Hàn Khắc Trung (1884-1949). Ông có tên tự là Đức Thanh, hiệu là Thanh Tịnh Cư Sĩ. Quê ở phủ Hà Gian, tỉnh Trực Lệ dưới đời Thanh. Vào đầu thời Dân Quốc, ông tích cực quảng bá Pháp Tướng Duy Thức Học, nổi danh sánh ngang Âu Dương Tiệm (Âu Dương Cán Vô) về Duy Thức. Ông đậu cử nhân khi mới mười tám tuổi, từng ra làm quan. Năm 1908, khi khoa cử Nho học bị phế trừ, ông từ quan, chuyên tâm nghiên cứu Phật học. Năm 1921, cùng với các vị Châu Phát Hoàng, Từ Sâm Ngọc v.v... sáng lập Pháp Tướng Nghiên Cứu Hội, chủ giảng bộ Thành Duy Thức Luận. Ông cùng với Từ Sâm Ngọc đến chùa Vân Cư ở huyện Phòng Sơn bé quan ba năm để chuyên đọc kinh luận Duy Thức. Năm 1927, ông cùng với Châu Phát Hoàng, Từ Sâm Ngọc, Nhiêu Phong Hoàng v.v... sáng lập Tam Thời Học Hội nhằm giảng giải kinh Phật trong các trường đại học. Trước tác nổi tiếng nhất của ông là bộ Du Già Sư Địa Luận Khoa Cú Phi Tâm Nghĩa Ký Vựng Biên.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Nếu lấy Tư làm chủ đạo, Huệ có tánh chất gấp rút sẽ thuận theo Tư có tánh chất thông thả, nên khiến cho thân tâm an trụ. Nếu lấy Huệ làm chủ đạo, Tư có tánh chất thông thả phải thuận theo Huệ có tánh chất gấp rút, sẽ khiến cho thân tâm chẳng an trụ.

Tâm và Tứ dịch theo lối cũ (lối dịch trước thời ngài Huyền Trang) là Giác và Quán. Tâm và Tứ có mối quan hệ đặc biệt với tu Định. Do Tâm và Tứ tồn tại hoặc chẳng tồn tại mà có thể chia thành ba giai đoạn:

1) Từ Dục Giới đến Sơ Thiên, có tác dụng tìm cầu của Tâm, mà cũng có tác dụng tỉ mỉ xem xét của Tứ, nên gọi là Hữu Tâm Hữu Tứ địa (địa vị có cả Tâm lẫn Tứ).

2) Ở trong Trung Gian Thiên (tức là trong khoảng từ Sơ Thiên đến Nhị Thiên), chẳng có tác dụng tìm cầu của Tâm, nhưng có tác dụng suy xét tỉ mỉ của Tứ, nên gọi là Vô Tâm Hữu Tứ địa.

3) Từ Nhị Thiên trở lên, chẳng có tác dụng tìm cầu của Tâm, mà cũng chẳng có tác dụng xem xét tỉ mỉ của Tứ, nên gọi là Vô Tâm Vô Tứ địa.

Từ Nhị Thiên trở lên, chẳng có Tâm, Tứ, tức là nói dựa theo Tâm Sở Tư và Huệ thô thấp, rõ rệt, hoàn toàn chẳng phải là nói từ Nhị Thiên trở lên sẽ không có các Tâm Sở Tư và Huệ. Bởi lẽ, Tâm Sở Tư và Huệ tồn tại trọn khắp tam giới chín địa.

Tâm và Tứ bao gồm tánh thiện, ác, và vô ký. Chẳng hạn như Tham Tâm, Sân Tâm, Hại Tâm đều là Tâm có tánh ác. Xuất Ly Tâm, Vô Sân Tâm, Bất Hại Tâm, đều là Tâm có tánh thiện. Thân Lý Tâm (tìm tòi nghĩ ngợi về thân thuộc), Quốc Độ Tâm v.v... đều là những thứ Tâm có tánh chất vô ký. Tuy chẳng phải là tánh ác, nhưng chúng có thể chướng ngại chuyên tu hành Chỉ Quán.

Kinh Tạp A Hàm nói: Có Giác, có Quán, thì gọi là Khẩu Hành, biểu thị mối quan hệ giữa Tâm, Tứ, và ngôn ngữ. Trước hết là có Tâm và Tứ trong Ý Thức, sau đấy mới phát ra thành ngôn ngữ. Ăn nói rất nhanh lẹ là vì Tâm và Tứ rất gấp rút.

Đối với sự sai biệt giữa Tâm và Tứ, ngoại trừ sự phân biệt thô tướng và phân biệt tế tướng, Đại Trí Độ Luận còn nói: “*Sơ duyên trung tâm phát tướng, danh Giác. Hậu phân biệt trừ lượng hảo xú, danh Quán*” (Thoạt đầu là duyên theo tướng phát khởi bởi tâm thì gọi là Giác. Sau đó, phân biệt tính toán tốt xấu thì gọi là Quán). Sách A Tỳ Đạt Ma Khái Yếu Tinh Giải lại nói: “*Tâm (Vitakka): Tâm là dốc tâm vào mục tiêu. Tướng trạng đặc trưng của nó là dốc tâm vào, hoặc*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

hướng dẫn đến mục tiêu. Tác dụng của nó là nắm vững mục tiêu toàn diện. Nó dấy lên hiện hành thì sẽ chú tâm hướng đến mục tiêu. Tuy trong phần chú thích chẳng đề cập cái nhân gần của nó, nhưng có thể biết: Mục tiêu chính là cái nhân gần của nó... Tứ (Vicara) có tướng trạng đặc trưng là suy đi xét lại mục tiêu. Tác dụng của nó là nhiều lượt đem danh pháp tương ứng gán cho mục tiêu. Khi nó dấy lên hiện hành, sẽ bám chặt vào mục tiêu, [do đó] cái nhân gần [của Tứ] chính là mục tiêu”.

Trong Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Giảng Ký, Ấn Thuận đạo sư đã có thí dụ thuyết minh: Như con mèo ban đêm chạy ra, nó chỉ muốn bắt chuột. Mắt nó liếc Đông ngó Tây tìm kiếm chuột, chuyện này ví như Tầm. Nó dần dần biết phương pháp xảo diệu để tìm được hang chuột, bèn ngồi bên cửa hang chuột, mắt ngó miệng hang. Khi ấy, mèo chẳng nhìn Đông ngó Tây, liếc khắp nơi tìm chuột, mà chuyên chú ngó miệng hang. Điều này ví như Tứ. Ngoài ra, trong bộ A Tỳ Đạt Ma Giảng Yếu, tôn giả Mã Hân Đức (Venerable Mahinda) cũng nói ra ba thứ thí dụ về Tầm và Tứ.

1.1.2.4.2.2. Tâm Bất Tương Ứng Hành (chia làm hai đoạn)

1.1.2.4.2.2.1. Nêu chung

(Luận) Vân hà Tâm Bất Tương Ứng Hành? Vị y Sắc, Tâm đẳng phần vị giả lập, vị thử dữ bỉ bất khả thi thiết dị, bất dị tánh. Thử phục vân hà? Vị Đắc, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Thiên, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Sanh, Lão, Trụ, Vô Thường, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Dị Sanh Tánh, như thị đẳng.

(論)云何心不相應行？謂依色心等。分位假立。謂此與彼不可施設。異不異性。此復云何？謂得。無想定。滅盡定。無想定。命根。眾同分。生。老。住。無常。名身。句身。文身。異生性。如是等。

(Luận: Tâm Bất Tương Ứng Hành là như thế nào? Chính là [những pháp] dựa trên phần vị của Sắc, Tâm v.v... mà giả lập, do điều này và điều kia chẳng thể phân định là có tánh chất khác biệt hay chẳng khác biệt. Điều này lại như thế nào? Chính là Đắc, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Thiên, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Sanh, Lão, Trụ, Vô Thường, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Sanh Dị Tánh, những pháp như thế đó).

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Trong Hành Uẩn có hai loại: Một là Tâm Tương Ứng Hành, hai là Tâm Bất Tương Ứng Hành. “*Tương ứng*” có nghĩa là giữa đôi bên có sự hài hòa, thuận tòng, hô ứng lẫn nhau, chẳng trái nghịch nhau. Chẳng hạn như Giáp và Ất đồng thời làm một chuyện, giữa đôi bên hợp tác với nhau. “*Hành*” có nghĩa là “*đổi dời, biến hóa, sanh diệt vô thường*”. Tâm Tương Ứng Hành là Tâm Sở Pháp và Tâm Vương, và những Tâm Sở Pháp tương ứng khác. Tâm Bất Tương Ứng Hành là ví như Giáp và Ất tuy đồng thời sanh khởi, nhưng chuyện hai người đã làm chẳng nhất định giống nhau. Giữa đôi bên cũng chẳng hợp tác với nhau.

Lại vì Tâm Bất Tương Ứng Hành do có ba thứ nguyên nhân mà lập ra danh xưng khác biệt:

- 1) Vì chẳng có tác dụng duyên lự, cho nên chẳng phải là Tâm Pháp hay Tâm Sở Pháp.
- 2) Vì chẳng có tác dụng chất ngại⁸², nên chẳng phải là Sắc Pháp.
- 3) Vì có hiện tượng sanh diệt, nên chẳng phải là pháp Vô Vi.

Trên thực tế, đức Phật vốn nói ra Ngũ Uẩn, trọn chẳng nói Tâm Tương Ứng Hành và Tâm Bất Tương Ứng Hành. Về sau, các vị luận sư nghiên cứu, phân tích, cho rằng Hành Uẩn có hai loại lớn khác nhau, đã chia Hành Uẩn thành Tâm Tương Ứng Hành và Tâm Bất Tương Ứng Hành. Chẳng hạn như Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ, Kinh Bộ⁸³, và học phái Duy Thức của Đại Thừa, đều nói tới Tâm Bất Tương Ứng Hành.

Tâm Bất Tương Ứng Hành là “*y Sắc, Tâm đẳng phân vị giả lập*”, tức là nương vào phần vị của Tâm Pháp và Tâm Sở Pháp, Sắc Pháp mà giả lập (“*Phần vị*” là một phần, “*giả lập*” là lập bày xếp đặt), như Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận khi giảng về Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp đã nói “*tam vị sai biệt cố*”, nghĩa là do nó khác biệt với ba phần vị Sắc Pháp, Tâm Pháp và Tâm Sở Pháp mà giả lập [một loại riêng biệt là Bất Tương Ứng Hành Pháp].

⁸² Chất ngại là có tác dụng ngăn ngại do có vật chất.

⁸³ Kinh Bộ, gọi đầy đủ là Kinh Lượng Bộ (Sautrāntika), hoặc Thuyết Kinh Bộ, là một chi phái của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ được thành lập vào khoảng năm 150 trước Công Nguyên. Bộ phái đặt nền tảng lý luận trên Kinh Tạng, phản bác Đại Tỳ Bà Sa Luận, và bác bỏ quan điểm “*nhất thiết hữu*” của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Bộ phái này chủ trương Thức luân chuyển trong vòng sanh tử, và khi chết thì Ngũ Uẩn chìm lắng trong cái Thức đó. Mỗi hiện tượng chỉ tồn tại trong một sát-na. Những vị luận sư nổi tiếng trong bộ phái này là Cưu Ma La Đà (Đồng Thọ), thượng tọa Thất Lợi Đa La v.v...

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“*Thử dữ bỉ bất khả thi thiết dị, bất dị tánh*”: “*Thử*” chính là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, “*bỉ*” là Sắc Pháp, Tâm Pháp, Tâm Sở Pháp. “*Bỉ*” là pháp để “*thử*” nương tựa vào. Do giữa pháp này và pháp kia hoàn toàn chẳng phải không có quan hệ, “pháp này” chẳng tách rời “pháp kia” để có riêng một thật thể độc nhất, tồn tại thường hằng. Do vậy, chẳng thể lập bày giữa pháp này và pháp kia là “*dị tánh*” (có tánh chất khác nhau). Lại do vì giữa pháp này và pháp kia, thể tánh và tác dụng chẳng phải là tương đồng, cho nên chẳng thể lập bày là pháp này và pháp kia “*bất dị tánh (nhất tánh)*” (tánh chẳng khác nhau, có cùng một tánh).

Nội dung của Tâm Bất Tương Ứng Hành là gì? Chính là “*Đắc, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Thiên, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Sanh, Lão, Trụ, Vô Thường, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Sanh Dị Tánh, như thị đẳng*”. Luận này nói ra mười thứ danh xưng, “*đẳng*” là như Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận nói ra hai mươi bốn thứ danh xưng, tức là có thêm mười thứ nữa: Lưu Chuyển, Định Dị, Tương Ứng, Thế Túc, Thứ Đệ, Phương, Thời, Số, Hòa Hợp Tánh, và Bất Hòa Hợp Tánh.

1.1.2.4.2.2.2. Biệt Thích (giải thích từng điều riêng biệt, chia thành mười bốn đoạn)

1.1.2.4.2.2.2.1. Đắc

(Luận) Vân hà Đắc? Vị nhược hoạch, nhược thành tựu. Thử phục tam chủng, vị chủng tử thành tựu, tự tại thành tựu, hiện khởi thành tựu, như kỳ sở ứng.

(論)云何得? 謂若獲。若成就。此復三種。謂種子成就。自在成就。現起成就。如其所應。

(Luận: Đắc là như thế nào? Chính là hoặc đạt được, hoặc thành tựu. Pháp này lại có ba loại, tức là chủng tử thành tựu, tự tại thành tựu, và hiện khởi thành tựu, tương ứng với chỗ y cứ của chúng).

“*Đắc*” có nghĩa là “đạt được”, hoặc “thành tựu, chẳng mất đi”, còn gọi là Hoạch, hoặc Thành Tựu. Hoạch là thoát đầu có được thì gọi là Đắc. Sau khi đã có, liên tục đạt được thì gọi là Thành Tựu. Chẳng hạn như thương nhân kinh doanh, kiếm được rất nhiều tiền (tiền bạc là Sắc pháp), bèn nói “có tiền”. “Đạt được tiền” và “nắm giữ tiền” khác nhau,

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

“đạt được tiên” thì không nhất định là hiện tiên đã trông thấy tiên. “Đạt được tiên” đã dựa trên phần vị của Sắc pháp mà giả lập, chẳng lìa khỏi Sắc pháp mà có riêng một cái thật thể tồn tại độc nhất, thường hằng! Lại như “*đắc nhân thân*” (được làm thân người) là dựa theo phần vị của ba pháp, tức Sắc Pháp, Tâm Pháp và Tâm Sở Pháp mà giả lập, cũng chẳng lìa khỏi ba pháp như Sắc Pháp v.v... mà có một thật thể riêng biệt.

Đắc và Thành Tựu phần lớn là nói theo ý nghĩa tu hành. Chẳng hạn như tu Chỉ mà đạt được Sơ Thiên, bèn nói là “*đắc Sơ Thiên*”. Nếu đạt được Sơ Thiên, tu tới địa vị vượt khỏi sự Tác Ý, sau đây, xuất Định, đứng dậy làm việc nhà, tuy chẳng phải là Tâm Sở trong Sắc Giới Định, nhưng khi muốn nhập Định, tâm chuyên chú nơi cảnh được duyên, sẽ có thể rất nhanh chóng đạt đến Sơ Thiên. Vì vậy, khi xuất Định, cũng có thể nói là “*đắc Sơ Thiên*” (nói theo sự tự tại thành tựu). “*Đắc Sơ Thiên*” thì pháp ấy tuy chẳng phải Định Tâm Sở trong Sắc Giới, nhưng nó cũng chẳng lìa khỏi Định Tâm Sở của Sắc Giới mà có riêng một thật thể được.

“*Đắc*” chính là Thành Tựu, có thể nương vào phần vị của Nhân, TỰ TẠI và HIỆN HÀNH, mà lập ra ba thứ thành tựu: Chủng Tử Thành Tựu, TỰ TẠI Thành Tựu, và HIỆN KHỞI Thành Tựu. Nương theo phần vị của Nhân (chủng tử) mà kiến lập Chủng Tử Thành Tựu. Nương theo phần vị của TỰ TẠI mà kiến lập TỰ TẠI Thành Tựu. Nương theo phần vị của HIỆN HÀNH mà kiến lập HIỆN KHỞI Thành Tựu. Do vậy nói “*nhu kỳ sở ứng*” (tương ứng với [chỗ y cứ của] chúng).

Chủng Tử Thành Tựu là gì? Nói theo Duy Thức Học, chủng tử là sự hiện hành (hiển hiện trong hiện tại) của pháp hữu vi được huân tập trong A Lại Da Thức, hình thành một thứ tập tánh đặc thù (tập khí, có công năng tiềm ẩn). Trong tương lai, khi nhân duyên tụ hợp, nó có thể sanh khởi pháp hữu vi. Nói đơn giản thì Chủng Tử Thành Tựu chính là pháp hữu vi đã được huân tập trong A Lại Da Thức bèn thành tựu. Chẳng hạn như người học Phật mong mỏi “*tinh tấn tu hành, giải thoát sanh tử*”, Dục Tâm Sở huân tập trong A Lại Da Thức sẽ thành tựu “*Dục chủng tử*”. Tuy còn chưa giải thoát, nhưng thiện căn giải thoát (Dục chủng tử) đã thành tựu. Đó gọi là Dục Chủng Tử Thành Tựu.

TỰ TẠI Thành Tựu là gì? Do pháp hữu vi liên tục huân tập trong A Lại Da Thức, chủng tử sẽ lần lượt tăng thượng, chủng tử được tăng trưởng mạnh mẽ, thì gọi là TỰ TẠI Thành Tựu. Chẳng hạn như tu Chỉ, sau khi đã đắc Định, bèn liên tục tu Định, trong tương lai có thể dẫn

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

đến phát khởi thân thông. Chúng tử đã được tăng thượng ấy được gọi là Tụ Tại Thành Tụ. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận Lược Giải, trưởng lão Ân Hải đã nói: *“Tụ Tại Thành Tụ là nói tới các thiện pháp được sanh bởi gia hạnh, nghề khéo, biến hóa, oai nghi là những chúng tử tăng trưởng mạnh mẽ có tánh chất vô ký. Vì sao vậy? Nương vào sức tu tập của gia hạnh mà đạt được tụ tại, cho nên gọi là Tụ Tại”*.

Hiện Khởi Thành Tụ là gì? Pháp hữu vi đang hiện hiện trong hiện tại. Chẳng hạn như quan niệm truyền thống của Trung Hoa là khi bé trai được sanh ra, nó bèn có quyền lợi kế thừa gia sản, gia sản trong tương lai sẽ là của nó. Vì thế, có thể nói “bé trai đạt được gia sản”; đó là Chúng Tử Thành Tụ. Đến khi nó trưởng thành, cha bèn giao gia sản cho, đó gọi là Hiện Khởi Thành Tụ.

Mọi người đều mong đạt được những thành quả tương đối ưu thắng trong thế gian, như học vấn ưu việt, sự nghiệp thành công, gia đình mỹ mãn, thân thể mạnh khỏe, tâm tình thoải mái v.v... Do vậy, ngàn muôn cay đắng truy cầu những thứ *“thành tựu”* (Đắc). Đạt được những thành quả ấy, sẽ vui sướng, mừng rỡ. Chẳng đạt được, sẽ ưu sầu, bi thương. Hơn nữa, dẫu đạt được, cũng sẽ lo âu *“cái đã đạt được sẽ bị mất đi”*. Giả sử Đắc có một thật thể, vậy thì chúng ta có thể biết Đắc ở chỗ nào hay không? Có thể biết hình dạng, màu sắc, và tác dụng của Đắc hay chẳng? Thật Thể có ý nghĩa *“tồn tại thường hằng”* thì Đắc có sẽ bị mất đi hay không? Thật ra, chẳng có thật thể của Đắc! Đắc chỉ là sự hiện hành của pháp hữu vi hay chúng tử mà lập ra. Nó là pháp sanh diệt, là giả pháp, chẳng phải là một thật thể độc nhất, thường hằng, nó có thể làm khái niệm hay quan niệm cho Ý Thức phân biệt mà thôi.

Hết thấy các pháp hữu vi là pháp được sanh bởi nhân duyên, là sanh diệt, vô thường, cho nên chẳng có một cái Đắc độc nhất, thường hằng. Chỉ là do sự hiện hành hoặc chúng tử của pháp hữu vi, nên phương tiện giả lập thành Đắc (Hiện Khởi Thành Tụ). Ngược lại, khi nhân duyên ly tán, pháp hữu vi sẽ diệt mất, Đắc cũng bị mất đi. Do vậy, cũng có thể phương tiện giả lập thành Thất (mất mát). Như Đại Trí Độ Luận đã nói: *“Chư pháp tất cánh không, bất khả đắc”* (Các pháp rốt ráo là không, chẳng thể đạt được). Mọi người *“có được thuận cảnh”* bèn tham đắm, hoan hỷ. *“Mất đi thuận cảnh”* bèn tức giận, ưu sầu, đau thương. Ngược lại *“gặp phải nghịch cảnh”* bèn buồn bã than van, lo rầu, bi thương. *“Nghịch cảnh mất đi”* bèn cảm thấy may mắn, hoan hỷ. Thật ra, chẳng có thật thể của Đắc và Thất, nhưng mọi người vẫn rất chấp trước Đắc và Thất có thật thể, cho nên mới lo sầu sao cho Đắc, lại

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

lo sâu sẽ bị Thất (mất đi), hết sức khổ não!

Hy vọng sẽ đạt được thành quả tương đối ưu thắng trong thế gian, là thiện tánh hướng thượng, hoặc là ước mong có tánh chất vô ký, chính là động cơ (motivation) để học tập hoặc tu hành, có thể khích lệ chúng ta phấn chấn tinh tấn. Nhưng phải biết rõ ràng: Ước nguyện là pháp duyên sanh, chẳng có thật thể. Hy vọng đạt được điều lý tưởng, [thì điều lý tưởng ấy] chỉ là đối tượng được duyên bởi ước nguyện, cũng chẳng có thật thể. Dầu đã “đạt được lý tưởng”, đấy cũng chỉ là dựa theo sự hiển hiện của pháp duyên sanh mà giả lập, cũng chẳng có thật thể. Do vậy, nếu chúng ta chấp trước Đắc có thật thể, hy vọng đạt được nó, đấy là chuyện vĩnh viễn chẳng thể nào có! Sau khi đã liễu giải Đắc chỉ là khái niệm hoặc quan niệm do Ý Thức phân biệt, trong cuộc sống thường ngày, sẽ chẳng còn chấp trì Đắc Thất (được, mất) cho mấy, sẽ khá tự do tự tại. Do đã từng tu đạo, chứng ngộ Vô Đắc, sẽ chứng ngộ Đắc chẳng có thật thể, mà cũng chứng ngộ tánh Không. Như Tâm Kinh đã nói: *“Vô trí, diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”* (Không trí, mà cũng chẳng đắc. Do chẳng có gì để được, Bồ Tát vì nương theo Bát Nhã Ba La Mật, mà tâm không vướng mắc. Do không vướng mắc, xa lìa mộng tưởng điên đảo, chứng Niết Bàn rõ ráo. Ba đời chư Phật, do nương theo Bát Nhã Ba La Mật mà đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Chứng ngộ tánh Không, tức là trừ bỏ chấp trước đối với thật thể của *“chánh trí có thể chứng, lý Chân Như được chứng, hoặc thánh quả để đắc”*, tức là đắc Sơ Quả của Thanh Văn Thừa, hay Sơ Địa của Bồ Tát Thừa. Tu hành tiến cao hơn bước nữa, có thể đạt đến giải thoát sanh tử, cho đến thành tựu viên mãn Phật quả.

1.1.2.4.2.2.2. Vô Tướng Định

(Luận) Vân hà Vô Tướng Định? Vị ly Biến Tịnh nhiễm, vị ly thượng nhiễm. Dĩ xuất ly tưởng, tác ý vi tiên, sở hữu bất hằng hành tâm, tâm pháp diệt vi tánh.

(論)云何無想定？謂離遍淨染未離上染。以出離想作意為先所有不恆行心心法滅為性。

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

(Luận: Vô Tướng Định là như thế nào? Chính là là sự đắm nhiễm đối với cõi trời Biến Tịnh, nhưng chưa là sự đắm nhiễm đối với những cõi trời cao hơn. [Vô Tướng Định] lấy xuất ly tướng, tác ý làm đầu, có tánh chất là tất cả các tâm và tâm pháp chẳng thường hằng đều bị diệt mất).

Thê tánh của Vô Tướng Định là “ly Biến Tịnh nhiễm, vị ly thượng nhiễm”. Đây là nói Vô Tướng Định tuy có thể là bỏ Biến Tịnh Nhiễm, nhưng vẫn chẳng là bỏ Thượng Nhiễm. Biến Tịnh Nhiễm là nói tới sự tham đắm trong Tịnh Cư Thiên của Tam Thiên Thiên, tức là sự tham đắm đối với Đệ Tam Thiên (Tĩnh Lạc). Thượng Nhiễm là sự tham đắm đối với Đệ Tứ Thiên trở lên.

Tu Vô Tướng Định như thế nào? “*Dĩ xuất ly tướng, tác ý vi tiên, sở hữu bất hằng hành tâm, tâm pháp diệt vi tánh*”, [ý nói]: Phương pháp tu Vô Tướng Định thì trước hết là tác ý tư duy, tướng xuất ly, huân tu thuần thực. Khi đã đắc Vô Tướng Định, “*sở hữu bất hằng hành tâm, tâm pháp diệt*”, tức là những pháp Tâm Sở như Tướng v.v... tương ứng với sáu Thức trước đều bị diệt trừ. Vì sáu Thức trước và những Tâm Sở tương ứng với chúng bị gián đoạn, cho nên gọi là “*bất hằng hành tâm, tâm pháp*” (tâm và tâm pháp chẳng phải là tồn tại thường hằng).

Đối với “*xuất ly tướng tác ý*” (dấy lên ý niệm để là khỏi tướng), Du Già Sư Địa Luận đã thuyết minh khá tường tận: “*Nhược chư dị sanh tác như thị niệm: Chư tướng như bệnh, chư tướng như ung, chư tướng như tiền, duy hữu vô tướng, tịch tĩnh vi diệu nhiếp thọ. Như thị bối tướng tác ý, u sở sanh khởi nhất thiết tướng trung, tinh cần tu tập bất niệm tác ý. Do thử tu tập vi nhân duyên cố, gia hạnh đạo trung, thị hữu tâm vị, nhập Định vô gián, tâm bất phục chuyển. Như thị xuất ly tướng tác ý vi tiên, dĩ ly Biến Tịnh tham, vị ly Quảng Quả tham, chư tâm, tâm pháp diệt, thị danh Vô Tướng Định. Do thị phương tiện, chứng đắc thứ Định*” (Nếu các dị sanh⁸⁴ nghĩ như thế này: “Các tướng

⁸⁴ Dị sanh (異生, prthag-jana), dịch theo lối cổ là “phàm phu”, dịch theo lối mới là “dị sanh”. Phàm phu luân hồi trong lục đạo, thọ các loại quả báo khác nhau; phàm phu lại vì cảnh giới biến đổi mà sanh khởi tà kiến, tạo ác, do vậy gọi là Dị Sanh. Đại Tỳ Bà Sa Luận còn giảng rằng: Vì do có dị kiến mà có thể tạo các nghiệp báo dẫn đến thọ sanh trong các đường không phải là loài người, cho nên phàm phu còn gọi là Dị Sanh. Thành Duy Thức Luận thì cho rằng Dị Sanh là vì họ chẳng phải là thánh nhân, cho nên gọi là Dị Sanh.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

như bệnh, các tướng như ung nhọt, các tướng như mũi tên, chỉ có vô tướng là nhiếp thọ tịch tĩnh vi diệu”. Phát khởi tâm niệm chống trái với Tướng như thế, bèn đối với hết thấy các thứ Tướng dấy lên sẽ siêng năng chuyên ròng tu tập sao cho chẳng dấy lên ý nghĩ suy niệm. Do sự tu tập ấy làm nhân duyên, trong gia hạnh đạo, [hành giả] sẽ là địa vị hữu tâm, nhập Định chẳng gián đoạn, tâm chẳng còn xoay chuyển nữa. Trước hết, khởi lên ý niệm lìa khỏi Tướng như thế, đã lìa khỏi sự tham đắm đối với cõi trời Biến Tịnh, nhưng chưa lìa khỏi sự tham đắm đối với cõi trời Quảng Quả. Do các tâm và tâm pháp (Tâm Sở) đã diệt, nên gọi là Vô Tướng Định. Do phương tiện này mà chứng đắc Định này).

Có một loại ngoại đạo cho rằng: “Tướng là cội nguồn của sanh tử. Hễ có thể diệt hết Tướng thì sẽ liền chứng nhập Niết Bàn, thoát lìa sanh tử”. Do vậy, bậc thánh nhân chẳng tu Vô Tướng Định. Ngoại đạo tu Vô Tướng Định, ắt cần phải lìa bỏ sự tham đắm đối với Tĩnh Lự bậc thứ ba thuộc thượng phẩm (nghiệp lực của nó chín muồi, sẽ cảm được Biến Tịnh Thiên). Sau đây, sẽ dựa vào môn Tĩnh Lự thứ tư thuộc thượng phẩm (hễ nghiệp lực của nó chín muồi, sẽ cảm được Quảng Quả Thiên). Trước hết, phải tác ý chống trái Tướng, dấy lên sự suy niệm “*các Tướng như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, chẳng có Tướng thì mới là tịch tĩnh vi diệu (Niết Bàn)*”. Gia công dụng hạnh như thế, dần dần lìa bỏ các Tướng, nhập Vô Tướng Định (nhập địa vị vô tâm), sáu Thức trước và các Tâm Sở như Tướng v.v... tương ứng với chúng sẽ tạm thời diệt mất. Nhưng sau khi ra khỏi Vô Tướng Định, Ý Thức và những Tâm Sở tương ứng sẽ lại sanh khởi.

Vì sao bậc thánh nhân hữu học và vô học chẳng tu Vô Tướng Định? Du Già Sư Địa Luận giải thích: “*Tiền Vô Tướng Định, phi học sở nhập; diệt phi vô học. Hà dĩ cố? Thử trung vô hữu Huệ hiện hành cố. Thử thượng hữu thắng tịch tĩnh trụ cập sanh cố. Hựu phục thử Định, bất năng chứng đắc sở vị chứng đắc chư thắng thiện pháp, do thị khể lưu cuống huyễn xứ cố*” (Môn Vô Tướng Định trên đây, bậc thánh nhân hữu học chẳng tu, mà thánh nhân vô học cũng chẳng tu. Vì sao vậy? Do trong ấy chẳng có Huệ hiện hành, hãy còn có tịch tĩnh trụ và chỗ để sanh về vượt trở Định này. Do tu môn Định đối với những thiện pháp thù thắng hơn mà hành nhân chưa chứng đắc, nếu tu môn Định này, sẽ chẳng thể chứng đắc. Do vậy, [nếu khăng khăng tu môn Định này, hành nhân sẽ] lẫn quẩn nơi đối trá, hư huyễn). Do vì ba thứ lý do:

- 1) Trong Vô Tướng Định không có Vô Lậu Huệ hiện hành.
- 2) Trên Vô Tướng Định, còn có trụ xứ tịch tĩnh càng thù thắng

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

hơn, và phía trên Vô Tướng Thiên còn có chỗ sanh về càng thù thắng hơn nữa.

3) Dùng Vô Tướng Định sẽ chẳng thể chứng đắc các thiện pháp vượt trội hơn mà hành nhân chưa thể chứng đắc, sẽ lẫn lộn nơi chỗ đối trá, hư huyền.

Do vậy, thánh nhân hữu học và vô học chẳng tu Vô Tướng Định.

Thành Duy Thức Luận thuyết minh Gia Hạnh Đạo càng tường tận hơn như sau: “*Tu Định thời, u Định gia hạnh, yếm hoạn thô động tâm, tâm sở cố, phát thắng kỳ nguyện giá tâm, tâm sở, linh tâm, tâm sở tiệm tế, tiệm vi, vi vi tâm thời, huân Di Thục Thức, thành cực tăng thượng yếm tâm đẳng chủng. Do thử tổn phục tâm đẳng chủng cố, thô động tâm đẳng tạm bất hiện hành. Y thử phần vi, giả lập nhị Định (Vô Tướng Định, Diệt Tận Định)*” (Khi tu Định, đối với các môn gia hạnh của Định, do chán ghét những tâm và Tâm Sở thô tháp, xáo động, bèn phát ước nguyện thù thắng để ngăn chặn những tâm và Tâm Sở [thô tháp, xáo động ấy], khiến cho tâm và Tâm Sở dần dần vi tế. Khi đạt đến vi vi tâm, huân tập Di Thục Thức (A Lại Da Thức), trở thành những cái tâm như Yếm (chán ghét) v.v... tột bậc tăng thượng. Do sự tổn giảm, chế phục những loại tâm như vậy, tâm thô tháp xáo động tạm thời chẳng hiện hành. Dựa trên phần vi ấy, giả lập hai món Định là Vô Tướng Định và Diệt Tận Định). Ngoại đạo tu Vô Tướng Định, khi tu gia hạnh đạo, do chán ngán tâm và Tâm Sở thô động, cho nên phát khởi nguyện vọng mạnh mẽ, vượt trội, nhằm ngăn chặn tâm và Tâm Sở (tương ứng với Tác Ý), dần dần khiến cho Tướng càng ngày càng vi tế cho đến khi tu đạt đến vi tâm, vi vi tâm (vi tâm và vi vi tâm chính là ý thức trong sát-na áp chót và sát-na cuối cùng trước khi nhập Vô Tướng Định). Vi vi tâm tương ứng với Yếm Tâm Sở, huân tập A Lại Da Thức, thành tựu Ý Thức và chủng tử như Yếm v.v... tột bậc tăng thượng. Chủng tử Yếm có tiềm năng tổn phục (tổn giảm, chế phục) Ý Thức và chủng tử của Tâm Sở tương ứng [với Ý Thức]; vì thế, Ý Thức và Tâm Sở tương ứng với nó sẽ tạm thời chẳng dậy lên hiện hành. Vô Tướng Định và Diệt Tận Định dựa trên phần vi của chủng tử Yếm tột bậc tăng thượng mà giả lập. Do vậy, nếu Vô Tướng Định và Diệt Tận Định lìa ngoài chủng tử Yếm, sẽ chẳng có một thật thể riêng biệt.

Sắc Giới có mười tám chỗ, tức là “*Phạm Chúng Thiên, Phạm Tiên Ích Thiên (Phạm Phụ Thiên), và Đại Phạm Thiên. Ba cõi này là do huân tu duyên, trung, thượng phẩm của môn Tình Lự đầu tiên [mà được sanh về đó]. Thiếu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, và Cực*

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

Tịnh Quang Thiên (Quang Âm Thiên), ba cõi này là do huân tu nhuỹn, trung, thượng phẩm của môn Tĩnh Lự thứ hai mà thành. Thiũ Tịnh Thiên, Vô Lợng Tịnh Thiên, và Biĩn Tịnh Thiên, ba cõi này là do huân tu nhuỹn, trung, thượng phẩm của môn Tĩnh Lự thứ ba mà thành. Vô Vĩn Thiên, Phước Sanh Thiên, và Quĩng Quả Thiên, ba cõi này là do huân tu nhuỹn, trung, thượng phẩm của môn Tĩnh Lự thứ tư. Vô Tường Thiên đợc gộp trong Quĩng Quả, chẳng có nơi chốn khác. Lại còn có năm chỗ Tịnh Cư Cung là nơi chư thánh ở (Ngũ Tịnh Cư Thiên), tức là Vô Phiĩn, Vô Nhiệt, Thiĩn Hiĩn, Thiĩn Kiĩn và Sắ Cừu Cánh, do huân tu xen lẫn nhuỹn, trung, thượng, thượng thắng, thượng cực phẩm của môn Tĩnh Lự thứ tư”. Huân tu thượng phẩm của môn Tĩnh Lự thứ tư, khi nghiệp lực chín muồi, sẽ cảm đợc Quĩng Quả Thiên thuộc Đệ Tứ Thiĩn Thiên. Tu Vô Tường Đĩnh, nghiệp lực chín muồi, cảm đợc Vô Tường Thiên. Vô Tường Thiên đợc gồm thâu trong Quĩng Quả Thiên.

Tu Vô Tường Đĩnh, chia đại lợc thành ba loại là “*hạ phẩm tu, trung phẩm tu, thượng phẩm tu*”, nghiệp lực chín muồi sẽ cảm đợc Vô Tường Thiên, cũng chia thành ba loại. Như Du Già Sư Đĩa Luận nói: “*Hĩy nên biết sự sai khác, đại lợc có ba loại: Một là hạ phẩm tu, hai là trung phẩm tu, ba là thượng phẩm tu. Nếu là hạ phẩm tu, đối với hiĩn pháp (pháp đã chứng nhập trong hiĩn tiĩn) mà bị thoái thắ, sẽ chẳng thể mau chóng khôi phục khiến cho nó hiĩn tiĩn. Nếu sanh vào Vô Tường Hĩu Tĩnh Thiên, đạt đợc y thân (cái thân để tâm thức nương vào) chẳng thanh tịnh cho lắm, oai quang rực rờ, hình sắc rộng lớn, như các thiên chúng khác, chắc chắn sẽ chết yũ. Nếu tu trung phẩm, tuy hiĩn pháp thoái thắ, vẫn có thể mau chóng khôi phục khiến cho nó hiĩn tiĩn. Nếu sanh vào Vô Tường Hĩu Tĩnh Thiên, cảm đợc y thân, tuy rất thanh tịnh, quang minh chói lợi, hình sắc rộng lớn, nhưng chẳng rớt ráo tới cực thanh tịnh. Tuy có trường hợp bị chết yũ, nhưng chẳng quyết đĩnh (chẳng phải là vị trời nào trong Vô Tường Đĩnh Thiên cũng sẽ chết yũ). Nếu tu thượng phẩm thì ấ chẳng có thoái thắ. Nếu sanh vào Vô Tường Hĩu Tĩnh Thiên, cảm đợc y thân hết sức thanh tịnh, oai quang chói lợi, hình sắc rộng lớn, lại là rớt ráo thanh tịnh, ấ chẳng bị chết yũ, thọ lợng viên mãn đến tột cùng, sau đó mới mất đi (hết thọ mạng)”*”.

Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu chung

Mục Lục

**001..... Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kế
Giảng Ký**

185..... Tịnh Độ Thập Nghi Luận Giảng Ký

383..... Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận Thích Yếu

**Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc**

“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”